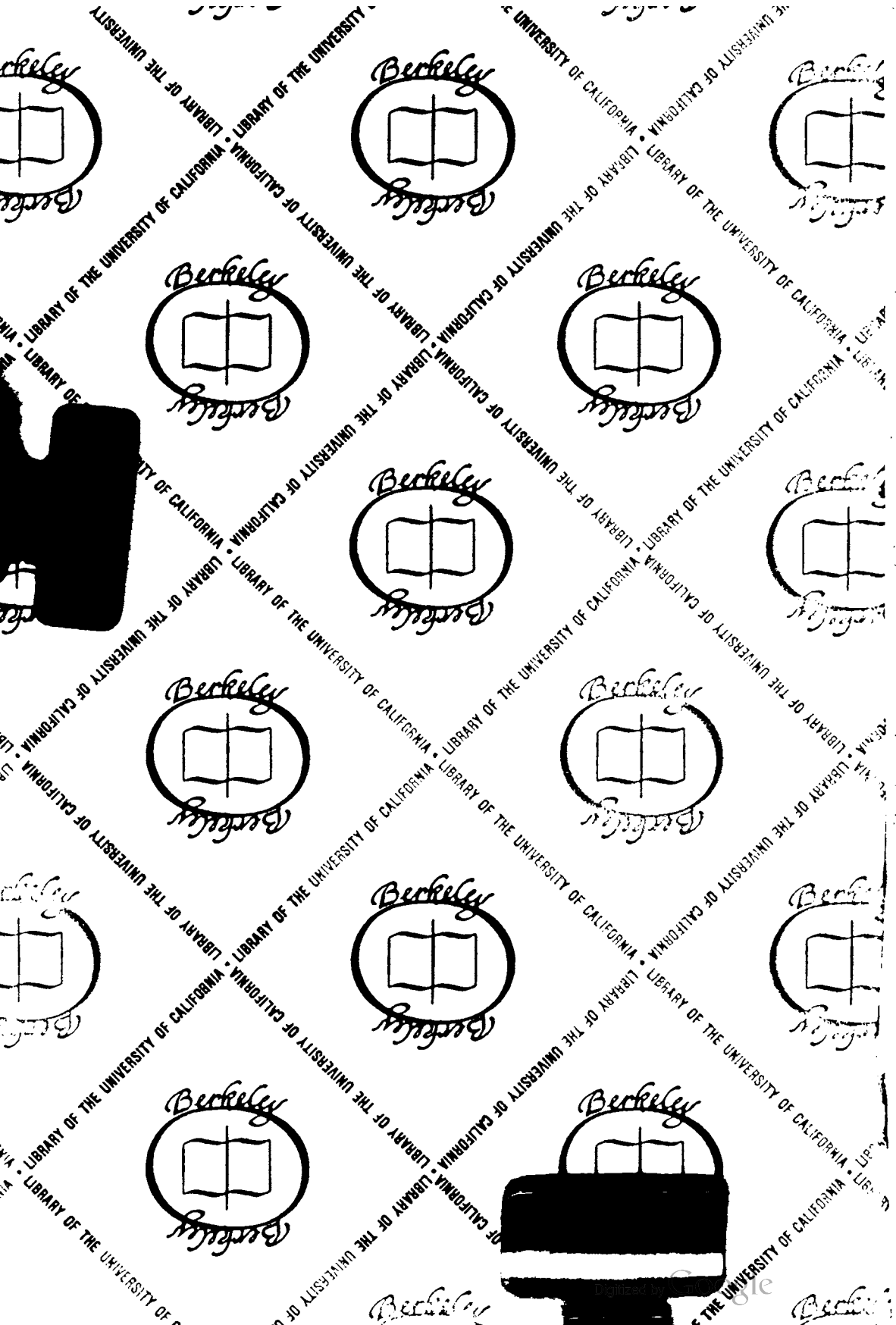
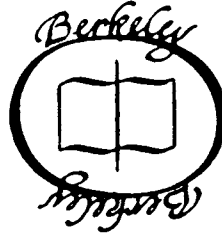
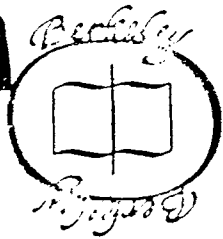
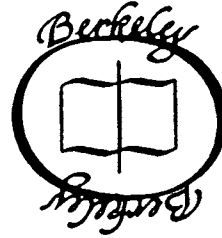
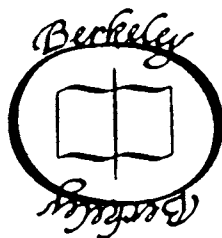
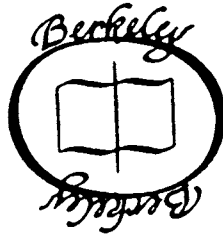
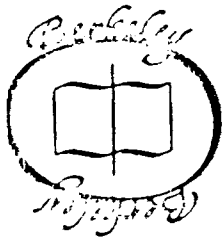
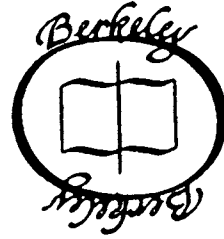
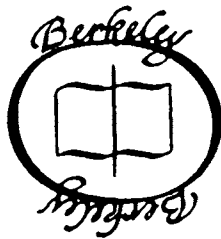
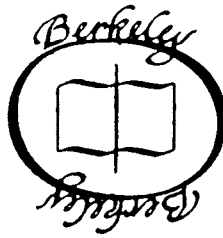
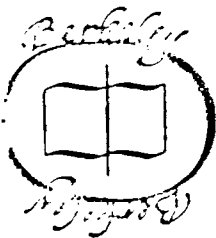
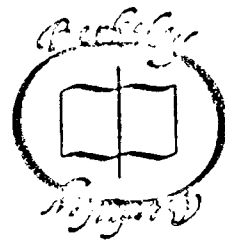
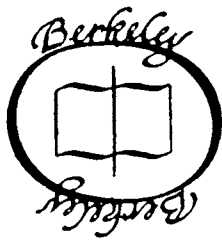






1982: 7.12

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT-NAM

MAIN/UC-B

7

7.1982



000000

TIẾN HÀNH TỐT ĐỢT SINH HOẠT CHÍNH TRỊ VỀ NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI V CỦA ĐẢNG

Dại hội toàn quốc thứ V của Đảng đã lòng kết thực tiễn cách mạng nước ta, chỉ ra những nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt-nam trong giai đoạn mới. Đại hội đã xác định phương hướng, nhiệm vụ và những mục tiêu, chủ yếu về kinh tế — xã hội của nước ta trong 5 năm 1981 — 1985 và những năm 80. Đại hội đã quyết định những chủ trương và biện pháp tăng cường sức chiến đấu của Đảng, năng lực quản lý của Nhà nước và vai trò làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Những văn kiện của Đại hội có ý nghĩa lớn về lý luận và thực tiễn, soi đường cho toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta tiếp tục phấn đấu tiến lên giành những thắng lợi mới trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Tổ chức cho toàn Đảng nghiên cứu các văn kiện của Đại hội để quán triệt và thực hiện các nghị quyết của Đại hội là một công tác rất quan trọng. Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội đã nói: « Sau Đại hội toàn quốc lần thứ V của Đảng, sẽ tiến hành **một đợt giáo dục chính trị** sâu sắc trong toàn Đảng, lấy việc nghiên cứu các văn kiện của Đại hội làm nội dung giáo dục cán bộ, đảng viên về đường lối, chính sách của Đảng, tiến hành tự phê bình và phê bình nghiêm túc, phê phán những tư tưởng sai lầm, nâng cao ý chí cách mạng và tinh thần trách nhiệm của người đảng viên cộng sản trước linh hình và nhiệm vụ mới » (1).

Chấp hành nghị quyết của Đại hội toàn quốc, Ban bí thư Trung ương Đảng đã quyết định tiến hành **một đợt sinh hoạt chính trị trong toàn Đảng** nhằm làm cho toàn thể cán bộ, đảng viên quán triệt sâu sắc nội dung các văn kiện của Đại hội và bản việc thực hiện nghị quyết của Đại hội.

Vừa qua, Bộ chính trị Trung ương Đảng và Hội đồng bộ trưởng đã cụ thể hóa một bước nghị quyết của Đại hội toàn quốc thành những quyết định của Bộ chính trị và Hội đồng bộ trưởng về một số công tác cấp bách trước mắt. Việc quán triệt và thực hiện các nghị quyết của Đại hội V cần gắn liền với việc quán triệt và thực hiện những quyết định của Bộ chính trị và Hội đồng bộ trưởng về những công tác ấy.



(1) Báo cáo chính trị tại Đại hội toàn quốc lần thứ V. Tạp chí Cộng sản, số 4-1982, tr. 84.

Đợt sinh hoạt chính trị này nhằm các yêu cầu sau đây.

— Làm cho cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý ở các cấp, các ngành nhận thức thống nhất và nhất trí cao với nội dung cơ bản các văn kiện của Đại hội, nắm vững tinh thần những quyết định của Bộ chính trị và Hội đồng bộ trưởng, phê phán những quan điểm sai lầm, trái với đường lối, chính sách của Đảng.

— Trên cơ sở đó, kiểm điểm sâu sắc tình hình phong trào ở địa phương, ở ngành, ở đơn vị cơ sở và kiểm điểm công tác lãnh đạo của tổ chức Đảng ở nơi đó, rút ra những bài học kinh nghiệm, tăng cường đoàn kết, nâng cao ý chí cách mạng kiên cường, tinh thần trách nhiệm và năng lực công tác của cán bộ, đảng viên.

— Đề ra được chương trình hành động thiết thực của địa phương, của ngành và của đơn vị cơ sở với những biện pháp có hiệu quả để giải quyết những vấn đề cấp bách trước mắt về kinh tế, xã hội, nhằm chấp hành thắng lợi các nghị quyết của Đại hội và những quyết định của Bộ chính trị và Hội đồng bộ trưởng, khắc phục bằng được những sai lầm, khuyết điểm.

Việc nghiên cứu các văn kiện của Đảng trong đợt sinh hoạt chính trị này không giống việc thảo luận các dự thảo văn kiện ở đại hội đợt một đảng bộ các cấp. Ở đại hội đợt một đảng bộ các cấp trước đây, đảng viên và đại biểu thảo luận các dự thảo văn kiện nhằm góp ý kiến xây dựng các văn kiện sẽ trình bày tại Đại hội toàn quốc của Đảng. Khi ấy, các đảng viên và đại biểu có quyền góp ý kiến bổ sung, thêm, bớt, hoặc sửa đổi nội dung của dự thảo văn kiện theo sự hiểu biết của mình để góp phần tích cực vào công việc chung của Đảng. Những dự thảo văn kiện ấy, sau khi được Đại hội đại biểu toàn quốc thảo luận, sửa chữa và nhất trí thông qua, đã trở thành nghị quyết của Đại hội. Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng là cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng. Nghị quyết của Đại hội phải được toàn Đảng thực hiện suốt và thực hiện nghiêm túc. Mọi cán bộ, đảng viên đều phải nói và làm theo đúng tinh thần nghị quyết của Đại hội. Đó là vấn đề thuộc về nguyên tắc tổ chức của Đảng.

Đợt sinh hoạt chính trị này nhằm làm cho cán bộ, đảng viên nhận thức thống nhất và nhất trí cao với nội dung cơ bản các văn kiện của Đại hội Đảng. Vì vậy, cần lập trung sức làm rõ những nội dung cơ bản trong các văn kiện, phân tích thêm những vấn đề mà trong đại hội đợt một chưa thảo luận kỹ, những vấn đề quan điểm có quan hệ đến những công tác cấp bách hiện nay, phê phán những tư tưởng sai lầm, trái với đường lối, chính sách của Đảng.

Cần khắc phục khuynh hướng coi nhẹ việc nghiên cứu các văn kiện Đại hội, cho rằng ở đại hội đợt một đảng bộ các cấp trước đây nội dung của các văn kiện đó đã được thảo luận rồi. Khuynh hướng này thể hiện thái độ không nghiêm túc trong việc nghiên cứu các nghị quyết của Đảng. Các văn kiện được Đại hội toàn quốc thông qua có những điểm sửa đổi và bổ sung quan trọng so với các bản dự thảo trước đây. Nếu không thấu hiểu nội dung các văn kiện đó sẽ không thể tổ chức tốt việc thực hiện các nghị quyết của Đại hội.

Trong đợt sinh hoạt chính trị này cần tổ chức cho cán bộ và đảng viên nghiên cứu để nắm vững nội dung các văn kiện của Đại hội, nắm vững quan điểm của Đại hội về các vấn đề: đường lối của Đảng, đánh giá cục diện cách mạng hiện nay, những nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt-nam trong giai đoạn mới.

Về đường lối, đó là sự khẳng định đường lối chung cách mạng xã hội chủ nghĩa và đường lối xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa do Đại hội IV đề ra là đúng đắn. Đề đẩy mạnh sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, cán bộ, đảng viên và nhân dân ta cần tiếp tục nắm vững và thực hiện đúng đường lối ấy của Đảng.

Về đánh giá cục diện cách mạng, đó là sự nhất trí về những thắng lợi, những thành tựu mà nhân dân ta đã đạt được trong mấy năm qua, thấy đúng thực trạng kinh tế — xã hội hiện nay của đất nước và những nguyên nhân khách quan, chủ quan của tình hình đó như đã nói trong các văn kiện của Đại hội.

Về nhiệm vụ, đó là sự nhận thức rõ hai nhiệm vụ chiến lược hiện nay của cách mạng : xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và sẵn sàng chiến đấu bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa ; nhận rõ xây dựng chủ nghĩa xã hội là nhiệm vụ hàng đầu, đồng thời thấy rõ cuộc đấu tranh không thể khoan nhượng chống chủ nghĩa bành trướng, bá quyền Trung-quốc và mối quan hệ chặt chẽ giữa hai nhiệm vụ chiến lược ấy ; hiểu rõ chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ; tỉnh táo gay gắt, phức tạp trên tất cả các mặt của cuộc đấu tranh giữa ta với địch và cuộc đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa ; nhất trí với bốn mục tiêu và những chính sách lớn, biện pháp lớn về kinh tế — xã hội, đặc biệt là những nội dung của công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa và văn đề đưa nông nghiệp một bước lên sản xuất lớn trong chặng đường trước mắt, những nhiệm vụ chủ yếu của kế hoạch 5 năm 1981 — 1985 và những vấn đề kinh tế cấp bách, nắm vững nội dung cơ chế Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý đã được cụ thể hóa một bước quan trọng trong các văn kiện của Đại hội, v.v.



Trải qua hơn nửa thế kỷ hoạt động, Đảng ta có truyền thống tốt đẹp là đội ngũ cán bộ, đảng viên luôn luôn có sự nhất trí cao trên các vấn đề về đường lối, quan điểm của Đảng, về đối nội cũng như đối ngoại ; một lòng tin tưởng vào sự lãnh đạo sáng suốt của Ban chấp hành trung ương Đảng.

Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm cơ bản ấy, trong một số cán bộ, đảng viên do thiếu phương pháp tư duy đúng đắn, khoa học, do không có hiểu biết sâu rộng về tình hình thực tế các mặt của đất nước hoặc do thiếu bản lĩnh vững vàng trước những khuyết điểm, vấp vấp, những khó khăn hiện tại, cho nên đang có những nhận thức không phù hợp với quan điểm của Đảng. Bởi vậy, trong đợt sinh hoạt chính trị này, cần thông qua việc nghiên cứu các văn kiện của Đại hội mà làm cho mọi cán bộ, đảng viên nâng cao nhận thức, khắc phục những tư tưởng sai trái, có sự nhất trí cao với những nội dung cơ bản đã nêu trong các văn kiện của Đại hội.

Trước hết, cần khắc phục những nhận thức mơ hồ không thấy hết tình hình gay gắt, phức tạp trên tất cả các mặt của cuộc đấu tranh giữa ta với địch và cuộc đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa ở nước ta hiện nay

Cần khắc phục cách nhìn phiến diện, thiếu khách quan, khoa học, thiếu quan điểm lịch sử, cụ thể như chỉ thấy thắng lợi về quân sự, chính trị, ngoại giao, đánh giá thấp, thậm chí phủ nhận những thành tựu về kinh tế - văn hóa mà nhân dân ta đã phải phấn đấu rất gian khổ mới giành được, không thấy mối liên hệ nhân quả tất yếu giữa những thắng lợi, những thành tựu ấy; hoặc chỉ nhấn mạnh một chiều những sai lầm, khuyết điểm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo mà không đánh giá đúng mức những khó khăn khách quan trong việc phân tích nguyên nhân của tình hình.

Hiện nay, các địa phương và cơ sở đang chuẩn bị đại hội đại biểu Đảng bộ các cấp. Đại sinh hoạt chính trị này cần góp phần tích cực vào việc chuẩn bị đó của các cấp ủy Đảng. Trên cơ sở nâng cao nhận thức về nội dung các văn kiện của Đại hội toàn quốc và tinh thần quyết định của Bộ chính trị, cán bộ, đảng viên cần góp ý kiến xác đáng vào báo cáo kiểm điểm công tác và dự kiến chương trình hành động của cấp ủy, của ngành mình, làm cơ sở cho việc chuẩn bị báo cáo tại đại hội đảng bộ đại hạt.

Để thực hiện nghị quyết Đại hội toàn quốc của Đảng, các cấp ủy không những phải quán triệt tinh thần nghị quyết Đại hội mà còn phải dành giờ đúng tình hình thực tế các mặt của ngành mình, địa phương mình, đơn vị mình và kiểm điểm sâu sắc những ưu điểm, khuyết điểm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đối với việc chấp hành đường lối, các nghị quyết của Đảng trong thời gian qua từ đó mà đề ra chương trình hành động một cách tích cực và vững chắc, trước hết nhằm thực hiện tốt nhất kế hoạch Nhà nước năm 1982.

Để thực hiện nghị quyết Đại hội toàn quốc của Đảng, cần phải có sự chuyển biến mạnh mẽ về phẩm chất và năng lực của đội ngũ cán bộ, đảng viên. Cán bộ, đảng viên có cố gắng phấn đấu, rèn luyện nâng cao phẩm chất và năng lực, quyết tâm sửa chữa những khuyết điểm, nhược điểm của mình thì mới có thể góp phần tích cực vào việc thực hiện nghị quyết của Đảng và nghị quyết của ngành mình, địa phương, đơn vị mình. Đại sinh hoạt chính trị này, kết hợp với việc tổng kết công tác phát huy Đảng, phải có tác dụng nâng cao phẩm chất và năng lực của cán bộ, đảng viên.

Trong đại sinh hoạt chính trị này, mỗi cán bộ, đảng viên cần đem ánh sáng Nghị quyết của Đại hội để soi chiếu lại quá trình công tác của mình trong 5 năm qua, tự kiểm điểm một cách nghiêm túc nhằm nâng cao phẩm chất cách mạng và năng lực công tác của mình. Nội dung kiểm điểm, như chỉ thị của Ban bí thư trung ương Đảng đã nói rõ, tập trung vào các vấn đề nhận thức về thời cuộc và về đường lối, chính sách của Đảng; quá trình thực hiện các nhiệm vụ công tác chính trong 5 năm qua; và những vấn đề về phẩm chất cách mạng cần rút theo yêu cầu về phẩm chất và năng lực đảng viên đã được nêu ra trong Báo cáo chính trị. Một mặt, từng cán bộ, đảng viên cần suy nghĩ, chuẩn bị kỹ, kiểm điểm một cách nghiêm túc và thiết thực theo những yêu cầu nói trên, nhất là những cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý cần nêu gương trong vấn đề này; mặt khác, các tổ chức Đảng cần chỉ ra cho cán bộ, đảng viên thấy rõ những sai lầm, khuyết điểm và giúp đỡ các đồng chí ấy có nhận thức đúng, có quyết tâm phấn đấu vươn lên nâng cao phẩm chất và năng lực của nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới. Nói chung, việc kiểm điểm tự phê bình và phê bình cá nhân cán bộ, đảng viên sẽ tiến hành ở các chi bộ gần liền.

(Xem tiếp trang 7)

Đồng chí Trường-Chinh:

«Phải ra sức phấn đấu tăng nguồn thu cho ngân sách Nhà nước, tiết kiệm những khoản chi tiêu không hợp lý hoặc chưa thật cấp bách...»

Ngày 1-7-1982, tại Nhà hát thành phố, đồng chí Trường-Chinh, Chủ tịch Hội đồng Nhà nước đã gặp và nói chuyện thân mật với đại biểu cử tri Hà-nội

Thưa các đồng chí và đồng bào thân mến,

Hội họp thứ 3 của Quốc hội khóa VII đã thành công tốt đẹp. Trong kỳ họp này, Quốc hội đã xem xét mấy vấn đề dưới đây:

— Tình hình xây dựng Bộ luật hình sự của nước ta.

— Công tác của Tòa án nhân dân tối cao và Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

— Dự toán ngân sách Nhà nước năm 1982.

— Tình hình làm Quốc ca mới.

— Bầu bổ sung thành viên của Hội đồng Nhà nước và bầu lại Chủ nhiệm của một số Ủy ban của Quốc hội.

Trọng tâm của chương trình kỳ họp là xem xét dự toán ngân

sách Nhà nước năm 1982. Sau khi nghe báo cáo và thảo luận sôi nổi, Quốc hội đã ra nghị quyết thông qua dự toán ngân sách Nhà nước năm 1982 do Hội đồng bộ trưởng trình bày và giao trách nhiệm cho Hội đồng bộ trưởng chỉ đạo chặt chẽ các ngành, các cấp, các đơn vị cơ sở hoàn thành và hoàn thành vượt mức những chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước và ngân sách Nhà nước năm 1982 đã được Quốc hội phê chuẩn.

Dự toán ngân sách Nhà nước là một bộ phận quan trọng của kế hoạch Nhà nước. Phương hướng phấn đấu đề thực hiện ngân sách Nhà nước năm 1982 gắn liền với những nhiệm vụ rất quan trọng và cấp bách trên mặt trận kinh tế hiện nay. Nhân dịp

này, tôi muốn nói rất vắn tắt với các vị đại biểu cử tri toàn thành phương hướng về ngân sách và chính sách tài chính của Nhà nước ta mà vừa qua Quốc hội đã cho ý kiến.

Phương hướng đó của chúng ta là phải ra sức phấn đấu tăng nguồn thu cho ngân sách Nhà nước, tiết kiệm những khoản chi tiêu không hợp lý hoặc chưa thật cấp bách, để bảo đảm được những nhu cầu chi dùng cần thiết của Nhà nước, khắc phục dần tình trạng bội chi và tiến tới thăng bằng thu chi ngân sách. Muốn đạt được mục tiêu ấy, phải làm tốt những việc dưới đây:

— Phải **đẩy mạnh sản xuất**, vì sản xuất là gốc của tài chính. Phải bảo đảm hoàn thành và phần đầu vượt kế hoạch sản xuất, nhất là kế hoạch sản xuất những sản phẩm chủ yếu của nền kinh tế quốc dân, những sản phẩm đáp ứng nhu cầu bức thiết của nhân dân và đem lại nguồn thu lớn cho ngân sách Nhà nước. Phát triển sản xuất phải đi đôi với nâng cao hiệu quả sản xuất và chất lượng sản phẩm; tiết kiệm được lao động, vật tư, tiền vốn, giảm được giá thành và phí lưu thông.

— **Tăng cường nắm nguồn hàng, nguồn tiền** vào tay Nhà nước. Xí nghiệp quốc doanh phải chấp hành nghiêm chỉnh chế độ giao nộp sản phẩm và các khoản thu ngân sách. Phải phát triển thương nghiệp xã hội chủ nghĩa,

đẩy mạnh công tác thu mua, tăng cường quản lý thị trường, kiên quyết chống ăn cắp, đầu cơ, buôn lậu, làm hàng giả và kinh doanh trái phép; làm tốt việc thu thuế và thu nợ, chống thất thu, bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ thu thuế công thương nghiệp, thuế nông nghiệp và các thứ thuế khác theo đúng chính sách.

— **Thực hiện phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm, Trung ương và địa phương cùng làm**, trong các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, giáo dục, nghệ thuật, y tế, thể dục thể thao... Triệt để tiết kiệm trong cả sản xuất, xây dựng và đời sống.

— Các ngành, các cấp, các đơn vị phải nghiêm chỉnh chấp hành chế độ quản lý tài chính thống nhất của Nhà nước.

Trong những việc trên đây, không những các cơ quan và xí nghiệp Nhà nước có trách nhiệm rất lớn mà bà con công nhân, nông dân, thợ thủ công, tiểu thương và tất cả mọi người dân đều có phần trách nhiệm quan trọng của mình, như: hăng hái phát triển sản xuất, thực hành tiết kiệm, tham gia xây dựng các công trình ở trung ương và địa phương, làm tròn nghĩa vụ bán sản phẩm, nộp thuế và trả nợ cho Nhà nước, chấp hành các chính sách về quản lý thị trường, đấu tranh chống các biểu hiện tiêu cực, vi phạm chính sách hoặc phạm pháp trong xã hội.



Đồng chí TRƯỜNG-CHINH

Làm tốt những việc trên đây thì chúng ta không những thực hiện được dự toán ngân sách Nhà nước năm 1982, mà còn tạo được những tiền đề thuận lợi để chuyển biến tình hình kinh tế, tài chính chung của đất nước.

Các đồng chí và đồng bào thân mến,

Hà-nội, thủ đô của cả nước, có trách nhiệm vươn lên hàng đầu trong các địa phương để thực hiện được những chuyển biến mới về kinh tế - xã hội trong giai đoạn hiện nay. Tôi

mong rằng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố sẽ truyền đạt tinh thần của kỳ họp Quốc hội vừa qua đến toàn thể nhân dân, có những biện pháp cụ thể và sáng tạo để tổ chức thực hiện xuất sắc những nhiệm vụ mà Đảng và Nhà nước đã đề ra.

Tôi thân ái chúc đồng bào thủ đô mạnh khỏe, hăng hái thi đua xã hội chủ nghĩa, góp phần hoàn thành thắng lợi kế hoạch Nhà nước và ngân sách Nhà nước năm 1982.

Xin cảm ơn các đồng chí và đồng bào!

Tiến hành tốt đợt sinh hoạt chính trị...

(Tiếp theo trang 4)

với việc tổng kết công tác phát thể Đảng và tiến hành đại hội đảng bộ cơ sở; những trường hợp xét thấy cần thiết thì tổ chức lấy ý kiến phê bình nhận xét của quần chúng. Riêng những cán bộ có liên quan đến yêu cầu chuẩn bị cho đại hội đợt hai đảng bộ các cấp sẽ tiến hành kiểm điểm tự phê bình trước theo sự chỉ đạo của các cấp ủy Đảng.



Nghị quyết Đại hội toàn quốc thứ V của Đảng là ánh sáng soi đường cho cách mạng Việt-nam trong giai đoạn mới. Muốn biến nghị quyết của Đại hội thành hiện thực trong đời sống, cần làm cho cán bộ, đảng viên nắm vững nội dung cơ bản của nghị quyết. Đợt sinh hoạt chính trị này nhằm làm cho toàn Đảng quán triệt nội dung các văn kiện của Đại hội và bản việc thực hiện nghị quyết của Đại hội. Nó có ý nghĩa rất quan trọng. Nó góp phần tăng cường sự đoàn kết nhất trí của Đảng trên cơ sở đường lối cách mạng và các quan điểm của Đảng. Kết hợp với việc tổng kết công tác phát thể Đảng và việc tiến hành đại hội đợt hai các cấp, nó góp phần tăng cường sức chiến đấu của Đảng, làm cho Đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ đội tiên phong của cách mạng Việt-nam trong giai đoạn mới. Các cấp ủy Đảng và toàn thể cán bộ, đảng viên cần thấy hết ý nghĩa quan trọng của đợt sinh hoạt chính trị này và nỗ lực phấn đấu bảo đảm đợt sinh hoạt chính trị này đạt kết quả tốt nhất.

THƯ CỦA G. ĐI-MI-TƠ-RỐP GỬI MAO-TRẠCH-ĐÔNG

NGÀY 22 THÁNG 12 NĂM 1943

VỀ TÌNH HÌNH NỘI BỘ ĐẢNG CỘNG SẢN TRUNG-QUỐC

LỜI BỐ BIÊN TẬP:

Ngày 22-12-1943, G. Đì-mi-tơ-rốp đã gửi cho Mao-Trạch-Đông một bức thư về tình hình nội bộ Đảng cộng sản Trung-quốc. G. Đì-mi-tơ-rốp là Tổng bí thư của Quốc tế cộng sản cho tới khi Quốc tế cộng sản tuyên bố tự giải thể tháng 5 năm 1943. Trong bức thư gửi Mao-Trạch-Đông, G. Đì-mi-tơ-rốp đã vạch rõ những sai lầm của Mao-Trạch-Đông trong việc phá hoại Đảng cộng sản Trung-quốc, phá hoại Mặt trận thống nhất dân tộc chống Nhật ở Trung-quốc, cũng như trong việc kích động làm ly chõng Liên-xô trong Đảng cộng sản Trung-quốc. Nhân dịp kỷ niệm lần thứ 100 Ngày sinh của G. Đì-mi-tơ-rốp chúng tôi công bố bức thư G. Đì-mi-tơ-rốp gửi Mao-Trạch-Đông để bạn đọc tham khảo.

Gửi Mao-Trạch-Đông (chỉ riêng Anh!)

1 - Về con trai Anh. Cháu đã được tôi bố trí vào học tại Học viện chính trị - quân sự. Sau khi tốt nghiệp, cháu sẽ có được những kiến thức vững chắc về chủ nghĩa Mác - Lênin và những vấn đề quân sự hiện đại. Cháu là một thanh niên có năng lực. Và tôi không nghĩ ngờ rằng cháu sẽ trở thành một trợ lý đắc lực và đáng tin cậy của Anh. Cháu gửi lời kính thăm Anh.

2 - Về những vấn đề mang tính chất chính trị. Dương nhiên là sau khi Quốc tế cộng sản tự giải thể thì không một ai trong số những người lãnh đạo trước đây của tổ chức này có thể can thiệp vào công việc nội bộ của các đảng cộng sản. Nhưng theo tinh thần tình bạn riêng, tôi không thể không nói đề Anh biết sự lo lắng của tôi về tình hình trong Đảng cộng sản Trung-quốc. Anh biết rằng kể từ năm 1935 tôi được thường

xuyên trực tiếp theo dõi sát các vấn đề về Trung-quốc. Trên cơ sở tất cả những gì tôi được biết, tôi cho rằng đường lối thu hẹp đấu tranh chống bọn xâm lược nước ngoài đang chiếm đóng Trung-quốc cũng như xu hướng ngày càng rõ rệt từ bỏ chính sách Mặt trận dân tộc thống nhất là những sai lầm về chính trị. Trong thời kỳ nhân dân Trung-quốc tiến hành cuộc chiến tranh mang tính chất dân tộc thì một đường lối như vậy đe dọa đặt Đảng vào thế bị cô lập với quần chúng nhân dân và có thể đưa cuộc nội chiến đến mức gay gắt nguy hiểm, điều mà chỉ có bọn chiếm đóng và tay sai của chúng trong Quốc dân đảng mong muốn. Tôi cho rằng chiến dịch đang được tiến hành chống lại Chu-Ấn-Lai và Vương-Minh bị buộc tội thì hành chính sách Mặt trận dân tộc do Quốc tế cộng sản đề ra và vì thế dường như đã đưa Đảng tới chỗ chia rẽ, là không đúng về mặt chính trị. Những người như



Chu-Ân-Lai và Vương-Minh không nên đẩy họ ra khỏi Đảng, mà cần phải giữ lại và bằng mọi cách sử dụng họ phục vụ cho sự nghiệp của Đảng. Tôi còn lo lắng là trong một bộ phận cán bộ Đảng còn có những tâm trạng không lành mạnh trong quan hệ với Liên-xô. Vai trò của Khang-Sinh cũng làm tôi nghi ngờ. Một biện pháp đúng đắn của Đảng như việc thanh lọc khỏi đảng những phần tử thù địch và củng cố Đảng, Khang-Sinh và bộ máy của ông ta lại thực hiện dưới những hình thức kỳ quái chỉ có thể gây ra sự ngờ vực lẫn nhau và đẩy lên sự phản nộ sâu sắc trong hàng ngũ quần chúng đảng viên, góp thêm phần vào những cố gắng của kẻ thù nhằm làm tan rã Đảng. Tháng 8 năm nay chứng tôi đã nhận được từ Trùng-khánh một thông báo hoàn toàn chính xác về việc bọn Quốc dân đảng quyết định cử những kẻ khiêu khích của mình đến Diên-an với mục đích gây xích mích giữa Anh với Vương-Minh và các nhà hoạt động

khác của Đảng và cũng là để gây ra một tâm trạng thù địch chống lại tất cả những người đã từng sống và học tập ở Mát-xcơ-va. Tôi đã kịp thời báo cho Anh biết ý đồ nham hiểm này của bọn Quốc dân đảng. Tâm tâm của bọn Quốc dân đảng là làm tan rã Đảng cộng sản từ bên trong để dễ bề thủ tiêu nó. Tôi không hề nghi ngờ gì là Khang-Sinh với những hoạt động của mình đang tiếp tay cho những kẻ khiêu khích này. Hãy tha thứ cho sự thẳng thắn trên tinh thần đồng chí này của tôi. Song, lòng kính trọng sâu sắc của tôi đối với Anh, và lòng tin tưởng vững chắc rằng với cương vị lãnh tụ của Đảng mà ai ai cũng thừa nhận, Anh quan tâm đến việc nhận biết các sự vật với đúng màu sắc của nó, đã cho phép tôi nói thẳng thắn như vậy. Đề nghị Anh trả lời tôi cũng bằng con đường mà tôi đã sử dụng để gửi lá thư này cho Anh. Siết chặt tay Anh!

D.

VỀ VIỆC KẾT HỢP BA BIỆN PHÁP TRONG QUẢN LÝ KINH TẾ

NGUYỄN-VĂN-TRÂN

QUẢN lý kinh tế đã và đang là đối tượng được quan tâm hàng đầu trong công tác lãnh đạo và chỉ đạo của Đảng và Nhà nước ta. Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương tại Đại hội toàn quốc thứ V của Đảng chỉ rõ: phải *«xác lập chế độ quản lý và kế hoạch hóa đúng đắn, đổi mới chế độ quản lý và kế hoạch hóa hiện hành. Xóa bỏ cơ chế quản lý hành chính quan liêu, bao cấp, khắc phục bằng được tình trạng trì trệ, bảo thủ, vô trách nhiệm, vô kỷ luật, phát huy động lực làm chủ tập thể, nâng cao tính năng động sáng tạo, tinh thần trách nhiệm và ý thức kỷ luật»* (1).

Quản lý kinh tế là tập ra các hình thức và phương pháp vận dụng có hiệu quả nhất các quy luật kinh tế, các hình thức và phương pháp có hiệu lực tổ chức và điều hòa phối hợp sự hoạt động của con người trong quá trình sản xuất, bồi dưỡng cho cán bộ quản lý ở tất cả các cấp có khả năng áp dụng tốt các hình thức, phương pháp và công cụ quản lý.

Sau khi đã vạch ra phương hướng chung về quản lý kinh tế, theo nghĩa rộng bao gồm cả việc xác định mục tiêu phát triển, cơ cấu kinh tế, tổ chức sản xuất, tổ chức quản lý, các chính sách kế hoạch hóa, các chính sách kinh tế đôn bầy, công tác cán bộ và các chủ trương cụ thể về quản lý, thì việc chọn các phương pháp quản

lý sát hợp với đặc điểm và điều kiện của từng giai đoạn, từng hoàn cảnh của mỗi địa phương, mỗi ngành kinh tế kỹ thuật là rất cần thiết và quan trọng.

Phương pháp quản lý là tập hợp các biện pháp tác động lên đối tượng quản lý để bảo đảm sự phối hợp nhịp nhàng các hoạt động của đối tượng quản lý trong quá trình đạt mục đích đặt ra trước, kích thích các lợi ích của đối tượng quản lý sao cho họ vì lợi ích của toàn xã hội và của bản thân mà quan tâm đến việc nâng cao hiệu quả sản xuất, tạo ra một động lực thúc đẩy sản xuất phát triển. Các biện pháp quản lý xét cho cùng đều nhằm vào con người. Các tập thể, cơ quan, các tổ chức sản xuất, xí nghiệp, trường học, công trường, v.v và ngay cả xã hội nữa cũng gồm những con người tập hợp lại theo những tiêu thức nào đấy. Do đó tác động vào tập thể, cơ quan, v.v. cũng là nhằm vào những con người cụ thể, phức tạp và phong phú, những thành viên trong các hệ thống xã hội — sản xuất. Bởi vậy cho nên phương pháp tác động lên những con người cụ thể ấy cũng phải rất khác nhau. Căn cứ vào những đặc điểm tác động lên con người trong quá trình quản lý, và nội dung của hoạt động quản lý, thông thường người ta tập

(1) Xem: tập chí Cộng sản, số 4-1982, tr. 48.

hợp các biện pháp quản lý lại thành ba nhóm: nhóm các biện pháp kinh tế, nhóm các biện pháp hành chính và nhóm các biện pháp xã hội — giáo dục. Các biện pháp quản lý đó được sử dụng đồng thời, không tách rời nhau. Hoạt động quản lý được thể hiện trước hết như là kết quả tổng hợp của các biện pháp tác động và của các phương tiện thực hiện các biện pháp ấy. Mặt khác mỗi nhóm các biện pháp lại có những đặc điểm riêng, có những hình thức thể hiện đặc thù và có phạm vi áp dụng nhất định.



Biện pháp kinh tế của quản lý là một loại biện pháp kích thích người lao động bằng lợi ích vật chất, tác động tới lợi ích vật chất của con người thông qua hệ thống các chính sách đòn bẩy làm cho sản xuất phát triển theo mục tiêu mà kế hoạch đã vạch ra. Các biện pháp kinh tế có một vị trí trung tâm trong các biện pháp quản lý. Sự lãnh đạo tập trung nền kinh tế đòi hỏi phải có một hệ thống các chỉ tiêu kế hoạch. Hệ thống các chỉ tiêu kế hoạch ấy thể hiện chính sách tập trung thống nhất trong việc giải quyết các nhiệm vụ kinh tế, quy định và bảo đảm nhịp độ phát triển kinh tế tối ưu, liên kết các lợi ích kinh tế. Các biện pháp kinh tế phải theo mục tiêu ấy mà tác động vào lợi ích vật chất của người lao động thông qua chế độ hạch toán kinh tế, các hệ thống kích thích vật chất: tiền lương, tiền thưởng, giá cả, tài chính, các hệ thống khuyến khích bằng vật chất khác như ngân hàng, tín dụng... Biện pháp kinh tế cho phép đối tượng quản lý tự lựa chọn hình thức, cách giải quyết vấn đề để đạt được mục tiêu kế hoạch đề ra.

Hạch toán kinh tế là một nguyên tắc quan trọng của quản lý kinh tế, nhất là đối với một nước như nước ta. Lê-nin đã chỉ rõ: « Trong một nước tiểu nông, trước hết các đồng chí phải bắc những chiếc cầu nhỏ vững chắc, đi xuyên qua chủ nghĩa tư bản Nhà nước, sang chủ nghĩa xã hội, không phải bằng cách trực tiếp dựa vào nhiệt tình, mà là với nhiệt tình do cuộc cách mạng vĩ đại gây ra, bằng cách kích thích hứng thú cá nhân, lợi ích cá nhân, bằng cách áp dụng nguyên tắc hạch toán kinh tế » (2). Hạch toán kinh tế là một nguyên tắc đồng thời cũng là một phương pháp quản lý kinh tế xã hội chủ nghĩa, trong đó sự lãnh đạo tập trung thống nhất thông qua kế hoạch Nhà nước được kết hợp chặt chẽ với việc phát huy tính chủ động sáng tạo của quần chúng thông qua sự vận dụng các quy luật kinh tế và các đòn bẩy kinh tế. Thực hiện nguyên tắc hạch toán kinh tế, Nhà nước trao cho các đơn vị sản xuất kinh doanh quyền tự chủ về tài chính và những quyền hạn cần thiết khác, đồng thời cũng đòi hỏi các đơn vị sản xuất kinh doanh phải hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trước Nhà nước.

Cần thực hiện việc kiểm soát bằng đồng tiền đối với mọi hoạt động sản xuất của từng đơn vị hạch toán. Hạch toán kinh tế có quá trình hình thành và phát triển phù hợp với từng giai đoạn phát triển kinh tế của đất nước, với cơ chế quản lý của Nhà nước đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của từng đơn vị hạch toán và với khả năng làm chủ của bản thân các đơn vị ấy. Trong những năm trước mắt cần đưa phần lớn các xí nghiệp quốc doanh và các đơn vị dự toán đi vào hạch toán kinh tế theo các hình thức thích hợp nhằm từng

(2) V.I. Lê-nin: *Bין về tổ chức và quản lý nền kinh tế xã hội chủ nghĩa*. Nxb Sự thật, Hà-nội, 1970, tr. 332.

bước khắc phục các khuyết tật trong công tác quản lý hiện nay.

Việc áp dụng các biện pháp kinh tế luôn luôn gắn liền với việc sử dụng các đòn bẩy kinh tế như giá cả, lợi nhuận, tín dụng, lãi suất, thu quốc doanh, các quỹ khuyến khích bằng vật chất, v.v., gắn liền với việc sử dụng các quy luật kinh tế. Nhận biết và sử dụng các quy luật kinh tế đến mức độ nào thì sẽ dẫn đến việc áp dụng các biện pháp kinh tế đến mức độ ấy. Trong các quy luật kinh tế, quan hệ hàng hóa - thị trường chiếm một vị trí quan trọng. Một thời gian dài trước đây, ta không biết sử dụng hoặc sử dụng không đúng đắn các biện pháp kinh tế để quản lý nền kinh tế quốc dân; điều đó chứng tỏ rằng ta đã coi nhẹ, hoặc không thấy được sự tồn tại của quan hệ hàng hóa - tiền tệ dưới chủ nghĩa xã hội, nhất là trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Nói như vậy không có nghĩa là trong xã hội xã hội chủ nghĩa, chỉ có quan hệ hàng hóa - tiền tệ tồn tại, và do đó về phương diện quản lý chỉ cần nhấn mạnh đến biện pháp kinh tế, thậm chí coi biện pháp kinh tế là duy nhất. Tuy nhiên, chúng ta phải coi trọng biện pháp kinh tế, tiếp tục ban hành kịp thời một số chính sách đòn bẩy nhằm khuyến khích tăng năng suất lao động, bảo đảm thông nhất ba lợi ích.

Một số vấn đề cần chú ý khi áp dụng biện pháp kinh tế là sự phân cấp trong quản lý và đào tạo cán bộ quản lý chuyên sâu. Như mọi người đều biết, nền kinh tế càng phát triển, sự phân công lao động càng trở nên sâu sắc thì mối quan hệ trong đời sống kinh tế càng thêm phức tạp, sự điều khiển nền kinh tế càng trở nên không đơn giản. Trong bối cảnh như thế mà tất cả mọi quyết định kinh tế đều được quyết định từ một trung tâm cấp cao thì rất khó mà đạt được hiệu quả tốt nhất. Mặt khác, điểm

xuất phát để sử dụng tốt nhất biện pháp kinh tế trong những tình huống cụ thể chính là sự kết hợp lợi ích kinh tế chung với lợi ích kinh tế của từng cơ sở, từng xí nghiệp, của mỗi người. Nhưng lợi ích kinh tế phải được gắn với trách nhiệm và quyền hạn. Các cơ sở sản xuất kinh doanh chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động kinh tế của đơn vị mình, họ phải được quyết định những vấn đề có liên quan đến trách nhiệm của họ. Bằng cách mạnh dạn phân cấp về quyền hạn và trách nhiệm, các cấp quản lý sẽ lựa chọn được hình thức và cách giải quyết vấn đề phát triển kinh tế tốt nhất phù hợp với từng điều kiện và hoàn cảnh cụ thể của mình. Đó chính là đặc điểm của biện pháp kinh tế. Với tinh thần ấy, cấp cao chỉ nên quyết định những vấn đề liên quan tới đường lối, chiến lược, sách lược kinh tế. Còn những vấn đề cụ thể có tính chất nghiệp vụ thì nên để cho những cấp thấp hơn quyết định. Những vấn đề liên quan trực tiếp đến sản xuất kinh doanh thì để cho cơ sở tự quyết định và chịu trách nhiệm trước Nhà nước về những quyết định ấy.

Việc phân cấp mạnh mẽ và mở rộng việc sử dụng các biện pháp kinh tế trong quản lý đòi hỏi cán bộ quản lý ở các cấp phải có trình độ hiểu biết khác trước. Trong trường hợp sử dụng rộng rãi biện pháp hành chính, các cơ quan cấp dưới chỉ là những người thi hành các quyết định. Còn ở đây các cơ quan cấp dưới không chỉ là người thực hiện, mà còn là người quyết định công việc và chịu trách nhiệm về những quyết định ấy. Người lãnh đạo của các cơ quan cấp dưới phải biết sử dụng quyền hạn được giao vì lợi ích của toàn xã hội, của chính cơ quan, xí nghiệp mình, vì lợi ích của mỗi thành viên trong đơn vị mình; phải biết tổ chức trong lĩnh vực thực tiễn; phải nắm vững các công cụ giá cả, tín dụng.

lợi nhuận, các quỹ khuyến khích bằng vật chất.v.v. để sử dụng cho đúng nhằm đem lại hiệu quả cao. Lê-nin đã nói: « Chúng ta phải hiểu rõ rằng muốn quản lý được tốt, thì ngoài cái tài thuyết phục, biết chiến thắng trong cuộc nội chiến, còn cần phải biết tổ chức trong lĩnh vực thực tiễn. Đó là nhiệm vụ khó khăn nhất, vì vàn đề là phải tổ chức theo phương thức mới, những cơ sở sâu xa nhất, những cơ sở kinh tế của đời sống của hàng chục và hàng chục triệu con người » (3). Người lãnh đạo ở các cấp phải được đào tạo, được chuẩn bị để thực hiện quyền hạn và trách nhiệm « khó khăn nhất » ấy



Biện pháp hành chính của quản lý. Các biện pháp hành chính giữ một vị trí đặc biệt trong hệ thống các biện pháp quản lý vì nó xuất phát từ ý nghĩa to lớn của các yếu tố tổ chức trong việc bảo đảm hoạt động có hiệu quả của hệ thống kinh tế ở bất cứ cấp nào.

Biện pháp hành chính đặc trưng cho cơ chế tác động hành chính của cơ quan quản lý đối với đối tượng quản lý. Nó bảo đảm tính tổ chức, tính kỷ luật và hiệu quả công tác của cơ quan quản lý. Đồng thời nó bảo đảm những quy định cần thiết trong sản xuất, làm cho các chỉ thị, mệnh lệnh, nghị quyết của các cơ quan lãnh đạo được thi hành. Chính những chỉ thị mệnh lệnh, nghị quyết ấy làm nhiệm vụ điều chỉnh hoạt động quản lý của hệ thống kinh tế. Nó bảo đảm cho bộ máy quản lý và tất cả các yếu tố của hệ thống sản xuất hoạt động có hướng đích, có kế hoạch, có phối hợp chặt chẽ, có hiệu quả.

Khác với biện pháp kinh tế tác động gián tiếp lên đối tượng quản lý thông qua các lợi ích vật chất của từng người, từng tập thể, biện pháp

hành chính mang tính chất pháp lệnh, cưỡng bức, tác động trực tiếp đến hành vi của đối tượng quản lý. Quản lý bằng biện pháp hành chính là quản lý bằng pháp luật, dùng pháp luật để định hướng, điều chỉnh và kiểm tra hành vi của người quản lý và đối tượng quản lý. Người quản lý có quyền quyết định và ra lệnh. Người bị quản lý phải tuân theo mệnh lệnh của cấp trên. Mỗi cán bộ quản lý, mỗi cấp quản lý phải biết sử dụng quyền hạn của mình và có trách nhiệm tương xứng với quyền hạn ấy. Một người, khi biết rõ mình có quyền đưa ra một quyết định và phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về quyết định ấy thì họ sẽ làm chủ thật sự, họ không nói những điều sáo rỗng chung chung mà buộc phải luôn luôn quan tâm lo lắng đến công việc được giao. Nếu chỉ có quyền hạn mà không có trách nhiệm thì đó là môi trường tốt để nuôi dưỡng tư tưởng và hành động quan liêu. Nhưng chỉ có trách nhiệm mà không có quyền hạn thì cũng dẫn đến tình trạng quan liêu hóa, bởi vì không ai muốn gánh lấy trách nhiệm khi biết mình không có quyền hạn.

Nếu không có biện pháp hành chính thì không thể nào quản lý được nền kinh tế xã hội chủ nghĩa. Ngay từ thời kỳ đầu xây dựng kinh tế, Nhà nước ta đã sử dụng các biện pháp hành chính để quản lý thống nhất nền kinh tế quốc dân. Nền kinh tế nước ta được tổ chức theo một kế hoạch thống nhất đã đem lại những kết quả tích cực phục vụ đặc lực cho chiến tranh cứu nước.

Trong điều kiện những biện pháp hành chính không có căn cứ kinh tế vững chắc, quyền hạn không kèm theo trách nhiệm thì bệnh hành

(3) V.I Lê-nin: *Bàn về tổ chức và quản lý nền kinh tế xã hội chủ nghĩa*. Nxb Sự thật, Hà-nội, 1970, tr. 52.

chính quan liêu sẽ phát triển và ngày càng nghiêm trọng. Nhiều quyết định không được chấp hành hoặc chấp hành không nghiêm chỉnh, chẳng những là do kỷ luật lỏng lẻo, ý thức tổ chức kém mà còn vì không có người chịu trách nhiệm về những quyết định ấy, không kiểm tra việc thực hiện các quyết định ấy. Trao quyền, mở rộng quyền hạn cho cấp dưới, cho những cán bộ quản lý cấp dưới chính là một biện pháp nhằm khắc phục bệnh quan liêu hiện đang tồn tại trong chúng ta. Nhưng mặt khác, khi trao quyền và mở rộng quyền hạn cho cấp dưới thì đồng thời cũng phải bảo đảm những điều kiện cần thiết để quyền hạn đó được thực hiện. Khi không cần thiết, khi mà cấp dưới hoàn toàn có thể tự quyết định được và tự quyết định là có lợi nhất thì cấp trên không nên can thiệp vào. Đó cũng chính là một trong những yêu cầu của phân cấp quản lý. Trao quyền cho cấp dưới không có nghĩa là cấp dưới muốn làm gì thì làm một cách tùy tiện. Trái lại, bất cứ cấp quản lý nào cũng phải tuân theo pháp luật và kỷ luật của Nhà nước. Nền kinh tế xã hội chủ nghĩa được quản lý theo nguyên tắc *tập trung dân chủ*. Các mệnh lệnh quan trọng nhất phải được phát ra từ một trung tâm thống nhất.



Biện pháp xã hội — giáo dục.

Trong một tổ chức sản xuất, bên cạnh hệ thống « con người — máy móc » còn có hệ thống « con người — con người ». Quản lý sản xuất, quản lý kinh tế trước hết là quản lý con người, điều chỉnh các quan hệ giữa các cá nhân với nhau. Nếu chỉ thiên về các biện pháp hành chính, chỉ thực hành chuyên chính, chỉ dùng cường bức thì không thể được. Bởi lẽ, trong xã hội xã hội chủ nghĩa mỗi một đơn vị sản xuất tồn tại không những với tư cách là một mắt xích

của nền sản xuất xã hội mà còn là một nhân tố phát triển xã hội — chính trị, vì rằng chính nơi đây người công nhân sẽ được giáo dục, bồi dưỡng về mặt chính trị, tư tưởng, nhân sinh quan của họ sẽ được hoàn thiện. Hoạt động chính trị và giáo dục tư tưởng là một mặt rất quan trọng trong công tác của cơ quan quản lý. Biện pháp giáo dục chính trị tư tưởng tác động vào ý thức tư tưởng của người lao động, vào tâm lý, tình cảm của họ, nhằm tạo ra trong họ một nhận thức mới, một hệ tư tưởng mới, nhân sinh quan mới, phù hợp với nền sản xuất mới xã hội chủ nghĩa.

Biện pháp giáo dục một mặt dựa trên việc sử dụng các tác nhân kích thích tinh thần và đạo đức nhằm tăng cường tình cảm yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội của người lao động, điều chỉnh các quan hệ đoàn đội, khuyến khích về mặt đạo đức tinh tích cực xã hội và tinh tích cực lao động của tập thể và của cá nhân để đạt được năng suất lao động cao, hiệu quả sản xuất lớn. Các biện pháp thuộc loại này gồm có phê bình và tự phê bình, tuyên truyền trên báo chí, trao đổi kinh nghiệm, thanh tra nhân dân v.v.

Mặt khác, biện pháp giáo dục còn dựa vào tâm trạng, cảm xúc của con người. Đó là những biện pháp tâm lý. Việc khuyến khích dùng dần bằng vật chất và tinh thần, sẽ tạo ra tâm lý thuận lợi cho công tác quản lý, sẽ cổ vũ mọi người nâng cao hiệu quả và chất lượng công tác. Thường, phát công minh, kịp thời sẽ tác động tốt đến đối tượng quản lý. Việc kết hợp đúng đắn ba lợi ích, sự phù hợp của từng người với công tác được giao, sự hợp nhau về tính cách của mọi người trong một tập thể mà ta thường gọi là é kip v.v. đều có ảnh hưởng tốt đến tâm lý của đối tượng quản lý. Điều kiện sản xuất, sinh hoạt, việc tổ chức tốt nhà trẻ, lớp mẫu giáo, v.v.

cũng có ảnh hưởng không nhỏ tới năng suất lao động, hiệu suất công tác của người lao động.

Việc nâng cao trình độ văn hóa chung của mọi thành viên trong xã hội là một biện pháp rất cơ bản trong các biện pháp xã hội — giáo dục.



Ba loại biện pháp quản lý hợp thành một thể thống nhất, không phủ định lẫn nhau mà bổ sung cho nhau, tạo nên một sức mạnh tổng hợp tác động vào tất cả các khía cạnh của công tác quản lý, vào từng người lao động và tập thể những người lao động, vào cả chủ thể và khách thể quản lý. Thực tế, không một biện pháp quản lý nào tác động một cách độc lập, và không một biện pháp nào lại không chứa đựng những nhân tố của những biện pháp khác.

Biện pháp kinh tế đòi hỏi phải áp dụng các đòn bẩy kinh tế. Nhưng bản thân các đòn bẩy kinh tế ấy chỉ được đem áp dụng khi nó được biểu hiện dưới dạng các chỉ thị, nghị quyết, bằng hướng dẫn, v.v. được thông qua bằng con đường hành chính, tức là bằng chế độ quản lý Nhà nước. Bên cạnh đó, các chỉ thị, nghị quyết, các mệnh lệnh, quy chế, v.v. của các cơ quan quản lý khi biểu hiện dưới các hình thức, các biện pháp hành chính, các luật lệ quản lý, đều được xây dựng trên cơ sở các luận cứ kinh tế, đều có chứa đựng các nội dung kinh tế, chế định các quan hệ kinh tế và là cơ chế để thực hiện các biện pháp kinh tế.

Hiện nay chúng ta đang phản đối và kiên quyết xóa bỏ tận gốc rễ lối quản lý hành chính quan liêu bao cấp — một thứ xa lạ với phương thức quản lý kinh tế xã hội chủ nghĩa. Nhưng quản lý mà không có pháp luật tức là không áp dụng biện pháp hành chính, thì không thể có nền kinh

tế được chỉ đạo tập trung và phát triển có kế hoạch, và không thể xây dựng được một nền kinh tế quốc dân thống nhất.

Nước ta đang ở chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Nền kinh tế còn nhiều thành phần khác nhau: xã hội chủ nghĩa và phi xã hội chủ nghĩa. Người lao động có trong mình cả những ý nghĩ và tư tưởng xã hội chủ nghĩa và phi xã hội chủ nghĩa. Ý thức làm chủ và năng lực làm chủ có nơi, có lúc còn chưa cao, do đó hiệu quả quản lý còn thấp. Trình độ văn hóa chung của nhân dân lao động chưa cao. Các tàn dư của chế độ cũ, các tư tưởng phi vô sản còn tồn tại. Để tiến lên xây dựng nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, chúng ta một mặt phải ra sức phát triển sản xuất, xây dựng lực lượng sản xuất mới; mặt khác phải đẩy mạnh giáo dục nâng cao trình độ văn hóa chung của nhân dân lao động, đồng thời tiến hành cách mạng khoa học kỹ thuật. Trong bối cảnh như vậy ba loại biện pháp quản lý đồng thời phải được áp dụng. Tuy nhiên ở mỗi giai đoạn phát triển kinh tế, ở mỗi cấp quản lý, mối quan hệ giữa các biện pháp ấy có sự thay đổi. Vấn đề cần nhắc chọn tỷ lệ thích đáng giữa các loại biện pháp quản lý có một ý nghĩa cực kỳ to lớn, và phần nào có tính chất quyết định đối với sự thành bại của phương thức quản lý. Nếu chọn tỷ lệ không đúng thì sẽ dẫn đến tình trạng làm giảm bớt tác dụng của động lực, thậm chí triệt tiêu động lực, làm tê liệt nền kinh tế, phá hoại sức sản xuất, hạn chế mặt tích cực của quan hệ sản xuất tiên tiến. Việc lựa chọn và kết hợp các biện pháp quản lý khác nhau thể hiện nghệ thuật quản lý của người lãnh đạo.

Về thực chất mối quan hệ giữa các biện pháp kinh tế và các biện pháp hành chính là mối quan hệ giữa tập

trung và phân cấp. Tập trung hóa tức là tích tụ quyền hành về cấp trên, ở cơ quan quản lý cấp cao. Còn phân cấp tức là chuyển giao một số chức năng, quyền hạn cho các cơ quan quản lý cấp dưới. Như vậy là tập trung và phân cấp là sự phân chia quyền hạn và trách nhiệm ở các cấp khác nhau. Ở cấp quản lý trung ương, các quyết định được đưa chủ yếu bằng biện pháp hành chính, mang tính chất pháp lệnh, bắt buộc, gắn liền với lợi ích của toàn bộ đất nước, của xã hội; còn càng xuống thấp hơn, xuống cơ sở, lý trọng các quyết định mang tính chất hành chính càng giảm đi, còn lý trọng các quyết định mang tính chất kinh tế tăng lên. Ở cấp cơ sở, trong khuôn khổ các quy định hành chính, các biện pháp kinh tế phải được vận dụng tối đa; người lãnh đạo phải được quyền tự lựa chọn lấy một phương án tốt nhất trong rất nhiều phương án hành động. Khi đó họ sẽ có trách nhiệm cao nhất.

Sự tập trung và phân chia quyền hạn và trách nhiệm đến đâu là còn phụ thuộc vào trình độ phát triển của kinh tế, của lực lượng sản xuất, vào trình độ quản lý của các cấp. Trong khi người lao động còn chưa rèn luyện được tác phong làm việc có tổ chức, có kỷ luật, chưa khắc phục được tính tự do lãn mạn, chưa biết sử dụng quyền làm chủ một cách đúng đắn, tính tự giác lao động còn chưa cao, thói lười biếng còn tồn tại thì mặt cường bức của biện pháp hành chính còn có tác dụng rất tích cực. Trong lúc chưa có một cơ sở vật chất kỹ thuật vững chắc, nền kinh tế còn chưa phát triển, của cải vật chất còn chưa dồi dào, khả năng tự quản lý của cấp dưới chưa được mở rộng, chưa có sự bảo đảm chắc chắn để những quyền hạn phân cho cấp dưới được thực hiện, chưa xây dựng được các định mức kinh tế - kỹ thuật cân bằng và ổn định, thì các biện pháp kinh tế chưa phải đã phát huy hết các

mặt tích cực của nó, mà có khi còn gây phản tác dụng đối với việc hình thành con người mới. Không thể chỉ dùng đòn bẩy kinh tế, dùng các chính sách khuyến khích bằng vật chất và tinh thần mà có thể thúc đẩy được sản xuất phát triển. Cần phải làm cho người lao động giác ngộ về quyền hạn và trách nhiệm của mình đối với lao động, với sản xuất. Trông điều kiện kinh tế có khó khăn, quản lý có sai sót thì ý thức giác ngộ cao của người lao động đối với vận mệnh của Tổ quốc có ý nghĩa rất quan trọng. Đó chính là mục tiêu của biện pháp giáo dục.

Những sai sót của chúng ta trong công tác quản lý cơ bản là do chưa kết hợp đúng đắn ba biện pháp hành chính, kinh tế và giáo dục, có phần còn do chúng ta hiểu và sử dụng chưa đúng từng biện pháp quản lý. Do hoàn cảnh khác nghiệt của chiến tranh, cần phải tập trung cao độ mọi tiềm lực để giành thắng lợi, chúng ta chưa thể chú ý đầy đủ đến tất cả các lợi ích trong thực tiễn quản lý kinh tế. Chủ yếu là dùng mệnh lệnh để chỉ đạo, mong muốn đạt kết quả với bất cứ giá nào. Ngay cả pháp luật trong quản lý cũng bị buông lỏng. Từ đó nảy sinh quan niệm cho rằng dùng biện pháp hành chính là dùng mệnh lệnh để quản lý, còn dùng biện pháp kinh tế là chỉ chú ý đến lợi ích kinh tế. Sự tách biệt máy móc này dẫn đến hậu quả tai hại là: phạm những cái gì được coi là mệnh lệnh, thì không cần tính toán về mặt kinh tế; còn những cái gì liên quan đến lợi ích kinh tế, thì chỉ chú ý đến việc khuyến khích bằng vật chất chứ không cần phải theo một quy tắc, luật lệ nào cả, ai muốn làm gì thì làm. Và trong khi chống cách làm ăn phi kinh tế thì người ta cũng đòi bỏ luôn biện pháp hành chính. Chúng ta chỉ chống bệnh hành chính quan liêu, muốn thâu tóm mọi quyền hành, muốn nắm tất

(Xem tiếp trang 23)

Tạo một chuyển biến lớn về xuất khẩu

LÊ - KHẮC

TRONG thời đại ngày nay, việc quốc tế hóa sinh hoạt kinh tế là một tất yếu khách quan bắt nguồn từ những khác biệt về địa lý tự nhiên giữa các nước, từ sự phát triển không đồng đều của lực lượng sản xuất, từ sự xã hội hóa sản xuất vượt ra ngoài phạm vi một nước, lao động xã hội không những được phân công trong phạm vi một nước mà còn được phân công trong phạm vi quốc tế. Vì vậy, muốn phát triển nhanh và mạnh nền kinh tế và khoa học kỹ thuật, bất kỳ nước nào cũng phải tham gia dưới hình thức này hay hình thức khác sự phân công lao động quốc tế. Đối với nước ta, vấn đề này đã trở thành một vấn đề rất quan trọng và bức thiết.

Trong giai đoạn hiện nay và cả một thời gian dài, nhân dân ta vẫn phải tiếp tục tiến hành đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội; sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Để thực hiện các nhiệm vụ chiến lược nói trên, cần phát triển ngoại thương, mở rộng quan hệ kinh tế với nước ngoài.

Việc mở rộng trao đổi hàng hóa và hợp tác kinh tế với nước ngoài, trước hết với Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác trong Hội đồng

tương trợ kinh tế tạo điều kiện cho chúng ta nhập khẩu thiết bị toàn bộ, máy móc, nguyên liệu, vật tư kỹ thuật mà trong nước chưa sản xuất được hoặc sản xuất chưa đủ, sử dụng có hiệu quả những thành tựu khoa học kỹ thuật hiện đại, những lợi thế của sự phân công lao động quốc tế, khai thác có hiệu quả đất đai, lao động, tài nguyên thiên nhiên của đất nước; trên cơ sở đó, góp phần nâng cao hiệu quả của sản xuất và lao động trong nước, cải biến cơ cấu kinh tế, xây dựng và phát triển nền nông nghiệp và công nghiệp hiện đại, thực hiện công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa nước nhà.

Vì vậy, đối với nước ta, phát triển ngoại thương, mở rộng quan hệ kinh tế với nước ngoài là một nhiệm vụ chiến lược vừa cấp bách, vừa lâu dài.

Để mở rộng trao đổi hàng hóa và hợp tác kinh tế với nước ngoài, vấn đề then chốt là đẩy mạnh xuất khẩu.

Đẩy mạnh xuất khẩu, trước hết nhằm tạo ra nguồn ngoại tệ cần thiết để đáp ứng các nhu cầu nhập khẩu ngày một tăng của các ngành, các địa phương về nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư kỹ thuật, máy móc, thiết bị toàn bộ, hàng tiêu dùng thiết yếu để phát triển sản xuất, xây dựng và phát triển kinh tế, ổn định và nâng cao đời sống của nhân dân và để trang

trái các khoản chi bằng ngoại tệ của Nhà nước.

Xuất khẩu và nhập khẩu tác động mạnh mẽ và trực tiếp đến sản xuất và đến nhịp độ tăng tổng sản phẩm xã hội và thu nhập quốc dân. Qua việc mở rộng thị trường ra nước ngoài, xuất khẩu tạo điều kiện cho các ngành, các địa phương, các cơ sở sản xuất mở rộng quy mô theo hướng sản xuất lớn, đồng thời cải tiến kỹ thuật, nâng cao chất lượng hàng hóa, hạ giá thành sản phẩm. Vì vậy, xuất khẩu có tác dụng thúc đẩy quá trình chuyên môn hóa và hợp tác hóa sản xuất, góp phần cải biến cơ cấu của nền kinh tế.

Xuất khẩu còn tạo điều kiện mở rộng việc hợp tác kinh tế với nước ngoài, gắn sản xuất trong nước với thị trường nước ngoài, gắn kinh tế nước ta với kinh tế thế giới, trước hết với Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác thuộc Hội đồng tương trợ kinh tế; đó là điều kiện không thể thiếu được để khai thác có hiệu quả nhất tiềm năng kinh tế của đất nước. Vì vậy, trong toàn bộ hoạt động kinh tế, xuất khẩu đã trở thành một nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược của toàn Đảng, toàn dân ta.

Thực tiễn những năm qua chỉ rõ hoạt động xuất khẩu và nhập khẩu đã tác động sâu sắc đến nền kinh tế. Nhịp độ phát triển của nhiều ngành, địa phương, cơ sở sản xuất, cũng như đời sống của nhân dân phụ thuộc một phần quan trọng vào khả năng nhập khẩu, nhất là về nguyên liệu, năng lượng, vật tư kỹ thuật, phương tiện vận tải, máy móc và phụ tùng, hàng tiêu dùng thiết yếu, v.v. Nhưng nhập khẩu lại phụ thuộc vào nguồn ngoại tệ của Nhà nước, trong đó chủ yếu do xuất khẩu mang lại. Vì vậy, để cân đối nhu cầu nhập khẩu của nền kinh tế, bảo đảm các khoản chi về ngoại tệ của Nhà nước, hoàn trả đúng thời hạn các khoản vay nợ nước ngoài,

không có biện pháp nào khác là đẩy mạnh xuất khẩu, tăng nhanh kim ngạch xuất khẩu.

Trong thời gian qua, thực hiện chủ trương tăng nhanh nguồn hàng và kim ngạch xuất khẩu, ngành ngoại thương cùng với một số ngành, địa phương, cơ sở sản xuất đã có nhiều cố gắng đẩy mạnh xuất khẩu. Xuất khẩu đã có tác dụng tích cực đối với sản xuất và đời sống. Nhưng nhìn chung, quy mô xuất khẩu còn nhỏ bé, chưa tương xứng với tiềm năng của nền kinh tế, chưa đáp ứng yêu cầu về nhập khẩu, mở rộng ngoại thương và các quan hệ kinh tế với nước ngoài. Nhịp độ phát triển hàng xuất khẩu rất chậm, thậm chí có năm hầu như giảm chần tại chỗ, xuất khẩu bình quân đầu người rất thấp so với các nước xã hội chủ nghĩa khác trong Hội đồng tương trợ kinh tế. Cơ cấu hàng xuất khẩu chưa hấp dẫn và chậm được cải tiến. Cân cân giữa xuất khẩu và nhập khẩu còn mất cân đối nghiêm trọng.

Tình hình xuất khẩu còn kém và trì trệ nói trên chủ yếu do những nguyên nhân sau:

1 - Tư tưởng ý lại vào bên ngoài còn nặng, thêm vào đó, cơ chế quản lý hành chính, quan liêu, bao cấp, nhất là trong công tác kế hoạch hóa, đã không buộc các ngành, các địa phương muốn nhập khẩu thì phải xuất khẩu. Do đó nhiều ngành, nhiều địa phương, nhiều đơn vị sản xuất chưa thấy rõ xuất khẩu là nghĩa vụ và lợi ích, chưa quan tâm đến việc đẩy mạnh sản xuất, thu mua, giao nộp hàng xuất khẩu, chưa chú trọng cân đối giữa nhu cầu nhập khẩu và khả năng xuất khẩu của mình.

2 - Các chính sách và biện pháp khuyến khích sản xuất hàng xuất khẩu chậm được ban hành. Trong nhiều năm, chính sách giá cả thu mua hàng xuất khẩu đã không khuyến khích phát triển hàng xuất khẩu. Xuất khẩu

đòi hỏi mặt hàng chọn lọc, có chất lượng cao, có sức cạnh tranh trên thị trường thế giới; nhưng giữa giá hàng xuất khẩu và giá hàng cùng loại tiêu dùng ở trong nước, không có sự chênh lệch thích đáng — chính sách giá cả đó không khuyến khích sản xuất hàng xuất khẩu. Tỷ giá kết toán nội bộ và chế độ trợ cấp bù lỗ hàng xuất khẩu cũng chưa được sửa đổi.

Việc cung ứng lương thực cho người sản xuất hàng xuất khẩu, nhất là nông sản xuất khẩu, cũng như việc cung ứng nguyên liệu, vật liệu cho cơ sở sản xuất hàng xuất khẩu không đầy đủ và kịp thời cũng là một trở ngại lớn cho việc phát triển hàng xuất khẩu.

Từ đầu năm 1980, Hội đồng chính phủ đã ban hành và bổ sung một loạt chính sách và biện pháp nhằm phát triển sản xuất hàng xuất khẩu bao gồm các chính sách đầu tư để phát triển sản xuất hàng xuất khẩu, cung ứng nguyên liệu và vật tư cần thiết cho các cơ sở sản xuất hàng xuất khẩu, chính sách lương thực đối với các hợp tác xã sản xuất hàng xuất khẩu, chế độ cho vay ngoại tệ để phát triển sản xuất hàng xuất khẩu, chính sách bán tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng thiết yếu cho người sản xuất hàng xuất khẩu, chính sách giá thu mua khuyến khích đối với các sản phẩm xuất khẩu, chính sách thương mại khuyến khích đối với hàng xuất khẩu, đặc biệt, quyền sử dụng ngoại tệ để nhập khẩu những tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng thiết yếu.

Các chính sách nói trên mới phát huy được tác dụng bước đầu.

3 — Công tác tổ chức xuất khẩu còn nhiều mặt yếu và có nhiều thiếu sót.

Trong những năm chiến tranh chống Mỹ, cứu nước (1965 — 1975), nhiệm vụ chủ yếu của ngành ngoại thương là tranh thủ sự viện trợ quốc tế, cụ thể là tiếp nhận và phân phối

hàng nhập khẩu, còn nhiệm vụ trao đổi hàng hóa với nước ngoài chỉ làm trong một phạm vi nhỏ hẹp. Do đó, việc tìm hiểu thị trường nước ngoài để mở rộng xuất khẩu và nhập khẩu, cũng như tác động vào sản xuất trong nước, nhất là nông nghiệp, công nghiệp nhẹ và thủ công nghiệp để phát triển sản xuất hàng xuất khẩu còn hạn chế. Hoạt động của một số tổng công ty xuất nhập khẩu chưa thật sự gắn với sản xuất, chưa phục vụ tốt sản xuất, nặng về khuynh hướng kinh doanh «lỗ lãi đơn thuần», dễ làm khó bỏ, do đó, không khuyến khích người sản xuất phát triển hàng xuất khẩu. Mặt khác, hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu cũng như cơ chế quản lý xuất khẩu, nhập khẩu còn mang nặng tính hành chính bao cấp, không thúc đẩy các tổ chức kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu cải tiến kinh doanh, mở rộng và tăng nhanh nguồn hàng xuất khẩu. Việc chậm mở rộng quyền trực tiếp kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu cho một số ngành, địa phương có điều kiện cũng không khuyến khích các ngành, địa phương tích cực tạo ra nguồn hàng xuất khẩu, phát triển hàng xuất khẩu để tự cân đối các nhu cầu nhập khẩu của ngành mình, địa phương mình. Từ đầu năm 1981, chủ trương cho một số ngành và một số tỉnh, thành phố có điều kiện được trực tiếp kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu, đã thúc đẩy ngành và địa phương khai thác khả năng của mình để tăng thêm nguồn hàng xuất khẩu. Thông qua việc kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu, một số tỉnh và thành phố đã giải quyết được một số khó khăn trước mắt: duy trì và phát triển sản xuất công nghiệp* địa phương, tạo thêm công ăn việc làm và ổn định đời sống cho một số người lao động. Tuy nhiên, trong hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu của một số tỉnh, thành phố vừa qua đã bộc lộ một số mặt tiêu cực cần được tích cực khắc phục như tranh giành với nhau nguồn hàng trong

nước, đẩy giá lên cao; cùng xuất khẩu, nhập khẩu một mặt hàng trên cùng một thị trường, một thương nhân, tạo điều kiện cho thương nhân nước ngoài ép giá; không tuân thủ những chế độ quản lý xuất khẩu, nhập khẩu của Nhà nước...



Những nhiệm vụ chủ yếu về kinh tế - xã hội trong 5 năm 1981 - 1985 và những năm 80 đang đặt ra cho công tác xuất khẩu những yêu cầu rất to lớn là phải đạt được một sự chuyển biến lớn về xuất khẩu, phải ra sức tăng xuất khẩu để nhập khẩu. Xuất khẩu phải góp phần đặc-lực tạo ra thế cân đối mới của nền kinh tế, trước mắt từng bước cân đối được nhu cầu của sản xuất và đời sống.

Để thực hiện được những yêu cầu đó, chúng ta cần lập trung sức tạo ra nguồn hàng xuất khẩu, phát triển sản xuất hàng xuất khẩu, tích cực, khẩn trương xây dựng cho được một số mặt hàng xuất khẩu chủ lực với khối lượng lớn, chất lượng cao, giá thành hạ, có sức hấp dẫn và cạnh tranh trên thị trường thế giới.

Trong điều kiện nước ta, phát triển sản xuất hàng xuất khẩu là một vấn đề mới và phức tạp đòi hỏi Nhà nước phải giải quyết một loạt vấn đề từ phương hướng, cơ cấu hàng xuất khẩu, tổ chức và quản lý sản xuất hàng xuất khẩu đến tổ chức xuất khẩu.

Để xác định đúng đắn phương hướng, cơ cấu hàng xuất khẩu cho từng thời kỳ, chúng ta phải xuất phát từ đường lối xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa của Đảng, xác định đúng đắn phương hướng thị trường xuất khẩu, khả năng phát triển nguồn hàng xuất khẩu của các ngành, các địa phương, và điều kiện sản xuất các mặt hàng đó.

1 - Về phương hướng thị trường xuất khẩu. Thị trường xuất khẩu phải

gắn liền với thị trường nhập khẩu. Thị trường xuất khẩu chủ yếu của chúng ta là thị trường Liên-xô, Lào, Cam-pu-chia và các nước thuộc Hội đồng tương trợ kinh tế. Đó là thị trường rất rộng lớn, vững chắc và lâu dài.

Vì vậy, hàng xuất khẩu của ta phải đáp ứng yêu cầu của thị trường Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa, làm cho nền kinh tế của nước ta và các nước anh em trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa gắn bó với nhau, bổ sung cho nhau, giúp nhau cùng phát triển.

Đồng thời, chúng ta cũng cần mở rộng thị trường xuất khẩu sang các nước khác, trước hết là các nước bạn có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nước ta như: Ấn-độ, An-giê-ri, một số nước ở Trung Đông, ở châu Phi... Chúng ta cũng cần mở rộng việc trao đổi hàng hóa với một số nước công nghiệp phát triển trên cơ sở bình đẳng và hai bên cùng có lợi để nhập khẩu những vật tư hàng hóa mà các nước xã hội chủ nghĩa chưa cung cấp đủ và để tích lũy ngoại tệ cho Nhà nước.

2 - Về phương hướng và cơ cấu hàng xuất khẩu những năm 80. Thị trường là yếu tố quyết định phương hướng phát triển nguồn hàng xuất khẩu. Nhưng cơ cấu cụ thể từng thời kỳ phụ thuộc vào trình độ phát triển của nền kinh tế và khả năng tạo ra nguồn hàng xuất khẩu trong thời kỳ đó.

Dại hội V của Đảng đã xác định phương hướng phát triển nguồn hàng xuất khẩu là: « Trong chặng đường đầu tiên hiện nay, hàng xuất khẩu của ta là nông sản nhiệt đới, lâm sản, hải sản, một số hàng tiêu dùng, một số sản phẩm công nghiệp nặng và một số khoáng sản ».

Phương hướng nói trên không những đúng cho những năm 1981 - 1985, mà về cơ bản còn đúng cho những năm 80, vì phương hướng đó

đáp ứng yêu cầu của thị trường về nông sản, hàng tiêu dùng, nguyên liệu, đồng thời phù hợp với cơ cấu và trình độ phát triển nền kinh tế của nước ta là một nước nông nghiệp đang ở chặng đường đầu tiên của quá trình công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, và phù hợp với tiềm năng của đất nước (đất đai, lao động, ngành nghề và tài nguyên thiên nhiên...), có khả năng khai thác được ngay.

Trong những năm 80, việc phát triển hàng xuất khẩu trước hết vẫn phải *nhắm vào nông sản và nông sản chế biến, hàng công nghiệp tiêu dùng, hàng tiêu công nghiệp, thủ công nghiệp và mỹ nghệ, lâm sản, hải sản và một số sản phẩm công nghiệp nặng.*

Trong nông sản, mặt hàng quan trọng nhất vẫn là sản phẩm cây xuất khẩu ngắn ngày, chủ yếu là cây công nghiệp và rau quả. Cần phát triển nhanh những cây mà thị trường xuất khẩu cần nhiều, sản xuất ở trong nước chưa đòi hỏi đầu tư lớn và kỹ thuật phức tạp như đồ tương, lạc, thuốc lá, dứa, dâu tằm, mía đường, dứa, chuối, cây gia vị (ớt, tỏi, hồ tiêu), cây thuốc, cây tinh dầu, v.v.

Đi đôi với việc phát triển cây xuất khẩu ngắn ngày, cần coi trọng cây xuất khẩu lâu năm (cao su, cà phê, chè, cọ dầu, dứa, đào lộn hột, v.v.), vừa tích cực thâm canh trên các diện tích sẵn có, vừa mở rộng diện tích theo quy hoạch của Nhà nước, để tạo ra *những mặt hàng xuất khẩu chủ lực có giá trị kinh tế cao, và để có một khối lượng hàng xuất khẩu lớn trong những năm cuối thập kỷ 80.*

Ngoài các sản phẩm trồng trọt, cần tích cực khai thác các sản phẩm chăn nuôi, nhất là ở các địa phương thuộc đồng bằng sông Cửu-long, nhằm tăng nhanh nguồn hàng xuất khẩu.

Về lâm sản, ngoài việc tận lực khai thác các lâm sản phụ như mây, tre, trúc, song... để phát triển sản xuất các mặt hàng thủ công nghiệp xuất

khẩu, các *được liệu và đặc sản của rừng như quế, tùng hương, dầu thông, dầu trẩu, nguồn xuất khẩu chủ yếu vẫn phải dựa vào việc khai thác và chế biến gỗ.*

Về hải sản, cần tập trung vào việc khai thác các loại hải sản có giá trị xuất khẩu cao như tôm, mực. Cần đặc biệt chú trọng chất lượng hải sản xuất khẩu để tăng nhanh kim ngạch xuất khẩu.

Đối với hàng tiêu dùng, cần chú trọng các mặt hàng làm bằng nguyên liệu sẵn có trong nước như mây, tre, trúc, cói, song, lá buồng, v.v. để khai thác những ưu thế của ta về nguồn lao động dồi dào và nguồn nguyên liệu phong phú. Cần tận lực phát triển các mặt hàng này vì tiềm năng của ta trong lĩnh vực này rất lớn, đồng thời thị trường cũng rất rộng lớn, đòi hỏi nhiều mặt hàng đa dạng, nhất là thị trường Liên-xô. Mặt khác, chú trọng mở rộng hợp tác gia công hàng xuất khẩu, trước hết với Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác, dưới mọi hình thức, kể cả nhập khẩu nguyên liệu và xuất khẩu sản phẩm. Đây mạnh gia công hàng xuất khẩu là một hướng xuất khẩu quan trọng, để vừa tăng kim ngạch xuất khẩu, vừa giải quyết công ăn việc làm cho người lao động, vừa sử dụng có hiệu quả các cơ sở vật chất sẵn có, góp phần phát triển sản xuất, mở rộng ngành nghề, tăng thêm thu nhập quốc dân.

Trong những năm 80, ngoài việc tập trung vào gia công các mặt hàng truyền thống như hàng dệt và may mặc, hàng thêu, thảm len..., cần xuất phát từ yêu cầu của thị trường để mở rộng diện hàng gia công với nước ngoài.

Những mặt hàng khoáng sản và sản phẩm công nghiệp nặng xuất khẩu là những mặt hàng xuất khẩu đòi hỏi phải có đầu tư lớn và có thời gian dài mới tạo ra được. Trong

những năm 80, ta vẫn phải dựa vào các mặt hàng truyền thống như: than, thiếc, crô-mít, v.v. và một số sản phẩm cơ khí, điện tử mà ta có khả năng sản xuất để xuất khẩu.

Để có nhiều hàng xuất khẩu theo phương hướng nói trên, vấn đề cơ bản là tổ chức sản xuất.

Trong điều kiện của nước ta, hướng tổ chức sản xuất hàng xuất khẩu chủ yếu nhằm vào kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể, đồng thời tận dụng năng lực của kinh tế gia đình và sản xuất cá thể.

Vì vậy, cần phát triển sản xuất hàng xuất khẩu từ cả hai khu vực: kinh tế trung ương và kinh tế địa phương. Căn cứ vào phương hướng và cơ cấu phát triển hàng xuất khẩu trên đây, đẩy mạnh xuất khẩu từ kinh tế địa phương là một hướng rất quan trọng. Trong nhiều văn kiện, Trung ương Đảng và Chính phủ đã xác định sản xuất hàng xuất khẩu là trách nhiệm của các ngành, các địa phương, các cơ sở sản xuất, theo phương châm trung ương và địa phương cùng làm, Nhà nước và nhân dân cùng làm.

Chủ trương nói trên cần được bảo đảm bằng một cơ chế quản lý thích hợp.

Mỗi bộ, tổng cục, tỉnh, thành phố và đơn vị sản xuất có nhu cầu nhập khẩu hoặc có yêu cầu Nhà nước cung cấp vật tư nhập khẩu đều phải có kế hoạch xuất khẩu (trừ trường hợp không có điều kiện và khả năng xuất khẩu). Cần lập kế hoạch xuất khẩu, nhất là xuất khẩu nông sản, lâm sản, hải sản, hàng tiêu công nghiệp, thủ công nghiệp, mỹ nghệ đến tận quận, huyện, xã và hợp tác xã.

Đối với các chỉ tiêu sản xuất hàng xuất khẩu, cần có sự cân đối đồng bộ và chặt chẽ, nhất là về năng lượng, nguyên liệu, vật tư, (kể cả nguyên liệu làm bao bì...), vận tải, nhất là

đối với các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu để bảo đảm cho những mặt hàng này được thực hiện đầy đủ về cả số lượng và chất lượng. Trong quá trình thực hiện kế hoạch Nhà nước, nếu ngành, địa phương, đơn vị sản xuất không được Nhà nước bảo đảm đầy đủ các nguyên liệu, vật tư hoặc không có đủ các phương tiện vật chất để hoàn thành toàn bộ kế hoạch sản xuất, thì phải ưu tiên dành nguyên liệu, vật tư, phương tiện cần thiết cho việc hoàn thành kế hoạch sản xuất và giao nộp hàng xuất khẩu. Nếu ngành, địa phương, đơn vị nào không hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất và giao nộp hàng xuất khẩu, thì không được coi là hoàn thành kế hoạch Nhà nước.

Đối với các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu như đồ tương, dứa, thuốc lá, mía đường, dầu dừa, rau quả, v.v. cần phát triển nhanh trong những năm 80 theo hướng sản xuất lớn. Nhà nước sẽ có chương trình đồng bộ có mục tiêu, có tính chất liên ngành, gồm các biện pháp chủ yếu bảo đảm việc thực hiện các mục tiêu đã đề ra. Trong quá trình thực hiện chương trình đồng bộ nói trên, phải có sự phối hợp và kết hợp chặt chẽ giữa mấy khâu: quy vùng sản xuất, chỉ đạo sản xuất, cung ứng vật tư, thu mua, chế biến và xuất khẩu, và thành lập những tổ chức thích hợp, có hiệu lực để liên kết sản xuất với xuất khẩu.

Cùng với việc đổi mới công tác kế hoạch hóa và cơ chế quản lý, việc bổ sung các chính sách khuyến khích phát triển hàng xuất khẩu có một ý nghĩa quan trọng. Trong thời gian qua, Chính phủ đã ban hành một loạt chính sách và biện pháp nhằm bảo đảm các điều kiện vật chất để phát triển sản xuất hàng xuất khẩu và khuyến khích các ngành, các địa phương, các cơ sở sản xuất và người sản xuất hàng xuất khẩu quan tâm đến việc phát triển sản xuất hàng xuất khẩu.

Để phát huy mạnh mẽ tác dụng của các biện pháp nói trên, các ngành, các địa phương cần thực hiện một cách tích cực và đồng bộ các chính sách, chế độ đã ban hành, nhất là các chính sách đầu tư, cung ứng tư liệu sản xuất, lương thực, giá thu mua hàng xuất khẩu, bán khuyến khích hàng thiết yếu trên cơ sở hợp đồng kinh tế hai chiều, thưởng, khuyến khích đối với sản phẩm xuất khẩu, cho phép sử dụng ngoại tệ. Mặt khác, cần tiếp tục mở rộng quyền trực tiếp kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu cho các ngành và các địa phương có điều kiện, cải tiến công tác kinh doanh của các tổ chức xuất khẩu, nhập khẩu, chuyên lễ lối kinh doanh hành chính bao cấp sang kinh doanh xã hội chủ nghĩa, đi đôi với khâu trưng nghiên cứu và ban hành những chính sách, chế độ về quản lý xuất nhập khẩu, nhằm bảo đảm nguyên tắc Nhà nước giữ độc quyền ngoại thương và trung ương thống nhất quản lý công tác ngoại thương. Cần tăng cường Bộ ngoại thương là cơ quan Nhà nước có chức năng quản lý hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu trong phạm vi cả nước.

Để tạo ra nhiều hàng xuất khẩu, nhất là các mặt hàng có khối lượng và kim ngạch lớn, ngoài việc dựa vào sức mình và năng lực sản xuất trong nước là chính, chúng ta cần chú trọng *tranh thủ vốn và kỹ thuật của nước ngoài* để khai thác có hiệu quả cao tiềm năng của đất nước thông qua các hình thức hợp tác về kinh tế và khoa học kỹ thuật. Tăng cường hợp tác với nước ngoài trong lĩnh vực kinh tế, nhất là dưới các hình thức hợp tác sản xuất và chuyên môn hóa sản xuất trong nông nghiệp, công

ngiệp và các ngành kinh tế khác, có tác dụng thúc đẩy mạnh mẽ việc tăng nguồn hàng xuất khẩu và việc xây dựng hàng xuất khẩu chủ lực.

Trong thời gian qua, Chính phủ ta đã ký nhiều hiệp định quan trọng về hợp tác kinh tế với Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác. Thực hiện tốt các hiệp định đã ký, chắc chắn chúng ta sẽ có điều kiện tăng nhanh khối lượng và kim ngạch xuất khẩu với những thị trường ổn định, vững chắc, lâu dài.

Về việc kết hợp...

(Tiếp theo trang 16)

cả các cơ sở kinh tế từ một trung tâm duy nhất, từ đó mà gò bó, ép buộc cấp dưới, chứ chúng ta không bãi bỏ biện pháp hành chính. Chẳng nào còn cần có một nền kinh tế thống nhất có kế hoạch thì còn cần đến biện pháp hành chính cùng các biện pháp khác.

Muốn sử dụng đúng đắn ba biện pháp quản lý, mỗi cán bộ lãnh đạo phải nắm vững khoa học và nghệ thuật quản lý. Trong điều kiện hiện nay điều đó phải được thể hiện ở việc tập trung và phân cấp quyền hạn và trách nhiệm. Tập trung cao độ và thích đáng, phân cấp mạnh mẽ, mở rộng quyền quyết định, sát với các tình huống cụ thể của sản xuất kinh doanh ở cấp dưới, phân chia quyền hạn và trách nhiệm rõ ràng, quyền hạn phải đi đôi với trách nhiệm — đó chính là yêu cầu của việc cải tiến quản lý kinh tế hiện nay.

NÂNG CAO NĂNG LỰC THÔNG QUÁ CỦA KHU ĐÀU MỐI HẢI-PHÒNG

PHẠM-VĂN-NGHIÊN

CẢNG biển là một mắt xích quan trọng trong dây chuyền vận chuyển hàng hóa xuất, nhập khẩu. Nhưng cảng Hải-phòng không phải chỉ là một cảng biển thông thường mà nó có vị trí đặc biệt quan trọng đối với việc phát triển kinh tế của nước ta. Nhu cầu phát triển mối quan hệ kinh tế của nước ta với nước ngoài, đặc biệt đối với các nước thành viên của Hội đồng tương trợ kinh tế trong hoàn cảnh tuyến đường sắt liên vận quốc tế bị cắt đứt; yêu cầu phát triển ngành vận tải đường biển — một phương hướng chiến lược trong việc phát triển kinh tế của nước ta, đều đòi hỏi phải tăng cường hoạt động của các cảng biển, nhất là cảng Hải-phòng.

Tuy nhiên, cảng Hải-phòng lại là một khâu rất yếu trong hệ thống giao thông vận tải của nước ta và điều đáng lo ngại là tình trạng trì trệ trong hoạt động của cảng đã kéo dài nhiều năm và ở mức độ nghiêm trọng, gây thiệt hại không nhỏ đến các ngành sản xuất, ảnh hưởng đến mối quan hệ về thương mại của nước ta với nước ngoài.

Thời gian qua, việc trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật cho các ngành sản xuất, tuy chưa đáp ứng được yêu cầu nhưng cũng đạt mức đáng kể. Riêng ở cảng Hải-phòng, việc cải tạo cảng đã tiến hành từ năm 1967, đến quý 4

năm 1981 đã thực hiện 142 triệu đồng xây lắp và thiết bị (chưa kể số 414 xe, máy các loại mà cảng được cấp từ năm 1977 đến năm 1980 không thuộc phần thiết bị toàn bộ do Liên-xô trang bị). Tuy nhiên, kết quả đạt được không tương xứng với số vốn đầu tư. Năm 1964, với 1000 đồng tài sản cố định, cảng làm được 18,2 tấn hàng (thông qua), năm 1980 chỉ đạt 8,1 tấn, nghĩa là bằng 44,5% của năm 1964.

Những hiện tượng không hợp lý dưới đây chứng minh đầy đủ cho nhận định trên đây:

a) Việc giảm thời gian bình quân của tàu biển đậu bến là mục tiêu quan trọng của cảng. Tuy nhiên, trong những năm qua, thời gian tàu biển đậu bến tăng với mức độ đáng lo ngại. Nếu năm 1964, một tàu nước ngoài chờ bình quân 4250 tấn hàng, thời gian đậu bến cảng Hải-phòng là 6 ngày 4 giờ, thì năm 1980 một tàu chờ bình quân 4730 tấn, thời gian đậu bến là 26 ngày 17 giờ (hơn 4 lần thời gian của năm 1964). Chi phí cho một tàu nước ngoài về một ngày tàu chờ tại cảng biển Việt-nam có thể từ 4 nghìn đến 1 vạn đô la Mỹ. Trong điều kiện nước ta, nếu tổ chức tốt hơn, có sự phối hợp tốt hơn, có thể giảm thời gian tàu biển đậu bến xuống mức hợp lý và riêng ở cảng Hải-phòng, có thể tiết kiệm mỗi năm hơn 10 triệu đô la

Mỹ về chi phí đối với đội tàu biển nước ngoài và tàu trong nước cập bến Hải-phòng.

b) Một hiện tượng kinh tế không bình thường ở cảng Hải-phòng là khối lượng hàng hóa lưu kho bãi quá nhiều, vượt xa mức có thể chấp nhận được, và thời gian lưu kho, bãi quá lâu, thường gấp đôi thời hạn quy định. Kèm theo đó là tình trạng hàng hóa mất mát, hư hỏng ở mức độ rất nghiêm trọng và kéo dài. Năm 1966, tính bình quân trong năm, hàng tồn kho, bãi cảng là 112 nghìn tấn; tháng 5 năm 1981 con số đó lên đến 180 nghìn tấn.

c) Năng lực thông qua của cảng biển một phần quan trọng phụ thuộc vào năng lực của các ngành vận tải nội địa; song năng lực của các ngành vận tải nội địa cũng phụ thuộc một phần vào mức độ phối hợp giữa cảng và các đơn vị vận tải. Thời gian qua sự phối hợp đó rất kém, trước hết do *một cơ chế giao nhận bất hợp lý* (giữa cảng và các đơn vị vận tải có khâu trung gian: chủ hàng).

Một điều bất hợp lý khác của cơ chế hoạt động ở khu đầu mối Hải-phòng là cảng phải giao dịch với quá nhiều đơn vị vận tải và hoạt động của các đơn vị vận tải đó không đặt dưới sự điều khiển tập trung. Giữa cảng và tất cả các đơn vị vận tải lại không có hợp đồng kinh tế và cũng không có hợp đồng tác nghiệp. Tình hình nói trên không thể không dẫn đến tình hình năng suất phương tiện vận tải ngày càng giảm sút.

Nói chung, tổng khối lượng hàng nhập khẩu do ba ngành vận tải nội địa (đường sắt, đường sông, ô tô) vận chuyển được không đạt yêu cầu. Từ năm 1975 đến 6 tháng đầu năm 1981, bình quân mỗi ngày đạt 4000 - 6000 tấn, trong khi yêu cầu phải đạt là 7000 - 8000 tấn. Tỷ trọng khối lượng hàng nhập khẩu do ô tô vận chuyển chiếm từ 30,6% đến 41,8%, trong khi

ngành vận tải đường sắt chỉ chiếm từ 20,1% đến 29%. Đó là một sự phân công không hợp lý giữa các ngành vận tải.



Cơ chế hoạt động ở khu đầu mối Hải-phòng - hình ảnh rõ nét của nền sản xuất nhỏ trong giao thông vận tải - không phù hợp với những quy luật phát triển sản xuất, cũng như những quy luật đặc thù trong quản lý vận tải. Đây là một nguyên nhân chủ yếu của tình hình nói trên.

Ngành giao thông vận tải nước ta đã được cơ khí hóa một cách đáng kể. Việc bốc xếp ở Hải-phòng được cơ khí hóa toàn bộ. Việc rút hàng di cũng thực hiện bằng phương tiện cơ giới. Các cảng biển và đội tàu biển nước ta cũng dần dần được hiện đại hóa và trong mối quan hệ quốc tế ngày nay, ngành vận tải đường biển nước ta không thể tách khỏi những tiến bộ kỹ thuật, những thay đổi lớn về công nghệ trong vận chuyển và bốc xếp của ngành đường biển trên thế giới. Như vậy, trong một chừng mực nào đó, ngành vận tải đường biển cũng như các ngành vận tải khác của nước ta đã có điều kiện để trở thành một ngành sản xuất lớn: *cơ khí hóa sản xuất*.

Đi đôi với cơ khí hóa là *chuyên môn hóa sản xuất*. Ở nước ta, đã nhanh chóng hình thành các ngành vận tải chuyên môn hóa với cơ sở vật chất kỹ thuật và bộ máy quản lý riêng. Cùng với việc chuyên môn hóa theo ngành, hình thành việc phân công lao động theo lãnh thổ và xây dựng lực lượng vận tải của địa phương.

Chuyên môn hóa sản xuất là đề tăng năng suất lao động, nhưng mục đích đó có đạt hay không tùy thuộc vào trình độ *hợp tác hóa* giữa các ngành, các đơn vị đã được chuyên môn hóa. Hợp tác hóa không tốt sẽ làm mất tác dụng

của việc cơ khí hóa và chuyên môn hóa và đây là nhược điểm lớn trong sản xuất của ta. Trong giao thông vận tải cũng như các ngành kinh tế khác, có hợp tác trong giai đoạn đầu tư và hợp tác trong khai thác. Trong khai thác vận tải cần phải rất chú ý đến các khu đầu mối giao thông, vì đó là nơi tiếp giáp các tuyến đường của nhiều phương thức vận tải khác nhau, nơi tập trung nhiều đơn vị vận tải và bốc xếp. Ở khu đầu mối Hải-phòng, như đã nói ở trên, việc phối hợp về công nghệ giữa cảng và các đơn vị vận tải còn ở trình độ rất thấp do tác động của một cơ chế không phù hợp và không được sửa đổi kịp thời (nhiều trung gian, nhiều khâu, thiếu những quy định chính thức và chặt chẽ trong quan hệ phối hợp, v.v.). Như vậy, dù cảng và các ngành vận tải có được trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật hiện đại đến đâu đi nữa, và trình độ chuyên môn hóa có được đầy mạnh hơn nữa, nhưng với trình độ hợp tác hóa như trên, hoạt động của cảng vẫn không thoát được tình trạng sản xuất nhỏ.

Dù các ngành vận tải, đơn vị vận tải được chuyên môn hóa đặt dưới sự quản lý của trung ương hay của địa phương, thì công tác vận tải trong phạm vi cả nước, trong từng khu vực kinh tế, ở những khu đầu mối giao thông vẫn cần được *quản lý tập trung*. Sự quản lý tập trung đó được thực hiện không phải chủ yếu bằng một cơ quan chỉ đạo mà chủ yếu bằng một cơ chế (hệ thống kế hoạch thống nhất, điều lệ vận tải thống nhất, hệ thống giá cước thống nhất). Nhiều ngành kinh tế khác cũng cần được quản lý tập trung nhưng không có một ngành kinh tế nào có nhu cầu phải quản lý tập trung cao như ngành vận tải do tính chất hoạt động rất phân tán của phương tiện vận tải trong không gian và thời gian, do hệ thống vận tải luôn luôn chịu sự tác động của bên ngoài, của các ngành

kinh tế khác. Yêu cầu quản lý tập trung còn thể hiện ở chỗ, dù sự phân công lao động trong vận tải có tỉ mỉ bao nhiêu đi nữa và dù nhiều ngành sản xuất vận tải được chuyên môn hóa cao đã hình thành, thì sản phẩm của vận tải bao giờ cũng như nhau: vận chuyển người hoặc hàng hóa từ nơi này đến nơi khác. Nhược điểm của ta trong việc quản lý tập trung bộc lộ rõ ở các khu đầu mối giao thông, nhất là ở Hải-phòng. Nhược điểm thể hiện không phải ở chỗ thiếu một cơ quan quản lý chung, mà *thiếu một cơ chế, cụ thể là không có quy trình công nghệ thống nhất, hệ thống kế hoạch tác nghiệp thống nhất của khu đầu mối*, thiếu những quy định thống nhất trong công tác thương vụ, giao nhận, và đặc biệt là các đơn vị vận tải hoạt động theo hợp đồng ký với các chủ hàng và không có sự phối hợp với nhau, cho dù những đơn vị đó nằm trong một ngành vận tải. Ở Hải-phòng và một số nơi khác, có Ban điều hòa vận tải khu vực, cơ quan này không điều khiển được toàn bộ hoạt động vận tải trong khu vực, mà chỉ giải quyết các trường hợp tranh chấp hoặc đột xuất. Tình hình trên đã kéo dài khá lâu và hoàn toàn xa lạ với nền sản xuất cơ khí hóa.

Một nguyên nhân chủ yếu khác đã gây ra tình trạng trì trệ trong hoạt động của cảng là *không thực hiện đúng đắn một số nguyên tắc quản lý xã hội chủ nghĩa*.

Nguyên tắc quản lý ngành đi đôi với quản lý theo địa phương và vùng lãnh thổ là một nguyên tắc quản lý quan trọng trong điều kiện hình thành các ngành kinh tế kỹ thuật và song song tồn tại các đơn vị kinh tế của trung ương và của địa phương. Từ trước đến nay, Bộ giao thông vận tải và các cục vận tải — người thay mặt Bộ về quản lý chuyên ngành — trên thực tế chỉ quản lý có hiệu lực đối với các đơn vị vận tải thuộc trung

trong quản lý. Nhưng trong những đơn vị vận tải thuộc trung ương quản lý, Bộ giao thông vận tải cũng chỉ quản lý được các đơn vị vận tải công cộng; còn một lực lượng vận tải khá lớn của các ngành kinh tế mà một bộ phận quan trọng không phải đề dùng trong dây chuyền sản xuất, cũng không nằm trong sự điều khiển của cơ quan quản lý chuyên ngành. Tình hình đó tất nhiên dẫn đến việc không sử dụng có hiệu quả lực lượng vận tải của cả nước. Ở khu đầu mối Hải-phòng, thời gian qua, khoảng 50% khối lượng hàng nhập khẩu vận chuyển bằng đường sông và ô tô do các đơn vị của địa phương thực hiện. Nếu có một cơ chế quản lý có hiệu lực, Bộ giao thông vận tải có quyền điều động phương tiện của địa phương khi cần thiết, điều khiển được sự hoạt động của phương tiện địa phương tại khu đầu mối, chắc chắn hiệu quả sản xuất sẽ cao hơn.

Nguyên tắc khuyến khích bằng lợi ích vật chất đối với người lao động không được thực hiện đúng đắn và kịp thời. Thu nhập thực tế của người lao động quá thấp so với nhu cầu về đời sống. Tiền lương cơ bản không đủ để tái sản xuất sức lao động của công nhân và nuôi dưỡng những người thân thuộc trách nhiệm của họ. Tiền lương bình quân trong một tháng của công nhân lái xe cơ giới, công nhân sửa chữa cơ giới, công nhân bốc xếp trong năm 1980 ở cảng Hải-phòng tương ứng là 81đ, 69đ và 121đ; tiền thưởng của ba loại công nhân nói trên bình quân một tháng tương ứng 3đ, 2,1đ và 3,8đ. Các chế độ quy định về tiền lương và tiền thưởng, định mức, đơn giá, v.v. chưa thật sự khuyến khích người lao động (công nhân bốc xếp hưởng lương sản phẩm, còn công nhân sửa chữa cơ giới hưởng lương thời gian), chưa gắn quyền lợi của công nhân cảng với hiệu quả kinh tế thu được do việc

giải phóng tàu biển nhanh, v.v. Từ tháng 4 năm 1981, đã có bổ sung các chế độ về tiền lương, tiền thưởng, phụ cấp v.v. nhưng những quy định đó là chậm so với yêu cầu.

Nguyên tắc kế hoạch hóa không được thực hiện tốt. Kế hoạch sản xuất không dựa trên dự đoán dài hạn (hoặc có dự đoán nhưng thiếu cơ sở khoa học) về khối lượng và cơ cấu hàng nhập, nhưng thay đổi về công nghệ bốc xếp, v.v. Do đó, cảng thường ở trong tình trạng bị động, thiếu sự chuẩn bị lâu dài về đội ngũ công nhân, cơ sở vật chất kỹ thuật, công nghệ bốc xếp. Hàng năm, cảng không thể biết trước đối chính xác năm sau sẽ có những loại hàng gì, bao nhiêu, đến cảng thời gian nào và sẽ vận chuyển đi đâu. Chất lượng kế hoạch nhập khẩu chưa tốt, nhiều khi chưa phù hợp với yêu cầu trong nước, như việc nhập thiết bị toàn bộ.

Ngoài ra, *cơ sở vật chất kỹ thuật của cảng Hải-phòng còn nhiều nhược điểm*, phương tiện bốc xếp và vận chuyển hư hỏng quá nhiều; đây cũng là một nguyên nhân gây nên sự mất cân đối trong khâu khai thác và sửa chữa, giữa vận tải và bốc xếp.



Vấn đề của cảng chỉ có thể được giải quyết trong tổng thể khu đầu mối Hải-phòng. Như thế có nghĩa là phải xem xét và giải quyết vấn đề trên *quan điểm hệ thống*, trong đó đặc biệt lưu ý các mối quan hệ tất yếu, có tính chất nhân quả giữa các phần tử của hệ thống (cảng và các đơn vị khác trong khu đầu mối) và kiên quyết loại bỏ những mối quan hệ không cần thiết vì chúng không tạo nên sự thống nhất của hệ thống mà còn làm giảm hiệu quả hoạt động của hệ thống. Việc nâng cao năng lực thông qua của khu đầu mối Hải-phòng chỉ có thể giải quyết được bằng một

loại các biện pháp quan trọng, nhưng trước hết phải thiết lập mối quan hệ trực tiếp giữa cảng và các đơn vị vận tải bằng hợp đồng kinh tế và hợp đồng tác nghiệp, và loại bỏ các mối quan hệ không cần thiết giữa cảng và chủ hàng trong việc giao nhận hàng tại cảng. Tháng 7 năm 1981, Nhà nước đã ban hành nghị định 330/CP, trong đó quy định không giao hàng cho chủ hàng tại cảng, mà cảng xếp hàng lên phương tiện vận tải theo phiếu phát hàng của cơ quan ngoại thương, đưa tới địa điểm quy định mà từ đó chủ nhận có thể dễ dàng rút hàng đi». Như vậy, quy định mới là có cơ sở khoa học và tạo điều kiện để thực hiện sự phối hợp về công nghệ giữa các đơn vị trong khu đầu mối.

Không thể thực hiện được sự phối hợp thật tốt về công nghệ giữa các đơn vị trong khu đầu mối, nếu cảng phải quan hệ với quá nhiều đơn vị vận tải như hiện nay, vì vậy cần từng bước giảm các đầu mối quan hệ cũng như thực hiện dần sự điều khiển tập trung hoạt động của các phương tiện vận tải tại khu đầu mối.

Cần xây dựng cơ chế điều khiển có hiệu lực toàn bộ hoạt động ở khu đầu mối.

Xây dựng quy trình công nghệ thống nhất ở khu đầu mối là một bước không thể thiếu được trong việc hoàn thiện cơ cấu tổ chức sản xuất ở khu đầu mối, là điều kiện cần thiết để phối hợp hoạt động của tất cả các đơn vị có liên quan trong khu đầu mối. Quy trình công nghệ thống nhất là hệ thống các quy định chính thức về mối quan hệ phối hợp, trình tự tổ chức công việc của các đơn vị có liên quan, kể cả các công việc phụ nhằm bảo đảm sự hoạt động thống nhất của các đơn vị đó. đương nhiên công việc xây dựng quy trình công nghệ thống nhất chỉ thực hiện được sau khi giảm bớt số đơn vị vận tải hoạt động ở khu đầu mối và chủ hàng không nhận hàng tại cảng.

Từ trước đến nay, việc lập kế hoạch của cảng hoàn toàn tách rời kế hoạch tác nghiệp của các đơn vị vận tải: giữa các đơn vị trong khu đầu mối không có sự trao đổi về dự kiến kế hoạch và chưa bao giờ có kế hoạch tác nghiệp chung của khu đầu mối. Vì vậy, cần thiết phải xây dựng một kế hoạch tác nghiệp chung trên cơ sở quy trình công nghệ thống nhất dựa trên một hệ thống thông tin tốt, một kỷ luật thông tin chặt chẽ.

Một bộ phận quan trọng trong cơ chế điều khiển của hệ thống, bảo đảm sự ổn định của hệ thống trong quá trình vận động, phản ứng kịp thời với những thay đổi bên trong và những tác động từ bên ngoài đến hệ thống, đó là cơ chế điều chỉnh có liên hệ ngược (1). Bất cứ một hệ thống kinh tế nào cũng cần có cơ chế đó, nhất là các hệ thống vận tải. Cơ chế điều chỉnh có mục đích bảo đảm những thông số chủ yếu của hệ thống không vượt qua những giới hạn cho phép vì nếu vượt quá các giới hạn đó, hệ thống sẽ không tồn tại hoặc hoạt động không có hiệu quả. Cơ chế điều chỉnh đó có được trước hết nhờ một hệ thống thông tin thuận và phản hồi. Nhược điểm lớn của các hệ thống kinh tế của nước ta, trong đó có các hệ thống vận tải, là thiếu hệ thống thông tin phản hồi; chính vì vậy mà công tác kiểm tra kém chất lượng, người ra quyết định không biết kết quả thực hiện như thế nào để điều chỉnh.

Chất lượng quản lý sản xuất ở khu đầu mối và nói riêng của cảng, phụ thuộc một phần rất quan trọng vào chất lượng của hệ thống thông tin. Vấn đề này có liên quan đến việc xây dựng quy trình tác nghiệp thống nhất nói trên. Đó là việc xác định các trung tâm thu nhận và chuyển thông tin, những trung tâm đó trong khu

(1) Cơ chế điều chỉnh có liên hệ ngược là một trong những mô hình của cơ chế điều chỉnh.

dầu mối được liên kết với nhau như thế nào, cơ cấu của hệ thống thông tin phản hồi, v.v.

Đi đôi với việc cải tiến cơ chế quản lý, cần *hoàn thiện cơ sở vật chất kỹ thuật của cảng Hải-phòng*, bảo đảm không những tăng năng lực thông qua của cảng mà còn có năng lực dự trữ, có khả năng phản ứng kịp thời với những biến động trong sản xuất. Đồng thời, *cần thực hiện đúng đắn các nguyên tắc quản lý xã hội chủ nghĩa*.

Nguyên tắc quản lý ngành đi đôi với quản lý theo địa phương và vùng lãnh thổ ngày càng trở nên quan trọng do việc hình thành ngày càng nhiều các ngành kinh tế kỹ thuật. Tuy nhiên, nguyên tắc này cũng chưa được nghiên cứu kỹ về nội dung để thực hiện có kết quả. Về phía ngành giao thông vận tải, cần có những kiến nghị cụ thể với Nhà nước về quyền hạn và trách nhiệm, những việc cần làm để bảo đảm nguyên tắc quản lý ngành.

Dù nền sản xuất được cơ khí hóa và hiện đại hóa đến mức độ nào đi nữa thì người lao động vẫn là yếu tố quyết định của sản xuất. Để nâng cao hiệu quả sản xuất ở cảng Hải-phòng cũng như ở những nơi khác, bên cạnh việc áp dụng một cách nghiêm túc kỷ luật lao động, để cao trách nhiệm, cần vận dụng và thực hiện đúng quy luật phân phối theo lao động, có chế độ tiền lương và tiền thưởng hợp lý. Việc đó cần làm một cách đồng bộ, không chỉ riêng cho công nhân bốc xếp mà cả cho công nhân sửa chữa, cơ khí, nhân viên giao nhận, v.v. vì sản phẩm là kết quả của một dây chuyền có nhiều khâu và không thể coi nhẹ khâu nào.

Tình hình hàng hóa hư hỏng, mất mát và những hiện tượng tiêu cực ở cảng Hải-phòng trong những năm qua đã trở nên nghiêm trọng, cần được giải quyết bằng những biện pháp cụ thể. Nếu việc cải tiến công tác giao nhận được thực hiện, hình thành mối quan hệ trực tiếp giữa cảng với các đơn vị vận tải, giảm được số việc và số người không cần thiết, thì cảng Hải-phòng có đủ điều kiện chỉnh đốn lại công tác quản lý tác nghiệp và nhất là *công tác điều độ, tổ chức bốc xếp hàng hóa một cách hợp lý nhất*. Đó là biện pháp quan trọng để khắc phục các hiện tượng nói trên. Ngoài ra, cần *tổ chức huấn luyện thật tốt về kỹ thuật và công nghệ cho tất cả các loại công nhân, trước hết là công nhân bốc xếp và bắt buộc họ phải thực hiện nghiêm chỉnh các quy trình công nghệ trong sản xuất của cảng*; những quy trình này cần được hoàn chỉnh và ban hành chính thức. Đi đôi với việc thực hiện chế độ tiền lương, tiền thưởng cũng như trách nhiệm vật chất đối với tất cả những người làm việc tại cảng, khuyến khích họ tăng năng suất lao động và bảo đảm chất lượng công việc, không thể xem nhẹ *biện pháp giáo dục tinh thần lao động xã hội chủ nghĩa, ý thức làm chủ xí nghiệp, quý trọng tài sản của Nhà nước cho người lao động, đặc biệt trong một xí nghiệp xã hội chủ nghĩa có tầm quan trọng đặc biệt như cảng Hải-phòng*. *Biện pháp hành chính*, việc vận dụng pháp luật của Nhà nước, nghiêm khắc xử lý những người không chịu làm việc, làm hư hỏng hàng hóa, ăn cắp, hối lộ, v.v. cũng cần được thực hiện nghiêm chỉnh.

HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ TĂNG CƯỜNG PHÁP CHẾ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

VĂN - HIỀN



Dại hội thứ V đã thông qua một biện pháp lớn và quan trọng bảo đảm thực hiện thắng lợi đường lối của Đảng: đó là hoàn thiện pháp luật và tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa.

Hoàn thiện pháp luật và tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa nhằm trực tiếp phục vụ hai nhiệm vụ chiến lược của toàn dân, toàn quân ta là: xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, và sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa. Mọi hành vi vi phạm pháp luật, dù cố ý hay vô tình, đều có thể làm yếu pháp chế xã hội chủ nghĩa, tạo kẽ hở cho kẻ thù lợi dụng.

Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương tại Đại hội thứ V do đồng chí Tổng bí thư Lê-Duẩn trình bày đã khẳng định:

«Tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa là một yêu cầu cấp thiết để nâng cao, hiệu lực quản lý của Nhà nước, bảo đảm quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Để tăng cường quản lý xã hội theo pháp luật, Nhà nước ta phải khẩn trương cụ thể hóa Hiến pháp mới bằng hệ thống pháp luật; chú trọng từng bước xây dựng hệ thống pháp luật kinh tế và các luật về an ninh xã hội. Tăng cường các cơ quan làm công tác pháp luật, gấp rút tăng cường đào tạo và bồi dưỡng cán

bộ hành chính Nhà nước các cấp và cán bộ pháp lý.

Nhà nước ta phải sử dụng đầy đủ cả quyền lực chính trị và quyền lực kinh tế để giữ vững kỷ cương xã hội, đấu tranh có hiệu quả chống các hành vi phạm pháp và các tệ nạn xã hội, khắc phục cho được tình hình không bình thường là nhiều luật và pháp lệnh đã ban hành không được thi hành nghiêm chỉnh, thậm chí không được thi hành. Các cơ quan Nhà nước ở trung ương và địa phương cần có thái độ kiên quyết và biện pháp cứng rắn ngăn ngừa và loại trừ các hành động vi phạm, quyền làm chủ tập thể của nhân dân, thẳng tay trấn áp bọn phản cách mạng; trừng trị hòng bóc lột không chịu cải tạo, bọn lưu manh, côn đồ, bọn đầu cơ, buôn lậu, tham ô; xử lý nghiêm minh những cán bộ, nhân viên lợi dụng chức quyền để làm trái pháp luật.

Các cấp ủy Đảng, các cơ quan Nhà nước và các đoàn thể phải thường xuyên phổ biến, giải thích pháp luật trong các tầng lớp nhân dân, đưa việc giáo dục pháp luật vào các trường học, các cấp học, xây dựng ý thức sống có pháp luật và tôn trọng pháp luật. Tăng cường công tác kiểm sát, thanh tra; tổ chức và mở rộng thanh tra nhân dân; chấn chỉnh việc xét và giải quyết các đơn từ khiếu tố của nhân

dân, khắc phục tình trạng ứ đọng, tình trạng không có cơ quan nào, tổ chức nào chịu trách nhiệm giải quyết đến nơi đến chốn những việc oan ức, những trường hợp quyền lợi công dân bị xâm phạm mà nhân dân yêu cầu thăm tra, xem xét" (1).

Đề tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, trước hết phải *từng bước xây dựng hệ thống pháp luật, nhất là pháp luật về quản lý kinh tế*.

Có đủ pháp luật cần thiết và nghiêm chỉnh thi hành pháp luật thì mới giữ vững được kỷ cương Nhà nước và trật tự xã hội. Có đủ các pháp luật cần thiết do Nhà nước trung ương ban hành thì các địa phương, các cơ sở có thể xây dựng các quy chế hoạt động và quản lý vừa phù hợp với đặc điểm của địa phương và cơ sở mình, vừa phù hợp với pháp luật thống nhất của Nhà nước.

Trong quá trình xây dựng và củng cố chính quyền nhân dân, Nhà nước ta đã xây dựng và ban hành nhiều luật và pháp lệnh. Nhưng pháp luật của ta chưa hoàn chỉnh. Trong khoảng 5 - 10 năm tới, cần *thề chế hóa đường lối, chính sách của Đảng một cách có hệ thống và toàn diện hơn trước, bắt đầu từ những quy định cơ bản, nhằm từng bước cụ thể hóa về mặt pháp lý cơ chế « Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý »*.

Đề xây dựng pháp luật thành hệ thống và có chất lượng, những năm gần đây Đảng và Nhà nước đã chủ trương *đặt kế hoạch xây dựng pháp luật*; Hội đồng Nhà nước đã thông qua kế hoạch 5 năm 1981 - 1985 về xây dựng pháp luật, Chính phủ đã lập kế hoạch hằng năm về xây dựng pháp quy.

Việc đặt kế hoạch xây dựng pháp luật có tác dụng đề cao trách nhiệm dự thảo pháp luật của các bộ, bảo đảm đưa việc xem xét hoặc thông qua các dự án pháp luật vào chương trình nghị sự của các cơ quan cao

nhất của Đảng và Nhà nước. Qua việc làm kế hoạch này, các cơ quan có liên quan cần nhắc, lựa chọn các thể chế có tác dụng lớn nhất và thiết thực nhất, đáp ứng yêu cầu của cuộc sống, khắc phục lối làm chắp vá do không có dự kiến trước khiến cho số lượng văn bản ban hành trong từng thời kỳ nhất định có thể rất nhiều nhưng vẫn không đáp ứng được yêu cầu thể chế hóa đường lối, chính sách của Đảng.

Trong kế hoạch 5 năm 1981 - 1985 về xây dựng pháp luật, các loại pháp luật chủ yếu đều được chú trọng: pháp luật về tổ chức Nhà nước, pháp luật về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, pháp luật về quản lý kinh tế, pháp luật về quản lý tư pháp, pháp luật trong các lĩnh vực khác (quản lý hành chính, quốc phòng, an ninh, văn hóa, xã hội). Với vài ba kế hoạch 5 năm nữa, *chúng ta sẽ có tương đối đủ pháp luật cần cho tất cả các lĩnh vực quản lý chủ yếu*; đến khi đó mới có thể nói là có *hệ thống pháp luật tương đối hoàn chỉnh*.

Hoạt động kinh tế là hoạt động có tính chất nền tảng, cho nên chức năng quản lý kinh tế của Nhà nước ta có tầm quan trọng đặc biệt, việc hoàn thiện, bổ sung *pháp luật về quản lý kinh tế* luôn luôn là vấn đề thời sự nóng hổi và phải được coi trọng đúng mức.

Đề sử dụng được mọi nguồn năng lực lao động của nhân dân nhằm khai thác tốt nhất *đất đai, rừng, biển...* và phát huy đầy đủ mọi khả năng về ngành nghề, bảo đảm phát triển *nông nghiệp và công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng*, cần xây dựng pháp luật về các loại tài nguyên thiên nhiên (hiện còn quá thiếu): luật đất đai, luật

(1) Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V, *Tạp chí Cộng sản*, số 4-1982, tr. 63.

về khai thác, quản lý và bảo vệ lòng đất (chủ yếu là khoáng sản), luật về quản lý và bảo vệ các nguồn nước, luật về khai thác, quản lý và bảo vệ rừng, luật về bảo vệ các nguồn lợi hải sản, thủy sản... Chúng ta cần xây dựng xong bộ luật lao động: sửa đổi, bổ sung các quy định về tuyển dụng lao động, bố trí lao động, chế độ và hình thức tiền lương, tiền thưởng, phúc lợi tập thể, v.v. ở các nông trường, công trường, xí nghiệp công nghiệp, cơ quan. Pháp luật lao động cần khắc phục thiên hướng chỉ nặng về điều chỉnh lao động phổ thông, nhẹ về điều chỉnh lao động có khoa học kỹ thuật và lao động quản lý là những lực lượng lao động có vai trò quyết định trong cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật và đổi mới cơ chế quản lý ở nước ta.

Việc hoàn thiện công tác *kế hoạch hóa ở nhiều cấp* và xây dựng kế hoạch từ cơ sở lên được thể chế hóa bằng một đạo luật về kế hoạch hóa, sẽ làm rõ các mối quan hệ phân cấp, phối hợp giữa nhiều cấp, các vấn đề thâm quyền, trình tự bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ trong kế hoạch hóa. Việc củng cố *chế độ hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa* được thực hiện bằng việc xây dựng, bổ sung các điều lệ về tổ chức quản lý xí nghiệp, xí nghiệp liên hợp và liên hiệp xí nghiệp các loại, kể cả trong các ngành công nghiệp, nông nghiệp, xây dựng, giao thông vận tải (như xí nghiệp đường sắt, xí nghiệp cảng...), thương nghiệp (cả nội thương và ngoại thương), sẽ vừa làm rõ quyền chủ động sáng tạo của các loại cơ sở ấy dựa trên chế độ hạch toán kinh tế, chế độ quan hệ kinh tế trực tiếp và hợp đồng kinh tế, vừa bảo đảm sự quản lý tập trung của Nhà nước về các mặt thực hiện chỉ tiêu kế hoạch, quản lý tài sản và giao nộp sản phẩm cho Nhà nước. Cần bổ sung, hoàn thiện các quy định về chế độ hạch

toán kinh tế đối với các loại hình xí nghiệp có quy mô khác nhau (xí nghiệp, xí nghiệp liên hợp, liên hiệp các xí nghiệp), các điều lệ về hợp đồng kinh tế áp dụng trong các lĩnh vực khác nhau: công nghiệp, nông nghiệp, tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, xây dựng, vận tải, phân phối lưu thông, thiết kế và nghiên cứu khoa học kỹ thuật, v.v.

Từ trước đến nay vấn đề *tổ chức, hoạt động và quản lý các hệ thống hợp tác xã* hầu như không được pháp luật điều chỉnh. Đây là một vấn đề rất quan trọng có liên quan đến việc thúc đẩy phát triển nông nghiệp và sản xuất hàng tiêu dùng, thiết lập trật tự mới trên mặt trận phân phối lưu thông, đồng thời đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa, mở rộng quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động trong lĩnh vực này. Việc ban hành pháp luật và các điều lệ mẫu chỉnh thức đối với hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, hợp tác xã tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, hợp tác xã mua bán là rất cần thiết để xác định tính chất, vị trí pháp lý của các loại hợp tác xã, mối quan hệ giữa hợp tác xã với Nhà nước, hệ thống toàn ngành của từng loại hợp tác xã, tổ chức và hoạt động của hợp tác xã cơ sở. Ngay đối với các hợp tác xã trong cùng một ngành kinh tế cũng có thể có những điều lệ mẫu khác nhau phù hợp với đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh và ngành nghề, với trình độ tập thể hóa tư liệu sản xuất và cải tạo quan hệ sản xuất, với điều kiện và hoàn cảnh cụ thể của từng miền.

Dại hội thứ V của Đảng một lần nữa khẳng định vai trò rất quan trọng của *địa bàn huyện*: «lấy huyện làm địa bàn phân công lao động, tổ chức lại sản xuất, sử dụng tốt lao động và đất đai, rừng, biển, thực hiện thâm canh, chuyên canh, phát triển trồng trọt, chăn nuôi, mở mang

ngành, nghề» (2). Trong thời gian tới mỗi huyện sẽ được xây dựng thành một cơ cấu kinh tế, một vùng nông thôn mới và một pháo đài quân sự. Chính quyền cấp huyện có nhiệm vụ quản lý toàn diện theo pháp luật các mặt hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và quốc phòng ở địa phương; thực hiện chức năng quản lý Nhà nước đối với việc sử dụng đất đai, lao động, đối với tổ chức và hoạt động của các loại hợp tác xã, cũng như đối với kinh tế quốc doanh trên địa bàn huyện, v.v. Các quy định về tổ chức quản lý ở cấp huyện hiện nay chưa đầy đủ cần được sớm bổ sung với những mô hình khác nhau phù hợp với đặc điểm địa lý kinh tế, tổ chức sản xuất và đặc điểm dân tộc, dân cư của các loại huyện khác nhau. Đồng thời những quy định về tổ chức quản lý cấp xã, phường là cấp liên hệ trực tiếp với dân trong sản xuất và cuộc sống thường ngày cũng cần được bổ sung.

Tổ chức và hoạt động về kinh tế đối ngoại và ngoại thương ngay từ đầu phải dựa vào pháp luật. Để cho tổ chức và hoạt động này chuyển biến nhanh hơn, cần sớm xây dựng luật về ngoại thương, xác định mức độ và hình thức Nhà nước công nhận cho các địa phương và các xí nghiệp lớn được tham gia kinh doanh ngoại thương; xây dựng pháp luật về hợp đồng mua bán với nước ngoài, về kinh doanh liên quốc gia, v.v. Nước ta là thành viên của Hội đồng tương trợ kinh tế, chúng ta càng cần nắm vững pháp lý của mối quan hệ kinh tế giữa nước ta và các nước anh em để làm tròn nghĩa vụ của mình.

Với một số điểm nêu trên, chúng ta cũng đã thấy phải xây dựng hàng loạt pháp luật, pháp quy.

Song xây dựng hệ thống pháp luật không phải là làm thật nhiều văn bản pháp luật, mà phải bảo đảm *chất lượng* của hệ thống đó bằng cách: cần nhắc,

lựa chọn các thể chế có tác dụng thiết thực nhất; không bỏ qua việc thể chế hóa một vấn đề cơ bản nào mà đường lối, chính sách của Đảng và thực tiễn quản lý kinh tế - xã hội của Nhà nước đòi hỏi. «*Hệ thống này phải vừa có sức thuyết phục, vừa có sức mạnh bắt buộc đối với toàn xã hội*» (3); trong nội dung quy định của nó, hệ thống pháp luật phải quán triệt các quan điểm cơ bản của Đảng về quản lý kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới (như xóa bỏ tận gốc lối quản lý hành chính quan liêu bao cấp, thực hiện tiết kiệm nghiêm ngặt, không được gây khó khăn, phiền hà cho nhân dân địa phương và cơ sở bằng những thủ tục rườm rà, phát huy tính chủ động sáng tạo của địa phương, của cơ sở, bảo đảm thống nhất ba lợi ích, v.v.); hệ thống pháp luật phải tương đối dễ hiểu đối với những công dân bình thường.



Sau khi có pháp luật, vấn đề tổ chức thi hành pháp luật có vai trò cực kỳ quan trọng. Trước hết, để thi hành được các văn bản pháp luật có nội dung chung do các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chung ban hành, các địa phương, các cơ sở thường yêu cầu các bộ có liên quan *kịp thời ra văn bản cụ thể* hóa các quy định ấy, đồng thời có *kế hoạch hướng dẫn, giúp đỡ theo dõi, kiểm tra* các địa phương, các cơ sở trong việc thi hành pháp luật.

Thực tiễn nhiều năm nay cho thấy, số dĩ tình trạng vi phạm pháp luật tăng lên, một nguyên nhân quan trọng là do trong cán bộ, công nhân, viên chức và nhân dân ta còn có nhiều

(2) Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V, *Tạp chí cộng sản*, số 4-1982, tr. 39.

(3) Báo cáo về xây dựng Đảng của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V, *Tạp chí Cộng sản*, số 5-1982, tr. 46.

người không hiểu biết pháp luật đến mức cần thiết, không nắm được các quyền, lợi ích và nghĩa vụ của mình trong những trường hợp cụ thể nhất định, cho nên họ không tránh được những việc mà pháp luật ngăn cấm và không biết đấu tranh chống những vi phạm pháp luật của người khác. Biện pháp nâng cao tinh tự giác của mọi người trong việc nghiêm chỉnh thi hành pháp luật và đấu tranh chống phạm pháp là các ngành, các cấp, các cơ sở quan tâm đầy đủ việc phổ biến, tuyên truyền, giáo dục pháp luật một cách thường xuyên, rộng rãi và đi vào chiều sâu bằng cách tổng hợp sử dụng các lực lượng cán bộ có liên quan, các phương tiện và hình thức tuyên truyền, giáo dục thích hợp. Tích cực chuẩn bị để đưa việc *giảng dạy pháp luật* vào chương trình giáo dục phổ thông và chương trình giáo dục chuyên nghiệp.

Phổ biến, tuyên truyền, giáo dục pháp luật là một biện pháp cần thiết để *phòng ngừa vi phạm pháp luật*. Nhưng chưa đủ, để từng bước và từng phần xóa bỏ những nguyên nhân và điều kiện sinh ra tình trạng vi phạm pháp luật, các cơ quan có liên quan (như tư pháp, nội vụ, thanh tra, kiểm sát, tòa án, v.v.) nên *cùng với các tổ chức xã hội* tiến hành phân tích tình hình, điều kiện và nguyên nhân vi phạm pháp luật trong từng thời kỳ, từ đó đề ra các biện pháp phòng ngừa thích hợp. Các biện pháp này thường nhiều hình nhiều vẻ và không chỉ đơn thuần là biện pháp pháp chế. Ví dụ: tổ chức tốt công tác giáo dục ở trường phổ thông; xây dựng và đưa vào hoạt động ở các câu lạc bộ thanh niên, thiếu niên ở các khu dân cư những hình thức giải trí lành mạnh hấp dẫn; những cách giáo dục thích hợp; phối hợp chặt chẽ việc giáo dục giữa nhà trường, đoàn thể và gia đình, v.v. — những biện pháp đó sẽ tạo cho thanh, thiếu niên một môi trường sống, học

tập và vui chơi lành mạnh. Việc ban hành và thực hiện những quy chế về tổ chức và hoạt động của cơ sở, thực hiện tốt chế độ làm chủ tập thể của những người lao động, kết hợp công tác kiểm tra của chính quyền với công tác thanh tra công nhân, v.v. sẽ tạo ra một môi trường hoạt động có nền nếp, có tổ chức ở cơ sở. Tất cả những việc nói trên đều có thể góp phần xóa bỏ những điều kiện và nguyên nhân vi phạm pháp luật.

Lâu nay có tình trạng việc xử lý các vi phạm pháp luật không kịp thời, nghiêm minh. Chúng ta không mong muốn dùng đến biện pháp trừng trị và không coi đó là biện pháp phải dùng nhiều nhất, nhưng một khi đã xảy ra vi phạm pháp luật thì nhất định phải áp dụng biện pháp xử lý, xử phạt thích đáng. Pháp chế xã hội chủ nghĩa coi việc xử lý *không được bỏ qua bất cứ hành vi vi phạm pháp luật nào dù nhỏ*, là một vấn đề nguyên tắc, đồng thời cũng đề ra nhiều hình thức xử phạt và tổ chức xử lý. Để ngăn chặn và răn đe, phòng ngừa vi phạm pháp luật, từ những vấn đề không lớn như vi phạm kỷ luật lao động thường ngày, làm mất trật tự ở nơi công cộng, đến những vấn đề nghiêm trọng như trộm cướp, ăn cắp tài sản xã hội chủ nghĩa có hệ thống, hối lộ, giam người trái phép, đầu cơ tích trữ, buôn lậu, làm hàng giả, v.v., đều quan trọng là nhân viên công an hoặc kiểm sát, cán bộ quản lý và cán bộ công tố có liên quan không được vì lý do gì mà bỏ qua việc xử lý — nhẹ thì khiển trách, cảnh cáo, phạt vi cảnh, nặng thì đưa ra truy tố trước pháp luật.

Căn cứ vào Hiến pháp và pháp luật, Nhà nước ta đã xây dựng các tổ chức xử lý thích hợp: trước hết tất cả các cơ quan quản lý các ngành, các cấp, các cơ sở đều có trách nhiệm xử lý các vi phạm về mặt kỷ luật hành chính và kỷ luật lao động trong phạm vi

thẩm quyền của mình; hệ thống cơ quan nội vụ, các cơ quan thanh tra, các cơ quan trọng tài kinh tế, hệ thống viện kiểm sát nhân dân, các tòa án nhân dân đều có thẩm quyền quan trọng về mặt điều tra, thanh tra, xử lý vi phạm. Trong thời gian tới, chúng ta sẽ thành lập các tổ chức của nhân dân ở các cơ sở để giải quyết những vụ vi phạm pháp luật và tranh chấp nhỏ trong nhân dân (theo điều 128 của Hiến pháp mới). Tóm như vậy, tức là *lồng hợp sử dụng tốt tất cả các hình thức tổ chức xử lý* đã có và sẽ có.



Để thực hiện được các biện pháp nói trên, cần có *một đội ngũ cán bộ pháp lý* ngày càng đông đảo công tác ở tất cả các ngành, các địa phương và các cơ sở, có phẩm chất, đạo đức tốt, có kiến thức chuyên môn về các ngành luật khác nhau (luật kinh tế, luật lao động, luật hành chính, luật hình sự, luật dân sự, luật quốc tế, v.v.) và hiểu biết các nghiệp vụ khác nhau (dự thảo luật, điều tra tội phạm, xét xử, bào chữa, nghiên cứu khoa học pháp lý, v.v.). Đồng thời đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ lãnh đạo cũng cần được trang bị những kiến thức pháp lý đến mức cần thiết.

Trong mấy chục năm qua, chúng ta chưa chú trọng đúng mức vấn đề *đào tạo cán bộ pháp lý và bồi dưỡng pháp lý cho cán bộ quản lý*. Ngày nay nó trở thành một vấn đề gay gắt, có ý nghĩa thực tiễn rất lớn. Trước hết, cần củng cố Trường đại học pháp lý Hà-nội thành trung tâm đào tạo cán bộ pháp lý lớn nhất của nước ta, nguồn cung cấp cán bộ giảng dạy pháp lý cho cả các trường khác. Yêu cầu về bồi dưỡng cán bộ pháp lý rất lớn và cấp bách, cho nên trước mắt cần tập trung sức mở các lớp bồi dưỡng pháp lý ngắn hạn cho những cán bộ được bố trí làm công tác pháp

chế nhưng chưa qua trường lớp pháp lý nào. Đồng thời tạo điều kiện cho Trường đại học pháp lý sớm mở được các lớp chuyên tu, hàm thụ cho những cán bộ pháp chế và cán bộ quản lý không có hoàn cảnh theo học tập trung dài ngày. Việc tổ chức giảng dạy pháp lý ở các trường hành chính và giảng dạy về Nhà nước và pháp luật ở các trường Đảng, bắt đầu từ trường Đảng cấp cao Nguyễn-Ái-Quốc, cũng là việc cần được đặt ra trong những năm tới.



Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định nhất đối với việc hoàn thiện pháp luật và tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa. Pháp chế xã hội chủ nghĩa thể hiện ý chí của Đảng, nguyện vọng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, cho nên tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa không những là sự nghiệp của Nhà nước mà trước hết là sự nghiệp của Đảng ta.

Trong hầu hết các nghị quyết của mình, Ban chấp hành trung ương hoặc Bộ chính trị Trung ương Đảng sau khi vạch ra những phương hướng, nhiệm vụ, đều đề ra những biện pháp bảo đảm thực hiện, trong đó có việc tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa.

Trong từng thời kỳ nhất định Trung ương Đảng vạch ra những phương hướng, nhiệm vụ và biện pháp tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa trong một nghị quyết "chuyên đề". Đó là một sự kiện rất quan trọng có tác dụng thúc đẩy nhân dân "sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật" và Nhà nước tăng cường quản lý xã hội theo pháp luật.

Như chúng ta biết, tất cả các luật và pháp lệnh đều được trình Bộ chính trị Trung ương Đảng xem xét trước khi trình Quốc hội hoặc Hội đồng Nhà

(Xem tiếp trang 50)

VẤN ĐỀ CÁ NHÂN VÀ XÃ HỘI trong nhân sinh quan của người cộng sản

Giáo sư VŨ - KHIÊU

I

SỐNG cho cá nhân mình hay cho cả xã hội? Sống để làm gì và sống như thế nào?

Đây là những vấn đề cơ bản của nhân sinh quan, những vấn đề mà trong cuộc sống con người luôn luôn đặt ra để giải quyết. Thái độ đối với những vấn đề ấy chính là thước đo trình độ và phẩm chất của con người.

Trước đây khi một người gia nhập Đảng cộng sản và bước vào cuộc chiến đấu thì trước mặt họ là nhà tù và máy chém, là trăm ngàn thử thách gian lao. Vào Đảng có nghĩa là chuẩn bị hy sinh mọi lợi ích riêng tư, cả tính mạng, tình yêu và hạnh phúc. Lúc đó, đâu có những băn khoăn giữa lợi ích cá nhân và lợi ích xã hội. Đâu có vấn đề dãi ngộ vật chất và tinh thần. Đâu có tiền tài và địa vị. Đâu có chuyện nhà rộng hay hẹp, lương thấp hay cao...

Với tâm hồn giản dị và trong sáng, người cộng sản hòa mình trong quần chúng công nhân và lao động, chiến đấu vì lợi ích của quần chúng. Giải phóng cho giai cấp và dân tộc, giải phóng cho cả nhân loại và cho mỗi con người, họ thể nghiệm sâu sắc rằng đó là lẽ sống và niềm vui cao nhất

Hơn năm mươi năm qua, những người cộng sản như thế đã là bộ mặt quang vinh của đất nước, là niềm tự hào chính đáng của Đảng ta, của dân tộc ta.

Cùng với những người cộng sản như thế, nhân dân ta đã vượt qua bao chặng đường vẻ vang, phá tan mọi trở ngại, đánh bại mọi kẻ thù để giải phóng đất nước, giành lại quyền làm chủ của mình. Những thắng lợi to lớn ấy gắn liền với trí tuệ, tài năng và cả máu xương nữa của bao người cộng sản.

Nhà tù đế quốc, thử địa ngục trần gian khủng khiếp này, với những dụng cụ tra tấn man rợ nhất vẫn không khuất phục nổi ý chí kiên cường của những người cộng sản. Phát xít Nhật, thực dân Pháp và đế quốc Mỹ với những vũ khí hiện đại nhất đã không cản được những người cộng sản cùng nhân dân chiến đấu. Mọi sự lừa bịp và dụ dỗ không lay chuyển được lòng họ. Họ đặt xuống dưới chân mọi sự cám dỗ vật chất để giữ vững phẩm chất tinh thần. Trong chiến đấu, họ lấy thân mình lấp lỗ châu mai, chèn pháo, hoặc lấy vai làm giá súng. Trước giờ lên máy chém, họ vẫn cài hoa trên đầu, hát bài ca yêu nước, vẫn nhìn đời với con mắt tin tưởng và lạc quan.

Mỗi chặng đường cách mạng là một giai đoạn khó khăn phải vượt qua, là một ngọn lửa thử vàng nung đỏ thêm khi phách và nghị lực của người cộng sản. Nhưng mỗi chặng đường cách mạng cũng sàng lọc những kẻ yếu hèn. Có những người lập được thành tích trong đấu tranh công khai nhưng lại không chịu được tra tấn trong tù. Có những người kiên cường trước sự khủng bố của giặc nhưng lại sa ngã trong cuộc sống hòa bình.

Mỗi giai đoạn cách mạng đánh dấu một chuyển biến mới về tình hình và nhiệm vụ, đòi hỏi ở người cộng sản những nhận thức mới và tinh cảm mới. Có người không theo kịp yêu cầu mới của cách mạng đã ngã bèn đường hoặc lùi lại đằng sau. Có những người trở thành vật chướng ngại trước bánh xe lịch sử.

Luôn luôn gạt bỏ những kẻ lạc hậu và tiếp nhận những phần tử ưu tú vào đội ngũ, đó là quy luật phát triển của Đảng, là yêu cầu tất yếu của cách mạng.

Đại hội thứ V của Đảng tiến lên một bước làm sáng tỏ thêm đường lối đúng đắn của Đảng và trên cơ sở khoa học vạch ra những bước đi cụ thể trên mọi lĩnh vực. Chúng ta đang đi vào giai đoạn mới của cách mạng với những mục tiêu to lớn nhưng cũng với những khó khăn chồng chất trên đường. Khó khăn vốn có từ nền sản xuất nhỏ, khó khăn do địch gây ra và cả những khó khăn do ta chưa có nhiều kinh nghiệm quản lý kinh tế và quản lý xã hội. Báo cáo về xây dựng Đảng tại Đại hội thứ V của Đảng đã nêu rõ: « Khó khăn còn nhiều, những người cộng sản phải có thái độ đứng trước khó khăn, không ảo tưởng, nản lòng, phải nhận rõ ranh giới giữa 2 con đường đi ra sức vươn lên cùng với nhân dân khắc phục khó khăn giành bằng được thắng lợi, chống ý lại, bàng quan, vô trách

nhiệm, dao động, hoặc chùn bước trước khó khăn ». Song trong thực tế, những khó khăn này lại tác động không ít vào tâm tư và ý chí của những tầng lớp xã hội chưa được vững vàng và cả một số cán bộ, đảng viên.

Chiến thắng oanh liệt của nhân dân ta sau 30 năm chiến đấu gian khổ đã giành lại sự toàn vẹn của lãnh thổ, và mở ra một chân trời rực sáng cho đất nước độc lập và tự do. Tuy nhiên, bước ngoặt lớn đẩy triển vọng này của lịch sử lại dễ khiến nhiều người chỉ thấy thuận lợi mà không thấy hết khó khăn. Gia đình được no ấm, con cái được học tập, nhu cầu vật chất và văn hóa được dần dần thỏa mãn, đó cũng chỉ là những nguyện vọng chính đáng trong cuộc sống. Nhưng không thấy hết những tai họa mà kẻ địch đã để lại và tiếp tục gây thêm, không nhận ra những thiếu thốn lớn lao trong công cuộc xây dựng đất nước, thì sẽ dễ dàng đòi hỏi những điều mà thực tế xã hội không thể giải quyết.

Những khó khăn tất yếu trong buổi giao thời này đã khiến một số người bi quan, dao động. Ở họ, sự sa sút trong tinh thần đã dẫn đến những hành động tiêu cực ngoài xã hội. Khi niềm tin cách mạng và nhiệt tình chiến đấu đã như ngọn lửa tàn lụi dần, thì tâm hồn con người sẽ lập tức trở thành miếng đất hoang vu cho mọi cỏ độc tư tưởng sinh sôi. Lối sống ích kỷ và đồi trụy mà chủ nghĩa thực dân mới từng gieo rắc suốt 20 năm ở miền Nam và đã bị cách mạng quét đi năm 1975, gần đây lại có chiều hồi sinh và phát triển. « Cuộc đời là phi lý », « mọi giá trị tinh thần là viên vông » ! Trước hết hãy thỏa mãn những nhu cầu vật chất, « hãy sống gấp đi », « hãy tranh thủ mọi hưởng thụ hằng ngày » ! Những lời lẽ ấy như một tà khí đang tìm cách len lỏi vào các tầng lớp thanh niên dễ mê hoặc, lôi kéo và xô

ngã họ... Khi thế giới quan Mác - Lênin và nhân sinh quan cộng sản không còn ngự trị trong đầu óc con người thì mọi sự hủ bại vốn đã thống trị hàng nghìn năm trong các xã hội cũ lại hiện ra như những bóng ma dẫn lối, chỉ đường cho những phần tử thoái hóa. Danh lợi, địa vị, kèn cựa, bè phái, nịnh trên nạt dưới cùng mọi thủ đoạn gian dối để vinh thân phì gia lại diễn ra, khi bộc lộ công khai, khi giấu ngầm che dầy.

Nhiều luận điệu đã được đưa ra để bào chữa cho những hành vi tiêu cực. Theo họ, con người chẳng qua chỉ là một sinh vật. Trước hết nó phải sống cho bản thân nó đã, nó biết đâu xã hội là gì, nó chỉ biết đói thì phải ăn, khát thì phải uống. Chính Mác đã chẳng nói: « Con người sinh ra trước hết phải ăn, mặc, ở đã » đó sao? Theo họ, thật là vô lý khi đòi hỏi con người phải phục vụ xã hội, phải hy sinh cho Tổ quốc và nhân loại. Từ đó, họ kết luận, cá nhân mình là trên hết. Khi bàn về mối quan hệ giữa lợi ích cá nhân và lợi ích xã hội, giữa trước mắt và lâu dài, giữa vật chất và tinh thần thì họ dứt khoát coi lợi ích cá nhân, lợi ích trước mắt và lợi ích vật chất là cao nhất, là thiết thực nhất. Theo họ, thì hãy để cho những người « duy tâm » chạy theo cái « viển vông » của lợi ích tinh thần, lợi ích lâu dài, lợi ích xã hội...

Phương châm của người cộng sản là: « Mỗi người vì một người, mọi người vì mọi người » đã thực tế không còn tồn tại ở một số người nữa. Ở những người này, phương châm chỉ phối ý nghĩ và hành vi của họ lại là câu nói hủ bại và quen thuộc của giai cấp tư sản: « Mỗi người lo cho bản thân của mình, còn thương để thì lo cho tất cả ».

Vấn đề cơ bản của nhân sinh quan lại được đặt ra trong thâm tâm của mỗi người « sống cho bản thân mình hay sống cho cả xã hội? ».

II

Dựa vào chủ nghĩa duy vật lịch sử, người cộng sản luôn luôn phân tích những điều kiện cụ thể khách quan để phát hiện ra quy luật của xã hội và xác định thái độ của bản thân. Cảnh áp bức giai cấp, nỗi đau khổ của nhân dân, con đường giải phóng của họ... đó là những sự kiện thiết thực đang được đặt ra và cần được giải quyết. Người cộng sản không xuất phát từ một lý tưởng xa lạ với hiện thực, mà xuất phát từ hiện thực để đấu tranh cho sự tiến bộ của xã hội và hạnh phúc của con người. Hằng ngày, mọi người phải lo các vấn đề ăn, mặc, ở của gia đình, học tập của con cái, tiến bộ của bản thân. Chăm sóc đến lợi ích cá nhân như thế là bình thường. Lợi ích ấy không chỉ cá nhân phải chú ý mà xã hội cũng có trách nhiệm quan tâm.

Nhưng gần đây do những khó khăn về mặt kinh tế, đời sống còn thiếu thốn, nhiều người đã dao động. Họ đâm lo là với lợi ích chung của xã hội mà chỉ chăm lo thu vén cho bản thân mình. Nhiều hiện tượng tiêu cực ngoài xã hội đã nảy sinh. Những kẻ đầu cơ, buôn lậu, ăn cắp của công, lừa bịp quần chúng đã làm giàu một cách phi pháp và sống xa hoa trên sự thiếu thốn của nhiều người. Do sơ hở của ta về mặt quản lý kinh tế, quản lý xã hội và cũng do nơi này, nơi khác không nắm vững quy luật phân phối xã hội chủ nghĩa, ta đã dễ kéo dài nhiều tình trạng bất công, thiếu sự trừng phạt kịp thời đối với những kẻ có tội và thiếu sự đãi ngộ thích đáng đối với những người có công. Tình hình đó không khuyến khích và cổ vũ được những người tốt, việc tốt. Ngược lại, cũng không ngăn chặn được những hành vi hư hỏng ngoài xã hội. Đảng đã có nhiều chỉ thị nhằm chấm dứt những hiện tượng bất công này. Chúng ta đang phấn đấu để không còn tình trạng những người này toàn

tâm, toàn ý lao động cho xã hội thì phải sống một cách túng thiếu, còn những kẻ kia chỉ chăm lo cho lợi ích gia đình, tìm mọi cách xâm phạm lợi ích xã hội, thì sống một cách phê phỡn. « Làm nhiều hưởng nhiều, làm ít hưởng ít », quy luật này của chủ nghĩa xã hội nhất định phải được tôn trọng.

Giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa lợi ích cá nhân với lợi ích tập thể và lợi ích xã hội là vấn đề đang đặt ra ở mỗi xí nghiệp, mỗi cơ quan, mỗi hợp tác xã, cũng như ở mỗi gia đình, ở mỗi người lao động. Lợi ích cá nhân là một hiện tượng thực tế, là điều thiết thực ở mỗi con người. Không thừa nhận điều ấy là duy tâm, là chủ quan, nhưng ở mỗi chế độ khác nhau và ở mỗi giai cấp khác nhau, cách giải quyết vấn đề này không giống nhau.

Dưới chế độ tư bản, quan hệ giữa lợi ích của cá nhân người lao động với lợi ích của Nhà nước tư bản, giữa lợi ích của công nhân với lợi ích của nhà tư bản là mối quan hệ đối kháng. Dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, trên cơ sở của sự chiếm hữu công cộng của Nhà nước, của tập thể về các tư liệu sản xuất chủ yếu, thì lợi ích xã hội và lợi ích tập thể là nền tảng của lợi ích cá nhân. Lợi ích cá nhân không đối lập với lợi ích xã hội và lợi ích tập thể mà ngược lại lấy lợi ích xã hội và lợi ích tập thể làm tiền đề. Trong xã hội ta, *thu hoạch chính đáng* của cá nhân, mức sống của gia đình chỉ có thể được nâng cao khi trình độ sản xuất xã hội phát triển, khi hợp tác xã được mùa, khi xí nghiệp hoàn thành nhiệm vụ. Hăng say làm việc, đóng góp ngày một nhiều cho tập thể, cho xã hội cũng là chăm lo cho chính cuộc sống của gia đình và của bản thân. Chịu « thiệt » một chút ít cho lợi ích của xí nghiệp, của cơ quan, của hợp tác xã cũng chỉ có nghĩa là đem lợi ích trước mắt phục tùng lợi ích lâu dài của bản thân mình mà thôi.

Những người đó cảm thấy tự hào và sung sướng được phục vụ cho lợi ích xã hội, lợi ích của Tổ quốc họ, lợi ích của giai cấp công nhân và nhân dân lao động mà họ là một thành viên. Họ hiểu rõ rằng lợi ích xã hội là sự bảo đảm chắc chắn nhất cho lợi ích lâu dài và cao cả của chính họ.

Những điều cơ bản trên đây của nhân sinh quan cộng sản chủ nghĩa không phải mọi người đã nhận thức được. Do đó, có nhiều nơi đã xử lý không đúng đắn mối quan hệ giữa ba lợi ích. Có những hiện tượng đã tách lợi ích cá nhân ra khỏi lợi ích tập thể, và đối lập lợi ích tập thể với lợi ích xã hội. Có những người làm cho tập thể mình mà cứ như trước đây người công nhân làm cho nhà tư bản vậy. Có những người tính toán chi ly hơn thiệt. Họ đòi dãi ngộ cho mình càng nhiều càng tốt, bất kể lợi ích tập thể bị xâm phạm như thế nào. Có những đơn vị đã chuyển sản phẩm chính của quốc gia thành « phê phâm » hoặc đưa sang kinh doanh để lấy tiền chia cho « tập thể ». « Tập thể » ở đây có nghĩa là tập hợp những cá nhân chỉ quan tâm đến lợi ích của bản thân mình, không đếm xỉa đến lợi ích xã hội.

Trong quan hệ giữa ba lợi ích mà chỉ quan tâm đến lợi ích cá nhân mình thì điều đó có nghĩa là đã xa rời nền tảng của chủ nghĩa xã hội và phá hoại nền tảng đó. Xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa ba lợi ích, người cộng sản quan tâm thích đáng đến từng loại lợi ích, trong đó có lợi ích thiết thực của người lao động, bảo đảm cho những người đóng góp nhiều hơn cho xã hội được dãi ngộ nhiều hơn. Bằng khuyến khích về vật chất và cổ vũ về tinh thần, người cộng sản động viên mọi người hoàn thành tốt nhất mọi nghĩa vụ lao động và chiến đấu đề trên cơ sở đó mỗi người có thể nhận lấy lợi ích chính đáng của cá nhân, đem lại hạnh phúc cho gia đình và vinh dự cho bản thân. Đó là sự công

bằng xã hội chủ nghĩa mà người cộng sản đấu tranh cho quần chúng nhân dân. Nhưng đối với bản thân mình, người cộng sản lại không phải chỉ vì sự công bằng ấy. Họ phấn đấu cho một lý tưởng cao cả. Và vì vậy bao giờ họ cũng tự giác chăm lo trước hết đến lợi ích xã hội; đặt lợi ích cá nhân mình phục tùng lợi ích xã hội và khi cần thiết, hy sinh lợi ích cá nhân cho lợi ích xã hội.

III

Khi người cộng sản thoái hóa đến mức chỉ còn biết chăm lo đến lợi ích vật chất của cá nhân và từ đó xâm phạm vào lợi ích của xã hội thì họ không còn là người cộng sản nữa.

Tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa là thực hiện bước ngoặt lớn nhất trong lịch sử loài người, là lần đầu tiên xóa bỏ áp bức bóc lột, là giải phóng triệt để cho cả xã hội và cho mỗi con người. Không thể thực hiện được nhiệm vụ cực kỳ khó khăn này, nếu như không có những con người có đủ phẩm chất cách mạng và năng lực. Khi Hồ Chủ tịch nói: « Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước hết phải có con người xã hội chủ nghĩa » thì Người vừa nhấn mạnh sự nghiệp cao cả của cách mạng xã hội chủ nghĩa, vừa đòi hỏi nhân dân ta, trước hết là những người cộng sản phải đặt lợi ích xã hội lên trên lợi ích bản thân, phải toàn tâm, toàn lực phục vụ cách mạng. Hơn 50 năm qua, Đảng đã giáo dục và rèn luyện những đảng viên của mình, những người cộng sản, theo tinh thần ấy.

Đặt lợi ích của xã hội xã hội chủ nghĩa lên trên lợi ích bản thân, đặc điểm này ở người cộng sản không phải là một điều khó hiểu. Bởi vì, đã từ lâu, được Đảng giáo dục, người cộng sản đã biết kế thừa và phát huy lên một trình độ mới về chất những phẩm chất tốt đẹp của giai cấp công nhân, truyền thống quý báu của dân

tộc Việt-nam và bản tính tốt đẹp của nhân loại. Giai cấp công nhân là giai cấp bao gồm những người chỉ có thể giải phóng bản thân khi giải phóng cả giai cấp, và giải phóng giai cấp gắn liền với giải phóng cả nhân loại. Họ là những người ít đầu óc tư hữu nhất, là người giàu lòng hào hiệp và sẵn sàng chiến đấu kiên cường cho lợi ích chung.

Dân tộc Việt-nam là một dân tộc suốt mấy nghìn năm lịch sử đã thương yêu nhau và gắn bó mật thiết với nhau để chống lại sự phá hoại của thiên tai và sự hủy diệt của quân xâm lược. Sẵn sàng hy sinh cho Tổ quốc, cho đồng bào mình, đó là lẽ sống thông thường, là điều kiện tồn tại của cả dân tộc.

Bản tính tốt đẹp của nhân loại thể hiện trước hết ở *tinh xã hội* của con người. Là một thực thể xã hội, con người chỉ có thể tồn tại trong sự gắn bó thường xuyên với xã hội như một tế bào trong cơ thể. Từ việc thỏa mãn những nhu cầu vật chất và tinh thần cho đến mọi suy nghĩ và hành động, con người đều dựa vào xã hội và là sản phẩm của xã hội.

Được hình thành và phát triển trên cơ sở của những đặc điểm trên đây, người cộng sản từ lâu đã đấu tranh cho sự nghiệp giải phóng giai cấp công nhân, giải phóng dân tộc và giải phóng nhân loại. Và ngày nay, những người cộng sản Việt-nam coi xã hội xã hội chủ nghĩa như bản thân mình. Phục vụ xã hội xã hội chủ nghĩa đối với họ là *lẽ sống*, là *vinh dự*, là *hạnh phúc*. Xã hội có giai cấp đã tạo ra sự tha hóa của con người và tách *bản chất người* ra khỏi con người. Con người đáng lẽ phải thương yêu nhau thì giai cấp bóc lột đã đối xử với người như chó sói với người. Vì lợi ích của cá nhân, họ nô dịch cả xã hội. Nhân danh « xã hội », họ áp bức và bóc lột những cá nhân khác. Chính vì thế mà bản tính người cũng không

còn ở họ nữa. Nhân dân lao động bị tước đoạt cả đến những điều kiện sinh sống tối thiểu của con người. Lao động khổ cực cho người khác, sống giữa một xã hội đầy dẫy bất công, không có điều kiện để phát triển bản thân mình, người lao động trong xã hội cũ không hiểu được lẽ sống của mình nữa. Ở họ, *vinh dự* luôn luôn bị chà đạp và *hạnh phúc* là điều không bao giờ họ dám nghĩ tới. Giai cấp tư sản luôn luôn đề cao *cuộc sống tiêu dùng*, lôi cuốn mọi người vào những hưởng thụ vật chất. Gây bao tội ác để kiếm tiền, tìm mọi cách để mua sắm và để thỏa mãn những dục vọng thấp hèn: đó là lối sống đang trỗi lên xã hội tư bản. Nhưng lối sống hạ thấp con người này không bao giờ đem lại hạnh phúc. Âm mưu và tội ác luôn luôn hủy diệt tâm hồn. Hành lạc ngày đêm không thể xua tan chán chường và buồn nản. Cuối cùng cuộc sống ích kỷ sẽ dẫn tới cô đơn tuyệt vọng, điên cuồng và bế tắc.

Xã hội mà chúng ta xây dựng là một xã hội hoàn toàn khác. Ở đây, con người từ địa vị nô lệ chuyển sang địa vị làm chủ. Từ chỗ mỗi người lo cho bản thân mình, từ nay « mỗi người vì mọi người, mọi người vì mỗi người ». Với tư thế *làm chủ tập thể*, con người trong xã hội mới

nhận ra hạnh phúc cao nhất của mình là ở *lao động, tình thương và lẽ phải*. Trong xã hội mới, người cộng sản là người đi đầu, theo ý nghĩa mới này của cuộc sống. Lao động sáng tạo vì xã hội của mình, sống giữa tình thương của xã hội, cùng với xã hội mình, không ngừng phát triển trí tuệ và tài năng: đó là lẽ sống chi phối suốt cuộc đời của người cộng sản trong quá trình xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa. Đó là *vinh dự* và *niềm vui* cao nhất ở họ. Với lẽ sống ấy, người cộng sản luôn luôn lạc quan và tin tưởng. Họ khắc phục mọi khó khăn để đấu tranh cho lợi ích của cả xã hội.

Không gì cản được họ trên con đường họ đi.

Không có gian khổ, thiếu thốn nào khiến được họ nản lòng.

Không sự mất mát thiệt thòi nào làm họ dao động.

Cả trong chiến đấu âm thầm, dù xã hội biết hay không biết, dù được đánh giá như thế nào, người cộng sản vẫn kiêu hãnh tiến về phía trước.

Được như thế, chính vì người cộng sản đã coi xã hội xã hội chủ nghĩa là bản thân mình. *Lợi ích xã hội* là nội dung cơ bản trong nhân sinh quan của họ.

Vài suy nghĩ về

VẤN ĐỀ ĐẤU TRANH CHỐNG QUAN LIÊU

TRẦN-HỒNG-PHONG

CHỦ nghĩa quan liêu là sản phẩm của xã hội cũ, là con đẻ của các giai cấp bóc lột. Dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, chủ nghĩa quan liêu chỉ còn là một dạng tàn dư, nhưng nếu không kiên quyết đấu tranh khắc phục thì nó sẽ gây tác hại lớn.

Cuộc đấu tranh chống quan liêu là một bộ phận của cuộc đấu tranh nhằm tăng cường sức mạnh của Nhà nước xã hội chủ nghĩa, phát

huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động trong việc chủ động sáng tạo xây dựng xã hội mới. Đây là một vấn đề lớn, phức tạp, đòi hỏi phải có sự phối hợp nghiên cứu của nhiều ngành khoa học xã hội như: triết học, chủ nghĩa cộng sản khoa học, lịch sử, tâm lý — xã hội học, pháp chế, văn học nghệ thuật, v.v. Nhằm góp phần vào việc nghiên cứu vấn đề ấy, bài này xin đề cập tới mấy khía cạnh sau đây:

I — TÍNH TẤT YẾU VÀ TÍNH CHẤT CỦA CUỘC ĐẤU TRANH CHỐNG QUAN LIÊU

1 — Chủ nghĩa quan liêu là một phạm trù lịch sử gắn liền với xã hội có giai cấp; chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới triệt để xóa bỏ chủ nghĩa quan liêu.

Dưới chế độ cộng sản nguyên thủy, do lực lượng sản xuất chưa phát triển, giai cấp và Nhà nước chưa ra đời, xã hội chưa có sự phân biệt giàu nghèo, và như Mác nói: con người có thể còn chưa tách khỏi cái cuống nhau của những mối quan hệ thị tộc. Do đó, chủ nghĩa quan liêu chưa thể nảy mầm và bén rễ được.

Chủ nghĩa quan liêu hình thành từ khi xã hội phân chia thành giai

cấp và ngày càng phát triển nặng nề trong các cơ quan Nhà nước của các giai cấp bóc lột. Trong chế độ chiếm hữu nô lệ đã tồn tại những tổ chức và chức vụ quan liêu, đẳng cấp phức tạp. Những bộ máy quan lại quan liêu lớn đã có trong Nhà nước phong kiến. Dưới chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa quan liêu đã phát triển cực kỳ tinh vi và phức tạp, hàng loạt mạng lưới tổ chức hành chính, cảnh sát, quân sự, các đảng phái chính trị, các tổ chức quản lý và các tổ chức phi Nhà nước của giai cấp tư sản mọc lên như nấm. Giai cấp tư sản duy trì bộ máy quan liêu dân sự và

quản sự rộng lớn để bảo vệ quyền thống trị và bóc lột của chúng và để nhờ đó kiếm thêm được những món tiền béo bở mà chúng không thể thu được dưới các hình thức lợi nhuận, lợi tức, địa tô và tiền thù lao. Giai cấp tư sản dù có che đậy tình vi đến đâu thì bản chất của chế độ dân chủ tư sản cũng là chế độ quan liêu chống nhân dân. Lê-nin viết: «Chế độ đại nghị tư sản là chế độ kết hợp chế độ dân chủ (không phải cho nhân dân) với chế độ quan liêu (chống nhân dân)» (1).

Chỉ đến chủ nghĩa xã hội, Nhà nước chuyển chính vô sản mới triệt để thủ tiêu chủ nghĩa quan liêu cùng với những tàn dư của xã hội cũ nói chung.

2 — Tiến hành cuộc đấu tranh chống quan liêu là một tất yếu khách quan xuất phát từ bản chất của Nhà nước chuyển chính vô sản, bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa, xuất phát từ yêu cầu khách quan của sự nghiệp xây dựng chế độ mới, nền kinh tế mới, nền văn hóa mới và con người mới xã hội chủ nghĩa. Lê-nin đã chỉ rõ: « Muốn tiếp tục công cuộc kiến thiết xã hội chủ nghĩa thì cần thiết và cấp bách phải tiếp tục đấu tranh chống bọn quan liêu » (2), và « cần phải hiểu rằng cuộc đấu tranh với chủ nghĩa quan liêu là tuyệt đối cần thiết và cũng phức tạp như cuộc đấu tranh với xu thế tự phát tiêu tư sản » (3).

Ngay từ những ngày đầu của Cách mạng Tháng Mười, Lê-nin đã sớm nhìn thấy biểu hiện « phục hồi » bệnh quan liêu trong lĩnh vực quản lý Nhà nước, quản lý kinh tế. Những tác phẩm của Lê-nin: « Nhà nước và cách mạng », « Nhiệm vụ trước mắt của chính quyền xô viết », « Cái tổ ban kiểm tra công nông như thế nào? », « Thà ít mà tốt », v.v. và những nghị quyết của Đảng cộng sản Liên-xô về vấn đề đấu tranh chống quan liêu cũng như những kinh nghiệm của

chính quyền xô viết về cuộc đấu tranh này là những bài học sâu sắc về lý luận và thực tiễn đối với chúng ta.

Ở nước ta, ngay từ những năm đầu của chính quyền cách mạng (1946 — 1947), Hồ Chủ tịch đã nghiêm khắc phê phán bệnh quan liêu. Trong tác phẩm « Sửa đổi lối làm việc », Người đã vạch ra một cách sâu sắc những biểu hiện, nguyên nhân, tác hại và phương pháp đấu tranh khắc phục bệnh quan liêu. Người đặc biệt nhấn mạnh sự cần thiết của cuộc đấu tranh chống quan liêu, coi bệnh quan liêu là một kẻ địch nguy hiểm, đồng minh của đế quốc, phong kiến phá hoại ta từ bên trong.

Trong mấy chục năm nay, Đảng ta luôn luôn đấu tranh chống tệ quan liêu trong cán bộ, đảng viên và nhân viên Nhà nước. Tại Đại hội toàn quốc thứ V, Đảng đã chỉ rõ: « Sự trì trệ hiện nay trên nhiều lĩnh vực quan trọng, trước hết là trong kinh tế, có nguồn gốc sâu xa từ tư tưởng chủ quan báo thủ và tệ quan liêu... Tệ quan liêu đang gây trì trệ nghiêm trọng trong bộ máy, nó ngăn cản tiếp cận các vấn đề thực tiễn, làm cho cán bộ không sát cơ sở, không lắng nghe được ý kiến của đảng viên và quần chúng ở cơ sở, khiến cho cơ quan cấp trên thiếu nhạy bén với thực tiễn... » (4). Vì vậy, muốn khắc phục tình trạng trì trệ hiện nay, đưa công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội tiến lên, một yêu cầu hết sức quan trọng đặt ra là phải kiên quyết đấu tranh khắc phục tệ quan liêu.

(1) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*. Nxb Tiến bộ Mát-xcơ-va. 1976, tập 33 tr. 135.

(2) V. I. Lê-nin: *Toàn tập*. Nxb Sự thật, Hà-nội. 1971, tập 29, tr. 119.

(3) V. I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà-nội. 1970, tập 32, tr. 241.

(4) Báo cáo về xây dựng Đảng của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V, *Tạp chí Cộng sản*, số 5-1982, tr. 28.

3 - Đấu tranh chống quan liêu là một cuộc vận động cách mạng vừa có tính chất cấp bách vừa có tính chất lâu dài và phức tạp nở diễn ra trên phạm vi rộng lớn và ở nhiều lĩnh vực hoạt động khác nhau của xã hội.

Lê-nin đã kịch liệt phê phán hai xu hướng sai lầm về tính chất của cuộc đấu tranh chống quan liêu. Xu hướng thứ nhất là hoài nghi về khả năng khắc phục chủ nghĩa quan liêu của chính quyền xô viết. Xu hướng thứ hai là nản lòng, hy vọng có thể xóa bỏ chủ nghĩa quan liêu ngay lập tức bằng những biện pháp hành chính. Lê-nin viết: "Chống chủ nghĩa quan liêu, chúng ta sẽ đấu tranh lâu dài, và người nào nghĩ khác thể thì người đó là kẻ bịp bợm và mị dân, vì muốn thắng chủ nghĩa quan liêu, thì phải có hàng trăm biện pháp, phải xóa bỏ hoàn toàn nạn mù chữ, tất cả mọi người đều phải có văn hóa, tất cả

mọi người đều phải tham gia vào công việc của Bộ kiểm tra công nông" (5).

Như vậy, cuộc đấu tranh chống quan liêu là lâu dài, phức tạp và khó khăn. Đây không phải là cuộc đấu tranh đơn thuần hành chính mà là một cuộc vận động cách mạng có ý nghĩa về nhiều mặt: chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội.

Ở nước ta, bệnh quan liêu không những phản ánh tình trạng phân tán, tụt lụt của sản xuất nhỏ, mà còn chịu ảnh hưởng nặng nề lối cai trị của phong kiến và thực dân. Do đó dĩ nhiên là không thể một sớm một chiều bằng một vài cuộc vận động sôi nổi nhất thời là có thể khắc phục được. Trình độ kinh tế, văn hóa càng lạc hậu bao nhiêu thì tính chất của cuộc đấu tranh chống quan liêu càng lâu dài, khó khăn và phức tạp bấy nhiêu.

II - NHỮNG NGUYÊN NHÂN CỦA CHỦ NGHĨA QUAN LIÊU

Dưới chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa quan liêu tuy chỉ là một dạng tàn dư, nhưng sự tồn tại của nó lại bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân khác nhau: có nguyên nhân sâu xa về kinh tế - xã hội; có nguyên nhân về trình độ văn hóa, trình độ tổ chức quản lý kinh tế; có nguyên nhân về tư tưởng, đạo đức, tâm lý; có nguyên nhân khách quan, có nguyên nhân chủ quan.

1 - Nguyên nhân về kinh tế - xã hội:

Nguồn gốc kinh tế của chủ nghĩa quan liêu là gì? Theo Lê-nin, cần phải phân biệt hai loại nguồn gốc kinh tế chủ yếu của chủ nghĩa quan liêu. Người viết: "Những nguồn gốc ấy chủ yếu có hai loại: một là giai cấp tư sản phát triển cần có một bộ máy quan liêu, trước hết có tính chất quản sự, sau có tính cách pháp lý, v.v., để chống lại phong trào cách mạng

của công nhân (và một phần nào của nông dân nữa). Điều đó hiện nay ở nước ta không có" (6).

Như vậy theo Lê-nin, cơ sở kinh tế của chế độ quan liêu tư sản, phong kiến là chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất; chủ nghĩa quan liêu là kiến trúc thượng tầng của cơ sở kinh tế tư hữu đó. Khi giai cấp vô sản đã giành được chính quyền, bộ máy Nhà nước của giai cấp bóc lột đã bị xóa bỏ thì chế độ tư hữu, nguồn gốc kinh tế của chủ nghĩa quan liêu cũng bị thủ tiêu thông qua quá trình cải tạo quan hệ sản xuất cũ, thiết lập và củng cố quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa.

(5) V. I. Lê-nin: *Tuyển tập*. Nxb Sự thật, Hà Nội, 1970, tập 32, tr. 77.

(6) V. I. Lê-nin: *Sách đã dẫn*, tr. 456.

Song, những tàn dư của chủ nghĩa quan liêu dưới chủ nghĩa xã hội vẫn còn có nguồn gốc kinh tế sâu xa của nó. Lê-nin viết: « Ở nước ta, nguồn gốc kinh tế của chủ nghĩa quan liêu là thuộc loại khác; ấy là tình trạng riêng rẽ, tình trạng phân tán của những người sản xuất nhỏ, cảnh khốn cùng của họ, tình trạng dốt nát của họ, tình trạng không có đường sá, nạn mù chữ, tình trạng không có những sự trao đổi giữa nông nghiệp và công nghiệp, tình trạng thiếu sự liên hệ và tác động qua lại giữa công nghiệp và nông nghiệp... Chủ nghĩa quan liêu, di sản của «tình trạng bị bao vây», thường tăng kiến trúc dựa trên tình trạng phân tán và nản chí của người sản xuất nhỏ, đã hoàn toàn bộc lộ » (7).

Như vậy, theo Lê-nin, chủ nghĩa xã hội tuy đã được thiết lập, song cơ sở kinh tế của nó chưa phát triển, và gắn liền với tình trạng chưa phát triển về kinh tế là tình trạng lạc hậu về văn hóa, về tổ chức quản lý, lại bị chiến tranh tàn phá và bao vây. Mặt khác, như Lê-nin nói, quần chúng đã quen có đến 99% với những nhiệm vụ quân sự và chính trị. Đó là nguồn gốc kinh tế sâu xa làm tái sinh chủ nghĩa quan liêu.

Nguồn gốc kinh tế của bệnh quan liêu ở nước ta, ngoài những đặc điểm kinh tế chung của thời kỳ quá độ, còn có những đặc điểm riêng. Nước ta từ một nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, sản xuất nhỏ là phổ biến, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, lại chịu những hậu quả nặng nề và liên tục của chiến tranh và thiên tai. Hậu quả của cuộc chiến tranh trước chưa khác phục được thì kẻ thù lại gây ra hai cuộc chiến tranh mới và hiện nay đang ra sức phá hoại ta về nhiều mặt. Cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội còn yếu; trình độ văn hóa, khoa học kỹ thuật của chúng ta còn thấp. Mặt khác, hàng loạt nhu cầu

mới của nhiệm vụ trong nước và nghĩa vụ quốc tế đặt ra hết sức cấp bách

2 - Nguyên nhân về trình độ tổ chức quản lý:

Ngoài nguyên nhân sâu xa về kinh tế, chủ nghĩa quan liêu còn có nguyên nhân về tổ chức bộ máy, như cơ cấu bộ máy công kênh kém hiệu lực, chế độ trách nhiệm cá nhân và lễ lối làm việc không rõ ràng.

Trong thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội, công tác tổ chức không phải chỉ là công tác cán bộ, công tác xây dựng Đảng, mà còn bao gồm một loạt vấn đề về sắp xếp cơ cấu của nền kinh tế quốc dân, về xây dựng bộ máy quản lý Nhà nước, quản lý kinh tế, văn hóa, quy định những chế độ, nhiệm vụ, chức trách, quyền hạn của mỗi cấp, mỗi ngành, bảo đảm thực hiện những nhiệm vụ chính trị, kinh tế của từng thời kỳ.

Ở nước ta, do chưa trải qua trường học của nền sản xuất lớn cơ khí hóa và do những khuyết điểm chủ quan của chúng ta nữa, cho nên trong nhiều khâu của bộ máy Nhà nước, bộ máy quản lý kinh tế, văn hóa, quản lý sản xuất và phục vụ đời sống nhân dân đã bộc lộ tình trạng lúng túng, lỏng lẻo, chậm chạp, kém hiệu lực. Bộ máy vừa có tính chất tập trung quan liêu, công kênh, cách bức, vừa phân tán, chia cắt, không bảo đảm sự quản lý tập trung và thống nhất của trung ương, sự quản lý thông suốt của các ngành, đồng thời không phát huy được tính chủ động của địa phương và cơ sở.

Tổ chức bộ máy, lễ lối làm việc, chế độ, chính sách của chúng ta hiện nay chưa đáp ứng được yêu cầu của đường lối, quan điểm và nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ kinh tế của Đảng, một trong những nguyên nhân quan

(7) V.I. Lê-nin: *Tổng tập*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1970, tập 32, tr. 456 - 457.

trọng là bệnh quan liêu trong bộ máy rất nghiêm trọng.

3 — Nguyên nhân về trình độ văn hóa, tư tưởng, đạo đức, tâm lý.

Gắn liền với sự lạc hậu về kinh tế là tình trạng lạc hậu về văn hóa, đó cũng là một nguyên nhân làm nảy sinh chủ nghĩa quan liêu. Nhà nước chuyên chính vô sản là Nhà nước của dân, song để nhân dân làm chủ được Nhà nước của mình thì một trong những yếu tố cần thiết là phải có một trình độ văn hóa nhất định. Tình trạng lạc hậu về văn hóa chẳng những là miếng đất tốt cho sự ăn náu của chủ nghĩa quan liêu, của những tập tục xã hội cũ, mà còn là trở ngại lớn đối với quần chúng trong việc trực tiếp tham gia quản lý và giám sát hoạt động của bộ máy Nhà nước.

Chủ nghĩa quan liêu còn có nguyên nhân về tư tưởng: về khách quan là ảnh hưởng tư tưởng của các giai cấp bóc lột, về chủ quan là chủ nghĩa cá nhân.

Chủ nghĩa quan liêu xét về bản chất là lối cai trị của các giai cấp bóc lột đối với quần chúng nhân dân lao động. Sau khi các giai cấp bóc lột đã bị lật đổ thì những tập quán hành chính quan liêu của chế độ cũ còn tác động đến phong thái chỉ đạo và lễ lối làm việc của một số cán bộ, đảng viên, nhất là những cán bộ, đảng viên có chức, có quyền. Hồ Chủ tịch đã chỉ rõ, bệnh quan liêu là sản phẩm của xã hội cũ, cán bộ, đảng viên là người sinh trưởng trong xã hội đó nhất định chịu ảnh hưởng những thói xấu của xã hội cũ. Người viết: « Tham ô, lãng phí, quan liêu là những xấu xa của xã hội cũ. Nó do lòng tự tư, tự lợi, ích kỷ hại nhân mà ra. Nó do chế độ "người bóc lột người mà ra" (8).

Ở nước ta, cần thấy rõ những tàn dư nặng nề của chế độ phong kiến

và thực dân. Cán bộ, đảng viên chúng ta phần lớn xuất thân từ giai cấp tiểu tư sản và chủ yếu là nông dân, vì giai cấp công nhân ở nước ta trước đây còn quá ít. Nông dân là một giai cấp cơ bản trong xã hội phong kiến, người nông dân chịu ảnh hưởng nặng nề của lối cai trị phong kiến. Chế độ phong kiến ở nước ta đã tạo ra một bộ máy quan liêu kiểu quan dạng cường hào, cứ có chức có quyền là dùng quyền đó để áp bức quần chúng một cách trắng trợn. Sau khi nhân dân ta giành được chính quyền, cán bộ chúng ta phần đông vốn là nông dân dễ chịu ảnh hưởng một cách không tự giác lối cai trị của thực dân, phong kiến.

Chủ nghĩa quan liêu còn bắt nguồn từ chủ nghĩa cá nhân. Đó là nguyên nhân chủ quan trực tiếp của chủ nghĩa quan liêu. Lê-nin đã phân tích sâu sắc mối liên hệ giữa chủ nghĩa quan liêu « với xu thế tự phát tiểu tư sản » (9) và kịch liệt phê phán khuynh hướng tiểu tư sản muốn biến các đại biểu xô viết thành những « nghị sĩ », hay mặt khác, thành những phần tử « quan liêu » có đặc quyền, đặc lợi.

Hồ Chủ tịch cũng đã viết: « Do cá nhân chủ nghĩa mà ngại gian khổ, khó khăn, sa vào tham ô, hủ hóa, lãng phí, xa hoa. Họ tham danh trục lợi, thích địa vị quyền hành. Họ tự cao tự đại, coi thường tập thể, xem khinh quần chúng, độc đoán chuyên quyền. Họ xa rời quần chúng, xa rời thực tế, mắc bệnh quan liêu, mệnh lệnh » (10).

(8) Hồ-Chí-Minh: *Vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội*. Nxb Sự thật, Hà-nội, 1976, tr. 133.

(9) V. I. Lê-nin: *Tổng tập* Nxb Sự thật, Hà-nội, 1970, tập 32, tr. 241.

(10) Hồ-Chí-Minh: *Về cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội*. Nxb Sự thật, Hà-nội, 1976, tr. 230

III — NHỮNG BIỂU HIỆN VÀ TÁC HẠI CỦA CHỦ NGHĨA QUAN LIÊU

1— Những biểu hiện của chủ nghĩa quan liêu.

Trong quá trình đấu tranh chống chủ nghĩa quan liêu ở nước Nga xô viết, Lê-nin và Xta-lin đã khái quát những biểu hiện của chủ nghĩa quan liêu như sau :

Thể hiện ở con người : tác phong lè mề chậm chạp ; làm việc nặng về hình thức bàn giấy, xa quần chúng, xa thực tế, thiếu trung thực, thật thà ; sợ phê bình giám sát như sợ lửa ; coi thường khoa học, coi thường kinh nghiệm thực tiễn của quần chúng ; không có năng lực tiến hành công tác cụ thể ; coi thường kỷ luật của Đảng và pháp luật của Nhà nước ; trù dập những người trung thực ; tư tưởng đặc quyền, đặc lợi, lợi dụng chức quyền mưu lợi ích cá nhân.

Thể hiện ở tổ chức : bộ máy công kênh, kém hiệu lực, chi phí sản xuất tốn kém ; kế hoạch, dự án rỗng tuếch, không chính xác ; trách nhiệm cá nhân không rõ ràng ; kiểm tra, thanh tra yếu ; kỷ luật, chế độ lỏng lẻo.

Ở các nước kinh tế phát triển, người quan liêu giống như một cái máy, rất cứng nhắc, nguyên tắc nhưng lại biết làm việc "đồ mỡ hôi sôi nước mắt" như cách nói của Lê-nin.

Ở nước ta, bệnh quan liêu có những biểu hiện đặc thù của nó. Nó bộc lộ ra có khi trắng trợn, rõ ràng, dễ thấy, nhưng cũng có khi được che giấu tinh vi, kín đáo, khó thấy. Báo cáo về xây dựng Đảng tại Đại hội thứ V đã nói : « Tệ quan liêu biểu hiện trên nhiều lĩnh vực, nhưng chủ yếu là quan liêu trong việc đề ra chính sách, chế độ, quan liêu trong tổ chức bộ máy và trong phong cách làm việc của cán bộ » (11)

2— Tác hại của chủ nghĩa quan liêu.

Chủ nghĩa quan liêu gây tác hại về nhiều mặt.

Về mặt chính trị, nó làm cho cán bộ, đảng viên xa rời quần chúng, làm tổn thương mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước với quần chúng, làm giảm sút bản chất cách mạng của cán bộ, đảng viên, của Đảng và Nhà nước, làm vô hiệu hóa đường lối, chính sách của Đảng, làm giảm sút lòng tin và nhiệt tình cách mạng của quần chúng.

Về mặt tổ chức, sự công kênh và bất lực của bộ máy gây ra nhiều tác hại lớn : không nắm đúng, giải quyết đúng vấn đề, chi phí tốn kém mà hiệu quả không tương ứng, trách nhiệm cá nhân không được phát huy, sức người sức của bị lãng phí, năng suất lao động, hiệu quả công tác thấp, nhiều mặt tiêu cực khác phát sinh. Trong điều kiện nền kinh tế chưa phát triển, sự công kênh của bộ máy không những là nguyên nhân trực tiếp gây ra sự bất lực của bộ máy mà còn gây lãng phí về nhiều mặt, làm cho chi phí sản xuất quá sức chịu đựng của nền kinh tế, ảnh hưởng đến đời sống, sản xuất và phân phối.

Về mặt kinh tế, chủ nghĩa quan liêu thâm nhập cả trong kế hoạch, chính sách sản xuất, phân phối và lưu thông. Nó là nguồn gốc của tham ô, lãng phí. Lê-nin nói : « Bọn quan liêu là những tay quỹ quyết, nhiều thắng trong bọn khốn nạn đó là những kẻ trộm cắp lao luyến » (12). Hồ Chủ tịch cũng nói :

(11) Báo cáo về xây dựng Đảng của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V, *Tạp chí cộng sản* số 5-1982, tr. 28.

(12) V. I. Lê-nin : *Toàn tập*. Nxb Sự thật. Hà-nội, 1974, tập 35, tr. 625

« Bệnh quan liêu là nguồn gốc sinh ra lãng phí, tham ô. Kinh nghiệm chứng tỏ rằng: ở đâu có bệnh quan liêu thì ở đó chắc có tham ô lãng phí; nơi nào bệnh quan liêu càng nặng thì nơi đó càng nhiều lãng phí, tham ô » (13).

Về mặt tư tưởng, chủ nghĩa quan

liêu là nguyên nhân của bệnh chủ quan, làm xói mòn bản chất cách mạng của cán bộ, đảng viên, dẫn đến thoái hóa biến chất, làm giảm sút ý chí chiến đấu, nhiệt tình cách mạng và là trở ngại lớn đối với việc xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa.

IV – PHƯƠNG HƯỚNG, BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC CHỦ NGHĨA QUAN LIÊU

Chủ nghĩa quan liêu—như đã nói ở trên, xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau. Vì vậy, muốn đấu tranh khắc phục nó không thể chỉ dựa vào một biện pháp đơn độc nào, mà như Lê-nin nói, phải có hàng trăm biện pháp và các biện pháp đó phải được nghiên cứu, thí nghiệm nhiều lần, và biến thành các chế độ, luật lệ.

Những biện pháp đó không phải chỉ nhằm chống lại những biểu hiện của chủ nghĩa quan liêu mà điều quan trọng là nhằm xây dựng những điều kiện kinh tế, văn hóa, xã hội, tư tưởng và tổ chức, chế độ, làm cho chủ nghĩa quan liêu không còn điều kiện để nảy sinh.

Muốn khắc phục bệnh quan liêu, chúng ta phải kết hợp đồng bộ hàng loạt biện pháp: tư tưởng và tổ chức, giáo dục và hành chính, pháp chế và kinh tế, kết hợp chống và xây, v.v.; không thể tách rời và coi nhẹ một biện pháp nào.

a) Biện pháp tư tưởng:

Công tác tư tưởng cần chăm lo giáo dục cán bộ, đảng viên quán triệt đường lối, chính sách của Đảng, lý luận chủ nghĩa Mác – Lê-nin, không ngừng nâng cao kiến thức về mọi mặt, nhất là những kiến thức về tổ chức, quản lý kinh tế, và bồi dưỡng phẩm chất, đạo đức cách mạng, qua đó mà bồi dưỡng lập trường giai cấp công nhân và quan điểm quần chúng đúng đắn.

Cần có nội dung phong phú và chế độ, nền nếp sinh hoạt tư tưởng thường xuyên, thông qua đấu tranh tự phê bình và phê bình để khắc phục những biểu hiện của bệnh quan liêu.

Mọi biện pháp tư tưởng đều hướng vào việc làm cho cán bộ, đảng viên thật sự tiêu biểu cho con người mới xã hội chủ nghĩa, tiêu biểu về đạo đức phẩm chất cách mạng, về trình độ tri thức, về tác phong và phương pháp làm việc khoa học; và tất cả những điều đó phải được thể hiện trong lao động sản xuất, trong công tác, trong chiến đấu.

Đồng thời cần chăm lo bồi dưỡng, nâng cao trình độ văn hóa cho quần chúng để đồng đạo quần chúng có hiểu biết cần thiết trong việc tham gia quản lý và giám sát hoạt động của bộ máy Nhà nước.

b) Biện pháp tổ chức:

Muốn khắc phục bệnh quan liêu, phải hết sức coi trọng các biện pháp tổ chức, có cơ cấu và chế độ tổ chức, quản lý thích hợp.

Cần xây dựng được một cơ cấu tổ chức đồng bộ, bảo đảm phát huy năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, hiệu lực quản lý của Nhà

(13) Hồ-Chí-Minh: « Nâng cao ý thức trách nhiệm, tăng cường quản lý kinh tế tài chính, chống tham ô, lãng phí, quan liêu », *Tạp chí Học tập*, số 9—1962, tr. 2.

nước và vai trò làm chủ tập thể của nhân dân lao động, nhất là về kinh tế. Mỗi tổ chức nằm trong cơ cấu chung đều phải có nhiệm vụ chính trị cụ thể, có chức năng rõ ràng, có bộ máy hợp lý, có phương thức hoạt động đúng, có cán bộ tương ứng với nhiệm vụ được giao.

Đề phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chuyên chính vô sản, khắc phục tình trạng cồng kềnh, cách bức, mang nặng tính chất hành chính quan liêu, điều quan trọng là phải giải quyết đúng đắn các mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và các đoàn thể quần chúng, đồng thời giải quyết đúng đắn các mối quan hệ giữa trung ương và địa phương, giữa cấp trên và cấp dưới, giữa địa phương, đơn vị, tập thể này với địa phương, đơn vị, tập thể khác; giữa cá nhân và tập thể, giữa gia đình và xã hội, trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, v.v.

Trong vấn đề tổ chức, việc bồi dưỡng, sắp xếp, phân công cán bộ có ý nghĩa hàng đầu. Phải không ngừng nâng cao phẩm chất và năng lực của cán bộ; từng bước thực hiện tiêu chuẩn-hóa cán bộ. Cần thay thế những cán bộ sa sút phẩm chất, tự do vô kỷ luật, vô trách nhiệm, tham ô, cửa quyền, độc đoán, xu nịnh cấp trên, hống hách với cấp dưới, ức hiếp quần chúng, trù dập người tốt, làm việc theo lối công chức bàn giấy, không sâu sát công việc và quần chúng.

Kiên quyết tinh giản bộ máy hành chính, cắt giảm các bộ phận thừa, làm trùng công việc của bộ phận khác, cơ quan khác, giảm bớt người thừa và người không có chuyên môn nghiệp vụ, không làm được việc. Có chính sách, quy chế tuyển dụng lao động mới, bảo đảm người được tuyển vào biên chế có đủ trình độ chuyên môn và tinh thần trách nhiệm tương ứng với nhiệm vụ được giao, khắc

phục lối tuyển dụng nhân viên một cách tùy tiện, có tính chất cục bộ, địa phương, lối bè kéo cánh.

c) Biện pháp hành chính:

Thực hiện biện pháp hành chính, một mặt phải làm cho quần chúng nắm được pháp luật, các chế độ, chính sách làm công cụ để kiểm tra, ngăn ngừa mọi biểu hiện của bệnh quan liêu; mặt khác phải kiên quyết xử lý hành chính những người vi phạm quyền làm chủ tập thể của quần chúng cũng như vi quan liêu mà gây ra những hậu quả tai hại. Cần nhận rõ rằng biện pháp hành chính là một vấn đề thuộc về chuyên chính vô sản; muốn chống tiêu cực, phát huy những nhân tố tích cực thì Nhà nước nhất thiết phải thực hiện các biện pháp hành chính.

d) Biện pháp kinh tế.

Muốn khắc phục bệnh quan liêu, còn phải coi trọng các biện pháp kinh tế.

Thực hiện biện pháp kinh tế, một mặt phải ra sức phát triển sản xuất, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của quần chúng, phát huy quyền làm chủ tập thể của quần chúng về kinh tế nhất là ở cơ sở, dựa trên cơ sở bảo đảm sự kết hợp hài hòa giữa ba lợi ích: lợi ích của Nhà nước, lợi ích của tập thể và lợi ích của cá nhân người lao động, không ngừng hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa. Mặt khác, cần có chính sách động viên, khen thưởng và trừng phạt, xử lý kịp thời. Những hành động tốt trong công tác, trong sản xuất cần được biểu dương, khen thưởng đúng mức. Những hành vi quan liêu, vô trách nhiệm, thiếu sâu sát, gây lãng phí, hư hỏng, làm thiệt hại lớn tài sản xã hội chủ nghĩa cần được xử lý nghiêm minh theo đúng pháp luật của Nhà nước.



Đấu tranh chống quan liêu là một nhiệm vụ quan trọng và lâu dài của Đảng ta, Nhà nước ta, của các ngành, các cấp. Cuộc đấu tranh này có nhiều thuận lợi rất cơ bản song cũng có không ít khó khăn, phức tạp. Cuộc đấu tranh chống quan liêu, chống những hiện tượng tiêu cực nói chung lại không tách rời cuộc đấu tranh giai cấp, đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Tất cả các hiện tượng tiêu cực dưới chủ nghĩa xã hội bao giờ cũng gắn liền với lợi ích không chính đáng của một số ít người; và khách quan những hiện tượng tiêu cực ấy đều có lợi

cho kẻ thù của chúng ta cho nên được chúng khuyến khích, nuôi dưỡng.

Vì vậy, để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ này, chúng ta cần quán triệt sâu sắc vị trí, ý nghĩa của cuộc đấu tranh, nắm vững mục đích của cuộc đấu tranh là nhằm phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, giữ gìn và phát huy phẩm chất cách mạng của cán bộ, đảng viên, bảo vệ uy tín của Đảng và Nhà nước, làm trong sạch, vững mạnh các tổ chức Đảng, Nhà nước và đoàn thể quần chúng, góp phần đẩy mạnh sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Hoàn thiện pháp luật...

(Tiếp theo trang 35)

nước thông qua. Đề việc xem xét này có hiệu quả cao, trong chế độ làm văn bản pháp luật cần quy định nên nếp xin ý kiến của cơ quan lãnh đạo Đảng và Nhà nước cả trong quá trình nghiên cứu dự thảo về những vấn đề lớn có tính chất quyết định đối với nội dung văn bản và tiến độ dự thảo như: xác định mục đích, yêu cầu, phạm vi điều chỉnh của dự án pháp luật; giải quyết các vấn đề quan điểm cơ bản mà giữa các cơ quan có liên quan còn chưa nhất trí làm cho tiến độ dự thảo chậm lại, v.v.

Sự lãnh đạo của Đảng lại càng quan trọng đối với việc thực hiện pháp luật. Các đảng viên ở cơ sở cần nêu cao vai trò tiên phong, gương mẫu trong việc tôn trọng và thi hành pháp luật. Đảng ta đòi hỏi các cấp ủy Đảng, các cán bộ đảng viên « phải gương mẫu thi hành Hiến pháp và pháp luật, đi đầu trong cuộc đấu tranh tăng cường pháp chế xã

hội chủ nghĩa » (1). Khi trật tự pháp chế bị xáo trộn thì các cấp ủy Đảng càng đòi hỏi mọi cán bộ, đảng viên ở bất cứ vị trí nào trong xã hội phải nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật Nhà nước. Có sự lãnh đạo của Đảng thì mới xây dựng được các tổ chức, cơ quan pháp luật nhằm trực tiếp bảo vệ pháp chế, xử lý nghiêm minh các vụ vi phạm pháp luật, tiến hành những biện pháp tuyên truyền, giáo dục pháp luật, phòng ngừa vi phạm pháp luật và đấu tranh chống tội phạm.

Xây dựng và tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa là công tác lâu dài, khó khăn và phức tạp. Được sự quan tâm lãnh đạo của Đảng, chúng ta nhất định sẽ làm tốt công tác đó.

(1) Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V. *Tạp chí cộng sản*, số 4-1982, tr. 64.

Về mối quan hệ

GIỮA PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA HIỆN NAY

LÊ - XUÂN - VŨ

KINH tế và văn hóa vốn không thể tách rời nhau. Mỗi xã hội, mỗi con người đều có đời sống kinh tế và đời sống văn hóa của nó. Chúng ta xây dựng chủ nghĩa xã hội là để đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu vật chất và văn hóa của nhân dân. Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta không chỉ là xây dựng chế độ mới, nền kinh tế mới, mà còn là xây dựng nền văn hóa mới và con người mới, bằng cách tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng: cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa, trong đó cách mạng khoa học kỹ thuật là then chốt. Ba cuộc cách mạng này gắn bó với nhau, tác động lẫn nhau, thúc đẩy nhau cùng phát triển, tạo thành một sức mạnh tổng hợp đưa nước ta tiến thẳng từ sản xuất nhỏ lên chủ nghĩa xã hội. Chế độ làm chủ tập thể, nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, nền văn hóa mới và con người mới, toàn bộ chủ nghĩa xã hội cũng như từng bộ phận của chủ nghĩa xã hội chỉ có thể ra đời bằng kết quả tổng hợp của toàn bộ sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Từ quan điểm xuất phát đó, dễ dàng thấy rằng phát triển kinh tế xã

hội chủ nghĩa và phát triển văn hóa xã hội chủ nghĩa luôn luôn gắn bó hữu cơ với nhau; ở nước ta, ngay trong chặng đường đầu tiên này của thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội, giữa phát triển kinh tế và phát triển văn hóa cũng tất yếu phải có một sự cân đối, nhịp nhàng nhất định mới đạt được hiệu quả mong muốn.



Kinh tế là cơ sở hạ tầng của xã hội. Nền kinh tế nước ta hiện nay, do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan đang gặp những khó khăn to lớn và gay gắt: sản xuất chưa đủ để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của xã hội, khối lượng và cơ cấu tổng sản phẩm xã hội quá thấp và mất cân đối nghiêm trọng so với nhu cầu. Thực trạng nền kinh tế nước ta đang đòi hỏi phải có một bước chuyển biến cơ bản, phải *“đặc biệt coi trọng lãnh đạo kinh tế: toàn Đảng đi sâu vào một trận kinh tế, cải tiến phong cách lãnh đạo kinh tế, nâng cao năng lực và hiệu quả lãnh đạo kinh tế”* (1). Điều đó

(1) Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương tại Đại hội lần thứ V của Đảng. Tạp chí Cộng sản, số 4-1982, tr. 82.

hoàn toàn đúng. Song điều đó không có nghĩa là chúng ta có thể tạm hoãn, coi nhẹ hay buông lơi việc phát triển văn hóa.

Liệu có thể nghĩ rằng hiện nay trước những nhu cầu cấp bách và thiết yếu nhất của đời sống vật chất, công tác văn hóa chưa có gì là quan trọng, là cấp bách được không? Thực tiễn trả lời dứt khoát là không. Cuộc đấu tranh chống lại sự xâm nhập, ngóc đầu dậy và phản kích của văn hóa tư sản, thực dân mới, phản động và đồi trụy những năm 1980 - 81 chứng tỏ điều đó. Ở vùng biên giới phía bắc nước ta, hoạt động văn hóa thông tin của ta còn yếu, trong khi hàng và loa chiến tranh tâm lý, biều ngữ, truyền đơn, v.v. của địch cứ muốn lấn át ta, đó chẳng phải là một vấn đề bức bách sao? Chỉ 20 - 30% số học sinh phổ thông, 20% số học sinh bổ túc văn hóa đạt trình độ từ trung bình (thực chất) trở lên; mỗi năm, hàng chục vạn học sinh phổ thông, trung học chuyên nghiệp, đại học tốt nghiệp nhưng chưa phát huy được tác dụng lẽ ra phải có đối với xã hội; chất lượng giáo dục giảm sút ở tất cả các ngành học và về tất cả các mặt: văn hóa, khoa học, kỹ thuật, lý tưởng chính trị và đạo đức xã hội chủ nghĩa, phải coi đó là một vấn đề nghiêm trọng. Bởi vì rõ ràng «toàn bộ hệ thống giáo dục chưa chuẩn bị tốt về phẩm chất và năng lực cho thế hệ trẻ đi vào lao động sản xuất, đấu tranh xây dựng chủ nghĩa xã hội và làm nghĩa vụ bảo vệ đất nước với tư cách người làm chủ, có kỹ năng thực hành và trình độ nghề nghiệp cần thiết, phục vụ sự nghiệp phát triển và cải tạo kinh tế, văn hóa, củng cố quốc phòng, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội» (2). Những khuynh hướng lệch lạc trong văn nghệ xuất hiện trong những năm 1979 - 80 xa rời các nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và đường lối văn nghệ của Đảng đã

chẳng tác động xấu đến một số văn nghệ sĩ, tri thức và học sinh đang có nhiều băn khoăn về cuộc sống đầy ư?

Nói cho đúng thì trên mặt trận văn hóa, chúng ta đã đạt được nhiều thành tựu cả trong giáo dục lẫn văn hóa văn nghệ, thông tin đại chúng, y tế, thể dục thể thao, v.v. Song, những khuyết điểm và nhược điểm trong lãnh đạo và quản lý văn hóa - thường không dễ thấy và không nổi lên bức, bách hằng ngày như trên mặt trận kinh tế - thật ra cũng không nhỏ. Mục đích của chủ nghĩa xã hội không chỉ là thỏa mãn nhu cầu vật chất mà còn thỏa mãn nhu cầu văn hóa của mọi thành viên trong xã hội, thế mà chúng ta chưa nghiên cứu nhu cầu văn hóa của các tầng lớp nhân dân ta trong giai đoạn mới - những nhu cầu đó hiện nay rất lớn, nhiều vẻ, nói chung là lành mạnh nhưng cũng có những cái không lành mạnh, nói chung là hợp lý nhưng cũng có những cái không hợp lý - để đáp ứng, để hướng dẫn. Chẳng hạn, chúng ta thỏa mãn những nhu cầu nào về âm nhạc của thanh niên, lên án băng nhạc nào của nước ngoài hay giới thiệu nó trên vô tuyến truyền hình? Có những vấn đề do quan niệm chưa nhất trí cho nên chỉ đạo cũng không rõ ràng, nhất quán, thông suốt từ trung ương đến các địa phương. Chẳng hạn, một vở kịch đã được các cơ quan có thẩm quyền ở trung ương cho công diễn, về đến một tỉnh nọ lại bị cấm, gây thắc mắc cho cả đoàn diễn lẫn công chúng đang chờ xem. Có nơi gọi là có chủ ý đèn văn hóa nhưng thật ra ở đây chỉ có một đội chèo hay mấy đĩa vọng cổ, thậm chí hề người lãnh đạo ở địa phương thích môn gì thì chỉ phát triển riêng một môn ấy, chứ không có quy hoạch toàn bộ về đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân trong vùng.

(2) Tài liệu đã dẫn, tr. 55.

Những biểu hiện đáng tiếc nói trên có phần là do thiếu kiến thức chuyên môn cần thiết về văn hóa, chưa hiểu rõ văn hóa là gì, nhưng chủ yếu và quan trọng hơn cả, xét cho cùng, là do một quan niệm không đúng đắn sau đây chi phối: hãy làm kinh tế đã, còn văn hóa thì được đến đâu hay đến đấy, kinh tế lên thì rồi văn hóa cũng sẽ lên theo. Đó thực chất là tách rời kinh tế và văn hóa, là không thấu suốt trong hành động mối quan hệ biện chứng giữa ba cuộc cách mạng cần phải tiến hành đồng thời trong cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta, là không thấy hết vai trò của nhân tố chủ quan trong cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Ăng-ghe-n đã từng phê phán những người duy vật kinh tế: « Theo quan điểm duy vật về lịch sử, nhân tố quyết định trong lịch sử, xét đến cùng, là sự sản xuất và tái sản xuất ra đời sống hiện thực. Cả Mác lẫn tôi chưa bao giờ khẳng định gì hơn. Do đó, nếu có ai xuyên tạc câu đó khiến cho nó có nghĩa là chỉ có nhân tố kinh tế là nhân tố *duy nhất* quyết định, thì họ đã biến câu đó thành một câu trống rỗng, trừu tượng, vô nghĩa. Tình hình kinh tế là cơ sở, nhưng mọi yếu tố khác nhau của thượng tầng kiến trúc (...) cũng đều ảnh hưởng đến quá trình của những cuộc đấu tranh lịch sử và trong nhiều trường hợp lại chiếm ưu thế trong việc quyết định *hình thức* của những cuộc đấu tranh đó... » (3). Hồ Chủ tịch cũng nói: « Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước hết phải có con người xã hội chủ nghĩa ». Chính là theo tinh thần những di huấn ấy, thấy rõ vai trò hết sức quan trọng của nhân tố chủ quan trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhất là ở nước ta, mà Đại hội thứ IV của Đảng đã khẳng định: « Hoàn cảnh nước ta đòi hỏi chúng ta và cho phép chúng ta xây dựng sớm, xây dựng từng bước con người mới, không phải chờ đến sau khi đã có

sự phát triển cao của nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa » (1). Đại hội thứ V của Đảng lại nhấn mạnh « xây dựng nền văn hóa mới và con người mới là điều cần và có thể thực hiện từng bước, từng phần ngay từ hôm nay. Trong chặng đường trước mắt này, có những điều kiện khách quan và chủ quan cho phép chúng ta bước đầu tạo ra một xã hội đẹp về *lối sống*, về quan hệ giữa người và người, một xã hội trong đó nhân dân lao động cảm thấy sống hạnh phúc, tuy mức sống vật chất còn chưa cao. Bởi vì, như Đại hội lần thứ IV của Đảng đã chỉ ra rất đúng, không phải trình độ văn hóa của xã hội phụ thuộc máy móc vào trình độ phát triển kinh tế » (5). Văn hóa mới, con người mới trong cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta *vừa là mục tiêu vừa là động lực*. Phát triển văn hóa không phải chỉ là để đáp ứng nhu cầu văn hóa của nhân dân mà còn là và cũng chính là để thúc đẩy, để phục vụ việc phát triển kinh tế. Nếu chế độ mới và nền kinh tế mới có ảnh hưởng quyết định đến sự hình thành nền văn hóa mới, con người mới thì ngược lại, những thắng lợi của sự nghiệp xây dựng nền văn hóa mới, con người mới cũng tác động mạnh mẽ đến tiến trình và kết quả xây dựng chế độ mới, nền kinh tế mới. Cho nên phát triển kinh tế nhất thiết phải đi đôi với phát triển văn hóa, cách mạng tư tưởng và văn hóa là quá trình cải biến lâu dài nhưng phải được thực hiện liên tục và có kế hoạch ngay từ *chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ*.



(3) C. Mác và F. Ăng-ghe-n: *Tuyên truyền*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1962, tập II, tr. 795.

(4) *Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1976, tr. 64.

(5) *Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương tại Đại hội lần thứ V của Đảng*, *Tạp chí Cộng sản*, số 4-1982, tr. 54.

Nền văn hóa mới và con người mới xã hội chủ nghĩa không hình thành một cách tự phát mà phải được xây dựng một cách tích cực và chủ động. Chúng ta không sùng bái thuyết tự phát, chúng ta chống chủ nghĩa duy vật kinh tế. Nhưng cũng sẽ là không đúng nếu cho rằng có thể xây dựng nền văn hóa mới, con người mới xã hội chủ nghĩa theo ý muốn chủ quan của con người, bất chấp trình độ phát triển kinh tế như thế nào, bất chấp nhân tố kinh tế xét đến cùng vẫn là nhân tố quyết định, vẫn là nhân tố vận động như là cái tất yếu ngay trong lòng tất cả những nhân tố của kiến trúc thượng tầng. Các văn kiện của Đảng tại Đại hội thứ IV và thứ V đều nói cần và có thể xây dựng sớm ngay từ hôm nay nền văn hóa mới và con người mới, nhưng là xây dựng « từng bước » (*), « từng phần » (*), không phải chờ đến sau khi kinh tế phát triển cao (*) chứ không phải là hoàn toàn không cần có sự phát triển kinh tế. « Trong chặng đường trước mắt này, có những điều kiện khách quan và chủ quan cho phép chúng ta bước đầu (*) tạo ra một xã hội đẹp về lối sống, về quan hệ giữa người và người... » (6).

Đường lối của Đảng vừa có tính cách mạng lại vừa có tính khoa học. Chúng ta cần thấu suốt điều đó : nhận rõ mục tiêu cuối cùng đồng thời lại phải thấy rõ mỗi giai đoạn trên con đường đi tới, không tách rời cũng không lẫn lộn mục tiêu cuối cùng với mỗi giai đoạn cụ thể.

Phân biệt nghiêm ngặt các giai đoạn khác nhau, tỉnh táo nghiên cứu những điều kiện diễn biến của chúng, điều đó tuyệt nhiên không có nghĩa là trì hoãn mục đích cuối cùng, làm chậm bước tiến của mình lại, mà chính là để thấy rõ hoàn cảnh nước ta đòi hỏi và cho phép chúng ta xây dựng sớm, xây dựng từng bước nền văn hóa mới

và con người mới như thế nào, thấy rõ những điều kiện khách quan và chủ quan cho phép chúng ta xây dựng nền văn hóa mới và con người mới đến mức nào trong chặng đường đầu tiên này của thời kỳ quá độ.

Bác bỏ chủ nghĩa duy vật tầm thường, tỉnh đến tác động qua lại giữa nguyên nhân và kết quả vốn có thể chuyển hóa lẫn nhau chứ không phải là những cực đối lập cứng nhắc, tỉnh đến tác dụng của tư tưởng tiên tiến đối với sự phát triển xã hội, đến sự giác ngộ, tỉnh chủ động và sáng tạo của quần chúng trong sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa, đại thể chúng ta có thể đẩy cách mạng tư tưởng và văn hóa đi trước so với thực trạng đời sống kinh tế. Nhưng đi trước bao xa, dài ngắn chừng nào, tất phải có một giới hạn. Muốn xác định giới hạn đó, cần có sự tính toán, cân đối khoa học. Ví dụ, nền kinh tế nước ta hiện nay và trong những năm trước mắt cần và có thể đòi hỏi cho một nền giáo dục phát triển đến đâu, phổ cập đến đâu để vẫn bảo đảm được chất lượng của giáo dục theo mục tiêu đào tạo? Trong công tác văn hóa cũng phải tính đến khả năng về giấy, phim ảnh, nhạc cụ, máy thu thanh, thu hình, chiếu phim và các máy móc chuyên dùng khác, nhà hát, rạp chiếu bóng, nhà văn hóa, trường đào tạo, v.v. Cơ sở vật chất và phương tiện kỹ thuật là cần thiết cho việc phát triển văn hóa, cho việc đưa văn hóa đến với nhân dân và đưa nhân dân đến với văn hóa. Không nên nghĩ rằng hoạt động văn hóa là hoạt động tinh thần thì không cần gì đến chuyện vật chất, tiền nong. Dường nhiên, chúng ta không chỉ trông chờ vào ngân sách Nhà nước. Chúng ta theo phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm, trung ương và địa phương cùng làm, phát huy sáng kiến và động viên cả

(6) Sách đã dẫn, tr. 54.

(*) Do tôi nhấn mạnh — L.X.V.

sự đóng góp vật chất của quần chúng, tận dụng những nguồn thu từ văn hóa để mở rộng các hoạt động văn hóa, tổ chức việc phổ cập giáo dục, văn hóa nghệ thuật theo phương thức vừa làm vừa học, v.v. Nhưng dù sao lúc này chúng ta cũng chưa có điều kiện để xây dựng ở mỗi huyện một nhà văn hóa hàng nghìn chỗ ngồi chẳng hạn. Cũng không thể vin vào lý do cần có tiền mở rộng các hoạt động văn hóa, « lấy văn hóa nuôi văn hóa », mà chạy theo doanh thu, chiều theo những thị hiếu thấp kém, xem nhẹ nội dung và chất lượng của văn hóa.

Trong việc xây dựng con người mới và lối sống mới, chúng ta cần và có thể phát huy đến mức cao nhất tác dụng của tư tưởng tiên tiến và truyền thống nhân văn tốt đẹp của dân tộc, trực tiếp động viên đến mức cao nhất tinh năng động chủ quan của mỗi con người, song xét chung trong toàn xã hội cũng không phải là không có giới hạn. Tư tưởng của con người có thể đi trước cả thời đại, song tư tưởng tiên tiến chỉ là ở những con người tiên tiến, còn ý thức xã hội nói chung thì vẫn lạc hậu hơn tồn tại xã hội. Không thể yêu cầu quá cao, đòi hỏi cả xã hội hay số đông người trong xã hội đều đi trước thời đại. Chúng ta tích cực tiến hành việc xây dựng con người mới và lối sống mới tốt đẹp là để ngày càng có nhiều người tiên tiến, chứ trong thực trạng nền kinh tế nước ta hiện nay, có những người « đói cho sạch rách cho thơm » thì cũng vẫn có những kẻ « đói ăn vụng túng làm xàng », thậm chí không đói cũng ăn vụng, không túng cũng làm xàng. Đó là « vì xã hội ta mới bước vào thời kỳ quá độ, cho nên bên cạnh những con người mới xã hội chủ nghĩa đang hình thành, những nét mới, tiến bộ trong con người đang nảy nở, còn không ít những biểu hiện tiêu cực, không lành mạnh » (7). Mức sống cao không nhất thiết tạo nên lối sống đẹp, song lối sống cũng không thể hoàn toàn tách rời mức sống.

Sự hình thành một ý thức xã hội tốt cuộc vẫn có quy luật của nó. Văn hóa vật chất chịu sự tác động của văn hóa tinh thần nhưng ngược lại văn hóa tinh thần cũng chỉ có thể phát triển trên cơ sở văn hóa vật chất đã tạo ra. Con người là tổng hòa của mọi quan hệ xã hội. « Sự phong phú thật sự về tinh thần của cá nhân hoàn toàn phụ thuộc vào sự phong phú của những liên hệ hiện thực của họ » (8). Chúng ta là những người theo phái tích cực. Chúng ta chủ trương con người phải tác động vào hoàn cảnh, « tạo ra hoàn cảnh », « phải làm cho hoàn cảnh thích hợp với tính người » nhưng cũng nhớ rằng hoàn cảnh cũng tác động vào con người, « con người tạo ra hoàn cảnh đến mức nào thì hoàn cảnh cũng tạo ra con người đến mức ấy » (9), « tính cách của con người là do hoàn cảnh tạo nên » (10). Vì vậy, cả ở đây nữa, chúng ta luôn luôn nhằm thẳng mục tiêu nhưng cũng không nên nóng, cầu toàn, nuôi những ảo tưởng huy hoàng dễ rồi bị quan dao động khi thấy những kế hoạch quá to lớn đã vẽ ra không thực hiện được, khi thấy trong thời kỳ quá độ, nhất là trong chặng đường đầu tiên này, xã hội còn nhiều hiện tượng tiêu cực và con người chưa tốt đẹp như ước muốn. Đại hội thứ V của Đảng đã nhiều lần nhắc chúng ta : « *đẩy mạnh các hoạt động văn hóa, y tế phù hợp với yêu cầu và khả năng kinh tế* », « *đẩy mạnh công cuộc xây dựng nền văn hóa mới và con người mới bám thật sát yêu cầu cách mạng và phù hợp với khả năng kinh tế* », thúc đẩy

(7) Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương tại Đại hội lần thứ V của Đảng, *Tạp chí Cộng sản* số 4-1982, tr. 53

(8) Mác và Ăng-ghen : *Phoi-ơ-bắc*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1977, tr. 51.

(9) Mác và Ăng-ghen : *Phoi-ơ-bắc*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1977, tr. 54.

(10) C. Mác và F. Ăng-ghen : *Gia đình thân nhân* : Nxb. Sự thật, Hà-nội, 1963, tr. 222.

tốt hơn công cuộc xây dựng chế độ mới và nền kinh tế mới » (11) là vì vậy.



Những điều trình bày trên đây cho phép kết luận: trình độ văn hóa của xã hội không phụ thuộc máy móc vào trình độ phát triển kinh tế chứ không phải là hoàn toàn không phụ thuộc vào trình độ phát triển kinh tế; trong việc xây dựng nền văn hóa mới và con người mới, cần và có thể đi trước một bước so với thực trạng đời sống kinh tế, nhưng cũng chỉ một bước mà thôi, để luôn luôn giữ được sự cân đối, nhịp nhàng, sự tác động và thúc đẩy lẫn nhau một cách có hiệu quả giữa phát triển kinh tế và phát triển văn hóa. Bước đi trước đó khỏe khoắn và vững chắc bao nhiêu là do tính tích cực xã hội của chúng ta lớn đến mức nào và do cách làm của chúng ta — tức là cách chúng ta sử dụng những điều kiện và khả năng được tạo ra cho con người — đúng

đắn và khôn khéo đến đâu, quyết định. Việc này đòi hỏi chúng ta phải cụ thể hóa đường lối phát triển kinh tế và phát triển văn hóa của Đảng không chỉ ở cấp độ chung của cả nước, của toàn bộ nền văn hóa mà còn ở từng địa phương, ở từng ngành hoạt động, từng thành tố của đời sống văn hóa của xã hội (như giáo dục, khoa học kỹ thuật, văn học nghệ thuật, đạo đức, phong tục tập quán, v.v.). Chúng ta cần « có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa nhằm không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân » (12), trước mắt là nhằm đáp ứng những nhu cầu cấp bách và thiết yếu nhất về ăn, mặc, ở, đi lại, chữa bệnh, v.v. bảo đảm cho mỗi cơ sở « đều có đời sống văn hóa » như Đại hội thứ V của Đảng đã đề ra.

(11) Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương tại Đại hội lần thứ V của Đảng. Tạp chí cộng sản số 4-1982, tr. 36 và 52. Người dân nhấn mạnh.

(12) Di chúc của Chủ tịch Hồ-Chí-Minh

« CẨM NANG » CỦA VĂN NGHỆ SĨ

NHẤT - VĂN

CUỐN *Văn hóa nghệ thuật cũng là một mặt trận* do Nhà xuất bản Văn học phát hành vào cuối năm 1981, bao gồm những bài nói, bài viết của Chủ tịch Hồ-Chí-Minh từ những năm 20 thế kỷ này cho đến khi Người qua đời.

Độc hết tập sách, chúng ta dễ dàng nhận thấy Người đã vận dụng một cách sáng tạo những quan điểm văn nghệ của chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào điều kiện cụ thể của Việt-nam, và đường lối văn nghệ của Người cũng chính là đường lối văn nghệ của Đảng ta. Trong 35 năm qua, những bài viết, bài nói về văn hóa văn nghệ của Chủ tịch Hồ-Chí-Minh đã đặt ra phương hướng, mục tiêu cho công tác văn nghệ. Đó là kim chỉ nam cho hành động của các nhà văn, nhà báo. Dưới ánh sáng đường lối văn nghệ của Đảng ta, nhiều người trong chúng ta đã trưởng thành và đã có những thành tựu đáng kể. Những khi trên mặt trận văn nghệ nổi lên những cơn gió lạ làm chao đảo những người yếu đuối, thì chúng ta chỉ cần nhắc lại những lời khuyên nhủ, dặn dò thân mật, thiết tha, đầy tình thương của Người là bỗng thấy yên tâm mà bước tới. Cho nên, có thể nói tập sách này là một cái « cẩm nang » của văn nghệ sĩ.

Cái « cẩm nang » này thân kỳ, nhưng không thân bí mọi điều đều

rõ ràng, dễ hiểu. Mặc dù vậy, cũng phải biết cách xem, và tất nhiên không phải ai xem cũng thấy hiệu nghiệm. Thí dụ những người chưa giác ngộ cách mạng, chưa chia sẻ cách nhìn, cách nghĩ của chúng ta, thậm chí có cách nhìn, cách nghĩ đối lập với chúng ta, thì những điều dễ hiểu nhất trong tập sách này đối với họ lại là những điều hóc búa nhất. Nhớ lại hồi đầu cách mạng thì rõ. Như câu ở trang 349 : « Văn hóa nghệ thuật cũng là một mặt trận. Anh chị em (họa sĩ) là chiến sĩ trên mặt trận ấy. Cũng như các chiến sĩ khác, chiến sĩ nghệ thuật có nhiệm vụ nhất định, tức là : phụng sự kháng chiến, phụng sự Tổ quốc, phụng sự nhân dân, trước hết là công nông binh... », hoặc câu cùng trang : « Văn hóa nghệ thuật cũng như mọi hoạt động khác không thể đứng ngoài mà phải ở trong kinh tế và chính trị » đều là những câu phải học nhiều lần mới hiểu nổi và phải trải qua những cuộc đấu tranh chống những ai làm ngược lại, mới thấy thấm thía. Lại nữa, ở đây chúng ta thường gặp những câu nêu lên những nguyên tắc lớn mà không nói cặn kẽ, là bởi vì hoạt động văn hóa, văn học nghệ thuật vốn là một thứ hoạt động phức tạp, tế nhị, không thể gò vào những khuôn khổ đúc sẵn, phải dành phần cho sự sáng tạo tự do của chính người văn nghệ sĩ. « Dĩ nhất biến ứng

văn nghệ». Cái «nhất biến» ở đây là văn nghệ sĩ phải là người cách mạng, là chiến sĩ cách mạng. Cái «nhất biến» ở đây là chủ nghĩa Lê-nin, «đó là chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất». Cho nên đọc trong sách, thấy chỗ nào cần được soi sáng thêm, thì chúng ta phải tra cứu xem Lê-nin nói gì, những sách bàn về mỹ học Mác—Lê-nin nói gì, chứ không thể tra cứu sách nào khác được. Những sách khác đều là sách lạ — «kỳ thư», — không phải là kinh điển. Mặt khác, khi xem sách kinh điển cũng phải cẩn thận, không thì sẽ có thể phạm sai lầm, «hoặc là phạm chủ nghĩa giáo điều, hoặc là phạm chủ nghĩa xét lại». Điều ấy được chỉ dẫn rõ ràng ở trang 62 : «Phải nêu cao tác phong độc lập, suy nghĩ và tự do tư tưởng. Đọc tài liệu thì phải đào sâu hiểu kỹ, không tin một cách mù quáng từng câu một trong sách, có vấn đề chưa thông suốt thì mạnh dạn đề ra và thảo luận cho vỡ lẽ. Đối với bất cứ vấn đề gì, đều phải đặt câu hỏi «vì sao?» đều phải suy nghĩ kỹ càng xem nó có hợp với thực tế không, có thật là đúng lý không, tuyệt đối không nên nhắm mắt tuân theo sách vở một cách xuôi chiều. Phải suy nghĩ chín chắn». Cuối cùng, phải phân biệt «cầm nang» này với những «cầm nang» loại giả. Cách phân biệt hiệu nghiệm nhất là tìm hiểu người làm ra sách. Về điểm này, phần *Phụ lục* cho chúng ta nhiều chỉ dẫn quan trọng. Chúng ta sẽ thấy Hồ Chủ tịch nói như thế nào thì Người làm như thế ấy. Những việc Người làm chứng minh những điều Người nói. Chủ tịch Hồ-Chí-Minh suốt đời mình đã dùng ngòi bút như một vũ khí sắc bén để giáo dục, giải thích, cổ động, tập hợp quần chúng nổi dậy đấu tranh làm cách mạng, đồng thời lên án mạnh mẽ kẻ thù của dân tộc, của nhân dân.



Bây giờ có «cầm nang» trong tay, chúng ta thử đi tìm lại một vài chuyện văn nghệ thời gian gần đây đã làm hao tổn khá nhiều giấy mực, để xem cầm nang nói gì và bày cho chúng ta xử trí như thế nào?

Trước hết là chuyện thể giới quan của tác giả và «ý nghĩa khách quan» của tác phẩm, cái nào quan trọng hơn cái nào? Ngày nay, trong chúng ta «có thể có sự không phù hợp giữa động cơ tư tưởng, kết quả của sự phản ánh với ý nghĩa khách quan của tác phẩm» hay không? Đánh giá một tác phẩm, có nên xét động cơ của tác giả hay không? «Hiệu quả có quan trọng hơn động cơ» hay không? Trước tiên và quan trọng bậc nhất có phải là nên xem «tác phẩm ấy có ích lợi cho ai, có ích lợi gì cho quần chúng, cho cách mạng» hay không?

Giờ «cầm nang» ra, có thể thấy không ai chú ý đến tác dụng của tác phẩm đối với quần chúng, đối với cách mạng bằng Chủ tịch Hồ-Chí-Minh. Dễ dàng tìm thấy ý ấy khắp các trang, từ bài viết năm 1925 (trang 37) cho đến bài viết năm 1968 (trang 406). Không có gì khó hiểu cả. Người đã tự đặt cho mình nhiệm vụ là làm sao cho toàn thể dân tộc được giải phóng và Người đã từng lấy sách báo làm phương tiện để tuyên truyền giáo dục. «thức tỉnh đồng bào, tỉnh rồi thì đứng lên đoàn kết nhau mà làm cách mệnh». Người muốn chúng ta cũng làm như Người. Vả lại, khi Người nói «bài báo là tờ lịch» «văn học là vũ khí» là Người nghĩ đến tác dụng của tờ lịch ấy, của vũ khí ấy đối với quần chúng, đối với cách mạng. Nhưng điều Người nói *trước tiên* và Người *luôn luôn* nhắc nhở văn nghệ sĩ là phải học tập chủ nghĩa Mác — Lê-nin, trau dồi lập trường quan điểm, học tập chính trị, gần gũi quần chúng lao động, cốt để có một thể giới quan đúng đắn, rồi từ đó những cái viết ra mới có tác dụng đối với quần chúng.

đối với cách mạng. Bởi vì cái quyết định tác dụng của tác phẩm chính là thế giới quan, là tư tưởng, ý chí, động cơ của tác giả. Một công trình sáng tạo nghệ thuật trung thực với cuộc sống, có tác dụng đối với cuộc sống, bao giờ cũng là một công trình có ý thức. Văn nghệ sĩ lúc nào cũng phải tự xác định: vì lẽ gì mình làm một công trình nào đó, tức là phải có ý thức về nội dung, mục đích, tính khuynh hướng của công trình mà mình thực hiện. Nghệ thuật chân chính không thể xuất phát từ một thế giới quan gian dối. Những tác phẩm nghệ thuật vĩ đại bao giờ cũng bắt nguồn từ tư tưởng nhân đạo chủ nghĩa, niềm tin vào cuộc sống, thái độ quyết liệt đối với cái bất nhân, bất nghĩa và lòng khát vọng về một tương lai công bằng, tiến bộ. Chúng ta nói đến « ý nghĩa khách quan » chủ yếu là đối với những tác phẩm cổ điển, bởi vì trong thế giới quan của những nhà văn thời trước, có mặt mạnh, mặt yếu, mặt tiến bộ, mặt lạc hậu. Mặt mạnh, mặt tiến bộ trong tác phẩm của họ gắn bó hữu cơ với mặt mạnh, mặt tiến bộ trong thế giới quan của họ, ngược lại, mặt yếu, mặt lạc hậu trong tác phẩm cũng gắn bó hữu cơ với mặt yếu, mặt lạc hậu trong thế giới quan của họ. Nhưng với chúng ta ngày nay, những người tình nguyện sáng tác dưới ánh sáng đường lối của Đảng ta, thì chủ yếu không phải nói đến « ý nghĩa khách quan » của tác phẩm, mà chủ yếu phải nói đến ý nghĩa « chủ quan », ý nghĩa này do động cơ tư tưởng, do thế giới quan của tác giả quyết định.

Hai là, *chuyện miêu tả cái tiêu cực*. Đối với chúng ta, việc miêu tả cái tiêu cực phải tỏ được thiện chí muốn xóa bỏ cái xấu, xây dựng cái tốt. Trong « cầm nang », Chủ tịch Hồ-Chí-Minh nói nhiều đến chủ nghĩa cá nhân, và mong tiêu trừ được nó để cho đạo đức mới sáng ngời. Có chỗ Người nói rất tỉ mỉ, như: « Đời sống nhân dân

khá hơn xưa, cán bộ ta ăn, ở cũng khá hơn, đi công tác có xe đạp, có ô tô nữa. Nhưng có một số người không nhớ lúc hàn vi, lại đề cho chủ nghĩa cá nhân nảy nở. Đã có xe rồi, lại « phấn đấu » để có chiếc xe đẹp hơn, chiếm mất phần của người khác. Đã có nhà ở rồi, lại « phấn đấu » theo kiểu như thế để có nhà đẹp hơn... ». Cái chủ nghĩa cá nhân nói đó gần đây lại « bung » ra một cách nghiêm trọng. Vậy thì nhà văn nên miêu tả cái tiêu cực ấy trong xã hội như thế nào? Có nên nhìn thẳng, nói thật hay không? Tất nhiên là nên. Đã mở xé ung nhọt, tất nhiên phải dám đưa dao vào chỗ thịt thối rữa, cắt bỏ đi. Nhưng điều quan trọng bậc nhất là phải bảo đảm cho trái tim người bệnh nằm trên bàn mổ vẫn đập, và những tế bào lành mạnh trong thân thể có tác dụng tích cực làm cho vết mổ chóng lành, vượt qua được những nỗi đau đớn phải chịu đựng.

Quả thật, những vở kịch, những truyện ngắn, những bài thơ miêu tả cái tiêu cực trước đây khiến cho dư luận xôn xao một đạo, không làm cho chúng ta hài lòng. Tác giả không bôi đen, nhưng đã trình bày trước chúng ta một bức tranh đen tối, làm cho người đọc huồn nản, buồn xuôi, thấy mọi người đều bất lực trước cái xấu cứ lần dần dần. Đọc xong, càng suy nghĩ, càng ngao ngán. Chúng ta trách nhà văn lạnh lùng quá, tàn nhẫn quá, không nhìn cuộc sống một cách lạc quan hơn, với một lòng tin tưởng vững chắc hơn ở con người, ở chân lý, ở tương lai. Như trong vở kịch nọ. Có hai nhân vật A và B. Tuy hai nhưng thật ra là một, một nhân vật hai mặt, mặt « tích cực » và mặt lạc hậu. Anh ta là một con người cách đây đã lâu biết phấn đấu vì một mục đích cao đẹp, nhưng hiện nay thì trái lại, anh ta trở thành hèn nhát, tính toán, muốn sống yên ổn, không dám đấu tranh với bản thân mình, với người chung quanh. Từ đầu chỉ

cuối, anh ta tự thú nhận như thế. Chính anh ta cũng tự nhận anh ta là « một cái xác đang rữa ». Đó là nhân vật A, tượng trưng cho « mặt tích cực ». Còn B thì là hiện thân của chủ nghĩa cá nhân, nhưng nó không ngày thơ, ngờ nghệch. Nó rất hiểu người đang đối mặt với nó và nó cũng rất hiểu thân phận của nó. Cho nên, từ đầu đến cuối vở, B luôn luôn ở thế tiến công, còn A thì luôn luôn ở thế cầm cự, và cầm cự rất yếu ớt. Thế rồi, cuối cùng, khi A lên gân, đòi chôn B thì B hỏi lại A như thế này: « Cho tôi hỏi: cái phần sống của anh còn đủ sức lực và can đảm để chôn cái phần đã chết của anh không? » Đúng là không. Cái phần sống kia còn sống nữa đâu? A cũng là cái xác chết rồi kia mà!

Nói tóm lại, vở kịch đưa lên sân khấu một nhân vật sa đọa quay về với chủ nghĩa cá nhân của mình năm xưa, muốn chọn một cách sống thực thời, khôn ngoan, trốn tránh trách nhiệm, không dám nói ý nghĩ của mình trước cái xấu, không dám tự phê bình và phê bình người khác, lại còn dùng những lời ba hoa che giấu sự thật đau đớn là mình đã hết lòng tin ở con người, ở cuộc sống, ở lý tưởng. Dụng ý của tác giả rõ ràng là phê phán đề tiêu trừ chủ nghĩa cá nhân, nhưng tác dụng thì ngược lại. Yếu tố tiêu cực nổi bật lên, choán hết cả, làm cho tối mờ, không trông thấy gì nữa. Thật khác xa tinh thần lạc quan của Chủ tịch Hồ-Chí-Minh. Trong « cầm nang », trang 418, có một đoạn như thế này:

« Mỗi con người đều có cái thiện và cái ác ở trong lòng. Ta phải biết làm cho phần tốt ở trong mỗi con người này nở như hoa mùa xuân và phần xấu bị mất dần đi, đó là thái độ của người cách mạng. Đối với những người có thói hư tật xấu, trừ hạng người phản lại Tổ quốc và nhân dân, ta cũng phải giúp họ tiến bộ bằng cách làm cho cái phần thiện

trong con người họ này nở **đầy** lùi phần ác, chứ không phải **đập** cho tơi bời... ». Và Người chỉ cho cách làm: « Lấy gương người tốt việc tốt để hàng ngày giáo dục lẫn nhau là một trong những cách tốt nhất để xây dựng Đảng, xây dựng các tổ chức cách mạng, xây dựng con người mới, cuộc sống mới ». Tinh thần lạc quan ấy toát lên từ bất cứ bài nói, bài viết nào của Người, từ phong cách của Người khiến cho những kẻ bi quan mấy cũng phải vững niềm tin. Cho nên miêu tả cái tiêu cực để đấu tranh chống lại nó vẫn làm cho người đọc lạc quan, trước hết là ở **thái độ và trách nhiệm** của văn nghệ sĩ đối với cách mạng, chứ không phải ở chỗ che giấu bớt cái tiêu cực hay thêm vào một cái đuôi tích cực, hay miêu tả nửa nọ nửa kia. Thái độ ấy phải là một thái độ nhiệt tình, hiểu biết, trách nhiệm ấy phải là trách nhiệm của một chiến sĩ cầm bút. Điều ấy sẽ thấm vào nội dung tác phẩm.

Gần đây, lại nổi lên *chuyện chống sơ lược, chống công thức*, cũng làm cho bạn đọc bần thần nhiều. Tất nhiên, ai cũng đồng tình với việc ấy. Ai cũng đòi hỏi văn nghệ sĩ phải không ngừng nâng cao *tính nghệ thuật* của tác phẩm, bảo đảm *tính chân thực* khi miêu tả các hiện tượng xã hội. Nhưng chúng ta lại không thể đồng tình khi người nào đó đối lập *tính nghệ thuật* với *tính cao cả*, đối lập *tính chân thực* với *tính đảng*. Như thế là trái ngược với những lời dạy của Chủ tịch Hồ-Chí-Minh. Như thế là vô hình trung rơi trở lại vào thuyết « nghệ thuật vì nghệ thuật », « nghệ thuật thuần túy », vào chủ nghĩa Căng cũ và mới, vô hình trung chống lại việc miêu tả những nhân tố tích cực, những nhân vật anh hùng, chống lại khuynh hướng chọn những hiện tượng tích cực trong cuộc sống làm cơ sở để biểu dương nhiệt tình chiến đấu, lao động, kích thích lòng hăng hái của mọi người, kêu gọi mọi người tiến lên

phía trước. Chủ tịch Hồ-Chí-Minh luôn luôn khuyên nhủ văn nghệ sĩ « nêu rõ những thành tích kháng chiến kiến quốc vĩ đại » của ta, « lưu truyền những gương mẫu oanh liệt ». Trong bài nói chuyện tại Đại hội văn nghệ toàn quốc thứ III (1962), Người nói thống thiết như sau: « Ở Việt-nam chúng ta có những sự tích vô cùng oanh liệt, những chiến sĩ cực kỳ anh dũng. Ở các nước anh em trong đại gia đình xã hội chủ nghĩa cũng vậy. Quần chúng đang chờ đợi những tác phẩm văn nghệ xứng đáng với thời đại về vang của chúng ta, những tác phẩm ca tụng chân thật những người mới, việc mới, chẳng những để làm gương mẫu cho chúng ta ngày nay mà còn để giáo dục con cháu ta đời sau... ». Rồi rằng, Người không hề đối lập cái cao cả với cái đẹp, không hề đối lập tính chân thật với tính đáng. Tính đáng không mâu thuẫn với hiện thực. Đáng không có chân lý nào khác ngoài chân lý khách quan của đời sống. Chỉ có đứng trên lập trường của Đảng mà phản ánh hiện thực thì mới phù hợp với chân lý, phù hợp với lý tưởng cần phải vươn tới. Cho nên nói: « cái cao cả sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến cái đẹp », các tác phẩm sơ đẳng, sơ lược, công thức, « thiếu tính chân thực » là vì tác giả « quan tâm đến sự *phải đạo* », « theo chủ nghĩa hiện thực *phải đạo* », là nói đại.

Thật ra, các thứ bệnh như sơ lược, công thức liên quan đến tài năng, năng khiếu của nhà văn. Đó là những phẩm chất không thể bán, không thể mua, không thể tạo nên do ý muốn của bất cứ ai. Cho nên không trở thành văn nghệ sĩ được nếu không có tình cảm nhạy bén, không có những cảm xúc mạnh, không có óc quan sát tinh vi, không có trí tưởng tượng dồi dào, không có trực giác minh mẫn, không có phong cách riêng. Chẳng phải người cầm bút nào cũng có bấy nhiêu phẩm chất, cho nên bất cứ ở giai đoạn nào, bất cứ nền văn học

nghệ thuật nào số tác phẩm sơ lược, công thức cũng vẫn nhiều hơn những « tác phẩm tuyệt vời », những « tác phẩm có tâm vóc ». Dầu phải chỉ có những tác giả viết về những nhân vật anh hùng, những tác giả « quan tâm đến sự *phải đạo* » thì mới để ra những tác phẩm thiếu tính nghệ thuật, thiếu tính chân thực, sơ lược, công thức. Về vấn đề này, đồng chí Phạm-Văn-Đồng có nói một lần rằng: « Làm văn nghệ phải có khiếu, có tài. Tôi nghĩ chúng ta hoạt động trong lĩnh vực đặc biệt này, lĩnh vực văn học nghệ thuật mà không có tài, có khiếu thì khó khăn lắm. Làm cái nghề khác không có tài cũng có thể làm được việc. Nhưng làm văn học nghệ thuật mà không có tài thì khó lòng làm nên việc lắm. Tôi nghĩ không biết có đúng không, nhưng theo tôi, nếu không có tài năng gì đặc biệt thì anh đi làm việc khác, chứ làm văn nghệ khổ lắm ». Đồng chí kể một chuyện vui rồi nhắc lại: « Những người không có tài thì nên đi làm việc khác hơn là làm văn nghệ ». Đó là thang thuốc đặc biệt trị các bệnh sơ lược, công thức...



Trên đây chỉ kể những chuyện có tính chất điển hình. Thật ra những năm vừa qua, xảy ra nhiều chuyện tương tự như thế. Có người tổng kết thấy rằng mỗi khi cách mạng chuyển biến, mỗi khi cuộc chiến tranh gay go, quyết liệt, mỗi khi tình hình trong nước khó khăn, hay mỗi khi trên thế giới có sự xáo trộn khiến cho có người dao động, mất lòng tin, thì thế nào cũng tìm thấy hồi quang trong văn nghệ. Nhưng chúng ta có thể tránh mọi sai lầm, nếu chúng ta theo đúng lời chỉ dẫn ở trang 406 của « cầm nang »: « Bác muốn bản luận dân chủ, các chú có ý kiến gì trái với Bác thì cứ cãi, nhất trí rồi về làm mới tốt được. Không nên. Bác nói gì, các chú cũng cứ ghi vào sổ mà trong bụng thì chưa thật rõ, rồi các chú không làm hay làm một cách qua loa ».

Sự phản bội không thể chối cãi

THÀNH-TÍN

Nhân đọc cuốn sách: Trung-quốc và việc giải quyết cuộc chiến tranh Đông-dương thứ nhất. (Giơ-ne-vơ 1954) của Phrăng-xoa Gioay-ô.

SỰ phản bội của những người lãnh đạo Trung-quốc đối với Việt-nam là một đề tài đang được đề cập rộng rãi trong các cơ quan nghiên cứu, học thuật của các nước xã hội chủ nghĩa, của các đảng cộng sản trên thế giới. Đây cũng là một chủ đề được nhiều nhà khoa học xã hội trong các nước tư bản chủ nghĩa quan tâm nghiên cứu.

Một cuốn sách bỏ tch.

Đầu năm 1979, đúng vào lúc bọn trùm bành trướng Bắc-kinh xua quân vượt biên giới xâm lược 6 tỉnh phía bắc của Việt-nam, một cuốn sách được xuất bản ở Pa-ri, thu hút sự chú ý của đông đảo người đọc. Đầu đề cuốn sách là: *Trung-quốc và việc giải quyết cuộc chiến tranh Đông-dương thứ nhất* (Giơ-ne-vơ 1951). Cơ quan xuất bản cuốn sách này là *Viện nghiên cứu lịch sử những vấn đề quan hệ quốc tế hiện đại thuộc Trường đại học Xóc-bon*, một trường đại học nổi tiếng ở thủ đô Pa-ri. Tác giả là *Phrăng-xoa Gioay-ô*, tiến sĩ văn chương, có ý định qua công trình nghiên cứu này giành thêm học vị tiến sĩ sử học.

Để viết cuốn sách này, tác giả đã sưu tầm tài liệu khá công phu. Nguồn tư liệu chủ yếu là những tài liệu mật của cơ quan lưu trữ Bộ ngoại giao Pháp, các biên bản đầy đủ của các cuộc họp và gặp gỡ tay đôi giữa phía Pháp và phía Trung-quốc ở Giơ-ne-vơ, những bức điện mật của đoàn đại biểu Pháp báo cáo về cho chính phủ họ, những biên bản của các cuộc họp ở hội nghị Giơ-ne-vơ, những điện mật của các đại diện ngoại giao Pháp ở những nước dự hội nghị Giơ-ne-vơ, một loạt cuốn hồi ký của nhiều nhân vật từng đóng vai trò nổi bật trong hội nghị hoặc trong cuộc chiến tranh ở Đông-dương. Tác giả cũng tham khảo nhiều cuốn sách khác chứa đựng những tư liệu quý.

Ở phần phụ lục, Phrăng-xoa Gioay-ô dựng lên một bản "đại sự ký" ghi lại những hoạt động hằng ngày của đoàn đại biểu Trung-quốc ở Giơ-ne-vơ từ ngày 21 tháng 4 đến ngày 23 tháng 7 năm 1954, nhằm minh họa rõ thêm ý đồ, mục tiêu, âm mưu, thủ đoạn và những hoạt động của nền ngoại giao Trung-quốc trong suốt 90 ngày sôi nổi ấy.

Mặc dù còn có mặt hạn chế như tư liệu về một số vấn đề còn thiếu

phương pháp luận trong nghiên cứu chưa thật sự là phương pháp luận khoa học, một vài nhận định chưa thật chính xác, cuốn sách này là một công trình nghiên cứu nghiêm túc và bổ ích. Đây lại thêm một chứng minh có tính chất khoa học về sự phản bội không thể chối cãi của những người lãnh đạo Bắc-kinh đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân Việt-nam và nhân dân ba nước Đông-dương; đây cũng là một chứng minh nữa có tính chất khoa học về bản chất bành trướng và bá quyền của những kẻ theo Mao đang phản bội lại chính sự nghiệp cách mạng của nhân dân Trung-quốc.

Khi chủ nghĩa sô vanh nước lớn mang nhãn hiệu chủ nghĩa quốc tế vô sản.

Hội nghị Gio-ne-vơ năm 1954 được triệu tập để giải quyết những vấn đề nóng hổi của cuộc chiến tranh ở Đông-dương. Đó là cuộc chiến tranh xâm lược đã và đang thất bại của chính quyền thực dân Pháp. Đó là cuộc chiến tranh giải phóng đã và đang thắng lợi của nhân dân Việt-nam đoàn kết với nhân dân Lào và nhân dân Cam-pu-chia. Chính những thắng lợi liên tiếp của cách mạng Việt-nam đã dẫn đến việc triệu tập Hội nghị ấy.

Nếu những người lãnh đạo Trung-quốc xử sự đúng theo tinh thần quốc tế vô sản trong sáng thì tại Gio-ne-vơ họ phải đứng trên lập trường cách mạng tiến công vào các thế lực đế quốc, cùng Việt-nam phối hợp chặt chẽ để giành được trên bàn hội nghị chỉ ít là những kết quả tương xứng với thế và lực trên chiến trường, khi quân và dân Việt-nam đang ở thế áp đảo quân viễn chinh Pháp và quân ngụy, khi chiến thắng nổi bật và vang dội ở Điện-biên-phủ đang đẩy quân thù vào thế bị động đối phó, buộc chúng phải tính chuyện rút lui trên nhiều địa bàn trọng yếu ở đồng bằng Bắc-bộ, ở miền trung Trung-bộ, ở

Bắc Lào, Tây-nguyên và ở cả đồng bằng Nam-bộ, khi chính giới Pháp đã ngấm đòn và buộc phải nghĩ đến hòa bình bằng mọi giá.

Thế nhưng, những người lãnh đạo Trung-quốc lúc ấy đã nghĩ và làm khác hẳn. Theo sự nghiên cứu của Phrăng-xoa Gioay-ô, họ chỉ nghĩ đến lợi ích riêng của Trung-quốc là tại Gio-ne-vơ họ được chấp nhận trên thực tế là một trong 5 cường quốc của thế giới, và từ đó chỉ lo giải quyết cuộc chiến tranh Đông-dương theo nhu cầu chính trị riêng của Trung-quốc. Nhu cầu đó là: duy trì sự có mặt của Pháp ở Đông-dương để ngăn cản sự can thiệp của Mỹ vào tình hình Đông-dương; duy trì lâu dài nguy quyền Sài-gòn trên một phần lãnh thổ Việt-nam, duy trì các chế độ nguy quyền ở Lào và Cam-pu-chia; ngăn cản không để cho cách mạng Việt-nam giành thắng lợi trọn vẹn, từ đó chia cắt lâu dài đất nước Việt-nam, buộc miền Bắc Việt-nam ở vào thế phải nhận sự giúp đỡ về mọi mặt và từ đó phụ thuộc vào Trung-quốc...

Ph. Gioay-ô dựa vào hàng loạt sự kiện và tư liệu để nhận định rằng: « Chính phủ Bắc-kinh đã khôn khéo giúp đỡ vừa đủ để tạo thuận lợi cho Việt-minh giành được thắng lợi, song không vì thế mà viện trợ vô hạn độ cho Việt-minh, lo rằng điều này có thể làm cho Mỹ hoặc đồng minh của Mỹ can thiệp » (*) và: « theo con mắt người Trung-quốc, sự có mặt của Pháp ở Đông-dương không đáng ngại bằng sự có mặt của Mỹ. Theo cái lô-gích đó, việc duy trì sự có mặt nào đó của Pháp có thể là biện pháp duy nhất ngăn cản sự đe dọa của Mỹ ».

Về mặt tổ chức, Trung-quốc đã cử đến Gio-ne-vơ một đoàn đại biểu đồ sộ, vượt xa nhu cầu làm việc của hội nghị. Ph. Gioay-ô cho biết đoàn đại biểu Trung-quốc có đến 200 người.

(*) Trong bài này, những đoạn in nghiêng là trích trong cuốn sách nói trên của Ph. Gioay-ô.

thuê hẳn một trong 5 khách sạn loại nhất ở Giơ-ne-vơ cùng 7 ngôi nhà lớn khác, với một thời gian dự định là 6 tháng! Để đạt mục tiêu phổ trương theo tiêu chuẩn một trong 5 nước lớn, « đoàn Trung-quốc đem từ Bắc-kinh đến toàn bộ đồ đạc, những lăm thảm rất đẹp; họ đặt ở Giơ-ne-vơ một kiểu bảo tàng dân tộc ».

Đi theo Chu-Ân-Lai, thủ tướng kiêm bộ trưởng ngoại giao, có ba thư trưởng ngoại giao là Lý-Khắc-Nông, Trương - Văn - Thiên, Vương - Gia - Tường, thủ trưởng ngoại thương Lôi-Nhiệm-Dân, 6 vụ trưởng trong bộ ngoại giao và hàng trăm cố vấn, chuyên viên đủ loại, thư ký, phiên dịch... Rõ ràng phía Trung-quốc ra sức gây ấn tượng rằng, « với sự xuất hiện đầu tiên về ngoại giao trên trường quốc tế sau gần 5 năm thành lập nước Cộng hòa nhân dân Trung-hoa, từ nay Trung-quốc nghiêm nhiên trở thành một cường quốc, ngang hàng với 4 cường quốc khác đã được thế giới thừa nhận ». Một bài xã luận của Nhân dân nhật báo Bắc-kinh hồi ấy đã nhấn mạnh: « Hội nghị Giơ-ne-vơ là một hội nghị của năm nước lớn, của ngũ đại cường quốc; và thuật ngữ ngũ đại cường quốc được dùng đến bảy lần trong bài xã luận ». Cần nhớ rằng vào thời điểm hội nghị Giơ-ne-vơ được triệu tập, các nước phương Tây đều chưa công nhận chính thức về ngoại giao nước Cộng hòa nhân dân Trung-hoa.

Ph. Gioay-ô cho biết trong thời gian hội nghị, trưởng đoàn đại biểu Trung-quốc, thủ trưởng ngoại thương Lôi-Nhiệm-Dân và một số khá đông chuyên viên kinh tế và thương mại Trung-quốc đã có nhiều cuộc họp với các đoàn đại biểu phương Tây, với nhiều công ty công nghiệp, kinh doanh, xuất nhập khẩu của Pháp, Anh, Tây Đức, Hà-lan, Bỉ, Ý, Thụy-sĩ, v.v... để bàn về các vấn đề tăng nhanh việc trao đổi về kinh tế, buôn bán, đầu tư *Khối lượng buôn bán*

của Trung-quốc với Tây Âu năm 1954 là 173 triệu đô la, năm 1955 lên đến 226 triệu và năm 1956 lại vọt lên đến 326 triệu.

Ph. Gioay-ô cũng nhận xét một cách xác đáng rằng Trung-quốc đã tận dụng vị trí của mình ở Giơ-ne-vơ để cải thiện quan hệ với một số nước, như thỏa thuận với Anh trong việc thiết lập quan hệ ngoại giao giữa hai nước (17-6-1954) và cuối tháng 5-1954 ký hiệp ước Trung-quốc - Ấn-độ về vấn đề Tây-tạng. Cũng tại Giơ-ne-vơ, Trung-quốc đã hết sức tranh thủ để có được những quan hệ mở đầu với Mỹ, thông qua môi giới của đoàn đại biểu Anh; cuộc họp đầu tiên giữa Vương-Bình-Nam, tổng thư ký đoàn đại biểu Trung-quốc với A-lếch-dit Giôn-xơn, đại sứ Mỹ tại Tiệp-khắc, đã diễn ra tại Giơ-ne-vơ ngày 4-6-1954, và sau đó là 5 lần gặp gỡ khác nữa. « Ý đồ rất rõ ràng của Trung-quốc là coi hội nghị Giơ-ne-vơ như một phương tiện mở cửa sang thế giới phương Tây, như vậy là vượt xa những mục tiêu do cuộc họp quốc tế ở Béc-lin đề ra cho hội nghị Giơ-ne-vơ là chỉ bàn về vấn đề Đông-dương ».

Cũng với ý đồ riêng rẽ của Bắc-kinh, ngày 21-6-1954, trưởng đoàn đại biểu Trung-quốc rời Giơ-ne-vơ làm một cuộc chu du sang Ấn-độ, Miến-điện, rồi về Bắc-kinh, lại qua Ai-cập, cho đến chiều 12 tháng 7 mới trở lại Giơ-ne-vơ. Cuộc hành trình gần 20 ngày này chính là để gây thêm thanh thế cho Trung-quốc đúng vào lúc Trung-quốc vừa được bước vào vũ đài quốc tế ở Giơ-ne-vơ.

Rõ ràng, thực chất hoạt động của đoàn đại biểu Trung-quốc ở Giơ-ne-vơ không phải là tinh thần quốc tế vô sản nhằm giúp cách mạng Việt-nam và phối hợp với đoàn đại biểu Việt-nam để đạt được kết quả cao nhất đối với bọn đế quốc xâm lược, mà toàn bộ hoạt động ấy đều nhằm vào mục tiêu chủ yếu lấy lợi ích riêng của

nước Trung-hoa đại cường quốc làm trung tâm: làm dịu tình hình căng thẳng ở Viễn Đông cần thiết cho sự phát triển kinh tế của Trung-quốc, gạt bỏ nguy cơ can thiệp của Mỹ vào cuộc xung đột ở Đông-dương, tạo khả năng cho Trung-quốc chấm dứt được sự bài xích của phương Tây, chứng tỏ Trung-quốc là một cường quốc trên sân khấu thế giới và tạo cơ hội cho Trung-quốc tiến hành các cuộc đàm phán thương mại với phương Tây.

Sự phản bội rành rành đã đi vào lịch sử.

Trung-quốc đã áp đặt những ý định của họ trong những điều khoản quan trọng nhất của Hiệp nghị Giơ-ne-vơ, làm phương hại đến lợi ích và cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân Việt-nam. Những chứng cứ về sự phản bội đen tối và bỉ ổi này quả thật không thiếu.

Trong phiên họp kín đầu tiên ngày 17-5-1954, trưởng đoàn Trung-quốc lớn tiếng tuyên bố: « Mọi trở ngại, bất kỳ lúc đâu đến, đều đáng lên án! ». Vậy đoàn đại biểu Trung-quốc đứng trên lập trường nào? Câu nói đầy ác ý này, ám chỉ khá rõ rằng « trở ngại » từ phía đoàn đại biểu Việt-nam đến cũng đáng lên án. Và điều mà phía Trung-quốc cho là « trở ngại » ấy chính là thái độ có nguyên tắc của Việt-nam quyết giành trên bàn hội nghị những thắng lợi tương xứng với những hy sinh cao quý của quân và dân Việt-nam, với những thắng lợi vang dội và áp đảo mà quân và dân Việt-nam đã và đang giành được. Thái độ kẻ cả, trịch thượng, gia trưởng, nước lớn của họ thật là xấu xa và bỉ ổi. ❊

Về thời hạn tổng tuyển cử ở Việt-nam, phía Pháp rất lo sợ vì « vấn đề này quyết định toàn bộ khả năng chống đỡ về chính trị của quốc gia Việt-nam (ngụy quyền) trong trường hợp có tuyển cử. Đoàn đại biểu Pháp cho rằng

cần thiết phải có hai năm để chỉnh phủ Sài-gòn có thời gian chuẩn bị. Đoàn đại biểu Liên-xô đề xuất rằng nếu thời hạn tháng 6 năm 1955 như phía đoàn Việt-nam đề nghị gần quá thì nên theo công thức « trong năm 1955 ». Nhưng một cái, ngày 19-7 đoàn Trung-quốc đưa ra « đề nghị cuộc tuyển cử nên hoãn lại hai năm, cho đến năm 1956, còn thời hạn chính xác sẽ do đại biểu hai miền Nam Bắc thỏa thuận với nhau ». Ph. Gioay-ô nhận xét: « sự nhượng bộ của Trung-quốc là có ý nghĩa quyết định; sự nhượng bộ này đã loại bỏ một trong những trở ngại cuối cùng. Cờ chỉ này soi sáng một cách rất đặc biệt chính sách của Trung-quốc ở Đông-dương »

Đường giới tuyến là một vấn đề rất quan trọng. Thoạt đầu, phía Việt-nam đề ra vĩ tuyến 13 để thương lượng. Về sau, đến ngày 13-7, phía Việt-nam tuyên bố có thể chấp nhận vĩ tuyến 16, coi đây là giới hạn cuối cùng. Phía Pháp vin có nước Lào cần có con đường số 9 đi xuống Đông-hà và Quảng-trị để không chấp nhận vĩ tuyến 16 và đề ra yêu sách vĩ tuyến 18. Ngày 17-7, trưởng đoàn Trung-quốc trong cuộc bàn bạc riêng với Măng-dét Phrăng-xơ, trưởng đoàn Pháp, tự đưa ra nhận xét là: « Việt-nam dân chủ cộng hòa tuyệt nhiên không cần đến con đường số 9 », và còn đóng vai xấu xa của kẻ cò mỗi đề ri tai người Pháp rằng: « Nếu nước Pháp liền một bước về vấn đề định giới tuyến thì ông Phạm-Văn-Đổng cũng sẽ liền một bước dài hơn nhiều » (!). Và thế là Pháp vui mừng tuyên bố chấp nhận vĩ tuyến 17, một vĩ tuyến rõ ràng không phản ánh thế và lực của hai bên vào thời điểm ấy, và càng không phản ánh xu thế áp đảo của cách mạng Việt-nam sau thắng lợi lịch sử ở Điện-biên-phủ và ở các chiến trường khác.

Đối với vấn đề Lào và Cam-puchia, sự phản bội của Trung-quốc cũng thật rõ ràng. Nhiều nhà nghiên-

cứu lịch sử đã nhận xét rằng « ở Gio-ne-vơ phía Trung-quốc không sôi sảng mấy trong việc đòi cho các phong trào cách mạng Cam-pu-chia và Lào được cử đại biểu tham dự hội nghị ». Đã vậy, trong cuộc họp ngày 27 tháng 5, trưởng đoàn Trung-quốc đưa ra ý kiến: « trường hợp Lào và Cam-pu-chia không giống như trường hợp Việt-nam » và chiều hôm đó, Vương-Binh-Nam trong đoàn Trung-quốc còn nói với các đại biểu Pháp rằng: « Về vấn đề Lào và Cam-pu-chia, lập trường của đoàn đại biểu Trung-quốc giống như lập trường của đoàn đại biểu Pháp ».

Ngày 16-6, trưởng đoàn Trung-quốc đến nhà đoàn đại biểu Anh và nói với I-đơn rằng ông ta nghĩ rằng có thể thuyết phục được Việt-minh rút quân khỏi Lào và Cam-pu-chia. Qua đó, Trung-quốc đã đi một bước rất dài theo luận điểm của người Cam-pu-chia, người Lào, người Anh và người Pháp. Ngoài ra, Chu-Ấn-Lai nói sẵn sàng công nhận tính chất hợp pháp của các chính phủ Vương quốc Lào và Cam-pu-chia ngay khi nào ông ta được bảo đảm rằng không một căn cứ quân sự nào của Mỹ được xây dựng ở hai nước này.

Nhiều lần, tác giả của cuốn sách thốt lên: « Rõ ràng, lập trường của Trung-quốc và của Việt-nam không giống nhau ». Và trước sự phản bội của Trung-quốc đối với cách mạng Lào và cách mạng Cam-pu-chia, trưởng đoàn đại biểu Việt-nam đã kiên trì giữ vững lập trường cứng rắn của mình khi tuyên bố: « Lô gích của sự thật đòi hỏi người ta phải công nhận phong trào giải phóng ở hai nước này và bác bỏ những lời khẳng định có dụng ý xấu của những ai muốn giải thích các phong trào đó là do ảnh hưởng từ bên ngoài. Đoàn đại biểu Việt-nam dân chủ cộng hòa chào mừng với mỗi thiện cảm và sự kính trọng các phong trào giải phóng đó, sản phẩm của sự áp bức dã man lần

bạo, bắt nguồn sâu xa từ trong nhân dân và không thể nào tạo nên một cách giả tạo từ bên ngoài được ». Đó là những lời lẽ gay gắt đến mức mà người ta có thể tự hỏi là những lời lẽ đó nhằm đúng vào ai trong bối cảnh đó. Đến nay chúng ta có thể coi đó quả thật là một cái tát của những người cách mạng chân chính vào mặt những kẻ phản bội đê hèn.

Sợi chỉ đen xuyên suốt nền ngoại giao Trung-quốc.

Ph. Gioay-ô cho rằng chính sách của Trung-quốc đối với Việt-nam hiện nay là sự kế thừa chính sách của các triều đại hoàng đế xưa kia đối với các láng giềng phương Nam. « Đó là một chính sách Đông-dương tiếp nối chính sách của các triều đại hoàng đế ngày xưa. Một trong những nét nổi bật nhất của chính sách đó là ý muốn thường xuyên của Trung-quốc duy trì hòa bình ở sườn phía nam dựa trên thế cân bằng lập ra từ nhiều sự cạnh tranh giữa các nước khác nhau ở trong vùng. Một nền hòa bình kiểu Trung-quốc (pax sinica) do sự hợp thành vô hiệu của các lực lượng đối lập nhau. Một chính sách khá gần gũi với chính sách chia để trị cổ xưa ở hình thức sơ đẳng nhất ». Tác giả nhận xét một cách xác đáng rằng: « Thái độ của Trung-quốc đối với Việt-minh (chỉ cách mạng Việt-nam) là thái độ của một cường quốc ủng hộ kiên quyết đồng minh của mình chừng nào mà mục tiêu của đồng minh đó có thể khớp được với thế cân bằng đang tìm kiếm, nhưng cũng biết áp đặt một vài điều bó buộc trong trường hợp ngược lại ».

Chính cái thế cân bằng chung ở Đông-dương, chính sách chia để trị và chủ trương của những kẻ bành trướng và bá quyền Bắc-kinh ngăn cản Việt-nam trở thành một thế lực mạnh đã thúc đẩy họ trong thời gian sau này đi đến liên minh với bọn phản

động Khor-me đồ tàn bạo để phá hoại cách mạng Cam-pu-chia, chống phá cách mạng Việt-nam và cách mạng Lào, cầm một mũi dao sắc ở sườn phía tây nam của Việt-nam nhằm làm suy yếu Việt-nam và cuối cùng buộc Việt-nam phải quỳ gối. Thế nhưng cái chính sách cô truyền nham hiểm ấy đã phá sản trước sức mạnh đoàn kết của cách mạng ba nước Đông-dương.

Sau khi ký hiệp nghị Giơ-ne-vơ, những người lãnh đạo Trung-quốc đã tiếp tục thực hiện chính sách nhất quán đối với Việt-nam; họ không mảy may để ra yêu cầu thực hiện cuộc tổng tuyển cử được hiệp nghị ghi rõ sẽ được tiến hành tháng 7 năm 1956. Họ ngăn cản Việt-nam đẩy mạnh cuộc đấu tranh vũ trang ở miền Nam Việt-nam với những lời khuyên nham hiểm: chờ đợi thời cơ, mai phục kéo dài, chỉ nên đánh du kích, không nên kích động để Mỹ can thiệp trực tiếp...

Cho đến đầu năm 1979, bộ mặt phản động và phản bội xấu xa của họ lộ nguyên hình khi họ xua 60 vạn quân sang xâm lược các tỉnh phía bắc Việt-nam. Từ sự phản bội ở Giơ-ne-vơ năm 1954 đến hành động xâm lược công khai dẫm máu đầu năm 1979 là một sự phát triển nhất quán trong chính sách của Bắc-kinh đối với Việt-nam và Đông-dương. Sợ chỉ den xuyên suốt chính sách ấy trong mấy chục năm qua chính là bản chất bành trướng và bá quyền của những người lãnh đạo ở Bắc-kinh, đi ngược lại chủ nghĩa quốc tế vô sản, ngược lại lợi ích của nhân dân Trung-quốc, ngược lại ba đồng thạc cách mạng trong thời đại ngày nay.

Hiều rõ bản chất phản động của đường lối và chính sách của những người lãnh đạo ở Bắc-kinh là một vấn đề hết sức quan trọng đối với những người cách mạng Việt-nam chúng ta, cũng là một vấn đề cần thiết đối với những người cách mạng trên thế giới.

Cần nhận rõ cách đây 28 năm, các đồng chí trong đoàn đại biểu ta đã sớm cảm thấy có cái gì kỳ quặc, khác thường trong một số chủ trương và cách xử sự của phía Trung-quốc. Trưởng đoàn đại biểu Việt-nam đã có lần nổi giận phê phán gay gắt những ý kiến sai trái của phía Trung-quốc đối với tình hình Lào và Cam-pu-chia. Nhà sử học Ph. Gioay-ô đã ghi nhận: *trưởng đoàn đại biểu Việt-nam đã phản ứng mạnh khi Trung-quốc đề nghị ích dân tộc của họ lên trước lợi ích của những người cách mạng Đông-dương.*

Tối 22-7-1954, ngay sau khi hội nghị Giơ-ne-vơ bế mạc, trưởng đoàn Trung-quốc mời đoàn đại biểu ta đến dự một bữa cơm. Các đại biểu ta hết sức ngạc nhiên khi thấy có cả đại biểu ngụy quyền Lào, đại biểu ngụy quyền Cam-pu-chia và đại biểu ngụy quyền Sài-gòn. Các đại biểu ta hết sức căm phẫn khi trưởng đoàn Trung-quốc nâng cốc chúc sức khỏe của tên vua bán nước Bảo Đại! Trưởng đoàn Trung-quốc trong khi nói chuyện còn trưng ra bộ mặt phản bội để hện và vô liêm sỉ khi mời đại diện ngụy quyền Sài-gòn sang thăm các đền miếu ở Bắc-kinh! Ph. Gioay-ô ghi rõ rằng: *«Thế rồi trưởng đoàn đại biểu Việt-nam giết này người khi nghe lời nói bất ngờ của Thủ tướng Trung-quốc mời mọc chính quyền Nam Việt-nam (ngụy) đặt một cơ quan đại diện ở Bắc-kinh», và nhận định: «Thế là chỉ 24 giờ sau khi các hiệp định được ký kết, Chu-Ân-Lai đã nghĩ đến lễ chức một Đông-dương mới trong đó có cả Việt-nam miền Bắc và Việt-nam miền Nam đều có quyền ngang nhau, bất chấp mọi lý do về tư tưởng».*

Tình hình Việt-nam và Đông-dương phát triển từ sau hội nghị Giơ-ne-vơ năm 1954 hoàn toàn trái với ý muốn của những người lãnh đạo Trung-quốc. Đó chính là vì chúng ta, những người cách mạng Việt-nam, nhất là

(Xem tiếp trang 70)

SỰ KIẾN MAN-VI-NÁT

VŨ-HIỀN

Sử dụng độ quyết liệt về quân sự giữa đế quốc Anh và Ác-hen-ti-na trên vùng quần đảo băng giá Tây Nam Đại-tây-dương được coi là kết thúc. Với sự ủng hộ của Mỹ, 74 ngày sau khi Ác-hen-ti-na cho quân lấy lại quần đảo đã bị Anh cướp làm thuộc địa, Anh đã dùng sức mạnh quân sự chiếm lại.

Vì sao có cuộc chiến tranh này, hậu quả của nó ra sao và giữa các bên tham chiến có những gì được mất?

Quần đảo Man-vi-nát gồm 200 đảo, có tổng diện tích 11718 ki lô mét vuông, nằm cách bờ biển nam của Ác-hen-ti-na 869 km, cách cực nam châu Mỹ khoảng 680 km. Năm 1831, một tên cướp biển có quốc tịch Anh đánh đuổi tập lính Ác-hen-ti-na đang giữ đảo, rồi sau đó đế quốc Anh chính thức chiếm các đảo này làm thuộc địa. Anh chiếm đóng trái phép quần đảo này đã 150 năm và cuộc thương lượng giữa Ác-hen-ti-na và Anh về chủ quyền đối với nó đã kéo dài 17 năm mà không mang lại kết quả. Sự phê phán bằng vũ khí đã được thay cho vũ khí phê phán, khi rạng sáng ngày 2-4-1982, Ác-hen-ti-na mở cuộc hành quân giành lại Man-vi-nát, trục xuất viên toàn quyền ở đây và cắm lá cờ xanh-trắng-xanh của Ác-hen-ti-na ở thủ phủ quần đảo. Vừa được tin này, chính quyền Anh quyết định dùng sức mạnh chiếm lại. Hơn hai phần ba lực lượng hải quân Anh với nhiều tàu ngầm

chạy bằng năng lượng hạt nhân, những tàu sân bay hiện đại cùng những máy bay Ha-ri-ơ cất cánh thẳng đứng và ngay cả những tàu khách sang trọng cũng được huy động để chở quân tới quần đảo Man-vi-nát.

Đế quốc Anh sử dụng đội quân viễn chinh với những phương tiện chiến tranh to lớn, vượt 12870km biển xa đến vùng này, phải chăng như lời của bà Thatcher, là để bảo vệ quyền tự quyết cho 1800 người đang sống ở đây, trong khi ai cũng biết, ngay tại nước Anh, hơn 3 triệu người đang sống lay lắt vì không có việc làm, hàng chục triệu người khác phải vật lộn với cảnh nghèo đói do kinh tế đình đốn, vật giá leo thang? Vấn đề mấu chốt nhất vẫn là chính sách thực dân xâm lược cố hữu và cùng với nó là những tham vọng thực dụng mà đế quốc Anh khư khư bám lấy. Nơi đây là mảnh đất thuộc địa béo bở mà con sư tử già Anh đã cướp được cho nên phải cố giữ. Nơi đây có hơn 600 nghìn con cừu đang sống, gần 10 nghìn bò sữa quý, có mỏ dầu lớn với trữ lượng tới 2 tỷ tấn mà chính phủ Anh đã có kế hoạch thăm dò khai thác. Và hơn tất cả, với vị trí địa lý có ý nghĩa chiến lược ở Nam Đại-tây-dương, nơi đây có sức quyền rũ lớn đối với bọn cuồng chiến đế quốc, thực dân. Nếu quần đảo biến thành căn cứ quân sự, từ nơi này có thể kiểm soát các con đường đến châu Nam cực, toàn bộ vùng Nam Đại-tây-dương.

châu Phi và các tuyến đường nối Đại-tây-dương với Thái-bình-dương.

Lao vào cuộc chiến tranh này, nước Anh mang thái độ tự mãn nước lớn và dùng kiểu cách « ngoại giao pháo hạm » của những thuở xa xưa, tưởng rằng, với phương tiện chiến tranh đồ sộ được huy động như vậy có thể nuốt chửng đối phương ! Nhưng đã qua lâu rồi cái thời kỳ mà « mặt trời không bao giờ lặn trên đế quốc của mình », cái quá khứ béo bở của nước Anh đế quốc từng làm mưa làm gió ở các thuộc địa. Lịch sử đã sang trang và đã tuyên án chủ nghĩa thực dân đế quốc từ lâu, các dân tộc trên thế giới đã lần lượt thi hành bản án với sự trôi dạt phi thường dễ bắt mình ra khỏi cái vôi hủ tằm của con bạch tuộc thực dân đế quốc. Sức tiến công của thời đại đã rộng mở chân trời tự do độc lập cho các dân tộc bị áp bức và đang đi tới xóa bỏ địa bàn cuối cùng của chủ nghĩa thực dân. Chính điều này đã giải thích rõ tại sao càng lao vào cuộc chiến tranh này, Luân-đôn càng bị cô lập về chính trị và sự chống đối những bước phiêu lưu quân sự của nhà cầm quyền Anh ở trên thế giới và ở ngay nước Anh ngày càng lên mạnh. Cũng chính điều này giải thích tại sao một nước « thường thường bậc trung » như Ác-hen-ti-na lại dám đương đầu với con sư tử Anh có « răng nguyên tử », cũng như tại sao việc chiếm lại quần đảo đối với đế quốc Anh đã phải trả bằng một giá rất đắt. Trong tình hình quốc tế và khu vực thuận lợi, hành động của Ác-hen-ti-na tước đoạt lại quần đảo trong tay kẻ đi tước đoạt trái phép đã phản ánh ý chí độc lập của đất nước và được các tầng lớp nhân dân ủng hộ. Nhưng khi tình hình chiến trường ngày càng trở nên quyết liệt, càng thắng thì chính quyền của những viên tướng ở Ác-hen-ti-na càng lộ rõ sự lúng túng bất lực, không đáp ứng được yêu cầu của các tầng lớp nhân

dân trong nước. Do tính chất độc tài của nó, chính quyền Ác-hen-ti-na không nắm bắt và phát huy được cao trào yêu nước của toàn dân, không tranh thủ được sự ủng hộ rộng rãi của nhân dân thế giới, nhất là nhân dân Mỹ la tinh, cho nên đã không tiếp tục đẩy mạnh cuộc chiến đấu bảo vệ chủ quyền đối với quần đảo mà đi theo xu hướng thỏa hiệp, khuất phục trước sức ép của bọn đế quốc. Yếu tố của thất bại dần dần lộ rõ và sự đầu hàng đã không tránh khỏi.

Bây giờ tiếng súng đã yên, nhưng ở nơi đây gió lớn sóng to vẫn còn. Cuộc chiến tranh Man-vi-nát còn diễn ra dưới một dạng khác, một khi quần đảo còn nằm trong tay bọn thực dân Anh xâm lược. Con thú dữ lại vô được miếng mồi nhưng thân mình mang đầy thương tích. Hàng tỷ đô la chi phí cho cuộc chiến tranh lại làm tăng thêm gánh nặng lạm phát, suy thoái đang đè lên nền kinh tế bệnh tật của nước Anh. Đi đôi với sự ốm yếu về kinh tế, là sự gia tăng hệ bối về thể chế, chính trị, sự sa sút uy tín trên thế giới và cuối cùng là sự khủng hoảng lòng tin của dân chúng đối với chính quyền bảo thủ Thất-chơ. Đó là hậu quả của bước phiêu lưu quân sự của Anh. Trong lúc đó thì ý chí của nhân dân Ác-hen-ti-na về chủ quyền của mình đối với quần đảo Man-vi-nát đang bùng lên mạnh mẽ chưa từng thấy. Chắc chắn đây là trở ngại to lớn đối với việc áp đặt lại thể chế thực dân ở Man-vi-nát và biến nơi này thành một căn cứ quân sự. Tình hình hiện nay còn buộc Anh phải đối phó với Mỹ bởi sự đòi hỏi chia « phần » của kẻ cùng « dây máu » trong khi các nước khác trong khối Thị trường chung châu Âu đang muốn nối lại quan hệ buôn bán với Ác-hen-ti-na ngay lập tức.

Mỹ là kẻ tiếp tay cho Anh để cướp lại quần đảo nhưng cũng chính

Mỹ, trong cuộc khủng hoảng Man-vi-nát, đã chịu ít nhất ba thất bại. *Một là*, chủ «cờ» Sam đã không thể kiểm soát được gì mấy, dù vội vã bay đến ngay lúc nước biển vùng quần đảo vừa bị khuấy đục bởi cuộc đụng độ; mưu toan dàn xếp hai bên để có mặt ở đây đã không được chấp thuận. *Hai là*, Mỹ bất lực trong việc dàn xếp những mâu thuẫn nội bộ của phe đồng minh; sự trở chuyển bằng bom đạn giữa hai bên là điều Mỹ không hề muốn khi một bên là đồng minh tin cậy nhất của Mỹ trong khối NATO và một bên là đồng minh tin cậy trong vùng. Nhưng vì «lợi ích chiến lược», Mỹ đã phải đứng hẳn về phía Anh, do đó làm tăng thêm mâu thuẫn nội bộ phe tư bản, nhất là mâu thuẫn giữa Mỹ - Anh và chính quyền Ác-hen-ti-na và một số chính quyền tư bản ủng hộ Ác-hen-ti-na. Thất bại *thứ ba*—và là thất bại chính—là

Mỹ đã trở thành kẻ thù bị vạch mặt chỉ tên đối với các dân tộc Mỹ la tinh mà hậu quả của việc này tại nơi địa bàn sinh tử của Hoa-kỳ là chưa lường hết được.

Cuộc đụng độ về quân sự ở quần đảo Man-vi-nát đã ngừng nhưng việc tranh chấp về chủ quyền quần đảo giữa Anh và Ác-hen-ti-na chưa thể chấm dứt. Nguyên vọng của nhân dân Ác-hen-ti-na chưa được thực hiện. Cùng với các dân tộc Mỹ la tinh khác, nhân dân Ác-hen-ti-na đã nhận rõ bộ mặt của bọn đế quốc xâm lược Mỹ-Anh và tính chất độc tài, thỏa hiệp của chính quyền Gan-ti-ê-ri vừa bị lật đổ. Ý chí độc lập dân tộc và ý thức dân chủ của nhân dân Ác-hen-ti-na nhất định sẽ được nâng cao, tạo thành sức mạnh đập đổ mọi trở ngại để thực hiện chủ quyền đất nước và toàn vẹn lãnh thổ của mình.

Sự phản bội không thể chối cãi

(Tiếp theo trang 67)

những người lãnh đạo cách mạng Việt-nam, hiểu ngày càng sâu sắc rằng chúng ta phải giải quyết mọi vấn đề của cách mạng Việt-nam bằng chính đường lối, chính sách của chúng ta, bằng trí tuệ Việt-nam, ý chí Việt-nam, sự thông minh và sáng tạo của chúng ta, không thể theo những sự gợi ý, những «lời khuyên» nguy hại, xấu xa của những người lãnh đạo Trung-quốc. Chính bằng bản lĩnh lãnh đạo của mình, Đảng cộng sản Việt-nam đã dẫn dắt dân tộc Việt-nam đến chiến thắng hoàn toàn đối với đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành thống nhất đất nước trên cơ sở của chủ nghĩa xã hội khoa học, góp phần xuất sắc tạo nên khối đoàn kết vững chắc của ba nước Đông-dương cách mạng gần bó với thời đại mới.

Hiểu rõ tâm địa đen tối của bọn

bành trướng, bá quyền Bắc-kinh từ 28 năm trước, chính là dễ hiểu thật sâu sắc tâm địa của chúng vào thời điểm hiện nay, dễ kiên quyết làm phá sản kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của chúng, không ngừng đưa cách mạng Việt-nam tiến tới những thắng lợi mới.

Cuốn sách của nhà sử học Pháp Ph. Gioay-ô : *Trung-quốc và việc giải quyết cuộc chiến tranh Đông-dương thứ nhất* có phần đóng góp có giá trị vào việc đó. Qua cuốn sách dày hơn 600 trang, với những tài liệu phong phú, trong đó có nhiều tư liệu độc đáo, quý giá, chưa từng được công bố, sự phản bội của bọn bành trướng, bá quyền Bắc-kinh cách đây vừa đúng 28 năm đã được chứng minh một cách rõ ràng, khoa học, với biết bao chứng cứ hiển nhiên, không thể chối cãi và bác bỏ được.

« ТАПЧИ КОНГШАН » № 7 — 1982 г.

ПЕРЕДОВАЯ : Хорошо проводить политическую кампанию по изучению решений V съезда КПВ. — Встреча товарища Чыонг Тиня с представителями избирателей Ханойского округа. — Письмо Г. Димитрова Маонзедуну. **НГУЕН ВАН ЧАН :** О сочетании трех методов в управлении экономикой. **ЛЕ КХАК :** За большой переворот в области экспорта. **ФАМ ВАН НГИЕН :** Повышать пропускную способность Хайфонского порта. **ВАН ХИЕН :** Совершенствовать законодательство и усиливать социалистическую законность. **ВУ КХИЕУ :** Вопрос личности и общества в мировоззрении коммуниста. **ЧАН ХОНГ ФОНГ :** Размышления о борьбе с бюрократизмом. **ЛЕ СУАН ВУ :** Взаимоотношение экономического и культурного развития в настоящий момент.

REVIEW OF COMMUNISM № 7 — 1982

EDITORIAL — Well Carrying On the Drive of Political Studies on the Basis of the Resolution of the V Party Congress. — Comrade Trững-Chinh Addressing the Representatives of Hanoi Voters. — G. Dimitrov's Letter to Mao Zedong. **NGUYỄN-VĂN-TRẦN** — On the Combination of the Three Measures in the Economic Management. **LÊ-KHẮC** — For a New Change on Exports. **PHẠM-VĂN-NGHIÊN** — Let Us Raise the Handling Capacity at the Main Link of Hai Phong Port. **VĂN-HIỆN** — On Perfecting Law and Strengthening Socialist Law. Making. **VŨ-KHIẾU** — On the Problem of Individual and Society in the Communist's Outlook. **TRẦN-HỒNG-PHONG** — Some Ideas on the Struggle Against Bureaucracy. **LÊ-XUÂN-VŨ** — On the Relationships between Economic Growth and Cultural Development in the Present Day.

REVUE DU COMMUNISME № 7 — 1982

EDITORIAL — Mener à bien la période d'activités politiques sur les Résolutions du Ve Congrès national du Parti. — Le camarade Trững-Chinh s'entretient avec les délégués des électeurs hanoïens. — Lettre de G. Dimitrov à Mao Zedong. **NGUYỄN-VĂN-TRẦN** — Sur la combinaison des trois mesures dans la gestion économique. **LÊ-KHẮC** — Créer une grande impulsion dans l'exportation. **PHẠM-VĂN-NGHIÊN** — Elever la capacité de manutention du port de Haiphong. **VĂN-HIỆN** — Parfaire les lois et renforcer la législation socialiste. **VŨ-KHIẾU** — L'individu et la société dans la conception communiste de la vie. **TRẦN-HỒNG-PHONG** — Quelques réflexions sur la lutte contre le bureaucratisme. **LÊ-XUÂN-VŨ** — Sur les relations entre le développement économique et le développement culturel dans la période actuelle.

REVISTA DEL COMUNISMO № 7 — 1982

EDITORIAL — Efectuar bien la jornada de estudio de las Resoluciones del V Congreso del Partido. — Entrevista de Trững-Chinh con representantes del electorado de Hanoi. — Carta de G. Dimitrov a Mao tse-Zong. **NGUYỄN-VĂN-TRẦN** — Sobre la combinación de las tres medidas operacionales en la gestión económica. **LÊ-KHẮC** — Crear un cambio cualitativo en la exportación. **PHẠM-VĂN-NGHIÊN** — Elevar la capacidad de transportación del puerto de Hai Phong. **VĂN-HIỆN** — Perfeccionar la elaboración de las leyes y consolidar la legalidad socialista. **VŨ-KHIẾU** — Lo individual y lo social en la concepción de la vida del comunista. **TRẦN-HỒNG-PHONG** — Algunas reflexiones acerca de la lucha contra el burocratismo. **LÊ-XUÂN-VŨ** — Relaciones entre el desarrollo económico y el cultural en la actualidad.

TẠP CHÍ CỘNG SẢN

Số 7

1982

NĂM THỨ XXVII (319)

TRỤ SỞ BỘ BIÊN TẬP :

1. Nguyễn-Thượng-Hiền, Hà-nội

Dãy nói : 52061, 52062

TRỤ SỞ CƠ QUAN THƯỜNG TRƯỞNG
TẠI MIỀN NAM :

40, Trần-Cao-Vân, T.P. Hồ-Chí-Minh

Dãy nói : 22040, 25768

MỤC LỤC

Xã luận — Tiến hành tốt đợt sinh hoạt chính trị về nghị quyết Đại hội V của Đảng	1
— Đồng chí Trường-Chinh nói chuyện với đại biểu cử tri Hà nội	5
— Thư của G. Đì-mi-tơ-rốp gửi Mao-Trạch-Đông	8
NGUYỄN-VĂN-TRẦN — Về việc kết hợp ba biện pháp trong quản lý kinh tế	10
LÊ-KHẮC — Tạo một chuyên biến lớn về xuất khẩu	17
PHẠM-VĂN-NGHIÊN — Nâng cao năng lực thông qua cửa khu dầu mồi Hải-phòng	24
VĂN-HIỀN — Hoàn thiện pháp luật và tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa	30
VŨ-KHIẾU — Vấn đề cá nhân và xã hội trong nhân sinh quan của người cộng sản	36
TRẦN-HỒNG-PHONG — Vài suy nghĩ về vấn đề đấu tranh chống quan liêu	42
LÊ-XUÂN-VŨ — Về mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và phát triển văn hóa hiện nay	51
Độc sách ★ NHẤT-VĂN — «Cầm nang của văn nghệ sĩ»	57
THÀNH-TÍN — Sự phản bội không thể chối cãi	62
VŨ-HIỀN — Sự kiện Man-vi-nát	68

SỬA LẠI

Trong Tạp chí Cộng sản số 6-1982 :

— Trang 68, cột 1, dòng 29 — 30, xin đọc là: An-giê là Ri-bô;
dòng 31 — 32: Ô-ran là Rây-nô và Xu-va-rin; Tuy-ni-di là Ki-ni-u

— Trang 69, cột 2, dòng 13: phái Prét-xơ-man-no

1911

1911

1911

1911

1911

1911

1911

1911

Tim đọc :

LÊ - DUÂN

- Các dân tộc đoàn kết xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa
- Thanh niên trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa

TỔ - HỮU

- Phấn đấu vì một nền văn nghệ xã hội chủ nghĩa



- Đại hội XVI Đảng cộng sản Tiệp-khắc
- Đại hội XII Đảng công nhân xã hội chủ nghĩa Hung-ga-ri

NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT-NAM

MAIN/UC-B

8

8.1982



NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Dại hội thứ V của Đảng đã khẳng định những thành tựu về giáo dục đạt được trong sáu năm qua « **vẫn là một niềm tự hào của chế độ ta** ». Đồng thời Đại hội cũng đã chỉ ra thiếu sót đáng chú ý nhất về mặt này là « **chất lượng giáo dục giảm sút nghiêm trọng** », không những về văn hóa, khoa học, kỹ thuật, mà cả về lý tưởng cách mạng và đạo đức xã hội chủ nghĩa.

Biểu hiện nổi bật nhất của chất lượng giáo dục hiện nay là chưa chuẩn bị tốt cho thế hệ trẻ trở thành lớp người lao động mới, đáp ứng sự phân công lao động xã hội, tham gia tích cực vào cuộc đấu tranh để giải quyết vấn đề « ai thắng ai » giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa nhằm giành thắng lợi cho chủ nghĩa xã hội, sẵn sàng làm nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. Hằng năm, có thêm nửa triệu học sinh tốt nghiệp phổ thông cơ sở và phổ thông trung học không có chỗ học lên, song cũng không được đào tạo về nghề nghiệp và bố trí việc làm. Trong số những học sinh tốt nghiệp các trường dạy nghề, trung học chuyên nghiệp và đại học, ngày càng có nhiều người chưa thật sẵn sàng đi nhận nhiệm vụ. Nhiều người đã nhận việc lại thiếu ý thức phục vụ và lý tưởng nghề nghiệp. Lối sống thụt lùi, lười biếng cả nhân phát triển trong thanh niên. Niềm tin và lòng hăng hái cách mạng giảm sút trong một bộ phận thanh niên. Ngay trong năm học vừa qua, tinh thần học tập của nhiều học sinh thiếu phấn chấn; nhiều học sinh phổ thông bỏ học; ý thức kỷ luật trật tự của một bộ phận học sinh chuyên nghiệp và đại học cũng sút kém.

Tình hình đáng lo ngại trên có nguyên nhân khách quan: do những khó khăn về đời sống, do ảnh hưởng tiêu cực của một thời kỳ có nhiều đảo lộn xã hội và đấu tranh giai cấp gay gắt trên bước đường đi lên chủ nghĩa xã hội.

Song đứng về phía chủ quan của công tác giáo dục mà xét, có khá nhiều nguyên nhân đã làm trầm trọng thêm những biểu hiện tiêu cực. Trước hết, hệ thống giáo dục hiện nay chưa được cải cách, vẫn chưa đáp ứng những nhân tố bất hợp lý đối lập với nhiệm vụ đào tạo lớp người lao động mới. Thứ nữa, trong xã hội, trong nhiều cấp Đảng và chính quyền và cả trong một số cán bộ giáo dục, còn tồn tại những quan niệm lạc hậu về công tác giáo dục, như: học để thoát ly, lao động sản xuất; học lách rớt hành; văn hóa tách rời chính trị và đạo đức cách mạng. Công tác giáo dục còn bị xử lý một cách tùy tiện, không gắn với nhu cầu phân công lao động xã hội, thiếu cơ sở khoa học và

những điều kiện bảo đảm chất lượng. Người giáo viên, nhân vật chính trong công tác này, chưa được coi trọng đúng mức; về đời sống cũng như về vị trí xã hội, họ chưa được bảo đảm ở mức độ cần thiết.

Đại hội thứ V của Đảng đã nêu ra cho các ngành giáo dục nhiệm vụ chính là: « triển khai cải cách giáo dục và phát triển sự nghiệp giáo dục một cách tích cực và vững chắc theo bước đi phù hợp với yêu cầu và khả năng của nền kinh tế quốc dân và phải ra sức nâng cao chất lượng giáo dục, coi trọng giáo dục hướng nghiệp cho học sinh phổ thông ».

Trong những năm tới, các ngành giáo dục phải phấn đấu tạo điều kiện nâng cao chất lượng giáo dục theo mục tiêu đào tạo của Đảng, đồng thời coi trọng phát triển giáo dục ở một số vùng, trong một số khâu cần thiết.

Những yêu tố kinh tế — xã hội quyết định yêu cầu về chất lượng giáo dục là: sự phân công lao động xã hội nhằm phục vụ sản xuất nông nghiệp, sản xuất hàng tiêu dùng và xuất khẩu, và một số ngành công nghiệp có liên quan; cuộc đấu tranh gay gắt giữa hai con đường; cuộc đấu tranh chống chiến tranh phá hoại nhiều mặt của bọn bành trướng, bá quyền Trung-quốc cầu kết với đế quốc Mỹ.

Từ đó, trong khi nâng cao chất lượng giáo dục, cần chú trọng về tư tưởng: bảo đảm sự nhất trí theo đường lối chính trị của Đảng và tiếp tục cuộc vận động tăng cường giáo dục đạo đức cách mạng; về năng lực hiểu biết và thực hành: đáp ứng nhu cầu phân công mới trong nền kinh tế quốc dân và yêu cầu của nhiệm vụ đấu tranh giai cấp, bảo vệ Tổ quốc.

Về phát triển giáo dục, cần liên hành vững chắc, trên cơ sở bảo đảm chất lượng và bằng nhiều hình thức thích hợp với từng đối tượng và từng vùng; chú trọng: **cấp I phổ thông và dạy nghề**; phát triển mạnh hơn nữa ở các vùng: **đồng bằng sông Cửu-long, Tây-nguyên và miền núi phía bắc**, nhằm trước hết tạo cơ sở cho việc đào tạo cán bộ người địa phương

Trong khi thực hiện giáo dục gắn với đời sống và sản xuất, cần phát huy vai trò của hàng triệu thầy giáo và học sinh trong sự phát triển kinh tế, phổ biến những thành tựu mới về khoa học kỹ thuật, đấu tranh cải tạo xã hội và quan hệ sản xuất.

Việc nâng cao chất lượng giáo dục và phát triển giáo dục đòi hỏi trước hết phải cải tiến hệ thống giáo dục, cải tiến chương trình học và kế hoạch đào tạo cho thích hợp. Trong lúc tiến hành một cách vững chắc việc chuyển sang hệ thống giáo dục cải cách, cần cải tiến một bước hệ thống trường lớp hiện hành. Chương trình các trường phổ thông cần được sửa đổi để có thể đưa phần giáo dục lao động kỹ thuật tổng hợp và hướng nghiệp vào. Trường phổ thông trung học cần được sớm phân hóa giảng dạy để có thể chuẩn bị cho học sinh đi vào ngành nghề, trong đó nhất định phải coi trọng lao động sản xuất có kỹ thuật. Đồng thời cũng không quên cải tiến việc đào tạo những học sinh có năng khiếu phát triển đặc biệt. Các trường dạy nghề đào tạo công nhân kỹ thuật cần được sắp xếp lại và củng cố; trong khi đó cần coi trọng mở các lớp dạy nghề phục vụ sản xuất nông nghiệp và sản xuất hàng tiêu dùng, xuất khẩu. Cần mở thêm các trung tâm dạy nghề ở quận và huyện, gắn với ngành nghề phổ biến ở địa phương và kế tục trường phổ thông. Các trường trung học chuyên nghiệp, cao đẳng và đại học cần nghiên cứu lại mục tiêu đào tạo mà sửa đổi chương trình

học, kế hoạch đào tạo và sắp xếp mạng lưới gắn với từng vùng kinh tế. Tiến tới xây dựng cho từng vùng, từng lĩnh vực trung tâm đào tạo cán bộ khoa học kỹ thuật từ trung học chuyên nghiệp đến đại học, góp phần thiết thực bảo đảm chu trình đào tạo — khoa học kỹ thuật — sản xuất.

Phải thật sự đẩy mạnh công tác tư tưởng. Trong các trường học. Công tác tư tưởng phải liên hành thông qua tất cả các hoạt động giáo dục, thông qua tổ chức cuộc sống và môi trường của nhà trường. Cải tiến giáo trình lý luận hay chính trị theo những Nghị quyết của Đại hội thứ V của Đảng; nâng cao hơn nữa chất lượng giáo dục lý luận và phương pháp học tập lý luận, theo hướng tăng cường gắn lý luận với thực tiễn, và kết hợp thầy với trò, phát huy được linh tính cực của học sinh. Cần rút kinh nghiệm của cuộc vận động tăng cường giáo dục đạo đức cách mạng trong ba năm qua để có những biện pháp cải tiến nhằm đạt hiệu quả thật sự về các mặt **thái độ học tập, thái độ lao động, tinh thần đoàn kết, kỷ luật trật tự, lễ phép và nếp sống văn minh.** Giữa nhà trường, gia đình và xã hội cần có sự kết hợp chặt chẽ. Tổ chức lại hệ thống đào tạo và bồi dưỡng giáo viên dạy chính trị, có sự phân công giữa trường sư phạm và trường Đảng. Thành lập hệ thống báo cáo viên chính trị hoạt động thường xuyên để kịp thời đưa thông tin về thời sự, chính sách đến tận các trường học ở những nơi xa xôi hẻo lánh.

Xây dựng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục, trước hết là hiệu trưởng, là một khâu quan trọng quyết định chất lượng giáo dục. Cấp bách nhất là **cải thiện đời sống** của giáo viên để giáo viên có thể tập trung nhiều sức lực hơn vào công tác giáo dục học sinh. Một mặt, cần thực hiện mọi chế độ chính sách của Nhà nước, đừng để tình trạng cắt bớt tiêu chuẩn cung cấp, chậm trả lương... kéo dài. Mặt khác dựa vào khả năng của chính quyền địa phương và của nhân dân, cải thiện điều kiện ăn ở của giáo viên và gia đình giáo viên, tìm mọi biện pháp cho phép giáo viên tăng thêm thu nhập một cách chính đáng. Cần sắp xếp lại đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục; đưa ra khỏi ngành hoặc chuyển nghề cho những người quá kém về chuyên môn và đạo đức. Bắt đầu từ năm học tới, cần tiến hành cải cách sư phạm, tổ chức bồi dưỡng về chính trị và nghiệp vụ cho giáo viên, bồi dưỡng cho cán bộ quản lý nhà trường những kinh nghiệm thiết thực về nâng cao chất lượng giáo dục. Trong các trường chuyên nghiệp và đại học, cần có chính sách khuyến khích những cán bộ giỏi và tận tâm với nghề.

Cải tiến quản lý nhà trường nhằm củng cố trật tự kỷ luật, làm cho **«trường ra trường, lớp ra lớp»**. Dựa vào nhân dân, tiếp tục lu bỏ và bảo quản trường sở, thiết bị dạy học. Thành lập Hội đồng giáo dục ở các cấp và thống nhất một chủ trương biện pháp huy động nhân dân vào tổ chức này. Về củng cố tổ chức Đảng và Đoàn trong nhà trường, cần có nghiên cứu đầy đủ hơn, đề đi đến quy chế hoạt động hợp lý của đảng bộ và của các đoàn thể quần chúng trong nhà trường. Trước mắt, cần thông qua đợt sinh hoạt chính trị và thi đua thực hiện những Nghị quyết của Đại hội V mà nâng cao vai trò lãnh đạo của đảng bộ. Cần bồi dưỡng cho bí thư chi bộ, bí thư đảng bộ, hiệu trưởng, kiến thức về xây dựng Đảng. Cần đưa hoạt động của Đoàn vào chương trình chung của nhà trường và dành cho Đoàn thời gian cần thiết để sinh hoạt và hoạt động. Bố trí cán bộ có năng lực giáo dục không kém gì giáo viên vào phụ trách Đoàn, Đội trong các trường học, và thường xuyên bồi dưỡng cho họ về kinh nghiệm vận động học sinh.

(Xem tiếp trang 10)

XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ GIÁO VIÊN ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CỦA CẢI CÁCH GIÁO DỤC

NGUYỄN-THỊ-BÌNH

BÁO cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc thứ V, nhấn mạnh: « Vấn đề lớn nhất hiện nay là chất lượng giáo dục giảm sút nghiêm trọng ». Nghị quyết của Bộ chính trị về cải cách giáo dục nêu rõ: « Đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục là lực lượng cốt cán trong sự nghiệp giáo dục, góp phần quyết định sự thành công của cải cách giáo dục ». Vì vậy, muốn nâng cao chất lượng giáo dục, một trong những vấn đề cần giải quyết hiện nay là xây dựng tốt đội ngũ giáo viên.

Hiện nay, chúng ta có hơn 40 vạn giáo viên (5 vạn giáo viên mẫu giáo, 22 vạn giáo viên cấp I, 11 vạn giáo viên cấp II, 3 vạn giáo viên cấp III, một vạn giáo viên chuyên trách bổ túc văn hóa). Nếu kể cả hơn 4 vạn cán bộ quản lý giáo dục thì trong các ngành không trực tiếp sản xuất, ngành giáo dục có biên chế lớn nhất. Số lượng này thể hiện sự phát triển nhanh chóng của sự nghiệp giáo dục ở nước ta, đặc biệt từ sau ngày đất nước thống nhất. Đội ngũ giáo viên đã trở thành một bộ phận quan trọng trong đội ngũ trí thức xã hội chủ nghĩa, góp phần to lớn vào việc đào luyện thế hệ trẻ thành lực lượng nòng cốt xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đem lại kiến thức văn hóa, khoa học cho nhân dân lao động.

Nhưng đội ngũ giáo viên của chúng ta hiện nay còn những nhược điểm, thiếu sót ảnh hưởng đến sự phát triển của sự nghiệp giáo dục. Tuy số lượng giáo viên của chúng ta đông, nhưng ở một số vùng (miền núi, vùng sâu của đồng bằng - sông Cửu-long...) vẫn còn thiếu giáo viên. Cơ cấu đội ngũ giáo viên không đồng bộ, ảnh hưởng đến việc giáo dục toàn diện thể hệ trẻ: chúng ta thiếu những giáo viên dạy chính trị, ngoại ngữ, nhạc, họa, thể dục, kỹ thuật, giáo viên phụ trách công tác Đoàn, Đội, công tác hướng nghiệp... Trừ một số giáo viên tiên tiến, nhược điểm lớn nhất hiện nay là chất lượng của giáo viên còn thấp, không đáp ứng yêu cầu trước mắt, và càng thấp so với yêu cầu của cải cách giáo dục.

Về phẩm chất: đại đa số giáo viên có lập trường chính trị đúng đắn, trung thành với Tổ quốc, với Đảng, phân biệt rõ bạn, thù, tôn trọng pháp luật và có ý thức tổ chức, kỷ luật. Nhưng nhiệt tình công tác của nhiều giáo viên gần đây giảm sút, « chủ nghĩa trung bình » có chiều hướng phát triển. Tuy vẫn bảo đảm chương trình nhưng việc giảng dạy của nhiều giáo viên không chu đáo, thường bỏ thi nghiệm, thực hành, chấm bài « đại khái », ít chú ý đến kết quả học tập của học sinh. Đáng lo ngại hơn là một số giáo viên lơ là với nhiệm vụ giáo dục, xa rời phương châm « dạy

người thông qua dạy chữ», thậm chí không uốn nắn các biểu hiện xấu trong học sinh. Bên cạnh đó, một số trường, gia đình, phụ huynh chưa quan tâm giáo dục những học sinh hư, cho nên cũng gây nhiều khó khăn cho giáo viên trong công tác giáo dục.

Đội ngũ giáo viên cũ ở miền Nam, ngoài một số có tiến bộ, nói chung giác ngộ chính trị chưa cao, lập trường yêu nước, xã hội chủ nghĩa chưa vững vàng. Một số người vì lý do này, lý do khác, đã bỏ nghề.

Về trình độ văn hóa, khoa học: kết quả điều tra trong đợt tổng kết 5 năm của ngành (1975 - 1980) cho thấy có sự chênh lệch giữa giáo viên cùng cấp ở các địa phương khác nhau. Ở các thành phố, các huyện có nền giáo dục phát triển thì đa số giáo viên, nhất là giáo viên cấp III, đã được đào tạo theo các hệ chuẩn nên không có sai sót lớn trong giảng dạy; họ có thể đáp ứng yêu cầu trước mắt nếu họ chuẩn bị đầy đủ cho giờ giảng dạy. Nhưng ở miền núi, một số vùng nông thôn và nhất là vùng sâu đồng bằng sông Cửu-long, trình độ của giáo viên rất thấp; ngay trong việc truyền đạt nội dung sách giáo khoa, cũng còn phạm những sai lầm có khi cơ bản. Trình độ giáo viên cấp I ở nhiều nơi, kể cả ở đồng bằng Bắc-bộ, quá thấp; khoảng 20% số giáo viên dù có được bồi dưỡng cũng không có triển vọng giảng dạy đạt yêu cầu của chương trình cải cách giáo dục.

Ngoài ra, kỹ năng sư phạm của nhiều giáo viên còn thấp; khi lên lớp, nhiều giáo viên thường chỉ diễn giảng đơn điệu, chưa phát huy trí lực học sinh, chưa «*thông qua những điều dạy mà rèn cho học sinh phương pháp tư duy*» (1). Kỹ năng giáo dục càng yếu, giáo viên thường làm công tác giáo viên chủ nhiệm, công tác Đoàn, Đội một cách hành chính, rập khuôn, không biết xử lý thỏa đáng các «*tình huống sư phạm*».

Tình hình chất lượng giáo dục phổ thông giảm sút có nhiều nguyên nhân, không phải hoàn toàn do lỗi ở giáo viên, nhưng chắc chắn người giáo viên phải chịu trách nhiệm một phần quan trọng, trước hết là không gây được hứng thú học tập cho học sinh. Chiến tranh ác liệt và kéo dài trong một nước mà nền sản xuất chủ yếu là sản xuất nhỏ, đã hạn chế rất nhiều các điều kiện xây dựng giáo dục nói chung, và xây dựng đội ngũ giáo viên nói riêng. Trong khi đó, nhu cầu phát triển giáo dục rất lớn, ngành giáo dục bị «*cái áp lực của số lượng*» (2). Cho nên, tuy Bộ giáo dục khi xây dựng kế hoạch phát triển giáo dục phổ thông có cố gắng cân đối quy mô trường, lớp, với trường sở, giáo viên... nhưng kế hoạch thường bị phá vỡ vì áp lực của nhu cầu học tập của con em nhân dân; có địa phương mở trường rồi mới kiếm thầy. Công tác đào tạo giáo viên phải chạy theo sự phát triển của cấp học phổ thông. Chỉ tiêu tuyển sinh cho sư phạm rất cao (gần một nửa trong tổng số học sinh tuyển vào đại học và trung học chuyên nghiệp), nhưng chất lượng thấp; các trường cao đẳng và trung học sư phạm thường phải hạ điểm chuẩn mà vẫn không đạt chỉ tiêu. Số trường sư phạm tăng nhanh, cơ sở vật chất của các trường rất thiếu. Đội ngũ giáo viên sư phạm hình thành một cách tự phát, đại bộ phận chỉ được đào tạo để dạy ở trường phổ thông cho nên không nắm được nghiệp vụ sư phạm, nhiều người không yên tâm công tác vì thường phải đi xa nhà (đa số giáo viên các trường sư phạm ở miền Nam là từ miền Bắc vào).

Nội dung và phương pháp đào tạo của các trường sư phạm chưa nhằm

(1), (2) Trích bài nói chuyện của Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng Phạm-Văn-Đồng trong Lễ kỷ niệm lần thứ 35 Ngày thành lập ngành sư phạm (8-10-1981).

vào mục tiêu dạy nghề, dạy người mà còn nặng về chuẩn bị ra dạy một vài môn khoa học. Nếu ở miền Bắc, do yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo, đã xóa bỏ các hệ đào tạo ngắn hạn, và trình độ giáo viên được nâng dần, thì ở miền Nam do nhu cầu về giáo viên rất lớn, cho nên lại phải đào tạo cấp tốc, dùng giáo viên hợp đồng, «đòn» giáo viên cấp dưới lên dạy cấp trên...

Về mặt sử dụng giáo viên, việc chỉ đạo về chuyên môn của các cấp quản lý giáo dục chưa giúp người giáo viên nâng cao trình độ. Một phần vì nhiều hiệu trưởng không truyền đạt được hết các chủ trương của cấp trên cho giáo viên hoặc người giáo viên làm nhiều việc «chạy quanh nhà trường», không được khuyến khích đi sâu vào chuyên môn, nghiệp vụ. Người dạy giỏi cũng không được đãi ngộ hơn người dạy kém. Trong khuôn khổ chế độ chính sách hiện nay, ngành giáo dục gặp rất nhiều khó khăn trong việc điều động giáo viên từ miền xuôi lên miền núi, từ thành phố về nông thôn, từ miền Bắc vào miền Nam... Tuy ngành giáo dục đã quan tâm đến công tác bồi dưỡng giáo viên: bồi dưỡng thường xuyên trong các năm học, bồi dưỡng tiêu chuẩn hóa, nhưng chất lượng bồi dưỡng chưa bảo đảm. Nhiều giáo viên đã «tiêu chuẩn hóa» nhưng chưa nâng được trình độ giảng dạy

Một nguyên nhân quan trọng nữa làm cho chất lượng đội ngũ giáo viên giảm sút là tình hình đời sống khó khăn. Tình hình kinh tế khó khăn đã ảnh hưởng đến đời sống của cán bộ mọi ngành, nhưng cán bộ giáo dục bị ảnh hưởng nhiều nhất. Ở một số huyện, mỗi khi có khó khăn về kinh tế, tãi chính thì giáo viên là người đầu tiên bị nợ lương và bị cắt xén tiêu chuẩn cung cấp. Thời gian qua, có huyện nợ lương giáo viên mấy tháng liền, có huyện thay tiêu chuẩn lương thực của giáo viên bằng phụ

cấp tiền chênh lệch nhưng số tiền này chưa bằng một nửa giá gạo ở thị trường. Có nơi không coi giáo viên cấp I là cán bộ Nhà nước, v.v. Đặc biệt, số giáo viên mẫu giáo, vỡ lòng không ở trong biên chế có lúc đời sống rất bị dút. Trong hoàn cảnh như vậy, người giáo viên không thể dốc tâm sức vào công tác của mình mà phải xoay xở để sống; nghề phụ trở thành mối quan tâm chính của họ. Có giáo viên lấy việc đi dạy chỉ để «có chân» trong biên chế Nhà nước và được hưởng tiêu chuẩn lương thực cung cấp, còn tâm trí, thời gian, sức lực dồn vào những công việc khác để kiếm tiền. Có giáo viên làm cả những nghề ảnh hưởng đến uy tín của nhà giáo. Ở các thành phố, việc dạy tu phát triển có những khía cạnh tiêu cực. Từ những khó khăn và những việc làm đó, uy tín của người giáo viên giảm sút. Ở một số nơi, học sinh không tôn trọng thầy, cô. Nghiêm trọng hơn là một số cán bộ có chức, có quyền ở một vài địa phương và cả phụ huynh học sinh đã hành hung giáo viên. Đó là những hiện tượng đau lòng vì nó trái với truyền thống «tôn sư, trọng đạo» của nhân dân ta, trái với sự đánh giá của Đảng và Nhà nước ta đối với «nghề cao quý nhất trong các nghề cao quý».



Cải cách công tác đào tạo, sử dụng và bồi dưỡng giáo viên — gọi tắt là cải cách sư phạm — là một vấn đề cấp bách. Mục tiêu của cải cách sư phạm là giải quyết tốt vấn đề số lượng và chất lượng của giáo viên. Số lượng giáo viên chưa đáp ứng được nhu cầu cho nên vẫn phải giữ quy mô đào tạo khá lớn, nhất là ở miền Nam. Nhưng từ nay, không thể đào tạo ở 41, tùy tiện, mà phải theo quy hoạch, bảo đảm các điều kiện tối thiểu về chất lượng. Đề tiên tới có cơ cấu đồng bộ, cần tăng cường việc đào tạo giáo viên ở các

môn còn thiếu nhiều: chính trị, ngoại ngữ, nhạc, họa, v.v. Nhưng căn cứ vào tình hình chất lượng giáo viên đã phân tích ở trên, cải cách sư phạm phải nhằm mục tiêu hàng đầu là *nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên* để đáp ứng yêu cầu của cải cách giáo dục, làm cho đội ngũ đạt *đúng tiêu chuẩn về cả chính trị lẫn nghiệp vụ (...)* và có khả năng theo kịp sự phát triển không ngừng của xã hội mới và của thế hệ trẻ » (3). Về phẩm chất, giáo viên phải là *« những người có tâm hồn cao thượng, có kiến thức cần thiết, có nhân cách xã hội chủ nghĩa, thiết tha yêu nghề, yêu trẻ, vì tương lai của thế hệ trẻ mà phấn đấu »* (4). Về trình độ khoa học và năng lực sư phạm, người giáo viên phải dạy cho học sinh *« những kiến thức phổ thông cơ bản, hiện đại, gần với Việt-nam, và quan trọng hơn là phương pháp vận dụng kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề trong thực tế »*, giáo viên phải làm tốt việc giáo dục học sinh, làm cho *« mỗi học sinh, kinh qua trường học, phải trở thành một người lao động xã hội chủ nghĩa »* (5).

Cải cách sư phạm phải nâng cao cả tính cách mạng lẫn tính khoa học của đội ngũ giáo viên, làm cho người giáo viên thật sự là chiến sĩ cách mạng trên mặt trận tư tưởng và văn hóa, là *« kỹ sư tâm hồn »* của thế hệ trẻ. Có lập trường chính trị kiên định, có lòng tin tưởng vững chắc vào đường lối giáo dục của Đảng, thì người giáo viên mới có đủ nghị lực vượt khó khăn trong quá trình thực hiện cải cách giáo dục. Có nắm vững khoa học bộ môn và khoa học đào tạo con người thì người giáo viên mới đáp ứng được các yêu cầu mới, cao hơn trước, của chương trình phổ thông cải cách.

Trong cải cách sư phạm có nhiều việc phải làm, có những việc làm trong một thời gian dài, nhưng có

những việc cần phải làm ngay. Trước mắt, phải *tăng cường giáo dục và quản lý đội ngũ giáo viên, đồng thời chăm lo đời sống giáo viên, nâng cao vị trí xã hội của người giáo viên*. Cần đấu tranh chống chủ nghĩa trung bình và các hiện tượng tiêu cực khác trong đội ngũ giáo viên, nâng cao tinh thần trách nhiệm và nhiệt tình công tác của họ. Phải vừa chấn chỉnh nền nếp quản lý, kiểm tra, vừa tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng đối với giáo viên. Công đoàn, Đoàn thanh niên cần đẩy mạnh hơn nữa phong trào *« mỗi thầy giáo, cô giáo là một tấm gương sáng cho học sinh noi theo »*. Cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương cần coi giáo viên như những cán bộ của Đảng, những người có nhiệm vụ tuyên truyền đường lối chính sách của Đảng, những chủ trương của chính quyền địa phương cho học sinh và phụ huynh học sinh.

Việc chăm lo đời sống của giáo viên cần được quan tâm một cách nghiêm túc. Các địa phương bảo đảm cho giáo viên được hưởng đầy đủ các chế độ và tiêu chuẩn mà Nhà nước đã ban hành, vận động nhân dân giúp đỡ giáo viên, tạo điều kiện cho họ sinh hoạt, công tác thuận lợi, cải thiện đời sống một cách chính đáng.

Để thực hiện được những điều nói trên, Nhà nước cần có chính sách toàn diện để nâng cao vị trí xã hội của đội ngũ giáo viên. Nội dung của chính sách là khẳng định vai trò của người giáo viên trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, khẳng định *« thái độ của Đảng ta, Nhà nước ta, xã hội ta đối với người giáo viên là thương yêu, coi trọng, ủng hộ, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho người*

(3), (4) Nghị quyết của Bộ chính trị về cải cách giáo dục.

(5) Trích bài nói chuyện của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Phạm-Văn-Đồng trong Lễ kỷ niệm lần thứ 35 Ngày thành lập ngành sư phạm, (8.10.1981).

giáo viên làm tốt sứ mạng của mình» (6). Các ngành, các cấp thi hành nghiêm chỉnh các chế độ, chính sách hiện hành đối với giáo viên, đồng thời nghiên cứu một chế độ lương mới phù hợp và thỏa đáng hơn đối với giáo viên. Chúng ta có thể tham khảo cách làm của Liên-xô là *có chế độ ưu đãi đối với những giáo viên giỏi*, cứ 5 năm tổ chức kiểm tra, xếp loại giáo viên một lần. «Giáo viên giỏi» và «chuyên gia bộ môn» có thang lương cao hơn giáo viên bình thường.

Cần nghiên cứu tăng thêm thời gian nghỉ hè của giáo viên, ưu tiên cho giáo viên đi nghỉ mát, đi tham quan các khu công nghiệp, các di tích lịch sử, v.v. kết hợp với bồi dưỡng về sức khỏe và về nghiệp vụ. Ngành giáo dục nên có huy chương riêng để tặng cho các giáo viên phục vụ lâu năm trong ngành hoặc có thành tích xuất sắc. Có chính sách chế độ *dễ động viên giáo viên đi phục vụ ở những nơi xa quê hương* như: phụ cấp đặc biệt, rút ngắn thời hạn nâng bậc lương, cho ưu tiên mua vé tàu xe khi đi phép hằng năm, v.v. Việc ban hành những chính sách, chế độ này cùng với việc quan tâm chăm sóc của cấp ủy Đảng và nhân dân địa phương đối với đời sống giáo viên nhất định sẽ động viên đội ngũ giáo viên yên tâm, phấn khởi làm tròn nhiệm vụ cao quý của mình.

Cùng với việc chăm lo đời sống, điều kiện công tác cho giáo viên, cần *xây dựng quy hoạch dài hạn đào tạo và sử dụng giáo viên*. Quy hoạch đào tạo và sử dụng giáo viên phải phục vụ chiến lược phát triển giáo dục phổ thông, nhưng nhất thiết phải căn đối quy mô đào tạo với các điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo. Quy hoạch này đồng thời là một căn cứ để xây dựng, xác định kế hoạch phát triển giáo dục phổ thông. Bộ giáo dục đã quy định các hệ đào tạo chuẩn: Trung

học sư phạm đào tạo giáo viên cấp I; Cao đẳng sư phạm đào tạo giáo viên cấp II, Đại học sư phạm đào tạo giáo viên cấp III (giáo viên ngoại ngữ cho cấp II cũng sẽ chuyển sang đào tạo ở Đại học sư phạm). Đối với các vùng giáo dục chậm phát triển thì tạm thời vẫn giữ các hệ đào tạo thấp hơn, nhưng nhất thiết phải theo đúng các quy định của Bộ giáo dục về tuyển sinh, thời gian học, chương trình học... và phải có kế hoạch bồi dưỡng tiếp lên trình độ chuẩn, đồng thời phải điều động đến các vùng đó một số giáo viên đúng tiêu chuẩn làm nòng cốt.

Khi xây dựng và thực hiện quy hoạch, cần vận dụng phương châm *tạo nên sức mạnh tổng hợp bằng nhiều mối kết hợp*, như: kết hợp các hình thức đào tạo chính quy, tập trung với các hình thức đào tạo tại chức, vừa học, vừa làm, tự học... kết hợp trung ương với địa phương (thí dụ: ngân sách một số tỉnh đóng góp vào ngân sách trung ương để xây dựng trường sư phạm liên tỉnh), đặc biệt kết hợp giữa ngành giáo dục và các ngành khác (Bộ văn hóa, Tổng cục thể dục thể thao, Bộ đại học và trung học chuyên nghiệp...) để đào tạo các giáo viên dạy nhạc, họa, thể dục, kỹ thuật...

Giáo viên sư phạm là «thầy của thầy», họ phải được chọn lọc kỹ hơn giáo viên phổ thông. Trước mắt vẫn phải lấy học sinh tốt nghiệp đại học sư phạm loại khá, giỏi để bổ sung cho các trường Trung học và Cao đẳng sư phạm, nhưng cần tích cực bồi dưỡng cho họ về nghiệp vụ cấp I hoặc cấp II, tăng cường cử người đi học để họ về làm nòng cốt ở các khoa, tổ.

Đề giáo viên yên tâm, gắn bó với quê hương và sâu sát với học sinh.

(6) Trích bài nói chuyện của Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng Phạm Văn Đồng trong Lễ kỷ niệm lần thứ 35 Ngày thành lập ngành sư phạm, (8-10-1981).

cần địa phương hóa tối đa giáo viên phổ thông cơ sở.

Nhiệm vụ của giáo viên là dạy tốt, cho nên phải sử dụng họ vào việc dạy học là chính, hạn chế việc sử dụng họ vào các việc khác. Trong tình hình cơ cấu đội ngũ chưa đồng bộ, chưa thể áp dụng nguyên tắc sử dụng đúng chuyên môn đã đào tạo mà vẫn phải động viên giáo viên dạy kiêm nhiệm các môn thiếu người phụ trách, nhưng cố gắng chọn người đã có ít nhiều khả năng và cử đi học lớp bồi dưỡng. Ngoài ra, nên có chế độ tốt hơn về phụ cấp dạy thêm giờ, thêm môn, công tác kiêm nhiệm; nghiên cứu thêm chế độ dạy ở hai cấp... nhằm tận dụng lao động của giáo viên khá, giỏi, tránh tăng biên chế.

Công tác bồi dưỡng giáo viên rất quan trọng vì số đang dạy (hơn 40 vạn) lớn hơn nhiều so với số đào tạo hàng năm (khoảng 3 vạn). Trước mắt cần tổ chức tốt việc học tập Nghị quyết Đại hội thứ V của Đảng, kết hợp với củng cố nhận thức về cải cách giáo dục, cải cách sư phạm, xác định trách nhiệm của từng trường, từng giáo viên. Về lâu dài, cần có kế hoạch bồi dưỡng toàn diện từng loại giáo viên, tạo điều kiện để giáo viên nào cũng có thể học tiếp lên trình độ đại học, trên đại học miễn là họ có quyết tâm. Về tổ chức bồi dưỡng cần có nhiều hình thức linh hoạt: tập trung, phân tán, lên lớp, tự học có hướng dẫn; tăng cường hướng dẫn qua đài phát thanh, đài truyền hình..., đồng thời xây dựng mạng lưới hướng dẫn viên.

Để thực hiện thành công cải cách sư phạm, ngay từ bây giờ, cần xây dựng mạng lưới trường sư phạm vững mạnh. Hiện nay, mạng lưới trường sư phạm quá phân tán (gần 150 trường). Có trường quy mô quá nhỏ, dẫn đến tình trạng không tập trung được cả về cơ sở vật chất lẫn cán bộ. Vì vậy, cần nghiên cứu sắp xếp lại theo hướng: số trường ít nhưng

vững mạnh, tận dụng thiết bị và cán bộ phân bố hợp lý theo vùng lãnh thổ. Chẳng hạn đối với tỉnh nhỏ có thể nghiên cứu việc sáp nhập hai trường sư phạm mẫu giáo và Trung học sư phạm; không nhất thiết tỉnh nào cũng có Cao đẳng sư phạm mà cần tổ chức trường Cao đẳng sư phạm liên tỉnh; tính toán quan hệ giữa Cao đẳng sư phạm và Đại học sư phạm trong cùng tỉnh để làm cho công tác đào tạo có chất lượng và tổ chức hợp lý, gọn nhẹ hơn.

Cải cách các trường sư phạm là việc làm khó khăn, lâu dài, nhưng cái gì không hợp lý thì nên khắc phục ngay (sự tồn tại ở gần nhau của hai trường có cùng một nhiệm vụ đào tạo). Dù mạng lưới thế nào, cũng có một việc cấp bách phải làm là *lãng cường đầu tư cho các trường sư phạm*, củng cố cơ sở vật chất, để có môi trường thật sự sư phạm, giáo sinh có thể học tập nhiều mặt đề cập về cơ sở góp phần xây dựng « trường ra trường », « lớp ra lớp ». Đối với mỗi cấp học, cần xây dựng một, hai trường sư phạm trọng điểm làm nhiệm vụ đào tạo chuẩn mực và đi đầu trong các hình thức đào tạo mới.

Nâng cao chất lượng tuyển sinh là điều kiện hàng đầu để nâng cao chất lượng đào tạo. Tâm lý xã hội hiện nay không lợi cho ngành sư phạm. Thanh niên ít thích nghề dạy học mà phụ huynh học sinh lại ít giáo dục, khuyến khích con em mình vào. Chỉ có thể giải quyết vấn đề này một cách cơ bản khi vị trí xã hội của người giáo viên được nâng cao, chính sách đãi ngộ đối với giáo viên thỏa đáng hơn, cơ sở vật chất của các trường sư phạm đáng hoàng hơn.

Trước mắt, cần có một số biện pháp để thu hút học sinh tốt nghiệp phổ thông vào ngành sư phạm: khi làm công tác hướng nghiệp ở phổ thông, chú ý phát hiện những em có tư cách đạo đức tốt, bản thân hoặc gia đình.

quý trọng nghề thầy giáo, đề hướng các em vào sư phạm; các trường phổ thông và đại học sư phạm nên mở những lớp bồi dưỡng thi đại học với học phí thấp cho các em nộp đơn thi vào sư phạm; nghiên cứu mở rộng diện học sinh giỏi được miễn thi vào các trường sư phạm; tăng học bổng cho học sinh sư phạm xếp loại giỏi; số tốt nghiệp loại giỏi được phân công tác theo nguyện vọng, được chuyển ngay làm nghiên cứu sinh, v.v

Muốn có nguồn đề tuyển sinh cho các vùng giáo dục chậm phát triển, cần duy trì và củng cố các lớp dự bị đại học sư phạm, thậm chí mở cả lớp dự bị cho trung học sư phạm...



Rõ ràng, nếu cứ để tình hình đội ngũ giáo viên như hiện nay thì không

thể tiến hành thắng lợi cải cách giáo dục được. Một mình ngành giáo dục không làm nổi, mà phải có sự giúp sức của toàn xã hội. Trước hết, các cấp Đảng, chính quyền và các ngành ở địa phương cần nhận thức đúng vai trò quyết định của người giáo viên đối với sự nghiệp giáo dục, vị trí quan trọng của người giáo viên trong ba cuộc cách mạng và nhất là trong sự nghiệp xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa. Chúng ta phải luôn luôn nhớ lời dạy của Hồ Chủ tịch: « Nếu không có thầy giáo dạy dỗ cho con em nhân dân, thì làm sao mà xây dựng chủ nghĩa xã hội được? Vì vậy, nghề thầy giáo rất là quan trọng, rất là vẻ vang. Ai có ý kiến không đúng về nghề thầy giáo thì phải sửa chữa » (7).

(7) Hồ-Chí-Minh: *Bàn về giáo dục*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1972, tr. 89.

Nâng cao chất lượng giáo dục

(Tiếp theo trang 3)

Sự nghiệp giáo dục lớp người mới, xã hội chủ nghĩa, có ý nghĩa quyết định đối với hiện tại và tương lai của đất nước. Đại hội thứ V của Đảng đã đặt hệ thống giáo dục vào « **tâm quan trọng hàng đầu** » trong toàn bộ cuộc cách mạng tư tưởng và văn hóa. Hơn thế nữa, sự nghiệp giáo dục còn tác động trực tiếp đến cách mạng về quan hệ sản xuất và cách mạng khoa học - kỹ thuật. Lúc này, chúng ta cần quan tâm lãnh đạo mặt trận giáo dục, vì nó đang có sự sùt kém về chất lượng. Tình hình này nếu kéo dài sẽ ảnh hưởng không tốt đến cả một thế hệ. Các cấp ủy Đảng cần căn cứ vào Nghị quyết của Đại hội Đảng về giáo dục và Nghị quyết của Bộ chính trị Trung ương Đảng về cải cách giáo dục mà kiểm điểm nghiêm túc công tác giáo dục trong sáu năm qua và đặt nó vào vị trí xứng đáng trong chương trình hành động mà Đại hội Đảng các cấp sẽ thông qua. Chúng ta cần quan tâm từ cháu bé mới lọt lòng đến những thanh niên sẽ phục vụ trên các mặt trận kinh tế, văn hóa và quốc phòng. Chuẩn bị cho thế hệ trẻ ra đời sẵn sàng lao động xây dựng đất nước, xây dựng cuộc sống mới và sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc là một bảo đảm chắc chắn cho hạnh phúc của từng gia đình và cho thắng lợi của chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Về vấn đề

SẮP XẾP LẠI NỀN KINH TẾ

NGUYỄN-VĂN-TRÂN

BAO cáo «Phương hướng, nhiệm vụ và những mục tiêu chủ yếu về kinh tế, xã hội trong năm năm (1981 - 1985) và những năm 80» được Đại hội thứ V của Đảng thông qua đã ghi: «Điều có ý nghĩa cấp bách và có tầm quan trọng đặc biệt là phải *khẩn trương làm tốt việc sắp xếp lại kinh tế*». Đề hiểu rõ chủ trương trên đây, chúng ta cần nắm vững yêu cầu, nội dung của việc sắp xếp lại nền kinh tế:

1 - *Tinh tũt yếu của việc sắp xếp lại nền kinh tế.*

Thực trạng nền kinh tế của ta hiện nay rất khó khăn. Trong lĩnh vực sản xuất, vốn đầu tư tăng, thiết bị nhiều, lao động thừa, nhưng sản xuất vẫn phát triển chậm và có những mặt giảm sút tại chỗ; lực lượng sản xuất ở cả khu vực quốc doanh và khu vực tập thể đều không được phát huy, tổng sản phẩm xã hội tăng chậm, thậm chí có năm giảm sút so với năm trước.

Việc đầu tư xây dựng cơ bản bị dàn quá mỏng. Do muốn xây dựng những công trình lớn, chúng ta chưa sử dụng hết công suất của công trình sản có đã xây dựng công trình mới, lại đầu tư không đồng bộ, không dứt điểm cho nên đạt hiệu quả kinh tế thấp. Hiện nay, số vốn đầu tư dở dang nhiều gấp hơn hai lần số vốn

đầu tư hằng năm của toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Nhà nước đầu tư là chủ yếu, không huy động được vốn của nhân dân. Trong khi vốn của Nhà nước có hạn, thì nhân dân dùng tiền của mình vào việc tiêu dùng.

Trong phân bổ lao động, việc đưa người di những vùng đất mới chưa được chuẩn bị tốt, việc mở rộng ngành nghề tại chỗ bị coi nhẹ. Ở vùng đồng bằng, trung du có tình trạng thiếu việc làm, và ngay cả vùng rừng núi, đất rộng người thưa, cũng có tình trạng không đủ việc làm.

Việc cải tạo xã hội chủ nghĩa đã được tiến hành ở cả hai miền, nhưng mục tiêu của cải tạo xã hội chủ nghĩa là thúc đẩy sản xuất vẫn chưa đạt. Các thành phần kinh tế chưa được sử dụng đúng cho việc phát triển sản xuất. Nhà nước chưa sử dụng và phát huy được mặt tích cực và hạn chế mặt tiêu cực của các thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa và còn coi nhẹ kinh tế gia đình.

Chính sách tiêu dùng của Nhà nước có nhiều điểm chưa phù hợp. Tinh bao cấp, bình quân, thiếu khuyến khích lao động vẫn còn in dấu rất đậm nét trong đời sống xã hội. Chúng ta đã tiêu dùng quá mức chúng ta làm ra. Trong khi đó, Nhà nước chưa có chính sách điều tiết hợp lý thu nhập của các tầng lớp dân **or**, do đó có

hiện tượng phổ biến là người được đào tạo tốt, người làm ra nhiều của cải cho xã hội thì thu nhập thấp. Đời sống hiện nay của những người ăn lương gấp rất nhiều khó khăn.

Kinh tế đối ngoại chưa bảo đảm phục vụ phát triển sản xuất trong nước và từng bước tranh thủ chiếm lĩnh thị trường ngoài nước. Chúng ta chưa tìm mọi cách để nhập khẩu và xuất khẩu một cách tích cực để đáp ứng những yêu cầu của sản xuất.

Về mặt tổ chức thực hiện, thi bộ máy điều hành kém, vừa tập trung quan liêu, vừa phân tán cục bộ. Quản lý kinh tế mà không chú trọng tính toán hiệu quả kinh tế, quản lý hành chính lại thiếu thể chế pháp luật. Cán bộ chưa được đào tạo một cách đầy đủ, chưa đủ năng lực làm việc, kỷ luật chấp hành lỏng lẻo.

Tình hình trên đây làm cho nền kinh tế của ta vốn đã mất cân đối nghiêm trọng nay lại càng mất cân đối nghiêm trọng hơn và làm nảy sinh ra các mất cân đối mới. Đó là sự mất cân đối giữa tích lũy và tiêu dùng, giữa công nghiệp và nông nghiệp, giữa sự phân bố lao động và đối tượng lao động, giữa nhập khẩu và xuất khẩu, giữa yêu cầu phải thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược với khả năng thực tế của nền kinh tế quốc dân, v.v.

Từ một nền sản xuất nhỏ tiến lên chủ nghĩa xã hội, bản thân nền kinh tế đã sẵn mang nặng nhiều mặt mất cân đối: không có gang thép và cơ khí nặng, cơ sở năng lượng quá ít; không có công nghiệp hóa chất cơ bản; nhiều lao động phổ thông, ít lao động có kỹ thuật, v.v.

Sau hơn 30 năm chiến tranh, nền kinh tế bị tàn phá rất nặng, những nền nếp quản lý được hình thành trong những năm hòa bình đã bị chiến tranh làm đảo lộn. Hai cuộc chiến tranh do bọn phản động trong giới cầm quyền Bắc-kinh tiến hành

chống nước ta, cũng gây thêm khó khăn mới. Thi hành chính sách thù địch đối với nước ta, chúng đã cắt viện trợ cho ta, cắt kết với đế quốc Mỹ bao vây kinh tế ta.

Những năm gần đây, ở nước ta, thiên tai liên tiếp diễn ra trên những vùng rộng lớn, gây nhiều thiệt hại cho sản xuất nông nghiệp.

Đó là những khó khăn khách quan. Về mặt chủ quan, chúng ta lại có khuyết điểm và sai lầm trong quản lý kinh tế, do đó, đã không sử dụng tốt cơ sở vật chất kỹ thuật hiện có, dẫn đến hiệu quả kinh tế thấp. Công tác quản lý kinh tế, một mặt thì tập trung quan liêu, không sát thực tế, bao cấp tràn lan, mặt khác lại tự do tản mạn, thiếu tổ chức, thiếu pháp luật, thiếu kỷ cương. Những khuyết điểm của ta khiến cho nền kinh tế vốn đã mất cân đối càng mất cân đối nghiêm trọng hơn. Tìm mọi cách để từng bước khắc phục sự mất cân đối của cơ cấu kinh tế là nhiệm vụ cấp bách của đầu tư, chiến lược kinh tế. Đây cũng là một vấn đề thuộc về nghệ thuật quản lý kinh tế.

Với ý nghĩa như vậy, sắp xếp lại nền kinh tế, sắp xếp lại các cơ cấu kinh tế hiện nay của ta là *việc làm tất yếu, cơ bản và cấp bách* trong một số năm trước mắt.

2 - *Sắp xếp lại nền kinh tế là để phát triển kinh tế thêm một bước và đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa nền kinh tế quốc dân.*

Nội dung của việc sắp xếp lại nền kinh tế là bố trí lại lực lượng sản xuất, điều chỉnh lại các quan hệ kinh tế cơ bản, bố trí lại các cơ cấu kinh tế. Nó bao gồm sắp xếp lại sản xuất, sắp xếp lại các lĩnh vực lao động, đầu tư xây dựng cơ bản, phân phối tích lũy, tiêu dùng xã hội, lưu thông hàng hóa, giao thông vận tải, sắp xếp lại bộ máy quản lý kinh tế và cán bộ đề khác phục một bước thể mất cân đối nghiêm trọng hiện nay.

đáp ứng nhu cầu của xã hội theo một trật tự ưu tiên của các mục tiêu nêu ra trong Báo cáo chính trị đã được Đại hội thứ V của Đảng thông qua, phù hợp với khả năng hiện thực của nền kinh tế, nhất là về năng lượng và nguyên liệu. Đồng thời, nó nhằm dần dần tạo ra một cơ cấu kinh tế đúng đắn, cân đối và hợp lý, làm cho quá trình tái sản xuất xã hội được thông suốt, làm cho lực lượng sản xuất phát huy được tác dụng lớn nhất, nền kinh tế có sức sống năng động hơn, có thể phát triển mạnh và đi vào thế ổn định.

Vì vậy sắp xếp lại kinh tế chính là đề :

— Tập trung được lực lượng của Nhà nước vào những mục tiêu, những lĩnh vực cần thiết nhất và phát huy lực lượng của các thành phần kinh tế khác trên các lĩnh vực không được ưu tiên phát triển với sự giúp sức, chỉ đạo và chỉ phối của Nhà nước chuyên chính vô sản, thực hiện tốt phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm”.

— Từng bước tạo ra thế cân đối mới, liên ngành và trên từng vùng lãnh thổ, đề khai thác có hiệu quả các tiềm năng lao động, đất đai, các tài sản, các nguồn vốn hiện có.

— Củng cố và phát triển kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể làm cơ sở chủ đạo để thu hút, hướng dẫn các thành phần kinh tế khác cùng hoạt động theo quỹ đạo của kế hoạch Nhà nước.

— Động viên, tận dụng mọi lực lượng lao động và các nguồn vốn trong xã hội vào sản xuất.

— Kết hợp giữa kinh tế và quốc phòng để thực hiện đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược.

Tiêu chuẩn cơ bản để đánh giá kết quả công việc sắp xếp lại nền kinh tế là hiệu quả kinh tế — xã hội, năng suất lao động, chất lượng lao động xã hội

Với nội dung như đã nói trên, sắp xếp lại nền kinh tế chính là *tạo điều kiện, tiền đề* để tiếp tục phát triển một bước và cải tạo xã hội chủ nghĩa nền kinh tế quốc dân một cách vững chắc, thiết thực và tận dụng được các khả năng hiện thực; đồng thời, tạo điều kiện để thực hiện chiến lược phát triển kinh tế. Đây cũng là chủ trương và biện pháp quan trọng, cụ thể về tổ chức quản lý nền kinh tế quốc dân trong những năm trước mắt. Trên cơ sở làm tốt việc sắp xếp lại nền kinh tế, chúng ta sẽ sắp xếp lại các lĩnh vực xã hội khác như: đào tạo, giáo dục, nghiên cứu khoa học — kỹ thuật v.v.

3 — *Sắp xếp lại nền kinh tế là thiết thực điều chỉnh các bộ phận quan trọng của nền kinh tế để tiến đến khắc phục được sự mất cân đối hiện có.*

Sắp xếp lại nền kinh tế là một công cuộc to lớn, phức tạp, khó khăn phải được tiến hành trong một số năm theo một phương pháp khoa học, cụ thể, thiết thực, nhưng đây tuyệt đối không phải là phá đi làm lại tất cả, làm lại từ đầu hoặc giữ rồi ra để làm lại.

Thật ra, để đi đến chủ trương sắp xếp lại nền kinh tế dĩ đôi với phát triển thêm một bước và tiếp tục cải tạo xã hội chủ nghĩa nền kinh tế quốc dân, Đảng và Nhà nước ta đã làm việc sắp xếp lại trên một số lĩnh vực, một số bộ phận để dần dần rút ra kết luận chính xác và đặt thành chủ trương lớn. Đó là :

— Chủ trương về sắp xếp lại phân phối, lưu thông thể hiện tập trung trong nghị quyết 26/NQ — TƯ ra tháng 6 năm 1980 của Bộ chính trị về cải tiến phân phối, lưu thông :

— Chủ trương về sắp xếp lại đầu tư xây dựng cơ bản thể hiện trong các nghị quyết của Ban chấp hành trung ương Đảng về nhiệm vụ kế hoạch các năm 1979, 1980, 1981 ;

— Chủ trương về sắp xếp lại sản xuất của các xí nghiệp quốc doanh thể hiện trong quyết định 25/CP ra ngày 21-1-1981 của Hội đồng bộ trưởng;

— Chủ trương về công tác khoán trong các hợp tác xã nông nghiệp theo chỉ thị 100 của Ban bí thư Trung ương Đảng.

Kinh nghiệm thu được trong việc thực hiện các chủ trương này cho phép ta khẳng định rằng sắp xếp lại nền kinh tế, sắp xếp lại các cơ cấu kinh tế như đã nói ở trên là đúng đắn, là một việc làm thiết thực; đồng thời những kinh nghiệm rút ra được cũng chứng minh rằng đây là công cuộc to lớn đòi hỏi một phương pháp nghiên cứu, thực hiện rất khoa học, đồng bộ giữa các bộ phận quan trọng nhất của nền kinh tế.

Rõ ràng, tính chất hữu cơ và đồng bộ của các quan hệ kinh tế cơ bản và các cơ cấu kinh tế đang đòi hỏi phải khẩn trương sắp xếp lại nền kinh tế, và sắp xếp lại nền kinh tế không có nghĩa là rút lui trên mặt trận kinh tế, mà là thực hiện một sự chuyển biến kinh tế tương đối toàn diện và sâu sắc, trong đó có lĩnh vực, có ngành phát triển mạnh lên vì được tập trung các điều kiện một cách hợp lý (như: lương thực, lâm nghiệp, thủ công nghiệp), có ngành, có lĩnh vực phải củng cố, và có những cơ sở hoặc có ngành phát triển chậm phương hướng và quy mô hoạt động. Nhưng nhìn toàn bộ nền kinh tế, thì sắp xếp lại nền kinh tế sẽ tạo ra thế đi lên và sự phát triển lành mạnh của nó, làm cho nó ngày càng đi dần vào cân đối hài hòa, có hiệu quả kinh tế — xã hội cao hơn trước; tăng cường và phát triển lực lượng xã hội chủ nghĩa, sử dụng và cải tạo các thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa.

Sau khi Đảng đã vạch ra đường lối kinh tế, thì nhiệm vụ lãnh đạo và

quản lý kinh tế là phải vạch ra chiến lược thể hiện bước đi để thực hiện thắng lợi đường lối ấy.

Chiến lược kinh tế là sự bố trí các bước đi thích hợp của việc phát triển sản xuất, xây dựng và củng cố quan hệ sản xuất phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất. Nó bao gồm việc xác định mục tiêu của từng chặng đường, việc xây dựng các chính sách lớn, việc căn cứ vào mục tiêu và các chính sách lớn mà vạch ra các phương án kinh tế — kỹ thuật — xã hội và việc lựa chọn các phương án tối ưu để tổng hợp lại.

Trong mấy năm trước mắt, muốn phát triển thêm một bước và đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa nền kinh tế quốc dân, phải khẩn trương làm tốt việc sắp xếp lại nền kinh tế, coi sắp xếp lại nền kinh tế là khâu mấu chốt để tạo điều kiện cho phát triển kinh tế và cải tạo xã hội chủ nghĩa. Như vậy, về thực chất sắp xếp lại nền kinh tế vừa mang tính chất chiến lược phát triển kinh tế — xã hội, vừa mang tính chất chiến lược về quản lý kinh tế.



Đối với một công cuộc to lớn, khó khăn, phức tạp như sắp xếp lại nền kinh tế, cần phải có cách làm thiết thực, có hiệu lực.

1 — Thấu suốt quan điểm hệ thống và vận dụng phương pháp chương trình có mục tiêu với các biện pháp thực hiện đồng bộ trong việc sắp xếp lại nền kinh tế.

Xét về thực chất, sắp xếp lại nền kinh tế là điều chỉnh kinh tế, từ cơ cấu chung của nền kinh tế quốc dân đến các cơ cấu của từng lĩnh vực, từng ngành, từng địa phương, từng vùng lãnh thổ, có thể đến cả cơ cấu của một số cơ sở sản xuất kinh doanh, là thúc đẩy các quan hệ liên kết và hợp tác kinh tế, khắc phục tình trạng

khép kín, chia cắt trong từng địa phương, từng cơ sở. Vì vậy, cần vận dụng và quán triệt quan điểm hệ thống, xét đến các mặt và các tác động dây chuyền của hệ thống để phát huy, tận dụng được các khả năng hiện thực, đồng thời giảm bớt những tác động không mong muốn có thể xảy ra.

Chủ trương sắp xếp lại nền kinh tế, trước hết, phải được quyết định với sự nhất trí cao ở cấp trung ương và được triển khai cụ thể ở các ngành, các địa phương, nhất là các đơn vị cơ sở. Nó đòi hỏi phải vận dụng phương pháp khoa học tiến bộ nhất hiện nay trong quản lý để tiến hành. Đó là phương pháp chương trình có mục tiêu với các biện pháp thực hiện đồng bộ.

Căn cứ vào những mục tiêu mà Đại hội thứ V của Đảng đã đề ra và xét khả năng của đội ngũ cán bộ hiện nay, Nhà nước nên tổ chức xây dựng và thực hiện ba chương trình có mục tiêu lớn là:

- Lương thực, thực phẩm;
- Hàng tiêu dùng thiết yếu;
- Xuất khẩu và nhập khẩu;

Để phục vụ cho chương trình này, cần tổ chức xây dựng và thực hiện hai chương trình khác nữa là:

- Giao thông vận tải, thông tin, bưu điện;
- Năng lượng (điện, than, dầu khí, củi gỗ...).

Các chương trình có mục tiêu lớn này được liên kết lại và giữ vai trò là xương sống của kế hoạch Nhà nước từ nay đến năm 1985 và có thể của kế hoạch vài năm sau nữa.

2 - Cần vạch ra nội dung của một số chính sách kinh tế cơ bản làm cơ sở cho việc xây dựng chương trình có mục tiêu.

Để xây dựng được các chương trình có mục tiêu lớn nói trên, trước hết phải dựa trên cơ sở các mục tiêu, phương hướng nhiệm vụ; những quan

điểm chỉ đạo và những biện pháp lớn đã được trình bày trong Báo cáo chính trị và Báo cáo kinh tế đã được Đại hội thứ V của Đảng thông qua mà đề ra các chính sách kinh tế ở mức độ tương đối cụ thể.

Nếu thiếu các chính sách kinh tế cụ thể, thì không thể làm tốt việc sắp xếp lại nền kinh tế. Trong khi chưa đề ra được ngay một cách cụ thể và đầy đủ nội dung của những chính sách ấy thì Nhà nước cần vạch ra những tư tưởng chủ đạo, những nội dung chính của một số chính sách kinh tế cụ thể:

- Về chính sách đối với các thành phần kinh tế: Trong chặng đường trước mắt của thời kỳ quá độ từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, nền kinh tế còn nhiều thành phần và quan hệ cung - cầu đang mất cân đối nghiêm trọng. Nhà nước cần cho phép các thành phần kinh tế tồn tại và phát triển với mức độ khác nhau (trừ tư sản mại bản và tư sản thương nghiệp). Cần phát triển và củng cố vững chắc kinh tế quốc doanh để nó giữ được vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân; tăng cường và củng cố kinh tế tập thể để nó có sức hút mạnh mẽ đối với kinh tế cá thể và trở thành lực lượng bổ sung đặc lực cho kinh tế quốc doanh trong nền kinh tế quốc dân thống nhất; hướng dẫn, khuyến khích và bảo đảm kinh tế gia đình của nông dân xã viên và công nhân, viên chức; Nhà nước coi đó là một bộ phận của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa. Ở những nơi chưa tập thể hóa, kinh tế cá thể trong công nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp vẫn được Nhà nước hướng dẫn sản xuất để làm ra nhiều sản phẩm cho xã hội theo quỹ đạo của chủ nghĩa xã hội.

Việc hạn chế các mặt tiêu cực của các thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa và cải tạo các thành phần kinh tế ấy được tiến hành chủ yếu bằng

chính sự phát triển mạnh mẽ, có chất lượng, hiệu quả của các thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa, đi đôi với việc sử dụng đúng đắn các biện pháp kinh tế, hành chính của Nhà nước chuyên chính vô sản.

Sự sắp xếp lại các thành phần kinh tế như phác họa trên đây nhằm làm giảm sự ỷ lại vào Nhà nước, tạo khả năng để các thành phần kinh tế có thể đóng góp nhiều hơn tiền vốn, kỹ thuật, kinh nghiệm sản xuất, kinh doanh và tiếp nhận nhiều lao động xã hội, tạo ra chỗ làm việc ở thành thị và nông thôn. Sự sắp xếp lại như vậy cũng nhằm lập ra một trật tự mới trong các thành phần kinh tế, vừa khuyến khích mặt tích cực của các thành phần kinh tế, vừa bảo đảm Nhà nước quản lý được các thành phần kinh tế, không buông lỏng, cũng không bóp nghẹt.

— Về chính sách phân bổ và sử dụng sức lao động. Hiện nay, cán bộ, công nhân, viên chức Nhà nước đang thiếu việc làm, lực lượng lao động gián tiếp quá lớn. Số người bỏ sung cho lực lượng lao động ngày một tăng. Việc phân bổ lực lượng lao động trong phạm vi cả nước không hợp lý. Tiền vốn có hạn. Vì vậy, tư tưởng chủ đạo của chính sách này là tập trung mọi khả năng tạo ra công ăn việc làm tại chỗ để đáp ứng yêu cầu của những người thiếu việc làm và thu hút những người chưa có việc làm, đồng thời có kế hoạch chu đáo và cụ thể, có chuẩn bị kỹ càng đưa dân đi khai hoang các vùng đất mới có trọng điểm theo phương châm «Nhà nước và nhân dân cùng làm».

— Về chính sách năng lượng. Tư tưởng chủ đạo của chính sách này là tận dụng các nguồn năng lượng hiện có, khai thác thêm các nguồn mới, kết hợp sử dụng các nguồn năng lượng khác nhau, kết hợp đúng đắn lao động thủ công với lao động cơ khí hóa, thực hành tiết kiệm triệt để

năng lượng, v.v. trước mắt cần có cuộc vận động tốt và có chính sách cụ thể nhằm hạn chế việc dùng điện trong sinh hoạt để tập trung cho sản xuất mà theo các điểm làm thử thì có thể giảm được gần một nửa số điện đang dùng cho sinh hoạt hiện nay vì đang có các lãng phí lớn trong lĩnh vực này.

— Về chính sách tiêu dùng. Tư tưởng chủ đạo của chính sách này là chỉ tiêu dùng ở trong mức thu nhập quốc dân cho phép, dành phần tích lũy thích đáng cho tái sản xuất mở rộng. Nội dung chủ yếu của chính sách tiêu dùng là: động viên các gia đình, hợp tác xã, những người làm ăn cá thể tích cực bỏ vốn vào tái sản xuất mở rộng, Nhà nước và nhân dân cùng nhau góp vốn đầu tư để phát triển và mở rộng sản xuất. Khuyến khích và bảo vệ hàng nội địa, dành hàng tốt cho xuất khẩu, chống lối ăn tiêu xa xỉ, chuộng hàng ngoại. Loại bỏ một cách tích cực và hợp lý các chế độ bao cấp, cắt giảm những phần tiêu dùng quá mức so với mức thu nhập quốc dân hiện nay. Bỏ những việc làm hình thức, phô trương, giảm bớt các cuộc họp hành, học tập kém chất lượng.

Trước mắt phải chú trọng đến vấn đề tìm mọi cách sản xuất ra những thứ thật cần thiết nhằm cùng với một khối lượng vật tư như nhau mà đáp ứng được nhu cầu nhiều hơn. Ví dụ: ta có một khối lượng lớn xe đạp mà phụ tùng hiện sản xuất chỉ đủ cho 1/3 số xe đã có; trong khi đó ta lại tiếp tục sản xuất thêm khung xe mới làm cho cung cầu về phụ tùng thêm căng thẳng. Cần dành tuyệt đại bộ phận vật tư hiện có cho việc sản xuất phụ tùng mà không tiếp tục sản xuất khung xe đạp bán trên thị trường trong nước nữa.

Những việc như thế này có thể tìm ra rất nhiều trong sản xuất hiện nay.

(Xem tiếp trang 37)

QUẢN TRIỆT ĐƯỜNG LỐI KINH TẾ CỦA ĐẢNG TRONG CHẶNG ĐƯỜNG TRƯỚC MẮT, PHÁT TRIỂN MẠNH KINH TẾ ĐỊA PHƯƠNG

NGUYỄN - XUÂN - HỮU

Bí thư tỉnh ủy Phú-khánh

THỜI gian 5 năm vừa qua đối với chúng tôi thật là quý báu để đi sâu vào thực tế, nghiên cứu vận dụng đường lối của Đảng vào điều kiện của địa phương. Qua những kinh nghiệm

thành công và không thành công, chúng tôi đã có cơ sở để chứng minh sự đúng đắn của đường lối của Đảng, đề cụ thể hóa và triển khai đường lối đó trong thực tiễn.

I - NHẬN THỨC VỀ VẤN ĐỀ NÔNG NGHIỆP TRONG ĐƯỜNG LỐI KINH TẾ CỦA ĐẢNG

Năm năm qua, tỉnh Phú-khánh chúng tôi đã tập trung sức vào mặt trận nông nghiệp, thu được một số thành tích bước đầu trong việc thâm canh tăng vụ, mở rộng diện tích, đã căn bản hoàn thành hợp tác hóa nông nghiệp dưới hai hình thức: hợp tác xã và tập đoàn sản xuất (tập đoàn sản xuất chủ yếu là ở miền núi). Phú-khánh từ chỗ thiếu lương thực đã trang trải đủ nhu cầu lương thực trong tỉnh và làm nghĩa vụ đối với trung ương; thực hiện một bước phân bố lại lao động, phát triển thủ công nghiệp, tiểu công nghiệp và công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, chế biến lương thực, thực phẩm và sản xuất một phần tư liệu sản xuất. Nhờ đó đã tạo được nguồn hàng để cung ứng cho trung ương, phục vụ đời sống nhân dân trong tỉnh, mở rộng quan hệ trao đổi hàng hóa với các tỉnh bạn và xuất khẩu để mua một số vật

tư cần thiết phục vụ cho việc phát triển nông nghiệp và các ngành kinh tế khác. Phú-khánh đã xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật ban đầu để phát triển kinh tế, trước tiên là phát triển nông nghiệp, mở ra nhiều khả năng mới như thâm canh, tăng vụ, xây dựng cánh đồng cao sản, mở mang kinh tế ở những vùng đất mới, phát triển cây công nghiệp và tạo nguồn hàng nông sản xuất khẩu.

Tuy nhiên, đối chiếu với đường lối của Đảng và qua thử nghiệm trong thực tiễn, nhìn lại vấn đề nông nghiệp, chúng tôi thấy có những thiếu sót như:

1 - Chưa nhận thức đầy đủ các mục tiêu về lương thực thực phẩm, nguyên liệu cho công nghiệp, nông sản xuất khẩu, chỉ mới chú ý đến vấn đề lương thực.

- Chưa kết hợp nông nghiệp với lâm nghiệp và ngư nghiệp, chưa coi

trọng phát triển lâm nghiệp và ngư nghiệp để cùng với nông nghiệp giải quyết tốt vấn đề nguyên liệu cho công nghiệp, tăng thêm lâm sản và hải sản cho xuất khẩu và tham gia vào việc giải quyết lương thực, thực phẩm.

— Chưa hiểu đầy đủ rằng chủ trương phát triển nông nghiệp của Đảng đòi hỏi một cách tất yếu là công nghiệp phải phục vụ đắc lực cho nhu cầu phát triển của nông nghiệp và tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp. Với các mục tiêu lương thực thực phẩm, nguyên liệu cho công nghiệp và nông sản xuất khẩu, có thể ví nông nghiệp như « một bông hoa có 3 cái nụ » « thai nghén » những tiền đề phát triển cho cả nông nghiệp, công nghiệp nhẹ và công nghiệp nặng, tạo ra cơ cấu kết hợp công — nông nghiệp hợp lý.

Chúng ta bắt đầu công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa từ điều kiện của một nước nông nghiệp. Nước ta có lực lượng lao động dồi dào, có sẵn đối tượng lao động là đất, rừng, biển, có các ngành nghề phong phú, lại có chế độ làm chủ tập thể được xây dựng bước đầu, chúng ta có thể khai thác các thế mạnh này để công nghiệp hóa. Vừa qua chúng tôi chưa biết nắm chắc những nhân tố này, cho nên đã bỏ lỡ thời cơ.

2 — Chưa nhận thức rõ bước đi và hình thức đưa nông nghiệp một bước lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa cho nên nhiều mặt công tác bị dừng lại và có nhiều lúng túng.

Về nông nghiệp, sau khi miền Nam được hoàn toàn giải phóng, chúng tôi đã khẩn trương điều chỉnh ruộng đất, sớm thực hiện hợp tác hóa nông nghiệp, nhưng đã chậm tổ chức lại sản xuất, phân công lại lao động theo hướng tập trung thâm canh và chuyên canh, tiến hành sản xuất theo quy hoạch và kế hoạch, tiến hành đồng thời ba cuộc cách

mạng, trong đó cách mạng khoa học kỹ thuật là then chốt. Trong khi tìm con đường và biện pháp đi lên, Đảng ta đã thấy một địa bàn kinh tế có vai trò cực kỳ trọng yếu, đó là huyện. Kinh tế huyện bao gồm một cách hữu cơ các hợp tác xã, nằm trong cơ cấu kinh tế tỉnh, thành phố và gắn bó chặt chẽ với các ngành kinh tế kỹ thuật của cả nước. Nhưng trong việc phát triển nông nghiệp và các ngành kinh tế trên địa bàn huyện, chúng tôi chưa gắn chặt các cơ sở sản xuất với cơ sở chế biến, chưa gắn nông nghiệp với tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp, chưa xây dựng đồng bộ một sở trạm, trại kỹ thuật nông nghiệp, cửa hàng cung ứng vật tư, thu mua, bán lẻ hàng tiêu dùng cùng kho tàng và phương tiện vận chuyển trên địa bàn huyện. Chúng tôi vấp phải khá nhiều trục trặc trong việc phân cấp quản lý cho huyện.

Về lâm nghiệp, chúng tôi chưa làm chủ được rừng và đất rừng, chưa kết hợp được lao động với tài nguyên rừng bằng các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý để khai thác có hiệu quả nhất, kết hợp chặt chẽ khai hoang, xây dựng các vùng kinh tế mới với trồng rừng và bảo vệ rừng. Việc giao đất, giao rừng cho hợp tác xã, gắn vườn rừng của xã viên với xây dựng hợp tác xã và phát triển lâm trường quốc doanh, v.v. chưa được xác định và tổ chức thực hiện sớm, vì vậy chưa biến được rừng hoang dại từng bước thành rừng công nghiệp, nhiều vùng đất rừng chưa có chủ, chưa được tổ chức bảo dưỡng, nuôi trồng và khai thác hợp lý. Chính vì vậy, tiềm năng rừng của ta rất lớn mà đóng góp chưa nhiều cho nền kinh tế.

Về hải sản, kết hợp các hình thức tổ chức quốc doanh, tập thể và cá thể như thế nào cho phù hợp với đặc điểm của ngành hải sản để có thể khai thác tốt nhất? Kết hợp đánh bắt trong lòng, ngoài khơi ra sao? Kết hợp

người trồng với đánh bắt, đánh bắt với chế biến ra sao, v.v.—đó đều là những vấn đề quan trọng mà chúng tôi chưa giải quyết thật cụ thể để đưa ngành hải sản tiến lên xứng đáng với thế mạnh của nó.

Những khuyết điểm trên đây đã hạn chế sự phát triển của nông nghiệp ở địa phương, và góp phần không nhỏ gây nên những thiếu thốn trong đời sống và làm cho nền kinh tế thêm khó khăn.

II — NHẬN THỨC VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA CÔNG NGHIỆP VÀ NÔNG NGHIỆP TRONG CHẶNG ĐƯỜNG TRƯỚC MẮT

Đảng ta cho rằng: cần phát huy động lực mạnh nhất của ta là *chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa* để sử dụng hợp lý và có hiệu quả lao động và đất đai, mở mang ngành, nghề ở từng cơ sở, từng địa phương và trong cả nước, tạo ra năng suất lao động xã hội cao và tăng sản phẩm cho xã hội. Muốn vậy, trước hết cần đưa *nông nghiệp một bước lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa* trong một cơ cấu kết hợp chặt chẽ và đúng đắn nông nghiệp, công nghiệp nhẹ và công nghiệp nặng.

Trong 10 năm tới, nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, vì vậy cần tập trung *đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp* để bảo đảm đủ lương thực và thực phẩm cho nhân dân, cung ứng nguyên liệu cho công nghiệp nhẹ phát triển, cung cấp nguồn hàng xuất khẩu quan trọng. Chúng ta phải tận dụng sức lao động trong nông nghiệp, đồng thời tăng năng suất lao động trong nông nghiệp. Việc tăng năng suất lao động trong nông nghiệp chẳng những là một biện pháp rất quan trọng để tăng sản lượng mà còn góp phần cung cấp lao động cho các ngành của nền kinh tế quốc dân. Lương thực và thực phẩm do nông nghiệp tạo ra chẳng những nuôi sống nhân khẩu trong lĩnh vực nông nghiệp mà còn nuôi sống cả lao động của các ngành khác.

Chúng ta xây dựng chủ nghĩa xã hội trong điều kiện chưa có công nghiệp phát triển. Muốn xây dựng

chủ nghĩa xã hội phải có vốn ban đầu và tích lũy từ nội bộ nền kinh tế quốc dân. Nguồn vốn ban đầu chủ yếu là từ lao động thặng dư trong nông nghiệp và công nghiệp nhẹ. Nguồn tích lũy chủ yếu cũng là từ việc kết hợp phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ. (Ngoài ra, còn có nguồn vốn ban đầu và tích lũy từ việc vay của Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác).

Muốn cho nông nghiệp làm được vai trò cơ sở cho công nghiệp phát triển thì phải mở rộng diện tích trồng trọt, nâng cao năng suất lao động và tăng sản lượng nông nghiệp.

Trong quá trình đưa nông nghiệp lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, chúng ta lấy huyện làm địa bàn và tích cực xây dựng các huyện theo hướng kết hợp nông — công nghiệp, thực hiện phân công lại lao động, sử dụng tốt lao động và đất đai, đẩy mạnh cách mạng khoa học kỹ thuật nhằm phục vụ thâm canh, chuyên canh, mở mang ngành, nghề, sản xuất hàng xuất khẩu.

Quá trình đưa nông nghiệp lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa phải gắn bó chặt chẽ với quá trình công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, bởi vì tự bản thân nông nghiệp, dù là nông nghiệp hợp tác hóa, cũng không thể hoàn toàn cải tạo được kỹ thuật mà phải có sự tác động rất mạnh mẽ của công nghiệp nặng thì nông nghiệp mới đủ

điều kiện lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Kinh nghiệm lịch sử trong quá trình xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa làm cho chúng ta nhận thức sâu sắc rằng, ở đâu có sự hoạt động tách rời giữa công nghiệp và nông nghiệp thì ở đó gặp khó khăn, và ngược lại, ở đâu biết kết hợp chặt chẽ giữa công nghiệp và nông nghiệp thì ở đó nền kinh tế phát triển cân đối và thuận lợi.

Phát triển nông nghiệp phải kết hợp với phát triển công nghiệp nhẹ và mở mang các ngành nghề. Công nghiệp nhẹ giữ vai trò rất quan trọng trong việc sản xuất hàng tiêu dùng, phục vụ đời sống nhân dân; công nghiệp nhẹ tạo ra nguồn hàng xuất khẩu, góp phần tích lũy rất quan trọng. Công nghiệp nhẹ còn làm cho nguyên liệu nông sản tăng thêm giá trị qua chế biến thành vật phẩm tiêu dùng cho nhân dân; công nghiệp nhẹ tạo ra hàng tiêu dùng để trao đổi với nông dân.

Nông nghiệp và công nghiệp nhẹ được kết hợp phát triển tốt, tạo cơ sở vững chắc cho sự phát triển công nghiệp nặng; nông nghiệp và công nghiệp nhẹ không thể phát triển, nếu không được công nghiệp nặng cung ứng điện, nhiên liệu, phân hóa học, công cụ cơ khí, v.v. Trước mắt, chúng ta cần chú ý vào nhu cầu của nông nghiệp và công nghiệp nhẹ để phát triển công nghiệp nặng và hướng các ngành công nghiệp nặng vào phục vụ nông nghiệp và công nghiệp nhẹ phát triển. Đồng thời, tiếp tục xây dựng có trọng điểm một số ngành công nghiệp nặng then chốt nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế trước mắt và tạo điều kiện phát triển cho những năm sau.

« Như vậy, trong năm năm 1981 - 1985 và những năm 80, cần tập trung sức phát triển mạnh nông nghiệp, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu,

đưa nông nghiệp một bước lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, ra sức đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng và tiếp tục xây dựng một số ngành công nghiệp nặng quan trọng: kết hợp nông nghiệp, công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp nặng trong một cơ cấu công - nông nghiệp hợp lý. Đó là những nội dung chính của công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trong chặng đường trước mắt » (1).

Thời gian qua, việc kết hợp giữa công nghiệp và nông nghiệp chưa được chặt chẽ trong phạm vi cả nước cũng như ở từng địa phương và bản thân ngành công nghiệp phát triển chậm đã ảnh hưởng rất lớn đến việc thực hiện những mục tiêu của nông nghiệp. Chúng ta chưa có một quy hoạch công nghiệp thống nhất trong cả nước. Chúng ta chưa đánh giá đầy đủ vai trò của công nghiệp, nhất là công nghiệp nặng ở miền Bắc vốn là nơi có nhiều khả năng và trách nhiệm trang bị kỹ thuật cho nền kinh tế cả nước, cũng như đối với công cuộc cải tạo và phát triển kinh tế ở miền Nam. Mặt khác, chúng ta cũng chưa phát huy đầy đủ vai trò của nông nghiệp nhất là nông nghiệp ở miền Nam. Nói kết hợp công nghiệp và nông nghiệp trong cả nước là nói khả năng to lớn của công nghiệp và nông nghiệp của cả hai miền phải được phát huy và bổ sung cho nhau để sớm hình thành từng bước cơ cấu công - nông nghiệp cả nước.

Từ nhận thức trên, chúng tôi suy nghĩ về cơ cấu kinh tế địa phương, về cơ chế quản lý như thế nào cho thích hợp với chặng đường trước mắt này? Lối gỡ ra những khó khăn hiện nay, những vấn đề vừa cấp bách, vừa cơ bản lâu dài là ở đâu?

Kinh nghiệm 5 năm qua càng xác minh rõ ràng lối gỡ ra là kiên quyết

(1) Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội V, Tạp chí Cộng sản, số 4-1982, tr. 41.

tập trung cao độ cho mặt trận nông nghiệp (cả lâm, ngư nghiệp), hướng mọi ngành, mọi cấp vào đây, tạo ra sức mạnh tổng hợp để giành thắng lợi vững chắc. Đồng thời, nhanh chóng khắc phục sự chậm trễ của công nghiệp, nhanh chóng triển khai mạng lưới công nghiệp.

Ở tỉnh chúng tôi, lối gỡ ra là từ các thế mạnh của tỉnh, của từng huyện, sẽ phân công và sử dụng cho được hầu hết lao động để khai thác các tiềm năng về đất, rừng, biển, về ngành nghề, thực hiện cho kỳ được các mục tiêu của nông nghiệp, phần đầu cần đổi lương thực, nguyên liệu và nông sản xuất khẩu. Đồng thời, chúng tôi cũng nghiên cứu sắp xếp lại mạng lưới cơ khí, điện, giao thông vận tải, phát triển mạnh mẽ các ngành nghề sản xuất hàng tiêu dùng, nhất là tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, đẩy mạnh xuất khẩu. Chúng tôi sẽ thực hiện tốt phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm" để tạo ra vốn ban đầu từ nội bộ nền kinh tế của tỉnh là chính, kết hợp với tranh thủ sự giúp đỡ của trung ương và mở rộng kinh doanh hợp tác trong nước

và quốc tế. Trên cơ sở đó sẽ hình thành từng bước cơ cấu nông - công nghiệp huyện (từng huyện có những thế mạnh và điều kiện khác nhau) và công - nông nghiệp tỉnh.

Một lối ra nữa là phải khắc phục lối quản lý hành chính, bao cấp. Cần đổi mới cơ chế quản lý theo hướng tạo ra sức mạnh tổng hợp để bảo đảm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ xây dựng kinh tế trung ương, đồng thời phát triển kinh tế địa phương. Cơ chế quản lý mới này vừa bảo đảm mở rộng quyền chủ động cho cơ sở, địa phương và ngành, vừa bảo đảm cho trung ương nắm chắc những việc, những khâu cơ bản nhất. Cần xây dựng tốt kế hoạch ở các cấp, bảo đảm kế hoạch được xây dựng từ cơ sở, giải quyết kịp thời các chế độ, chính sách, rất coi trọng việc sử dụng các đòn bẩy kinh tế. Phải có sự nhận thức thống nhất và phân công phân cấp rõ ràng, trước hết giữa trung ương và địa phương, tháo gỡ dần những mắc mứu giữa ngành và cấp, mắc mứu trong vấn đề xây dựng huyện, xây dựng cơ cấu công - nông nghiệp hợp lý

III - LÀM CHỦ NGUỒN VỐN, ĐỂ PHÁT TRIỂN MẠNH KINH TẾ ĐỊA PHƯƠNG

Hiện nay, để phát triển mạnh kinh tế địa phương, phải tạo ra nguồn vốn ban đầu bổ sung cho các cơ sở hiện có, và khai thác tiềm lực mới. Nguồn vốn đó không thể tạo ra được nếu cứ tiếp tục ngồi chờ, ỷ lại vào sự cấp vốn từ trung ương và từ nước ngoài. Chúng tôi nghĩ rằng phải lấy vốn ban đầu tại địa phương là chính, kết hợp với sự viện trợ của trung ương và tranh thủ sự hợp tác quốc tế.

1- Vốn để lớn có tầm chiến lược hiện nay là phân bổ lại lao động hợp lý và sử dụng sức lao động một cách

có hiệu quả nhất để khai thác tiềm năng của nông - lâm - ngư nghiệp. Tái nguyên đất, rừng, biển của ta rất lớn, nhưng việc khai thác tiềm năng thiên nhiên đó tùy thuộc vào việc phân công lao động, đầu tư lao động. Thực tiễn mấy năm qua trong cả nước cũng như ở tỉnh Phú-khánh đã chứng minh điều đó. Chỉ trong 5 năm, cả nước đã mở thêm 1 triệu ha, đưa vào sản xuất 60 vạn ha, nếu thời gian tới cứ mỗi năm dành 1,3 triệu lao động thực hiện phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm", thì ta có thể

mở mang thêm hàng năm từ 300 000 đến nửa triệu ha và phấn đấu từ 6 đến 8 năm khai thác được từ 2 đến 3 triệu ha, chủ yếu trồng cây công nghiệp để làm hàng xuất khẩu, thì lợi biết bao nhiêu... Riêng tỉnh Phú-khánh trong 5 năm qua đã giữ đời sống nhân dân được tương đối ổn định là nhờ mở thêm được 4 vạn ha bằng khai hoang tập trung và các hợp tác xã phân công lao động đi xây dựng "cơ sở hai". Nếu sắp đến, tỉnh chúng tôi huy động được hơn 100 000 lao động trong nông nghiệp để mở rộng thêm diện tích (theo kinh nghiệm vừa qua) trồng cây công nghiệp, phát triển ngành nghề, sẽ tạo ra số vốn rất lớn.

Nhìn lại tình hình địa phương, chúng tôi càng xót xa thấy nhiều đất còn bỏ hoang, rừng còn vắng chủ, biên chưa được khai thác đáng kể, nhiều đầm vịnh còn bỏ phí; ngành nghề chưa phát triển... trong lúc quỹ lao động xã hội còn rất lớn. Vấn đề nguồn vốn từ lao động được đặt thành bài toán buộc chúng tôi phải nghiên cứu tìm mọi phương sách giải quyết sớm. Đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật, quản lý kinh tế và công nhân lành nghề trong tỉnh khá lớn. Nhiều người trong số này đã có kinh nghiệm, trải qua chiến đấu, được rèn luyện và có người đạt trình độ cao. Nếu biết sử dụng, sắp xếp lại lực lượng lao động này phù hợp với việc sắp xếp lại sản xuất và xây dựng cơ bản, và có chính sách tốt kết hợp lực lượng này với sản xuất, kinh doanh, thì nhất định sẽ thu được kết quả to lớn.

2 - Dựa vào *hợp tác quốc tế* để tạo ra vốn, thiết bị và vật tư kỹ thuật. Do đặc điểm tự nhiên, chúng ta có ưu thế về các loại đặc sản nông nghiệp, lâm nghiệp nhiệt đới. Bằng con đường xuất khẩu chúng ta có thể nhập khẩu được thiết bị, vật tư kỹ thuật cần thiết để phát triển mạnh các ngành

kinh tế trong nước, tạo điều kiện nâng cao năng suất lao động xã hội. Với khả năng vật chất ta sẵn có, chỉ cần có chính sách thích hợp và tổ chức thực hiện tốt là có vốn ngay. Phải biết tiết kiệm tiêu dùng để xuất khẩu. Ví dụ: về xuất khẩu gỗ, cứ mỗi m³ gỗ giá 2000 đồng thì địa phương được giữ lại 600 đồng để làm vốn cho rừng. Tỉnh Phú-khánh, nếu xuất 10 000 m³, sẽ có 24 triệu đồng để lại cho rừng. Ngoài ra nước ta còn có thể dùng các hình thức tổ chức liên doanh, hợp doanh với các nước ngoài, trước hết là Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em, trong sản xuất, kinh doanh nông - lâm - ngư nghiệp hay du lịch.

3 - *Tăng năng suất lao động*, thực hiện hạch toán kinh tế và kinh doanh có lãi. Cần nhanh chóng xóa bỏ chế độ quản lý hành chính bao cấp. Thực hiện kế hoạch hóa nhiều cấp, xây dựng kế hoạch từ cơ sở, gắn kế hoạch với hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa sẽ thúc đẩy tạo ra hiệu quả cao trong hoạt động kinh tế. Ở tỉnh Phú-khánh trong mấy năm gần đây, đã bắt đầu xuất hiện nguồn vốn từ sự sản xuất kinh doanh có lãi của một số ngành. Ngành hải sản bước đầu sắp xếp lại sản xuất, mở rộng kinh doanh, đã đưa sản lượng đánh bắt lên gấp đôi so với kế hoạch vật tư, nhiên liệu được cấp. Phương thức kinh doanh của thương nghiệp ở chợ Đầm-tròn, Nha-trang đã góp phần tích cực vào việc quản lý thị trường, quản lý giá cả và thu tiền mặt cho ngân sách. Cần có quy định chặt chẽ đối với các cơ sở kinh doanh để bảo đảm thu lợi nhuận, tạo ra vốn tích lũy tại chỗ, chấm dứt việc bù lỗ không có căn cứ, đòi hỏi các tổ chức kinh tế phải kinh doanh có lãi, tạo ra nguồn vốn để tái sản xuất mở rộng.

4 - Thực hành *tiết kiệm nghiêm ngặt* và nâng cao trách nhiệm giữ gìn.

(Xem tiếp trang 30)

ĐỔI MỚI CÔNG TÁC KẾ HOẠCH HÓA Ở CÁC CẤP TRUNG ƯƠNG, ĐỊA PHƯƠNG, CƠ SỞ

CHẾ-VIẾT-TẤN

Dại hội thứ V của Đảng đã đề ra các mục tiêu kinh tế xã hội trong những năm 80, phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch 5 năm 1981 - 1985 và đề ra yêu cầu phải xây dựng kế hoạch 5 năm 1981 - 1985 và kế hoạch năm 1983 theo hướng đổi mới công tác kế hoạch hóa.

Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội thứ V do đồng chí Tổng bí thư Lê-Đuân trình bày đã nêu rõ: « Từ sản xuất nhỏ tiến lên chủ nghĩa xã hội nhất thiết phải bảo đảm cho các cấp quản lý trung ương, địa phương, cơ sở đều thực sự làm chủ kế hoạch, nghĩa là thực sự xây dựng, cân đối, bảo vệ và thực hiện kế hoạch của mình, nhất thiết phải xây dựng kế hoạch từ cơ sở. Kế hoạch phải thấu suốt nguyên tắc hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa ».

Đổi mới công tác kế hoạch hóa theo tinh thần trên đây là nhằm xây dựng một cơ chế quản lý mới năng động, có hiệu lực điều hành, bảo đảm mang lại hiệu quả tốt cho hoạt động của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa được kế hoạch hóa.

Cơ chế kế hoạch hóa mới thấu suốt nguyên tắc hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa thay thế cơ chế kế hoạch hóa cũ bỏ bỏ quan liêu,

bao cấp ngày càng trở nên kém năng động và ít hiệu lực, là một cơ chế vừa coi trọng nguyên tắc tập trung, vừa coi trọng việc mở rộng dân chủ; vừa coi trọng hệ thống chỉ tiêu pháp lệnh của kế hoạch, vừa coi trọng sử dụng các đòn bẩy kinh tế; vừa phát huy tính chủ động, sáng tạo của địa phương và cơ sở, vừa đòi hỏi cao về kỷ luật, trách nhiệm; vừa không ngừng tăng cường các thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa vừa hướng cho các cơ sở kinh tế cá thể, tư nhân, kinh tế phụ... hoạt động theo đúng quỹ đạo của kế hoạch Nhà nước.

Nội dung kế hoạch 5 năm 1981 - 1985 và kế hoạch năm 1983 sẽ được xây dựng theo tinh thần đổi mới và được tổng hợp từ cơ sở lên theo hệ thống các cân đối của các cấp xây dựng kế hoạch: trung ương, địa phương, cơ sở. Hệ thống các cân đối kế hoạch bao gồm nhiều mặt, nhiều phương pháp, nghiệp vụ cụ thể của khoa học kế hoạch hóa, trong đó phương pháp cân đối tổng hợp là phương pháp cơ bản của công tác kế hoạch hóa. Vì vậy đổi mới kế hoạch hóa là đổi mới nội dung cân đối tổng hợp ở các cấp trung ương, địa phương, cơ sở, theo nguyên tắc tập trung dân chủ, mở rộng quyền chủ động cho cơ sở, địa phương và ngành, đồng thời bảo đảm cho trung ương nắm chắc những khâu cần quản

lý. Hệ thống các cân đối ở các cấp cần gắn bó với nhau trong cơ cấu kinh tế thống nhất của cả nước và phải phục tùng các cân đối của toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

Ở trung ương: kế hoạch kinh tế xã hội của cả nước (kế hoạch Nhà nước) gồm có các cân đối tổng hợp của toàn bộ nền kinh tế quốc dân và cân đối toàn diện của các ngành kinh tế - kỹ thuật của nền kinh tế quốc dân. Kế hoạch Nhà nước tập trung vào các lĩnh vực kinh tế chiến lược, các chỉ tiêu chủ yếu, các công trình và sản phẩm quan trọng, các cân đối lớn về hiện vật và giá trị của nền kinh tế quốc dân. Các ngành kinh tế - kỹ thuật cũng thuộc phạm vi cân đối của kế hoạch trung ương. Những cân đối ngành trên phạm vi cả nước phải bảo đảm đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, tạo điều kiện tăng năng suất lao động, hạ giá thành và nâng cao chất lượng sản phẩm thuộc ngành.

Trong những năm tới, chúng ta chủ trương mở rộng quyền chủ động về kế hoạch hóa cho đơn vị cơ sở, cho ngành và địa phương, song phải bảo đảm sự *quản lý tập trung thích đáng, đúng lúc và đúng mức của trung ương*. Chúng ta cần xóa bỏ cơ chế kế hoạch hóa và quản lý gò bó quan liêu, bao cấp không còn thích hợp, kìm hãm sản xuất, song đồng thời phải khắc phục hiện tượng buông lơi đối với những vấn đề kinh tế có ý nghĩa cả nước và những cân đối lớn phải tập trung vào trung ương quản lý. Việc xây dựng kế hoạch kinh tế xã hội của cả nước đòi hỏi phải giải quyết những vấn đề cấp bách sau đây:

— Đánh giá kết quả điều tra cơ bản đã đạt được lâu nay và tiếp tục đẩy mạnh công tác điều tra cơ bản về tài nguyên thiên nhiên, số dân, lao động, đất đai, v.v., kiểm kê năm vùng tình hình và đánh giá đúng khả năng của

ngành, địa phương, cơ sở và của toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

— Đẩy mạnh các công tác phân vùng, quy hoạch, tạo căn cứ khoa học cho việc xác định phương hướng, chủ trương phân bổ lực lượng sản xuất trong cả nước.

— Xúc tiến việc lập các dự đoán kinh tế - xã hội như: số dân và lao động, nhu cầu tiến bộ khoa học - kỹ thuật, xu hướng phát triển một số ngành kinh tế - kỹ thuật quan trọng nhất.

— Kết hợp kế hoạch kinh tế với kế hoạch khoa học - kỹ thuật, triển khai nghiên cứu các chuyên đề kinh tế, khoa học - kỹ thuật, tổ chức quản lý đã được xác định; nêu rõ các mục tiêu và chỉ tiêu cho kế hoạch 5 năm 1981 - 1985, nhất là cho kế hoạch năm 1983 về: lương thực, thực phẩm, cây công nghiệp, điện, than, dầu khí, xuất khẩu...

— Sử dụng toán và máy tính điện tử vào công tác kế hoạch hóa. Ban hành thống nhất các hệ thống định mức, tiêu chuẩn kinh tế - kỹ thuật về lao động tiền lương, vật tư, suất vốn đầu tư, thời hạn thu hồi vốn đầu tư, hệ thống giá (giá cố định, giá hiện hành, tỷ giá hối đoái, v.v.) làm căn cứ cho việc xây dựng và chỉ đạo thực hiện kế hoạch 5 năm 1981 - 1985 và hằng năm, đồng thời chuẩn bị cho việc xây dựng kế hoạch 5 năm 1986 - 1990.

— Đánh giá đúng tình hình kinh tế, chính trị, xã hội nước ta và tình hình quốc tế sẽ diễn ra trong thời kỳ tới, từ đó xác định chiến lược kinh tế - xã hội dài hạn, trung hạn và xác định bước đi thích hợp với từng chặng đường nhất là chặng đường trước mắt của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Xây dựng các phương án kinh tế, lựa chọn phương án tối ưu làm cơ sở cho việc nghiên cứu các chương trình phát triển kinh tế (10 năm) từ nay đến năm 1990 và dài hạn hơn. Trước mắt cần tập trung sức xây

dựng tốt kế hoạch năm 1983 kết hợp với việc xây dựng kế hoạch 5 năm 1981 - 1985.

— Trong các kế hoạch 5 năm và hàng năm, phải từng bước giải quyết tốt các mối quan hệ lớn của nền kinh tế quốc dân: công nghiệp và nông nghiệp, kinh tế trung ương và kinh tế địa phương, cải tạo và xây dựng, tích lũy và tiêu dùng, kinh tế và quốc phòng, xuất khẩu và nhập khẩu, v.v., xây dựng và hoàn thiện từng bước hệ thống các bảng cân đối tổng hợp: tổng sản phẩm xã hội, thu nhập quốc dân, đầu tư cơ bản, lao động xã hội, ngân sách Nhà nước, thu chi tiền tệ của dân cư, tín dụng tổng hợp, ngoại tệ, thanh toán quốc tế... và hệ thống các bảng cân đối các loại vật tư, hàng hóa chủ yếu. Chuẩn bị điều kiện để xây dựng các bảng cân đối tài chính tổng hợp, cân đối liên ngành dưới dạng giá trị và hiện vật về một số sản phẩm quan trọng nhất của nền kinh tế quốc dân.

Một vấn đề có tính thời sự quan trọng hiện nay là giải quyết mối quan hệ về kế hoạch hóa giữa trung ương, địa phương và ngành. Nghị quyết Đại hội thứ V của Đảng đã chỉ rõ: “Kế hoạch Nhà nước, phải bảo đảm cho trung ương nắm chắc các lĩnh vực kinh tế chiến lược, các quan hệ cân đối lớn, các chỉ tiêu chủ yếu, các công trình và các sản phẩm quan trọng của nền kinh tế quốc dân”. Theo yêu cầu quản lý kinh tế của từng thời kỳ, trung ương tập trung kế hoạch hóa và quản lý những ngành, những cơ sở kinh tế then chốt, những công việc trọng yếu, bảo đảm cho nền kinh tế quốc dân phát triển theo đúng đường lối và chiến lược kinh tế của Đảng, đồng thời mạnh dạn giao trách nhiệm, quyền hạn và bảo đảm lợi ích cho các cơ sở, các địa phương, các ngành chủ động khai thác mọi khả năng phát triển kinh tế, cố gắng tự giải quyết các nhu cầu mà mình có khả

năng cân đối, không ỷ lại, trông chờ vào trung ương.

Trong những năm trước mắt, về sản xuất, những hàng tiêu dùng và những sản phẩm thiết yếu cho sản xuất trong cả nước hoặc của nhiều ngành, nhiều địa phương, và những sản phẩm xuất khẩu chủ lực (không kể do kinh tế trung ương hay kinh tế địa phương sản xuất) đều do trung ương thống nhất quản lý và phân phối (đối với nông sản, hải sản thuộc loại này thì thống nhất quản lý phân do Nhà nước thu mua và điều động). Ngoài các sản phẩm nói trên, các ngành và địa phương được phép sản xuất và tiêu thụ một số mặt hàng khác, theo đúng chính sách và chế độ quản lý của Nhà nước.

Về vật tư, thiết bị, trung ương cần quản lý và kế hoạch hóa chặt chẽ những vật tư, thiết bị có tác dụng lớn đối với nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh chính của nhiều ngành, nhiều địa phương và giữ vị trí quan trọng trong cơ cấu hàng xuất khẩu ở từng thời kỳ kế hoạch. Đối với những loại không thuộc diện trung ương thống nhất quản lý, để đáp ứng nhu cầu của xã hội một cách linh hoạt, thì có thể giao cho các ngành, các địa phương, các liên hiệp xí nghiệp và xí nghiệp phụ trách cân đối và mở rộng quan hệ trao đổi trực tiếp với nhau qua hợp đồng kinh tế, theo các quy định của Nhà nước.

Về lao động tiền lương: Đối với các ngành sản xuất vật chất, Nhà nước giao định mức chi phí tiền lương theo khối lượng sản phẩm kinh doanh (khối lượng sản phẩm càng lớn thì quỹ lương càng nhiều). Đối với khu vực không sản xuất vật chất, Nhà nước định biên mức lương theo tính chất của từng ngành.

Cơ sở, địa phương, ngành được quyền tuyển chọn và sử dụng lao động trên cơ sở quỹ lương Nhà nước

giao theo chế độ hạch toán kinh tế. Như vậy mức thu nhập của người lao động sẽ phụ thuộc vào trình độ tăng năng suất lao động (tiền lương tỷ lệ thuận với năng suất lao động) và mức sử dụng tiết kiệm lao động trong các ngành không sản xuất vật chất.

Về *dầu tư cơ bản*, cần có một chế độ kế hoạch hóa dầu tư chặt chẽ có hiệu lực và tiến hành phân cấp cho các địa phương, các ngành theo hướng nâng cao quyền chủ động và trách nhiệm của các địa phương, các ngành trong việc xác định kế hoạch đầu tư cơ bản, trước hết là bằng vốn tự có và vốn vay ngân hàng, bảo đảm cân đối giữa vốn với vật liệu xây dựng. Trung ương chỉ trợ cấp thêm một phần cho địa phương nào thiếu khả năng, nhất là địa phương ở miền núi hoặc địa phương có những công trình quan trọng cần có sự giúp đỡ của trung ương. Phần vốn do trung ương trợ cấp chỉ chiếm một phần trong vốn đầu tư theo nguyên tắc hoàn vốn, không trợ cấp tràn lan, phân tán, gây lãng phí vốn.

Trong chặng đường trước mắt của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, các ngành kinh tế - kỹ thuật đang trong quá trình hình thành. Việc *kế hoạch hóa theo ngành kinh tế - kỹ thuật* được tiến hành từng bước, với nội dung, *phương pháp* phù hợp với tình hình, đặc điểm từng ngành, với khả năng thực tế về quản lý và kế hoạch hóa.

Đối với những ngành kinh tế - kỹ thuật quan trọng sản xuất những sản phẩm chủ yếu của nền kinh tế (vật tư chiến lược, hàng xuất khẩu chủ lực, hàng tiêu dùng thiết yếu...), *trình độ tích tụ, tập trung cao*, các liên hiệp xí nghiệp hoặc xí nghiệp liên hợp toàn ngành đã hình thành, như: điện, than, gang, thép, cao su, chè... thì nâng cao quyền chủ động của liên hiệp xí nghiệp trong kế hoạch hóa sản xuất kinh doanh, tự chủ về tài chính trong toàn ngành. Trừ một số

bộ, tổng cục quản lý trực tiếp các cơ sở sản xuất kinh doanh, tổ chức và hoạt động của các bộ, tổng cục chuyên ngành cần chuyển hẳn sang quản lý hành chính - kinh tế.

Đối với những ngành kinh tế - kỹ thuật có *phần do trung ương trực tiếp quản lý*, thì bộ, tổng cục có nhiệm vụ kế hoạch hóa toàn diện như: quy hoạch phát triển ngành; phương hướng khoa học kỹ thuật; cung ứng vật tư, thiết bị chuyên dùng của ngành; đào tạo cán bộ, công nhân... Phần hoạt động của ngành do địa phương trực tiếp quản lý thì chính quyền địa phương chịu trách nhiệm chính về kế hoạch hóa.

Ở *địa phương* (tỉnh, thành phố, huyện...): kế hoạch của địa phương được cân đối toàn diện trên phạm vi lãnh thổ (gồm có cân đối tổng hợp và cân đối ngành trên lãnh thổ). Hiện nay, việc cân đối toàn diện trên phạm vi lãnh thổ mới được thực hiện theo lãnh thổ hành chính của các tỉnh, thành phố và đặc khu trực thuộc trung ương, bao gồm cân đối của các ty, sở, cân đối của huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, trong đó có cân đối của các ban, ngành...

Kế hoạch theo *vùng lãnh thổ* của tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc trung ương bao gồm phần kế hoạch do *địa phương trực tiếp quản lý* và phần kế hoạch của các đơn vị do *trung ương trực tiếp quản lý* đặt trên lãnh thổ. Hai phần kế hoạch này có liên quan chặt chẽ với nhau. Kế hoạch theo vùng lãnh thổ có nhiệm vụ điều hòa, phối hợp mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của các ngành trên từng vùng lãnh thổ và bảo đảm sự giúp đỡ lẫn nhau giữa kinh tế trung ương và kinh tế địa phương, khai thác tốt mọi khả năng về sức lao động, đất đai, tài nguyên, các ngành nghề, kinh nghiệm và truyền thống sản xuất... trên lãnh thổ.

Phân kế hoạch địa phương do tỉnh, thành phố trực tiếp quản lý bao gồm nội dung toàn diện về phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, củng cố quốc phòng và cải thiện đời sống của nhân dân. Tăng cường quyền chủ động của địa phương bằng cách bảo đảm cho địa phương thật sự làm chủ kế hoạch, đẩy mạnh chuyên môn hóa và hiệp tác sản xuất nhằm khai thác đến mức cao nhất mọi tiềm lực của địa phương, mở rộng quan hệ trao đổi với các ngành, các địa phương khác và thông qua xuất khẩu để tự cân đối các nhu cầu sản xuất và đời sống của địa phương, và phục vụ trực tiếp các cơ sở kinh tế trung ương tại địa phương. Địa phương có nghĩa vụ và trách nhiệm thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch pháp lệnh được giao, đặc biệt là các chỉ tiêu: tuyển quân, điều lao động, thu mua, giao nộp sản phẩm, xuất khẩu, thu nộp thuế và các khoản thu khác cho trung ương. Trên cơ sở hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch pháp lệnh, địa phương có quyền bố trí kế hoạch toàn diện của mình.

Đảng ta đã xác định huyện là một cấp kế hoạch toàn diện về phát triển kinh tế - xã hội và củng cố quốc phòng. Việc xây dựng kinh tế huyện cần phải gắn với việc củng cố hợp tác xã, và tiến hành theo những mô hình thích hợp với từng loại huyện, nhưng về đại thể là phát triển mạnh ngành sản xuất chính là nông nghiệp (kể cả lâm nghiệp, ngư nghiệp), tích cực mở mang tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, đặc biệt là các nghề phục vụ nông nghiệp, và xây dựng các cơ sở vật chất kỹ thuật khác phục vụ cho nhu cầu phát triển kinh tế trên địa bàn huyện: khuyến khích phát triển kinh tế gia đình, cải tạo và sử dụng đúng đắn các thành phần kinh tế khác.

Kế hoạch huyện và quận là bộ phận hợp thành trong kế hoạch toàn diện của tỉnh, thành phố, theo phương hướng, nhiệm vụ, quy hoạch và kế

hoạch của tỉnh, thành phố. Cần khắc phục khuynh hướng xây dựng kế hoạch huyện và quận theo lối khép kín, không gắn với quy hoạch, kế hoạch của tỉnh, thành phố.

Kế hoạch huyện phải tập trung vào việc tổ chức lại sản xuất, phân công lại lao động xã hội, đồng thời chú ý giải quyết việc làm cho mọi người có sức lao động ngay trong phương hướng sản xuất như chọn cây trồng, vật nuôi nhằm đạt hiệu quả kinh tế cao và tăng thu nhập cho nhân dân. Qua việc phân công lại lao động xã hội, phân bổ lại lao động dân cư, tổ chức lại sản xuất trong từng đơn vị kinh tế mà tổ chức các quan hệ kinh tế giữa các đơn vị kinh tế (các hợp tác xã nông nghiệp, hợp tác xã tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp, các trạm, trại, cửa hàng vật tư, thương nghiệp, v.v.), công tác kế hoạch hóa của huyện đòi hỏi phải vận dụng rộng rãi và linh hoạt các hình thức kế hoạch hóa gián tiếp: các quan hệ hàng hóa - tiền tệ (quan hệ thị trường, sử dụng thị trường trong kế hoạch), các chính sách đòn bẩy kinh tế để tác động vào các đối tượng kế hoạch hóa.

Khi xây dựng kế hoạch của huyện phải dựa vào tình hình lao động, đất đai, tính đến khả năng mở mang ngành, nghề, phân đấu tự giải quyết các nhu cầu có thể cân đối tại chỗ, trước hết là lương thực, thực phẩm, phát triển dầu lửa, cây có sợi, v.v. đề từng bước giải quyết vấn đề mặc, bảo đảm khối lượng hàng hóa giao nộp cho tỉnh và trung ương bằng hoặc lớn hơn khối lượng hàng hóa mà huyện nhận được từ tỉnh và từ trung ương về.

Kế hoạch huyện, quận phải tổng hợp kế hoạch của các xã, phường, huyện, quận phải giúp các xã, phường xây dựng kế hoạch. Ở các xã đã cân bản hoàn thành hợp tác hóa nông nghiệp, nội dung của kế hoạch kinh

tế sẽ do các hợp tác xã xây dựng và cấp xã sẽ tổng hợp kế hoạch kinh tế của hợp tác xã cùng với các mục kế hoạch khác như văn hóa, giáo dục, y tế, xã hội và cân đối trên địa bàn xã. Ở các xã mà phần lớn còn là kinh tế cá thể hoặc các tập đoàn sản xuất, tổ hợp tác sản xuất còn ở bậc thấp, cấp xã phải phụ trách xây dựng và cân đối kế hoạch kinh tế — xã hội toàn xã.

Ở đơn vị cơ sở: xí nghiệp, hợp tác xã, v.v., nơi trực tiếp thực hiện kế hoạch Nhà nước, có vị trí cực kỳ quan trọng. Đối với các cơ sở thuộc khu vực kinh tế quốc doanh, phải gần việc khắc phục bệnh bao cấp, tập trung quan liêu trong công tác kế hoạch hóa, với việc mở rộng quyền chủ động của cơ sở theo *dùng lương, phù hợp với điều kiện kinh tế, với trình độ quản lý chung của cả nước.*

Kế hoạch cơ sở phải thể hiện sự sáng tạo, tự chịu trách nhiệm, chủ động trong sản xuất, kinh doanh trên nguyên tắc tự chủ về tài chính và tôn trọng các chính sách, chế độ quản lý của Nhà nước, bảo đảm thực hiện tốt các chỉ tiêu của kế hoạch Nhà nước, bù đắp được chi phí sản xuất và có lãi, đóng góp ngày càng nhiều cho cả nước, tăng cường phúc lợi tập thể và khuyến khích bằng lợi ích vật chất đúng mức đối với người lao động.

Trên cơ sở bảo đảm những nhiệm vụ do cấp trên giao, đơn vị cơ sở có quyền quyết định nội dung kế hoạch toàn diện của xí nghiệp, các hình thức, biện pháp cụ thể thực hiện kế hoạch theo đúng các chế độ, thể lệ và pháp luật Nhà nước.

Mở rộng quyền phải đi đôi với tăng cường kỷ luật và trách nhiệm: xí nghiệp phải bảo đảm nghĩa vụ thực hiện đầy đủ các chỉ tiêu pháp lệnh do cấp trên giao, đặc biệt là giao nộp sản phẩm và các khoản tiền phải nộp theo kế hoạch và chế độ tài chính của Nhà

nước. Tiêu chuẩn để đánh giá sự đúng đắn và hợp lý của việc mở rộng quyền cho xí nghiệp là mức độ bảo đảm sự thông nhất giữa ba lợi ích kinh tế (của toàn xã hội, của tập thể đơn vị và của cá nhân người lao động) trên cơ sở tăng năng suất lao động, tiết kiệm và sản xuất, kinh doanh đạt hiệu quả kinh tế cao.

Gắn với việc sắp xếp lại các cơ sở sản xuất, bố trí lại cơ cấu kinh tế, cần đổi mới công tác kế hoạch hóa ở cơ sở, tổng hợp và xây dựng kế hoạch từ cơ sở lên. Kế hoạch pháp lệnh mà cấp trên giao cho xí nghiệp phải là kế hoạch do xí nghiệp xây dựng trên cơ sở cân đối các điều kiện thực hiện, trong đó có phần vật tư được Nhà nước cung ứng và vật tư do xí nghiệp tự chạy thêm. Nếu cấp trên giao chỉ tiêu pháp lệnh cao hơn mức xí nghiệp tự xây dựng thì phải có biện pháp bảo đảm cân đối cho xí nghiệp. Ngoài những sản phẩm được Nhà nước giao theo kế hoạch pháp lệnh, cần có các chế độ khuyến khích xí nghiệp tận dụng phế liệu, thiết bị, lao động để làm thêm sản phẩm phụ, làm công việc dịch vụ, gia công... đáp ứng nhu cầu của toàn xã hội, song cần tránh những hiện tượng như bớt xén nguyên liệu từ sản phẩm chính để làm sản phẩm phụ hoặc một số nhà máy giữ lại cho sản phẩm phụ của mình những phế liệu lâu nay là nguyên liệu chính của cơ sở sản xuất khác, v.v.

Đối với khu vực kinh tế tập thể, công tác kế hoạch hóa được thực hiện chủ yếu bằng phương thức gián tiếp. Tác dụng của kế hoạch hóa đối với các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp thể hiện ở tất cả các mặt: phân vùng, quy hoạch, xác định phương hướng sản xuất, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật; cung ứng vật tư kỹ thuật và hàng tiêu dùng thiết yếu. Trong tình hình hiện nay Nhà nước chỉ nên giao một chỉ tiêu kế hoạch pháp lệnh là sản phẩm nộp, bán cho Nhà nước, chỉ

tiêu này ổn định trong 5 năm cả về danh mục sản phẩm và về mức nộp, bán. Đồng thời, Nhà nước cũng xác định mức cung cấp ổn định vật tư và các dịch vụ sản xuất (làm đất bằng máy, thủy nông...) cho hợp tác xã, cân bằng quan hệ hai chiều giữa phần Nhà nước cung ứng cho hợp tác xã và phần hợp tác xã bán sản phẩm cho Nhà nước (tính theo giá trị). Trên cơ sở đó, hợp tác xã có quyền bố trí kế hoạch toàn diện của đơn vị, xác định cơ cấu sản xuất có lợi nhất, chủ động tổ chức sản xuất và tổ chức việc phân phối trong nội bộ hợp tác xã.

Đối với các hợp tác xã *liều công nghiệp, thủ công nghiệp* (gồm cả nghề làm muối; đánh bắt, chế biến thủy sản; khai thác chế biến gỗ và lâm sản), chế độ kế hoạch hóa được thực hiện thông qua công tác quy hoạch ngành, nghề, cung ứng nguyên liệu, vật liệu, máy móc thiết bị; tổ chức các quan hệ kinh tế với các hình thức nhóm sản phẩm, «vệ tinh»...; áp dụng các biện pháp về thuế, giá cả, hợp đồng kinh tế, cho vay vốn... và bằng cách đối đãi bình đẳng, hướng dẫn các hợp tác xã kinh doanh theo phương hướng, mục tiêu kế hoạch Nhà nước. Cần thu hẹp, tiến tới xóa bỏ cách gia công theo lối hành chính hiện nay, mở rộng hình thức hợp đồng bán nguyên liệu, thu mua sản phẩm. Áp dụng phương thức *đầu thầu* một cách thích hợp để khuyến khích thợ thủ công mạnh dạn sáng tạo, thiết kế sản phẩm mới, làm cho mặt hàng thêm phong phú.

Kinh tế gia đình và kinh tế cá thể còn tồn tại lâu dài. Hoạt động trong những thành phần kinh tế này, là những thợ thủ công cá thể ở thành phố, những nông dân cá thể ở một số vùng chưa hoàn thành hợp tác hóa, những người làm dịch vụ và những người buôn bán nhỏ đã được sắp xếp lại một cách hợp lý vì họ còn cần

thiết cho lưu thông hàng hóa. Chế độ kế hoạch hóa phải có tác dụng quản lý và hướng dẫn kinh tế cá thể và kinh tế gia đình phát triển đúng hướng, vừa bảo đảm đời sống của họ, vừa đáp ứng một phần nhu cầu nhiều về của xã hội.

Đối với kinh tế tư nhân, Nhà nước áp dụng phương thức kế hoạch hóa gián tiếp, sử dụng các chính sách, các đòn bẩy kinh tế là chủ yếu kết hợp với các biện pháp hành chính (luật, thuế, đăng ký, v.v.). Nhà nước đề cho họ tiến hành sản xuất, thông qua các hợp đồng với Nhà nước, góp phần tạo thêm của cải cho xã hội, bảo đảm lợi ích chính đáng của họ, nhưng đồng thời phải chặn đứng những hành vi bất xén nguyên liệu của Nhà nước, không giao nộp đầy đủ sản phẩm theo hợp đồng, đầu cơ, tích trữ... vi phạm pháp luật và các chính sách quản lý.

Đề bảo đảm thực hiện tốt các mục tiêu và chỉ tiêu kế hoạch ở các cấp (trung ương, địa phương, cơ sở...), cần bổ sung vào hệ thống các loại hình kế hoạch của nền kinh tế kế hoạch hóa các *loại kế hoạch tác vụ*. Xây dựng các loại kế hoạch tác vụ, (dùng để điều hành các công việc) trước hết là để tổ chức thực hiện những chỉ tiêu quan trọng của kế hoạch Nhà nước hoặc xây dựng các vùng kinh tế quan trọng. Kế hoạch tác vụ do cấp chỉ đạo thực hiện xét duyệt và bổ sung điều chỉnh cho sát với tình hình thực tế.



Đổi mới công tác kế hoạch hóa ở các cấp (trung ương, địa phương, cơ sở) theo đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, bảo đảm yêu cầu *quản lý kinh doanh, hạch toán xã hội chủ nghĩa, lấy kế hoạch làm trung tâm* sẽ mở ra triển vọng năng cao chất lượng, tinh hiệu lực, tinh kỷ luật của các kế hoạch, bảo đảm các loại cân đối: cân

đối tổng hợp cả nước, cân đối ngành, cân đối địa phương và cân đối ở cơ sở đều được tính toán chặt chẽ. Kế hoạch ở trung ương, địa phương và cơ sở được đổi mới và được xây dựng tích cực và vững chắc, nhất định sẽ góp phần tích cực vào việc xây dựng

cơ chế quản lý kinh tế mới, thực hiện đúng các phương hướng kinh tế mà Đại hội V của Đảng đã đề ra cho kế hoạch 5 năm 1981 - 1985, từng bước tạo ra sự chuyển biến mới, đưa nền kinh tế nước ta đi dần vào ổn định và tiến lên trong những năm tới.

Quán triệt đường lối kinh tế của Đảng...

(Tiếp theo trang 22)

bảo quản tài sản xã hội chủ nghĩa, sắp xếp lại hợp lý tổ chức sản xuất của từng ngành, từng địa phương và cơ sở để phát huy tối đa hiệu quả kinh tế cũng là một cách duy trì và phát triển nguồn vốn. Có nhiều ngành, cơ quan chỉ cần sắp xếp lại hợp lý tổ chức lao động là có thể tăng gấp đôi năng suất lao động.

Trong xây dựng cơ bản và sản xuất, phải trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật tiến bộ mà thực hành tiết kiệm từng giờ lao động, từng gam nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sử dụng hợp lý từng thiết bị, máy móc, tận dụng phế liệu phế phẩm. Trong tiêu dùng, không tiêu xài lung tung, phải sống dựa trên kết quả sản xuất của đất nước và lao động của bản thân, biết dành hàng tốt để xuất khẩu.

Để tạo ra nguồn vốn, trước hết phải biết giữ gìn, bảo quản tốt những cái đã có, bao gồm cả cơ sở vật chất, kỹ thuật và tiềm năng, chống lãng phí, ăn cắp, tránh rơi vãi, hao hụt, giam phàm chất. Kịp thời kiểm tra và bao quản, sử dụng tốt tài sản của Nhà nước. Điều tiết bằng, được thu nhập của những người làm ăn không chính đáng đang nắm giữ nhiều tiền của và xóa bỏ các hình thức bóc lột đang tồn tại, biến vốn của họ (gồm cả tài sản cố định và vốn lưu động)

thành vốn của xã hội hoặc do xã hội điều tiết.

5 - Nguồn vốn to lớn ở địa phương còn là nguồn vốn bằng tiền của nhân dân. Nguồn vốn này, chúng ta có thể huy động bằng nhiều hình thức thích hợp, có chính sách khuyến khích thỏa đáng. Cần phát động cho được phong trào cách mạng của quần chúng tham gia xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.



Tóm lại, xây dựng kinh tế trung ương, đồng thời phát triển mạnh kinh tế địa phương bằng xây dựng cơ cấu kinh tế, cơ chế quản lý thích hợp sẽ tạo ra được sức mạnh tổng hợp, giúp chúng ta khắc phục khó khăn, đưa nền kinh tế tiến lên mạnh mẽ.

Vấn đề trước mắt là *kiến toàn bộ máy, sắp xếp cán bộ*, làm cho sự chỉ đạo thật sự có hiệu lực. Khó khăn còn nhiều, nhưng với đường lối chung và đường lối kinh tế đúng đắn của Đảng, với những kinh nghiệm mới, nhân tố mới, với tinh thần tự lực tự cường, với quyết tâm và tin tưởng mới, nhất định chúng ta sẽ tạo được sức mạnh tổng hợp thực hiện tốt những nhiệm vụ, mục tiêu mà Đại hội thứ V của Đảng đã đề ra.

Củng cố và phát triển hạch toán kinh tế, xây dựng quyền tự chủ tài chính của xí nghiệp

VÕ - TRÍ - CAO

TRẢI qua nhiều năm chiến tranh, ngân sách Nhà nước ta về cơ bản thực hiện được nguyên tắc thu đủ chi. Trong khi có chiến tranh, các xí nghiệp và tổ chức sản xuất, kinh doanh bắt buộc phải sử dụng quyền tự chủ tài chính có hạn dưới các hình thức và phương pháp quản lý tài chính của Nhà nước mang tính chất thu đủ chi đủ.

Sau khi hòa bình được lập lại trong cả nước, có tình hình: ngân sách Nhà nước thu không đủ chi; kỷ luật tài chính không được chấp hành nghiêm chỉnh; các nhu cầu chi không tính được hiệu quả kinh tế; bắt buộc phải chi trong khi chưa biết tìm đâu ra nguồn thu; xí nghiệp, cơ sở, cấp dưới ý lại cấp trên, đòi hỏi cấp trên cấp vốn, tự mình ít chăm lo làm nghĩa vụ nộp tích lũy tiền tệ cho Nhà nước và phát triển vốn; tài sản xã hội chủ nghĩa và sức lao động không được bảo toàn và sử dụng hết năng lực và có hiệu quả. Các hình thức và phương pháp tài chính thu đủ chi đủ chuyển thành bao cấp tràn lan. Tính chất bao cấp bắt đầu từ những quyết định chi ngân sách Nhà nước không tính đến hiệu quả tối thiểu phải đạt được và không tính đến nguồn vốn cần thiết có thể có đủ trang trải, không nhằm thực hiện một mục tiêu chính sách kinh tế xã hội nào của Đảng và không

bảo đảm thực hiện chính sách tài chính thống nhất.

Tính chất bao cấp ấy đã được Đảng và Nhà nước phát hiện, phê phán và bắt buộc phải hủy bỏ. Chúng ta không có cách nào tốt hơn để hủy bỏ nó bằng *củng cố và phát triển hạch toán kinh tế, phát huy quyền tự chủ tài chính của xí nghiệp và tổ chức kinh tế*, dưới sự lãnh đạo tập trung thống nhất của Đảng và Nhà nước, trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội.



Hạch toán kinh tế là một nguyên tắc đồng thời là một phương pháp quản lý kinh tế xã hội chủ nghĩa, trong đó sự lãnh đạo tập trung thống nhất thông qua kế hoạch Nhà nước được kết hợp chặt chẽ với việc phát huy tính chủ động sáng tạo của quần chúng trên cơ sở vận dụng các quy luật kinh tế và các đòn bẩy kinh tế, trước hết là quy luật giá trị và các quan hệ hàng hóa—tiền tệ. Các xí nghiệp và các tổ chức hạch toán kinh tế, trên cơ sở kế hoạch Nhà nước giao, được chủ động tổ chức mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của mình, nhằm khai thác triệt để và có hiệu quả mọi khả năng về lao

động, vật tư, tiền vốn.... đạt và vượt kế hoạch Nhà nước giao với chi phí ít nhất, bảo đảm sản xuất kinh doanh có doanh lợi ngày càng cao, đáp ứng đúng đắn cả ba lợi ích: của Nhà nước, của tập thể xí nghiệp và của cá nhân người lao động.

Nội dung hạch toán kinh tế bao gồm những biện pháp giao vốn, giao nhiệm vụ và quyền hạn, kích thích về kinh tế, khuyến khích mọi người quan tâm đến kết quả cuối cùng của sản xuất kinh doanh, đồng thời chịu trách nhiệm đến cùng về những việc làm phi kinh tế, gây thiệt hại cho sản xuất, kinh doanh.

Việc thực hiện hạch toán kinh tế với nội dung trên đây, đòi hỏi phải có những điều kiện nhất định:

1 - Phải có tổ chức sản xuất thích ứng với trình độ phát triển sản xuất; xí nghiệp phải có phưng hướng, nhiệm vụ sản xuất rõ ràng, xác lập và từng bước ổn định vững chắc các quan hệ về cung ứng vật tư, tiêu thụ sản phẩm, tiến hành mua và bán, thanh toán và vay trả... bảo đảm hoạt động sản xuất được điều hòa.

2 - Xí nghiệp phải chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật Nhà nước, thể hiện trước hết ở nhiệm vụ sản xuất và các chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước giao cho xí nghiệp, mặt khác, xí nghiệp được giao những quyền hạn cần thiết để phát huy tính chủ động sáng tạo và tính độc lập kinh doanh của mình.

3 - Giá cả phải bảo đảm cho xí nghiệp trong điều kiện hoạt động bình thường có thể bù đắp đủ chi phí và có lãi, tiền tệ phải ổn định đủ bảo đảm cho thước đo giá trị hàng hóa và có hiệu lực thiết thực đối với các hoạt động kinh tế của xí nghiệp.

Hạch toán kinh tế có quá trình hình thành và phát triển phù hợp với tình hình kinh tế của đất nước, với cơ chế quản lý của Nhà nước đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của xí

niệp và với khả năng làm chủ của bản thân xí nghiệp. Mặc dù vậy, trong mọi giai đoạn hình thành và phát triển, hạch toán kinh tế phải bảo đảm được 4 nguyên tắc cơ bản sau đây:

- Bảo đảm tính độc lập tương đối của xí nghiệp trong sản xuất kinh doanh;

- Xí nghiệp tự trang trải chi phí và kinh doanh có lãi;

- Xí nghiệp được khuyến khích về vật chất và chịu trách nhiệm vật chất đối với kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của mình;

- Thực hiện kiểm tra bằng đồng tiền đối với mọi hoạt động sản xuất kinh doanh.

Trải qua chiến tranh và giải quyết hậu quả của chiến tranh, đặc biệt từ sau khi đất nước được hoàn toàn giải phóng, cơ những thay đổi về kinh tế, xã hội, nhưng sự chuyển biến thiếu kịp thời trước những thay đổi đó của hệ thống quản lý kinh tế đã làm cho hạch toán kinh tế ngày càng giảm hiệu lực. Tổ chức sản xuất không ổn định, nhiều cơ sở sản xuất không được bảo đảm các điều kiện vật chất để hoạt động và phát triển; vật tư, năng lượng thiếu gây mất cân đối nghiêm trọng trong sản xuất và tiêu dùng. Tổ chức quản lý thường xuyên thay đổi, lúc tập trung, lúc phân tán. Hệ thống giá cả ngày càng thoát ly xa giá trị, giá cả thị trường «tự do» biến động lớn tác động mạnh đến tiền lương, tiền thưởng. Tiền tệ không ổn định và không còn là thước đo giá trị chính xác. Các phạm trù giá trị được Nhà nước sử dụng như vốn, lãi, thu nộp, tiền lương, tiền thưởng giảm dần hiệu lực kích thích. Nhiều chính sách, chế độ kinh tế tài chính trong cơ chế quản lý tồn tại từ những năm trước và trong chiến tranh không được kịp thời sửa đổi cho phù hợp với tình hình kinh tế đã có nhiều thay đổi, tác động tiêu cực đến sản xuất; lợi ích của tập thể xí nghiệp và của bản thân

người lao động bị vi phạm, lợi ích chung của nền kinh tế quốc dân không được bảo đảm. Tóm lại, những tiền đề và điều kiện cần thiết của hạch toán kinh tế không được bảo đảm, các nguyên tắc cơ bản của hạch toán kinh tế không được tôn trọng, hiệu quả kinh tế xã hội bị giảm sút nghiêm trọng. Giá trị tổng sản lượng trên 1đ vốn sản xuất trong hầu hết các ngành công nghiệp quốc doanh đều giảm. Tình hình đó đã dẫn đến hậu quả là các xí nghiệp thực hiện hạch toán kinh tế không tự mình trang trải nổi các khoản chi phí và làm nghĩa vụ nộp tích lũy cho ngân sách Nhà nước, ngược lại, ngân sách Nhà nước đã phải cấp phát quá nhiều cho các xí nghiệp.

Trong những năm tới, Nhà nước phải tạo ra được các tiền đề và điều kiện cần thiết cho các xí nghiệp thực hiện hạch toán kinh tế:

1 — *Ổn định phương hướng sản xuất của xí nghiệp.* Nhà nước giúp cho từng xí nghiệp có *nhiệm vụ sản xuất rõ ràng, một hàng ổn định*, có các *phương tiện vật chất* (vốn cố định, vốn lưu động, công nhân kỹ thuật, cán bộ nghiệp vụ, kỹ thuật...) *đồng bộ và cân đối* với nhiệm vụ được giao. Xí nghiệp chủ động thực hiện kế hoạch hóa sản xuất kinh doanh của mình theo hướng dẫn mới công tác kế hoạch hóa của Nhà nước.

2 — Trên cơ sở những kết quả đạt được về lĩnh vực *cải tiến hệ thống giá cả nhất là giá bán buôn xí nghiệp và chế độ tiền lương*, từng bước tiến tới ổn định tiền tệ, tạo ra thước đo chính xác và tin cậy cho các xí nghiệp tính toán vốn, chi phí, giá thành, kết quả tài chính và phân phối thu nhập, bảo đảm cho xí nghiệp tự trang trải được mọi chi phí và kinh doanh có lãi.

3 — *Cải tiến và hoàn thiện hệ thống các tiêu chuẩn định mức kinh tế — kỹ thuật* cấp Nhà nước, cấp ngành và

cấp xí nghiệp, đặc biệt quan trọng là các định mức tiêu dùng và dự trữ vật tư, định mức lao động, các tiêu chuẩn kỹ thuật và chất lượng sản phẩm. Phần đầu sau khoảng 5 năm nền kinh tế quốc dân của ta có được một hệ thống các tiêu chuẩn định mức kinh tế — kỹ thuật tương đối hoàn chỉnh, phù hợp với trình độ sản xuất và quản lý, là thước đo xã hội hợp lý đối với mọi hao phí về lao động sống và lao động vật hóa trong điều kiện sản xuất kinh doanh của nước ta.

4 — *Soát xét và cải tiến một số chính sách, chế độ quản lý* (chủ yếu là về lao động, vật tư, tài chính, tín dụng, hợp đồng kinh tế, khoa học kỹ thuật...) tạo điều kiện đầy đủ cho các xí nghiệp thực hiện *quyền chủ động* trong sản xuất kinh doanh và *tự chủ tài chính*, đồng thời bảo đảm được sự lãnh đạo tập trung thống nhất và pháp luật Nhà nước. Các chính sách, chế độ quản lý phải được cải tiến sao cho trên cơ sở bảo đảm sự *thống nhất giữa ba lợi ích* (lợi ích của Nhà nước, lợi ích của tập thể và lợi ích của cá nhân người lao động), mà *khuyến khích*, thúc đẩy mọi người *quan tâm đầy đủ và chịu trách nhiệm đến cùng* về kết quả và hiệu quả sản xuất kinh doanh của xí nghiệp.

5 — *Củng cố và tăng cường kỷ luật kế toán Nhà nước*, thực hiện việc *kiểm tra, kiểm soát thường xuyên* và có hệ thống hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình chấp hành luật pháp kinh tế tài chính Nhà nước của các xí nghiệp. Kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm minh mọi hành động tham ô, lãng phí, xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa và vi phạm pháp luật.

6 — *Thực hiện chế độ thủ trưởng* đi đôi với *phát huy quyền làm chủ tập thể* của công nhân viên chức. Nhà nước trao cho giám đốc xí nghiệp đầy đủ quyền hạn để chủ động san

xuất kinh doanh, trách nhiệm tương xứng với quyền hạn; đồng thời tạo ra những điều kiện thuận lợi để công nhân, viên chức chủ động hoàn thành nhiệm vụ được giao và tham gia thiết thực vào việc quản lý xí nghiệp từ khâu xây dựng kế hoạch, thực hiện kế hoạch, đến khâu phân phối thu nhập.

Song song với việc tạo ra những tiền đề và điều kiện cơ bản cần thiết cho các xí nghiệp thực hiện hạch toán kinh tế, Nhà nước cần tiến hành một số biện pháp trước mắt: kiểm kê và đánh giá lại năng lực sản xuất của các xí nghiệp; soát xét và điều chỉnh hệ thống các định mức kinh tế - kỹ thuật của các xí nghiệp cho phù hợp với điều kiện sản xuất hiện nay; cải tiến một số chính sách, chế độ tài chính, nhằm bảo đảm quyền chủ động kinh doanh và tự chủ tài chính của các xí nghiệp; mở rộng việc áp dụng các hình thức lương khoán và lương sản phẩm; chấn chỉnh công tác kế toán thống kê và thông tin kinh tế; mở rộng quyền hạn và nâng cao trách nhiệm của giám đốc xí nghiệp; từng bước phát triển và hoàn thiện hạch toán kinh tế nội bộ xí nghiệp.v.v.



Thực hiện hạch toán kinh tế chính là thực hiện chế độ tự chủ về tài chính của các đơn vị sản xuất kinh doanh; nó gắn liền chế độ kế hoạch hóa với chế độ kiểm tra hiệu quả và trách nhiệm thực hiện kế hoạch Nhà nước, khuyến khích sự sáng tạo của cơ sở.

Năm 1977, Hội đồng Chính phủ đã ban hành điều lệ xí nghiệp quốc doanh mẫu áp dụng trước trong công nghiệp. Điều lệ ghi nhận quá trình nghiên cứu cải tiến quản lý xí nghiệp quốc doanh trong kinh tế quốc dân, thúc đẩy sức sáng tạo, phát huy

sáng kiến ở cơ sở, mở rộng quyền chủ động của xí nghiệp trong sản xuất kinh doanh, xác định quyền làm chủ các nguồn vốn về tài chính của xí nghiệp để phát triển kinh tế, tăng khả năng đóng góp tích cực của xí nghiệp cho Nhà nước, củng cố và mở rộng hạch toán kinh tế.

Các nguyên tắc hạch toán kinh tế đã được Hội đồng chính phủ xác định là xí nghiệp có quyền tự chủ về kinh tế tài chính, về tư cách pháp nhân, tự trang trải bằng nguồn thu nhập của mình và có lãi, chịu trách nhiệm vật chất và được khuyến khích bằng lợi ích vật chất, thực hiện kiểm tra bằng đồng tiền đối với mọi hoạt động của xí nghiệp. Thời kỳ mà xí nghiệp đã tự giác thực hiện một cách có kết quả các nguyên tắc này trong việc xây dựng các quan hệ kinh tế bảo đảm thực hiện nhiệm vụ kế hoạch Nhà nước, trong việc hình thành, giữ gìn và phát triển các nguồn vốn tự có, trả lương, trả thưởng cho lao động cần cù vào kết quả kinh tế quốc dân cuối cùng, trong việc nâng cao ý nghĩa kinh tế của việc kiểm tra bằng đồng tiền, củng cố và phát triển hạch toán kinh tế theo hướng thực hiện hạch toán kinh tế đầy đủ, cũng là thời kỳ xí nghiệp đã trưởng thành trong việc tự chủ về tài chính.

Đề có những tiền đề và điều kiện cần thiết cho các xí nghiệp thực hiện hạch toán kinh tế, xây dựng quyền tự chủ tài chính, Nhà nước phải tạo cho bằng được những *chuyển biến cơ bản và toàn diện trên các lĩnh vực*: tổ chức lại sản xuất, đổi mới kế hoạch hóa và các chính sách đòn bẩy, cải tiến tổ chức quản lý và cán bộ.

Về đổi mới kế hoạch hóa, trước đây không lâu đã có xu hướng cho rằng cần thiết phải hạn chế phạm vi kế hoạch hóa của Nhà nước trung ương, mở rộng khả năng và phạm

vì kế hoạch hóa của địa phương và của cơ sở, làm cho nhiệm vụ kế hoạch Nhà nước mang tính linh hoạt hơn. Tuy nhiên, khi vị trí và vai trò của các chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước bị giảm sút, thì đồng thời cũng xuất hiện những sự xâm lấn lợi ích kinh tế quốc dân và tính chất bắt buộc của các nhiệm vụ kế hoạch Nhà nước cũng không còn vững chắc như trước, trách nhiệm của nhiều người đối với sự phát triển kinh tế quốc dân trong khi giải quyết quan hệ giữa ba lợi ích (xã hội, tập thể, cá nhân) bị giảm sút.

Sự buông lỏng kế hoạch hóa thực tế đã dẫn đến tình hình là trong khi vốn đầu tư của Nhà nước chưa tập trung đủ để hoàn thành các công trình trọng điểm, công suất của những nhà máy sản xuất của Nhà nước còn chưa được tận dụng, thì một số nhà máy cũng loại được địa phương hoặc ngành đầu tư và cấp đủ vốn để hoàn thành xây dựng mới. Trong khi có nhiều cơ sở của Nhà nước chưa được cung cấp đủ vật tư và năng lượng để thực hiện nhiệm vụ kế hoạch Nhà nước, thì có một khối lượng vật tư năng lượng không nhỏ của Nhà nước ở nơi này nơi khác, được gọi là ứ đọng, dôi thừa, không hợp quy cách phẩm chất, là vật tư năng lượng tự tạo, dễ được huy động, sử dụng ngoài kế hoạch Nhà nước và kết quả sử dụng được phân phối theo quy định riêng của đơn vị cơ sở. Trong khi Nhà nước chưa tập trung đủ hàng và tiền bảo đảm cung cấp cho cán bộ, công nhân, viên chức theo định lượng, thì một bộ phận cán bộ, công nhân, viên chức ở một số ngành và địa phương được phân phối thu nhập gấp nhiều lần mức quy định phân phối thống nhất của Nhà nước.

Thực tế trên đây đã làm cho nhiều bộ và địa phương tự nhận thấy trách nhiệm phải cùng nhau góp phần xây dựng đúng đắn nhất các nhiệm vụ kế hoạch Nhà nước, phải cùng nhau tính

toán đầy đủ nhất nhu cầu và khả năng phát triển sản xuất của ngành và địa phương trong từng giai đoạn tái sản xuất, căn cứ vào nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội và củng cố quốc phòng của Đảng. Trên cơ sở đó, cơ quan quản lý Nhà nước mới có điều kiện giao nhiệm vụ kế hoạch Nhà nước cho các xí nghiệp và tổ chức trực thuộc với đầy đủ các căn cứ chính xác, với tính pháp lệnh nghiêm ngặt. Có như thế, Nhà nước mới huy động được các xí nghiệp và tổ chức kinh tế phát huy ý thức làm chủ tập thể, dồn mọi sự cố gắng của mình trước hết vào việc thực hiện một cách sáng tạo với hiệu quả cao các nhiệm vụ kế hoạch Nhà nước đã được cấp trên giao, bảo đảm thực hiện đúng chính sách phát triển sản xuất, đóng góp tích cực vào việc tạo ra các quan hệ cân đối trong nền kinh tế quốc dân, bảo đảm khả năng thực tế để thỏa mãn từng bước những nhu cầu về vật chất và văn hóa của xã hội, đáp ứng những lợi ích của người lao động.

Những năm gần đây, trong lúc đời sống khó khăn đã xuất hiện xu hướng muốn giảm nhẹ nhiệm vụ đóng góp cho Nhà nước của xí nghiệp và tổ chức kinh tế về sản phẩm, dịch vụ và tích lũy tiền tệ, để có nguồn cải thiện đời sống cho cán bộ, công nhân. Xu hướng này xuất phát từ yêu cầu cải thiện đời sống của cán bộ, công nhân và hy vọng thúc đẩy sản xuất phát triển bằng biện pháp bồi dưỡng cho những người trực tiếp làm ra sản phẩm.

Đúng là lợi ích của những người trực tiếp sản xuất cần phải được bảo đảm để thực hiện được tái sản xuất sức lao động, nhưng lợi ích của mỗi người phải nằm trong quan hệ hợp lý giữa lợi ích của những người lao động ở các xí nghiệp khác nhau với lợi ích của xã hội và lợi ích của tập thể. Để có quan hệ hợp lý, Nhà nước phải

thường xuyên điều chỉnh lợi ích của mỗi người được thể hiện một phần bằng hiện vật và một phần bằng tiền. Những biện pháp này sinh từ xu hướng nói trên chỉ đúng khi được Nhà nước chấp nhận điều chỉnh. Mọi sự tự động giữ lại sản phẩm và tiền tích lũy để phân phối theo quyết định riêng của từng cơ sở, từng tổ chức, từng địa phương đều dẫn đến tồn thất cho Nhà nước và cho nhân dân.

Vì vậy, các cơ quan Nhà nước đã dần dần nhận ra lẽ phải là cần chăm lo không chỉ làm cho các xí nghiệp và tổ chức kinh tế tự trang trải đủ chi phí, có nguồn để kích thích về kinh tế đối với cán bộ, công nhân, mà còn phải làm cho các xí nghiệp và tổ chức kinh tế tham gia tích cực vào việc hình thành các quỹ tập trung hàng hóa và tiền tệ của Nhà nước. Làm như thế chính là để bảo đảm lợi ích cho người trực tiếp sản xuất và phục vụ sản xuất, củng cố, phát triển hạch toán kinh tế và tiến lên thực hiện hạch toán kinh tế đầy đủ. Ngược lại, càng giảm nhẹ ý thức đóng góp cho Nhà nước, xí nghiệp càng giảm dần tinh thần quốc doanh xã hội chủ nghĩa vốn có của mình.

Về trách nhiệm *bổ trí cán bộ quản lý*, dần dần các bộ và địa phương đã nhận thấy sự cần thiết phải tăng cường cán bộ có năng lực làm kinh tế trong cấu tạo bộ máy quản lý kinh tế của các xí nghiệp và các tổ chức kinh tế, cũng như của Nhà nước. Thiếu những cán bộ đủ tin cậy, có năng lực và được sắp xếp đồng bộ, Nhà nước không thể củng cố và phát triển hạch toán kinh tế được. Đã có không ít những cơ quan Nhà nước có thẩm quyền lập ra xí nghiệp và tổ chức hạch toán kinh tế nhưng không cử đủ và đồng bộ cán bộ quản lý hoặc có người nhưng không đủ sức đảm đương công việc, cho nên những đơn vị này đã phải ở trong tình trạng chịu nhiều khó khăn và Nhà nước đã phải cấp bù lỗ quá nhiều.

Để xóa bỏ bao cấp, trước mắt Nhà nước có thể và cần kiên quyết từ chối mọi yêu cầu cấp phát vốn ngân sách Nhà nước mà xét thấy không bảo đảm hiệu quả kinh tế, không có tác động đối với việc thực hiện mục tiêu chính sách kinh tế xã hội của Đảng, không bảo đảm thực hiện thống nhất chính sách phân phối, không tìm ra nguồn vốn để cấp phát. Đồng thời, Nhà nước khuyến khích củng cố và phát triển hạch toán kinh tế, để mở rộng và bảo đảm quyền tự chủ tài chính của xí nghiệp. Có như vậy, mới xóa bỏ tận gốc chế độ bao cấp.

Nhà nước có thể củng cố và phát triển hạch toán kinh tế bằng việc tăng cường chức năng quản lý kinh tế của Nhà nước ở các cấp trung ương và địa phương, từ việc hình thành và thống nhất thực hiện những chính sách kinh tế, sắp xếp lại tổ chức sản xuất, hoàn thiện công tác kế hoạch hóa và kịp thời giao nhiệm vụ kế hoạch Nhà nước chính xác cho các đơn vị hạch toán kinh tế, đến việc phát hiện, đề bạt, bồi dưỡng, sắp xếp cán bộ, làm cho mỗi đơn vị hạch toán kinh tế có đủ cán bộ quản lý tương xứng với nhiệm vụ; mặt khác, kiên quyết không đưa vào hoạt động sản xuất kinh doanh những xí nghiệp và tổ chức kinh tế chưa bổ trí đồng bộ cán bộ quản lý đủ tin cậy. Trong quá trình đó, Nhà nước khuyến khích xí nghiệp và tổ chức kinh tế phát huy quyền tự chủ tài chính của mình theo pháp luật, cũng với sự tự giác của xí nghiệp và tổ chức kinh tế thực hiện hạch toán kinh tế ngày càng đầy đủ. Sự kết hợp như trên giữa kế hoạch hóa của Nhà nước với hạch toán kinh tế của xí nghiệp và tổ chức kinh tế đã phát sinh và đang hình thành.

Tuy Nhà nước cần mở rộng khuyến khích quyền tự chủ tài chính của xí nghiệp nhưng phải xác định một giới hạn nhất định cần thiết để xí

ngiệp có thể hoạt động hết sức mình theo sự quản lý thống nhất của Nhà nước dưới sự lãnh đạo của Đảng. Giới hạn đó là xí nghiệp được sử dụng các nguồn vốn đã được Nhà nước cấp phát, các quỹ tiền đã được luật pháp cho phép thiết lập và sử dụng để phát triển sản xuất, dịch vụ với chất lượng

xã hội chấp nhận được mà không làm tổn hại đến các cân đối của kế hoạch Nhà nước, bảo đảm tự trang trải đủ chi phí và có lãi để tăng thu nộp cho Nhà nước, tăng vốn tự có phục vụ tái sản xuất mở rộng của xí nghiệp, nâng cao thu nhập cho cán bộ, công nhân trong xí nghiệp, theo quy định của Nhà nước.

Về vấn đề sắp xếp lại nền kinh tế

(Tiếp theo trang 16)

- Về chính sách kinh tế đối ngoại. Tư tưởng-chủ đạo của chính sách này là tăng cường hợp tác kinh tế với Liên-xô và các nước anh em khác trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa, mở rộng sự giúp đỡ lẫn nhau giữa ba nước Đông-dương. Chúng ta cũng phát triển quan hệ với các nước bè bạn, chủ động mở rộng giao lưu quốc tế có lựa chọn, chủ động phá thế bao vây kinh tế của địch, tạo nguồn xuất khẩu lớn, giảm nhập khẩu cho tiêu dùng. Nội dung chủ yếu của chính sách này là: ra sức tranh thủ và sử dụng thật tốt sự giúp đỡ và hợp tác quý báu của Liên-xô và các nước anh em khác, nghiêm chỉnh thực hiện đúng đắn nghĩa vụ của chúng ta trong quan hệ hợp tác kinh tế, tăng cường liên kết kinh tế với các nước trong Hội đồng tương trợ kinh tế cả về chiều rộng và chiều sâu. Tìm mọi cách mở rộng tín dụng quốc tế để nhập được những vật tư cần thiết cho sản xuất nhằm sử dụng tốt nhất các tiềm năng hiện có của đất nước. Tìm biện pháp thu hút vốn của nước ngoài đầu tư vào nước ta để phát triển những nguồn hàng xuất khẩu. Có chính sách về thu hút ngoại tệ từ ngoại kiều và khách quốc tế, tìm mọi cách xuất khẩu tại chỗ, nhất là ngành du lịch; đồng thời phải kiểm soát, ngăn chặn cho được hàng lậu, tiền, vàng và kim loại quý chạy ra nước ngoài. Tính toán cần

thận đề nhập những vật tư, kỹ thuật nào đem về tác động vào sản xuất được ngay và làm ra giá trị cao, hoàn nhanh vốn vay và có nhiều lãi. Tìm mọi cách phá thế bao vây kinh tế của địch, mở rộng giao lưu có lựa chọn, tính toán đạt hiệu quả kinh tế xã hội cao. Chỉ có đầy mạnh xuất nhập khẩu theo một chính sách đúng đắn mới phát huy được tiềm năng của đất nước có lợi cho sự phát triển kinh tế và làm cho kinh tế của ta thoát dần khỏi sự phụ thuộc vào kinh tế nước ngoài; không nên co lại làm cho kinh tế chậm phát triển.

3 - *Cải tiến một số khâu cấp bách trong tổ chức quản lý* Để làm tốt việc sắp xếp lại nền kinh tế, cần đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, từ kế hoạch hóa và hạch toán kinh tế đến các chính sách đòn bẩy theo các phương hướng, nguyên tắc đề ra trong Báo cáo chính trị và Báo cáo kinh tế đã được Đại hội thứ V của Đảng thông qua. Cần sắp xếp lại một số cơ quan quản lý kinh tế Nhà nước cho gọn, nhẹ, có hiệu lực; kiên quyết giảm biên chế hành chính (trong bộ máy Nhà nước và trong các đơn vị sản xuất, kinh doanh), giảm các cơ quan trung gian, điều chỉnh lại một số cán bộ quản lý kinh tế, sắp xếp lại mạng lưới đào tạo cán bộ quản lý kinh tế, đổi mới tác phong và lề lối làm việc của cán bộ quản lý kinh tế.

SỰ BÙNG NỔ SỐ DÂN VÀ SỨC ÉP CỦA NÓ

LÊ - NĂNG - AN

TỪ nhiều năm nay, Đảng ta và Nhà nước ta đã có chủ trương hạ thấp việc tăng số dân để tạo nên sự cân đối giữa việc tăng số dân với sự phát triển về kinh tế, văn hóa, xã hội. Trong báo cáo về phương hướng, nhiệm vụ và những mục tiêu chủ yếu về kinh tế và xã hội trong năm năm 1981 — 1985 và những năm 80, tại Đại hội thứ V của Đảng, đồng chí Phạm Văn Đồng đã nêu rõ:

«**Đẩy mạnh giáo dục, vận động và kiên quyết áp dụng một số biện pháp hành chính — kinh tế, đồng thời tạo mọi điều kiện thuận lợi cho nhân dân thực hiện phong trào sinh đẻ có kế hoạch, để giảm tốc độ tăng dân số bình quân của cả nước từ 2,4% hằng năm xuống 1,7% vào năm 1985**» (1). Đó là một chủ trương hết sức có ý nghĩa.

Mức tăng số dân ở Việt-nam mạnh và nhanh. Trung bình cứ khoảng 35 — 40 năm, số dân tăng gấp đôi:

— Năm 1921, số dân toàn Việt-nam là khoảng 15 581 000.

— Năm 1960, số dân toàn Việt-nam là 30 172 000.

— Năm 1979, số dân toàn Việt-nam là 52 741 000.

Trong khoảng 10 năm, từ 1960 đến 1970, số dân miền Bắc tăng ngót 10 triệu

người, hơn số dân của cả nước Cộng hòa nhân dân Bun-ga-ri, hơn số dân của nhiều nước ở châu Âu như Bỉ, Bồ-đào-nha, Hy-lạp, v.v.

Các chuyên gia về thống kê và kế hoạch của ta dự kiến rằng, nếu tốc độ tăng số dân cứ như hiện nay, đến năm 2000, số dân cả nước sẽ lên tới 90 triệu, một con số đáng ngại, khó có thể chấp nhận được và trở thành sức ép to lớn trên nhiều lĩnh vực trong cả nước.

Số dân tăng nhanh, trước hết do tỷ lệ sinh đẻ cao (2). Hiện nay nhiều gia đình Việt-nam có từ 2 đến 4 con. Ở nông thôn nhiều gia đình có đến 6 con; ở miền Nam, những gia đình có 10 con không hiếm.

Các chuyên gia ở Ủy ban kế hoạch Nhà nước ước tính rằng:

— Nếu mỗi gia đình có 3 con, đến năm 2000, số dân cả nước sẽ là 80 triệu.

— Nếu mỗi gia đình có 2 con, đến năm 2000, số dân cả nước sẽ là từ 64 đến 65 triệu.

Do đó, việc vận động đẻ mỗi gia đình có từ 2 con đến 3 con mà thôi có ý nghĩa lớn trong chính sách hạn chế việc tăng số dân.



Số dân tăng nhanh tạo nên nhiều sức ép về các mặt như sản xuất lương thực, phát triển giáo dục, phân phối dân cư và lao động, bảo vệ môi trường sinh thái, giải quyết công ăn việc làm, v.v.

Ở đây xin nêu lên một số mặt chính.

(1) *Tạp chí Cộng sản*, số 4-1982, tr. 115.

(2) **Bình quân tỷ lệ tăng số dân ở các nước châu Âu và Liên-xô: 1960 — 1970: 1,00%; 1970 — 1980: 0,6%; 1980 — 1985: 0,6%; 1985 — 1990: 0,5%; 1990 — 2000: 0,5%** (Thống kê của UNESCO tại Hội nghị quốc tế về giáo dục thứ 38, 11-1981, ở Giơ-ne-vơ).

Bình quân tỷ lệ tăng số dân ở Việt-nam: 1957: 3,45%; 1960: 3,4%; 1965: 3,1%; 1967: 2,5%; 1969: 3,05%; 1970: 2,8%; 1980: 2,3% (Tài liệu của Tổng cục thống kê).

Số dân tăng nhanh tạo sức ép rất lớn, trước hết về cung cấp lương thực.

Số dân tăng đòi hỏi sản lượng lương thực cũng phải tăng một cách cân đối, đó là điều hiển nhiên ai cũng thấy. Trình độ sản xuất lương thực

của nước ta và những khó khăn khách quan khác chưa cho phép chúng ta tạo được sự cân đối này.

Chỉ số tăng về nông nghiệp của nước ta như sau (lấy năm 1975 là 100):

Năm	Tổng số	Trồng trọt		Chăn nuôi	
		Tổng số	Riêng cây lương thực	Tổng số	Riêng cây lương thực
1975	100	100	100	100	100
1976	110,2	112,4	117,5	100,7	105,1
1977	104,8	103,8	108,0	108,5	96,1
1978	101,9	107,9	107,9	94,2	87,1
1979	112,0	115,0	120,0	101,5	105,1

(Theo số liệu của Tổng cục thống kê, 1979)

Từ năm 1975 đến năm 1979, mặc dù đã có sự vận động tích cực, số dân cả nước ta tăng khoảng 5 triệu, trung bình mỗi năm tăng trên dưới 1 triệu, trong khi đó tổng giá trị sản lượng nông nghiệp không tăng được bao nhiêu, thậm chí có khi, năm sau so với năm trước lại tụt đi, kể cả lương thực và chăn nuôi (3).

Đây mới là nói về lương thực để có ăn - chưa nói đến mức ăn ngon, đủ chất, cũng chưa đề cập đến những yêu cầu khác trong đời sống như yêu cầu về mặc, thuốc chữa bệnh, ở, v.v.

Số dân Việt-nam tăng nhanh và có đặc điểm: người ở độ tuổi chưa có khả năng lao động (trẻ em từ 0 - 14 tuổi) rất đông, chiếm tỷ lệ 42,5% trong số dân. (Tỷ lệ tương ứng ở các nước khác như sau: Liên-xô 29,5%, Ba-lan 27,6%, Bun-ga-ri 22,6%, Cộng hòa dân chủ Đức 20,6%, Hung-ga-ri 25,1%, Tiệp-khắc 24,8%, Anh 23,7%, Ca-na-đa 32,9%, Mỹ 30,1%, Nhật 21,8%, Pháp 24,6%, Cộng hòa liên bang Đức 22,9%).

Trẻ em ngày càng đông có nghĩa là tỷ lệ sinh đẻ cao và tỷ lệ chết ngày

càng thấp. Trẻ em đông, trong tương lai sẽ là tiềm lực lao động rất đáng quý. Song trước mắt, đó là một bộ phận lớn trong dân cư mà từng gia đình và xã hội còn phải chịu trách nhiệm nuôi dưỡng, dạy dỗ.

Chi phí cho việc nuôi dưỡng trẻ em không thể theo quan niệm «trời sinh voi - trời sinh cừ» được. Nguồn chi phí đó tính cho đầy đủ bao gồm tiền chi tiêu thích đáng cho việc sinh đẻ của người mẹ, tiền nuôi trẻ và các phí

(3) Ở Liên-xô, tổng sản lượng nông nghiệp tăng từ mức trung bình hàng năm trong kế hoạch 5 năm thứ 7 là 82,8 tỷ rúp lên 123,9 tỷ rúp trong kế hoạch 5 năm thứ 10, tức là tăng 50%. Ở các nước thuộc cộng đồng kinh tế châu Âu mức tăng này là 31%, còn ở Mỹ là 29%.

« Mức tăng sản lượng nông nghiệp ở Liên-xô thường xuyên đạt cao hơn mức tăng số dân. Từ năm 1965 đến nay, số dân Liên-xô tăng 35 triệu người. Tổng sản lượng nông nghiệp trung bình hàng năm tính theo đầu người tăng 28%. Trong 15 năm, mức tiêu thụ thịt và sản phẩm từ thịt tính theo đầu người tăng 41%, sữa và sản phẩm sữa tăng 25%, trứng tăng hai lần, rau tăng 35%, mỡ thực vật tăng 24%, và đường tăng 30% » (Theo báo cáo của đồng chí Brê-giơ-nép, tại Hội nghị bàn về chương trình lương thực thực phẩm ở Mát-xcơ-va ngày 24-5 (Báo Nhân dân, 26-5-82).

tồn khác cho đến khi trẻ em học hết cấp tiểu học một cách tốt đẹp, tiền thu nhập của người mẹ hụt đi do phải ở nhà trông con đối với một số gia đình. Một bà mẹ đẻ mau, con đông, trong hoàn cảnh kinh tế gia đình còn khó khăn, đương nhiên không thể nuôi dạy con một cách chu đáo.

Nhu cầu của trẻ em mà xã hội có trách nhiệm đáp ứng có nhiều, nhưng quan trọng hơn cả là *nhu cầu phát triển giáo dục*.

Chất lượng giáo dục cần có những điều kiện vật chất bảo đảm, trước hết là số lượng và chất lượng đội ngũ giáo viên. Hiện nay, số học sinh tính trên một giáo viên trong mỗi cấp học còn khá cao. Bình quân ở cấp phổ thông cơ sở là 51,3 — ở cấp trung học là 18,2 (1). Do thiếu giáo viên, lao động của người dạy quá căng, ảnh hưởng tới chất lượng giáo dục. Chất lượng giáo dục còn phụ thuộc vào các điều kiện khác như: cơ sở vật chất, thiết bị, sách vở cho trường học, chế độ chính sách đối với thầy giáo. Những điều kiện đó đòi hỏi sự đầu tư đáng kể của Nhà nước và nhân dân, nhưng ngân sách của ta lại có hạn.

Hiện nay do yêu cầu phát triển trường lớp quá lớn, lại thêm hậu quả của chiến tranh, 40% trường sở vẫn là nhà « tranh tre » tạm thời. Ở cấp học mẫu giáo, mỗi phòng học dùng cho 2,05 lớp; ở phổ thông cơ sở, mỗi phòng học dùng cho 2,05 lớp và ở phổ thông trung học, mỗi phòng học dùng cho 1,5 lớp. Về chỗ ngồi, 2,69 trẻ em ở mẫu giáo mới có một chỗ ngồi, tỷ lệ đó ở phổ thông cơ sở là 1,72 và ở phổ thông trung học là 1,3.

Những điều trên giải thích vì sao các trường lớp còn phải học nhiều « ca kíp », khó bảo đảm chất lượng (5).

Số dân trẻ em tăng nhanh, đòi hỏi phải phát triển trường học. Trong trường hợp không cân đối được giữa yêu cầu và khả năng, sự thấp kém và sa sút trong việc phát triển giáo dục

cả về quy mô lẫn chất lượng là điều khó tránh khỏi.

Nếu tốc độ sinh đẻ và tỷ lệ tăng số dân vẫn cứ tiếp tục phát triển cao như hiện nay thì chất lượng giáo dục sẽ ra sao?

Người ở độ tuổi lao động (tính từ 15 đến 60 tuổi đối với nam và đến 55 tuổi đối với nữ) chiếm 52,7% trong dân cư, với số tuyệt đối ngót 30 triệu người là một tiềm lực lao động xã hội lớn. Tỷ lệ đó là 75,9% ở nông thôn, 24,1 ở thành phố (theo số liệu của Tổng cục thống kê, Hà-nội, 1980).

Trong hoàn cảnh nước ta, *mỗi năm tại có thêm khoảng 1 triệu người đến độ tuổi lao động*. Điều kiện sản xuất không tăng dễ có thể phát triển ngành nghề cân đối với số lao động tăng làm sao bảo đảm công ăn việc làm đầy đủ cho tất cả mọi người? (6). Đó cũng

(4) Ở các nước phát triển châu Âu và Liên-xô, bình quân số học sinh tính trên 1 giáo viên trong mỗi cấp học năm 1980 là như sau: cấp I: 19 học sinh; cấp II: 15 học sinh; cấp III: 13 học sinh. (Theo tài liệu thống kê của UNESCO, Paris, 1981).

(5) Tỷ lệ lưu lán phản ánh chất lượng giáo dục ở cấp I tại một số nước phát triển châu Âu và Liên-xô như sau: Đan-mạch: 0; Na-uy: 0; Thụy-điển: 0; Anh: 0; Liên-xô: 0,4; Tiệp-khac: 0,9; Bun-ga-ri: 1,8; Hung-ga-ri: 1,9; Thụy-sĩ: 2,1; Ý: 2,2; Hy-lạp: 2,3; Ba-lan: 2,6; Cộng hòa liên bang Đức: 2,7; ở Việt nam: từ 5 — 10% (theo tài liệu thống kê của UNESCO, Paris, 1981).

Chỉ tiêu bình quân cho 1 học sinh ở các nước phát triển là 1767 đô la trong năm 1978, tăng 6,8 lần so với năm 1960. Chỉ tiêu bình quân cho một học sinh ở các nước chậm phát triển là 146 đô la trong năm 1978. Nói chung, chỉ tiêu bình quân cho một học sinh ở các nước phát triển cao hơn ở các nước chậm phát triển trên 12 lần. (Theo tài liệu thống kê của UNESCO, Paris, 1981).

(6) Thu nhập quốc dân tính theo đầu người (U.S.dollars 1980) của các nhóm nước trên thế giới:

	1950	1960	1980
Các nước công nghiệp; phát triển	4130	5380	10660
Các nước trung bình	640	820	1580
Các nước chậm phát triển, thu nhập thấp	170	180	250

Theo tài liệu của ngân hàng thế giới năm 1981

là một nguyên nhân khách quan dẫn đến việc nảy sinh nhiều mặt xáo động và tiêu cực trong đời sống kinh tế, xã hội.

Miền Bắc với 28 triệu dân, có 2 triệu ha đất trồng trọt, bình quân đầu người chưa được 2 sào Bắc-bộ, miền Nam có khoảng 26 triệu dân với 3 triệu ha đất trồng trọt.

Ở đồng bằng sông Hồng mật độ dân cư khá cao, từ 280 đến 850 người trên 1 km², còn ở đồng bằng sông Cửu-long thưa hơn, mật độ dân cư là khoảng từ 150 đến 500 người trên 1 km². Thậm chí có nơi rất cao như ba thành phố lớn: thủ đô Hà-nội 1202 người trên 1 km², Hải-phòng 863 người và thành phố Hồ-Chi-Minh 1686 người trên 1 km².

Tất cả những điều đó tạo nên nhiều sức ép rất căng thẳng: nhu cầu về nhà ở, nước ăn, nguồn năng lượng, giao thông vận tải, vệ sinh, dịch vụ cho thành phố; đất đai trồng trọt thiếu trong khi sức người thừa ở vùng nông thôn đông dân. Cuộc sống thực tế đặt ra vấn đề: phải có sự phân bố dân cư và lao động hợp lý, có quy hoạch số dân ở thành thị và nông thôn hợp lý mới có thể có cuộc sống no đủ, đồng đều.

Nếu tỷ lệ sinh đẻ vẫn tiếp tục tăng lên, không giảm đi nhanh chóng, nhất là ở các vùng đông dân và thành phố, chất lượng cuộc sống sẽ ra sao?



Chúng ta có thể làm gì?

Mặc dù việc tăng số dân quá mạnh và quá nhanh không phải là nguyên nhân duy nhất của đói nghèo (còn có nhiều nguyên nhân khác về kinh tế, xã hội), song phải thấy đó là **một nguyên nhân quan trọng** tác động tới sự phát triển và chất lượng cuộc sống của toàn xã hội.

Tác động qua lại giữa mức tăng số dân với toàn bộ sự phát triển xã hội

cũng như với chất lượng cuộc sống là vấn đề có tính quy luật, có mối quan hệ nhân quả.

1— *Phải duy mạnh công tác giáo dục, làm cho mọi người hiểu được các hiện tượng số dân, những tác động qua lại của việc tăng số dân với sự phát triển kinh tế — xã hội và chất lượng cuộc sống của toàn xã hội, cũng như của từng gia đình và từng người, tạo thành một ý thức xã hội, một tâm lý xã hội, một dư luận xã hội đúng đắn, thì hành chính sách giảm tỷ lệ tăng số dân ở nước ta càng nhanh, càng mạnh càng tốt.*

Bộ máy thông tin, báo chí, phát thanh, truyền hình, phương tiện tuyên truyền công cộng cần được huy động vào cuộc vận động giáo dục này một cách có hiệu quả.

2 — *Biện pháp cơ bản, vững chắc, lâu dài nhất là đưa việc giáo dục về số dân vào chương trình học trong các trường thuộc hệ thống giáo dục phổ thông, từ các lớp thấp của trường phổ thông cơ sở đến các lớp cao. Tại sao? Vì thế hệ trẻ nam, nữ ở trường phổ thông, cứ một thập kỷ trôi qua, đã có thể trở thành những người làm cha mẹ. Họ cần được chuẩn bị tốt về kiến thức, trình độ, ý chí, tình cảm, để có thái độ đúng, quan niệm đúng, hành động đúng làm chủ cuộc sống riêng của mình trên lĩnh vực xây dựng gia đình riêng, định quy mô gia đình, chăm sóc, dạy dỗ con cái, và bảo đảm chất lượng cuộc sống của gia đình.*

Các trường thuộc hệ thống giáo dục người lớn chính quy và không chính quy, trong hệ thống đại học, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề cũng cần đưa môn dân số học thành môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo.

Trên thế giới hiện nay, nhất là ở những nước đang phát triển, đông dân, việc giáo dục về số dân từ trung nhà trường đã được coi trọng và được thực hiện có nền nếp.

3 - Những người đang làm cha, làm mẹ ở tuổi sinh đẻ, hoặc trong một tương lai rất gần sẽ làm cha làm mẹ, cần được giáo dục, khuyến khích và tạo điều kiện rất thuận tiện để thực hiện việc sinh đẻ có kế hoạch. Họ cần được giới thiệu, huấn luyện đầy đủ và cần kể về mục đích và các phương pháp, kỹ thuật đẻ hạn chế sinh đẻ, thực hiện kế hoạch hóa gia đình.

Các đoàn thể quần chúng như Đoàn thanh niên cộng sản Hồ-Chí-Minh, Hội liên hiệp phụ nữ, Công đoàn có vai trò hết sức quan trọng trong việc giáo dục đoàn viên và hội viên của mình, nhất là những người ở độ tuổi sinh đẻ, thực hiện cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch và xây dựng gia đình văn hóa mới.

Thanh niên nam nữ cần được giáo dục và khuyến khích không lập gia đình sớm, thậm chí lùi tuổi kết hôn lại càng chậm càng tốt.

Trong những năm qua, chúng ta đã đẩy mạnh cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch và đã đạt được một số kết quả. Tuy nhiên kết quả đó còn ở mức độ *rất thấp*. Thí dụ: đối với phụ nữ ở độ tuổi sinh đẻ từ 19 đến 49, có khoảng 10 triệu người thì mới có khoảng 2 triệu người dùng các biện pháp sinh đẻ có kế hoạch (theo tài liệu của Viện bảo vệ bà mẹ và trẻ sơ sinh).

Cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch cần bảo đảm đồng bộ được các mục tiêu: giảm tỷ lệ sinh đẻ, bảo vệ sức khỏe của bà mẹ và trẻ em, hạ thấp tỷ lệ chết ở trẻ em do thiếu dinh dưỡng, cải thiện điều kiện xã hội của phụ nữ và giúp từng cặp vợ chồng chủ động giữ được quy mô gia đình của mình.

4 - Trên cơ sở việc giáo dục thường xuyên, kiên trì, cần có những *biện pháp hành chính* - *kinh tế* mạnh mẽ nhằm làm cho những chủ trương và biện pháp đã ban hành về vận động kế hoạch hóa gia đình - sinh đẻ có kế hoạch được thực hiện có hiệu quả.

Những chính sách đó nhằm:

- Khuyến khích và *khen thưởng* thích đáng cả về vật chất lẫn tinh thần những nam nữ thanh niên kết hôn muộn, những cặp vợ chồng chỉ có đến hai con, những phụ nữ áp dụng triệt để biện pháp sinh đẻ có kế hoạch. Mặt khác, *bớt dần*, đi tới *bỏ hẳn* mọi ưu tiên về quyền lợi đối với những gia đình, những cặp vợ chồng có từ ba con trở lên... Biện pháp này đương nhiên sẽ đụng tới nhiều định kiến về tâm lý xã hội, song không có cách nào khác.

- Từng bước tăng cường các hoạt động bảo vệ sức khỏe của bà mẹ và trẻ sơ sinh, tiếp tục phát huy những thành tựu và truyền thống tốt đẹp của chế độ ta trong lĩnh vực này nhằm giảm các bệnh tật của phụ nữ, giảm tỷ lệ chết của trẻ em. Phổ biến rộng rãi kiến thức nuôi con khỏe dạy con ngoan, đồng thời từng bước cải thiện các điều kiện văn hóa giáo dục phục vụ thiếu nhi, trước hết trong việc tổ chức sự nghiệp giáo dục để thiếu nhi được học tập trong hoàn cảnh có trường ra trường, lớp ra lớp, thầy ra thầy, trò ra trò, dạy ra dạy và học ra học? như lời đồng chí Phạm-Văn-Đồng đã chỉ thị trong Hội nghị sáng kiến kinh nghiệm toàn ngành giáo dục năm 1981.

5 - Cần có một tổ chức chuyên trách giúp chính quyền Nhà nước bảo đảm thực hiện đường lối và chính sách về số dân từ trung ương đến cơ sở.

Trong phạm vi cả nước, việc thành lập một Ủy ban quốc gia hoặc một tổ chức có quyền hạn tương đương chịu trách nhiệm xây dựng các chương trình, chính sách về số dân và làm nhiệm vụ phối hợp giữa các ngành chuyên môn và các đoàn thể quần chúng để triển khai các chương trình đó là cần thiết. Ở các địa phương cũng cần có một tổ chức

(Xem tiếp trang 70)

XÂY DỰNG GIAI CẤP CÔNG NHÂN VỮNG MẠNH

ĐỀ XÂY DỰNG ĐẢNG VỮNG MẠNH

HẢI-ĐĂNG

I



O những đặc tính riêng của mình là giai cấp tiên tiến nhất, có tính tổ chức và kỷ luật cao, là giai cấp triệt để cách mạng, đại biểu cho phương thức sản xuất tiên bộ nhất, và cũng là giai cấp đại biểu chân chính cho lợi ích dân tộc, đồng thời mang tính chất quốc tế, giai cấp vô sản thế giới hiện đại đã và đang làm sứ mệnh lịch sử thế giới của mình là xóa bỏ chủ nghĩa tư bản, xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản trên phạm vi toàn thế giới.

Giai cấp công nhân Việt-nam mang trong mình những phẩm chất chung của giai cấp công nhân thế giới, đồng thời có những đặc điểm riêng như có tinh thần chiến đấu cách mạng rất cao vì bị ba tầng áp bức (đế quốc xâm lược, phong kiến và tư sản trong nước); sớm trưởng thành về chính trị, không bị chia rẽ về tư tưởng và tổ chức, tiếp thu được ảnh hưởng tốt của Cách mạng Tháng Mười Nga; sớm thành lập chính đảng của mình, có quan hệ khăng khít với nông dân, xây dựng được khối liên minh công nông vững chắc. Với thắng lợi hoàn toàn của công cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, giai cấp công nhân Việt-nam đã làm xong sứ mệnh giải phóng dân tộc và đang tiến hành hai

nhiệm vụ chiến lược xây dựng chủ nghĩa xã hội trong cả nước và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời làm nghĩa vụ quốc tế.

Thời gian qua, qua công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, giai cấp công nhân ta đã từng bước phát triển và trưởng thành cả về số lượng và chất lượng. Hiện nay trong khu vực Nhà nước, có khoảng 3,4 triệu công nhân và lao động đang làm việc, trong đó cán bộ khoa học kỹ thuật nghiệp vụ có gần 900 000 người, công nhân kỹ thuật 1,3 triệu người. Trong 5 năm 1976 - 1980, hơn 500 000 công nhân trẻ được đào tạo có hệ thống ở các trường kỹ thuật đã gia nhập đội ngũ công nhân. Đó là chưa kể 1,5 triệu thợ thủ công chuyên nghiệp có mang ít nhiều tinh chất của giai cấp công nhân.

Nhìn chung, giai cấp công nhân ta có những ưu điểm như: có tinh thần tự lực tự cường, có tính năng động, thông minh, sáng tạo, kiên trì chịu đựng gian khổ, quyết tâm vượt qua mọi khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ. Có ý thức tổ chức kỷ luật, giữ gìn truyền thống đấu tranh cách mạng và phẩm chất tốt đẹp của giai cấp công nhân, luôn luôn đi đầu trong sự nghiệp kháng chiến cứu nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đứng trước những khó khăn của đất nước, đại bộ phận công nhân tỏ ra vững vàng kiên

định, tin tưởng vào đường lối lãnh đạo của Đảng.

Trong lao động sản xuất, khi gặp khó khăn, nhiều công nhân đã phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, tìm cách tận dụng vật tư, thiết bị để duy trì sản xuất; khi có điều kiện sản xuất, nhiều công nhân đã bám máy làm việc suốt ngày đêm để bù lại thời gian buộc phải ngừng việc. Công nhân ở các ngành trực tiếp phục vụ nông nghiệp đã hăng hái thi đua lao động sản xuất, phục vụ đắc lực cho mặt trận nông nghiệp. Trong xây dựng, nhiều công nhân đã sẵn sàng tạm xa gia đình hoặc di chuyển cả gia đình đi xây dựng những công trình trọng điểm, những vùng kinh tế mới theo yêu cầu của cách mạng. Gần đây, với việc mở rộng trả lương theo sản phẩm, lương khoán, ở một số cơ sở đã xuất hiện khí thế lao động sản xuất sôi nổi.

Đối với nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, thấm nhuần chân lý « không có gì quý hơn độc lập tự do », nhiều công nhân tỏ ra sẵn sàng lên đường bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, bảo vệ Đảng và Nhà nước chuyên chính vô sản, bảo vệ thành quả của cách mạng.

Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm cơ bản đó, đội ngũ công nhân nước ta vẫn còn nhiều nhược điểm, khuyết điểm:

Trình độ văn hóa còn thấp. Ở miền Bắc, phần lớn công nhân mới vào nghề khoảng 5 - 10 năm nay, có văn hóa cấp II và cấp III. Ở miền Nam, công nhân tay nghề tương đối thành thạo, nhưng trình độ lý thuyết kém, và văn hóa thấp, phổ biến là cấp I.

Trình độ tay nghề còn non, bậc thợ bình quân là 2,56 trên 7 bậc, số công nhân bậc 1 - 2/7 chiếm 10%, bậc 3 - 4/7 chiếm 55%, bậc 5 - 6 - 7/7 chỉ có 4,3%. Có ngành bình quân 1000 công nhân mới có 1 thợ bậc 6.

Công nhân lâu năm có trên 45 tuổi đời và trên 25 tuổi nghề còn ít, khoảng

12%. Công nhân trẻ có dưới 10 năm tuổi nghề chiếm khoảng 60%. Công nhân nữ có 50%.

Do phần lớn công nhân xuất thân từ nông dân hoặc dân nghèo, chưa được tiếp xúc nhiều với nền công nghiệp hiện đại cho nên tư tưởng, tập quán còn chịu ảnh hưởng nặng của thành phần xuất thân, của nền sản xuất nhỏ, tác phong công nghiệp và kỷ luật còn kém.

Sức khỏe của công nhân nói chung kém, số ốm đau, mất sức, già yếu ngày càng nhiều. Thí dụ: ở mỏ than Quảng-ninh hằng năm có hàng nghìn người phải nghỉ việc vì thiếu sức khỏe.

Cơ cấu đội ngũ công nhân chưa cân đối, đồng bộ. Trong công nghiệp và vận tải, thiếu công nhân bao hành, sửa chữa. Trong xây dựng, thiếu công nhân trang trí, hoàn thiện, công nhân xây dựng các công trình ngầm...

Giác ngộ giai cấp, giác ngộ xã hội chủ nghĩa, ý thức và năng lực làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhiều công nhân còn thấp; ý thức tôn trọng, bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa và tiết kiệm còn kém.

Tình hình nóng hổi hiện nay trong giai cấp công nhân là đời sống quá khó khăn, hầu hết không thể sống được bằng tiền lương cho nên không những không yên tâm, phấn khởi sản xuất, gắn bó với xí nghiệp, mà nhiều người đã phải « xoay xở » về kinh tế và có những biểu hiện tiêu cực. Đã có hàng vạn công nhân bỏ xí nghiệp, công trường tìm lối làm ăn khác. Một số không ít công nhân đã có những hành động tha hóa như ăn cắp, móc ngoặc...

Trong công nhân đang có nhiều lo lắng, băn khoăn: lo lắng sản xuất giảm sút, tri tri, đời sống khó khăn, lo lắng về trật tự, an ninh không bảo đảm, lo lắng con cái hư hỏng, chịu nhiều ảnh hưởng xấu... Băn khoăn về tình hình thu nhập không hợp lý, người làm ăn chính đáng thì khó khăn,

kẻ làm ăn phi pháp thì giàu có; người làm nhiều hưởng ít, kẻ làm ít hưởng nhiều, công nhân, người trực tiếp làm ra của cải vật chất cho xã hội, đời sống lại quá khổ. Bàn khoăn về nhiều hiện tượng tiêu cực hiện nay trong xã hội.

Trong công nhân cũng đã xuất hiện những hiện tượng không lành mạnh như ý chí phấn đấu, nhiệt tình lao động giảm sút, kỷ luật lao động lỏng lẻo; nhiều công nhân có những biểu hiện bị quan giao động trước những khó khăn của đất nước, giảm sút niềm tin vào khả năng khắc phục khó khăn, chuyển biến tình hình. Một số không ít công nhân, nhất là công nhân trẻ, vi phạm đạo đức, phẩm chất và lối sống xã hội chủ nghĩa.

Tình hình như trên là do những nguyên nhân gì? Trước hết, phải khẳng định: về bản chất, giai cấp công nhân ta nói chung vẫn tốt, vẫn giữ được những đặc tính cơ bản của giai cấp công nhân. Hàng triệu công nhân đang bám máy sản xuất, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, khắc phục khó khăn, hoàn thành nhiệm vụ. Năm năm qua, 65% cơ sở sản xuất, kinh doanh phát huy khả năng tiềm tàng đã làm ra một khối lượng sản phẩm nhiều hơn 15% so với mức nguyên liệu, vật tư Nhà nước cung ứng. Cũng thời gian này, công nhân viên chức đã phát huy và áp dụng hơn 500 ngàn sáng kiến làm lợi 1.500 triệu đồng cho Nhà nước. Những nhân tố mới, những điển hình tiên tiến trong nhiều lĩnh vực hoạt động đã nói lên rất rõ tinh thần cách mạng sáng tạo của đội ngũ công nhân viên chức chúng ta. Cần khẳng định điều này để giữ vững và nâng cao lòng tin đối với giai cấp công nhân, không ngừng phát huy vai trò và khả năng cách mạng to lớn của giai cấp công nhân nước ta.

Trong đội ngũ công nhân, viên chức, có những băn khoăn, lo lắng, những hiện tượng tiêu cực nói trên là do nhiều nguyên nhân khách quan,

chủ quan, mà sau đây là mấy điểm cơ bản:

— Nước ta vốn là một nước nông nghiệp lạc hậu, chưa có nền công nghiệp hiện đại và hiện nay sản xuất nhỏ vẫn còn phổ biến. Phần lớn công nhân xuất thân từ nông dân, cho nên tư tưởng, tác phong, thói quen, nếp nghĩ, cách làm ăn còn in đậm dấu vết của người sản xuất nhỏ. Do đó, giai cấp công nhân nước ta tuy có những đặc tính cơ bản của giai cấp công nhân quốc tế, nhưng chưa đạt được mức cao như giai cấp công nhân hiện đại ở các nước công nghiệp tiên tiến.

— Đường lối kinh tế của Đảng là đúng, nhưng do bố trí cơ cấu kinh tế chưa hợp lý, và nhất là do tổ chức, quản lý kinh tế kém, duy trì quá lâu cơ chế quản lý hành chính, quan liêu, bao cấp, chậm cải cách chính sách giá cả và tiền lương, đến khi điều chỉnh giá cả thì lại có những khuyết điểm mới, đời sống lại khó khăn cho nên công nhân viên chức cũng như nông dân không phấn khởi sản xuất, công tác, năng suất lao động và những mặt hoạt động khác sút kém.

Kế hoạch hóa kinh tế chưa kết hợp chặt với kế hoạch hóa xã hội, xây dựng kinh tế chưa gắn chặt với xây dựng giai cấp công nhân. Lâu nay chúng ta có phần coi nhẹ việc đào tạo, rèn luyện đội ngũ công nhân; mới có 42% công nhân được đào tạo ở các trường và chất lượng đào tạo còn thấp. Việc tổ chức và cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân chưa được quan tâm đầy đủ.

— Tổ chức và hoạt động của công đoàn còn nặng về hình thức, công tác giáo dục chính trị, tư tưởng còn hời hợt, một chiều, chưa gắn với thực tiễn, nhất là với những vấn đề nóng hổi đang đặt ra trong cuộc sống.

II

Chủ nghĩa cộng sản là lý tưởng của giai cấp công nhân do Đảng

cộng sản lãnh đạo. Sự mệnh lịch sử của giai cấp công nhân là xây dựng chủ nghĩa cộng sản. Do đó, muốn xây dựng chủ nghĩa cộng sản phải xây dựng giai cấp công nhân vững mạnh. Giai cấp công nhân là cơ sở xã hội của đảng cộng sản và đảng cộng sản là đội tiên phong của giai cấp công nhân. Vì vậy, muốn xây dựng đảng cộng sản vững mạnh, không thể không chăm lo xây dựng giai cấp công nhân vững mạnh. Xác định vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân là vấn đề cốt tử của cách mạng ở mỗi nước. Sự lãnh đạo của giai cấp công nhân thông qua đảng tiên phong của mình không chỉ thể hiện ở mặt tổ chức mà quyết định là ở đường lối chính trị của Đảng. Đó là đường lối cách mạng của giai cấp công nhân, thể hiện đúng đắn lập trường và quan điểm của giai cấp công nhân. Cho nên, để tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, cần phải tăng cường xây dựng giai cấp công nhân. Và mặt khác, có đảng tiên phong lãnh đạo thì giai cấp công nhân mới có thể hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình. Quan hệ giữa giai cấp công nhân với Đảng là như vậy. Song lâu nay, trong cán bộ, đảng viên chúng ta không phải mọi người đều nhận thức đầy đủ như vậy, mà còn có xu hướng tách rời giai cấp công nhân với Đảng, thường chỉ thấy Đảng lãnh đạo, chứ không thấy vai trò lãnh đạo cách mạng của giai cấp công nhân, từ đó dẫn đến coi nhẹ xây dựng giai cấp công nhân, coi nhẹ vai trò công đoàn—tổ chức quần chúng rộng lớn của giai cấp công nhân.

Từ sự phân tích nói trên, chúng ta thấy rằng xây dựng giai cấp công nhân là vấn đề rất quan trọng, là nhiệm vụ của Đảng, của công đoàn, của Nhà nước xã hội chủ nghĩa, của tất cả cán bộ, đảng viên. Để xây dựng giai cấp công nhân vững mạnh, phải nghiên cứu và giải quyết nhiều vấn đề; trong những năm trước mắt,

cần tiến hành tốt những công việc quan trọng sau đây:

1 — Giai cấp công nhân là sản phẩm của đại công nghiệp, công nghiệp có phát triển thì giai cấp công nhân mới lớn mạnh. Cho nên muốn xây dựng giai cấp công nhân, vấn đề cơ bản là phải ra sức *phát triển công nghiệp*, từng bước thực hiện nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ là công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa. Muốn vậy, một mặt phải quán triệt đường lối chung về cách mạng xã hội chủ nghĩa và đường lối kinh tế của Đảng: xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý, kết hợp đúng đắn công nghiệp và nông nghiệp, kinh tế trung ương và kinh tế địa phương, kết hợp phát triển lực lượng sản xuất với hoàn thiện quan hệ sản xuất, kết hợp kinh tế với quốc phòng... Mặt khác, phải đổi mới quản lý kinh tế, xóa bỏ quản lý theo lối hành chính quan liêu bao cấp, thực hiện phương thức quản lý kinh doanh xã hội chủ nghĩa, lấy hiệu quả kinh tế làm tiêu chuẩn cao nhất, lấy lợi ích kinh tế làm động lực quan trọng, điều khiển nền kinh tế chủ yếu bằng phương pháp kinh tế, nhằm làm cho mọi người lao động, mọi tổ chức kinh tế tự giác đầy mạnh sản xuất, thực hành tiết kiệm, thực hiện tốt đường lối chính sách của Đảng, phục vụ tốt đời sống nhân dân.

Đó là những tiền đề kinh tế rất quan trọng đối với việc xây dựng đội ngũ công nhân.

2 — Vấn đề cấp bách nhất, trực tiếp nhất là phải giải quyết đời sống cho công nhân. Xuất phát từ tình hình thực tế của Liên-xô năm 1919, Lê-nin đã nói: *“Trong một nước bị tàn phá, nhiệm vụ đầu tiên là phải cứu người lao động. Lực lượng sản xuất hàng đầu của toàn thể nhân loại là công nhân, là người lao động. Nếu họ còn thì chúng ta sẽ cứu vãn và*

khôi phục lại được *tất cả* * (1) Tình hình kinh tế - xã hội của ta hiện nay tuy không hoàn toàn giống tình hình ở Liên-xô lúc đó, nhưng riêng về mặt tiền lương và đời sống của công nhân thì có những đáng nét tương tự. Tiền lương và đời sống của công nhân ta hiện nay so với năm 1960 cũng gần giống như tiền lương và đời sống của công nhân Liên-xô năm 1918 - 1920 so với năm 1913. Vì vậy, vấn đề cấp bách nhất, trực tiếp nhất hiện nay là phải thật sự chăm lo giải quyết đời sống cho giai cấp công nhân.

Đề giải quyết đời sống cho công nhân, trước mắt cần thực hiện kiên quyết và có hiệu quả các biện pháp như: bảo đảm cung cấp theo định lượng, theo giá ổn định các mặt hàng thuộc nhu cầu thiết yếu của đời sống; áp dụng rộng rãi và đúng đắn các hình thức trả lương tiên bộ như lương khoán, lương sản phẩm, lương thời gian có thưởng... để tăng thu nhập cho công nhân; thực hiện việc phụ cấp lương tương ứng khi điều chỉnh giá... Đồng thời cần tích cực chuẩn bị để có thể tiến hành càng sớm càng tốt việc cải cách lương cơ bản, thực hiện đúng nguyên tắc phân phối theo lao động, *làm cho tiền lương thật sự là nguồn sống chủ yếu của người lao động, mức lương tối thiểu phải bảo đảm lãi sản xuất sức lao động*. Có như vậy mới gần được công nhân viên chức với xí nghiệp, cơ quan, công trường..., làm cho họ toàn tâm, toàn ý đem hết sức lực, tài năng cống hiến cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội; từ đó mà đẩy mạnh sản xuất, ổn định đời sống, tiến tới xóa bỏ tận gốc các hiện tượng tiêu cực trong xã hội.

Thực tế ở Xi nghiệp đánh cá Vũng-tàu-Côn-dảo, xí nghiệp dệt Thành-công và ở các mỏ than gần đây đã chứng minh rằng điều này có thể làm được. Khi có cơ chế quản lý và

chính sách tiền lương đúng, bảo đảm đời sống cho công nhân thì họ sẽ bôn nhà máy, hầm mỏ để sản xuất, đem lại lợi ích cho Nhà nước, cho tập thể và cho bản thân họ.

3 - Một vấn đề rất quan trọng để xây dựng giai cấp công nhân vững mạnh là phát triển vững chắc công tác dạy nghề trong hệ thống giáo dục quốc dân cũng như trong các cơ sở sản xuất, làm cho những công nhân đang làm việc và những người sắp bước vào nghề có đủ tiêu chuẩn công nhân phục vụ tốt sản xuất.

Cải tiến việc kế hoạch hóa công tác dạy nghề, làm cho kế hoạch dạy nghề gần với kế hoạch phát triển kinh tế, bảo đảm tạo ra lực lượng lao động kỹ thuật và năng cao trình độ nghề nghiệp, sát hợp với yêu cầu của các ngành kinh tế quốc dân, điều chỉnh lại quy mô đào tạo cho thích hợp, tránh tình trạng thừa số lượng và thiếu chất lượng như hiện nay. Tiến hành kế hoạch hóa dạy nghề theo ngành kinh tế - kỹ thuật kết hợp với kế hoạch hóa dạy nghề theo địa phương và vùng lãnh thổ nhằm cân đối nhu cầu và khả năng đào tạo theo ngành và trên từng địa phương (bao gồm cả kinh tế trung ương và kinh tế địa phương). Tiến hành kế hoạch hóa dạy nghề một cách tổng hợp, đồng bộ, vào từng thời điểm thống nhất, theo năm học, giữa các ngành giáo dục nhằm thực hiện sự cân đối trong nội bộ hệ thống giáo dục và cân đối giữa hệ thống đào tạo và hệ thống kinh tế.

Trên cơ sở kế hoạch hóa dạy nghề mà sắp xếp, hoàn chỉnh và phát triển có mức độ hệ thống trường dạy nghề các loại làm cho hệ thống trường dạy nghề kế tục đầy đủ hệ thống trường phổ thông, bảo đảm

(1) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, tập 38. Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1977, tr. 430.

hướng nghiệp và dạy nghề cho số đông học sinh tốt nghiệp phổ thông. Hệ thống trường dạy nghề ở nước ta bao gồm các loại: trường dạy nghề tuyển học sinh có trình độ văn hóa phổ thông cơ sở (đây là loại trường chủ yếu phù hợp với trình độ giáo dục phổ cập hiện nay); trường dạy nghề tuyển học sinh tốt nghiệp phổ thông trung học; trung tâm dạy nghề ở các huyện, quận, thị xã để dạy nghề rộng rãi cho thanh niên, thiếu niên bằng nhiều phương thức thích hợp. Cần mở thử các trường vừa dạy nghề, vừa dạy văn hóa đến bậc phổ thông trung học. Ngoài ra, mỗi cơ sở sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, thủ công nghiệp nên có lớp dạy nghề, thu hút tất cả những người có tay nghề giỏi vào việc phổ cập nghề nghiệp.

Để hoàn chỉnh và phát triển (ở mức độ thích hợp) các trường dạy nghề, một vấn đề quan trọng là phải đầu tư để xây dựng trường sở, trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật cho trường, coi đây là một trong những hướng đầu tư ưu tiên (đầu tư nghiên cứu và đầu tư đào tạo), đồng thời chú ý mở rộng và củng cố hệ thống trường sư phạm kỹ thuật ở các tỉnh và thành phố để đào tạo giáo viên dạy nghề.

Mặt khác, cần tiến hành cải cách nội dung và phương pháp đào tạo cho thích hợp. Về nội dung đào tạo, cần chú ý kết hợp đào tạo theo nghề rộng và nghề hẹp, giới một nghề, biết nhiều nghề; chuẩn bị lực lượng tạo động dự trữ theo nhiều bậc thang trình độ, phù hợp với điều kiện nền kinh tế từ sản xuất nhỏ tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Về phương pháp đào tạo, cần giải quyết tốt việc kết hợp giữa lý luận và thực hành, giữa đào tạo và sản xuất, để công nhân ra trường là có thể làm việc được ngay.

Đi đôi với đào tạo tại trường, cần đặc biệt coi trọng việc bồi dưỡng tại

chức, sắp xếp thi giờ hợp lý cho công nhân vừa làm, vừa học, phát động và duy trì thường xuyên phong trào "luyện tay nghề, thi thợ giỏi", ở các xí nghiệp, công trường để nâng cao tay nghề và năng cấp, năng bậc cho công nhân.

4 - Tăng cường hoạt động của công đoàn. Công đoàn là tổ chức quần chúng rộng lớn nhất của giai cấp công nhân, là trường học của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Cho nên tăng cường hoạt động của công đoàn sẽ tác động trực tiếp đến việc xây dựng và phát triển giai cấp công nhân.

Công đoàn cần tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng, nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa cho giai cấp công nhân. Công đoàn cùng với các cơ quan Nhà nước tổ chức việc học tập, nâng cao trình độ chính trị, văn hóa, kỹ thuật của công nhân, và từ trong phong trào quần chúng, trong thực tiễn sản xuất mà phát hiện và đào tạo những cán bộ quản lý giỏi. Trong công tác giáo dục, cần tránh các khuyết điểm như sơ lược, đơn điệu, một chiều, thụ động; chú ý nêu cao những gương sáng trong công nhân về thái độ lao động xã hội chủ nghĩa, về ý thức tổ chức kỷ luật, về tinh thần, tu lực, tự cường, phát huy sáng kiến, tiết kiệm nguyên liệu, vật liệu, năng lượng, đồng thời đấu tranh khắc phục những hiện tượng tiêu cực, nhất là tệ ăn cắp, lợi lũng kỷ luật lao động trong một số công nhân.

Công đoàn cần đặc biệt chú ý phát huy và bảo đảm vai trò làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, trước hết là làm chủ tập thể về kinh tế, của giai cấp công nhân, tạo điều kiện cho công nhân viên chức tham gia quản lý cơ quan, xí nghiệp. Cán bộ công đoàn cần giữ mối liên hệ mật thiết với công nhân, thường xuyên tiếp xúc, tìm hiểu ý kiến, nguyện vọng của công nhân về các vấn đề kinh tế và cũng với các cơ quan Nhà nước nghiên cứu

trả lời, giải quyết kịp thời, thỏa đáng các vấn đề do công nhân nêu lên. Chú ý mở các diễn đàn kinh tế, hội thảo kinh tế, tạo điều kiện cho công nhân đóng góp ý kiến vào các vấn đề kinh tế, mở rộng đấu tranh tự phê bình và phê bình về quản lý kinh tế trên báo chí và nếu có điều kiện thì cả trên đài phát thanh và truyền hình.

Công đoàn cần tham gia có hiệu quả hơn vào nhiệm vụ quản lý kinh tế, quản lý xí nghiệp, hợp sức với cơ quan Nhà nước giải quyết các vấn đề cụ thể về điều kiện sản xuất, cùng với xí nghiệp, cơ quan đẩy mạnh phong trào thi đua xã hội chủ nghĩa, động viên công nhân ra sức khắc phục khó khăn về năng lượng, nguyên liệu, thiết bị, khai thác mọi khả năng tiềm tàng của mỗi xí nghiệp và của đất nước để giữ vững và phát triển sản xuất. Đưa phong trào thi đua đi vào chiều sâu bằng cách cải tiến phương pháp lao động, ứng dụng khoa học kỹ thuật và đổi mới quản lý để tăng năng suất lao động, đạt hiệu quả và chất lượng cao.

Công đoàn cần cùng với các cơ quan Nhà nước chăm lo hơn nữa đời sống vật chất và tinh thần của công nhân viên chức, không những ở cơ quan, xí nghiệp mà cả ở từng gia

đình, từng khu tập thể, đặc biệt chú ý việc giáo dục thiếu niên, nhi đồng con em công nhân viên chức, và giữ gìn an ninh trật tự, làm cho công nhân viên chức yên tâm sản xuất và công tác. Cần đẩy mạnh hoạt động kiểm tra của công nhân nhằm bảo đảm thực hiện tốt các chính sách của Đảng và Nhà nước đối với đời sống công nhân viên chức, bảo đảm phân phối hàng hóa công bằng hợp lý, đưa hàng đến tận tay người lao động. Tổ chức công đoàn cần can thiệp vào những trường hợp vi phạm chế độ, chính sách, bảo đảm đời sống công nhân viên chức, khắc phục tình trạng chủ trương một đảng, thi hành một nẻo.

Để làm tròn các nhiệm vụ nói trên, cần kiện toàn tổ chức công đoàn, nhất là công đoàn cơ sở, đổi mới phương pháp hoạt động và tác phong công tác của cán bộ công đoàn, kiên quyết khắc phục lối hoạt động quan liêu, hành chính, xa rời quần chúng, khôi phục truyền thống vận động quần chúng của Đảng, làm cho toàn bộ hoạt động của công đoàn đi sâu vào các lĩnh vực sản xuất và phân phối, lưu thông, đi sát quần chúng và thật sự vận động quần chúng góp phần thiết thực tạo ra những biến đổi tốt trong kinh tế và đời sống, đồng thời xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa.

Nhân đọc tác phẩm của đồng chí Lê - Duẩn VỀ LÀM CHỦ TẬP THỂ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

PHẠM - THÀNH

CUỐN sách *Về làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa* của đồng chí Lê - Duẩn do Nhà xuất bản Sự thật xuất bản nhân dịp chào mừng Đại hội thứ V của Đảng là tuyển tập những bài nói và bài viết của đồng chí, trong đó vấn đề làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa được trình bày một cách rõ ràng, sâu sắc, cụ thể và có hệ thống.

Đồng chí Lê-Duẩn chỉ rõ quan điểm về làm chủ tập thể đã được Hồ Chủ tịch nói đến từ cuối thập kỷ 50. Đồng chí luôn luôn nhấn mạnh lý luận về làm chủ tập thể không phải là cái gì khác sự cụ thể hóa "tư tưởng làm chủ tập thể đã được các nhà kinh điển nêu ra". Mác, Ăng-ghe-n và Lê-nin đều đã chỉ rõ rằng chủ nghĩa xã hội là một chế độ, trong đó con người bắt đầu làm chủ xã hội, làm chủ thiên nhiên, làm chủ bản thân, là một chế độ mà yếu tố chủ đạo là "tính cộng đồng", "tính tập thể", là bước phát triển cao nhất trong sự tiến hóa của loài người. Lý luận của Đảng ta đồng thời là sự vận dụng có chọn lọc vào hoàn cảnh nước ta kinh nghiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản của các nước anh em, đặc biệt là của Liên-xô. Quan điểm làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của Đảng ta còn xuất phát từ đặc điểm của nước ta là từ sản xuất

nhỏ tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, đề khẳng định rằng muốn đưa cách mạng đến toàn thắng, thì "điều kiện quyết định trước tiên là phải thiết lập và không ngừng tăng cường chuyên chính vô sản, thực hiện và không ngừng phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động" (tr. 11) *, sự nghiệp ấy đòi hỏi Đảng ta, nhân dân ta « phát huy rất cao tính chủ động, sáng tạo và tự giác trong quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa » (tr. 14).

Trong nhiều bài phát biểu, đồng chí Lê-Duẩn đã khẳng định và luận chứng rằng *làm chủ tập thể là bản chất của chủ nghĩa xã hội*. Đó chính là một quan hệ xã hội cơ bản hình thành một cách khách quan trên cơ sở chế độ công hữu về tư liệu sản xuất. Chế độ sở hữu này tạo điều kiện cho nhân dân lao động làm chủ tập thể lực lượng lao động, quá trình sản xuất và sự phân phối sản phẩm — tức là làm chủ tập thể về kinh tế.

Xây dựng chế độ làm chủ tập thể là xây dựng một hệ thống hoàn chỉnh

* Những đoạn trong ngoặc kép có ghi số trang là trích từ tác phẩm "Về làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa" của đồng chí Lê-Duẩn. Nxb Sự thật, Hà-nội, 1981, (P. T.)

các quan hệ xã hội thể hiện ngày càng đầy đủ sự làm chủ của nhân dân lao động về tất cả các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, v.v. « Nền tảng của chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa là một cơ cấu kinh tế hợp lý bảo đảm thỏa mãn ngày càng đầy đủ nhu cầu vật chất và văn hóa của nhân dân trên cơ sở không ngừng phát triển sản xuất với trình độ kỹ thuật ngày càng cao. Không có cơ cấu kinh tế đó thì căn bản không thể có dân chủ, căn bản không thể nói đến quyền làm chủ tập thể » (tr. 135). Về mặt chính trị « chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa thể hiện một cách tập trung ở sự làm chủ tập thể của nhân dân lao động (mà nông cốt là tiền minh công nông), chủ yếu bằng Nhà nước xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng liên phong của giai cấp công nhân » (tr. 16 - 17).

Làm chủ tập thể về chính trị là điều kiện tiên quyết để xây dựng chế độ làm chủ tập thể của nhân dân lao động về mọi mặt. Vì vậy đồng chí Lê-Duẩn đã nhấn mạnh nhiều đến vấn đề xây dựng cơ chế làm chủ tập thể: Đảng lãnh đạo, nhân dân lao động làm chủ, Nhà nước quản lý, và đề ra những biện pháp về mặt tổ chức nhằm bảo đảm Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, rồi cuộc là đề nhân dân lao động làm chủ.

Đồng chí Lê-Duẩn chỉ rõ chế độ làm chủ tập thể vừa là mục tiêu, vừa là động lực của cách mạng xã hội chủ nghĩa. Đồng chí nói: « Chế độ mới đó chỉ có thể thật sự vững chắc khi nó trở thành kết quả « tự nhiên » của kinh tế mới, nghĩa là khi chúng ta đã xây dựng được một nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa tương đối phát triển làm cơ sở cho nó » (tr. 58). Về phía chế độ làm chủ tập thể là phương tiện, đồng chí phân tích: « Từ sản xuất nhỏ tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội trong điều kiện cơ sở vật chất - kỹ

thuật chưa có gì đáng kể thì chỗ dựa to lớn nhất là sức mạnh của làm chủ tập thể. Do đó đi ngay vào làm chủ tập thể, trước hết là làm chủ đối với đất đai và lao động, xây dựng ngay những cơ sở ban đầu của chế độ làm chủ tập thể, là một vấn đề có tính quy luật trên con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta » (tr. 151).

Quan điểm của Đảng ta về chế độ làm chủ tập thể đã được đồng chí Lê-Duẩn trình bày một cách sinh động. Đồng chí không vẽ ra một mô hình xã hội lý tưởng với những chi tiết đầy đủ mà chỉ nêu lên những phương hướng chỉ đạo phù hợp với bản chất của xã hội xã hội chủ nghĩa đã hình thành từ hơn 60 năm nay trên thế giới và đang hình thành ở nước ta để chỉ đạo sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.



Một vấn đề thường được nhiều người đặt ra: chế độ làm chủ tập thể thật là ưu việt. Nhưng thực tế xã hội đang diễn ra trước mắt chúng ta xem chừng chưa chứng thực cho lý luận. Ta nói làm chủ tập thể nhưng chung quanh ta biết bao nhiêu điều trái ngược: không phải làm chủ tập thể mà đây giẫy hiên tượng làm chủ theo kiểu phường hội, làm chủ cá thể, vô chính phủ, vô kỷ luật, chủ nghĩa cục bộ địa phương; không phải làm chủ mà độc đoán, chuyên quyền, vi phạm dân chủ về phía một số không ít cán bộ có chức có quyền, và bị mất quyền dân chủ, bị tru dập về phía những người bị lãnh đạo dưới quyền; không phải là làm việc với tinh thần làm chủ mà là làm việc theo kiểu làm thuê với tất cả những biểu hiện tệ hại của nó: ăn cắp của công, chây lười, lãn công, v.v. Vậy thử hỏi lý luận về làm chủ tập thể có vận dụng được vào chặng đường trước mắt của thời kỳ quá độ không? Hiện nay

chúng ta đã có chế độ làm chủ tập thể chưa? Nếu có thì giải thích như thế nào về các hiện tượng tiêu cực trái với bản chất của chế độ làm chủ tập thể?

Nghiên cứu tác phẩm của đồng chí Lê-Duẩn, chúng ta sẽ tìm thấy được câu trả lời.

Làm chủ tập thể là một quan hệ xã hội khách quan. Nó xuất hiện một cách tất yếu cùng với việc thiết lập chuyên chính vô sản và quá trình cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Hiện nay, qua gần 30 năm tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và 7 năm tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa trong cả nước dưới sự lãnh đạo của Đảng, chúng ta phân đấu xây dựng một loạt quan hệ kinh tế—xã hội đáp ứng yêu cầu của quan hệ làm chủ tập thể. Nhân dân ta nói chung làm chủ ruộng đất, xí nghiệp công nghiệp, hầm mỏ, hệ thống ngân hàng, hệ thống giao thông, thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, v.v.; làm chủ hệ thống trường học, các cơ sở văn hóa, các bệnh viện và các công trình phúc lợi công cộng khác; đã tự mình xây dựng nên bộ máy Nhà nước với các cơ quan quyền lực của mình, v.v. Chúng ta đã bước đầu xây dựng được những thiết chế, quy định, chế độ nhằm bảo đảm quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động như: Hiến pháp, các đạo luật, các điều lệ xí nghiệp, điều lệ hợp tác xã và một loạt văn bản pháp quy cũng như giao ước khác.

Nhưng cũng rõ ràng là chế độ ấy còn xa mới được hoàn thiện. Vì:

Một là: bản thân quan hệ khách quan cũng đang hình thành và chưa hoàn bị.

Chúng ta đã thiết lập chế độ công hữu về tư liệu sản xuất trong các ngành công nghiệp chủ yếu và đối với một bộ phận lớn trong nông nghiệp. Nhưng một bộ phận không nhỏ nông nghiệp (ở miền Nam) vẫn chưa được

cải tạo theo con đường hợp tác hóa. Một bộ phận không nhỏ thủ công nghiệp và tiểu công nghiệp còn nằm trong tay tư nhân. Hoạt động kinh doanh công thương nghiệp tư bản chủ nghĩa cũng đang tồn tại. Giữa các thành phần kinh tế đó đang diễn ra cuộc đấu tranh gay go, phức tạp để giải quyết vấn đề « ai thắng ai? » giữa con đường xã hội chủ nghĩa và con đường tư bản chủ nghĩa, giữa chế độ làm chủ tập thể và chế độ sở hữu cá thể tư nhân.

Không những thế, ngay ở những nơi mà quan hệ làm chủ tập thể đã được thiết lập, thì *sự chín muồi của quan hệ đó cũng còn ở trình độ rất thấp*, trong khi đó thì, theo lập trường khoa học, « Chế độ làm chủ tập thể phải dựa trên cơ sở nền kinh tế mới, xã hội chủ nghĩa. Chưa có nền tảng vật chất là nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa thì chế độ làm chủ tập thể chưa có điều kiện thực hiện đầy đủ. Bởi vì, như Lê-nin đã nói, trình độ dân chủ không thể vượt quá trình độ phát triển của kinh tế » (tr. 157).

Hai là, bản thân chúng ta, những người có sứ mệnh lịch sử xây dựng chế độ mới một cách tự giác, chưa phản ánh được đầy đủ quan hệ làm chủ tập thể khách quan và trình độ hiện nay của quan hệ đó, chưa nắm vững được các quy luật chi phối quan hệ đó, vì vậy chưa tìm ra được những hình thức tổ chức, thiết chế, quy định, chế độ tương ứng nhằm bảo đảm đầy đủ quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Bởi vì, « Quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động không chỉ thu hẹp trong các quyền chính trị của công dân, mà phải được thể chế hóa đầy đủ trong sản xuất, phân phối, lưu thông và tiêu dùng, về kinh tế, chính trị và văn hóa, ở cơ sở, địa phương và trong cả nước » (tr. 170). Những sự thiếu sót về luật lệ, cộng thêm sự buông lỏng quản lý đang là một nguyên nhân

quan trọng gây ra nhiều vụ vi phạm pháp chế xã hội chủ nghĩa, làm giảm, thậm chí trong nhiều trường hợp làm mất hẳn hiệu lực của các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Nó hạn chế chúng ta trong việc xây dựng một bộ máy Nhà nước có hiệu lực, xây dựng một hệ thống quản lý kinh tế phù hợp với chặng đường trước mắt của thời kỳ quá độ. Đồng chí Lê-Duẩn vạch rõ: « Bộ máy Nhà nước vô sản không chỉ là một cơ quan cai trị. Nó còn là một cơ quan quản lý kinh tế, một bộ máy điều hành nền sản xuất xã hội trên cơ sở phân ánh đúng đắn các quy luật kinh tế xã hội chủ nghĩa, đáp ứng đúng những yêu cầu khách quan của sản xuất và của quá trình phát triển sản xuất xã hội chủ nghĩa. Chính phải xuất phát từ đó mà xác định cơ cấu, quy mô, nhiệm vụ, quyền hạn và phương thức hoạt động của các cơ quan Nhà nước lãnh đạo kinh tế (như các Bộ công nghiệp, nông nghiệp, thương nghiệp, v.v.) » (tr. 39). Có nhiên chúng ta không cầu toàn vì xã hội ta đang trong quá trình chuyển biến.

Ba là, không chỉ nhận thức mà cả ý thức tư tưởng của con người cũng thường lạc hậu hơn thực tế. Chuyển sang giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa là một sự nhảy vọt từ nô lệ làm thuê hoặc từ làm chủ cả thê sang làm chủ tập thể. Thích ứng với bước nhảy vọt ấy, phải có một sự nhảy vọt về mặt ý thức tư tưởng: phải đấu tranh loại bỏ tàn dư tư tưởng của chủ nghĩa thực dân mới, tư tưởng tư sản, cải tạo các loại tư tưởng phi vô sản khác để xác lập tư tưởng làm chủ tập thể. Hiện nay bọn hành trưởng, bá quyền Trung-quốc câu kết với đế quốc Mỹ và các bọn phản động khác đang tiến hành chiến tranh tâm lý, chống phá ta về mặt tư tưởng, song song với việc chống phá ta về nhiều mặt khác. Rõ ràng chế độ xã hội cũ mất đi, nhưng những nọc

độc của nó vẫn còn lại, và kẻ thù giai cấp và dân tộc vẫn tìm mọi cách phun nọc độc của chúng. Do đó cuộc đấu tranh trên mặt trận tư tưởng là một cuộc đấu tranh rất phức tạp và lâu dài. Đồng chí Lê-Duẩn chỉ rõ ngay giai cấp công nhân là giai cấp lãnh đạo cũng không tránh khỏi tiềm nhiệm phải những nọc độc ấy. « Làm chủ tập thể là bản chất và bản lĩnh của giai cấp công nhân, người tiêu biểu cho phương thức sản xuất tiên tiến và cho chế độ xã hội mới. Tuy nhiên, giai cấp công nhân mà đội ngũ đã và đang phát triển nhanh chóng, cũng bị nhiễm những tư tưởng không vô sản, mà phổ biến là nếp nghĩ, lối thói, tác phong của người sản xuất nhỏ » (tr. 140). Tất cả những cái đó là những trở ngại ghề gớm trên con đường xây dựng chế độ làm chủ tập thể. Nó có khả năng xuyên tạc, bóp méo, thậm chí phá hoại những thiết chế, tổ chức, quy định đã được đặt ra hoàn toàn phù hợp với yêu cầu của chế độ làm chủ tập thể. Nó gây ra và làm tăng thêm tình trạng độc đoán, chuyên quyền, mất dân chủ, ức hiếp quần chúng, tình trạng phân tán, tản mạn, vô tổ chức, vô chính phủ và không biết bao nhiêu điều tệ hại khác, vi phạm quyền làm chủ của nhân dân, phá hoại nguyên tắc tổ chức, tính kỷ luật của chế độ làm chủ tập thể.

Xây dựng chế độ làm chủ tập thể vì vậy là cả một quá trình đấu tranh để giải quyết vấn đề « ai thắng ai? » trên mọi lĩnh vực chính trị, kinh tế, tư tưởng, văn hóa, và đặc biệt phức tạp, lâu dài, dai dẳng trên lĩnh vực ý thức tư tưởng.



Tất cả những điều mà đồng chí Lê-Duẩn đã chỉ ra cho thấy: không thể có ảo tưởng về một chế độ làm chủ tập thể hoàn thiện ngay một lúc. Song chúng ta có thể và cần phải xây dựng

chế độ làm chủ tập thể và đó là *một chế độ làm chủ tập thể chưa hoàn bị, đang trong quá trình xây dựng* và do đó phải *phù hợp với trình độ đã đạt được của cách mạng trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội*. Lại phải thấy rõ sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa đang diễn ra trong quá trình đấu tranh quyết liệt giữa một bên là nhân dân ta do Đảng lãnh đạo và một bên là bọn phản động bành trướng, bá quyền Trung-quốc cầu kết với đế quốc Mỹ và các bọn phản động khác. Do đó phải không ngừng khắc phục những hạn chế khách quan, những khuyết điểm và nhược điểm chủ quan, không ngừng *tạo ra những điều kiện khách quan, trau dồi năng lực và phẩm chất chủ quan* để từng bước xây dựng và không ngừng hoàn thiện chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa.

Chế độ làm chủ tập thể là kết quả tổng hợp của cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học kỹ thuật và cách mạng tư tưởng và văn hóa, trong đó cách mạng khoa học kỹ thuật là then chốt. Nhưng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa ra đời, được củng cố và hoàn thiện từng bước *không phải một cách tự động mà thông qua hoạt động được tổ chức một cách tự giác của nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo của Đảng*.

Trước hết đó là hoạt động có tổ chức nhằm tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng để cải tạo, xây dựng toàn bộ xã hội từ cơ sở kinh tế đến kiến trúc thượng tầng theo nguyên tắc xã hội chủ nghĩa, cũng tức là theo nguyên tắc của chủ nghĩa tập thể.

Đồng chí Lê-Duẩn *đặc biệt nhấn mạnh công tác tổ chức trong lĩnh vực kinh tế*. Bởi vì đây là một công tác khó khăn nhất mà lại mới mẻ đối với chúng ta, và làm tốt công tác này sẽ tạo điều kiện vật chất để bảo đảm quyền làm chủ tập thể của nhân dân

lao động và tạo cơ sở vững chắc cho chế độ làm chủ tập thể

Đồng chí đề cập nhiều đến việc xây dựng cơ cấu công nông nghiệp, lấy huyện làm địa bàn kết hợp nông nghiệp với công nghiệp ngay từ đầu, việc xác định các mối quan hệ giữa kinh tế trung ương và kinh tế địa phương, việc tổ chức các đơn vị kinh tế cơ sở, xây dựng bộ máy và hệ thống quản lý kinh tế với những hình thức tổ chức, thiết chế, chế độ, chính sách và cơ chế hoạt động phù hợp với trình độ phát triển của chúng ta hiện nay.

Trong công tác tổ chức, đồng chí Lê-Duẩn đặt lên hàng đầu việc xây dựng cơ chế Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý. Đồng chí đi sâu làm sáng tỏ vai trò và trách nhiệm lãnh đạo của Đảng, quan hệ giữa Đảng và Nhà nước, phương thức công tác và chế độ làm việc của các cơ quan của Đảng nhằm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng để bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân. Đồng chí đặc biệt nhấn mạnh vai trò quản lý của Nhà nước, phân tích kỹ chức năng quản lý của Nhà nước, đề ra phương hướng và biện pháp cải tiến công tác quản lý của Nhà nước nhằm bảo đảm Nhà nước quản lý để nhân dân làm chủ.

Đồng chí Lê-Duẩn cho rằng xét về mặt chủ quan, khuyết điểm và nhược điểm của chúng ta trong công tác tổ chức là nguyên nhân chủ yếu khiến chúng ta chưa xây dựng được chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa như chúng ta mong muốn.

Để khắc phục khuyết điểm và nhược điểm ấy, chúng ta phải đi sâu nghiên cứu để *nắm vững quy luật khách quan của xã hội nước ta, đặc biệt là những quy luật kinh tế xã hội trong chặng đường trước mắt của thời kỳ quá độ*. Đồng chí Lê-Duẩn nhắc nhở chúng ta không những phải nắm quy luật xã hội mà phải nắm đầy đủ,

sâu sắc khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật. Những khoa học đó là những tri thức mà loài người tích lũy được trong quá trình đấu tranh để giải phóng mình. Có nắm được những khoa học đó mới nói đến làm chủ (xem các tr. 31—32).

Chúng ta không xây dựng chế độ làm chủ tập thể một cách chung chung, trừu tượng, mà xây dựng nó một cách cụ thể ở Việt-nam. Cho nên phải đi sâu nắm thực tế Việt-nam. Nắm tình hình xã hội Việt-nam là nắm những đặc điểm về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, lịch sử, truyền thống của dân tộc, nắm được tình hình khí hậu, thời tiết, đất đai, tài nguyên thiên nhiên, tiềm năng về lực lượng sản xuất của đất nước. Đó là làm chủ đồng thời là điều kiện để làm chủ.

Trên cơ sở nắm quy luật và nắm thực tế phải đề ra được nhiệm vụ, chủ trương, chính sách đúng đắn phản ánh lợi ích của chủ nghĩa xã hội, tức kết hợp được hài hòa ba lợi ích, lợi ích của xã hội, lợi ích của tập thể, lợi ích của cá nhân người lao động phù hợp với tính thống nhất khách quan của chúng, đồng viên quần chúng hành động cách mạng với tư cách là người chủ thật sự.

Nhân dân lao động làm chủ là để thực hiện lợi ích của mình vừa theo nghĩa rộng vừa theo nghĩa cụ thể của từ, và như đồng chí Lê-Duẩn nói: « Trong chế độ làm chủ tập thể, lợi ích toàn xã hội, lợi ích từng tập thể và lợi ích của từng người lao động là nhất trí. Sự nhất trí giữa ba lợi ích đó, một đặc điểm cơ bản của chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, là một động lực rất quan trọng để xây dựng xã hội mới, phát triển kinh tế, đẩy mạnh sản xuất » (tr. 156).

Ngoài ra còn « phải biết tổ chức thực hiện, nghĩa là phải tạo ra phương tiện để thực hiện chủ trương đường lối » (tr. 31).

Phải biết cách làm ra những hình thức tổ chức thích hợp với những cơ chế hoạt động thích hợp cho từng lĩnh vực hoạt động nhằm lời cuốn quần chúng đi vào hành động cách mạng; tạo nên những phong trào cách mạng sâu rộng, sôi nổi và liên tục. « Cuối cùng phải làm sao cho mọi người lao động có nhiệt tình cách mạng cao, thì mới có thể làm chủ được » (tr. 35). Quá trình xây dựng nhiệt tình cách mạng là quá trình làm cho quần chúng thấy được sự đúng đắn của đường lối, nhiệm vụ, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, nhận rõ lợi ích của mình trong đường lối, nhiệm vụ, chủ trương, chính sách ấy, do đó mà quần chúng tin tưởng, phấn khởi, tự giác thực hiện với nhiệt tình cách mạng cao.

Để làm được điều ấy, trước hết cán bộ, đảng viên, những người có trách nhiệm lãnh đạo quần chúng phải là những phần tử tiên tiến, giác ngộ nhất, có ý thức tổ chức và kỷ luật nhất, nắm vững đường lối, nhiệm vụ, chủ trương của Đảng, quyết tâm lãnh đạo, giáo dục, thuyết phục, vận động quần chúng cùng hành động cách mạng theo mình và phải tự mình nêu gương về nhiệt tình cách mạng.



Với những nội dung cơ bản nêu ra trên đây, tác phẩm Về làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa đem lại cho chúng ta những nhận thức có hệ thống về chế độ làm chủ tập thể — một cống hiến của Đảng ta vào kho tàng lý luận chủ nghĩa cộng sản khoa học —, chỉ cho chúng ta phương hướng rõ ràng để xây dựng từng bước chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa phù hợp với trình độ phát triển trong từng giai đoạn của cách mạng xã hội chủ nghĩa. Tác phẩm Về làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa còn góp phần giúp chúng ta quán triệt sâu sắc hơn những vấn đề cơ bản trong nghị quyết Đại hội thứ V của Đảng.

Có biết tự học mới nắm được kiến thức khoa học

Giáo sư ĐÀO-VĂN-TIẾN

TRONG thời đại hiện nay, với số kiến thức tăng lên theo cấp số nhân với thời gian, việc tự học tự nhiên ngày càng trở thành bắt buộc đối với mọi người ở bất kỳ lứa tuổi nào. Trước kia, ta có thể ỷ vào số vốn kiến thức do nhà trường trang bị để dùng trong 15 - 20 năm. Nhưng nay, chỉ sau 5 năm, một nửa số kiến thức cũ đã lỗi thời. Quả có tính chất tiên tri, câu nói của Lê-nin hồi đầu thế kỷ: "Học, học nữa, học mãi!". Ai cũng thấy tự học là cần thiết, nhưng nhiều người chưa có cách tự học tốt.

Những thiếu sót trong tự học.

Hiện nay, thiếu sót trong phương pháp tự học thể hiện ở nhiều mặt.

Học thiếu hệ thống khá phổ biến. Người thì học lồi, tức chỉ học những môn mình thích. (Đây có ý nói chung đối với thanh niên ngày nay). Thiên hướng là chỉ thích học các môn khoa học tự nhiên, mà coi nhẹ các môn học nhân văn, thí dụ như lịch sử, địa lý... Tầm quan trọng của môn sử, nhất là sử cũ đối với hoạt động con người, đã được chứng minh. Thanh niên không biết hoạt động của tổ tiên, ông cha ngày trước, sẽ không được trang bị những kiến thức cần thiết

đề ứng phó với những tình huống đã từng diễn ra trong quá khứ sẽ gặp sau này. Địa lý cũng là môn học thường được xem nhẹ, có biết đâu, đây là khoa học nhập môn của mọi người muốn biết về đất nước và con người của nước mình và của thế giới.

Trong khoa học tự nhiên, còn có lập luận: cần gì học nấy, nên chỉ quan tâm tới các kiến thức thực dụng trong toàn bộ hệ thống kiến thức khoa học. Thí dụ, người ta bằng lòng với kiến thức về khoa học chăn nuôi, trồng trọt, vì coi là gần với sản xuất nông nghiệp, mà gạt sang hàng thứ yếu kiến thức sinh học, không hiểu rằng kiến thức sinh học từ khi trở thành khoa học là cơ sở vững chắc của nông học.

Coi nhẹ kiến thức phổ thông của các ngành khoa học tự nhiên và khoa học nhân văn mà chỉ chú trọng tới kiến thức nghề nghiệp, hiển nhiên ta vẫn có thể làm được những việc cụ thể trước mắt, song do không nắm được những điều cơ bản của khoa học và không có tầm hiểu biết rộng rãi, ta sẽ không thể hiểu được và ứng phó được với nhiều tình huống đa dạng trong đời sống.

Không ít học sinh học tập còn nông cạn, chỉ căn cứ vào một vài cuốn sách, không tham khảo tài liệu có liên quan, thậm chí có nhiều học sinh không

đọc cả sách giáo khoa, mà chỉ dựa vào vở chép bài giảng của thầy giáo. Bài giảng của thầy không thể nào chứa đủ kiến thức của một chương trình. Một sách giáo khoa cũng chỉ nêu số kiến thức tối thiểu vừa đủ cho chương trình. Muốn nắm vững dù chỉ số kiến thức tối thiểu đó, cũng phải đọc thêm nhiều tài liệu bổ sung khác, huống chi muốn tham gia một công trình nghiên cứu có ý nghĩa.

Có người còn chọn bài đề học, nhằm đối phó với thi cử, không hiểu rằng toàn bộ chương trình môn học là một hệ thống kiến thức có liên quan, chương này bổ khuyết cho chương khác, khái niệm này dẫn dắt tới khái niệm kia. Cách học "tủ" không bảo đảm cho việc trang bị kiến thức có hệ thống của môn học.

Đối với cán bộ Đảng và Nhà nước thì phổ biến là học không có kế hoạch. Đọc tài liệu tùy tiện không theo trật tự nào hết. Khi thì đọc liên tục cả ngày, sau đó bỏ bằng sách vở hàng tuần. Chưa đọc hết cuốn sách này, đã sang cuốn sách kia. Không đọc dứt điểm từng tài liệu. Có giáo trình lưu năm này sang năm khác. Cách học tùy tiện này không thể nào bảo đảm cho kiến thức thành hệ thống, cho nên chúng bị lãng quên rất nhanh, không giúp gì cho sự suy nghĩ. Công sức và thời gian bị lãng phí vô ích.

Cũng khá phổ biến là cách học thụ động, thiếu biện luận. Người ta chấp nhận không suy nghĩ những kiến thức nêu trong sách hay bài giảng của ông thầy và sẵn sàng lặp lại nguyên xi cho người khác theo kiểu con vẹt. Thậm chí có người còn chịu học thuộc lòng những điều mà họ chưa hiểu hay chưa hiểu rõ. Không ít người còn tin tưởng mù quáng vào những ý niệm của các «thánh nhân».

Trước kia, nhiều người sùng đạo, coi Kinh Thánh là chân lý, nhất là nếu nhà thờ lại có quyền lực thật sự đối với con người. Kinh Thánh có

nói «Trái đất đứng im và mặt trời xoay quanh trái đất» và «Thượng đế sinh ra con người đầu tiên là A-đam và E-và». Phải đến khi Co-pec-nic và Ga-li-lê đặt lại vấn đề «Thế nếu trái đất xoay quanh mặt trời thì sao?» và Đắc-uyn đặt lại vấn đề «Người là một loài vật, tất nhiên phải do một loài vật sinh ra» và rồi biết bao trí tuệ phải lao động hết thế hệ này đến thế hệ khác theo hướng đó, loài người mới khám phá ra được quy luật vận động của vũ trụ và quy luật tiến hóa của sinh vật.

Kiến thức của con người ngày càng mở rộng, phong phú và chính xác hơn. Lịch sử khoa học đã chứng minh rõ ràng điều này. Với tốc độ phát triển của cách mạng khoa học và kỹ thuật hiện giờ, thì sách giáo khoa nào cũng phải được viết lại sau 5 năm và cũng sau 5 năm, ông thầy nào cũng phải được bổ túc thêm về kiến thức.

Tất cả các cách tự học không khoa học trên đây dẫn tới hậu quả là kiến thức không vững bền, và điều quan trọng là không rèn cho người học có đầu óc suy luận, tính sáng tạo — một bộ phận quan trọng của trí tuệ.

Phải tập đọc cho nhanh.

Nhiều nhà khoa học đã công nhận kỹ nguyên hiện đại là kỷ nguyên của tốc độ. Đời sống công nghiệp buộc mọi người phải tăng cường tốc độ trong sản xuất, sinh hoạt và cả trong học tập. Thời gian có hạn, mà yêu cầu về vật chất và tinh thần của con người ngày càng cao.

Trong các dạng thông tin, đọc có tốc độ tương đối cao, khoảng 250 từ một phút, chỉ kém có suy nghĩ, với tốc độ 500 từ một phút.

Tuy nhiên, so với tốc độ phát triển của cách mạng khoa học và kỹ thuật hiện giờ, tốc độ 250 từ/phút của một người có trình độ học văn trung bình không còn hợp thời nữa. Cần tập

luyện làm sao để nâng cao tốc độ lên gấp đôi, gấp ba, mới bảo đảm được việc theo dõi thời sự trong nghiệp vụ của mình. Hiện nay, ở nước Cộng hòa dân chủ Đức đã thành lập một học viện huấn luyện tốc độ đọc cho con người. Sau sáu tuần, học viên có thể đạt tốc độ ít nhất 500 từ một phút.

Xin giới thiệu một cách đọc tài liệu để nắm những ý niệm chính, nếu không có nhiều thì giờ. Trước hết, đọc phần mở đầu để biết được mục đích yêu cầu của tác giả và chủ đề của tài liệu. Xong, xem qua phần kết luận hoặc phần tóm tắt, tức phần cụ thể hóa yêu cầu của chủ đề. Tiếp đấy, xem qua phần mục lục, đánh dấu những chương quan trọng nhất, đọc cần thận các chương này. Sau đó, lướt qua các chương khác, nếu còn thì giờ.

Phải cố gắng suy nghĩ.

Nhà bác học Anh-xtanh đã nêu tầm quan trọng của sự suy nghĩ trong khi tự học như sau: Đọc quá nhiều nhưng ít cố gắng suy nghĩ sẽ đi tới thói quen lười tri tuệ.

Đọc tài liệu là hoạt động không thể thiếu của người tự học. Nhưng đọc tài liệu có nhiều cách. Đọc tài liệu mà không nắm được nội dung của tài liệu, là « hạ cách ». Đọc tài liệu mà chỉ biết nội dung của tài liệu, là « trung cách ». Đọc tài liệu mà mở rộng kiến thức ra ngoài nội dung của tài liệu, đây là « thượng cách ».

Đọc tài liệu không giống đọc truyện giải trí — khi đọc truyện giải

trí, có thể dùng « hạ cách ». Cách này chỉ thích hợp cho việc giải lao tinh thần, nhưng khi đọc tài liệu nghiên cứu, phải dùng ít nhất « trung cách ».

Có nhà giáo dục học đã giới thiệu một phương pháp rèn luyện cách đọc tài liệu như sau để nắm vững được ý niệm và cả lời văn, nếu muốn, của tài liệu.

Đọc một chương ngắn trước; đọc chậm chạp, vừa đọc vừa hình dung những ý niệm trong sách thành hình ảnh, chưa chú ý tới lời văn. Khi đã đọc hết chương, hãy thử giải thích cho một người nghe tưởng tượng, để làm cho người đó hiểu. Tiến hành việc này trong khoảng 15 phút. Nếu muốn rèn luyện cả câu văn, đọc lại chương đó, lần này chú ý tới lời văn. Xong rồi, gấp sách lại và theo dõi các hình ảnh gợi ra trong óc. Viết lại nội dung chương đó, sửa chữa các lỗi chính tả và ngữ pháp. Hãy lặp lại khoảng 10 lần, tới lúc ta viết được gần giống như tác giả.

« Trung cách » là yêu cầu tối thiểu đối với người tự học. Muốn tiến bộ nhanh, người tự học phải vươn lên tới « thượng cách ». Muốn thế, sau khi đã nắm được ý niệm của tài liệu, phải đặt nhiều câu hỏi: làm thế nào mà người ta đạt được ý niệm đó? Quan hệ của ý niệm này với các ý niệm khác thế nào? Tại sao chỉ là ý niệm này mà không là ý niệm kia? Để giải đáp các câu hỏi trên, phải tự tìm tài liệu tham khảo để đọc thêm, phải trao đổi ý kiến, thảo luận để có thêm kiến thức, thỏa mãn yêu cầu tìm hiểu của mình. Và đây cũng là cách đọc tài liệu của Mác và Lê-nin.

Chống chiến tranh phá hoại về kinh tế của địch

THIỆN - NHÂN

 TRONG cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt của bọn bành trướng, bá quyền Trung-quốc cầu kết chặt chẽ với đế quốc Mỹ, chiến tranh phá hoại kinh tế giữ một vị trí và vai trò đặc biệt quan trọng. Đối với chúng ta, nếu cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt nói chung của địch là một kiểu chiến tranh mới mà chúng ta cần có những hiểu biết đầy đủ, thì chiến tranh phá hoại kinh tế nói riêng của địch lại càng đòi hỏi có sự nghiên cứu kỹ càng. Bài này xin nêu lên mấy ý kiến về vấn đề đó.

★

Trong khi xem xét chiến tranh phá hoại kinh tế của địch, chúng ta cần đặt nó trong toàn bộ cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt, trong chiến lược toàn cầu phản cách mạng và âm mưu cơ bản, lâu dài của địch, đồng thời đặt nó trong tình hình kinh tế thế giới, nhất là trong hoàn cảnh kinh tế - xã hội của nước ta hiện nay. Từ đó, thấy rõ nội dung, tính chất cuộc chiến tranh ấy.

Trên phạm vi toàn thế giới, kẻ địch coi chiến tranh phá hoại kinh tế là một mũi nhọn thực hiện chiến lược toàn cầu phản cách mạng chống

các nước xã hội chủ nghĩa. Đó là vì yếu tố kinh tế là cái quyết định cuối cùng trong cuộc đấu tranh để giải quyết vấn đề « ai thắng ai » giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản, giữa con đường xã hội chủ nghĩa và con đường tư bản chủ nghĩa. Các nước xã hội chủ nghĩa không phát triển được kinh tế, không nâng cao được đời sống nhân dân, thì không thể bảo đảm tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa. Trong thời đại ngày nay, kinh tế luôn luôn là một vấn đề nóng bỏng, một động lực chạy đua trong cuộc đấu tranh gay go, phức tạp giữa hai hệ thống xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa. Hệ thống tư bản chủ nghĩa đang lâm vào cuộc tổng khủng hoảng kinh tế trầm trọng, triển miên. Cùng với việc tiến hành « chiến tranh nóng » tại một số khu vực và ráo riết chuẩn bị « chiến tranh nóng » trên quy mô thế giới, chủ nghĩa đế quốc và bọn phản động đang thực tế tiến hành « chiến tranh lạnh » bằng cách phá hoại về các mặt kinh tế, chính trị, tâm lý, tư tưởng và lối sống, nhằm thực hiện âm mưu gây rối ren, bạo loạn, lật đổ từ bên trong đối với các nước xã hội chủ nghĩa và các nước dân tộc dân chủ. Chiến tranh phá hoại kinh tế được coi là nguồn kích thích hiệu nghiệm tạo nên sự chống đối công khai và ngầm ngầm.

vì nó đánh vào những nhu cầu thiết yếu nhất của con người trong cuộc sống hằng ngày, giúp sức đắc lực cho sự phá hoại về chính trị, tư tưởng, văn hóa, dẫn đến tình trạng lộn xộn, hỗn loạn, suy yếu toàn diện và sụp đổ hoàn toàn trong các nước đó.

Ở nước ta, chiến tranh phá hoại về kinh tế của địch đang được tiến hành rất ráo riết, thâm độc. Đây là một cuộc chiến tranh thật sự, có lực lượng, đối tượng, thủ đoạn, mục tiêu rõ ràng, chứ không phải chỉ là những hoạt động phá hoại bình thường. Gắn chặt với các mặt phá hoại khác, chiến tranh phá hoại kinh tế là một mặt quan trọng trong cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch. Vì sao vậy? Vì địch phá hoại ta về kinh tế là đánh vào chỗ mà ta đang gặp khó khăn nhiều nhất. Vừa ra khỏi cuộc chiến tranh giải phóng hơn 30 năm, đất nước ta phải gánh chịu những hậu quả nặng nề về các mặt, nhất là về mặt kinh tế. Những hậu quả ấy cùng với cái nghèo nàn, lạc hậu của nền kinh tế nước ta đang từ sản xuất nhỏ đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, lại thêm sự non kém của chúng ta, đã gây nên những khó khăn to lớn. Đánh vào kinh tế, kẻ địch hòng ngăn cản bước tiến tất yếu của đất nước ta sau khi được hoàn toàn giải phóng là cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Và như vậy cũng chính là đánh vào nguyện vọng tha thiết nhất của nhân dân ta sau bao nhiêu năm chiến đấu gian khổ, đầy hy sinh, muốn có hòa bình yên ổn để xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc trong xã hội xã hội chủ nghĩa. Phá hoại ta về kinh tế, địch còn nhằm làm suy yếu tiềm lực quốc phòng của ta.

Do đó, có thể nói, chiến tranh phá hoại kinh tế là ngón đòn hiểm độc nhất trong chiến lược chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch đối với đất nước ta hiện nay.



Phá hoại ta về kinh tế, địch nhằm làm cho ta không đủ sức khắc phục những khó khăn gay gắt hiện nay, không có điều kiện thuận lợi để xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, kinh tế của ta không phục hồi và phát triển được, đời sống của nhân dân ta không ổn định, tâm lý bất mãn phát triển, lòng tin giảm sút, nhân đó chúng có thể dễ dàng thực hiện âm mưu xâm lược thôn tính nước ta. Cùng với các mặt phá hoại khác, chúng hy vọng chiếm được nước ta mà không phải dùng đến chiến tranh lớn, thực hiện kế hoạch « không đánh mà thắng ». Khi nói về tình trạng kinh tế của nước Nga bị phá hoại và hỗn loạn trong mấy năm đầu sau Cách mạng Tháng Mười, Lê-nin đã chỉ rõ: « Phá hoại, đó là mưu đồ làm phục hồi thiên đường cũ của bọn bóc lột và địa ngục cũ của những người lao động ». Bọn phá hoại « duy trì sự hỗn loạn kinh tế và đồng thời lại đổ trách nhiệm cho chúng ta » (1). Vì thế, cái đích cuối cùng của chiến tranh phá hoại kinh tế là thực hiện mưu đồ chính trị phản cách mạng. Thực tế trong thời gian qua chứng tỏ rằng, Trung-quốc, Mỹ và các bọn phản động khác ngày càng câu kết với nhau, bàn mưu tính kế phá hoại ta về kinh tế. Trước năm 1975, Trung-quốc và Mỹ đã có những kế hoạch phá hoại ta. Sau thất bại của cuộc chiến tranh xâm lược tháng 2-1979, bọn phản động Trung-quốc lại bàn tính với bọn việt gian, tay sai của chúng, tiến hành « chiến tranh từ nhiều phía », đánh mạnh vào « bộ não và dạ dày » của ta. Những năm gần đây, Trung-quốc, Mỹ, Nhật-bản, Thái-lan... đã có những hành động nhằm bao vây kinh tế đối với nước ta. Gần đây, bọn phản động Trung-quốc còn mở rộng quan hệ và tăng cường buôn bán với nhiều nước để

(1) V.I. Lê-nin: Toàn tập, Nxb Tiến-bộ, Mát-xcơ-va, 1978, tập 35, tr. 374, 373.

thực hiện cái gọi là "triệt đề cô lập" Việt-nam về mặt kinh tế.

Cuộc chiến tranh phá hoại về kinh tế của địch cũng diễn ra trên nhiều mặt. Chúng phá ta về đường lối kinh tế. Chúng gieo rắc hoài nghi, hòng làm cho nhân dân ta không tin tưởng rằng đường lối kinh tế của ta là đúng đắn và thực hiện được. Chúng xuyên tạc và phá hoại các chủ trương, chính sách của ta về cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, về mối quan hệ giữa tự lực tự cường và hợp tác quốc tế về kinh tế, ráo riết bao vây và phá ta về quan hệ kinh tế đối ngoại, cấm vận, thúc ép các tư nhân và công ty các nước tư bản không ký hợp đồng hoặc hủy bỏ, kéo dài, cắt xén, thu hẹp đến mức tối thiểu các hợp đồng kinh tế đã ký với ta, đặt ra nhiều điều kiện rắc rối trong quan hệ kinh tế giữa họ và ta. Chúng tung ra những luận điệu xuyên tạc vai trò lãnh đạo của Đảng ta trong lĩnh vực kinh tế. Chúng rất chú trọng phá các cơ sở vật chất kỹ thuật, các tài sản xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là các kho tàng, hén cặng, các cơ sở công nghiệp quy mô lớn, có máy móc thiết bị hiện đại, vật tư kỹ thuật quý, hiếm, các cơ sở nghiên cứu, ứng dụng khoa học kỹ thuật trong các ngành công nghiệp quan trọng, nghiên cứu, ứng dụng, nhân và sản xuất giống trong nông nghiệp, các cơ sở giao thông vận tải trọng yếu, các công trình thủy lợi, những vật tư, nguyên liệu, hàng hóa chiến lược và đáp ứng những yêu cầu cấp thiết nhất của đời sống. Chúng đẩy mạnh phá hoại sản xuất, lưu thông, phân phối, giá cả, tiền tệ, đặc biệt là chính sách giá cả, tiền tệ, thị trường và lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, hàng tiêu dùng hiện nay. Chúng tổ chức nhiều ổ buôn lậu, kẻ cả buôn lậu quốc tế, buôn lậu ngoại tệ và hàng quốc cấm, rút vàng, đá quý của ta ra nước ngoài, tuồn hàng xa xỉ vào nước ta. Chúng lợi dụng bọn gian thương tổ

chức đầu cơ những mặt hàng chiến lược, những nguyên liệu có tính chất sống còn của nền kinh tế quốc dân và những nhu yếu phẩm trong đời sống, tổ chức in, tàng trữ, lưu hành bạc giả, làm sụt giá đồng tiền của ta, lũng đoạn thị trường. Trên biên giới phía bắc nước ta, bọn phản động Trung-quốc lập ra nhiều cửa hàng công nghệ phẩm, nhiều chợ trời để bán, đổi và mua của đồng bào các dân tộc nước ta các thứ như rế hồi, râu ngô non, móng chân trâu... nhằm phá hoại sản xuất. Chúng dùng hàng hóa để mua chuộc, lôi kéo người của ta, tổ chức buôn bán trái phép, và lợi dụng việc buôn bán để tung gián điệp, thám báo vào nội địa ta thu thập tin tức tình báo, tổ chức phá hoại. Có những liên tởng chúng tỏ rằng, chúng đã dùng cả những chệt độc hóa học, còn trùng, vi trùng để phá sản xuất, ám hại người của ta.

Kẻ địch còn tích cực sử dụng chiến tranh gián điệp và chiến tranh tâm lý, tư tưởng để tăng cường chiến tranh phá hoại về kinh tế. Chiến tranh gián điệp và chiến tranh tâm lý, tư tưởng của địch ngày nay rất chú trọng phục vụ việc phá hoại kinh tế. Sau khi tiến hành thu thập tình báo kinh tế, lấy cắp bí mật kinh tế, địch vạch ra kế hoạch cụ thể để phá hoại. Chúng tìm cách đi sâu vào nội bộ các cơ quan kinh tế, tổ chức nội gián, mua chuộc các cán bộ khoa học kỹ thuật, cán bộ ngoại thương, nhất là loại cán bộ trẻ có triển vọng, làm tay sai, bán bí mật kinh tế cho chúng. Chính những tên gián điệp, tình báo đã tham gia chỉ đạo phá hoại kinh tế hoặc trực tiếp hoạt động phá hoại kinh tế. Chiến tranh tâm lý, tư tưởng cũng được tiến hành ráo riết để gây tâm trạng hoang mang lo lắng, bất mãn về đời sống kinh tế, thúc đẩy những cách làm ăn không chính đáng, những hoạt động làm rối loạn thị trường, làm mất ổn định giá cả, phá rối sản xuất, gieo rắc tư tưởng ăn chơi, lười

lao động, «sống gấp», chỉ thích hưởng thụ, tiêu xài, vô tổ chức, vô kỷ luật. Đáng chú ý là, bằng những của cải vật chất tung ra, địch phá hoại nội bộ ta, lôi kéo, làm sa đọa, biến chất một bộ phận cán bộ, đảng viên ta, nhất là kích động một số thanh niên chạy theo lối sống vật chất phương Tây, lôi kéo một số người chạy ra nước ngoài. Địch cũng dùng cả chiến tranh quân sự giúp sức đặc lực cho chiến tranh phá hoại kinh tế. Ở những vùng biên giới, ven biển, hải đảo, chúng bắn phá, đột nhập có vũ trang, cướp bóc các cơ sở kinh tế của ta, gây thiệt hại và làm mất ổn định công cuộc xây dựng, sản xuất và đời sống của nhân dân ta.

Kẻ địch không từ một thủ đoạn thâm độc nào để phá ta, từ những thủ đoạn công khai, trắng trợn, đến những thủ đoạn ngấm ngấm, tinh vi, xảo quyệt. Chúng tổ chức từng đợt, từng chiến dịch phá hoại, nhắm vào những nơi hiểm yếu, những thời điểm chính trị quan trọng. Chúng phá từ ngoài vào, từ trong ra, phá ở từng địa phương và trong cả nước. Bằng các phương tiện thông tin, tuyên truyền, hàng tâm lý chiến, quà tặng, thư từ trao đổi, các cuộc hội nghị, tiếp xúc, quan hệ quen biết, bạn bè, chúng xuyên tạc tình hình và đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước ta, chúng lôi kéo, mua chuộc, kích động tư tưởng chống đối trong cán bộ và nhân dân ta. Chúng tìm mọi cách lợi dụng những khó khăn, sơ hở, non kém, thiếu sót của ta, đặc biệt là trong tổ chức quản lý kinh tế, những hiện tượng tiêu cực trong xã hội ta, và những cán bộ, nhân viên thoái hóa, biến chất. Chúng móc nối với những phân tử phản cách mạng, ra sức lợi dụng bọn lưu manh còn đó, bọn phạm tội hình sự, sử dụng bọn làm ăn phi pháp — bọn bóc lột mới, để tăng thêm lực lượng phá ta. Đó cũng là quy luật của sự cầu kết giữa kẻ địch bên ngoài và bọn phản động bên

trong trong cuộc đấu tranh giữa địch và ta.

Như vậy, rõ ràng đây là một cuộc đấu tranh giai cấp gay go, quyết liệt và rất phức tạp. Cuộc đấu tranh này không phải chỉ là trên lĩnh vực kinh tế, mặc dù trận địa của nó là kinh tế mà còn liên quan chặt chẽ với các lĩnh vực chính trị, tư tưởng, văn hóa, xã hội. Bởi vì kẻ thù của chúng ta luôn luôn hành động theo phương châm «càng làm cho nền kinh tế của ta xấu đi bao nhiêu, càng tốt bấy nhiêu. Như vậy, nhân dân sẽ nhanh chóng thất vọng và sẽ quay lưng lại với cách mạng». Kinh nghiệm của nước Nga sau Cách mạng Tháng Mười; của Ba-lan và một số nước khác cho thấy, kẻ thù câu kết với nhau, đã điên cuồng phá hoại kinh tế như thế nào, và ần náu sau những hành động phá hoại đó là những mưu đồ chính trị nguy hiểm biết chừng nào. Kẻ tổ chức chủ yếu các hoạt động phản cách mạng về kinh tế trong thời đại ngày nay, là bọn tư bản độc quyền Mỹ và bọn phân động quốc tế. Bọn tư bản độc quyền Nhà nước, các đảng và các tổ chức chính trị tư sản đóng vai trò xung kích. Bọn phản cách mạng và những phân tử xấu trong mỗi nước là những tên trực tiếp tham gia vào việc phá hoại đó. Tính chất phức tạp của cuộc đấu tranh này thể hiện ở chỗ nó không có chiến tuyến rõ ràng, kẻ địch phá hoại về các mặt từ nhỏ đến lớn, lợi dụng mọi khó khăn, sơ hở, non kém, mọi lực lượng tiêu cực trong xã hội ta hiện nay, và điều phức tạp hơn cả là kẻ địch dùng nhiều thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt làm lẫn lộn ta và chúng trong các vụ phá hoại để tránh sự trừng trị của ta và để có thể tiếp tục hoạt động.



Trong cuộc chiến tranh này, chúng ta không phải chỉ chống lại một kẻ

thù, mà là mấy kẻ thù, chủ yếu là bọn bành trướng, bá quyền Trung-quốc và đế quốc Mỹ, không phải chỉ đơn thuần chống phá hoại về kinh tế, mà còn phải chống phá hoại về các mặt khác. Có thể nói, chưa bao giờ chúng ta phải chống lại một cuộc chiến tranh phá hoại kinh tế phức tạp như bây giờ. Đánh thắng cuộc chiến tranh đó là điều hết sức quan trọng để chúng ta làm thất bại hoàn toàn cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch, góp phần to lớn vào việc thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược hiện nay là xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Vì thế, đây là một nhiệm vụ cấp bách, nặng nề, khó khăn của toàn Đảng, toàn dân ta. Song không phải mọi người chúng ta ai cũng đã hiểu rõ cuộc chiến tranh phá hoại này, nhất là hiểu rõ những âm mưu, thủ đoạn của địch. Do đó, muốn đánh thắng trong cuộc chiến tranh này, điều quan trọng trước hết là nâng cao sự hiểu biết của mọi người về cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt nói chung và cuộc chiến tranh phá hoại về kinh tế nói riêng của địch. Từ đó có ý thức cảnh giác cao, lòng căm thù sâu sắc đối với sự phá hoại của địch. Ngày nay, chúng ta căm thù sâu sắc không chỉ đối với hành động xâm lược của chúng, mà còn đối với mọi hành động phá hoại của chúng. Vì những cái mà chúng phá hoại là những cái mà chúng ta phải đồ biết bao mồ hôi và cả xương máu mới có được; hành động phá hoại đó chính là chuẩn bị cho hành động xâm lược của chúng. Dùng nhiều hình thức thiết thực, sinh động như viết báo, nói chuyện, phát thanh, truyền hình, triển lãm... để nâng cao hiểu biết và cảnh giác của mọi người dân đối với cuộc chiến tranh phá hoại của địch là một việc rất cần thiết của công tác giáo dục chính trị, tư tưởng của Đảng và Nhà nước ta hiện nay.

Có hiểu biết và cảnh giác, còn phải tổ chức phòng ngừa tốt. Vì đó là cách chống tốt nhất. Cho nên, để đáp ứng những yêu cầu mới của cuộc đấu tranh hiện nay, vấn đề bảo vệ trong các cơ sở và cơ quan kinh tế, khoa học, kỹ thuật, các cơ sở vật chất, kỹ thuật... cần được xem xét lại một cách toàn diện theo những nhận thức đúng đắn, phù hợp với tình hình hiện nay và thể hiện trong kế hoạch cụ thể, thiết thực. Nhiều tổ chức bảo vệ cần được chấn chỉnh để bảo đảm sự trong sạch, trung thành, kiên cường của những con người làm công tác bảo vệ; cần thực hiện nghiêm túc chức trách, nhiệm vụ của tổ chức và từng con người bảo vệ, chấm dứt ngay tình trạng người bảo vệ lại là người lấy cắp hoặc tiếp tay cho kẻ phá hoại. Kẻ địch luôn luôn tìm cách phá từ trong ra, cho nên bảo vệ trong nội bộ từng đơn vị, cơ sở là hết sức quan trọng. Thủ trưởng, ban lãnh đạo cơ quan, xí nghiệp... nên quan tâm xem xét vấn đề bảo vệ nội bộ, kịp thời chỉ ra những sơ hở, thiếu sót, biểu dương, khen thưởng những hành động tốt, thực hiện chế độ trách nhiệm cá nhân nghiêm ngặt.

Trong tình hình hiện nay, phát động và xây dựng được phong trào quần chúng bảo vệ an ninh, chống lại các mặt phá hoại của địch, nhất là về kinh tế là một đòi hỏi cấp thiết. Ngoài việc giáo dục nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa cho quần chúng, chúng ta cần hướng phong trào bảo vệ an ninh của quần chúng vào những yêu cầu, nội dung mới và áp dụng những hình thức tổ chức hoạt động thích hợp, thiết thực. Bảo vệ an ninh bây giờ không phải chỉ là trên lĩnh vực chính trị, mà cả trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, tư tưởng, xã hội. An ninh chưa bao giờ gán bó chặt chẽ với quốc phòng như hiện nay. Thủ đoạn, đối tượng và mục tiêu hoạt động của địch có phần khác trước. Hoàn cảnh và tâm trạng của quần

chúng cũng không hoàn toàn như xưa. Quân chúng cần có những điều kiện nhất định để họ có thể tích cực tham gia bảo vệ. Thái độ kiên quyết ủng hộ và bảo vệ của các cơ quan Nhà nước có trách nhiệm đối với những con người có hành động tích cực, dũng cảm, việc khen thưởng thích đáng và nêu gương kịp thời, mạnh mẽ những điển hình tốt về bảo vệ, sự trừng trị đích đáng những phần tử phá hoại và thi hành kỷ luật nghiêm minh đối với những sai lầm, khuyết điểm trong công tác bảo vệ, là những yếu tố kích thích thật sự phong trào quần chúng bảo vệ an ninh. Chỉ có dựa trên sự tổng kết phong trào bảo vệ an ninh trong thời kỳ qua, nghiên cứu những yêu cầu, nội dung, hình thức của nó trong giai đoạn mới, mới có cơ sở khoa học đưa phong trào tiến lên.

Các cơ quan chuyên chính, nhất là công an và quân đội cần phối hợp chặt chẽ với nhau trong một kế hoạch chung, làm tốt vai trò lực lượng trực tiếp chiến đấu, nòng cốt trong đấu tranh chống phá hoại của địch, đồng thời làm tham mưu đắc lực cho các cấp Đảng và chính quyền, vạch ra được những phương án phòng ngừa và đấu tranh có hiệu quả. Các lực lượng công an và chuyên trách bảo vệ đi sâu vào khoa học, nghiệp vụ chuyên môn bảo vệ kinh tế, xác định đúng và kịp thời nguyên nhân của những vụ phá hoại kinh tế, trừng trị nghiêm khắc bọn tội phạm kinh tế, loại trừ bọn nội gián. Đồng thời cũng với các ngành có liên quan, đánh bại chiến tranh gián điệp, chiến tranh tâm lý, tư tưởng của địch, cũng là

góp phần quan trọng chống lại chiến tranh phá hoại kinh tế của chúng.

Một biện pháp tích cực và cơ bản là chúng ta ra sức đẩy mạnh sản xuất, thực hành tiết kiệm nghiêm ngặt, bảo đảm ổn định và cải thiện đời sống của nhân dân. Sản xuất luôn luôn gắn liền với bảo vệ sản xuất. Không thể có công việc sản xuất nào mà lại không có bảo vệ. Sự bảo vệ ấy nằm ngay trong bản thân quá trình sản xuất. Điều có ý nghĩa quyết định là các cấp Đảng, chính quyền quan tâm lãnh đạo và chỉ đạo sát sao. Sự lãnh đạo và chỉ đạo đó chủ yếu thể hiện ở chỗ nắm chắc tình hình, chỉ ra những phương hướng đấu tranh, bảo vệ đúng, kịp thời, tổ chức được lực lượng chuyên trách và quần chúng bảo vệ thật sự đáp ứng yêu cầu của cuộc đấu tranh, tạo điều kiện thuận lợi về vật chất và tinh thần cho nó hoạt động tốt.



Với truyền thống mấy chục năm đấu tranh gian khổ, tự lực tự cường vươn lên, lại được các nghị quyết của Đại hội thứ V của Đảng soi sáng và tăng thêm sức mạnh mới, nhân dân ta có điều kiện và nhất định sẽ đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại kinh tế của địch. Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta với những cố gắng cao nhất của mình, kiên quyết đánh thắng chiến tranh phá hoại kinh tế cũng như toàn bộ cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch. Đồng thời bảo đảm cho đất nước luôn luôn sẵn sàng, có đủ sức mạnh đánh thắng kẻ thù trong bất cứ tình huống nào.

Một số vấn đề về

CHIẾN LƯỢC QUÂN SỰ TRUNG-QUỐC

NHUẬN - VU

Nội dung của đường lối chính trị Trung-quốc hiện nay đã được Đặng-Tiêu-Binh nêu lên như sau: "Trong thập kỷ 80, chúng ta phải làm ba việc chủ yếu sau đây: 1) Việc thứ nhất là chống chủ nghĩa bá quyền trên thế giới... 2) Việc thứ hai là đưa Đài-loan trở về với Tổ quốc... 3) Việc thứ ba là phải đẩy mạnh kinh tế, tức là xây dựng 4 hiện đại hóa" (Tân hoa xã ngày 16-1-1980).

Thực tế chứng tỏ Bắc-kinh trương chiêu bài « chống chủ nghĩa bá quyền » để thực hiện đường lối bành trướng và bá quyền nước lớn của chính mình. Bắc-kinh tiến hành « 4 hiện đại hóa » mà trung tâm là « hiện đại hóa quân sự » để tạo cơ sở vật chất kỹ thuật cho việc thực hiện đường lối ấy. Theo đường lối ấy, Bắc-kinh sẵn sàng khuất phục trước chính sách « hai nước Trung-hoa » của chính quyền Bi-gân, tăng cường cầu kết với Mỹ cùng với các đế quốc và các loại phản động khác trên thế giới, cam chịu lép vế về làm « đồng minh dân em » của đế quốc Mỹ.

Chính trên nền tảng đường lối chính trị phản cách mạng này, các thế lực phản động trong giới cầm quyền Bắc-kinh vạch ra chiến lược quân sự của Trung-quốc. Trong chiến lược quân sự, điều quan trọng trước hết là xác định đối tượng chiến tranh. Năm 1979,

bộ trưởng quốc phòng Trung-quốc đã nói: "Mục tiêu của chương trình 4 hiện đại hóa là nhằm đưa Trung-quốc lên địa vị một nước hùng mạnh không những đứng vững tại phương Đông của thế giới mà còn trở thành một lực lượng to lớn chống chủ nghĩa bá quyền và bảo vệ hòa bình trên thế giới... Chúng ta có biên giới dài với các nước đại bá và tiểu bá, không phận và hải phận bao la, điều kiện địa dư và khí hậu đa dạng, nhiệm vụ tác chiến khác nhau, vì vậy chúng ta phải nghiên cứu và sản xuất ra các loại vũ khí, trang bị phù hợp với việc tác chiến trong mọi điều kiện" (tạp chí *Hồng kỳ*, 10-1979).

Trong việc thực hiện tham vọng làm bá chủ thiên hạ, giới cầm quyền Bắc-kinh thấy rõ chúng đang vấp phải hai trở lực lớn: Liên-xô, trụ cột của lực lượng cách mạng và của hòa bình thế giới, đang ngăn chặn các mưu mô gây « đại loạn » của chúng, và Việt-nam là nước trực tiếp ngăn chặn sự bành trướng, bá quyền của chúng xuống phương Nam, trước hết xuống khu vực bán đảo Đông-dương và Đông Nam châu Á. Trong hàng nghìn năm lịch sử, con đường tiến về phương Nam được bọn bành trướng, bá quyền Trung-quốc xem là con đường thuận lợi nhất, là nấc thang đầu tiên để leo lên ngôi « bá chủ thiên hạ ». Chính vì

thế, bộ trưởng quốc phòng Trung-quốc năm 1979 đã trắng trợn khẳng định đối tượng chiến tranh của Trung-quốc là «đại bá» và «tiểu bá», những từ do Bắc-kinh bịa ra để gán cho Liên-xô và Việt-nam. Khẳng định đối tượng như vậy, Bắc-kinh chia mũi nhọn của bộ máy chiến tranh Trung-quốc và mọi hoạt động khác vào hai đối tượng: Liên-xô và Việt-nam. Bắc-kinh không mấy may trực tiếp hoặc gián tiếp nói đến chủ nghĩa đế quốc Mỹ và chủ nghĩa quân phiệt Nhật-bản. Trái lại, Bắc-kinh công khai tự nhận là thành viên của «NATO phương Đông», tức là chúng xem Mỹ, Nhật-bản là đồng minh quân sự của chúng, ráp tâm xây dựng trục tam giác Oa-sinh-ton - Tô-ki-ô - Bắc-kinh.

Ở đây cần điếm qua một số sự kiện lịch sử trong cách mạng Trung-quốc liên quan đến vấn đề xác định đối tượng chiến tranh. Trong thời kỳ nội chiến thứ nhất và thứ hai chống Tưởng-Giới-Thạch, Đảng cộng sản Trung-quốc đã xác định đối tượng chiến tranh là chế độ Tưởng-Giới-Thạch. Trong cuộc kháng chiến chống Nhật-bản, đối tượng chiến tranh được xác định là đế quốc Nhật-bản. Sau khi nước Cộng hòa nhân dân Trung-hoa ra đời, đối tượng chiến tranh được xác định là đế quốc Mỹ và Đài-loan.

Thế nhưng từ năm 1957 trở đi, Mao-Trạch-Đông và tập đoàn theo Mao ngày càng tráo trở. Chủ nghĩa bành trướng, bá quyền ngày càng chi phối đường lối chính trị của Bắc-kinh. Đảng cộng sản Trung-quốc bị Mao và tập đoàn theo Mao phá hoại. Một bước ngoặt đã diễn ra khi Mao tiến hành «cách mạng văn hóa» và công khai ve vãn Mỹ (nói «công khai», vì thật ra, lịch sử cho thấy, từ thời kỳ Diên-an, Mao đã ngấm ngấm muốn bắt tay với Mỹ, nhưng không thành), coi Liên-xô là kẻ thù và từ đấy lờ đi

không dả động gì đến Mỹ nữa, rồi công khai tuyên bố Liên-xô là kẻ thù số một của Trung-quốc. Bắc-kinh từng bước chuyển sang câu kết ngày càng chặt chẽ với Mỹ. Chúng sa đọa đến mức phản bội hẳn lại những người bạn chí tình trước đây của mình, chính thức xác định đối tượng chiến tranh của chúng là Liên-xô và Việt-nam. Chúng công khai kêu gọi thành lập «cơ cấu chống trả chung», tức là biến dạng của «mặt trận quốc tế thống nhất rộng rãi» để chống Liên-xô và Việt-nam. Với chủ trương cực kỳ phản động đó, tập đoàn theo Mao đã vứt bỏ mọi thứ mặt nạ, lộ nguyên hình là kẻ phản bội lớn nhất, kẻ phản cách mạng tệ hại nhất.

Riêng đối với khu vực Đông Nam châu Á, Bắc-kinh xem Việt-nam là đối tượng chiến tranh chủ yếu. Chúng câu kết với Mỹ triển khai những hoạt động thù địch toàn diện chống Việt-nam, tiến hành một kiểu chiến tranh phá hoại về nhiều mặt, tiến tới lật đổ và thôn tính.

Từ xác định đối tượng chiến tranh, Bắc-kinh đã vạch ra những nhiệm vụ quân sự trước mắt và lâu dài. Tại Đại hội IX của Đảng cộng sản Trung-quốc (tháng 4-1969), tức là sau khi Mao đã gạt được Lưu-Thiếu-Kỳ, phá Đảng cộng sản Trung-quốc, chiếm độc quyền lãnh đạo, Bắc-kinh đã nêu lên nhiệm vụ quân sự số một của chúng là: «chống đế quốc, chống xét lại và phản động thế giới, tiến hành chuẩn bị chiến tranh toàn diện». Theo cách nói trên đây thì Trung-quốc chuẩn bị tiến hành chiến tranh vừa chống Liên-xô vừa chống Mỹ. Nhưng về thực chất, tập đoàn Mao chủ yếu chuẩn bị chiến tranh chống Liên-xô, vì ngay từ lúc đó Mao đã công khai chia tay về phía Mỹ và chỉ còn chờ Mỹ đáp lại. Trên thực tế, từ 1969 đến 1977 (Đại hội XI Đảng cộng sản Trung-quốc), Bắc-kinh ngày càng câu kết chặt chẽ với Mỹ, với những thế lực phản động quốc tế,

tập trung mũi nhọn vào Liên-xô. Từ khi phái Đặng-Tiểu-Bình thắng thế tại Trung-nam-hải thì Bắc-kinh càng xác định rõ nhiệm vụ quân sự số một của chúng là xúc tiến việc chuẩn bị chiến tranh trên quy mô thế giới bằng vũ khí thông thường lẫn vũ khí hạt nhân chống Liên-xô.

Nhiệm vụ quân sự thứ hai mà Bắc-kinh đã xác định có tầm bao quát rộng lớn về không gian và lâu dài về thời gian. Chúng đã tự xem là hậu phương lớn của những lực lượng phản động quốc tế tiến hành hoạt động vũ trang tại nhiều khu vực trên thế giới.

Bắc-kinh cũng khai viện trợ quân sự cho nhiều chính quyền phát xít như bọn độc tài Pi-nô-chê ở Chi-lê, bọn Mô-bu-tu ở Da-ia... Cùng với Mỹ, chúng giúp đỡ Pa-ki-xtan về quân sự, huấn luyện và trang bị vũ khí cho bọn phản động Áp-ga-ni-xtan để đưa chúng trở về hoạt động chống phá cách mạng Áp-ga-ni-xtan. Lợi dụng việc giúp đỡ một số lực lượng đang hoạt động vũ trang tại một số nước ở khu vực Đông Nam châu Á, chúng âm mưu biến những lực lượng này thành những "con ngựa thành Troia" của chúng, đồng thời dùng những lực lượng này làm mồi hàng để mặc cả với những nước liên quan.

Bắc-kinh đang xây dựng một vành đai "lực lượng đặc biệt" trên suốt dải biên giới rừng núi phía nam của chúng chạy từ Áp-ga-ni-xtan đến Việt-nam. Chúng đã xây dựng những trung tâm huấn luyện "lực lượng đặc biệt" và tung vào hoạt động tại nhiều nước có biên giới tiếp giáp với Trung-quốc. Những trung tâm này được đặt tại hai tỉnh Vân-nam và Quảng-tây.

Nhiệm vụ quân sự thứ ba được xác định nhằm thực hiện chức năng đối nội của quân đội Trung-quốc. Nhân ngày quốc khánh thứ 30, một nhà lãnh đạo Trung-quốc đã nói rõ chức năng đối nội đó là: « Cùng với dân binh, quân giải phóng nhân dân

Trung-quốc phải tích cực tham gia và bảo vệ chương trình 4 hiện đại hóa ». Tại hội nghị công tác chính trị toàn quân, Hồ-Điệu-Bang tuyên bố: « Quân đội là trụ cột vững chắc của nước Trung-hoa mới và quân đội phải đi đầu trong việc thực hiện đường lối của Đảng » (Tân hoa xã, 1-2-1981).

Giới cầm quyền Bắc-kinh còn quy định cho quân đội Trung-quốc nhiệm vụ giữ gìn trật tự an ninh trong nước, xây dựng kinh tế. Chúng gọi quân đội Trung-quốc là một "quân đội chiến đấu - công tác - sản xuất". Về thực chất, chúng sử dụng quân đội như là một công cụ chuyên chính nhằm trấn áp những người chống lại tập đoàn theo Mao, đàn áp nhân dân Trung-quốc và phục vụ cho những âm mưu tranh giành quyền lực của chúng tại Trung-nam-hải.

Từ những nhiệm vụ đã xác định, Bắc-kinh đặt trọng điểm vào việc xây dựng các binh đoàn chính quy, đặc biệt là các binh chủng kỹ thuật.

Năm 1979, bộ trưởng quốc phòng Trung-quốc đã viết: « Về vũ khí, chúng ta phải phát triển vũ khí thông thường là chủ yếu; đồng thời tiếp tục phát triển vũ khí hạt nhân và vũ khí mũi nhọn. Chúng ta phải phát triển vũ khí hạt nhân nhằm phá sự lũng đoạn vũ khí hạt nhân và để thực hiện phòng thủ, chứ không thể hy vọng giành thắng lợi bằng vũ khí hạt nhân... Trước hết, chúng ta phải dựa trên cơ sở hiện có, xuất phát từ yêu cầu luôn luôn chuẩn bị đánh nhau để tăng cường cải tiến và nâng cao tinh năng chiến đấu của vũ khí trang bị hiện có. Đồng thời... phấn đấu để trong một thời gian ngắn đổi mới trang bị quân đội ta, từng bước đạt trình độ tiên tiến của thế giới » (Tập chí Hồng-kỳ, 10-1979).

Trong lực lượng vũ trang Trung-quốc hiện nay, quân đội chính quy là lực lượng chủ yếu. Lực lượng vũ trang quần chúng quan trọng nhất. Nông

zốt của lực quân vẫn là các quân đoàn bộ binh. Bắc-kinh đang ra sức « hiện đại hóa » các dã chiến quân Trung-quốc bằng cách dần dần đổi mới trang bị vũ khí, đặc biệt là trang bị cho lực quân Trung-quốc một số vũ khí hiện đại như máy bay trực thăng chiến đấu, xe tăng, đại bác, tên lửa chống tăng... Đồng thời Bắc-kinh tỏ ra đặc biệt quan tâm xây dựng quân địa phương và dân binh.

Trong phương hướng xây dựng lực lượng vũ trang, do xuất phát từ chủ nghĩa bành trướng, bá quyền, Bắc-kinh đã bắt chập tình hình kinh tế khốn quẫn, vẫn ráo riết tăng cường vũ khí tiến công hiện đại nhằm tiến hành các cuộc chiến tranh xâm lược. Tuy nhiên, do những hạn chế về kinh tế tài chính, do trình độ khoa học kỹ thuật thấp kém trong quân đội và ngoài quân đội, do tình hình nội bộ tiếp tục hỗn loạn, Bắc-kinh đang vấp phải những khó khăn lớn trong việc hiện đại hóa và xây dựng các lực lượng vũ trang.

Bắc-kinh đã xác định rằng phải dồn mọi cố gắng vào việc thực hiện chương trình 4 hiện đại hóa trong hai thập kỷ 80 và 90. Tuy nhiên, vào giữa năm 1981, Bắc-kinh đã phải thừa nhận rằng cuộc điều chỉnh nền kinh tế quốc dân Trung-quốc sẽ phải kéo dài và đến cuối thế kỷ này chúng cũng chỉ đạt mục tiêu thực hiện giai đoạn đầu của chương trình 4 hiện đại hóa. Việc xây dựng lực lượng hạt nhân, đặc biệt là lực lượng hạt nhân chiến lược, phải được đặt trên cơ sở một nền công nghiệp hiện đại phát triển, nền khoa học kỹ thuật tiên tiến, đồng thời đòi hỏi phải chỉ tiêu những số tiền rất lớn. Đứng về mặt này mà xét, khả năng của Trung-quốc rất hạn chế. Song do Bắc-kinh lấy việc hiện đại hóa quân sự làm mục tiêu rất quan trọng cho nên chúng vẫn ra sức sản xuất một số tên lửa vượt đại châu và tàu ngầm chạy bằng năng lượng

nguyên tử mang tên lửa đạn đạo chiến lược, đồng thời tiếp tục chế tạo một số vũ khí hạt nhân chiến thuật, thậm chí chúng còn đang học đòi Mỹ chế tạo bom nơ tơ rôn.

Tuy nhiên, giữa tham vọng và khả năng thực tế còn một khoảng cách rất xa. Lực lượng hạt nhân hiện nay của Trung-quốc là những phương tiện mà chúng sử dụng nhằm đe dọa các nước nhỏ và « răn đe trả đũa » đối với những nước lớn có vũ khí hạt nhân. Về cơ bản, việc xây dựng lực lượng hạt nhân vẫn còn là công việc về lâu về dài của Bắc-kinh.

Bắc-kinh chủ trương lấy việc xây dựng lực lượng thông thường làm động lực. Do đó, chúng chú trọng chế tạo những vũ khí thông thường, kể cả những thứ có thể được sử dụng làm phương tiện phóng bom và đầu đạn hạt nhân như máy bay ném bom, tàu ngầm.

Trong đường lối xây dựng lực lượng vũ trang, Bắc-kinh vẫn chú trọng đến số lượng người đông, xem đó là chỗ mạnh chủ yếu của chúng. Tuy nhiên, chúng không thể không thấy rằng quân đội Trung-quốc ngày nay có những nhược điểm cơ bản: nội bộ chia rẽ, tinh thần sút kém sau những cuộc rối loạn triền miên trong nước, sau chiến tranh xâm lược Việt-nam, trình độ khoa học kỹ thuật rất kém cỏi. Do đấy, Bắc-kinh chủ trương đẩy mạnh việc bồi dưỡng về chính trị các sĩ quan và binh lính Trung-quốc, đặc biệt là nuôi nhét chủ nghĩa sô vanh đại lãn cho họ. Mặt khác, chúng ra sức đẩy mạnh việc huấn luyện để nâng cao trình độ kỹ thuật thích hợp với những điều kiện của chiến tranh hiện đại và nâng cao trình độ nắm khoa học kỹ thuật, sử dụng vũ khí trang bị hiện đại trong quân đội Trung-quốc.

Trong khi tiếp tục nêu cao vai trò của con người trong chiến tranh,

chúng đang nhấn mạnh tầm quan trọng đặc biệt của vũ khí trang bị kỹ thuật trong chiến tranh hiện đại. Tuy nhiên, trong lĩnh vực này chúng đang vấp phải những khó khăn nan giải do trình độ khoa học kỹ thuật của đất nước nói chung còn rất thấp kém. Do hậu quả của "cách mạng văn hóa", trình độ văn hóa nói chung của thanh niên Trung-quốc ngày nay đã bị đẩy lùi hàng chục năm. Đây là một tình trạng mà Bắc-kinh khó có thể khắc phục nổi trong nhiều năm trước mắt.

Bắc-kinh đang ra sức ổn định và củng cố hậu phương chiến tranh của chúng. Trung-quốc có dân đông, đất rộng, nhưng kinh tế còn lạc hậu, lại ở vào vị trí địa lý chiến lược tại châu Á, có mặt thuận lợi cho việc thực hiện tham vọng bành trướng, nhưng cũng dễ bị tiến công đánh trả, đặc biệt tại những nơi trọng yếu nhất như khu vực công nghiệp Đông-bắc và khu vực trung tâm chính trị - công nghiệp Bắc-kinh, Thiên-tân. Hậu phương lại dễ bị rối loạn về chính trị và thường có nguy cơ nội chiến đe dọa.

Bắc-kinh đang ra sức xây dựng hậu phương chiến tranh trong cả hai trường hợp chiến tranh thông thường và chiến tranh hạt nhân. Từ đặc điểm địa lý của Trung-quốc, Bắc-kinh chủ trương đánh lâu dài với đối phương mạnh hơn trong cả hai loại chiến tranh nói trên.

Mao-Trạch-Đông đã nêu lên phương châm "tích cực chuẩn bị chiến tranh, đào hãm sâu, tích trữ lương thực". Thực chất của quan điểm này là ráo riết chuẩn bị mọi loại hình chiến tranh, bất chấp thời gian kéo dài bao lâu, nhằm đạt cho được mục tiêu bá chủ thiên hạ.

Bắc-kinh chủ trọng đặc biệt xây dựng các tỉnh biên giới thành bàn đạp trực tiếp cho chiến tranh biên giới, chiến tranh xâm lược. Chúng đang tích cực xây dựng những tỉnh giáp giới phía nam và phía bắc, chia mũi

nhọn vào Liên-xô và Việt-nam. Đồng thời, chúng xây dựng Tây-tạng thành bàn đạp đe uy hiếp Ấn-độ và bành trướng xuống Tây Nam châu Á.

Trong xây dựng kinh tế, Bắc-kinh đi theo con đường quân sự hóa, đẩy mạnh việc xây dựng những khu vực công nghiệp phục vụ cho việc chế tạo vũ khí hạt nhân và vũ khí «mũi nhọn», xây dựng những địa bàn chiến lược cho việc thử và bố trí những loại vũ khí này, như các khu vực Thanh-hải, Tân-cương. Đồng thời, Bắc-kinh chú trọng phát triển công nghiệp vũ khí thông thường chủ yếu như sản xuất máy bay chiến đấu, xe tăng, máy bay trực thăng, pháo, tàu chiến, và đang cố mua một số vũ khí hiện đại của phương Tây để làm mẫu chế tạo. Đây là một gánh nặng khủng khiếp đối với nền kinh tế khốn quẫn của Trung-quốc đang lao đao từ đợt «điều chỉnh» này sang đợt «điều chỉnh» khác. Khả năng có hạn không thể đáp ứng được những tham vọng ngông cuồng của Trung-nam-hải. Càng theo đuôi Mỹ lao mạnh trên con đường chạy đua vũ trang được ngụy trang dưới chiêu bài «hiện đại hóa quốc phòng», Bắc-kinh càng lún sâu trong cuộc khủng hoảng toàn diện.

Trước tình hình kinh tế ngày càng khốn quẫn, và để xoa dịu sự bất mãn của nhân dân, để lừa bịp thiên hạ, Bắc-kinh buộc phải nói đến việc giảm bớt số quân, giảm bớt ngân sách quân sự. Tuy nhiên, theo dư luận phương Tây, ngân sách quân sự vẫn chiếm «phần sự từ» trong ngân sách quốc gia Trung-quốc; những chi tiêu quân sự ngoài ngân sách rất lớn. Gần đây, ngoài miệng Bắc-kinh không còn nói «chiến tranh thế giới là không thể tránh khỏi» và đã đổi giọng, nói đến hòa bình. Đó chỉ là thủ đoạn bịp bợm. Trên thực tế, Bắc-kinh vẫn đẩy mạnh hiện đại hóa quân sự, tích cực chuẩn bị chiến tranh lớn, chủ trương đẩy Mỹ và Liên-xô đối chọi nhau để «tọa sơn

quan hồ dầu », gây « đại loạn » trên thế giới, tiếp tục viện trợ quân sự cho Pa-ki-xtan, bọn phiến loạn Ấp-gani-xtan, bọn tàn quân Pôn Pốt, gây tình hình căng thẳng khắp nơi, nhen nhóm lò lửa chiến tranh ở những nơi chúng có điều kiện thực hiện.

Bắc-kinh ấp ủ mưu mô xúc tiến việc thành lập trực quân sự «Oa-sinh-ton - Tô-ki-ô - Bắc-kinh» nhằm chống Liên-xô, chống Việt-nam, chống ba đồng thạc cách mạng trên thế giới. Chúng hy vọng rằng một quân đội Trung-quốc hùng mạnh được Mỹ, Nhật-bản và các nước trong khối NATO chấp cho nhanh vượt sẽ trở thành một quân đội «vô địch trên thiên hạ». Điều đó khiến cho cả loại người phải hết sức cảnh giác. Song trong điều kiện so sánh lực lượng hiện nay, Bắc-kinh không dễ gì thực hiện được tham vọng của nó.

Do đường lối chính trị phản động, Trung-quốc ngày nay đang lún sâu

trong cuộc khủng hoảng toàn diện - từ khủng hoảng lòng tin đến hỗn loạn kinh tế và đấu đá chính trị nội bộ triền miên. Mặt khác, quan hệ giữa Trung-quốc và những «người bạn mới» là Mỹ, Nhật-bản, Tây Âu không phải lúc nào cũng thuận buồm xuôi gió, mà đầy giấy mầu thuẫn. Đây là quan hệ giữa những kẻ «đồng sàng dị mộng» lợi dụng lẫn nhau trên cơ sở cái gọi là «trùng hợp lợi ích chiến lược».

Từ những nhân tố trên đây, chúng ta thấy rõ rằng chiến lược quân sự Trung-quốc ra đời trong khi những kẻ ngự trị tại Trung-nam-hải đang «lực bất tòng tâm». Nó vừa bộc lộ bản chất bành trướng và bá quyền nước lớn của Bắc-kinh, vừa chứa đựng nhiều mâu thuẫn nan giải, và vì vậy nó tất yếu sẽ phải phá sản trước sự thức tỉnh của nhân dân Trung-quốc và trước thế tiến công vũ bão của ba đồng thạc cách mạng trên thế giới.

Sự bùng nổ số dân và sức ép của nó

(Tiếp theo trang 42)

tương tự giúp cấp ủy Đảng và chính quyền làm việc này.



Cũng như trên các lĩnh vực khác, đường lối và chính sách về số dân của Đảng và Nhà nước ta chỉ có thể thực hiện bằng việc dựa vào sức mạnh tổng hợp của toàn Đảng, toàn dân với các biện pháp giáo dục, hành chính, kinh tế, trong đó trước hết và hàng đầu là nâng cao được nhận thức, ý chí, tình cảm của tất cả mọi người trong xã hội đối với vấn đề này.

Đây là một vấn đề cần được đặt ra cấp bách, chẳng những có quan hệ đến sự phát triển trước mắt của đất nước mà cả đến tương lai lâu dài.

Trước mắt chúng ta cần có sự lựa chọn :

- Hoặc là cứ để số dân phát triển nhanh một cách tự nhiên, để rồi từng thập kỷ qua đi, con người và trước hết là thế hệ trẻ sẽ sống đông đúc trong sự thiếu thốn, nghèo đói, bệnh tật và sẽ lại trở thành những người làm cha, làm mẹ sinh sản ra một thế hệ mới khác cũng sống trong cảnh khổ sở như thế.

- Hoặc là đất nước ta, nhân dân ta làm chủ được việc tăng số dân của mình, cân đối với những khả năng về tài nguyên, về sản xuất để nguồn thu nhập và của cải vật chất chỉ có tăng lên, làm cho chất lượng cuộc sống của mọi người ngày càng cao hơn.

Việc lựa chọn này không phải là vấn đề về khả năng thực hiện mà là vấn đề muốn hay không muốn, vấn đề quyết tâm thực hiện

« ТАПТИ КОНГШАН » № 8 — 1982 г.

ПЕРЕДОВАЯ — Повышать качество воспитательной работы. **НГУЕН ТХИ БИНЬ** — Создать отряд учителей, отвечающий требованиям реформы образования. **НГУЕН ВАН ЧАН** — О перестройке экономики. **НГУЕН СУАН. ХЫУ** — Глубоко усвоить экономический курс партии на предстоящем этапе, наращивать темпы развития местной экономики. **ТЪЕ ВЬЕТ ТАН** — Обновление работы по планированию в центральном, среднем и низовом уровнях. **ВО ЧИ КАС** — Укреплять и развивать хозрасчет, установить право на финансовую самостоятельность предприятия. **ЛЕ НАНГ АН** — Взрыв демографии и его давление. **ХАЙ ДАНГ** — Укрепление сильного рабочего класса в целях строительства сильной партии. **ХЮАН ВУ** — Некоторые проблемы о военной стратегии Китая.

REVIEW OF COMMUNISM № 8 — 1982

EDITORIAL — Raising the Quality of Education. **NGUYỄN-THỊ-BÌNH** — Building Up the Contingent of Teachers with a View to Meeting the Requirements of the Education Reform. **NGUYỄN-VĂN-TRẦN** — On the Rearrangement of the Economy. **NGUYỄN-XUÂN-HỮU** — Thoroughly Grasping the Party's Economic Line in the Short-Term Period and Pushing Up the Regional Economy. **CHẾ-VIỆT-TẤN** — New Changes in the Work of Planning at Different Levels: Central, Local and Grassroots. **VÕ-TRÍ-CAO** — Let's Consolidate and Develop Economic Accounts and Build the Right to Financial Self-Determination of Factories. **LÊ-NĂNG-AN** — The explosion of Population Growth and Its Pressure. **HẢI-ĐĂNG** — Making the Working Class Strong so as to Make the Party Strong. **NHUẬN-VŨ** — Some Problems on Military Strategy of the Chinese Ruling Circle.

REVUE DU COMMUNISME № 8 — 1982

EDITORIAL — Elever la qualité de l'enseignement. **NGUYỄN-THỊ-BÌNH** — Edifier un contingent d'enseignants répondant aux exigences de la réforme de l'enseignement. **NGUYỄN-VĂN-TRẦN** — Sur le réaménagement de l'économie. **NGUYỄN-XUÂN-HỮU** — Bien saisir la ligne économique du Parti dans l'étape à venir, activer le développement de l'économie régionale. **CHẾ-VIỆT-TẤN** — Renover le travail de planification aux divers échelons: centre, région, base. **VÕ-TRÍ-CAO** — Consolider et développer la « comptabilisation économique », édifier l'autonomie financière des entreprises. **LÊ-NĂNG-AN** — L'explosion démographique et sa pression. **HẢI-ĐĂNG** — Edifier une classe ouvrière forte pour pouvoir édifier un Parti fort. **NHUẬN-VŨ** — Quelques problèmes de la stratégie militaire chinoise.

REVISTA DEL COMUNISMO № 8 — 1982

EDITORIAL — Elevar la calidad de la enseñanza. **NGUYỄN-THỊ-BÌNH** — Construir un cuerpo de enseñadores capaces de responder a las exigencias de la reforma educacional. **NGUYỄN-VĂN-TRẦN** — Acerca de la reorganización de la economía. **NGUYỄN-XUÂN-HỮU** — Dominando la línea económica del Partido de la actual etapa, damos un fuerte impulso al desarrollo de la economía regional. **CHẾ-VIỆT-TẤN** — Renovar el trabajo de planificación en todas las instancias tanto en el nivel central como regional y en la unidad de base. **VÕ-TRÍ-CAO** — Mejorar y desarrollar la aplicación del cálculo económico, instaurar el derecho de autofinanciamiento de las empresas. **LÊ-NĂNG-AN** — La explosión demográfica y su presión. **HẢI-ĐĂNG** — Fortalecer la clase obrera para edificar un partido fuerte. **NHUẬN-VŨ** — Unos problemas de la estrategia militar de China.

TẠP CHÍ CỘNG SẢN

Số 8

1982

NĂM THỨ XXVII (320)

TRỤ SỞ BỘ BIÊN TẬP :

1, Nguyễn-Thượng-Hiền, Hà-nội

Dây nói : 52061, 52062

**TRỤ SỞ CƠ QUAN THƯỜNG TRƯỞNG
TẠI MIỀN NAM :**

40, Trần-Cao-Vân, T.P. Hồ-Chí-Minh

Dây nói : 22040, 25768

MỤC LỤC

Xã luận — Nâng cao chất lượng giáo dục	1
NGUYỄN-THỊ-BÌNH — Xây dựng đội ngũ giáo viên đáp ứng yêu cầu của cải cách giáo dục	4
NGUYỄN-VĂN-TRÂN — Về vấn đề sắp xếp lại nền kinh tế	11
NGUYỄN-XUÂN-HỮU — Quán triệt đường lối kinh tế của Đảng trong chặng đường trước mắt, phát triển mạnh kinh tế địa phương	17
CHẾ-VIỆT-TẤN — Đôi mươi công tác kế hoạch hóa ở các cấp trung ương, địa phương, cơ sở	23
VÕ-TRÍ-CAO — Củng cố và phát triển hạch toán kinh tế, xây dựng quyền tự chủ tài chính của xí nghiệp	31
LÊ-NĂNG-AN — Sự bùng nổ số dân và sức ép của nó	38
HẢI-ĐĂNG — Xây dựng giai cấp công nhân vững mạnh để xây dựng Đảng vững mạnh	43
Độc sách ★ PHẠM-THÀNH — Nhân đọc tác phẩm của đồng chí Lê-Duẩn Về làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa	50
ĐÀO-VĂN-TIẾN — Có biết tự học mới nắm được kiến thức khoa học	56
THIỆN-NHÂN — Chống chiến tranh phá hoại về kinh tế của địch	59
NHUẬN-VŨ — Một số vấn đề về chiến lược quân sự Trung-quốc.	65

From:

交流圖書
CHIAO LIU PUB

KỶ NIỆM LẦN THỨ 37 CÁCH MẠNG THÁNG TÁM VÀ QUỐC KIỆN 2-9

Tìm đọc:

HỒ-CHÍ-MINH TUYẾN TẬP

Trọn bộ 2 tập (I và II)

HỒ-CHÍ-MINH TOÀN TẬP

Tập I, Tập II

LÊ-DUẤN

Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt-nam

Tác phẩm chọn lọc - tập I, tập II, tập III

TRƯỜNG-CHINH

Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Việt nam

Tác phẩm chọn lọc - tập I, tập II

PHẠM-VĂN-ĐỒNG

Một số vấn đề về Nhà nước

BAN NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ ĐẢNG TRUNG ƯƠNG

Cách mạng Tháng Tám 1945

In lần thứ tư có sửa chữa và bổ sung



NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT

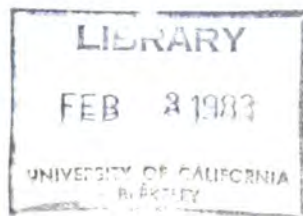
In tại NHÀ IN TẠP CHÍ CỘNG SẢN

Chỉ số: 12651 Giá: 1400

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT-NAM

MAIN/UC-B



9

9.1982

171-110
171-110

171-110
171-110

DỰNG NƯỚC VÀ GIỮ NƯỚC

NĂM 2-9-1945 mãi mãi được ghi vào lịch sử Việt-nam như một trong những ngày vẻ vang nhất của dân tộc. Ngày đó, tại Thủ đô Hà-nội, Chủ tịch Hồ-Chí-Minh đọc bản **Tuyên ngôn độc lập**. Thay mặt dân tộc Việt-nam, Người trịnh trọng tuyên bố với thế giới: « Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng; dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do... Nước Việt-nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do độc lập. Toàn thể dân tộc Việt-nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy ».

Nhà nước cách mạng Việt-nam ra đời từ đây.

Việc thành lập Nhà nước Việt-nam dân chủ cộng hòa — nay là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam — đánh dấu một kỷ nguyên mới trong lịch sử phát triển lâu đời của dân tộc Việt-nam. Dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản đứng đầu là Chủ tịch Hồ-Chí-Minh, nhân dân ta đã vượt đầy lặt đồ chế độ thực dân gần một trăm năm, xóa bỏ nền quân chủ mấy mươi thế kỷ, thành lập chính quyền nhân dân trong cả nước.

Vấn đề chính quyền là vấn đề cơ bản của cách mạng. Giành được chính quyền, nhân dân Việt-nam đã kết thúc thắng lợi một giai đoạn đấu tranh cực kỳ gian khổ chống chủ nghĩa đế quốc và thế lực phong kiến tay sai của nó để tự giải phóng. Nhà nước cách mạng Việt-nam là con đẻ của Cách mạng Tháng Tám (1945) thắng lợi. Đó là thành quả hàng chục năm chiến đấu và hy sinh cực kỳ oanh liệt của giai cấp công nhân và nhân dân Việt-nam dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản quang vinh.

Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám và sự ra đời Nhà nước cách mạng Việt-nam đánh dấu một cuộc thay đổi cực kỳ to lớn trong lịch sử dân tộc Việt-nam. Từ những người nô lệ mất nước, nhân dân Việt-nam đã trở thành những người chủ đất nước; và với tư thế của những người làm chủ, nhân dân Việt-nam chiến đấu để bảo vệ đất nước và lao động để xây dựng đất nước của mình.



Cách mạng Tháng Tám thắng lợi và sự ra đời của Nhà nước cách mạng Việt-nam là một đòn nặng nề giáng vào chủ nghĩa đế quốc quốc tế và

hệ thống thuộc địa của nó. Bọn đế quốc, đứng đầu là đế quốc Mỹ, phối hợp với nhau quyết tâm tiêu diệt Nhà nước cách mạng Việt-nam vừa mới ra đời. Được đế quốc Anh che chở và đế quốc Mỹ chi viện, thực dân Pháp phát động chiến tranh xâm lược hòng lập lại ách thống trị thực dân trên đất nước Việt-nam. Đế quốc Pháp thất bại, đế quốc Mỹ nhảy vào thay thế, tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược cực kỳ tàn bạo hòng ngăn chặn cách mạng Việt-nam.

Vì sao bọn đế quốc kiên quyết chống phá Việt-nam đến như vậy? Vì Việt-nam là nước đầu tiên ở thuộc địa làm cách mạng theo tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin thắng lợi, chính quyền cách mạng do giai cấp công nhân và Đảng cộng sản lãnh đạo, lãnh tụ của Đảng cộng sản đã trở thành người đứng đầu Nhà nước cách mạng. Một nước Việt-nam giải phóng khỏi ách thực dân đi theo con đường xã hội chủ nghĩa sẽ cổ vũ mạnh mẽ các dân tộc bị áp bức ở Á, Phi, Mỹ la tinh nổi dậy vứt bỏ xiềng xích nô lệ và lựa chọn con đường xã hội chủ nghĩa. Đó là một nguy cơ lớn đối với hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc. Trong thời đại ngày nay, thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới, một nước Việt-nam xã hội chủ nghĩa ra đời sẽ thúc đẩy sự sụp đổ của chủ nghĩa đế quốc và sự toàn thắng của chủ nghĩa xã hội. Vì vậy chủ nghĩa đế quốc quyết tâm ngăn chặn cách mạng Việt-nam.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng đứng đầu là Hồ Chủ tịch, nhân dân cả nước ta kiên quyết chiến đấu để bảo vệ chính quyền cách mạng. Với tư cách là người chủ đất nước, nhân dân ta sử dụng bộ máy Nhà nước cách mạng như một vũ khí sắc bén để bảo vệ thành quả cách mạng đã giành được. Nhà nước cách mạng Việt-nam đã có vai trò to lớn động viên các lực lượng vật chất và tinh thần của nhân dân ta trong hai cuộc kháng chiến chống đế quốc Pháp và đế quốc Mỹ. Với cuộc chiến đấu bền bỉ, gian khổ cực kỳ anh dũng, liên tục trong ba chục năm trời, nhân dân Việt-nam lần lượt đánh thắng đế quốc Pháp rồi đế quốc Mỹ, bảo vệ vững chắc Nhà nước cách mạng của mình. Từ Cách mạng Tháng Tám (19-8-1945), Điện-biên-phủ (7-5-1954) đến chiến dịch Hồ-Chí-Minh lịch sử giải phóng Sài-gòn và toàn bộ miền Nam (30-4-1975); từ Việt-nam dân chủ cộng hòa ra đời (2-9-1945) đến Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam được xác lập (2-7-1976), đó là quá trình dựng nước oanh liệt của dân tộc Việt-nam trong thời đại ngày nay. Sau hai lần dựng nước ở kỷ nguyên Văn-lang và ở kỷ nguyên Đại Việt, đây là lần dựng nước thứ ba trong lịch sử hàng nghìn năm của dân tộc Việt-nam ta.



Gần như một quy luật của lịch sử, cứ mỗi lần Việt-nam dựng nước là giai cấp thống trị nước láng giềng không lờ phớt Bác phát động chiến tranh xâm lược. Chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc và bá quyền nước lớn Trung-quốc là mối đe dọa thường xuyên đối với sự tồn tại của Nhà nước Việt-nam độc lập có chủ quyền. Đánh đuổi chủ nghĩa đế quốc phương Tây và thực hiện thống nhất nước nhà chưa được bao lâu dân tộc Việt-nam lại phải đương đầu với thử thách mới do chính sách thù địch của bọn phản động trong giới cầm quyền Trung-quốc gây ra. Ôm mộng tưởng điên cuồng làm trung tâm thiên hạ và thống trị toàn thiên hạ, bọn phản động cầm quyền ở Bắc-kinh ngày nay coi

nước Việt-nam độc lập, thống nhất và xã hội chủ nghĩa là trở ngại lớn đối với ý đồ của chúng bành trướng và làm bá chủ Đông Nam châu Á, rồi tiến lên làm bá chủ thế giới. Tiến hành xâm lược nước ta bằng hai gọng kìm, một mặt chúng sử dụng bè lũ tay sai Pôn Pốt đánh phá nước ta từ phía tây nam, mặt khác chúng đưa sáu chục vạn quân tiến công toàn tuyến biên giới phía bắc nước ta. Nền cao truyền thống bất khuất và khí phách anh hùng của dân tộc, quân và dân ta đã chiến đấu kiên cường, đánh bại hai cuộc chiến tranh xâm lược của bọn bành trướng bá quyền Trung-quốc và tay sai của chúng. Thắng lợi của quân và dân ta trong hai cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc vừa qua có ý nghĩa lịch sử to lớn. Nó chứng tỏ rằng dân tộc ta ngày nay có đủ tinh thần và lực lượng và biết cách đánh thắng chủ nghĩa bành trướng bá quyền đại Hán tộc để giữ vững Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam.

Mặc dù bị thất bại thảm hại, bọn phản động Bắc-kinh vẫn không chịu từ bỏ âm mưu thôn tính nước ta. Được đế quốc Mỹ phụ họa và tiếp sức, hiện nay chúng đang tiến hành một kiểu chiến tranh phá hoại chống nước ta trên các mặt quân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa, bằng nhiều lực lượng khác nhau và nhiều thủ đoạn rất thâm độc. Đồng thời, chúng chuẩn bị khi có điều kiện thì gây chiến tranh xâm lược quy mô lớn chống nước ta. Tình hình đó đòi hỏi nhân dân ta phải thường xuyên nêu cao tinh thần cảnh giác đối với âm mưu và hành động chiến tranh của bọn phản động trong giới cầm quyền Trung-quốc và các thế lực đế quốc hiếu chiến. Nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc đòi hỏi « phải động viên những cố gắng cao nhất của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta kiên quyết đánh thắng kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch, đồng thời bảo đảm cho đất nước luôn luôn sẵn sàng, có đủ sức mạnh đánh thắng kẻ thù trong bất cứ tình huống nào » (1).



Dựng nước không phải là dễ, giữ nước lại càng khó hơn. Thật là sai lầm nếu cho rằng một khi nước đã độc lập thì có thể ngồi mà an hưởng thái bình. Trong lịch sử nước ta đã từng bao phen giành được độc lập rồi lại rơi vào cảnh mất nước. Thời Hai bà Trưng, dân tộc ta giành độc lập được ba năm rồi lại mất nước. Thời Lý-Bôn, Triệu-Quang-Phục, dân tộc ta giành độc lập được sáu mươi hai năm rồi lại mất nước. Sau nhiều thế kỷ nước nhà độc lập, cha con Hồ-Quý-Lý vẫn đề mất nước, vua quan Nhà Nguyễn vẫn đề mất nước,... Rõ ràng, được độc lập rồi mà không nêu cao cảnh giác, tích cực xây dựng lực lượng, sẵn sàng chiến đấu chống ngoại xâm thì cũng có thể lại rơi vào thảm họa mất nước.

Giữ nước và xây dựng đất nước có liên quan mật thiết với nhau. Có giữ được nước mới có thể xây dựng đất nước. Có xây dựng đất nước mới có lực lượng để giữ nước.

Xây dựng đất nước theo con đường nào? Sự lựa chọn về mặt này quyết định sự thành bại của công cuộc giữ nước. Ngày trước, do sự hạn chế của lịch sử, mỗi lần đánh đuổi được giặc ngoại xâm giành lại được độc lập, những người lãnh đạo cuộc chiến đấu giải phóng dân tộc lại thiết lập triều đình phong

(1) Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội thứ V của Đảng.

kiến, vua quan áp bức dân đen, địa chủ bóc lột dân cày, người trong nước không đồng lòng chung sức mà áp bức bóc lột chém giết lẫn nhau, nước ta do đó bị suy yếu, bọn giặc nước ngoài nhân đó đem quân đến cướp nước ta. Ngày nay nếu chúng ta đi theo con đường tư bản chủ nghĩa, giai cấp tư sản bóc lột giai cấp công nhân, sự phân hóa giai cấp ngày càng sâu sắc, người trong nước đấu tranh chống nhau kịch liệt, họa mất nước ắt sẽ không tránh khỏi. Chỉ có đi theo con đường xã hội chủ nghĩa, xóa bỏ giai cấp, xóa bỏ chế độ người bóc lột người, mọi người dân đều làm chủ tập thể đất nước của mình, thì mới có thể thực hiện được đạo lý của dân tộc ta « Người trong một nước thì thương nhau cùng », và khi có giặc ngoại xâm « cả nước chung sức lại mà đánh ». Vì vậy sự nghiệp giữ nước đòi hỏi nhân dân ta phải tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng, xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền văn hóa mới, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa. Có đầy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa nước nhà, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, chúng ta mới có lực lượng hùng hậu để giữ nước.



Xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội: sẵn sàng chiến đấu bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa: đó là hai nhiệm vụ chiến lược mà Đại hội thứ V của Đảng đề ra cho toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta. Đó cũng là lý tưởng cao đẹp và mục tiêu phấn đấu của mỗi người Việt-nam chúng ta ngày nay.

/ Hồ Chủ tịch đã dạy: « Các vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước ». Từ thế hệ này qua thế hệ khác, người Việt-nam chúng ta mãi mãi ghi lòng tạc dạ lời dạy đó của Hồ Chủ tịch và quyết tâm phấn đấu thực hiện cho kỳ được.

TIẾN LÊN HOÀN THÀNH HAI NHIỆM VỤ CHIẾN LƯỢC

(Diễn văn của đồng chí **TỔ-HỮU**, Ủy viên Bộ chính trị
Trung ương Đảng, Phó chủ tịch Hội đồng bộ trưởng, đọc
tại cuộc mít tinh trọng thể mừng Quốc khánh 2-9-1982)

*Thưa đồng chí Tổng bí thư Lê-
Duẩn kính mến,*

*Thưa đồng chí Chủ tịch Hội đồng
Nhà nước Trường-Chinh kính mến,*

*Thưa đồng chí Chủ tịch Hội đồng
bộ trưởng Phạm-Văn-Đồng kính mến,*

Thưa Đoàn chủ tịch,

Thưa các vị khách quốc tế,

Thưa các đồng chí và các bạn,



ÔM nay, cùng đồng
bào cả nước, chúng ta
bân hoan kỷ niệm lần
thứ 37 ngày Cách mạng

Tháng Tám thành công và ngày thành
lập nước Việt-nam dân chủ cộng hòa.
Nhà nước công nông đầu tiên ở Đông-
Nam châu Á, ngày nay là Cộng hòa
xã hội chủ nghĩa Việt-nam. Mỗi lần
kỷ niệm hai ngày vẻ vang này, chúng
ta càng biết bao tự hào với Tổ quốc
và dân tộc anh hùng và càng tăng
thêm biết bao nghị lực, quyết tâm để
tiến lên giành những thắng lợi mới.

37 năm chiến đấu liên tục, nhân
dân ta đã vượt qua muôn vàn gian
nan, thử thách, làm nên ba chiến
công oanh liệt: đánh thắng thực dân

Pháp, đế quốc Mỹ và bọn phản động
Trung-quốc xâm lược, bảo vệ độc lập
chủ quyền, thống nhất hoàn toàn đất
nước và đưa cả nước tiến lên chủ
nghĩa xã hội.

Qua mỗi chặng đường thắng lợi,
đồng bào ta càng tìm thấy sức mạnh
vĩ đại của chân lý « Không có gì quý
hơn độc lập, tự do », của tinh thần
đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc
tê, của chế độ xã hội chủ nghĩa và
quyền làm chủ tập thể của nhân dân
lao động và càng tin tưởng sâu sắc
vào sự lãnh đạo vững vàng của Đảng
công sản Việt-nam, Đảng của giai cấp
công nhân và nhân dân lao động,
Đảng của Chủ tịch Hồ-Chí-Minh kính
yêu, Đảng của trí tuệ và lương tâm
Việt-nam!

Tháng 3 năm 1982 vừa qua, nhân
dân ta đã phấn khởi chào mừng một
sự kiện lịch sử quan trọng: Đại hội
toàn quốc lần thứ năm của Đảng cộng
sản Việt-nam đã họp, vạch ra mục
tiêu và phương hướng phấn đấu cho
những năm 80. Chúng ta hoàn toàn
tin tưởng rằng: những nghị quyết
của Đại hội lần thứ năm của Đảng
nhất định sẽ động viên toàn Đảng,

toàn dân, toàn quân ta phát huy hơn nữa chủ nghĩa anh hùng cách mạng, nỗ lực phấn đấu, khắc phục mọi khó khăn, tiến lên mạnh mẽ và vững chắc, hoàn thành thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa.

Thưa các đồng chí và các bạn,

Trong năm qua, sự nghiệp xây dựng kinh tế, văn hóa của nước ta rõ ràng có bước chuyển biến mới với những thành tích đáng phấn khởi.

Về nông nghiệp, sau vụ mùa năm 1981 thắng lợi, vụ đông xuân năm 1982 được mùa lớn, sản lượng lúa đạt mức cao nhất từ trước đến nay. Ở đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu-long cũng như ở duyên hải miền Trung, một nét nổi bật là đã xuất hiện những huyện đạt năng suất cao bốn—năm tấn một héc ta một vụ, tám—mười tấn một héc ta một năm, mở ra triển vọng tốt đẹp về sản xuất lương thực. Đáng tiếc là các loại hoa màu (ngô, khoai, sắn) giảm sút nhiều về diện tích nên sản lượng lương thực cả năm chỉ tăng được 14 vạn tấn.

Nhiều loại cây thực phẩm, cây công nghiệp phát triển khá, nhất là cây đậu tương, lạc, mía, thuốc lá, chè, đậu, cói, dâu tằm, dừa, cao su... cho thấy những khả năng phong phú trên nhiều vùng của đất nước. Ngành chăn nuôi trâu bò, lợn, gia cầm tiếp tục tiến bộ.

Sản xuất nông nghiệp đạt thắng lợi tương đối toàn diện chứng tỏ hiệu quả của những chính sách mới, những tiến bộ mới về khoa học kỹ thuật và về công tác quản lý, nhất là ở các địa phương và cơ sở. Trong hoàn cảnh vật tư kỹ thuật ít hơn trước và số dân từ sau ngày giải phóng miền Nam tăng thêm hơn sáu triệu người, năm nay khác với nhiều năm qua phải nhập lương thực với số lượng lớn, lần

đầu tiên chúng ta đã cố gắng tự giải quyết được một phần quan trọng vấn đề ăn. Thực tế ngày càng chỉ rõ: nếu biết tập trung hơn nữa sự cố gắng của các ngành, các cấp vào mặt trận hàng đầu là nông nghiệp, đẩy mạnh phong trào hợp tác hóa ở miền Nam, củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới trong cả nước, cải tiến hơn nữa công tác quản lý và các chính sách kinh tế, tăng thêm cơ sở vật chất và kỹ thuật, trước hết cho những vùng trọng điểm, thì chắc chắn chúng ta sẽ tạo ra được một bước phát triển quan trọng về nông nghiệp trong những năm tới.

Ngành thủy sản nhờ bước đầu thay đổi cơ chế quản lý, khắc phục khó khăn về nhiên liệu và phương tiện, sản xuất tăng 27% so với cùng kỳ năm ngoái. Đáng chú ý là nghề đánh bắt và nuôi tôm đang phát triển trên nhiều vùng rộng lớn nước mặn, nước lợ, nước ngọt ở đồng bằng sông Cửu-long, ven biển miền Trung và miền Bắc. Phong trào « ao cá Bắc Hồ » ngày càng lan rộng trong cả nước.

Ngành lâm nghiệp có những cố gắng mới trong việc khai thác gỗ và thúc đẩy phong trào trồng cây gây rừng; song, chưa làm tốt việc bảo vệ rừng, chưa ngăn chặn được tệ phá rừng bừa bãi; công tác quản lý chặt chẽ hơn, không kịp thời đề ra những chính sách thích đáng khuyến khích nhân dân trồng rừng, bảo vệ rừng và khai thác lâm sản có kế hoạch.

Trong tình hình mất cân đối lớn về vật tư kỹ thuật, nguyên liệu, năng lượng, nhiên liệu, các ngành công nghiệp nhờ có những tiến bộ mới về công tác quản lý và tổ chức sản xuất, đã bước đầu phát huy tính năng động sáng tạo, nhất là ở cơ sở, nên giá trị sản lượng trong sáu tháng đầu năm tăng gần 20% so với cùng thời gian năm ngoái.

Sản xuất điện tăng 6%, than đạt mức kế hoạch. Ngành cơ khí luyện kim vượt kế hoạch về sản xuất máy

kéo, máy bơm, động cơ điện, động cơ diesel, thép cán, phụ tùng ô tô, máy kéo, tàu kéo, sà lan. Sản xuất xi măng tăng 27%; Nhà máy xi măng Bim-son, công trình lớn do Liên-xô giúp ta xây dựng đã bắt đầu đi vào sản xuất đợt một. Ngành hóa chất có chuyển biến tốt, sản xuất phân lân vượt mức kế hoạch.

Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng tăng về nhiều ngành quan trọng: vải lụa tăng 41%, nhiều xí nghiệp dệt có nhịp độ tăng cao; sản xuất giấy tăng 28%, riêng giấy viết cho học sinh tăng 77%. Nhà máy giấy Vĩnh-phú đã sản xuất đợt đầu và đang hoàn thành hệ thống xe mới; hàng sử dụng tăng 60%; tạp phẩm tăng 59%. Ngành công nghiệp thực phẩm, mặc dù gặp nhiều khó khăn về nguyên liệu và vật tư nhập khẩu, sản xuất vẫn tăng 12%, ngành thuốc lá do mạnh dạn đổi mới cơ chế quản lý và tổ chức sản xuất đã tăng nhanh gần gấp đôi so với cùng kỳ năm ngoái.

Ở nhiều địa phương, nhất là ở các thành phố Hồ-Chí-Minh, Hà-nội, Đà-nẵng... ngành tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp, phát huy tinh tháo vát và tay nghề khéo léo, tích cực tìm nguyên liệu, vật liệu trong nước, đã phát triển với nhịp độ nhanh, chiếm tỷ trọng khá lớn trong sản xuất công nghiệp cả nước, sản xuất thêm nhiều mặt hàng, đáp ứng nhu cầu của đời sống và xuất khẩu.

Một điểm mới nổi lên trong sản xuất công nghiệp hiện nay là giữa nhiều xí nghiệp quốc doanh, hợp tác xã và hộ tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp đang hình thành nhiều hình thức liên kết, hợp tác sản xuất dưới sự hướng dẫn của Nhà nước, tạo ra hiệu quả kinh tế cao hơn rõ rệt. Đó là một hướng đi đúng cần được hướng dẫn phát triển.

Do được tập trung đầu tư và cải tiến quản lý, các công trình xây dựng cơ bản trọng điểm đã giành được

thành tích lớn, đạt tiến độ chung của kế hoạch với chất lượng tốt: thủy điện Hòa-bình, nhiệt điện Phả-lại, dầu khí Vũng-tàu, phân lân Lâm-thao, thủy lợi Dầu-tiêng, các nhà máy xi măng Bim-son, Hoàng-thạch, Hà-tiên, các mỏ than Cao-son, Mông-dương, Mao-khe, Vàng-danh... các nhà máy sợi Nha-trang, Hà-nội, Vinh, v.v. Một nét mới có ý nghĩa là, nhiều địa phương đã vận dụng tốt phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm" huy động được vốn và sức lao động tại chỗ, xây dựng thêm nhiều công trình mới: trường học, nhà trẻ, bệnh viện, cầu đường... đem lại lợi ích thiết thực cho đời sống nhân dân.

Giao thông vận tải cũng bước đầu có chuyển biến. Vận tải bắc nam tăng 14% so với cùng thời gian năm ngoái, tiếp nhận hàng nhập khẩu khá hơn trước, cảng Hải-phong chuyển biến rõ rệt, năng suất bốc dỡ hàng hóa tăng gần gấp rưỡi. Tuy nhiên, do còn nhiều khó khăn về vật chất, kỹ thuật và một phần quan trọng do công tác quản lý còn kém, tinh thần trách nhiệm, ý thức kỷ luật chưa cao, giao thông vận tải vẫn còn là một khâu yếu hiện nay, gây trở ngại rất lớn đến sản xuất và đời sống.

Trên lĩnh vực phân phối lưu thông, do sự cố gắng lớn của các ngành, các cấp và lòng yêu nước của nhân dân, năm nay Nhà nước nắm sản phẩm tốt hơn năm ngoái. Số lượng lương thực huy động được tăng 10%. Trong cả nước, nông dân hăng hái làm tròn nghĩa vụ nộp thuế bán lương thực và các loại nông sản. Việc giao nộp sản phẩm công nghiệp của các xí nghiệp cho Nhà nước có tiến bộ rõ rệt.

Song, phân phối lưu thông hiện nay vẫn còn là vấn đề thời sự rất khó khăn và phức tạp: giá cả còn biến động, thị trường chưa được quản lý tốt, thương nghiệp xã hội chủ nghĩa (mậu dịch quốc doanh và hợp tác xã

mua bán) chậm phát triển; việc cung ứng lương thực, thực phẩm và hàng tiêu dùng cho nhân dân đã có nhiều cố gắng, tuy nhiên, việc cung cấp theo định lượng cho công nhân, viên chức có lúc không kịp thời và không bảo đảm phẩm chất, nhất là ở các thành phố và khu công nghiệp tập trung; nạn đói cơ buôn lậu chưa bị đẩy lùi; việc quản lý tiền mặt và huy động vốn trong nhân dân chưa tốt, chế độ tiền lương chậm được cải tiến... Tất cả tình trạng nói trên đang gây khó khăn lớn cho sản xuất và đời sống. Hiện nay, phân phối lưu thông cũng là lĩnh vực đang diễn ra cuộc đấu tranh gay gắt hằng ngày, hằng giờ giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa, giữa ta và địch. Bởi vậy, đó là mối quan tâm hàng đầu, là vấn đề cấp bách nhất mà Nhà nước ta đang tập trung sức giải quyết trong công tác quản lý kinh tế.

Hoạt động **xuất nhập khẩu** sáu tháng đầu năm nay tuy chưa đạt yêu cầu và cần cố gắng nhiều hơn nữa, nhưng so với cùng kỳ năm ngoái giá trị hàng hóa xuất khẩu tăng 50%. Hàng nông sản và nông sản chế biến tăng 79%, hải sản tăng 48%, lâm sản tăng gấp hai lần, trong đó nhiều mặt hàng có giá trị lớn đã tăng với nhịp độ cao như cao su, chè, cà phê, thiếc, gỗ... Với chính sách khuyến khích mới, nhiều ngành, nhiều địa phương và cơ sở sản xuất lớn đang cố gắng tạo thêm nhiều nguồn hàng xuất khẩu, vừa làm tốt nghĩa vụ với Nhà nước, vừa tạo điều kiện tăng thêm vật tư kỹ thuật cho sản xuất của ngành và địa phương mình.

Công cuộc **cải tạo xã hội chủ nghĩa và củng cố quan hệ sản xuất mới** tiếp tục chuyển biến tốt. Trong nông thôn miền Bắc, một sự chuyển biến mới về chất đang diễn ra trong các hợp tác xã, sự phân công chuyên môn hóa đang đi vào chiều sâu. Ở các tỉnh duyên

hải miền Trung và Tây-nguyên, đại bộ phận nông dân đã tham gia hợp tác xã và tập đoàn sản xuất; tình ưu việt của quan hệ sản xuất mới ngày càng có sức hấp dẫn lớn. Ở các tỉnh Nam-bộ, việc điều chỉnh ruộng đất được đẩy mạnh hơn trước, đem lại phần khởi mới cho nông dân nghèo; phong trào xây dựng các tập đoàn sản xuất và tổ đoàn kết sản xuất đang phát triển vững chắc. Không còn nghi ngờ gì nữa, tác dụng to lớn về nhiều mặt của chính sách khoán sản phẩm và một số chính sách khuyến khích sản xuất nông nghiệp đã động viên tinh thần lao động tự giác, phát huy năng lực sáng tạo của nông dân tập thể, khuyến khích tiến bộ kỹ thuật, thúc đẩy phong trào hợp tác hóa và từng cường quan hệ sản xuất mới, tạo ra cuộc sống mới ở nông thôn ngày càng ổn định và cải thiện. Tuy vậy, chúng ta phải kịp thời uốn nắn những lệch lạc đã xảy ra, nhất là tình trạng « khoán trắng », bảo đảm cho phong trào phát triển đúng hướng.

Đối với công nghiệp tư nhân, trong năm qua, công cuộc cải tạo chưa được chú ý đúng mức, chưa gắn liền với tổ chức lại sản xuất để tạo ra năng lực sản xuất mới. Trong thương nghiệp, công cuộc cải tạo phần nào bị buông lỏng. Ở một số nơi, tư sản thương nghiệp vẫn tồn tại và hoạt động gây rối thị trường. Tăng lớp tiểu thương phát triển quá nhiều, chưa được tổ chức, quản lý và sử dụng tốt có lợi cho thương nghiệp xã hội chủ nghĩa. Tiếp tục công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư nhân hiện nay là một vấn đề lớn mà chúng ta cần chú trọng trong thời gian tới.

Sự nghiệp **giáo dục, khoa học văn hóa nghệ thuật, y tế xã hội** tiếp tục phát triển. Số học sinh thi đỗ tốt nghiệp phổ thông cơ sở và trung học đạt tỷ lệ cao hơn các năm trước. Các em học sinh ta đi dự thi quốc tế đều đạt thành tích cao. Thực hiện các

chính sách của Đảng và Nhà nước, hoạt động khoa học kỹ thuật ngày càng gắn bó chặt chẽ hơn với sản xuất và đời sống, đã có nhiều thành tựu xuất sắc. Trong văn học nghệ thuật nảy nở thêm nhiều tài năng mới, phong trào văn nghệ quần chúng ngày càng mở rộng ở cơ sở. Ngành y tế có nhiều cố gắng ngăn chặn các dịch bệnh, phát triển y học cổ truyền và nguồn dược liệu trong nước. Thể dục thể thao đang trở thành phong trào quần chúng ngày càng phát triển ở thành thị và nông thôn. Công tác xã hội ngày càng đi sâu trong nhân dân, chăm sóc thương binh, gia đình liệt sĩ, trẻ em mồ côi, người tàn tật và những nạn nhân của xã hội cũ.

Các lực lượng vũ trang anh hùng của chúng ta, cả quân đội và công an, vẫn luôn luôn xứng đáng là những chiến sĩ dũng cảm của đất nước, ngày đêm canh giữ biên cương của Tổ quốc và bảo vệ cuộc sống yên lành của nhân dân. Đồng bào cả nước vẫn luôn luôn dành tấm lòng yêu quý đối với các cán bộ và chiến sĩ ta đang chiến đấu hy sinh làm tròn nghĩa vụ quốc tế cao cả đối với hai nước Cam-pu-chia và Lào. Nhân dân ta hoàn toàn có thể tự hào và tin tưởng ở các lực lượng quân đội và an ninh của chúng ta, song, không thể một phút lơ là cảnh giác trong tình hình đế quốc Mỹ, giới cầm quyền Bắc-kinh và các loại phản động vẫn âm mưu xâm lấn và tiến hành chiến tranh phá hoại nhiều mặt trên đất nước ta. Cũng không thể dung thứ tình trạng xã hội hiện nay còn nhiều kẻ đầu cơ buôn lậu, làm ăn bất chính và bọn lưu manh còn đồ đang gây rối trật tự an ninh xã hội; tất cả bọn chúng đều là những kẻ thù của nhân dân, của chủ nghĩa xã hội, mà Nhà nước ta phải thẳng tay trừng trị.

Thưa các đồng chí và các bạn

Tình hình thực tế một năm qua, với những tiến bộ và thắng lợi mới,

cho phép chúng ta tin tưởng rằng: trong những điều kiện khách quan có rất nhiều khó khăn, nếu biết cụ thể hóa đường lối của Đảng bằng những kế hoạch và chính sách đúng đắn, bằng một cơ chế quản lý thích hợp với hoàn cảnh của đất nước, nếu biết phát huy tinh thần tự lực tự cường và năng lực sáng tạo to lớn của đồng đảo nhân dân lao động chân tay và trí óc, bảo đảm lợi ích nhất trí và hài hòa giữa Nhà nước, tập thể và người lao động, giữa trung ương, địa phương và cơ sở, thì chúng ta hoàn toàn có thể từng bước khắc phục những khó khăn khách quan, tạo ra năng suất lao động ngày càng cao, giành thắng lợi từng bước cho chủ nghĩa xã hội.

Rõ ràng là, trong năm qua, sự đổi mới bước đầu về cơ chế quản lý theo hướng tháo gỡ các ràng buộc của lối quản lý tập trung quan liêu, hành chính bao cấp, phát huy một bước quyền chủ động về kế hoạch và tự chủ về tài chính của cơ sở sản xuất, của địa phương và ngành, đã bước đầu khơi dậy tính năng động và năng cao tinh thần trách nhiệm của mỗi tập thể và mỗi người lao động. Các chính sách khuyến khích sản xuất như khoán sản phẩm trong nông nghiệp, chính sách lương khoán, lương sản phẩm và tiền thưởng trong công nghiệp, chính sách xuất nhập khẩu, chính sách khoa học kỹ thuật, khen thưởng sáng kiến phát minh... tất cả những chính sách khuyến khích vật chất và tinh thần ấy, đã bước đầu đem lại một luồng gió mới trong xã hội, một khí thế lao động mới trong quần chúng, tạo nên một động lực mạnh mẽ cho **phong trào thi đua xã hội chủ nghĩa** đang dấy lên trong cả nước.

Mặt khác, chúng ta cũng can tỉnh táo thấy rằng sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là một sự nghiệp

vô cùng khó khăn gian khổ. Nước ta chưa được công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, chưa có cơ sở vật chất và kỹ thuật vững mạnh thì chúng ta không thể trong một thời gian ngắn khắc phục các mặt mắt cân đối lớn của nền kinh tế quốc dân. Đồng thời, chúng ta phải hết sức nghiêm khắc với những **khuyết điểm chủ quan** của chúng ta ở các cấp, các ngành, từ trung ương đến cơ sở về các mặt quản lý kinh tế, xã hội. Cũng cần thẳng thắn nói rằng: trong lúc số đông cán bộ, đảng viên chúng ta giữ vững và phát huy phẩm chất cách mạng tốt đẹp, tận tụy hy sinh trong sản xuất, chiến đấu và công tác, gương mẫu trong sinh hoạt, thì cũng có không ít người phạm khuyết điểm nghiêm trọng. Đó là tình trạng thiếu ý thức trách nhiệm và ý chí phấn đấu, bệnh quan liêu, mệnh lệnh, ức hiếp quần chúng, tinh tự do phân tán, cục bộ địa phương, tệ tham ô lãng phí, thoái hóa biến chất... Rõ ràng những khuyết điểm ấy đang làm giảm sút không ít sức mạnh của chuyên chính vô sản, của chế độ làm chủ tập thể, cản trở rất lớn sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta.

Trước mắt chúng ta con đường tiến lên đã rõ. Toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta phải tăng cường đoàn kết nhất trí, nắm vững và vận dụng tốt đường lối của Đại hội lần thứ năm của Đảng, kịp thời cải tiến công tác quản lý và chính sách về kinh tế, văn hóa, xã hội, thúc đẩy mọi mặt hoạt động tiến lên. Tất nhiên đó không phải là công việc dễ dàng. Song thực tiễn thắng lợi về nhiều mặt, nhất là ở các địa phương và cơ sở, đã đem lại cho chúng ta nhiều kinh nghiệm quý báu. Biết phát huy trí tuệ tập thể của tất cả các cấp, các ngành, kịp thời tổng kết và phổ biến những kinh nghiệm quý báu ấy, thì nhất định chúng ta sẽ giành được thắng lợi từng bước, mạnh mẽ và vững chắc.

Thưa các đồng chí và các bạn,

Đại hội Đảng lần thứ năm đã nhận định đất nước ta đang ở trong tình thế vừa có hòa bình, vừa phải đương đầu với một kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của bọn bành trướng, bá quyền Trung-quốc cầu kết với đế quốc Mỹ, đồng thời phải sẵn sàng đối phó với tình huống địch có thể gây chiến tranh xâm lược quy mô lớn. Tình hình đó đặt ra hai nhiệm vụ chiến lược: Xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa.

Trước mắt và trong những năm 80, chúng ta phải phấn đấu thực hiện bốn mục tiêu tổng quát về kinh tế và xã hội sau đây:

1 - Đáp ứng những nhu cầu cấp bách và thiết yếu nhất, dần dần ổn định và tiến lên cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân, trước hết giải quyết vững chắc vấn đề lương thực, thực phẩm, đáp ứng tốt hơn những nhu cầu về mặc, học hành, chữa bệnh, ở, đi lại và các nhu cầu thiết yếu khác.

2 - Tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, chủ yếu nhằm thúc đẩy sản xuất nông nghiệp, hàng tiêu dùng và xuất khẩu, đồng thời tăng thêm trang bị kỹ thuật cho các ngành kinh tế khác và chuẩn bị cho sự phát triển mạnh mẽ hơn nữa của công nghiệp nặng trong chặng đường tiếp theo.

3 - Hoàn thành công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa ở các tỉnh miền Nam, tiếp tục hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong cả nước.

4 - Đáp ứng các nhu cầu của công cuộc phòng thủ đất nước, củng cố quốc phòng và giữ vững an ninh.

Sản xuất nông nghiệp, nhất là sản xuất lương thực và thực phẩm, đang là mặt trận có tầm quan trọng hàng đầu. Chúng ta phải thật

sự tập trung sức lao động, vật tư, tiền vốn, tập trung sự hoạt động của các ngành kinh tế, văn hóa vào mặt trận này, nhằm tạo ra sự chuyển biến quan trọng ngay trong năm 1983 và những năm trước mắt.

Mục tiêu cấp bách của chúng ta là: Sản xuất lương thực, bao gồm cả lúa và hoa màu, đủ tiêu dùng trong nước và có dự trữ cần thiết. Phát triển mạnh các **loại rau, đậu, nhất là đậu tương, lạc, mía, thuốc lá, chè, đay, cói, dâu, bông, dừa, các loại cây ăn quả**. Mở rộng diện tích **trồng cao su, cà phê**. Đẩy mạnh **chăn nuôi** gia súc, gia cầm ở cả ba khu vực: quốc doanh, tập thể và gia đình.

Trong **cả nước** cũng như trên địa bàn từng **huyện**, chúng ta quyết tâm giải quyết thắng lợi vấn đề **ăn** với chất lượng tốt hơn cho nhân dân cả nước ta trong vài ba năm tới, tạo ra nguồn nguyên liệu dồi dào cho công nghiệp, nhất là công nghiệp **thực phẩm, dệt, giấy, dược phẩm...**; dành nhiều nông sản quý cho **xuất khẩu** để đổi lấy vật tư thiết bị cho nông nghiệp và nền kinh tế quốc dân.

Chúng ta sẽ cố gắng trước hết đẩy mạnh **thâm canh lúa**, màu và các loại cây trồng, sớm tạo ra những vùng «cao sản», tích cực **tăng vụ gieo trồng**, nâng cao hệ số sử dụng ruộng đất, đồng thời từng bước vững chắc **khai hoang** mở rộng diện tích mới ở các địa phương, đặc biệt chú trọng các tỉnh phía nam, nhất là ở vùng đồng bằng và miền đông Nam-bộ, ở Tây-nguyên và các tỉnh miền núi phía bắc.

Ngành ngư nghiệp sẽ tận dụng mọi diện tích mặt nước mặn, lợ, ngọt, đánh bắt, nuôi trồng, chế biến cá, tôm và các loại thủy sản để nâng cao chất lượng bữa ăn cho nhân dân ta và tạo nguồn xuất khẩu quan trọng.

Ngành **lâm nghiệp** phải cố gắng vươn tới có kế hoạch và chính sách

bảo vệ tốt và khai thác có kế hoạch các diện tích rừng hiện có, phát động phong trào nhân dân trồng cây gây rừng khắp các vùng, đáp ứng nhu cầu rất lớn về gỗ, củi.

Chương trình hoạt động nông, lâm, ngư nghiệp đòi hỏi phải sớm hoàn chỉnh quy hoạch tổng thể và cụ thể từ các **vùng lớn đến từng huyện**, xác định cơ cấu và mùa vụ các loại cây trồng và chăn nuôi, tăng cường cơ sở vật chất (thủy lợi, phân bón, thuốc trừ sâu...) khuyến khích việc nghiên cứu và ứng dụng rộng rãi những tiến bộ khoa học kỹ thuật. Đồng thời, cần cải tiến **công tác quản lý** và các chính sách kinh tế thích hợp nhằm khuyến khích nông dân hăng hái sản xuất hơn nữa.

Công tác **phân bố lao động**, một nhiệm vụ có tầm quan trọng chiến lược, cũng phải nhằm hướng chủ yếu phát triển nông, lâm, ngư nghiệp, mở mang những vùng kinh tế mới. Công việc to lớn này vừa qua tiến hành chậm, cần có kế hoạch tích cực và vững chắc hơn trong những năm tới, ở từng địa phương và giữa các vùng trong cả nước, bảo đảm hiệu quả kinh tế và đời sống ngày càng ổn định cho nhân dân.

Song song với phát triển nông nghiệp, các ngành **công nghiệp** nhẹ phải nhanh chóng vươn lên **đáp ứng yêu cầu chế biến nông sản, thủy sản, lâm sản và sản xuất hàng tiêu dùng cho nhân dân**. Các ngành **công nghiệp nặng** (điện, than, cơ khí, hóa chất, vật liệu xây dựng...) phải tập trung trước hết vào mục tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp và sản xuất hàng tiêu dùng. Cần sớm có kế hoạch cụ thể sắp xếp lại và đầu tư chiều sâu, sử dụng hết công suất các xí nghiệp hiện có, nhất là những xí nghiệp có tầm quan trọng lớn của nền kinh tế quốc dân. Ở các địa phương, nên phát triển loại xí nghiệp cần thiết, quy mô

vừa và nhỏ gắn liền với nguồn nguyên liệu, vật tư sẵn có tại chỗ. Đặc biệt chú trọng phát triển **tiền, thủ công nghiệp** rộng khắp các quận, huyện, các phường, xã. Công tác **xây dựng cơ bản** cũng phải tập trung sức vào những công trình trọng điểm phục vụ sản xuất nông nghiệp và công nghiệp, bảo đảm thi công với chất lượng tốt. Việc xây dựng nhà ở, trường học, bệnh viện... đang là yêu cầu cấp bách của nhân dân ở các thành phố, khu công nghiệp và ở các vùng nông thôn, nhất là ở miền Nam và miền núi cần được quan tâm đúng mức và thực hiện tích cực với phương châm: trung ương và địa phương cùng làm, Nhà nước và nhân dân cùng làm.

Thủ đô **Hà-nội** và **thành phố Hồ-Chí-Minh**, hai trung tâm kinh tế lớn nhất của đất nước, phải được phát triển mạnh hơn nữa trong những năm tới về năng lực sản xuất công nghiệp để đáp ứng nhu cầu trong cả nước và yêu cầu của xuất khẩu.

Tóm lại, nông nghiệp, công nghiệp nhẹ (bao gồm cả tiền, thủ công nghiệp) và công nghiệp nặng phải liên kết chặt chẽ với nhau thành **cơ cấu kinh tế công - nông nghiệp** trong cả nước, và ở từng địa phương, cơ cấu kinh tế nông - công nghiệp trên địa bàn từng huyện. Đó là yêu cầu cấp bách của việc tổ chức lại sản xuất và xây dựng hiện nay để giành hiệu quả kinh tế cao.

Để bảo đảm cho sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và phục vụ tốt đời sống nhân dân, ngành **giao thông vận tải** phải kịp thời được củng cố và phát triển đúng hướng, nhất là ở các vùng trọng điểm nông nghiệp, các khu công nghiệp tập trung và miền núi. Cần sớm khắc phục tình trạng giao thông vận tải hết sức **khó khăn** hiện nay giữa hai miền Nam - Bắc, ở vùng đồng

bằng sông Cửu-long, ở Tây-nguyên và miền núi phía bắc. Phải phát huy ưu thế của **đường thủy** ở những vùng có nhiều sông rạch, phát triển vận tải **ven biển** bắc nam và vận tải viễn dương; mở rộng mạng lưới đường bộ đến khắp các huyện, xã ở nông thôn, miền núi; sử dụng phổ biến các phương tiện vận tải thô sơ bằng ghe thuyền, súc vật kéo (trâu, bò, ngựa). Chấn chỉnh lại ngành vận tải bằng cơ giới (ô tô, đường sắt), triệt để tiết kiệm xăng dầu, vật tư. Kiên quyết chấm dứt tình trạng buông lỏng kỷ luật và kỹ thuật trong tất cả các ngành: đường sắt, đường bộ, đường thủy. Từng bước phát triển ngành hàng không, đáp ứng nhu cầu đi lại trong nước và giao lưu quốc tế.

Phân phối lưu thông đang là vấn đề nóng bỏng hiện nay có ảnh hưởng rất lớn đến sản xuất và đời sống. Chúng ta phải khẩn trương phấn đấu thực hiện cho được các mục tiêu cấp bách: **tập trung nguồn hàng nông sản** và hàng công nghiệp vào tay Nhà nước; **quản lý chặt chẽ tài chính và tiền tệ**; **ổn định giá cả**. Phải cải tiến gấp công tác thu mua lương thực và nông sản, thực hiện tốt hợp đồng hai chiều giữa Nhà nước và nông dân, bảo đảm việc giao nộp đầy đủ sản phẩm công nghiệp (cả tiền, thủ công nghiệp) cho Nhà nước. Nhanh chóng **mở rộng mạng lưới thương nghiệp xã hội chủ nghĩa** (quốc doanh và hợp tác xã mua bán) đến tận cơ sở ở thành thị và nông thôn để nắm toàn bộ khâu bán buôn và đại bộ phận khâu bán lẻ; sớm cải tiến phương thức phân phối, bảo đảm cung cấp các mặt hàng đúng định lượng, đúng chất lượng, đúng kỹ hạn cho công nhân, viên chức, lực lượng vũ trang. Phải **quản lý chặt chẽ thị trường**, thi hành nghiêm chỉnh pháp lệnh chống đầu cơ buôn lậu, làm hàng giả và kinh

doanh trái phép. Chính sách thuế nông nghiệp và công thương nghiệp phải được thực hiện tốt, khắc phục cho được tình trạng thất thu quá lớn hiện nay, sớm có chính sách hợp lý có hiệu quả để **huy động cho được tiền mặt trong nhân dân**, kể cả ngoại hối để sử dụng vào sản xuất kinh doanh có lợi cho nền kinh tế quốc dân. Phát triển mạnh mẽ hệ thống **ngân hàng và hợp tác xã tín dụng** đến cơ sở. Kiên quyết chấm dứt tình trạng cho vay nặng lãi đang có chiều hướng phát triển hiện nay.

Nền kinh tế của nước ta còn nhiều khó khăn, mất cân đối lớn không thể dễ dàng khắc phục trong một thời gian ngắn. Hơn bao giờ hết, chúng ta phải **đề cao ý thức tiết kiệm** trong sản xuất, trong đời sống xã hội cũng như đời sống cá nhân. Chẳng những xây dựng ý thức, chúng ta phải nhanh chóng đưa việc tiết kiệm vào cơ chế quản lý. Tiết kiệm đã được coi là quốc sách, phải trở thành một tiêu chuẩn đạo đức trong sinh hoạt, một chế độ kỷ luật trong sản xuất. Tham ô, lãng phí dù lớn hay nhỏ đều là tội lỗi. Phải làm cho mọi người thấm nhuần quan điểm «chỉ tiêu dùng trong phạm vi của cái đất nước mình tạo ra», không thể dung túng lối sống xa hoa phê phỡn của một số người làm ăn bất chính trong lúc cuộc sống của nhân dân lao động cả nước còn nhiều thiếu thốn.

Đề thúc đẩy nền kinh tế nước ta phát triển, ngoài việc tận dụng mọi khả năng ở trong nước, chúng ta hết sức coi trọng sự **giúp đỡ và hợp tác quốc tế**, trước hết là của Liên-xô và các nước trong Hội đồng tương trợ kinh tế, của hai nước Lào và Cam-pu-chia anh em. Chúng ta cũng sẵn sàng tiến hành sự hợp tác về kinh tế và khoa học kỹ thuật với các nước khác trên nguyên tắc bảo đảm

độc lập, chủ quyền và hai bên cùng có lợi.

Một nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược của toàn dân ta là ra sức tăng mạnh, tăng nhanh kim ngạch xuất khẩu để nhập khẩu những vật tư, thiết bị cần thiết cho hoạt động kinh tế của đất nước. Mỗi cấp, mỗi ngành, mỗi cơ sở sản xuất phải cố gắng trước hết hoàn thành và vượt mức kế hoạch đối với các mặt hàng xuất khẩu của Nhà nước, đồng thời chủ động có phần xuất khẩu các mặt hàng khác để tạo thêm điều kiện phát triển sản xuất. Không nên một chiều chờ đợi sự cung ứng của Nhà nước và cũng không được tranh mua, tranh bán hàng xuất khẩu, đẩy giá lên cao, làm rối loạn thị trường.

Thưa các đồng chí và các bạn,

Toàn bộ hoạt động kinh tế hiện nay của chúng ta đang đặt ra yêu cầu cấp bách: **Cải tiến cơ chế quản lý kinh tế**, triệt để xóa bỏ lối tập trung quan liêu hành chính, bao cấp, tháo gỡ mọi sự ràng buộc vô lý, phát huy mạnh mẽ tính chủ động sáng tạo của các ngành, địa phương và cơ sở, của mỗi tập thể và từng người lao động. Chúng ta đã có những cố gắng bước đầu cải tiến công tác quản lý kinh tế theo hướng đúng đối với các cơ sở trong nông nghiệp và công nghiệp

Sắp tới, chúng ta sẽ tiến hành sự **phân công, phân cấp** hợp lý giữa trung ương và địa phương, vừa bảo đảm quyền tập trung thống nhất của trung ương, vừa phát huy quyền chủ động sáng tạo của địa phương, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả nước, tạo nên một sự phát triển đồng bộ của tất cả các ngành, các cấp. Trên nguyên tắc bảo đảm lợi ích hài hòa giữa trung ương, địa phương và cơ sở, giữa Nhà nước, tập thể và người lao động, nhất định chúng ta sẽ động viên được tinh thần và tài năng, sức

lực và tiền của của nhân dân trong cả nước để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội trên mọi lĩnh vực kinh tế và văn hóa.

Trong quá trình tiến hành cải tiến quản lý kinh tế, cần đặc biệt coi trọng việc **xây dựng và kiện toàn cấp huyện**. Đó là khâu then chốt tạo nên sức mạnh tổng hợp trên địa bàn huyện, kết hợp chặt chẽ nông nghiệp với công nghiệp thành một cơ cấu kinh tế thống nhất, kết hợp sản xuất với phân phối lưu thông, kết hợp kinh tế với văn hóa và quốc phòng, an ninh, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, khai thác triệt để các tiềm năng về lao động, đất đai, ngành nghề, từng bước tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Các cấp, các ngành từ trung ương đến tỉnh, thành phải có kế hoạch tiến hành thiết thực và khẩn trương, đặc biệt chú trọng sắp xếp bộ máy hợp lý, tăng cường cán bộ có phẩm chất tốt và nghiệp vụ thành thạo để thực hiện có hiệu quả chủ trương lớn này.

Nền kinh tế xã hội chủ nghĩa là sự thống nhất giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất. Muốn xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa thì đồng thời với việc phát triển lực lượng sản xuất, nhất thiết phải tiến hành việc **cải tạo quan hệ sản xuất**. Do dự, chần chừ trong việc cải tạo xã hội chủ nghĩa hoặc làm suy yếu quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa là buông lỏng cuộc đấu tranh giữa hai con đường và có hại cho chủ nghĩa xã hội.

Miền Nam nước ta mới được giải phóng, nền kinh tế còn có nhiều thành phần. Để bảo đảm thắng lợi cho chủ nghĩa xã hội, cần mở rộng trận địa và nêu cao vai trò chủ đạo của thành phần kinh tế quốc doanh. Phải dựa vào kinh tế **quốc doanh** và kinh tế **tập thể** mà liên kết các thành phần kinh tế khác bằng các hình thức thích hợp, cải tạo và hướng chúng đi vào quỹ đạo của chủ nghĩa xã hội. Phải

nhANH chóng hoàn thành việc **điều chỉnh ruộng đất** ở nông thôn miền Nam, để trên cơ sở đó tiến hành từng bước vững chắc việc **tập thể hóa nông nghiệp** dưới các hình thức, từ thấp lên cao. Cùng với việc đẩy mạnh hợp tác hóa và phát triển sản xuất trong nông nghiệp, cần rất coi trọng việc xây dựng các **hợp tác xã mua bán, hợp tác xã tín dụng** và tổ chức **đời sống văn hóa mới** ở nông thôn nhằm làm nổi bật tính ưu việt của quan hệ sản xuất mới, tạo ra sức hấp dẫn lớn đối với nông dân, nhất là tầng lớp trung nông. Các địa phương ở miền Nam, nhất là Nam-bộ, phải chỉ đạo chặt chẽ phong trào hợp tác hóa, bảo đảm hoàn thành về cơ bản công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa trong kế hoạch năm năm này. Ở những nơi đã xây dựng tập đoàn sản xuất cần có kế hoạch tích cực đưa lên hình thức hợp tác xã với quy mô hợp lý, hướng lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Đồng thời, phải đẩy mạnh việc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với **thương nghiệp, vận tải và công nghiệp** tư nhân với các hình thức thích hợp.

Nhấn mạnh việc tăng cường kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể không có nghĩa là xem nhẹ **kinh tế gia đình**. Trái lại, kinh tế gia đình phải được coi là một bộ phận hỗ trợ cho nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, cần được khuyến khích hướng dẫn phát triển đúng hướng, chẳng những ở nông thôn mà cả ở thành thị, nhất là trong chăn nuôi gia súc, gia cầm, nuôi cá, nuôi ong, trồng cây ăn quả, cây lấy gỗ, mở mang ngành nghề tiểu thủ công.

Cùng với việc cải tiến công tác tổ chức sản xuất và quản lý kinh tế, chúng ta phải rất **coi trọng khoa học và kỹ thuật**, đó là một lực lượng sản xuất to lớn. Chúng ta có đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật có trình độ trên đại học, đại học và trung cấp hơn tám mươi vạn người và hơn một triệu

hai mươi vạn công nhân kỹ thuật, nhưng việc sử dụng chưa tốt. Phải nhanh chóng cải tiến công tác tổ chức và có biện pháp thiết thực để kết hợp chặt chẽ khoa học, kỹ thuật với kinh tế, với sản xuất công nghiệp, nông nghiệp và giao thông vận tải. Nhà nước ta đã có chính sách cụ thể về việc này, nhưng chưa được thực hiện rộng rãi. Các cấp, các ngành, trước hết là các cơ quan quản lý kinh tế và khoa học kỹ thuật phải có kế hoạch gắn kinh tế với khoa học kỹ thuật thành một quy chế hoạt động chặt chẽ. Phải nối liền con đường từ phòng nghiên cứu thí nghiệm, từ giảng đường tới đồng ruộng, nhà máy, công trường... Chúng ta phải tạo mọi điều kiện cho khoa học kỹ thuật trở thành một lực lượng sản xuất **trực tiếp** và mỗi người cán bộ khoa học, kỹ thuật, kể cả anh chị em Việt-nam ở nước ngoài, thật sự phục vụ sản xuất, đem lại năng suất lao động và hiệu quả kinh tế cao, cống hiến nhiều nhất cho Tổ quốc. Đó cũng là nguyện vọng thiết tha của những người hoạt động khoa học kỹ thuật giàu tâm huyết. Yêu cầu cấp bách hiện nay là triển khai có hiệu quả các chương trình khoa học kỹ thuật trọng điểm phục vụ kế hoạch năm năm này và những kế hoạch sau.

Công cuộc **cải cách giáo dục** cần được tiếp tục tiến hành một cách tích cực và vững chắc. Phải hết sức đẩy mạnh sự nghiệp giáo dục phổ thông ở miền Nam, nhất là ở vùng đồng bằng sông Cửu-Long và ở vùng đồng bào các dân tộc nhanh chóng theo kịp các vùng khác. Coi trọng giáo dục toàn diện, giáo dục hướng nghiệp, kết hợp chặt chẽ nhà trường, gia đình với xã hội, học tập với lao động sản xuất.

Các hoạt động **văn hóa, nghệ thuật** cần phát triển và nâng cao chất lượng nhất là ở cơ sở sản xuất và trong tầng lớp thanh niên, thiếu

niên. Quét sạch các loại văn hóa phản động, đồi trụy, lạc hậu, bài trừ các hủ tục, mê tín dị đoan.

Cần làm tốt hơn nữa công tác bảo vệ **sức khỏe nhân dân**, chú trọng vệ sinh phòng dịch, nâng cao chất lượng điều trị và tinh thần phục vụ người bệnh ở các cơ sở y tế, thực hiện tốt lời dạy của Chủ tịch Hồ-Chi-Minh «Người thầy thuốc phải như mẹ hiền». Kết hợp chặt chẽ y học hiện đại với y học cổ truyền dân tộc. Phát triển mạnh mẽ các nguồn dược liệu trong nước để bảo đảm nhu cầu cấp bách về thuốc chữa bệnh thông thường. Phát triển phong trào thể dục thể thao rộng khắp từ thành thị đến nông thôn, thành một nếp sống mới của xã hội mới, con người mới.

Hết sức quan tâm đối với công tác **xã hội**, giải quyết tốt công ăn việc làm cho mọi người lao động, nhất là ở thành thị, chăm lo đời sống của thương binh, gia đình liệt sĩ, những người tàn tật, các trẻ mồ côi và những người già không nơi nương tựa.

Tăng cường quốc phòng và an ninh, kết hợp chặt chẽ quốc phòng, an ninh với kinh tế. Bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là một nhiệm vụ thiêng liêng của toàn dân, toàn quân ta. Nhà nước đã ban hành Luật nghĩa vụ quân sự, cần giáo dục, động viên cả xã hội, mọi gia đình và tất cả thanh niên đến tuổi nhập ngũ chấp hành tốt.

Phải kết hợp chặt chẽ lực lượng quân đội, công an với phong trào quần chúng để giữ vững an ninh, trật tự, đập tan mọi âm mưu phá hoại của địch và đẩy lùi các hiện tượng tiêu cực trong xã hội.

Các cấp chính quyền cùng các đoàn thể quần chúng phải đặc biệt chăm lo sinh hoạt của các chiến sĩ, nhất là ở các vùng biên giới, hải đảo. Tiếp tục phát huy truyền thống tốt

đẹp trong những năm kháng chiến: toàn dân chăm lo cho bộ đội.

Nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc gắn liền với nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội. Chúng ta phải có kế hoạch và biện pháp cụ thể kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng, an ninh. Trong những điều kiện cho phép, cần tổ chức cho các lực lượng vũ trang tham gia xây dựng kinh tế, góp phần làm ra của cải cho xã hội và cải thiện đời sống cho chiến sĩ. Cần có kế hoạch huy động năng lực của các xí nghiệp công nghiệp quốc phòng và vật tư, phế liệu chiến tranh vào việc sản xuất hàng tiêu dùng và các tư liệu sản xuất cần thiết cho nền kinh tế.

Trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, phát triển kinh tế và văn hóa, vấn đề **cán bộ** có ý nghĩa quyết định, cần có những biện pháp giải quyết mạnh mẽ và thiết thực. Trước hết, cần xem xét đầy đủ và sử dụng có hiệu quả lực lượng cán bộ đông đảo hiện có, sử dụng đúng ngành nghề để phát huy năng lực chuyên môn của mỗi người. Các cấp, các ngành phải kiên quyết tinh giản bộ máy hành chính, tăng cường cán bộ cho huyện và cơ sở. Cùng với biện pháp về tổ chức, có chính sách khuyến khích thích đáng về vật chất.

Các tỉnh phía nam đang có nhu cầu lớn về cán bộ khoa học, kỹ thuật và quản lý kinh tế, cần bổ sung gấp cán bộ từ các địa phương khác và từ các ngành ở trung ương để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của mỗi địa phương.

Đồng thời, phải đặc biệt coi trọng việc đào tạo cán bộ tại chỗ. Cải tiến công tác tuyển sinh, ưu tiên tuyển chọn những thanh niên ở tại địa phương nhất là những người đã qua lao động sản xuất và chiến đấu để đào tạo cán bộ và công nhân kỹ thuật cho các ngành nghề cần thiết và phân phối sử dụng ngay tại địa phương

Cần sắp xếp lại hệ thống các trường đại học, cao đẳng, trung cấp, công nhân kỹ thuật cho phù hợp với các ngành nghề và các vùng kinh tế. Coi trọng việc đào tạo cán bộ thực hành hành thạo để đáp ứng yêu cầu đầy nhanh việc ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất.

Việc cải tiến công tác quản lý kinh tế và phát triển sự nghiệp văn hóa, xã hội không thể giành được thắng lợi vững chắc nếu không được kết hợp tốt với việc **tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa và phong trào cách mạng của quần chúng**. Yêu cầu cấp bách hiện nay là các cấp, các ngành cần chấp hành nghiêm chỉnh đường lối chung và đường lối kinh tế của Đại hội lần thứ năm của Đảng. Phải xây dựng, bổ sung, hoàn chỉnh các chế độ, chính sách thành pháp luật, tiến hành việc giáo dục pháp luật sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân và thực hiện nghiêm chỉnh pháp luật của Nhà nước. Công lợi phải rõ ràng, thưởng phạt phải nghiêm minh, đó là yêu cầu của sự nghiệp cách mạng và cũng là đòi hỏi chính đáng của nhân dân. Phải kết hợp chặt chẽ các biện pháp về kinh tế với giáo dục và hành chính, phòng ngừa quan điểm sai lệch chỉ chú trọng một chiều việc kích thích bằng lợi ích vật chất và coi nhẹ việc động viên phong trào cách mạng, giác ngộ về lý tưởng và phẩm chất đạo đức xã hội chủ nghĩa cho cán bộ và quần chúng.

Cần tập hợp rộng rãi quần chúng vào các đoàn thể, nhất là ở các tỉnh phía nam, tiến hành công tác giáo dục có hiệu quả, hướng dẫn hành động thiết thực phục vụ sản xuất và đời sống, đẩy lên một phong trào thi đua xã hội chủ nghĩa sôi nổi, «những ngày hội» thật sự của quần chúng.

Thưa các đồng chí và các bạn,

Chúng ta đang chứng kiến những chuyển biến sâu sắc trong quan hệ

quốc tế của thời kỳ sau Việt-nam. Trong năm qua, tình hình thế giới tuy rất căng thẳng và phức tạp song vẫn tiếp tục phát triển ngày càng có lợi cho các lực lượng cách mạng và hòa bình.

Chính quyền Ri-gân cầu kết với bọn phản động trong giới cầm quyền Bắc-kinh, tiếp tục lao sâu vào cuộc chạy đua vũ trang hạt nhân, tiếp tục chính sách « trừng phạt » về kinh tế đã bị phá sản, đẩy mạnh các hoạt động chống Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác, chống các phong trào giải phóng dân tộc và các nước độc lập dân tộc, đe dọa nghiêm trọng hòa bình thế giới và an ninh của các dân tộc.

Chính sách phiêu lưu của bọn đế quốc hiếu chiến và phản động quốc tế đã gây không ít khó khăn và phức tạp cho cuộc đấu tranh của nhân dân các nước, nhưng chúng đã không ngăn cản được sự phát triển lớn mạnh của ba dòng thác cách mạng, không ngăn cản được cuộc đấu tranh tất thắng của các dân tộc vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội. Ngược lại, những kẻ thù của hòa bình đang phải đối phó với một phong trào chống chiến tranh hạt nhân, mà thực chất là một cuộc biểu dương lực lượng hòa bình rộng lớn nhất kể từ sau cuộc chiến tranh xâm lược Việt-nam đến nay, lời cuốn hàng trăm triệu người không phân biệt chính kiến, tôn giáo, màu da và tiếng nói trên khắp trái đất, nhất là ở châu Âu và ngay trong nước Mỹ. Đồng thời phong trào chống Mỹ đang diễn ra sôi nổi mạnh mẽ trên khắp lục địa châu Á, châu Phi và châu Mỹ la tinh.

Sự phát triển của tình hình một năm qua càng làm nổi bật cuộc đấu tranh giữa hai đường lối trong quan hệ quốc tế, đường lối hòa bình, giải quyết các vấn đề tranh chấp quốc tế bằng thương lượng của Liên-xô và

các nước xã hội chủ nghĩa, các nước không liên kết và tất cả các nước yêu chuộng hòa bình, và đường lối của đế quốc Mỹ cầu kết với bọn phản động trong giới cầm quyền Trung-quốc đẩy mạnh chạy đua vũ trang, gây chiến tranh lạnh, dùng vũ lực và áp đặt trong quan hệ quốc tế. Rõ ràng đường lối chạy đua vũ trang, gây căng thẳng, đi ngược lại lợi ích và nguyện vọng của nhân dân thế giới đã bị thất bại. Đường lối hòa bình, hữu nghị và hợp tác của các nước xã hội chủ nghĩa, đặc biệt cương lĩnh hòa bình của Liên-xô và những tuyên bố của đồng chí Bre-giơ-nép về việc Liên-xô đơn phương cam kết không sử dụng trước vũ khí hạt nhân và về một loạt những sáng kiến quan trọng liên quan đến hòa bình, an ninh của các dân tộc ở châu Âu, châu Á đã và đang cổ vũ mạnh mẽ tất cả lực lượng tiến bộ trên thế giới đấu tranh cho hòa bình, đẩy lùi nguy cơ chiến tranh hạt nhân và hợp tác quốc tế. Trong cuộc đấu tranh có tầm quan trọng hàng đầu ấy, các lực lượng cách mạng không ngừng được củng cố và lớn mạnh, hòa bình thế giới ngày càng được củng cố vững chắc.

Hôm nay, 1-9, là Ngày thế giới vì hòa bình. Nhân dân Việt-nam ta nhiệt liệt hưởng ứng ngày trọng đại này và càng quyết tâm cùng nhân dân toàn thế giới đẩy mạnh cuộc đấu tranh cho hòa bình, vì cuộc sống trên trái đất, ngăn chặn thảm họa của chiến tranh hạt nhân.

Ở Đông - Nam Á, do những cố gắng liên tục của ba nước Đông-dương và của các lực lượng mong muốn có hòa bình ổn định, tình hình đang có nhiều chuyển biến tích cực mặc dù còn nhiều trở ngại. Xu hướng đối thoại và làm giảm căng thẳng giữa các nước trong khu vực đang phát triển. Chính sách gây đối đầu về quân sự ở Đông - Nam Á, bao vây cô lập Việt-nam của bọn phản động trong

giới cầm quyền Bắc-kinh cầu kết với đế quốc Mỹ và các thế lực phản động khác đã từng bước bị thất bại. Tuy gặp nhiều khó khăn nhưng nhân dân ba nước Việt-nam, Lào và Cam-pu-chia tiếp tục tiến lên vững chắc và đang ra sức phấn đấu cho sự nghiệp hòa bình ở Đông-Nam Á và thực hiện những mục tiêu của mỗi nước. Tình hình Cam-pu-chia ngày càng ổn định và phát triển tốt đẹp. Khối liên minh chiến đấu Việt-nam - Lào - Cam-pu-chia đoàn kết và hợp tác toàn diện với Liên-xô không ngừng củng cố. Dư luận thế giới và nhiều người trong giới cầm quyền các nước ASEAN ngày càng nhận rõ nguy cơ chính đe dọa hòa bình ổn định của khu vực là chính sách bành trướng bá quyền của Bắc-kinh; vấn đề mấu chốt phải giải quyết ở Đông-Nam Á là xóa bỏ mối đe dọa của Trung-quốc đối với ba nước Đông-dương và con đường đúng đắn duy nhất để thiết lập hòa bình ổn định ở Đông-Nam Á là con đường hòa giải và cùng tồn tại hòa bình giữa các nước Đông-dương và các nước ASEAN, không có sự can thiệp của bên ngoài.

Trong tình hình quốc tế và khu vực như vậy, chúng ta ra sức phấn đấu thực hiện chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta do Đại hội Đảng lần thứ năm đã vạch ra nhằm tạo những điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước. Chúng ta quyết tâm thất bại chính sách bành trướng bá quyền nước lớn của bọn phản động trong giới cầm quyền Bắc-kinh cầu kết với đế quốc Mỹ đang mưu toan làm suy yếu và thôn tính nước ta. Chúng ta quyết đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt do chúng gây ra, ngăn chặn âm mưu của chúng gây lại chiến tranh xâm lược để củng cố hòa bình ở Đông-dương và Đông - Nam Á.

Lúc này hơn bao giờ hết, Hiệp ước hữu nghị và hợp tác Việt - Xô được

ký kết gần bốn năm nay, càng có sức sống mạnh mẽ. Lời nói chí tình của đồng chí Lê-ô-nít Brê-giơ-nép « đối với những người cộng sản Liên-xô, đoàn kết với Việt-nam là mệnh lệnh của trái tim và khối óc » càng vang động trong lòng nhân dân ta như một sự cổ vũ rất to lớn. Chúng ta nguyện mãi mãi tăng cường tình đoàn kết chiến đấu và quan hệ hợp tác toàn diện với Liên-xô vĩ đại, cột trụ vững chắc của cách mạng và hòa bình thế giới, người bạn thủy chung của mọi dân tộc trên trái đất. Chúng ta mãi mãi tăng cường tình đoàn kết đặc biệt với hai nước láng giềng Lào, Cam-pu-chia anh em, tăng cường tình đoàn kết hữu nghị và hợp tác với các nước khác trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa. Đó là nền tảng vững chắc của chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta, là bảo đảm thắng lợi của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của nhân dân ta.

Chúng ta tiếp tục phát triển quan hệ về nhiều mặt với nước Cộng hòa Ấn-độ vĩ đại, với các nước không liên kết và các nước đang phát triển, đồng thời mở rộng quan hệ với mọi nước khác và các tổ chức quốc tế vì độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội, vì hòa bình và hữu nghị giữa các dân tộc.

Đối với các nước Đông - Nam Á, một lần nữa chúng ta khẳng định chính sách của chúng ta là nhằm thực hiện hòa giải, cùng tồn tại hòa bình và hợp tác giữa các nước trong khu vực. Việc Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam và Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia thỏa thuận đơn phương rút một số quân đội Việt-nam ở Cam-pu-chia về nước, các đề nghị hòa bình của Việt-nam - Lào - Cam-pu-chia mới đưa ra tại Hội nghị ngoại trưởng ba nước ngày 7 tháng 7 năm 1982 và cuộc đi thăm một số nước ASEAN gần đây của Bộ trưởng Ngoại giao Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam một lần nữa thể hiện chính sách

hòa bình và thái độ thiện chí của ba nước Đông-dương, được dư luận rộng rãi ở Đông - Nam Á và trên thế giới đồng tình. Các thế lực hiếu chiến trong giới cầm quyền Bắc-kinh cầu kết với đế quốc Mỹ và các bọn phần động khác đang nặn ra cái gọi là "chính phủ liên hợp ba phái" để che giấu bộ mặt diệt chủng của bọn Pôn Pốt, lừa dối dư luận thế giới hòng giành chiếc ghế của Cam-pu-chia ở Liên hợp quốc. Cần vạch ra rằng, mọi cố gắng hòng dùng bọn Pôn Pốt trá hình ấy để chống lại sự hồi sinh của nhân dân Cam-pu-chia chỉ nhằm phục vụ cho những âm mưu bá quyền và bành trướng của Trung-quốc ở Đông - Nam Á và càng làm phức tạp thêm việc giải quyết các vấn đề trong khu vực. Chúng ta mong rằng vì lợi ích cơ bản của mình, vì hòa bình ổn định ở Đông - Nam Á và trên thế giới, các nước ASEAN hãy cùng với các nước Đông-dương gạt bỏ mọi trở ngại, tiến hành đối thoại và thương lượng trên cơ sở tôn trọng các lợi ích chính đáng của nhau, tiến tới thực hiện một Đông - Nam Á hòa bình, ổn định, hữu nghị và hợp tác.

Đối với Trung-quốc, lập trường nguyên tắc của chúng ta đã được nêu rõ trong các nghị quyết của Đại hội lần thứ năm của Đảng cộng sản Việt-nam. Nhân dân ta luôn luôn quý trọng tình hữu nghị với nhân dân Trung-quốc. Mặc dù thái độ thù địch của giới cầm quyền Bắc-kinh, nhân dân ta vẫn giữ nguyên những tình cảm tốt đẹp với nhân dân Trung-quốc và mong muốn khôi phục tình đoàn kết và hữu nghị truyền thống lâu đời giữa nhân dân hai nước, coi mối quan hệ đó là một nhân tố vô cùng quan trọng đối với hòa bình ổn định ở Đông - Nam Á. Chúng ta đã nhiều lần đề nghị ký hiệp ước cùng tồn tại hòa bình giữa hai nước Việt-nam và Trung-quốc và đưa ra nhiều đề nghị xây dựng nhằm bình thường

hóa quan hệ giữa hai nước trên cơ sở các nguyên tắc cùng tồn tại hòa bình, tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nhau, và giải quyết các vấn đề tranh chấp bằng con đường thương lượng. Cho đến nay phía Trung-quốc vẫn chưa đáp ứng, vẫn tiếp tục theo đuổi một chính sách đi ngược lại lợi ích của chính nhân dân Trung-quốc. Mặc dù vậy, chúng ta vẫn kiên trì những đề nghị đó. Chúng ta tuyên bố rằng: Xuất phát từ chính sách hữu nghị và láng giềng tốt với nhân dân Trung-quốc, trong khi chưa giải quyết được những bất đồng, chúng ta sẵn sàng gặp phía Trung-quốc ở bất cứ cấp nào và bất cứ ở đâu để cùng nhau tìm ra những biện pháp mà hai bên có thể chấp nhận được nhằm cải thiện bầu không khí có lợi cho việc bình thường hóa quan hệ giữa hai nước, phù hợp với nguyện vọng và lợi ích của nhân dân hai nước, với lợi ích của hòa bình ở Đông - Nam Á và trên thế giới.

Trung thành với nghĩa vụ quốc tế của mình, nhân dân ta tăng cường đoàn kết với các lực lượng cách mạng và tiến bộ trên thế giới, ủng hộ mạnh mẽ cuộc đấu tranh của nhân dân các nước chống chính sách hiếu chiến và xâm lược của đế quốc Mỹ và phần động quốc tế, vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Chúng ta khẳng định tình đoàn kết chân thành đối với Đảng công nhân thống nhất Ba-lan, những người cộng sản và nhân dân Ba-lan anh em, nhiệt liệt ủng hộ những biện pháp đúng đắn, kiên quyết của Hội đồng quân sự cứu nước Ba-lan nhằm đánh bại mọi âm mưu phá hoại của bọn đế quốc và phần động, lập lại trật tự an ninh, khôi phục và phát triển kinh tế, giữ vững và phát triển những thành quả cách mạng xã hội chủ nghĩa của Ba-lan, giữ vững sự liên minh với Liên-xô và các nước trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa.

Chúng ta đoàn kết và kiên quyết ủng hộ nhân dân **Cu-ba** anh hùng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ nước Cộng hòa Cu-ba, tiến đồn vững chắc của chủ nghĩa xã hội ở tây bán cầu. Chúng ta cực lực lên án âm mưu của đế quốc Mỹ xâm lược và đe dọa tiến công nước Cộng hòa Cu-ba.

Không một sức mạnh tàn bạo nào, không một âm mưu thủ đoạn nham hiểm nào có thể khuất phục được nhân dân **Pa-le-xtin** anh hùng, một dân tộc đã từng chiến đấu liên tục trong suốt hơn ba mươi năm qua cho độc lập, tự do. Với niềm tin sắt đá ấy, nhân dân ta khẳng định tình đoàn kết và sự ủng hộ mạnh mẽ đối với cuộc đấu tranh chính nghĩa và tất thắng của nhân dân Pa-le-xtin và nhân dân Ả rập vì những quyền dân tộc cơ bản thiêng liêng của mình; kiên quyết đòi bọn xâm lược I-xra-en và đế quốc Mỹ phải rút ngay và không điều kiện ra khỏi Li-băng, tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Li-băng.

Nhân dân ta hoàn toàn ủng hộ cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân các nước **Á, Phi, Mỹ la tinh** vì những quyền dân tộc cơ bản của mình và xây dựng cuộc sống phồn vinh hạnh phúc. Chúng ta làm hết sức mình góp phần vào sự nghiệp đoàn kết Phong trào không liên kết, phát huy vai trò của các nước không liên kết trong cuộc đấu tranh chống đế quốc, vì hòa bình, độc lập dân tộc và xây dựng một trật tự kinh tế thế giới mới.

Thưa các đồng chí và các bạn,

Trong năm qua, sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ta đã đạt thêm những thành tựu mới, tuy là bước đầu nhưng có ý nghĩa lớn, đánh dấu một chuyển biến tích cực của tình hình kinh tế, xã hội. Khó khăn trước mắt còn nhiều, nhiệm vụ trước mắt rất nặng, nhưng phương hướng đi lên đã được Đại hội Đảng lần thứ

năm vạch ra sáng tỏ. Dưới sự lãnh đạo của Ban chấp hành trung ương Đảng, đứng đầu là đồng chí Lê-Duẩn kính mến, chúng ta hãy siết chặt hàng ngũ, phấn khởi bước tới. Tiềm năng phát triển của đất nước ta, dân tộc ta rất phong phú. Với sức mạnh của chuyên chính vô sản và chế độ làm chủ tập thể, với cơ chế quản lý kinh tế ngày càng đổi mới, lại có sự giúp đỡ to lớn của Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác, tình đoàn kết đặc biệt với hai nước Lào và Campuchia anh em, tình hữu nghị của nhân dân tiến bộ trên thế giới, nhất định chúng ta sẽ xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa yêu quý của chúng ta!

Trước mỗi thắng lợi cũng như mỗi khó khăn, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta càng tưởng nhớ đến Bác Hồ kính yêu và những giáo huấn của Người. Lúc này, hơn bao giờ hết, chúng ta càng ghi lòng tạc dạ lời dạy của Bác:

«Trung với nước, hiếu với dân, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng!».

Đồng bào và chiến sĩ cả nước đừng cầm tiến lên!

Tinh thần Cách mạng Tháng Tám và ngày Quốc khánh 2-9 muôn năm!

Không có gì quý hơn độc lập, tự do!

Tất cả vì Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, vì hạnh phúc của nhân dân!

Nhân dân Việt-nam anh hùng muôn năm!

Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam về vang muôn năm!

Đảng cộng sản Việt-nam quang vinh muôn năm!

Tình đoàn kết vĩ đại giữa các nước anh em trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa muôn năm!

Chủ tịch Hồ-Chí-Minh vĩ đại sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta!

THI HÀNH NGHIỆM CHÍNH PHÁP LỆNH TRỪNG TRỊ CÁC TỘI ĐẦU CƠ, BUÔN LẬU, LÀM HÀNG GIẢ, KINH DOANH TRÁI PHÉP

PHẠM-ĐÌNH-TÂN

CÁC tội đầu cơ, buôn lậu, làm hàng giả, kinh doanh trái phép là sản phẩm của sự phát triển tự phát sản xuất - kinh doanh tư bản chủ nghĩa, là những hiện tượng gắn liền với bản chất của xã hội tư bản. Ở những nước mà cách mạng xã hội chủ nghĩa đã thắng lợi, phải tiến hành trong một thời gian tương đối dài cuộc đấu tranh chống lại tàn dư của chủ nghĩa tư bản.

Ở nước ta, kể từ sau Cách mạng Tháng Tám, Nhà nước đã ban hành các văn bản pháp luật cần thiết để quản lý thị trường, phòng ngừa và xử lý các hành vi đầu cơ, buôn lậu, làm hàng giả, kinh doanh trái phép...

Trong nhiều năm trước đây các hiện tượng đầu cơ, buôn lậu, làm hàng giả, kinh doanh trái phép có xảy ra, nhưng nói chung là không nhiều và không nghiêm trọng, không phải là mối quan tâm lớn của cơ quan lập pháp và các cơ quan xử lý. Thế nhưng mấy năm gần đây, những hiện tượng đó đột nhiên nảy sinh và phát triển ngày càng nhiều, đến mức tương đối nghiêm trọng. Chúng ta đang chứng kiến một xu hướng phát triển tự phát tư bản chủ nghĩa tuy mới ở bước đầu nhưng đã gây tác hại về nhiều mặt.

Bên cạnh những người lâu nay chuyên làm nghề buôn bán, từ trong nhân dân lao động nhiều người đã tách ra khỏi sản xuất và những nghề chính đáng khác mà họ đang làm, nhảy sang nghề chuyên mua đi bán lại tại chỗ hoặc chạy hàng đường dài, sống bằng việc thu lời về khoản chênh lệch giá. Tầng lớp thương nhân tăng lên rất nhanh, trong đó khoảng 3 phần 4 không đăng ký kinh doanh và trốn thuế. Một số tư sản thương nghiệp cũ hoạt động trở lại, đồng thời xuất hiện một số tư sản thương nghiệp mới (trong khi chính sách cải tạo tư bản tư doanh của Đảng là xóa bỏ kinh doanh tư bản chủ nghĩa trong thương nghiệp).

Nhiều người đã lợi dụng những khó khăn về kinh tế của nước nhà để mua vét lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, xăng dầu, hàng tiêu dùng, vật tư kỹ thuật, các loại tem, phiếu, vé, giấy tờ có giá trị phân phối hàng hóa, vật tư hoặc cung ứng dịch vụ, phá vỡ kế hoạch thu mua và kế hoạch phân phối của Nhà nước, tạo ra tình trạng khan hiếm hàng ở nơi này nơi khác, lúc này lúc khác, đẩy nhanh giá hàng lên cao, gây khó khăn lớn cho những người tiêu dùng, nhất

là cho công nhân viên chức có tiền lương cố định. Một số người lại lợi dụng tình trạng khan hiếm hàng nói trên để làm giàu bằng cách làm và buôn bán hàng giả: thực phẩm giả (mì chính, sữa hộp giả), thuốc chữa bệnh giả, phấn rôm giả, sâm lốp giả..., làm cho nhân dân lao động mất tiền mà không thỏa mãn được yêu cầu, thậm chí chuốc lấy nguy hại vì chất độc của thuốc giả, thực phẩm giả.

Chống phá chính sách, kế hoạch của Đảng và Nhà nước nhiều nhất, gây nguy hại nhiều nhất cho nền kinh tế tài chính quốc gia là những người buôn lậu. Họ bất chấp pháp luật về việc Nhà nước thống nhất quản lý, thống nhất thu mua hoặc độc quyền kinh doanh một số loại hàng nhất định vì lợi ích của toàn bộ nền kinh tế quốc dân và của toàn dân. Buôn lậu vàng, ngoại tệ, tạo điều kiện mở rộng việc buôn lậu sang những hàng khác, nhất là hàng nhập khẩu, xuất khẩu mà Nhà nước nắm độc quyền kinh doanh, sau đó lại tiếp tục quay vòng buôn lậu vàng, ngoại tệ, hàng nhập khẩu, xuất khẩu, là những việc làm cho nền kinh tế tài chính của đất nước suy yếu rất nhanh do nạn «chảy máu vàng», đồng bạc Việt-nam bị hạ giá trên thị trường hối đoái quốc tế. Họ tranh giành nguồn hàng xuất khẩu lẽ ra phải thuộc quỹ hàng hóa của Nhà nước, làm giảm khả năng của Nhà nước nhập khẩu bằng cân thiệt cho việc khôi phục nền kinh tế quốc dân.

Những người kinh doanh trái phép, như kinh doanh không có giấy phép hoặc không đúng với nội dung được phép, trốn thuế, không niêm yết giá, nâng giá cao hơn giá niêm yết, không đăng ký nhãn hiệu hàng hóa theo quy định, sử dụng trái phép nhãn hiệu hàng hóa hoặc dùng thủ đoạn khác để lừa dối cơ quan Nhà nước và người tiêu dùng, chiếm số đông nhất trong giới thương nhân. Tuy không trực tiếp gây

nguy hại lớn bằng những người đầu cơ, buôn lậu, làm hàng giả, nhưng họ lại hàng ngày hằng giờ phá dần trật tự quản lý Nhà nước, gây thất thu cho ngân sách Nhà nước; họ tạo ra môi trường lộn xộn đầy dẫy những vi phạm nhỏ khó xử lý được hết nhưng lại là mầm mống của tội lỗi lớn hơn, làm cho những người đầu cơ, buôn lậu, làm hàng giả có thêm điều kiện để hoạt động mà khó bị phát hiện.

Các hành vi đầu cơ, buôn lậu, làm hàng giả, kinh doanh trái phép không diễn ra một cách đơn độc: người đầu cơ, buôn lậu thường móc ngoặc với nhân viên bảo quản, nhân viên có quyền định đoạt việc cấp phát vật tư, xuất kho hàng hóa của Nhà nước để tuồn các thứ đó ra cho họ, hoặc hối lộ nhân viên quản lý, nhân viên kiểm soát để bỏ qua việc vi phạm của họ... Hiện tượng đó làm cho tình trạng phạm pháp trong xã hội phứt phất thêm, làm thoái hóa, biến chất và đưa vào vòng tội lỗi một số cán bộ, nhân viên Nhà nước còn nặng đầu óc tư lợi, thiếu bản lĩnh vững vàng.

Do tệ đầu cơ, buôn lậu, làm hàng giả, kinh doanh trái phép phát triển mà nảy ra một bất công xã hội lớn về mặt phân phối: trong khi thu nhập thực tế và mức sống nhân dân lao động, nhất là công nhân viên chức, do những khó khăn chung, bị hạ thấp nhanh chóng thì những người không tạo ra của cải vật chất, làm ăn bất chính ấy lại có thu nhập và mức sống cao hơn nhiều lần. Từ đó ở một số người, kể cả ở một số thanh niên sinh ra tâm lý lười học tập và công tác, chạy theo những việc mang lại thu nhập cao kể cả bằng cách vi phạm kỷ luật lao động, đạo đức xã hội và pháp luật Nhà nước.

Trong hoàn cảnh nước ta hiện nay, tệ đầu cơ buôn lậu phát triển có nhiều khả năng làm chổ dựa cho những hoạt động thù địch của bọn bành trướng và đế quốc chống nước

ta. Đã có những dấu hiệu cho thấy, thông qua hoạt động xuất khẩu và nhập khẩu thiếu tổ chức và lãnh đạo chặt chẽ hoặc thông qua việc mua bán trái phép ở các vùng biên giới Việt-Trung... kẻ địch cho tay chân bắt mỗi buôn bán với nhân dân ta để lợi dụng cơ hội tiến hành hoạt động chống phá ta.



Đại hội thứ V của Đảng đã đề ra nhiệm vụ quan trọng và cấp bách:

“Thiết lập trật tự mới, xã hội chủ nghĩa, trên mặt trận phân phối, lưu thông, để góp phần ổn định đời sống, đầy mạnh sản xuất, chuyển tốt tình hình kinh tế và xã hội... Phân phối, lưu thông phải tham gia đặc lực vào cuộc đấu tranh giữa hai con đường, mở rộng trận địa của chủ nghĩa xã hội, đẩy lùi trận địa tự phát tư bản chủ nghĩa, điều tiết bằng được thu nhập của các tầng lớp dân cư cho công bằng, hợp lý.

...Tăng cường cải tạo và quản lý thị trường, ngăn chặn và trừng trị các hoạt động đầu cơ, nâng giá, buôn lậu, trốn thuế và mọi hoạt động gây rối thị trường» (1).

Trước tình hình mới, với sự phát triển của những hiện tượng tiêu cực trên thị trường và những tác hại do chúng gây ra, pháp luật hiện hành về quản lý thị trường tỏ ra không còn đủ nữa. Điều kiện đã chín muồi để ngày 30 tháng 6 năm 1982 Hội đồng Nhà nước ban hành một pháp lệnh mới: *Pháp lệnh trừng trị các tội đầu cơ, buôn lậu, làm hàng giả, kinh doanh trái phép.*

Đây là một văn bản pháp luật quan trọng được ban hành đúng lúc, phù hợp với yêu cầu khách quan của việc tăng cường cải tạo và quản lý thị trường, phù hợp với nguyện vọng của nhân dân lao động.

Pháp lệnh quy định xử phạt những tệ chủ yếu đã nói trên, những tệ gây tác hại lớn nhất về các mặt kinh tế tài chính quốc gia, đời sống nhân dân và trật tự, an toàn xã hội, nhằm một bước thiết lập trật tự mới, xã hội chủ nghĩa, trên mặt trận phân phối, lưu thông, đẩy lùi hoạt động kinh doanh tự phát tư bản chủ nghĩa: tạo điều kiện củng cố kỷ luật Nhà nước về quản lý kinh tế—tài chính nói chung; bước đầu giảm bớt, ngăn chặn các hiện tượng tiêu cực trên thị trường.

Tình hình phạm pháp nghiêm trọng, cho nên quy định của Pháp lệnh phải nghiêm khắc. Pháp lệnh đòi hỏi phải xử lý kịp thời và nghiêm minh «mọi hành vi» đầu cơ, buôn lậu, làm hàng giả, kinh doanh trái phép, dù hành vi đó là của cá nhân hay của tổ chức, cơ quan, đơn vị. Để ngăn chặn các hành vi phạm pháp ấy một cách có hiệu lực, Pháp lệnh nghiêm cấm và xử phạt cả việc bao che người phạm tội; đồng thời giao quyền và nghĩa vụ cho mọi cơ quan, tổ chức, công dân phát hiện, tố cáo các hành vi phạm pháp ấy với cơ quan có thẩm quyền. Pháp lệnh quy định các hình phạt cao nhất đối với bốn tội: đầu cơ, buôn lậu hoặc tàng trữ hàng cấm, buôn lậu hoặc vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới, làm hàng giả hoặc buôn bán hàng giả. Trong trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, người phạm tội có thể bị phạt tù chung thân, thậm chí tử hình; bị phạt tiền đến mười lần giá trị hàng trái phép, đối với tội làm hàng giả hoặc buôn bán hàng giả thì đến 1 triệu đồng; có thể bị tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

Pháp lệnh cũng quy định việc xử lý có phân biệt, chủ yếu là về ba mặt sau đây:

a) Phân biệt giữa tội và lỗi; nếu là những vi phạm nhỏ (đầu cơ nhỏ,

(1) Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội V của Đảng. Tạp chí Cộng sản, số 4-1982, tr. 47, 48.

buôn lậu lặt vặt, vi phạm nhỏ thê lệ kinh doanh, v.v.) thì chỉ xử lý bằng biện pháp hành chính theo quy định của Hội đồng bộ trưởng.

b) Phân biệt giữa bốn tội vừa nói trên là những tội gây tác hại lớn nhất có thể chịu đến hình phạt nặng nhất, với tội kinh doanh trái phép và tội bao che người phạm tội, hai tội này bị xử phạt nặng nhất cũng chỉ đến năm năm tù.

c) Phân biệt giữa những trường hợp phạm tội bình thường với những trường hợp nghiêm trọng (phạm tội có tính chất chuyên nghiệp hoặc tái phạm, phạm tội có tổ chức, đầu cơ, buôn lậu hàng có giá trị lớn, v.v.) và đặc biệt nghiêm trọng (phạm tội gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng cho nền kinh tế quốc dân hoặc cho sức khỏe, tính mạng của người khác, hoặc gây hậu quả nghiêm trọng cho an ninh, quốc phòng, v.v.), cũng như với những trường hợp được miễn hoặc giảm nhẹ hình phạt (tội phạm chưa bị phát giác mà người phạm tội thành thật thú tội với cơ quan Nhà nước, tự nguyện giao nộp cho Nhà nước đầy đủ hàng hóa, vật tư và phương tiện phạm pháp trước khi bị xét xử).



Tội đầu cơ, buôn lậu, làm hàng giả, kinh doanh trái phép nảy sinh và phát triển trên cơ sở những điều kiện kinh tế - xã hội rất phức tạp. Nền kinh tế nước ta được xây dựng trên cơ sở một nền sản xuất nhỏ, bị chiến tranh nhiều năm tàn phá hết sức nặng nề. Nhà nước và nhân dân ta gặp rất nhiều khó khăn trong việc tổ chức lại sản xuất, bảo đảm công ăn việc làm cho mọi người lao động và nâng cao mức sống nhân dân. Sau ngày miền Nam được hoàn toàn giải phóng, nước nhà đã thống nhất về mọi mặt, nhưng ở miền Nam còn có một số đặc điểm về kinh tế: kinh tế có năm thành

phần trong đó có thành phần tư bản chủ nghĩa; trước đây kinh tế miền Nam phụ thuộc vào kinh tế các nước đế quốc và tư bản, một bộ phận trong nhân dân có giao dịch, buôn bán với thị trường tư bản. Những năm gần đây, một số không ít người trốn ra nước ngoài vẫn còn liên hệ với những người ở lại trong nước bằng cách gửi hàng về để tiêu thụ. Quan hệ ngoại giao và kinh tế giữa nước ta với các nước khác ngày càng mở rộng; những cuộc trao đổi về du lịch, thương mại, văn hóa nhộn nhịp hơn trước và gây ảnh hưởng tâm lý, xã hội phức tạp hơn. Chính sách kinh tế và cơ chế quản lý kinh tế của Nhà nước ta đang trong thời kỳ nghiên cứu đổi mới theo hướng phát huy mạnh hơn tính chủ động sáng tạo của các địa phương và cơ sở, đồng thời giữ vững sự quản lý tập trung của Nhà nước theo kế hoạch và theo pháp luật; kết hợp đúng đắn ba lợi ích kinh tế, coi lợi ích của Nhà nước (tức của toàn xã hội) là chủ đạo, bảo đảm lợi ích của Nhà nước và của tập thể, đồng thời chú trọng hơn trước lợi ích cá nhân, v.v.

Trong những điều kiện nói trên, việc thi hành Pháp lệnh trừng trị các tội đầu cơ, buôn lậu, làm hàng giả, kinh doanh trái phép không phải là đơn giản, dễ dàng.

Việc chống các vi phạm này trước hết đụng chạm đến những người chuyên sống bằng các hoạt động phạm pháp đó, đụng chạm đến lợi ích của những người trong giai cấp tư sản đang được phép tồn tại; nhưng đồng thời nó cũng đụng chạm đến một số tổ chức, cơ quan, đơn vị đã có lệch lạc trong việc buôn bán hàng hóa; đụng chạm đến một số người lao động đã có nghề nghiệp chính đáng nhưng vì cuộc sống khó khăn nên bất đắc dĩ phải « làm một vài chuyện »; nó cũng đụng chạm đến nhận thức, quan điểm của một số cán bộ muốn dùng

biện pháp "tự do hóa" nói là để làm cho sản xuất bung ra và kinh tế phồn thịnh lên. Cho nên kiểm soát, xử lý các vi phạm này là việc làm rất gian khổ. Nó đòi hỏi sự nhất trí về nhận thức trong cán bộ, đảng viên, sự dũng cảm và tinh thần hy sinh của các lực lượng kiểm soát, sự cố gắng kiên trì của các cán bộ quản lý, cán bộ các cơ quan chuyên chính. Làm cho đội ngũ cán bộ, nhân viên có trách nhiệm trực tiếp thi hành Pháp lệnh nhất trí về sự cần thiết phải ban hành Pháp lệnh và quyết tâm góp phần của mình vào việc thi hành Pháp lệnh, đó là điều quan trọng nhất.

Đồng thời phổ biến, tuyên truyền rộng rãi tinh thần và nội dung của Pháp lệnh để hết thảy mọi cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân ở cơ sở ủng hộ việc thi hành Pháp lệnh, giúp đỡ các lực lượng kiểm soát và cán bộ, nhân viên có liên quan phát hiện và xử lý đúng, kịp thời các việc vi phạm.

Để thi hành nghiêm chỉnh Pháp lệnh, cần làm rõ đối tượng xử phạt, phân biệt những công dân, tổ chức, đơn vị làm ăn chính đáng, đúng chính sách với những người thật sự đầu cơ, buôn lậu, làm hàng giả, kinh doanh trái phép, để không xử lý nhầm những người làm ăn chính đáng, đồng thời xác định các mức độ vi phạm khác nhau để thi hành chính sách xử lý có phân biệt. Các cơ quan quản lý có liên quan đang nghiên cứu bổ sung các quy định hiện hành về chính sách quản lý mặt hàng, chỉ rõ những mặt hàng nào Nhà nước giữ độc quyền hoặc thống nhất quản lý, nêu rõ những điều kiện mà các tổ chức tập thể và tư nhân phải tuân theo trong trường hợp Nhà nước thống nhất quản lý nhưng cho phép các tổ chức tập thể và tư nhân kinh doanh một phần; ngoài ra là những mặt hàng mà mọi người được phép tự do sản xuất - kinh doanh

với điều kiện tuân theo các thủ tục lệ bình thường đã quy định như: xin phép đăng ký kinh doanh, nộp đủ thuế, niêm yết giá, v.v.

Hợp nhất và bổ sung các quy định của Chính phủ về xử lý hành chính các việc vi phạm nhỏ chưa đến mức phải truy tố trước tòa án như Pháp lệnh quy định là việc cần làm xong sớm để các cơ quan xử lý vận dụng thuận tiện, và nhân dân nắm được dễ dàng.

Kiểm toàn các tổ chức kiểm soát thị trường và xử lý vi phạm về mặt hành chính, tăng cường đội ngũ và nâng cao trình độ chính trị, nghiệp vụ của cán bộ, nhân viên, củng cố bộ máy và chấn chỉnh chế độ, lề lối làm việc là biện pháp thiết thực để thi hành Pháp lệnh kịp thời, tích cực và đúng đắn. Đồng thời các cơ quan chủ quản tăng cường kiểm tra để bảo đảm cho các lực lượng kiểm soát và tổ chức xử lý làm việc đúng chính sách, pháp luật.

Khi công việc kiểm soát, xử lý các hành vi đầu cơ, buôn lậu, làm hàng giả, kinh doanh trái phép được xúc tiến mạnh mẽ thì có thể xảy ra tình hình: các loại hàng Nhà nước độc quyền sản xuất kinh doanh hoặc thống nhất quản lý sẽ giảm bớt trên thị trường "tự do", như thuốc chữa bệnh, các loại vải nhập khẩu, một số loại phụ tùng thay thế, v.v. Tình hình đó sẽ gây khó khăn cho những người tiêu dùng. Cho nên các công ty, cửa hàng thương nghiệp Nhà nước cần được củng cố mạnh, khẩn trương bổ sung và phân bổ hợp lý lực lượng hàng hóa trên thị trường; tăng cường tổ chức và quản lý các kho hàng; quản lý đội ngũ cán bộ, nhân viên có chức năng bảo quản, phân phối và bán lẻ hàng hóa, v.v.

Các biện pháp về tăng cường và cải tiến quản lý phân phối lưu thông nói chung theo đường lối của Đại hội V

(Xem tiếp trang 34)

Đưa nông nghiệp một bước lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa

ĐỒNG - THẢO

Để tiếp tục thực hiện « Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ », Đại hội thứ V của Đảng đã xác định nội dung chính của công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trong chặng đường trước mắt là « *tập trung sức phát triển mạnh nông nghiệp, coi nông nghiệp là một trận hàng đầu, đưa nông nghiệp một bước lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, ru sức đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng và tiếp tục xây dựng một số ngành công nghiệp nặng quan trọng; kết hợp nông nghiệp, công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp nặng trong một cơ cấu công - nông nghiệp hợp lý* » (1). Như vậy, đường lối kinh tế của Đảng đã chỉ rõ, sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa của ta phải bắt đầu từ nông nghiệp. Bắt đầu từ nông nghiệp, vì sự phát triển mạnh mẽ của nông nghiệp là điều kiện đầu tiên và quan trọng để phát triển các ngành kinh tế khác, đặc biệt là công nghiệp. Và quan trọng hơn cả, bắt đầu từ nông nghiệp là bắt đầu từ những cái mà

chúng ta sẵn có, từ những tiềm năng có thể khai thác được ngay, không đòi hỏi vốn đầu tư nhiều như các ngành công nghiệp, và có thể sử dụng được nhiều lao động. Đại hội thứ V của Đảng đã chỉ rõ: « Cái vốn quý nhất của chúng ta là *lao động*; năng lực tiềm tàng lớn nhất có thể phát huy trước tiên, cũng là đối tượng lao động có khả năng thu hút lực lượng lao động đông đảo nhất, là *đất đai* (kể cả rừng và biển); một năng lực rất lớn là *ngành, nghề* (bao gồm nghề phụ ở nông thôn, thủ công nghiệp, tiểu công nghiệp và các cơ sở về công nghiệp hàng tiêu dùng) có điều kiện phát triển mạnh và sử dụng nhiều lao động. Động lực mạnh nhất của chúng ta là *chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa*. Chế độ làm chủ tập thể cho phép kết hợp lao động với đất đai, mở mang mạnh các ngành, nghề, sớm tạo ra một lực lượng sản xuất mới » (2).

(1) Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương tại Đại hội thứ V của Đảng. *Tạp chí Công sản* số 4-1982, trang 41.

(2) Tạp chí đã dẫn, trang 38.

Dại hội cũng đã chỉ rõ nội dung chính đề đưa nông nghiệp một bước lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa là:

— Bố trí cho nông nghiệp tiến hành sản xuất và phân phối sản phẩm theo một quy hoạch và kế hoạch của cả nước;

— Dẩy mạnh cách mạng khoa học — kỹ thuật trong nông nghiệp, tích cực xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật, hiện đại hóa một bước nông nghiệp;

— Hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa theo hình thức và bước đi đúng đắn;

— Lấy huyện làm địa bàn trọng yếu để thực hiện 3 nội dung nói trên.

I

BỐ TRÍ CHO NÔNG NGHIỆP TIẾN HÀNH SẢN XUẤT VÀ PHÂN PHỐI SẢN PHẨM THEO QUY HOẠCH VÀ KẾ HOẠCH CỦA CẢ NƯỚC

Theo kế hoạch của cả nước, nông nghiệp phải vươn lên làm tốt 3 nhiệm vụ: bảo đảm lương thực cho toàn xã hội, cung ứng nguyên liệu nông sản cho công nghiệp hàng tiêu dùng, tạo ra nguồn hàng xuất khẩu quan trọng. Muốn vậy, phải sử dụng lao động, đất đai theo hướng chuyên canh, thâm canh và kinh doanh tổng hợp, bố trí hợp lý cơ cấu cây trồng, vật nuôi, cơ cấu ngành nghề... để cho đất đai đem lại hiệu quả kinh tế cao, ngành nghề đem lại thu nhập lớn, và năng suất lao động ngày càng cao. Để thực hiện được nhiệm vụ này, cần quán triệt phương hướng phát triển nông nghiệp toàn diện, vững mạnh và vững chắc theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, đồng thời nắm vững trọng tâm là sản xuất lương thực. Phát triển nông nghiệp toàn diện hiện nay không nên hiểu chỉ là vừa trồng trọt, vừa chăn nuôi, hoặc vừa sản xuất lương

thực, vừa phát triển cây công nghiệp, mà nên hiểu một cách đầy đủ rằng nó gồm 6 ngành nghề chính là: sản xuất lương thực, phát triển cây công nghiệp, chăn nuôi, trồng cây, nuôi cá và làm thủ công nghiệp, tiểu công nghiệp.

Sản xuất lương thực: Sản xuất lương thực có một vị trí rất quan trọng về nhiều mặt, vì thiếu lương thực thì nông nghiệp không thể phát triển toàn diện, công nghiệp không có cơ sở để phát triển, xã hội không tồn tại được. Tình hình biến động lương thực gần đây trên thế giới cũng như tình hình lương thực ở nước ta đã chứng minh sâu sắc điều đó. Vì vậy, Đại hội thứ V của Đảng đã đề ra nhiệm vụ: trước mắt, phải đáp ứng bằng được nhu cầu về lương thực của toàn xã hội và phải huy động bằng được số lượng lương thực cần thiết vào tay Nhà nước. Theo kinh nghiệm của nhiều nước, muốn bảo đảm cho sự nghiệp công nghiệp hóa, phải có bình quân đầu người ít nhất 500 kg lương thực. Ở nước ta hiện nay bình quân đầu người chưa được 300 kg, còn xa với nhu cầu. Vì vậy, mục tiêu phấn đấu về lương thực của ta không chỉ là bình quân 17 triệu tấn/năm như trong kế hoạch 1981 — 1985 mà còn là 20 — 25 triệu tấn/năm và hơn nữa vào các kế hoạch sau...

Để bảo đảm lương thực, cần tận lực phát triển lúa và màu. Về lúa, đi đôi với khai hoang mở rộng diện tích ở những nơi có điều kiện, hướng chính là đẩy mạnh thâm canh, tăng vụ, tăng năng suất, hình thành những vùng lúa cao sản, có khối lượng hàng hóa lớn. Cần coi trọng cả hai vùng trọng điểm lúa là đồng bằng sông Cửu-long và đồng bằng sông Hồng; phát triển lúa ở đồng bằng sông Hồng có những điều kiện thuận lợi nhất định và khối phân (hoặc giấm bột) vận chuyên lúa từ miền Nam ra. Về màu, phát triển mạnh trồng ngô, khoai,

sản và các loại cây có bột khác, phần đầu dừa tỷ trọng màu lên 18%—20% trong sản lượng lương thực.

Con đường đúng đắn nhất để giải quyết vấn đề lương thực không phải là tự cấp, tự túc một cách máy móc, mà như Đại hội thứ V đã chỉ rõ là, các địa phương (trừ các thành phố lớn, các khu công nghiệp tập trung, các vùng chuyên canh cây công nghiệp, các vùng rừng tập trung và vùng có hoàn cảnh đặc biệt) phải phát huy thế mạnh của mình, cố gắng tự cân đối lấy nhu cầu lương thực theo cơ cấu sản xuất và tiêu dùng hợp với điều kiện cụ thể từng nơi bằng những biện pháp tích cực, kể cả thông qua trao đổi với các địa phương khác.

Phát triển cây công nghiệp: Đi đôi với sản xuất lương thực, cần phát triển cây công nghiệp (bao gồm cả cây ăn quả, cây làm thuốc) thành một ngành trồng trọt lớn của ta, vì cây công nghiệp là một bộ phận rất quan trọng trong nội dung phát triển nông nghiệp toàn diện. Trước đây, ở miền Bắc, đất ít, người nhiều, phải dành đất cho sản xuất lương thực cho nên việc phát triển cây công nghiệp bị hạn chế. Ngày nay, nước nhà đã thống nhất, tuy vẫn đề lương thực vẫn còn khó khăn nhưng rõ ràng là cây công nghiệp có điều kiện phát triển hơn trước. Vì vậy, cần từng bước phát triển mạnh cây công nghiệp theo hướng vừa tập trung chuyên canh, vừa vận động nhân dân tận dụng ruộng đất để trồng rộng rãi nhằm tạo nguồn nguyên liệu dồi dào cho công nghiệp. Cần phát triển toàn diện các loại cây công nghiệp bao gồm cây hằng năm và lâu năm, cây có sợi, cây có dầu, cây có đường, cây ăn quả, cây làm thuốc, cây tinh dầu và tập trung phát triển trên quy mô lớn một số cây quan trọng như đồ tương, mía, chè, thuốc lá, dừa, cao su, cà phê, bông, đay, cói, dầu tằm.

Đề phát triển cây công nghiệp, vẫn đề quan trọng trước tiên là phải điều tra, quy hoạch phân vùng nông nghiệp, hoàn chỉnh và mở rộng các vùng đã có, đồng thời xây dựng thêm một số vùng mới nhằm tiến tới hình thành một số vùng cây công nghiệp tập trung, chuyên canh như vùng chè, vùng mía, vùng thuốc lá..., kết hợp quy hoạch phát triển cây công nghiệp với quy hoạch phát triển công nghiệp chế biến, giao thông, vận tải, tạo ra những vùng cây công nghiệp tập trung chung quanh các nhà máy nhằm gắn chặt nguyên liệu với chế biến trên từng vùng lãnh thổ, phát huy hiệu quả kinh tế tối đa.

Phát triển chăn nuôi: Phát triển chăn nuôi cân đối với trồng trọt, sớm đưa chăn nuôi trở thành ngành chính trong nông nghiệp là một yêu cầu cơ bản trong việc phát triển nông nghiệp toàn diện. Chăn nuôi và trồng trọt có quan hệ hữu cơ với nhau. Có phát triển chăn nuôi mới có thêm phân bón và sức kéo cho trồng trọt, ngược lại có phát triển trồng trọt mới có thức ăn cho chăn nuôi. Nhiệm vụ phát triển chăn nuôi trong thời gian tới nhằm vào 3 yêu cầu chính: tăng nguồn thực phẩm cho xã hội, giải quyết vấn đề phân bón, sức kéo cho nông nghiệp, tăng nguồn nguyên liệu cho công nghiệp chế biến và xuất khẩu. Phát triển toàn diện chăn nuôi bao gồm gia súc lớn, gia súc nhỏ và gia cầm, trong đó chú trọng phát triển gia súc có sữa và những loại ít ăn lương thực. Kết hợp tốt và phát triển cả 3 hình thức chăn nuôi: hợp tác xã, quốc doanh và gia đình; khuyến khích phát triển chăn nuôi gia đình. Sớm hình thành các vành đai chăn nuôi chung quanh các thành phố lớn, các khu công nghiệp.

Đề phát triển chăn nuôi, cần tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật, bổ sung chính sách, chấn chỉnh tổ chức

quản lý và đặc biệt chú ý giải quyết tốt trên quy mô lớn 3 vấn đề cơ bản là giống, thức ăn và công tác thú y.

Trồng cây: Phát triển nông nghiệp toàn diện còn có nghĩa là kết hợp nông nghiệp với lâm nghiệp và ngư nghiệp, đẩy mạnh trồng cây, nuôi cá nhằm trải rộng thâm thực vật rừng trên toàn lãnh thổ. Phát triển sâu rộng phong trào quần chúng trồng cây ở bất cứ nơi nào có thể trồng được; có thể trồng nhiều loại cây, nhưng cần tập trung vào một số cây chính. Nhận thức sâu sắc rằng, việc trồng cây này không những làm tăng thêm nguyên liệu, nhiên liệu cho xã hội, thu nhập cho gia đình mà còn có tác dụng bảo vệ môi trường, tổ diêm cho đất nước thêm tươi đẹp.

Nuôi cá: Tận dụng mọi hồ, ao, đầm lạch, sông ngòi và các mặt nước khác để phát triển nghề nuôi cá nước ngọt. Nuôi cá vừa là một nguồn thu nhập lớn trong nông nghiệp, vừa là nguồn thực phẩm cung cấp tại chỗ rất thuận tiện. Do đó, hợp tác xã nào cũng nên kinh doanh nghề cá, và gia đình nào có điều kiện cũng nên nuôi cá.

Phát triển nghề thủ công: Trong nông nghiệp, đây là một nội dung mới, một phương hướng mới trong việc phát triển nông nghiệp toàn diện và kết hợp nông nghiệp với công nghiệp từ cơ sở. Có phát triển thủ công nghiệp mới tận dụng được lao động nhân rỗi và nguyên liệu phân tán trong nông thôn, mới giải quyết được các nhu cầu cần thiết cho đời sống, sản xuất và tăng thu nhập cho các gia đình. Mục tiêu của thủ công nghiệp trong nông nghiệp là làm cho hợp tác xã nông nghiệp nào cũng có thủ công nghiệp và gia đình nào cũng có thủ công nghiệp. Việc phát triển thủ công nghiệp trong nông nghiệp vừa phục vụ sản xuất nông nghiệp, vừa góp phần sản xuất hàng tiêu dùng

cho nông thôn và hàng xuất khẩu. Tổ chức sản xuất thủ công nghiệp trong nông nghiệp phải gắn với hợp tác xã nông nghiệp nhằm điều hòa và cân đối lao động, lương thực, vật tư giữa nông nghiệp và thủ công nghiệp. Ba hình thức tổ chức phổ biến là: thủ công nghiệp gia đình, các đơn vị sản xuất thủ công nghiệp làm theo thời vụ và các đơn vị sản xuất thủ công nghiệp chuyên nghiệp.

Khó khăn lớn nhất của ta là đất ít, người nhiều, dù có thâm canh cao độ trên diện tích hiện có, vẫn không đáp ứng được yêu cầu, cho nên khai hoang để mở rộng thêm diện tích, tiến tới sử dụng cả 10 triệu héc ta đất nông nghiệp là vấn đề có ý nghĩa chiến lược phải quyết tâm làm cho được. Song quá trình lịch sử và kinh nghiệm thực tế cho thấy rằng, đây không phải là vấn đề đơn giản, cho nên cần tiến hành một cách vững chắc, tích cực theo phương châm « Nhà nước và nhân dân cùng làm » nhằm đạt được hiệu quả kinh tế thiết thực, tránh tình trạng khai hoang chỗ này, bỏ hóa chỗ khác, hoặc khai hoang rồi lại bỏ hóa. Để làm tốt việc khai hoang, xây dựng vùng kinh tế mới, một mặt cần giáo dục, động viên quần chúng nhân dân, làm cho họ thấy rằng đi xây dựng vùng kinh tế mới tuy có khó khăn gian khổ, nhưng đây là nghĩa vụ xây dựng Tổ quốc. Mặt khác, đầu tư thích đáng, tiến hành xây dựng đồng bộ các mặt, nhất là kết cấu hạ tầng, tổ chức chu đáo việc đưa người đi, có nhiều chính sách thích hợp làm cho đời sống ở đây chóng ổn định.

II

ĐẨY MẠNH CÁCH MẠNG KHOA HỌC KỸ THUẬT, TÍCH CỰC XÂY DỰNG CƠ SỞ VẬT CHẤT KỸ THUẬT CỦA NÔNG NGHIỆP

Để đưa nông nghiệp một bước lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa cần,

tiến hành cách mạng khoa học kỹ thuật, tích cực xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của nông nghiệp. Các biện pháp thủy lợi hóa, hóa học hóa, cơ giới hóa, điện khí hóa và cách mạng sinh học cần được tiến hành phù hợp với bước quá độ của nông nghiệp từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa nhằm khai thác tốt tiềm năng lao động, đất đai, nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp.

Chúng ta luôn luôn coi thủy lợi là biện pháp hàng đầu để phát triển nông nghiệp. Tập trung cao độ sức lực để phát triển nhanh thủy lợi, kết hợp lao động thủ công với cơ giới; kết hợp các công trình lớn, vừa và nhỏ; làm đồng bộ từ công trình đầu mối đến kênh mương và xây dựng đồng ruộng; làm tập trung dứt điểm và tổ chức quản lý tốt để phát huy nhanh hiệu quả.

Ngành thủy lợi và xây dựng đây mạnh công tác khảo sát thiết kế và thi công các công trình lớn và vừa; phân cấp và tạo điều kiện cho tỉnh và huyện chủ động thiết kế thi công các công trình vừa và nhỏ. Các ngành công nghiệp bảo đảm cung cấp vật liệu xây dựng, công cụ làm đất, máy bơm, ống dẫn và điện cho yêu cầu thủy lợi.

Về phân bón, kết hợp sử dụng phân hữu cơ với phân hóa học mới tạo điều kiện tốt để tăng năng suất cây trồng. Trước mắt, tăng nhanh phân chuồng, phát triển mạnh bèo hoa dâu, phân thặng và các loại phân xanh khác. Tận dụng mùn rác và phủ sa để bồi dưỡng và cải tạo đất. Cố gắng cung ứng đủ than cho nông nghiệp làm chất đốt để trả lại rạ cho đồng ruộng và dùng rơm làm thức ăn cho trâu bò. Công nghiệp hóa chất cần vươn lên sản xuất ngày càng nhiều phân hóa học và thuốc trừ sâu để phục vụ nông nghiệp và từng bước mở rộng hóa học hóa nông nghiệp. Xuất phát từ tài nguyên của ta, trước mắt đây

mạnh sản xuất vôi, phân lân và cố gắng tăng thêm phân đạm.

Công cụ cầm tay không chỉ đáp ứng yêu cầu cấp bách trước mắt mà còn có tác dụng lâu dài trong cả quá trình cơ giới hóa nông nghiệp. Vì vậy, cần tận dụng khả năng cơ khí sẵn có từ trung ương đến địa phương, từ quốc doanh đến hợp tác xã để giải quyết vấn đề nông cụ thường và nông cụ cải tiến trong nông nghiệp với chất lượng tốt, quy cách thích hợp. Tiến hành điều tra khảo sát cụ thể để xây dựng tiêu chuẩn và lập kế hoạch sản xuất cho phù hợp, tránh tình trạng nơi thừa, nơi thiếu, lúc thừa, lúc thiếu, loại này thừa, loại khác thiếu.

Cơ giới hóa nông nghiệp không chỉ có tác dụng làm tăng năng suất lao động trong nông nghiệp mà còn góp phần thâm canh, tăng vụ, thúc đẩy nông nghiệp lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Không tiến hành cơ giới hóa thì không thể củng cố và phát huy được kết quả hợp tác hóa. Thực hiện cơ giới hóa là vấn đề có ý nghĩa chiến lược; đây cũng là vấn đề có nhiều khó khăn. Ta chưa sản xuất được nhiều máy kéo, việc nhập máy kéo không dễ dàng, hơn nữa không phải chỉ có máy kéo là đủ mà phải giải quyết đồng bộ từ máy kéo, máy công tác, phụ tùng, nhiên liệu đến việc đào tạo công nhân. Việc cơ giới hóa đồng bộ đòi hỏi phải giải quyết nhiều vấn đề liên quan như hoàn chỉnh thủy lợi, cải tạo và xây dựng đồng ruộng, quy hoạch các điểm dân cư, phát triển đường giao thông nông thôn... Ngoài ra, việc đưa cơ giới vào nông nghiệp còn liên quan đến việc sử dụng và phân bổ lại lao động, bảo đảm hiệu quả kinh tế cho cả Nhà nước và nông dân. Do đó, trước mắt cần kết hợp tốt cơ khí với thủ công và nửa cơ khí, bảo đảm hiệu quả kinh tế. Việc cơ giới hóa nông nghiệp nên tiến hành từng bước vững chắc,

có trọng điểm, trước hết nên thực hiện ở các vùng thiếu sức kéo, thiếu lao động, các vùng cần thâm canh, tăng vụ, các vùng kinh tế mới. Đồng thời nên làm thử cơ giới hóa đồng bộ ở một số huyện để rút kinh nghiệm mở rộng về sau.

Điện khí hóa nông thôn là một mục tiêu quan trọng của chủ nghĩa xã hội, đồng thời, cũng là ước mơ tha thiết của nông dân, cho nên chúng ta sẽ phấn đấu thực hiện mục tiêu và ước mơ đó. Tuy nhiên, trước mắt nguồn điện và khả năng các mặt còn có hạn cho nên cần thực hiện từng bước theo hướng bảo đảm điện cho sản xuất. Trước hết là điện phục vụ thủy lợi và một số khâu cơ giới hóa cần thiết, còn điện để phục vụ sinh hoạt chỉ làm thử ở một vài nơi để rút kinh nghiệm và sẽ mở rộng dần khi có điều kiện.

Ngoài ra, cần coi trọng việc nghiên cứu và ứng dụng rộng rãi những thành tựu sinh học trong trồng trọt và chăn nuôi, đặc biệt là tạo ra các loại giống có năng suất cao, giống chống được sâu bệnh để nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp.

III

HOÀN THÀNH HỢP TÁC HÓA, CÙNG CÓ VÀ HOÀN THIỆN QUAN HỆ SẢN XUẤT XÃ HỘI CHỦ NGHĨA TRONG NÔNG NGHIỆP

Đề bài o đảm sự phù hợp giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, cần xuất phát từ trình độ của lực lượng sản xuất mà xác định các hình thức và quy mô tổ chức sản xuất cho hợp, tuyệt đối không được "áp đặt" quan hệ sản xuất một cách máy móc trong khi lực lượng sản xuất chưa đòi hỏi. Do đó, đòi hỏi nông nghiệp P. Đại hội thứ V của Đảng đã

chỉ rõ « hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa theo hình thức và bước đi thích hợp », tránh cả hai xu hướng nóng vội, giản đơn hoặc chần chừ, do dự.

Theo tinh thần đó, đối với miền Nam, cần kiên quyết điều chỉnh ruộng đất ở những nơi cần thiết, bảo đảm cho mọi nông dân đều có ruộng đất, thu hút rộng rãi nông dân tham gia tổ đoàn kết sản xuất. Từ tổ đoàn kết sản xuất mà tổ chức tập đoàn sản xuất, hợp tác xã khi đã có đủ điều kiện, trong đó lấy tập đoàn sản xuất làm hình thức chủ yếu với quy mô thích hợp. Cần căn cứ tình hình cụ thể để có hình thức tập thể hóa tư liệu sản xuất phù hợp. (còn trả hoa lợi ruộng đất, thuê mướn một phần công cụ, máy móc, duy trì kinh tế vườn...), từng bước theo đà phát triển sản xuất mà nâng cao trình độ tập thể hóa. Việc xây dựng tập đoàn sản xuất và hợp tác xã phải gắn liền với việc tổ chức lại sản xuất, thực hiện chế độ khoán sản phẩm cuối cùng cho nhóm và người lao động và phải gắn liền với việc xây dựng huyện. Cũng cố các tổ hợp và tập đoàn máy nông nghiệp, và có chính sách cần thiết (cung ứng phụ tùng, nhiên liệu giá cả...); quy định địa bàn, đời sống phục vụ; ký kết hợp đồng, tăng cường kiểm tra kiểm sát để phục vụ tốt các tập đoàn sản xuất và hợp tác xã. Đối với những tư nhân có nhiều ruộng đất (kể cả vườn cây), máy móc, thuê mướn nhân công, một mặt thông qua những chính sách đòn bẩy để khuyến khích, hướng dẫn họ sản xuất theo quỹ đạo của Nhà nước; mặt khác, có chính sách điều tiết thu nhập, thúc đẩy công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa.

Tập trung sức cùng cố, kiện toàn các hợp tác xã, tập đoàn sản xuất, nông trường, lâm trường, trạm, trại kỹ thuật có đủ những điều kiện cần thiết và ổn định, bảo đảm chủ động

trong sản xuất, kinh doanh; phân loại các hợp tác xã để xác định nội dung tổ chức sản xuất – quản lý cho phù hợp, bảo đảm đưa lại hiệu quả kinh tế cao. Dựa vào quy hoạch sản xuất của huyện để hoàn thiện phương hướng sản xuất, cơ cấu sản xuất theo hướng vừa chuyên canh vừa phát triển toàn diện, tạo ra nguyên liệu tại chỗ để mở mang ngành nghề, tham gia xuất khẩu, liên kết kinh tế tập thể với kinh tế gia đình, khuyến khích kinh tế gia đình phát triển. Kiện toàn các đội sản xuất cơ bản với quy mô thích hợp, chấn chỉnh các đội chuyên khâu cho phù hợp với trình độ trang bị kỹ thuật hiện có và yêu cầu đưa tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, trước hết là các đội giống, thủy nông, bảo vệ thực vật... Dựa trên chế độ khoán sản phẩm cuối cùng cho nhóm và người lao động mà hoàn thiện các hình thức phân công, hiệp tác lao động trong dây chuyền sản xuất giữa lao động tập thể và lao động cá nhân, giữa hợp tác xã và gia đình xã viên cho phù hợp và có hiệu quả cao.

Các hợp tác xã miền núi ở miền Bắc và Tây-nguyên dựa vào chủ trương giao đất, giao rừng của Nhà nước để chuyển nhanh sang phương hướng sản xuất nông – lâm kết hợp, áp dụng hình thức tổ chức sản xuất và quản lý cho phù hợp với địa hình, dân cư và trình độ quản lý của cán bộ.

Coi trọng củng cố, nâng cao hiệu quả và chất lượng của các nông trường quốc doanh, làm cho nông trường quốc doanh thật sự xứng đáng với vai trò gương mẫu về sản xuất và quản lý. Tập trung đầu tư và củng cố, xây dựng những nông trường sản xuất hàng chiến lược (lương thực, nông sản xuất khẩu, giống cây, con...). Đề cho các nông trường này kinh doanh có hiệu quả, cần ổn định địa bàn sản xuất, hoàn thiện phương hướng sản xuất, cơ cấu sản xuất, hoàn chỉnh hệ

thống cơ sở vật chất kỹ thuật, giải quyết đủ lao động, tăng cường cán bộ quản lý, gắn nông trường với công nghiệp chế biến, liên kết kinh tế của nông trường với vùng lãnh thổ (vùng hoặc huyện), với các chuyên ngành kinh tế – kỹ thuật. Đối với những nông trường khác, căn cứ vào mức độ đầu tư có hạn khác nhau mà bố trí lại cơ cấu sản xuất, tổ chức sản xuất cho phù hợp. Chúng ta chỉ xây dựng những nông trường mới khi nhiệm vụ thiết kế chứng minh là chắc chắn có hiệu quả.

Kinh tế gia đình của xã viên nông dân có một vị trí rất quan trọng, nó tồn tại lâu dài gắn với đời sống của nông dân và nền kinh tế xã hội chủ nghĩa. Vì vậy, cần khuyến khích kinh tế gia đình phát triển để bổ sung cho kinh tế xã hội, làm cho kinh tế gia đình thật sự là một bộ phận hợp thành của kinh tế xã hội chủ nghĩa

IV

XÂY DỰNG HUYỆN, LẤY HUYỆN LÀM ĐỊA BÀN TRỌNG YẾU ĐỂ ĐƯA NÔNG NGHIỆP MỘT BƯỚC LÊN SẢN XUẤT LỚN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Việc thực hiện quy hoạch sản xuất, tiến hành cách mạng khoa học kỹ thuật, hoàn thiện quan hệ sản xuất mới trong nông nghiệp diễn ra chủ yếu trên địa bàn huyện, vì vậy Đại hội thứ V của Đảng đã xác định phải lấy huyện làm địa bàn trọng yếu để đưa nông nghiệp một bước lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Huyện có một vị trí rất quan trọng, nó là địa bàn tổ chức lại sản xuất, là cứ điểm của cách mạng khoa học kỹ thuật trong nông nghiệp, là nơi hợp thành sức mạnh tổng hợp của Nhà nước và nhân dân để thực hiện đường lối kinh tế của Đảng trong

nông thôn. Song, không được tách rời huyện với tỉnh, với ngành, không thể xây dựng huyện theo lối "khép kín", mà phải xây dựng huyện trong quy hoạch chung của tỉnh, trong mối quan hệ kinh tế, kỹ thuật với ngành. Trên địa bàn huyện, vừa có cơ sở sản xuất kinh doanh thuộc huyện, vừa có cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc ngành. Ngành tăng cường kỹ thuật mới cho huyện, huyện tiếp thu và vận dụng kỹ thuật mới ấy một cách phù hợp với điều kiện của mình. Như vậy, ngành mạnh sẽ giúp cho huyện mạnh, và huyện mạnh sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho ngành phát triển. Kết hợp xây dựng huyện với xây dựng ngành là một cách làm tốt để có thể đưa nông nghiệp từng bước đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa trong khi chưa có công nghiệp lớn hoàn chỉnh.

Đại hội thứ V của Đảng đã chỉ rõ: "Cơ cấu kinh tế huyện hình thành từ điều kiện kinh tế trong huyện, từ phương hướng sản xuất chuyên môn hóa và kinh doanh tổng hợp của mỗi huyện, từ yêu cầu và khả năng của các hợp tác xã và tập đoàn sản xuất nông nghiệp, đồng thời phải gắn với quy hoạch phát triển kinh tế của tỉnh và của cả nước" (3). Cơ cấu kinh tế huyện bao gồm nhiều đơn vị thuộc các ngành kinh tế và các thành phần kinh tế khác nhau như:

- Các hợp tác xã nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và một số nông trường (nếu có).

- Các cơ sở kỹ thuật nông - lâm nghiệp: trạm, trại giống, hệ thống thủy nông, trạm máy kéo và sửa chữa công cụ...

- Các cơ sở sản xuất tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp và xi nghiệp quốc doanh (nếu có).

- Các tổ chức xây dựng của huyện và của hợp tác xã nông nghiệp.

- Các đơn vị vận tải (của huyện và của hợp tác xã nông nghiệp), các đội

quản lý đường sá, các cơ sở thông tin, bưu điện.

- Các công ty cung ứng vật tư, thu mua nông sản, bán lẻ, dịch vụ... và các hợp tác xã mua bán.

Các tổ chức kinh tế này là những đơn vị sản xuất, kinh doanh, chịu sự chỉ đạo của các ngành kinh tế - kỹ thuật khác nhau. Vì vậy huyện chỉ là địa bàn tổ chức lại sản xuất, chưa phải là một liên hiệp sản xuất, kinh doanh. Cấp huyện đại diện cho trung ương và tỉnh, đồng thời gắn với các cơ sở sản xuất, kinh doanh. Nó là một cấp quản lý Nhà nước, vừa điều hành các cơ sở sản xuất kinh doanh thuộc huyện, vừa phối hợp hoạt động của các cơ sở thuộc các thành phần kinh tế khác nhau của huyện, tỉnh và trung ương trên địa bàn huyện, nhằm phục vụ tốt nhất cho sản xuất và đời sống trong huyện, trước hết là phục vụ cho sản xuất nông nghiệp.

Phương hướng phát triển kinh tế trên địa bàn huyện trong những năm tới là: nắm vững nông nghiệp là trọng tâm, song không phát triển nông nghiệp một cách đơn độc, mà phải kết hợp với công nghiệp ngay từ đầu và từ cơ sở. Tiến hành tổ chức lại sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện theo hướng: bố trí lại đất đai, lao động để mở rộng sản xuất kinh doanh; xây dựng và hình thành từng bước các vùng chuyên canh; nâng dần mức độ tập trung sản xuất và trình độ thâm canh đối với một số cây trồng và vật nuôi trọng yếu; hình thành hệ thống các khâu cơ sở vật chất kỹ thuật trên địa bàn huyện gắn liền với các hợp tác xã.

Chúng ta cần coi trọng công nghiệp, nhất là tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp và dựa vào nguyên liệu, lao động trong nông nghiệp mà phát

(3) Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương tại Đại hội thứ V của Đảng, Tạp chí Cộng sản số 4-1982, tr. 39.

triển tiêu công nghiệp, thủ công nghiệp. Huyện nào cũng phấn đấu để có thể đạt giá trị sản lượng tiêu công nghiệp từ 10 triệu đồng trở lên.

Các huyện cần phấn đấu tiến tới cân đối được quan hệ kinh tế hai chiều, tạo ra giá trị hàng hóa điều đi bằng hoặc hơn giá trị hàng hóa điều đến và góp phần tăng thêm hàng xuất khẩu. Huyện nào cũng cố gắng lo ăn, lo mặc cho nhân dân. Lương thực và những sản phẩm nào có thể cân đối được nhu cầu trên địa bàn huyện một cách kinh tế thì cố gắng làm, không ỷ lại vào cấp trên.

Phương châm xây dựng kinh tế trên địa bàn huyện là « Nhà nước và nhân dân cùng làm », với sức của huyện là chính, tỉnh và trung ương giúp sức, chủ yếu là về kỹ thuật và một phần vật tư. Khắc phục tình trạng cấp trên tập trung đầu tư cho các huyện điềm để gây ra ỷ lại và không rút được kinh nghiệm chung.

Đi đôi với xây dựng kinh tế, các huyện cần chú ý phát triển văn hóa,

giáo dục, y tế... tổ chức tốt đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân, xây dựng nông thôn mới xã hội chủ nghĩa. Đồng thời, huyện cần kết hợp kinh tế với quốc phòng, xây dựng huyện thành pháo đài vững mạnh bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.



Trên đây là những nội dung chủ yếu của quá trình đưa nông nghiệp một bước lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Để thực hiện tốt quá trình này, vấn đề cơ bản là phải kết hợp phát triển nông nghiệp với công nghiệp trong cơ cấu công - nông nghiệp hợp lý, kết hợp xây dựng kinh tế trung ương với phát triển kinh tế địa phương trong một cơ cấu kinh tế quốc dân thống nhất. Đồng thời, kiên quyết đổi mới quản lý kinh tế, xóa bỏ lối quản lý quan liêu bao cấp, thực hiện phương thức quản lý sản xuất kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Thi hành nghiêm chỉnh pháp lệnh...

(Tiếp theo trang 25)

của Đảng như « tăng quỹ hàng hóa, tập trung cho được hàng vào tay Nhà nước, trước hết là các mặt hàng quan trọng »; « giữ nghiêm kỷ luật giao nộp sản phẩm cho Nhà nước »; « Nhà nước phải có chính sách thúc đẩy sản xuất và nắm nguồn hàng của khu vực kinh tế tập thể và cá thể bằng thu thuế hiện vật, thu mua theo nghĩa vụ và qua hợp đồng hai chiều; các ngành, các cấp phải ra sức đầu tranh chống ăn cắp, lãng phí hàng hóa, vật tư của Nhà nước »; « cải tiến mạnh mẽ hệ thống thương nghiệp quốc doanh và

hợp tác xã mua bán », v.v. đều có tác dụng tích cực góp phần phòng ngừa các tội đầu cơ, buôn lậu, làm hàng giả, kinh doanh trái phép.

Chứng nào còn tồn tại những điều kiện và nguyên nhân kinh tế - xã hội sinh ra các tội phạm nói trên thì chứng đó việc thi hành Pháp lệnh trừng trị các tội phạm ấy còn cần thiết. Đây là một công việc lâu dài, nhất thiết phải có sự lãnh đạo chặt chẽ và kiên trì của các cấp ủy Đảng nhằm bảo đảm cho chính sách của Đảng và Nhà nước về mặt này được thi hành một cách toàn diện.

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN

TRẦN-ĐỨC-GIANG – TẠ-HOÀNG-TINH

DẤT nước ta là một trong những cái nôi nổi tiếng của loài người. Con người Việt-nam được hình thành và phát triển trong môi trường thiên nhiên rộng lớn từ thuở hồng hoang tới nay, đã biết tranh thủ lợi dụng những điều kiện tự nhiên và những tài nguyên thiên nhiên thuận lợi cũng như phải khắc phục biết bao **những** khó khăn để vừa thích nghi **vừa** chinh phục thiên nhiên trong cuộc đấu tranh sinh tồn của mình.

Một mảnh riu dả Bắc-sơn và những thửa ruộng bậc thang ở các vùng rẻo cao; truyền thuyết Sơn-Tinh – Thủy-Tinh và những con đê dài bên những dòng sông miền Bắc hay những kênh rạch miền Nam; những lũy tre dày đặc với cây đa giếng nước đầu làng, một giàn thiên lý trước hiên, một hón non bộ giữa sân; “Tết trồng cây” của Bác Hồ và phong trào “nghiêng đồng đò nước ra sông”, “vất đất ra nước, thay trời làm mưa”, “sạch làng, tốt ruộng” – tất cả những cái đó ít hay nhiều đều mang những nội dung khoa học kỹ thuật của vấn đề môi trường và có tính truyền thống trong đời sống của nhân dân ta.

Đương nhiên, khái niệm môi trường phát triển và mở rộng dần tùy thuộc sự phát triển của tình hình

kinh tế, văn hóa và xã hội của mỗi dân tộc, mỗi quốc gia trong mỗi thời kỳ lịch sử khác nhau. Và cũng từ đó, các yêu cầu về bảo vệ môi trường và sử dụng tài nguyên của mỗi giai cấp, mỗi quốc gia, mỗi khu vực cũng mang những màu sắc khác nhau.

Môi trường ở đây được hiểu với nghĩa *môi trường thiên nhiên*, trong đó có *môi trường sống của con người*, bao gồm: các yếu tố tự nhiên và phi tự nhiên tồn tại, vận động và phát triển trong một thể thống nhất hữu cơ, có ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến con người; và chính con người cũng là một yếu tố môi trường quan trọng.

Môi trường theo nghĩa hẹp là nơi *cư trú của con người*, có chức năng: cung cấp các tài nguyên thiên nhiên, thu nhận các hoạt động của con người và đồng hóa các chất thải của tự nhiên và của sản xuất.

Bảo vệ môi trường là một yêu cầu cấp thiết hiện nay của hành tinh chúng ta. Tầm quan trọng của nó đã vượt ra ngoài ranh giới của một quốc gia, một khu vực, trở thành một mối quan tâm quốc tế.

Tất cả những hậu quả làm hỏng môi trường chung quanh và tác động có hại cho con người thường liên quan đến cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật, với «sự bùng nổ số dân».

Số dân càng tăng bao nhiêu, kỹ thuật càng tiến bộ bao nhiêu thì sự tiến công vào thiên nhiên càng thêm dữ dội bấy nhiêu, tài nguyên thiên nhiên càng bị kiệt quệ nhanh chóng bấy nhiêu. Con người không thấy rằng sự biến đổi vật chất và năng lượng trong tự nhiên là một hệ thống phức tạp nhưng liên quan thống nhất với nhau, chất lượng môi trường giảm sút gây ra những khủng hoảng về sinh thái trên trái đất. Đây không phải là một cuộc khủng hoảng tạm thời mà là một cuộc khủng hoảng kéo dài, ngày càng tăng về cường độ và quy mô.

Đối với loài người, vấn đề môi trường và nguy cơ của nó đã được báo động nhiều lần. F. Ăng-ghe-n đã chỉ rõ: « Chúng ta hoàn toàn không thống trị được tự nhiên như một kẻ xâm lược thống trị một dân tộc khác, như một người sống bên ngoài tự nhiên... » (1).

Ngày nay, con người đang hướng vào việc nghiên cứu gấp rút các hệ sinh thái, hiểu biết chúng để điều khiển chúng, bảo đảm sự ổn định cho sự cân bằng, dù là cân bằng động. Vì đó chính là sự phù hợp với quy luật phát triển không ngừng của sự vật. Trong giai đoạn hiện nay của sự phát triển sản xuất xã hội, sự khủng hoảng môi trường bắt đầu thể hiện ra bằng các cuộc khủng hoảng về năng lượng, nguyên liệu, lương thực, thực phẩm, sự bùng nổ số dân, sự ô nhiễm nước, không khí và đất.

Việt-nam có một vị trí rất đặc biệt: là nơi kẻ tiếp giữa mũi đại dương và lục địa, là nơi giao nhau của hai vành đai kiến tạo sinh khoáng Thái-bình-dương và Địa-trung-hải, là một nước nhiệt đới gió mùa. Nhiều dạng vận động của vật chất trong những điều kiện tự nhiên ấy đã phát triển và biến đổi qua các niên đại địa chất — từ lúc khởi thủy của trái đất cho tới ngày nay, đã tạo nên cho lãnh

thổ này những kho báu tiềm tàng của các dạng tài nguyên thiên nhiên vô cùng phong phú, đa dạng và phức tạp.

Nước ta được xếp vào hàng các nước đang phát triển trên thế giới. Nhưng nước ta lại có những đặc thù mà các nước đang phát triển ở khu vực Đông Nam Á không có: chúng ta có một chế độ xã hội tiến bộ nhất, đó là chế độ xã hội xã hội chủ nghĩa; Đảng ta là một đảng cộng sản đã dày dạn trong đấu tranh và đã giành được hết thắng lợi này đến thắng lợi khác cho đất nước, cho dân tộc trong suốt quá trình hoạt động của mình. Đó là những yếu tố xã hội có tác động tích cực mạnh mẽ đến sự vận động của môi trường.

Song, mặt khác đất nước ta lại phải trải qua ba cuộc chiến tranh kéo dài liên miên trong suốt gần 10 năm qua. Tình trạng chiến tranh đã kìm hãm sự phát triển, và hủy diệt môi trường sống một cách khủng khiếp nhất, với một cường độ mãnh liệt nhất, trong một thời gian ngắn nhất và trên một phạm vi rộng lớn. Đó là một yếu tố xã hội và quốc tế có tác động tiêu cực nhất đối với sự vận động của môi trường, đã đưa lại những hậu quả trực tiếp tàn nhẫn và bi thảm, có ảnh hưởng sâu sắc, kéo dài qua nhiều thế hệ mà nhân dân ta phải gánh chịu và khắc phục.

Nhân dân ta đang xây dựng đất nước trong tình trạng vừa có hòa bình vừa phải đương đầu với một kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của bọn bành trướng bá quyền Trung-quốc cầu kết với đế quốc Mỹ; đồng thời phải sẵn sàng đối phó với tình huống địch có thể gây chiến tranh xâm lược quy mô lớn, nghĩa là trong tình trạng không thật sự ổn định, lại xuất phát từ một nền kinh tế còn nghèo

(1) C. Mác — F. Ăng-ghe-n: *Tuyên 10p*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1962, tập II, tr. 137.

nân, lạc hậu, các cơ sở vật chất kỹ thuật còn thiếu thốn về nhiều mặt.

Tất cả những điều đó buộc chúng ta phải tìm kiếm và xác lập quan điểm mới trường cho thích hợp.

Tình hình sử dụng và bảo vệ khoáng sản ở nước ta đang trở thành một vấn đề rất đáng quan tâm.

Mỏ thiếc Tĩnh-túc (Cao-bằng) trong 12 năm khai thác (tính đến năm 1969) đã đề hao phí một lượng thiếc bằng tổng trữ lượng thiếc của nước Mỹ, gần bằng tổng trữ lượng thiếc của các nước châu Âu (trừ Anh, Bồ-đào-nha, Tây-ban-nha và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu) (2).

Số lượng than bị tổn thất của vùng mỏ Quảng-ninh lớn hơn sản lượng trung bình của các mỏ lộ thiên ở đây.

Mỏ a pa tit Lao-cai đã đề hao phí nhiều quặng trong khi khai thác.

Mỏ crô-mít Thanh-hóa thu hồi trong khi khai thác chỉ được hơn 1/3, còn lại bị hao phí.

Người ta tính rằng: chỉ cần giảm một phần nhỏ khoáng sản bị sót lại dưới lòng đất trong quá trình khai thác, một phần nhỏ nguyên liệu bị thải bỏ trong quá trình chế luyện, một phần nhỏ vật chất bị phung phí trong quá trình sử dụng, trong một năm, thì cũng coi như trong năm đó, các nhà địa chất tìm thêm được hàng chục mỏ cỡ lớn.

Từ ngàn xưa, rừng và cây đã thật sự là nguồn sống, nguồn hạnh phúc của mỗi con người, của mỗi dân tộc, nhưng hiện nay vốn rừng và vốn cây đó đã bị giảm sút nhanh. Trong khoảng 10 năm từ 1963 - 1973, trên trái đất, đã mất đi 500 triệu héc ta rừng, tức khoảng 5% tổng diện tích rừng của thế giới. Tính trung bình mỗi năm ở châu Á mất đi hơn 5 triệu héc ta rừng tối. Rừng ẩm nhiệt đới bị chặt hạ và đốt hàng năm là 110000 km², với nhịp độ trên thì tất cả rừng loại này trên trái

đất sẽ bị biến mất trong vòng 85 năm nữa.

Đối với thế giới, vấn đề bảo vệ rừng đang là một vấn đề bảo động nghiêm trọng. Còn ở nước ta, vấn đề này cũng không mấy lạc quan. Tỷ lệ che phủ của rừng năm 1945 chiếm 45% toàn bộ lãnh thổ. Hiện nay, chỉ còn 29% diện tích có rừng che phủ. Trong vòng 30-35 năm gần đây, diện tích rừng bị phá lên đến 5 triệu héc ta. Đồi trọc có tới hơn 5 triệu héc ta, và bãi cát, đất hoang chưa được phủ xanh có tới hàng chục vạn héc ta. Một số rừng đầu nguồn quan trọng, như ở sông Đà, tỷ lệ che phủ chỉ còn hơn 9% (năm 1945, ở Tây-bắc, tỷ lệ rừng che phủ chiếm tới 90% diện tích). Nạn cháy rừng và đốt rừng xảy ra ở nhiều nơi và hủy hoại rừng rất lớn. Sáu năm qua (1976 - 1981) ngành lâm nghiệp Lâm-dồng đã trồng 9000 héc ta rừng với tỷ lệ rừng trồng sống quá thấp. Trong thời gian đó đã xảy ra 1446 vụ cháy rừng, làm thiệt hại 34387 héc ta (gấp gần 4 lần trồng). Chỉ trong thời gian 1976 - 1980, chúng ta đã mất: 114000 héc ta rừng bị cháy, trong đó có trên 20 000 héc ta là rừng thông; 51400 héc ta rừng bị chặt phá bờ bãi; 114 000 héc ta rừng bị biến thành nương rẫy, 600 000 héc ta rừng dành cho khai hoang, trong đó chỉ có 1/3 là được đưa vào sản xuất.

Đáng buồn thay, lực lượng phá rừng tàn khốc lại chính là con người!

Các cuộc chiến tranh vừa qua đã phá hủy nặng nề hơn 2 triệu héc ta rừng ở miền Nam. Chất độc hóa học của Mỹ đã hủy diệt hoàn toàn hơn 500 000 héc ta rừng rậm, 114 000 héc ta rừng ngập mặn, 100 000 héc ta rừng tràm, 150 000 héc ta rừng phi lao và rừng dừa.

Những hậu quả của rừng bị hủy hoại rất sâu sắc, rộng rãi và lâu dài.

(2) Những số liệu về Việt-nam dùng trong bài này do Ủy ban "Ngày môi trường thế giới của Việt-nam" cung cấp, theo các báo cáo của các bộ, các ngành tham gia hội thảo về môi trường.

liên quan đến hầu hết các lĩnh vực kinh tế và môi trường sống. Tình hình phá rừng quá mạnh đã gây ra lũ lụt, hạn hán và xói mòn nghiêm trọng. Các lòng sông, hồ chứa nước bị nâng cao dần. Ở hồ Cẩm-sơn, trong vòng 10 năm trở lại đây, đáy hồ đã cao lên 2m... Lượng nước chứa của hồ Đa-nhim bị giảm sút ảnh hưởng tới sản lượng của nhà máy điện.

Tài nguyên rừng không phải chỉ là gỗ. Sự hủy hoại rừng dẫn đến sự hủy hoại trực tiếp các tài nguyên sinh vật rừng, tài nguyên đất, tài nguyên nước và không khí, v.v. Điều đó nhắc nhở chúng ta về thái độ đối với rừng.

Vấn đề lương thực, nông nghiệp và lâm nghiệp liên quan chặt chẽ đến vấn đề sử dụng, bảo vệ và quản lý vốn đất và nước.

Đất đai nước ta có 33 triệu héc ta (đứng hàng thứ 58 trên thế giới), nhưng số dân đông 52 triệu người (đứng hàng thứ 15 trên thế giới), cho nên bình quân đất tính theo đầu người rất thấp: 0,6 ha (đứng hàng thứ 159 trên thế giới); nước ta lại ở vùng nhiệt đới, đất dễ bị rửa trôi, xói mòn, màu mỡ ruộng đất có thể giảm sút rất nhanh. Trong tổng số vốn đất trên, đất sản xuất nông nghiệp mới chỉ chiếm gần 21% diện tích, đất đang được sử dụng vào những mục đích lâm nghiệp trên 35%, đất chuyên dùng khác trên 4%... Như vậy, còn hơn 1/3 lãnh thổ chưa được sử dụng triệt để nhằm đem lại lợi ích thiết thực cho nền kinh tế quốc dân.

Vốn đất rừng của chúng ta tuy lớn (chiếm khoảng 60% lãnh thổ), nhưng thực tế rừng đủ tiêu chuẩn về độ tàn che, độ dày và trữ lượng khai thác chỉ chiếm khoảng 29%, nghĩa là chúng ta còn khoảng 10 triệu héc ta rừng non, cây bụi, trảng cỏ, đồi trọc, trong số này có khoảng 500.000 héc ta đất đã bị xói mòn trở sỏi đá ở các vùng Tây-nguyên, khu bốn cũ, duyên hải Nam Trung-bộ.

Hiện tượng xói mòn đất diễn ra rất nhanh ở những vùng nhiệt đới, nhất là ở những nơi mà nhân dân phải giải quyết khẩn trương vấn đề lương thực. Ở nước ta, hàng năm sông Hồng chuyển ra vịnh Bắc-bộ 114 tỷ m³ nước với 100 triệu tấn phù sa, sông Cửu-long chuyển ra biển Đông 475 tỷ m³ nước với trên 80 triệu tấn phù sa. Thật đáng tiếc!

Ở nước ta, hiện tượng nhiễm bẩn nguồn nước đang diễn ra ở nhiều nơi: sông Cầu do nước thải của khu công nghiệp Thái-nguyên; sông Hồng do nước thải của khu công nghiệp Việt-tri, các sông hồ ở Hà-nội do nước thải của thành phố Hà-nội; sông Hương do nước thải của thành phố Huế; sông Đồng-nai do nước thải của khu công nghiệp Biên-hòa; các kênh rạch của thành phố Hồ-Chí-Minh do nước thải của thành phố này. Các nước thải đều chưa được qua khâu xử lý.

Liên quan đến những vấn đề nhiễm bẩn các nguồn nước ở đất liền là vấn đề nhiễm bẩn ở các cửa sông, các tam giác châu và thềm lục địa của các đại dương. Nguồn lợi thủy sản của nước ta đặc biệt là các nguồn lợi tôm, cá biển và cá sông giữ vai trò quan trọng trong việc cung cấp chất đạm cho nhân dân ta và cho xuất khẩu. Trong những năm gần đây, nhiều giống loài kinh tế bị giảm sút ở mức báo động mà nguyên nhân chủ yếu là đánh bắt cá con quá mức, nước thiếu nguồn dinh dưỡng và bị nhiễm bẩn.

Ở Sri Lan-ca, việc lấy san hô để sản xuất vôi liên tục trong nhiều năm đã gây tai hại nghiêm trọng tới mức là nghề cá địa phương đã không còn tồn tại, các khu rừng ngập mặn và rừng dừa lân cận đã bị biến mất, các giếng nước trong vùng đều bị nhiễm mặn. Vì sao? Vì san hô có tác dụng đặc biệt đối với việc bảo vệ bờ biển, thềm lục địa và là nơi cư trú, sinh đẻ

của một số loài cá. Tình hình khai thác san hô làm vôi và xi măng cũng đã và đang xảy ra ở một số tỉnh ven biển nước ta nhất là ở Phú-khánh và Thuận-hải. Cần hiểu rằng san hô là « rừng cây » của biển.

Đối với thế giới, công cuộc đấu tranh bảo vệ môi trường khí quyển sâu sắc hơn bất kỳ một môi trường nào khác.

Một vấn đề nổi lên có ảnh hưởng tới môi trường trong tương lai là lượng CO₂ do kết quả của việc đốt các nhiên liệu. Người ta ước tính rằng đến năm 1990, lượng CO₂ sẽ lên gấp hai lần so với giữa những năm 1970, và đương nhiên nguồn CO₂ này sẽ là nguyên nhân thay đổi khí hậu trong những năm đầu của thế kỷ 21.

Hàng năm, bầu khí quyển ở Mỹ đã nhận được hơn 200 triệu tấn các chất độc. Thiệt hại do nhiễm bẩn không khí ở nước này tính thành tiền ngày nay lên đến 15 tỷ đô la, còn vào những năm 60 của thế kỷ con số này chưa tới 5 tỷ đô la. Ở nước ta, nhiều tác gia đã khảo sát không khí ở 4 khu vực của Hà-nội, cho thấy: lượng SO₂ tăng gấp 14 lần tiêu chuẩn cho phép, CO₂ tăng gấp 2,7 lần và đã tìm thấy mối tương quan giữa CO₂ và SO₂, giữa SO₂ với tỷ lệ người mắc bệnh đường hô hấp ngày càng tăng. Tại sáu địa điểm đặc trưng cho quy hoạch của thành phố, người ta thấy rằng trong những năm 60: lượng bụi lắng ở nội thành cao gấp 5 lần ở ngoài thành; ở vùng công nghiệp cao gấp 2 lần ở vùng dân cư, gấp 4 lần ở công viên và gấp 7 lần ở ngoại thành. Ống khói nhà máy điện Ninh-bình chịu áp lực của bóng râm khí động học đã gây nhiễm bẩn nặng cho thị xã Ninh-bình và nhiều xã chung quanh.

Tại sao trạng thái cân bằng trong sinh quyển bị phá vỡ? Đó là một câu hỏi lớn đặt ra cho loài người. Ở đây, không bàn tới vấn đề có tính học thuật sâu rộng đó. Song tình trạng này

có phần do lỗi của chính thiên nhiên tàn phá và làm nhiễm bẩn thiên nhiên, có phần do lỗi của con người tàn phá và làm nhiễm bẩn nơi mình cư trú, và hậu quả cuối cùng thì con người phải gánh chịu hoàn toàn.

Nhưng ở Việt-nam, người ta không thể không nghiêm khắc buộc tội một lực lượng đen tối nhất của thế kỷ đã hủy hoại môi trường Việt-nam một cách tàn khốc, đó chính là lực lượng đế quốc trong những cuộc chiến tranh xâm lược vừa qua. Số lượng bom đạn mà Mỹ sử dụng ở Việt-nam được ước lượng là 14 triệu tấn (không kể bom na pan và bom lân tính) đã gây ảnh hưởng lớn tới môi trường thiên nhiên: 25 triệu hố bom; nhiều vùng bị phá hoại tro bụi không còn một ngôi nhà nào nguyên vẹn; ở Nghĩa-bình 2,5 triệu gốc dừa bị phá hủy; ở miền Nam 9 000 trong số 15 000 thôn xóm bị tàn phá. Cuộc chiến tranh này cũng đã ảnh hưởng xấu đến môi trường xã hội: số thương vong, người tàn tật do chiến tranh để lại lên đến hàng mấy trăm nghìn; gần 1 triệu dân bà góa, 800.000 trẻ em bị mồ côi hoặc bơ vơ; 10 triệu nông dân bị dồn vào các thành phố; gần 1 triệu gái diêm, người nghiện xi ke ma túy, bị bệnh hoa liễu; hàng trăm nghìn người mắc bệnh lao.

Cuộc chiến tranh xâm lược của bọn bành trướng Bắc-kinh ở biên giới phía bắc nước ta tháng 2 và tháng 3 năm 1979 đã gây ra nhiều thiệt hại: 4 thành phố và 320 xã bị tàn phá; mô a pa tit Lao-cai bị phá hủy gần như hoàn toàn; 904 trường học, 700 nhà trẻ, 430 cơ sở y tế, 42 lâm trường bị phá hủy; 15% gia súc bị giết hoặc bị cướp đi.

100 000 tấn chất độc hóa học và 550 kg chất độc màu da cam được rải xuống Việt-nam trong cuộc chiến tranh hóa học của đế quốc Mỹ đã phá hủy nặng môi trường thiên nhiên và hủy diệt môi trường sống Việt-nam

mà những hậu-quả của nó đối với người Việt-nam thật tàn khốc : 2 triệu người bị nhiễm độc trong đó có 3500 người chết ngay ; các người bị nhiễm độc nhiều lần và còn sống sót thì có nhiều biểu hiện bệnh nặng nề. Trớ trêu thay ! Nạn nhân của cuộc chiến tranh hủy diệt này không phải chỉ là nhân dân Việt-nam mà lại chính những kẻ đến đất nước này gieo rắc tội ác : 178 000 cựu binh sĩ Mỹ, khoảng 4000 cựu binh sĩ Ô-xtrây-li-a, 1700 cựu binh sĩ Niu Di-lon và Nam Triều-tiên cũng đã bị nhiễm độc. Trong số những nạn nhân của chất độc hóa học này có những cựu binh sĩ đã trở thành cha của 40 000 đứa trẻ quái thai sinh ra sau chiến tranh.

Các cuộc chiến tranh xâm lược không chỉ để di hại trong thiên nhiên, trên cơ thể con người mà còn để những di hại trong tâm lý, trong nền văn hóa và giáo dục đời sống của chủ nghĩa thực dân cũ và mới ở miền Nam Việt-nam mà nhân dân ta còn phải khắc phục, cải tạo nó trong nhiều năm nữa.

Dảng và Nhà nước ta đã coi trọng vấn đề bảo vệ môi trường và sử dụng tài nguyên thiên nhiên, điều đó thể hiện rõ ràng và nhất quán trong mọi chủ trương, chính sách có liên quan, nó xuất phát ngay từ bản chất của chế độ xã hội.

« Tất cả vì Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, vì hạnh phúc của nhân dân » là khẩu hiệu hành động của toàn Đảng, toàn dân ta trong giai đoạn cách mạng mới.

Xuất phát từ những quan điểm cách mạng và từ thực trạng môi trường chung của đất nước đang có nguy cơ ngày càng xấu đi, vấn đề bảo vệ môi trường, sử dụng hợp lý và khoa học tài nguyên thiên nhiên và các điều kiện tự nhiên gắn liền với các kế hoạch phát triển kinh tế dài hạn và ngắn hạn của đất nước, trong điều kiện có một chính sách tài nguyên

thống nhất và khoa học, là vấn đề có tính chiến lược.

Phải tiến tới đưa các vấn đề bảo vệ môi trường vào *công tác kế hoạch hóa và hạch toán kinh tế*. Trong khi xây dựng các quy hoạch, đề án phát triển kinh tế, phải xem xét nghiêm túc, chặt chẽ các vấn đề bảo vệ môi trường, coi đó như một luận chứng trong các luận chứng kinh tế kỹ thuật và mang tính pháp lệnh. Điều đó đòi hỏi các nhà lập kế hoạch phải suy nghĩ sáng tạo và phải có cách tiếp cận vấn đề liên ngành và thống nhất trong khi quyết định.

Bảo vệ môi trường là một lĩnh vực kinh tế xã hội mà khoa học kỹ thuật là cơ sở. Đây mạnh công tác nghiên cứu khoa học, thực chất là điều tra cơ bản và triển khai các tiến bộ kỹ thuật, thì hoàn toàn có thể tìm được những « lời giải kỹ thuật » cho vấn đề bảo vệ môi trường và sử dụng tài nguyên thiên nhiên.

Hoạt động bảo vệ môi trường không thể chỉ là những hoạt động nghiên cứu khoa học có tính chất chuyên ngành cho từng khía cạnh, từng lĩnh vực hoặc những hoạt động nghiên cứu một cách tổng hợp của các nhà khoa học có tính chất « hàn lâm », mà nó phải được thể hiện bằng các đề án thực tiễn và được thực hiện một cách triệt để, thận trọng, theo đúng trình tự đã định, gắn bó chặt chẽ với các hoạt động sản xuất. Do đó, cần thiết phải *xây dựng các luật pháp về bảo vệ thiên nhiên, bảo vệ môi trường, bảo vệ lòng đất*, v.v. và bổ sung, hoàn chỉnh những luật pháp đã ban hành về những vấn đề này.

Việc kế hoạch hóa và thể chế hóa các vấn đề về môi trường không thể chỉ dựa vào các biện pháp hành chính, các cơ quan trung ương, các tổ chức Nhà nước mà phải chú ý thích đáng đến sự tham gia của các tổ chức quần chúng, của nhân dân, đến các truyền thống văn hóa, phong tục xã hội vốn

có; phát huy mạnh mẽ tính thần làm chủ tập thể với phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm. Cần phải giáo dục và phổ cập kiến thức về môi trường trong hệ thống giáo dục và thông tin đại chúng đến từng người dân.

Nhiều vấn đề về bảo vệ môi trường và sử dụng tài nguyên thiên nhiên cũng như các điều kiện tự nhiên không thể thiếu sự hợp tác quốc tế. Chẳng hạn những vấn đề về quản lý hạ lưu sông Mê-công, khai thác hợp lý các rừng rậm nhiệt đới, chế ngự lũ lụt, vấn đề khí hậu, gió mùa, bão, v.v. đều là những vấn đề môi trường mà cả khu vực, hoặc nhiều quốc gia cần phối hợp nghiên cứu và cùng giải quyết. Chúng ta cần phải tăng cường hợp tác khu vực và hợp tác quốc tế trong lĩnh vực quản lý và phát triển môi trường, trước hết và cơ bản, lâu dài với hai nước Lào và Cam-pu-chia, với Liên-xô và các nước khác trong Hội đồng tương trợ kinh tế.

Vấn đề bảo vệ môi trường, sử dụng hợp lý và khoa học tài nguyên thiên nhiên của đất nước ta thật sự trở thành vấn đề cấp thiết đối với nhiều lĩnh vực khác nhau của các ngành khoa học kỹ thuật, kinh tế, văn hóa, xã hội. Song song với vấn đề nghiên cứu khoa học và triển khai các tiến bộ kỹ thuật trong lĩnh vực môi trường là vấn đề đầu tư và giải quyết cần đối các hoạt động của nó.

Vì vậy, trước mắt, chưa thể cùng một lúc đáp ứng được mọi hoạt động của các lĩnh vực môi trường mà cần

tập trung vào hai mặt có tính chất cốt lõi:

1 — Vấn đề bảo vệ môi trường với tài nguyên rừng và đất (đất làm nông nghiệp và đất nông nghiệp).

2 — Vấn đề môi trường với việc giáo dục và bảo vệ sức khỏe nhân dân.

Vấn đề giáo dục về môi trường đối với con người trước hết là nhằm nâng cao trách nhiệm làm chủ và lòng nhân hậu của con người đối với thiên nhiên, đối với tương lai của con cháu và đối với sự sinh tồn của cả muôn loài khác.

Đó là vấn đề có tính nguyên tắc của đạo đức cộng sản chủ nghĩa.

Trước sự mất cân bằng sinh thái của trái đất, nhiều người đã vẽ nên một bức tranh u tối và con người bị buộc tội một cách quá nặng nề và thiếu công bằng. Họ kêu cứu cho thiên nhiên và muốn bảo vệ thiên nhiên bằng sự duy trì tình trạng nguyên sơ của nó và bằng sự ngăn chặn những tác động của con người tới thiên nhiên. Song, lại có một số người tỏ ra bàng quan trước vấn đề này, coi đây là việc của các nhà khoa học.

Con người cần phải sống và phát triển. Bản chất của con người không phải là phá hoại mà là đấu tranh xây dựng, vươn tới những cái ngày càng tốt đẹp. Chúng ta là những con người mới, có cách nhìn của người làm chủ, chúng ta nhất định phải làm chủ thiên nhiên, làm chủ xã hội và làm chủ chính mình. Môi trường Việt-nam nhất định được bảo vệ trong sáng như chính tâm hồn của con người Việt-nam.

ĐỒNG CHÍ NGUYỄN-ÁI-QUỐC

với Hội nghị thứ nhất

Ban chấp hành trung ương Đảng

(Tháng 10 năm 1930)

LỜI BỐ BIÊN TẬP — Sau khi triệu tập Hội nghị hợp nhất ba tổ chức cộng sản trong nước để thành lập Đảng cộng sản Việt-nam, tháng 10-1930, đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc lại triệu tập Hội nghị thứ nhất Ban chấp hành trung ương để thông qua Luận cương chính trị của Đảng, thông qua Điều lệ Đảng, và quyết định một số vấn đề quan trọng khác.

Để giúp bạn đọc thấy rõ vai trò đặc biệt quan trọng của đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc tại hội nghị này, chúng tôi trích đăng dưới đây hồi ký của đồng chí Bùi-Lâm. Đồng chí Bùi-Lâm là một người được đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc giác ngộ cách mạng từ hồi còn ở Pháp; năm 1927 học tại Trường Đại học phương Đông ở Mát-xơ-va, rồi về công tác ở văn phòng Ban phương Đông của Quốc tế cộng sản. Năm 1931, đồng chí Bùi-Lâm về nước tham gia xúi ủy Nam-kỳ, sau đó bị địch bắt và bị tử... Sau Cách mạng Tháng Tám, đồng chí Bùi-Lâm công tác ở Tòa án quân sự liên khu III, Tòa án Hà-nội, Bộ tư pháp, rồi làm Viện trưởng Viện công tố. Sau khi làm đại sứ ở Bun-ga-ri một nhiệm kỳ và ở Cộng hòa dân chủ Đức một nhiệm kỳ, đồng chí Bùi-Lâm giữ chức Viện phó Viện kiểm sát nhân dân tối cao cho đến lúc từ trần (năm 1974).

Đồng chí Trần-Phú và tôi cùng học một khóa tại Trường đại học cộng sản của nhân dân lao động phương đông (gọi tắt là Trường đại học phương Đông) ở Mát-xơ-va (Liên-xô) và cùng về nước chuyển đầu năm 1930. Theo đường dây liên lạc bí mật, chúng tôi

qua Pháp; tháng 4 năm 1930, chúng tôi tới Hương-cảng. Đồng chí Nguyễn-Thị-Minh-Khai, lúc ấy lấy tên là Lý-Huệ-Phương, học trò cũ của Trần-Phú, một cán bộ văn phòng Ban phương Đông của Quốc tế cộng sản, đón và đưa chúng tôi đến nhà một cơ

sở cách mạng ở Cửu-long - nơi làm việc của đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc, lúc ấy lấy tên là Vương. Hồi này, đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc sống rất kham khổ, lại mắc bệnh lao phổi, người gầy và xanh, nhưng vẫn làm việc không biết mỏi, lo xây dựng phong trào cách mạng không chỉ cho Đông-dương mà còn cho cả Đông Nam châu Á nữa...

Chúng tôi rất phấn khởi được đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc cho biết Người đã báo cáo với Quốc tế cộng sản về việc thành lập *Đảng cộng sản Việt-nam*. Người đang chờ việc hoàn thành thống nhất các tổ chức cộng sản ở trong nước để triệu tập hội nghị. Ban chấp hành trung ương lâm thời nhằm kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết Hội nghị thành lập Đảng; bầu Ban chấp hành trung ương chính thức; thảo luận và cụ thể hóa thêm đường lối của Đảng mà Hội nghị thành lập Đảng mới đề ra một cách vắn tắt, vì lúc ấy phải họp rất khẩn trương trong hoàn cảnh khó khăn... Qua việc trao đổi về trình độ cán bộ và đảng viên của Đảng ta khi Đảng mới ra đời, chúng tôi thấy đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc đang quan tâm nhiều đến việc bồi dưỡng lý luận chủ nghĩa Mác-Lê-nin, đường lối chính sách của Đảng và kinh nghiệm công tác cho cán bộ, đảng viên. Để chuẩn bị một điều kiện quan trọng cho việc thực hiện nhiệm vụ này, Người đã đề nghị với Quốc tế cộng sản cung cấp cho một tủ sách kinh điển của chủ nghĩa Mác-Lê-nin và một số sách báo cần thiết khác... Người còn cho chúng tôi biết cụ thể về phong trào cách mạng đang trên đà phát triển mạnh ở trong nước và đòi hỏi tăng cường sự lãnh đạo của Đảng. Do đó, đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc giới thiệu đồng chí Trần-Phú, một cán bộ lý luận xuất sắc vừa tốt nghiệp Trường đại học phương Đông, về nước ngay để bổ sung vào Ban chấp hành trung ương lâm thời (còn

công tác cụ thể của đồng chí Trần-Phú thì tùy Trung ương phân công). Người gặp riêng đồng chí Trần-Phú để nói kỹ về tình hình trong nước và dặn dò thêm...

Tôi cũng muốn theo chân đồng chí Trần-Phú về nước hoạt động, vì tôi vẫn nhớ lời khuyên của đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc khi tôi còn ở Pháp: « Phải làm nhiệm vụ của người dân mất nước ». Nhưng Người đã gặp tôi và nói đại ý: phong trào cách mạng trong nước càng lên cao, để quốc Pháp càng khùng bố mạnh, cuộc vận động binh lính người Việt và người Pháp đang đóng ở tô giới Pháp lúc này là một việc rất cần thiết để phối hợp với công tác ở trong nước, góp phần vào việc đấu tranh chống sự khùng bố của địch. Đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc giao cho tôi nhiệm vụ đến Thượng-hải cùng với đồng chí Nguyễn-Lương-Bằng lúc ấy gọi là anh Hai và một vài đồng chí nữa, làm công tác vận động binh lính, Công việc bắt đầu làm, báo *Kèn gọi lính* mới ra được mấy số, thì có người của đồng chí Vương đến tìm tôi lúc đó đang làm việc với anh Hai ở phạm điểm Trần-Tam, và đưa tôi về cơ quan Văn phòng *Ban phương Đông*. Ở đây, nhận công tác được ít ngày, tôi được biết đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc thay mặt Quốc tế cộng sản, đã triệu tập hội nghị Ban chấp hành trung ương Đảng. Lúc ấy là vào khoảng cuối tháng 8 năm 1930, cách mạng trong nước đang dâng lên thành cao trào.

Đồng chí Hồ-Tùng-Mậu tức là đồng chí Nguyễn-Thị-Minh-Khai và tôi được phân công tham gia chuẩn bị cuộc hội nghị của Trung ương Đảng sắp họp. Dưới sự chỉ đạo trực tiếp và cụ thể của đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc, chúng tôi dự thảo Điều lệ Đảng, các nghị quyết về vận động công nhân, nông dân, thanh niên, phụ nữ, Điều lệ các tổ chức quần chúng, v.v.

Trong khi chúng tôi đang chuẩn bị tài liệu cho hội nghị, thì đồng chí Trần-Phú ở trong nước sang, báo cáo với đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc về cao trào cách mạng trong cả nước và Xô viết Nghệ-tĩnh; đồng thời trình bày với Người về bản dự thảo *Luận cương chính trị* của Đảng. Bản dự thảo đã được *Người góp những ý kiến rất quan trọng*. Sau khi sửa chữa bản dự thảo này, đồng chí Trần-Phú còn xin ý kiến của đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc một lần nữa, rồi tranh thủ thêm ý kiến của một số đồng chí đang công tác tại văn phòng *Ban phương Đông* của Quốc tế cộng sản. Chúng tôi được biết, trước khi dự thảo *Luận cương chính trị* của Đảng, ở trong nước, đồng chí Trần-Phú đã chuẩn bị khá đầy đủ về lý luận và thực tiễn; bản dự thảo ấy cũng đã được thường vụ Ban chấp hành trung ương làm thời góp ý kiến. Tuy vậy, đồng chí Trần-Phú vẫn tiếp tục chỉnh lý và bổ sung làm cho bản dự thảo hoàn chỉnh thêm, trước khi đưa ra trình bày tại hội nghị Trung ương Đảng.

Sau khi gọi ra một vài điểm trong bản dự thảo *Luận cương chính trị* để đồng chí Trần-Phú tham khảo, chúng tôi đi Hương-cảng trước để lo việc chuẩn bị mọi mặt cho hội nghị. Đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc và đồng chí Trần-Phú còn ở lại Thượng-hải làm thêm một số việc cho tới cuối tháng 9 năm 1930 mới đến Hương-cảng... Tại đây, cơ quan làm việc của ta đóng ở nhà số 186, phố Tam-lung. Đồng chí Nguyễn-Thị-Minh-Khai đổi tên là Duy (cố lúc gọi là Phan-Lan); một đồng chí khác lấy tên là Giao, còn tôi lấy tên là Mẫn; đồng chí Hồ-Tùng-Mậu và một số đồng chí nữa trong Ban hải ngoại ở chỗ khác. Các đại biểu ở trong nước ra dự hội nghị được bố trí một số ở phố Tam-lung; một số ở bên Cửu-long. Đồng chí Nguyễn-Thị-Minh-Khai làm công việc liên lạc với các đại biểu. Buổi tối, chị cùng chúng tôi lo việc

đánh máy và in các văn kiện của hội nghị.

Trong thời gian chuẩn bị hội nghị, nhất là trong tháng 9 và tháng 10 năm 1930, chúng tôi làm việc với tinh thần phấn chấn lạ thường. Chúng tôi được phân công giúp đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc hằng ngày theo dõi sát cao trào cách mạng trong nước. Những tin tức về các cuộc đấu tranh ở trong nước liên tiếp và dồn dập đến với chúng tôi...

Đảng lễ hội nghị đã họp trước đây hàng tháng, nhưng ý định đó không thực hiện được, vì phong trào trong nước bị địch khủng bố; một số cán bộ lãnh đạo của Đảng bị bắt. Do đó, mãi đến giữa tháng 10 năm 1930, số đại biểu trong nước sang Hương-cảng vẫn chưa đủ. Trong khi chờ họp hội nghị, một số đại biểu đến sớm được bồi dưỡng bước đầu về những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê-nin.

Khoảng ngoài 20 tháng 10 năm 1930, Hội nghị thứ nhất Ban chấp hành trung ương Đảng khai mạc dưới sự chủ tọa của đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc, tại một nhà (khổng nhớ số) ở phố Cửu-nghĩa (Hương-Cảng).

Tham dự Hội nghị này có những đại biểu chính thức:

- Đồng chí Trần-Phú (còn gọi là Trần-Ngọc-Phú) tức Lý-Quý;
- Đồng chí Lê-Mao (còn gọi là Lê-Nhiên) tức Cát;
- Đồng chí Trần-Văn-Lan tức Giáp;
- Đồng chí Nguyễn-Trọng-Nhạ tức Nhặt;

- ... (1)

Tham dự Hội nghị (2) với tư cách đại biểu dự thỉnh có đồng chí Hồ-Tùng-Mậu, đồng chí Nguyễn-Thị-Minh-Khai, đồng chí Giao và tôi.

(1) Dự hội nghị này còn có Ngô-Đức-Trì tức Văn-Năm 1931, bị địch bắt và sau nhiều ngày bị tra tấn, Ngô-Đức-Trì không giữ vững tinh thần đã khai báo với địch.

(2) Có tài liệu ghi là hội nghị Ban chấp hành trung ương mở rộng.

Hội nghị đã thảo luận và thông qua bản *Luận cương chính trị* của Đảng, do đồng chí Trần-Phú khởi thảo; thông qua *ng nghị quyết về tình hình hiện tại ở Đông-dương và nhiệm vụ cần kíp của Đảng*; thông qua các nghị quyết về vận động công nhân, nông dân, thanh niên, phụ nữ...; thông qua *Điều lệ Đảng* và điều lệ các tổ chức quần chúng. Theo chỉ thị của Quốc tế cộng sản, Hội nghị đã quyết định đổi tên *Đảng cộng sản Việt-nam* thành *Đảng cộng sản Đông-dương*.

Hội nghị đã bầu Ban chấp hành trung ương chính thức và cử đồng chí Trần-Phú làm Tổng bí thư của Đảng. Hội nghị còn quyết định chuẩn bị triệu tập Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng.

Tuy có vị trí và uy tín lớn trong Hội nghị này, nhưng đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc rất khiêm tốn, lắng nghe và tôn trọng những ý kiến của tập thể. Chúng tôi thấy rất rõ ở Người ý thức tổ chức và tinh thần trách nhiệm rất cao.

Sau khi Hội nghị kết thúc, đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc đã báo cáo ngay với Quốc tế cộng sản và Ban phương Đông về kết quả của Hội nghị, đồng thời Người cũng trình bày thêm với các đồng chí lãnh đạo Ban phương Đông về những nghị quyết của Hội nghị...

Sau Hội nghị này, theo đề nghị của đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc, Trung ương Đảng đã đặt cơ quan làm việc tại thành phố Sài-gòn để có điều kiện thuận tiện cho việc liên lạc quốc tế...; bố trí người đi đón một số cán bộ về nước hoạt động, trong đó có tôi.

Hội nghị thứ nhất Ban chấp hành trung ương Đảng có ý nghĩa lịch sử rất quan trọng; về chính trị, đã phát triển và cụ thể hóa thêm đường lối của Đảng; về tổ chức, đã cử ra cơ quan lãnh đạo chính thức của Đảng, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với cao trào cách mạng Việt-nam trong những năm 1930-1931.

BÙI-LÂM kể
THẾ TẬP ghi

LÀM TỐT VIỆC TỔNG KẾT CÔNG TÁC PHÁT THẺ ĐẢNG VIÊN

CHẤP hành nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc thứ IV của Đảng, từ năm 1980, Đảng ta bắt đầu tiến hành việc phát thẻ đảng viên. Đến nay, công tác phát thẻ đảng viên đã hoàn thành về cơ bản.

Hơn hai năm qua, công tác phát thẻ đảng viên đã đạt những kết quả quan trọng, thúc đẩy việc rèn luyện cán bộ, đảng viên và củng cố tổ chức cơ sở Đảng. Nhiều cán bộ, đảng viên đã nâng cao thêm một bước ý thức Đảng, ý thức tổ chức, kỷ luật và tinh thần phấn đấu cách mạng. Nhiều tổ chức cơ sở Đảng từ trung bình hoặc yếu kém đã vươn lên trở thành trong sạch, vững mạnh. Công tác phát thẻ đảng viên còn góp phần tăng cường sự đoàn kết trong Đảng, thúc đẩy việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị trước mắt của các cơ sở, khắc phục một bước quan trọng tình trạng lỏng lẻo trong công tác quản lý đảng viên, đưa sinh hoạt của phần lớn các chi bộ đi dần vào nề nếp.

Tuy nhiên, trong những đợt phát thẻ đảng viên vừa qua cũng có những khuyết điểm. Ở một số cơ sở Đảng, cán bộ, đảng viên chưa thật quán triệt tinh thần chỉ thị của Trung ương Đảng về việc phát thẻ đảng viên, chưa nắm vững những yêu cầu về tư cách đảng viên, cho nên đã có những biểu hiện tùy tiện, dễ dãi trong việc

xác nhận tư cách đảng viên. Có những người không đủ tiêu chuẩn đảng viên cũng được nhận thẻ đảng viên. Việc đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng vẫn chưa kiên quyết và nghiêm túc, chưa thể hiện đúng tư tưởng chỉ đạo của Trung ương Đảng. Sau khi được nhận thẻ đảng viên, một số đảng viên không tiếp tục phấn đấu, rèn luyện, trở thành hư hỏng. Nhiều cấp ủy chỉ mới tập trung củng cố một số tổ chức cơ sở Đảng để chuẩn bị cho việc phát thẻ đảng viên, chưa có kế hoạch, biện pháp củng cố các tổ chức cơ sở khác, cho nên số tổ chức cơ sở Đảng yếu kém vẫn còn không ít.

Đảng ta là một đảng mác xít - lê nin nit chân chính, là người lãnh đạo và tổ chức mọi thắng lợi của cách mạng nước ta. Hiện nay, cuộc đấu tranh để xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc đang đặt ra trước Đảng ta nhiều yêu cầu mới về nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên.

Để phát huy kết quả của công tác phát thẻ đảng viên, tiếp tục nâng cao chất lượng đảng viên và củng cố các tổ chức cơ sở Đảng, cần hết sức coi trọng việc tổng kết công tác phát thẻ đảng viên. Báo cáo về xây dựng Đảng tại Đại hội toàn quốc thứ V đã nhấn mạnh: « Việc tiến hành tổng kết công tác phát thẻ Đảng phải là một cuộc

sinh hoạt chính trị rộng lớn trong toàn Đảng» (1).

Thi hành nghị quyết của Đại hội, Ban bí thư Trung ương Đảng vừa ra thông tri về việc tổng kết công tác phát thể đảng viên. Yêu cầu của việc tổng kết công tác phát thể đảng viên là gắn với đợt sinh hoạt chính trị quán triệt nội dung các văn kiện Đại hội, tiến hành tự phê bình và phê bình mà làm cho mọi đảng viên nắm vững hơn nữa và ra sức phấn đấu nâng cao tư cách đảng viên trong giai đoạn mới. Qua tổng kết lần này mà biểu dương những đảng viên ưu tú, những đồng chí có nhiều tiến bộ từ sau khi nhận thẻ; phát hiện những cán bộ, đảng viên tốt đủ tiêu chuẩn để đưa vào cấp ủy; kiểm tra lại tư cách đảng viên, đưa ngay những người đã rõ là không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng.

Dựa vào tổng kết của các cơ sở, các cấp ủy cấp trên tiến hành tổng kết công tác phát thể đảng viên trong địa phương mình. Căn cứ vào yêu cầu đề ra trong chỉ thị của Ban bí thư Trung ương Đảng về phát thể đảng viên mà đánh giá những kết quả đã đạt được, đánh giá thực trạng đội ngũ đảng viên hiện nay, rút kinh nghiệm chỉ đạo và có kế hoạch tiếp tục nâng cao chất lượng đảng viên, đưa người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng, xây dựng chi bộ, đảng bộ cơ sở trong sạch, vững mạnh, xây dựng nền nếp quản lý đảng viên.

Điều quan trọng đầu tiên đối với các tổ chức cơ sở Đảng trong việc tổng kết này là làm cho mọi đảng viên hiểu rõ những yêu cầu về tư cách đảng viên trong giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa, ra sức phấn đấu rèn luyện theo đúng những yêu cầu về phẩm chất và năng lực của người đảng viên trong giai đoạn mới. Mỗi đảng viên cần nhận rõ "đủ ở cương vị công tác nào cũng đều phải là những chiến sĩ cộng sản có lý

tưởng và hành động theo đường lối của Đảng» (2); "đều phải có phẩm chất và năng lực của người chiến sĩ cộng sản" (3). Những yêu cầu này đối với đảng viên đã được nói rõ trong các văn kiện Đại hội toàn quốc thứ V của Đảng.

Đồng thời, các chi ủy, đảng ủy cơ sở cần nắm vững tiêu chuẩn đánh giá đảng viên, làm tốt việc phân loại đảng viên. Qua việc tự kiểm điểm, phê bình của từng đảng viên trước chi bộ theo những yêu cầu đã nói rõ trong đợt sinh hoạt chính trị, kết hợp với việc theo dõi, nắm chắc tình hình đảng viên mà phân loại chính xác số người đủ tư cách đảng viên, số người cần phải đưa ngay ra khỏi Đảng. Những người cần đưa ngay ra khỏi Đảng bao gồm số người không đủ tư cách đảng viên đã để lại trong Đảng quá lâu, số đảng viên phải hoãn phát thể đảng viên để giáo dục và xem xét thêm nhưng đã quá thời hạn quy định mà vẫn không tiến bộ, số đã được phát thể đảng viên nhưng phát sai và những người mới phạm sai lầm sau ngày được nhận thẻ, đến nay không còn tư cách đảng viên nữa. Trong dịp này cũng tiếp tục xem xét tư cách đảng viên đối với những người phạm sai lầm hoặc có vấn đề chưa rõ, chưa đủ cơ sở để kết luận còn phải xem xét để giáo dục thêm một thời gian, hoặc đưa ngay ra khỏi Đảng sau khi đã có kết luận rõ ràng.

Việc đưa ngay ra khỏi Đảng những người đã rõ ràng không đủ tư cách đảng viên là một yêu cầu quan trọng cần chú ý làm tốt trong dịp kiểm tra và tổng kết công tác phát thể đảng

(1) Báo cáo về xây dựng Đảng của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V, *Tạp chí Cộng sản*, số 5-1982, tr. 51.

(2) *Tạp chí đã dẫn*, tr. 51.

(3) Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V, *Tạp chí Cộng sản*, số 4-1982, tr. 87.

viên. Từ nhiều năm nay, Đảng ta đã rất quan tâm vấn đề này. Báo cáo chính trị và Báo cáo về xây dựng Đảng tại Đại hội thứ V đã nói rõ yêu cầu này và chỉ ra những trường hợp cần phải đưa ngay ra khỏi Đảng. Chúng ta cần nắm vững tư tưởng đó của Đại hội, tiến hành công việc này một cách kiên quyết và có chỉ đạo chặt chẽ. "Nếu phải đưa ra nhiều người thì cũng phải kiên quyết làm, không do dự" (4).

Đề việc xem xét tư cách đảng viên được chặt chẽ, cần chú ý làm rõ những trường hợp xét thấy không bình thường. Đối với những đảng viên có những vấn đề chưa rõ thì cần có kế hoạch tìm hiểu để sớm có kết luận. Đối với những đảng viên có cuộc sống xa hoa, không bình thường, quần chúng có nhiều thắc mắc và những đảng viên có nhiều nghi vấn, thì chi bộ yêu cầu những đồng chí ấy báo cáo rõ nguồn thu nhập; nếu không làm rõ được sự chính đáng trong thu nhập và đời sống thì chi bộ cần xét lại tư cách đảng viên của họ. Những đảng viên đang phải xem xét về tư cách đảng viên thì không đề lại hoặc đưa vào đảng ủy, chi ủy.

Việc xem xét tư cách đảng viên, phân loại đảng viên cần được chuẩn bị chu đáo, chỉ đạo chặt chẽ, tiến hành nghiêm túc với động cơ đúng đắn và thái độ khách quan. Những trường hợp xét thấy cần thiết thì tổ chức lấy ý kiến phê bình, nhận xét của quần chúng. Đây là một dịp để cán bộ, đảng viên và quần chúng nâng cao tinh thần trách nhiệm, góp phần tích cực vào công tác xây dựng Đảng. Cần khắc phục tư tưởng hữu khuynh, nể nang, xuê xoa, "dễ người dễ ta", dẫn đến hạ thấp tiêu chuẩn đảng viên, và khuynh hướng vì cảm tình gia đình, họ hàng, bà con, anh em mà bao che cho những người không còn đủ tư cách đảng viên ở lại trong Đảng. Mặt khác, chú ý không để xảy ra

nhầm lẫn trong việc phân loại đảng viên giữa những người hư hỏng, sa sút ý chí phần đầu cách mạng, không còn đủ tư cách đảng viên với những đảng viên tuổi già, sức yếu, ốm đau, không đủ sức làm việc, cần được nghỉ ngơi, an dưỡng. Đối với các đồng chí này, yêu cầu chính là giữ vững phẩm chất cách mạng. Ở những chi bộ mất đoàn kết, tình hình phức tạp, đảng ủy cấp trên cần chú ý giúp đỡ, kết luận rõ đúng, sai rồi mới tiến hành phân loại đảng viên.

Đề tạo điều kiện cho đảng viên phấn đấu, rèn luyện, tiếp tục nâng cao chất lượng đảng viên, khi phân loại đảng viên, chi bộ cần bàn biện pháp, thời hạn giải quyết đối với từng trường hợp cụ thể, kể cả việc tiếp thu, sửa chữa khuyết điểm, sai lầm mà quần chúng đã góp ý phê bình, xây dựng. Đồng thời cần làm tốt việc phân phối công tác cho các đảng viên.

Đề bảo đảm việc tổng kết công tác phát thể đảng viên đạt kết quả tốt, các cấp ủy Đảng cấp trên cần thật sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo việc tổng kết công tác này ở từng chi bộ, từng tổ chức cơ sở Đảng. Trước khi tiến hành tổng kết công tác phát thể đảng viên ở một cơ sở, cấp ủy cấp trên cần kiểm tra xem xét lại đảng ủy, chi ủy ở cơ sở đó, thay đổi những cán bộ chủ chốt không đủ tư cách cấp ủy viên. Đó là điều quan trọng bảo đảm cho việc tự phê bình và phê bình đảng viên cũng như việc phân loại đảng viên được tiến hành đúng đắn. Nơi chưa phát thể đảng viên, cấp ủy cấp trên cần cử cấp ủy viên có năng lực về công tác cơ sở, kiện toàn một bước tổ chức, giúp cấp ủy cơ sở chuẩn bị và tiến hành phát thể đảng viên trước khi tiến hành đại hội.

(4) Báo cáo về xây dựng Đảng của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu lần thứ V. *Tạp chí Cộng sản*, số 5-1982, tr. 51.

Ở những cơ sở yếu kém, cấp trên cần phải cán bộ hoặc tổ công tác về nắm tình hình, giúp đỡ đảng ủy, chi ủy trong việc giáo dục đảng viên và quần chúng nắm vững tiêu chuẩn đảng viên và những trường hợp không đủ tư cách đảng viên; hướng dẫn đảng ủy, chi ủy dựa vào đảng viên tốt, quần chúng tốt đã được giáo dục để phân loại đảng viên được chính xác. Những cán bộ được phái xuống cơ sở cần được bồi dưỡng kỹ về các chủ trương công tác ở cơ sở, để có thể giúp đỡ việc củng cố cơ sở Đảng một cách có hiệu quả, và sau khi củng cố được cơ sở yếu kém mới rút về.

Làm tốt việc tổng kết công tác phát triển đảng viên sẽ thúc đẩy được nhiều mặt công tác xây dựng Đảng. Nó vừa góp phần tích cực vào việc sàng lọc đội ngũ đảng viên, nâng cao chất lượng đảng viên, vừa giúp cho Đảng ta hiểu đúng thực trạng đội ngũ đảng viên của Đảng hiện nay; qua đó mà có chủ trương, biện pháp tiếp tục giáo dục, nâng cao chất lượng đảng viên và củng cố tổ chức cơ sở Đảng ngày càng tốt hơn. Kết hợp chặt chẽ đợt sinh hoạt chính trị về nghị quyết Đại hội V với việc tổng kết công tác phát triển đảng viên còn là điều rất quan trọng đối với quá trình chuẩn bị Đại hội đợt hai đảng bộ các cơ sở

và kiện toàn các đảng ủy, chi ủy. Bởi vậy, các tổ chức cơ sở Đảng cần chuẩn bị và tiến hành tổng kết chu đáo theo đúng yêu cầu do Trung ương đã đề ra. Các cấp ủy tỉnh, huyện cần quan tâm chỉ đạo thực hiện, có kế hoạch tích cực giúp đỡ những nơi yếu kém hoặc có những vướng mắc và làm tốt việc tổng kết phát triển đảng viên trong địa phương mình. Khắc phục lối tổng kết một cách chiếu lệ, hình thức, không giúp ích gì cho việc giáo dục tư tưởng, nâng cao chất lượng đảng viên, củng cố cơ sở Đảng. Ban bí thư Trung ương Đảng đã nói rõ: những địa phương, đơn vị đã sơ kết, tổng kết công tác phát triển đảng viên mà chưa làm theo đúng Nghị quyết của Đại hội V và thông tri của Trung ương thì nay phải kiểm tra lại tư cách đảng viên, làm tốt việc tổng kết phát triển đảng viên từ cơ sở, theo đúng tư tưởng chỉ đạo của Trung ương.

Kết quả của việc tổng kết công tác phát triển đảng viên gắn với đợt sinh hoạt chính trị hiện nay cần thể hiện cụ thể ở sự chuyển biến về nhận thức, tư tưởng và hành động của cán bộ, đảng viên, của mỗi cấp, mỗi ngành, mỗi tổ chức cơ sở, tập trung trí tuệ và sức lực thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ do Đại hội toàn quốc thứ V của Đảng đề ra.

« Về quá trình từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa »

XUÂN - KIỀU

CUỐN sách « Về quá trình từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa » do Nhà xuất bản Sự thật xuất bản gồm một số bài phát biểu của đồng chí Tổng bí thư Lê-Duẩn viết từ năm 1962 đến thời gian gần đây đề cập tới nhiều vấn đề quan trọng có tính lý luận và thực tiễn sâu sắc. Nghiên cứu tác phẩm này, chúng ta sẽ có được những hiểu biết cơ bản về đường lối của Đảng và những vấn đề có tính quy luật trong quá trình chuyển biến từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.



Đặc điểm lớn nhất của nước ta là từ một nền nông nghiệp lạc hậu tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Do đó cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta trước hết phải nhằm vào việc cải biến nền kinh tế từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Đây là cuộc cách mạng toàn diện, triệt để và sâu sắc vì nó làm thay đổi toàn bộ tâm lý, tập quán và cung cách làm ăn theo lối sản xuất

nhỏ phân tán bằng cách làm ăn lớn trên cơ sở hiện đại, xã hội chủ nghĩa.

Con đường đưa cả nước tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa đã được Đảng ta đề ra từ Đại hội IV, và Đại hội V đã khẳng định tiếp tục thực hiện đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa, đường lối xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa do Đại hội IV vạch ra. Trong tác phẩm này, đồng chí Lê-Duẩn phân tích sâu sắc những vấn đề cơ bản trong đường lối chung và đường lối xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa: nắm vững chuyên chính vô sản, xây dựng chế độ làm chủ tập thể của nhân dân lao động và tiến hành công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa.

Đồng chí Lê-Duẩn nói: « Con đường đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, con đường nhanh nhất dẫn ta tới chủ nghĩa xã hội là nắm vững chuyên chính vô sản, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng... » (tr. 156) (*).

(*) Những câu trong ngoặc kép có ghi rõ số trang đều trích từ tác phẩm « Về quá trình từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa » của đồng chí Lê-Duẩn do Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, xuất bản.

Chúng ta đang ở vào giai đoạn đầu của thời kỳ quá độ, đó là thời kỳ mà cuộc đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa đang diễn ra gay gắt trên khắp các lĩnh vực kinh tế, chính trị, tư tưởng, văn hóa.. « Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là thời kỳ chuyển chính vô sản, là thời kỳ đấu tranh giai cấp giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản » (tr. 125). Đồng chí Lê-Duẩn nhắc nhở chúng ta phải luôn luôn nắm vững luận điểm cơ bản này của chủ nghĩa Mác-Lê-nin. Chuyển chính vô sản là cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp công nhân và nhân dân lao động đã làm chủ xã hội nhằm trấn áp sự phản kháng của bọn bóc lột và xóa bỏ các tàn dư do xã hội cũ để lại, đồng thời xây dựng xã hội mới, xã hội chủ nghĩa. Trong điều kiện của chuyển chính vô sản, cuộc đấu tranh giai cấp có nội dung cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới. Các chức năng của Nhà nước chuyển chính vô sản là vừa trấn áp bọn phản động, vừa tổ chức, xây dựng xã hội mới, trong đó chức năng tổ chức xây dựng là chính. Tận địa chính của công cuộc xây dựng xã hội mới là xây dựng nền kinh tế mới, nhằm tạo ra một năng suất lao động xã hội cao, bảo đảm cho chủ nghĩa xã hội chiến thắng chủ nghĩa tư bản.

Đề cho cán bộ, đảng viên thấy hết tầm quan trọng và tính chất phức tạp của cuộc đấu tranh giai cấp trong thời kỳ quá độ, đồng chí Lê-Duẩn nhấn mạnh: « Nắm vững chuyển chính vô sản, thực hiện ba cuộc cách mạng, trấn áp phản cách mạng, chống tư phát tư bản chủ nghĩa, chống chuyển quyền bợ phái, tham ô, lợi dụng, chống lề lối thủ công vô tổ chức, vô kỷ luật, chống các quan niệm phong kiến đối với thanh niên, phụ nữ, v.v. Tất cả đều mang ý nghĩa đấu tranh giai cấp nhằm củng cố chuyển chính vô sản, xây dựng chế độ làm chủ tập thể của quần chúng, xây dựng một

cơ cấu kinh tế hiện đại, giải quyết thành công vấn đề « ai thắng ai », giành thắng lợi hoàn toàn cho chủ nghĩa xã hội » (tr. 126 - 127).

Xây dựng chế độ làm chủ tập thể là một vấn đề lý luận rất lớn trong đường lối của Đảng. Chế độ làm chủ tập thể có cơ sở kinh tế của nó là nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Trong giai đoạn đầu của thời kỳ quá độ, nền kinh tế nước ta còn nghèo, lao động chủ yếu bằng thủ công, năng suất lao động còn rất thấp. Tuy vậy, chúng ta không bỏ tay ngồi chờ đến khi nào có nền sản xuất lớn rồi mới xây dựng chế độ làm chủ tập thể. Chúng ta có thể xây dựng ý thức làm chủ xã hội, làm chủ nhà máy, làm chủ ruộng đồng cho công nhân, nông dân và các tầng lớp lao động khác ngay từ khi chưa có nền sản xuất lớn. Và quá trình xây dựng chế độ làm chủ tập thể ở nước ta được tiến hành từng bước từ thấp đến cao phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất và sự hoàn thiện của quan hệ sản xuất. Đồng chí Lê-Duẩn nói: « Trước mắt, vì lực lượng sản xuất nước ta còn kém, của cải làm ra còn ít, cho nên chưa thực hiện được nhiều phúc lợi công cộng; chế độ làm chủ tập thể, vì thế, còn bị hạn chế » (tr. 199-200).

Trong điều kiện chưa có nền công nghiệp cơ khí hiện đại thì làm chủ tập thể về kinh tế trước hết là phải chú trọng khai thác các tiềm năng vốn có như lao động, đất đai và tài nguyên thiên nhiên một cách có hiệu quả. Đồng chí Lê-Duẩn đã căn dặn các ngành, các cấp « Phải nhận thức sâu sắc rằng, thực hiện quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động có nghĩa là chăm lo chu đáo đời sống của họ, bảo đảm có đủ hàng tiêu dùng cho các tầng lớp dân cư, cho xã hội và từng gia đình » (tr. 189).

Như trên đã nói, cơ sở của chế độ làm chủ tập thể là nền sản xuất lớn

xã hội chủ nghĩa. Vậy, muốn có nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa thì không có cách nào khác là phải thực hiện công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa. Trong cuốn sách này đồng chí Lê-Duẩn đã dành nhiều trang nói về công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa — nhiệm vụ trung tâm của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Đồng chí Lê-Duẩn đã phân tích một cách khoa học tiến trình thực hiện công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Đồng chí nói: « *Diễn cơ bản nhất của cuộc cách mạng công nghiệp là phát triển công nghiệp nặng, tức là công nghiệp chế tạo tư liệu sản xuất, mà trọng tâm, then chốt là chế tạo cơ khí* » (tr. 16). Nói về mục đích phát triển công nghiệp nặng, đồng chí Lê-Duẩn nhấn mạnh: « *Vai trò của công nghiệp nặng là tạo ra những phương tiện mở rộng sản xuất xã hội đó, cho nên việc phát triển công nghiệp nặng không nhằm mục đích nào khác, không nhằm giải quyết vấn đề gì khác hơn là bảo đảm nhu cầu đời sống xã hội* » (tr. 18).

Thực chất của công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là làm cách mạng kỹ thuật. Về bước đi của cuộc cách mạng kỹ thuật ở nước ta, đồng chí Lê-Duẩn nói: « ... Phải vừa có nhảy vọt từ thủ công lên cơ giới ngay, lại vừa có tuân tự tiến từ thủ công lên nửa cơ khí rồi sau đó mới lên cơ khí » (tr. 22).

Nội dung của cuộc cách mạng kỹ thuật ở nước ta là chuyển toàn bộ nền sản xuất xã hội dựa trên lao động thủ công thành nền sản xuất cơ khí hóa, tức là trang bị kỹ thuật mới cho các ngành nông nghiệp và công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng nhằm thúc đẩy sản xuất nông nghiệp và hàng tiêu dùng phát triển.

Việc trang bị kỹ thuật mới cho các ngành kinh tế quốc dân và ưu tiên phát triển công nghiệp nặng đòi hỏi phải có vốn. Do đó phải đặt mạnh

vấn đề tích lũy vốn và muốn tích lũy vốn thì phải đẩy mạnh sản xuất, tăng năng suất lao động — con đường cơ bản của tích lũy, đồng thời toàn dân phải triệt để tiết kiệm, tiết kiệm trong sản xuất và cả trong tiêu dùng.

Để làm cho mọi người thấy rõ hơn thực trạng nền kinh tế nước ta và vai trò quan trọng của công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, đồng chí Lê-Duẩn nhấn mạnh: « *Gọi là một nền kinh tế xã hội chủ nghĩa mà xét về lực lượng sản xuất, thực chất vẫn là sản xuất nhỏ, cơ bản vẫn là nông nghiệp. Đã có quan hệ sản xuất mới nhưng chưa thể nói đã có phương thức sản xuất xã hội chủ nghĩa với đầy đủ nội dung của nó. Có thể nói chúng ta vừa có, vừa chưa có đầy đủ chủ nghĩa xã hội... Xét cho cùng mấu chốt vấn đề là do chỗ chúng ta chưa tạo ra được cơ sở vật chất — kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội* ». Và « *kết luận chỉ có thể là: phải đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, phải tiến nhanh lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa* » (tr. 151).



Trong tác phẩm « Về quá trình từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa », đồng chí Lê-Duẩn đã phân tích sâu sắc những vấn đề có tính quy luật của quá trình này ở nước ta.

Đồng chí Lê-Duẩn nói: « *Bất cứ xã hội nào từ cũ muốn trở thành mới đều phải trải qua cải tạo và xây dựng. Đối với nước ta, tiến từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, cải tạo phải gắn liền với xây dựng...* » (tr. 169). Đó là một vấn đề có tính quy luật. Trong giai đoạn đầu của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, phải đặc biệt coi trọng tiến hành cải tạo quan hệ sản xuất cũ, xác lập chế độ công hữu về tư liệu sản xuất dưới hai hình thức toàn dân và tập thể, xây

dựng chế độ quản lý và phân phối xã hội chủ nghĩa, đồng thời phải cải tạo và xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, đẩy mạnh sản xuất, tăng thêm của cải cho xã hội. Như vậy, mối quan hệ « nhân quả » giữa cải tạo và xây dựng được thể hiện ở cả hai yếu tố hợp thành phương thức sản xuất mới xã hội chủ nghĩa, cải tạo và xây dựng quan hệ sản xuất gắn liền với cải tạo và xây dựng lực lượng sản xuất. Sở dĩ có sự tác động hữu cơ này là do chính quy luật về sự thích ứng giữa quan hệ sản xuất với lực lượng sản xuất quyết định. Đồng chí Lê-Duẩn nói: « Không nên nghĩ rằng nói cải tạo là chỉ nhằm vào cải tạo quan hệ sản xuất, và khi nói xây dựng là chỉ nhằm vào xây dựng lực lượng sản xuất. Thật ra phương thức sản xuất cũ bao gồm cả quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất đều phải trải qua cải tạo và xây dựng » và « ở đâu có xóa bỏ thì ở đó phải có xây dựng » (tr. 169 - 170). Nếu cải tạo mà không xây dựng thì bản thân nó chẳng đem lại hiệu quả gì hơn, ngược lại có xây dựng, nâng lên và hoàn chỉnh thì việc cải tạo mới đem lại hiệu quả thiết thực. « Chăm trể trong việc cải tạo quan hệ sản xuất và buông lơi việc củng cố hoàn thiện quan hệ sản xuất mới thì không đẩy mạnh được cách mạng kỹ thuật. Nhưng không thấy hết tính chất cấp bách của việc xây dựng lực lượng sản xuất mới dựa trên cơ sở kỹ thuật hiện đại thì cũng không củng cố được quan hệ sản xuất mới » (tr. 129). Đó chính là nội dung cơ bản, là mối quan hệ tất yếu giữa cải tạo và xây dựng trong quá trình từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Xây dựng một cơ cấu kinh tế hợp lý là vấn đề có tính quy luật của quá trình từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. « Cơ cấu kinh tế hợp lý bao gồm hai ngành, sản xuất cơ bản: công nghiệp và nông nghiệp,

hai khu vực kinh tế: trung ương và địa phương » (tr. 129).

Như chúng ta đã biết, công nghiệp và nông nghiệp là hai ngành sản xuất vật chất cơ bản của nền kinh tế quốc dân. Sự kết hợp giữa hai ngành công nghiệp và nông nghiệp thành một cơ cấu kinh tế thống nhất là điều kiện cốt yếu để hình thành cơ cấu kinh tế hợp lý trên phạm vi cả nước. Con đường duy nhất để hình thành cơ cấu kinh tế ấy là « ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ ». Như vậy, trong sự phát triển công nghiệp thì phát triển công nghiệp nặng có tầm quan trọng đặc biệt để đưa sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Do đó phải « ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý », có nghĩa là ngay từ đầu phải căn cứ vào điều kiện tài nguyên của đất nước, vào sự hợp tác quốc tế để xây dựng những cơ sở công nghiệp nặng phục vụ một cách thiết thực cho nông nghiệp và công nghiệp nhẹ. Tuy nhiên, trong khi hướng công nghiệp nặng phục vụ nông nghiệp và công nghiệp nhẹ, phải đồng thời đẩy mạnh phát triển nông nghiệp, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, đưa nông nghiệp từng bước tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Vấn đề này đã được đồng chí Lê-Duẩn chỉ rõ: « Không thấy vai trò quan trọng của công nghiệp nặng, không khăn trương xây dựng ngay công nghiệp nặng để tác động vào nông nghiệp và công nghiệp nhẹ, thì nền kinh tế quốc dân sẽ bị đình trệ. Nhưng không gấp rút đẩy mạnh nông nghiệp và công nghiệp nhẹ vượt qua những « cửa ải » cần thiết, thì không bảo đảm được đời sống nhân dân và tạo cơ sở cho công nghiệp nặng phát triển » (tr. 131). Đồng chí Lê-Duẩn kết luận: « Vì thế « ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý trên cơ sở phát triển nông nghiệp và

công nghiệp nhẹ», trở thành quy luật phát triển của cơ cấu kinh tế nước ta trong bước đi ban đầu, thể hiện mối quan hệ « nhân quả » trong một cơ cấu thống nhất giữa công nghiệp nặng, nông nghiệp và công nghiệp nhẹ » (tr. 131).

Nền kinh tế của cả nước được xây dựng trên cơ sở một kế hoạch thống nhất, do đó, cơ cấu kinh tế cũng là cơ cấu thống nhất cả nước, bao gồm kinh tế trung ương và kinh tế địa phương. Đồng chí Lê-Duẩn đã chỉ rõ: « Từ sản xuất nhỏ tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa là một quá trình phát triển tổng hợp, kết hợp tuần tự với nhảy vọt, kết hợp những sự can đối chung trong phạm vi cả nước với những sự can đối riêng trong phạm vi từng địa phương và từng ngành, kết hợp sự phát triển tập trung thống nhất từ trên xuống với sự phát triển rộng rãi từ dưới lên. Do đó, xây dựng kinh tế trung ương đồng thời phát triển kinh tế địa phương cũng là sự phát triển có tính quy luật của cơ cấu kinh tế ở nước ta » (tr. 131 - 132).

Xây dựng kinh tế trung ương đồng thời phát triển kinh tế địa phương là phù hợp với yêu cầu quản lý kinh tế xã hội chủ nghĩa theo nguyên tắc tập trung dân chủ, phù hợp với yêu cầu phân công lao động mới, với yêu cầu tích tụ và tập trung nguồn vốn. Có xây dựng kinh tế trung ương và phát triển kinh tế địa phương, chúng ta mới chủ động trong việc khai thác tốt nhất mọi tiềm năng sẵn có của địa phương và tạo điều kiện cho trung ương tập trung sức phát triển các ngành kinh tế kỹ thuật quan trọng.

Đồng chí Lê-Duẩn nói: « Vừa xây dựng kinh tế trung ương, vừa phát triển kinh tế địa phương là cách đi tốt nhất cho phép khai thác tốt mọi khả năng của đất nước để tăng nhanh sản xuất, đẩy mạnh phân công lao động, mở mang ngành nghề, tạo thêm của cải » (tr. 10).

Tóm lại, từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa tất yếu phải xây dựng cơ cấu kinh tế. Về vấn đề này, đồng chí Lê-Duẩn chỉ rõ: « ... nắm vững mối quan hệ giữa công nghiệp và nông nghiệp, giữa công nghiệp nặng, nông nghiệp và công nghiệp nhẹ, giữa kinh tế trung ương và kinh tế địa phương là nắm vững nội dung cơ bản của việc xây dựng một cơ cấu kinh tế mới phù hợp với phương hướng phát triển kinh tế lâu dài và đặc điểm cụ thể của giai đoạn ban đầu » (tr. 133).

Ngoài những nội dung đã nêu trên, cuốn sách còn đề cập tới những vấn đề như: xác lập chế độ quản lý và thực hiện kế hoạch hóa nền kinh tế quốc dân, giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa tích lũy và tiêu dùng, vấn đề phát triển lực lượng sản xuất và củng cố, hoàn thiện quan hệ sản xuất, kết hợp kinh tế với quốc phòng, v.v. Đây là những vấn đề có tính quy luật mà Đại hội thứ V của Đảng đã khẳng định. Do đó việc xuất bản tác phẩm « Về quá trình từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa » của đồng chí Lê-Duẩn đáp ứng kịp thời sự mong mỏi của đồng bào bạn đọc nước ta, giúp cho bạn đọc có căn cứ lý luận để hiểu biết sâu sắc hơn các văn kiện Đại hội thứ V của Đảng.

TỔ CHỨC TỐT VIỆC TỔNG KẾT CUỘC CHIẾN TRANH YÊU NƯỚC

CHÍ - KIÊN

Sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta kết thúc, thắng lợi về vang, đến nay đã hơn bảy năm. Bản anh hùng ca kỳ diệu đó của chiến tranh cách mạng Việt-nam vẫn vang dội khắp non sông, tiếp tục cổ vũ mạnh mẽ các phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

Dùng như Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng ta tại Đại hội IV đã chỉ rõ, "Năm tháng sẽ trôi qua, nhưng thắng lợi của nhân dân ta trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước mãi mãi được ghi vào lịch sử dân tộc ta như một trong những trang chói lọi nhất, một biểu tượng sáng ngời về sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ con người, và đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỷ XX, một sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn và có tính thời đại sâu sắc".

Nhân dân và quân đội ta rất đỗi tự hào về thắng lợi oanh liệt của 21 năm chiến đấu đầy gian khổ, hy sinh, ngoan cường và bền bỉ của mình dưới sự lãnh đạo tài tình của Đảng. Đồng thời cũng hiểu được thành công nổi bật về chỉ đạo chiến lược chính xác,

sắc bén và linh hoạt cũng là thành công của nghệ thuật tổ chức chiến đấu của các cấp bộ Đảng và các cấp chỉ huy quân sự trên khắp các chiến trường đánh Mỹ.

Thực hiện khẩu hiệu "Tất cả cho tiền tuyến. Tất cả để chiến thắng", quân và dân ta đẩy lòng anh dũng và trí thông minh đã lần lượt đánh bại các chiến lược khác nhau của Nhà trắng và Lầu năm góc, làm cho đế quốc Mỹ - tên đế quốc đầu sỏ giàu có và hùng mạnh nhất - cuối cùng phải hứng lấy thất bại to lớn, nhục nhã chưa từng có.

Rõ ràng, « Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là một kho kinh nghiệm rất phong phú và quý báu. Căn tổ chức tốt việc tổng kết kinh nghiệm chiến tranh để củng cố quốc phòng, bảo vệ vững chắc chế độ xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn cách mạng mới » (1).

Công việc tổng kết chiến tranh đang được tiến hành hiện nay có ý nghĩa quan trọng về nhiều mặt. Tổng kết

(1) Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng. Nxb Sự thật, Hà Nội, 1977, tr. 14.

chẳng những đề rút ra các bài học kinh nghiệm về lãnh đạo, chỉ đạo chiến tranh chống Mỹ nhằm phát triển và hoàn chỉnh lý luận và khoa học quân sự Việt-nam, mà còn thiết thực giúp cho việc nghiên cứu, vận dụng các kinh nghiệm đó trong điều kiện, hoàn cảnh hiện tại, đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Nội dung tổng kết phải phản ánh chân thực thực tiễn phong phú của cuộc chiến tranh nhân dân ở các địa phương qua từng giai đoạn một cách toàn diện và có hệ thống, bao gồm các mặt đấu tranh vũ trang, chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và cả vấn đề xây dựng Đảng.

Kết quả của việc tổng kết chiến tranh ở các địa phương có tác dụng rất lớn. Ngoài việc góp phần vào công tác tổng kết và biên soạn lịch sử chiến tranh chung của cả nước, các địa phương có thêm điều kiện thuận lợi để biên soạn hoàn chỉnh lịch sử của đảng bộ mình. Đồng thời cũng qua tổng kết, phát huy mạnh mẽ hơn nữa truyền thống yêu nước và niềm tự hào dân tộc của nhân dân địa phương; cung cấp thêm đề tài phong phú, thúc đẩy các bộ môn văn hóa nghệ thuật hoạt động nhằm động viên tư tưởng, tinh cảm của nhân dân để hoàn thành tốt các nhiệm vụ kinh tế, chính trị, quân sự trong giai đoạn mới. Đặc biệt đối với nội bộ, tổng kết chiến tranh cũng là dịp để đánh giá, phân tích sâu sắc các mặt lãnh đạo, chỉ đạo đã qua, tăng cường sự đoàn kết nhất trí của toàn đảng bộ, phát huy ưu điểm, khắc phục khuyết điểm, nhược điểm và các mặt tiêu cực còn tồn tại, ra sức vươn lên xây dựng địa phương ngày càng vững mạnh.



Từ đầu năm 1980, chúng ta đã tiến hành Hội nghị tổng kết chiến tranh chống Mỹ trên chiến trường B2 (2).

Theo chỉ thị của Quân ủy trung ương và Bộ quốc phòng, các tỉnh và thành phố thuộc B2 trước đây đã và đang phấn đấu để hoàn thành tổng kết kinh nghiệm chỉ đạo chiến tranh nhân dân địa phương trong kháng chiến chống Mỹ (từ năm 1954 đến năm 1975), viết lịch sử xây dựng lực lượng vũ trang và đấu tranh vũ trang của địa phương mình, góp phần cùng với Ban nghiên cứu lịch sử Đảng viết lịch sử đảng bộ tỉnh, thành phố; huyện viết lịch sử và truyền thống đấu tranh của huyện; xã viết lịch sử và truyền thống đấu tranh của xã. Một số tỉnh trọng điểm ở quân khu 7 và quân khu 9 hiện nay đã được Ban tổng kết chiến tranh B2 giúp tổ chức tổng kết trước để rút kinh nghiệm phổ biến cho các nơi khác.

Bến-tre là tỉnh đầu tiên được chọn làm thử, qua gần hai năm khẩn trương tiến hành chuẩn bị về mọi mặt, đã hoàn thành tốt công việc tổng kết chiến tranh chống Mỹ trong tháng bảy năm nay. Qua nhiều bước chuẩn bị cơ bản, từ quán triệt chủ trương, mục đích và yêu cầu, nội dung tổng kết, bồi dưỡng phương pháp cho cán bộ, đến tổ chức sưu tầm và khai thác tư liệu, dự thảo đề cương báo cáo tổng kết v.v., tỉnh Bến-tre đã xây dựng được một hệ thống công trình chính gồm nhiều bản báo cáo có giá trị cả về thực tiễn và lý luận.

Trong số 13 bản báo cáo, bên cạnh báo cáo tổng kết chung toàn diện với sự phân tích, đánh giá sâu sắc, rút ra những bài học kinh nghiệm chủ yếu, có bốn bản báo cáo tổng kết chuyên đề về đấu tranh vũ trang, đấu tranh chính trị, công tác địch vận và về công tác xây dựng Đảng; và tám bản báo cáo của các địa phương trong tỉnh. Đó là các bản tham luận phong phú và sinh động của

(2) Chiến trường B2 bao gồm các chiến trường đánh Mỹ từ các tỉnh Thuận-bái, Lâm-dồng vào đến các tỉnh Nam-bộ cũ.

các huyện Mô-cày, Giồng-trôm, Thạnh-phú, Ba-tri, Lách, Châu-thành, Bình-dại và thị xã Bến-tre về phong trào đồng khởi năm 1960, xây dựng căn cứ và tiến hành chiến tranh du kích, về bám trụ tiến hành chiến tranh nhân dân trên địa bàn huyện, về kết hợp ba mũi giáp công đánh bại cuộc hành quân càn quét của quân đội Mỹ trong mùa khô thứ hai 1966-1967, về đánh « bình định », về phát động quần chúng nổi dậy trong đợt Tết Mậu Thân (1968), về chiến tranh nhân dân trên một địa bàn đầu cầu hành lang của tỉnh, về xây dựng và hoạt động của tự vệ mật kết hợp với đấu tranh chính trị... Ngoài ra, còn có một hệ thống bản đồ gồm 13 bản trình bày rõ diễn biến và hình thái chiến trường Bến-tre qua từng thời gian chiến đấu giữa ta và địch; một hệ thống phụ lục gồm 18 biểu đồ và số liệu thống kê cụ thể về thành tích kháng chiến các mặt của ta và hoạt động đánh phá của địch.

Toàn bộ công trình tổng kết nói trên làm nổi bật cuộc chiến tranh cách mạng với khí thế liên tục tiến công của một địa phương từng rạng rỡ, truyền thống « Anh dũng đồng khởi, thắng Mỹ diệt ngụy ».

Có thể nói rằng trong điều kiện, hoàn cảnh bận rộn, có nhiều khó khăn, làm tốt được việc tổng kết như vậy, là một cố gắng lớn của tỉnh Bến-tre, góp phần rất tích cực vào công tác tổng kết chiến tranh chung của cả nước. Đó cũng là cơ sở nghiên cứu quan trọng để làm sáng tỏ thêm một số vấn đề về phương pháp cách mạng, về khoa học quân sự cách mạng, về nghệ thuật khởi nghĩa vũ trang và tiến hành chiến tranh nhân dân địa phương.

Việc tổng kết chiến tranh đã được tiến hành rất công phu và hoàn thành sớm với nội dung toàn diện, đạt chất lượng tốt - điều đó nói lên

quyết tâm cao của Ban chấp hành tỉnh đảng bộ Bến-tre. Đồng chí bí thư tỉnh ủy cùng ban thường vụ tỉnh ủy đã dành nhiều thời gian nghiên cứu chủ trương của Trung ương, xác định quyết tâm tiến hành tổng kết, trực tiếp chỉ đạo công tác chuẩn bị chu đáo về mọi mặt và quan tâm đến việc bảo đảm điều kiện cho việc tổng kết được hoàn thành thắng lợi. Các ban, ngành của tỉnh như Ban nghiên cứu lịch sử Đảng, Ban tổng kết quân sự, Ban tuyên huấn... đã phát huy vai trò tích cực, chủ động trong việc nghiên cứu, biên soạn, giúp cấp ủy chỉ đạo tốt công tác tổng kết. Tỉnh ủy Bến-tre cũng rất chú ý đến một nhân tố rất quan trọng không thể thiếu được của việc tổng kết chiến tranh, đó là ra sức tranh thủ sự đóng góp ý kiến rộng rãi của tập thể, của đông đảo cán bộ các cấp từ tỉnh đến cơ sở, của các đồng chí trước đây đã từng trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo cuộc kháng chiến yêu nước ở địa phương, của tất cả các cơ quan, đoàn thể trong tỉnh.



Kinh nghiệm tổ chức tổng kết chiến tranh của tỉnh Bến-tre cho thấy rõ thêm mấy vấn đề cần được chú ý sau đây:

— Trước hết, cần xác định đúng và rõ chủ trương, mục đích, yêu cầu tổng kết để cấp ủy địa phương tiến hành một cách khẩn trương. Không nên coi việc tổng kết chiến tranh là việc lúc nào làm cũng được, có thể gác lại năm này sang năm khác và coi chiến tranh là việc « đã qua », có tổng kết muộn cũng chẳng ảnh hưởng gì đến việc thực hiện những nhiệm vụ chủ yếu về kinh tế - xã hội hiện nay.

Cần nhận rõ tổng kết chiến tranh chính là một dịp để ôn lại và phát huy truyền thống đánh giặc, giữ

nước và phẩm chất sáng ngời " trung với nước, hiếu với dân " của chiến sĩ và đồng bào ta, khơi dậy niềm tin mạnh mẽ của nhân dân đối với sự lãnh đạo vững vàng của Đảng ta, động viên quân và dân địa phương vượt qua những gay go, thử thách trên chặng đường trước mắt, hăng hái cống hiến sức mình vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Kết hợp chặt chẽ với các mặt công tác khác như xây dựng lịch sử, bảo tồn bảo tàng, văn hóa thông tin, v.v., công tác tổng kết chiến tranh góp phần quan trọng nêu cao những giá trị tinh thần cao đẹp, nguồn sức mạnh to lớn của nhân dân địa phương. Hơn nữa, như báo cáo tổng kết của tỉnh Bến-tre đã nhấn mạnh, công việc này cần được tiến hành sớm cũng là " để làm tròn nghĩa vụ đối với người đã ngã xuống, đối với con cháu mai sau, mà cũng là mệnh lệnh của lịch sử, của nhân dân... ".

— Tổng kết chiến tranh là một công việc mang tính chất khoa học thật sự. Nó đòi hỏi phải phản ánh thực tiễn chiến tranh ở địa phương một cách chính xác và đầy đủ, và từ thực tiễn sinh động trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cần có sự phân tích đúng đắn để có thể rút ra được những bài học kinh nghiệm quý báu, có giá trị về lý luận.

Muốn nắm được thực tiễn phong phú, phải dựa chắc vào các nguồn tư liệu, văn kiện lưu trữ của ta và cả của địch ở địa phương cũng như ở Trung ương, và dành nhiều công sức để sưu tầm, tập hợp và khai thác. Tuy nhiên, các nguồn tư liệu đó thường không được đầy đủ như mong muốn, do bị thất lạc, mất mát hay bị hủy hoại trong điều kiện chiến tranh ác liệt vừa qua. Vì vậy, nhất thiết phải bám cho được nguồn tư liệu sống rất lớn và rất quan trọng, có giá trị xác thực cao. Trong tình hình hiện nay, dù khó khăn, vất vả

đến đâu cũng không thể không tổ chức liên hệ, tìm hiểu, khai thác kịp thời tư liệu ở đồng đảo căn bộ, chiến sĩ và đồng bào đã từng sống và trực tiếp chiến đấu trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước ở địa phương. Đã đến lúc không thể trì hoãn được nữa, vì sẽ thiệt thòi, mất mát lớn nếu các đồng chí cao tuổi hoặc bị bệnh tật lần lượt qua đời trước khi được cống hiến vốn sống kháng chiến rất phong phú và quý báu của mình cho công việc tổng kết. Việc này, vừa qua Bến-tre đã làm tương đối tốt. Nhờ vậy mà thực tiễn của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của Bến-tre đã được tái hiện một cách khá cụ thể, chính xác, đầy đủ trong các bản tổng kết. Qua việc thực hiện ba cấp (tỉnh, huyện, xã) kết hợp cùng làm, hầu như tất cả con em của quê hương đồng khởi đều thấy vinh dự, tự hào được góp phần vào việc tổng kết chung của địa phương.

— Công tác tổng kết chiến tranh có nhiều khó khăn, phức tạp. Cán bộ nghiên cứu tổng kết chỉ có thể hoàn thành được nhiệm vụ nếu tự xác định cho mình một quyết tâm cao, một ý thức trách nhiệm đầy đủ cộng với tinh thần say mê, hứng thú đối với công việc.

Ngoài việc phải bám sát đường lối chính trị, đường lối quân sự và các chủ trương, chính sách kháng chiến của Đảng nói chung và của địa phương qua từng thời kỳ, cán bộ nghiên cứu tổng kết cần có một vốn tri thức phong phú về thực tiễn chiến tranh trước đây ở địa phương. Hơn nữa, một điều quan trọng đối với cán bộ nghiên cứu tổng kết là phải nắm vững quan điểm thực tiễn, quan điểm lịch sử để phân tích đúng đắn các thắng lợi cũng như thất bại, tìm được nguồn gốc đúng sai, đánh giá mặt tốt và chưa tốt của sự lãnh đạo, chỉ đạo chiến tranh. Tinh khoa học của việc tổng kết càng đòi hỏi phải hết sức trung thực đối với mọi sự kiện

lịch sử, không được hạ thấp và cũng không thổi phồng, làm méo mó sự thật; phải dám mạnh dạn nhìn thẳng vào các thiếu sót, sai lầm để phê phán đúng mức.

— Một trong các mục đích tổng kết chiến tranh là từ những bài học kinh nghiệm rút ra được trong chiến tranh yêu nước trước đây mà có sự suy nghĩ, vận dụng vào trong điều kiện, hoàn cảnh mới. Hiện nay, vấn đề này không chỉ nhằm phục vụ tốt cho công cuộc xây dựng lực lượng vũ trang, củng cố quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, mà còn đáp ứng các yêu cầu chính trị, kinh tế... trong chặng đường trước mắt đi lên chủ nghĩa xã hội.

Tất nhiên việc vận dụng không đơn giản và cũng không thể làm một cách gò ép, gượng gạo. Song kết quả tổng kết chiến tranh của tỉnh Bến-tre với những bài học kinh nghiệm lớn rất quý của nó, cũng đã nêu bật một số vấn đề làm cho cán bộ, đảng viên thấm thía.

Đó là trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, đảng bộ Bến-tre đã ra sức tự xây dựng thành một đảng bộ kiên cường bám trụ, không sợ hy sinh gian khổ, đoàn kết nhất trí, dũng cảm chiến đấu, luôn luôn tiến công địch, phát huy ý thức tự lực tự cường, quyết tâm lãnh đạo nhân dân phấn đấu hoàn thành mọi nhiệm vụ.

Tin và dựa vào quần chúng, luôn luôn giữ chặt mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với quần chúng, kiên quyết phát động và tổ chức quần chúng thành lực lượng cách mạng hùng hậu, đó là nhân tố quan trọng bảo đảm thắng lợi của Bến-tre trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Qua tổng kết chiến tranh của tỉnh nhà, các đồng chí cán bộ, đảng viên Bến-tre thấy rõ: Ngày nay trong giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa, trước những khó khăn phức tạp trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ,

việc giáo dục, giác ngộ, củng cố và xây dựng lòng tin tưởng của quần chúng đối với Đảng, đối với đường lối cách mạng trong giai đoạn mới là rất cần thiết. Có củng cố được lòng tin tưởng vào Đảng, vào tiền đồ của cách mạng, thì mới huy động được đông đảo quần chúng tham gia các mặt hoạt động của cách mạng, mới đóng góp sức người sức của để khắc phục dần từng bước những khó khăn, mới thực hiện tốt ba cuộc cách mạng.

Muốn vậy Đảng ta cần phải thật sự hòa mình trong quần chúng, củng cố chặt chẽ hơn nữa mối liên hệ của Đảng với quần chúng, biến các cơ sở Đảng thật sự là sợi dây liên hệ, là gạch nối liên giữa Đảng với quần chúng, kiên quyết và nhanh chóng khắc phục biểu hiện quan liêu, mệnh lệnh, xa rời quần chúng...

Rõ ràng, ngày nay nếu cán bộ, đảng viên ở Bến-tre giữ vững truyền thống tốt đẹp của địa phương, thật sự làm hạt nhân trong phong trào quần chúng, phát huy vai trò tiên phong gương mẫu của mình, động viên quần chúng quyết tâm thực hiện các nhiệm vụ của Đảng đề ra, thì đảng bộ và nhân dân Bến-tre còn giành được nhiều thắng lợi to lớn hơn nữa cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc.



Tiếp theo Bến-tre, các tỉnh khác ở miền Nam như Long-an, Tiền-giang, An-giang... đang tích cực chuẩn bị hoàn thành việc tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước ở địa phương vào những tháng cuối năm nay.

Những kinh nghiệm của 21 năm kháng chiến cứu nước trên khắp các chiến trường đánh Mỹ ở miền Nam trước đây nhất định sẽ góp phần quan trọng làm giàu thêm kho tàng kinh nghiệm quý kỳ phong phú và quý báu của chiến tranh cách mạng oanh liệt của dân tộc Việt-nam anh hùng.

SUY NGHĨ VỀ MẤY VẤN ĐỀ VĂN HỌC TẠI CÁC TỈNH VÀ THÀNH PHỐ MIỀN NAM

TRẦN-TRỌNG-ĐĂNG-ĐÀN

SAU bảy năm giải phóng, đời sống văn học tại các tỉnh và thành phố miền Nam nước ta đã có những biến chuyển tích cực, căn bản. Trên ba trăm bốn mươi nghìn đầu sách với hàng trăm triệu bản và ngót một nghìn loại báo chí, trong đó phần lớn là báo « văn nghệ », phục vụ cho chế độ Mỹ — ngay trong hai mươi năm đã bị nhân dân cách mạng loại ra khỏi kho tàng của cái tinh thần của mình. Thay vào đó là những tác phẩm văn học viết theo phương pháp hiện thực xã hội chủ nghĩa của Việt-nam và của các nước xã hội chủ nghĩa anh em.

Có thể nói, văn học tiến bộ, yêu nước, cách mạng và xã hội chủ nghĩa đã trở thành một nhu cầu tinh thần không thể thiếu của nhân dân các vùng mới được giải phóng ở miền Nam nước ta.

Ở đây, trong hàng nghìn thư viện, hiệu sách, sạp báo, ngay từ những tháng, năm mới giải phóng, cùng với các tác phẩm văn học hiện đại trong và ngoài nước, đã có mặt hàng loạt tác phẩm là tinh hoa của văn học dân tộc và nhân loại tiến bộ từ bao đời nay. Các tác phẩm này xuất hiện cùng với sự giới thiệu, phân tích, đánh

giá theo tinh thần khách quan, khoa học và trên lập trường, quan điểm đúng đắn.

Trong bảy năm qua, chỉ tính trên mười loại báo chí lưu hành tương đối rộng rãi ở thành phố Hồ-Chí-Minh đã có hơn bảy nghìn bài thơ, hơn bốn trăm truyện ngắn và ba trăm bút ký. Chỉ tính trên khoảng một trăm số báo và tạp chí do các cơ quan văn hóa, văn nghệ ở các tỉnh: Hậu-giang, Cửu-long, Tây-ninh, Đồng-nai, Long-an, An-giang, Minh-hải, Kiên-giang, Bến-tre, Đồng-tháp, Tiền-giang, Phú-khánh, Dắc-lắc xuất bản từ năm 1975 đến năm 1981, chúng ta đã có trên 900 bài thơ, hơn 300 truyện ngắn và ký. Và theo ước tính, số báo chí đó chỉ chiếm khoảng một phần mười toàn bộ báo chí văn nghệ do các tỉnh ở miền Nam xuất bản. Riêng chín tỉnh ở đồng bằng sông Cửu-long, đã in thành sách hơn 60 tập truyện ngắn, ký, tiểu thuyết và thơ. Phần lớn những tác phẩm đăng trên báo chí và in trong các tập sách này là những tác phẩm mới, có nội dung lành mạnh mà hầu hết tác giả là những cây bút đang sống và hoạt động ngay tại địa phương.

Trong thời gian qua, tại các tỉnh và thành phố miền Nam đã có hàng trăm kịch bản văn học viết cho sân khấu và điện ảnh. Bên cạnh đó, còn có khá nhiều tác phẩm văn thơ yêu nước, cách mạng và xã hội chủ nghĩa đã được chuyển thành phim, thành kịch, thành những câu chuyện truyền thanh, truyền hình; thành lời ca, tiếng hát quen thuộc, mến thân của quần chúng nhân dân không những ở các tỉnh và thành phố miền Nam mà ở cả nước.

Văn học dân gian, văn học cổ đại, cận đại trong nước và trên thế giới được hiểu theo tinh thần kế thừa có chọn lọc, có phê phán và có sáng tạo, đã cùng với văn học hiện đại của chúng ta được giới thiệu rộng rãi trên sách báo, trong các buổi giảng văn của các trường học từ cấp phổ thông cơ sở cho đến đại học, ở các diễn đàn văn chương của các câu lạc bộ nhà văn hóa, các cuộc thảo luận, tọa đàm văn học khắp các tỉnh, thành miền Nam và đã đi sâu dần vào công nhân, nông dân, bộ đội, trí thức và các tầng lớp nhân dân khác... Đó là những thành tích rất có ý nghĩa mà những người hoạt động văn học, trước hết là những người làm văn học và công chúng văn học ở các tỉnh và thành phố miền Nam đã đạt được trong điều kiện hết sức khó khăn phức tạp ở giai đoạn lịch sử đặc biệt vừa qua. Đúng như Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc thứ V đã nêu, việc thực hiện những Nghị quyết của Đại hội thứ IV của Đảng về mặt văn hóa, nghệ thuật đã « thu được một số kết quả khá tốt », « Văn hóa thực dân mới ở miền Nam bị xóa bỏ về cơ bản, văn hóa cách mạng trong kháng chiến càng phát triển mạnh mẽ sau ngày giải phóng. Phong trào văn hóa, văn nghệ quần chúng (...) tiếp tục được mở rộng (...). Trong sáng tác văn hóa, nghệ thuật mấy năm qua, đã xuất hiện một số tác phẩm có giá trị, phát

huy tác dụng rõ rệt về mặt xây dựng tư tưởng, tình cảm mới (...). Rõ ràng, sự nghiệp xây dựng và cải tạo nền văn hóa theo phương hướng xã hội chủ nghĩa đã tiến một bước ». (*)

Bên cạnh những thành tựu đáng phần khởi ấy, cũng có thể thấy rõ được những gì mà công tác văn hóa, văn nghệ chưa làm được và cần phải phấn đấu để vươn tới. Đó là tình trạng « chất lượng của nhiều hoạt động văn hóa, văn nghệ chưa cao, nội dung xã hội chủ nghĩa chưa sâu sắc, chưa có sức hấp dẫn mạnh, chưa gây được những ấn tượng sâu sắc, hướng con người vào những suy nghĩ và hành động đúng đắn ». Đó là sự nảy sinh « những hiện tượng lệch lạc, những khuynh hướng không lành mạnh »; đó là sự buông lỏng ở một số nơi trong cuộc đấu tranh trên mặt trận văn hóa « khiến cho những tàn dư văn hóa thực dân mới, những hủ tục mê tín dị đoan có chiều hướng trở dậy ở nhiều nơi và ảnh hưởng cả đến một số không ít thanh niên nam nữ »...



Một trong những nhu cầu cấp thiết nhất trong đời sống văn học của chúng ta những năm sắp tới là làm sao có được nhiều tác phẩm lớn và hay. Hiện thực cuộc sống trên đất nước ta nói chung cũng như trên các tỉnh và thành phố miền Nam nói riêng, từ lịch sử xa xưa, đặc biệt từ lịch sử cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước vừa qua, là đối tượng mớ tả hết sức phong phú, hết sức vĩ đại của văn học, nghệ thuật. Trước mắt chúng ta, cuộc sống mới đang chuyển động rầm rộ, vô cùng tinh tế. Văn học, nghệ thuật lại là những ngành có nhiều khả năng, nhất trong việc nắm bắt những nét

(*) Những đoạn trong ngoặc kép không có chú thích là trích từ Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương tại Đại hội V của Đảng.

bản chất nhất và thể hiện một cách sâu sắc, đầy đủ những nét bản chất ấy của hiện thực.

Tuy nhiên, để có tác phẩm thật hay, có tầm vóc to lớn, xứng đáng với dân tộc, với thời đại, nhằm đáp ứng những đòi hỏi chính đáng của công chúng, đồng thời cũng đáp ứng những yêu cầu mà Đại hội V của Đảng đã đề ra đối với văn nghệ sĩ, những người viết văn cần suy nghĩ đề đi sâu, giải quyết những vấn đề thuộc phạm vi nghề nghiệp, những vấn đề đang đặt ra hết sức cụ thể khi cầm bút trước trang giấy trắng. Chẳng hạn: làm thế nào để tạo nên mối tương quan hợp lý giữa diễn hình xã hội với diễn hình văn học, giữa nhân vật chính diện với nhân vật phản diện, giữa sự thật ngoài đời với hư cấu nghệ thuật, giữa sự thật có thật và sự thật có tầm khái quát?... Mô tả, thể hiện cuộc chiến tranh cách mạng trong lúc chiến tranh đã kết thúc khác với việc thể hiện, mô tả chiến tranh lúc chiến tranh đang tiếp diễn như thế nào? Dưa khoa học, kỹ thuật vào văn học như thế nào cho đúng khi viết về đề tài công nghiệp, về đề tài nông nghiệp, về trí thức? Sử dụng như thế nào vốn sống cũ? Tiếp thu như thế nào thực tế mới? Nhìn hiện thực ngày nay và nhận định lại hiện thực trước đây như thế nào cho đúng, cho biện chứng? Mô hình lý tưởng và mô hình hiện thực của con người mới Việt-nam nói chung và con người mới của các tỉnh và thành phố miền Nam trong giai đoạn hiện nay là như thế nào? Bì đến đâu là vừa, hài đến đâu thì quá? Làm thế nào để có thể ca ngợi hết lời những thành tựu, những chiến công mà đừng sa vào "tò hồng", phê phán thẳng tay mặt tiêu cực của xã hội hiện nay mà không dẫn tới "bôi đen" hiện thực? v.v.

Đó là một số trong hàng loạt vấn đề cụ thể đang đặt ra đối với người

cầm bút của chúng ta nói chung và của những người viết văn tại các tỉnh và thành phố miền Nam nói riêng. Văn học nghệ thuật của chúng ta phải có nội dung xã hội chủ nghĩa và tính chất dân tộc, phải mang tính Đảng và tính nhân dân, phải kết hợp hài hòa giữa tính tư tưởng và tính nghệ thuật, v.v. Nhưng, muốn đáp ứng những yêu cầu tổng quát đó, mỗi văn nghệ sĩ trong thực tế phải giải quyết cho được những vấn đề cụ thể trên. Thời gian qua, văn học ở các tỉnh và thành phố miền Nam bị rơi vào tình trạng không theo kịp hiện thực cuộc sống, kết quả sáng tác không tương xứng với khả năng, với lực lượng.... Sở dĩ có tình trạng ấy một phần chính là vì chúng ta chưa giải quyết được những vấn đề cụ thể nói trên.

Một trong những yêu cầu hết sức cấp thiết nhằm tạo ra những tác phẩm thật lớn, thật hay trong văn học ở các tỉnh và thành phố miền Nam những năm sắp đến là tiếp tục kiện toàn đề đi vào hoạt động thật có hiệu quả và thật đồng bộ các cơ quan, các tổ chức, mà trước hết là các hội văn nghệ ở các tỉnh và các hội chuyên ngành ở thành phố Hồ-Chí-Minh. Sự lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành tốt của các tổ chức, các cơ quan này sẽ tạo nên sự cân đối trong tỷ lệ tác phẩm cần có của các loại đề tài: chiến đấu và sản xuất, trẻ em và người lớn, lịch sử dân tộc, lịch sử cách mạng và đề tài hiện đại; sẽ tạo ra sự phối hợp nhịp nhàng giữa những người hoạt động văn học chuyên nghiệp với những người làm văn học không chuyên; giữa các nhà văn ở các tỉnh và thành phố miền Nam với các nhà văn ở trung ương; giữa các nhà văn ở thành phố Hồ-Chí-Minh với các nhà văn ở các địa phương khác; giữa sáng tác văn học với phát thanh, truyền hình, giữa văn học với sân khấu, với điện ảnh với ca nhạc; giữa sáng tác với nghiên

cứu, lý luận, phê bình, giảng dạy văn học, v.v. và đặc biệt là giữa sáng tác với xuất bản, báo chí.



Văn hóa, văn nghệ của ta là để phục vụ nhân dân. Văn học của chúng ta là nhằm phục vụ đông đảo bạn đọc. Đó là quan điểm trước sau như một, là chủ trương nhất quán của Đảng ta. Từ năm 1943, *Đề cương về văn hóa Việt-nam* của Đảng đã đề ra ba nguyên tắc vận động văn hóa là: dân tộc hóa, khoa học hóa và đại chúng hóa. Năm 1957, Thư của Ban chấp hành trung ương Đảng gửi Đại hội văn nghệ toàn quốc thứ hai nêu rõ: « Xuất phát từ quan điểm quần chúng nhân dân lao động là người sáng tạo ra lịch sử, chúng ta chủ trương văn nghệ phải phục vụ nhân dân » (1). Hồ Chủ tịch cũng đã nhắc nhở văn nghệ sĩ phải lấy đại đa số nhân dân làm đối tượng phục vụ. Người khẳng định: « Chúng ta phải nói là phục vụ công nông binh, tức là phục vụ đại đa số nhân dân » (2).

Tại Đại hội thứ V của Đảng, quan điểm văn hóa, văn nghệ phục vụ nhân dân càng được phát triển sâu sắc và cụ thể. Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng nhấn mạnh: « Một nhiệm vụ của cách mạng tư tưởng và văn hóa là đưa văn hóa thâm nhập vào cuộc sống hằng ngày của nhân dân. Đặc biệt chú trọng xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở, bảo đảm mỗi nhà máy, công trường, nông trường, lâm trường, mỗi đơn vị lực lượng vũ trang, công an nhân dân, mỗi cơ quan, trường học, bệnh viện, cửa hàng, mỗi xã, hợp tác xã, phường, ấp, đều có đời sống văn hóa. Tổ chức tốt hơn nữa đời sống văn hóa ở thành phố, thị xã, làm cho thành thị xứng đáng giữ vai trò tiêu biểu cho nền văn hóa mới ».

Đề thi hiện quan điểm trước sau như một của Đảng về trách nhiệm

phục vụ nhân dân của văn hóa, văn nghệ, đề quán triệt tinh thần những nghị quyết Đại hội thứ V của Đảng vào cuộc sống của nhân dân các tỉnh và thành phố miền Nam, một trong những điều cần đặc biệt quan tâm là phải làm sao xác định cho được những thị hiếu thẩm mỹ trong công chúng văn hóa, văn nghệ. Về mặt văn học thì đó là các thị hiếu thẩm mỹ trong người đọc.

Nói văn học phải nhằm mục đích phục vụ người đọc không có nghĩa là văn học phải chiều theo mọi ý thích của mọi loại người đọc, nhất là trong điều kiện lịch sử của đất nước ta, đặc biệt là của các vùng trước đây bị Mỹ - ngụy chiếm. Hơn hai mươi năm sống dưới sự kiểm soát của Mỹ - ngụy, một bộ phận đông đảo người đọc ở miền Nam đã từng bị cách ly với văn học cách mạng. Trong khi đó, một khối lượng sách, báo khổng lồ mang nội dung phản động, đồi trụy đã tràn ngập khắp các vùng bị chiếm; cả một nếp sinh hoạt « văn hóa », « văn nghệ » dưới bàn tay điều khiển của bộ máy chiến tranh tâm lý đại quy mô do đế quốc Mỹ tạo ra, đã để lại trong một bộ phận bạn đọc những thứ thị hiếu thẩm mỹ thấp kém, những thói quen thưởng thức văn học trái với nội dung và nghệ thuật của văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa. Xóa bỏ những thứ thị hiếu thẩm mỹ thấp kém, những thói quen thưởng thức văn học sai trái ấy là công việc hết sức cần thiết.

Nói xóa bỏ tàn dư của « văn học » cũ, tất nhiên phải nói đến việc bài trừ sách xấu, bài trừ các thứ « tác phẩm văn học » phản động, đồi trụy và các thứ « văn chương » là sản phẩm của xã hội tiêu thụ mà chế độ Mỹ ngụy để lại. Vấn đề này, chúng ta đã đặc biệt chú ý ngay từ sau khi miền Nam được hoàn toàn giải phóng. Tháng 8-

(1), (2) Hồ Chủ tịch: *Về công tác văn nghệ*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1962, tr. 10, 29.

1975, Bộ thông tin văn hóa Cộng hòa miền Nam Việt-nam đã ra thông tri số 218 về việc cấm lưu hành các « loại sách phản động về chính trị và loại sách đâm ó ». Đến tháng 3-1976, Bộ thông tin văn hóa ra tiếp thông tri số 15. Riêng ở thành phố Hồ-Chí-Minh, tháng 5-1977, Sở thông tin văn hóa cũng đã có thông tri về vấn đề đó. Mỗi bản thông tri nói trên đều có kèm theo một bản danh mục sách cấm lưu hành. Và có bản danh mục đã được đăng toàn văn trên nhiều báo chí. Trong mấy năm qua, các tỉnh và thành phố miền Nam cũng đã tổ chức việc truy quét các văn hóa phẩm độc hại do Mỹ - ngụy để lại. Thế nhưng, rất đáng trách là đến bây giờ, trên thị trường sách báo của các tỉnh và thành phố miền Nam, đặc biệt là tại thành phố Hồ-Chí-Minh, nhiều loại sách báo độc hại kể cả số mới in lậu hoặc từ nước ngoài len lút đưa vào vẫn ngang nhiên lưu hành, bày bán.

Đó là mới nói đến việc lưu hành sách. Vấn đề là làm thế nào để các loại sách xấu, sách độc hại hiện nay đang được tàng trữ với một khối lượng rất lớn không còn là gốc rễ của việc lưu hành sách xấu, làm thế nào cho nhân dân ta hiểu được tính chất độc hại của các loại sách đó để kiên quyết bài trừ ? Đó là điều mà hiện nay chúng ta chưa làm thật chu đáo. Dĩ nhiên, giải quyết đúng vấn đề lưu hành, tàng trữ sách xấu chỉ là một mặt của vấn đề. Nói đến cái tạo những thứ thị hiếu thâm mỹ thấp kém trong thưởng thức văn hóa, thì điều quan trọng hơn là phải làm sao xóa bỏ cho được những gì mà « văn học » phản động, đồi trụy đã xâm nhập vào đầu óc người đọc ; xóa bỏ những kiểu cách thưởng thức nghệ thuật thấp kém đã thành nếp trong số người đọc từng là nạn nhân của xã hội tiêu thụ. Đây cũng là một công việc không đơn giản. Nó thuộc phạm vi cái tạo nhận thức, đòi hỏi phải có thời gian ; nó có quan

hệ chặt chẽ với việc đổi mới toàn bộ đời sống kinh tế, xã hội. Đặc biệt, nó gắn chặt với khả năng của chúng ta trong việc sáng tạo ra những sản phẩm tinh thần mới, những tác phẩm văn học, nghệ thuật mới, có nội dung thật tốt, nghệ thuật thật hay.

Nhìn nhận một sự thật là trong số đông người đọc của các tỉnh và thành phố miền Nam hiện nay vẫn tồn tại những mặt yếu kém do chế độ xã hội cũ nói chung và đặc biệt là do « văn học » thực dân mới để lại, đồng thời chúng ta cũng phải ghi nhận một sự thật khác nữa là : bao nhiêu năm bị chế độ Mỹ - ngụy kìm kẹp, phần lớn nhân dân vẫn hướng về cách mạng, hướng về dân tộc. Do đó, những ảnh hưởng tích cực của nền văn học, nghệ thuật cách mạng, của truyền thống văn nghệ dân gian, văn hóa dân tộc, luôn tiềm tàng và phát triển trong nhân dân, tạo thành những thị hiếu thâm mỹ lành mạnh, những nhu cầu thưởng thức đúng đắn. Và đó là những cơ sở tốt để cho ngày nay quần chúng tiếp nhận văn học mới.

Như vậy là trong công chúng văn học của các tỉnh và thành phố miền Nam vẫn tồn tại hai thứ thị hiếu thâm mỹ, hai cách thưởng thức văn học trái ngược nhau. Nhưng có điều cần chú ý là hai thứ đó không phải luôn luôn tách biệt rạch ròi mà thường thường hòa trộn với nhau, xen kẽ nhau trong từng người đọc, tuy tỷ lệ ở mỗi người mỗi khác. Điều đó càng làm cho chúng ta phải hết sức tỉnh táo khi căn cứ vào dư luận của họ để đánh giá tác phẩm văn học hiện nay.

Những điều vừa mới đề cập tới chỉ liên quan đến số người đọc trước đây ở trong các vùng Mỹ - ngụy kiểm soát. Trên thực tế, sau bảy năm giải phóng tại các tỉnh và thành phố miền Nam đã có thêm một bộ phận khá đông người đọc mới không thể không nhắc tới. Đó là những người từ các khu căn cứ ở miền Nam trước 1975,

và từ miền Bắc về. Trong số này không phải chỉ có bộ đội, cán bộ, mà còn bao gồm đủ các tầng lớp nhân dân khác. Trong số người đọc này có một bộ phận đã quen với cách thưởng thức văn học cách mạng, văn học xã hội chủ nghĩa. Nay, qua sự tiếp xúc với « văn hóa » do chế độ thực dân mới để lại, qua sự tiếp xúc với các tác phẩm văn học mới được sáng tác ra trong điều kiện hòa bình, họ không khỏi có một số xáo trộn về thị hiếu, thẩm mỹ, về nhu cầu thưởng thức văn học. Thêm vào đó, cũng phải kể tới những nhu cầu mới vừa nảy sinh trong họ do những chuyển biến về tâm lý từ đời sống chiến tranh chống Mỹ sang đời sống vừa có hòa bình, vừa phải đối phó với những hoạt động phá hoại và gây chiến tranh của bọn bành trướng Trung-quốc cầu kết với đế quốc Mỹ; những chuyển biến về nhận thức trước thực tế khó khăn của việc xây dựng nền kinh tế trong chặng đường trước mắt của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi cả nước. Đó là chưa kể tới số ít trong bộ phận người đọc này, ngay từ lúc còn ở các vùng giải phóng hoặc còn ở miền Bắc, vẫn chưa được trang bị thật đầy đủ để có thể tiếp nhận một cách đúng đắn văn học cách mạng và xã hội chủ nghĩa... Bởi vậy, xu hướng mới của họ về nhu cầu thưởng thức nghệ thuật, về thị hiếu thẩm mỹ cũng khá phức tạp. Có một số hướng về những yêu cầu thật cao, thật khắt khe đối với văn học mới; lại có một bộ phận, có thể là ít thôi, vẫn có thể bị hấp dẫn bởi các thứ tàn dư của « văn học » thực dân mới.

Như vậy, xét về số đông, trong một tầng lớp người đọc ở các tỉnh và thành phố miền Nam hiện nay, không phải chỉ tồn tại phần thị hiếu thẩm mỹ lành mạnh, thích hợp với sự tiếp nhận văn học cách mạng và xã hội chủ nghĩa mà còn có cả phần thị hiếu thẩm mỹ thấp kém, cần phải đấu tranh ráo riết và liên tục. Do đó, phải có sự cải tạo thị hiếu thẩm mỹ của người đọc và của công chúng văn nghệ nói chung. Muốn làm được điều này, chúng ta cần có sự phối hợp đồng bộ của nhiều khâu, nhiều ngành; cần có những phương pháp, biện pháp vừa kiên quyết, vừa tinh vi; cần có sự kiên trì, tính tạo cần thiết; và một trong những điều kiện thiết yếu nhất là phải tạo ra cho được những tác phẩm văn học mới, thật tốt thật hay.

Đối tượng phản ánh của văn học là thiên nhiên hùng vĩ, giàu đẹp, là hiện thực xã hội với lịch sử hào hùng, với hiện tại phong phú, sôi động; lực lượng phản ánh thiên nhiên ấy, hiện thực xã hội ấy là một lực lượng nhà văn đồng đạo, đầy nhiệt tình, đủ tài năng; công chúng thưởng thức văn học có trình độ nhận thức cao, có thị hiếu thẩm mỹ trong sáng, lành mạnh; một nền văn học phong phú, đa dạng, với nhiều tác phẩm lớn và hay — đó là những yêu cầu cơ bản mà nhưng người làm công tác văn học nghệ thuật ở các tỉnh và thành phố miền Nam nỗ lực phấn đấu để đạt cho bằng được. Đó cũng là mong muốn của Đảng ta mà Đại hội thứ V vừa qua đã vạch đường chỉ lối để chúng ta thực hiện.

BẢO TẬP CÁCH MẠNG SÔI ĐỘNG Ở VÙNG TRUNG MỸ VÀ CA-RI-BÊ

BÙI - NGỌC - HẢI

7 HỜI gian gần đây, vùng Trung Mỹ và Ca-ri-bê trở thành một điểm nóng trên thế giới. Tiếp theo thắng lợi của cách mạng ở Cu-ba, Grê-na-da và Ni-ca-ra-goa, bảo tập đấu tranh cách mạng ở khu vực này đang làm rung chuyển hệ thống thực dân mới của chủ nghĩa đế quốc Mỹ ở châu Mỹ la tinh.

Cội nguồn của bảo tập đấu tranh.

Kể từ khi các nước Mỹ la tinh giành được độc lập và thoát khỏi ách thống trị thực dân, chủ yếu là thực dân Tây-ban-nha đầu thế kỷ 19, cơ cấu giai cấp thống trị ở các nước này hầu như không thay đổi. Toàn bộ quyền lực thuộc về tầng lớp đại địa chủ kiêm tư sản mại bản câu kết chặt chẽ với đế quốc Mỹ. Chúng dựa vào bộ máy nhà nghề là quân đội, cảnh sát và các tổ chức khủng bố để đàn áp phong trào đấu tranh của nhân dân, ngăn chặn mọi cải cách dù là nhỏ nhất. Các nước ở Trung Mỹ chủ yếu là những nước nông nghiệp, nhưng ruộng đất phần lớn tập trung trong tay các địa chủ lớn, khai thác theo hình thức tư bản và phong kiến, trong đó nông dân bị bóc lột thậm tệ. Công nghiệp phát triển què quặt, giai cấp tư sản yếu ớt, bị chèn ép, phải dựa vào tư bản nước ngoài để tồn tại.

Giai cấp công nhân và nhân dân lao động phải bán sức lao động để kiếm sống, lương thấp hơn nhiều lần so với lương nhân công ở các nước tư bản. Tầng lớp tiểu tư sản trung lưu sống bấp bênh. Về cơ bản, xã hội các nước Trung Mỹ, trừ Cu-ba, Grê-na-da, Ni-ca-ra-goa, là xã hội thuộc địa kiểu mới; giai cấp đại địa chủ và tư sản mại bản câu kết với đế quốc Mỹ thống trị các nước này. Tình hình nói trên là nguyên nhân gây nên sự lạc hậu và phụ thuộc của Trung Mỹ nói riêng và châu Mỹ la tinh nói chung và cũng là cội nguồn của cuộc đấu tranh cách mạng trong nhiều thập kỷ qua ở vùng này.

Thay thế tư bản châu Âu giữ vai trò bá chủ ở châu Mỹ, Mỹ đã nhanh chóng xâm nhập, khống chế toàn bộ đời sống kinh tế và chính trị của các nước trong vùng. Chính sách của Mỹ đối với các nước Mỹ la tinh qua các đời tổng thống Mỹ xoay quanh cái gậy và « củ cà rốt », lúc thì dọa nạt, lúc thì ve vãn, nhưng đều nhằm mục đích củng cố ách thống trị của Mỹ. Chính quyền Ri-gan thừa nhận Trung Mỹ và Ca-ri-bê là « một mạch máu sống còn về thương mại và chiến lược » đối với Mỹ. Gần một nửa khối lượng mậu dịch, hai phần ba số lượng đầu mỏ và hơn một nửa khoáng sản nhập khẩu của Mỹ phải đi qua kênh đào Pa-na-ma hoặc vịnh

Mê-hi-cô. Đây còn là một khu vực có tiềm năng to lớn về nông nghiệp, có những trữ lượng quan trọng về dầu mỏ. Tại các nước Trung Mỹ, đầu tư nước ngoài phần lớn là của Mỹ.

Cuộc khủng hoảng trong thế giới tư bản chủ nghĩa đè nặng lên các nước trong khu vực. So với năm 1970 thì năm 1981, nợ nước ngoài của Mỹ la tinh tăng gấp 8 lần, lên tới 160 tỷ đô la. Có-xta Ri-ca, nơi trong nhiều năm được gọi là "Thủy-sĩ của Trung Mỹ", năm 1981 cũng nợ tới 2,5 tỷ đô la. Năm 1981, đề mua cùng một khối lượng dầu mỏ, các nước Trung Mỹ và Ca-ri-bê phải bỏ ra một số cả phê lớn gấp 5 lần và số đường lớn gấp 2 lần so với năm 1977. Tất cả những gánh nặng đó lại trút lên đầu nhân dân lao động, với hậu quả là thất nghiệp, mù chữ và thiếu dinh dưỡng nặng nề, y tế thấp kém, và sự chênh lệch ghê gớm giữa kẻ giàu và người nghèo. Đó là một trong những nhân tố quan trọng nhất đã làm bùng nổ cuộc đấu tranh quyết liệt của nhân dân vùng này chống lại ách thống trị độc tài trong nước và đế quốc Mỹ.

Thực tế, cuộc đấu tranh của nhân dân các nước Trung Mỹ và Ca-ri-bê đã bắt đầu từ lâu. Những năm 1926 - 33 đã nổ ra cuộc đấu tranh vũ trang chống sự can thiệp của Mỹ ở Ni-ca-ra-goa, dưới sự lãnh đạo của tướng Ao-gu-xtô Xan-di-nô. Tháng 2-1932, nhân dân En Xan-va-do, dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản đã vùng lên khởi nghĩa giành chính quyền. Năm 1944 ở Goa-tê-ma-la cũng đã có phong trào đấu tranh cách mạng. Các phong trào này bị đàn áp dã man và bị đìm trong biển máu. Năm 1951, đại tá Ha-cô-bô Ác-ben, người đã đóng vai trò chủ chốt trong cuộc cách mạng năm 1944, được bầu làm tổng thống Goa-tê-ma-la, và đã tiến hành cải cách ruộng đất, trưng thu cả những đồn điền của công ty hoa quả Mỹ. Tháng 6-1954, Mỹ tổ chức đảo chính lật đổ chính phủ này. Năm 1956 đồng chí

Phi-đen Ca-xơ-rô lãnh đạo cuộc đấu tranh vũ trang ở vùng rừng núi miền đông Cu-ba, và cuộc đấu tranh này đã thắng lợi vào đầu năm 1959. Năm 1961, Cu-ba tuyên bố xây dựng chủ nghĩa xã hội. Thắng lợi của cách mạng Cu-ba đánh dấu sự mở đầu của quá trình giải phóng thật sự của các dân tộc châu Mỹ. Đúng như thủ tướng Grê-na-đa M. Bi-xốp đã từng khẳng định: « Không thể hình dung thắng lợi của cách mạng Grê-na-đa hay cách mạng Ni-ca-ra-goa, nếu không có thắng lợi của cách mạng Cu-ba ».

Sau thắng lợi của cách mạng Cu-ba, vào năm 1961, ở Ni-ca-ra-goa, Mặt trận giải phóng dân tộc Xan-di-nô thành lập. Ở En Xan-va-do, cuộc đấu tranh vũ trang cũng được phát động. Năm 1968 ở Pa-na-ma, tướng O. Tô-ri-hốt lên cầm quyền, bắt đầu đẩy mạnh cuộc đấu tranh đòi lại chủ quyền đối với vùng kênh đào bị Mỹ chiếm đóng. Năm 1977, chính quyền Ca-tô buộc phải ký hiệp ước mới, cam kết trả lại vùng kênh đào cho Pa-na-ma vào cuối thế kỷ này. Phong trào đấu tranh ở vùng Trung Mỹ và Ca-ri-bê đã có những chuyển biến lớn vào đầu những năm 70, và phát triển mạnh từ năm 1975, sau thắng lợi của nhân dân Việt-nam và các nước Đông-dương chống xâm lược Mỹ. Tháng 3-1979, cách mạng Grê-na-đa dưới sự lãnh đạo của "Phong trào cố gắng chung vì phúc lợi, giáo dục và giải phóng" (New Jewel) giành được thắng lợi. Sự kiện này diễn ra ở một hòn đảo rộng 344 km² với chưa đầy 120 nghìn dân, có thể nói là phát súng mở màn cho một cao trào đấu tranh mới của nhân dân các nước vùng Trung Mỹ và Ca-ri-bê, một cao trào rộng lớn hơn so với bất cứ giai đoạn nào trước đây. Bốn tháng sau khi cách mạng Grê-na-đa thắng lợi, cuộc đấu tranh vũ trang của nhân dân Ni-ca-ra-goa toàn thắng. Tiếp đó, phong trào khởi nghĩa ở En Xan-va-do, ở Goa-tê-ma-la cũng phát triển với nhịp độ nhanh và mạnh

hơn. Ở On-du-rát, phong trào cũng có chuyển biến mới, với sự ra đời của tổ chức Xin-chò-nê-rót, tên một lãnh tụ nhân dân ở nước này. Nhân dân Pu-éc-tô Ri-cô kiên trì đấu tranh chống âm mưu sáp nhập của Mỹ. Báo tập đấu tranh cách mạng đang trào dâng khắp vùng Trung Mỹ, đặc biệt là ở En Xan-va-do, nơi được gọi là « Việt-nam thứ hai ». Nhân dân Xan-va-do được sự đồng tình và ủng hộ của nhân dân toàn thế giới, đang đưa cách mạng tới ngưỡng cửa của giai đoạn cuối cùng.

Những nét đặc đáo của phong trào.

Phong trào cách mạng Trung Mỹ nói chung được tiến hành dưới sự lãnh đạo của các tổ chức tiên phong chính trị quân sự đã được thử thách qua thực tế đấu tranh gian khổ. Do điều kiện lịch sử, ở Trung Mỹ cũng như tại các nước khác ở Mỹ la tinh, ngay trong một nước cũng có rất nhiều tổ chức vũ trang, chính trị và quân chủng khác nhau. Tình hình đó làm phân tán sức tiến công vào kẻ thù chung, làm yếu lực lượng cách mạng, và gây khó khăn cho việc tập hợp quân chúng. Trái qua đấu tranh với địch và chống các trào lưu cơ hội chủ nghĩa, các lực lượng này đã dần dần thống nhất đường lối chiến lược, sách lược, khắc phục tình trạng phân tán. Ở Ni-ca-ra-goa, tháng 12-1978, ba nhóm du kích « Chiến tranh nhân dân lâu dài », « Vô sản » và « Khởi nghĩa » đã thành lập ban lãnh đạo thống nhất toàn quốc, mở đường cho cách mạng giành thắng lợi vào năm sau. Ở En Xan-va-do, tháng 4-1980, Mặt trận dân chủ cách mạng, một tổ chức thống nhất của quân chúng, ra đời, và tháng 10-1980, bốn tổ chức vũ trang trong nước hợp thành Mặt trận giải phóng dân tộc Pha-ra-bun-dô Mác-ti. Tại Goa-tê-ma-la, đầu năm 1982,

bốn tổ chức cách mạng tiên phong cũng đã tập hợp trong Liên minh đoàn kết cách mạng dân tộc (URNG) và các tổ chức quân chúng cũng thống nhất thành Ủy ban đoàn kết yêu nước Goa-tê-ma-la. Sự thống nhất của các lực lượng cách mạng trên cơ sở của một cương lĩnh đấu tranh chung phù hợp với yêu cầu của cách mạng, đánh dấu một bước trưởng thành và là một trong những điều kiện quan trọng nhất để đưa cách mạng đến thắng lợi.

Trên cơ sở của chiến lược chiến tranh nhân dân, phong trào đấu tranh ở các nước Trung Mỹ được sự ủng hộ mạnh mẽ của quần chúng, và có cơ sở rộng rãi trong nhân dân. Hình thái của cuộc đấu tranh ở En Xan-va-do, Goa-tê-ma-la hiện nay hay ở Ni-ca-ra-goa trước đây không phải là những hoạt động du kích lẻ tẻ trên rừng núi, mà là một cuộc chiến tranh nhân dân rộng khắp. Tại 14 tỉnh của En Xan-va-do và 22 tỉnh của Goa-tê-ma-la đều có những vùng nằm dưới sự kiểm soát của quân khởi nghĩa. Do sự tham gia đông đảo của công nhân, nông dân, những người da đỏ, những trí thức, học sinh, phụ nữ, thiếu nhi vào cuộc đấu tranh với những hình thức đấu tranh chính trị, quân sự và ngoại giao kết hợp chặt chẽ, cho nên đã hình thành một thể trận rộng lớn giữa một bên là nhân dân và một bên là chế độ độc tài trong nước và đế quốc Mỹ. Ngoài các lực lượng du kích đang trong quá trình tiến tới thành lập các quân đội nhân dân, còn có các tổ chức dân quân, tự vệ tại các thành phố và nông thôn. Trình độ tổ chức, chỉ huy, trình độ tác chiến được nâng cao rõ rệt. Sự lớn mạnh của phong trào cách mạng đã phá vỡ bức màn im lặng mà bọn đế quốc và tay sai dựng nên hòng bưng bít thực tế đấu tranh của nhân dân các nước vùng Trung Mỹ và Ca-ri-bê. Cả một vùng rộng lớn trong « sân sau » của Mỹ đã trở thành tiền tuyến nóng bỏng.

Ở châu Mỹ la tinh, vùng Trung Mỹ và Ca-ri-bê ở vào vị trí gần đế quốc Mỹ nhất. Mũi nhọn đấu tranh của cách mạng ở đây trực tiếp nhằm vào đế quốc Mỹ và các chế độ phản động thân Mỹ. Sự phát triển rộng lớn của phong trào này đẩy Mỹ và bọn tay sai vào tình thế lúng túng, bị động, phải cùng một lúc chống đỡ tại nhiều nơi. Mặt khác, do sự gần gũi về địa lý, lịch sử, ngôn ngữ, văn hóa, các phong trào này cổ vũ và giúp đỡ lẫn nhau, tạo thành một thế liên hoàn.

Cuộc đấu tranh của nhân dân các nước vùng Trung Mỹ và Ca-ri-bê được sự đồng tình và ủng hộ của các nước xã hội chủ nghĩa, các lực lượng cách mạng và tiến bộ trên thế giới, của dư luận quốc tế, kể cả dư luận Mỹ. Đó là sự ủng hộ hết sức rộng rãi, chẳng những của quần chúng nhân dân đông đảo mà của cả nhiều chính quyền tư sản vốn là đồng minh của Mỹ nhưng bất đồng với chính sách của Mỹ đối với Mỹ la tinh. Đó là sự ủng hộ hết sức phong phú cả về chính trị lẫn vật chất. Điều này góp phần quan trọng vào việc ngăn chặn sự can thiệp của Mỹ, cô lập Mỹ, và bọn tay sai.

Với thắng lợi của cách mạng Cu-ba, Grê-na-da và Ni-ca-ra-goa, một mảng quan trọng trong hệ thống thực dân mới của đế quốc Mỹ bị phá vỡ, ở châu Mỹ la tinh đã xuất hiện không phải một, mà là ba dân tộc giải phóng, « ba người không lồ ». Cuộc đấu tranh của nhân dân các nước vùng Trung Mỹ và Ca-ri-bê góp phần quan trọng vào phong trào giải phóng dân tộc đang phát triển mạnh mẽ trên thế giới làm cho lực lượng cách mạng được tăng cường, lực lượng phản cách mạng bị suy yếu. Cuộc đấu tranh này cũng có những đóng góp phong phú cả về lý luận và thực tiễn, nó chứng tỏ rằng ba trào lưu cách mạng của thời đại tiếp tục ở thế tiến công.

Sự lồng lộn của Mỹ không thể ngăn cản bước tiến của các lực lượng cách mạng.

Trước cao trào đấu tranh của nhân dân các nước vùng Trung Mỹ và Ca-ri-bê, đế quốc Mỹ vô cùng hoảng hốt, chúng tìm mọi cách để đối phó. Chúng cấp tốc tuồn viện trợ kinh tế, quân sự, kể cả cổ vũ Mỹ, để nâng đỡ các chính quyền tay sai đang rệu rã, sử dụng quân nguy để tiến hành một kiểu chiến tranh đặc biệt hết sức tàn bạo. Cùng với hàng trăm triệu đô la viện trợ, Mỹ đã cử hàng trăm cố vấn, kể cả lính mũ nồi xanh, sang giúp quân nguy ở En Xan-va-do, Goa-tê-ma-la, On-du-rát. Mặt khác, Mỹ đã thúc ép bọn tay sai tổ chức các cuộc « bầu cử » giả hiệu hòng xoa dịu sự căm phẫn của dư luận trước bộ mặt phát xít tàn bạo của bọn này, cứu vãn thế cô lập của chúng, đồng thời dọn đường cho Mỹ tăng cường can thiệp, kể cả khả năng can thiệp trực tiếp vào các nước trong vùng.

Diễn biến của tình hình cho thấy, mặc dù nhận được một khối lượng lớn vũ khí, bom đạn, tiền bạc, quân nguy vẫn không xoay chuyển nổi tình thế, ngược lại càng sa lầy, khốn quẫn. Phong trào đấu tranh của nhân dân tiếp tục phát triển, cũng có, thu được nhiều thắng lợi to lớn. Âm mưu tổ chức các trò bầu cử bị tó cáo, tầy chay, không đánh lừa được dư luận. Các trò bầu cử chỉ là dịp để cho các giới phản động tay sai Mỹ tranh giành, đấm đá lẫn nhau. Mâu thuẫn nội bộ chúng càng sâu sắc.

Mỹ còn dùng chiêu bài viện trợ kinh tế để hòng xoa dịu, mua chuộc và chia rẽ nhân dân các nước trong vùng. Ngay từ khi lên cầm quyền, chính quyền Ri-gan đã làm rùm beng về ý định của Mỹ thực hiện một kiểu « kế hoạch Mác-san nhỏ » ở vùng Trung Mỹ và Ca-ri-bê, trong đó, Mỹ hứa cung cấp 350 triệu đô la để « phát triển kinh tế ». Thực chất, kế hoạch

của Ri-gân, như dự luận vạch rõ, chỉ nhằm tạo điều kiện cho tư bản Mỹ mở rộng hoạt động, khuyến khích tư bản tư nhân, « làm cho kẻ giàu giàu thêm và người nghèo nghèo thêm », giống như chính sách kinh tế đối nội của y. Trong khi số tiền mà Mỹ hứa hẹn rất nhỏ so với nhu cầu của khu vực, thì phần lớn số tiền này lại dành cho bọn tay sai Mỹ ở En Xan-va-do, Goa-tê-ma-la... Âm mưu của Mỹ lôi kéo Mê-hi-cô, Ca-na-đa và một số nước khác tham gia kế hoạch của Mỹ không thành công. Nhiều người tỏ ra nghi ngờ về ý định thật sự của Mỹ, và về tác dụng của nó.

Đi đôi với những thủ đoạn chính trị, kinh tế, Mỹ đang tăng cường sự có mặt về quân sự của Mỹ trong khu vực, ráo riết tiến hành các cuộc tập trận uy hiếp ở vùng Ca-ri-bê, lôi kéo các chính quyền tay sai vào kế hoạch phân cách mạng của Mỹ. Theo lâu năm góc số quân Mỹ có mặt ở Mỹ la tinh kể cả vùng Ca-ri-bê, hiện nay lên tới 25 nghìn người, được bố trí ở vùng kênh đào Pa-na-ma, Gu-an-ta-na-mô, Pu-ê-rtô Ri-cô và trên các tàu chiến thường xuyên có mặt trong vùng biển Ca-ri-bê. Mỹ cũng ráo riết chuẩn bị xây dựng các căn cứ quân sự mới ở Ha-i-ti, On-đu-rát, Cô-xta Ri-ca, ở vịnh Phôn-xê-ca, âm mưu lập bộ chỉ huy quân sự Mỹ ở vùng Trung Mỹ và Ca-ri-bê tiến hành liên tiếp các cuộc tập trận lớn nhất từ trước tới nay ở vùng biển này.

Chia mũi nhọn vào cách mạng Cu-ba, Ni-ca-ra-goa, Grê-na-đa, Oa-sinh-ton đã mở nhiều chiến dịch vu cáo, uy hiếp, hòng có lập và làm suy yếu các nước này, ngăn chặn ảnh hưởng của các nước này đối với cách mạng trong khu vực. Hành động của Mỹ còn nhằm gây nên một tình hình căng thẳng thường xuyên, đánh lạc hướng chủ ý của dự luận thế giới đối với cuộc đấu tranh của nhân dân trong vùng, xuyên tạc thực chất tình hình,

và bảo chữa cho hành động can thiệp đang bị lên án của Mỹ. Đáng chú ý là tại bên này bờ Thái-bình-dương, bọn phản động trong giới cầm quyền Trung-quốc cũng đang lu loa phụ họa với đế quốc Mỹ rằng Liên-xô đang tăng cường thâm nhập, rằng Cu-ba là nhân tố gây căng thẳng trong vùng Trung Mỹ và Ca-ri-bê. Điều đó chỉ càng phơi bày bộ mặt phản cách mạng, cầu kết với đế quốc Mỹ của chúng. Cách mạng trong vùng này đang phải đối phó với những âm mưu lớn. Chính sách hiếu chiến, xâm lược của Mỹ là nguy cơ đe dọa lớn nhất. Tuy nhiên, tình hình trong khu vực và tình hình quốc tế cũng có những biến chuyển hết sức thuận lợi. Cách đây năm bảy năm, thắng lợi của cách mạng ở Grê-na-đa, ở Ni-ca-ra-goa tưởng chừng là điều khó hình dung nổi. Nhưng điều đó đã xảy ra. Ở nước Mỹ, nếu như cách đây 18 năm, chính quyền Giôn-xon đã có thể dễ dàng gửi quân sang xâm lược Việt-nam và dựng nên một vụ vịnh Bắc-bộ để phát động cuộc chiến tranh đầy tội ác của Mỹ chống Việt-nam, thì ngày nay, ngay cả khi chính quyền Mỹ làm le làm việc đó, đã có những tiếng nói mạnh mẽ cất lên từ trong nhân dân và trong quốc hội Mỹ, phản đối việc gửi quân Mỹ sang En Xan-va-do, phản đối tăng cường viện trợ quân sự cho các chế độ độc tài, và cảnh cáo Mỹ chớ lao vào một « Việt-nam thứ hai »... Sau khi đứng về phía Anh trong việc Anh chiếm lại Man-vi-nát, một quần đảo thuộc chủ quyền Ác-hen-ti-na, Mỹ đã tự mình làm gay gắt thêm mâu thuẫn vốn có giữa Mỹ và các nước Mỹ la tinh.

Với quyết tâm chiến đấu kiên cường, với chủ nghĩa anh hùng, trí thông minh, lại được sự đồng tình, ủng hộ mạnh mẽ của dự luận quốc tế, nhân dân các nước vùng Trung Mỹ và Ca-ri-bê nhất định sẽ thắng trong cuộc đấu tranh chính nghĩa của mình.

ПЕРЕДОВАЯ: Строительство и защита страны. **ТО ХЫУ:** Вперед, на выполнение двух стратегических задач. **ФАМ ДИНЬ ТАН:** Строго соблюдая законы, карать за спекуляцию, контрабанду, изготовление фальшивых изделий, за незаконное хозяйствование. **ДОНГ ТХАО:** Предпринять первые шаги в выводе сельского хозяйства на рельсы крупного социалистического производства. **ЧАН ДЫК ЗЯНГ-ТА ХОАНГ ТИНЬ:** Охрана окружающей среды и использование природных ресурсов. ★ ★ ★: Хорошо справиться с работой по подведению итогов кампании по вручению партийных билетов. **ТИ КИЕН:** Хорошо организовать работу по подведению итогов отечественной войны. **ЧАН-ЧОНГ-ДАНГ-ДАН:** Размышления о некоторых литературных проблемах южных провинций и городов страны. **БУЙ НГОК ХАЙ:** Революционная буря над районами Центральной Америки и Карибского моря.

REVIEW OF COMMUNISM №9-1982

Editorial—Building and Safeguarding the Country. **TÔ-HỮU**—Let Us Advance to Achieve Our Two Strategic Tasks. **PHAM-DINH-TÂN**—Well Carrying Out the Regulations on Punishing Speculators, Smugglers, Forgers and Traffickers. **DÔNG THẢO**—Further Stepping Up Agriculture to Large—Scale Socialist Production. **TRẦN-ĐỨC-GIANG-TẠ-HOÀNG-TINH**—We Have to Protect Our Environment and Fully Use Our Natural Resources. ★★—Reviewing the Work of Allotment of Party Cards. **CHÍ-KIÊN**—It Is Necessary for Us to Well Organize the Review of Our Patriotic War. **TRẦN-TRONG-DĂNG-DÂN**—Some Ideas on the Problem of Literary Creation in the Cities and Towns of South Viet-nam. **BÙI NGOC HAI**—Revolutionary Thunderstorms Are Brewing in Central America and Caribbean Region

REVUE DU COMMUNISME № 9-1982

Editorial — Edifier et défendre le pays. **TÔ-HỮU** — En avant pour réaliser les deux tâches stratégiques. **PHAM-DINH-TÂN** — Appliquer strictement la loi punissant la spéculation, la contrebande, la fraude, le commerce illégal. **DÔNG-THẢO**—Faire avancer d'un pas l'agriculture vers la grande production socialiste. **TRẦN-ĐỨC-GIANG-TẠ-HOÀNG-TINH**—La protection de l'environnement et l'utilisation des ressources naturelles. ★★—Bien faire le bilan de l'attribution des cartes de Parti. **CHÍ-KIÊN** — Bien organiser le travail de récapitulation de la guerre patriotique. **TRẦN-TRONG-DĂNG-DÂN** — Réflexions sur les problèmes de la littérature des provinces et villes du Sud Viet-nam. **BÙI-NGOC-HAI** — Tempête révolutionnaire en Amérique Centrale et au Caraïbe.

REVISTA DEL COMUNISMO № 9-1982

Editorial — Edificación y defensa de la patria. **TÔ-HỮU** — A cumplir oportunamente dos tareas estratégicas. **PHAM-DINH-TÂN** — Ejecutar estrictamente el orden de justicia sobre la especulación, el contrabando, la falsificación de mercancías y el comercio ilegal. **DÔNG-THẢO** — Hacer avanzar en un paso a la gran producción socialista la agricultura. **TRẦN-ĐỨC-GIANG-TẠ-HOÀNG-TINH** — Proteger el medio ambiental y utilizar los recursos naturales. ★★— Hacer con éxito el balance del trabajo de entrega de carnet de militante del partido a sus miembros. **CHÍ-KIÊN** — Organizar y hacer bien el balance de la guerra patriótica. **TRẦN-TRONG-DĂNG-DÂN**—Acerca de algunos problemas literarios en las provincias y ciudades del Sur. **BÙI-NGOC-HAI** — Tempestades revolucionarias en América Central y Caribe.

TẠP CHÍ CỘNG SẢN

Số 9

1982

NĂM THỨ XXVII (320)

TRỤ SỞ BỘ BIÊN TẬP :

1. Nguyễn-Thượng-Hiền, Hà-nội

Điện thoại : 52061, 52062

**TRỤ SỞ CƠ QUAN THƯỜNG TRƯỞNG
TẠI MIỀN NAM :**

19. Duy-Tân, T. P. Hồ-Chí-Minh

Điện thoại : 25768, 22040

MỤC LỤC

Xã luận — Dựng nước và giữ nước	1
TỔ-HỮU — Tiến lên hoàn thành hai nhiệm vụ chiến lược	5
PHẠM-DÌNH-TÂN — Thi hành nghiêm chỉnh Pháp lệnh trừng trị các tội đầu cơ, buôn lậu, làm hàng giả, kinh doanh trái phép	21
ĐỒNG-THẢO — Đưa nông nghiệp một bước lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa	26
TRẦN-ĐỨC-GIANG-TẠ-HOÀNG-TINH — Bảo vệ môi trường và sử dụng tài nguyên thiên nhiên	33
Hội ký ★ THẾ-TẬP — Đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc với Hội nghị thứ nhất Ban chấp hành trung ương Đảng	32
★★★ — Làm tốt việc tổng kết công tác phát triển đảng viên	46
Đọc sách ★ XUÂN-KIỀU — « Về quá trình từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa »	50
CHÍ-KIÊN — Tổ chức tốt việc tổng kết cuộc chiến tranh yêu nước	55
TRẦN-TRỌNG-DẪNG-DẪN — Suy nghĩ về mấy vấn đề văn học tại các tỉnh và thành phố miền Nam	66
BÙI-NGỌC-HẢI — Bảo tập cách mạng sôi động ở vùng Trung Mỹ và Ca-ri-bê	66

...
...
...

...

...
...
...

...
...
...

...

...
...
...

...
...
...

...
...
...

...
...
...

...

KỶ NIỆM LẦN THỨ 37 CÁCH MẠNG THÁNG TÁM VÀ QUỐC GIANG 9
(1945 - 1982)

Tìm đọc :

HỒ - CHÍ - MINH TOÀN TẬP

Tập I (1920 - 1925)

Tập II (1925 - 1930)

HỒ - CHÍ - MINH TUYẾN TẬP

Trọn bộ 2 tập

LÊ - DUẤN

Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt-nam

(Tác phẩm chọn lọc - Tập I, tập II, tập III)

TRƯỜNG - CHINH

Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Việt-nam

(Tác phẩm chọn lọc - Tập I, tập II)

PHẠM - VĂN - ĐỒNG

Một số vấn đề về Nhà nước

BAN NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ ĐẢNG TRUNG ƯƠNG

Cách mạng Tháng Tám (1945)

(In lần thứ tư có sửa chữa và bổ sung)



NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT

In tại NHÀ IN TẠP CHÍ CỘNG SẢN

Chi số : 12651 Giá : 1800

Chico Hoa

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT-NAM

LIBRARY/UC-B

LIBRARY
FEB 3 1983
UNIVERSITY OF CALIFORNIA
BERKELEY

10

10.1982

SỐNG VÀ LÀM VIỆC THEO HIẾN PHÁP VÀ PHÁP LUẬT.

Bất cứ Nhà nước nào muốn tồn tại được với tư cách là Nhà nước và muốn thực hiện được chức năng của mình là xây dựng và giữ vững nền chuyên chính của giai cấp lãnh đạo xã hội cũng nhất thiết phải đặt ra và dựa vào pháp luật của chính mình để quản lý xã hội. Pháp luật của Nhà nước xã hội chủ nghĩa chúng ta là ý chí của giai cấp công nhân, được đặt ra vì lợi ích của Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, vì hạnh phúc của nhân dân, nó phù hợp với nguyện vọng của toàn thể nhân dân lao động.

Hiến pháp của nước ta là đạo luật cơ bản thể chế hóa quyền làm chủ tập thể của nhân dân, quy định những điều quan trọng nhất về chế độ chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng của nước ta, về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, về tổ chức và hoạt động của các cơ quan lớn của bộ máy Nhà nước. Trên cơ sở Hiến pháp mới và để thực hiện Hiến pháp, Quốc hội, Hội đồng Nhà nước, Hội đồng bộ trưởng lần lượt thông qua và ban hành những đạo luật, bộ luật, pháp lệnh, pháp quy để tiếp tục thể chế hóa, cụ thể hóa quyền làm chủ tập thể của nhân dân về các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Ngoài những pháp luật được ban hành sau khi có Hiến pháp năm 1980, nhiều pháp luật đã được ban hành trước đây vẫn còn giữ hiệu lực và được thi hành thống nhất trong cả nước. Toàn bộ các pháp luật ấy đều được đặt ra trên cơ sở đường lối, chính sách của Đảng, nhằm cụ thể hóa và bảo đảm thực hiện đường lối, chính sách ấy. Đối với chặng đường trước mắt, các luật lệ cũ được duy trì và các luật lệ mới được đặt ra là nhằm bảo đảm thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược mà Đại hội V của Đảng đã vạch ra :

Một là, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ;

Hai là, sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa.

Đấu tranh cho pháp luật Nhà nước được thi hành nghiêm chỉnh và thống nhất trong cả nước và được bảo vệ chặt chẽ gắn liền với đấu tranh nhằm thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược ấy, là đòi hỏi bức thiết đối với toàn thể đảng viên, tất cả các cơ quan, xí nghiệp Nhà nước, các tổ chức xã hội và toàn quân, toàn dân ta.

Đề xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, Nhà nước ta phải chỉ đạo xây dựng và phát triển nền kinh tế xã hội chủ nghĩa của cả nước, một hệ thống kinh tế thống nhất bao gồm nhiều ngành, nhiều lĩnh vực, nhiều khâu hoạt động nhịp nhàng, ăn khớp theo một kế hoạch duy nhất của Nhà nước. Hoàn thành được các chỉ tiêu kế hoạch không phải chỉ là kết quả một cuộc phấn đấu bằng công sức và nghị lực. Nó đòi hỏi hết thảy mọi người có liên quan, từ những người có cương vị phụ trách ở trung ương, địa phương và cơ sở đến những người lao động bình thường trong các ngành kinh tế quốc dân, phải nghiêm chỉnh thi hành các thể lệ, chế độ về kế hoạch hóa nền kinh tế quốc dân, về xây dựng và thực hiện hệ thống định mức kinh tế — kỹ thuật, về chế độ hợp đồng kinh tế, về cung ứng vật tư — kỹ thuật và năng lượng, về quản lý lao động, về tiêu chuẩn hóa sản phẩm và kiểm tra chất lượng sản phẩm, về quản lý tài chính, v.v. Nó đòi hỏi những người có liên quan và cả những công dân khác phải nghiêm chỉnh thi hành pháp luật về bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa, pháp luật về quản lý thị trường, quản lý tiền tệ, cùng các pháp luật khác.

Nền kinh tế xã hội chủ nghĩa của nước ta được quản lý theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Một mặt việc quản lý kinh tế dựa trên hệ thống các quy phạm pháp lý bảo đảm cho Nhà nước sử dụng và định đoạt được một cách tập trung các nguồn lực lượng lao động, tài nguyên thiên nhiên, hàng hóa, tiền tệ... Mặt khác, Nhà nước thi hành các chính sách khuyến khích phát huy mạnh mẽ tính chủ động sáng tạo của các địa phương và các cơ sở. Nhưng đề hướng mọi hoạt động chủ động sáng tạo ấy vào việc thực hiện các mục tiêu chung do Đảng đề ra, Nhà nước cũng đòi hỏi các địa phương, các cơ sở phải nghiêm chỉnh tuân theo những điều khoản pháp lý nhất định nhằm giữ vững kỷ luật chung của Nhà nước về chế độ giao nộp sản phẩm và trích nộp lợi nhuận, về chế độ hợp đồng kinh tế, chế độ quản lý ngoại hối, chế độ độc quyền Nhà nước về ngoại thương, v.v. Chúng ta ngày càng thấm thía câu nói nổi tiếng của Lê-nin vĩ đại vào buổi đầu của chính quyền Xô viết: « Pháp chế thì phải thống nhất; và mỗi nguy hại to lớn nhất trong đời sống của chúng ta, cũng như trong tình trạng kém văn hóa của chúng ta là ở chỗ chúng ta dùng từng quan diêm muốn thuở của nước Nga và những tập quán nửa man rợ muốn duy trì pháp chế của tỉnh Ca-lu-ga cho khác với pháp chế của tỉnh Ca-dan » (1).

Tình trạng, không hoàn thành kế hoạch, mất cân đối kéo dài giữa sản xuất và vật tư — kỹ thuật, giữa sản xuất và lao động, giữa thu và chi, giữa quỹ hàng hóa của xã hội và quỹ tiền tệ của dân cư, giữa xuất khẩu và nhập khẩu, giữa sản xuất và nhu cầu tiêu dùng, v.v. một phần là do việc quản lý kinh tế chưa dựa chắc vào pháp luật, nơi này nơi khác không thực hiện nghiêm chỉnh các quy phạm pháp lý kinh tế, các quy phạm pháp lý lao động, các quy phạm pháp lý hành chính, v.v. đã quy định trong các văn bản có liên quan của Nhà nước.

Việc quản lý xã hội và bảo vệ trật tự an ninh xã hội — một nhiệm vụ rất quan trọng của Nhà nước ta trong điều kiện vừa có hòa bình vừa phát đối phó với kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch, đồng thời phải chuẩn bị đối phó với tình huống có thể xảy ra chiến tranh lớn, cũng phải dựa chắc vào pháp luật. Các hiện tượng tiêu cực như ăn cắp tài sản xã hội chủ nghĩa, hối lộ, đầu

(1) V. I. Lê-nin: « Bàn về chế độ trực thuộc « song trùng » và pháp chế », Toàn tập, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, tập 45, tr. 232.

cơ, buôn lậu, làm hàng giả, kinh doanh trái phép, bắt đầu nảy sinh từ những vi phạm « nhỏ » cá biệt nhưng do không bị phát hiện và xử lý kịp thời, nghiêm minh theo đúng pháp luật, cho nên đã nhanh chóng lây lan và trở nên nghiêm trọng, đến mức phá rối trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa trên nhiều lĩnh vực kinh tế - xã hội và trong cuộc sống thường ngày.

Kẻ thù của chúng ta là bọn bành trướng, bá quyền Bắc-kinh câu kết với đế quốc Mỹ đang tiến hành chiến tranh phá hoại nhiều mặt chống nhân dân ta, sẵn sàng lợi dụng mọi kẽ hở trong trật tự pháp luật của xã hội ta, trước hết là những vi phạm pháp luật trong quản lý kinh tế, làm lý coi thường pháp luật, điều lệnh, chế độ, quy định ở một số người, để phao dòn tin nhảm, làm chiến tranh tâm lý, lôi kéo người trốn ra nước ngoài, vũ trang đánh phá các vùng biên giới, tung gián điệp, bệt kích vào nội địa ta, v.v. nhằm thực hiện các âm mưu nham hiểm lâu dài của chúng. Bật ngay các kẽ hở đó, củng cố trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội và quốc phòng là việc làm cấp bách để xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Trước mắt đó cũng chính là điều kiện không thể thiếu được để ổn định và nâng cao một bước đời sống của nhân dân.



Củng cố trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa không chỉ là công việc của Nhà nước, mà còn là công việc của mọi người và mỗi người. **Chỉ khi nào sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật trở thành nếp sống và phong cách làm việc của mỗi cá nhân, mỗi đơn vị trong xã hội thì khi đó mới có thể nói trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa đã thật sự được củng cố.**

Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật, từng cá nhân, đơn vị luôn luôn tôn trọng và nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật, quy chế và kỷ luật trong mọi hoạt động và hành động của mình, không vì những lợi ích riêng, cục bộ, nhất thời của cá nhân, hoặc bộ phận, địa phương mà tự cho phép mình bỏ qua hoặc thi hành tùy tiện các quy định chung của Nhà nước, của cấp trên. Ý thức rõ về quyền, lợi ích và nghĩa vụ của bản thân mình, đơn vị mình, cũng như về quyền, lợi ích và nghĩa vụ của người khác, đơn vị khác; tôn trọng những nguyên tắc của cuộc sống cộng đồng, của cuộc sống kinh tế và xã hội mà Nhà nước đề ra, tuyệt đối không xâm phạm lợi ích của Nhà nước, của tập thể, của người khác, đơn vị khác; nghiêm chỉnh thi hành chế độ trách nhiệm, chế độ kỷ luật, chế độ bảo vệ của công, chế độ phục vụ nhân dân...; nhắc nhở, thuyết phục người khác, đơn vị khác cũng nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật, quy chế và kỷ luật; nếu không thể nhắc nhở, thuyết phục được thì phát hiện và tố giác các việc vi phạm với cơ quan có thẩm quyền để xử lý, v.v. - đó đều là sự thể hiện nếp sống và phong cách làm việc theo Hiến pháp và pháp luật.

Nếp sống và phong cách làm việc ấy cần được thể hiện trong tất cả các khâu, ở mọi nơi và mọi lúc, trong cuộc sống và hành động của cá nhân hoặc của tập thể, trong gia đình, ngoài đường phố, ở nơi công cộng, ở các trường học, bệnh viện, cửa hàng, ở các hợp tác xã, các xí nghiệp, các cơ quan Đảng, Nhà nước và các tổ chức quần chúng.

Khi việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật trở thành nếp sống và phong cách làm việc thường ngày, trở thành thói quen, ý thức, giống như một « bản

chất tự nhiên thứ hai» của rất đông người trong xã hội thì đó chính là dấu hiệu nói lên trình độ văn hóa, tư tưởng, ý thức pháp chế của nhân dân ta, trình độ văn minh của xã hội ta đã được nâng cao một cách căn bản



Đề đạt lời trình độ ấy, phải kiên trì thực hiện nhiều biện pháp.

Một là, Nhà nước tăng cường quản lý xã hội theo pháp luật

Đề quản lý xã hội, Nhà nước kết hợp sử dụng các biện pháp hành chính, kinh tế, giáo dục, lễ chức, nhưng **hết thảy các biện pháp ấy đều phải dựa trên cơ sở pháp luật và được pháp luật bảo đảm.** Việc giáo dục, nâng cao ý thức trách nhiệm của công nhân viên chức chỉ đạt được kết quả cụ thể nếu đã có và thực hiện quy định pháp lý về nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của họ. Việc khuyến khích bằng lợi ích vật chất chỉ đưa đến nâng cao hiệu quả kinh tế của sản xuất, kinh doanh nếu thực hiện nghiêm chỉnh quy định pháp lý về nghĩa vụ của người lao động phải bảo đảm tiêu chuẩn chất lượng của sản phẩm, thực hiện đúng các định mức kinh tế - kỹ thuật..., nếu thực hiện nghiêm chỉnh quy định pháp lý về nghĩa vụ của xí nghiệp đối với Nhà nước về việc giao nộp sản phẩm và bảo đảm các khoản nộp ngân sách đã định.

Toàn bộ hoạt động quản lý Nhà nước trong tất cả các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội đều phải dựa trên cơ sở pháp luật. Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương tại Đại hội thứ V của Đảng đã vạch rõ: « **Đề tăng cường quản lý xã hội theo pháp luật, Nhà nước ta phải khẩn trương cụ thể hóa Hiến pháp mới bằng hệ thống pháp luật; chú trọng từng bước xây dựng hệ thống pháp luật kinh tế và các luật về an ninh xã hội** » (2). Bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung những quy định đã lỗi thời hoặc không còn phù hợp với cuộc sống; xây dựng thêm những pháp luật mới, sao cho hệ thống pháp luật hiện hành đáp ứng được những yêu cầu cơ bản của công tác quản lý Nhà nước và từng bước trở thành hoàn chỉnh hơn, là điều cần thiết.

Thi hành nghiêm chỉnh pháp luật là một vấn đề lớn, « **Nhà nước ta phải sử dụng đầy đủ cả quyền lực chính trị và quyền lực kinh tế để giữ vững kỷ cương xã hội, đấu tranh có hiệu quả chống các hành vi phạm pháp và các tệ nạn xã hội, khắc phục cho được tình hình không bình thường là nhiều luật và pháp lệnh đã ban hành không được thi hành nghiêm chỉnh, thậm chí không được thi hành.** Các cơ quan Nhà nước ở trung ương và địa phương cần có thái độ kiên quyết và biện pháp cứng rắn ngăn ngừa và loại trừ các hành động vi phạm quyền làm chủ tập thể của nhân dân, thẳng tay trấn áp bọn phản cách mạng; trừng trị bọn bóc lột không chịu cải tạo, bọn lưu manh, côn đồ, bọn đầu cơ, buôn lậu, tham ô; xử lý nghiêm minh những cán bộ, nhân viên lợi dụng chức quyền để làm trái pháp luật » (3). Các cơ quan quản lý Nhà nước phải đổi mới phong cách làm việc, cải tiến phương pháp hoạt động dựa trên cơ sở xây dựng và bảo đảm thực hiện các quy chế hoạt động và quản lý ở từng cấp và từng bộ phận, đòi hỏi mỗi bộ phận, mỗi người, bắt đầu từ thủ trưởng, « **phải làm việc đúng nguyên tắc, đúng quy chế, giữ kỷ luật rất nghiêm khi thi hành nhiệm vụ** » (4). Coi trọng lãnh đạo và kiểm toàn về chất lượng các cơ

(2), (3), (4) Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương tại Đại hội thứ V của Đảng. Tạp chí Công sản, số 4-1982, tr. 63.

quan bảo đảm pháp chế Nhà nước như viện kiểm sát, tòa án, tư pháp, trọng tài kinh tế, v.v. là biện pháp tổ chức rất quan trọng để bảo đảm tăng cường quản lý xã hội theo pháp luật.

Hai là, tích cực thực hiện mọi biện pháp nhằm nâng cao trình độ hiểu biết pháp luật và ý thức pháp chế của nhân dân.

Một mặt, phối hợp các lực lượng, các phương tiện truyền truyền, giáo dục để phổ biến và giải thích rộng rãi pháp luật trong các tầng lớp nhân dân. Dùng các hình thức thích hợp khác nhau, kể cả việc công bố, niêm yết kịp thời các quy định pháp luật có tính chất thời sự nóng hổi ở những nơi tập trung quần chúng, ở các cơ quan, xí nghiệp, khu dân cư, đường phố, bến xe, ở các cửa hàng, các chợ...

Mặt khác, thu hút quần chúng hoặc đại biểu quần chúng, đại biểu các đoàn thể nhân dân vào việc xây dựng và kiểm tra việc thực hiện các quy chế hoạt động và quản lý ở các cơ sở; đóng góp ý kiến vào các dự thảo văn bản, kể cả các dự án luật, pháp lệnh do cấp trên chuyển về cơ sở để trưng cầu ý kiến. Tích cực tạo điều kiện thành lập ở cơ sở các tổ chức thích hợp của nhân dân để giải quyết những việc vi phạm pháp luật và tranh chấp.

Những việc nói trên có tác dụng làm cho quần chúng trực tiếp tham gia xây dựng các quy tắc của cuộc sống cộng đồng, tham gia bảo đảm thi hành pháp luật và quy chế ở cơ sở, từ đó nâng cao một cách căn bản trình độ hiểu biết pháp luật và ý thức pháp chế của nhân dân.

Ba là, các cấp ủy Đảng, các cán bộ, đảng viên phải gương mẫu thi hành Hiến pháp và pháp luật, đi đầu trong cuộc đấu tranh tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa. Bác Hồ đã dạy « Đảng viên đi trước, làng nước theo sau ». Các cấp ủy Đảng, các cán bộ, đảng viên phải luôn luôn hành động theo Hiến pháp và pháp luật, tự mình không vi phạm, có thái độ tích cực ủng hộ những người nghiêm chỉnh thi hành pháp luật, bảo vệ những người trung thực tố giác các hành vi phạm pháp, lên án những người vi phạm, điều đó có tác dụng rất lớn cổ vũ mọi người thực hiện phong cách sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật.

TIẾN HÀNH TỐT ĐẠI HỘI ĐỢT HAI ĐẢNG BỘ CÁC CẤP

CÙNG với việc tiến hành đợt sinh hoạt chính trị về Nghị quyết Đại hội toàn quốc thứ V của Đảng, hiện nay các địa phương và cơ sở đang khẩn trương chuẩn bị và tiến hành Đại hội đợt hai đảng bộ các cấp.

Đại hội đợt hai đảng bộ các cấp có tầm quan trọng đặc biệt đối với việc tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội toàn quốc thứ V của Đảng. Đại hội các cấp vừa quyết định các chủ trương, biện pháp thi hành Nghị quyết Đại hội toàn quốc, vừa bầu Ban chấp hành mới của đảng bộ. Các cấp ủy địa phương và cơ sở có chuẩn bị thật tốt cả về nội dung báo cáo cũng như về cán bộ và tổ chức thì mới có thể bảo đảm cho Đại hội của mình đạt kết quả mong muốn.

Đại hội đảng bộ các cấp lần này tiến hành từ cơ sở lên, nhằm vào các yêu cầu sau đây :

— Phát huy dân chủ, tập trung được trí tuệ của cán bộ, đảng viên và quần chúng từ dưới lên để đề ra được nghị quyết sát đúng, thiết thực và cụ thể, vừa có tính tích cực cách mạng, vừa có căn cứ thực tế và vững chắc, thể hiện đúng tinh thần các nghị quyết của Đại hội toàn quốc thứ V.

— Theo đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, bầu ra được Ban chấp hành đảng bộ thật xứng đáng, hoàn toàn nhất trí với đường lối đối nội, đối ngoại của Đảng, có sức chiến đấu và phẩm chất cao, có năng lực lãnh đạo và tổ chức chỉ đạo thực hiện được nghị quyết của Đại hội đảng bộ, và thể hiện rõ tính kế thừa, tính liên tục trong việc xây dựng cơ quan lãnh đạo của Đảng.

— Trên cơ sở đó mà tăng cường đoàn kết thống nhất của đảng bộ, khắc phục tệ quan liêu, bảo thủ và các mặt tiêu cực, thúc đẩy mạnh mẽ việc kiện toàn cơ sở, đẩy mạnh khí thế cách mạng của phong trào quần chúng ở cơ sở quyết tâm thực hiện thắng lợi nghị quyết của Đại hội toàn quốc và của Đại hội đảng bộ.



Kinh nghiệm đã nhiều lần chỉ rõ, trong việc chuẩn bị Đại hội đảng bộ các cấp, điều quan trọng đầu tiên là chuẩn bị tốt báo cáo của cấp ủy trước Đại hội.

Hiện nay, việc chuẩn bị đó dựa trên cơ sở quán triệt sâu sắc các nghị quyết của Đại hội toàn quốc thứ V cùng với các nghị quyết của Ban chấp hành trung ương và của Bộ chính trị sau Đại hội. Các cấp ủy và tổ chức Đảng cần nghiên cứu để tổ chức thực hiện tốt các nghị quyết đó, tập trung sức giải quyết thiết thực, cụ thể những công tác cấp bách trước mắt.

Mặt khác, các cấp ủy cần kiểm điểm kỹ việc chấp hành nghị quyết của Đại hội toàn quốc thứ IV của Đảng và nghị quyết của Đại hội đảng bộ kỳ trước. Có đề cao tinh thần tự phê bình và phê bình, làm tốt việc kiểm điểm công tác, đánh giá đúng tình hình thực tế các mặt của địa phương, đơn vị, chỉ ra những ưu điểm, khuyết điểm trong công tác lãnh đạo và chỉ đạo thực hiện của cấp ủy, mới có cơ sở để thi hành các nghị quyết của Đại hội toàn quốc một cách đúng đắn nhất và mới tạo được sự nhất trí cao trong Đại hội cũng như trong đảng bộ về các chủ trương, biện pháp công tác.

Hiện nay, trong Đảng và ngoài xã hội, bên cạnh những mặt tích cực và những nhân tố mới, có những mặt trì trệ, những hiện tượng tiêu cực kéo dài, thậm chí phát triển, ảnh hưởng xấu đến nhiều mặt công tác, đến mối quan hệ giữa Đảng với quần chúng. Cần phân tích sâu sắc các mặt tiêu cực ấy, không né tránh, tìm ra nguyên nhân mà trước hết là từ trong cấp ủy Đảng và cán bộ chủ chốt của Đảng để kiên quyết sửa chữa. Tránh lối làm báo cáo một cách dễ dãi, chung chung, gần như sao chép các phần trong văn kiện của Đại hội toàn quốc, không đi sâu kiểm điểm công tác, không rút ra được bài học kinh nghiệm gì bổ ích cho việc nâng cao chất lượng lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện.

Đối với việc thực hiện các nhiệm vụ then chốt, một mặt chỉ rõ tinh thần của nghị quyết Đại hội V về mục tiêu, nhiệm vụ, chủ trương, biện pháp đối với từng nhiệm vụ; mặt khác, chỉ rõ đảng bộ phải làm gì và làm như thế nào để thực hiện nghị quyết của Đại hội toàn quốc, xác định rõ trách nhiệm và thời gian hoàn thành từng nhiệm vụ.

Nói chung, Đại hội đảng bộ các cấp cần thảo luận kỹ phương hướng, nhiệm vụ từ nay đến hết năm 1985, đồng thời chú ý cụ thể hóa một số mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ trong năm 1983 trên các lĩnh vực chủ yếu, để sau Đại hội có thể triển khai nhanh nghị quyết Đại hội, phát huy thế mạnh và mọi tiềm năng của địa phương, đơn vị.

Trong việc đề ra các chủ trương, mục tiêu, biện pháp phấn đấu, cần cần nhắc kỹ lưỡng sao cho những nghị quyết do Đại hội đảng bộ nêu ra sẽ dẫn tới những kết quả cụ thể, thiết thực đáp ứng những yêu cầu cấp bách nhất về sản xuất và đời sống, về quốc phòng và an ninh, về phong trào cách mạng của quần chúng, về công tác xây dựng Đảng, nhằm thực hiện tốt nhất hai nhiệm vụ chiến lược và bốn mục tiêu kinh tế - xã hội như đã nêu trong nghị quyết Đại hội toàn quốc. Đặc biệt cần tập trung sức đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp nhất là sản xuất lương thực và thực phẩm, nhằm tạo ra sự chuyển biến quan trọng ngay trong năm 1983 và những năm tiếp theo. Đồng thời đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu.

Trên cơ sở xác định các chủ trương, mục tiêu, biện pháp phấn đấu mà xác định hướng hoạt động của các ngành kinh tế, văn hóa, khoa học - kỹ thuật và thúc đẩy ba cuộc cách mạng nhằm đạt các mục tiêu ấy.

Hiện nay sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc đang đặt ra trước Đảng ta, nhân dân ta nhiều yêu cầu nặng nề và cấp bách. Bên cạnh những thuận lợi cơ bản, trước mắt chúng ta đang có những khó khăn gay gắt về kinh tế. Đại hội đảng bộ các cấp cần thể hiện rõ tinh thần tự lực tự cường, dám nghĩ dám làm với tinh thần sáng tạo và ý thức trách nhiệm cao nhất, quyết tâm tháo gỡ mọi khó khăn, mắc mứu để vươn lên. Một mặt, phát huy cho được trí tuệ của tập thể, bàn bạc thẳng thắn, dân chủ, tạo ra sự nhất trí cao trong việc đánh giá tình hình, tìm ra thế mạnh và khâu yếu của địa phương, đơn vị, phát huy mọi khả năng tiềm tàng về lao động, đất đai, ngành nghề và các cơ sở vật chất—kỹ thuật khác của địa phương, đơn vị. Mặt khác, thực hiện tốt các phương châm « trung ương, địa phương và cơ sở cùng làm », « Nhà nước và nhân dân cùng làm » nhằm phát huy cho được mọi khả năng của địa phương, của cơ sở và của quần chúng, góp phần tích cực vào việc thực hiện nghị quyết Đại hội toàn quốc của Đảng trên mọi lĩnh vực.

Kinh nghiệm cho thấy, trong việc xác định các mục tiêu kinh tế, cần tránh cả hai khuynh hướng: hoặc đề ra chỉ tiêu một cách chủ quan, không thực tế, không có khả năng thực hiện; hoặc thấy có khó khăn thì ngại ngán, chùng lại, đề ra chỉ tiêu quá thấp so với khả năng hiện thực. Cũng cần chú ý khắc phục những tư tưởng sai lầm như: thụ động, ỷ lại vào cấp trên, tu do vô kỷ luật, bản vị, cục bộ, địa phương chủ nghĩa.

Tại Đại hội đảng bộ tỉnh, thành phố, cùng với báo cáo chung còn có báo cáo về xây dựng Đảng của cấp ủy. Báo cáo về xây dựng Đảng cần tập trung vào một số vấn đề mấu chốt nhằm cụ thể hóa và có biện pháp cụ thể để tổ chức thực hiện nghị quyết của Đại hội toàn quốc về công tác xây dựng Đảng, nhất là về tư tưởng và phẩm chất của đội ngũ cán bộ, đảng viên, về công tác đào tạo, bố trí cán bộ theo quy hoạch và về xây dựng đội ngũ đảng viên, v.v.

Ở Đại hội đảng bộ các cấp từ tỉnh, huyện đến cơ sở, ngoài báo cáo chung đều có báo cáo tự phê bình của cấp ủy trước Đại hội. Báo cáo tự phê bình của cấp ủy cũng cần được chuẩn bị chu đáo, nhìn thẳng vào sự thật để đánh giá đúng hoạt động của cấp ủy, việc chấp hành các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt Đảng, như tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, tự phê bình và phê bình, liên hệ với quần chúng... Đồng thời tổng hợp ý kiến tự phê bình và phê bình những ưu điểm, khuyết điểm, về phẩm chất đạo đức, tác phong công tác của cấp ủy viên.



Việc kiện toàn các cấp ủy Đảng là một yêu cầu quan trọng cần được chuẩn bị thật chu đáo và tiến hành tốt tại Đại hội đảng bộ các cấp. Nhất là hiện nay sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc đang đòi hỏi Đảng ta phải nâng cao hơn nữa năng lực và hiệu quả lãnh đạo của các cấp ủy Đảng thì việc kiện toàn các cấp ủy càng có ý nghĩa quan trọng và cấp thiết. Những yêu cầu về kiện toàn ban chấp hành các cấp đã được nói rõ trong Báo cáo chính trị và Báo cáo về xây dựng Đảng tại Đại hội toàn quốc thứ V.

Trước hết, cần thật sự đổi mới nhận thức về việc đưa người vào ban chấp hành các cấp cũng như về cấu tạo của cấp ủy, khắc phục những thiên

hướng bảo thủ, cũ kỹ trong việc đánh giá cán bộ và xây dựng cơ cấu tổ chức của cấp ủy. Làm cho mọi người nhận rõ việc vào cấp ủy hoặc ra cấp ủy là điều bình thường trong công tác của Đảng xuất phát từ yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng, « không thể coi cấp ủy là nơi đề thăng quan, tiến chức, nơi đề có chính sách đãi ngộ thỏa đáng, nơi đề cấu tạo một cách hình thức có tính chất « liên hiệp » (1). Những người được bầu vào cấp ủy nhất thiết phải có đủ tiêu chuẩn:

- Nhất trí với đường lối của Đảng, cả về đối nội và đối ngoại.

- Trung thực, liêm khiết, chỉ công vô tư, không đặt lợi ích cá nhân, lợi ích của bộ phận, của địa phương lên trên lợi ích của tập thể, của Nhà nước, của toàn Đảng. Kiên quyết đấu tranh chống những hiện tượng tiêu cực trong Đảng và ngoài xã hội.

- Am hiểu công việc mình chịu trách nhiệm, có kiến thức cần thiết và kinh nghiệm thực tế đủ sức tổ chức thực hiện tốt nghị quyết của cấp ủy ở cương vị công tác mình phụ trách.

- Có khả năng đoàn kết được cán bộ, đảng viên chung quanh mình và thật sự có khả năng đóng góp vào sự lãnh đạo tập thể của ban chấp hành.

Là hạt nhân lãnh đạo của đảng bộ, các cấp ủy có vai trò hết sức quan trọng đối với việc tổ chức thực hiện mọi đường lối, chính sách của Đảng và chăm lo đời sống của nhân dân ở địa phương. Vì vậy, không thể để trong cấp ủy những người không nhất trí với đường lối đối nội, đối ngoại của Đảng, với nghị quyết của Đại hội toàn quốc, những phân tử cơ hội, những người không liêm khiết, không chấp hành hoặc không thuyết phục gia đình chấp hành các chính sách của Đảng và Nhà nước, những người nặng tư tưởng cá nhân, vô trách nhiệm, độc đoán chuyên quyền, tự do vô kỷ luật, chia rẽ, bè phái, v.v

Đối với các đồng chí đến tuổi nghỉ hưu hoặc sắp đến tuổi nghỉ hưu mà không còn sức khỏe để hoạt động trong suốt nhiệm kỳ, không đủ sức đảm đương công việc thì đề nghị hưu, đường sức hoặc vẫn tiếp tục công tác nhưng thời ở cấp ủy. Đối với các đồng chí ốm đau cần nghỉ dài hạn và các đồng chí đi học quá nửa nhiệm kỳ thì đề nghị chữa bệnh hoặc đi học.

Đại hội không những cần xem xét đề đưa ra khỏi cấp ủy những đồng chí có nhiều khuyết điểm về phẩm chất hoặc thật sự hạn chế về năng lực mà còn phải xem xét đề thay đổi cả những trường hợp tuy không có khuyết điểm gì lớn, nhưng trong nhiệm kỳ vừa qua ít phát huy tác dụng, đề chọn những đồng chí xứng đáng hơn vào thay.

Trên cơ sở nhận thức mới về phẩm chất và năng lực của cán bộ và yêu cầu lãnh đạo của cấp ủy mà phát hiện những cán bộ có năng lực trong phong trào từ dưới lên để lựa chọn người vào cấp ủy, khắc phục những quan niệm lệch lạc, không lấy hiệu quả công việc, không theo đường lối, quan điểm và yêu cầu của Đảng làm thước đo cuối cùng của phẩm chất và năng lực. « Cần mạnh dạn đưa thêm vào cấp ủy các đồng chí trẻ, cán bộ nữ, các đồng chí có trình độ quản lý kinh tế - kỹ thuật, có năng lực tổ chức thực hiện, nhạy cảm với cái mới, tiếp thu và chấp hành nghiêm chỉnh đường lối,

(1) « Báo cáo về xây dựng Đảng tại Đại hội thứ V của Đảng », *Tạp chí Cộng sản*, số 4.1982, tr. 43.

chính sách của Đảng và qua thực tiễn đã tỏ ra tuyệt đối trung thành với Đảng, với sự nghiệp cách mạng» (2).

Về cấu tạo, các cấp ủy Đảng cần có số lượng và thành phần hợp lý để bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện trên mọi lĩnh vực hoạt động. Thành phần cấp ủy cần kết hợp những cán bộ già dặn về chính trị với những cán bộ thông thạo về kinh tế, khoa học, kỹ thuật, có năng lực tổ chức và quản lý. Song các cấp ủy viên đều phải có đủ tiêu chuẩn về phẩm chất và năng lực; đồng thời chú ý hạ thấp tuổi đời bình quân của cấp ủy so với hiện nay. Hết sức coi trọng tăng thành phần công nhân vào các cấp ủy, đặc biệt là ở các thành phố, thị xã và có quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng công nhân để đưa vào các cấp ủy những khóa tới.

Trong khi chuẩn bị cán bộ cho cấp ủy khóa này, cần chú ý kết hợp với quy hoạch để chuẩn bị cán bộ cho cấp ủy các khóa sau.



Đề tạo được chuyển biến thật sự trong việc đề ra nhiệm vụ, mục tiêu, chủ trương, biện pháp mới và biến các nhiệm vụ, chủ trương ấy thành hành động thực tế, cũng như đề kiện toàn cấp ủy theo đúng yêu cầu về chất lượng, việc chuẩn bị và tổ chức Đại hội đảng bộ các cấp lần này cần được tiến hành thật sự dân chủ và có lãnh đạo chặt chẽ, kết hợp dân chủ từ dưới lên với chỉ đạo từ trên xuống. Phát động đảng viên và quần chúng từ cơ sở tham gia xây dựng kế hoạch Nhà nước đề tổng hợp từ dưới lên, giúp cho đề án của huyện ủy, tỉnh ủy, v.v. trình bày tại Đại hội có cơ sở vững chắc. Việc này kết hợp với thảo luận dự thảo báo cáo đề án của cấp ủy cấp trên đưa xuống để góp ý kiến với Đại hội cấp trên. Qua đó và qua phong trào cách mạng của quần chúng mà phát hiện những cán bộ tốt có đủ phẩm chất và năng lực để nghiên cứu và đưa những người xứng đáng vào cấp ủy.

Các tỉnh ủy, huyện ủy, chỉ đạo các ban, các ngành đi sâu vào thực tế để tổng kết công tác 5 năm qua, đề xuất ý kiến về công tác thuộc trách nhiệm của mình, góp phần xây dựng báo cáo của cấp ủy trước Đại hội và góp ý kiến với cấp ủy cấp dưới, với các đơn vị cơ sở trực thuộc. Đồng thời đưa tóm tắt báo cáo đề án của mình xuống cấp dưới và cơ sở, nêu ra những vấn đề quan trọng cần tập trung thảo luận đề đảng viên và các đại biểu cấp dưới góp ý kiến một cách thiết thực. Qua tổng hợp ý kiến của Đại hội đảng bộ cơ sở và cấp dưới mà bổ sung hoặc sửa lại báo cáo đề án trước khi tiến hành Đại hội cấp mình.

Đề tăng cường mối liên hệ giữa Đảng với quần chúng, phát huy vai trò làm chủ tập thể của quần chúng, Đại hội đảng bộ các cấp chú trọng nêu các vấn đề mẫu chốt thiết thực để quần chúng góp ý kiến. Ở các cơ sở, tổ chức cho công nhân, xã viên, cán bộ, đại biểu Hội đồng nhân dân là người ngoài Đảng góp ý kiến vào nội dung của Đại hội, phê bình sự lãnh đạo của đảng ủy, chỉ ủy, góp ý kiến vào việc kiện toàn cấp ủy. Ở các cấp tỉnh, thành, huyện, quận, tùy theo tình hình cụ thể mà tổ chức cho các ban chấp hành

(2) Tạp chí đã dẫn, tr. 42.

các đoàn thể, mặt trận, các nhân sĩ, trí thức, góp ý kiến vào nội dung của Đại hội.

Kinh nghiệm cho thấy việc chuẩn bị cán bộ cho Đại hội đảng bộ các cấp luôn luôn là vấn đề cần được xem xét rất thận trọng, chu đáo. Nên tổ chức lấy ý kiến của những cán bộ chủ chốt chung quanh cấp ủy và của cấp ủy cấp dưới về vấn đề kiện toàn cấp ủy một cách cụ thể, qua đó mà cần nhắc thật kỹ lưỡng, tránh chủ quan, phiến diện. Một mặt, chuẩn bị tốt cán bộ cho việc bầu cử ban chấp hành cấp mình; mặt khác, quan tâm chỉ đạo cấp ủy dưới, nhất là đối với những trường hợp khó giải quyết trong việc đưa vào hoặc đưa ra khỏi cấp ủy, nhằm bảo đảm đúng yêu cầu của Đảng. Mỗi cấp ủy, trên cơ sở tổng hợp ý kiến tự phê bình và phê bình tập thể cấp ủy mà tiến hành tự phê bình và phê bình các đồng chí cấp ủy viên và chuẩn bị cán bộ cho ban chấp hành mới. Đại hội đảng bộ cơ sở và Đại hội đảng bộ huyện, quận cần xem xét lại tư cách các đại biểu đã được cử đi dự Đại hội đảng bộ cấp trên trước đây. Nơi nào thấy cần thiết, theo hướng dẫn cụ thể của tỉnh ủy, thành ủy thì bầu lại đoàn đại biểu hoặc bầu cử bổ sung đoàn đại biểu đi dự Đại hội đảng bộ cấp trên.

Các tỉnh ủy cùng với các huyện ủy cần chỉ đạo chặt chẽ các Đại hội đảng bộ cơ sở, bảo đảm cho Đại hội được tiến hành tốt ở khắp các cơ sở. Đặc biệt coi trọng việc kiện toàn các đảng ủy cơ sở, sao cho các đảng ủy thật sự gồm các đồng chí liêm khiết, dám làm và biết làm, đoàn kết được nội bộ, dân chủ với quần chúng, dám đấu tranh tự phê bình và phê bình, chống những hiện tượng tiêu cực, có quyết tâm tổ chức thực hiện thắng lợi mọi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Chúng ta cố gắng phấn đấu đề sau Đại hội đảng bộ các cơ sở lần này, kết hợp với đợt sinh hoạt chính trị về nghị quyết Đại hội toàn quốc thứ V và việc tổng kết công tác phát triển đảng viên ở cơ sở, Đảng ta sẽ được củng cố vững chắc thêm một bước từ cơ sở.

Việc chuẩn bị và tiến hành tốt Đại hội đảng bộ các cấp, cuối cùng phải thể hiện ở các kết quả cụ thể như: tạo được khí thế cách mạng sôi nổi trong cán bộ, đảng viên và quần chúng, phát động được phong trào cách mạng của quần chúng, tăng cường được sự đoàn kết nhất trí trong đảng bộ, kiện toàn được cấp ủy cùng với bộ máy chính quyền và các đoàn thể quần chúng vững mạnh, quyết tâm thực hiện thắng lợi nghị quyết Đại hội toàn quốc thứ V của Đảng và nghị quyết Đại hội đảng bộ.

Một số quan điểm cơ bản về đổi mới quản lý kinh tế

LÊ-THANH-NHỊ

VẤN đề đổi mới quản lý kinh tế được Đại hội thứ V của Đảng xác định là một chính sách lớn, một chủ trương lớn nhằm thực hiện những mục tiêu kinh tế - xã hội của những năm 80, một nhiệm vụ chủ yếu trong 5 năm 1981 - 1985. Một nhân tố có ý nghĩa quyết định đối với việc chuyển biến tình hình kinh tế của nước ta.

Vì sao phải đổi mới quản lý kinh tế và đổi mới như thế nào? Để giải đáp câu hỏi đó, bài này đề cập một số quan điểm cơ bản về đổi mới quản lý kinh tế theo tinh thần nghị quyết Đại hội thứ V của Đảng.

ĐỔI MỚI QUẢN LÝ KINH TẾ LÀ MỘT YÊU CẦU KHÁCH QUAN, BỨC THIẾT

Trên miền Bắc nước ta, hệ thống quản lý nền kinh tế quốc dân theo phương thức xã hội chủ nghĩa đã được xây dựng từng bước, gắn liền với quá trình cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Hệ thống quản lý kinh tế đó đã đóng góp tích cực vào sự nghiệp khôi phục, cải

tạo và phát triển kinh tế, đã thực hiện được yêu cầu chuyển hướng kinh tế trong những năm chiến tranh, phát huy được sức mạnh của nền kinh tế để góp phần giành thắng lợi cho cuộc kháng chiến cứu nước.

Sau khi đất nước được hoàn toàn giải phóng, hệ thống quản lý kinh tế đó được mở rộng trong cả nước, góp phần vào sự nghiệp thống nhất nước nhà về mặt Nhà nước.

Tuy có thời gian, có mặt nó có tác dụng tích cực, nhưng nhìn chung, hệ thống quản lý kinh tế của nước ta có những khuyết điểm, những mặt yếu nghiêm trọng và kéo dài. Khi cách mạng trong cả nước bước sang giai đoạn mới, với những biến động lớn về kinh tế, xã hội, công tác quản lý không chuyển kịp, về căn bản vẫn dựa trên cơ chế cũ. Những khuyết điểm vốn có từ trước, cùng với nhiều chính sách, chế độ quản lý lỗi thời, đem áp dụng trong cả nước, làm cho hệ thống quản lý kinh tế càng mang nhiều yếu tố tiêu cực, trì trệ.

Khuyết điểm lớn nhất, bao trùm nhất trong hệ thống quản lý kinh tế là cơ chế quản lý mang nặng tính

chất quan liêu, bao cấp, theo lối hành chính bản giấy, coi nhẹ quy luật kinh tế, biện pháp kinh tế và hiệu quả kinh tế, không gắn trách nhiệm, quyền hạn và lợi ích kinh tế với kết quả sản xuất, kinh doanh. Cơ chế đó thể hiện rõ nét ở cách kế hoạch hóa tập trung quan liêu, bao cấp, không thấu suốt nguyên tắc hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Một số chính sách kinh tế vi phạm các quy luật, không kết hợp đúng đắn ba lợi ích đã cản trở sản xuất, làm giảm nhiệt tình và sức sáng tạo của người lao động.

Đi đôi với cơ chế quản lý quan liêu, bao cấp là một hệ thống tổ chức sản xuất vừa có chỗ tập trung một cách hình thức, thoát ly điều kiện thực tế, vừa có tình trạng phân tán, chia cắt, gây nhiều trục trặc, vướng mắc giữa các khâu của quá trình tài sản xuất, giữa ngành và địa phương, giữa ngành, địa phương và cơ sở.

Cơ chế quản lý và hệ thống tổ chức sản xuất như vậy dẫn tới một bộ máy quản lý rất cồng kềnh, chồng chéo và kém hiệu lực, với một đội ngũ cán bộ quản lý không thông thạo hạch toán kinh doanh, nhiều người quen phong cách quản lý quan liêu, bao cấp, tùy tiện, thiếu trách nhiệm.

Những khuyết điểm, sai lầm về quản lý kinh tế là một nguyên nhân chủ quan đã gây ra hoặc làm trầm trọng thêm tình hình khó khăn gay gắt về kinh tế và đời sống, gây nhiều tác động tiêu cực về xã hội.

Vì sao có những khuyết điểm, sai lầm đó?

Trước hết, cần thấy rằng quản lý kinh tế là một vấn đề rất phức tạp, nhất là với đặc điểm tình hình nước ta. Chúng ta thiếu lý luận, kiến thức và kinh nghiệm về quản lý kinh tế, lại không có sẵn mô hình phù hợp với đặc điểm của nước ta để nghiên cứu, vận dụng kinh nghiệm. Qua thực tiễn, chúng ta càng hiểu rõ lời dạy của Lê-nin trong nhiều tác phẩm của

Người: việc quản lý nền kinh tế quốc dân còn phức tạp và khó khăn gấp bội so với việc giành chính quyền.

Mặt khác, hoàn cảnh chiến tranh làm cho một số nền nếp quản lý mới bắt đầu xây dựng bị buông lơi, việc tính toán hiệu quả kinh tế vốn đã kém lại càng bị xem nhẹ, đặc biệt là nó buộc chúng ta phải thực hiện chính sách cung cấp thời chiến, không theo đúng các quy luật kinh tế. Khi chiến tranh kết thúc, cơ chế quản lý vẫn tiếp tục duy trì một số chính sách, chế độ chỉ thích hợp với thời chiến.

Cơ chế quản lý quan liêu, bao cấp sở dĩ tồn tại được trong một nền kinh tế vốn làm chưa đủ ăn, là do trong nhiều năm chúng ta dựa được vào nguồn viện trợ to lớn từ bên ngoài. Nguồn viện trợ đó được rút từ trên xuống, làm chỗ dựa cho cách kế hoạch hóa và quản lý tập trung quan liêu, cho việc thực hiện chính sách bao cấp, vượt quá khả năng của nền kinh tế trong nước. Tình hình đó tạo nên một thói quen ỷ lại và thụ động rất nặng từ trên xuống dưới.

Về phần chủ quan, trách nhiệm chính của chúng ta là đã kéo dài quá lâu cơ chế quản lý quan liêu, bao cấp, mặc dù khuyết điểm này đã được phát hiện, phê phán ngay từ Hội nghị thứ 19 (năm 1971) của Ban chấp hành trung ương khóa III.

Tuy thấy từ lâu, nhưng chúng ta chưa vạch rõ các biểu hiện, chưa phân tích sâu sắc tác hại và nguyên nhân của cơ chế quản lý quan liêu, bao cấp. Chúng ta cũng chưa vạch ra được một cơ chế quản lý mới đúng đắn, năng động, chưa xác định được quan điểm kinh doanh xã hội chủ nghĩa một cách rõ ràng, chưa đi sâu vào các hình thức, biện pháp và bước đi bảo đảm cho việc vận dụng các quy luật, các nguyên tắc quản lý kinh tế xã hội chủ nghĩa sát hợp với đặc điểm của nước ta. Nói vắn tắt, cái phải chống thì chưa được phân tích kỹ:

cái cần xây cũng chưa được vạch ra cụ thể. Vì vậy, khó tạo nên chuyển biến, mặc dù vấn đề đã được đặt ra từ mười năm nay.

Mặt khác, bộ máy quản lý cùng với đội ngũ cán bộ đã được xây dựng và hoạt động theo cơ chế quan liêu, bao cấp từ nhiều năm nay. Cách nghĩ và làm việc theo nếp cũ đã thành thói quen mang tính bảo thủ, trì trệ rất nặng, ít nhạy bén với cái mới, không kịp thời ủng hộ cái đúng, không dứt khoát uốn nắn cái sai.

Mấy năm gần đây, đặc biệt là từ khi có nghị quyết Hội nghị thứ 6 của Ban chấp hành trung ương Đảng khóa IV (tháng 9-1979), trong cơ chế quản lý đã có một số cải tiến theo hướng kết hợp ba lợi ích kinh tế, khuyến khích người lao động hăng hái sản xuất và phát huy quyền chủ động của cơ sở và địa phương trong sản xuất, kinh doanh.

Những cải tiến đó đã đưa lại một số chuyển biến tích cực, đặc biệt là đối với sản xuất nông nghiệp và thu mua nông sản, đối với sản xuất thủ công nghiệp, tiểu công nghiệp và một phần đối với công nghiệp quốc doanh. Trong một số địa phương và ngành, đã xuất hiện những đơn vị sản xuất kinh doanh giỏi.

Tuy nhiên, bên cạnh đó cũng có một số hiện tượng tiêu cực nảy sinh hoặc phát triển thêm, nổi lên là xu hướng chạy theo lợi ích riêng (của cá nhân, đơn vị hoặc địa phương), coi nhẹ lợi ích của Nhà nước; có một số việc làm trái chính sách, chế độ quản lý chung, gây thiệt hại và khó khăn cho sự quản lý tập trung thống nhất đúng mức của trung ương.

Tình hình thực tế chỉ ra rằng:

- Những chuyển biến tích cực về kinh tế, những nhân tố mới xuất hiện trong thời gian qua đều gắn với việc đổi mới quản lý kinh tế. Vì vậy, muốn đưa nền kinh tế vượt qua khó

khăn, đi vào thế ổn định và phát triển, đạt hiệu quả và chất lượng, nhất thiết phải đổi mới quản lý kinh tế.

- Hiện nay cơ chế quản lý quan liêu, bao cấp đã bị lên án nhưng mới được sửa một bước ở một số khâu. Cái cũ chưa xóa hết, cái mới chưa hình thành một cách đồng bộ. Về một số quan điểm cơ bản và một số vấn đề cụ thể, có tình trạng thiếu nhất trí, sinh ra lộn xộn trong việc làm. Những kẻ làm ăn bất chính lợi dụng tình hình này để kiếm lợi, gây rối thêm. Tình hình thực tế đòi hỏi phải làm rõ các quan điểm cơ bản về đổi mới quản lý kinh tế; trên cơ sở đó, xác định bước đi và cách giải quyết những vấn đề cấp bách nhằm xóa bỏ cơ chế quản lý quan liêu, bao cấp và xây dựng cơ chế quản lý mới một cách đồng bộ, phù hợp với tình hình kinh tế đang mất cân đối nghiêm trọng và đang bị rối trong guồng máy quản lý.

PHƯƠNG HƯỚNG CHỦ YẾU VÀ QUAN ĐIỂM CƠ BẢN VỀ ĐỔI MỚI QUẢN LÝ KINH TẾ

Cùng với việc xác định phương hướng chiến lược kinh tế - xã hội trong những năm 80, phương hướng, nhiệm vụ và mục tiêu chủ yếu về phát triển kinh tế và xã hội trong 5 năm 1981-1985, Đại hội thứ V của Đảng đã vạch ra phương hướng, nội dung chủ yếu của việc đổi mới toàn bộ hệ thống quản lý kinh tế, bao gồm các mặt: xây dựng cơ chế quản lý mới, tổ chức lại sản xuất, chấn chỉnh bộ máy quản lý, cải tiến sự lãnh đạo và quản lý kinh tế của Đảng và Nhà nước

Để nắm vững và tổ chức thực hiện tốt nghị quyết của Đại hội Đảng về đổi mới quản lý kinh tế, chúng ta cần làm rõ mấy vấn đề về phương hướng và quan điểm sau đây:

I - XÁC ĐỊNH KHẨU CHỦ YẾU VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ CẤP BÁCH TRONG CÔNG TÁC QUẢN LÝ KINH TẾ

Quản lý kinh tế là một hệ thống, gắn bó chặt chẽ với chiến lược kinh tế, với việc bố trí cơ cấu kinh tế, và trước mắt là gắn chặt với việc sắp xếp lại kinh tế.

Hệ thống quản lý kinh tế bao gồm nhiều khâu có quan hệ tác động lẫn nhau rất chặt chẽ. Vì vậy, phải đổi mới quản lý kinh tế theo quan điểm hệ thống, đồng bộ. Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa là các khâu trong hệ thống quản lý có vai trò ngang nhau. Đối với một đơn vị cơ sở, một địa phương hoặc một ngành, trong từng thời gian nhất định, khâu chủ yếu có thể khác nhau. Song nhìn chung toàn bộ nền kinh tế quốc dân trong tình hình hiện nay *việc đổi mới cơ chế quản lý là khâu chủ yếu, có vai trò quyết định* đối với việc làm chuyển biến toàn bộ hệ thống quản lý, đưa nền kinh tế ra khỏi tình trạng trì trệ, và góp phần khắc phục các hiện tượng tiêu cực về kinh tế, xã hội.

Cơ chế quản lý, nói một cách vắn tắt, là hệ thống kế hoạch hóa và các chính sách, chế độ, thể lệ quản lý để điều hành guồng máy kinh tế, hướng mọi hoạt động kinh tế vào việc thực hiện những mục tiêu, nhiệm vụ chính trị - kinh tế đã xác định.

Trong bước đầu của thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội, cơ chế quản lý kinh tế phải thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, lấy kế hoạch Nhà nước làm trung tâm, gắn liền với hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa, sử dụng tốt các đòn bẩy kinh tế và quan hệ thị trường.

Dại hội thứ V của Đảng đã chỉ rõ: « Cơ chế quản lý mới mà chúng ta áp dụng phải mở rộng quyền chủ động cho cơ sở, địa phương và ngành, đồng thời bảo đảm cho trung ương nắm chắc những việc, những khâu

cần quản lý. Cơ chế quản lý mới lấy kế hoạch Nhà nước làm trung tâm, không ngừng nâng cao vị trí của kế hoạch, rất coi trọng các đòn bẩy kinh tế, vận dụng các quan hệ thị trường, chủ yếu là thị trường có tổ chức, kiên quyết chống xu hướng chạy theo thị trường tự do. Cơ chế quản lý mới khuyến khích sáng kiến và tài năng, đòi hỏi cao về kỷ luật và trách nhiệm, khắc phục các hiện tượng tiêu cực, thiết lập trật tự xã hội chủ nghĩa » (T. II, tr. 72 - 73) (*).

Chúng ta nhấn mạnh ý nghĩa quyết định của việc đổi mới cơ chế quản lý không có nghĩa là có thể tiến hành việc này một cách đơn độc, tách rời các khâu khác. Ví dụ: muốn đổi mới cơ chế quản lý đối với xí nghiệp quốc doanh và hợp tác xã, không thể bỏ qua việc tổ chức lại sản xuất cho phù hợp với phương hướng sản xuất, điều kiện sản xuất và với cơ chế quản lý mới.

Xuất phát từ quan điểm đó, Đại hội thứ V của Đảng đã đề ra những việc cấp bách về quản lý kinh tế phải tập trung làm cho được trong thời gian trước mắt, như sau:

« Đổi mới cách làm kế hoạch, thể hiện ngay trong việc xây dựng kế hoạch 5 năm (1981 - 1985) và kế hoạch năm 1983; giải quyết vấn đề phân cấp quản lý giữa trung ương và địa phương; hoàn thiện chủ trương khoán đến nhóm và người lao động trong nông nghiệp và chủ trương mở rộng quyền chủ động sản xuất, kinh doanh cho các cơ sở kinh tế quốc doanh; ban hành và thực hiện một số chính sách đòn bẩy mới, nhằm khuyến khích nông nghiệp, sản xuất hàng tiêu dùng và xuất khẩu; sắp xếp lại một bước các cơ sở sản xuất và công trình xây dựng cơ bản; đẩy mạnh cải tạo và

(*) Những câu trong ngoặc kép có ghi số tập, số trang là trích trong *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng cộng sản Việt Nam* - Nxb Sự thật, Hà-nội, 1982.

quản lý thị trường, giải quyết một bước vấn đề giá cả, tiền lương và điều tiết những thu nhập không hợp lý; cải tiến bộ máy Nhà nước, sửa đổi chế độ làm việc; phát động phong trào thi đua xã hội chủ nghĩa» (T. II, tr. 82 — 83).

Việc giải quyết những vấn đề cấp bách về quản lý nêu trên phải gắn với việc sắp xếp lại kinh tế và thực hiện những nhiệm vụ kinh tế trước mắt, làm cho mỗi bước đổi mới quản lý đưa lại một bước chuyển biến về kinh tế và đời sống.

II — MỘT SỐ QUAN ĐIỂM CƠ BẢN VỀ ĐỔI MỚI QUẢN LÝ KINH TẾ.

Việc quản lý một nền kinh tế đang ở bước đầu của thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội, "gồm nhiều thành phần, nhiều trình độ kỹ thuật, nhiều quy mô hoạt động, nhiều loại hình sản xuất, kinh doanh, và đang có nhiều mặt cần đổi gay gắt" (T. II, tr. 72) đòi hỏi phải vận dụng các quy luật và nguyên tắc quản lý kinh tế xã hội chủ nghĩa với những hình thức, bước đi sát với đặc điểm tình hình thực tế. Từ cách đặt vấn đề như vậy, chúng ta đổi mới quản lý kinh tế theo những quan điểm cơ bản dưới đây:

1. Quan điểm về **thống nhất lãnh đạo chính trị và kinh tế.**

Quan điểm này được Lê-nin đề ra, đòi hỏi chúng ta luôn luôn nắm vững mục đích cuối cùng của quản lý kinh tế là thực hiện thắng lợi đường lối của Đảng, những mục tiêu chiến lược về kinh tế — xã hội và những nhiệm vụ chính trị đã được xác định cho từng giai đoạn cách mạng, nhằm xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

Theo quan điểm đó, việc đổi mới quản lý kinh tế ở nước ta phải quán triệt và phục vụ tốt yêu cầu công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa mà nội dung chính trong chặng đường trước mắt là: đưa nông nghiệp một bước

lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, kết hợp nông nghiệp, công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp nặng trong một cơ cấu cơ bản — nông nghiệp hợp lý; đồng thời phải bảo đảm giành thắng lợi cho chủ nghĩa xã hội trong cuộc đấu tranh giữa hai con đường, thiết lập trật tự xã hội chủ nghĩa, nhằm đạt hiệu quả và chất lượng, đưa nền kinh tế tiến lên và góp phần tích cực bảo vệ Tổ quốc.

Mọi chủ trương về đổi mới quản lý kinh tế đều phải xuất phát từ lập trường của giai cấp công nhân, hướng vào mục tiêu bảo đảm thắng lợi cho chủ nghĩa xã hội, khắc phục khuynh hướng chỉ nhìn lợi ích cục bộ, trước mắt theo quan điểm kinh tế đơn thuần, đi chệch khỏi con đường xã hội chủ nghĩa.

2. Quan điểm về **cơ chế Đảng lãnh đạo, nhân dân lao động làm chủ tập thể, Nhà nước quản lý.**

Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ. Nhà nước quản lý là một nguyên tắc cơ bản đã được thể chế hóa trong Hiến pháp của nước ta, và là một cơ chế bao đảm sự thống nhất lãnh đạo chính trị và kinh tế, bảo đảm sự thực hiện các nguyên tắc quản lý kinh tế xã hội chủ nghĩa. Cụ thể hóa cơ chế đó trong lĩnh vực quản lý kinh tế là một yêu cầu quan trọng của việc đổi mới quản lý kinh tế.

Đại hội thứ V của Đảng đã chỉ rõ: "Sự lãnh đạo của Đảng phải được tăng cường một cách toàn diện, nhưng cần đặc biệt coi trọng lãnh đạo kinh tế; toàn Đảng đi sâu vào một trận kinh tế, cải tiến phong cách lãnh đạo kinh tế, nâng cao năng lực và hiệu quả lãnh đạo kinh tế" (T. I, tr. 160).

Chế độ làm chủ tập thể của nhân dân lao động vừa là một mục tiêu, vừa là động lực của công tác lãnh đạo và quản lý kinh tế. Để xây dựng và tăng cường chế độ làm chủ tập thể về kinh tế, phải kết hợp chặt chẽ trách nhiệm, quyền hạn và lợi ích làm chủ.

không ngừng nâng cao ý thức và năng lực làm chủ của nhân dân lao động. Những điều đó phải được thể hiện trong cơ chế quản lý mới và phải mau chóng được thể chế hóa, làm cho quần chúng thấy rõ trong thực tế họ là người chủ thật sự.

“Nhân dân lao động thực hiện quyền làm chủ tập thể của mình chủ yếu bằng Nhà nước dưới sự lãnh đạo của Đảng... Vấn đề mấu chốt hiện nay là chấn chỉnh tổ chức và cải tiến sự hoạt động của các cơ quan Nhà nước quản lý kinh tế gắn liền với xây dựng cơ cấu kinh tế mới và hệ thống quản lý mới” (T. I, tr. 111 – 112). Điều lệ của Đảng đã bổ sung rõ hơn về nhiệm vụ của các tổ chức Đảng ở các đơn vị sản xuất, kinh doanh và ở các bộ, các sở, nhằm phát huy đầy đủ chế độ thủ trưởng, góp phần khác phục tình trạng một số tổ chức Đảng bao biện công việc quản lý của cơ quan Nhà nước.

3. Quan điểm về hiệu quả kinh tế.

Mọi hoạt động kinh tế, từ nhỏ đến lớn, phải lấy hiệu quả kinh tế làm tiêu chuẩn để tính toán, quyết định và kiểm tra, đánh giá kết quả. Hiệu quả trực tiếp của các hoạt động kinh tế được xét trên nhiều mặt, nhưng đều xoay quanh hai yêu cầu chính là: đáp ứng nhu cầu của xã hội và có lãi (chi phí tiết kiệm nhất, sinh lợi nhiều nhất). Muốn thực hiện các yêu cầu đó, phải coi trọng cả giá trị sử dụng và giá trị, phải gắn kế hoạch với hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Mọi đơn vị kinh tế xã hội chủ nghĩa phải hoạt động theo phương hướng, yêu cầu của kế hoạch Nhà nước, làm ra sản phẩm với số lượng, chủng loại và chất lượng đáp ứng tốt nhất các nhu cầu của xã hội; đồng thời phải ra sức thực hành tiết kiệm, tăng năng suất lao động, hạ giá thành, đạt được mức thu nhập không những đủ bù đắp mọi chi phí sản xuất – kinh doanh mà còn có phần tích lũy

cho đơn vị mình và cho xã hội, góp phần cải thiện đời sống của người lao động. Các cơ quan quản lý ngành và địa phương cũng phải tính toán để so sánh đầu tư, chi phí với kết quả thu được.

Cơ chế quản lý bao cấp đã tạo ra một nếp làm ăn không cần tính toán và không chịu trách nhiệm về hiệu quả kinh tế mà nay chúng ta phải ra sức khắc phục. Mặt khác, khuynh hướng đơn thuần chạy theo lợi nhuận, thậm chí tìm cách tăng lợi nhuận bằng các biện pháp không chính đáng cũng cần phải phê phán và ngăn chặn, vì nó trái với quan điểm đúng đắn về hiệu quả kinh tế.

4. Quan điểm về tập trung dân chủ.

Giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa tập trung và dân chủ là một vấn đề quan trọng trong việc đổi mới quản lý kinh tế. Qua tổng kết thực tiễn, Đại hội thứ V của Đảng đã chỉ ra quan điểm giải quyết đúng đắn nhất là bao đảm cho các cấp quản lý *trung ương, địa phương và cơ sở* phát huy được *quyền làm chủ* trong cơ chế quản lý kinh tế, trước hết là làm chủ kế hoạch. Trong lĩnh vực quản lý kinh tế, *trung ương* cần nắm và làm tốt mấy việc chính:

– Xác định chiến lược kinh tế, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội, xây dựng cơ cấu kinh tế công – nông nghiệp trong cả nước; hướng dẫn, chỉ đạo việc xây dựng kế hoạch từ dưới lên, tổng hợp và cân đối kế hoạch của toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Trong kế hoạch chung đó, trung ương trực tiếp nắm và quyết định những cân đối chủ yếu đáp ứng nhu cầu của cả nước hoặc của nhiều ngành, nhiều địa phương.

– Quyết định các chính sách, chế độ quản lý áp dụng trong toàn bộ nền kinh tế quốc dân, hoặc đối với từng ngành, từng lĩnh vực trong cả nước.

– Trực tiếp quản lý các tổ chức liên hiệp sản xuất kinh doanh trong

phạm vi cả nước hoặc trên từng khu vực lớn và những cơ sở quốc doanh quan trọng, quy mô lớn, kỹ thuật hiện đại, làm ra sản phẩm phục vụ nhu cầu cả nước và sản phẩm xuất khẩu chủ lực, có nguồn thu ngân sách lớn.

Để bảo đảm sự lãnh đạo và quản lý tập trung thống nhất của trung ương, cần chú trọng xây dựng các ngành kinh tế — kỹ thuật, tăng cường trách nhiệm và quyền hạn của các bộ và các cơ quan có chức năng quản lý ngành trong cả nước, đặc biệt là về mặt chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành và liên ngành, xây dựng các chính sách, chế độ quản lý trong ngành, nâng cao trình độ khoa học — kỹ thuật của ngành, đào tạo cán bộ, công nhân.

Các đơn vị kinh tế cơ sở (xi nghiệp, xi nghiệp liên hợp, hợp tác xã...) phải thật sự có quyền tự chủ về tài chính, chủ động xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh của đơn vị mình, phù hợp với yêu cầu của kế hoạch Nhà nước. Cơ chế quản lý mới phải mở đường cho các đơn vị kinh tế cơ sở không bị bó khuôn trong phạm vi vật tư được Nhà nước cung ứng mà có thể tìm mọi biện pháp tận dụng năng lực sản xuất, tăng sản lượng đi đôi với tăng năng suất lao động, hạ giá thành, bảo đảm chất lượng sản phẩm.

Các cấp địa phương (tỉnh, huyện và đơn vị tương đương) phải được phân cấp rõ về trách nhiệm và quyền hạn để thực hiện tốt chức năng quản lý Nhà nước về kinh tế, xã hội trên địa bàn lãnh thổ và chức năng trực tiếp quản lý kinh tế địa phương. Cơ chế kế hoạch hóa và quản lý đối với địa phương phải được tiếp tục đổi mới theo hướng khuyến khích địa phương khai thác mọi tiềm năng phát triển kinh tế theo quỹ đạo của kế hoạch Nhà nước, thực hiện phương châm « trung ương và địa phương cùng làm, Nhà nước và nhân dân cùng làm », phát triển đúng đắn quan hệ kinh tế,

khoa học — kỹ thuật với các tổ chức có liên quan thuộc trung ương và với các địa phương khác, mở rộng xuất khẩu, nhập khẩu theo chính sách của Nhà nước. Trên cơ sở quy hoạch và kế hoạch của trung ương, tỉnh là địa bàn phát triển kinh tế toàn diện, phải phát huy thế mạnh của mình để bảo đảm cân đối các nhu cầu của nhân dân trong lãnh thổ mình phụ trách.

Huyện là địa bàn trọng yếu để thực hiện mấy nội dung chính của việc đưa nông nghiệp một bước lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, có trách nhiệm khai thác các tiềm năng và thế mạnh của mình để chủ động cân đối các nhu cầu của địa phương. Cơ chế mới về kế hoạch hóa và quản lý đối với cấp huyện phải bảo đảm yêu cầu đẩy mạnh việc xây dựng cơ cấu kinh tế huyện theo hướng kết hợp nông — công nghiệp (hoặc là lâm — nông — công nghiệp, hoặc là ngư — nông — công nghiệp, tùy theo tình hình cụ thể của các loại huyện khác nhau); thực hiện phương châm « Nhà nước, hợp tác xã và nhân dân cùng làm » để xây dựng kinh tế, tổ chức đời sống vật chất và văn hóa, xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện.

Tỉnh, huyện nào làm giỏi thì thu ngân sách địa phương càng lớn, quỹ hàng hóa càng nhiều, càng có điều kiện phát triển kinh tế địa phương và chăm lo tốt hơn đời sống của nhân dân, của công nhân, viên chức tại địa phương.

Tóm lại, nguyên tắc tập trung dân chủ trong quản lý đòi hỏi phải tập trung đúng mức đi đôi với mạnh dạn phân cấp một cách hợp lý. Chỉ nhấn mạnh một mặt, đem đối lập tập trung với dân chủ thì khó tránh khỏi sai sót, lệch lạc trong cơ chế quản lý.

5. Quan điểm về kế hoạch, hạch toán kinh tế, kinh doanh xã hội chủ nghĩa và sử dụng quan hệ thị trường.

Chúng ta khẳng định kế hoạch hóa là trung tâm của hệ thống quản lý.

ngay cả trong điều kiện nền kinh tế còn nhiều thành phần, trong đó kinh tế phi xã hội chủ nghĩa còn chiếm tỷ trọng lớn và trong tình hình kinh tế đang mất cân đối, không ổn định. Bởi vì chúng ta có những điều kiện cơ bản để quản lý nền kinh tế theo kế hoạch, và trong hoàn cảnh khó khăn gay gắt, chúng ta lại càng phải phát huy tính ưu việt của nền kinh tế kế hoạch hóa để sử dụng tốt nhất sức mạnh tổng hợp của nền kinh tế.

Muốn vậy, phải đổi mới kế hoạch hóa theo những yêu cầu chủ yếu dưới đây:

— “Bảo đảm cho các cấp quản lý trung ương, địa phương, cơ sở đều thực sự làm chủ kế hoạch, nghĩa là thực sự xây dựng, cân đối, bảo vệ và thực hiện kế hoạch của mình” (T. I, tr. 79), theo hướng đã nêu ở quan điểm về tập trung dân chủ. Đồng thời phải tăng cường các căn cứ khoa học trong việc xây dựng kế hoạch nhằm bảo đảm chất lượng và tính cân đối tích cực, vững chắc của kế hoạch.

— Kế hoạch phải thấu suốt nguyên tắc hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa, gắn với việc sử dụng đúng đắn quan hệ thị trường.

Đối với các đơn vị sản xuất, kinh doanh thì kế hoạch hóa theo chế độ hạch toán kinh tế gắn với kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Đối với các cơ quan quản lý ngành, quản lý địa phương, tuy không hạch toán kinh tế đầy đủ như các đơn vị cơ sở nhưng cũng phải thấu suốt quan điểm kinh doanh xã hội chủ nghĩa, sử dụng đúng đắn quan hệ thị trường. Phải mở rộng thị trường trong nước, phát triển các quan hệ kinh tế giữa các cơ sở và địa phương theo kế hoạch và bằng hợp đồng, không để các quan hệ hành chính, quan liêu lấn át và ràng buộc hoạt động kinh tế. Phải kinh doanh xuất, nhập một cách nhanh nhạy, đặc biệt là phải biết quay vòng linh hoạt, qua nhiều loại hàng, qua nhiều thị

trường để xuất được những thứ ta có thể xuất, và nhập cho được những thứ ta cần nhập” (*). Đó là tinh thần “biết buôn bán” như Lê-nin nói, mà chúng ta cần hiểu cho đúng. Nó hoàn toàn xa lạ với cách “buôn bán” chỉ có mua đi, bán lại, dựa vào chênh lệch giá để kiếm lời riêng, không có tác dụng thúc đẩy sản xuất và phục vụ đời sống của nhân dân.

Chúng ta dùng phương pháp kế hoạch hóa trực tiếp và sử dụng quan hệ thị trường có tổ chức để giải quyết các mặt cân đối chủ yếu trong nền kinh tế quốc dân, để điều hành hoạt động của kinh tế quốc doanh và một số mặt hoạt động chủ yếu của kinh tế tập thể. Đồng thời, chúng ta phải biết dùng các chính sách kinh tế, thông qua quan hệ thị trường (kể cả thị trường có tổ chức và thị trường tự do) để giải quyết một số quan hệ kinh tế cần thiết và để hướng dẫn các hoạt động kinh tế mà trong điều kiện hiện nay chưa thể hoặc không cần kế hoạch hóa một cách trực tiếp, nhưng cần có biện pháp quản lý và hướng dẫn thị trường tự do, tránh khuynh hướng chạy theo cơ chế thị trường, buông lỏng thị trường tự do.

6. Quan điểm về kết hợp đúng đắn ba lợi ích kinh tế.

Lợi ích kinh tế là một động lực rất quan trọng đối với mọi hoạt động kinh tế. Giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa các lợi ích kinh tế khác nhau là một vấn đề cốt lõi của các chính sách kinh tế và làm nhiệm vụ cho các đơn vị kinh tế. Đối với các thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa, ba lợi ích: lợi ích của toàn xã hội mà Nhà nước là người đại diện, lợi ích của tập thể và lợi ích cá nhân của người lao động đều là lợi ích chung của nhân dân lao động làm chủ tập thể cho nên có quan hệ hữu cơ và

(*) Phát biểu của đồng chí Tổng bí thư Lê-Duẩn tại Hội nghị thứ 10 (tháng 10-1981) của Ban chấp hành trung ương Đảng khóa IV)

thống nhất với nhau. Lợi ích của toàn xã hội có vai trò chủ đạo vì nó nhằm phát triển nền kinh tế quốc dân đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, và do đó, nó là cơ sở bảo đảm không ngừng nâng cao lợi ích tập thể và lợi ích cá nhân. Mặt khác, việc giải quyết đúng đắn lợi ích tập thể và lợi ích cá nhân của người lao động tác động rất nhanh, nhạy đến việc tăng năng suất lao động, phát triển sản xuất, bảo đảm cho việc đáp ứng lợi ích chung của toàn xã hội. Nếu như một trong ba lợi ích bị thiệt hại, thì hai lợi ích kia cũng không tránh khỏi bị tác động xấu.

Gần đây, một số chủ trương, chính sách mới ban hành nhằm đáp ứng tốt hơn lợi ích của cá nhân và của tập thể đã mau chóng đưa lại chuyển biến tích cực, đặc biệt là về nhiệt tình lao động của quần chúng. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện, lại nảy sinh khuynh hướng coi nhẹ, thậm chí gây thiệt hại cho lợi ích chung. Chúng ta cần tiếp tục cải tiến các chính sách kinh tế, đặc biệt là các chính sách đòn bẩy như giá, tiền lương, thuế, thu mua, tín dụng, phân phối lợi nhuận, v.v. để bảo đảm sự kết hợp đúng đắn giữa ba lợi ích, khắc phục những thiếu sót trong chính sách cụ thể và trong sự chỉ đạo thực hiện. Trong vấn đề này, ngoài thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa, chúng ta còn phải giải quyết mối quan hệ về lợi ích kinh tế đối với các thành phần kinh tế khác theo hướng: khuyến khích những hoạt động sản xuất, kinh doanh có lợi cho nền kinh tế và đời sống của nhân dân, bảo đảm lợi ích chính đáng của người sản xuất, điều chỉnh những thu nhập không hợp lý, nghiêm trị những hoạt động đầu cơ, buôn lậu, làm hàng giả, kinh doanh trái phép.

7 Quan điểm về kết hợp ba loại biện pháp: kinh tế, hành chính và giáo dục.

Nhà nước chuyên chính vô sản quản lý nền kinh tế bằng cả ba loại biện pháp, trong đó biện pháp kinh tế là gốc.

Các biện pháp kinh tế tạo điều kiện và kích thích mọi tổ chức kinh tế, mọi người lao động tích cực phấn đấu đạt hiệu quả kinh tế tốt nhất theo phương hướng của kế hoạch Nhà nước. Hoạt động kinh tế phải năng động, sáng tạo thì mới đưa lại hiệu quả tốt. Vì thế, các biện pháp kinh tế, với chức năng chủ yếu là kích thích tinh năng động, sáng tạo ấy, phải được coi là biện pháp cơ bản để quản lý các hoạt động kinh tế.

Các biện pháp hành chính dựa vào pháp luật và uy lực của Nhà nước để kiểm kê, kiểm soát mọi hoạt động kinh tế, giao nhiệm vụ và ngăn ngừa, xử lý những hoạt động có hại. Chúng ta phê phán biện pháp hành chính quan liêu, nhưng không phủ nhận các biện pháp hành chính vì nó rất quan trọng và cần được tăng cường, xây dựng thành thể chế, luật pháp.

Các biện pháp giáo dục chính trị, tư tưởng không tách rời các biện pháp kinh tế, hành chính; bản thân các biện pháp kinh tế, hành chính đúng đắn cũng có tác dụng giáo dục. Khi chúng ta chú ý tới lợi ích kinh tế và khuyến khích về vật chất thì lại càng phải quan tâm làm công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho tốt, có hiệu quả thiết thực.

Hiện nay, trong hoạt động thực tiễn, cả ba loại biện pháp đều chưa được sử dụng đúng mức; có tình trạng thiên về biện pháp này hay biện pháp khác, chưa kết hợp tốt cả ba loại biện pháp. Vì vậy, khắc phục các khuyết điểm này cũng là một mặt quan trọng để đổi mới cơ chế quản lý.

8. Quan điểm về sử dụng các thành phần kinh tế.

Văn kiện Đại hội thứ V của Đảng đã vạch rõ: "Trong một thời gian

nhất định, ở miền Bắc có ba thành phần kinh tế (quốc doanh, tập thể và cá thể), ở miền Nam còn năm thành phần kinh tế (quốc doanh, tập thể, công tư hợp doanh, cá thể và tư bản tư nhân).

Nhà nước phải không ngừng củng cố và tăng cường kinh tế quốc doanh, hết sức nâng đỡ, khuyến khích và tăng cường kinh tế tập thể. Bằng những chính sách và các hình thức tổ chức sản xuất thích hợp, Nhà nước tăng cường mối liên hệ chặt chẽ với các tổ chức kinh tế tập thể và cá thể, chú ý liên kết các thành phần kinh tế dưới sự lãnh đạo của kinh tế quốc doanh » (T. I, tr. 67). Đối với kinh tế gia đình của những người lao động thuộc khu vực Nhà nước và khu vực tập thể, ở thành thị và nông thôn, Nhà nước khuyến khích và tạo điều kiện phát triển đúng hướng thành một bộ phận của kinh tế xã hội chủ nghĩa: đó cũng là một biện pháp tích cực, góp phần giải quyết khó khăn về sản xuất và đời sống trong tình hình hiện nay.

Công nhận sự tồn tại trong một thời gian nhất định các thành phần kinh tế cá thể và tư bản tư nhân không có nghĩa là ngừng lại hoặc làm chậm việc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần đó. Ngược lại, chúng ta phải đẩy mạnh cải tạo bằng các hình thức thích hợp, luôn luôn kết hợp chặt chẽ cải tạo quan hệ sản xuất với tổ chức lại và phát triển sản xuất. Khi chưa hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa, đương nhiên còn tồn tại kinh tế cá thể và kinh tế tư bản chủ nghĩa trong một số ngành sản xuất. Trong một số ngành nghề tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, dịch vụ..., kinh tế cá thể còn tồn tại lâu dài. Vì vậy, chúng ta phải có chính sách đúng đắn để phát huy năng lực sản xuất của các thành phần kinh tế đó, khuyến khích

họ đưa vốn và kỹ thuật ra phục vụ quốc kế dân sinh, đồng thời ngăn ngừa, hạn chế mặt tiêu cực của họ, hạn chế sự phân hóa giai cấp theo khuynh hướng tư phát tư bản chủ nghĩa. Trong lĩnh vực thương nghiệp, phải xóa bỏ kinh doanh tư bản chủ nghĩa. Đối với những người buôn bán nhỏ, chúng ta lựa chọn sử dụng một bộ phận trong mạng lưới thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, sắp xếp họ lại trong một số ngành kinh doanh cần thiết và chuyển những người không cần thiết trong lưu thông sang sản xuất và các hoạt động dịch vụ.

Theo chính sách cơ bản nêu trên, phải vận dụng công cụ kế hoạch hóa và các chính sách, biện pháp quản lý cụ thể cho phù hợp với tính chất, đặc điểm của từng thành phần trong từng ngành kinh tế, vừa nhằm phát triển sản xuất, cải thiện đời sống, vừa bảo đảm giành thắng lợi cho chủ nghĩa xã hội trong cuộc đấu tranh giữa hai con đường.



Đổi mới quản lý kinh tế là việc lớn, phức tạp. Chúng ta đã bắt đầu tiến hành một bước, đạt được một số chuyển biến tích cực, nhưng cũng có những vấp vấp, lệch lạc. Nay chúng ta đã có nghị quyết Đại hội thứ V của Đảng vạch rõ phương hướng, nội dung chủ yếu về đổi mới quản lý kinh tế. Đó là cơ sở đề thống nhất nhận thức trong toàn Đảng, từ trên xuống dưới, trước hết là về những quan điểm cơ bản đã trình bày trên. Năm vững và vận dụng tổng hợp các quan điểm đó trong mối quan hệ chặt chẽ với nhau, chúng ta sẽ giải quyết đúng đắn các vấn đề cụ thể, cấp bách về quản lý kinh tế, từng bước biến nghị quyết của Đại hội Đảng thành thực tiễn sinh động trong hệ thống quản lý kinh tế và trong đời sống kinh tế, xã hội.

CUỘC ĐẤU TRANH GIỮA HAI CON ĐƯỜNG TRONG CHẶNG ĐƯỜNG ĐẦU TIÊN CỦA THỜI KỲ QUÁ ĐỘ

NGUYỄN-ANH-BẮC

TRONG thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, đặc biệt là Thời gian đầu, xã hội tồn tại xen kẽ "những thành phần, những bộ phận, những mầm mống của chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội" (1), cuộc đấu tranh giai cấp giữa giai cấp công nhân với giai cấp tư sản vẫn tiếp diễn. Nó biểu hiện thành cuộc đấu tranh «ai thắng ai» giữa con đường xã hội chủ nghĩa và con đường tư bản chủ nghĩa.

Đề đưa cuộc đấu tranh giai cấp này đến thắng lợi, đội tiên phong của giai cấp công nhân cần phải phân tích, đánh giá đúng đắn kết cấu kinh tế xã hội trong những chặng đường khác nhau của thời kỳ quá độ.

Từ khi cả nước cùng tiến lên chủ nghĩa xã hội, công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội càng được đẩy mạnh, các chính sách của Nhà nước nhằm sử dụng các hình thức kinh tế thích hợp để khai thác mọi tiềm năng ở từng đơn vị cơ sở và từng địa phương càng được triển khai, thì cuộc đấu tranh giữa giai cấp công nhân và giai cấp tư sản, giữa con đường xã hội chủ nghĩa và con đường tư bản chủ nghĩa càng diễn ra gay go phức

tạp. Trên một số lĩnh vực, nhất là trên mặt trận phân phối, lưu thông, tư tưởng, văn hóa, trận địa của chủ nghĩa xã hội có nơi có lúc bị lấn dần, các hiện tượng tiêu cực có chiều hướng tiếp tục phát triển.

Nghị quyết Đại hội thứ IV của Đảng đã chỉ rõ: Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta là một quá trình biến đổi cách mạng toàn diện, liên tục, sâu sắc và triệt để. Đó là quá trình xóa bỏ cái lạc hậu, phát huy cái tiến bộ, cải tạo cái cũ, xây dựng cái mới. Đó là quá trình đấu tranh gay go, phức tạp và lâu dài giữa giai cấp công nhân và giai cấp tư sản, giữa con đường xã hội chủ nghĩa và con đường tư bản chủ nghĩa.

Tình hình đang diễn ra trong đời sống kinh tế, xã hội nước ta hiện nay là biểu hiện cụ thể của cuộc đấu tranh giai cấp đó trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.



Một trong những đặc điểm riêng biệt của nước ta khi cả nước bước

(1) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, tập 43, tr. 248.

vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là: nền kinh tế cả nước phổ biến vẫn là sản xuất nhỏ, nhưng cơ cấu kinh tế xã hội ở hai miền thì lại rất khác nhau.

Ở miền Bắc, quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa dưới hai hình thức quốc doanh và tập thể đã được xác lập trên toàn bộ nền kinh tế quốc dân, nhưng chưa được củng cố, hoàn thiện vì cơ sở vật chất kỹ thuật còn nghèo nàn lạc hậu. Trong hoàn cảnh chiến tranh trước đây, cơ chế quản lý kinh tế xã hội chủ nghĩa vừa mới bước đầu hình thành đã buộc phải thay thế bằng cơ chế quản lý quan liêu, bao cấp. Càng về những năm cuối của chiến tranh, tình trạng phân tán trong sản xuất và lưu thông càng tăng thêm. Tệ quan liêu và những hiện tượng tiêu cực bắt đầu bộc lộ. Cuộc đấu tranh giữa hai con đường đặt ra những đòi hỏi cấp bách về cả hai mặt: củng cố, hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, cơ chế quản lý kinh tế xã hội chủ nghĩa và xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội.

Ở miền Nam, trước ngày giải phóng tồn tại một nền kinh tế thuộc địa kiểu mới, bị lệ thuộc nặng nề vào nước ngoài và phục vụ trực tiếp cho cuộc chiến tranh thực dân mới của Mỹ.

Bảng viện trợ thương mại hóa, chủ nghĩa thực dân mới đã trùm lên nền kinh tế miền Nam một kiểu quan hệ hàng hóa chịu sự chi phối của tư sản mại bản. Kinh tế tư bản chủ nghĩa bước đầu phát triển. Song, đó là sự phát triển của các ngành thương nghiệp, dịch vụ, với một đội quân đông đảo những người buôn bán nhỏ. Một số ngành công nghiệp mới ra đời cũng chỉ là những ngành gia công lắp ráp dựa vào nguyên liệu, thiết bị nước ngoài và phục vụ tại chỗ bộ máy chiến tranh của Mỹ. Kẻ nắm quyền thống trị kinh tế miền Nam là bon tư sản mại bản quan liêu quân

phiệt, tư sản mại bản người Việt gốc Hoa. Bọn này giữ độc quyền tiêu thụ hàng viện trợ với một hệ thống cơ sở xuất nhập khẩu và ngân hàng dày đặc và một mạng lưới tiêu thụ hàng nhập khẩu, vơ vét nông sản. Chúng có mối liên hệ chặt chẽ với tư bản quốc tế, đặc biệt là tư bản Hoa kiều ở các nước Đông Nam Á.

Sau khi giải phóng miền Nam, công cuộc cải tạo kinh tế tư bản chủ nghĩa được tiến hành nhanh gọn đối với tư sản mại bản và phần lớn tư sản thương nghiệp và công nghiệp. Song, thực tiễn đã chứng minh, việc xóa bỏ kinh tế tư bản chủ nghĩa và giai cấp tư sản không đơn giản; giới làm, trong những năm đầu của cách mạng xã hội chủ nghĩa, ta chỉ có thể thực hiện được điều đó đối với bộ phận dễ thấy nhất của kinh tế tư bản chủ nghĩa. Một phần tiềm lực quan trọng khác của giai cấp tư sản vẫn tồn tại. Đó là tiền bạc, một phần tư liệu sản xuất, những mối liên hệ với sản xuất nhỏ, với tư bản nước ngoài, nghệ thuật quản lý kinh doanh, khả năng thích ứng mau lẹ với tình hình kinh tế — chính trị mới... Ở đây, sự phân biệt xã hội hóa hình thức với xã hội hóa thực tế là điều có ý nghĩa phương pháp luận quan trọng.

Những người thuộc thành phần kinh tế hàng hóa nhỏ chiếm đại bộ phận dân cư, trong đó đông đảo nhất vẫn là nông dân cá thể. Họ đã làm quen với lối sản xuất cho thị trường, có mối liên hệ chặt chẽ với thương nghiệp tư bản chủ nghĩa. Một lực lượng đông đảo khác nữa tập trung ở thị trấn, thành phố là những người buôn bán nhỏ, làm nghề thủ công và dịch vụ. Ngoài ra, còn phải kể đến một tầng lớp người (ở cả miền Bắc và miền Nam) nhờ chiến tranh mà nắm được một số tiền bạc trong tay. Khi có thời cơ, họ sẵn sàng nhảy vào thị trường mua bán kiếm lợi. Lê-nin gọi kinh tế của tầng lớp tiểu tư sản này

là một «loại thành phần kinh tế tiêu biểu với tính cách là cơ sở của tệ đầu cơ và của chủ nghĩa tư bản tư nhân»(2).

Thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa với lực lượng và thế mạnh của cả nước đã nắm giữ những vị trí then chốt trong nền kinh tế quốc dân. Song, lực lượng hàng hóa của nó còn rất mỏng, chưa đủ sức thay thế khối lượng hàng viện trợ Mỹ để duy trì cơ cấu kinh tế được nuôi dưỡng bằng thứ viện trợ này, để thực hiện mối liên hệ kinh tế bình thường với nông dân, để tạo ra một cơ chế kinh tế mới.

Với lực lượng còn lại, với lối đầu cơ mua chuộc nhân viên Nhà nước đã đạt trình độ nghệ thuật dưới thời Mỹ nguy, giai cấp tư sản miền Nam (và cùng với nó là tầng lớp tiểu tư sản, có sẵn tiền trong tay) đã nhanh chóng bám lấy thị trường làm trận địa chủ yếu. Bằng đủ mọi cách: vét hàng từ kinh tế nông dân, từ kinh tế quốc doanh với mọi thủ đoạn móc ngoặc, ăn cắp, hủ hóa nhân viên Nhà nước, bọn chúng mở rộng hoạt động đầu cơ, dùng biện pháp giá cả đè lũng đoạn thị trường, phá hoại các chính sách kinh tế của Nhà nước xã hội chủ nghĩa.

Nông dân cá thể với tư cách là người lao động, có xu hướng đi theo sự lãnh đạo của Đảng. Nhưng với tư cách là người tư hữu, đã quen liên hệ với thị trường tư bản chủ nghĩa, họ sẵn sàng và dễ dàng vì lợi ích nhỏ hẹp của bản thân mà chạy theo tính tự phát tư bản chủ nghĩa, vi phạm chính sách, luật pháp kinh tế của Nhà nước ta.

Đất nước đã thống nhất, thì thị trường thống nhất của cả nước cũng hình thành. Trong lúc ở miền Bắc, chế độ quản lý, quản lý, bao cấp chưa được xóa bỏ, những hiện tượng tiêu cực trong kinh tế và xã hội chưa được khắc phục, thì lối làm ăn theo kiểu tư sản và tính tự phát tư bản chủ nghĩa

có cơ hội lan tràn nhanh chóng. Thị trường, lĩnh vực phân phối lưu thông trở thành trận địa đấu tranh quyết liệt giữa hai giai cấp: công nhân và tư sản, giữa hai con đường: xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa. Hàng hóa, tiền tệ, giá cả là lực lượng và là công cụ chủ yếu. Thực tiễn đã chỉ rõ: trong cuộc đấu tranh này bên nào nắm được những lực lượng và công cụ đó, thì bên kia không những bị thu hẹp phạm vi mà còn bị xóa mòn từ bên trong. Ở một số nơi, quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa bị suy yếu, một bộ phận công nhân viên chức sa ngã, lợi ích phường hội lấn át lợi ích xã hội, là dấu hiệu nói lên cuộc đấu tranh giữa hai con đường ở đó đang không có lợi cho chủ nghĩa xã hội. Đây là một vấn đề cần được xem xét và xử lý với tất cả tính nghiêm túc cần thiết để bảo đảm giành thắng lợi cho chủ nghĩa xã hội trong cuộc đấu tranh «ai thắng ai» giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản.

Một khi kinh tế tư bản chủ nghĩa, tính tự phát tư bản chủ nghĩa tìm được cơ hội trở dậy, thì lối sống cũ, những tàn dư văn hóa thực dân không thể không ngóc đầu dậy. Tâm lý chạy theo đồng tiền, lấy tiền để giải quyết mọi việc được giai cấp tư sản và tính tự phát tư bản chủ nghĩa ra sức cổ vũ. Trong tình hình hiện nay, nếu chỉ thấy mặt trận kinh tế mà buông lỏng mặt trận tư tưởng, văn hóa, nếu trong khi xử lý những vấn đề kinh tế mà không tính đến hậu quả kinh tế xã hội của những biện pháp kinh tế, thì khó động viên được nhiệt tình cách mạng của nhân dân lao động, chặn đứng và đẩy lùi sự phản kích của các lực lượng thù địch.

Hiện nay, bọn bành trướng bá quyền Trung-quốc câu kết với đế quốc Mỹ và các thế lực phản động khác đang hằng ngày hằng giờ tiến hành một

(2) V.I. Lê-nin: *Tư bản*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, tập 43, tr. 250.

kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt chống nhân dân ta. Riêng về kinh tế, chúng sử dụng nhiều lực lượng, nhiều thủ đoạn để phá ta. Chúng vừa thi hành chính sách cấm vận nhằm bao vây kinh tế của ta, vừa sử dụng bọn gian thương quốc tế câu kết với lực lượng tư sản trong nước tuồn hàng vào nước ta, vơ vét vàng, bạc, hàng hóa của ta, phá hoại sản xuất, phá hoại các vật tư, thiết bị quan trọng, phá hủy các kho tàng của ta, gây rối loạn thị trường, song song với việc gieo rắc lối sống sa đọa, tiến hành chiến tranh tâm lý. Cuộc đấu tranh giữa hai con đường ở nước ta hiện nay đang gắn liền với cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc. Trong mọi hoạt động của mình, chúng ta « phải thường xuyên cảnh giác đối với âm mưu và hành động chiến tranh của bọn phản động trong giới cầm quyền Bắc-kinh và các thế lực đế quốc hiếu chiến » (3). Đó là yêu cầu sống còn. Cần đặc biệt cảnh giác trước những âm mưu và hoạt động phá hoại kinh tế của kẻ thù. Chính trong bối cảnh đó, chúng ta cần kiên quyết ngăn chặn mọi hành động làm giảm sút độc quyền ngoại thương, vi phạm luật pháp kinh tế của Nhà nước ta.

Nét vẽ các mặt, chủ nghĩa xã hội của ta đã chiếm địa vị thống trị. Song, muốn phát huy thế mạnh đó, cần có một cơ chế quản lý kinh tế và một năng lực tổ chức quản lý có hiệu lực. Đây là một vấn đề mới mẻ, khó tránh khỏi vấp vấp, sai lầm. Lực lượng tư sản và các lực lượng phi xã hội chủ nghĩa đã lợi dụng sơ hở của ta để phân kích chống chủ nghĩa xã hội. Cuộc đấu tranh giữa hai con đường càng thêm gay gắt. Một bộ phận hàng hóa, tiền bạc đã tuột khỏi tay Nhà nước, thu nhập quốc dân bị phân phối bất công. Giai cấp tư sản miền Nam có chiều hướng phục hồi. Ở miền Bắc xuất hiện một số phần tử tư sản mới. Nông dân miền Nam có sự phân hóa. Đội quân dịch vụ, đặc biệt là những

hoạt động dịch vụ phục vụ cho kẻ có nhiều tiền phát triển nhanh chóng, các hiện tượng tiêu cực chưa ngăn chặn được. Tình hình trên đây chỉ ra rằng: trong chặng đường hiện nay, muốn thực hiện tốt đường lối của Đảng, muốn đạt đến những mục tiêu kinh tế xã hội tổng quát đã đề ra, chúng ta không thể không tiến hành một cách nghiêm túc cuộc đấu tranh giai cấp giữa giai cấp công nhân và giai cấp tư sản, giữa con đường xã hội chủ nghĩa và con đường tư bản chủ nghĩa.



Tình hình trước mắt đòi hỏi Đảng ta, nhân dân ta đây mạnh cuộc đấu tranh nhằm ngăn chặn, đẩy lùi, thanh toán các hiện tượng tiêu cực trong đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội. Đối với những hành động phá hoại kinh tế, gieo rắc nọc độc văn hóa đồi trụy, tiến hành chiến tranh tâm lý của kẻ địch, chúng ta phải kịp thời phát hiện và kiên quyết trấn áp. Bọn đầu cơ buôn lậu cần được trừng trị thật nghiêm khắc. Những hành động phi pháp của một số kẻ bóc lột mới cần được vạch trần và xử lý thật đích đáng; những cách làm ăn không chính đáng của những người sản xuất nhỏ và buôn bán nhỏ, thậm chí của cả một bộ phận nhân viên Nhà nước cũng cần được giáo dục và phê phán (và tới mức nào đó, đương nhiên cũng phải xét xử theo pháp luật). Những hành động kiên quyết trên đây nhằm duy trì trật tự kinh tế, kỷ cương xã hội là rất cần thiết. Có làm như thế, mới phát huy được những nhân tố tích cực, làm cho nhân dân lao động phấn khởi, tin tưởng, băng hái lao động sản xuất và tích cực tham gia đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực

(3) Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương tại Đại hội thứ V của Đảng, tập chí Cộng sản, số 4-1982, tr. 32, 33.

Trong cuộc đấu tranh giữa hai con đường, vai trò chủ đạo của kinh tế xã hội chủ nghĩa là vô cùng quan trọng. Kinh tế quốc doanh thuộc quyền sở hữu của toàn dân, phục vụ lợi ích toàn xã hội. Chính sách, luật pháp, cơ chế quản lý kinh tế phải bảo đảm cho nó thật sự là tấm gương về năng suất lao động, về chất lượng sản phẩm, về thi hành chính sách, luật pháp. Thành quả của nó phải phục vụ cho toàn xã hội và góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chống con đường tư bản chủ nghĩa và tính tự phát tư bản chủ nghĩa. Kinh tế tập thể phải tỏ rõ tính hơn hẳn so với kinh tế cá thể. Mọi hoạt động sử dụng năng lực và thành quả kinh tế của các đơn vị quốc doanh và tập thể một cách tùy tiện, vì lợi ích cục bộ, mọi sự liên kết kinh tế vô nguyên tắc để thu lợi cho đơn vị mình, chỉ tạo thêm cơ hội cho những hoạt động đầu cơ, cho lực lượng tư sản hoành hành, gây nên hậu quả tâm lý xã hội rất xấu cho chủ nghĩa xã hội.

Các thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa sẽ dĩ tồn tại và hoạt động được là do chúng còn có tác dụng nhất định đối với sản xuất và đời sống, người ta không thể dùng biện pháp hành chính thuần túy để xóa bỏ chúng một cách giản đơn. Chỉ có thể thông qua một hệ thống công tác tổ chức quản lý kinh tế của Nhà nước chuyên chính vô sản với những biện pháp kinh tế, hành chính và giáo dục sắc bén thì mới có thể đấu tranh hạn chế những mặt tiêu cực của các thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa và đưa chúng đi vào quỹ đạo của chủ nghĩa xã hội. Điều cần bản để thực hiện theo phương hướng trên là: "tổ chức việc kiểm kê và kiểm soát sự sản xuất và phân phối sản phẩm, việc kiểm kê và kiểm soát đó phải tiến hành một cách hết sức chặt chẽ"(4). Lê-nin coi đây là "một vấn đề trung tâm của cuộc đấu tranh chống giai cấp tư sản", là điểm

xuất phát để định ra các chính sách kinh tế tài chính theo quan điểm của giai cấp vô sản.

Công cụ chủ yếu để thực hiện sự kiểm soát của Nhà nước về sản xuất và phân phối sản phẩm trong toàn xã hội là cơ chế kế hoạch hóa.

Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của Nhà nước phải phản ánh được những yêu cầu khách quan của sự phát triển kinh tế xã hội căn cứ vào những điều kiện, khả năng kinh tế của từng đơn vị, địa phương và cả nước. Từ những cơ sở khách quan ấy, kế hoạch định ra những biện pháp chính sách để các thành phần kinh tế, các tổ chức kinh tế, các đơn vị kinh tế đi đúng phương hướng của kế hoạch và thực hiện tốt các chỉ tiêu (pháp lệnh hoặc hướng dẫn) của kế hoạch. Tính khoa học, tính cách mạng, tính chủ động và hiệu lực của kế hoạch là ở chỗ nó chỉ ra được phương hướng hoạt động của tất cả các tổ chức kinh tế vì những nguyên nhân kinh tế khách quan đi theo một chiều hướng thống nhất nhằm phục vụ cho chủ nghĩa xã hội.

Muốn phát huy tác dụng tích cực của các thành phần kinh tế khác nhau theo đúng kế hoạch của Nhà nước, thì lẽ đương nhiên là phải có những hình thức kinh tế thật phù hợp với trình độ của lực lượng sản xuất, cùng với những hình thức liên kết kinh tế đúng đắn. Lê-nin coi đây là những hình thức kinh tế quá độ, những nấc thang trung gian giữ vị trí đặc biệt quan trọng đối với các nước tiến lên chủ nghĩa xã hội từ một nền kinh tế phổ biến là sản xuất nhỏ. Đảng ta đã chỉ ra nhiều loại hình kinh tế quá độ, nhiều hình thức liên kết kinh tế trên từng địa bàn tỉnh, huyện, từng ngành kinh tế kỹ thuật. Đây là một việc làm rất phức tạp, không thể tùy tiện, đơn giản. Muốn làm tốt việc đó.

(4) V.I. Lê-nin: *Tuyên truyền*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1959, quyển II, phần I, tr. 405.

phải tính toán đến nhiều yếu tố kinh tế, kỹ thuật, trình độ quản lý, hiệu quả kinh tế xã hội, mối quan hệ giữa các lợi ích kinh tế khác nhau.

Trong một nền kinh tế còn nhiều thành phần kinh tế đang đấu tranh với nhau thì thị trường, quan hệ hàng hóa — tiền tệ có tác động rất quan trọng đến sản xuất và lưu thông. Nghệ thuật quản lý kinh tế của Nhà nước là dùng kế hoạch làm công cụ quản lý chủ yếu, đồng thời sử dụng tốt các đòn bẩy kinh tế, các phạm trù kinh tế hàng hóa và quan hệ thị trường để tác động tích cực đến các thành phần kinh tế. Năng lực và hiệu lực quản lý của các ngành, các cấp trong bộ máy quản lý kinh tế nói chung, của các ngành phân phối lưu thông nói riêng là làm cho Nhà nước nắm được ngày càng nhiều hàng hóa để phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân. Theo Lê-nin, những hàng hóa này là quyền lực kinh tế bổ sung cho quyền lực chính trị, góp phần rất quan trọng củng cố Nhà nước chuyên chính vô sản.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng với sự tham gia tự giác của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, Nhà nước xã hội chủ nghĩa là người tổ chức cuộc đấu tranh giành thắng lợi cho chủ nghĩa xã hội. Các chính sách và luật pháp kinh tế của Nhà nước là những công cụ giữ vai trò rất quyết định trong cuộc đấu tranh trên lĩnh vực kinh tế. Thực tiễn các năm qua cho thấy rằng, tác động của các chính sách và luật pháp kinh tế đối với đời sống kinh tế rất nhanh, rất mạnh. Có những chính sách chỉ trong thời gian ngắn đã phát huy rõ tác dụng tích cực của mình. Cũng có những chính sách bị thực hiện sai lệch, nên bên cạnh mặt tích cực vẫn có mặt tiêu cực. Điều này chứng tỏ việc định ra và tổ chức thực hiện các chính sách kinh tế là cả một hệ thống công tác tổ chức cực kỳ tinh tế và

phức tạp. Những chính sách đó chỉ có hiệu lực một khi nó được vận dụng một cách đồng bộ, tạo thành một hệ thống, phản ánh được yêu cầu khách quan của quá trình tái sản xuất xã hội chủ nghĩa, phát huy được các hình thức kinh tế, đòn bẩy kinh tế, động cơ kinh tế, khơi ra nguồn tích cực, hạn chế, loại trừ mọi tiêu cực, đồng thời có những điều kiện hiện thực cụ thể để thực hiện.

Trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ, một điều rất quan trọng là phải biết sử dụng các hình thức kinh tế, các tổ chức kinh tế còn có tác dụng tích cực để phát triển sản xuất tạo ra lực lượng sản xuất mới, thúc đẩy mạnh mẽ công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trên cơ sở nắm vững quy luật về sự phù hợp giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, chúng ta cần hết sức coi trọng việc phát triển lực lượng sản xuất mới, tạo điều kiện củng cố hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa đã và đang xây dựng, tiến tới thu hẹp, thay thế các thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa bằng một hệ thống quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa thống nhất. Muốn vậy, phải luôn luôn nắm vững những nhiệm vụ kinh tế cơ bản của thời kỳ quá độ, những mục tiêu kinh tế xã hội tổng quát của chặng đường trước mắt, biết cách sử dụng khôn khéo tất cả các biện pháp kinh tế, hành chính và giáo dục.

Muốn Thực hiện thắng lợi những yêu cầu trên, như văn kiện Đại hội thứ V của Đảng đã chỉ rõ, «mọi người chúng ta phải vũ trang cho mình những tư tưởng lớn của đường lối chung và đường lối xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa do Đại hội IV vạch ra, được vận dụng và cụ thể hóa trong các chủ trương, chính sách về mọi mặt nêu lên ở Đại hội V

(Xem tiếp trang 57)

VỀ CUỘC ĐẤU TRANH TRÊN THỊ TRƯỜNG HIỆN NAY

LÊ - TÔNG

Ở các nước xã hội chủ nghĩa phát triển như Liên-xô và một số nước anh em khác, thị trường về cơ bản được điều tiết *theo kế hoạch*; bản chất của thị trường xã hội chủ nghĩa là một tổng thể các quan hệ kinh tế được hình thành một cách tự giác. Đó là sự lưu thông hàng hóa có tổ chức, có kế hoạch, thích ứng với khả năng sản xuất.

Ở nước ta, nền kinh tế còn ở trong tình trạng sản xuất nhỏ là chủ yếu, lại vừa trải qua một cuộc chiến tranh lâu dài, và hiện nay đang phải đối phó với những hành động phá hoại và âm mưu thôn tính của bọn bán trướng Bắc-kinh câu kết với đế quốc Mỹ, cho nên có nhiều mặt mắt cần đối nghiêm trọng, nền kinh tế ấy còn bao gồm nhiều thành phần kinh tế khác nhau. Do đó, việc kế hoạch hóa kinh tế quốc dân và hoạt động của quy luật phát triển kinh tế có kế hoạch bị nhiều hạn chế; *thị trường có tổ chức, có kế hoạch bị hạn chế*, trong lúc đó, *thị trường tự do còn hoạt động với một tỷ trọng tương đối lớn*.

Những năm gần đây, thị trường có tổ chức bộc lộ nhiều nhược điểm, tình trạng kinh doanh thiếu tổ chức, trùng chéo, giẫm chân lên nhau, tình trạng mua đi bán lại, tranh mua, tranh bán, đẩy giá thị trường lên cao diễn ra khá phổ biến. Nhiều tổ chức của Nhà nước không có chức năng kinh doanh thương nghiệp cũng kinh doanh thương nghiệp, làm cho thị trường thêm rối loạn. Trong khi đó, thị trường tự do phát triển quá mức, lần át cả thị trường có tổ chức, số người buôn bán tăng lên nhiều, phần lớn là không đăng ký kinh doanh và trốn thuế.

Trên thị trường tự do, ngoài những mặt hàng thông thường được lưu thông tự do, có những mặt hàng thuộc phạm vi Nhà nước thống nhất quản lý, như: máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên liệu quan trọng của Nhà nước và những mặt hàng nước ngoài « nhập lậu » hoặc được đưa vào dưới hình thức « quà biếu ». Hiện tượng mua bán trao tay, nạn đầu cơ, buôn lậu, làm hàng giả, buôn bán trái phép phát triển. Bọn đầu cơ, buôn lậu,

trốn thuế, trộm cắp tài sản xã hội chủ nghĩa, cùng với những cán bộ và nhân viên Nhà nước thoái hóa, biến chất đang tiếp tay cho bọn chúng, đã làm rối loạn thị trường, và làm cho pháp luật của Nhà nước bị vi phạm nghiêm trọng. Ở miền Nam, thị trường tự do lại phát triển quá bừa bãi với nhiều buôn lậu, tích trữ hàng hóa trái phép, kể cả bọn buôn lậu qua biên giới và ngoài biên, bọn thương nhân buôn chuyến đường dài, bọn tư sản chưa chịu sự cải tạo xã hội chủ nghĩa nhảy ra tranh mua với Nhà nước những mặt hàng nông sản, thực phẩm. Hoạt động bất chính của quá đông những kẻ buôn bán trốn thuế, lậu thuế đã làm lung lay thị trường, phá vỡ các chính sách của Đảng và Nhà nước, làm đảo lộn các quan hệ thu nhập của các tầng lớp nhân dân lao động. Bằng giá cả đầu cơ và trốn thuế, họ có mức thu nhập cao hơn nhiều so với các tầng lớp nhân dân lao động. Và trên thị trường hiện nay, bên cạnh những tư sản thương nghiệp cũ đang hoạt động trở lại, đã nổi lên một số tư sản thương nghiệp mới. Điều mà Lê-nin đã nói về nước Nga trước đây cũng rất đúng với nước ta hiện nay: «Bọn đầu cơ, bọn buôn bán gian lận, bọn phá hoại chế độ độc quyền quốc doanh, đó là kẻ thù chính «bên trong» của chúng ta, kẻ thù đối với những biện pháp kinh tế của chính quyền Xô viết» (1); «Chúng ta biết rằng hàng triệu chiếc vôi của con bạch tuộc tiểu tư sản ấy, đầy đó, vẩy bọc lấy một vài loại công nhân; rằng việc đầu cơ đã thay thế cho độc quyền kinh doanh của Nhà nước và đi sâu vào tất cả mọi khe kẽ của nền kinh tế xã hội chúng ta» (2).

Sở dĩ giá cả của nhiều loại hàng tăng vọt, vật giá bị đảo lộn trên thị trường chính là do nạn đầu cơ hoành hành và nạn đầu cơ hoành hành được chính là do trong thời gian qua chúng ta đã buông lỏng chuyên chính vô sản, buông lỏng chức năng quản lý thị

trường của Nhà nước; nhiều địa phương đã thả nổi thị trường cho thương nhân và còn để cho thương nhân kinh doanh xuất nhập khẩu, không xử lý kịp thời và nghiêm khắc đối với những việc làm vi phạm pháp luật Nhà nước. Trong lúc đó, nhiều chủ trương, chính sách kinh tế của Nhà nước chậm cụ thể hóa và thể chế hóa, dẫn đến sự tùy tiện, vô tổ chức trong khi thực hiện; đồng thời việc tổ chức quản lý của Nhà nước lại kém hiệu lực, do thiếu một cơ quan chịu trách nhiệm quản lý thống nhất các hoạt động kinh doanh trên thị trường, và thiếu những biện pháp có hiệu lực để trừng trị những hành động đầu cơ, buôn lậu.

Những khuyết điểm trên đây chứng tỏ rằng nhiều người trong chúng ta chưa nhận thức rõ thực chất cuộc đấu tranh để giải quyết vấn đề «ai thắng ai» trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. «Đó là nội dung cơ bản của cuộc đấu tranh giai cấp gay go, phức tạp, nhằm giải quyết vấn đề «ai thắng ai» giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản, giữa con đường xã hội chủ nghĩa và con đường tư bản chủ nghĩa. (3) Chúng ta biết rằng công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư bản tư doanh ở miền Nam đã thu được một số kết quả tích cực, nhưng có thể khẳng định rằng giai cấp tư sản miền Nam chưa bị đánh bại hẳn, chưa hề biến mất, trái lại nó còn có lực lượng, còn tiền và hàng, còn có mối quan hệ xã hội trong nước và ngoài nước, và do đó nó còn có địa bàn hoạt động. Hơn nữa trong lúc bọn phản động trong giới cầm quyền Bắc-kinh cầu kết với đế quốc Mỹ đang

(1) (2) V.I. Lê-nin: *Tuyên ngôn*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1959, quyển II, phần II, tr. 489.

(3) *Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1977, tr. 68.

tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt đối với nước ta, nhất là *phá hoại về kinh tế*, thì cuộc đấu tranh giữa hai con đường không thể không mang thêm tính chất đấu tranh giữa ta và địch.



Hiện nay, thị trường là nơi biểu hiện tập trung cuộc đấu tranh giai cấp, đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa trong chặng đường trước mắt của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Vì vậy chúng ta cần phải *nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành cuộc đấu tranh để quản lý thị trường*, coi đây là một trong những mục tiêu quan trọng của việc cải tiến công tác phân phối lưu thông, một trong những *biện pháp cấp bách* để thiết lập trật tự mới, xã hội chủ nghĩa trên mặt trận phân phối lưu thông, góp phần ổn định đời sống, đẩy mạnh sản xuất, chuyển biến tốt tình hình kinh tế xã hội của nước ta. Tăng cường quản lý thị trường chính là *xác lập quyền làm chủ của Nhà nước chuyên chính vô sản trên thị trường*, mở rộng thị trường xã hội chủ nghĩa, quản lý chặt chẽ thị trường tự do, *đặt toàn bộ thị trường xã hội dưới sự kiểm kê, kiểm soát của Nhà nước*, bảo đảm cho các hoạt động trên thị trường được tiến hành theo đúng pháp luật của Nhà nước, bảo đảm lãnh đạo và cải tạo thị trường tự do bằng các *biện pháp kinh tế, hành chính và giáo dục*, trong đó *biện pháp kinh tế là gốc*.

Chúng ta coi các biện pháp kinh tế là cơ sở để quản lý thị trường, nhưng nếu chỉ dựa vào biện pháp kinh tế mà không kết hợp với các biện pháp hành chính và giáo dục, thì cũng không quản lý được thị

trường. Nhất là trong tình hình thị trường của ta hiện nay đang bị thả nổi, tệ đầu cơ, buôn lậu, làm ăn trái phép đang lộng hành, nếu không áp dụng mạnh mẽ các biện pháp hành chính để nghiêm trị các tội vi phạm pháp luật, thì Nhà nước ta không thể quản lý nổi thị trường.

Để làm cơ sở cho cuộc đấu tranh này, Hội đồng Nhà nước vừa ban hành *Pháp lệnh trừng trị các tội đầu cơ, buôn lậu, làm hàng giả, kinh doanh trái phép*. Pháp lệnh này quy định: mọi hành vi đầu cơ, buôn lậu, làm hàng giả, kinh doanh trái phép đều phải được xử lý kịp thời và nghiêm minh; và tùy theo lỗi nặng nhẹ mà xử lý bằng phạt tù từ 6 tháng đến 5 năm, 10 năm, 15 năm, 20 năm hoặc chung thân, và đối với trường hợp đặc biệt nghiêm trọng có thể bị tử hình. Đi đôi với phạt tù, còn áp dụng hình thức phạt tiền, tịch thu tài sản, v.v., đồng thời còn áp dụng hình thức xử lý bằng biện pháp hành chính đối với những hành động vi phạm nhỏ chưa đến mức truy tố trước tòa án.

Thực hiện Pháp lệnh này, chúng ta cần tiến hành tốt việc tổ chức *dăng ký kinh doanh và thu thuế công thương nghiệp*, sử dụng thuế như một vũ khí sắc bén trong tay Nhà nước chuyên chính vô sản để hướng dẫn sản xuất công thương nghiệp (tập thể, cá thể và tư doanh) phát triển đúng hướng, ngăn chặn kịp thời những hoạt động tiêu cực trên thị trường.

Kiên quyết và khắt khe thực hiện các biện pháp thu thuế, đăng ký kinh doanh, cấm thương nhân kinh doanh những mặt hàng Nhà nước thống nhất quản lý, phát huy hiệu lực của các công cụ của Nhà nước như: thương nghiệp, thuế vụ, quản lý thị trường, công an, tòa án v.v., chúng ta mới sửa chữa được khuyết điểm hữu khuynh, khắc phục

được tình trạng lộn xộn trên thị trường.

Song, muốn giành được thắng lợi trên mặt trận kinh tế, chúng ta phải bình tĩnh, sáng suốt, chẳng những không hữu khuynh buông lỏng thị trường, mà cũng không đánh tràn lan, dẫn đến tình trạng « cấm chợ, ngăn sông », xóa bỏ thị trường tự do một cách máy móc, làm tác nghẽn lưu thông, chia cắt thị trường, tác động tiêu cực đến sản xuất và đời sống.

Điều quan trọng nhất có ý nghĩa quyết định nhất để giành thắng lợi trong cuộc đấu tranh này là phải củng cố và tăng cường thương nghiệp quốc doanh và thương nghiệp tập thể, làm cho nó trong sạch, lành mạnh, và biết kinh doanh, nhằm phát huy được tính hơn hẳn của thương nghiệp xã hội chủ nghĩa đối với thương nghiệp tư nhân, phát huy được vai trò quản lý thị trường của Nhà nước chuyên chính vô sản. Mọi quan điểm muốn hạn chế việc phát triển thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, vin cớ là nó kinh doanh kém, muốn cho thương nghiệp tư nhân « bung ra » một cách vô hạn độ, vin cớ là nó biết làm ăn, đều là sai lầm và có hại cho sự nghiệp xã hội chủ nghĩa. Về thực chất, đó là sự dễ dãi quá mức cơ chế thị trường, là hô hào « tự do thương mại », là thu hẹp sự quản lý của Nhà nước trên thị trường. Lê-nin đã nói: « Tự do thương mại tức là chủ nghĩa tư bản; chủ nghĩa tư bản tức là đầu cơ. Muốn nhắm mắt trước điều đó thì thật là lỗ bịch » (4).

Muốn tăng cường thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, Nhà nước cần không ngừng đẩy mạnh công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp và công thương nghiệp tư bản tư doanh. Trong thương nghiệp, Nhà nước chủ trương xóa bỏ tư sản thương nghiệp, không cho phép tư sản tham gia kinh doanh xuất nhập khẩu và kinh doanh thương nghiệp ở

thị trường trong nước. Đối với những người tư sản thương nghiệp đang hoạt động, Nhà nước hướng dẫn họ chuyển sang sản xuất, và có thể sử dụng một số người có khả năng nghiệp vụ để làm thuê cho thương nghiệp quốc doanh. Đối với số người buôn bán nhỏ, biện pháp tích cực là Nhà nước tìm cách chuyển dần những người thừa trong lưu thông sang các ngành sản xuất và dịch vụ.

Tiến hành tốt công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp và công thương nghiệp tư bản tư doanh và những người buôn bán nhỏ, thì sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển mạnh mẽ thương nghiệp quốc doanh và thương nghiệp tập thể trên các mặt: thu mua, bán buôn, bán lẻ và mở rộng kinh doanh bằng hai phương thức: kinh doanh trong kế hoạch theo giá chỉ đạo của Nhà nước và kinh doanh ngoài kế hoạch theo giá thỏa thuận và trên cả hai thị trường: thị trường có tổ chức và thị trường tự do.

Thương nghiệp xã hội chủ nghĩa cần vươn lên nắm chắc tất cả các nguồn hàng quan trọng, nhất là lương thực, thực phẩm, nguyên liệu nông sản và hàng tiêu dùng, kể cả nguồn hàng nhập khẩu qua các con đường của tư nhân, quản lý hàng hóa không để hư hao quá mức, bị ăn cắp và bị dịch phá, nắm chắc khâu bán buôn, chi phối khâu bán lẻ và dịch vụ. Nắm được hàng, thì sẽ làm chủ được thị trường, chống được đầu cơ, tích trữ hàng hóa, bình ổn được vật giá. Đây là chức năng quan trọng hàng đầu của ngành thương nghiệp xã hội chủ nghĩa.

Chúng ta cần sớm có chính sách quản lý lưu thông đối với những mặt hàng Nhà nước nắm độc quyền kinh

(4) V. I. Lê-nin: *Tuyên tập*. Nxb Sự thật. Hà-nội, 1959, quyển II, phần II, tr. 516.

doanh, đối với những mặt hàng Nhà nước, *thống nhất quản lý* trong cả nước, cũng như đối với những mặt hàng xuất nhập khẩu.

Để nắm phần lớn sản phẩm nông nghiệp thuộc diện Nhà nước thống nhất thu mua, Nhà nước thi hành chế độ thu thuế bằng hiện vật, thu mua theo hợp đồng hai chiều, và đối với sản phẩm còn lại, Nhà nước mua theo giá thỏa thuận.

Đối với hàng công nghiệp tiêu dùng, thương nghiệp quốc doanh cần bám sát sản xuất, quản lý chặt nguồn hàng, bảo đảm mua *toàn bộ* sản phẩm hàng hóa do các xí nghiệp quốc doanh làm ra. Theo "kết luận của Bộ chính trị về sửa đổi, bổ sung và tiếp tục thi hành quyết định 25/CP (tại hội nghị Bộ chính trị ngày 17 và 18-2-1982), thì « Những sản phẩm do xí nghiệp quốc doanh sản xuất, bất kể từ nguồn nguyên liệu nào, cũng đều thuộc quỹ hàng hóa của Nhà nước, xí nghiệp không được tự ý trao đổi, sử dụng ».

Vừa qua, Nhà nước ta đã quy định một số nguyên tắc về Nhà nước nắm *độc quyền ngoại thương và trung ương thống nhất quản lý công tác ngoại thương*. Trong quyết định của Hội đồng bộ trưởng về một số biện pháp phát triển hàng xuất khẩu và tăng cường công tác quản lý hàng xuất khẩu, ban hành ngày 10-7-1982, có ghi rõ: « Các cơ quan Nhà nước ở trung ương và địa phương phải nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của Nhà nước về quản lý thị trường và giá cả trong công tác thu mua hàng xuất khẩu. Nghiêm cấm tư thương cạnh tranh mua hàng xuất khẩu với các tổ chức quốc doanh. Nghiêm cấm các tổ chức quốc doanh nâng giá thu mua hoặc dùng các biện pháp khác để tránh mua hàng xuất khẩu với nhau. Cấm các tổ chức kinh doanh của tỉnh, thành phố này tổ chức việc mua hàng xuất khẩu ở tỉnh, thành phố khác, trừ trường hợp được Ủy ban

nhân dân tỉnh, thành phố sở tại cho phép »... « Cấm các hình thức buôn bán trái phép với nước ngoài. Không được thành lập tổ chức công tư hợp doanh để trực tiếp kinh doanh xuất nhập khẩu. Những nơi đã lập các công ty hỗn vốn với tư nhân để kinh doanh xuất nhập khẩu thì nay phải chuyển sang sản xuất, chế biến. Cấm tư nhân trực tiếp kinh doanh xuất nhập khẩu ».

Trên cơ sở nắm vững các chính sách và nguyên tắc Nhà nước quản lý thống nhất các nguồn hàng, quản lý thống nhất việc lưu thông phân phối hàng hóa trên thị trường, thương nghiệp quốc doanh và thương nghiệp tập thể cần sửa đổi nhanh chóng cách làm ăn, mạnh dạn sử dụng phương thức kinh doanh mới, *cải tiến tốt công tác quản lý kinh doanh của mình*.

Trước hết, cần sắp xếp lại trật tự trên thị trường có tổ chức, điều chỉnh hợp lý sự phân công kinh doanh thương nghiệp giữa các ngành, để không có sự chồng chéo, tranh chấp nhau về nguồn hàng; đồng thời, điều chỉnh hợp lý sự phân cấp quản lý thương nghiệp giữa trung ương và địa phương, giữa tỉnh, thành phố, đặc khu và huyện, quận, nhằm xóa bỏ tình trạng cắt khúc lưu thông hàng hóa theo cấp hành chính, khiến cho sự vận động hàng hóa phải qua nhiều khâu trung gian không cần thiết, làm tăng chi phí lưu thông, xóa bỏ tình trạng chia cắt thị trường ra từng mảnh, gây ách tắc lưu thông và làm hỗn loạn giá cả.

Mặt khác, thương nghiệp xã hội chủ nghĩa cần đẩy mạnh kinh doanh theo cơ chế mới, kinh doanh trên các lĩnh vực: thương nghiệp, ăn uống công cộng và dịch vụ, về tất cả mặt hàng mà xã hội có nhu cầu và sản xuất trong nước có thể đáp ứng; tổ chức tốt việc phân phối hàng hóa, đẩy mạnh bán ra, bảo đảm chính sách và chế độ cung cấp, mở rộng trao đổi hàng hóa giữa Nhà nước với nông dân

thông qua hợp đồng kinh tế hai chiều; cải tiến kinh doanh; mở rộng các hoạt động dịch vụ, qua đó mà phục vụ tốt nhu cầu tiêu dùng và lãnh đạo được thị trường bán lẻ và dịch vụ.

Các hợp tác xã mua bán và hợp tác xã liên thụ cần chấn chỉnh phương thức kinh doanh cho đúng hướng, tích cực khai thác nguồn hàng tại chỗ, làm đại lý mua bán cho thương nghiệp quốc doanh và kinh doanh những mặt hàng mà thương nghiệp quốc doanh không kinh doanh hay mới kinh doanh một phần để phục vụ nhân dân trong xã, trong phường, cùng với thương nghiệp quốc doanh đấu tranh chiếm lĩnh thị trường. Khuyến hướng đơn thuần chạy theo những mặt hàng có lãi nhiều, không kinh doanh những mặt hàng ít lãi nhưng thiết yếu đối với đời sống của nhân dân, và khuyến hướng chạy theo kinh doanh đường dài, không lấy xu, phường làm địa bàn hoạt động chính và không lấy nhân dân trong xã, trong phường làm đối tượng phục vụ chính, đều là những khuyến hướng sai lầm, trái với quan điểm kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Đi đôi với việc cải tiến công tác quản lý kinh doanh của thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, cần tăng cường quản lý giá cả theo nguyên tắc tập trung thống nhất.

Một tình hình khá nghiêm trọng hiện nay là *hệ thống giá bán lẻ chỉ đạo của Nhà nước không được thực hiện nghiêm chỉnh*. Khuyến hướng chạy theo giá thị trường tự do là khuyến hướng phổ biến. Nhiều đơn vị sản xuất hoặc kinh doanh thương nghiệp tự ý thay đổi giá Nhà nước hoặc tự ý đặt giá kinh doanh thương nghiệp, mà không xin ý kiến của cơ quan và cấp có thẩm quyền xét duyệt.

Bởi vậy, cần phải nhanh chóng khôi phục sự thống nhất quản lý giá cả của Nhà nước, nếu không thì không thể nào lập được trật tự mới, xã hội

chủ nghĩa trên lĩnh vực phân phối lưu thông. Kinh nghiệm thực tế đã chỉ rõ rằng nếu không có một *hệ thống giá cả hợp lý, ổn định, đủ là tương đối*, thì Nhà nước không có điều kiện để quản lý thị trường, quản lý nền kinh tế quốc dân một cách có kế hoạch. đương nhiên trong điều kiện kinh tế hiện nay, hệ thống giá cả của Nhà nước cần được chỉ đạo *linh hoạt theo nhiều loại giá*, và được chỉ đạo một cách có kế hoạch và thống nhất, có sự kiểm tra, kiểm soát của các cơ quan có trách nhiệm của Nhà nước.

Một yêu cầu cấp bách hiện nay là phải bảo đảm *tính ổn định của hệ thống giá chỉ đạo của Nhà nước*, nhằm phục vụ tốt việc *ổn định và sắp xếp kinh tế, cải thiện quản lý, tăng cường hạch toán kinh tế, quản lý và cải tạo thị trường* theo quỹ đạo của chủ nghĩa xã hội. Nhưng trong lúc thị trường đang rối loạn, một khối lượng lớn tiền mặt ở trong tay tư thương, nằm ngoài sự kiểm soát của Nhà nước, quan hệ giữa cung và cầu về hàng hóa càng thăng, thì việc Nhà nước thi hành *một cơ chế giá cả linh hoạt thông qua chính sách hai giá* là đúng đắn.

Trước mắt, cần tiếp tục chỉ đạo giá cả có phân biệt theo từng loại hàng và từng đối tượng tiêu dùng, *kết hợp chặt chẽ biện pháp giá cả với biện pháp phân phối bằng hiện vật và các biện pháp kiểm tra tài chính* để bảo đảm đời sống cho công nhân, viên chức, lực lượng vũ trang, học sinh, v.v. Đối với công nhân, viên chức, cần ổn định giá bán lẻ những mặt hàng thiết yếu cho đời sống của họ, đồng thời mở rộng diện mặt hàng cung cấp theo phương thức phân phối có kế hoạch với giá cả hợp lý, nhằm bảo đảm tiền lương thực tế của họ. Đi đôi với việc ổn định giá hàng tiêu dùng thiết yếu cho cán bộ, công nhân, viên chức, cần tiếp tục vận dụng *giá kinh doanh thương nghiệp một cách có hiệu quả, nhằm quản lý thị trường*.

điền liêt thu nhập và tăng nguồn thu cho ngân sách Nhà nước, tránh tình trạng bị động chạy theo giá cả thị trường tự do, không rút bớt hàng hóa từ quỹ hàng hóa bán cho công nhân, viên chức, nông dân, thợ thủ công để bán giá cao.

Việc vận dụng giá kinh doanh thương nghiệp chỉ có thể đạt kết quả tốt trong điều kiện *thương nghiệp quốc doanh và thương nghiệp lập thể thật sự mở rộng mạng lưới kinh doanh của mình và kinh doanh đúng hướng*, nhằm quản lý tốt thị trường và giá cả.

Trong tình hình hiện nay, cuộc đấu tranh để chiếm lĩnh thị trường đang diễn ra gay gắt, thương nghiệp xã hội chủ nghĩa phải lấn vào thị trường, đấu tranh thật sự với thương nhân. Chúng ta có sức mạnh của hệ thống chuyên chính vô sản, của lực lượng hàng hóa và tài chính, nếu chúng ta biết kinh doanh, thì thương nghiệp quốc doanh sẽ nắm được hàng hóa và loại trừ được thương nhân ra khỏi

những mặt hàng và địa bàn mà mình cần nắm và làm chủ được thị trường. Từ chỗ quen với lối làm ăn cũ "quan liêu bao cấp", nay chuyển sang kinh doanh theo phương thức mới, cần lo thương nghiệp cần thấy hết khó khăn và thuận lợi, phải biết kinh doanh, có năng lực quản lý, có trình độ nghiệp vụ, vừa nhạy bén với thị trường, linh hoạt trong công việc, vừa bảo đảm tính nguyên tắc trong chủ trương. Lê-nin đã từng nói: những người cộng sản "phải học tập buôn bán".

Cuối cùng, cần *giáo dục cho cán bộ và nhân dân hiểu rõ thực chất của cuộc đấu tranh giai cấp, đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa trên thị trường hiện nay*, cùng với Nhà nước tiến hành cuộc đấu tranh để quản lý thị trường, chống đầu cơ, buôn lậu... nhằm lập lại trật tự mới, xã hội chủ nghĩa trên mặt trận phân phối lưu thông, giành lại những cái mà Nhà nước, giai cấp công nhân và nhân dân lao động đã bị mất vào tay bọn đầu cơ, bóc lột, đem lại sự công bằng trong phân phối và đời sống.

KIẾN QUYẾT ĐIỀU CHỈNH LẠI RUỘNG ĐẤT Ở NÔNG THÔN NAM-BỘ

Từ ngày miền Nam được hoàn toàn giải phóng, chúng ta đã điều chỉnh ruộng đất và giao cho nông dân khoảng 300000 héc ta. Song đến nay, ở nông thôn Nam-bộ vẫn còn sự chênh lệch khá lớn về chiếm hữu ruộng đất và các tư liệu sản xuất khác giữa các hộ nông dân, do đó vẫn còn tình trạng bóc lột lao động làm thuê nông nghiệp dưới nhiều hình thức.

Tình trạng chênh lệch về ruộng đất, công cụ, máy móc trong các tầng lớp dân cư ở nông thôn Nam-bộ chứng tỏ rằng ở đây đã có sự phân hóa giai cấp rõ rệt và sâu sắc.

Tài liệu điều tra (tháng 11-1981) của Ban nông nghiệp trung ương ở 80 ấp thuộc 40 huyện của 13 tỉnh và thành phố ở Nam-bộ cho thấy: Những nông dân nghèo lao gồm các hộ loại I (không hoặc chỉ làm rất ít sản xuất nông nghiệp mà chủ yếu làm nghề linh tinh ở nông thôn), loại II (bần nông) và loại III (trung nông lớp dưới) chiếm 85% tổng số hộ, trên 81% lực lượng lao động ở nông thôn, nhưng chỉ chiếm 70% diện tích canh tác. Gần 97% số công lao động làm thuê (nông nghiệp) trong năm là của các hộ nông dân này. Mặt khác, vì không có máy móc nông nghiệp, cho nên các hộ này phải đi thuê máy của những gia đình nông dân giàu có với giá đắt. Do đó, các hộ nông dân này (nhất là các hộ nông dân loại II có

hiệu khó khăn nhất trong sản xuất và đời sống) phải phụ thuộc và chịu sự bóc lột của tầng lớp nông dân giàu có.

Những hộ nông dân loại IV (trung nông lớp trên) chiếm 12% số hộ, 23% ruộng đất, có ruộng đất bình quân tính theo đầu người 3623m², nhiều gấp 4 lần so với các hộ nông dân loại II (bần nông) và gần 2 lần so với các hộ nông dân loại III (trung nông lớp dưới). Họ có 38,5% lực lượng máy kéo, 28,1% máy động lực khác, 37,9% máy xay xát, 50,5% máy tuốt lúa và 38% máy ép mía làm đường. Họ làm không hết ruộng đất phải thuê thêm khoảng 25% số công lao động cần thiết để kinh doanh ruộng đất. Thành thạo họ cũng có đi làm cho người khác, số công lao động này bằng khoảng 3,6% số công lao động làm thuê trong năm. Họ có thu nhập bình quân đầu người nhiều gấp gần 6 lần so với các hộ bần nông và trên 2 lần so với các hộ trung nông lớp dưới. Nói chung các hộ trung nông lớp trên này đều vừa tự làm, vừa thuê người làm, họ bóc lột bằng nhiều cách, bằng cách kinh doanh ruộng đất, kinh doanh máy, buôn bán và cho vay nặng lãi.

Những hộ nông dân loại V (phú nông và tư sản nông thôn) chỉ chiếm 2,43% tổng số hộ, 11% lực lượng lao động, nhưng lại có bình quân đầu người 5688m² ruộng đất, gấp gần 9

lần so với hộ bán nông và trên 2,8 lần so với hộ trung nông lớp dưới. Họ chiếm 58,3% lực lượng máy kéo lớn, 50,2% số máy xay xát, 52% số máy ép mía làm đường và có 27% lực lượng vận tải bằng ô tô ở nông thôn... Họ có nhiều ruộng đất, lại có nhiều máy móc, chỉ tự làm được 37,5% số công lao động, còn phải thuê người làm trên 62,5% số công lao động cần thiết trong năm để kinh doanh ruộng đất và kinh doanh máy trong nông nghiệp. Họ có thu nhập bình quân đầu người cao nhất ở nông thôn (1), bằng 8 lần của bán nông và 6 lần của trung nông lớp dưới. Trong thu nhập của những hộ nông dân giàu này có 40% từ kinh doanh ruộng đất, 29,5% từ kinh doanh máy, 21,7% từ kinh doanh ngành nghề chế biến nông sản. Họ làm giàu bằng nhiều thủ đoạn bóc lột người lao động làm thuê trong kinh doanh ruộng đất, kinh doanh máy và bằng cho vay nặng lãi, mua non bán già, đầu cơ nông sản. Họ chạy theo lợi nhuận, cái gì có lợi nhiều thì tập trung kinh doanh đó. Chiều hướng kinh doanh hiện nay của họ là chuyển ruộng cấy lúa sang trồng mía, trồng cây ăn quả, cây công nghiệp có giá trị kinh tế cao, mở rộng kinh doanh máy xay xát, ép mía làm đường và vận tải thủy bộ.

Tình hình trên là một trở ngại rất lớn đối với cuộc vận động hợp tác hóa nông nghiệp ở nông thôn Nam-bộ. Đó cũng là một trong những nguyên nhân quan trọng khiến cho phong trào hợp tác hóa nông nghiệp ở đây phát triển rất chậm; đến nay chỉ một tổ chức được khoảng 9% nông hộ với 7% ruộng đất vào làm ăn tập thể trong các tập đoàn sản xuất!

Hiện nay ở nông thôn Nam-bộ (qua điều tra ở một số địa phương) tuy chỉ có 10% ruộng đất còn phải thuê mướn người làm, nhưng lại còn có gần 25% tổng số hộ nông dân (chuyên sống bằng nghề làm ruộng) đang thiếu

hoặc không có ruộng đất để sản xuất. Sự chênh lệch về ruộng đất ở nông thôn Nam-bộ không phải chỉ có ở một vài địa phương cá biệt, mà ở khắp nơi (giữa các tỉnh, các huyện trong tỉnh, các xã trong từng huyện và các ấp trong mỗi xã) đều có sự chênh lệch khá lớn giữa các hộ nông dân. Ngoài ra, ở một số nơi, còn có địa chủ sống bằng lối phát canh thu tô.

Trong điều kiện còn có sự chênh lệch khá lớn về ruộng đất trong các tầng lớp nông dân ở nông thôn, việc tổ chức nông dân vào các tổ chức văn công, đổi công (có tính chất mướm mống xã hội chủ nghĩa) nhất định sẽ dẫn đến hậu quả trái ngược với nguyên tắc cùng có lợi và tổ chức này sẽ không tránh khỏi tan rã. Vì rằng, lao động trong tổ chức văn công, đổi công đã mang tính chất xã hội hóa (tuy ở trình độ thấp), nhưng sản phẩm làm ra (thành quả của lao động tập thể) ở đây lại hoàn toàn thuộc về người có ruộng đất. Thủ lao lao động trong tổ văn công, đổi công được trả bằng giá ngày công ấn định (thường thấp hơn bên ngoài). Do đó, người không có ruộng đất hoặc có ít ruộng đất bị thiệt nhiều. Người có nhiều ruộng đất thu lợi lớn dựa trên thành quả lao động của các thành viên khác trong tổ văn công, đổi công.

Trong tập đoàn sản xuất, tuy ruộng đất và công cụ sản xuất đã tập thể hóa nhưng chỉ có tính chất nửa xã hội chủ nghĩa vì thành quả sản xuất tức là sản phẩm của lao động tập thể, sau khi đã trừ chi phí sản xuất, một phần được đem chia cho những người có ruộng đất và một phần phân phối theo lao động. Những người vào tập đoàn sản xuất có nhiều ruộng đất sẽ được chia nhiều (theo phần sở hữu ruộng đất và theo công lao động). Người có ít ruộng đất hoặc không có ruộng đất tham gia tập đoàn sản xuất

(1) Tài liệu điều tra chỉ nắm được khoảng 70% thu nhập thực tế của họ.

đương nhiên chỉ được chia ít hoặc không được chia phần hoa lợi ruộng đất, thu nhập chủ yếu chỉ theo ngày công lao động (chiếm một phần trong tổng thu nhập của tập đoàn).

Mâu thuẫn gay gắt về lợi ích giữa những người không có hoặc có ít ruộng đất với những người có nhiều ruộng đất tham gia tổ chức văn công, đôi công cũng như tập đoàn sản xuất (chưa kể các mặt khó khăn phức tạp khác tác động đến) cũng đủ làm tan rã phong trào văn công, đôi công và tập đoàn sản xuất ở nhiều nơi trong nông thôn Nam-bộ.

Tiền đề đề tổ chức nông dân Nam-bộ vào con đường hợp tác hóa nông nghiệp từ thấp đến cao là phải *kiến quyết điều chỉnh lại ruộng đất ở nông thôn Nam-bộ*. Gắn việc điều chỉnh ruộng đất và giải quyết ruộng đất cho nông dân không có ruộng đất hoặc có ít ruộng đất với *kiến quyết dời diêm trong một thời gian ngắn việc xóa bỏ phần ruộng đất dùng để kinh doanh bóc lột của phú nông, tư sản nông thôn (hoặc của địa chủ), lấy ra phần ruộng đất làm không hết và dùng để bóc lột của trung nông lớp trên và phần ruộng đất của những người sống ở thành phố, thị trấn mà nguồn sống là buôn bán và làm nghề thủ công, đồng thời thu hồi hết số ruộng đất mà các cơ quan, đơn vị bộ đội, cán bộ công nhân viên chức Nhà nước các cấp ở Nam-bộ đã lấy của nông dân, hoặc những ruộng đất trước đây đã tịch thu, trưng thu, trưng mua của địa chủ, tư sản và các tầng lớp khác hoặc do họ hiến... mà các cơ quan, đơn vị giữ lại để sản xuất tự túc những không trực tiếp làm, lại đem phát canh thu tô hoặc thuê người làm*. Những người già cả, neo đơn, không có lao động mà có ít ruộng đất phải thuê người làm hoặc cho người khác làm, lấy ít hoa lợi ruộng đất để sinh sống, thì được chiếu cố, không

coi họ là người phát canh thu tô hoặc dùng ruộng đất để bóc lột.

Nếu nông dân tham gia tổ văn công, đôi công đều có mức ruộng đất không chênh lệch nhau nhiều, thì hoạt động đôi công mới mang đúng tính chất giúp đỡ nhau trong lao động để phát triển sản xuất, và cùng có lợi. Những thành viên của tập đoàn sản xuất cũng vậy, mọi người đều có thu nhập công bằng hợp lý bằng phần hóa lợi ruộng đất và phần công lao động trên nguyên tắc: 'lao động nhiều được hưởng nhiều, lao động ít hưởng ít, có sức lao động mà không làm không được ăn bám vào thành quả lao động của người khác, loại trừ hình thức bóc lột lao động.

Đi liền với vấn đề điều chỉnh ruộng đất, chỉnh quyền các cấp ở địa phương cần tổ chức và củng cố các đội máy kéo và các tập đoàn máy, các cơ sở chế biến quốc doanh và tập thể, các đơn vị vận chuyển quốc doanh và tập thể phục vụ nông dân phát triển sản xuất. Mặt khác cần quản lý chặt chẽ nhiên liệu, phụ tùng để lãnh đạo và điều hành lực lượng máy móc của tư nhân phục vụ cho sản xuất, chế biến, vận chuyển theo kế hoạch. Trên cơ sở đó quy định giá công hợp lý bảo đảm lợi ích của người chủ máy và lợi ích của nông dân không có công cụ sản xuất phải đi thuê mướn.

Điều chỉnh lại ruộng đất phải gắn liền với tổ chức nông dân vào làm ăn tập thể dưới các hình thức thích hợp từ thấp đến cao. Chúng ta không dừng lại ở lối làm ăn cá thể của nông dân vì nó hằng ngày hằng giờ làm phân hóa giai cấp trong nông thôn, trái lại chúng ta phấn đấu đến hết kế hoạch 5 năm này về cơ bản hoàn thành việc đưa nông dân các tỉnh Nam-bộ vào con đường làm ăn tập thể với hình thức tập đoàn sản xuất là chủ yếu như Đại hội thứ V của Đảng đã chỉ rõ.

PHÁT TRIỂN MẠNH MẼ VÀ RỘNG RÃI TIÊU CÔNG NGHIỆP, THỦ CÔNG NGHIỆP

HẢI - ĐĂNG

SẢN phẩm công nghiệp có nhiều loại, có loại yêu cầu kỹ thuật cao, sản lượng nhiều phải do công nghiệp lớn, công nghiệp quốc doanh làm ra mới có hiệu quả kinh tế; nhưng cũng có loại thông thường, sản lượng ít, hoặc phải thay đổi kiểu cách luôn, thì tiêu công nghiệp, thủ công nghiệp làm lại thích hợp. Lại có những sản phẩm như hàng thủ công mỹ nghệ thì chỉ có thủ công nghiệp làm mới đạt được yêu cầu. Do đó, nền công nghiệp ở nước ta có ba loại quy mô và trình độ kỹ thuật: công nghiệp lớn gắn với kỹ thuật hiện đại, công nghiệp nhỏ gắn với kỹ thuật nửa cơ khí hoặc cơ khí và thủ công nghiệp.

Thời gian qua, ngành tiêu công nghiệp, thủ công nghiệp nước ta có hướng đi đúng và đạt được những thành tựu đáng kể. Năm 1980, giá trị sản lượng tăng 13,5% so với năm 1975, chiếm 41,5% trong sản lượng công nghiệp và 67,5% trong sản lượng công nghiệp địa phương. Năm 1981, mặc dù gặp nhiều khó khăn, sản xuất của tiêu công nghiệp, thủ công nghiệp đã đạt gần 3,8 tỷ đồng về giá trị sản lượng, vượt kế hoạch 10% và tăng

7% so với năm 1980, chiếm gần 45% sản lượng công nghiệp và hơn 2/3 sản lượng công nghiệp địa phương. Cả nước đã có 13 tỉnh, thành phố đạt giá trị sản lượng trên 100 triệu đồng và 60 huyện, thị đạt 10 triệu đồng trở lên. Một mạng lưới sản xuất rộng lớn đã hình thành trong cả nước từ thành thị đến nông thôn bao gồm 3600 hợp tác xã, 9000 tổ sản xuất và hàng vạn cơ sở thủ công cá thể, thu hút gần 2 triệu lao động. Năm năm qua, toàn ngành đã phát huy hơn 30 000 sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, tăng năng suất lao động từ 2 đến 200% và làm lợi hàng trăm triệu đồng.

Tuy tiêu công nghiệp và thủ công nghiệp đã đạt được những thành tựu đáng kể như vậy, nhưng chúng ta cần thấy rằng nó chưa tương xứng với khả năng và yêu cầu, vì còn có những thiếu sót về nhận thức, về tổ chức sản xuất và tổ chức quản lý, nhất là công tác kế hoạch hóa chưa phù hợp và các chính sách cụ thể chưa thỏa đáng. Để có thể khai thác đến mức cao nhất tiềm năng của tiêu công nghiệp, thủ công nghiệp, làm cho tiêu công nghiệp, thủ công nghiệp vươn lên ngang tầm

chiến lược, góp phần thực hiện tốt các mục tiêu kinh tế - xã hội mà Đại hội thứ V của Đảng đã đề ra, chúng ta cần có những chuyển biến sâu sắc trong nhận thức về vai trò của tiểu

công nghiệp, thủ công nghiệp trong công tác tổ chức sản xuất và cải tạo xã hội chủ nghĩa cũng như tổ chức quản lý tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp.

VAI TRÒ CHIẾN LƯỢC CỦA TIỂU CÔNG NGHIỆP, THỦ CÔNG NGHIỆP

Thực tế đã chứng minh rằng từ sản xuất nhỏ đi lên, phát triển tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp có nhiều lợi ích to lớn. Một là, chúng ta đang thừa lao động thì phát triển tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp sẽ thu hút được nhiều lao động. Năm năm qua, ngành đã thu hút thêm hàng vạn lao động. Nếu từ lâu, chúng ta nhận thức đầy đủ rằng, phát triển tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp bao gồm cả hai mặt cải tạo quan hệ sản xuất và phát triển lực lượng sản xuất, (chứ không phải nặng về cải tạo như lâu nay) thì đến nay ngành tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp không chỉ thu hút gần 2 triệu lao động mà còn thu hút được nhiều hơn nữa, và, trong một tương lai không xa, có thể thu hút 3 - 4 triệu người, góp phần tích cực vào việc phân công lại lao động xã hội.

Hai là, chúng ta đang thiếu vốn đầu tư thì phát triển tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp sẽ tiết kiệm vốn đầu tư và mang lại hiệu quả kinh tế cao. Có thể nói, lâu nay Nhà nước chưa đầu tư cho tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp bao nhiêu, nhưng tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp đã sản xuất gần một nửa sản lượng công nghiệp. Hiện nay một đồng tài sản cố định trong tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp đem lại một giá trị sản lượng cao hơn khoảng 10 lần so với công nghiệp quốc doanh.

Ba là, chúng ta đang cần nhiều hàng tiêu dùng và xuất khẩu thì phát triển

tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp sẽ làm ra thêm nhiều hàng hóa cho tiêu dùng và xuất khẩu. Hiện nay, tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp đã sản xuất khoảng 40 - 50% hàng công nghiệp, 75% hàng tiêu dùng, và có nhiều mặt hàng quan trọng, tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp đã sản xuất 90 - 100% sản lượng như: cá, muối, gỗ, chiếu cói, tơ tằm, công cụ cầm tay, vôi, gạch, ngói... Trong tổng kim ngạch xuất khẩu, hàng hóa tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp thường chiếm 20 - 25%. Năm 1980 so với năm 1976, kim ngạch xuất khẩu của tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp tăng 125%; hai mặt hàng xuất khẩu thu hút nhiều lao động là hàng mây tre: 500 000 người, hàng thủ công mỹ nghệ: 260 000 người.

Bốn là, chúng ta đang cần cải thiện đời sống thì phát triển tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp là góp phần tích cực vào việc cải thiện đời sống nhân dân. Ở thành thị nếu không có tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp thì hàng triệu người không có việc làm. Nhiều gia đình cán bộ, công nhân nhờ làm thêm nghề thủ công đã tăng 20 - 30% thu nhập. Ở nông thôn, thu nhập từ thủ công nghiệp là một trong ba nguồn thu chính của nông dân (kinh tế tập thể, kinh tế vườn và thủ công nghiệp); nhiều gia đình nông dân nhờ làm thủ công nghiệp mới có đồng ra đồng vào để chi tiêu cho các nhu cầu về đời sống hằng ngày.

Năm là, chúng ta chủ trương kết hợp công nghiệp với nông nghiệp ngay từ đầu và từ cơ sở, thì phát triển tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp sẽ góp phần thực hiện tốt chủ trương đó. Tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp gắn bó với nông nghiệp, phục vụ tốt nông nghiệp và nông thôn: sản xuất và sửa chữa nông cụ, chế biến nông sản, cung cấp vôi, gạch, ngói cho xây dựng nhà ở và xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật trong nông nghiệp. Hiện nay, giá trị sản lượng thủ công nghiệp trong nông nghiệp đã chiếm khoảng 1/3 giá trị sản lượng toàn ngành tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp.

Thực tế sinh động và phong phú trong thời gian qua cho thấy rằng, đi đôi với phát triển công nghiệp lớn, việc phát triển mạnh mẽ tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp ở cả thành thị và nông thôn, trên địa bàn huyện, trong từng hợp tác xã, tập đoàn sản xuất, đến các gia đình là hoàn toàn phù hợp với đặc điểm và quy luật phát triển của nước ta từ sản xuất nhỏ đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Khác với công nghiệp lớn, sự phát triển của tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp không đòi hỏi những dự trữ lớn của Nhà nước, trái lại, với quy mô vừa và nhỏ, dựa chủ yếu vào sức lực và vốn của quần chúng, với tính chất cơ động linh hoạt, nó có thể sử dụng tốt nhất tay nghề, nguồn lao động và các nguồn nguyên liệu phân tán ở khắp nơi, tạo ra nhiều mặt hàng từ đơn giản đến tinh xảo đáp ứng kịp thời nhu cầu tiêu dùng của nhân dân và tăng thêm hàng hóa cho xuất khẩu.

Do tác dụng to lớn nói trên, cho nên Đại hội thứ V của Đảng đã khẳng định: « *Tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp ở nước ta có tiềm năng to lớn, là một bộ phận quan trọng của cộng nghiệp hàng tiêu dùng, đã và đang được cải tạo và tổ chức lại thành một bộ phận kinh tế xã hội chủ nghĩa, có*

vị trí trọng yếu lâu dài trong nền kinh tế quốc dân, đặc biệt trong chặng đường đầu tiên này » (1).

Quán triệt nghị quyết của Đại hội, chúng ta không nên coi tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp là lực lượng bổ sung với ý nghĩa bình thường như lâu nay mà phải xác định đó là một lực lượng chiến lược, một lực lượng sản xuất quan trọng của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa. Từ đó, có thái độ đối xử đúng đắn, bình đẳng với thủ công nghiệp, tiểu công nghiệp và ra sức phát triển tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp trong bất cứ tình huống nào. Cũng cần nói thêm rằng tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp không chỉ quan trọng nhất thời trong điều kiện còn sản xuất nhỏ, mà còn quan trọng lâu dài cả đến khi nền kinh tế đã tiến lên sản xuất lớn, đã cơ khí hóa cao, vì đến lúc đó, vẫn còn những mặt hàng, những công việc để cho tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp làm thì có lợi hơn so với công nghiệp lớn. Đó là chưa kể có những mặt hàng như thủ công mỹ nghệ thì máy móc cũng khó thay thế được. Thực tế ở các nước công nghiệp tiên tiến đã chứng minh điều đó.

Thể hiện vai trò chiến lược nói trên trong kế hoạch 1981 - 1985 và những năm 80, tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp tập trung làm tốt các nhiệm vụ:

- Khai thác mọi tiềm năng, đầy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng (kể cả vật liệu xây dựng), góp phần giải quyết các yêu cầu về ăn, mặc, ở, học, chữa bệnh, đi lại của nhân dân, phân đấu không để thiếu những mặt hàng tiêu dùng thông thường làm bằng nguyên liệu trong nước;

- Tăng nhanh các mặt hàng xuất khẩu với chất lượng tốt, mỹ thuật cao, nhất là hàng thủ công mỹ nghệ;

(1) Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương tại Đại hội thứ V của Đảng, Tạp chí Cộng sản, số 4-1982, tr. 40.

— Sản xuất đủ công cụ thường và công cụ cải tiến phục vụ cho các ngành kinh tế, nhất là cho nông nghiệp.

Trên cơ sở thực hiện các nhiệm vụ đó mà thu hút thêm lao động và cải thiện đời sống cho những người lao động thủ công.

TỔ CHỨC SẢN XUẤT VÀ CẢI TẠO XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Trong việc phát triển và cải tạo tiền công nghiệp, thủ công nghiệp, tiêu chuẩn đánh giá quan trọng nhất không phải là đưa nhanh, đưa hết thợ thủ công vào các hợp tác xã, mà là làm thế nào để sản xuất ra nhiều hàng hóa cho xã hội và cải thiện đời sống cho những người lao động thủ công. Thực tiễn trong thời gian qua cho ta một kinh nghiệm rất quan trọng trong việc tổ chức sản xuất và cải tạo là: cái gì cá thể đang làm tốt và có thể làm tốt thì giúp đỡ cá thể tiếp tục làm, không vội đưa vào tập thể; cái gì tập thể nhỏ, tổ hợp tác đang làm tốt và có thể làm tốt thì không vội đưa lên tập thể lớn (hợp tác xã); và cái gì hợp tác xã đang làm tốt và có thể làm tốt thì không vội phát triển quốc doanh để thay thế; cái gì sản xuất phân tán có lợi thì không nhất thiết phải tổ chức tập trung. Chủ trương như vậy không công nhận là hoàn việc cải tạo xã hội chủ nghĩa lại, trái lại nó đòi hỏi phải tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa ngay từ bây giờ, nhưng tiến hành từng bước vững chắc, tùy theo trình độ giác ngộ của người thợ thủ công và tùy theo sự phát triển của sản xuất và kỹ thuật. Làm như vậy chính là vận dụng đúng đắn quy luật quan hệ sản xuất phải phù hợp với trình độ lực lượng sản xuất trong điều kiện hiện nay. Do yêu cầu phát triển sản xuất, bảo đảm và cải thiện đời sống nhân dân, chúng ta sẽ dần dần thu hút những người làm ăn cá thể vào tập thể, và chuyển từ tập thể nhỏ lên tập thể lớn. Từ nguyên tắc

trên, căn cứ theo tính chất đặc điểm của từng ngành nghề, từng mặt hàng, từng dịch vụ mà vận dụng các hình thức tổ chức linh hoạt. Trong thủ công nghiệp chuyên nghiệp, đó là các hình thức: thợ thủ công cá thể, tổ hợp tác, hợp tác xã và các liên doanh sản xuất hoặc liên xã ngành... Trong nông nghiệp, đó là các đội sản xuất chuyên nghiệp hoạt động quanh năm (như một đội chuyên của hợp tác xã nông nghiệp) và các tổ sản xuất nửa chuyên nghiệp làm theo thời vụ. Ngoài ra, còn một hình thức quan trọng khác cần đặc biệt chú ý là thủ công nghiệp gia đình kể cả ở thành thị và nông thôn. Thủ công nghiệp gia đình là một bộ phận của kinh tế gia đình, còn tồn tại lâu dài gắn với kinh tế tập thể và kinh tế Nhà nước. Các gia đình có thể nhận gia công từng chi tiết hoặc nửa thành phẩm cho các hợp tác xã và xí nghiệp, cũng có thể tổ chức sản xuất hoàn chỉnh những sản phẩm đơn giản, ít công đoạn. Các ngành công nghiệp như dệt, may mặc, cơ khí tiêu dùng, sản xuất bao bì... có nhiều loại sản phẩm có thể gia công cho gia đình làm rất thuận tiện. Cần phát triển rộng rãi thủ công nghiệp gia đình để tận dụng lao động xã hội, cải thiện đời sống nhân dân và tiết kiệm vốn đầu tư của Nhà nước.

Kết hợp chặt chẽ giữa tổ chức lại sản xuất và đổi mới kỹ thuật. Khi có yêu cầu đổi mới kỹ thuật để tăng năng suất lao động thì mới tổ chức lại sản xuất và khi đã tổ chức lại sản xuất thì nhất thiết phải đổi mới kỹ thuật

để tăng năng suất lao động. Chú ý sử dụng rộng rãi các hình thức hợp tác hoặc liên kết sản xuất trong nội bộ tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, giữa thủ công nghiệp với công nghiệp quốc doanh, giữa thủ công nghiệp với Nhà nước nhằm đạt được hiệu quả kinh tế cao.

Về cải tạo, bảo đảm thực hiện đúng

nguyên tắc tự nguyện, cùng có lợi, quản lý dân chủ trong các tổ chức sản xuất, và tiến dần từ thấp đến cao để thực hiện được yêu cầu hợp tác xã có hiệu quả kinh tế cao hơn tổ hợp tác, tổ hợp tác có hiệu quả kinh tế cao hơn sản xuất cá thể, quy mô lớn có hiệu quả kinh tế cao hơn quy mô nhỏ.

TỔ CHỨC QUẢN LÝ

Cần đổi mới cơ chế quản lý và kế hoạch hóa theo hướng vừa tiến hành kế hoạch hóa vừa sử dụng quan hệ thị trường, phù hợp với đặc điểm của tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, bảo đảm quyền làm chủ tập thể về kinh tế của hợp tác xã và những người lao động thủ công, làm cho các cơ sở sản xuất tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp có thể tự điều chỉnh, thích nghi và phát triển như một cơ thể sống. Muốn vậy, đối với tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, nói chung Nhà nước thực hiện cơ chế kế hoạch hóa gián tiếp và quản lý chủ yếu thông qua các chính sách kinh tế. Các hợp tác xã cần chủ động xây dựng kế hoạch trên cơ sở hạch toán kinh tế gắn với kinh doanh. Hằng năm và tiến tới 5 năm, Nhà nước vạch ra mục tiêu, phương hướng sản xuất, công bố yêu cầu sản xuất và khả năng cung ứng vật tư cho hợp tác xã, đồng thời công bố các chính sách như giá cả, thuế... Trên cơ sở đó, các hợp tác xã tính toán và xây dựng kế hoạch thông qua ký kết các hợp đồng kinh tế và báo cáo kế hoạch lên cấp trên để tổng hợp. Ngoài ra, đối với một số sản phẩm nào đó, nếu thấy bán vật tư cho hợp tác xã không tiện và cần nắm chắc sản phẩm thì Nhà nước có thể gia công (có cải tiến) và giao chỉ tiêu pháp lệnh với điều kiện bảo đảm vật tư như đối với xí nghiệp quốc doanh. Thực tế ở nhiều

nơi cho thấy với phương thức này, kế hoạch sản xuất của hợp tác xã thường gồm ba phần: phần sản xuất theo hệ thống kế hoạch Nhà nước trên cơ sở Nhà nước gia công hoặc giao chỉ tiêu trực tiếp có bảo đảm vật tư; phần hợp đồng sản xuất với các cơ quan, đơn vị ngoài hệ thống kế hoạch Nhà nước; phần sản xuất linh hoạt theo yêu cầu của thị trường. Trong thực tế sản xuất của tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp ở thành phố Hồ-Chí-Minh năm 1981, phần một chiếm khoảng 30%, phần hai khoảng 50% và phần ba khoảng 20%. Nhiều hợp tác xã khác cũng có tình hình như vậy. Đối với hợp tác xã, việc xây dựng kế hoạch và sản xuất thông qua hợp đồng kinh tế có nhiều ưu điểm: hợp tác xã nắm chắc được nguồn cung cấp vật tư và nơi tiêu thụ sản phẩm, các cơ quan tài chính và ngân hàng có cơ sở để cho vay và thu thuế; cấp trên có cơ sở để tổng hợp và theo dõi thực hiện kế hoạch. Ở thành phố Hồ-Chí-Minh, năm 1981, các hợp tác xã đã ký hơn 17 nghìn hợp đồng kinh tế trị giá khoảng 1,8 tỷ đồng.

Cần nghiên cứu bổ sung, hoàn chỉnh và tiến tới ban hành một hệ thống chính sách đối với tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, bao gồm chính sách đăng ký kinh doanh, chính sách thuế, chính sách đầu tư, tín dụng, trang bị kỹ thuật, cung cấp vật tư kỹ thuật,

chính sách cung cấp lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng, chính sách giá cả và tiêu thụ sản phẩm, chính sách ăn chia phân phối và bảo hiểm xã hội, chính sách đối với thợ thủ công cá thể, thủ công nghiệp gia đình, chính sách đối với người có nghề giỏi...

Các chính sách đối với thủ công nghiệp, tiểu công nghiệp cần thể hiện các mục đích và nguyên tắc sau đây: khuyến khích khai thác mọi tiềm năng của nền kinh tế để phát triển sản xuất đến mức cao nhất; ưu đãi kinh tế tập thể, khuyến khích kinh tế gia đình, tận dụng kinh tế cá thể; điều tiết sản xuất kinh doanh theo mục tiêu và phương hướng của kế hoạch Nhà nước; điều tiết thu nhập, bảo đảm thu nhập hợp lý giữa các ngành nghề, giữa các tầng lớp dân cư, thật sự khuyến khích các tài năng khéo léo trong lao động sản xuất. Cần coi chính sách thuế là công cụ linh hoạt, sắc bén, có hiệu lực nhất để khuyến khích, điều tiết, hướng dẫn kinh tế tập thể, cá thể đi vào quỹ đạo của chủ nghĩa xã hội.

Hệ thống liên hiệp xã hiện nay quá yếu và chức năng chưa rõ ràng là một trở ngại lớn đối với việc phát triển tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp. Do vậy, để phát triển tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, cần kiện toàn tổ chức này thật mạnh mẽ như một ngành kinh tế trọng điểm. Đứt khoát không đặt vấn đề sáp nhập liên hiệp xã vào các sở, ty công nghiệp như xu hướng của một vài địa phương. Xác định rõ liên hiệp xã không phải là một tổ chức chính trị như một đoàn thể quần chúng mà là một tổ chức kinh tế - chính trị, có

hai nhiệm vụ chủ yếu: tổ chức vận động quần chúng làm kinh tế và quản lý hành chính, kinh tế đối với khu vực tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp. Có thể quy định các chức năng chủ yếu của liên hiệp xã các cấp như sau:

— Chăm lo phát triển lực lượng sản xuất tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp.

— Tiếp tục cải tạo xã hội chủ nghĩa và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới trong khu vực tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp.

— Tham gia cùng với các ngành khác vào việc xây dựng quy hoạch, kế hoạch của tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp; quản lý ngành theo sự ủy nhiệm của Nhà nước đối với một số ngành nghề và mặt hàng xét thấy cần thiết mà chưa có ngành kinh tế - kỹ thuật nào quản lý; hướng dẫn các hợp tác cả về quản lý sản xuất và kinh doanh.

— Nghiên cứu kiến nghị với Đảng và Nhà nước về các chính sách, chế độ đối với tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp và theo dõi kiểm tra việc thực hiện.

— Đào tạo cán bộ và thợ lành nghề cho hợp tác xã, hướng dẫn và phổ biến khoa học, kỹ thuật trong tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp.

— Phối hợp với các đoàn thể quần chúng trong việc giáo dục chính trị tư tưởng và vận động quần chúng lao động thủ công.

Riêng Liên hiệp xã trung ương còn có chức năng đối ngoại, tổ chức hợp tác kinh tế - kỹ thuật với nước ngoài và kinh doanh xuất nhập khẩu một số mặt hàng đặc biệt theo quy định của Nhà nước.

ĐỊA VỊ

Dịa vị - bản thân hai tiếng ấy chẳng có gì đáng ghét, bởi vì địa vị chỉ đơn thuần có nghĩa là vị trí của con người trong xã hội. Cái mà chúng ta muốn phê phán là tư tưởng địa vị, bởi vì đó là một biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân, hoàn toàn trái ngược với bản chất của người đảng viên cộng sản.

Tư tưởng địa vị (hay óc địa vị) là sản phẩm của chế độ phong kiến. Để bổ sung cho sự bóc lột về kinh tế, áp bức về chính trị, giai cấp phong kiến hết sức chú trọng sử dụng đạo đức nho giáo làm công cụ nô dịch tinh thần. Lễ giáo phong kiến trói chặt con người vào trật tự phong kiến bằng rất nhiều thể chế, lễ nghi và tập tục. Nó xếp đặt con người thành tôn ty, nó phân biệt con người theo đẳng cấp, nó đánh giá con người bằng danh vọng và quyền thế. Ngồi thứ cao thấp, cấp bậc sang hèn được thể hiện trên mọi chi tiết về cách ăn ở, chỗ đứng ngồi, lễ nghi và phẩm phục. Lễ giáo phong kiến chỉ cho phép mỗi hạng người trong xã hội được trang trí, phục sức, nói năng, hành động theo đúng chức phận của mình. Nó quy định một cách dứt khoát rằng phẩm là cái gì của người trên đều phải đẹp hơn, sang hơn, oai hơn người dưới; phẩm là cái gì của người dưới đều phải nhỏ hơn, xấu hơn, thấp kém hơn đối với người trên...

Tóm lại, đối với lễ giáo phong kiến thì sự giàu sang, quyền lực và danh vọng được phát triển theo tỷ lệ thuận với địa vị xã hội của mỗi người. Càng có địa vị cao trong xã hội thì càng có nhiều tiền của, quyền thế và càng được trọng vọng. Điều đó còn được pháp luật của Nhà nước phong kiến bảo hộ. Chính vì vậy mà trong xã hội phong kiến đã hình thành một cách tự nhiên *tâm lý khát khao địa vị*.

Ngày nay, chế độ phong kiến đã hoàn toàn bị đánh đổ trên đất nước ta. Cơ sở kinh tế - xã hội của đạo đức phong kiến đã hoàn toàn bị thủ tiêu. Tiếp thu đạo đức mới, nhân dân ta đã đẩy lùi nhiều tập tục phong kiến cổ hủ, vứt bỏ nhiều khuôn thước nghìn năm của đạo đức phong kiến. Song, đúng như chủ nghĩa Mác - Lênin đã từng chỉ rõ: tư tưởng của một giai cấp thường có sức sống dai dẳng hơn cả chính giai cấp sản sinh ra nó. Vì vậy, mặc dù giai cấp phong kiến đã bị cách mạng xóa bỏ, song, những tàn tích của đạo đức phong kiến vẫn còn tồn tại và gây ra những ảnh hưởng tiêu cực trong xã hội ta. Điều đáng chú ý là những tàn tích của đạo đức phong kiến đã len lỏi cả vào đội ngũ cán bộ, đảng viên chúng ta, gây ra những ảnh hưởng xấu, làm hư hỏng một bộ phận không nhỏ cán bộ đảng viên. Phơi bày những tàn tích của đạo đức phong kiến, đấu tranh để xóa bỏ chúng một cách triệt để là

nhệm vụ cần thiết trong cuộc cách mạng tư tưởng và văn hóa nói chung và trong việc xây dựng, rèn luyện đội ngũ cán bộ đảng viên nói riêng.

Để khắc phục tư tưởng địa vị một cách có hiệu quả cần hiểu rõ đặc trưng cơ bản của con người có tư tưởng địa vị là gì? Những biểu hiện và tác hại của tư tưởng địa vị ra sao?

Người có tư tưởng địa vị trước hết là người *tham công danh phú quý*. Đối với những người như vậy, việc «*phấn đấu*» để có một địa vị xã hội «*xứng đáng*» được coi là mục đích, là lẽ sống của họ. Từ đó họ cố tìm mọi cách để leo lên cho được những địa vị càng cao bao nhiêu trong xã hội càng tốt bấy nhiêu. Con người phong kiến trước kia làm việc này một cách hối hả và công khai. Người ta đồ tiền, đồ của để mua cho được chức tước này, danh vị nọ; người ta luồn cúi, bợ đỡ, nịnh hót, hối lộ để có một chức vụ, một quyền hành; người ta lừa gạt, dìm dập, hắt cẳng nhau, hãm hại nhau nhiều khi cũng chỉ vì một ngôi thứ, một cấp bậc; thậm chí có kẻ còn biến cả vợ đẹp và con gái của mình thành những vật phẩm công nạp quan trên để cầu mong một sự thăng quan, tiến chức...

Trong xã hội ta ngày nay, sự chạy vạy, xoay xở của con người có tư tưởng địa vị diễn ra có phần kín đáo và tế nhị hơn, nó không lộ liễu và trắng trợn như dưới xã hội phong kiến. Song, kín đáo và tế nhị không có nghĩa là kém phần quyết liệt. Vì lòng tham công danh phú quý, những kẻ có tư tưởng địa vị cũng sẵn sàng làm những việc xấu xa. Họ cũng bợ đỡ, nịnh hót, mua chuộc, hối lộ cấp trên để cầu mong một sự cất nhắc, đề bạt mà bản thân họ không xứng đáng; họ cũng lòi bẻ kéo cánh, nói xấu, dèm pha, dìm dập, hắt cẳng đồng chí, bạn bè để tranh quyền, cướp vị...

Người có tư tưởng địa vị còn là người *rất thích tỏ rõ vị trí và quyền*

lực của mình. Trong xã hội phong kiến trước kia điều này là hiển nhiên. Chỉ cần có một tý chút quyền hành là người ta đã có thể ra oai, tác quái, nạt nộ thiên hạ được rồi. Từ trường tuần đến lý trưởng, chánh tổng và cao hơn nữa là tri huyện, tri phủ... anh nào cũng có cách biểu lộ cái oai riêng cho đúng với vị trí của mình. Trong xã hội ta ngày nay, đối với những người có tư tưởng địa vị thì việc tỏ rõ vị trí và quyền lực của họ cũng là điều không thể thiếu được bởi vì không như vậy thì chẳng khác nào «*áo gấm đi đêm*»! Anh là cán bộ dưới quyền của một người có tư tưởng địa vị? Anh cứ thử nói năng với họ một cách bình đẳng như với những người đồng chí, bạn bè xem sao! Lập tức họ sẽ có những phản ứng cần thiết đủ để anh thấy rõ anh chỉ là một cán bộ cấp dưới của họ. Một ví dụ khác: người có tư tưởng địa vị hôm nay còn là một cán bộ bình thường như anh, như tôi, anh ấy cũng sống giản dị, tự nhiên, chan hòa và bình đẳng. Giữa anh ấy và chúng ta không có sự phân biệt nào: cùng ngồi chung một phòng, cùng loại bàn làm việc mộc mạc và giản dị như nhau. Nhưng nếu ngày mai anh ta được đề bạt làm trưởng phòng chẳng hạn (tức là làm «*thủ trưởng*») thì lập tức anh ta sẽ không thể chấp nhận được tình trạng hiện tại. Lúc này anh ta cảm thấy cần có cái gì đó khác những người khác để mọi người biết được anh ta là cấp trên của họ.

Người có tư tưởng địa vị cũng thường là người có những *quan điểm lệch lạc về lao động*. Trong xã hội phong kiến trước kia, sự coi khinh người lao động và mọi công việc lao động chân tay trở thành một nếp sống. Khổng-Tử, người phát ngôn của tư tưởng phong kiến thường tự chê mình «*ta thuở nhỏ hèn nên biết nhiều nghề*». Và, khi Phan-Trì, một môn đồ ngổ ỷ xin học nghề làm ruộng, Khổng-Tử

bên gạt phắt đi: « đó là nghề của nông phu, con học làm gì ». Không-Tử chỉ đề cao kẻ đọc sách, đề cao chữ « nhân » và coi đó như một điều lý tưởng. Cái quan điểm lệch lạc về lao động ấy — một đặc trưng của tư tưởng địa vị — không phải là đã được xóa bỏ hẳn trong chế độ ta. Người có tư tưởng động tri óc hơn lao động chân tay, trọng công việc nghiên cứu hơn công tác thực hành, thích những nghề nhân hạ hơn những nghề nặng nhọc vất vả. Họ thường tìm một cách đề bản thân mình, vợ, chồng, con cái của mình được làm những nghề mà theo họ là « nghề sang trọng ».

Người cộng sản chân chính không thể có tư tưởng địa vị và tâm lý hiếu danh. Người cộng sản chân chính phải lấy việc phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân làm mục đích và lẽ sống của mình. Đối với người đảng viên cộng sản, không có việc gì là sang, việc gì là hèn. Trong chế độ ta bất cứ công việc gì, dù đó là nấu bếp, quét nhà hay làm bộ trưởng, làm chủ tịch... cũng đều là nhiệm vụ do xã hội phân công. Hoàn thành tốt những công việc đó đều là vẻ vang. Hồ Chủ tịch luôn luôn nhắc nhở cán bộ phải gột sạch đầu óc địa vị, việc gì có lợi cho cách mạng, cho đoàn thể là làm hết, không có việc gì là sang, việc gì là hèn. Và, bản thân Người luôn luôn nêu gương sáng về vấn đề này. Đầu năm 1946, trả lời các nhà báo, Người nói: « Tôi tuyệt nhiên không ham muốn công danh phú quý chút nào. Bây giờ phải gánh chức Chủ tịch là vì đồng bào ủy thác thì tôi phải gắng làm, cũng như một người lính vâng mệnh lệnh quốc dân ra trước mặt trận.

Bao giờ đồng bào cho tôi lui, thì tôi rất vui lòng lui » (1). Hồ Chủ tịch không ham muốn công danh phú quý mà « chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta

được độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành » (2).

Tư tưởng địa vị chỉ là tàn tích của đạo đức phong kiến, song nếu không đấu tranh khắc phục, nó sẽ gây nhiều tác hại. Nó có khả năng làm cho những cán bộ ít chịu tu dưỡng, rèn luyện đi chệch hướng phấn đấu, thậm chí trở nên thoái hóa, biến chất. Nó cản trở việc thực hiện quan hệ kiểu mới giữa cán bộ với nhân dân, giữa thủ trưởng với nhân viên, giữa cấp trên với cấp dưới, tạo nên những hiện tượng không lành mạnh trong sinh hoạt của các cơ quan Đảng và Nhà nước.

Sở dĩ tư tưởng địa vị có khả năng gây ra những ảnh hưởng tiêu cực như vậy trước hết là do trong đội ngũ cán bộ, đảng viên chúng ta có một bộ phận tu dưỡng kém. Ngoài ra, còn do chúng ta chưa thấy hết được tác hại của tư tưởng địa vị, do đó mà chưa chú ý tạo ra dư luận xã hội rộng rãi lên án tư tưởng địa vị và chưa có biện pháp xóa bỏ kiên quyết. Tình trạng đánh giá con người dựa trên cấp bậc, địa vị, dựa trên những hình thức bề ngoài vẫn còn khá phổ biến. Mặt khác, việc đấu tranh phê bình đối với những người có tư tưởng địa vị ở nhiều tổ chức Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng chưa được coi trọng.

Ngày nay chúng ta đang xây dựng một nền đạo đức mới — đạo đức của giai cấp vô sản. Muốn xây dựng đạo đức mới thì việc đấu tranh khắc phục những ảnh hưởng của tàn tích đạo đức cũ cần phải được tiến hành triệt để. Tư tưởng địa vị cần được quét sạch cùng với toàn bộ những rác rưởi của đạo đức cũ lỗi thời.

NGUYỄN-TRUNG-THỰC

(1), (2) Hồ-Chí-Minh: *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1980, tập 1, tr. 381.

XÂY DỰNG KINH TẾ ĐỊA PHƯƠNG VỮNG MẠNH

HUY-HÙNG

VỪA xây dựng kinh tế trung ương vừa phát triển kinh tế địa phương là một trong những vấn đề cơ bản trong đường lối xây dựng kinh tế xã hội chủ nghĩa mà các Đại hội thứ IV và thứ V của Đảng đã khẳng định. Đây là một luận điểm lớn, thể hiện sự vận dụng sáng tạo những nguyên lý của chủ nghĩa Mác-Lê-nin vào hoàn cảnh cụ thể của nước ta.

Những vấn đề cơ bản của luận điểm đó đã được đồng chí Tổng bí thư Lê-Duẩn nêu lên trong tác phẩm « Xây dựng kinh tế địa phương vững mạnh ». Nhìn tổng quát, toàn bộ tác phẩm là một thể hoàn chỉnh bao gồm một hệ thống các quan điểm lý luận sâu sắc, do đó tác phẩm có nội dung hết sức phong phú.

Để giúp bạn đọc nghiên cứu và tìm hiểu tác phẩm, chúng tôi xin giới thiệu mấy nội dung chính sau đây:

— Vai trò chiến lược của kinh tế địa phương.

— Quan hệ giữa kinh tế trung ương và kinh tế địa phương.

— Vai trò của cấp huyện trong việc phát triển kinh tế địa phương.



Trong quá trình chuyển biến từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa tất yếu sẽ hình thành cơ cấu kinh tế mới. Cơ cấu kinh tế ấy là một thể thống nhất, bao gồm kinh tế trung ương và kinh tế địa phương. Và đối với nước ta, một nước nông nghiệp lạc hậu tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa thì việc phát triển kinh tế địa phương giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong chiến lược xây dựng kinh tế-xã hội. Đồng chí Lê-Duẩn đã nói: « Có phát triển mạnh kinh tế địa phương, mới dùng hết lao động, đất, rừng, biển và mở mang được ngành, nghề, bởi vì lao động cũng như tài nguyên tồn tại trên từng địa phương, gần bờ trước hết với việc phát triển sản xuất, mở mang ngành, nghề của từng địa

phương dựa trên đường lối, và quy hoạch chung của cả nước » (tr. 131).*

Trong chặng đường trước mắt, việc phát triển mạnh nông nghiệp, đưa nông nghiệp một bước lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa chủ yếu phải dựa vào nguồn vốn sẵn có về lao động, đất và các tài nguyên ở mỗi địa phương. Trên cơ sở kế hoạch thống nhất của cả nước, mỗi địa phương có chủ động và triệt để khai thác mọi khả năng tiềm tàng về lao động, đất đai và tài nguyên thiên nhiên thì mới tạo ra nguồn của cải dồi dào cho chính địa phương mình và cho cả nước. Cho nên « kinh tế địa phương càng phát triển thì càng có điều kiện mở rộng tích tụ sản xuất, do đó càng có điều kiện tập trung, và cung cấp cho trung ương nguồn tập trung ngày càng lớn » (tr. 134—135).

Mỗi địa phương là một địa bàn quan trọng để tổ chức sản xuất, phân công lao động, khai thác các nguồn tài nguyên của đất nước. Kinh tế địa phương chính là nơi công nghiệp và nông nghiệp kết hợp với nhau một cách trực tiếp ngay từ đầu thành cơ cấu nông — công nghiệp huyện và công — nông nghiệp tỉnh. Đó trước hết là sự kết hợp giữa tăng năng suất lao động và tăng tổng sản lượng nông nghiệp với tăng khối lượng sản phẩm các mặt hàng tiêu công nghiệp và thủ công nghiệp trên địa bàn huyện, là sự kết hợp giữa tăng nhanh khối lượng sản phẩm công nghiệp với tăng tổng sản lượng nông nghiệp trên địa bàn tỉnh. Nông nghiệp có phát triển mới có nhiều lương thực, thực phẩm và nguyên liệu cung cấp cho công nghiệp; song muốn đưa nông nghiệp lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa nhất thiết phải có sự tác động mạnh mẽ của công nghiệp. Sự kết hợp và sử dụng hợp lý, có hiệu quả lao động, đất đai, mở mang các ngành, nghề, khai thác tài nguyên là chìa khóa mở ra thế mới về kinh tế,

là cơ sở để tạo ra nguồn tích lũy ban đầu để thực hiện công nghiệp hóa nước nhà. « Vì vậy, phát triển kinh tế địa phương trở thành một khâu mấu chốt trong việc sử dụng lao động và tài nguyên, từng bước đưa sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa » (tr. 133).

Phát triển kinh tế địa phương còn là một trong những điều kiện để thực hiện các mục tiêu kinh tế — xã hội, đáp ứng nhu cầu cấp bách và thiết yếu nhất của nhân dân, dần dần ổn định và tiến lên cải thiện một bước đời sống nhân dân. Chăm lo đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân là trách nhiệm chung của các ngành, các cấp từ trung ương đến địa phương. Tuy nhiên, kinh tế trung ương chỉ có thể bảo đảm những cân đối lớn giữa sản xuất và tiêu dùng, giữa nhu cầu và khả năng trên phạm vi cả nước. Mỗi địa phương phải chịu trách nhiệm trước trung ương về phát triển sản xuất và cải thiện đời sống nhân dân địa phương mình. Những cân đối cụ thể ở mỗi địa phương cũng như những nhu cầu đa dạng về vật chất, văn hóa của nhân dân địa phương chỉ có thể giải quyết được đúng đắn và kịp thời thông qua việc phát triển kinh tế địa phương.

Trong điều kiện nền kinh tế nước ta còn có nhiều khó khăn, sản xuất chưa đáp ứng được yêu cầu tiêu dùng, vấn đề phân phối có vị trí đặc biệt quan trọng góp phần ổn định đời sống nhân dân. Để thực hiện sự phân phối thống nhất và bảo đảm nhu cầu tiêu dùng cho sản xuất và đời sống ở mỗi địa phương, trung ương phải thông qua địa phương, lấy địa phương làm địa bàn phân phối xã hội chủ nghĩa. Và « có như vậy mới sát nhu cầu tiêu dùng nhiều mặt của các

* Những đoạn trong ngoặc kép có ghi rõ số trang là trích từ tác phẩm *Xây dựng kinh tế địa phương vững mạnh*.

tầng lớp nhân dân, mới thỏa mãn được đời sống chung của xã hội cũng như đời sống riêng của từng gia đình, từng người » (tr. 137). Làm như vậy sẽ phát huy được tinh năng động của mỗi địa phương, khắc phục được khuynh hướng trông chờ, ỷ lại vào trung ương, nêu cao được tinh thần trách nhiệm của các cơ quan quản lý địa phương trước trung ương và trước nhân dân địa phương mình. Đồng chí Lê-Duẩn đã chỉ rõ: « Kinh tế địa phương là một bộ phận của sản xuất xã hội, của cơ cấu kinh tế công - nông nghiệp thống nhất cả nước, đồng thời là đơn vị phân phối cơ bản của trung ương phân phối của cải vật chất nhằm thỏa mãn nhu cầu đời sống nhân dân, là nơi kết hợp chặt chẽ sản xuất với phân phối, thể hiện sáng tỏ mục đích của các hoạt động kinh tế trong xã hội ta » (tr 137).

Chúng ta xây dựng kinh tế trong điều kiện còn phải đối phó với âm mưu phá hoại và xâm lược của bọn bành trướng bá quyền Trung-quốc câu kết với đế quốc Mỹ và các thế lực phản động khác, cho nên kết hợp kinh tế với quốc phòng là một chủ trương chiến lược lâu dài cần được thực hiện trên phạm vi cả nước cũng như trong từng địa phương. « Do đó, mỗi địa phương phải « là địa bàn sản xuất và đơn vị tổ chức đời sống xã hội, kinh tế địa phương cần được phát triển mạnh để trở thành cơ sở hậu cần trực tiếp tại chỗ của quốc phòng. Phải biến mỗi địa phương thành một đơn vị kinh tế giàu mạnh, đồng thời là một pháo đài vững chắc » (tr. 111).

Tóm lại, phát triển kinh tế địa phương không phải là một biện pháp tạm thời, trước mắt, mà là một tất yếu khách quan trong quá trình chuyển biến từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Nó giữ vai trò hết sức quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế xã hội của nước ta.

Như trên đã nói, kinh tế trung ương và kinh tế địa phương là những bộ phận hợp thành cơ cấu kinh tế của cả nước, trong đó kinh tế trung ương giữ vai trò chủ đạo, làm đòn xeo thúc đẩy toàn bộ nền kinh tế quốc dân xã hội chủ nghĩa. Khi phân tích mối quan hệ này, đồng chí Lê-Duẩn đã nhấn mạnh: « Kinh tế trung ương và kinh tế địa phương cùng nằm trong cơ cấu thống nhất của nền kinh tế quốc dân. Không có cơ sở nào trực thuộc trung ương lại không nằm trên một địa phương nhất định, do đó lại không có những quan hệ kinh tế nhất định với kinh tế địa phương. Ngược lại, các cơ sở kinh tế trực thuộc địa phương đều nằm trong ngành này hay ngành khác, đều gắn liền với các cơ sở kinh tế trực thuộc trung ương thành những ngành kinh tế - kỹ thuật thống nhất cả nước. Mỗi bước tiến lên của kinh tế địa phương cũng là một bước tiến lên của các ngành, và mỗi bước tiến lên của các ngành cũng là một bước tiến lên của kinh tế địa phương » (tr 146).

Nhiệm vụ xây dựng kinh tế trung ương và nhiệm vụ phát triển kinh tế địa phương đều được xác định rất cụ thể. Thông qua kế hoạch thống nhất của cả nước, cấp quản lý trung ương giải quyết những vấn đề cần đối lớn trên phạm vi toàn quốc, những chỉ tiêu chủ yếu về sản xuất, phân phối và tiêu dùng. Còn cấp quản lý địa phương thì giải quyết những cần đối cụ thể, những chỉ tiêu cụ thể về sản xuất, phân phối, tiêu dùng; trên cơ sở bảo đảm thực hiện cần đối chung, đáp ứng nhu cầu sản xuất và đời sống của nhân dân địa phương. Đồng chí Lê-Duẩn đã chỉ rõ: « Kinh tế trung ương cũng như kinh tế địa phương đều gồm có công nghiệp nặng, công nghiệp nhẹ và nông nghiệp. Song, kinh tế trung ương chủ yếu là những cơ sở quan trọng nhất trong các ngành công nghiệp, nông nghiệp, đặc biệt là hệ thống then chốt trong công nghiệp

nặng: còn kinh tế địa phương chủ yếu là nông nghiệp và công nghiệp hàng tiêu dùng, dính liền với lao động, tài nguyên và ngành, nghề ở địa phương» (tr. 130 - 131).

Trong tác phẩm này, đồng chí Lê-Duẩn nhấn mạnh: vừa xây dựng kinh tế trung ương vừa phát triển kinh tế địa phương là quán triệt nguyên tắc tập trung dân chủ trong việc xây dựng và quản lý nền kinh tế thống nhất của cả nước. Do đó cần tránh hai khuynh hướng tập trung quan liêu và cục bộ, địa phương chủ nghĩa vì cả hai khuynh hướng này đều có hại cho sự phát triển của nền kinh tế. « Phải chống triệt để lối tập trung quan liêu, mệnh lệnh, độc đoán, gò bó, hẹp hòi; đồng thời kiên quyết đã phá tư tưởng cục bộ, địa phương chủ nghĩa, thái độ biệt phái, không nghĩ đến sự nghiệp chung của cả nước » (tr. 119).

Tóm lại, kết hợp đúng đắn xây dựng kinh tế trung ương với phát triển kinh tế địa phương trong một cơ cấu kinh tế quốc dân thống nhất là một vấn đề có tính quy luật trong quá trình tiến từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. « Đó là cách đi hợp lý để vừa giải quyết vững chắc nhu cầu đời sống của nhân dân, vừa thực hiện được việc tái sản xuất mở rộng, tạo nên tốc độ phát triển nhanh của nền kinh tế quốc dân » (tr. 52).

Như phần trên đã phân tích, phát triển kinh tế địa phương là phát huy sức mạnh tổng hợp về lao động và tài nguyên của mỗi địa phương góp phần vào việc hình thành cơ cấu kinh tế thống nhất của cả nước. Kinh tế địa phương là nơi công nghiệp và nông nghiệp gắn bó với nhau ngay từ đầu thành cơ cấu kinh tế nông—công nghiệp huyện và công — nông nghiệp tỉnh. Trong xây dựng kinh tế địa phương, huyện là địa bàn quan trọng thực hiện sự kết hợp trực tiếp giữa

nông nghiệp và công nghiệp, giữa sở hữu toàn dân với sở hữu tập thể, và cũng là nơi phát sinh nhiều vấn đề kinh tế xã hội cần được tập trung giải quyết. Đồng chí Lê-Duẩn đã chỉ rõ: « Mỗi huyện là một đơn vị kinh tế cơ bản bao gồm nhiều tổ chức sản xuất và kinh doanh hạch toán độc lập, nhưng liên kết với nhau thành một cơ cấu, làm nền móng cho kinh tế tỉnh và trung ương » (tr. 152). Việc xây dựng kinh tế của mỗi huyện gắn liền với việc xây dựng cơ cấu công — nông nghiệp tỉnh và các ngành kinh tế—kỹ thuật, đồng thời nó bao gồm một cách tất yếu việc xây dựng và củng cố hợp tác xã sản xuất nông nghiệp và các tổ chức kinh tế khác trên địa bàn huyện. Điều đó làm nổi bật chức năng tổ chức sản xuất và tổ chức đời sống của cấp huyện.

Thực hiện đường lối phát triển kinh tế xã hội chủ nghĩa do Đại hội thứ IV đề ra, nhất là thực hiện những nội dung chính của công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trong chặng đường trước mắt do Đại hội thứ V của Đảng nêu lên, chúng ta càng thấy rõ vai trò của cấp huyện đối với việc hình thành cơ cấu nông — công nghiệp huyện là rất quan trọng. Đồng chí Lê-Duẩn đã xác định: « Nhiệm vụ cơ bản, quan trọng của huyện là *dầy mạnh sản xuất nông nghiệp*, xây dựng một nền nông nghiệp sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, thâm canh, chuyên canh, trồng trọt và chăn nuôi cân đối, và *xây dựng nông thôn mới*. Để phục vụ và thúc đẩy sản xuất nông nghiệp, một mặt, phải dựa vào sức công nghiệp của trung ương và của tỉnh, thành phố; mặt khác, phải xây dựng ngay một số cơ sở công nghiệp nhỏ và vừa, gắn liền với nông nghiệp để hình thành từng bước cơ cấu kinh tế nông—công nghiệp » (tr. 152).

Đồng chí Lê-Duẩn đã nêu lên một số biện pháp cơ bản để tiến hành quy

hoạch và tổ chức sản xuất trên địa bàn huyện.

Trước hết, mỗi huyện phải nắm chắc diện tích đất đai bao gồm đất trồng lúa, trồng màu, trồng cây công nghiệp, rừng và đất rừng... Từ đó có kế hoạch trồng cây gì, nuôi con gì có hiệu quả kinh tế cao nhất. Nắm chắc lực lượng lao động trên phạm vi toàn huyện, trong từng hợp tác xã..., có kế hoạch tổ chức và phân bổ lao động hợp lý trên địa bàn huyện. Những nơi thừa lao động thì có kế hoạch điều người đi xây dựng vùng kinh tế mới. Nắm vững các ngành nghề truyền thống và những cơ sở vật chất kỹ thuật sẵn có trong huyện, sử dụng hết năng lực tiềm tàng, đồng thời mở rộng và phát triển các ngành, nghề mới, tạo ra được tập quán sản xuất, tập quán canh tác mới.

Trên cơ sở nắm vững tình hình các mặt nói trên và dựa vào quy hoạch chung của tỉnh mà vạch ra nhiệm vụ tổ chức lại sản xuất và đời sống của nhân dân trong huyện. « Trước hết, phải giải quyết cho được, và tiến tới giải quyết thật vững chắc vấn đề lương thực, thực phẩm » (tr. 166). Để thực hiện được mục tiêu ấy, ngoài sự nỗ lực chủ quan của mỗi huyện, phải có sự quan tâm của các ngành, các cấp. Trung ương và tỉnh tăng cường đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật cho huyện thực chất là tăng cường đầu tư cho nông nghiệp. Cho nên thu hút các ngành, các cấp từ trung ương đến địa phương hướng

vào mục tiêu phát triển mạnh sản xuất nông nghiệp, bảo đảm nhu cầu lương thực, thực phẩm... là hướng vào thực hiện nhiệm vụ quan trọng và cấp bách nhất mà Đại hội thứ V của Đảng đã đề ra.

Sau khi xác định vai trò quan trọng của cấp huyện trong xây dựng kinh tế địa phương, đồng chí Tổng bí thư chỉ rõ: « Bắt tay ngay xây dựng kinh tế của từng huyện, gắn liền với xây dựng cơ cấu công - nông nghiệp tỉnh và các ngành kinh tế - kỹ thuật, kiện toàn và củng cố ngay bộ máy lãnh đạo và quản lý của từng huyện, đó là một công tác then chốt trên mặt trận kinh tế hiện nay » (tr. 153).



Tác phẩm « Xây dựng kinh tế địa phương vững mạnh » của đồng chí Tổng bí thư soi sáng luận điểm cơ bản của Đảng ta về vấn đề vừa xây dựng kinh tế trung ương vừa phát triển kinh tế địa phương - một vấn đề có tính quy luật trong quá trình chuyển biến từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Đọc tác phẩm này, chúng ta có thêm những hiểu biết sâu sắc về đường lối xây dựng kinh tế xã hội chủ nghĩa mà Đảng đã đề ra, trên cơ sở đó củng cố lòng tin và quyết tâm thực hiện các chỉ thị nghị quyết của Đảng, góp phần đẩy mạnh sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa.

TÍNH DÂN TỘC VÀ TÍNH QUỐC TẾ CỦA VĂN HỌC TA

TRẦN-VĂN-BÍNH

VĂN học hiện thực xã hội chủ nghĩa trong khi khẳng định những nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa xã hội trong đời sống văn luôn luôn xuất phát từ mảnh đất cụ thể của dân tộc, văn nhằm đáp ứng những yêu cầu trước mắt và lâu dài của dân tộc. Khái niệm nội dung xã hội chủ nghĩa, do đó, không tách rời khái niệm tính chất dân tộc.

Văn học của các dân tộc là hoa trái của đời sống các dân tộc, nó mang những thuộc tính dân tộc. Những thuộc tính này nảy sinh trên cơ sở các đặc điểm của điều kiện thiên nhiên và của những quan hệ kinh tế kiêm cố đang thống trị, của những chế độ chính trị, những truyền thống văn hóa và tư tưởng của dân tộc.

Bản về tính chất dân tộc của văn học, thường người ta chú ý ngay đến ngôn ngữ. Dấu hiệu khác biệt giữa các dân tộc được biểu hiện rất rõ trong ngôn ngữ. Mỗi thứ ngôn ngữ có một hệ thống từ vựng và cú pháp riêng. Vốn từ vựng đó tạo nên những nguyên tắc miêu tả khác nhau và quy định cả đặc trưng lời nói ở trong văn

học. Cú pháp ngôn ngữ dân tộc quy định bước ngữ điệu của thơ và của văn xuôi. Cấu tạo ngữ âm của từ tạo nên tính không lặp lại của âm thanh của tác phẩm. Trong khá nhiều trường hợp, đặc điểm của ngôn ngữ dân tộc có liên quan mật thiết với thể loại thơ của dân tộc. Khó mà cắt nghĩa được đầy đủ thể thơ lục bát của nước ta nếu không chú ý tới đặc điểm âm thanh ngôn ngữ của dân tộc ta. Từ thế kỷ 19, Phạm-Dinh-Toái đã phân nào nhận ra điều đó khi ông viết: «Thề thơ lục bát đầu cũng quen thuộc không hện mà giống nhau, tao nhân mặc khách mở miệng nên thơ, gái dèi trai cày nói lời hợp điệu, cho đến câu hát của xóm làng, lời đùa của con trẻ, cũng không gì là không nhịp nhàng hợp văn...» (1). Có thể nói không hiểu được cái hay cái đẹp của ngôn ngữ một dân tộc thì sự thưởng thức cái hay cái đẹp của văn học nước đó sẽ bị hạn chế. Tuy vậy cũng cần thấy thêm rằng đặc trưng ngôn ngữ không nói hết đặc trưng

(1) Từ trong di sản... Nxb Tác phẩm mới, Hội nhà văn Việt-nam. Hà-nội, 1981, tr. 181.

dân tộc của văn học. Hiện tượng nhà văn viết theo ngôn ngữ của dân tộc khác mà vẫn giữ được bản sắc của dân tộc mình cũng là hiện tượng thường xảy ra. *Bản án chế độ thực dân Pháp* và một số truyện, ký của Nguyễn-Ái-Quốc được viết bằng tiếng Pháp, trên đất Pháp và được in trên các báo Pháp, nhưng đây là tiếng nói của một thanh niên Việt-nam yêu nước, phản ánh những tâm tư, nguyện vọng thâm kín lâu đời của nhân dân Việt-nam.

Vấn đề đặt ra là cái gì tạo nên đặc điểm tính cách dân tộc và tính chất dân tộc đó được biểu hiện trong văn học như thế nào. Chúng ta đều biết rằng sự cộng đồng về lãnh thổ là điều kiện đầu tiên để hình thành các dân tộc. Sự cộng đồng đó tạo nên những nỗ lực chung nhằm duy trì sự tồn tại và phát triển của dân tộc. Kết quả của quá trình đó là sự hình thành những tâm lý tính cách xã hội, nảy sinh những quan niệm và tập quán kiên cố. Các tác phẩm văn học đầu tiên của nhân loại: thần thoại, truyền thuyết, cổ tích, v.v. là tấm gương phản ánh trung thành đời sống và tâm trạng của các dân tộc ở thời kỳ ban đầu. «Son tinh, Thủy tinh», «Phù Đổng thiên vương», bà Âu Cơ đẻ một trăm trứng, v.v., các thần thoại và truyền thuyết đó cất nghĩa nguồn gốc của tinh thần gan dạ, dũng cảm và tình thương yêu gắn bó giữa những người cùng chung số mệnh. Hai tiếng «đồng bào» (cùng một bọc), cũng như câu ca dao quen thuộc

Bầu ơi thương lấy bí cùng,

Tuy rằng khác giống nhưng chung

một giàn

khắc họa một nét chủ đạo trong tâm hồn dân tộc Việt-nam ta. Càng yêu thương và gắn bó với nhau thì con người càng căm ghét sự phản trắc, sự lừa dối. Đó cũng là một nội dung khá phổ biến trong các truyền thuyết, truyện cổ tích và văn học cổ điển của nước ta.

Điều kiện thiên nhiên, điều kiện khí hậu bao quanh cũng tác động tới cách cảm nghĩ của con người. Đối với các dân tộc ở vùng nhiệt đới, hình ảnh thân thiết không phải là mặt trời như ở phương Bắc quanh năm lạnh giá mà lại là mặt trăng. Văn thơ ta thường nói về mặt trăng: «Khuôn trăng đầy đặn, nét ngài nở nang». «Xuân xanh chừng độ trăng tròn lẽ»... Ánh trăng thường là khung cảnh của tình yêu. Hình ảnh những cây cỏ nhiệt đới, quen thuộc cũng thường được dùng để nói về vẻ đẹp và nét đáng con người: con mắt lá rùm, lòng mày lá liễu, ngón tay búp măng, tóc rẽ tre, khuôn mặt trái xoan, v.v.

Đặc trưng dân tộc còn chịu sự quy định của những điều kiện kinh tế và xã hội. Lối sống có tính chất công xã kéo dài khá lâu trong lịch sử dân tộc ta, sự phân chia làng xã theo ranh giới tự nhiên đã dần dần tạo nên cái tâm lý cục bộ, địa phương. Thêm vào đó, sự sản xuất theo lối thủ công cũng ăn sâu và tạo nên tác phong lề mề, tùy tiện trong đời sống dân tộc ta. Sự thống trị lâu đời của ý thức hệ phong kiến ở nước ta cũng để lại dấu vết khá rõ trong tâm lý người Việt-nam trước đây: đẳng cấp, trọng nam khinh nữ...

Khái niệm tính dân tộc là một khái niệm rất phức tạp, trong đó bao hàm cả những yếu tố tích cực, tiến bộ lẫn những yếu tố tiêu cực, lạc hậu. Tất cả các yếu tố đó đều được hình thành một cách lịch sử. Nói chung những yếu tố nào gắn với sự sinh tồn và phát triển của dân tộc thì thường có tính chất tiến bộ, ví dụ sự cần cù, dũng cảm, tình yêu thương đùm bọc nhau, v.v. Vì vậy, khi khai thác đặc trưng dân tộc trong tính cách tâm hồn, cần có quan điểm khoa học và cách mạng. Luận điểm của Lê-nin về hai nền văn hóa dân tộc trong một nền văn hóa dân tộc quá khứ là luận điểm cơ bản giúp chúng ta phân biệt

cái chân cái nguy trong các truyền thống dân tộc. Theo Lê-nin, cái có giá trị trong các nền văn hóa dân tộc quá khứ là cái mang theo tính chất dân chủ và xã hội chủ nghĩa. Đó là sản phẩm tinh thần của quần chúng lao động và của những nhà văn hóa tiến bộ đại diện cho nguyện vọng và quyền lợi của quần chúng nhân dân. Cái có tính chất phản động, lạc hậu trong nền văn hóa dân tộc quá khứ là cái mang theo tính chất phản khoa học, ngu dân, và đó là sản phẩm trực tiếp của các giai cấp bóc lột.

Nói đến truyền thống văn hóa dân tộc là nói đến những đặc điểm về tính cách tâm hồn của dân tộc và cũng là nói đến những hình thức nghệ thuật đã hình thành một cách khá ổn định trong nền văn hóa dân tộc. Nói chung đối với các hình thức nghệ thuật dân tộc, việc giữ lại các hình thức đó là điều rất cần thiết. Không thể nhân danh cái mới mà xóa bỏ hình thức nghệ thuật cổ truyền của dân tộc. Thành tựu của nền văn học cách mạng của chúng ta mấy chục năm qua một phần đáng kể cũng là ở chỗ đã sưu tầm, phát hiện, nghiên cứu và phát huy các hình thức nghệ thuật mà nhân dân các dân tộc nước ta đã sáng tạo ra. Nếu tại hội nghị tranh luận về sân khấu năm 1948 tại Việt-bắc, một số người còn mơ hồ đối với di sản quá khứ thì thực tế mấy chục năm qua đã cải chính hoàn toàn những sai lầm đó. Ngay từ năm 1949, trong bản báo cáo quan trọng "Chủ nghĩa Mác và vấn đề văn hóa Việt-nam", đồng chí Trường-Chinh đã phát biểu rõ quan điểm của Đảng ta đối với di sản quá khứ: thái độ tiếp thu có phê phán, đãi cát tìm vàng. Cổ nhiên không phải là thái độ "phục cổ" một cách máy móc như Bác Hồ đã nhiều lần căn dặn.

Việc khắc họa các đặc trưng dân tộc trong tính cách tâm hồn có phần phức tạp hơn. Tôi kéo xe của Tam-Lang dù có ghi lại được một số nét

về đời sống lam lũ và lời ăn tiếng nói của người kéo xe trong chế độ cũ, vẫn không có tính nhân dân, tính dân tộc. Trái lại, *Truyện Kiều* của Nguyễn-Du lại mang tính nhân dân cao và đậm màu sắc dân tộc. Vấn đề đặt ra là nhà văn tìm về dân tộc với thái độ nào. Chỉ với thái độ đi tìm tài liệu thì mãi mãi nhà văn không bắt gặp được tính dân tộc. Tìm về dân tộc trước hết là xác định đúng chỗ đứng của mình trong cuộc sống dân tộc và ý thức được trách nhiệm của mình đối với sự phát triển của dân tộc. Không xác định được điều đó thì hoặc là quay lưng với dân tộc, hoặc bệ nguyên xi tất cả những gì đã có trong lịch sử. Thái độ của nền văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa khác với thái độ của các nền văn học quá khứ trong vấn đề tính dân tộc chủ yếu cũng là ở đó.

Văn học hiện thực phê phán các nước thường có nhiều thành tựu hơn cả trong việc khắc họa tính chất dân tộc. Đó một mặt là do yêu cầu thâm mỹ của phương pháp sáng tác, chủ nghĩa hiện thực phê phán xây dựng được những tính cách điển hình trong những hoàn cảnh điển hình, mặt khác do chỗ các nhà văn hiện thực phê phán nhận thức khá rõ mình là thành viên của một dân tộc nhất định. Tuy nhiên những đặc trưng dân tộc trong tính cách ở văn học hiện thực phê phán vẫn chưa được lý giải theo con mắt lịch sử và biện chứng.

Trong quan niệm của chủ nghĩa Mác-Lê-nin, vấn đề tính chất dân tộc trong văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa của chúng ta ngày nay được xét trên hai bình diện: cái phổ biến và cái cụ thể, cái quá khứ và cái hiện tại. Chủ nghĩa Mác-Lê-nin cho rằng quy luật phát triển của lịch sử từ chế độ nô lệ, chế độ phong kiến, chế độ tư bản lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản là quy luật chung có tính chất phổ biến toàn nhân loại. Nhưng

quy luật chung đó được biểu hiện ra một cách khác nhau ở các nước khác nhau. Có những nước tiến từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, nhưng lại có những nước tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Do vậy tiến trình cách mạng và những nhiệm vụ cụ thể của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở các nước không hoàn toàn giống nhau. Trong tiến trình của cách mạng xã hội chủ nghĩa, cùng với việc xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, còn phải xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa có tính đến những truyền thống lịch sử của mỗi dân tộc.



Văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa trong khi khắc họa đặc trưng dân tộc của mỗi nước sẽ mang lại những bức tranh nghệ thuật sinh động, cụ thể, đa dạng về tiến trình vận động của cách mạng thế giới, đồng thời còn làm nhiệm vụ tiếp thu, đề cao những tinh hoa trong đời sống tinh thần của mỗi dân tộc. Những tinh hoa đó bao gồm những cái đẹp về nội dung và về hình thức. Đó là những « khuôn mẫu của cái đẹp » do các dân tộc đã tạo nên mà nhiệm vụ của chúng ta là phải gìn giữ. Mọi tinh hoa của dân tộc đều gắn với quần chúng nhân dân, đều biểu hiện ở quần chúng nhân dân. Vì vậy người nghệ sĩ có tinh thần dân cao không thể không tìm về những tinh hoa của dân tộc. Chủ tịch Hồ-Chí-Minh là hiện thân của tinh thần đó. Ngay từ thời còn trẻ, ở tuổi 30, Người đã quan tâm sâu sắc đến tính chất dân tộc của nghệ thuật. Theo lời đề của E-ri-ích Giô-han-son, họa sĩ người Thụy-điển, từ những năm 20 thế kỷ này, Hồ Chủ tịch đã có lần phát biểu rằng: « ... Mỗi dân tộc cần phải chăm lo đặc tính dân tộc mình trong nghệ thuật » (2). Năm 1962, nhân đi xem triển lãm mỹ thuật toàn

quốc, Hồ Chủ tịch đã căn dặn: « nên phát huy cốt cách dân tộc » (3).

Các dân tộc có những truyền thống lịch sử khác nhau, có những nét tâm lý khác nhau, nhưng những khác nhau đó không thể dẫn tới sự thù địch giữa các dân tộc. Tâm lý thù địch giữa các dân tộc là sản phẩm của ý thức hệ của các giai cấp bóc lột. Đối với người cộng sản, tính chất dân tộc không mâu thuẫn với tính chất quốc tế. Chủ nghĩa quốc tế vô sản, theo Lê-nin, là bản chất của đường lối của giai cấp công nhân. Lê-nin nói: « Chúng ta phản đối những mối hận thù dân tộc, những mối bất hòa dân tộc, sự biệt lập dân tộc. Chúng ta là những người quốc tế chủ nghĩa » (4). Để có tinh thần quốc tế, phải đấu tranh chống quan niệm bất bình đẳng về dân tộc, hơn nữa phải biết « suy nghĩ không chỉ về dân tộc mình, mà còn phải biết đặt lợi ích của mọi dân tộc, tự do và bình đẳng của các dân tộc lên trên hết » (5). Chủ nghĩa yêu nước của giai cấp vô sản cũng biểu hiện sự thống nhất giữa tinh dân tộc và tinh quốc tế. Nếu trong chế độ phong kiến, trước họa xâm lăng do bọn phong kiến nước ngoài gây ra, nhà thơ yêu nước vĩ đại chỉ có thể nói:

Nam quốc sơn hà Nam đế cư

Tiết nhiên định phận tại thiên thư

Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm

Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư

thi trong cuộc chiến đấu vì độc lập và tự do của Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, tinh thần yêu nước của chúng ta không bị giới hạn bởi khuôn khổ của lãnh thổ đất nước mình:

Ta vì ta ba chục triệu người

Cũng vì ba ngàn triệu trên đời

(2), (3) Hồ-Chí-Minh: *Văn hóa nghệ thuật cũng là một mặt trận*, Nxb văn học, Hà-nội, 1981, tr. 480.

(4) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1977, tập 40, tr. 49.

(5) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, bản tiếng Nga, tập 30, tr. 44.

Ta tha thiết tự do dân tộc
 Không chỉ vì một dải đất riêng
 Kề đã rác trên mình ta thuộc độ
 Đốt màu xanh cả trái đất thiêng...
 (« Miền Nam » của Tố-Hữu)

Chủ nghĩa yêu nước của giai cấp vô sản biến cuộc chiến tranh giải phóng của dân tộc thành cuộc đấu tranh giai cấp có ý nghĩa quốc tế. Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của chúng ta vừa qua là ví dụ tiêu biểu. Bản thân cuộc chiến đấu đó đã trở thành một đề tài có ý nghĩa quốc tế. Bên cạnh các nhà văn nước ta có nhiều bạn đồng nghiệp nước ngoài mà tên tuổi và sự nghiệp gắn với cuộc chiến đấu chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta. Mỗi nhà văn nhà thơ đó có những cách nói khác nhau, khai thác những chủ đề khác nhau, nhưng tất cả cùng hòa chung một tiếng nói: phản đối đế quốc Mỹ xâm lược, bảo vệ Việt-nam. Đó là tiếng nói thấm nhuần chủ nghĩa quốc tế.

Tính chất quốc tế của nền văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa là kết quả tất yếu của việc nhận thức và phản ánh hiện thực dưới ánh sáng của lý tưởng thâm mỹ của giai cấp vô sản cách mạng. Lý tưởng thâm mỹ đó chỉ đạo người nghệ sĩ khai thác những chủ đề có ý nghĩa quốc tế, xây dựng những tính cách mới, những tính cách đó đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp cách mạng của giai cấp vô sản trên toàn thế giới. Tính chất quốc tế của nền văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa đòi hỏi người nghệ sĩ có một tầm khái quát rộng lớn, biết gắn các sự kiện riêng lẻ của mỗi nước với quy luật vận động của lịch sử, với tiến trình cách mạng của thế giới. Về phương diện đó, tính chất quốc tế có ý nghĩa chất lượng của sự nhận thức, của sự khái quát hóa và của hệ tư tưởng của người nghệ sĩ.

Ngoài ra tính chất quốc tế của nền văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa còn mang ý nghĩa của sự tác động

một cách có ý thức giữa các nền văn học cùng chung một hệ tư tưởng. Do vị trí lịch sử đặc biệt, nền văn học xô viết đã có công khai phá con đường đi tới chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa, và mấy chục năm qua luôn đứng ở đỉnh cao của nền văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa thế giới. Cổ nhiên trong sự tiếp nhận ảnh hưởng của văn học xô viết, các nền văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa của các nước vẫn cắm rễ sâu vào đời sống dân tộc nước mình và tiếp thu các truyền thống nghệ thuật vốn có của dân tộc. Mỗi khác, với những nỗ lực và thành tựu riêng của mình, nền văn học cách mạng mỗi nước lại đóng góp phần mình vào sự phát triển của nền văn học cách mạng thế giới. Với tất cả sự dè dặt và khiêm tốn cần thiết, chúng ta có thể nói rằng nền văn học cách mạng của chúng ta đã góp phần đáng kể trong việc miêu tả sức mạnh của cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc, miêu tả bộ mặt thật của bọn đế quốc trong nửa thứ hai của thế kỷ 20 này. Đúng như nhận định của Đại hội thứ IV của Đảng: « Với những thành tựu đã đạt được chủ yếu trong việc phản ánh hai cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc, văn học, nghệ thuật nước ta xứng đáng đứng vào hàng ngũ tiên phong của những nền văn học, nghệ thuật chống đế quốc trong thời đại ngày nay » (6).

Như vậy tính chất quốc tế là một thuộc tính của nền văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa. Tính chất quốc tế tạo điều kiện cho sự phát triển của những nhân tố tiến bộ, nhân đạo trong các truyền thống dân tộc, đồng thời hướng các nhân tố đó vào một mục tiêu chung, vào một lý tưởng chung.



(6) Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1977, tr. 121.

Ba khái niệm nội dung xã hội chủ nghĩa, tính chất dân tộc và tinh thần quốc tế là ba khái niệm gắn bó với nhau một cách hữu cơ trong nền văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa. Thiếu một trong ba phạm trù đó thì ý nghĩa trọn vẹn, hoàn chỉnh của khái niệm văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa sẽ không còn nữa. Cổ nhiên nói đến nội dung xã hội chủ nghĩa không thể không bàn đến nguyên tắc tính Đảng, cũng như nói đến tính chất dân tộc không thể không bàn đến tính nhân dân. Sự thống nhất của ba khái niệm nội dung xã hội chủ nghĩa, tính chất dân tộc và tinh thần quốc tế được quy định bởi đặc điểm của thể giới quan và lý tưởng thẩm mỹ của nền văn học hiện thực xã hội chủ

nghĩa. Chính nội dung xã hội chủ nghĩa đòi hỏi văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa phải có tính chất dân tộc và tinh thần quốc tế. Hơn nữa nội dung xã hội chủ nghĩa bảo đảm cho sự thống nhất giữa tính chất dân tộc và tinh thần quốc tế. Nội dung xã hội chủ nghĩa, tính chất dân tộc và tinh thần quốc tế là phương hướng phát triển của nền văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa của mỗi nước, là thước đo giá trị của các tác phẩm văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa, đồng thời cũng là tiêu chuẩn để phân biệt tác phẩm hiện thực xã hội chủ nghĩa chân chính với những tác phẩm chịu ảnh hưởng của hệ tư tưởng tư sản cũng như mọi hệ tư tưởng phi vô sản khác.

Cuộc đấu tranh...

(Tiếp theo trang 27)

này» (5), nâng cao năng lực hiểu biết thực tiễn, kiến thức quản lý kinh tế để tạo nên một sự chuyển biến mạnh mẽ về năng lực tổ chức hoạt động thực tiễn. Đây là đòi hỏi khách quan của «một cuộc đấu tranh tổng hợp mà chúng ta phải nhận thấy đầy đủ tầm quan trọng và tính chất phức tạp» (6) để tiến lên giành thắng lợi

to lớn, quyết định cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta hiện nay

(5) «Phương hướng, nhiệm vụ và những mục tiêu chủ yếu về kinh tế và xã hội trong 5 năm (1981—1985) và những năm 80», *Tạp chí Cộng sản*, số 4-1982, tr. 127.

(6) «Phương hướng, nhiệm vụ và những mục tiêu chủ yếu về kinh tế và xã hội trong 5 năm (1981—1985) và những năm 80», *Tạp chí Cộng sản*, số 4-1982, tr. 127.

CÔNG TÁC GIÁO DỤC Ở GIA-LAI-KON-TUM

BÍCH-HOÀNG



GIA-LAI - Kon-tum là tỉnh miền núi có hơn 600 nghìn dân, trong đó 60% là đồng bào các dân tộc thiểu số. Từ sau giải phóng, công tác giáo dục ở Gia-lai - Kon-tum không ngừng phát triển. Trước yêu cầu của cách mạng, sự nghiệp giáo dục ở đây đang đặt ra nhiều vấn đề cấp thiết. Nghị quyết Đại hội V của Đảng đã chỉ rõ: "Ở miền Nam và miền núi, đi đôi với mặt chất lượng phải rất chú trọng phát triển về số lượng trường lớp, nhất là ở bậc phổ thông, đồng thời không xem nhẹ công tác bồi túc văn hóa và xóa nạn mù chữ".

Ngày mới giải phóng (3-1975), trừ một số vùng như Plây-cu, Kon-tum, A-dun-pa, An-khê có cơ sở giáo dục với hầu hết học sinh là con em người Kinh, còn các vùng dân tộc thiểu số, vùng nông thôn, vùng xa đường giao thông... hầu như không có trường lớp. 95% đồng bào các dân tộc mù chữ. Đến nay, công tác giáo dục ở Gia-lai - Kon-tum đã đạt được những thành tích to lớn. Hệ thống giáo dục mầm non và phổ thông cơ sở phát triển mạnh. Các xã, thôn đều có lớp, có trường. Tỉnh đến nay có 8930 cháu đến nhà trẻ; 17513 cháu đến lớp mẫu giáo; 113768 học sinh phổ thông cơ

sở; 3296 học sinh phổ thông trung học. Cuối năm 1977, toàn tỉnh đã cơ bản hoàn thành việc xóa nạn mù chữ cho nhân dân. Hiện nay có 9010 người đang theo học các lớp bồi túc văn hóa. Tỉnh trung bình cứ bốn người dân có một người đi học. Để đào tạo cán bộ, giáo viên người các dân tộc thiểu số, tỉnh đã mở nhiều trường sư phạm, trường bồi dưỡng cán bộ. Hằng năm có hàng nghìn học sinh ra trường, bổ sung cho các trường, các cơ sở giáo dục trong tỉnh.

Nét tiêu biểu, đồng thời cũng là hướng đi phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế, văn hóa, đúng với nguyên lý giáo dục của Đảng là mạng lưới trường thanh niên dân tộc vừa học vừa làm được hình thành và phát triển ở Gia-lai - Kon-tum. Bước đầu các trường này đã thu được những kết quả đáng kể.

Sự nghiệp giáo dục ở Gia-lai - Kon-tum trong những năm qua đã góp phần vào việc đem ánh sáng của Đảng đến với đồng bào các dân tộc, nâng cao trình độ hiểu biết của nhân dân, đào tạo đội ngũ cán bộ con em các dân tộc phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, đẩy lùi những tàn dư văn hóa thực dân mới, phản động, đồi trụy và những phong tục tập quán lạc hậu.

Tuy nhiên, công tác giáo dục ở Gia-lai - Kon-tum còn bộc lộ nhiều thiếu sót, nhược điểm cần khắc phục kịp thời. Tình hình giáo dục phát triển chưa đều, chưa liên tục, chưa thu hút đông đảo con em các dân tộc đến lớp. Hiện nay còn 40.807 cháu trong tuổi mẫu giáo chưa đến trường hoặc chưa có trường, lớp để đến học. Số học sinh phổ thông cơ sở, nhất là học sinh các dân tộc thiểu số giảm sút nghiêm trọng (giảm 13.893 học sinh so với đầu năm học 1981 - 1982). Tỷ lệ học sinh người dân tộc thiểu số càng lên lớp trên càng thấp: cấp I: 60%; cấp II: 10%; cấp III: 2%. Chất lượng học sinh nói chung còn thấp, đã 7 năm sau ngày giải phóng mà trình độ học sinh người dân tộc thiểu số chủ yếu vẫn là lớp 1 hoặc lớp 2. Tình trạng mù chữ trở lại và mù chữ mới trong nhân dân đang ngày càng phát triển. Cơ sở vật chất, trang bị, thiết bị phục vụ yêu cầu giảng dạy và học tập quá nghèo nàn, thiếu thốn, vừa không bảo đảm tính khoa học, óc thẩm mỹ, vừa không bảo đảm sức khỏe cho giáo viên và học sinh, đồng thời làm cả thầy và trò ít phấn khởi, kèm gần bó với trường, với lớp. Vì thiếu trường, lớp cho nên nhiều trường, nhiều lớp hiện có phải dạy hai, ba ca một ngày. Ở một số nơi, học sinh không có ghế để ngồi, không có bàn để viết hoặc phải ngồi trên một cây gỗ tròn và kê vổ lên tấm liếp. Bảng đen thì được thay bằng một mảnh giấy dầu (!). Giáo viên cũng không có ghế ngồi, không có chỗ đặt sách vở để giảng dạy. Một số trường được chọn làm "trường điểm" để thực hiện cải cách giáo dục cũng còn thiếu thốn nhiều thứ tối thiểu.

Hầu hết giáo viên ở Gia-lai - Kon-tum là từ miền Bắc vào hoặc từ các tỉnh đồng bằng lên. Do điều kiện sinh hoạt, đời sống có nhiều khó khăn, lại xa nhà, cho nên anh chị em ít yên tâm công tác, kèm hào hứng phấn khởi. Một số giáo viên bỏ nghề

về quê hoặc dạy uề oải, chiếu lệ. Đa số giáo viên không biết tiếng dân tộc thiểu số địa phương cho nên việc giảng dạy, giao tiếp có nhiều khó khăn, không thu hút được học sinh. Công tác giáo dục hướng nghiệp trong nhà trường phổ thông chưa tốt, việc sử dụng học sinh tốt nghiệp cấp II, cấp III, học sinh không có khả năng học lên nữa còn lúng túng, chưa có phương hướng cụ thể...

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng trên. Ngoài những nguyên nhân chung của tình hình đất nước hiện nay, có những nguyên nhân thuộc về chủ quan của đảng bộ, chính quyền địa phương. Trước hết, cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương nhận thức chưa đầy đủ, đúng đắn về tầm quan trọng và ý nghĩa của công tác giáo dục. Một số cán bộ, nhân dân còn có những nhận thức lệch lạc về vấn đề này và khoán trắng việc dạy dỗ con em mình cho ngành giáo dục. Bản thân ngành giáo dục chưa làm tham mưu tốt cho cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương, chưa tự mình vươn lên để khắc phục khó khăn mà có xu hướng trông chờ vào cấp trên, chưa phát huy khả năng đóng góp của nhân dân trong việc xây dựng sự nghiệp giáo dục.

Cần tuyên truyền, vận động, cổ vũ nhân dân hăng hái, sôi sảng tham gia công tác giáo dục và làm cho việc quan tâm tham gia sự nghiệp phát triển giáo dục thành một phong trào quần chúng rộng rãi, mạnh mẽ, liên tục. Cán bộ, nhất là cán bộ chủ chốt của huyện, xã, buôn làng, đảng viên, đoàn viên... phải đi đầu trong công tác xóa nạn mù chữ, bỏ tục văn hóa.

Phần lớn con em trong tỉnh là người các dân tộc thiểu số. Cần có chế độ, chính sách thích hợp nhằm khuyến khích, động viên sự học tập, gần bó với trường, với lớp của các em. Các loại trường nội trú, nửa nội trú, trường tập trung, nửa tập trung

được Nhà nước dài thọ hoặc do Nhà nước kết hợp với tập thể. cha mẹ học sinh và thầy trò cùng làm... là những hình thức thích hợp với hoàn cảnh kinh tế - văn hóa ở Gia-lai - Kon-tum hiện nay.

Muốn có học sinh dễ đào tạo cán bộ tại chỗ, và theo phương hướng kết hợp giữa đào tạo cán bộ và phát triển kinh tế theo vùng thì tổ chức loại trường thanh niên dân tộc vừa học vừa làm là thích hợp nhất. Ở đây, học sinh vừa học văn hóa vừa học một nghề cụ thể, khi ra trường có thể ứng dụng ngay được. Phải tích cực tổ chức lại mạng lưới trường lớp, tạo điều kiện thuận lợi, dễ dàng cho việc đi lại của học sinh và phù hợp với tập quán sản xuất của người dân tộc thiểu số như đưa lớp học xuống tận buôn làng chẳng hạn. Ngoài ra, có thể tổ chức một số lớp học ngay trên địa bàn sản xuất khi mùa phát nương, làm rẫy đến; có như vậy mới tránh được hiện tượng bỏ học giữa chừng và lưu ban triền miên như hiện nay.

Bất kỳ ở đâu, trong hoạt động của giáo dục, người giáo viên là nhân vật trung tâm của nhà trường, quyết định chất lượng giáo dục tốt hay xấu trong từng tiết học, buổi học. Ở Gia-lai - Kon-tum, từ cấp I đến cấp III, hầu hết giáo viên là do miền Bắc và các tỉnh miền xuôi chi viện, họ đang bám sát cơ sở, buôn làng để làm nhiệm vụ. Nếu được tổ chức tốt, họ sẽ là những chiến sĩ cách mạng trên mặt trận tư tưởng, văn hóa ở địa phương. Trong một vài năm tới, khi chưa đào tạo đủ đội ngũ giáo viên tại chỗ, để giúp giáo viên ổn định đời sống, yên tâm công tác và công tác tốt, ngoài việc thực hiện các chế độ, chính sách hiện hành của Nhà nước, cần có một số chế độ, chính sách cụ thể của địa phương như giải quyết vấn đề nhà ở, đất sản xuất, vấn đề mua lương thực, thực phẩm tại chỗ, giải quyết kịp

thời các nhu cầu về giảng dạy và đời sống của giáo viên. Cũng cần có chế độ thích đáng để động viên những giáo viên biết tiếng dân tộc thiểu số ở địa phương, vận động được nhiều học sinh đến lớp và giảng dạy đạt chất lượng cao.

Song song với việc củng cố, tăng cường chất lượng đào tạo ở các trường sư phạm, nhằm cung cấp cho tỉnh một đội ngũ giáo viên tốt hơn hiện nay cả về số lượng và chất lượng, một công tác hết sức quan trọng cần được quan tâm cải tiến là *công tác quản lý giáo dục ở các cấp*. Ở ty và các ban giáo dục huyện, thị, trong bộ phận chuyên môn, cần bổ sung những cán bộ giỏi có trình độ chuyên môn vững vàng làm nòng cốt.

Gia-lai - Kon-tum là một tỉnh miền núi có thể mạnh về rừng. Thực hiện phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm", ở đây cần dựa vào sự đóng góp của cha mẹ học sinh, chủ yếu là về sức lao động để khai thác gỗ làm trường, dựng lán, dựa vào các tập đoàn sản xuất và hợp tác xã nông nghiệp để xây dựng các tổ mộc, tổ rèn, làm bàn, ghế, bảng đen, tủ sách... như một số nơi đã làm, tạo điều kiện tốt cho con em nhân dân có lớp học và những phương tiện học tập cần thiết. Từ phương châm này, có thể tạo nên một hướng giải quyết tốt trong công tác hướng nghiệp cho học sinh nếu biết tổ chức và co sự đầu tư thích đáng.

Có Nghị quyết của Đại hội V soi đường, có thể mạnh và có tiềm năng kinh tế của tỉnh, được sự chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, ngành giáo dục Gia-lai - Kon-tum kết hợp tốt với các ngành khác, nhất định sẽ tạo được cho mình một thế đứng vững chắc, đầy hứa hẹn và chắc chắn sẽ thu được những thành tích to lớn hơn nhiều trong những năm tới.

PHÉP NƯỚC TRIỀU TRẦN

CHU - MỘNG



RIÊU Trần thay thế triều Lý giữa lúc giặc Nguyên đang tung hoành trên lục địa Á - Âu, nước ta đứng trước mối đe dọa nghiêm trọng của nạn ngoại xâm.

Củng cố chế độ trung ương tập quyền trở thành một nhu cầu cấp bách cả trong sự nghiệp dựng nước lẫn giữ nước. Xây dựng được một chính quyền trung ương mạnh cũng có nghĩa là tăng cường được sức mạnh giữ nước. Chính vì thế, vào đầu đời Trần «tổ chức chính quyền và các quy chế hành chính được xác định rõ trong bộ *Quốc triều thông chế* gồm 20 quyền. Hoạt động pháp chế của Nhà nước cũng được tăng cường. Sau nhiều lần sửa đổi và bổ sung, nhà Trần biên soạn một bộ luật mới gọi là *Hình thư*» (1). Như vậy, ngay sau khi thay thế triều Lý, những người cầm đầu triều Trần đã đặc biệt chú trọng việc xây dựng phép nước và thi hành phép nước nghiêm minh, xem *phép nước là một trong những yếu tố cơ bản trong sức mạnh dựng nước và giữ nước*.

Trong cuộc kháng chiến thứ hai chống quân xâm lược Nguyên (1285),

quân ta người nào cũng thịch trên cánh tay hai chữ «SẮT THẮT» xem đấy là phép nước tối cao mà mọi người Việt-nam từ vua đến dân phải triệt để tuân theo dù phải hy sinh tính mệnh của mình. Khi đem thư của vua Trần đến trại quân Nguyên với mục đích thăm dò tình hình giặc, Đỗ Khắc-Chung đã giơ cánh tay mình có thịch hai chữ «sắt thắt» cho tướng Nguyên Ô-Mã-Nhi xem để tỏ cho tướng giặc thấy tinh thần kiên cường bất khuất, quyết chiến của quân và dân ta.

Chính đề thi hành phép nước thiêng liêng đó, tất cả các phụ lão trong nước đến dự hội nghị Diên-hồng đều đồng thanh hô một tiếng «Danh». Cũng từ phép nước tối cao đặt lên trên cả quyền của vua đó, trong khi giặc Nguyên đang ở thế tiến công ồ ạt, quân và dân ta lâm vào tình trạng cực kỳ khó khăn, Trần-Quốc-Tuân khẳng khái nói với vua Trần: «Xin bệ hạ hãy chém đầu thần trước rồi hãy hàng»!

Từ vua đến dân, từ triều đình đến khắp các địa phương, từ miền xuôi

(1) *Lịch sử Việt-nam. Nxb khoa học xã hội. Hà-nội. 1971. tập 1, tr. 186.*

đến miền ngược, từ người kinh đến người các dân tộc thiểu số miền núi, phép nước thiêng liêng này được tuân theo và chấp hành nghiêm minh, triệt để. Quân đội chủ lực của triều đình cùng quân đội địa phương và quân đội của Vương hầu hành động phối hợp chặt chẽ theo một kế hoạch tác chiến thống nhất dưới sự chỉ huy của vị thống soái tối cao do vua cử ra.

Trong cuộc kháng chiến thứ hai chống quân xâm lược Nguyên (1285) lực lượng dân binh các lộ do Trần-Thống, Nguyễn-Khả-Lập, Nguyễn-Truyền chỉ huy, cùng sát cánh chiến đấu với quân đội chủ lực đã tham gia tích cực vào các trận phân công, lập được nhiều chiến công lớn.

Khi đạo quân Nập-tốc-lạt Đình rút chạy về Văn-nam, chúng đã bị dân binh các dân tộc miền núi do Hà-Đặc, Hà-Phương chặn đánh tại Phú-ninh và bị tổn thất nặng nề.

Khi bọn việt gian Trần-Kiến được quân Nguyên hộ tống về nước vừa đến trại Ma-lục (Chi-lăng, Lạng-son), chúng bị dân binh người Tày do Nguyễn-Thế-Lộ, Nguyễn-Lĩnh chỉ huy phối hợp với một bộ phận quân đội của triều đình tập kích liên tục cả ngày lẫn đêm. Gia nô của Trần-Quốc-Tuấn là Nguyễn-Địa-Lô đã giết chết Trần-Kiến ngay trên mình ngựa.

Phép nước «**SÁT THIẾT**» là kỷ cương gắn chặt mọi người dân Đại-việt trong khối đoàn kết dân tộc, là nền tảng của thể trận; đưa sức cả nước ra đánh giặc Nguyên. Phép nước quyết định sự tồn vong của quốc gia dân tộc đó, phải được thấm nhuần và thi hành từ triều đình đến tận các thôn xóm làng xã. Vì thế, trong bước chuẩn bị cho đất nước bước vào cuộc kháng chiến thứ hai chống giặc Nguyên xâm lược, triều Trần đã xuống chiếu: «*Tất cả các quan huyện trong nước, nếu có giặc ngoài đến, phải liều chết mà đánh, nếu sức không địch nổi thì cho phép lần*

tránh vào rừng núi, không được đầu hàng» (2).

Tuân theo phép nước, thà chịu chết, không chịu hàng giặc, Trần-Binh-Trọng để lại tám gương hy sinh cao cả chói lọi nghìn thu.

Qua ba cuộc kháng chiến chống quân Nguyên, trong cả nước chỉ có hai làng đầu hàng giặc. Dân hai làng đó bị «*xử tội đồ... không được làm quan, cấp cho các tề thần làm hoành (nô) sai khiến*» (3).

Các vương hầu đã đầu hàng và chạy theo giặc cũng đều bị «*kết án vắng mặt, xử tội lưu hay tử, điền sản tịch thu làm của Nhà nước, bỏ quốc tịch. Như Trần-Kiến là con Tĩnh-Quốc thì đổi làm họ Mai... Ich-Tắc là chỗ tinh thần anh em, tuy trị tội cũng thế, nhưng không nỡ đổi họ xóa tên, chỉ gọi là A Trần*» (4).

Đề có thể duy trì được phép nước trong chiến tranh, những người cầm đầu triều Trần tỏ ra rất quan tâm đến việc duy trì phép nước ngay trong thời bình, trong các hoạt động dựng nước và ngay cả trong các sinh hoạt cung đình và của cả nhân vua, quan.

Trong lịch sử thời đại phong kiến, thật hiếm có trường hợp một ông vua suýt bị truất ngôi chỉ vì tội quá chén cho nên say rượu như Trần-Anh-Tông.

Đối với các vương hầu, Trần-Thánh Tông thường đối xử rất thân mật, nhưng «*khi lễ lớn châu mừng, tân khách, yến tiệc, thì phân biệt ngôi thứ, cao thấp. Vì thế nên các vương hầu bấy giờ không ai là không hòa thuận kính sợ, mà không có lỗi lệch vì sự nhờn mặt kiêu căng*» (5).

Vợ Trần-Thủ-Độ (được phong là Linh từ quốc mẫu) có lần cứ ngồi trên kiệu khi đi qua thềm cấm; người

(2) *Lịch sử Việt-nam*. Nxb khoa học xã hội, Hà-nội, 1971, tập 1, tr. 202.

(3), (4), (5) *Dại Việt sử ký toàn thư*. Nxb khoa học xã hội, Hà-nội, 1967, tập II, tr. 65 và 37.

quân hiệu ngăn lại không cho đi. Việc trên đến tai Trần-Thủ-Độ, Trần-Thủ-Độ cho bắt người quân hiệu đến vặn hỏi. Người quân hiệu đem sự thật trả lời. Thủ-Độ nói: « Người ở chức thấp mà biết giữ phép như thế, ta còn trách gì nữa » (6).

Triều Trần đã sớm xây dựng luật hình. Ngay từ thời đó, các vua Trần đã nêu lên việc xem xét thận trọng cả lý và tình trong việc xử án. *Đại Việt sử ký toàn thư* chép: « Kể quan nô là Hoàng-Hộc và Thiên-Kiện dùng mưu kế để đánh lừa hình quan, người làng phải chịu tội vạ. Thượng hoàng biết thế bảo hình quan rằng: « Tên Hộc gian giảo đến thế mà ngục quan không biết suy xét tình lý, tình ngay lý gian thì không nên lấy lý mà bỏ tình, phải suy xét cả tình và lý thì mới là người xử kiện giỏi. Nếu biết là không có tình gian, thì cứ lý mà làm là phải; quả có tình gian thì lại suy xét lẽ trái hay phải, thì điều gian dối tự khắc hiện ra, càng không nên tách rời tình lý làm hai mà xét ». Ấy Thượng hoàng cần thận về hình phạt lại như thế » (7).

Sức mạnh dựng nước được tạo từ phép nước càng tăng thêm sức mạnh giữ nước.

Mùa đông năm 1285, sau khi vừa trải qua cuộc kháng chiến thứ hai chống quân xâm lược Nguyên vô cùng gay go, ác liệt diễn ra từ cuối tháng 1 đến cuối tháng 6, vua Trần-Nhân-Tông xuống chiếu định hộ khẩu trong nước. Triều thần can là dân đương lao khổ, việc sửa định hộ khẩu không phải là việc cần làm ngay. Vua nói: « Chỉ có lúc này mới nên sửa định hộ khẩu, đừng để cho kẻ địch dòm thấy dân ta điêu-hao ? » (8).

Các vua Trần vào đầu triều Trần còn tỏ ra rất quan tâm đến dư luận của dân đối với việc thi hành phép nước của vua quan. « Trước đây mẹ thân sinh ra Huy-Chân là Thái-Bình Trần Thị làm cung tần của Thượng hoàng, tình tham lam, thường lấn cướp ruộng

của dân, có người kiện, vua không giao cho hữu ty, gọi Uy-Giản (Uy-Giễn hầu, chồng của công chúa Huy-Chân) đưa đơn kiện cho xem và bảo rằng: « Trẫm không giao cho quan lại xét, sợ làm nhục đến phi tần của tiên hoàng, người nên theo đơn mà trả lại ruộng cho dân ». Uy-Giản lập tức vàng chiếu trả lại ruộng. Đến sau Thái-Bình chết, Uy-Giản đem tất cả những ruộng chiếm đoạt của dân khi trước trả lại cho chủ cũ » (9).

Việc thi hành phép nước vào đầu đời Trần vừa nghiêm vừa khoan, nhằm thực hiện « kẻ bền gốc, sâu rễ, đó là thượng sách giữ nước » (lời Trần-Quốc-Tuấn trước lúc từ trần, căn dặn vua Trần) (10).

Đặt ra phép nước, vua quan vào đầu đời Trần đã tỏ ra tự mình cố gắng làm gương trong việc thi hành phép nước. Ngay như việc bảo vệ dê điều, « vua nhà Trần cũng có khi tự mình trông nom việc đắp đê. Hành khiển Trần-Khắc-Chung đã nhận thức được tầm quan trọng của việc làm đó khi nói rằng: Lúc dân gặp nạn lụt, người làm vua phải cứu giúp ngay, sửa sang đê chính không còn gì trọng đại hơn công việc ấy » (11).

Xây dựng phép nước nghiêm minh, đúng đắn, vua quan tự mình giữ phép nước làm gương cho cả nước noi theo, đây là một trong những nguyên nhân tạo cho triều Trần khả năng « cử quốc nghênh địch », đem sức cả nước ra ba lần đánh thắng quân Nguyên, lập nên những chiến công hiển hách nghìn thu.

174 năm (1226 — 1400) tồn tại của triều Trần cho thấy: *việc duy trì phép nước nghiêm minh là một trong những*

(6) *Đại Việt sử ký toàn thư*, Nxb khoa học xã hội, Hà-nội, 1967, tập II, tr. 34.

(7), (8), (9) *Sách đã dẫn* tr. 108 — 109, 57 và 106.

(10), (11) *Lịch sử Việt-nam*, Nxb khoa học xã hội, Hà-nội, 1967, tập I, tr. 215 và 193.

gấu tổ cơ bản tạo nên sức mạnh dựng nước và giữ nước vào đầu thời Trần. Tất nhiên, dưới chế độ phong kiến, phép nước là công cụ mà một triều đại sử dụng trước hết để duy trì nền thống trị của triều đại đó đối với nhân dân trong nước, là những luật lệ được lập ra nhằm bảo đảm trước hết những đặc quyền, đặc lợi của giai cấp phong kiến, của các tầng lớp quý tộc, hoàng tộc thuộc triều đại đó.

Tuy nhiên vào đầu đời Trần, vua quan nhà Trần phải đáp ứng hai yêu cầu cấp thiết song song: vừa phải thu phục nhân tâm trong nước để củng cố chính quyền chiếm đoạt được từ tay triều Lý, vừa phải đoàn kết toàn thể dân tộc thành một khối để chống giặc ngoại xâm đông và mạnh hơn ta gấp bội. Những người cầm đầu triều Trần lúc đó một mặt phải dẹp bớt ham muốn của mình, mặt khác phải quan tâm chiếu cố đến quyền lợi của các tầng lớp nô tỳ và nông dân. Vì thế, vào đầu đời Trần, phép nước đã được triều Trần xây dựng nên và được thi hành nghiêm minh từ

trên xuống dưới nhằm đạt mục tiêu *« vua tôi đồng tâm, anh em hòa thuận, cả nước góp sức »* (12), tạo nên được khối đoàn kết từ trong nội bộ triều đình đến trong nhân dân, gắn bó được giới cầm quyền triều Trần với nhau và với nhân dân cả nước, đặt phép nước vào vị trí một trong những yếu tố cơ bản trong sức mạnh dựng nước và giữ nước, đưa nhiều người cầm đầu triều Trần trong ba cuộc kháng chiến chống Nguyên lên địa vị những anh hùng dân tộc, đưa nước Đại Việt thời đó lên đỉnh cao chói lọi của quang vinh.

Kể thừa và nâng cao truyền thống lịch sử quý báu: *giữ nghiêm phép nước*, nhân dân ta đang ra sức phấn đấu thực hiện thật tốt khẩu hiệu mà Đảng và Nhà nước nêu ra là *sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật*, để góp phần tăng thêm sức mạnh trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa.

(12) *Lịch sử Việt-nam*, NXB khoa học xã hội Hà-nội, 1976, tập 1, tr. 215.

Bản chất chủ nghĩa bành trướng và bá quyền Trung-quốc không thay đổi

TRẦN - QUỐC - TỬ

CHỦ nghĩa bành trướng và bá quyền Trung-quốc, một lần nữa, lại được khẳng định trong các văn kiện Đại hội thứ 12 của Đảng cộng sản Trung-quốc vừa họp ở Bắc-kinh hồi đầu tháng 9-1982. Điều lệ mới của Đảng cộng sản Trung-quốc do Đại hội này thông qua vẫn khẳng định: « Đảng cộng sản Trung-quốc lấy tư tưởng Mao-Trạch-Đông làm kim chỉ nam cho hành động của mình ». Như mọi người đều biết, về bản chất, chủ nghĩa Mao là chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc và bá quyền nước lớn. Đó là chủ nghĩa đại Hán tộc, một thứ chủ nghĩa dân tộc tư sản mang đậm màu sắc phong kiến. Đó là chủ nghĩa sô vanh nước lớn, mang danh « chủ nghĩa Mác-Lê-nin đã được Trung-quốc hóa ». Nó nhằm mục tiêu thiết lập bá quyền của Trung-quốc đối với thế giới, trước hết là đối với các nước ở Đông Nam châu Á.

Những người cầm quyền ở Bắc-kinh hiện nay vẫn theo chủ nghĩa Mao, vẫn tiếp tục thực hiện đường lối cơ bản mà Mao-Trạch-Đông đã đề ra trước đây, nhất là về mặt đối ngoại.

Trong Báo cáo chính trị đọc tại Đại hội thứ 12, Hồ-Điệu-Bang đã nói: « Chính sách đối ngoại của Trung-quốc lấy tư tưởng Mao-Trạch-Đông làm cơ

sở ». Hồ-Điệu-Bang nói: « Chúng ta kiên định thực hiện những nguyên tắc cơ bản của chính sách đối ngoại của nước ta do đồng chí Mao-Trạch-Đông đề ra ». Cơ sở của chính sách đối ngoại của Trung-quốc là « thuyết ba thế giới » nổi tiếng phản động của Mao-Trạch-Đông.

Quán triệt đường lối đối ngoại của Mao-Trạch-Đông, Báo cáo chính trị do Hồ-Điệu-Bang trình bày tại Đại hội thứ 12, cho rằng: « Nhiệm vụ quan trọng nhất của nhân dân thế giới ngày nay là chống chủ nghĩa bá quyền » (tức là chống Liên-xô). Trong diễn văn khai mạc Đại hội thứ 12, Đặng-Tiểu-Binh cũng nói: « chống chủ nghĩa bá quyền » là một trong « ba nhiệm vụ lớn của nhân dân Trung-quốc trong thập kỷ 80 ».

Quen thói dối trá thay đen, những người cầm quyền ở Bắc-kinh vu khống « Việt-nam xâm lược ». Trong Báo cáo chính trị đọc tại Đại hội thứ 12, Hồ-Điệu-Bang nói: « Việt-nam xâm chiếm Cam-pu-chia, tiến hành bành trướng ở Đông-dương và Đông Nam châu Á, không ngừng tiến hành khiêu khích đối với biên giới Trung-quốc ».

Vậy hỏi ai là kẻ xâm lược? Ai đã sử dụng 23 sư đoàn quân đội Pôn Pốt

tiến công Việt-nam từ phía Tây-nam và thực hành chính sách diệt chủng ở Cam-pu-chia? Ai đã đem 60 vạn quân Trung-quốc tiến công Việt-nam từ phía Bắc, tàn sát dân thường, kẻ cả cụ già và em bé, đốt sạch, phá sạch các thành phố, làng mạc ở các tỉnh biên giới phía Bắc của Việt-nam? Ai xâm chiếm quần đảo Hoàng-sa của Việt-nam? Ai hằng ngày khiêu khích, bắn phá, lấn chiếm lãnh thổ vùng biên giới phía Bắc Việt-nam, cho máy bay, tàu chiến xâm phạm vùng trời vùng biển của Việt-nam? Ai đang tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt chống Việt-nam? Ai đang chỉ viện bọn diệt chủng Pôn Pốt chống lại nhân dân Cam-pu-chia? Ai đang hoạt động phá hoại và lật đổ ở Lào? Rõ ràng những người theo chủ nghĩa Mao trong giới cầm quyền Bắc-kinh vẫn tiếp tục thi hành chính sách thù địch đối với nhân dân Việt-nam và nhân dân Đông-dương.

Hồ - Diệu - Bang nói Trung-quốc « không hề có một người lính đóng trên bất kỳ một nước ngoài nào, không hề xâm chiếm một tấc đất của bất kỳ nước nào, không hề xâm phạm chủ quyền của bất kỳ nước nào » trong lúc quân đội Trung-quốc đang chiếm đóng quần đảo Hoàng-sa của Việt-nam; quân đội Trung-quốc cũng đang chiếm đóng hàng vạn ki lô mét vuông đất đai của Miến-diện, và hàng nghìn ki lô mét vuông đất đai của Ấn-độ; Trung-quốc cũng đang sử dụng kiều dân nước họ và các tổ chức tay sai do họ lập ra để hoạt động lật đổ ở In-đô-nê-xi-a, Phi-lip-pin, Ma-lai-xi-a, Thái-lan, v.v.

Đại hội 12 một lần nữa chứng tỏ rằng giới cầm quyền Bắc-kinh vẫn tiếp tục chính sách « mở cửa sang phương Tây » nhằm tìm kiếm vốn đầu tư, kỹ thuật và vũ khí hiện đại. Trong diễn văn khai mạc, Đặng-Tiêu-Binh nói: « Chúng ta thực hiện một cách kiên định chính sách mở cửa với

nước ngoài ». Giới cầm quyền Bắc-kinh đặc biệt coi trọng quan hệ với Mỹ và Nhật-bản là những nước đã từng cùng họ cam kết « chống chủ nghĩa bá quyền » (tức là chống Liên-xô). Quan hệ với Mỹ được coi là vấn đề chiến lược, mặc dù Hồ-Diệu-Bang than phiền rằng « đám mây đen » đang tồn tại trong quan hệ giữa Trung-quốc và Mỹ do vấn đề Đài-loan gây ra. Trong diễn văn khai mạc, Đặng-Tiêu-Binh thể thốt nhất định sẽ « không nuốt quả đắng » của nước ngoài. Nhưng Mỹ đã thông qua « đạo luật quan hệ với Đài-loan », tiếp tục bán vũ khí cho Đài-loan, đối xử với Đài-loan như một nước độc lập; « quả đắng » đó ông Đặng không thể « không nuốt ». Trong quan hệ với Mỹ, Trung-quốc không được Mỹ đối xử bình đẳng. Mỹ coi Trung-quốc là một « bạn nghèo », một « bạn đường lép vế ». Mỹ cho rằng Trung-quốc cần Mỹ nhiều hơn Mỹ cần Trung-quốc. Mặc dù như vậy Trung-quốc vẫn câu kết với Mỹ để chống Liên-xô, chống Việt-nam, chống cộng đồng xã hội chủ nghĩa. Trung-quốc phải lùi bước trước sức ép của Mỹ vì Trung-quốc cần đồ lạ, kỹ thuật và vũ khí của Mỹ.

Giới cầm quyền Bắc-kinh cũng hiểu rõ Mỹ đang chơi con bài Trung-quốc chống Liên-xô. Họ cam tâm làm một con bài trong tay Mỹ. Nhưng Mỹ lại đánh giá quá thấp con bài Trung-quốc. Để nâng giá con bài Trung-quốc, thỉnh thoảng giới cầm quyền Bắc-kinh « làm mình làm mẩy » với Mỹ, họ dọa Mỹ là họ sẽ tiến hành đàm phán với Liên-xô. Bắc-kinh cũng mưu toan dùng việc thăm dò đàm phán với Liên-xô để phá hoại các cuộc đàm phán Xô - Mỹ.

Trong Báo cáo chính trị đọc tại Đại hội, Hồ-Diệu-Bang đề nghị của đàm phán với Liên-xô để bình thường hóa quan hệ giữa Trung-quốc và Liên-xô, nhưng họ lại đưa ra những điều kiện mà Liên-xô không thể nào chấp nhận được.

Trong những vấn đề mà Hồ-Điệu-Bang nêu lên như là trở ngại cho việc bình thường hóa quan hệ Xô - Trung, do đó cuộc đàm phán Xô - Trung sẽ phải bế tắc, có những vấn đề thuộc những nước thứ ba, không liên quan gì đến Trung-quốc. Đó là những vấn đề thuộc các nước Việt-nam, Cam-pu-chia, Áp-ga-ni-xtan, Mông-cô. Đây là những nước độc lập có chủ quyền. Các nước này không cho phép bất cứ nước nào đem công việc của họ ra bàn tại cuộc đàm phán với nước khác mà không có sự tham gia của họ. Đương nhiên, Liên-xô, một nước xã hội chủ nghĩa chân chính luôn luôn tôn trọng độc lập và chủ quyền của nước khác, sẽ bác bỏ yêu sách vô lý đó của Trung-quốc. Việc giới cầm quyền Bắc-kinh đòi đưa công việc của các nước Việt-nam, Cam-pu-chia, Áp-ga-ni-xtan, Mông-cô ra bàn trong cuộc đàm phán với Liên-xô, can thiệp trắng trợn vào công việc nội bộ của các nước này, là bằng chứng không thể chối cãi về chủ nghĩa bành trướng và bá quyền Trung-quốc.

Trước đây, trong cuộc đàm phán đề bình thường hóa quan hệ với Mỹ, giới cầm quyền Bắc-kinh đã từng dùng Việt-nam làm một món hàng đổi chác với Mỹ. Âm mưu đó của Trung-quốc đã bị thất bại vì vấp phải thái độ kiên quyết của Việt-nam. Ngày nay, trong cuộc đàm phán đề bình thường hóa quan hệ với Liên-xô, giới cầm quyền Bắc-kinh cũng mưu toan dùng vấn đề Việt-nam để mà cả. Trước lập trường có tinh nguyên tắc theo chủ nghĩa quốc tế vô sản của Liên-xô và lập trường chính nghĩa kiên định của Việt-nam, mưu toan đó của Trung-quốc nhất định sẽ thất bại thảm hại.

Trong chiến lược toàn cầu phản cách mạng của họ, giới cầm quyền Bắc-kinh lấy Đông Nam châu Á làm trọng tâm, lấy Việt-nam và Đông-dương là hướng bành trướng chủ yếu.

Vì vậy, họ vận dụng một sách lược cực kỳ xảo quyệt, phân hóa, chia rẽ, tranh thủ bất cứ ai có thể tranh thủ được, nhằm cô lập Việt-nam, bao vây, làm suy yếu, đánh phá và thôn tính Việt-nam. Được rèn luyện trong đấu tranh cách mạng lâu dài, đã từng trải qua nhiều thử thách, lại được trang bị bằng những quan điểm của Đảng trình bày trong các văn kiện Đại hội thứ V vừa qua, nhân dân Việt-nam, tinh táo, vững vàng, kiên định, nhất định sẽ làm thất bại mọi âm mưu và hành động của bọn bành trướng bá quyền Bắc-kinh câu kết với đế quốc Mỹ chống phá Việt-nam.

Để tạo cơ sở vật chất cho chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc và bá quyền nước lớn, Đại hội 12 của Đảng cộng sản Trung-quốc thông qua kế hoạch « hiện đại hóa công nghiệp, nông nghiệp, quốc phòng và khoa học kỹ thuật ». Báo cáo chính trị của Hồ-Điệu-Bang đề ra mục tiêu phấn đấu: « đưa giá trị tổng sản lượng công nông nghiệp toàn quốc năm 2000 lên gấp 1 lần hiện nay ». Đến cuối thế kỷ này « tổng thu nhập quốc dân và sản lượng các mặt hàng công nông nghiệp chủ yếu của Trung-quốc sẽ đứng vào hàng đầu thế giới »; « thực lực quốc phòng sẽ tăng lên rất nhiều ». Đó là một kế hoạch đầy tham vọng. Dự luận báo chí phương Tây cho rằng đây là một cuộc « đại nhảy vọt » mới, còn phiêu lưu hơn cả cuộc « đại nhảy vọt » của Mao-Trạch-Đông trước đây. Ngay ở Trung-quốc, cũng có nhà kinh tế học viết bài đăng lên báo cho rằng Trung-quốc « không thể thực hiện được mục tiêu tăng bốn lần giá trị tổng sản lượng công nông nghiệp vào cuối thế kỷ này » (1). Quả say mê với giấc mộng bá chủ thế giới, các nhà cầm quyền Bắc-kinh đã đề ra những mục tiêu kinh tế vượt quá sức lực của bản thân

(1) Bài của Ngô-Minh-Du đăng trên tờ « Thế giới kinh tế báo đạo » xuất bản tại Thượng-hải ngày 20-9-1982.

họ. « Bốn hiện đại hóa », mà « hiện đại hóa quốc phòng » là trọng tâm, dù có thực hiện được, cũng không đem lại đời sống ấm no hạnh phúc cho nhân dân Trung-quốc; trái lại, chỉ đem lại đau khổ cho họ; đồng thời tạo ra nguy cơ to lớn đối với an ninh của các nước Đông Nam châu Á và hòa bình thế giới.

Ngoài « bốn hiện đại hóa » trên đây, còn có một « hiện đại hóa » thứ năm đang được thực hiện một cách lặng lẽ mà không tuyên bố. Đó là « hiện đại hóa » chủ nghĩa Mao. Thật vậy, giới cầm quyền Bắc-kinh đang sửa đổi lại một phần chủ nghĩa Mao, tước bỏ những bộ phận vụng về, cứng nhắc của nó, làm cho nó thích hợp với tình hình mới hiện nay. Do đó chủ nghĩa Mao sau Mao, hoặc chủ nghĩa Mao không có Mao, không còn là chủ nghĩa Mao nguyên dạng mà là chủ nghĩa Mao biến dạng. Đó là chủ nghĩa Mao đổi mới hay còn gọi là « chủ nghĩa Mao hiện đại hóa ».

Đại hội thứ 12 của Đảng cộng sản Trung-quốc phê phán luận điểm « lấy đấu tranh giai cấp làm then chốt » của Mao-Trạch-Đông. Đại hội đó cũng bác bỏ lý luận của Mao-Trạch-Đông về « tiếp tục cách mạng dưới nền chuyên chính vô sản » mà trước đây Đảng cộng sản Trung-quốc đã ca tụng là « một cống hiến vĩ đại của Mao-Trạch-Đông vào kho tàng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lê-nin ». Có những sự sửa đổi đó là do tình hình Trung-quốc nay đã đổi khác. Trước đây, sau khi bị Lưu-Thiếu-Kỳ « cho về tuyến hai » Mao-Trạch-Đông đã đưa ra những luận điểm trên đây để phát động quần chúng « hồng vệ binh » nổi loạn đánh đổ Lưu-Thiếu-Kỳ, giành lại quyền không chế Đảng cộng sản và Nhà nước Trung-quốc. Ngày nay, Đặng-Tiểu-Binh và phe cánh của ông đã giành được quyền lực trong tay, ông ta cần chuyển từ « đại loạn sang đại trị » để duy trì quyền lực của ông ta. Do đó, lý luận « tiếp tục cách mạng dưới

nền chuyên chính vô sản » của Mao-Trạch-Đông không còn thích hợp nữa, cần được phê phán và bác bỏ.

Về kinh tế, Đại hội 12 chính thức phê chuẩn việc từ bỏ nền « kinh tế trại lính » của Mao-Trạch-Đông để chuyển sang nền « kinh tế thị trường » của Đặng-Tiểu-Binh. Việc mở rộng khu vực kinh tế của tư nhân cùng với việc trả lại vốn và tài sản của hơn năm vạn nhà tư bản Trung-quốc đã bị tịch thu trước đây, đã mở cửa cho nền kinh tế Trung-quốc phát triển theo hướng tư bản chủ nghĩa.

Về đối ngoại, Báo cáo chính trị của Hồ-Điệu-Bang đưa ra những lời lẽ mềm mỏng chưa từng thấy trong các văn kiện chính thức của Trung-quốc từ nhiều năm nay. Những người cầm quyền ở Bắc-kinh không hô các khẩu hiệu « chống đế quốc xã hội », « Liên-xô là kẻ thù số một », như trước. Họ chuẩn bị thực hiện một vài « bước tiến nhỏ » trong quan hệ với Liên-xô. Mưu toan của họ là chia rẽ các nước xã hội chủ nghĩa, chia rẽ các đảng cộng sản và công nhân, chia rẽ phong trào giải phóng dân tộc. Họ dùng những lời lẽ ngon ngọt để phỉnh nịnh các nước thuộc cái gọi là « thế giới thứ ba », tuyên bố « Trung-quốc thuộc về thế giới thứ ba », nhằm thực hiện sự lãnh đạo của Trung-quốc đối với « thế giới thứ ba », nắm chặt « thế giới thứ ba », tranh thủ « thế giới thứ hai », để chống « hai siêu cường », trong đó chống Liên-xô là chính.

Sở dĩ giới cầm quyền Trung-quốc phải thực hiện một số sự điều chỉnh về chính sách trên đây là vì trong những năm qua họ đã gặp nhiều thất bại trong công tác đối nội và đối ngoại. Ở trong nước họ đứng trước sự bất mãn ngày càng tăng của nhân dân Trung-quốc. Ở ngoài nước, Trung-quốc ngày càng bị cô lập trên trường quốc tế vì chính sách câu kết với chủ nghĩa đế quốc, đặc biệt là với đế quốc Mỹ.

Những thay đổi trên đây chỉ có tính chất sách lược. Còn về bản chất và chiến lược, chủ nghĩa hành trưởng và bá quyền của Trung-quốc không có gì thay đổi. Chính sách cơ bản của giới cầm quyền Bắc-kinh vẫn là câu kết với chủ nghĩa đế quốc, chống Liên-xô, chống Việt-nam, chống nhân dân cách mạng các nước, kể cả nhân dân Trung-quốc. Chính vì thế, so với chủ nghĩa Mao nguyên dạng, « chủ nghĩa Mao hiện đại hóa » lại càng nguy hiểm hơn.

Dại hội thứ 12 là sự « chinh thức hóa » thắng lợi của phe cánh Đặng-Tiêu-Bình trong Đảng cộng sản Trung-quốc. Sau hai lần bị « hạ bệ », ông Đặng-Tiêu-Bình lại xuất hiện trên sân khấu chính trị Trung-quốc năm 1977. Từ đó ông ra sức đấu tranh chống các phe cánh đối lập để giành quyền không chế Đảng cộng sản và Nhà nước Trung-quốc. Phe cánh ông Đặng chiếm được ưu thế tại hội nghị thứ ba của Trung ương Đảng cộng sản Trung-quốc (khóa 11) hồi tháng 12-1978. Sau đó, do thất bại trong chiến tranh xâm lược Việt-nam, ông Đặng bị phe cánh đối lập phản kích kịch liệt. Phải trải qua một quá trình đấu tranh gay go quyết liệt : đến tháng 6-1981, tại hội nghị thứ 6 của Trung ương Đảng cộng sản Trung-quốc, phe cánh ông Đặng mới giành được thắng lợi quyết định. Từ đó, đường lối theo chủ nghĩa thực dụng của ông Đặng mà báo chí phương Tây gọi là « học thuyết con Mèo » giành được ưu thế trong Đảng cộng sản Trung-quốc. Đó là đường lối dựa hẳn vào chủ nghĩa tư bản, học tập kinh nghiệm phương Tây, hợp tác chiến lược với chủ nghĩa đế quốc nhằm tranh thủ vốn và kỹ thuật để thực hiện « bốn hiện đại hóa » dốt nước, tạo ra cơ sở vật chất của chủ nghĩa hành trưởng bá quyền Trung-quốc. Cơ sở tư tưởng của đường lối đó là « chủ nghĩa Mao hiện đại hóa ». Mục tiêu của nó là thiết lập bá quyền của Trung-quốc ở trên thế giới, trước hết

là ở Đông Nam châu Á. Những biện pháp chủ yếu của nó là : ở trong nước, thực hiện « bốn hiện đại hóa » mà trọng tâm là « hiện đại hóa quốc phòng » ; ở ngoài nước, thành lập « mặt trận thống nhất thế giới chống bá quyền » bao gồm chủ nghĩa đế quốc, trước hết là đế quốc Mỹ, cùng các thế lực phản động các nước, để chống Liên-xô, Việt-nam, chống chủ nghĩa xã hội và ba dòng thác cách mạng trên thế giới.

Trong diễn văn khai mạc Đại hội 12, ông Đặng-Tiêu-Bình nêu ra ba nhiệm vụ cho Đảng cộng sản và nhân dân Trung-quốc : một là « bốn hiện đại hóa », hai là thu hồi Đài-loan, ba là chống chủ nghĩa bá quyền (tức là chống Liên-xô). Trong ba nhiệm vụ đó, nhiệm vụ thu hồi Đài-loan ông Đặng nêu ra để đánh lừa nhân dân Trung-quốc là những người yêu nước muốn thống nhất đất nước. Mọi người đều biết Bắc-kinh chủ trương hợp tác chiến lược với Mỹ tức là Bắc-kinh gác lại không thời hạn việc giải phóng Đài-loan. Vì một lẽ rất đơn giản là không động chạm đến Mỹ thì không giải phóng Đài-loan được. Vì Đài-loan trên thực tế là một thứ thuộc địa kiểu mới của Mỹ, một cái chốt trong chiến lược toàn cầu của Mỹ. Ngay đến Mã-cao là một đảo của Trung-quốc bị Bồ-đào-nha chiếm từ mấy thế kỷ nay ; ngày nay Bồ-đào-nha tự nguyện trao trả lại cho Trung-quốc, Bắc-kinh cũng không chịu nhận. Nước Cộng hòa nhân dân Trung-quốc thành lập đã được 33 năm nay, mà chế độ thuộc địa của Anh vẫn được duy trì ở Hồng-công. Vì sao có chuyện ngược đời như vậy ? Vì Mã-cao, nhất là Hồng-công, là những nơi cung cấp dầu lửa cho Bắc-kinh. Bắc-kinh không muốn giết những « con gà đẻ trứng vàng » của họ. Chà đạp lên tinh thần yêu nước của nhân dân Trung-quốc, chà đạp lên nguyện vọng của họ muốn giải phóng hoàn toàn đất nước, giới cầm quyền

Bắc-kinh đã bán rẻ lãnh thổ Trung-quốc cho chủ nghĩa đế quốc để kiếm ngoại tệ mạnh, thực hiện « bốn hiện đại hóa » tạo cơ sở vật chất cho chủ nghĩa bành trướng bá quyền Trung-quốc. Qua đó, chúng ta thấy rõ Bắc-kinh gác lại không thời hạn việc giải phóng Đài-loan để cấu kết với Mỹ, chống Liên-xô là điều có thể hiểu được. Rõ ràng nhiệm vụ thu hồi Đài-loan mà ông Đặng nêu lên tại Đại hội 12 không phải là để thực hiện mà chỉ để tuyên truyền nhằm lừa bịp nhân dân Trung-quốc. Còn hai nhiệm vụ kia (tức nhiệm vụ chống Liên-xô và nhiệm vụ « bốn hiện đại hóa ») ông Đặng nêu lên để thực hiện nhằm thiết lập bá quyền của Trung-quốc ở Đông Nam châu Á và trên thế giới.

Tại Đại hội 12, Đặng-Tiểu-Binh và Hồ-Diệu-Bang đều có nói đến « chống chủ nghĩa đế quốc ». Thử hỏi: đã chủ trương hợp tác chiến lược với chủ nghĩa đế quốc, liệu có thể thật sự đấu tranh nghiêm chỉnh chống chủ nghĩa đế quốc được chăng?

Giới cầm quyền Bắc-kinh trình bày đường lối của họ như là con đường thứ ba, không giống chủ nghĩa tư bản, cũng không giống chủ nghĩa xã hội hiện thực đã được xây dựng ở Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa chân chính khác. Con đường thứ ba, như Lê-nin đã dạy, trên thực tế chỉ là con đường tư bản chủ nghĩa mà thôi. Cái gọi là « chủ nghĩa xã hội kiểu Trung-quốc » là một thứ chủ nghĩa xã hội dân tộc chủ nghĩa, trái với chủ nghĩa xã hội khoa học của Mac và Lê-nin.

Nghiên cứu kỹ các văn kiện Đại hội 12 của Đảng cộng sản Trung-quốc, chúng ta có thể khẳng định rằng bản chất của chủ nghĩa bành trướng bá quyền Trung-quốc không thay đổi.

Ông Đặng và phe cánh đã giành được ưu thế trong cơ quan lãnh đạo

của Đảng cộng sản Trung-quốc, áp đặt đường lối của ông Đặng cho nhân dân Trung-quốc. Tuy vậy các thế lực chống ông Đặng vẫn còn mạnh. Vì thế, Đại hội 12 đã thông qua kế hoạch « chỉnh đốn Đảng » ba năm và « đảng kỷ lại đảng viên » nhằm loại trừ những người chống đường lối của ông Đặng.

Nhân dân Trung-quốc vốn có truyền thống đấu tranh cách mạng lâu dài. Nhất định họ sẽ không mù quáng chấp hành mọi mệnh lệnh của tập đoàn phân động trong giới cầm quyền Bắc-kinh. Họ sẽ đấu tranh đến cùng để bảo vệ các thành quả cách mạng mà họ đã giành được. Chúng ta thông cảm với những khó khăn và đau khổ mà nhân dân Trung-quốc đã phải chịu đựng trong mấy chục năm qua. Chúng ta đồng tình và ủng hộ cuộc đấu tranh chính nghĩa của họ.

Nhân dân Việt-nam vốn có truyền thống hữu nghị lâu đời với nhân dân Trung-quốc anh em. Chúng ta kiên trì bảo vệ tình hữu nghị đó. Chúng ta phân biệt rõ ràng nhân dân Trung-quốc với bọn phân động trong giới cầm quyền Bắc-kinh. Trong lúc đấu tranh kiên quyết chống chính sách bành trướng và bá quyền của bọn phân động trong giới cầm quyền Bắc-kinh để bảo vệ lãnh thổ và chủ quyền độc lập của mình, chúng ta kiên trì thực hiện mọi biện pháp để bảo vệ tình hữu nghị và khôi phục sự hợp tác giữa nhân dân hai nước Việt-Trung.

Dù cho tập đoàn phân động trong giới cầm quyền Bắc-kinh thi hành những âm mưu và thủ đoạn thâm độc và xảo xuyệt đến đâu, nhân dân Việt-nam, nếu cao tính thần cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu, nhất định sẽ làm thất bại mọi kế hoạch xâm lược và phá hoại của chúng, bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của mình.

« ТАПЧИ КОНГШАН » № 10 — 1982 г.

ПЕРЕДОВАЯ — Жить и работать в соответствии с положениями Конституции и законом. ★ ★ ★ — Хорошо провести вторую очередь конференции местных парторганизаций всех ступеней. **ЛЕ ТХАНЬ НГИ** — Некоторые основные концепции относительно обновления экономического управления. **НГУЕН АНЬ БАК** — Борьба между двумя путями на первоначальном этапе перехода к социализму. **ЛЕ ТОНГ** — О борьбе на рынке в настоящее время. ★ ★ ★ — Решительно урегулировать пахотные земли в южной деревне страны. **ХАЙ ДАНГ** — Интенсивно развивать мелкую и кустарную промышленность. **ЧАН ВАН БИНЬ** — Национальное и интернациональное в нашей литературе. **ЧАН КУОК ТУ** — Китайский экспансионизм и гегемонизм в сущности не изменились

REVIEW OF COMMUNISM № 10-1982

Editorial — It Is Necessary for Us to Live and Work According to the Constitution and Law. ★ ★ ★ — Well Carrying Out the Second Session of the Congress of the Party Cells at All Levels. **LÊ-THANH-NGHI** — Some Basic Viewpoints of the Changes in Economic Management. **NGUYỄN-ANH-BÁC** — The Clashes between the Two Tendencies in the First Stage of the Transitional Period. **LÊ-TÔNG** — On the Struggle in the Present-Day Markets. ★ ★ ★ — Resolutely Re-adjusting Land Distribution in the Countryside of South Vietnam. **HẢI-ĐĂNG** — Vigorously and Widely Pushing Up Cottage Industries and Handicrafts. **TRẦN-VĂN-BÍNH** — The National and International Characteristics of Our Literature. **TRẦN-QUỐC-TỬ** — Chinese Expansionism and Hegemonism Remain Unchanged in Their Nature.

REVUE DU COMMUNISME № 10-1982

Editorial — Vivre et travailler conformément à la Constitution et la Loi. ★ ★ ★ — Mener à bien le Congrès du Parti à tous les échelons (2e tour). **LÊ-THANH-NGHI** — Quelques points de vue fondamentaux sur la rénovation de la gestion économique. **NGUYỄN-ANH-BÁC** — La lutte entre les deux voies dans la première étape de la période de transition. **LÊ-TÔNG** — Sur la lutte sur le marché actuel. ★ ★ ★ — Procédons avec fermeté à une répartition judicieuse des terres dans les campagnes du Nam Bộ. **HẢI-ĐĂNG** — Développer vigoureusement et largement la petite industrie et l'artisanat. **TRẦN-VĂN-BÍNH** — Le caractère national et le caractère international de notre littérature. **TRẦN-QUỐC-TỬ** — La nature de l'hégémonisme et de l'expansionisme chinois est restée inchangée.

REVISTA DEL COMUNISMO № 10-1982

Editorial — Vivir y trabajar según la Constitución y la ley. — ★ ★ ★ — A optimizar el segundo ciclo de las asambleas del Partido en todas las instancias. **LÊ-THANH-NGHI** — Unos conceptos fundamentales sobre la renovación de la gestión económica. **NGUYỄN-ANH-BÁC** — La lucha entre las dos vías en la etapa inicial de la transición al socialismo. **LÊ-TÔNG** — Sobre la lucha en el mercado actual. ★ ★ ★ — Realizar con resuelto el reajuste agrario en las campañas de Nam Bộ. **HẢI-ĐĂNG** — Desarrollar vigorosa y ampliamente las industrias pequeñas y la artesanía. **TRẦN-VĂN-BÍNH** — Los caracteres nacional y universal de nuestra literatura. **TRẦN-QUỐC-TỬ** — No cambia nada la naturaleza del expansionismo y hegemonismo chinos.

TẠP CHÍ CỘNG SẢN

Số 10

1982

NĂM THỨ XXVII (321)

TRỤ SỞ BỘ BIÊN TẬP:

1, Nguyễn-Thượng-Hiền, Hà-nội

Dây nói: 52061, 52062

TRỤ SỞ CƠ QUAN THƯỜNG TRÚ
TẠI MIỀN NAM:

19, Duy-Tân, T. P. Hồ-Chí-Minh

Dây nói: 25768, 22040

MỤC LỤC

Xã luận — Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật	1
★★★ — Tiến hành tốt Đại hội đợt hai đảng bộ các cấp	6
LÊ-THANH-NGHỊ — Một số quan điểm cơ bản về đổi mới quản lý kinh tế	12
NGUYỄN-ANH-BẮC — Cuộc đấu tranh giữa hai con đường trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ	22
LÊ-TÔNG — Về cuộc đấu tranh trên thị trường hiện nay	28
★★★ — Kiên quyết điều chỉnh lại ruộng đất ở nông thôn Nam-bộ	35
HẢI-ĐĂNG — Phát triển mạnh mẽ và rộng rãi tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp	38
Sinh hoạt tư tưởng ★ NGUYỄN-TRUNG-THỰC — Địa vị	44
Độc sách ★ HUY-HÙNG — Xây dựng kinh tế địa phương vững mạnh	47
TRẦN-VĂN-BÍNH — Tinh dân tộc và tinh quốc tế của văn học ta	52
BÍCH-HOÀNG — Công tác giáo dục ở Gia-lai-Kon-tum	58
Truyền thống lịch sử ★ CHU-MỘNG — Phép nước triều Trần	61
TRẦN-QUỐC-TÚ — Bản chất chủ nghĩa bành trướng và bá quyền Trung-quốc không thay đổi	65

31.2 - 1

Tìm đọc :

LÊ - ĐỨC - THỌ

Phát huy nhân tố mới, hoàn chỉnh chế độ quản lý mới
trong hợp tác xã nông nghiệp

VÕ - CHÍ - CÔNG

Mở rộng thực hiện các hình thức lương khoán sản phẩm
và tiền thưởng trong các đơn vị quốc doanh nông, lâm,
ngư nghiệp và thủy lợi

BAN QUẢN LÝ HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP TRUNG ƯƠNG

Khoản sản phẩm trong hợp tác xã và tập đoàn sản xuất
nông nghiệp (Những câu hỏi và trả lời)

★★★

Khoản sản phẩm trong nông nghiệp - Những vấn đề
có tính lý luận

★★★

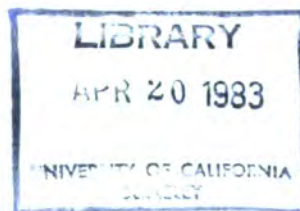
Khoản sản phẩm trong nông nghiệp - Những vấn đề
có tính tổng kết thực tiễn



NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT

Tạp chí Công sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ
CỦA ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT-NAM



II.1982

Digitized by Google

ĐỒNG CHÍ L. I. BRÊ-GIƠ-NÉP TỪ TRẦN

**THÔNG BÁO CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT-NAM, HỘI ĐỒNG NHÀ NƯỚC,
HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI
CHỦ NGHĨA VIỆT-NAM**

BAN chấp hành trung ương Đảng cộng sản Việt-nam, Hội đồng Nhà nước, Hội đồng bộ trưởng nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam vô cùng đau đớn báo tin cho toàn Đảng và toàn dân Việt-nam :

Đồng chí L.I. Brê-giơ-nép, Tổng bí thư Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên-xô, Chủ tịch Đoàn chủ tịch Xô viết tối cao Liên-xô, đã từ trần hồi 8 giờ 30 phút ngày 10 tháng 11 năm 1982 tại Mát-xcơ-va.

Đồng chí L.I. Brê-giơ-nép là người kế tục trung thành sự nghiệp vĩ đại của V.I. Lê-nin, một nhà hoạt động lỗi lạc của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, một chiến sĩ đấu tranh không mệt mỏi cho hòa bình, cho thắng lợi của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, một người bạn lớn của nhân dân Việt-nam.

Đồng chí L.I. Brê-giơ-nép mất đi là một tổn thất to lớn không những đối với Đảng cộng sản và nhân dân Liên-xô, mà còn đối với toàn Đảng, toàn dân ta, và cả loài người tiến bộ.

ĐIỀU VĂN

**CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN
VIỆT-NAM, HỘI ĐỒNG NHÀ NƯỚC, HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT-NAM VÀ
ỦY BAN TRUNG ƯƠNG MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT-NAM**

Thưa các đồng chí và đồng bào thân mến,

ĐỒNG chí L.I. Brê-giơ-nép kính mến, Tổng bí thư Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên-xô, Chủ tịch Đoàn chủ tịch Xô viết tối cao Liên-xô, người kế tục xuất sắc sự nghiệp vĩ đại của V.I. Lê-nin không còn nữa !

Đồng chí L.I. Brê-giô-nép qua đời là một tổn thất vô cùng to lớn đối với Đảng cộng sản và nhân dân Liên-xô cũng như đối với Đảng cộng sản Việt-nam và nhân dân Việt-nam, đối với nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa anh em và đối với nhân dân thế giới.

Đảng cộng sản Liên-xô, Nhà nước xô viết và nhân dân Liên-xô mất đi một nhà lãnh đạo vĩ đại, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, phong trào giải phóng dân tộc và nhân dân thế giới mất đi một nhà hoạt động chính trị lỗi lạc, người chiến sĩ đấu tranh không mệt mỏi vì hòa bình và hợp tác quốc tế, Đảng cộng sản Việt-nam và nhân dân Việt-nam mất đi một đồng chí, một người bạn lớn mà tất cả chúng ta biết bao kính trọng, quý mến và thương nhớ.

60 năm qua, từ khi còn ở tuổi thiếu niên đến phút vĩnh biệt chúng ta, đồng chí L.I. Brê-giô-nép đã trải qua một cuộc đời hoạt động oanh liệt, gắn liền với sự phát triển về mọi mặt, sự lớn mạnh và hùng cường của Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô viết.

Liên tục trong gần 20 năm, trên cương vị là Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng và là người đứng đầu Nhà nước xô viết, đồng chí L.I. Brê-giô-nép cùng với bộ tham mưu chiến đấu của những người cộng sản Liên-xô đã lãnh đạo nhân dân xô viết xây dựng thành công xã hội xã hội chủ nghĩa phát triển, khai phá con đường đi lên chủ nghĩa cộng sản, mở ra kỷ nguyên loài người chinh phục vũ trụ, biến Liên-xô thành một nước hùng mạnh bậc nhất trên thế giới, là thành trì vững chắc của hòa bình và cách mạng thế giới.

Trên cương vị lãnh đạo của mình, đồng chí L.I. Brê-giô-nép không ngừng chăm lo nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân xô viết, bảo đảm sự phát triển hài hòa của các dân tộc anh em trong liên bang, tăng cường sức mạnh về mọi mặt của Liên-xô. Hiến pháp mới của Liên-xô, gắn liền với tên tuổi của đồng chí L.I. Brê-giô-nép, là hiến pháp tiến bộ nhất trong lịch sử loài người, đang phát huy tác dụng tốt đẹp trong đời sống chính trị, kinh tế và xã hội của nhân dân xô viết, mở đường tiến lên chủ nghĩa cộng sản.

Cùng với các đồng chí lãnh đạo khác của Đảng cộng sản Liên-xô, đồng chí L.I. Brê-giô-nép đã vận dụng sáng tạo và làm phong phú thêm học thuyết Mác - Lê-nin, giải quyết thành công nhiều vấn đề mới của chủ nghĩa xã hội khoa học.

Là nhà yêu nước vĩ đại và chiến sĩ quốc tế kiệt xuất, đồng chí L.I. Brê-giô-nép đã không ngừng giương cao ngọn cờ quốc tế vô sản, hết lòng phấn đấu cho việc củng cố tình hữu nghị anh em, sự đoàn kết nhất trí và hợp tác chặt chẽ giữa các nước trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa, góp phần to lớn vào việc tăng cường vị trí và sức mạnh của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, phong trào giải phóng dân tộc của thời đại chúng ta.

Dưới sự lãnh đạo của đồng chí L.I. Brê-giô-nép, Đảng cộng sản Liên-xô đã vạch ra và thông qua cương lĩnh hòa bình tại Đại hội lần thứ 24 của Đảng, phát triển nó tại các Đại hội lần thứ 25 và Đại hội lần thứ 26 của Đảng. Cương lĩnh ấy đã và đang cổ vũ tất cả các dân tộc tiến hành cuộc đấu tranh ngày càng mạnh mẽ chống chạy đua vũ trang và gây tình hình căng thẳng, nhằm duy trì không khí hòa hoãn và hợp tác quốc tế, giữ gìn hòa bình trên toàn thế giới.



Đồng chí L.I. BRÊ-GIƠ-NÊP
(1906 — 1982)

Cả cuộc đời hoạt động vô cùng phong phú và vẻ vang của đồng chí L.I. Brê-giơ-nép, là tấm gương tuyệt vời hết lòng vì Đảng, vì nhân dân, vì lý tưởng xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa.

Thưa các đồng chí và đồng bào thân mến,

Là người bạn lớn rất thân thiết của nhân dân Việt-nam, suốt mấy chục năm qua, đồng chí L. I. Brê-giơ-nép đã không ngừng chăm lo cùng cố tình hữu nghị và sự hợp tác toàn diện Xô - Việt, hết lòng ủng hộ và giúp đỡ sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta trong những năm chống Mỹ, cứu nước trước đây, cũng như trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa hiện nay. Đảng và Nhà nước ta đã trao tặng đồng chí phần thưởng cao quý nhất của nước ta: Huân chương Sao vàng, Huân chương Hồ-Chí-Minh và danh hiệu Anh hùng lao động Việt-nam.

Chúng ta đời đời ghi nhớ lời nói chứa chan tình cảm cách mạng của đồng chí L. I. Brê-giơ-nép: « Đối với những người cộng sản Liên-xô và toàn thể nhân dân Liên-xô, đoàn kết với Việt-nam luôn luôn là mệnh lệnh của trái tim và trí tuệ ».

Thương tiếc và biết ơn đồng chí L. I. Brê-giơ-nép, toàn Đảng, toàn dân ta, tuân theo lời dạy của Chủ tịch Hồ-Chí-Minh kính mến, nguyện đem hết sức mình vun đắp cho tình hữu nghị vĩ đại, tình đoàn kết cách mạng Việt - Xô đời đời bền vững, coi đó vừa là nghĩa vụ vừa là lương tri của mình.

Chúng ta tin tưởng sâu sắc rằng: đáp lời kêu gọi của Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản, Đoàn chủ tịch Xô viết tối cao và Hội đồng bộ trưởng Liên-xô, những người cộng sản và toàn thể nhân dân Liên-xô, đoàn kết chặt chẽ chung quanh Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên-xô, do đồng chí Iu-ri Vla-đi-mi-rô-vich An-đrô-pốp kính mến đứng đầu, kế tục xứng đáng sự nghiệp vẻ vang của đồng chí L. I. Brê-giơ-nép, sẽ thực hiện thắng lợi nghị quyết của Đại hội lần thứ 26 Đảng cộng sản Liên-xô, hoàn thành các kế hoạch xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa cộng sản, vì hạnh phúc của nhân dân Liên-xô, vì sự phồn vinh của đất nước Xô viết, góp phần ngày càng to lớn vào sự nghiệp hòa bình và cách mạng trên thế giới.

Thưa các đồng chí và đồng bào thân mến,

Toàn Đảng, toàn dân ta vô cùng đau đớn và kính cẩn nghiêng mình vĩnh biệt đồng chí L. I. Brê-giơ-nép. Tên tuổi và sự nghiệp của đồng chí sống mãi trong lòng những người cộng sản và nhân dân Việt-nam. Giờ đây, những tình cảm đẹp đẽ nhất của nhân dân Việt-nam hướng về Mát-xcô-va, hướng về Liên-xô quang vinh, đất nước của Đại Cách mạng Tháng Mười, quê hương của Lê-nin vĩ đại, nơi đang thể hiện trong cuộc sống mơ ước lâu đời của con người: chủ nghĩa cộng sản « thanh xuân của loài người ».

XÂY DỰNG THÀNH PHỐ HỒ-CHÍ-MINH

THÀNH MỘT THÀNH PHỐ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA GIÀU ĐẸP



TRONG công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tộc quốc của nhân dân Việt-nam, thành phố Hồ-Chí-Minh có vị trí quan trọng và trách nhiệm nặng nề.

Thành phố Hồ-Chí-Minh là một trung tâm kinh tế lớn, một trung tâm giao dịch quốc tế và du lịch của nước ta. Về chính trị, nó có vị trí quan trọng sau thủ đô Hà-nội. Nhân dân lao động ở đây vốn có linh thần yêu nước nồng nàn, có truyền thống cách mạng kiên cường đồng thời lại rất năng động và giàu sáng tạo trong sản xuất và kinh doanh. Về quốc phòng, nó có vị trí quan trọng trong hậu phương lớn của nước ta và của toàn Đông-dương.

Đáng chú ý là thành phố Hồ-Chí-Minh có những điều kiện khách quan đặc biệt thuận lợi về mặt kinh tế để phát triển công nghiệp, xuất khẩu, du lịch và dịch vụ quốc tế, và để cùng với các lĩnh ở Nam-bộ sớm hình thành một cơ cấu kinh tế công — nông nghiệp, kết hợp chặt chẽ kinh tế trong nước với kinh tế ngoài nước, góp phần rất quan trọng vào sự nghiệp phát triển kinh tế chung của nước ta. Những điều kiện thuận lợi đó là: thành phố có năng lực sản xuất công nghiệp khá phát triển, nhất là công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng; các ngành nghề thủ công rất phong phú; đội ngũ công nhân và thợ thủ công có tay nghề khá; lực lượng khoa học kỹ thuật đông đảo, có tài năng; có cơ sở hạ tầng phục vụ cho việc phát triển công nghiệp, xuất khẩu và du lịch. Thành phố là đầu mối giao thông lớn về thủy, bộ và đường hàng không, thông thương thuận tiện với các tỉnh ở Nam-bộ, nam Trung-bộ và nam Tây-nguyên, có vị trí và điều kiện rất thuận lợi về giao lưu quốc tế, trước hết với các nước ở Đông-dương và Đông Nam châu Á. Kinh tế của thành phố lại gắn liền với một vùng nông, lâm, ngư nghiệp trù phú, có nền sản xuất hàng hóa phát triển, có những khả năng lớn về lao động, đất đai, bảo đảm cho thành phố một hậu phương dồi dào về lương thực, thực phẩm, nông sản, nguyên liệu, v.v.

Tuy nhiên thành phố Hồ-Chí-Minh có những khó khăn, phức tạp rất lớn về chính trị và kinh tế.

Trước đây, thành phố này là trung tâm đầu não về chính trị và quân sự của Mỹ-ngụy, là một thành phố tiêu thụ, ăn xài, trụ lạc nổi tiếng của chế

độ thực dân mới của Mỹ. Sản xuất công nghiệp và thị trường thành phố hoàn toàn lệ thuộc vào nguyên liệu, phụ tùng, hàng hóa của các nước tư bản phương Tây. Thành phố có những tầng lớp dân cư chịu ảnh hưởng nặng của đế quốc, phong kiến, tư sản, chưa hiểu rõ sự cần thiết phải đi theo con đường xã hội chủ nghĩa. Hơn 22 vạn người chưa có việc làm. Quan hệ từ thành phố với nước ngoài, với Cam-pu-chia, Thái-lan, với các vùng biên quốc tế rất phức tạp. Đặc biệt là đế quốc Mỹ và bọn bành trướng, bá quyền Trung-quốc, cay cú vì thua đau đớn, nhục nhã trong chiến tranh, đang câu kết chặt chẽ với nhau, lấy thành phố Hồ-Chí-Minh làm trọng điểm hàng đầu trong cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt đối với nước ta, hy vọng từ đây làm rối loạn thị trường và nền kinh tế nước ta, làm lung lay chế độ ta, làm hư hỏng cán bộ, đảng viên ta và chia rẽ nội bộ ta, chia rẽ Đảng với nhân dân, chia rẽ nam bắc, địa phương với trung ương, chia rẽ Việt-nam với Lào, Cam-pu-chia, chia rẽ Việt-nam với Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác, hòng tạo nên những cuộc bạo loạn lật đổ chính quyền cách mạng.

Trong hoàn cảnh phức tạp ấy, và trong tình hình kinh tế chung cả nước đang có nhiều khó khăn, trung ương chưa thể đáp ứng đầy đủ nhu cầu nhiều mặt của thành phố, đội ngũ cán bộ Đảng, chính quyền, đoàn thể của thành phố còn nhiều bất ngờ, thiếu kiến thức kinh tế, văn hóa, thiếu kinh nghiệm quản lý một thành phố lớn, phức tạp, đảng bộ thành phố Hồ-Chí-Minh cố gắng chuyển toàn bộ cuộc sống của một thành phố lớn, vốn là trung tâm phân cách mạng của chế độ cũ sang chế độ mới, xã hội chủ nghĩa.



Bảy năm qua, dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng và Chính phủ, đảng bộ, chính quyền và nhân dân thành phố Hồ-Chí-Minh đã phấn đấu cao, không ngừng vươn lên, vừa làm vừa học, từng bước trưởng thành trong thực tế, bước đầu cải tạo và xây dựng thành phố, chuyển biến thành phố từ thành phố tiêu thụ sang thành phố sản xuất, từ kinh tế phục vụ chiến tranh và hoàn toàn phụ thuộc vào nước ngoài sang kinh tế độc lập, phục vụ dân sinh và tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Từ năm 1980 đến nay, thi hành Nghị quyết Hội nghị thứ sáu của Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa IV), Nghị quyết 26 của Bộ chính trị và các quyết định của Chính phủ, thành phố đã cố gắng vươn lên, vượt khó khăn, tìm tòi những biện pháp, những hình thức tổ chức sản xuất và quản lý thích hợp, đem lại những kết quả quan trọng và đáng phấn khởi là: duy trì được sản xuất công nghiệp, nhất là sản xuất tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp, phát triển với nhịp độ cao; tạo thêm được việc làm cho hàng vạn lao động, bước đầu ổn định được mọi phần đời sống của công nhân viên chức và nhân dân thành phố; tích cực, chủ động tìm các biện pháp nâng cao tốc độ xuất nhập khẩu của địa phương, tích cực phục vụ sản xuất và đời sống. Ở thành phố đã xuất hiện một số điển hình tốt về quản lý xã hội, quản lý kinh tế có thể góp những kinh nghiệm bổ ích cho việc nghiên cứu cải tiến quản lý kinh tế chung của cả nước.

Nhìn chung, thành phố đã giữ được tính năng động, nhạy bén và ý thức quan tâm đến hiệu quả trong hoạt động sản xuất, kinh doanh. Đó là những nhân tố tích cực, rất quý, cần được phát huy.

Bên cạnh thành tựu về kinh tế, thành phố đã giữ được an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trong tình hình khá phức tạp; đã đóng góp đáng kể cho cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc ở biên giới tây nam nước ta; đạt những thành tích lớn về giáo dục, văn hóa, văn nghệ, y tế, thể dục thể thao, khắc phục từng bước các tệ nạn xã hội; đã xây dựng và củng cố các tổ chức Đảng chính quyền và đoàn thể quần chúng; gây được phong trào quần chúng khá mạnh trên một số mặt hoạt động, trong từng thời gian

Những thành tựu trên đây thể hiện ý thức trách nhiệm và tính chủ động của thành ủy và toàn đảng bộ đối với sự nghiệp cách mạng ở thành phố và trong cả nước, và chứng tỏ nhân dân thành phố Hồ-Chí-Minh ngày nay đang tin tưởng và vững chắc đi lên theo sự lãnh đạo của Đảng trong sự nghiệp cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Cùng với sự cố gắng của bản thân thành phố, có một nhân tố rất quan trọng tạo nên những thành tựu nói trên: đó là sự chỉ đạo của Trung ương, sự giúp đỡ tích cực và phối hợp ngày càng tốt hơn của các ngành, các lĩnh vực và thành phố khác trong cả nước đối với thành phố Hồ-Chí-Minh.

Bên cạnh mặt thành tích là căn bản, sự lãnh đạo của đảng bộ thành phố cũng có những khuyết điểm:

— Nhận định về cách mạng xã hội chủ nghĩa, về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội chưa thật rõ. Chưa nhận rõ tính chất gay gắt của cuộc đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa, gắn chặt với cuộc đấu tranh chống cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt của bọn bành trướng bá quyền Trung-quốc cầu kết với đế quốc Mỹ. Cảnh giác đối với hành động phá hoại của địch không đầy đủ, trong khi bọn đế quốc, bọn bành trướng bá quyền Trung-quốc và các thế lực thù địch khác đang tìm mọi thủ đoạn phá hoại ta rất ráo riết, nhất là trên mặt trận kinh tế và tư tưởng.

— Có phần buông lơi chuyên chính vô sản trên mặt trận phân phối lưu thông là mặt trận nóng bỏng nhất trong cuộc đấu tranh giữa ta với tư sản thương nghiệp và các thế lực chống đối khác, giữa chủ nghĩa xã hội với khuynh hướng tư phát tư bản chủ nghĩa của những người sản xuất nhỏ và tiểu thương. Thiếu kiểm soát, quản lý chặt chẽ thị trường, chưa thật kiên quyết trừng trị bọn đầu cơ, buôn lậu; coi nhẹ cuộc đấu tranh chống xu hướng chạy theo lợi nhuận, tranh mua, tranh bán, đẩy giá lên, nhằm từng bước ổn định giá và kéo giá xuống.

Sản xuất tuy có tăng, nhưng Nhà nước nắm nguồn hàng tiêu công nghiệp, thủ công nghiệp, nông nghiệp còn quá ít, năm tiền càng ít hơn, giá cả biến động quá mức. Do tổ chức phân phối lưu thông của ta còn có nhược điểm, phương thức chưa hợp lý, cho nên ngay cả nguồn hàng Nhà nước đã nắm cũng có một số lại chuyển qua tay tư thương ra thị trường bán lẻ. Thu nhập của người lao động làm ăn chính đáng bị điều tiết bất hợp lý.

— Công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với thương nghiệp, tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp và nông nghiệp chưa được tiến hành tích cực, đúng mức. Ở thành phố Hồ-Chí-Minh hiện nay, các hợp tác xã và tập đoàn sản xuất nông nghiệp mới chiếm trên 18% diện tích canh tác ở ngoại thành; kinh tế xã hội chủ nghĩa mới chiếm khoảng 30% trong thương nghiệp; các hình thức cải tạo đối với tư sản công thương nghiệp và thợ thủ công chưa đạt được kết quả mong muốn. Tư sản thương nghiệp, mà phần lớn là tư sản người Hoa, còn quan hệ khá chặt với nông dân và thợ thủ công.

— Sản xuất công nghiệp và tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp có tiến bộ, nhưng nhiều năng lực sản xuất chưa được sử dụng tốt, còn lãng phí nhiều. Chưa gắn chặt công nghiệp với nông nghiệp và có phần coi nhẹ nông nghiệp. Sản xuất trong khu vực quốc doanh trên địa bàn thành phố (kể cả trung ương và địa phương) phát triển chậm; có những cơ sở quốc doanh sản xuất sút kém vì thiếu nguyên liệu và phụ tùng thay thế.

— Công tác giáo dục chính trị, nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa, bồi dưỡng ý chí chiến đấu và phẩm chất cách mạng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân thành phố chưa được coi trọng đúng mức và chỉ đạo chặt chẽ. Việc kiểm tra, giám sát tư tưởng và hành động của cán bộ, đảng viên không thường xuyên, nghiêm ngặt. Một số cán bộ, đảng viên, nhân viên Nhà nước bị hư hỏng, thoái hóa, móc ngoặc với tư thương và bọn ăn cắp, gây ảnh hưởng xấu trong nhân dân.

Những thiếu sót trên đây trên nhiều vấn đề cụ thể có phần trách nhiệm của Trung ương và của các bộ, các ban, các ngành ở trung ương. Trong những thiếu sót của các cơ quan trung ương, đáng chú ý nhất là đã chậm trễ trong việc sửa đổi cơ chế quản lý kinh tế quan liêu bao cấp, chấp hành các chính sách, chủ trương của Đảng và Nhà nước một cách máy móc, cứng nhắc, chậm cụ thể hóa, chậm hướng dẫn và kiểm tra chặt chẽ việc thi hành các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương và Chính phủ.



Đề lên bước vững chắc lên chủ nghĩa xã hội, vấn đề quan trọng hàng đầu là đảng bộ thành phố Hồ-Chí-Minh phải thấm nhuần sâu sắc và làm cho toàn thể nhân dân thành phố quán triệt và thực hiện đúng đắn đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa của Đảng, hai nhiệm vụ chiến lược của nước ta trong thời kỳ quá độ, bốn mục tiêu kinh tế — xã hội trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ, chính sách của Đảng đối với các thành phần kinh tế trong thời kỳ quá độ, nhất là trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ ấy, v.v

Đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa của Đảng là đường lối chung được định ra cho suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội — thời kỳ đấu tranh giai cấp gay go, quyết liệt để giải quyết vấn đề « ai thắng ai » giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản, thời kỳ chuyển biến cách mạng triệt để nhất, sâu sắc nhất về tất cả các mặt của xã hội. Trong thời kỳ cách mạng hết sức phức tạp đó, một đảng bộ cộng sản chỉ có thể hành động đúng đắn và có tác dụng cao đối với sự nghiệp cách mạng của giai cấp và dân tộc khi nó nắm vững đường lối của Đảng, biết vận dụng sáng tạo đường lối đó vào điều kiện cụ thể của địa phương, có tinh thần kỷ luật nghiêm ngặt, biết tổ chức chỉ đạo một cách chặt chẽ và đúng đắn, và lôi cuốn toàn thể quần chúng theo mình lên chủ nghĩa xã hội.

Không nắm vững đường lối cách mạng chung của Đảng thì không thể nói đến việc vận dụng sáng tạo được. Thực tế chứng minh rằng, ngay ở thành phố Hồ-Chí-Minh, những điển hình tốt về sản xuất kinh doanh hay về các lĩnh vực khác, chính là sự thể hiện sinh động việc vận dụng sáng tạo đường lối của Đảng. Và trong trường hợp không nắm vững đường lối của Đảng thì không

tránh khỏi phạm sai lầm, lệch lạc, có khi sai lầm, lệch lạc đó xảy ra ngay cả trong những đơn vị lỗi nhưng năm không đầy đủ, không toàn diện những vấn đề cơ bản trong đường lối chung của Đảng.

Bởi vậy, cần nắm thật vững đường lối chung của Đảng. Làm như vậy, cũng lúc là nắm được điểm then chốt của chuyển chính vô sản — một nền chuyển chính mang bản chất giai cấp của giai cấp công nhân cách mạng và thể hiện lập trường quyền làm chủ lập thể của nhân dân lao động do Đảng lãnh đạo. Tác dụng của Nhà nước xã hội chủ nghĩa là ở vai trò quản lý của nó, một sự quản lý theo đúng đường lối của Đảng và phục vụ cho những lợi ích cơ bản của nhân dân lao động. Song muốn cho sự quản lý ấy thật sự có hiệu lực thì Nhà nước xã hội chủ nghĩa phải hết sức nghiêm trọng việc giữ gìn Hiến pháp và pháp luật, phải làm cho tinh thần kỷ luật của giai cấp công nhân — một trong những cái thuộc về bản chất của chuyển chính vô sản — được quán triệt trong toàn xã hội, khiến cho toàn thể nhân dân tự giác và nghiêm chỉnh thi hành mọi chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước.

Cùng với việc thấm nhuần đường lối chung của Đảng, hai nhiệm vụ chiến lược và bốn mục tiêu kinh tế — xã hội trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ, đang bộ thành phố Hồ-Chí-Minh cần **nắm thật vững chính sách của Đảng đối với các thành phần kinh tế.** Chính sách đó là: đối với kinh tế quốc doanh và kinh tế hợp tác xã — hết sức chăm lo xây dựng, củng cố và phát triển, nâng cao chất lượng về mọi mặt; đối với kinh tế cá thể của nông dân, thợ thủ công và tiểu thương: tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa bằng những hình thức thích hợp, phát huy khả năng sản xuất của họ nhưng thường xuyên giáo dục, phê phán, đấu tranh khắc phục mặt tiêu cực của họ, sử dụng những người tiểu thương cần thiết cho việc lưu thông, số còn lại thì từng bước chuyển sang sản xuất và dịch vụ; đối với kinh tế công tư hợp doanh: chỉ dùng hình thức công tư hợp doanh trong khu vực sản xuất và ở những ngành cần thiết để sử dụng được vốn và kinh nghiệm kinh doanh của người tư sản, cho họ có lợi thỏa đáng; đối với kinh tế tư bản tư doanh: chỉ để tồn tại ở một số ngành sản xuất, nhà tư bản phải làm ăn theo phương hướng của kế hoạch Nhà nước, phải tuân thủ pháp luật và chịu sự quản lý của Nhà nước.

Nói chung không duy trì tư sản thương nghiệp. Đối với những tư sản thương nghiệp đang hoạt động trong một số ngành mà Nhà nước còn cho phép tư nhân kinh doanh thì cải tạo họ bằng các hình thức tư bản Nhà nước, song phải xem xét từng trường hợp và luôn luôn cảnh giác, đề phòng các hoạt động tiêu cực của họ.

Cần nhận thức sâu sắc rằng, việc Đảng ta chủ trương sử dụng cơ cấu kinh tế 5 thành phần (mà sự tồn tại 5 thành phần kinh tế trong buổi đầu của thời kỳ quá độ là điều có tính chất khách quan) chính là nhằm đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trong quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa, nền kinh tế 5 thành phần, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước ta, sẽ dần dần biến thành nền kinh tế xã hội chủ nghĩa thuần nhất với hai thành phần quốc doanh và tập thể; riêng trong một số ngành nghề tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp và dịch vụ thì sản xuất cá thể còn tồn tại lâu dài, và giữ vai trò phụ trợ cho kinh tế xã hội chủ nghĩa. Đó là điều mà chúng ta sẽ đạt tới khi kết thúc thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Hướng theo cái đích toàn diện của chủ nghĩa xã hội, hiện nay đang bộ thành phố Hồ-Chí-Minh có nhiệm vụ chung là: phát động phong trào cách

mạng của quần chúng, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động thành phố, tiến hành ba cuộc cách mạng, kết hợp chặt chẽ cải tạo với xây dựng, xây dựng với cải tạo để hoàn thành tốt cải tạo xã hội chủ nghĩa trong chặng đường đầu tiên này, xây dựng quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa và lực lượng sản xuất mới ngày càng lớn mạnh.

— Trên cơ sở phát huy năng lực sẵn có và tiềm tàng của thành phố và tăng năng suất lao động, phải phát triển mạnh sản xuất, kết hợp công nghiệp với nông nghiệp, làm ra ngày càng nhiều sản phẩm có chất lượng cao, phục vụ cho nhu cầu của thành phố và của cả nước. Thúc đẩy việc sớm hình thành cơ cấu công — nông nghiệp ở thành phố và ở Nam-bộ cũ, theo quy hoạch và kế hoạch của Nhà nước. Hết sức chăm lo ổn định và từng bước cải thiện đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân thành phố và các chiến sĩ lực lượng vũ trang nhân dân. Phần đầu đề sớm bảo đảm nhu cầu tái sản xuất mở rộng của bản thân thành phố và góp phần đáng kể tích lũy cho cả nước.

— Phải đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp, tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp và nông nghiệp của thành phố theo chính sách của Đảng và quy định của Nhà nước. Cải tạo xã hội chủ nghĩa chính là tổ chức lại sản xuất và phân phối theo hướng xã hội chủ nghĩa bằng những hình thức và phương thức quản lý thích hợp với từng ngành nghề để sử dụng tốt, đồng thời hạn chế và cải tạo, đấu tranh chống tiêu cực

Cần tập trung sức mở rộng mạng lưới và các hình thức hoạt động của thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, nắm cho được phần lớn hàng hóa trong tay Nhà nước, nhất là những mặt hàng chủ yếu. Cải tiến các hoạt động tài chính, tiền tệ để tăng cường nắm tiền, tăng thu cho ngân sách trung ương và địa phương. Sử dụng đồng bộ các biện pháp kinh tế, giáo dục và hành chính để quản lý thị trường.

Trong sản xuất, phải phần đầu nâng cao chất lượng sản phẩm, chống tham ô, làm bừa, làm ẩu, chạy theo lợi nhuận, kiên quyết trừng trị bọn kinh doanh trái phép, làm hàng giả. Trong phân phối lưu thông, phải thẳng tay trừng trị bọn đầu cơ, buôn lậu, ăn cắp, phá hoại thị trường.

— Tăng cường lãnh đạo mặt trận tư tưởng và văn hóa.

Cũng như trên mặt trận kinh tế, đảng bộ thành phố phải chỉ đạo rất chặt chẽ mặt trận văn hóa, quyết đập tan mọi thủ đoạn phá hoại của địch, đấu tranh kiên quyết để loại trừ mọi ảnh hưởng văn hóa phản động, lạc hậu, đồi trụy, từng bước xây dựng nền văn hóa mới, nếp sống văn hóa xã hội chủ nghĩa, văn minh, lành mạnh, tươi vui của nhân dân thành phố.

— Bảo đảm vững chắc an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội.

Phải giáo dục sâu sắc cán bộ, đảng viên và nhân dân thành phố về tinh thần cảnh giác cách mạng, về ý thức kỷ luật, kiên quyết đấu tranh chống các hành vi phạm pháp, các tệ nạn xã hội. Tăng cường các lực lượng vũ trang bảo vệ thành phố, bảo vệ nhân dân, thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ quốc phòng và an ninh.

— Đề bảo đảm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của thành phố, nhân tố quyết định là phải xây dựng đảng bộ thành phố vững mạnh về chính

trị, tư tưởng và tổ chức, đào tạo và bồi dưỡng cán bộ, đẩy mạnh phong trào cách mạng của quần chúng.

Trước hết phải giáo dục sâu sắc trong toàn đảng bộ về cách mạng xã hội chủ nghĩa, làm cho toàn đảng bộ nhất trí cao về đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa của Đảng và về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ; nhận thức rõ hai nhiệm vụ chiến lược, tính chất phức tạp và quyết liệt của cuộc đấu tranh giai cấp trên địa bàn thành phố trong giai đoạn hiện nay, những âm mưu và hành động của bọn bành trướng, bá quyền Trung-quốc và đế quốc Mỹ đối với nước ta.

Lê-nin đã nói : giai cấp công nhân là giai cấp duy nhất làm cách mạng đến cùng. Là những chiến sĩ tiên phong của giai cấp công nhân, cán bộ đảng viên ta càng phải thể hiện rõ phẩm chất ấy trong mọi suy nghĩ và hành động của mình. Trong cuộc đấu tranh hết sức gay go giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa gắn với cuộc đấu tranh chống chiến tranh phá hoại nhiều mặt của kẻ thù, các cán bộ, đảng viên ở thành phố Hồ-Chí-Minh cần phải đứng vững trên lập trường giai cấp công nhân : đấu tranh đến cùng cho thắng lợi của chủ nghĩa xã hội và sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Phải nêu cao ý chí chiến đấu cách mạng, nâng cao cảnh giác, trung thành tuyệt đối với lý tưởng của Đảng là : xây dựng trên Tổ quốc thân yêu một xã hội tốt đẹp, không có người bóc lột người, trong đó mọi người lao động sống bình đẳng, ấm no và hạnh phúc. Phải kiên quyết chống tư tưởng tư sản, chống mọi ảnh hưởng của các chủ nghĩa thực dân cũ và mới, mọi tàn dư của chế độ phong kiến, khắc phục tư tưởng liêu tư sản và mọi biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân. Phải phát huy truyền thống cách mạng, giữ gìn nếp sống trong sạch, lành mạnh, giản dị : chống tham ô, hối lộ, tôn trọng quyền làm chủ tập thể của nhân dân, tôn trọng kỷ luật và pháp luật, nêu cao phẩm chất cách mạng trước quần chúng.

Đi đôi với việc giáo dục những phẩm chất cao đẹp nói trên, đảng bộ thành phố Hồ-Chí-Minh cần kiểm tra, giám sát thường xuyên tình hình công tác và sinh hoạt hằng ngày của cán bộ, đảng viên, không để họ chạy theo những cách làm ăn và lối sống không lành mạnh. Thành ủy và các cấp bộ Đảng trong thành phố phải giữ nghiêm kỷ luật của Đảng ; kịp thời loại ra khỏi Đảng những phần tử sa đọa, thoái hóa, biến chất

Phải rất chú trọng đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ của Đảng, chính quyền và đoàn thể, nhất là cán bộ quản lý kinh tế, từ cấp thành đến quận, huyện, phường, xã ; nhanh chóng nâng cao trình độ mọi mặt, bảo đảm vững chắc sự lãnh đạo của Đảng trên mọi mặt hoạt động, nhất là trong sản xuất và phân phối lưu thông.

Phải tăng cường công tác vận động quần chúng, phát động và nuôi dưỡng phong trào thi đua xã hội chủ nghĩa trong quần chúng.

Đề xây dựng và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, phải rất coi trọng vai trò của quận, huyện, và phường, xã ; đặc biệt coi trọng việc củng cố cơ sở.

Phát huy mạnh chức năng và tác dụng giáo dục xã hội chủ nghĩa của các tổ chức quần chúng : công đoàn, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ-Chí-Minh, Hội liên hiệp phụ nữ. Phát huy vai trò quan trọng của Mặt trận Tổ quốc Việt-nam

trong việc tăng cường đoàn kết mọi lực lượng yêu nước và tán thành chủ nghĩa xã hội, cùng chung sức chung lòng xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa.



Việc xây dựng thành phố Hồ-Chí-Minh thành một thành phố xã hội chủ nghĩa giàu đẹp và văn minh không chỉ là trách nhiệm của đảng bộ và nhân dân thành phố, mà còn là trách nhiệm của cả nước, của trung ương; bởi vì thành phố Hồ-Chí-Minh là của cả nước, của trung ương.

Hiện nay, Trung ương Đảng và Hội đồng bộ trưởng đã xây dựng xong quy chế làm việc với thành phố Hồ-Chí-Minh. Các ngành của trung ương cần phải ra sức góp phần mình vào việc xây dựng thành phố Hồ-Chí-Minh.

Các ngành của trung ương phải thực hiện nhanh chóng, đồng bộ việc phân công quản lý kinh tế, tài chính cho thành phố Hồ-Chí-Minh. Cùng ứng ngày càng tốt hơn các điều kiện vật chất cần thiết cho thành phố. Góp sức cùng thành phố thực hiện kế hoạch xây dựng và cải tạo thành phố. Hướng dẫn, tạo điều kiện cho thành phố phát triển quan hệ hợp tác kinh tế hợp lý với các tỉnh, thành trong cả nước, trước hết là với các tỉnh ở miền Nam, mở rộng quan hệ kinh tế với thị trường ngoài nước.

Bản thân thành phố Hồ-Chí-Minh cần tiếp tục phát huy tinh năng động chủ động của mình, nhưng hết sức tranh thủ ý kiến các ngành ở trung ương, các tỉnh và các thành phố khác, và phải kịp thời báo cáo, xin ý kiến Trung ương và Hội đồng bộ trưởng trước khi tiến hành một chủ trương mới có quan hệ đến chính sách chung.

Chúng ta tin tưởng vững chắc rằng, dưới sự lãnh đạo chặt chẽ của Trung ương Đảng và Chính phủ, với sự cố gắng lớn của bản thân đảng bộ và nhân dân thành phố Hồ-Chí-Minh, lại có sự hợp tác, giúp đỡ của các ngành trung ương và các địa phương trong cả nước, thành phố Hồ-Chí-Minh nhất định sẽ tiến nhanh về mọi mặt, trở thành một thành phố xã hội chủ nghĩa giàu đẹp, xứng đáng là thành phố có vinh dự được mang tên của Bác Hồ vĩ đại

TIẾT KIỆM — MỘT QUỐC SÁCH LỚN

TRONG tình hình đất nước ta hiện nay, tiết kiệm đã thật sự trở thành một yêu cầu nghiêm ngặt và cấp thiết đối với mọi ngành, mọi cấp và mọi người dân. Tiết kiệm cũng là một vấn đề cơ bản, lâu dài trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của chúng ta. Những khó khăn to lớn của đất nước ta càng làm tăng thêm tầm quan trọng của vấn đề tiết kiệm. Song không nên nghĩ rằng, có khó khăn và còn nghèo mới chú trọng tiết kiệm. Thật ra, vấn đề tiết kiệm có ý nghĩa sâu rộng hơn thế nhiều.

Ngày nay, tiết kiệm đã được coi là quốc sách của nhiều nước xã hội chủ nghĩa, kể cả những nước đã phát triển cao. Tiết kiệm chẳng những là một quốc sách, mà còn là một yêu cầu của thời đại. Đó là vì tiết kiệm trước hết là quy luật của nền sản xuất xã hội. Hiệu quả của nền sản xuất xã hội luôn luôn gắn liền với quy luật tiết kiệm mà nội dung cơ bản nhất của nó là tiết kiệm lao động sống và lao động vật hóa. Tất cả sự tiết kiệm đó, suy cho cùng là tiết kiệm thời gian. Mác đã chỉ rõ: «Việc tiết kiệm thời gian cũng như việc phân phối một cách có kế hoạch thời gian lao động trong các ngành sản xuất khác nhau, vẫn là quy luật kinh tế số một trên cơ sở sản xuất tập thể» (1). Trong xã hội xã hội chủ nghĩa mà bản chất là một xã hội tiết kiệm, sản xuất và kinh doanh hợp lý, thì việc vận dụng đúng đắn và phát huy tác dụng của quy luật này sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến toàn bộ hệ thống các quy luật kinh tế, nhất là quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa xã hội, vì nó quan hệ chặt chẽ với việc nâng cao mức sống, thỏa mãn những nhu cầu ngày càng tăng của nhân dân.

Tiết kiệm do đó là một trong những nội dung cơ bản của chiến lược kinh tế — xã hội của Đảng và Nhà nước, nhằm sử dụng hợp lý hơn, có hiệu quả hơn mọi khả năng hiện có và tiềm tàng của đất nước. Tiết kiệm trở thành một nhiệm vụ một chỉ tiêu có tính pháp lệnh trong các kế hoạch kinh tế — xã hội của Nhà nước. Yêu cầu quan trọng nhất đối với các kế hoạch ấy là đem lại hiệu quả kinh tế cao nhất cho xã hội. Nếu không thực hành tiết kiệm thì không

(1) C. Mác, V.I. Lê-nin: *Bàn về tiết kiệm và tăng năng suất lao động*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1971, tr. 22

thể đạt được hiệu quả kinh tế cao nhất. Tiết kiệm và hiệu quả kinh tế thống nhất với nhau làm một.

Vì thế, thực hành tiết kiệm là một chính sách kinh tế xã hội cơ bản, một biện pháp lớn của Đảng và Nhà nước ta để xây dựng kinh tế, phát triển văn hóa và củng cố quốc phòng, an ninh, phục vụ và cải thiện đời sống nhân dân. Hồ Chủ tịch đã nói: « Chúng ta chỉ có thể xây dựng chủ nghĩa xã hội bằng cách *tăng gia sản xuất và thực hành tiết kiệm*. Sản xuất mà không tiết kiệm thì khác nào gió vào nhà trống » (2). Có tiết kiệm thì mới phát triển được sản xuất. Cho nên, tiết kiệm còn là một trong những nguyên tắc cơ bản của khoa học quản lý kinh tế, là biểu hiện của việc quản lý thông minh.

Ngày nay, tiết kiệm lại càng có ý nghĩa quan trọng khi mà cuộc đấu tranh kinh tế giữa hai hệ thống xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa diễn ra gay go, phức tạp, khi mà nền kinh tế thế giới đang gặp phải một vấn đề thời sự nóng bỏng là nhiều nước không đủ nguyên liệu, vật liệu và năng lượng để sản xuất. Việc tìm kiếm những thứ đó trở nên khó khăn và đắt đỏ hơn. Ngay những nước được thiên nhiên ưu đãi, tài nguyên cũng sẽ bị cạn dần, và giả thành khai thác nó ngày một đắt hơn. Người ta đã tính toán rằng, chỉ trong vòng hơn 20 năm qua, loài người đã tiêu dùng nguyên liệu, năng lượng bằng mức tiêu dùng của toàn bộ quá trình lịch sử loài người trước đó, và với đà này, trong khoảng 20 năm tới, mức tiêu dùng ấy có thể tăng gấp mấy lần đến hàng chục lần so với 20 năm qua. Các nước xã hội chủ nghĩa trong khóa họp Hội đồng tương trợ kinh tế vừa qua đã nêu rõ sự cần thiết phải tăng cường hợp tác nhằm sử dụng tiết kiệm nhiên liệu, nguyên liệu và năng lượng. Nhiều nước đã chú trọng thực hiện phương hướng phát triển kinh tế theo chiều sâu có tính tiết kiệm cao. Theo phương hướng ấy người ta làm cho kết quả sản xuất tăng nhanh hơn chi phí cho nó, đưa vào sản xuất ít nguyên liệu hơn mà lại thu được nhiều sản phẩm hơn. Ở đây, tiết kiệm đã chuyển hóa thành phát triển.

Tuy nhiên, tiết kiệm không phải chỉ do những yêu cầu khách quan, mà nó còn là một nhu cầu thực tế của đời sống. Đối với chúng ta, thực hành tiết kiệm sẽ góp phần tích cực vào việc khắc phục tình trạng nền kinh tế đang có nhiều mặt mắt cần đổi gay gắt, nhưng việc sử dụng lương thực, năng lượng, vật tư, thiết bị, tiền vốn còn lãng phí nghiêm trọng, đời sống nhân dân còn nghèo, nhưng việc tiêu dùng còn lãng phí, tệ xa hoa, phô trương, hình thức vẫn phát triển. Thực hành tiết kiệm góp phần tích cực vào việc chấm dứt tình trạng chúng ta đang tiêu dùng quá mức làm ra được. Tiết kiệm trở thành một tiêu chuẩn đạo đức, một kỷ luật trong đời sống và lối sống. Mọi người phải sống phù hợp với kết quả lao động của mình, không tiêu dùng quá mức sản xuất cho phép. Phải bảo đảm nhu cầu đời sống, nhưng phải biết chịu đựng khó khăn để bảo vệ độc lập, tự do của Tổ quốc và dành tỷ lệ tích lũy thích đáng để thực hiện tái sản xuất mở rộng, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội.



(2) Hồ-Chí-Minh : *Tuyên bố*, Nxb Sự thật, Hà-nội 1980, tập 2, tr. 214.

Văn kiện Đại hội thứ V của Đảng đã chỉ rõ, chúng ta thực hành « tiết kiệm trên mọi lĩnh vực: xây dựng cơ bản, sản xuất, đời sống, chi tiêu về quốc phòng, an ninh và chi tiêu hành chính. Tiết kiệm về mọi mặt: tiền vốn, vật tư, năng lượng, nguyên liệu, thiết bị, máy móc, hàng tiêu dùng, thời gian và lực lượng lao động. Tiết kiệm trong tiêu dùng của xã hội và tiêu dùng cá nhân, trong chi phí của Nhà nước, của tập thể và của nhân dân » (3). Trong những năm đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên-xô, Lê-nin đã kêu gọi phải thực hành tiết kiệm một cách nghiêm ngặt từng gam nguyên liệu, từng giờ lao động, phải biết chi tiêu, tính toán tiền nong cần thận. Người chỉ rõ, phải « trừ bỏ được cả đến những lãng phí nhỏ nhất trong mọi lĩnh vực đời sống xã hội, bằng cách thực hành tiết kiệm nghiêm ngặt »... « Chúng ta sẽ có thể dùng cả đến món tiền tiết kiệm nhỏ nhất để phát triển đại công nghiệp cơ khí của chúng ta » (4). Thấm nhuần tinh thần đó và theo phương hướng của Đảng đã vạch ra, việc thực hành tiết kiệm của chúng ta hiện nay có nội dung toàn diện và đồng bộ. Nội dung tiết kiệm ấy cần được thể hiện ngay trong sự suy nghĩ, nghiên cứu một cách khoa học, công phu để định ra được những kế hoạch đúng đắn, thiết thực trong các lĩnh vực hoạt động của chúng ta. Mỗi kế hoạch ấy đều cần đáp ứng được yêu cầu chung hiện nay là: với phương tiện vật tư, kỹ thuật bằng hoặc ít hơn trước, phải sản xuất tốt hơn, làm ra nhiều của cải cho xã hội hơn. Cho nên, sẽ không thực hành được tiết kiệm, nếu chúng ta vạch ra những kế hoạch thiếu cơ sở khoa học. Trong tình hình hiện nay, nội dung tiết kiệm cần được thể hiện trên các mặt quan trọng sau đây:

1. *Tiết kiệm lương thực.* Đó là yêu cầu đặc biệt quan trọng trong tình hình lương thực của cả nước ta đang rất khan trương và còn khó khăn lâu dài, trong tình hình như Lê-nin đã nói: « cần phải lấy lương thực làm khởi điểm, vì gốc rễ của tất cả những khó khăn chính là ở chỗ đó » (5). Thể hiện tinh thần « hạt thóc – hạt vàng », chúng ta làm tốt công tác thu mua, bảo quản, bảo đảm chất lượng, chú trọng giảm nhanh tỷ lệ hao hụt, mất mát trong khâu bảo quản, lưu thông, kiểm tra chặt chẽ việc phân phối, sử dụng lương thực. Kể cả những nơi có thừa thóc gạo, cũng phải tiêu dùng hết sức tiết kiệm, chống lãng phí lương thực trong mọi trường hợp. Nghiêm cấm đầu cơ tích trữ, buôn bán trái phép lương thực, nấu rượu lậu, nghiêm trị mọi hành vi tham ô, ăn cắp lương thực.

2. *Tiết kiệm năng lượng, vật tư và nguyên liệu.* Tình trạng không có và không đủ những thứ này đang là một trong những khó khăn gay gắt nhất của chúng ta hiện nay. Rất nhiều nhà máy, công trường và cơ sở sản xuất khác luôn luôn bị « đói » sắt thép, xăng dầu, than, điện, bông, sợi..., trong khi đó những hiện tượng lãng phí các thứ ấy không phải là ít. Tiết kiệm về mặt này là một yêu cầu hết sức nghiêm ngặt và cần tập trung vào mấy việc có tác dụng rõ rệt hiện nay. Đó là sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả và tiêu dùng theo đúng tiêu chuẩn định mức năng lượng, vật tư, nguyên liệu,

(3) Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội V. *Tạp chí Cộng sản*, số 4-1982, tr. 46 — 47.

(4) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*. Nxb Tiến bộ. Mát-xcơ-va, 1976. tập 45, tr. 458 — 459.

(5) C. Mác, V.I. Lê-nin: *Bản về tiết kiệm và tăng năng suất lao động*. Nxb Sự thật. Hà Nội, 1971, tr. 215.

trong đó đặc biệt coi trọng các loại quan trọng, quý, hiếm như điện, than, xăng dầu, kim loại, hóa chất, gỗ, giấy, bông, sợi, cao su... Giảm đến mức thấp nhất tổn thất vật tư, thiết bị trong bảo quản và lưu thông. Tổ chức tốt việc thu hồi và tận dụng các loại dư liệu, phế liệu, phế phẩm, chất thải. Tích cực huy động vật tư ở động và tồn kho quá mức (kể cả trong quân đội) đưa vào sản xuất, xây dựng. Tìm cách thay thế dần những loại vật tư nhập khẩu bằng vật tư trong nước.

3. *Tiết kiệm ngoại tệ.* Với vốn ngoại tệ ít ỏi hiện nay, chúng ta không đủ điều kiện dễ dàng trả cho nền kinh tế quốc dân những thứ cần nhập khẩu và những khoản vay mượn. Vì vậy, tiết kiệm ngoại tệ là một yêu cầu gay gắt hiện nay. Tiết kiệm ngoại tệ là thực hiện việc soát xét lại kế hoạch nhập khẩu và các khoản vay ngoại tệ trong thời gian trước mắt, giảm nhập những thứ có thể thay thế bằng sản phẩm trong nước. Quản lý thống nhất kế hoạch xuất nhập khẩu và kế hoạch vay vốn nước ngoài, kể cả phân xuất nhập khẩu của địa phương, gắn kế hoạch vay vốn nước ngoài với kế hoạch xuất khẩu và trách nhiệm trả nợ. Tìm cách tăng thu và hạn chế chi ngoại tệ.

4. *Tiết kiệm trong xây dựng cơ bản.* Trong thời gian qua, vốn bỏ vào xây dựng cơ bản rất lớn. Song do đầu tư không hợp lý, cho nên đã gây lãng phí nghiêm trọng. Vì thế, nội dung quan trọng của tiết kiệm về mặt này là phải xem xét kỹ và định ra các chủ trương, kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản những năm trước mắt cho thật phù hợp với khả năng của ta, đúng hướng và bảo đảm hiệu quả vốn đầu tư. Nhà nước kiên quyết không đầu tư cho những công trình ngoài danh mục đã đăng ký. Coi trọng việc sử dụng tiết kiệm vật tư, tận dụng vật liệu trong nước, vật liệu có tại địa phương, bảo đảm chất lượng của công trình.

5. *Tiết kiệm chi tiêu ngân sách.* Hiện nay, chúng ta đang phải gánh chịu một ngân sách thu không đủ chi. Tinh thần tiết kiệm bao trùm ở đây là: tuyệt đối không chi những khoản không cần thiết, đồng thời chống thất thu, tạo thêm nguồn thu, bảo đảm chi tiêu có hiệu quả, tiến tới thăng bằng thu chi ngân sách. Các khoản chi lãng phí, không đúng chế độ sẽ không được thanh toán.

6. *Tiết kiệm lao động và đất đai.* Đó là hai cái vốn quý nhất của chúng ta hiện nay. Tiết kiệm lao động trước hết là tìm mọi cách tạo thêm nhiều việc làm cho người lao động, tận dụng sức lao động xã hội, sử dụng lao động có hiệu quả, chú trọng nâng cao chất lượng và năng suất lao động, đồng thời áp dụng các chính sách, chế độ khuyến khích người lao động cải tiến về vật chất lẫn tinh thần. Đất đai là thứ của cải không thể tạo ra được, và chúng ta cũng không có nhiều lắm, cho nên yêu cầu tiết kiệm lại càng cao. Trước mắt, các cơ quan Nhà nước, tập thể và cá nhân sử dụng đất đai đều phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định hiện hành, bảo vệ và không ngừng làm tăng độ màu mỡ của đất đai. Khắc phục tình trạng lãng phí lao động và đất đai ở nhiều nơi.

7. *Tiết kiệm trong tiêu dùng.* Phải sống phù hợp với kết quả lao động của mình, không tiêu dùng quá giới hạn mà mức sản xuất cho phép. Đó là yêu cầu tiết kiệm chung của toàn xã hội ta hiện nay và cần được thực hiện trong tất cả các cơ quan Đảng, Nhà nước các tổ chức xã hội và từng cá nhân. Chúng ta xây dựng chính sách tiêu dùng hợp lý, tiết kiệm trong phạm vi toàn xã hội

dựa trên cơ sở một hệ thống nhu cầu tiêu dùng phù hợp với hoàn cảnh đất nước. Nghiên cứu và tổ chức sản xuất các mặt hàng tiêu dùng ít tốn nguyên liệu, bảo đảm chất lượng và hợp với nhu cầu của nhân dân. Tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động thực hiện nếp sống mới, văn minh, giản dị, tiết kiệm, chống phô trương, xa hoa, lãng phí.



Muốn tiết kiệm, cần thực hiện đồng bộ nhiều biện pháp. Biện pháp đầu tiên, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng là làm cho mọi người thường xuyên có ý thức tiết kiệm, đấu tranh chống tham ô, lãng phí; làm cho tiết kiệm trở thành phong trào thi đua rộng lớn và thành thói quen của quần chúng. Ý thức và phong trào tiết kiệm cần được xây dựng trên sự giác ngộ chính trị, tinh thần làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội ngày một nâng cao. Thực tế chứng tỏ rằng, việc thực hành tiết kiệm phụ thuộc một phần quan trọng vào ý thức của mọi người. Trong nhiều trường hợp, dù chưa có sự thay đổi gì về các mặt khác, nhưng với ý thức tiết kiệm cao, có những tập thể và cá nhân đã đạt kết quả tốt về mặt tiết kiệm. Ngay cả trong điều kiện nhiều người cho rằng với những phương tiện làm việc nào đó, không thể đạt kết quả cao hơn, thì có những công nhân, kỹ sư giác ngộ về vấn đề tiết kiệm, vẫn có thể đem lại kết quả tốt hơn. Phong trào tiết kiệm xướng đầu trong ngành vận tải, tiết kiệm than, điện và các nguyên liệu, vật liệu trong nhiều cơ sở sản xuất và xây dựng, tiết kiệm tiêu dùng trong nhiều cơ quan... trong thời gian qua, đã cho thấy rõ một điều: trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng đều có thể tiết kiệm được. Chúng ta cần tạo điều kiện và tìm ra những hình thức thích hợp để làm cho tiết kiệm trở thành phong trào quần chúng thật sự sâu rộng trong mọi lĩnh vực, ở mọi nơi và mọi lúc, trở thành nếp sống và làm việc của mọi người. Phong trào tiết kiệm sẽ mang lại hiệu quả to lớn nếu nó dựa trên cơ sở nền kinh tế quốc dân được sắp xếp lại, cơ chế quản lý được đổi mới, cũng như nếu nó gắn liền với cuộc đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực, đặc biệt là tệ tham ô, lãng phí, xa hoa, phô trương, hình thức, thực hiện sự kiểm kê và kiểm sát nghiêm ngặt.

Tăng cường công tác định mức kinh tế - kỹ thuật, thực hiện các chương trình khoa học - kỹ thuật phục vụ tiết kiệm cũng là những biện pháp rất quan trọng để thực hành tiết kiệm có hiệu quả. Căn cứ để biết được tiết kiệm hay lãng phí là các định mức kinh tế - kỹ thuật, trong đó chúng ta chú trọng đặc biệt đến các định mức vật tư của từng khâu sản xuất và xây dựng: hiện nay phần lớn sản phẩm đều vượt quá định mức vật tư của Nhà nước, và nhiều sản phẩm chưa có định mức hoặc định mức áng chừng. Các ngành, các cấp, các đơn vị cơ sở tiến hành ngay việc soát xét lại các định mức kinh tế - kỹ thuật để xây dựng các hệ thống định mức mới hợp lý, tiến bộ. Biện pháp khoa học kỹ thuật hiện nay là xây dựng và quản lý chặt chẽ các tiêu chuẩn kỹ thuật, các quy trình, quy phạm sản xuất, chống làm dối, làm ẩu, nghiên cứu tìm cách thay thế dần những vật tư nhập khẩu bằng những vật tư trong nước, ứng dụng những tiến bộ kỹ thuật, cải tiến các quy trình công nghệ, thiết bị, máy móc nhằm tiết kiệm nguyên liệu, vật liệu, năng lượng và giảm dần các phế liệu, phế phẩm.

Một biện pháp thiết thực nữa là bổ sung và ban hành các chính sách khuyến khích tiết kiệm, nhằm làm sao cho những đơn vị, cá nhân có thành tích trong việc tiết kiệm, đều được thưởng một cách thích đáng, đồng thời phải xử phạt nghiêm khắc về mặt vật chất những đơn vị, cá nhân gây lãng phí và thiệt hại cho sản xuất, kinh doanh. Chúng ta cần xây dựng một chính sách cơ bản và có hệ thống của Nhà nước về tiết kiệm. Trước mắt, nên ban hành sớm những quy định cụ thể về thưởng phạt trong việc thực hành tiết kiệm, và bổ sung thể lệ gửi tiền tiết kiệm, nhằm thật sự khuyến khích nhân dân tiết kiệm tiêu dùng.

Biện pháp tổ chức chỉ đạo thực hiện cũng có tác dụng không nhỏ. Thủ trưởng các ngành, các cấp, các đơn vị cơ sở có trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo việc thực hành tiết kiệm, gắn chặt nó với kế hoạch sản xuất, kinh doanh, kế hoạch công tác của mình, quan tâm xây dựng các hệ thống tổ chức thích hợp, tiện lợi cho việc thực hành tiết kiệm, tạo điều kiện cho phong trào tiết kiệm đem lại hiệu quả ngày càng cao.



Hồ Chủ tịch đã dạy: « Tất cả mọi người đều phải tiết kiệm ». « Muốn tiến lên chủ nghĩa xã hội, trước hết phải thi đua tăng gia sản xuất và thực hành tiết kiệm » (6). Thực hiện lời dạy đó, nhân dân ta nhất định làm cho tiết kiệm — một quốc sách lớn trở thành hiện thực sinh động trong cuộc sống của đất nước ta

(6) Hồ-Chí-Minh : *Thực hành tiết kiệm và chống tham ô lãng phí, chống bệnh quan liêu*, Nhà Sẻ thật. Hà-nội, 1961, tr. 11 và 35.

QUYẾT TÂM ĐÁNH THẮNG KIỀU CHIẾN TRANH PHÁ HOẠI NHIỀU MẶT CỦA BỌN BÀNH TRƯỚNG BÁ QUYỀN BẮC-KINH

Đại tướng CHU-HUY-MÂN

DAI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC thứ V của Đảng đã chỉ rõ: « Đất nước ta đang ở trong tình thế vừa có hòa bình vừa phải đương đầu với một kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của bọn bành trướng, bá quyền Trung-quốc câu kết với đế quốc Mỹ; đồng thời, phải sẵn sàng đối phó với tình huống địch có thể gây chiến tranh xâm lược quy mô lớn » (1).

Đánh thắng địch trong kiểu chiến tranh phá hoại đó, đồng thời chuẩn bị đánh thắng địch trong cuộc chiến tranh xâm lược quy mô lớn, bảo đảm cho đất nước ta vững vàng tiến lên chủ nghĩa xã hội là trách nhiệm lịch sử của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta.

Trong khi vẫn tiếp tục chuẩn bị chiến tranh xâm lược quy mô lớn chống Việt-nam và các nước khác ở Đông-dương, bọn phản động trong

giới cầm quyền Bắc-kinh được Oa-sinh-ton phụ họa và tiếp sức, hy vọng rằng các hoạt động chiến tranh phá hoại nhiều mặt của chúng có thể làm suy yếu nước ta, buộc nhân dân ta phải khuất phục mà chúng thì lại tránh được tổn thất lớn về quân sự, kinh tế, chính trị, tránh được búa rìu dư luận của loài người tiến bộ.

Kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt này rất phức tạp. Kẻ địch đánh phá ta bằng nhiều mưu mô, trên nhiều lĩnh vực, từ nhiều hướng, trên nhiều địa bàn, bằng nhiều lực lượng, nhiều hình thức, nhiều thủ đoạn hết sức nguy hiểm và thâm độc. kẻ địch phá hoại ta trên các mặt kinh tế, chính trị, tư tưởng, văn hóa, quân sự, ngoại giao..

(1) Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội V. Tạp chí Cộng sản, số 4-1982, tr. 32.

Trên vùng biên giới và vùng biên phía bắc nước ta, bọn phản động Trung-quốc thường xuyên khiêu khích vũ trang, tiến hành hoạt động chiến tranh lấn chiếm để gặm nhấm đất đai, gây thương vong cho quân đội và dân thường, phá hoại phòng tuyến bảo vệ biên giới của ta. Lực lượng thám báo, biệt kích, máy bay quân sự địch, tàu thuyền vũ trang của địch luôn luôn quấy nhiễu. Trạng thái thường xuyên căng thẳng ở biên giới Việt-Trung có thể dẫn đến bùng nổ lớn bất kỳ lúc nào. Kết hợp với xung đột vũ trang ở biên giới, chúng tiến hành chiến tranh tâm lý và chiến tranh gián điệp, ráo riết tung đặc vụ vào nội địa nước ta, một mặt tìm cách phá cơ sở, công trình quân sự của ta, mặt khác tiến hành điều tra các bí mật quốc phòng và an ninh, móc nối với các loại phản cách mạng, các tổ chức chính trị phản động vũ trang nhằm phá rối an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, nhen nhóm cơ sở phản cách mạng và chuẩn bị điều kiện tiến hành lật đổ, gây bạo loạn sâu trong hậu phương ta để có cơ hội thí phối hợp « nội công » với « ngoại kích » trong những cuộc tập kích bất ngờ cũng như mở rộng quy mô chiến tranh và tiến hành chiến tranh trên quy mô lớn.

Lợi dụng những khó khăn tạm thời của ta về kinh tế và đời sống, chúng xuyên tạc một cách độc ác đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước ta, đã kích lãnh đạo của ta, dùng tiền tài, vật phẩm để mua chuộc một số cán bộ ta, đẩy mạnh hoạt động ly gián, gieo rắc tư tưởng kỳ thị dân tộc trong đông bào dân tộc thiểu số của ta, dùng bọn xấu đội lốt hoạt động tôn giáo, nhen nhóm tổ chức phản cách mạng, phổ biến các sản phẩm văn hóa đối trụy trong một số thanh niên hồng lam mục ruỗng hàng ngũ của lực lượng cách mạng, làm rệu rã cơ sở xã hội chính trị của chế độ ta.

Chúng ráo riết tiến hành *phá hoại nền kinh tế* của ta. Chúng tuyên truyền xuyên tạc đường lối, chính sách kinh tế của Đảng và Nhà nước ta. Chúng tìm cách phá cơ sở vật chất—kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội của ta nhằm kìm hãm tốc độ xây dựng chủ nghĩa xã hội. Chúng sử dụng bọn ăn náu ở nội địa tiến hành phá hoại máy móc, đốt cháy kho tàng, gây thiệt hại cho sản xuất; tổ chức buôn lậu, đầu cơ tích trữ, phá hoại tiền tệ, lũng đoạn thị trường. Chúng ra sức lợi dụng những sơ hở, thiếu sót trong quản lý kinh tế, quản lý xã hội của ta để phá hoại ta *hòng làm nghiêm trọng thêm những khó khăn về kinh tế, đời sống của nhân dân ta*, từ đó kích động chống đối về chính trị, cản trở công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân ta.

Bọn phản động Bắc-kinh câu kết với chủ nghĩa đế quốc tìm cách cản trở quan hệ của ta với bên ngoài. Trong khi không thể ngăn cản chúng ta tăng cường quan hệ về mọi mặt, nhất là quan hệ về kinh tế, giữa nước ta với Liên-xô và các nước khác trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa, chúng gây sức ép đối với một số nước thi hành chính sách cấm vận, bao vây kinh tế đối với ta.

Do bản chất bành trướng, bá quyền của chúng, trong các hoạt động chống phá nước ta của bọn phản động Bắc-kinh, các hoạt động *quân sự* gây bạo loạn là có tính chất chủ đạo. Đó là sự đe dọa thường xuyên đối với độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội của nhân dân ta cũng như các nước khác ở Đông-dương. Các hoạt động quân sự là chỗ dựa, là nhân tố kích thích và, trong sự tính toán của bọn xâm lược đại Hán tộc, là đòn quyết định thắng lợi của các hoạt động khác. Gắn liền với hoạt động quân sự, các hoạt động phá hoại về chính trị, tinh thần và kinh tế, mỗi cái có tác dụng của nó.

đều nhằm thi hành chiến lược phá hoại, giành lấy "những thắng lợi" cục bộ, phân tán lực lượng đối phương, làm lợi cho hoạt động gây sức ép quân sự và hoạt động quân sự trực tiếp. Những rối loạn cục bộ, kéo dài, nối tiếp nhau sẽ đưa đến sự khủng hoảng toàn cục, chuẩn bị chiến trường cho hoạt động quân sự trên quy mô lớn.

Rõ ràng kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt này là sự phát triển lộ gích của chiến lược bành trướng đại Hán tộc và bá quyền nước lớn, một bộ phận không thể tách rời trong chiến lược toàn cầu phản cách mạng của bọn phản động Trung-quốc, và được tiến hành trong điều kiện so sánh lực lượng trên thế giới và ở vùng Đông Nam Á hiện nay



Tiến hành chiến tranh phá hoại nhiều mặt chống nhân dân Việt-nam và nhân dân các nước khác ở Đông-dương, bọn phản động Bắc-kinh ngày càng trượt xa trên con đường phản bội chủ nghĩa xã hội, phản bội sự nghiệp cách mạng của nhân dân Trung-quốc và nhân dân thế giới, mưu toan đẩy lùi bánh xe lịch sử.

Trong âm mưu và hoạt động xâm lược nước ta, bọn phản động Trung-quốc đang ra sức khai thác những điều kiện "có lợi" cho chúng. Đó là điều kiện địa lý của hai nước; là một đội quân đông người nhất thế giới bị đầu độc bởi tư tưởng đại Hán tộc, đặt dưới sự chỉ huy của những tên tướng theo tư tưởng bành trướng, bá quyền của chủ nghĩa Mao; là những tên tay sai và cơ sở tình báo của Oa-sinh-ton và Bắc-kinh còn sót lại ở Việt-nam, Lào và Cam-pu-chia, trong đó có những tên tay sai của chúng trong Hoa kiều và người gốc Hoa; là dư luận xã hội trong một nước Trung-hoa lạc hậu bị bưng bít không hề biết sự thật về những hành động xâm lược của Bắc-kinh chống ba nước Đông-dương; là đất nước Trung-hoa rộng lớn bị chính sách quân sự hóa của tập đoàn theo Mao biến thành trại lính khổng lồ phục vụ mưu đồ bành trướng xâm lược của chúng... Đó là sự giúp đỡ của chủ nghĩa đế quốc quốc tế, đứng đầu là đế quốc Mỹ đối với chính quyền Bắc-kinh; cả Trung-

quốc và Mỹ đều là những tên bại trận trên chiến trường Việt-nam, đều nuôi ý chí phục thù chống Việt-nam, và điều đó càng làm tăng thêm bản chất phiêu lưu, liều chiến của chúng; là sự phụ họa của một số người trong giới cầm quyền ở một số nước ASEAN đối với chính sách của Bắc-kinh, xuất phát từ bản chất giai cấp của họ và từ tình thế khốn đốn của họ, lại bị Bắc-kinh mua chuộc.

Sau cùng, bọn phản động Bắc-kinh ra sức khai thác những khó khăn khách quan, những sơ hở chủ quan của chúng ta để tiến hành chiến tranh phá hoại của chúng. Cần thấy rằng những khó khăn, sai lầm của bản thân chúng ta cũng là một nhân tố kích thích Bắc-kinh cấu kết với chủ nghĩa đế quốc nuôi dưỡng ảo tưởng làm suy yếu và thôn tính nước ta. Chúng ta phải ý thức đầy đủ về tình hình đó trong điều kiện sự phát triển quốc tế đang diễn biến phức tạp hiện nay.

Bọn bành trướng, bá quyền Bắc-kinh đang tiến hành chiến tranh phá hoại nhiều mặt chống ba nước Việt-nam, Lào và Cam-pu-chia, trong tình hình cách mạng ba nước này ngày càng phát triển thuận lợi. Những nét căn bản của tình hình hiện nay là sự ổn định của tình hình Việt-nam, Lào và Cam-pu-chia; là sự vững vàng của các đảng mao xít - lê nin nít các nước này; là vị trí quốc tế của ba nước không ngừng được nâng cao mà nói

bất nhất là việc tăng cường quan hệ hữu nghị, hợp tác anh em giữa các nước Đông-dương với nhau, cũng như giữa các nước này với Liên-xô và cộng đồng xã hội chủ nghĩa. Sự giúp đỡ to lớn có hiệu quả của Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em, sự ủng hộ nhiệt tình của nhiều nước khác và nhân dân yêu chuộng hòa bình trên thế giới đối với cuộc đấu tranh của ba nước Đông-dương, là trở ngại không thể vượt qua đối với Bắc-kinh.

Mặt khác, đó là sự thất bại, bế tắc của Bắc-kinh hòng thực hiện mưu đồ Nam tiến đi qua các nước Đông-dương; là sự khủng hoảng toàn diện của chúng ở trong nước khiến cho Trung-quốc to mà không mạnh; là sự giảm lòng tin của những giới nhất định trong phe đế quốc chủ nghĩa vào "con bài Trung-quốc", đặc biệt là sự nghi ngờ của Mỹ đối với dã tâm của Trung-quốc; là sự lo ngại ngày càng lộ rõ của các nước ASEAN trước âm mưu, thủ đoạn bành trướng của Trung-quốc.

Ba đồng thác cách mạng trên thế giới tiếp tục phát huy thế tiến công bất chấp sự phản bội của tập đoàn theo chủ nghĩa Mao trong giới cầm quyền Bắc-kinh. Chính sách hòa bình của Liên-xô và các nước khác trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa càng vạch trần trước nhân dân thế giới bộ

mặt phản động, phá hoại hòa bình, gây tình hình căng thẳng trên thế giới của bọn phản động Trung-quốc và bọn đế quốc cầu kết với chúng.

Song tất cả những điều nói trên không làm cho bọn bành trướng, bá quyền Bắc-kinh từ bỏ tham vọng thôn tính Việt-nam và các nước khác ở Đông-dương. Trái lại, chúng đang tiến hành các thủ đoạn chiến tranh điên cuồng hơn, xảo quyệt hơn. *Kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của bọn bành trướng, bá quyền Trung-quốc chống Việt-nam là sản phẩm của thế thất bại, thế yếu và bế tắc của bọn phản động Trung-quốc.*

Cuộc đấu tranh của nhân dân Việt-nam chống bọn phản động trong giới cầm quyền Bắc-kinh là cuộc đấu tranh quyết liệt, phức tạp, lâu dài. Văn kiện Đại hội của Đảng ta nêu rõ: « Cần làm rõ cuộc đấu tranh này là gay go, phức tạp, lâu dài và không khoan nhượng. Lịch sử đã giao phó cho Đảng và nhân dân ta đảm nhiệm cuộc đấu tranh đó vì độc lập và tự do của Tổ quốc, vì hạnh phúc của nhân dân, vì nghĩa vụ quốc tế cao cả » (2).

Mọi sự đánh giá không đúng mức tính chất gay go, phức tạp của cuộc đấu tranh này là sai lầm. Mọi ý nghĩ, hành động lơ là mất cảnh giác đối với âm mưu, thủ đoạn của địch đều có hại đối với Tổ quốc ta, nhân dân ta, và sự nghiệp cách mạng thế giới.



Toàn dân, toàn quân ta phải đoàn kết một lòng, ra sức phấn đấu làm thất bại cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch, bảo đảm cho Tổ quốc ta luôn luôn được bảo vệ vững chắc, bảo đảm cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta được tiến hành thắng lợi.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, chúng ta phát huy cao nhất sức mạnh tổng

hợp của toàn dân để thắng giặc. Cần tiếp tục tăng cường đoàn kết các dân tộc, các tôn giáo, các tầng lớp nhân dân, phát huy mạnh mẽ tinh thần làm chủ tập thể của nhân dân lao động, nâng cao hơn nữa sự nhất trí về chính

(2) Báo cáo về xây dựng Đảng của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội V. Tạp chí Cộng sản, số 5-1982, tr. 27.

trị và tinh thần của xã hội ta, động viên trí tuệ, sức lực của toàn dân vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Bảng lực lượng của cả nước, từ hậu phương đến tiền tuyến, bằng sức lực của mọi ngành, mọi cấp, từ trung ương đến cơ sở, chúng ta quyết tâm làm tốt nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, tư tưởng, tổ chức, văn hóa, xã hội, an ninh và quốc phòng... Phải sử dụng thành thạo mọi hình thức, phương pháp đấu tranh, đánh địch trên tất cả các mặt trận, tiến công chúng bằng mọi biện pháp. Tổ chức các lực lượng nòng cốt và buy động rộng rãi lực lượng của nhân dân vào sự nghiệp phòng thủ đất nước. Xây dựng thế trận vững mạnh của chủ nghĩa xã hội, phối hợp nhịp nhàng hoạt động của các ngành, các cơ quan, đoàn thể, các lực lượng, các thứ quân. Không để một khâu, một lĩnh vực nào của chủ nghĩa xã hội bị suy yếu và sơ hở, tiến hành đấu tranh chống địch một cách không khoan nhượng, bền bỉ, lâu dài, kiên quyết đánh bại từng mục tiêu, từng thủ đoạn phá hoại của địch, tiến tới làm thất bại hoàn toàn kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của chúng. Đồng thời, chúng ta luôn luôn nêu cao tinh thần cảnh giác, sẵn sàng đánh thắng các cuộc chiến tranh xâm lược với mọi quy mô nếu kẻ thù liều lĩnh gây ra.

Hiện nay bọn hành trưởng, bá quyền Bắc-kinh chia mùi nhon đấu tranh vào sự nghiệp xã hội chủ nghĩa của chúng ta. Vì vậy, công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội (bao gồm cả xây dựng và cải tạo) của ta càng phát triển thì ta càng phải tăng cường việc bảo vệ nó. Trong tất cả các cơ sở sản xuất, kinh doanh, nghiệp vụ... đâu đâu cũng đều phải tổ chức công việc bảo vệ nghiêm ngặt. Sản xuất gắn liền với bảo vệ sản xuất tốt. Phải tăng cường công tác, lực lượng bảo vệ kinh tế. Bởi vì

phá hoại kinh tế là một mục tiêu quan trọng hàng đầu của chiến lược phá hoại nhiều mặt của bọn hành trưởng, bá quyền Trung quốc cấu kết với đế quốc Mỹ. Phải đấu tranh kiên quyết chống tư tưởng, việc làm tách rời, thậm chí đối lập xây dựng với bảo vệ, bảo vệ với xây dựng. Cần đấu tranh chống quan niệm cho rằng bảo vệ sản xuất chỉ là việc của cơ quan chuyên chính, của công an. Cần cảnh giác và sẵn sàng đập tan những hoạt động của địch nhằm phá hoại đường lối, chính sách kinh tế của Đảng, phá hoại quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, phá hoại cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, phá hoại tài sản xã hội chủ nghĩa. Chúng ta phải cảnh giác đấu tranh chống thủ đoạn của chúng phá hoại quan hệ kinh tế giữa nước ta với các nước anh em, cũng như với các nước khác. Để chống địch có hiệu quả, cần nhận định rõ trách nhiệm của các cơ quan chủ quản các công trình xây dựng, chủ sở hữu tài sản Nhà nước cũng như của các cơ quan chuyên môn làm công tác bảo vệ an ninh chính trị, an ninh kinh tế và trật tự an toàn xã hội. Tích cực xây dựng ta để chủ động phòng ngừa sự phá hoại của địch, đánh thắng sự phá hoại của địch để xây dựng ta, làm chủ vững chắc mọi lĩnh vực về tiến công địch, tiến công địch để làm chủ vững vàng... Đó là những quan điểm cơ bản của Đảng mà ta phải vận dụng linh hoạt trong điều kiện hiện nay. Mọi biểu hiện thụ động, mọi nhận thức và hành động không quán triệt những quan điểm ấy đều sai lầm và có hại. Trước mắt, trong khi tiến hành xây dựng, phải có kế hoạch bảo vệ, khắc phục mọi sơ hở, bước lỏng, không để cho kẻ thù lợi dụng. Trong đấu tranh cách mạng, những sai lầm, nhược điểm của ta bao giờ cũng bị địch chú ý khai thác. Bọn đặc vụ Trung-quốc, bọn CIA, các bọn phản động khác đã và đang tìm cách lợi dụng các sơ hở của ta để phá hoại ta.

Cần phải tăng cường trận địa chính trị tư tưởng của chúng ta. Trong tình hình hiện nay mỗi người chúng ta phải tỉnh táo, thấy rõ thuận lợi và khó khăn, nhận thức rõ đối tượng và nhiệm vụ của cách mạng, mục tiêu và phương hướng tiến lên, sẵn sàng về tư thế và ý chí, nhất trí về tư tưởng, chặt chẽ về tổ chức, đoàn kết cùng nhau tiến bước, khắc phục mọi thiên hướng buông lỏng trận địa tư tưởng, lộn xộn về tổ chức. Phải làm cho cán bộ đảng viên nắm vững và phấn đấu thực hiện tốt đường lối của Đảng, xây dựng ý chí cách mạng và bồi dưỡng nhiệt tình cách mạng cho quần chúng, thắt chặt quan hệ giữa Đảng và quần chúng, đoàn kết trong nước, đoàn kết quốc tế. Phải kịp thời đập lại những luận điệu chiến tranh tâm lý của bọn tinh báo Trung-quốc và CIA. Nghị quyết của Đại hội V đã chỉ rõ: « Phải nêu cao tính sắc bén và tổ chức thật chặt chẽ cuộc đấu tranh đập lại những luận điệu chiến tranh tâm lý của bọn bành trướng, bá quyền Bắc-kinh, của chủ nghĩa đế quốc và bọn tay sai của chúng... bảo đảm giành thắng lợi từng giờ từng phút ». Phải đề cao nguyên tắc tập trung dân chủ của Đảng và Nhà nước ta, nêu cao kỷ luật giữ gìn bí mật Nhà nước, kỷ luật trách nhiệm, kỷ luật phát ngôn, kỷ luật chấp hành điều lệ của Đảng, pháp luật của Nhà nước, điều lệnh của các lực lượng vũ trang. Cần là người lãnh đạo, chỉ huy, càng phải giữ vững nguyên tắc và kỷ luật, làm gương về chấp hành kỷ luật, pháp luật. Bảo đảm trong thực tế sự bình đẳng của mọi người trước pháp luật, kỷ luật. Cần kiên quyết phê phán và khắc phục những biểu hiện của chủ nghĩa tự do, vô kỷ luật, bè phái, cục bộ, trống đánh xuôi, kèn thổi ngược, vì đó là miếng đất đẻ ra và nuôi dưỡng nhiều hiện tượng tiêu cực, nơi ẩn náu của những phần tử thù địch.

Cùng với các biện pháp đấu tranh trên các mặt kinh tế và chính trị, quân

và dân ta kiên-quyết đập tan mọi âm mưu, thủ đoạn và hành động phá hoại của địch về quân sự. Cùng với sự phát triển mọi mặt của đất nước, chúng ta cần khẩn trương củng cố thể trận chiến tranh nhân dân trong cả nước, nhất là trên biên giới phía bắc, ngày càng vững mạnh hòa nhịp với thể trận ngày càng được tăng cường của nhân dân hai nước Lào, Cam-pu-chia anh em. Địch muốn « trường kỳ tiêu hao » ta, ta phải tiêu diệt, tiêu hao thật nhiều sinh lực và phương tiện chiến tranh của chúng. Để giành thể chủ động, cần làm trong sạch địa bàn, kiên quyết trấn áp bọn phản cách mạng, ngăn ngừa và trấn áp kịp thời mọi hoạt động bạo loạn, lật đổ cùng những hoạt động phá hoại của địch ở bất kỳ nơi nào, bảo đảm an ninh chính trị, an ninh kinh tế và trật tự an toàn xã hội. Phải lập tức giáng trả mạnh mẽ mọi hành động lấn chiếm của địch ở các vùng biên giới, hải đảo của Tổ quốc. Phải chọn cách đánh có hiệu suất cao, trừng trị-giặc bằng những đòn tiêu diệt thật đau, thật hiểm. Tiêu diệt địch phải đi đôi với bảo vệ đất đai, bảo vệ thành quả cách mạng, tính mạng, của cải của nhân dân. Đó là mục tiêu của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, đồng thời là yêu cầu của từng trận chiến đấu chống địch gây xung đột vũ trang, tiến hành lấn chiếm.

Xuất phát từ đường lối cách mạng, đường lối chiến tranh nhân dân và quốc phòng toàn dân của Đảng, chúng ta phải kết hợp quốc phòng với kinh tế, quốc phòng với an ninh để tạo ra thể trận bố trí chiến lược vững chắc về kinh tế và quốc phòng, an ninh và quốc phòng trên phạm vi cả nước cũng như trong từng địa phương, vừa thúc đẩy sự nghiệp phát triển kinh tế, vừa tăng cường sức mạnh quốc phòng, chủ động đối phó với mọi tình huống.

Tiếp tục xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân có quân chủ lực và

quân địa phương, có cơ cấu đồng bộ giữa lực lượng thường trực và lực lượng dự bị động viên, có số lượng cần thiết và chất lượng ngày càng cao. Tiếp tục đẩy mạnh việc xây dựng quân đội nhân dân có bản chất giai cấp công nhân ngày càng mạnh, có ý chí quyết thắng cao, có kỷ luật chặt chẽ, có tác phong nghiêm túc, có trình độ chính quy, hiện đại ngày càng cao, không ngừng hoàn thiện trình độ sẵn sàng chiến đấu, làm tròn mọi nhiệm vụ mà Tổ quốc giao cho. Hết sức coi trọng xây dựng dân quân tự vệ rộng rãi và mạnh mẽ, nhất là ở biên giới phía bắc, hình thành lực lượng cơ động và lực lượng tại chỗ gắn bó với nhau, bảo đảm làm chủ

vững chắc và tiến công mạnh mẽ. Tăng cường quan hệ đoàn kết và phối hợp có hiệu quả giữa quân đội nhân dân với lực lượng công an nhân dân làm nòng cốt cho toàn dân đánh thắng chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch. Cũng cố quan hệ mật thiết giữa quân đội và nhân dân. Chăm sóc các gia đình liệt sĩ, thương binh và quân nhân, người đã về hưu và đang an dưỡng. Chuẩn bị cho thế hệ trẻ sẵn sàng tham gia lực lượng vũ trang — trường học lớn rèn luyện những công dân đàn trẻ của đất nước thành con người mới xã hội chủ nghĩa, sẵn sàng chiến đấu hy sinh để bảo vệ Tổ quốc.



Tăng cường lãnh đạo cuộc đấu tranh của nhân dân ta chống kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch để bảo vệ vững chắc độc lập tự do, an ninh của Tổ quốc, bảo vệ công cuộc xây dựng hòa bình của nhân dân ta là *sứ mệnh* cao cả của Đảng đối với dân tộc, đồng thời cũng là nghĩa vụ quốc tế của Đảng.

Đảng ta đã xác định kẻ thù cơ bản của cách mạng nước ta và thế giới là chủ nghĩa đế quốc quốc tế đứng đầu là đế quốc Mỹ, kẻ thù trực tiếp và nguy hiểm của cách mạng Việt-nam là bọn bành trướng, bá quyền Trung-quốc câu kết với đế quốc Mỹ. Chúng là những kẻ xâm lược và phá hoại hết sức nham hiểm đối với nước ta. Chúng đã và sẽ không từ một thủ đoạn độc ác nào để đạt mục tiêu chính trị của chúng. Vì vậy Đảng phải làm cho mọi người thấy rõ, không chút mơ hồ về kẻ thù trực tiếp của chúng ta là bọn bành trướng, bá quyền Trung-quốc, hiểu rõ những âm mưu và hành động của chúng cũng sự câu kết của chúng với đế quốc Mỹ và các thế lực phản động khác. Phải giáo dục cho mọi

người nâng cao cảnh giác, thấu suốt đường lối của Đảng, luôn luôn sẵn sàng chiến đấu, xây dựng ý chí sắt đá, kiên quyết và kiên trì chiến đấu, bảo vệ Tổ quốc. Đảng phải tổ chức thật chặt chẽ và sắc bén cuộc đấu tranh đập lại những luận điệu chiến tranh tâm lý của địch. Phê phán một cách tập trung và lên án chủ nghĩa bành trướng và chủ nghĩa bá quyền Trung-quốc. Tiếp tục đề cao tinh thần độc lập dân tộc và giác ngộ xã hội chủ nghĩa, phát huy truyền thống yêu nước và tinh thần quốc tế vô sản, tiếp tục làm rõ tinh chất không khoan nhượng của cuộc đấu tranh chống chiến tranh phá hoại của địch trên các mặt kinh tế, chính trị tư tưởng, quân sự, văn hóa..., khắc phục mọi biểu hiện lơ là mất cảnh giác, đề phòng mọi biểu hiện của tư tưởng thỏa hiệp, tư tưởng mệt mỏi xã hội trong cán bộ, đảng viên và nhân dân.

Mỗi chi bộ Đảng phải là một hạt nhân lãnh đạo, một pháo đài chiến đấu, cảnh giác cao, đấu tranh mưu trí, sắc bén, làm thất bại mọi âm mưu và hành động của địch. Sự lãnh

đạo của Đảng phải bảo đảm huy động sức mạnh tổng hợp của toàn dân cũng như toàn bộ hệ thống chuyên chính vô sản, tạo thành một mặt trận đấu tranh toàn diện nhằm kiên quyết đập tan mọi âm mưu và hoạt động phá hoại của địch. Thực tế đã chứng minh rằng thắng lợi của chúng ta sẽ càng lớn nếu cấp ủy Đảng sau khi đã nhận thức được âm mưu, thủ đoạn của địch, đi sâu nắm chắc tình hình thực hiện nghị quyết của Đảng về chống chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch, coi trọng việc lãnh đạo toàn diện công tác bảo vệ an ninh chính trị, an ninh kinh tế, trật tự an toàn xã hội, coi trọng công tác xây dựng các lực lượng vũ trang sẵn sàng chiến đấu và công tác hậu phương quân đội, coi trọng việc lãnh đạo các lực lượng bảo vệ chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, uốn nắn kịp thời các lệch lạc, quan tâm giải quyết những vấn đề nóng hổi hằng ngày; chỉ đạo sát sao việc kết hợp công tác bảo vệ với công tác xây dựng các mặt; kết hợp phong trào quần chúng chống địch, bảo vệ Tổ quốc với lao động sản xuất; giành thắng lợi trong từng trận chiến đấu, từng lĩnh vực, từng ngày, từng giờ.

Cuộc chiến đấu gay go, bền bỉ, phức tạp chống hoạt động chiến tranh của địch đang diễn ra trên tất cả các lĩnh vực. Cho nên, Đảng ta cần đề cao hiệu lực của Nhà nước trong việc quản lý các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng của xã hội. Trong cuộc đấu tranh này, hiệu lực quản lý của Nhà nước thể hiện ở việc tổ chức toàn bộ xã hội một cách nghiêm ngặt, có quy củ, có nền nếp. Các cơ quan Nhà nước từ trung ương đến cơ sở đều phải tăng cường và hoàn chỉnh pháp chế xã hội chủ nghĩa, xây dựng các chế độ, quy định, thể lệ quản lý các mặt; tăng cường các biện pháp quản lý hành chính nhạy bén, kết hợp với tuyên truyền, phổ biến pháp luật trong nhân dân. Kể

định hoạt động rất xảo quyệt, sử dụng mọi mưu ma chước quỷ, kết hợp với phương tiện khoa học hiện đại. Phát huy chức năng quân lý xã hội của mình, Nhà nước ta kết hợp tinh tích cực cách mạng của quần chúng với lực lượng vũ trang và các cơ quan chuyên môn: quân đội nhân dân, công an nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân. Đó là những công cụ bạo lực của chuyên chính vô sản. Đảng phải lãnh đạo chặt chẽ các công cụ chuyên chính đó, phối hợp hoạt động của chúng, nâng cao tinh thần cảnh giác, trình độ sẵn sàng chiến đấu để kiên quyết thực hiện chuyên chính với kẻ thù, không để cho kẻ địch và phần tử xấu hoạt động lên lút hoặc công khai. Đồng thời, dưới sự lãnh đạo thống nhất của Đảng, đặt cho kỷ được sự kết hợp sức mạnh to lớn của quần chúng với các tổ chức chuyên trách để bảo đảm cho cuộc đấu tranh vững chắc hơn, có hiệu quả hơn.

Bảo vệ Tổ quốc là sự nghiệp của toàn dân dưới sự lãnh đạo của Đảng. Đó vừa là quyền lợi vừa là nghĩa vụ của mỗi người dân ở nước ta. Các tổ chức quần chúng, các đoàn thể xã hội cần tuyên truyền rộng rãi và sâu sắc đường lối xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của Đảng. Vạch trần, tố cáo tội ác của địch cho nhân dân thấy rõ. Do đó, làm cho quần chúng tự giác nghiêm chỉnh chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, tham gia xây dựng và tự mình thực hiện các biện pháp bảo vệ nhà máy, công trường, thôn xóm, chống các biểu hiện vi phạm chính sách, pháp luật, để phòng kẻ địch lợi dụng, hoặc chặn đứng hoạt động của địch. Phải giáo dục cho quần chúng nêu cao tinh thần làm chủ tập thể, thi hành và giám sát việc thi hành các luật lệ về bảo vệ Tổ quốc, bảo đảm các nhu cầu cần thiết của sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, tùy theo khả năng từng nơi và yêu cầu từng lúc.

Công đoàn, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ-Chí-Minh, Hội liên hiệp phụ nữ là những thành viên của hệ thống chuyên chính vô sản, là người đại diện cho quyền làm chủ tập thể của quần chúng, có trách nhiệm nặng nề trong cuộc đấu tranh chống chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, các tổ chức đó giáo dục quần chúng tự giác phát hiện các hành động phá hoại của địch và những tội phạm khác, và kiên quyết trấn áp chúng: tịch cực giáo dục, cải tạo và giám sát những phần tử phân cách mạng, và những bọn phạm tội khác:

lên án và đấu tranh khắc phục những hiện tượng tiêu cực trong đời sống tư tưởng, chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội; giám sát, kiểm tra cán bộ đảng viên, cán bộ nhân viên Nhà nước trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc; xây dựng thuần phong mỹ tục, lối sống lành mạnh, làm tiền đề cho việc bảo vệ an ninh Tổ quốc. Đó là những công việc hoàn toàn có thể thực hiện được nếu có sự quan tâm lãnh đạo của các đảng bộ chúng ta vốn dày dạn trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và đấu tranh giai cấp quyết liệt đầy thử thách.



Đường lối của Đảng ta thể hiện ý chí của nhân dân chiến thắng, thể hiện tinh thần tự lực tự cường của dân tộc. Nó kế thừa và phát huy truyền thống dựng nước, truyền thống chiến tranh giải phóng Tổ quốc và kinh nghiệm giữ nước vẻ vang của nhân dân ta. Vì thế nó quán triệt tinh thần cách mạng tiến công, hòa vào một thể thống nhất hai nhiệm vụ

chiến lược: xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa.)

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, toàn dân và toàn quân ta quyết tâm đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt của bọn bành trướng, bá quyền Bắc-kinh, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa.

65 NĂM PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT CỦA LIÊN-XÔ

Giáo sư ĐẶNG - HỮU

TỪ một nước nông nghiệp lạc hậu, trong thời gian rất ngắn, Liên-xô đã trở thành một trong những nước phát triển đứng đầu thế giới về kinh tế, khoa học và kỹ thuật. Trước Cách mạng Tháng Mười, sản lượng công nghiệp của nước Nga Sa hoàng chỉ chiếm trên 4% sản lượng công nghiệp thế giới. Còn hiện nay, mặc dù phải chịu đựng những tàn phá nặng nề trong hai cuộc chiến tranh thế giới và thường xuyên buộc phải dành một phần tài nguyên đáng kể cho nhu cầu phòng thủ đất nước, tỷ lệ đó vẫn là trên 20% của thế giới.

Liên-xô ngày nay có một tiềm lực khoa học khổng lồ. Tổng số cán bộ khoa học (kể cả cán bộ giảng dạy ở trường đại học) lên tới gần 1,3 triệu người, chiếm 1/4 tổng số cán bộ khoa học trên thế giới. Nếu tính cả cán bộ các loại làm việc trong khu vực khoa

học và phục vụ khoa học thì đến hơn 4 triệu. Trong đó, gần 40 vạn có trình độ tiến sĩ và phó tiến sĩ. Số kỹ sư và cán bộ kỹ thuật làm công tác triển khai và áp dụng kỹ thuật mới ở các cơ quan thiết kế và sản xuất cũng vượt quá 4 triệu người. Các chuyên gia được đào tạo từ 870 trường đại học, hằng năm tốt nghiệp trên 70 vạn người. Mỗi năm có khoảng 25 nghìn người bảo vệ luận án phó tiến sĩ và tiến sĩ. Hệ thống nâng cao trình độ và đào tạo lại cán bộ đại học khá phát triển: trung bình sau 5 năm, tất cả cán bộ đại học đều được dự các lớp nâng cao trình độ theo nhu cầu công tác. Hệ thống thông tin khoa học — kỹ thuật quốc gia khá phát triển với 10 viện liên bang, 86 viện ngành, 15 viện nước cộng hòa, gần 100 trung tâm liên ngành khu vực và hơn 100 nghìn phòng thông tin khoa học — kỹ

thuật tại các đơn vị cơ sở. Nhà nước Xô viết dành cho công tác khoa học một khoản đầu tư đáng kể: từ 300

triệu rúp (năm 1940) tăng lên 22,6 tỷ rúp (năm 1980), chiếm 4,7% thu nhập quốc dân.



Thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười đã làm thay đổi về cơ bản vai trò và vị trí của khoa học trong xã hội. Lê-nin rất quan tâm phát triển và tổ chức khoa học ở quy mô toàn quốc. Người nhấn mạnh: « Không có kỹ thuật tư bản chủ nghĩa quy mô lớn được xây dựng trên những phát minh mới nhất của khoa học hiện đại, không có một tổ chức Nhà nước có kế hoạch có thể khiến cho hàng chục triệu người phải tuân theo hết sức nghiêm khắc một tiêu chuẩn thống nhất trong công việc sản xuất và phân phối sản phẩm, thì không thể nói đến chủ nghĩa xã hội được » (1). Lê-nin thường xuyên nhấn mạnh rằng cơ sở vật chất duy nhất của chủ nghĩa xã hội chỉ có thể là nền công nghiệp cơ khí lớn dựa trên những thành tựu mới nhất của khoa học và kỹ thuật: « Nếu không chuyển nước Nga lên một nền kỹ thuật khác cao hơn trước, thì không thể nói gì đến khôi phục kinh tế quốc dân, cũng không thể nói gì đến chủ nghĩa cộng sản được » (2).

Nhiệm vụ quan trọng nhất của Đảng và Nhà nước từ những ngày tồn tại đầu tiên của chính quyền Xô viết là biến khoa học từ « công cụ của chủ nghĩa tư bản thành công cụ của chủ nghĩa xã hội », « công cụ giải phóng những người lao động và những người bị bóc lột »; « mọi thành tựu của khoa học kỹ thuật của loài người, mọi cải tiến, mọi tri thức của các chuyên gia, tất cả đều phục vụ những người công nhân đã liên hợp lại » (3).

Những nguyên tắc cơ bản trong chính sách khoa học và kỹ thuật của Nhà nước, các nhiệm vụ được đặt ra cho khoa học trong điều kiện mới, con đường phát triển khoa học và các

biện pháp động viên các lực lượng khoa học tham gia giải quyết những nhiệm vụ của đất nước, đã được Lê-nin trình bày trong cuốn « Sơ thảo kế hoạch công tác khoa học — kỹ thuật » (4-1918). Lê-nin đã đề ra nguyên tắc kết hợp khoa học với phát triển lực lượng sản xuất, với khôi phục và phát triển kinh tế. Đồng thời, cũng đề ra nguyên tắc cực kỳ quan trọng; và đặc biệt quan tâm tinh tập thể trong xây dựng kế hoạch khoa học — kỹ thuật. Về sau, nguyên tắc kế hoạch hóa được Lê-nin phát triển và cụ thể hóa với việc thành lập một tiểu ban xây dựng kế hoạch điện khí hóa nước Nga — kế hoạch GOELRO — nổi tiếng. Nội dung chủ yếu của kế hoạch này là tập trung phát triển sản xuất trên cơ sở sử dụng điện năng, sử dụng tổng hợp các tài nguyên thiên nhiên, áp dụng kỹ thuật, công nghệ và phương pháp tổ chức sản xuất tiên tiến. Cũng trong kế hoạch này, lần đầu tiên Liên-xô thể hiện nguyên tắc kế hoạch hóa dài hạn (10 — 15 năm) phát triển khoa học kỹ thuật ở quy mô cả nước. Lê-nin nhấn mạnh: « Không thể làm việc được, nếu không có một kế hoạch dài hạn và có thể mang lại thành tựu đáng kể » (4).

Lê-nin cũng đặt cơ sở cho việc quản lý thống nhất công tác khoa học và kỹ thuật. Năm 1918, Vụ khoa học — kỹ thuật được thành lập trực thuộc Hội đồng kinh tế quốc dân tối cao, điều hành các cơ quan khoa học trong

(1) V.I. Lê-nin: Toàn tập, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1977, tập 36, tr. 368.

(2) Sách đã dẫn, tập 42, tr. 38.

(3) Sách đã dẫn, tập 38, tr. 31.

(4) Sách đã dẫn, tập 42, tr. 188.

cả nước. Liên-xô đặc biệt chăm lo đời sống và điều kiện làm việc của các nhà khoa học. Ngay trong những ngày khó khăn nhất, năm 1918, Nhà nước cũng dành những khoản tiền khá lớn cho công tác nghiên cứu, tạo điều kiện cần thiết cho hoạt động sáng tạo của các bác học, kỹ sư. Lê-nin khẳng định: "Không có sự chỉ đạo của các chuyên gia am hiểu các lĩnh vực khoa học, kỹ thuật và có kinh nghiệm, thì không thể nào chuyển lên chủ nghĩa xã hội được" (5).

Như vậy, với việc xem khoa học - kỹ thuật là lực lượng có khả năng to lớn cải tạo đất nước và là điều kiện không thể thiếu để xây dựng chủ nghĩa xã hội, Liên-xô đã bắt tay ngay vào việc xây dựng chiến lược phát triển khoa học - kỹ thuật.

Để thực hiện chiến lược này, Liên-xô đã sớm hình thành và không ngừng hoàn thiện quan điểm về xây dựng và sử dụng các cơ sở khoa học mà tiền đề quan trọng là bảo đảm sự bình đẳng xã hội thật sự, mở rộng cửa cho đông đảo quần chúng lao động tham gia hoạt động khoa học và theo học đại học. Nhà nước đài thọ hoàn toàn cho các cơ quan nghiên cứu, và ngay trong điều kiện chiến tranh giữ nước và đất nước bị tàn phá sau chiến tranh, khi hầu như không thể tạo được nguồn tích lũy, chính phủ Liên-xô vẫn dành một phần đáng kể dự trữ ngoại tệ cho việc đào tạo cán bộ ở nước ngoài, mua các phát minh, thiết bị khoa học và công nghệ, và nhập khẩu những tài liệu khoa học - kỹ thuật cần thiết. Nhà nước đài thọ cho tất cả các công trình nghiên cứu. Nhờ vậy đã duy trì được tiềm lực khoa học của các trường đại học và các trung tâm khoa học có từ trước cách mạng, và trong một thời gian ngắn đã xây dựng được hàng loạt các trường đại học và cơ quan nghiên cứu mới.

Vì dụ điển hình là lịch sử hình thành ngành công nghiệp nguyên tử Xô viết. Trong điều kiện cực kỳ khó khăn, khi phải tập trung mọi cố gắng để bảo đảm sản xuất những hàng thiết yếu nhất cho nhu cầu của nhân dân, Liên-xô vẫn quyết tâm thành lập Viện vật lý kỹ thuật ở Lê-nin-grát, và sau đó, một trung tâm tương tự cũng được thành lập ở Khắc-cốp. Kết quả hoạt động của các Viện này đã cho phép Liên-xô xây dựng nhà máy điện nguyên tử và tàu phá băng nguyên tử đầu tiên trên thế giới, phát triển ngành công nghiệp nguyên tử và năng lượng hạt nhân hùng mạnh hàng đầu thế giới.

Đồng thời Liên-xô cũng coi trọng phát huy tiềm lực khoa học thông qua nghiên cứu và chuyển giao công nghệ. Để bảo đảm nhịp độ tiến bộ khoa học - kỹ thuật tối đa trong điều kiện các nguồn lực có hạn, Liên-xô thi hành một loạt biện pháp tổ chức kinh tế như: thành lập hệ thống các cơ quan thiết kế - thử nghiệm và công nghệ chuyên ngành trong các ngành kinh tế; áp dụng hệ thống kế hoạch hóa và kiểm tra của Nhà nước đối với những đổi mới công nghệ có quy mô lớn; xóa bỏ bí mật kỹ thuật - sản xuất và thương mại, áp dụng chế độ chuyển giao không hoàn lại hoặc không lấy lãi các thông tin khoa học - kỹ thuật giữa các cơ quan, xí nghiệp quốc doanh và tập thể; Nhà nước đứng ra mua lại tất cả các bằng phát minh cần thiết và cấp không cho các cơ quan sản xuất - kinh doanh; tổ chức hệ thống tiêu chuẩn hóa Nhà nước đồng bộ, có phân cấp đối với các sản phẩm chủ yếu và các yếu tố của quá trình công nghệ; áp dụng hệ thống tín dụng ưu đãi và khuyến khích các đổi mới công nghệ trên cơ sở đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội đưa lại.

(5) Sách đã dẫn, tập 36, tr. 217.



Trong thời kỳ xây dựng cơ sở vật chất — kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội (1917 — 1937), tiềm lực sản xuất — kinh tế và khoa học — kỹ thuật của Liên-xô còn rất thấp, các công nghệ hiện đại và cán bộ khoa học — kỹ thuật thiếu nghiêm trọng, không có tích lũy từ hoạt động sản xuất mà chủ yếu dựa vào nguồn dự trữ ngoại tệ; mức sống của nhân dân thấp. Trước tình hình đó, sách lược được định ra là: *ưu tiên giải quyết những vấn đề mấu chốt có tầm quan trọng sống còn*. Nhiệm vụ cấp bách lúc này là: giải quyết việc làm cho những người có khả năng lao động, loại trừ nạn đói, dịch bệnh và các hậu quả khác sau chiến tranh, thủ tiêu lạm phát, ổn định và từng bước nâng cao mức sống của nhân dân; phát triển có kế hoạch sức sản xuất của đất nước, đồng thời bảo đảm kinh tế phát triển với nhịp độ cao; xóa bỏ sự phụ thuộc vào nhập khẩu công nghệ và nguyên liệu trên cơ sở xây dựng ngành công nghiệp nặng với cơ sở nguyên liệu khoáng trong nước; xây dựng một cơ sở hạ tầng đồng bộ và tương xứng với các nhiệm vụ phát triển sản xuất; tổ chức một hệ thống giáo dục, đào tạo và bảo vệ sức khỏe phổ cập cho tất cả mọi tầng lớp nhân dân, bảo đảm cho tất cả mọi người công dân được tiếp xúc với văn hóa, nghệ thuật và khoa học.

Để giải quyết các nhiệm vụ trên, Liên-xô đã tiến hành *cải tạo về cơ bản toàn bộ hệ thống lực lượng sản xuất trên cơ sở xây dựng nền sản xuất đại cơ khí và sử dụng công nghệ tiên tiến*.

Vì dụ điển hình là việc xây dựng cơ sở nguyên liệu khoáng cho công nghiệp. Ngay từ đầu, Liên-xô đã phát triển các công trình nghiên cứu về khoa học trái đất, về các phương pháp hiện đại thăm dò địa chất, đào tạo cán bộ, chuyên gia,... Nhờ vậy, chỉ trong thời gian rất ngắn, nền khoa học đã đạt những thành tựu xuất sắc, giúp đỡ đắc lực cho nền kinh tế quốc dân trong

việc xây dựng một cơ sở nguyên liệu khoáng vạn năng hùng mạnh không phụ thuộc nhập khẩu. Quy mô rộng lớn và chất lượng cao của công tác thăm dò địa chất đã cho phép Liên-xô trong vòng 20 năm đã tổ chức khai thác được hầu như tất cả các khoáng sản cần thiết cho các ngành công nghiệp, bảo đảm cho đất nước có được nhịp độ phát triển kinh tế cao. Ví dụ, trong 25 năm gần đây, mức tăng trữ lượng thăm dò đã vượt quá lượng sử dụng: về than gấp 2 lần, khí thiên nhiên 20 lần, quặng kim loại đen và hợp kim: từ 4 đến 36 lần, phân lân quặng kim loại màu: 7 lần, photphorit: 10 — 12 lần. Sự đi trước một bước về thăm dò khoáng sản đã cho phép lập kế hoạch phát triển nền kinh tế quốc dân cho tương lai dài có căn cứ hơn và tối ưu hóa việc phân bổ sức sản xuất.

Đặc điểm quan trọng trong chính sách kỹ thuật của chương trình công nghiệp hóa ở Liên-xô là kết hợp đồng thời xây dựng nền sản xuất cơ khí lớn trên cơ sở công nghệ tiên tiến nhất với phát triển nhiều xí nghiệp cỡ trung bình và nhỏ với vốn đầu tư ít. Với tất cả các dạng hình tổ chức sản xuất, Liên-xô đã kiên trì thực hiện cơ giới hóa lao động chân tay và nâng cao mức trang bị năng lượng chủ yếu, dựa trên cơ sở điện khí hóa.

Cùng với việc hợp tác hóa, Liên-xô cũng thực hiện chiến lược *dưa nông nghiệp lên một cơ sở khoa học — kỹ thuật mới*. Liên-xô đã xây dựng ngành chế tạo máy kéo và máy nông nghiệp; nông thôn dần dần được điện khí hóa. Năm 1940 mức trang bị năng lượng đạt tới 60%. Các ngành: nông sinh học, kỹ thuật nông học và các khoa học thú y được chú trọng. Các trường đại học và viện nghiên cứu được thành lập phục vụ nhu cầu phát triển nông nghiệp. Nhờ vậy, sản xuất nông nghiệp năm 1940 vượt mức trước chiến tranh (1914 — 1918), mức tiêu thụ sản phẩm tính theo đầu người tăng

đáng kể, số người làm việc trong nông nghiệp giảm gần 25%.

Hệ thống bảo vệ sức khỏe cho nhân dân được chú trọng. Liên-xô đã xây dựng và thực hiện một chương trình đồng bộ cải tiến công tác bảo vệ sức khỏe. Trong thời gian rất ngắn đã thanh toán được các bệnh hiểm nghèo

như đậu mùa, sốt rét,...; tỷ lệ tử vong ở trẻ em giảm 10 lần và tuổi thọ bình quân của nhân dân tăng từ 30 lên 70 tuổi. Chỉ trong vòng chưa đến nửa thế kỷ, từ nhóm nước lạc hậu nhất, Liên-xô đã vượt lên ngang hàng với những nước có trình độ phục vụ y tế và y học tiên tiến nhất.



Sau khi chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc, Liên-xô phải giải quyết hàng loạt vấn đề: khôi phục nền công nghiệp trên phần lãnh thổ châu Âu của Liên-xô hầu như bị phá hủy hoàn toàn, đưa phần lớn các ngành sản xuất lạc hậu lên trình độ tiên tiến của thế giới, đẩy mạnh nền sản xuất nông nghiệp vốn thiếu tổ chức và bị gián đoạn trong chiến tranh. Có thể nói không một nước tư bản nào trong lịch sử phát triển lại chịu những tổn thất như Liên-xô trong chiến tranh thế giới thứ hai: bị phá hủy hơn ba vạn xí nghiệp công nghiệp, 65 nghìn ki lô mét đường sắt, 60% công suất sản xuất thép và khai thác than, 81 nghìn trường học và cơ sở nghiên cứu. Tình hình càng trầm trọng hơn do hơn 20 triệu người có khả năng lao động đã hy sinh trong chiến tranh: nhà ở, lương thực, thực phẩm, phương tiện vận tải, v.v. thiếu nghiêm trọng.

Phát huy những thế mạnh của mình, Liên-xô vạch ra đường lối phát triển mới mà nội dung cơ bản là giải quyết nhiệm vụ phát triển kỹ thuật - sản xuất trên cơ sở tăng cường sử dụng tất cả các nguồn lực và áp dụng những thành tựu khoa học - kỹ thuật tiên bộ nhằm bảo đảm có được nhịp độ cao trong phát triển kinh tế, đuổi kịp và vượt các nước tư bản phát triển về các chỉ tiêu sản lượng và chất lượng.

Liên-xô trước hết chú trọng mở rộng và phát triển công tác nghiên

cứu khoa học - kỹ thuật. Trong 20 năm (1950 - 1970), chi phí cho khoa học tăng 16 lần, nhịp độ tăng số lượng cán bộ khoa học - kỹ thuật lớn hơn nhiều so với các loại cán bộ khác. Trong khi nhanh chóng mở rộng mặt trận nghiên cứu khoa học - kỹ thuật, Liên-xô vẫn giữ vững phương châm *tập trung cố gắng vào các phương hướng phát triển then chốt. Trong công nghiệp*, đó là các hướng: cơ giới hóa đồng bộ và tự động hóa các quá trình sản xuất trên cơ sở sử dụng hệ thống máy móc; chú trọng các công nghệ ít nguyên công, liên tục và không có phế thải; sử dụng các vật liệu và các phương pháp gia công mới.

Trong nông nghiệp, hướng phát triển chủ yếu là: cơ giới hóa đồng bộ; hóa học hóa, hoàn thiện công nghệ sản xuất tất cả các loại sản phẩm nông nghiệp; áp dụng các thành tựu di truyền học; thực hiện chương trình tổng hợp cải tạo đất.

Ví dụ điển hình về việc đưa khoa học phục vụ các mục tiêu kinh tế - xã hội là chương trình tổng hợp phát triển nông nghiệp vùng đất không đen ở Cộng hòa liên bang Nga. Mục tiêu là xây dựng một vùng nông nghiệp có năng suất cao trên một diện tích lớn gần bằng lãnh thổ nước Pháp. Mọi việc, kể cả làm khô, tưới nước một diện tích khổng lồ sẽ kết thúc vào năm 1990. Nhưng ngay trong năm 1980 sản lượng nông nghiệp của

vùng này đã chiếm 1/6 sản lượng nông nghiệp toàn Liên-xô.

Vai trò động lực của khoa học cũng được chứng minh ở sự phát triển vùng Xi-bê-ri. Vùng lãnh thổ rộng 10 triệu km² này tập trung khoảng 3/4 khoáng sản nhiên liệu — năng lượng, hơn 1/2 năng lượng thủy điện, 1/2 dự trữ gỗ của toàn Liên-xô. Thấy rõ tiềm năng to lớn, có ý nghĩa quyết định của vùng này, Liên-xô tập trung đẩy mạnh phát triển Xi-bê-ri. Năm 1980 vùng Xi-bê-ri và Viễn Đông đã cung cấp hơn 50% dầu mỏ (kể cả khí ngưng): khoảng 40% than đá và khí đốt; 30% gỗ, giấy; 20% điện năng của toàn Liên-xô. Trong kế hoạch 5 năm thứ 10, hầu như toàn bộ mức tăng về sản lượng dầu mỏ, khí đốt và nhôm của Liên-xô là dựa vào mức tăng của Xi-bê-ri. Nếu sản lượng công nghiệp toàn Liên-xô tăng khoảng 35-39% thì riêng Xi-bê-ri tăng hơn 50% (các nhà khoa học chứng minh rằng để đạt sự phát triển tối ưu nền kinh tế Liên-xô thì nhịp độ phát triển vùng Xi-bê-ri phải cao hơn nhịp độ phát triển bình quân toàn Liên-xô 30%). Trước Cách mạng Tháng Mười ở đây chỉ có 300 cơ sở công nghiệp, ngày nay đã có 3 vạn xí nghiệp công nghiệp; có những công trình cực lớn, nổi bật là công trình xây dựng đường sắt Bai-can — A-mua (BAM) — công trình của thế kỷ. Các tổ hợp sản xuất lãnh thổ rất lớn đã

và đang được hình thành, với hiệu quả sản xuất rất cao, dựa trên cơ sở sử dụng tối ưu nguyên liệu và năng lượng tại chỗ với kỹ thuật và công nghệ hiện đại. Ví dụ ở tổ hợp năng lượng — công nghiệp Brat-xơ, năng suất lao động một công nhân công nghiệp cao hơn 2,5 lần so với chỉ tiêu tương ứng của toàn Liên-xô. Năng suất lao động bình quân của toàn Xi-bê-ri cao hơn mức trung bình của Liên-xô 20%. Rõ ràng là không thể đạt những thành tựu to lớn đó nếu không có sự tập trung xây dựng và phát triển tiềm lực khoa học, mà phân viện hàn lâm khoa học Xi-bê-ri là một trong những cơ sở hùng mạnh nhất.

Những thành tựu khoa học — kỹ thuật to lớn đã bảo đảm sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế. Từ 1955 — 1975, gần một nửa mức tăng sản phẩm là do các yếu tố sản xuất theo chiều sâu đưa lại. So với năm 1940, năm 1975 khối lượng sản phẩm công nghiệp tăng 17 lần, sản phẩm nông nghiệp tăng 2,3 lần, thu nhập quốc dân tăng 11 lần. Năng suất lao động trong nông nghiệp tăng 3,5 lần, trong công nghiệp tăng 6,6 lần. Từ năm 1969 — 1976, 80% tăng thu nhập quốc dân là do tăng năng suất lao động, trong đó 43% do tăng mức trang bị kỹ thuật và 37% do nâng cao trình độ văn hóa và chuyên môn của công nhân.



Bước vào thập kỷ 70 tồn tại của mình, Liên-xô đã thật sự trở thành nhà nước phát triển về mọi mặt và đứng đầu thế giới về trình độ phát triển khoa học — kỹ thuật, về mức độ đáp ứng nhu cầu vật chất và tinh thần của nhân dân.

Đại hội thứ 26 của Đảng cộng sản Liên-xô nhấn mạnh: «Điều kiện phát triển nền kinh tế quốc dân trong

những năm 80 làm cho việc đẩy nhanh tiến bộ khoa học — kỹ thuật ngày càng trở nên cấp bách hơn... «Đảng cộng sản xuất phát từ chỗ là không có khoa học thì hoàn toàn không thể xây dựng được xã hội mới» (6).

(6) Đại hội XXVI Đảng cộng sản Liên-xô, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1981, tr. 80.

Phương hướng phấn đấu của nền khoa học Xô viết hiện đại là: vừa nghiên cứu những vấn đề lý luận, vừa tập trung giải quyết những vấn đề then chốt của nền kinh tế và những phát minh dẫn tới những biến chuyển cách mạng trong sản xuất nhằm tạo ra bước nhảy vọt trong việc tăng hiệu quả sử dụng lao động sống và lao động vật hóa, nguyên liệu và nhiên liệu, bảo đảm nâng cao rõ rệt chất lượng sản phẩm. Khoa học hướng mọi cố gắng vào hai mục tiêu lớn: hiệu quả và chất lượng.

Trong điều kiện hiện nay, khi việc lựa chọn các phương hướng phát triển trở nên quá phức tạp, thì công tác dự báo dài hạn các thành tựu khoa học - kỹ thuật trong tương lai càng có vai trò đặc biệt quan trọng. Quy mô và tác dụng của việc áp dụng khoa học và kỹ thuật vào sản xuất trở nên quan trọng tới mức việc đánh giá các hậu quả kinh tế - xã hội trở thành điều kiện cần thiết cho sự phát triển có định hướng của xã hội. Bởi vậy một trong những yếu tố quan trọng nhất của việc áp dụng khoa học và kỹ thuật vào sản xuất ở Liên-xô hiện nay là tăng cường cơ sở dự báo cho các quyết định kế hoạch. Theo hướng này, trên cơ sở các kết quả dự báo, Liên-xô đã xây dựng « chương trình tiên bộ khoa học - kỹ thuật tổng hợp » và các hậu quả kinh tế - xã hội tới năm 1990 » làm cơ sở cho việc xây

dựng các kế hoạch 5 năm của Liên-xô. Một số chương trình được xây dựng cho đến năm 2000 và 2005.

Liên-xô coi việc liên kết chặt chẽ giữa khoa học và sản xuất là yêu cầu cấp bách của thời đại, chú trọng đưa những phát minh khoa học nhanh chóng ứng dụng vào sản xuất, thông qua những công nghệ mới, những sản phẩm mới.

Việc rút ngắn chu trình « nghiên cứu - sản xuất - sử dụng » được thực hiện bằng nhiều hình thức tổ chức phong phú, liên kết các cơ quan nghiên cứu, thiết kế, công nghệ với sản xuất. Nhờ vậy, đã rút ngắn chu trình, « nghiên cứu - sản xuất - sử dụng » xuống 3 - 4 lần, bảo đảm nhanh chóng đổi mới công nghệ sản xuất và chủng loại sản phẩm, nâng cao hiệu quả sử dụng tiềm lực khoa học kỹ thuật.

Để bảo đảm căn cứ khoa học cho các quyết định về cải tiến quản lý và nhanh chóng đưa các kết quả nghiên cứu vào thực tiễn quản lý tiến bộ khoa học kỹ thuật, trong những năm gần đây Liên-xô đã thành lập nhiều trung tâm nghiên cứu về tổ chức, quản lý khoa học và trong kế hoạch toàn diện của các cấp phân cải tiến quản lý nói chung và quản lý khoa học và kỹ thuật nói riêng là những bộ phận hợp thành quan trọng không thể thiếu được.



Cũng như trong lĩnh vực cách mạng xã hội, Liên-xô là nước đi đầu trong việc khai phá con đường phát triển khoa học và kỹ thuật cho một Nhà nước xã hội chủ nghĩa, từ trình độ phát triển tương đối thấp. Do điều kiện kinh tế - xã hội và truyền thống

lịch sử và dân tộc đặc thù, mỗi nước có con đường phát triển khoa học và kỹ thuật riêng, nhưng để nhanh chóng xây dựng được một cơ sở khoa học độc lập cho đất nước và rút ngắn khoảng cách so với các nước phát triển đi trước thì kinh nghiệm 66

nắm phát triển khoa học - kỹ thuật của Liên-xô đã giúp cho các nước đi sau những bài học quý giá.

1 - Trong điều kiện trình độ phát triển còn thấp nhưng có sức lao động dồi dào và tài nguyên phong phú thì việc lựa chọn chiến lược phát triển theo chiều rộng kết hợp chặt chẽ với phát triển theo chiều sâu có ý nghĩa quyết định. Nếu chỉ chú trọng phát triển theo chiều rộng thì tuy có tạo ra khả năng tăng trưởng kinh tế ở giai đoạn đầu, nhưng sẽ dẫn tới sự lạc hậu lâu dài. Còn muốn phát triển theo chiều sâu thì không thể không phát triển và áp dụng các thành tựu khoa học và kỹ thuật.

2 - Trong khâu lựa chọn và chuyên giao kỹ thuật, chú ý giữ tỷ lệ hợp lý giữa công nghệ tiên tiến và công nghệ dùng nhiều lao động tay nghề thấp với vốn đầu tư ít. Cơ cấu này vừa bảo đảm việc làm cho người lao động, phù hợp với khả năng đầu tư có hạn trong giai đoạn đầu, đồng thời bảo đảm cơ sở vững chắc cho việc phát triển sản xuất theo chiều sâu sau này.

3 - Muốn nhanh chóng có được một cơ cấu tiềm lực khoa học - kỹ thuật hoàn chỉnh, cần phát triển trước một bước hệ thống giáo dục và đào tạo cán bộ khoa học, đồng thời xây dựng hệ thống bảo đảm nắm vững

và phổ cập các thành tựu khoa học và kỹ thuật vào sản xuất (hệ thống các cơ quan nghiên cứu triển khai, thiết kế và chuyển giao kỹ thuật tiên bộ vào sản xuất).

4 - Trong quá trình phát triển, chiến thuật sử dụng tiềm lực khoa học - kỹ thuật có ý nghĩa quyết định. Nên tập trung tiềm lực trong nước vào một hướng chọn lựa đặc biệt quan trọng để có thể nhanh chóng đạt được trình độ tiên tiến trên thế giới.

Phân đóng góp to lớn của Liên-xô đối với các nước đi sau không chỉ dừng ở mức tổng kết và truyền đạt những kinh nghiệm phong phú về xây dựng một xã hội kiểu mới trong lịch sử nhân loại mà còn dành một phần tiềm lực kinh tế và khoa học - kỹ thuật to lớn của mình để giúp đỡ các nước anh em và bè bạn.

Trong quá trình xây dựng và phát triển tiềm lực khoa học - kỹ thuật của mình, nhân dân Việt-nam nhận được sự giúp đỡ chí tình, to lớn và rất có hiệu quả của Đảng, Chính phủ và nhân dân Liên-xô. Chúng ta ra sức học tập kinh nghiệm của Liên-xô, tiếp thu có hiệu quả nhất sự giúp đỡ quý báu ấy, làm cho khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp, phục vụ đắc lực sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta

GIÁ TRỊ VĂN HÓA TINH THẦN CỦA VIỆT - NAM

Lời Bộ biên tập: Vừa qua, tại thủ đô Hà-nội, Viện Mác Lê-nin và Tạp chí Cộng sản đã tổ chức Hội nghị khoa học về « Giá trị văn hóa tinh thần của Việt-nam ». Đồng chí Nguyễn-Vịnh, Ủy viên Trung ương Đảng, Viện trưởng Viện Mác Lê-nin đã đọc diễn văn khai mạc. Đồng chí Hồng-Chương, Tổng biên tập Tạp chí Cộng sản đã tổng kết hội nghị. Hội nghị đã nghe hơn 20 bản tham luận. Dưới đây chúng tôi trích đăng các bản tham luận đã đọc tại hội nghị đó.



Nguyễn-Vịnh: Tìm hiểu, khẳng định và đánh giá chính xác những giá trị văn hóa tinh thần Việt-nam là vấn đề có ý nghĩa lý luận và ý nghĩa thực tiễn to lớn. Đó là một trong những cơ sở để xác định phương hướng, nội dung xây dựng con người mới, nền văn hóa mới và lối sống mới xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

Đời sống văn hóa tinh thần có những quy luật vận động, phát triển phong phú và phức tạp. Tìm hiểu, khẳng định và đánh giá đúng những giá trị văn hóa tinh thần Việt-nam là rất quan trọng trong công cuộc cách mạng tư tưởng và văn hóa.

Do những điều kiện sinh sống, những đặc điểm lịch sử, xã hội,

người Việt-nam đã sớm tạo nên đời sống văn hóa tinh thần phong phú, với những sắc thái riêng, truyền thống dân tộc riêng của mình. Đồng chí Phạm-Văn-Đồng đã coi đó là « giá trị cao quý nhất, đẹp đẽ nhất, cái mùi, cái vị, cái hương, cái thơ của đời sống, đó là giá trị văn hóa, giá trị tinh thần » (1) của người Việt-nam chúng ta. Tuy nhiên, hiện nay trong xã hội, còn có cách nhìn khác nhau, phương pháp không giống nhau về đánh giá các giá trị văn hóa tinh thần Việt-nam. Có người, có lúc đề cao quá mức những truyền thống,

(1) Phạm-Văn-Đồng: *Tổ quốc ta, nhân dân ta, sự nghiệp ta và người nghệ sĩ*. Nxb Văn học. Hà-nội. 1973. tr. 131.

những giá trị văn hóa tinh thần của dân tộc; nhưng có người, có lúc lại quá tự ti, sùng bái nước ngoài, phủ nhận những giá trị đó của dân tộc. Có người chỉ thấy giá trị truyền thống cổ điển của văn hóa tinh thần Việt-nam, mà không rõ giá trị cách mạng của nó, không rõ những truyền thống cổ điển ấy được phát triển, được nâng cao trong cách mạng xã hội chủ nghĩa. Trong tình hình mức sống kinh tế còn khó khăn hiện nay, những khuynh hướng đánh giá thấp, thậm chí phủ nhận giá trị văn hóa tinh thần ấy đang có chiều hướng tăng lên. Vì vậy, dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác-Lê-nin và đường lối của Đảng, chúng ta cần khẳng định và đánh giá đúng những giá trị văn hóa tinh thần của dân tộc để tiếp tục phát huy nó trong sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa, nâng nó lên tầm cao của thời đại.

Hiện nay, chúng ta đang ở chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; cuộc đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa đang diễn ra gay go phức tạp trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Tính chất gay gắt và phức tạp đó lại càng được thể hiện đậm nét trên mặt trận văn hóa tinh thần. Tuy giai cấp tư sản và những người sản xuất nhỏ đã và đang được cải tạo theo chủ nghĩa xã hội, nhưng những tư tưởng tư sản, những tâm lý, thói quen của người sản xuất nhỏ còn đang tác động mạnh trong đời sống xã hội, ở chỗ này hay chỗ nọ, có lúc còn chi phối hoạt động của người ta. Ở những nơi đó, lúc đó, không phải tư tưởng cách mạng của chủ nghĩa Mác-Lê-nin và truyền thống văn hóa tinh thần tốt đẹp của Việt-nam đã chiếm ưu thế. Ảnh hưởng của chủ nghĩa thực dân, phong kiến, nhất là những nọc độc của chủ nghĩa thực dân mới kiểu Mỹ còn đang gây ra những tai hại trong xã hội chúng ta, đặc biệt trong giới

thanh niên; thậm chí có nơi, có lúc nó còn lũng đoạn đời sống văn hóa tinh thần và lối sống của một bộ phận trong nhân dân. Chúng ta cũng cần xem xét ảnh hưởng của Nho giáo, ảnh hưởng của các tôn giáo, ảnh hưởng của lối sống không lành mạnh của phương Tây và tác động độc hại của chiến tranh tâm lý của chủ nghĩa đế quốc và bọn phản động trong giới cầm quyền Bắc-kinh... Trong báo cáo chính trị tại Đại hội Đảng thứ V, đồng chí Lê-Duẩn đã nêu rõ: «Cuộc đấu tranh giữa hai con đường: giữa cái mới với cái cũ, tiến tiến với lạc hậu, tiến bộ với phản động trên lĩnh vực văn hóa, tư tưởng, lối sống, đang diễn ra hằng ngày, rất phức tạp, mà chúng ta không thể nào xem nhẹ» (2).

Trong tình hình đó, khẳng định những giá trị văn hóa tinh thần của Việt-nam để phát huy nó trong sự nghiệp xây dựng tư tưởng, văn hóa xã hội chủ nghĩa; đồng thời phê phán đề loại trừ những ảnh hưởng tư tưởng, văn hóa của xã hội cũ và của các giai cấp thù địch đang là một nhiệm vụ cấp bách của chúng ta. Vấn đề «Giá trị văn hóa tinh thần của Việt-nam» do đó, được đặt ra. Trong quá trình xây dựng tư tưởng văn hóa xã hội chủ nghĩa, cần bảo vệ và phát huy những giá trị cao đẹp của dân tộc như thế nào? Cần khẳng định giá trị nào? tư tưởng, nào? Xây và chống như thế nào? v.v.

Xây dựng chủ nghĩa xã hội, đặc biệt là xây dựng chủ nghĩa xã hội từ một nước mà sản xuất nhỏ còn phổ biến, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa như nước ta, là một sự nghiệp mới mẻ và rất khó khăn, là một quá trình hoạt động tự giác rất cao của quần chúng lao động dưới sự lãnh đạo của Đảng tiên phong của giai cấp công nhân. Trong

(2) Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội V. *Tạp chí cộng sản*, số 4-1982, tr. 53.

sự nghiệp cách mạng tư tưởng và văn hóa, sự tự giác và sáng tạo trong việc phát huy những giá trị văn hóa tinh thần truyền thống của Việt-nam là một mặt rất quan trọng đang đòi hỏi chúng ta phải xem xét, nghiên cứu một cách nghiêm túc. Hội nghị khoa học về « Giá trị văn hóa tinh thần của Việt-nam » được tổ chức hôm nay cũng nhằm theo hướng đó.

Đề có thể có cơ sở nhất trí trong vấn đề phức tạp này, chúng tôi đề nghị cuộc hội thảo của chúng ta lần này nên tập trung vào những vấn đề sau đây:

Một là, cần làm rõ khái niệm về giá trị văn hóa tinh thần. Hiện nay nhiều nhà nghiên cứu trong nước và nước ngoài đã đề cập đến vấn đề này ở những mức độ khác nhau. Trong chúng ta chắc cũng còn những ý kiến khác nhau về giá trị, về *giá trị văn hóa tinh thần*, mong rằng ở đây chúng ta có sự trao đổi rộng rãi, để tiến tới một khái niệm khoa học làm cơ sở cho sự nghiên cứu sau này.

Hai là, những tiêu chuẩn để xác định giá trị, giá trị văn hóa tinh thần là gì? Phải chăng là chúng ta phải xét từ góc độ lợi ích xã hội và tiến bộ xã hội? Phải chăng những giá trị văn hóa tinh thần chỉ có thể tìm thấy trong những thành tựu của con người góp vào sự phát triển đi lên của lịch sử xã hội, phục vụ cho lợi ích và hạnh phúc của dân tộc, của loài người?

Ba là, những quan điểm cơ bản cần thống nhất khi phân tích, đánh giá những giá trị văn hóa tinh thần của Việt-nam.

— Nhìn khái quát quá trình hình thành và phát triển những nền văn minh của loài người, các cộng đồng xã hội — văn hóa và các kiểu hình văn minh trong lịch sử đều tồn tại trên cơ sở các quan hệ sản xuất khác nhau nhất định, lịch sử loài người là lịch sử thay thế nhau của các

phương thức sản xuất. Do đó, những hệ giá trị ở mỗi thời kỳ đều mang *linh giai cấp* rõ rệt và cần có *quan điểm lịch sử* trong việc đánh giá những hệ giá trị ấy.

Như Ăng-ghe-n đã nói, sau khi trải qua giai đoạn dã man, loài người đã trải qua ba thời đại lớn của văn minh: văn minh cổ đại với chế độ chiếm hữu nô lệ, văn minh trung đại dựa trên chế độ nông nô và văn minh tư sản hiện đại dựa trên cơ sở lao động làm thuê và tư bản. Mỗi nền văn minh ấy là một bước tiến của lịch sử và cũng là một bước tiến của những giá trị văn hóa tinh thần; những cơ sở xã hội của nó vẫn dựa trên sự bóc lột giai cấp và đối kháng giai cấp ngày càng gay gắt. Vì vậy, những nền văn minh ấy còn có nhiều hạn chế.

Chủ nghĩa xã hội thay thế cho chủ nghĩa tư bản đã mở ra một nền văn minh rực rỡ mới. Lần đầu tiên trong lịch sử, xã hội xã hội chủ nghĩa đang tạo ra những điều kiện thủ tiêu mọi sự phân chia giai cấp, mọi kiểu đối kháng xã hội, giải phóng lao động, để cho những thành viên xã hội vươn lên làm chủ xã hội, làm chủ thiên nhiên, làm chủ bản thân, xây dựng con người mới, nền văn hóa mới và lối sống mới. Nền văn minh kiểu mới với những hệ giá trị của nó đang được hình thành và phát triển tốt đẹp trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa thế giới, đã và đang đóng góp vào sự phát triển của loài người tiến tới nền văn minh cao đẹp nhất — nền văn minh cộng sản.

Trong thời kỳ đầu của chủ nghĩa xã hội, khi những phương tiện lao động sáng tạo còn bị hạn chế, khi mức sống vật chất chưa cao, nhưng lối sống mới vẫn có thể ra đời và phát triển; quan hệ giữa người và người đã và đang mang những giá trị mới. Phải chăng ngay từ bây giờ, trong đời sống xã hội, nếu người ta

có ý thức tự giác thì vẫn có thể hình thành những quan hệ mới mẻ đẹp đẽ giữa người và người; trong đời sống văn hóa tinh thần của xã hội mới những giá trị văn hóa tinh thần truyền thống tốt đẹp của dân tộc vẫn phát huy được tính tích cực của nó và bản thân nó cũng được nâng cao thêm? Nhu cầu vật chất thì có hạn, nhưng nhu cầu văn hóa tinh thần thì vô cùng?...

— Dựa theo luận điểm hai dòng văn hóa dân tộc của Lê-nin, trong xã hội có giai cấp, dòng văn hóa dân gian luôn luôn tồn tại bên cạnh dòng văn hóa của giai cấp thống trị. Trong điều kiện đó, giá trị truyền thống của dân tộc chủ yếu do nhân dân lao động tạo nên, tuy nhiên cũng có lúc, có sự đóng góp của giai cấp thống trị.

Ở Việt-nam, những giá trị văn hóa tinh thần truyền thống của dân tộc là do nhân dân lao động, trong đó chủ yếu là do giai cấp nông dân sáng tạo, duy trì, bảo vệ và phát huy. Trong một mức độ nhất định có sự đóng góp của giai cấp phong kiến, nhất là khi những tầng lớp phong kiến cần dựa vào nông dân, biết dựa vào nông dân để chống ngoại xâm hoặc đánh đổ những triều đại phong kiến cũ, thối nát. Vì vậy, trong khi kế thừa những di sản văn hóa tinh thần của quá khứ, chúng ta phải tiếp thu có chọn lọc, có phê phán như thế nào cho đúng? Phải chăng văn hóa dân gian là kho tàng vô cùng phong phú chứa đựng những giá trị về nhiều lĩnh vực của dân tộc, thể hiện tâm hồn, trí tuệ, tài năng và bản sắc người Việt-nam sâu sắc nhất? Song, một « Lịch sử tư tưởng », một « Bình ngô đại cáo », một « Chinh phụ ngâm », một « Đoạn trường tân thanh », v.v. không phải là những thể hiện những truyền thống, những phẩm chất tuyệt vời của dân tộc.

— Giá trị văn hóa tinh thần truyền thống của một dân tộc không phải

là cái gì bất biến cố định mà là một quá trình phát triển biến chứng. Có giá trị truyền thống nào ngày nay vẫn giữ được chất nguyên thủy của nó, và không qua nhiều lần chọn lọc, bổ sung, đổi mới, nâng cao? Phải chăng nhiều giá trị cách mạng ngày nay đã trở thành giá trị truyền thống của dân tộc, của giai cấp như lòng trung thành với Đảng, với cách mạng, với Tổ quốc, lòng hiếu với dân, tình cảm quốc tế vô sản trong sáng... Quy luật tiến hóa của những giá trị là luôn luôn vươn tới Chân, Thiện, Mỹ. Vì vậy, cũng như những lĩnh vực khoa học khác, khi xem xét, khẳng định và đánh giá về những giá trị văn hóa tinh thần, kể cả truyền thống cũ cũng như những giá trị cách mạng mới, đương nhiên chúng ta phải quán triệt quan điểm vận động và phát triển.

— Trong khi nhấn mạnh giá trị văn hóa tinh thần của Việt-nam, của chủ nghĩa xã hội, chúng ta không phủ nhận những giá trị chung của cả loài người mà có quan điểm kế thừa, phát triển một cách khoa học. Phủ nhận sự kế thừa của chủ nghĩa xã hội đối với các giá trị văn hóa tinh thần của các thời đại phát triển trước đó của loài người, cũng sai lầm như việc tiếp thu không chọn lọc, xóa nhòa sự khác biệt về thực chất giữa các chế độ xã hội khác nhau. Việt-nam ta đứng trên ngã ba đường giao lưu Đông, Tây, Nam, Bắc, là nơi gặp gỡ của nhiều luồng văn hóa thế giới. Vì vậy, chúng ta không thể « bẽ quan tỏa cảng », cũng như không thể mở tung cửa cho mọi « làn gió » thổi vào. Làm thế nào để tiếp thu được những tinh hoa của nhân loại và ngăn chặn được những độc hại của văn hóa đồi trụy của chủ nghĩa đế quốc và phản động quốc tế? Làm thế nào khi mở rộng sự giao lưu với văn hóa thế giới chúng ta vẫn giữ được bản sắc dân tộc, đồng thời nâng nó lên tầm cao

mới? Làm thế nào cho quảng đại quần chúng lao động, đặc biệt là tầng lớp thanh niên phân biệt được «độc» với «lành» mà tránh? làm thế nào khi gặp gió độc mà vẫn «miễn dịch»? v.v. Nhiệm vụ của khoa học xã hội trong vấn đề này thật là lớn lao và phức tạp.

— Tuy nhiên để giải quyết vấn đề đó thì một yêu cầu lớn đặt ra là Ta phải hiểu Ta. Vậy những giá trị truyền thống cao đẹp về văn hóa tinh thần của dân tộc ta là gì? Làm thế nào để kế thừa, phát huy và nâng nó lên tầm cao văn minh hiện đại của giai cấp vô sản. Đồng chí Tố-Hữu nói: *Cái đau khổ của con người là ở chỗ sống giữa bao nhiêu cái đẹp do nó tạo ra mà vẫn ngần ngại không hiểu hết. Loài người không đến nỗi nghèo quá. Loài người đã lờn tại được là vì nó tạo ra được những vẻ đẹp lớn mà cho đến nay nó vẫn chưa thể cảm thụ hết được. Nếu con người hiểu được rằng mình là người sáng tạo những giá trị vật chất và tinh thần và tin ở sức mạnh của nó thì sẽ đưa đến sự bùng nổ của những giá trị, những tài năng. Muốn như thế thì phải làm cho mỗi con người ý thức được vẻ đẹp và tin vào sức mạnh của mình*» (3) (Tài nhân mạnh — N.V.).

Vậy chúng ta đã ý thức được vẻ đẹp của những giá trị văn hóa tinh thần của Việt-nam chưa?

Lao động sản xuất và chiến đấu luôn luôn là hai bánh xe của lịch sử, gắn bó khăng khít với nhau, bảo đảm cho sự sinh tồn và phát triển của mỗi dân tộc. Do những điều kiện lịch sử cụ thể của mình, hai nhân tố đó đã hình thành những truyền thống lâu dài và tốt đẹp của Việt-nam. Đó là tinh thần «*Không có gì quý hơn độc lập tự do*»; là tinh thần bất khuất, kiên cường, mưu trí; là ý thức về quyền làm chủ đất nước, làm chủ xã hội và đời sống của mình; là tinh thần *độc chủ, bình đẳng* trong quan hệ giữa người với người, «*thương nước* —

thương nhà, thương người — thương mình»; là tình nghĩa thủy chung với đồng bào, đồng chí, với làng xóm, quê hương; là đức tính cần cù, sáng tạo, lạc quan, yêu đời. Nói chung đó chính là sức sống mãnh liệt không gì lay chuyển nổi của dân tộc Việt-nam. Sức sống ấy, vẻ đẹp truyền thống ấy đã làm cho dân tộc ta vượt qua mọi thử thách của thiên nhiên và giặc ngoại xâm để trường tồn và phát triển. Vậy cần tổng kết những giá trị văn hóa tinh thần ấy như thế nào? Và chúng ta đã làm được những gì để bảo vệ, phát triển và nâng cao những truyền thống cao đẹp đó? Hơn nữa làm sao cho mọi người lao động hiểu rõ mình là «*người sáng tạo*» ra nó và tin ở «*sức mạnh của mình*» để tạo ra những sự «*bùng nổ*» của những giá trị văn hóa tinh thần ấy.

Chúng ta luôn luôn chủ trương kế thừa và phát triển tốt nhất những giá trị văn hóa tinh thần truyền thống của dân tộc. Thực tế cuộc sống đã chỉ rõ rằng từ khi có ánh sáng của chủ nghĩa Mác — Lê-nin, có Hồ Chủ tịch và Đảng ta soi sáng con đường cách mạng Việt-nam, những giá trị truyền thống ấy mới được bảo vệ, phát triển và chuyển hóa thành những giá trị văn hóa tinh thần cách mạng; những giá trị đó đã mang một nội dung mới và một chất lượng mới. Cách mạng đã tạo ra một bước ngoặt, bước nhảy vọt trong đời sống, trong sáng tạo những giá trị văn hóa tinh thần Việt-nam. Những giá trị văn hóa tinh thần Việt-nam mà chúng ta có được hôm nay không phải «*từ trên trời rơi xuống*», «*không phải là một phú tinh của thần linh*», «*bẩm sinh ra đã có*», mà là do nhân dân ta tạo ra bằng trí tuệ, bằng mồ hôi, nước mắt, bằng xương máu của bao-nhiều thế hệ. Đến nay có những giá trị văn hóa tinh thần đã trở thành truyền

(3) Tố Hữu: *Cuộc sống cách mạng và văn học nghệ thuật*, Nxb Văn hóa, Hà-nội, 1981. tr. 157.

thống của dân tộc như sự kết hợp hài hòa chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế xã hội chủ nghĩa và quốc tế vô sản. Có những giá trị văn hóa tinh thần dân tộc được duy trì, bảo vệ, phát huy; cũng có những giá trị của thời đại mới mà ta tiếp thu được. Song còn có những mặt mà thời đại ngày nay đang đòi hỏi, chúng ta chưa có truyền thống, như ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần xác khoa học, tác phong khẩn trương đại công nghiệp, v.v.

Vì vậy, chúng ta cần làm sáng tỏ những giá trị nào của dân tộc đã trở thành truyền thống cần phải bảo vệ, phát huy và phổ biến rộng rãi trong thời đại mới, những giá trị nào cần phải có, cần phải tiếp thu của thế giới và biến chúng thành giá trị của Việt-nam.

Lê-Thị: Văn hóa là tất cả cái gì mà trí tuệ và cảm xúc con người đã thực hiện được qua các thời đại, là một hiện tượng vô cùng đa dạng và phong phú. Động cơ thúc đẩy con người phát triển văn hóa, như chúng ta đã biết, lại không phải là tùy tiện, ngẫu nhiên mà do những nhu cầu khách quan của đời sống cộng đồng và đời sống cá nhân quy định. Và như Các Mác đã nói, bất cứ sự sáng tạo nào của con người cũng là sự chiếm lĩnh đối tượng của con người, sự đối tượng hóa bản thân. Bằng hoạt động thực tiễn sáng tạo ra những giá trị văn hóa, con người đã đối tượng hóa sức mạnh tư duy mình — tư duy trở thành đối tượng bên ngoài, biến thành cái khác nó, nhằm làm cho đời sống vật chất và tinh thần của con người thêm tốt đẹp, hoàn hảo hơn.

Này dựng và phát triển văn hóa, con người đã định hình cho những khát vọng của mình, khát vọng mà qua nhiều thời đại, ở nhiều dân tộc còn chưa được thỏa mãn. Đó là mong ước có tinh phổ biến được sống trong hòa bình, độc lập, tự do, bình đẳng, ấm

no hạnh phúc, là không ngừng vươn tới cái Chân, Thiện, Mỹ. Bởi vì dù cho các nền văn hóa có nhiều màu sắc dân tộc, địa phương độc đáo đến đâu nhưng những lý tưởng văn hóa vẫn có những nét chung và mang tính thời đại. Tinh đặc thù, tính đa dạng không làm lu mờ cái chung, cái bản chất mang tính người mà lại tô điểm và làm sắc nét thêm những giá trị tư tưởng, tinh thần có tính phổ biến bao hàm trong nội tại các nền văn hóa. Đó chính là cơ sở để làm nảy sinh và thúc đẩy nhu cầu giao lưu văn hóa giữa các dân tộc, các cộng đồng người trong lịch sử cũng như hiện nay.

Kế thừa và đổi mới, liên tục và đứt đoạn, ổn định và không ổn định là biện chứng phát triển chung của các nền văn hóa nhân loại. Trong sự phát triển đặc thù của nó, lịch sử văn hóa Việt-nam, trong tiến trình vận động của nó cũng thể hiện quy luật có tính phổ biến ấy. Nó đã kế thừa di sản văn hóa truyền thống đồng thời luôn luôn có sự đổi mới qua các thời đại. Cái cũ và cái mới, yếu tố bản địa và yếu tố ngoại lai đã đấu tranh với nhau kịch liệt, đồng thời lại có sự kết hợp, sự tiếp thu cái mới thông qua một sự chọn lọc. Sự chọn lọc này cho phép văn hóa Việt-nam vừa giữ được bản sắc riêng trải qua lịch sử lâu đời của dân tộc, lại vừa cởi mở, luôn luôn có sự bổ sung những yếu tố mới làm nội dung của nó ngày càng phong phú. Nhìn chung nền văn hóa Việt-nam nhất quán phát triển theo chiều hướng đi lên, vươn tới cái tiến bộ, cái đẹp, cái hài hòa. Ngày nay những giá trị tư tưởng tốt đẹp của văn hóa truyền thống đang được nâng lên một tầm cao mới, trong quan hệ gắn bó và được phát huy bởi tư tưởng tiên tiến nhất của nhân loại — chủ nghĩa Mác — Lê-nin — hợp thành nội dung tư tưởng của nền văn hóa xã hội chủ nghĩa Việt-nam.

Lịch sử phát triển của mỗi một nền văn hóa nói lên sức sống của cộng

đồng người đã sản sinh ra nó. Văn hóa Việt-nam đã phản ánh khát vọng của nhân dân Việt-nam qua nhiều thời đại là được sống độc lập tự do, hòa bình và hạnh phúc. Nó thấm đượm tinh cảm gắn bó với đất nước mà họ đã dày công vun đắp, và tinh yêu đồng bào, những người đồng cam cộng khổ trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước. Nội dung tư tưởng cốt lõi của nền văn hóa đó là lòng yêu thiên nhiên, tinh thần yêu nước, ý chí quật cường chống ngoại xâm, truyền thống đoàn kết, nhân ái, tinh thần dân chủ bình đẳng trong sinh hoạt làng xã, là đức tính cần cù lao động để chống chọi với một thiên nhiên vừa phong phú vừa khắc nghiệt.

Văn hóa Việt-nam luôn luôn mang tính toàn vẹn và tính mâu thuẫn nội tại. Nó không phải là một hệ thống đóng kín những giá trị đặc biệt, cố định mà là một tổng hợp những giá trị vận động và biến đổi qua các thời đại, theo một tiến trình phát triển biện chứng. Sự biến đổi đó đã diễn ra theo hai hướng:

1 — *Tiếp nhận những yếu tố mới của các nền văn hóa ngoại lai.*

Trong quá trình lịch sử của mình, văn hóa Việt-nam cũng đã tự làm phong phú mình bằng cách tiếp nhận tinh hoa của nhiều nền văn hóa châu Á: Trung-quốc, Ấn-độ, v.v. và sau này là nền văn hóa phương Tây, nhưng tiếp nhận mà không tự thủ tiêu đi mất bản sắc của mình. Đặc biệt ở thời kỳ đầu mới dựng nước, trong một nghìn năm chịu sự đô hộ của phong kiến phương Bắc, nhân dân Việt-nam bị cưỡng ép theo văn hóa Hán — Đường, vậy cái gì đã giúp cho văn hóa Việt-nam được bảo tồn? Làm thế nào các giá trị tư tưởng truyền thống vẫn được giữ gìn, bồi đắp thêm sức sống mà không bị tàn lụi, mai một đi.

Trước hết bởi vì nền văn hóa đó đã được định hình thành một nền văn hóa có bản sắc riêng, trước khi bắt

gặp các yếu tố ngoại lai áp đặt cho nó. Nó đã trở thành nó, dứt khoát, vững vàng, đầy sức sống nên khó bị đồng hóa. Các tài liệu khảo cổ học Việt-nam hiện nay đã chứng minh sự tồn tại và phát triển rực rỡ của nền văn hóa Đông-sơn (tỉnh Thanh-hóa) ứng với thời kỳ cực thịnh của nước Việt cổ đầu tiên, nước Văn-lang Âu-lạc, vào thời đại đồ đồng, cách đây 4000 năm. Nước Văn-lang đã tồn tại 20 thế kỷ trước khi bị thống trị vào năm 179 trước công nguyên.

Thứ hai là do sức sống của dân tộc Việt-nam được hình thành trong hoàn cảnh rất khó khăn, phải chiến đấu tự bảo tồn; tinh thần tự chủ, trí thông minh đã giúp họ có thái độ hết sức mềm dẻo đối với tinh hoa của nền văn hóa các dân tộc khác, biết lấy trong đó những giá trị tốt đẹp để bổ sung, làm giàu thêm và tăng sức mạnh của văn hóa dân tộc. Lòng yêu quê hương đất nước, ý thức xây dựng Tổ quốc, như bó đuốc soi đường cho nhân dân Việt-nam qua nhiều lần tiếp xúc với các nền văn hóa ngoại lai của thế giới (văn hóa Hán và sau này văn hóa Pháp, Mỹ), chỉ lựa chọn những cái tiến bộ, hợp tình, hợp lý và trước hết là hợp với con đường phát triển độc lập của Tổ quốc, giữ gìn được phẩm giá dân tộc, và kiên quyết gạt bỏ những yếu tố ngoại lai phản động, hạ thấp nhân cách con người. Và trong các giá trị được tôn trọng đó thì tinh thần yêu nước là hàng đầu, là thước đo để đánh giá một giá trị tinh-thần khác. Ở Việt-nam, vận mệnh của văn hóa gắn liền với vận mệnh của dân tộc.

Trong suốt mười thế kỷ bị ách đô hộ của phong kiến Trung-quốc, nhân dân Việt-nam chống lại Khổng giáo, hệ tư tưởng có địa vị thống trị ở Trung-quốc và được coi là công cụ xâm lược tinh thần chủ yếu của kẻ đi áp bức đã bị nhân dân Việt-nam chống lại. Trong năm thế kỷ đầu của kỷ nguyên

độc lập của Việt-nam (từ thế kỷ 10 đến thế kỷ 14), Khổng giáo cũng chưa giành được địa vị ưu thế, địa vị mà chỉ sau này khi giai cấp phong kiến tập quyền Việt-nam cần đến một công cụ tư tưởng có hiệu quả để củng cố quyền lực của họ thì mới phát triển. Tuy nhiên, Khổng giáo chủ yếu chỉ có ảnh hưởng nhiều đến bộ phận văn hóa cung đình, trong khi đó bộ phận văn hóa dân gian vẫn kịch liệt chống lại các quan điểm bảo thủ nghiêm ngặt, phi nhân của Khổng giáo. Tiếp xúc với nền văn hóa Hán, nhân dân Việt-nam đã hiểu thêm được phong tục tập quán Trung-quốc, biết thưởng thức những tác phẩm văn học Trung-quốc nổi tiếng, đồng thời đã sử dụng một số khái niệm của Khổng giáo nhưng với nội dung có thay đổi. Ví dụ: khái niệm nhân nghĩa của Khổng giáo, đối với nhà nho yêu nước Việt-nam, nhân có nghĩa là yêu nhân dân mà không phải yêu con người trừu tượng chung chung, nghĩa là phải làm tròn nghĩa vụ với Tổ quốc, chứ không phải trước hết đối với vua, như Khổng tử đã dạy.

Sau này, sự tiếp xúc giữa nền văn hóa cổ truyền của một nước Việt-nam phong kiến với nền văn hóa của nước Pháp đế quốc, xâm lược trong 80 năm thuộc Pháp, không phải chỉ có một sự tiếp xúc ở tư thế bị cưỡng chế. Về một mặt nào đấy, đó cũng là một sự tiếp xúc giữa Đông và Tây. Nhân dân Việt-nam đã chống lại âm mưu xảo quyệt của bọn thực dân: chúng vừa làm sống lại những cái gì cổ hủ, lạc hậu nhất trong truyền thống văn hóa Việt-nam để duy trì Việt-nam ở địa vị yếu hèn, vừa truyền bá ở Việt-nam một thứ văn hóa ngu dân để hòng giam hãm Việt-nam trong vòng nô lệ. Chống lại khẩu hiệu "đi khai hóa" của bọn thực dân, các nhà yêu nước Việt-nam chủ trương phải *duy tân*, nghĩa là phải tìm học bí quyết sức mạnh vật chất của kẻ thù để đánh bại chúng bằng sức mạnh vật chất:

đó là khoa học kỹ thuật. Phải tìm học cơ sở tư tưởng của nền khoa học đó là *chủ nghĩa duy lý* và *chủ nghĩa nhân đạo* của các nhà Bách khoa và của thời kỳ Phục hưng. Và những người mác xít Việt-nam, khi tìm thấy con đường cứu nước ở Lê-nin và Cách mạng Tháng Mười, đã biểu hiện một tinh thần rộng mở: tìm thấy đồng minh của mình ở giai cấp vô sản và nhân dân Pháp, ở giai cấp vô sản và nhân dân thế giới và làm phong phú nền văn hóa của mình bằng thành tựu của nền văn hóa nhân loại.

Dù phải trải qua bao lần chống ngoại xâm, bao thế kỷ chịu ách đô hộ bên ngoài, nhìn chung dân tộc Việt-nam không có tư tưởng bài ngoại. Đó là một nhân dân cởi mở, có tinh thần trân trọng đối với di sản cao quý của nền văn minh thế giới.

2 — Sự sản sinh cái mới từ sự phát triển nội tại của nền văn hóa Việt-nam, do thực tiễn đấu tranh sản xuất và đấu tranh xã hội yêu cầu.

Sự kế thừa truyền thống cũ và tiếp thu cái mới đến mức độ nào là kết quả cuộc đấu tranh giữa cái tiến bộ và cái lạc hậu trong từng thời kỳ lịch sử nhất định, đồng thời cũng là kết quả cuộc đấu tranh giữa hai nền văn hóa: văn hóa của nhân dân và văn hóa của giai cấp thống trị trong lòng dân tộc Việt-nam. Cho nên cùng với *tính dân tộc* của văn hóa Việt-nam phải nói *tính giai cấp* trong nội bộ các thành phần của nó.

Nhưng đặc điểm lịch sử đất nước là ở nhiều thời kỳ, cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc đặt ra rất gay gắt, cấp bách, cuộc đấu tranh giai cấp trong nội bộ dân tộc bị đẩy lùi xuống hàng thứ hai. Trước nạn ngoại xâm, giai cấp phong kiến cầm quyền đã "khoan sức dân" để động viên họ đi chiến đấu. Trước nguy cơ mất nước, cả dân tộc lại siết chặt hàng ngũ, đoàn kết nhất trí, cùng đứng lên đánh giặc cứu nước. Những giá trị tư

tướng truyền thống như yêu nước, nhân ái, đoàn kết v.v. được dịp phát huy mạnh mẽ, trở thành nội dung tư tưởng lành mạnh tốt đẹp chiếm ưu thế trong văn hóa Việt-nam. Một vấn đề đã diễn ra có tính quy luật là: ở thời kỳ nào, giai cấp phong kiến cầm quyền và các nhà trí thức của họ đi với nhân dân, đoàn tuyền với nội dung bảo thủ, phản động của hệ tư tưởng Khổng giáo, biết nắm lấy những giá trị tư tưởng cổ truyền của dân tộc làm nội dung tư tưởng cuộc vận động xây dựng và bảo vệ Tổ quốc thì sự nghiệp của họ thành công và nền văn hóa Việt-nam cũng có bước phát triển rực rỡ.

Đó chính là sự sáng suốt thông minh của nhiều người trí thức Việt-nam yêu nước, gần gũi với nhân dân, biết tiếp thu tinh hoa của dân tộc để tạo nên những giá trị văn hóa bất hủ, tiêu biểu như Nguyễn-Trãi, Nguyễn-Du, Nguyễn-Đình-Chiều. Các tác phẩm nổi tiếng của các ông đã thấm nhuần tinh thần yêu nước, ý chí bất khuất quật cường, tinh cảm nhân đạo chủ nghĩa sâu sắc, lòng yêu thương quý trọng con người.

Mặt khác, cũng phải nói đến thiết chế khá chặt chẽ, đóng kín của làng xã Việt-nam đã cản trở văn hóa cùng đình cũng như văn hóa ngoại lai xâm nhập mạnh mẽ vào quần chúng lao động, làm cho các yếu tố cổ truyền của văn hóa dân tộc được bảo tồn, đồng thời cũng là bức thành lũy giữ lại những gì còn bảo thủ, chặt hẹp.

Nhìn chung sự tiến bộ của văn hóa gắn liền với sự tiến bộ của xã hội. Nền nông nghiệp cá thể gắn liền với nền kinh tế tự cấp tự túc, sự phát triển trì trệ của khoa học kỹ thuật, đã làm chậm việc ra đời một nền văn hóa công nghiệp. Trong một thời gian dài, văn hóa Việt-nam đã vận động phát triển trên cơ sở một trình độ thấp của các lực lượng sản xuất và chế độ chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất. Nó bị chế độ phong kiến và

sau đó chế độ thực dân nửa phong kiến kìm hãm.

Lê-Quý-Đức: Những giá trị tinh thần truyền thống là sự phản ánh điều kiện tồn tại của dân tộc ta trong ý thức của con người Việt-nam, trải qua lịch sử dựng nước và giữ nước. Nó là kết quả của mối quan hệ giữa con người với tự nhiên, trong quá trình con người tách ra khỏi giới tự nhiên, vươn lên chinh phục tự nhiên, bất tự nhiên phải phục vụ mình. Nó cũng là kết quả của mối quan hệ giữa người với người trong quá trình cải tạo tự nhiên, cải tạo xã hội (chống áp bức dân tộc và áp bức giai cấp) và cải tạo chính bản thân mình. Các giá trị tinh thần truyền thống vừa là kết quả của các quá trình đó, vừa trở thành cơ sở để con người tự hoàn thiện mình và cải tạo hoàn cảnh cho phù hợp với bản chất của mình. Hơn nữa, nó còn là động lực của các quá trình đó, có tác dụng lớn lao trong quá trình hình thành và phát triển của dân tộc và nhân cách con người Việt-nam. Cho nên, do nhu cầu phát triển của lịch sử và sự tồn tại của mình, chúng ta phải kế thừa các giá trị tinh thần truyền thống, cũng giống như cần phải kế thừa các điều kiện tồn tại vật chất của dân tộc, đó là một đòi hỏi tất yếu của lịch sử. Đúng như Mác - Ăng-ghe-n đã khẳng định: «Lịch sử chẳng qua chỉ là sự nối tiếp của các thế hệ riêng rẽ trong đó mỗi thế hệ đều *khai thác những vật liệu, những tư bản, những lực lượng sản xuất* (tôi nhấn mạnh - L.Q.D.) do tất cả các thế hệ trước để lại; do đó mỗi thế hệ một mặt tiếp tục phương thức hoạt động được truyền lại, nhưng trong những hoàn cảnh đã hoàn toàn thay đổi, và mặt khác, lại biến đổi những hoàn cảnh cũ bằng một hoạt động hoàn toàn thay đổi» (1). Đương nhiên, những

(4) C. Mác và F. Ăng-ghe-n: *Tuyên truyền*. Nxb Sự thật, Hà-nội, 1980, tập I, tr. 299.

« vật liệu », những « tư bản », và những « lực lượng sản xuất » không chỉ là những giá trị vật chất mà đó còn là những giá trị tinh thần. Hay nói cách khác, những « vật liệu », những « tư bản » những « lực lượng sản xuất » do thế hệ trước để lại là tổng thể những giá trị vật chất và tinh thần gắn bó, thâm nhập lẫn nhau, mà các thế hệ sau cần phải nắm lấy làm cơ sở cho sự phát triển toàn diện đời sống của mình. Quy luật này được Lê-nin nhấn mạnh, khi Người đặt vấn đề cần phải giáo dục và bồi dưỡng phẩm chất tinh thần cho thế hệ trẻ: « Việc dạy dỗ, giáo dục và học tập của thanh niên phải xuất phát từ những vật liệu mà xã hội cũ để lại cho chúng ta. Chúng ta chỉ có thể xây dựng chủ nghĩa cộng sản từ cái tổng số kiến thức và kĩ thuật và thiết chế, bằng cái số dư trừ nhân lực và phương tiện mà xã hội cũ đã để lại cho chúng ta » (5). Như vậy, kế thừa các giá trị tinh thần truyền thống, trong việc xây dựng đời sống tinh thần xã hội chủ nghĩa là một tất yếu khách quan, đồng thời cũng là thực hiện mục đích cao quý của chế độ làm chủ tập thể xã hội về văn hóa là « tạo ra cho mọi người một cuộc sống tinh thần phong phú (...) là biến mọi giá trị văn hóa thành tài sản của nhân dân và tạo mọi điều kiện để nhân dân trực tiếp sáng tạo ra mọi giá trị văn hóa » (6). Trong quá trình xây dựng đời sống tinh thần xã hội chủ nghĩa, chúng ta phải tiến hành « chiếm lĩnh lại », « phân phối lại » các giá trị tinh thần truyền thống, biến nó thành tài sản của nhân dân lao động. Chính việc đó nhằm tới mục đích tạo điều kiện để nhân dân trực tiếp sáng tạo ra các giá trị văn hóa, làm cho đời sống tinh thần xã hội chủ nghĩa thêm phong phú và đa dạng. Cho nên, phải thấy hết vai trò to lớn của các giá trị tinh thần truyền thống, trong việc xây dựng đời sống tinh thần của chúng ta. Điều này đã được Đảng ta nêu

lên trong Báo cáo chính trị tại Đại hội thứ V của Đảng vừa qua: « Hiện nay nước ta xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân lao động, đó vừa là thực hiện tinh quy luật của thời đại, vừa là kế thừa và nâng cao truyền thống văn hóa yêu nước và dân chủ hàng nghìn năm của dân tộc Việt-nam » (7). Tác dụng của các giá trị tinh thần truyền thống hết sức to lớn, đa dạng đối với toàn bộ các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Lịch sử Việt-nam đã chứng minh rằng, việc tiếp nhận chủ nghĩa Mác-Lê-nin vào đời sống tinh thần xã hội Việt-nam, ở đầu thế kỷ XX, không chỉ do những mâu thuẫn kinh tế xã hội mà còn do sự đòi hỏi trực tiếp của những giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc. Trước sự bế tắc của những đường lối cứu nước theo hệ tư tưởng cũ kỹ, lạc hậu, trước nhiệm vụ lịch sử đặt ra, nó thấy cần thiết phải được đổi mới, để có thể vạch đường cho dân tộc đi lên. Tất nhiên sự đòi hỏi ấy phải thông qua hoạt động tích cực của con người, nhằm cải tạo toàn bộ đời sống xã hội của mình. Sau này Hồ Chủ tịch đã khẳng định: « Lúc đầu chính là chủ nghĩa yêu nước, chứ chưa phải chủ nghĩa cộng sản đã đưa tôi tin theo Lê-nin, tin theo quốc tế thứ ba. Từng bước một, trong cuộc đấu tranh, vừa nghiên cứu lý luận Mác-Lê-nin, vừa làm công tác thực tế, dần dần tôi hiểu được rằng chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ » (8). Như vậy, chính chủ nghĩa

(5) C. Mác, F. Ăng-ghe-n, V.I. Lê-nin, J.V. Xta-lin: *Về thanh niên*. Nxb Sự thật, Hà-nội, 1978, tr. 135.

(6) Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội IV. Nxb Sự thật, Hà-nội, 1977, tr. 55-56.

(7) Văn kiện Đại hội V của Đảng. Nxb Sự thật, Hà-nội, 1982, tập 1, tr. 94.

(8) Hồ-Chí-Minh: *Tuyển tập*. Nxb Sự thật, Hà-nội, 1960, tr. 794.

yêu nước, một giá trị tinh thần cao đẹp của truyền thống dân tộc đã thời thúc, đã đòi hỏi phải tiếp thụ học thuyết Mác - Lê-nin - một sản phẩm tinh thần cao quý của thời đại - vào đời sống tinh thần của dân tộc ta. Chủ nghĩa Mác - Lê-nin đã hòa vào đời sống tinh thần dân tộc, làm đổi mới các giá trị tinh thần truyền thống và là tiền đề có tính chất quyết định đối với quá trình xây dựng đời sống tinh thần xã hội chủ nghĩa của chúng ta.

Trương-Chính : *Giá trị tinh thần là gì?* Theo tôi, đó là những phẩm chất đặc biệt về *tri tuệ* (tri thông minh, óc sáng tạo, năng lực tư duy...), về *tinh cảm* (yêu ghét, căm thù, buồn, vui, tình thương, năng lực cảm thụ...) và về *ý chí* (can đảm, bền bỉ, can đảm, chịu đựng, hy sinh...). Ở một cá nhân, tổng hòa những phẩm chất ấy sẽ thể hiện ra bằng thái độ, phong cách, nhân cách, đức tính, hành vi, hành động, quy tụ lại thành những *giá trị đạo đức*; trong hoạt động thực tiễn thì sẽ thể hiện ở sự khôn ngoan, khéo léo, tài năng, sáng chế phát minh, khoa học, kỹ thuật, văn học nghệ thuật, từ đó sẽ tạo ra những sản phẩm vật chất và tinh thần, quy tụ lại thành những *giá trị văn hóa*.

Nói chung, dân tộc nào cũng có những giá trị tinh thần của họ. Chúng ta không thừa nhận dân tộc nào ưu việt hơn dân tộc nào, chẳng qua trong hoàn cảnh địa lý, lịch sử, xã hội nhất định thì ở dân tộc này, những giá trị tinh thần này trội hơn, mà ở dân tộc kia thì những giá trị tinh thần kia trội hơn mà thôi. Do đó, đem so sánh với nhau, những giá trị tinh thần của các dân tộc có khác nhau về mức độ, về sắc thái, mang những nét đặc thù không thể nhầm lẫn được.

Lại nữa, hoàn cảnh địa lý, lịch sử, xã hội của một dân tộc trải qua hàng nghìn năm mới thay đổi, cho nên các giá trị tinh thần được tạo thành qua

hiều thế hệ nối tiếp nhau cũng thay đổi rất ít, nếu không có những biến động lớn. Mặt khác, phải nhìn về phía đại đa số nhân dân, tức là về phía nhân dân lao động là những người làm nên lịch sử, làm nên những sản phẩm vật chất và tinh thần mà tim, bởi vì trong xã hội có giai cấp thì hệ tư tưởng của giai cấp thống trị sẽ trùm lên những giá trị tinh thần của dân tộc những quan niệm, những tư tưởng lạc hậu, phản động, có lợi cho nó. Đó là chưa nói giai cấp thống trị không biết phát huy những giá trị tinh thần của dân tộc, trái lại, hạn chế, không cho phát triển.

Nổi bật nhất phải kể đến giá trị *tinh thần yêu nước*. Người Việt-nam chúng ta ai cũng cảm thấy mình gắn bó với nơi chôn rau cắt rốn, với làng xóm, quê hương, gọi chung là quê cha đất tổ. Đó là một tinh cảm tự nhiên, trong sáng, cao quý, lúc bình thường thì ôn hòa, không có biểu hiện gì đặc biệt, chỉ lúc xa cách thì nhớ nhung, lúc biến thì trở nên sôi nổi, nồng nàn, mãnh liệt. Trường hợp có giặc ngoại xâm, tinh thần yêu nước sẽ là nguồn gốc của *ý chí* chống giặc, diệt giặc cứu nước, bảo vệ Tổ quốc non sông. Dễ tỏ rõ *khí phách* của mình, người ta bất chấp gian khổ hy sinh, làm nên những sự tích oanh liệt.

Tinh thần yêu nước của người Việt-nam sở dĩ đậm thắm như thế là vì được thử thách thường xuyên liên tục, từ buổi sơ khai dựng nước cho đến tận ngày nay. Nguyên nhân là chúng ta sống cạnh một quốc gia đồng người, nhiều cửa, tự cao tự đại, cho mình là trung tâm thiên hạ, tài giỏi bậc nhất, còn các dân tộc khác là "man di", do đó mà sinh ra tư tưởng bành trướng, đem quân đi xâm lấn nước người. Tất cả các triều đại phong kiến Trung-quốc, Tần, Hán, Đường, Tống, Nguyên, Minh, Thanh, đối với ông cha ta, đều là kẻ thù bất cộng đái thiên. Thời Hán, Đường đó họ,

dân tộc ta khởi nghĩa cả thầy chín lần: Hai Bà Trưng (40 - 43), Bà Triệu (248), Lý-Bí (544 - 603), Triệu-Quang-Phục (519), Mai-Thúc-Loan (722), Phùng-Hung (766 - 791), Dương-Thanh (819 - 820), Khúc-Thừa-Dụ (906 - 907), Khúc-Thừa-Mỹ (917 - 923). Thua keo này, bày keo khác, đến cuộc khởi nghĩa thứ mười với chiến thắng Bạch-đăng (938) thì giành được quyền độc lập, tự chủ. Ở những thế kỷ tiếp theo, "thiên triều" phương Bắc lại kéo quân sang: Tống hai lần (981, 1076 - 1077), Nguyên ba lần (1258, 1285, 1287 - 1288), Minh một lần (1407 - 1426), Thanh một lần (1787). Cả bảy lần, ông cha ta đều đại thắng. Sang nửa thế kỷ XIX, cha con họ Nguyễn lại rước voi về giày má tổ, lần này là thực dân Pháp. Trong vòng 80 năm thuộc Pháp, có đến mười một cuộc khởi nghĩa: Nam-kỳ kháng chiến (1861), Văn thân Nghệ-tĩnh (1874), Cần vương (1885 - 1898), Yên-thế (1885 - 1913), Đông du (1904 - 1909), Thái-nguyên (1917), Yên-bái (1929), Xô-viết Nghệ-tĩnh (1930 - 1931), Nam-kỳ (1941), Đô-lương (1942). Với cuộc cách mạng tháng Tám năm 1945, dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt-nam, nhân dân ta đã đánh đuổi được thực dân Pháp, phát-xít Nhật, thành lập nước Việt-nam dân chủ cộng hòa. Cũng chưa hết. Sau đó là cuộc kháng chiến chống Pháp 9 năm (1946 - 1954), tiếp theo là cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước 20 năm (1954 - 1975), tên trùm thực dân mới cuối cùng đành chịu thừa nhận thất bại. Gần đây nhất là cuộc đánh trả bọn bành trướng Bắc-kinh ở mặt trận Tây-nam (1976 - 1979) rồi ở mặt trận biên giới Việt - Trung (1979), chỉ trong vòng một tháng, chúng bị giáng trả những đòn chí mạng, đành phải "rút lui có trật tự".

Có thể nói không dân tộc nào trên thế giới bị thử thách như thế. Cho nên đối với người Việt-nam chúng ta, tinh thần yêu nước được đặt lên hàng

đầu hàng giá trị. Tinh cảm ấy quán thông kim cổ, được mọi người ở mọi thời đại đề cao, cổ vũ. Đó là nguồn cảm hứng không hề cạn của văn học Việt-nam từ cổ đại cho đến hiện đại.

Ông cha ta giành được thắng lợi tất nhiên phải chịu đựng nhiều gian khổ, *phải kiên trì bền bỉ, dẻo dai, hy sinh tất cả kể cả tính mạng*. Kẻ thù của Việt-nam, từ trước đến nay, đều là những tên đế quốc to, người đồng của lắm, khi "giới tinh xảo, tướng tá lão luyện, mưu mô thâm độc, tàn bạo dã man như bầy thú. Đế quốc Mỹ thì đã rõ, cường quốc vào loại giàu nhất thế giới, có hải lục không quân mạnh nhất trong phe đế quốc, có khoa học kỹ thuật rất tiên tiến, lại là tên đế quốc tàn bạo nhất, rải chất độc hóa học tiêu diệt môi trường sinh sống, thả bom tóa độ giết người hàng loạt, nhưng cũng không khuất phục được chúng ta. Ông cha ta ngày trước cũng phải đương đầu với những tên đế quốc hung bạo nhất thời bấy giờ: đế quốc Hán, đế quốc Đường, Mông Nguyên từng mang quân đi khắp Âu - Á, đánh đâu được đó. Triều Minh, Trung-quốc cũng được kể là nước cường thịnh, Tống, Thanh có kềm hơn, nhưng so với Việt-nam vẫn giàu mạnh gấp bội. Ấy thế mà chúng đều bị cha ông ta đánh bại không còn mảnh giáp, tướng giặc dĩa bỏ mạng giữa trận tiền, dĩa chui ống đồng chạy trốn, dĩa "xin rút lui trong danh dự", dĩa vứt bỏ cả sắc thur, ăn tin lo lấy cái thân. Mà đã thua thì thua nhanh, năm bảy tháng đã không chịu được sức tổng phản công mãnh liệt của ta nữa rồi!

Chính cuộc chiến đấu gian khổ đã tạo điều kiện cho tinh thần yêu nước của ông cha ta trở thành nguồn động lực của vô số hành động dũng cảm *phì thường vang dội núi sông*, và cũng là nguồn gốc của *khí phách anh hùng Việt-nam, chủ nghĩa anh hùng Việt-nam*, coi cái chết nhẹ tựa

lồng hổng, thả làm quý nước Nam không thêm làm vương đất Bắc», «thà chết đứng còn hơn sống quý», «không có gì quý bằng độc lập, tự do». Những người anh hùng Việt-nam phần lớn đều là những con người bình thường, không hẳn phải có tài thao lược, dân ông có, dân bà có, có cả trẻ em. Ngày nay «ra ngõ là gặp anh hùng». Trong trường kỳ lịch sử, dân tộc Việt-nam có vô số anh hùng hữu danh và vô danh. Họ đều có tinh thần «cảm tử cho Tổ quốc quyết sinh». Những sự tích ấy không những được ghi chép trong sử sách mà đặc biệt được ghi tạc trên núi sông. Từ Móng-cái đến mũi Cà-mau, không có địa phương nào không có di tích nhắc lại những cuộc chiến đấu oanh liệt giành quyền sống của bao thế hệ. Ở đây, ta chêm đầu tướng giặc, ở kia ta xây thành đắp lũy cầm cự với chúng, kia nữa là nơi ta kỷ niệm các bậc liệt sĩ hy sinh vì nước. Đền đài, miếu mạo thờ các vị đều dựng ở chỗ sơn thanh thủy tú, hàng năm mở hội lễ đình đám thu hút hàng vạn người đến chiêm ngưỡng. Cũng chính ở những nơi ấy có những công trình kiến trúc, công trình mỹ thuật quý giá nhất, tiêu biểu cho tài năng, trí tuệ của ta. Rồi tao nhân mặc khách thi nhau ngâm vịnh góp phần tuyên truyền giáo dục tinh thần yêu nước cho con cháu muôn đời sau.

... Có một đức tính truyền thống của người Việt-nam rất khó giải thích là từ xưa từ xưa ông cha ta sống rất cực khổ, gặp muôn vàn gian truân, tưởng không có gì vui, không thể nào vui được, ấy vậy mà rất *lạc quan*, *yêu đời*, *tin tưởng ở tương lai*, tin tưởng có thể xây dựng được một cuộc sống tươi đẹp hơn. Đó là tinh thần lạc quan của người lao động. Mà cũng chỉ có vui như thế mới vượt được khó khăn gian khổ. Chú ý: dân ca là bắt nguồn từ lao động, gắn liền với lao động, do người lao động sáng tác. Người ta hò hát trong khi lao động,

trong khi nghỉ ngơi hoặc trong những ngày hội hè đình đám cũng nhằm mục đích giải trí vui chơi. Người Việt-nam hay hò hay hát mà cũng hay cười, cười vì thích thú, vì vui sướng. Tiếng cười làm tăng sự thích thú, vui sướng lên, ca dao giải thích cái tình hay cười ấy như sau:

Con người có miệng có môi

Khi buồn thì khóc, khi vui thì cười.
Nhiều khi không có gì vui thú cũng tìm ra cái để cười, đặt ra chuyện để cười, dựng lên những cái hoàn toàn không có trong thực tế nhưng rất ngộ nghĩnh có thể gây cười:

Xắn quần bắt kiến cười chơi
Trèo cây rau má đánh rơi mất quần

Hoặc: Bao giờ cho đến tháng ba
Ếch cần cỏ rần thả ra ngoài đồng
Hùm nằm cho lợn liếm lông
Một chực quả hồng nuốt lão tám mươi
Năm xôi nuốt trẻ lên mười
Con gà be rượu nuốt người lao đao
Lươn nằm cho trắm bỏ vào
Một đàn cào cào đi bắt cá rô
Thóc giồng đuổi chuột trong bồ
Đồng dong cần cần đuổi cò ngoài ao.

Phải thanh thả trong lòng mới có một thái độ như vậy trước cuộc sống. Sâu sắc hơn là cười đời, cười phê phán, đả kích. Cười người lười biếng, cười người hà tiện, cười ông quan ăn hối lộ, cười bà quan sĩ diện hão, cười anh nhà giàu tham của, cười người đạo đức giả, cười cái xấu, cái lỗ lã. Văn học dân gian Việt-nam phong phú một phần là nhờ người lao động Việt-nam có cái đức tính lạc quan đó. Tục ngữ ca dao, câu đố đều góp phần vào tiếng cười Việt-nam, không riêng gì truyện cười, chuyện Trạng Quỳnh, Trạng Tồng, Trạng Lợn, Niền Ngó, Ba Phi... đến tranh vẽ cũng chứa đựng nhiều yếu tố lạc quan, hoặc làm bật tiếng cười châm biếm. Như tranh Thầy đồ Cóc, Đám cưới Chuột, Đánh ghen, Chơi kéo cò, Hứng dừa...

Tinh thần lạc quan giúp cho ông cha ta rèn luyện ý chí kiên cường trong lao động, trong cuộc chiến đấu chống thiên nhiên và kẻ thù. Họ chịu thương chịu khó làm nên bất còm tấm vải nuôi cả xã hội nhưng không bao giờ bi quan đối với cuộc sống, kể cả khi cuộc sống nặng nề, tưởng không chịu đựng nổi. Bài hát cổ: «Trầu ơi ta bảo trầu này, trầu ra ngoài ruộng trầu cây với ta...», thật ra không phải là nói với con trầu mà là lòng tự nhủ lòng. Cũng như câu «Rủ nhau đi cấy đi cây, Bấy giờ khó nhọc có ngày phong lưu...» hoặc «Ngày nay nước bạc ngày sau cơm vàng»... đều phản ánh tinh thần lạc quan của người lao động tin tưởng ở tương lai, tin tưởng ở thành quả sức lao động mình bỏ ra. Cũng như câu tục ngữ: «Trời sinh voi sinh cỏ», hoặc câu ca dao: «Non cao cũng có đường trèo, Đường dẫu hiểm nghèo cũng có lối đi» là những câu tự an ủi, tự khuyến khích trong bước khó khăn để không nản lòng, mà tiếp tục lao động, chiến đấu. Đó là những tình cảm lớn của ông cha truyền lại cho chúng ta ngày nay; có thể chúng ta mới «lấy tiếng hát át tiếng bom» được, không chịu khuất phục trước sự tàn tạc của đế quốc Mỹ và cuối cùng đã giành được thắng lợi hoàn toàn, làm cho cả thế giới đều kinh ngạc.

Nguyễn-Văn-Hạnh: ...Từ những phẩm chất chính trị, đạo đức rất quý báu là lòng yêu nước, tinh thần dân chủ, lòng nhân ái, đã hình thành ở người Việt-nam những nét tính cách rất bền vững là *tinh thần trọng đạo lý, thái độ tình nghĩa* trong cuộc sống, *tinh thần lạc quan, yêu đời, khả năng cân bằng* nhanh chóng trước mọi thử thách và tình huống phức tạp.

Đạo lý của người Việt-nam là yêu nước, thương dân, là dân chủ, bình đẳng giữa mọi người, là sống có tình có nghĩa, biết ơn những người có công

với đất nước, với dân tộc, tôn trọng người già cả, yêu quý trẻ con... Người Việt-nam tôn trọng đạo lý, nguyên tắc, quý trọng đời sống tinh thần, trong cuộc sống xã hội, gia đình, cá nhân, tự giác tuân theo những nguyên tắc đạo lý đã trở thành thuần phong mỹ tục. Nhưng tinh thần trọng đạo lý này không hề biến người Việt-nam thành giáo điều, sách vở, khư khư nệ cổ. Có thể nói người Việt-nam rất ít sách vở, ít chịu câu thúc bởi những tín điều, những quy định trái với tự nhiên. Họ yêu đời, thiết tha với cuộc sống, lạc quan ngay trong thiếu thốn, khó khăn, họ thấy cần và có thể tìm những lời giải đáp cho cuộc sống trong chính ngay cuộc sống. Những nguyên tắc đạo lý cơ bản là xuất phát điểm, là định hướng, là những ràng buộc cần thiết để họ có thể sống một cách tự nhiên, thoải mái, nhưng vẫn là một thành viên có ý thức, có trách nhiệm của cộng đồng dân tộc và nhân loại. Tinh thần trọng đạo lý làm cho người Việt-nam gần gũi với lịch sử, với truyền thống, với tập thể, nhưng không làm cho họ kém nhạy cảm và linh hoạt. Người Việt-nam trọng đạo lý mà không cổ chấp, giữ nguyên tắc mà vẫn linh hoạt, yêu cuộc sống mà không xô bồ, quý cái mới mà không chạy theo mọi «cái mới» một cách mù quáng, không bài ngoại, cũng không chạy theo nước ngoài.

Tình nghĩa vừa là đạo lý, vừa là nếp sống của người Việt-nam. Chúng ta quý những người sống có tình nghĩa, thủy chung, ghét sự phụ bạc, sự phản bội trong quan hệ đối với đất nước, nhân dân, cũng như trong quan hệ gia đình, bạn bè. Tình nghĩa là một quan hệ, một thái độ sống xây dựng trên cơ sở kết hợp giữa lý trí và tình cảm, giữa quy định và tự nguyện, hiện tại gần bó với quá khứ, ta và người không tách rời nhau. Tình nghĩa không chấp nhận sự tàn nhẫn, sự bất nhất, thái

độ cá nhân ích kỷ và chủ nghĩa thực dụng.

Một đặc điểm rất đáng chú ý trong tinh cách Việt-nam là sự cân bằng, khả năng *cân bằng*, kết hợp, chuyển hóa các mặt khác nhau, thậm chí đối lập nhau: lý trí và tình cảm, trí tuệ và trực giác, suy nghĩ và hành động, lý luận và thực tiễn, đạo đức và triết học, nhân sinh quan và nhận thức luận, tập thể và cá nhân... Khả năng cân bằng, kết hợp này đã tạo cho người Việt-nam một thái độ bình tĩnh, lạc quan trước mọi thử thách, làm cho họ vừa kiên quyết lại vừa dịu dàng, không chỉ đề đối phó với những tình huống khác nhau, mà ngay trong tình cách, hình như năng lực, trí khôn của người Việt-nam bộc lộ rõ rệt nhất khi đứng trước thử thách, khi phải giải quyết những mâu thuẫn của cuộc sống. Đối với họ, mọi hoạt động đều là một hành động sống, mọi việc đều là quá trình đang diễn biến, cần theo dõi và giải quyết trong sự vận động. Trên một phương diện nào đó, khả năng này đã giúp người Việt-nam nhanh chóng phát hiện ra chân lý, đặc biệt về chính trị và trong những vấn đề lớn của sự nghiệp cứu nước, định hướng được chính xác trong những hoàn cảnh hiểm nghèo và phức tạp, giữ được tinh cách uyển chuyển, hồn nhiên trải qua lịch sử hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước đầy những biến động dữ dội, luôn bị chiến tranh đảo lộn và tàn phá.

Nhưng cũng do hoạt động trước hết là bảo vệ đất nước, là duy trì sự sống, là giải quyết những khó khăn chống chọi và cấp bách do thực tế đặt ra, do nhu cầu phải cân bằng và kết hợp thường xuyên như vậy, chúng ta chưa có điều kiện đi thật sâu, thật triệt để vào từng lĩnh vực, như thực tế có lúc đòi hỏi, cũng như theo yêu cầu của nhận thức và của khoa học. Điều này có lúc đã trở thành một nhược điểm có tính chất phổ biến và kéo dài, gây khó khăn cho chúng ta

về mặt lý luận trừu tượng, trong việc xây dựng những học thuyết có hệ thống, trong việc phát triển khoa học kỹ thuật. Việc này đòi hỏi phải có ý thức và có những cố gắng vượt bậc mới có thể khắc phục được.

Nông-Quốc-Chấn : Giá trị văn hóa tinh thần của Việt-nam có nhiều thành tố. Có những thành tố tiêu biểu chung cho toàn thể nhân dân lao động Việt-nam. Có những thành tố riêng biểu hiện bản sắc của mỗi dân tộc ở Việt-nam.

Yêu nước thương nòi là một thành tố chung, nhưng cũng biểu hiện cụ thể những thành tố riêng.

a) *Nước — Đất nước — Quốc gia — Tổ quốc Việt nam* — cái nôi của nhân dân các dân tộc Việt-nam — tồn tại, hình thành và phát triển qua 4000 năm lịch sử. Câu thơ « Nam quốc sơn hà nam đế cư », câu nói của Bác Hồ « Các Vua Hùng đã có công dựng nước. Bác cháu ta phải cùng nhau giữ nước ». Bác không chỉ nói với người Kinh mà nói với tất cả các dân tộc, nhất là các dân tộc ở biên giới.

Cương vực lãnh thổ của quốc gia được phát triển qua các giai đoạn lịch sử. Ý thức của con người trong các dân tộc đối với Quốc gia, với Tổ quốc được nâng cao. Từ bản mường đến Tổ quốc, các dân tộc thiếu số tự khẳng định sự tồn tại của mình ở Việt-nam.

Chính thể của quốc gia trong chế độ xã hội phong kiến, và thực dân — phong kiến trước đây khác với chính thể của quốc gia cộng hòa xã hội chủ nghĩa ngày nay. Nhưng mỗi chính thể có sức mạnh tập hợp các cộng đồng người, và mỗi cộng đồng người đã sáng tạo dần các giá trị văn hóa của mình: cách dựng làng xóm, thành quách, chùa chiền, đắp đê, đắp đập, đào mương, khai phá đất hoang để trồng trọt, làm nhà; quan hệ làng giềng, hình thành thói quen, phong tục, cách ăn, ở, mặc, đi lại, học hành, mùa

hát, tình yêu, hôn nhân, gia đình và sáng tạo thơ ca, nhạc cụ, v.v.

b) *Thương nòi* – *nòi giống* – *dòng họ-thị tộc* – *bộ lạc* – *bộ tộc* – *dân tộc*.

Mỗi dân tộc đều có vốn văn hóa, văn nghệ dân gian.

Từ thời kỳ nguyên thủy, mỗi dân tộc có tín ngưỡng tổ tem – thờ vật tổ – coi một con vật nào đó, một loài cây nào đó, một hòn đá nào đó... là vật tổ của mình. Do đó, mỗi dân tộc có một tục lệ cấm kỵ đối với tổ tem, thờ cúng tổ tem, hóa trang theo hình dáng tổ tem, và lưu truyền những sự tích về tổ tem.

Những truyện nổi bật: truyện quả bầu, truyện chim, truyện rắn, Thuồng luồng – rồng, truyện rùa, trong đó có hơn 100 truyện quả bầu, được lan truyền trong các dân tộc Kơ-mú, La-ha, Mảng, Kháng, Tày, Ba-na, Mường, Việt...

Cốt lõi chung của các truyện quả bầu là những tình tiết liên quan đến nạn hồng thủy. Truyện kể: các dân tộc anh em ở nước ta cùng nhau trải qua tai nạn lớn của nạn lũ lụt. Nhờ có quả bầu mà hai người sống sót. Lốp người sau, con của hai người (một nam, một nữ) ấy đã chui ra từ quả bầu.

Truyện chim được truyền rộng trong các dân tộc Mảng, Kơ-mú, Thái, Mường...

Dân tộc Kơ-mú có hai chụe họ mang tên các loài chim: thrăng – phượng hoàng – omlitpraga – chia vôi, cồtlê – bông chanh, ríc – ên

Dân tộc Mường có truyện tổ tem chim: chim cuốc, sẻ, bói cá, chiến chiến...

Nhiều truyện kể rằng: chim đẻ ra trứng, trứng nở thành những con người đầu tiên.

Đó là thần thoại về người trong dân tộc Mường.

• Troi đất chuyển động. Từ dưới đất dùn lên một cây si, Cây si mọc hóa ra mụ Dạ Dần. Mụ là người chim,

đẻ ra hai trứng, nở thành Bướm bạc và Bướm hồ. Hai chàng lấy Nàng Á và Nàng Hai đẻ ra 10 con, con cuối là chim Tùng chim Tót (hoặc chim Tráng; chim Trồ, chim Ấy, chim Ủa). Chim đẻ ra trứng trăm trứng nghìn. Trứng nở ra muôn vật. Trong số trứng có một quả kỳ lạ (trứng Tiêng hoặc Piêng) ấp mấy năm rồng không nở. Sau nhờ chim Tào Trào (hoặc Reo Rẻ) ấp mà đã nở ra những con người đầu tiên ở nước ta » (9).

Các nhà ngôn ngữ học, dân tộc học có thể từ « Ấy » để liên hệ tìm ra « ầu » – Âu Cơ? Từ chim « Kláng » (Ba-na, Mơ-nông, Chăm) hay « Tráng » (Mường) để liên hệ tìm ra « Văn Lang »?

Hình con chim được thể hiện cách điệu hóa trên trống đồng loại I (loại Hê-gơ).

Hình người hóa trang thành chim trên trống đồng Lạc Việt.

Nếu Mẹ Âu Cơ trong truyện một bọc trăm trứng, sự phát triển lên trình độ nhân cách hóa của tổ tem chim thì *Bổ-Lạc Long* có thể bắt nguồn từ tổ tem rắn, rồng.

Loại thủy tộc mang hình rắn, được coi là *Đuồng, ngù, ngược, luồng* (rắn, thuồng luồng, rồng trong tiếng Tày) ông *Cộc* (tiếng Việt) *prư đồng* (tiếng Kơ-mú) v.v.

Truyện *Rùa vàng* trong dân tộc Mường, nêu công ơn rùa giúp người làm nhà, xây thành « nhà chu, nhà lụi ».

Truyện *Rùa vàng* trong *Lĩnh nam chích quái*, người Việt giúp vua chủ An Dương Vương xây thành...

Nhiều điều phủ lấy giá gương
Người trong một nước phải thương
nhau cùng.

Hai câu ca dao ấy tiêu biểu cho tình yêu nước thương nòi của nhân dân ta.

(9) Xem *Lịch sử văn học Việt-Nam*. Nxb khoa học xã hội. Hà-nội, 1980. tập I, tr. 79.

Trải qua 4000 năm lịch sử giữ nước dựng nước, các dân tộc ở nước ta, dù số lượng đông người hay ít người, tình yêu nước thương nòi của họ đều được biểu hiện ở sự gắn bó với nhau, sống hữu ái với nhau như anh em một nhà.

Những nguyên tắc trong chính sách dân tộc của Đảng là: « Đoàn kết, bình đẳng, giúp nhau » giữa các dân tộc đa số và thiểu số để tiến lên đấu tranh giành độc lập, tự do cho đất nước, và xây dựng hạnh phúc của nhân dân, chính là biểu hiện cụ thể tình yêu nước, thương nòi, một giá trị văn hóa tinh thần của nhân dân các dân tộc Việt-nam.

Những thành tố chung và riêng trong nền văn hóa nhiều dân tộc Việt-nam, là biểu hiện những giá trị tinh thần, giá trị đạo đức, giá trị nếp sống được hình thành và phát triển qua các giai đoạn lịch sử.

Chung một Tổ quốc Việt-nam, một chế độ xã hội xã hội chủ nghĩa, một đảng cộng sản lãnh đạo, một hệ tư tưởng Mác - Lê-nin, đó là những thành tố căn bản định trong ý nghĩ, tình cảm, hành động của mỗi công dân trong các dân tộc ở Việt-nam.

Bên những thành tố chung ấy, các dân tộc đồng thời được chính sách dân tộc của Đảng và Hiến pháp của Nhà nước bảo đảm, khuyến khích việc gìn giữ, phát huy những thành tố riêng của mình.

Đó là tiếng nói chữ viết của các dân tộc.

Đó là văn học nghệ thuật của các dân tộc.

Đó là những yếu tố tốt đẹp trong phong tục tập quán của mỗi dân tộc.

Đó là tính cách riêng bản sắc riêng của mỗi dân tộc. Tính chân thật, thói quen sống giản dị, cần cù, tình cộng đồng, dân chủ, tập thể; lòng tin, lòng chung thủy, tin là đã nói là làm, đã hứa là có; rất ghét thói dối trá, lừa

lạc, phỉnh nịnh, đạo đức giả..., tất cả những đức tính đó, có thể được coi là giá trị tinh thần, giá trị đạo đức, giá trị nếp sống trong văn hóa các dân tộc ở nước ta.

Tư tưởng yêu nước, thương nòi là một giá trị cơ bản trong văn hóa tinh thần của các dân tộc Việt-nam. Tuy vậy, nội dung yêu nước thương nòi của nhân dân các dân tộc ở nước ta ngày nay, không hoàn toàn như cũ. Nó đã và đang gắn với chủ nghĩa yêu nước xã hội chủ nghĩa và tinh thần quốc tế vô sản. Dầu có sự thay đổi về nội dung như vậy, nhưng tư tưởng yêu nước thương nòi là bản chất, là thuộc tính của giá trị văn hóa tinh thần của Việt-nam.

Nhuận-Vũ: Chiến tranh diễn ra giữa những lực lượng đối địch trong khoảng không gian và thời gian nhất định. Tiến hành chiến tranh cứu nước và giữ nước, quân và dân ta chiến đấu trên lãnh thổ nước ta, trong khoảng thời gian quân giặc chưa bị đuổi ra khỏi đất nước ta.

Chính trong bối cảnh này, tổ tiên ta đã giành lấy không gian và thời gian về phía ta, xem đây là hai yếu tố khách thể hợp cùng yếu tố chủ thể thành sức mạnh cả nước.

Dù mạnh đến như đế quốc Mông Nguyên, quân giặc cũng chỉ có thể phá một đạo quân viễn chinh đông và chực vạn người sang đánh nước ta. Khi vượt qua biên giới nước ta, khoảng cách không gian giữa đạo quân viễn chinh đó với đất nước của chúng theo bước tiến của chúng mà tăng dần. Chúng đã rời « khoảng không gian sống » của chúng để bước vào khoảng không gian xa lạ và phải giải quyết hàng loạt vấn đề mới như chiến đấu, chiếm đóng, tiếp tế hậu cần, thích nghi với thời tiết, thủy thổ v.v. Số lượng chúng đông, nhưng càng tiến sâu vào lãnh thổ nước ta, từ thế « tụ » chúng làm vào thế « tán » cả khi đóng quân cố định lẫn khi hành

quân di động, vì buộc phải rải quân ra nhiều nơi bảo vệ các đường giao thông, tiếp tế thiết yếu, chiếm đóng các thành trì. Bị thương vong trong chiến đấu, bị bệnh hoạn do không hợp «lam chương» của phương Nam, xa nhà, chúng bị «tán» cả đội hình lẫn tinh thần.

Chiến đấu trên đất của Tò quốc, quân và dân ta quen thuộc từ con suối, ngọn đồi, đường mòn, khúc sông, con nước thủy triều... Vì thế, tổ tiên ta đã lấy «đất sống» của ta làm «đất chết» của địch. Chính sự kết hợp tài tình giữa yếu tố con người với yếu tố địa hình, sự kết hợp chặt chẽ giữa lực và thế đã dẫn đến chuyển hóa lực lượng đối sánh, đưa ta từ chỗ yếu hơn trở thành mạnh hơn để đánh thắng quân địch. Từ Chi-lăng, Bạch-đăng, sông Như-nguyệt, Đông Bộ đầu, Tốt-động, Chúc-dộng, Đông-quan, Thăng-long v.v. quân và dân ta đã giữ quyền chủ động sử dụng yếu tố không gian, thế đất của Tò quốc, đề tiêu diệt quân thù. Tổ tiên ta đã sử dụng rất linh hoạt từng tác đất của Tò quốc, từ mồm đá, lùm cây đến con nước thủy triều như một loại vũ khí đặc biệt để giết giặc. Ngay cả với thủ dỏ của đất nước cũng vậy: khi giặc Nguyên, giặc Thanh chiếm được Thăng-long, kiêu căng ngạo nghễ tưởng chừng nắm chắc phần toàn thắng trong tay, thì chính lúc chúng được phía ta cho «ngủ trọ» cũng là lúc chúng «đã bị sập bẫy».

Ngay từ thời Hai Bà Trưng, không gian diễn ra «nhất tề nổi dậy» đã bao gồm cả «65 huyện thành» tức là toàn bộ lãnh thổ nước ta hồi đó. Trên bất cứ mảnh đất nào của Tò quốc ta, nơi quân xâm lược có mặt, chúng cũng bị ta tiến công. Nghìn vạn «mãnh không gian» từ địa kết lại thành một không gian từ địa mệnh mông, trong đó lọt thỏm các đạo quân phương Bắc xâm lược dù có lần chúng đóng đến trên 50 vạn người, như khi

quân Nguyên xâm lược nước ta lần thứ hai và lần thứ ba. Vì thế, chúng đông nhưng bị phân tán thành nhiều mảnh, cho nên trở thành ít tại nhiều địa điểm.

Tổ tiên ta đã sử dụng rất linh hoạt yếu tố không gian. Tùy theo hoàn cảnh, điều kiện, lực lượng đối sánh vào mỗi thời, phía ta đã dựa vào thế đất của Tò quốc để đánh thắng quân giặc ngay trên tuyến biên giới hoặc ở tuyến trung du, hoặc ngay tại thủ đô Thăng-long.

Xét yếu tố không gian, tổ tiên ta đã rất chú trọng gắn liền sự nghiệp dựng nước với sự nghiệp giữ nước. Tiềm lực kinh tế quốc gia có dồi dào thì khả năng quốc phòng mới được tăng cường. Thời Lý, thời Trần, nền kinh tế nông nghiệp của nước ta đủ để cung cấp cho những nhu cầu về vũ khí, trang bị, lương thực của quân và dân ta trong các cuộc kháng chiến chống Tống, chống Nguyên. Tổ tiên ta đã ra sức giành quyền chủ động, sử dụng không gian đất nước về phía ta, không chỉ về mặt địa hình mà còn chú trọng đặc biệt về mặt tài nguyên. Của cải trên không gian Tò quốc là một yếu tố hợp thành sức mạnh cả nước phải do phía ta nắm chặt và sử dụng để phục vụ cho sự nghiệp giải phóng dân tộc và bảo vệ Tò quốc.

Trong cuộc kháng chiến lần thứ hai và lần thứ ba chống giặc Nguyên xâm lược, nhân dân ta tại các địa phương có giặc đến đều chấp hành nghiêm chỉnh lệnh kháng chiến của triều đình nhà Trần: «Tất cả các quận huyện trong nước, nếu có giặc ngoài đến, phải liều chết mà đánh, nếu sức không địch nổi thì cho phép lần tránh vào rừng núi, không được đầu hàng!» - Chính vì thế khi đoàn thuyền tải lương của chúng do Trương-Vân-Hồ chỉ huy đã bị quân thủy của ta do Trần-Khánh-Dư chỉ huy tiêu diệt trong trận Vân-dồn, đạo quân viện chinh của Thoát-Hoan bị dồn vào

những khó khăn không thể khắc phục được về lương thực. Đi đến đâu, ngay cả khi chiếm được các thành, kể cả thủ đô Thăng-long, chúng cũng rời vào không gian trống rỗng vì dân đã rời bỏ mang theo mình của cải, lương thực.

Kế « vườn không nhà trống » đã xuất hiện rất sớm trong nghệ thuật quân sự Việt-nam.

Quân xâm lược luôn luôn muốn mở rộng không gian dưới quyền kiểm soát của chúng, nhằm đạt mục đích thôn tính hoàn toàn nước ta. Thế nhưng, vấp phải sức mạnh cả nước Việt-nam tại khắp nơi, không gian chiếm đóng của chúng bị co hẹp lại và trở thành những chiếc cũi tù túng, giam chân chúng, ràng buộc chúng, những mục tiêu chờ đón hứng chịu những đòn trừng phạt của quân và dân ta ập đến từ bốn phía.

Dứng vững trên thế đất của Tổ quốc, con người Việt-nam còn nắm quyền chủ động sử dụng *thời gian* dưới yôm trời Việt-nam để giết giặc.

Khi tiến quân vào lãnh thổ nước ta, mỗi ngày trôi qua, đạo quân viễn chinh giặc lại cách xa hậu phương của chúng vài chục dặm đường, lại tiêu phí một số lượng nhất định lương thảo mang theo. Đánh nhanh, thắng nhanh là yêu cầu tất yếu mà các đạo quân xâm lược phải đáp ứng.

Phía ta, khi hội tụ được những điều kiện thuận lợi, tổ tiên ta cũng đã kiên quyết tranh thủ thời cơ diệt giặc nhanh chóng vì đề chúng tiến sâu thêm một dặm, ở lâu thêm một ngày trên lãnh thổ nước ta, quân giặc càng gây thêm nhiều tổn thất cho nhân dân ta về người, về của.

Ngô-Quyên, Lê-Hoàn đã làm chủ thời gian, tiêu diệt quân Nam Hán và quân Tống ngay trong vài ngày đầu sau khi chúng xâm phạm nước ta.

Nghĩa quân Tây-sơn đã cho quân Thanh ngả tại Thăng-long trong

hơn một tháng để tạo thời cơ tiêu diệt chúng trong vài ngày vào dịp Tết Kỷ Dậu.

Trong tay tổ tiên ta, yếu tố thời gian đã phát huy tác dụng kỹ diệu của nó trong cách đánh « *sấm rạn, chớp giạt* », khiến cho quân giặc phải kinh hoàng, sững sốt, thấy phía ta « *tướng như trên trời rơi xuống, quân như dưới đất chui lên* ».

Thường thấy tổ tiên ta biết chờ đợi và chủ động sử dụng thời gian, ung dung dùng thời gian làm vũ khí để rửa món cả lực lượng vật chất lẫn tinh thần quân xâm lược.

Thành trì của chúng ta không phải là không gian bó gọn sau các bức tường thành, hào sâu mà là không gian cả nước. Vì thế, khi tiến sâu vào nước ta, chiếm đóng những thành trì nước ta bỏ trống, quân giặc liền lâm ngay vào thế bị bao vây chung quanh. Các đạo quân Nguyên, Minh, Thanh đều đã lâm vào tình trạng « *cá chấu, chim lồng* » này, đặc biệt là tất cả các thành trì của quân Minh đều nằm trong vòng vây của nghĩa quân Lam-sơn.

Tổ tiên ta chủ trọng nắm quyền chủ động sử dụng thời gian, giành lợi thế thời gian về phía ta, đẩy quân địch về phía bị động và thất thế về thời gian.

Phía địch, thời gian chiến tranh càng kéo dài, khó khăn mọi mặt trong nước và ngoài nước của chúng càng tăng, lực lượng của chúng trên chiến trường càng suy mòn, tinh thần binh sĩ của chúng càng sút kém, thì chúng càng thêm lung túng bị động trong việc sử dụng thời gian.

Phía ta, nắm quyền chủ động sử dụng thời gian, dù trong trường hợp có thể đánh nhanh, thắng nhanh hay phải đánh kéo dài, tổ tiên ta đều khôn khéo « *chuyển hóa thời gian thành lực lượng* ».

Trong các cuộc kháng chiến chống Tống lần thứ hai, chống Nguyên, chống

Minh, chống Thanh, lực lượng phía ta đã theo thời gian tăng lên cả về quân số đến sĩ khí, dẫn đến chuyển hóa tương quan lực lượng có lợi về phía ta. Dựa vào sự chuyển hóa này, khi yếu tố thời gian kết hợp với các yếu tố lực lượng và không gian đã đặt phía ta ở trên thế mạnh hơn địch, tổ tiên ta tạo thời cơ và nắm đúng thời cơ theo như lời Nguyễn-Trãi “được thời có thể thì biến mất thành còn, nhỏ hóa ra lớn; mất thời không thế, thì mạnh hóa ra yếu, yên lại thành nguy; sự thay đổi ấy chỉ trong khoảng trở bàn tay” (Thư gửi Vương-Thông – Quân trung từ mệnh tập).

Đây là những thời cơ đã tạo nên những chiến thắng vẻ vang tại Chí-lăng, Bạch-dăng, trên phông tuyến sông Như-nguyệt, tại Đông-quan, Thăng-long v.v.

Tại những địa điểm, vào đúng những thời điểm đã chọn đó, lực lượng của phía ta được thế đất và thế thời gian nhân lên gấp bội, lực lượng địch bị giảm xuống nhiều lần, một bước chuyển hóa nhảy vọt về lực lượng đối sánh hình thành. Đúng thời điểm đó, quân và dân ta bất ngờ, mãnh liệt, thần tốc giáng đòn quyết định tiêu diệt kẻ thù, kết thúc chiến tranh thắng lợi.

Cách đánh « nắm đúng thời cơ, giáng đòn thần tốc » xuất hiện rất sớm trong lịch sử Việt-nam. Ngô-Quyền, Lê-Hoàn đã sử dụng tài tình yếu tố thời gian đó tại Bạch-dăng,

Chí-lăng; Trần-Quốc-Tuấn tại Bạch-dăng; Lê-Lợi – Nguyễn-Trãi tại Chí-lăng, Xương-giang; Nguyễn-Huệ tại Thăng-long. Sức mạnh được hội tụ để đánh thắng giặc trong thời gian từ vài khoảng khắc đến vài ngày tại một số địa điểm nhất định, đó là sản phẩm tiêu biểu cho sức mạnh cả nước được xây dựng trong suốt quá trình chuẩn bị và tiến hành khởi nghĩa, chiến tranh.

Cách đánh « đưa cả nước ra đánh giặc », tinh hoa của trí tuệ Việt-nam, truyền thống đặc sắc của nền nghệ thuật quân sự Việt-nam, được Đảng ta kế thừa và phát triển đã được đổi mới về chất và vươn lên một đỉnh cao mới.

Đảng ta đã lãnh đạo dân tộc đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, từ khởi nghĩa tháng Tám, các cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ đến hai cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc tại biên giới Tây Nam và biên giới miền Bắc nước ta chống chủ nghĩa bành trướng và chủ nghĩa bá quyền Trung-quốc.

Dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác – Lênin, Đảng ta đã xây dựng nên sức mạnh tổng hợp cả nước đặt trên nền tảng làm chủ tập thể của nhân dân lao động, trên nền tảng chủ nghĩa xã hội. Đây là sức mạnh tổng hợp cả nước, được hội tụ nhằm thực hiện khẩu hiệu: « Tất cả vì Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, vì hạnh phúc của nhân dân ».

VỀ CÔNG TÁC GIÁO DỤC ĐẠI HỌC VÀ TRUNG HỌC CHUYÊN NGHIỆP TRONG CHẶNG ĐƯỜNG MƯỜI NĂM TRƯỚC MẮT

LÊ - VĂN - GIANG

NGHỊ quyết Đại hội thứ V của Đảng đã chỉ ra những điều rất quan trọng cho công tác giáo dục nói chung và công tác của ngành đại học và trung học chuyên nghiệp nói riêng. Bên cạnh việc khẳng định lại những nghị quyết đã có từ trước và hiện nay vẫn phải tiếp tục thực hiện đầy đủ hơn, các chỉ thị của Đại hội thứ V của Đảng về công tác giáo dục còn có nhiều điểm mới quan trọng, có ý nghĩa cụ thể hóa và bổ sung hoặc điều chỉnh những quan điểm hoặc phương hướng lâu nay vẫn chỉ đạo công tác giáo dục. Việc cụ thể hóa, bổ sung hoặc điều chỉnh này là cần thiết vì đó là sự đòi hỏi của tình hình và nhiệm vụ mới, sự đòi hỏi của việc phân tích các kinh nghiệm tốt và chưa tốt của công tác giáo dục trong giai đoạn vừa qua, đặc biệt trong 6 năm vừa rồi, kể từ khi cả nước hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc.

Nắm vững và quán triệt sâu sắc các chỉ thị mới đó của Đại hội V là điều có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với ngành đại học và trung học chuyên nghiệp để khắc phục các khó khăn đang gặp, giải quyết đúng hướng nhiều vấn đề vừa cấp bách, vừa cơ

bản đang đặt ra trong bước đường tiến lên của ngành, đặc biệt là trong thời gian mười năm trước mắt.

1 — « *Phát triển sự nghiệp giáo dục một cách tích cực và vững chắc theo bước đi phù hợp với yêu cầu và khả năng của nền kinh tế quốc dân* » (1).

Trong hơn 30 năm qua, nền giáo dục của chúng ta, trong đó có ngành đại học và trung học chuyên nghiệp, đã có những cống hiến lớn cho sự nghiệp cách mạng, thông qua việc bồi dưỡng thế hệ trẻ, đào tạo đội ngũ trí thức mới, nâng cao trình độ văn hóa và xây dựng tiềm lực khoa học, kỹ thuật cho đất nước. Những thành tích đó đánh dấu một sự chuyển biến cơ bản trong lịch sử đời sống tinh thần của nhân dân ta và gắn liền với sự lãnh đạo của Đảng, với những cố gắng phi thường của nhân dân.

Tuy nhiên, trong quá trình phát triển sự nghiệp giáo dục, bên cạnh những thành tích to lớn, đã dần dần bộc lộ sự mất cân đối giữa yêu cầu phát triển với khả năng bảo đảm cho sự phát triển ấy được thực hiện thuận

(1) Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội V, *Tạp chí Cộng sản* số 4-1982, tr. 56.

• lợi. Sự mất cân đối này thực chất một mặt là sự mất cân đối giữa phát triển giáo dục với phát triển kinh tế, mặt khác là sự mất cân đối giữa các hình thức và biện pháp phát triển giáo dục (bao gồm các vấn đề như cơ cấu hệ thống giáo dục, cách thức tổ chức và quản lý mạng lưới trường...) với khả năng hạn chế của ta về sức người và sức của có thể đầu tư cho sự phát triển đó.

Tình hình mất cân đối như vậy đang gây ra rất nhiều khó khăn trên tất cả các mặt hoạt động của ngành đại học và trung học chuyên nghiệp. Nếu không được giải quyết, nó sẽ hạn chế hiệu quả của công tác giáo dục (tức là hạn chế tác dụng phục vụ của công tác giáo dục đối với sự nghiệp cách mạng) và còn có thể làm cho bản thân ngành không tiến lên được, thậm chí có thể sa sút trên mặt này hoặc mặt khác.

Để giải quyết sự mất cân đối đó không thể chủ yếu trông chờ vào việc tăng đầu tư để tiếp tục phát triển sự nghiệp giáo dục như lâu nay vẫn làm, mà phải xác định lại mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và phát triển giáo dục thế nào cho hợp lý nhất đối với sự phát triển kinh tế, tùy theo nhịp độ phát triển của kinh tế nói chung và của từng ngành kinh tế nói riêng mà nâng nhịp độ phát triển của giáo dục (có những nhịp độ khác nhau cho các ngành giáo dục khác nhau: đại học, trung học, dạy nghề, phổ thông cơ sở). Điều này trước đây chúng ta đã làm nhưng bây giờ phải tính toán, xác định lại nhịp độ phát triển cho phù hợp với yêu cầu và khả năng hiện nay.

Mặt khác, để giải quyết sự mất cân đối nói trên, còn phải xác định lại cơ cấu nền giáo dục của ta cho phù hợp hơn với thực tế của ta, với yêu cầu và khả năng của ta, nhằm mục đích huy động được với mức nhiều nhất và sử dụng được với hiệu

suất cao nhất những cái mà đất nước và nền kinh tế của ta có thể đem lại cho sự phát triển giáo dục. Ở đây có các vấn đề cần được xác định và giải quyết một cách đúng đắn: các loại hình trường, các kiểu mục tiêu đào tạo, các hình thức đào tạo; tuyển sinh và phân phối, sử dụng học sinh tốt nghiệp; quy hoạch lại mạng lưới trường; sắp xếp, điều chỉnh, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ giảng dạy; kết hợp giáo dục với nghiên cứu khoa học và lao động sản xuất; thực hiện phương thức «trung ương và địa phương cùng làm». Làm như vậy mới có thể tiếp tục phát triển sự nghiệp giáo dục một cách tích cực và vững chắc. Chỉ có làm như vậy mới tránh được hai lệch lạc có thể xảy ra trước sự mất cân đối mà ngành giáo dục đang gặp. Một là, chỉ nhìn vào khả năng, từ đó bị động trông chờ hay đối hỏi, và kết quả là sẽ co lại, chỉ phát triển sự nghiệp giáo dục một cách thụ động. Đó là cách làm thiếu tích cực, không nhằm vào yêu cầu của đất nước để vươn lên. Hai là, chỉ nhìn vào yêu cầu, không cân đối với khả năng thực hiện, từ đó tiếp tục phát triển giáo dục với nhịp độ như cũ, một nhịp độ cần thiết trong 30 năm qua nhưng từ mấy năm nay đã không còn thích hợp với yêu cầu và khả năng của đất nước trong giai đoạn mới.

Như vậy, phương châm phát triển giáo dục một cách tích cực và vững chắc phải phản ánh mối quan hệ biện chứng giữa yêu cầu và khả năng, giữa giáo dục và kinh tế, giữa cơ cấu hệ thống giáo dục và khả năng đầu tư của đất nước cho công tác giáo dục. Mối quan hệ đó thay đổi trong từng thời kỳ, và do đó phải xử lý mối quan hệ này cũng như xác định các biện pháp tổ chức thực hiện tương ứng theo từng bước đi cụ thể.

Đó là những điều chỉ dẫn của Nghị quyết Đại hội thứ V của Đảng có tính

chất bổ sung và điều chỉnh quan trọng đối với phương châm phát triển giáo dục cho phù hợp với đặc điểm của giai đoạn mới.

2 - « Ra sức phấn đấu nâng cao chất lượng giáo dục » (2).

Chúng ta nên hiểu vấn đề phát triển giáo dục trong thể thống nhất của nó, gồm cả chất lượng và số lượng.

Về mối quan hệ giữa hai mặt quan trọng này của sự nghiệp giáo dục, sau khi chỉ rõ phải « xác định quy mô hợp lý », Nghị quyết Đại hội V của Đảng đã chỉ thị phải « ra sức phấn đấu nâng cao chất lượng giáo dục ».

Cách xử lý khác nhau như vậy về hai mặt số lượng và chất lượng giáo dục cũng là một sự bổ sung và điều chỉnh quan trọng đối với phương châm phát triển sự nghiệp giáo dục đề ra trước đây.

Chất lượng giáo dục bao giờ cũng là mối quan tâm hàng đầu của Đảng và Nhà nước ta. Nhưng trong giai đoạn trước đây, do yêu cầu và đặc điểm của nước ta lúc đó, chúng ta phải xem trọng ngang nhau số lượng và chất lượng và có lúc, có nơi ta phải tạm thời bảo đảm số lượng rồi trên cơ sở đó mà phấn đấu nâng dần chất lượng. Từ nay trở đi, trong giai đoạn mới, nhìn chung trong cả nước, chúng ta phải tập trung sức vào việc nâng cao chất lượng giáo dục. Chúng ta không còn đặt ngang nhau như trước đây nhiệm vụ nâng cao chất lượng và nhiệm vụ mở rộng quy mô (trừ ở một vài vùng cá biệt).

Sở dĩ phải đặt lại vấn đề như vậy một phần vì nhìn chung trong cả nước - trừ ở một số bộ phận - yêu cầu về số lượng cán bộ khoa học kỹ thuật đã được giải quyết một bước cơ bản nhờ những cố gắng của công tác giáo dục trong mấy chục năm qua; không còn tình trạng thiếu cán bộ nghiêm trọng như trước nữa và đã xuất hiện không ít tình trạng đáng lo ngại là sử dụng lãng phí cán bộ

khoa học kỹ thuật; mặt khác do sự mất cân đối giữa yêu cầu và khả năng và một loạt nguyên nhân khác quan khác, chất lượng giáo dục trong mấy năm qua đã và đang « giảm sút nghiêm trọng ». Đó là « vấn đề lớn nhất hiện nay ».

Tuy sự giảm sút chất lượng là một hiện tượng phổ biến đáng lo ngại chung cho toàn ngành giáo dục, nhưng không phải mọi nơi, mọi cấp học, mọi mặt trong vấn đề chất lượng đều giảm sút nghiêm trọng như nhau. Điều đáng quan tâm nhất là *động cơ, thái độ, trách nhiệm và hoạt động học tập* của một tỉ lệ khá lớn học sinh của chúng ta ở nhiều nơi và nhiều cấp đều giảm sút rõ rệt và liên tục so với trước đây và điều này đã tác động mạnh đến tất cả các mặt khác trong chất lượng giáo dục. Cũng cần nói đến những thiếu thốn về cơ sở vật chất, kỹ thuật của nhiều trường và nhiều nguyên nhân khác nữa đã làm cho chất lượng giáo dục giảm sút. Nhưng tất cả các nguyên nhân đó đều thể hiện cuối cùng thành *sự giảm sút lòng say mê học tập* của số đông học sinh. Lời phê phán nghiêm khắc của Đảng trong Đại hội thứ V về vấn đề này là hết sức quan trọng và phải được mọi người, trước hết là cán bộ quản lý của ngành giáo dục, nhận thức và quán triệt đầy đủ.

Dương nhiên đề phấn đấu nâng cao chất lượng giáo dục, chúng ta phải nắm vững những quan điểm của Đảng ta về chất lượng. Đó là quan điểm chất lượng toàn diện, được hiểu như một thể thống nhất tác động lẫn nhau giữa các yếu tố phẩm chất tư tưởng và tâm hồn, kiến thức và kỹ năng, kỹ xảo, cơ thể lành mạnh. Đó là quan điểm lịch sử về chất lượng, xem xét nó trong những điều kiện nhất định của từng giai đoạn phát triển cụ thể

(2) Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội V, *Tạp chí Cộng sản*, số 4 - 1982, tr. 56.

và đánh giá nó cuối cùng ở chỗ nó có phù hợp với yêu cầu của đất nước, nó có tác dụng góp phần giải quyết những vấn đề thực tiễn đặt ra ở từng thời kỳ, ở từng vùng, ở từng lĩnh vực công tác hay không.

Phân đấu nâng cao chất lượng là một nhiệm vụ phức tạp và nặng nề hiện nay của công tác giáo dục. Nó vừa đòi hỏi phải có những biện pháp cấp bách để ngăn chặn hoặc hạn chế sự giảm sút chất lượng, vừa phải chuẩn bị những biện pháp cơ bản để từng bước nâng cao chất lượng và đưa chất lượng lên ngang tầm yêu cầu của nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới.

3 - « Thực hiện cải cách giáo dục một cách tích cực và vững chắc » (3).

Tình hình công tác giáo dục nói riêng và tình hình đất nước nói chung trong mấy năm gần đây đã giúp chúng ta có một nhận thức sâu hơn về nhiệm vụ cải cách giáo dục. Nhiệm vụ này càng ngày càng mang rõ tính chất vừa cấp bách, vừa cơ bản.

Một đặc điểm trong tình hình giáo dục của ta hiện nay là phần lớn những vấn đề đang đặt ra phải giải quyết đều là những vấn đề vừa cấp bách đang thời thúc chúng ta phải tìm cách đối phó, vừa cơ bản vì đụng chạm đến những phương hướng lớn, những triển vọng lâu dài của sự nghiệp cách mạng, đòi hỏi chúng ta phải nghiên cứu sâu sắc, cân nhắc thận trọng để định ra chủ trương giải quyết phù hợp.

Những vấn đề đó có nhiều, nhưng có thể quy vào một vấn đề bao trùm là phải tạo ra sự cân đối mới giữa số lượng và chất lượng giáo dục, tạo ra sự phù hợp mới giữa sự nghiệp phát triển giáo dục với yêu cầu và khả năng của đất nước, của nền kinh tế. Có giải quyết được vấn đề đó, sự nghiệp giáo dục mới tiếp tục phát huy tác dụng to lớn.

Để đáp ứng những vấn đề vừa cấp bách, vừa cơ bản như vậy, chúng ta phải có hai loại biện pháp: một loại biện pháp cấp bách để ứng phó kịp thời và một loại biện pháp cơ bản để giải quyết triệt để. Loại thứ nhất phải thực hiện ngay nhưng chỉ có tác dụng hạn chế, tác dụng « chữa cháy ». Loại thứ hai phải có nghiên cứu công phu, phải thực hiện từng bước, thường phải qua làm thử rồi mở rộng dần dần, nhưng khi được thực hiện đầy đủ sẽ có tác dụng xoay chuyển cục diện.

Việc cải cách giáo dục mà chúng ta phải tiến hành chính là một hệ thống các biện pháp thuộc loại thứ hai nói trên nhằm góp phần giải quyết triệt để những vấn đề vừa cấp bách vừa cơ bản đang đặt ra trong công tác giáo dục của chúng ta. Nó không phải và không thể là một cái gì xa xôi, viễn vông so với yêu cầu của đất nước trong giai đoạn mới này.

Trên ý nghĩa đó, phải tích cực thực hiện cải cách giáo dục vì nếu không xác định và thực hiện được một hệ thống các biện pháp sửa đổi cơ bản thì sự nghiệp giáo dục không thể tiến lên được, thậm chí nó chỉ giậm chân tại chỗ hoặc tụt lùi. Phải khắc phục những thái độ do dự, hoài nghi, thiếu khăn trương trong một số cơ quan và cán bộ đối với cải cách giáo dục.

Cải cách giáo dục là thực hiện một hệ thống các biện pháp cơ bản, cho nên, trong chỉ đạo của ngành giáo dục phải biết kết hợp chặt chẽ giữa chuẩn bị và thực hiện từng bước cải cách giáo dục với xác định và thực hiện kịp thời các biện pháp cấp bách.

4 - Chống bảo thủ, trì trệ, ngăn ngừa chủ quan, nôn nóng.

Đại hội thứ V của Đảng đã phê phán tình trạng bảo thủ, trì trệ cũng như nôn nóng, chủ quan mà chúng ta đã

(3) Sách đã dẫn, tr. 52.

mắc phải trong công tác thời gian qua. Đại hội đã lưu ý phải chống và khắc phục các lệch lạc đó trong những năm tới vì đó là nguyên nhân đã gây ra rất nhiều khó khăn và thiếu sót nghiêm trọng đáng lẽ có thể tránh được. Nhận xét đó cũng hoàn toàn đúng với tình hình của ngành giáo dục đại học và trung học chuyên nghiệp.

Chuyển sang giai đoạn mới, tình hình và nhiệm vụ đã khác trước rất nhiều, đòi hỏi chúng ta phải thay đổi nhiều chủ trương, biện pháp và phương pháp đã áp dụng trước đây, phù hợp với tình hình và nhiệm vụ cũ nhưng nay không còn phù hợp nữa. Chăm phát hiện ra những chỗ không phù hợp hoặc phát hiện ra nhưng thiếu quyết tâm thay đổi, hoặc có thay đổi nhưng chỉ thỏa mãn với những sửa đổi chấp vá, tạm thời, hạn chế, đó là biểu hiện của sự bảo thủ, trì trệ, biểu hiện của thái độ thiếu trách nhiệm, thiếu nhiệt tình đối với công tác, không nhạy cảm đối với cái mới.

Ngược lại, đứng trước những yêu cầu to lớn của đất nước, bệnh chủ quan, nôn nóng dễ làm cho chúng ta lẫn lộn mục tiêu xa và mục tiêu gần, đốt cháy giai đoạn, không tính đến điều kiện hiện thực trong từng chặng đường, không kiên trì chuẩn bị điều kiện để thực hiện ở bước sau những nhiệm vụ mà ở bước trước chưa có đủ khả năng hoàn thành. Đứng trước những đòi hỏi cấp bách của công việc, bệnh chủ quan, nóng vội còn có thể làm cho chúng ta lẫn lộn các biện pháp triệt để nhưng phải triển khai từng bước với các biện pháp đối phó kịp thời nhưng chỉ có tác dụng hạn chế, đi đến thực hiện vội vàng, không qua nghiên cứu công phu, không qua chuẩn bị và triển khai từng bước những biện pháp sửa đổi lớn.

Bảo thủ, trì trệ cũng như chủ quan, nôn nóng đều làm cho những khó khăn vốn có càng nghiêm trọng hơn,

làm cho những mất cân đối đã xảy ra càng gay gắt thêm. Hai khuyết điểm này lại làm điều kiện cho sự phát sinh và phát triển của nhau, như: nôn nóng, chủ quan, gấp vấp vấp sẽ dễ ra bảo thủ, trì trệ; bảo thủ, trì trệ kéo dài lại dễ ra nôn nóng, chủ quan.

Phương châm *lịch cực và vững chắc* mà Đại hội V đề ra cho công tác giáo dục có tác dụng ngăn ngừa hai loại bệnh nói trên: tích cực là để chống bảo thủ, trì trệ, vững chắc là để ngăn ngừa chủ quan, nôn nóng.

5 — *Quản triệt tinh thần đấu tranh gay gắt giữa hai con đường trong giai đoạn mới.*

« Chúng ta xây dựng chủ nghĩa xã hội trong hoàn cảnh quốc tế đang diễn ra phức tạp, trong tình hình đất nước đang có nhiều khó khăn nghiêm trọng, *cuộc đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa đang diễn ra gay gắt* ».

Trong thời gian qua « việc giáo dục cho đảng viên và quần chúng về đấu tranh giữa hai con đường chưa được chú ý đầy đủ ». Những nhận xét đó của Đảng hoàn toàn phù hợp với thực tiễn của đời sống đất nước mấy năm nay và có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với những người làm công tác giáo dục.

Nhiệm vụ của ngành đại học và trung học chuyên nghiệp là đào tạo ra một đội ngũ cán bộ có khả năng vận dụng sáng tạo khoa học, kỹ thuật để giải quyết các vấn đề mà thực tiễn cách mạng đặt ra. Đó là thực tiễn của việc thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, là thực tiễn của việc tiến hành hai cuộc đấu tranh: đấu tranh giữa hai con đường và đấu tranh chống bọn bành trướng bá quyền Bắc-kinh.

Người cán bộ khoa học, kỹ thuật của ta cũng như người cán bộ quân sự, cán bộ chính trị, nếu không được định hướng vững vàng trước thực

tiến của cuộc đấu tranh gay gắt đó thì không những cống hiến của họ sẽ bị hạn chế mà họ còn có nguy cơ bị sa ngã, thoái hóa. Đây không chỉ là một sự dự phòng có tính chất lý thuyết mà là thực tế đã có trong một bộ phận cán bộ các loại của chúng ta.

Nhiệm vụ của các trường đại học và trung học chuyên nghiệp của chúng ta là góp phần nhiều nhất vào việc chuẩn bị cho đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật đang được rèn luyện trong nhà trường có một lập trường cách mạng kiên định trong cuộc đấu tranh gay gắt đó. Nghiêm khắc mà nói, trong mấy năm qua, ở nhiều nơi, chúng ta đã buông lỏng nhiệm vụ quan trọng này của nhà trường đại học và trung học chuyên nghiệp và đây cũng là một nguyên nhân, một biểu hiện của tình trạng chất lượng giáo dục giảm sút nghiêm trọng. Thực hiện nhiệm vụ nói trên không phải chỉ trong các bài giảng chính trị trên lớp, mà phải trong toàn bộ các hoạt động của nhà trường. Vì vậy, phải giữ vững và không ngừng nâng cao tính chất xã hội chủ nghĩa của nhà trường chúng ta.

6—Mục tiêu phấn đấu của ngành đại học và trung học chuyên nghiệp trong chặng đường mười năm trước mắt.

Có thể hình dung những nhiệm vụ của ngành đại học và trung học chuyên nghiệp trong chặng đường mười năm trước mắt như sau:

Từ nay đến 1985, giữ quy mô đại học tạm ổn định như hiện nay chung cho toàn ngành (trong đó có thể có bộ phận thu hẹp nhiều hay ít và cũng có thể có một số ngành nghề đào tạo cho một số địa phương như miền núi, vùng các dân tộc thiểu số, đồng bằng sông Cửu-long, khu vực tập thể và

đào tạo tại chức, bồi dưỡng sau đại học, trên đại học có tăng lên). Cần có những biện pháp kịp thời để hạn chế những khó khăn đang gặp và ngăn chặn sự giảm sút về chất lượng. Tích cực chuẩn bị và triển khai từng bước vững chắc các biện pháp cơ bản, chủ yếu là các biện pháp về cải cách giáo dục. Từ 1985 đến 1990, sẽ triển khai rộng rãi và toàn diện các biện pháp cơ bản nói trên nhằm nâng cao chất lượng giáo dục, chuẩn bị điều kiện để tiếp tục từng bước mở rộng quy mô một cách vững chắc.

Trong quá trình tiến hành cải tiến và cải cách như vậy (cải tiến và cải cách xen kẽ nhau, trước 1985 chủ yếu là cải tiến và chuẩn bị làm thử cải cách, sau 1985 chủ yếu là thực hiện cải cách) phải luôn luôn bám sát các nhiệm vụ chính trị — kinh tế — xã hội của đất nước (như phát triển nông nghiệp, xây dựng cơ cấu công — nông nghiệp, cải tạo và củng cố quan hệ sản xuất, bảo vệ Tổ quốc...) để hướng các trường đại học và trung học — trên hai chức năng của mình: một là đào tạo cán bộ, hai là nghiên cứu, thực nghiệm khoa học, lao động sản xuất — vào việc phục vụ đất nước.

Hoàn thành được các mục tiêu nói trên, vào cuối những năm 80, ngành đại học và trung học chuyên nghiệp sẽ thật sự bước vào một giai đoạn mới với một trình độ phát triển mới, cao hơn, cả về quy mô và chất lượng, về tiềm lực và cống hiến, so với giai đoạn phát triển hơn 30 năm qua của ngành — một giai đoạn khai sơn phá thạch đã được đánh dấu bằng những năm tháng hào hùng và gian khổ, một niềm tự hào xứng đáng trong lịch sử dựng nước và giữ nước của Đảng và nhân dân ta.

« CON RỒNG AN-NAM » PHUN RA BẢN CHẤT PHẢN BỘI VÀ TỘI ÁC TÀY TRỜI CỦA BẢO-ĐẠI

PHẠM-KHẮC-HÒE

Lời Bộ biên tập. Vừa qua ở Pháp đã xuất bản một cuốn sách bằng tiếng Pháp đầu đề là « **Con rồng An-nam** » (Le Dragon d'Annam) * với cái tên tác giả là Bảo-Đại. Mọi người đều biết Bảo-Đại là vua cuối cùng của triều đình phong kiến nhà Nguyễn bị Cách mạng Tháng Tám xóa bỏ. Tháng 8- 1945, do sức ép của thời cuộc, Bảo-Đại đã thoái vị và nộp ấn kiếm cho Cách mạng. Mặc dù được đối xử khoan hồng và nhân đạo, Bảo-Đại chỉ đi với cách mạng một thời gian ngắn ngủi; rồi chạy theo gia đình Tưởng; sau đó lại trở về với chủ cũ là bọn thực dân Pháp. Sau khi thực dân Pháp bị đế quốc Mỹ hất cẳng ở miền Nam nước ta, Bảo-Đại sống cuộc đời lưu vong trên đất Pháp.

Cuốn sách « **Con rồng An-nam** » xuất bản dưới danh nghĩa của Bảo-Đại chứa đựng nhiều sự xuyên tạc trắng trợn đối với các sự kiện trong lịch sử Việt-nam gần đây.

Ông Phạm-Khắc-Hòe, người đã từng giữ chức vụ Tổng lý Ngự tiền Văn phòng triều đình Huế, người đã chứng kiến và tham gia nhiều sự kiện được Bảo-Đại nêu lên trong « **Con rồng An-nam** », đã viết bài này để vạch rõ việc Bảo-Đại xuyên tạc các sự kiện lịch sử đó.

Chúng tôi xin giới thiệu với bạn đọc bài viết của ông Phạm-Khắc-Hòe.

SAU khi báo Nhân dân số ra ngày 19-8-1982 đăng bài « Cái rằm và bước ngoặt trong đời Bảo-Đại », trong đó có nêu cuốn hồi ký « Con rồng An-nam » của Bảo-Đại viết bằng tiếng

Pháp xuất bản ở Pa-ri, nhiều người đặt cho tôi nhiều câu hỏi về cuốn sách ấy.

* S. M. Bảo - Đại: Le Dragon d'Annam, Plon, Paris, 1980.

Tôi thấy có trách nhiệm trước hết lược kê một số sự kiện lịch sử mà tôi đã được tham gia hoặc chứng kiến đã bị Bảo-Đại xuyên tạc một cách trắng trợn. Và sau đó vạch rõ bộ mặt phản bội và gian ác của Bảo-Đại qua những lời khoe khoang của ông ta.

« Con rồng An-nam » gồm có năm phần. Nhưng do mục đích của bài này chỉ hạn chế như trên, tôi bỏ qua phần I « Nước Việt-nam ngày xưa và hiện nay » để đi thẳng vào phần II « Hoàng đế An-nam ».

Trong phần này, có hai sự kiện lịch sử bị xuyên tạc trắng trợn nhất: một là « Nhật trao trả độc lập », hai là « Bảo-Đại thoái vị ».

1 — Nhật trao trả độc lập.

Về vấn đề này, Bảo-Đại bắt đầu kể đại ý như sau: 11 giờ ngày 11 tháng 3-1945, một người Nhật nói thạo tiếng Pháp đến xin yết kiến. Đó là đại sứ Y-ô-cô-y-a-ma sứ giả của Nhật hoàng: ông này đến cho Bảo-Đại biết rằng đêm hôm qua Nhật đã truất quyền thống trị của Pháp ở xứ này và hôm nay ông ta có sứ mệnh đến trao trả nền độc lập cho Việt-nam.

Bảo-Đại liền tỏ rõ sự ngạc nhiên và không muốn nhận, vì về phía Nhật, thì chính phủ Nhật đã từ nhiều năm coi Cường-Đề là người đại diện chính thống cho ngôi vua An-nam; còn về phía Bảo-Đại thì Bảo-Đại « gần bó với nhân dân, chứ không gần bó với ngai vàng ». Nhưng viên đại sứ Nhật khẳng định rằng: hiện nay, chỉ có Bảo-Đại « vừa tiêu biểu cho truyền thống, vừa mang hy vọng của tất cả thanh niên Việt-nam », là « người duy nhất có thể đảm đương được nền độc lập của Việt-nam »; cho nên chính phủ Nhật rất mong muốn nhà vua xác nhận nền độc lập ấy bằng một hành động chính thức. Nói đến đây, Y-ô-cô-y-a-ma trao cho Bảo-Đại một văn thư rồi chào rút lui. Bảo-Đại vốn tin chắc

rằng Nhật sẽ thua, đồng minh sẽ thắng... cho nên cả buổi trưa ông ta đã suy nghĩ, cân nhắc cẩn thận đủ mọi mặt rồi mới quyết định triệu tập, ngay chiều hôm đó, các thành viên của hội đồng cơ mật gồm các trụ cột của triều đình, các hoàng thân và thượng thư họp lại để thống nhất ý kiến. Cuộc họp này đã đưa đến một bản tuyên bố độc lập mà Bảo-Đại đã cùng ký với 6 vị thượng thư. Sáng hôm sau, ngày 12 tháng 3, Bảo-Đại đã gọi đại sứ Y-ô-cô-y-a-ma đến để trao bản tuyên bố độc lập và cùng nhau bàn việc thực hiện nền độc lập ấy. Sau đó, Phạm-Quỳnh báo cáo với Bảo-Đại những phản ứng trong hội đồng cơ mật và những thắc mắc, lo sợ của một số người chung quanh nhà vua thì ông ta đã bảo thẳng Phạm-Quỳnh rằng: « Hãy bảo họ chấm dứt tất cả những chuyện quanh co, những mưu đồ ấy. Hoàng đế là ta. Họ chớ quên điều đó. Nếu một ngày kia ta bỏ đi, thì sẽ không còn nước An-nam nữa ».

Đến ngày 19 tháng 3, Bảo-Đại cho Phạm-Quỳnh biết quyết định của ông ta là tự mình nắm lấy mọi trách nhiệm chính quyền, thì Phạm-Quỳnh lập tức xin cho cả hội đồng thượng thư từ chức.

Với đoạn kể trên đây, Bảo-Đại mưu toan làm cho người đọc tưởng lầm rằng ông ta luôn luôn đặt quyền lợi của nhân dân lên trên hết vì vậy từ đó ông ta nhất định không chịu làm bù nhìn nữa mà quyết tâm nắm quyền độc lập, chủ động trong mọi việc, và việc nắm quyền này đã đưa đến nhiều kết quả mà ông ta khoe ở đoạn sau.

Sự thật đã diễn ra hồi bấy giờ như thế nào?

Trước hết cuộc họp tuyên bố độc lập ngày 11 tháng 3 chỉ gồm có Bảo-Đại, 6 vị thượng thư và tôi. Và do Phạm-Quỳnh chỉ phối hoàn toàn. Phạm-Quỳnh là người triệu tập, là người trình bày bản dự thảo tuyên bố

độc lập viết sẵn, là người duy nhất nói nói, cười cười thao thao bất tuyệt. Còn nhà vua và các vị khác chỉ gật đầu hoặc khen khéo Phạm-Quỳnh đôi câu thôi.

Hôm sau, ngày 12 tháng 3, Bảo-Đại bảo tôi thảo một đạo dụ cử Phạm-Quỳnh làm người thay mặt chính phủ Việt-nam độc lập giao thiệp với cố vấn tối cao Nhật và các nhà chức trách Nhật khác. Nhưng tôi khuyên Bảo-Đại không nên dùng Phạm-Quỳnh nữa nếu nhà vua thật sự vì dân vì nước, và trình bày cho ông ta rõ vì sao tôi dám khuyên như vậy. Câu chuyện kéo dài hơn nửa giờ và cuối cùng Bảo-Đại nói: « Hãy tạm cử Phạm-Quỳnh cho dễ liên lạc với Nhật đã, rồi sau sẽ hay ».

Thế là tôi thảo ngay một tờ *Chi* (hình thức văn bản thấp hơn *Dụ*) cử Phạm-Quỳnh tạm thời làm nhiệm vụ liên lạc giữa chính phủ Việt-nam với các nhà chức trách Nhật, đem lên Bảo-Đại ký.

Ngày 14 tháng 3, tôi gặp anh Tôn-Quang-Phiệt (1), bàn chuyện thời sự thì anh rất tán thành việc đánh đổ Phạm-Quỳnh và vận động những người tối ra thành lập chính phủ mới.

Sáng 15, tôi lần lượt đi gặp hai vị thượng thư có uy tín hơn cả trong Viện cơ mật là Bùi-Bằng-Đoàn và Ung-Ủy. Hai ông này đều khuyên tôi nên làm cho nhà vua thấy rõ tình cách xấu xa, nguy hiểm của Phạm-Quỳnh và hứa sẽ vận động cả Viện cơ mật từ chức.

Chiều 15, được sự đồng ý của Bảo-Đại tôi đi mời cụ Huỳnh-Thúc-Kháng vào gặp nhà vua bàn việc quốc sự, nhưng cụ Huỳnh từ chối không vào.

Sáng 16, tôi báo cáo với Bảo-Đại về các cuộc gặp gỡ nói trên, nhấn mạnh thái độ từ chối của cụ Huỳnh và gợi ý với Bảo-Đại phải có một cử chỉ gì cụ thể tỏ ra là nhà vua thật sự vì dân vì nước thì mới tập hợp được nhân tài. Bảo-Đại suy nghĩ một lát rồi nói: « Thôi mai sẽ hay ».

Sáng 17, tôi vào phòng làm việc của Bảo-Đại thì ông ta đã ngồi ở bàn giấy rồi. Tôi tới gần thấy trên bàn có một tờ giấy với những hàng chữ rất to tự tay Bảo-Đại viết. Nhà vua cầm tờ giấy ấy đưa cho tôi và nói: « Đây, ông theo ý này mà thảo một đạo dụ ».

Tôi cầm tờ giấy, càng đọc càng ngạc nhiên, vì trong giấy Bảo-Đại viết rằng: « Từ nay nhà vua sẽ tự cầm lấy quyền binh, và chế độ chính trị sẽ căn cứ vào khẩu hiệu « Dân vì quý » ».

Là lòng thật !!! Tôi chưa bao giờ thấy Bảo-Đại tự mình viết được một câu quốc văn nào! Tất cả những lời phê của Bảo-Đại vào các văn bản đều do Ngự tiền văn phòng tổng lý viết sẵn vào một mảnh giấy đưa cho Bảo-Đại xem. Nếu Bảo-Đại đồng ý (thường là đồng ý) thì ông ta « cấp » lại đúng nguyên văn rồi ký tên, còn mảnh giấy mẫu thì phải đốt ngay trước mặt ông ta. Đó là một bí mật quốc gia lớn bậc nhất!

Hằng ngày tiếp xúc với một sự thật oái oăm như vậy, tôi không thể không tự hỏi: Ai là người đã mớm cho Bảo-Đại việc tự cầm lấy quyền và nhất là khẩu hiệu « Dân vì quý »? Vì sao lại có việc mớm như vậy? Hai câu hỏi này, mãi đến khi Trần-Trọng-Kim học lộ rõ mặt làm tay sai cho phát xít Nhật, tôi mới tự trả lời được dứt khoát rằng: người mớm ấy chính là Y-ô-cô-y-a-ma, vốn biết Nho giáo là một công cụ nô dịch rất tốt đối với nhân dân Việt-nam từ nhiều thế kỷ. Nhưng ngay lúc đó, tôi vẫn tưởng « mình đã lái được Bảo-Đại vào con đường tốt » và phấn khởi thảo ra đạo dụ số 1 ngày 17-3-1915 gồm bốn điểm chính:

- 1—Nhà vua tự cầm lấy quyền.
- 2—Chế độ chính trị mới lấy khẩu hiệu « Dân vì quý » làm gốc.

(1) Một người bạn của tôi, từng bị tù đầy vì hoạt động cách mạng và lúc ấy là giáo sư ở một trường tư thục ở Huế.

3—Chiêu tập những nhân tài xứng đáng với Tổ quốc.

4—Ban hành những chính sách hợp với nguyện vọng nhân dân.

Đạo dụ này làm cho hai ông Bùi-Bằng-Đoàn và Ủy-Ủy thêm hăng hái vận động toàn thể Viện cơ mật rút lui. Hai hôm sau, ngày 19-3 cả sáu vị thượng thư vào yết kiến nhà vua xin từ chức mở đường cho Nội các Trần-Trọng-Kim ra đời ngày 17-4-1945. Nhưng không đầy một tháng sau thì bao nhiêu hy vọng tốt đẹp của tôi đặt vào đạo dụ « Dân vi quý » bắt đầu tan thành mây khói.

1 — Về nhà vua tự cầm lấy quyền, thì chỉ ba tuần lễ sau khi nhận chức thủ tướng, Trần-Trọng-Kim đã điều về bên cạnh Bảo-Đại với tư cách Đại nội Đại thần, « ông bạn thân của ngài », là Nguyễn-Duy-Quang, người ăn chơi nổi tiếng, có vợ rất đẹp và con một gia đình giàu vào bậc nhất của cả nước Việt-nam lúc đó. Thế là Bảo-Đại trở lại say sưa với cờ bạc, dâm ô và săn bắn... còn việc dân việc nước đã có Nội các lo dưới sự chỉ huy của Nhật.

2 — Về khẩu hiệu « Dân vi quý », thì ngày 26-5-1945, khi tôi lưu ý Trần-Trọng-Kim tới một bài báo nhan đề là « Dân vi tiện » đăng trên tờ *Việt-nam tân báo* số ra ngày 26-5 nói về thủ đoạn làm tiền của một số hào lý trong việc phát gạo cho các gia đình bị nạn đói, Trần-Trọng-Kim đã cho tôi một bài học về « Dân vi quý » rằng: phải hiểu ba chữ ấy của Mạnh-Tử theo nguyên tắc của Khổng-Tử: « Dân khả sử do chi, bất khả sử tri chi » nghĩa là dân chỉ có thể tuân theo chứ không thể biết !!!

3 — Về chiêu tập nhân tài, thì sau ba tháng hoạt động, nhiều bộ trưởng xin rút lui, đã đưa đến cả nội các xin từ chức. Và Trần-Trọng-Kim nhận trách nhiệm thành lập nội các mới đã gửi điện khẩn cấp mời nhiều người ở khắp Bắc — Trung — Nam mà không

ai thêm trả lời cả, ngay những người có mặt ở Huế lúc đó cũng từ chối.

4 — Về ban hành các chính sách hợp với nguyện vọng của nhân dân, thì ngay sau khi phát xít Đức đầu hàng không điều kiện, Trần-Trọng-Kim vẫn hô hào: « Sự bại trận ấy không thể giảm bớt lòng chúng ta kiên quyết giúp Nhật-bản theo đuổi cuộc chiến đấu cho đến khi toàn thắng để kiến thiết vùng Đại Đông Á... ».

Sự thật rành rành như vậy. Nhưng Bảo-Đại vẫn khoe khoang không ngưng mồm. Ví dụ, kể lại chuyện Y-ô-cô-y-a-ma nói với ông ta « Thiên hoàng đã ra lệnh ngừng bắn và từ nay xứ Nam-kỳ được đặt dưới quyền của bệ hạ », Bảo-Đại đã viết: « Tôi vô cùng cảm động sự nghiệp mà cha ông tôi đã không làm được thì nay tôi đã hoàn thành ». Sự thật là sau khi thua trận, phải đầu hàng, Nhật mới bày tỏ « trao trả xứ Nam-kỳ » để lừa bịp nhân dân ta. Thế mà Bảo-Đại lại trắng tráo khoe đó là sự nghiệp lớn của ông ta.

2 — Bảo-Đại thoái vị.

Theo « Con rồng An-nam » thì việc thoái vị của Bảo-Đại đã diễn ra như sau:

Đêm 22 tháng 8 Bảo-Đại nhận được từ Hà-nội gửi vào một bức điện của cái gọi là « Ủy ban những người yêu nước thay mặt cho tất cả các đảng phái và tầng lớp nhân dân » yêu cầu ông ta thoái vị.

Sáng 23 Bảo-Đại ngồi một mình nhớ lại câu chuyện cái rầm nhà rơi mà Từ-Cung (mẹ Bảo-Đại) đoán là triệu chứng của một bước ngoặt trong đời ông ta, và những tin tức mà ông Tạ-Quang-Bửu đã cho ông ta biết về Việt-minh... rồi tự nhủ rằng: « Nếu tính đến lịch sử của các dân tộc thì chỉ có một giải pháp rút lui. Nhưng trả lời cho ai bây giờ ? » Bảo-Đại bèn « phái người em con chú là Vĩnh-Cần

và tổng lý văn phòng Phạm-Khắc-Hòa đi ra phổ điều tra thì cả hai đều trở về không, không lượm được một chút tin nhỏ nào cả». Cho nên Bảo-Đại đã phải «ném một thông điệp vào khoảng không như ném một cái chai xuống biển»: ông ta gửi một bức điện cho cái gọi là «Ủy ban những người yêu nước» nói rằng ông ta sẵn sàng rút lui... và yêu cầu các vị cầm đầu ủy ban vào Huế để tiến hành việc chuyển giao quyền bính.

Đêm hôm ấy, ông ta chuẩn bị bản chiếu thoái vị. Sáng 25 tháng 8, hai đại biểu Việt minh — Trần-Huy-Liệu với Cù-Huy-Cận—đến trình ông ta một giấy ủy quyền ký tên không rõ và nói là được Cụ Hồ-Chí-Minh, Chủ tịch Ủy ban giải phóng, phái từ Hà-nội vào để nhận quyền bính của nhà vua. Bảo-Đại bèn đưa bản chiếu thoái vị ra cho hai sứ giả xem thì họ hoàn toàn đồng ý và đề nghị tổ chức lễ thoái vị. Thế là ngay buổi chiều ấy, Bảo-Đại đã mặc triều bào lên đứng trên Ngọ môn đọc bản chiếu thoái vị trước khoảng vài nghìn người. Và khi ông ta dứt lời, thì «tất cả mọi người đều tỏ vẻ vô cùng kinh ngạc. Dân ông dân bà đều choáng váng, rụng rời chân tay. Bản chiếu thoái vị đã làm cho họ chết khiếp như bị sét đánh»!!!

Đó là Bảo-Đại miên tả phản ứng của nhân dân, còn về phần ông ta thì Bảo-Đại nói: «Tôi rất yên tâm không luyến tiếc một chút nào».

Nhưng đối chiếu những lời của Bảo-Đại lược thuật như trên với sự thật lịch sử thì khác nhau một trời một vực. Sự thật ấy phải viết ít nhất bốn mươi trang mới nói được hết mọi tình tiết cần thiết. Ở đây trong khuôn khổ một bài báo, tôi chỉ xin kể một số nét chính đủ giúp bạn đọc theo dõi được diễn biến tư tưởng thật sự của Bảo-Đại.

Nguyên ngày 8-8-1945, tôi được cách mạng giao nhiệm vụ vận động nhà vua tự nguyện thoái vị qua anh

Tôn-Quang-Phiệt, một người bạn lâu năm của tôi, và, từ ngày 9-3-1945, Nhật hất cẳng Pháp, hầu như ngày nào chúng tôi cũng gặp nhau bàn chuyện thời sự.

Tôi nhận lời anh Phiệt một cách phấn khởi, tự hào.

Nhưng sau ba ngày đêm đọc sách rút kinh nghiệm cũ, nghe ngóng tình hình mới và suy nghĩ về tâm lý, tình tình của Bảo-Đại, tôi vẫn thấy lúng túng, chưa biết bắt đầu như thế nào cho đầu đi đuôi lọt?

Sáng chủ nhật, 12 tháng 8, Trần-Trọng-Kim ghé xe vào nhà tôi. Bước lên thêm, thấy tôi trong nhà ra đón, Trần-Trọng-Kim nói ngay:

— Tình hình gay go lắm ông ạ! Tôi gửi điện khẩn mời nhiều người về kinh hỏi ý kiến để thành lập nội các mới đã mấy ngày rồi, mà chưa một ai trả lời cả. Cho nên tôi vừa vào châu Hoàng thượng xin Ngài hạ dụ chuẩn cho nội các cũ đổi thành nội các lâm thời có đủ thẩm quyền giải quyết mọi vấn đề. Ngài đồng ý và bảo tôi nói với ông thảo đạo dụ cần thiết đưa Ngài phê chuẩn ngay.

Chia tay Trần-Trọng-Kim, tôi vừa buồn cười cho ông thủ tướng thấy đồ nhỏ, vừa thích thú cho mình có dịp mở đầu cuộc vận động Bảo-Đại thoái vị.

Ba giờ chiều, tôi đưa lên cho Bảo-Đại phê chuẩn dự thảo đạo dụ đổi nội các từ chức thành nội các lâm thời theo như đề nghị của Trần-Trọng-Kim. Nhân dịp, tôi nêu lên với Bảo-Đại một câu hỏi lửng lơ:

— Chúng tôi không hiểu tại sao không có một ai hưởng ứng lời mời của ông Kim về việc thành lập nội các mới cả? Không biết ông Kim có tàu đối chỉ với Ngài về vấn đề ấy không?

— Theo ông Kim cho biết thì những người ông ta mời đều là rất cách mạng, rất tả. Có lẽ điều đó không vừa lòng người Nhật nên họ đã chặn điện lại.

— Tàu! Nhưng hai người được mời có mặt ở Huế là ông Tôn-Quang-Phiệt và ông Bùi-Công-Trừng cũng đều từ chối cả.

— Thế ông Phiệt có cho ông biết vì sao ông ta từ chối không?

— Tàu! Theo ý ông Phiệt thì trên thế giới, Nhật sắp thua đến nơi rồi! Còn trong nước thì khi thế cách mạng của quần chúng mỗi giờ mỗi lên cao, bảo tập cách mạng nhất định sẽ nổi lên nay mai.

Thấy Bảo-Đại đổi sắc mặt, tỏ vẻ lo âu, tôi bèn nhắc lại cuộc cách mạng Pháp năm 1789 với số phận bi đát của vua Lu-i 16, rồi tôi hạ giọng nói một cách nhẹ nhàng: « Có lẽ ngài không nên chờ nước đến chân mới nhảy ».

— Không lẽ quân đội Nhật khoanh tay ngồi nhìn để cho dân chúng muốn làm chi thì làm à? Bảo-Đại vừa cười nhạt vừa nói một cách mỉa mai!

Thế là Bảo-Đại vẫn trông cậy vào quân đội Nhật để giữ ngai vàng của mình. Hình ảnh vợ chồng Y-ô-cô-y-a-ma và Bảo-Đại gặp nhau hàng ngày hiện lên trước mắt tôi, nhắc tôi phải cảnh giác, chớ có chủ quan tự mãn.

Hai ngày sau, chiều 15 tháng 8, có tin Nhật đã đầu hàng Đồng minh không điều kiện. Bảo-Đại cũng sốt. Trần-Trọng-Kim chán nản kêu ốm nằm trên gác không xuống làm việc. Bọn Trần-Văn-Chương, Phạm-Quỳnh vào điện Kiến trung họp với Bảo-Đại và Nguyễn-Duy-Quang chắc là để bàn tính cách trở lại với chủ cũ là thực dân Pháp.

Tối hôm ấy, tôi đi gặp bộ trưởng Bộ nội vụ Trần-Đình-Nam kể lại những chuyện trên. Trần-Đình-Nam có ý kiến nên đề nghị với nhà vua triệu tập một cuộc họp nội các do nhà vua chủ tọa. Tại cuộc họp này, Trần-Đình-Nam sẽ đặt vấn đề cả nội các và nhà vua đều rút lui, nhường quyền lại cho Việt-minh. Và Trần-Đình-Nam, bảo tôi nên dự thảo sẵn tuyên chiếu cho quốc dân.

Sáng 17 tháng 8, một buổi họp Nội các do Bảo-Đại đích thân chủ tọa được tiến hành ngay tại phòng làm việc của nhà vua. Có mặt: Trần-Trọng-Kim, Trần-Văn-Chương, Trần-Đình-Nam, Hồ-Tá-Khanh, Vũ-Văn-Hiến, Phan-Anh, Trịnh-Đình-Thảo và Nguyễn-Hữu-Thị.

Khi đề cập đến vấn đề nội trị, Trần-Đình-Nam nói:

« Đối nội thì vấn đề quan trọng nhất là toàn dân thất chặt đoàn kết chung quanh tổ chức mạnh nhất, hăng hái nhất, tức là Việt minh làm cho thực dân để quốc không thể giở thủ đoạn « chia để trị » ra nữa. Vậy tôi đề nghị chúng ta rút lui ngay nhường quyền binh cho Việt minh. Theo tôi nghĩ, thì cả Hoàng đế cũng nên rút lui ».

Câu cuối cùng này làm cho Trần-Trọng-Kim' nhảy người lên, nghiêm khắc lên án Trần-Đình-Nam dám đòi nhà vua bỏ ngôi báu! Một cuộc tranh luận sôi nổi dấy lên và cuối cùng toàn thể đã tán thành ý kiến của các « bộ trưởng luật sư » là: mời Việt minh về thành lập nội các có đủ thực quyền, nhưng về hình thức vẫn giữ nền quân chủ để khi Đồng minh vào thì chính thể vẫn có tính cách hợp pháp làm cho Đồng minh không thể vin vào có gì để giúp Pháp quay trở lại.

Giải pháp này làm cho Bảo-Đại rất thích thú vì ông ta vẫn được giữ ngai vàng mà không phải làm gì cả. Bảo-Đại bảo tôi phải thảo ngay đạo dụ cần thiết. Mười phút sau đạo dụ mời Việt minh về thành lập nội các chính thức ra đời và bộ trưởng Phan-Anh được nhà vua phái đi ra Bắc lập tức đề vận động thực hiện đạo dụ ấy cho kịp thời.

— Còn vấn đề chi nữa không? Bảo-Đại hỏi.

— Chúng tôi đề nghị — Trần-Đình-Nam nói — Hoàng đế ra tuyên bố kêu gọi toàn thể thần dân tổ quyết tâm giữ vững nền độc lập của nước nhà. Hôm qua chúng tôi đã có gợi ý với

ông Tổng lý nêu dự thảo sẵn bản tuyên bố ấy... Bảo-Dại liền bảo tôi đọc bản dự thảo và sau khi nghe xong, ông ta hỏi ý kiến hội nghị, thì Trần-Trọng-Kim đề nghị sửa lại đoạn nêu cao tinh thần hy sinh của nhà vua, vì đoạn ấy buộc chặt nhà vua quá, nên viết dễ dặt hơn. Một cuộc tranh luận liền dấy lên. Người thì đồng ý với Trần-Trọng-Kim, kẻ thì khen đoạn ấy hay nhất cần đề nguyên.

Theo lệnh nhà vua, tôi đọc lại rất chậm và nhấn mạnh từng câu, từng chữ:

« Muốn củng cố nền độc lập của nước nhà và bảo vệ quyền lợi của dân tộc, trăm sẵn sàng hy sinh về tất cả các phương diện. *Trăm đề hạnh phúc của dân Việt-nam lên trên ngai vàng của Trăm. Trăm ưng làm dân một nước độc lập hơn làm vua một nước nô lệ.* Trăm chắc rằng toàn thể quốc dân cũng một lòng hy sinh như trăm ».

Tôi vừa dứt lời thì Bảo-Dại nói đồng ý và bảo cho đánh máy dự thảo đưa phê chuẩn ngay.

Thế là cuộc vận động thoái vị đã tiến được một bước rất dài, chắc chắn sẽ thành công. Tôi rất mừng. Nhưng Bảo-Dại vẫn thắc mắc không biết lãnh tụ Việt minh là ai và có đồng ý giữ chính thể quân chủ không? Trong ngày 19-8 ông ta đã bốn lần gọi tôi qua hỏi đã tìm biết được lãnh tụ Việt minh là ai chưa?

Sáng 20-8, sau khi đi ra phố xem và biết chắc rằng những lời đồn đại về một bức thư kêu gọi tổng khởi nghĩa của nhà cách mạng Nguyễn-Ái-Quốc mới được dán lên ở nhiều nơi công cộng là đúng, tôi liền về báo cáo việc ấy với Bảo-Dại và nói thêm: Theo lời lẽ của bức thư, thì chắc chắn nhà cách mạng nổi tiếng ấy là người cầm đầu Việt minh. Rồi tôi kể luôn chuyện một câu sấm được lưu truyền ở Nghệ-tĩnh đã từ lâu và qua đó nhiều người đã thần thánh hóa nhà yêu nước

Nguyễn-Ái-Quốc. Đó là câu sấm « Đụn-son phân giải, Bò-dái thất thanh, Nam-dân sinh thánh » (2). Tôi vừa kể vừa giải thích và với một niềm tin mà lúc đó tôi có thật, tôi kết luận rằng: như thế là sự ra đời của « Thánh Nguyễn-Ái-Quốc » đã được Trạng Trình dự đoán từ gần 400 năm về trước.

Chăm chú nghe xong câu chuyện « sấm » ấy, Bảo-Dại liền nhắc tới câu sấm « Hoà-ph-sơn nhất đại, Vạn đại dung thân » cũng là của Trạng Trình và hỏi tôi có biết chuyện một điềm lạ mới xảy ra ở Đại-nội cách đây hai tháng không? Tôi chưa kịp trả lời thì Bảo-Dại vội vàng kể lại với một giọng đầy tự hào:

— Hôm đó là ngày lễ Quốc khánh (ngày Gia-Long lên ngôi), trăm từ Kiền trung đi hộ theo các hành lang ra đến Càn thành rồi mới lên kiệu, ngự ra Thái hòa dự lễ. Khi trăm bước lên kiệu, thì ngay chỗ trăm vừa đi qua, một cái rầm to tướng rơi xuống một cái ầm ngay giữa hành lang. Nếu nó rơi sớm đi năm bảy giây thôi, thì chắc trăm đã chết rồi. Đức Từ có chứng kiến việc ấy và ngài đoán chắc rằng: đó là Phật Thánh báo hiệu cho biết một bước ngoặt rất lớn sắp xảy ra trong đời trăm, nhưng trăm vẫn được an toàn vô sự. Ông có tin như vậy không?

— Tâu, chúng tôi tin lời Đức Từ đoán là đúng nhưng muốn đoán rõ thêm: cái rầm to tướng rơi tức là thực dân Pháp đổ, từ nay không có tay đứng kèm bên ngài trong lễ Quốc khánh nữa, nhưng ngài vẫn được an toàn vô sự, nhờ có sự bảo vệ của cách mạng.

— Thế là ông muốn khuyên tôi thoái vị, nhường quyền bính cho Việt minh phải không?

— Tâu, đúng như vậy.

(2) Nghĩa là núi Đụn-son tự phân chia ra (nứt ra), khe Bò-dái mất tiếng kêu đi thì đất Nam-dân sẽ có thánh ra đời.

— Nếu quả người cầm đầu Việt minh là «**thành Nguyễn-Ái-Quốc**» thì trăm sẵn sàng thoái vị ngay.

Tôi chấp tay cúi đầu vái nhà vua một cái rồi quay lưng đi ra...

Từ giờ phút ấy, tôi tập trung tư tưởng suy nghĩ nghiên ngẫm thảo một bản chiếu thoái vị cho thật tốt.

Trong hai ngày 21 và 22 tháng 8, với bản dự thảo chiếu thoái vị trong túi, tôi đi tìm anh Tôn-Quang-Phiệt mấy lần đều không gặp.

Sáng 23-8, với bộ mặt buồn rầu bức dọc, Bảo-Đại phân nản với tôi một việc mà ông ta cho là rất đáng tiếc: tối 22-8 có mấy người Việt minh leo lên kỳ đài hạ cờ đỏ sao vàng của nhà vua xuống và treo cờ đỏ sao vàng lên. Bảo-Đại bảo tôi đi tìm đại diện Việt minh để dàn xếp hạ cờ đỏ sao vàng xuống kéo cờ vàng của nhà vua lên. Tôi đi tìm anh Tôn-Quang-Phiệt gần hết buổi sáng không được.

Gần 12 giờ trưa, tôi về thì thấy Bảo-Đại đang ngồi nơi bàn giấy và trước bàn có hai người đứng là Nguyễn-Duy-Quang, Đại nội đại thần, và Nguyễn-Xuân-Dương, chánh văn phòng Bộ nội vụ. Nhìn thấy tôi, Bảo-Đại nói ngay: «**Ông Tổng lý đã về, đem thư cho ông ấy xem đi!**». Nguyễn-Duy-Quang trao ngay cho tôi một tờ giấy đánh máy nói là do Nguyễn-Xuân-Dương mới đưa vào. Tôi xem thì thấy đó là tồ hậu-thư của Việt minh đòi nhà vua phải trả chính quyền cho nhân dân và hứa sẽ bảo đảm tính mạng, tài sản cho Hoàng gia với mấy điều kiện như sau:

1— Nhà vua phải giao lại cho chính quyền cách mạng đội lính khổ vàng, với tất cả trang bị vũ khí, đạn dược.

2— Nhà vua phải báo cho Nhật biết là triều đình đã trao tất cả quyền bính cho chính quyền cách mạng rồi.

3— Nhà vua phải điện ra lệnh cho tất cả các tỉnh trưởng phải giao

chính quyền cho cách mạng tức là Việt minh.

Cuối cùng bức thư hạn cho nhà vua phải trả lời trước 13 giờ 30 phút ngày 23 tháng 8-1945 và cử ông Phạm-Khắc-Hồ làm liên lạc giữa nhà vua và chính quyền cách mạng. Dưới bức thư đóng dấu «**Thành bộ Việt minh, tỉnh Nguyễn-Tri-Phương**» và không có ai ký tên cả.

Xem xong, tôi đề nghị với Bảo-Đại phải triệu tập ngay Nội các để bàn hai vấn đề: một là trả lời tồ hậu thư cho kịp trước 13 giờ 30 phút. Hai là góp kiến vào bản dự thảo chiếu thoái vị. Bảo-Đại đồng ý. Đúng 12 giờ 15 phút, Nội các họp dưới, quyền chủ tọa của nhà vua và gồm có: Trần-Trọng-Kim, Trần-Văn-Chương, Trần-Đinh-Nam, Trịnh-Đinh-Thảo, Vũ-Văn-Hiến và Nguyễn-Hữu-Thí. Về vấn đề thứ nhất, mọi người đều đồng ý chấp nhận các điều kiện của Việt minh. Về vấn đề thứ hai, toàn thể tán thành bản dự thảo chiếu thoái vị, với một sửa chữa nhỏ là bớt đi bốn chữ «**nổi da nấu thịt**». Tôi lập tức đi đến sân vận động để trả lời cho kịp trước 13 giờ 30 phút. Nhưng tại sân vận động, đã biến thành một biển người dưới một rừng biều ngữ và cờ đỏ sao vàng, tôi phải đợi đến 16 giờ rưỡi mới gặp được ông Chủ tịch Ủy ban khởi nghĩa (mà sau tôi mới biết là nhà thơ Tố-Hữu).

Sau khi nghe tôi thông báo sự chấp nhận của nhà vua và toàn thể Nội các mọi điều kiện của cách mạng và một bản chiếu thoái vị cũng đã được toàn thể Nội các thông qua, ông Chủ tịch Ủy ban khởi nghĩa nói: «**Thế là được, ông cứ yên tâm về, chúng tôi bảo đảm an toàn cho Hoàng gia**».

Sáng 24 tháng 8, Bảo-Đại đưa cho tôi một bức điện do Ủy ban nhân dân cách mạng Bắc-bộ từ Hà-nội đánh vào và nhận được trong đêm 23 tháng 8. Bức điện viết: «**Một chính phủ nhân dân cách mạng lâm thời đã thành lập. Chủ tịch là Cụ Hồ-Chí-Minh. Yêu cầu**

đức vua thoái vị ngay đề cũng cố và thống nhất nền độc lập nước nhà» (báo *Cửu quốc* số 32, ngày 27-8-1945).

Bảo-Đại thất vọng vì như thế là câu sấm «... Nam-dân sinh Thánh » nói sai ! Nhưng Cụ Hồ-Chí-Minh là ai ? Mà lâu nay ở Huế chưa hề nghe tiếng ? Biết đâu Cụ Hồ-Chí-Minh và cụ Nguyễn-Ái-Quốc lại không phải là một ? Tôi nói như vậy với Bảo-Đại, rồi chạy đi hỏi hai, ba người, cuối cùng được Vũ-Văn-Hiền mới từ Hà-nội về cho biết Cụ Hồ-Chí-Minh tức là nhà cách mạng yêu nước nổi tiếng Nguyễn-Ái-Quốc.

Tôi mừng quá, chạy ra xe cấp tốc về báo tin cho Bảo-Đại thì Bảo-Đại bật ra ngay một câu bằng tiếng Pháp : « Ça vaut bien le coup alors » nghĩa là « Như vậy thì thật đáng thoái vị » (3).

Thế là tôi gửi ngay cho Ủy ban nhân dân cách mạng Bắc-bộ một bức điện toàn văn như sau :

« Khâm phụng Hoàng đế sắc văn phòng tôi trả lời bức điện văn số 6 ĐT của quý Ủy ban rằng : Ngài vui lòng thoái vị ngay và đã sắp đặt sẵn sàng, nhưng vì có trách nhiệm đối với lịch sử và toàn thể quốc dân và muốn cho sự thoái vị của Ngài có ảnh hưởng tích lợi cho Tổ quốc và muốn Chính phủ mới chính thức ra mắt quốc dân một cách rất long trọng. Ngài mong ông Chủ tịch Chính phủ nhân dân cách mạng lâm thời gặp về Thuận-hóa để Ngài giao chính quyền và Ngài muốn ông cho biết ngày làm lễ ấy. (Xem báo *Cửu quốc* số nói trên).

Chiều 25 tháng 8, văn phòng tôi tiếp được một bức điện của Chính phủ lâm thời nói rằng : « Hoàn nghênh tinh thần dân chủ và đoàn kết, thống nhất của Hoàng đế. Yêu cầu Hoàng đế hạ dụ chính thức thoái vị để yên lòng dân. Đại biểu Chính phủ lâm thời sắp tới Thuận-hóa » (báo *Cửu quốc* số 33 ngày 30-8-1945). Tôi lập tức cho niêm yết tại Phủ văn lâu bản chiếu thoái vị và bản tuyên chiếu với Hoàng tộc.

Hơn 10 giờ sáng 29, Đoàn đại biểu Chính phủ lâm thời từ Hà-nội vào đã đến thẳng sân vận động Huế để dự cuộc mít tinh của đồng bào Huế chào đón Đoàn. Đoàn gồm có ông Trần-Huy-Liệu, trưởng đoàn, ông Nguyễn-Lương-Bảng và ông Cù-Huy-Cận, thành viên, đã tiếp xúc với tôi ngay trong khi đồng bào đi qua lễ đài.

Buổi chiều, tôi lại đến gặp Đoàn tại Trung-bộ phủ để bàn việc tổ chức lễ thoái vị.

Hôm sau, ngày 30, đúng 1 giờ chiều, lễ thoái vị đã được tiến hành trọng thể trên lầu Ngọ môn trước khoảng năm vạn nhân dân của nội, ngoại thành Huế, vô cùng vui mừng phấn khởi.

Kết thúc lễ thoái vị, và theo đề nghị của Bảo-Đại, ông Nguyễn-Lương-Bảng gài một huy hiệu cỡ đồ sao vàng lên ngực Bảo-Đại từ nay trở thành người công dân Vĩnh-Thụ của nước Việt-nam dân chủ cộng hòa.

Trên đây là những sự thật nói lên rằng, việc vận động Bảo-Đại thoái vị là cả một quá trình trải qua nhiều bước, mỗi bước đều có những khó khăn phức tạp của nó.

Tôi đã nhận và tiến hành cuộc vận động đó một cách say sưa phấn khởi vô hạn. Tôi đã gửi gắm tâm huyết và hoài bão của mình lúc đó vào ba bản chiếu cũng như vào các bức điện mà văn phòng tôi đã gửi đi các nơi nhân danh nhà vua. Cho nên khi Bảo-Đại được Chính phủ cách mạng lâm thời mời ra làm cố vấn tối cao, tôi rất tự hào rằng mình đã có phần đóng góp vào việc làm Bảo-Đại được hưởng đặc ân và vinh dự lớn lao ấy.

Phần III : «Tối cao cố vấn của chính phủ».

Trong phần này, lịch sử đã bị xuyên tạc đôi trắng thay đen về nhiều mặt

(3) Với tôi, Bảo-Đại thường nói tiếng Việt, nhưng vì ông ta nói tiếng Pháp thạo hơn, nên những lúc có những điều thất lên từ đáy lòng thì tự nhiên tiếng Pháp lại bật ra.

và ở nhiều chỗ. Nhưng tôi chỉ kể lại một việc : việc Bảo-Đại đi Trung-quốc mà ông ta gọi là « sự đi đây của tôi » (mon exil).

Theo Bảo-Đại kể, thì việc này đã xảy ra như sau : một hôm, Hồ Chủ tịch yêu cầu Bảo-Đại cầm đầu một phái đoàn đi Trung-quốc. Ông ta đã từ chối và Hồ Chủ tịch đã quyết định, dù không có Bảo-Đại phái đoàn cũng cứ đi. Nhưng ngày hôm sau Bảo-Đại từ trong nhà đi ra, thì gặp một ông tướng Tàu ở nhà bên cạnh và ông này đột nhiên hỏi : « Tại sao Ngài không muốn đi Trung-quốc ? Thật đáng tiếc ! Đáng lẽ Ngài nên lợi dụng dịp ấy, ít ra thì cũng để thăm nước chúng tôi ». Câu hỏi ấy làm cho Bảo-Đại nghĩ rằng : việc gặp gỡ ấy không phải là chuyện tình cờ mà có lẽ là một cách mời hóa trang (invitation déguisée) của Trương-Giới-Thạch đối với ông ta. Cho nên hôm sau, Bảo-Đại lại đến gặp Hồ Chủ tịch và xin cho đi Trung-quốc với tư cách là một nhà du lịch, thì Hồ Chủ tịch đã đồng ý một cách vui vẻ.

Thế là ngày 16 tháng 3-1946, ông ta đáp máy bay từ Hà-nội đi Trung-quốc với phái đoàn của chính phủ gồm 6 người mà ông ta không hề quen biết. Nhưng máy bay chỉ đến Côn-minh, nên ông ta cũng như cả phái đoàn, phải ở lại chờ đợi một tuần lễ, đến 23 mới đi Trùng-khánh được. Kể chuyện về thời gian ở Trùng-khánh. Bảo-Đại đã được Trương-Giới-Thạch đón tiếp và chiêu đãi cực kỳ kính trọng và tao nhã, trong khi đó thì phái đoàn không được ai để ý đến cả và sau nhiều ngày chờ đợi, phải nhờ ông ta can thiệp mới được Trương-Giới-Thạch tiếp tiếp chớp nhóngh và không chính thức ở một ngôi chùa cũ, ngoài thành phố. Bảo-Đại cũng khoe đã được gặp và nói chuyện lâu với tên tướng Mỹ Mac-san !!

Ngày 15 tháng 4, Bảo-Đại cùng với phái đoàn từ Trùng-khánh đáp máy

bay đi Côn-minh về về nước. Lần này, may mắn hơn lần đi. Đến Côn-minh thì có máy bay sắp cất cánh đi Hà-nội. Nhưng chính lúc ông ta sắp bước lên máy bay, thì Bảo-Đại tiếp được một lá thư ngắn của Hồ Chủ tịch bảo ông ta phải ở lại, khi nào cần về sẽ cho biết.

Giả sử những điều kể trên là đúng sự thật hoàn toàn, thì cũng chẳng có gì cho phép Bảo-Đại nói rằng ông ta đã bị dầy đi Trung-quốc.

Nhưng sự thật không phải như vậy mà là như thế này : khoảng 11 giờ đêm 15-3-1946, một người giúp việc cho Bảo-Đại đến đánh thức tôi dậy bảo rằng : « 6 giờ sáng mai mới cụ qua gặp Ngài có việc rất gấp ».

Sáng 16, đúng 6 giờ, tôi đến thì Bảo-Đại cho biết : trong một giờ nữa, ông ta sẽ đi Trung-quốc và nhờ tôi, sau khi ông ta đi, về Huế sắp xếp đưa Ngài Hoàng và các mẹ (tức là vợ con ông) ra Hà-nội. Việc này đã được Hồ Chủ tịch đồng ý.

Qua nét mặt và lời nói của Bảo-Đại tôi cảm thấy ông ta áp ứng, bèn lên nên tôi chào ông ta rồi đi thẳng đến dinh Chủ tịch. Đến đây, tôi xin được gặp Bác, thì Bác cho biết rằng : ông cố vẫn muốn đi Trung-quốc... Các nhà chức trách Trung-hoa ở đây cũng gợi ý nên để cho ông ta đi... Và lại, trước mắt việc cử một phái đoàn đi Trùng-khánh cũng có tác dụng phản nào nên Chính phủ đã đồng ý để cho ông cố vẫn cùng đi Trùng-khánh với phái đoàn.

Tôi từ phòng Cụ Chủ tịch ra thì gặp cố vấn Vĩnh-Thụy cùng ba người nữa vào chào Hồ Chủ tịch đề đi Trung-quốc. Ba người đó là Nghiêm-Kế-Tò (quốc dân đảng), thứ trưởng bộ ngoại giao, Nguyễn-Công-Truyền (Việt minh) và Hà-Thê-Hạnh (đại diện Đảng dân chủ).

Sau khi Vĩnh-Thụy cùng phái đoàn lên xe đi Gia-làm, tôi trở về biệt thự của cố vấn hỏi chuyện những người

ở đó thì họ cho biết rằng: «Tối hôm qua ông Nghiêm-Kế-Tổ đến gặp Ngài một lát, rồi cùng Ngài sang nhà ông tướng Tàu ở bên cạnh họp với nhiều người nữa, mãi đến 11 giờ đêm Ngài mới về và cho người đi mời Cụ sáng mai đến sớm». Cuộc họp này đã được Nghiêm-Kế-Tổ xác nhận như sau: «Đêm hôm đó, Nghiêm-Kế-Tổ đến biệt thự riêng của Cựu hoàng rồi cùng sang nhà bên cạnh gặp Vũ-Hồng-Khanh và Nguyễn-Tường-Tam. Mọi người đều trình bày lợi hại, khuyên Cựu hoàng nên xuất ngoại với tư cách một vị hoàng đế thoái vị di du lịch. Cựu hoàng đồng ý ngay» (Nghiêm-Kế-Tổ: *Việt-nam máu lửa*, Mai Lĩnh xuất bản, Sài-gòn 1954, tr. 95).

Vậy là Bảo-Đại đi Trung-quốc một cách hoàn toàn tự nguyện theo âm mưu đen tối của bọn tàu Tưởng và tay sai của chúng.

Còn việc trở về Hà-nội, thì trái hẳn với lời kể của Bảo-Đại. Nghiêm-Kế-Tổ đã viết: «sau một tháng trời, Cựu hoàng vẫn ở Trùng-khánh. Riêng phái đoàn Nghiêm-Kế-Tổ trở về nước. Văn đề đó đã mặc nhiên như vậy» (sách đã dẫn, tr. 97).

Vả lại, sau ngày 19-12-1946, cuộc kháng chiến toàn quốc nổ ra ít lâu, Hồ Chủ tịch đã cử bác sĩ Phạm-Ngọc-Thạch qua Hồng-kông gặp Vinh-Thụy mời ông ta trở về nước tham gia kháng chiến nhưng ông ta đã từ chối.

Đến tháng 11-1947, tôi lại được trên cử qua Hồng-kông đưa Vinh-Thụy về, nhưng tôi sắp lên đường thì được tin chắc chắn là Vinh-Thụy đã móc ngoặc với chủ cũ nên tôi không đi nữa.

Sự thật rành rành như vậy mà Bảo-Đại lại viết rằng: «Hồ Chủ tịch không muốn tôi trở về. Thật ra là sự có mặt của tôi đã trở nên vướng mắc, bất lợi. Những biểu hiện tình cảm tốt đối với tôi, việc nhân dân tiếp tục

sùng bái bản thân nhà vua là một chướng ngại vật nên ông ta phải trừ khử đi... Đó là lý do duy nhất làm cho tôi trước kia đã bị cách ly ở Săm-son và hiện nay bị đày ở Trung-quốc». Thật là một sự dối trắng thay đen cực kỳ vô liêm sỉ.

Ở đây, cần phân biệt Vinh-Thụy cổ văn của chính phủ cách mạng với Bảo-Đại tên vua bù nhìn đã 20 năm làm tay sai ngoan ngoãn cho thực dân để được ăn chơi phê phởn trên mô hôi, xương máu của nhân dân. Đối với con người thứ nhất, nhân dân đã có lúc biểu thị những tình cảm tốt. Nhưng đối với con người thứ hai, thì nhân dân chỉ có căm thù. Và nếu không có chính sách đại đoàn kết vô cùng nhân đạo của Hồ Chủ tịch, thì chắc chắn Bảo-Đại đã bị nhân dân bắt đền tội rồi.

Trong những ngày đầu mới ra Hà-nội nhận chức cổ văn, Vinh-Thụy cũng đã bước đầu nhận thức được rằng ông ta đã được cách mạng cải tử hoàn sinh và đang được Hồ Chủ tịch tận tâm dìu dắt trên con đường trở về với Tổ quốc, với dân tộc, cho nên ông ta hết sức kính mến, khâm phục Hồ Chủ tịch và đã viết thư về Huế khoe với mẹ rằng «Con ra đây được Cụ Hồ thương như con». Nhưng «mà tâm mã, ngu ngu tâm ngu», Vinh-Thụy đã nhanh chóng móc ngoặc với bọn tàu Tưởng và tay sai của chúng để sang Trung-quốc, rồi ở Trung-quốc lại móc ngoặc với tên tây lai Cút-xô, một viên quan cai trị chuyên nghề mật thám, nổi tiếng gian ác, để trở về làm «quốc trưởng» tay sai cho chủ cũ là thực dân Pháp.

Phần thứ IV: «Quốc trưởng 1949 — 1955».

Trong phần này, Bảo-Đại khoe hết mức «tài giỏi» của ông ta về mọi mặt chính trị, quân sự, ngoại giao, v.v. và những «thành tích» mà ông ta đã đưa lại cho dân, cho nước.

Trên bức tranh rao hàng dăm máu ấy, nổi bật nhất là tư tưởng chống cộng và thành tích diệt cộng.

Về tư tưởng chống cộng, Bảo-Đại khoe ông ta vốn thấm nhuần đến mức đã truyền bá được cho cả một đàn voi biết chống cộng, mà tiêu biểu là con voi « Buồn-com » (hiều tiếng mọi, tiếng Việt và cả tiếng Pháp nữa. Khi những biến cố năm 1945 xảy ra — Bảo-Đại kể — vùng Quảng-trị bị những người cộng sản chiếm giữ « Buồn-com đã từ chối nhất định không chịu làm việc cho họ — Rồi, có lẽ vì tin niệm chính trị (par conviction politique), Buồn-com đã trốn vào rừng và ở lại trong đó trong suốt thời gian tôi vắng mặt. Nhưng sau khi tôi trở về, năm 1949, thì Buồn-com cũng trở về khu rừng riêng của tôi. Mà không phải chỉ có một mình Buồn-com. Nhiều con voi khác cũng kéo nhau trở về với nài của chúng; chắc là những con voi này cũng đã không muốn làm việc cho những người cộng sản » II

Về thành tích diệt cộng, thì Bảo-Đại rất lấy làm tự đắc đã được tên tướng phát xít Phrăng-cô gửi tặng một khẩu súng « để chứng tỏ tình thân hữu và lòng biết ơn » đối với Bảo-Đại vì thành tích chiến đấu chống chủ nghĩa cộng sản.

Nhưng Bảo-Đại tự hào hơn cả là hai thành tích lớn đã được thực dân Pháp ca ngợi: một là đã làm cho « những người theo đạo thiên chúa — một phần năm dân số miền Bắc ?? — đi đến tự vũ trang phát động cuộc Thánh chiến » và đã được tuyên dương trước nghị viện Pháp bởi tiêu ban lãnh thổ hải ngoại như là người « có công lớn trong việc cắt đứt những người công giáo Việt-nam với Việt minh » Hai là đã xây dựng được « một đội quân quốc gia Việt-nam có nhiệm vụ đánh cộng sản » và đã được thống chế Gioang (Juin), tổng thanh tra lực lượng vũ trang Pháp khen rằng: « Đạo quân của

Ngài đánh giỏi, nó thương vong nhiều, vì chưa được rèn luyện đầy đủ trong chiến tranh ».

Khoe công lao của ông ta trong việc xây dựng đội quân quốc gia, Bảo-Đại đã kể: khi tướng Do-Lát, cao ủy kiêm tổng chỉ huy đang ở trên đường đi Niu Oóc xin viện trợ, Bảo-Đại đã gửi cho viên tướng đi cầu viện một bức điện trông đó có đoạn: « Những biện pháp động viên của tôi được tất cả mọi công dân đồng tình và rất tự hào được đặt dưới quyền chỉ huy tối cao của ngài... cho nên quân đội Việt-nam sẽ đem hết nhiệt tình chiến đấu bên cạnh các lực lượng khác của khối Liên hiệp Pháp cho đến thắng lợi cuối cùng và sẵn sàng thấy thế họ dần dần tùy theo phương tiện được cung cấp ».

Khi ghi hai thành tích lớn ấy của hần lên trên giấy trắng mực đen, chắc Bảo-Đại không nghĩ rằng đó là những bằng chứng quá đầy đủ để tên hần bị ghi vào lịch sử như là tên tội phạm chiến tranh lớn nhất của Việt-nam.

Phần thứ V : « Nước Việt-nam hôm nay và ngày mai ».

Trong phần này sau khi kể những thất bại của Mỹ từ Diệm — Nhu đến Thiệu — Kỳ và nịnh bợ bành trướng Bắc-kinh bằng một câu vu khống « Việt minh » « theo đuổi cái mộng một nước Đại Việt bao gồm không những Lào và Cam-pu-chia mà cả những tỉnh Lào cũ của Thái-lan nữa », Bảo-Đại khẳng định rằng « thực nghiệm Pháp, thực nghiệm Mỹ đều đã thất bại, thì Việt-nam nhất định cũng sẽ thấy sự thất bại của thực nghiệm cộng sản ».

« Vậy thì rồi Việt-nam có sẽ xứng đáng được tái hưởng hòa bình không ? »

Trả lời câu hỏi ấy của ông ta tự đặt ra, Bảo-Đại nhắc lại mối quan hệ « tất yếu » « thiêng liêng », giữa trời,

vua và dân, một vấn đề mà ông ta đã nhiều lần nhấn mạnh trong các phần trên và đến đây ông ta tóm tắt lại như sau: "xã hội Việt-nam cũ tập trung tất cả cơ cấu xã hội vào con người của nhà vua. Qua nhà vua, mọi việc đều được tiến hành một cách tôn nghiêm cho đến tận xóm làng. Nhưng nhà vua chỉ đem lại cho việc làm ấy tính cách thiêng liêng, thần thánh bằng cách ra lệnh hoặc giám sát, chứ không tự mình đảm đương việc gì cả. Lý tưởng của Việt-nam là nhà vua đủ sáng suốt để trị vì mà không hoạt động. Yếu tố ấy bị bỏ đi, như đã xảy ra năm 1945, thì tất cả bị đe dọa nghiêm trọng. Nhưng khi thiêng của trời đất luôn luôn thâm nhập vào nước nhà và cảm nghĩ chiếm ưu thế nhất là đã rất gần đến lúc phục hồi được nền nếp cũ dưới hình thức mới".

Nói đến đây, Bảo-Đại ca ngợi hết lời đức hy sinh lớn lao, cao cả, phi thường của nhân dân Việt-nam. Nhưng ông ta lại đánh giá sự hy sinh phi thường ấy như là một thông điệp gửi cho tất cả các nước, một thông điệp "không còn là một lời kêu gọi" như trước nữa mà "đã trở nên một sự thật vắn", tức là một sự đòi hỏi những người bị chất vấn, phải trả lời, phải hành động.

Nội dung của sự đòi hỏi ấy đã được Bảo-Đại nói lên rất rõ trong đoạn văn vừa trích dẫn trên. Bảo-Đại đòi hỏi tất cả các nước để quốc thực dân

và chư hầu lớn, nhỏ trên khắp thế giới phải dốc hết mọi phương tiện giết người hiện đại nhất, quét sạch chủ nghĩa cộng sản trên quả đất để đưa ông ta trở về Việt-nam lấy lại ngôi vua lý tưởng - trị vì mà không hoạt động - để được hàng ngày tự do ăn chơi, cờ bạc, tự do săn bắt từ các thú dữ cho đến các cô gái xấu số và chỉ cần ba năm một lần, sau một đêm trai giới, lên đàn nam giao tế trời là đủ đem lại hạnh phúc cho nhân dân Việt-nam!

Hình ảnh tên vua cờ bạc, hoang dâm, trụy lạc đã phát điên ấy làm cho tôi vô cùng hối hận, đau xót đã tách Bảo-Đại ra khỏi tay Phạm-Quỳnh và đặt vào mồm hắn những lời nói mà bọn phản quốc đã lợi dụng để tô vẽ hắn thành « người công dân yêu nước số một của dân tộc Việt-nam » (Nghiêm-Kế-Tô, sách đã dẫn, tr. 96) và đẩy hắn đến chỗ đã trở nên tên tội phạm chiến tranh lớn nhất của Việt-nam mà cứ vẫn tự khoe là yêu nước thương dân.

Thực ra lúc đó tôi chỉ cố gắng thực hiện cho tốt nhất khẩu hiệu « đoàn kết là sống, chia rẽ là chết ». Và hôm nay, số di tôi phải công khai kể lại một số sự kiện như trên cũng không ngoài mục đích làm sáng tỏ sự thật lịch sử và qua đó góp phần muốn một vào sự nghiệp xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

« ТАПЧИ КОНГШАН » № 11 — 1982 г.

ПЕРЕДОВАЯ — Построить Хошимин прекрасным и богатым социалистическим городом. ★★ — Экономия — большая государственная политика. **ТЮ ГЮИ МАН** — Успешно противостоять всесторонней подрывной деятельности, проводимой пекинскими экспансионистами и гегемонистами. **ДАНГ ХЫУ** — 65-летие развития советской науки и техники. **ОБМЕН МНЕНИЯМИ** — Ценности духовной культуры Вьетнама (Нгуен Винь, Ле Тхи, Ле Куи Дык, Чыонг Тинь, Нгуен Ван Хань, Нонг Куок Тьан, Ньуан Ву). **ЛЕ ВАН ЗЯНГ** — О работе в области высшего и среднего специального образования в предстоящее десятилетие. **ФАМ КХАК ХЮЭ** — « Аннамский дракон » изрыгает сущность предателя родины и преступника Бао Дая.

REVIEW OF COMMUNISM N° 11-1982

Editorial — Making Hồ Chí Minh City a Prosperous and Beautiful Socialist City. ★★ — Practice of Thrift, a Great National Policy. **CHU-HUY-MÂN** — We Are Determined to Defeat the Many-Sided War of Destruction by the Beijing Expansionist and Hegemonist Clique. **ĐĂNG-HỮU** — Sixty-Five Years of Scientific and Technological Development of the Soviet Union. **Exchange of Views** : Vietnam's Cultural and Spiritual Values (by Nguyễn-Vĩnh, Lê-Thị, Lê-Quý-Đức, Trương-Chinh, Nguyễn-Văn-Hạnh, Nông-Quốc-Chấn and Nhuận-Vũ). **LÊ-VĂN-GIANG** — On the Work of Higher and Vocational Education in the Ten-Year Period Ahead. **PHẠM-KHẮC-HOÈ** — The « Annamese Dragon » Lays Bare Bao Dai's Traitorous Nature and Towering Crime.

REVUE DU COMMUNISME N° 11-1982

Editorial — Edifier Hồ Chí Minh-ville en une ville socialiste belle et prospère. ★★ — Economiser — une grande politique nationale. **CHU-HUY-MÂN** — Résolus à mettre en échec la guerre de sabotage multiforme des expansionnistes et hégémonistes chinois. **ĐĂNG-HỮU** — 65 années de développement scientifico-technique de l'URSS. **Echanges de vues** — Les valeurs de la culture spirituelle du Vietnam (Nguyễn-Vĩnh, Lê-Thị, Lê-Quý-Đức, Trương-chinh, Nguyễn-Văn-Hạnh, Nông-Quốc-Chấn, Nhuận-Vũ). **LÊ-VĂN-GIANG** — Sur l'enseignement supérieur et secondaire professionnel dans les dix années à venir. **PHẠM-KHẮC-HOÈ** — « Le Dragon d'Annam » crache la vérité sur la trahison et les grands crimes de Bảo-Dại.

REVISTA DEL COMUNISMO N° 11-1982

Editorial — Convertir Ciudad Hồ Chí Minh en una ciudad socialista bella y próspera. ★★ — El ahorro — una gran política nacional. **CHU-HUY-MÂN** — Estar decididos a vencer la guerra de sabotaje multifacético de los expansionistas y hegemonistas de Pekín. **ĐĂNG-HỮU** — 65 años del desarrollo científico y técnico de la Unión Soviética. **Intercambio de vistas** — Los valores de la cultura espiritual de Viet Nam (Nguyễn-Vĩnh, Lê-Thị, Lê-Quý-Đức, Trương-Chinh, Nguyễn-Văn-Hạnh, Nông-Quốc-Chấn, Nhuận-Vũ). **LÊ-VĂN-GIANG** — Acerca de la enseñanza superior y media profesional en los diez años inmediatos. **PHẠM-KHẮC-HOÈ** — « El dragón de Annam », escupe la naturaleza traidora y el crimen insólito de Bảo-Dại.

TẠP CHÍ CỘNG SẢN

Số 11

1982

NĂM THỨ XXVII (323)

TRƯ SỞ BỘ BIÊN TẬP :

1. Nguyễn-Thượng-Hiền, Hà-nội

Điện thoại : 52061, 52062

**TRƯ SỞ CƠ QUAN THƯỜNG TRƯỞNG
TẠI MIỀN NAM :**

19, Duy-Tân, T. P. Hồ-Chí-Minh

Điện thoại : 25768, 22040

MỤC LỤC

Thông báo của Ban chấp hành trung ương Đảng Cộng sản Việt-nam... về việc đồng chí L.I. Brê-giơ-nép từ trần	
Lời diếu văn của Ban chấp hành trung ương Đảng Cộng sản Việt-nam...	
Xã luận — Xây dựng thành phố Hồ-Chí-Minh thành một thành phố xã hội chủ nghĩa giàu đẹp	1
★★★ — Tiết kiệm — một quốc sách lớn	9
CHU-HUY-MÃN — Quyết tâm đánh thắng kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của bọn bành trướng bá quyền Bắc-kinh	15
ĐẶNG-HỮU — 65 năm phát triển khoa học và kỹ thuật của Liên-xô	24
Trao đổi ý kiến — Giá trị văn hóa tinh thần của Việt-nam (Nguyễn- Vinh, Lê-Thị, Lê-Quý-Dức, Trương-Chính, Nguyễn-Văn-Hạnh, Nông-Quốc-Chấn, Nhuận-Vũ)	32
LÊ-VĂN-GIANG — Về công tác giáo dục đại học và trung học chuyên nghiệp trong chặng đường mười năm trước mắt	52
PHẠM-KHẮC-HOÈ — « Con rồng An-nam » phun ra bản chất phản bội và tội ác tày trời của Bảo-Đại.	58

67-52

KỶ NIỆM LẦN THỨ 65 CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA THÁNG MƯỜI VĨ ĐẠI

(7 - 11 - 1917 — 7 - 11 - 1982)

Đọc :

HỒ - CHÍ - MINH

Lê-nin và chủ nghĩa Lê-nin

LÊ - DUẨN

Chủ nghĩa Lê-nin và cách mạng Việt-nam

★ ★ ★

Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười vĩ đại

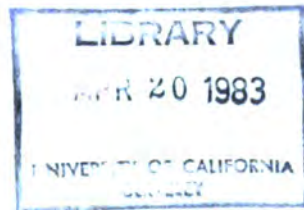


NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT

Tạp chí Công sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT-NAM

MAIN/UC-B



12

12.1982

Xã luận

Không ngừng củng cố quốc phòng, bảo vệ vững chắc Tờ quốc xã hội chủ nghĩa



Việt Nam trên mảnh đất có vị trí rất xung yếu ở Đông Nam châu Á, ở ngã ba chiến lược trên đường giao thông thủy bộ từ Đông sang Tây, từ Bắc xuống Nam, từ đất liền ra biển cả, bên cạnh những thế lực bành trướng lâu đời, có lực lượng lớn hơn mình gấp bội, ngay từ những buổi đầu, ông cha ta đã nhận ra cái thế « có cứng mới đứng đầu gió » của Tờ quốc, luôn chủ động kết hợp sự nghiệp dựng nước với sự nghiệp giữ nước.

« Giặc đến nhà đàn bà cũng đánh », đó là cái quyết tâm đã trở thành đạo lý thông thường của xã hội Việt-nam, phản ánh tinh thần bất khuất của toàn dân tộc mà Hồ Chủ tịch đã sớm chỉ ra sức mạnh vô địch: « Nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước » (1).

Sang thời đại mới, những thắng lợi của cách mạng Việt-nam dẫn đến việc thiết lập chính quyền chuyên chính vô sản đầu tiên ở Đông Nam Á, việc đánh bại những tên trùm xâm lược tiêu biểu của chủ nghĩa thực dân cũ và mới, đưa toàn dân tộc ta tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội.

Nhân dân hai nước Lào và Cam-pu-chia anh em cùng với nhân dân ta đoàn kết chặt chẽ trong một chiến tuyến chung.

Trong thời kỳ này, những sự kiện có tầm quan trọng như trên không thể không đưa đến cho toàn dân tộc ta những thử thách mới. Cùng với các lực lượng cách mạng và hòa bình thế giới kiên quyết đánh bại sự phản kích của chủ nghĩa đế quốc đứng đầu là đế quốc Mỹ, vì hòa bình, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, làm thất bại âm mưu thôn tính của chủ nghĩa sô vanh đại Hán tộc, vì độc lập dân tộc, hòa bình và ổn định ở Đông-dương và Đông Nam châu Á. Dùng như V. I. Lê-nin đã từng phân tích về cuộc cách mạng vô sản ở Nga: « Cuộc cách mạng của chúng ta, so với bất cứ cuộc cách mạng nào khác, đã chứng minh quy luật này một cách rõ rệt hơn: lực lượng của một cuộc cách mạng, sức tiến công của nó, nghị lực của nó, tính kiên quyết và thắng lợi của nó cũng đồng thời làm cho sức phản kháng của giai cấp tư sản tăng thêm » (2).

(1) Hồ-Chí-Minh: Về vấn đề quân sự, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1976, tr. 185.

(2) V. I. Lê-nin: Toàn tập, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1968, tập 30, tr. 572.

Với luận điểm này, Lê-nin đã chỉ rõ một vấn đề có tính quy luật : sức liên công của cách mạng càng mạnh, thắng lợi của nó càng lớn, thì phản ứng của kẻ thù càng quyết liệt. Người cũng phê phán nghiêm khắc những người cộng sản nào không đặt vấn đề bảo vệ chủ nghĩa xã hội « với tư cách là tổ quốc » một cách nghiêm túc. tương sẽ có thể « yên ngủ trên chiếc gối hòa bình » sau khi cách mạng đã giành được thắng lợi.



Sau Việt-nam, sự suy yếu của bọn đế quốc và phản động kèm theo những phản ứng điên cuồng, đã dẫn đến một tất yếu lịch sử : những lực lượng tiêu biểu cho ba dòng thác cách mạng ở vùng này tất phải đương đầu và nhất thiết phải đánh thắng cuộc chiến tranh xâm lược của những thế lực phản bội và phản động ở đây.

Đã từ lâu, nhận thấy ở cách mạng Việt-nam một đối thủ đáng gờm, bọn phản động trong giới cầm quyền Trung-quốc đã tìm mọi cách hạn chế thắng lợi của nhân dân ta, âm mưu chia cắt lâu dài đất nước ta, kìm giữ ta trong trạng thái « không yếu không mạnh »... Tiếp sau đó chúng công khai tiến hành chiến tranh xâm lược nước ta từ hai phía : tây nam và bắc. Chúng đã bị nhân dân ta đánh bại.

Cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt mà bọn phản động Trung-quốc đang xúc tiến chống các nước Đông-dương với sự đồng lõa của bọn đế quốc hiểu chiến đấu đầu là đế quốc Mỹ nhằm « chích mũi kim cho chảy máu » chính là sự tiếp tục những toan tính chiến lược đó. Một mặt nó phơi trần cái mưu đồ thâm độc « tỏ mặt đục bờ đê » quen thuộc của chúng, mặt khác nó cũng phản ánh cái thế « muốn nuốt nhưng chưa nhai nổi » của chúng. Lô gích bất buộc chúng « còn rần rầy nản cho mềm ».

Tất nhiên ta không thể máy móc nhận định rằng khi chúng chưa bóp được cho mềm thì chúng tuyệt đối không nuốt. Một là vì sự đánh giá cứng mềm còn tùy quan điểm và phương pháp xem xét của mỗi bên. Hai là vì những kẻ tranh bá đồ vương trong giới cầm quyền phản động Bắc-kinh thường dùng các thủ thuật đối ngoại quyết liệt để xử lý các mâu thuẫn nội bộ.

Trong thế cô lập và suy yếu, bọn phản động trong giới cầm quyền Bắc-kinh có lúc cũng buộc phải điều chỉnh sách lược, bớt giọng hung hăng. Đại hội thứ 12 của Đảng cộng sản Trung-quốc do Đặng thao túng, đang cố gây ấn tượng đã có những bước ngoặt trong đường lối đối nội và đối ngoại của tập đoàn lãnh đạo ở Bắc-kinh. Song bản chất của chủ nghĩa bành trướng bá quyền Trung-quốc với âm mưu làm suy yếu tiến lên thôn tính các nước Đông-dương trước sau vẫn không có gì thay đổi.

Trong tình thế bọn đế quốc hiểu chiến Mỹ đang hồ hê giành lại ưu thế về quân sự trên thế giới, bọn bành trướng bá quyền Trung-quốc ngày sát nách ta đã chuẩn bị sẵn lực lượng và thế trận, sắp sẵn phương án ra quân, thường xuyên khiêu khích và lấn chiếm bên ngoài, tìm mọi cách lợi dụng những sơ hở bên trong, hết sức tập hợp và kích động bọn phản động nội địa theo kẻ « nội công, ngoại kích »... thì ta phải hết sức cảnh giác đề phòng, kiên quyết làm thất bại kế hoạch chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch, kiên trương chuẩn bị mọi mặt đề sẵn sàng đối phó với chiến tranh xâm lược quy mô lớn.



Trong giai-đoạn mới của cách mạng nước ta, đi đôi với nhiệm vụ xây dựng đất nước, Đảng ta coi cũng cố quốc phòng là một nhiệm vụ cơ bản, thường xuyên, lâu dài của toàn Đảng, toàn dân. Quốc phòng phải được xây dựng vững mạnh đủ sức đánh bại mọi cuộc chiến tranh xâm lược của bọn đế quốc và phản động, bảo đảm an toàn cho sự nghiệp xây dựng đất nước. Ngược lại, có xây dựng được đất nước ngày càng giàu mạnh mới tạo được cơ sở vững chắc cho một nền quốc phòng vững mạnh lâu dài, mới có đủ sức đánh thắng mọi cuộc chiến tranh xâm lược, bảo vệ vững chắc sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội trên cả nước.

Một quan điểm cơ bản trong đường lối bảo vệ Tổ quốc của Đảng ta là **gắn chặt nền quốc phòng toàn dân với chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc, với việc giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.** Một mặt, quốc phòng toàn dân, với lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt, phải luôn luôn ở tư thế sẵn sàng đối phó thắng lợi với chiến tranh xâm lược bất kể lúc nào, với bất cứ kẻ thù nào. Phải sẵn sàng cả về thể trận và lực lượng, cả về ý chí tư tưởng và các phương án phòng thủ. Khi đã luôn luôn sẵn sàng về mọi mặt thì chúng ta hoàn toàn chủ động, không mắc mưu địch khiêu khích, gây căng thẳng hồng lăm ta mỗi một, suy yếu. Mặt khác, xây dựng nền quốc phòng toàn dân phải gắn chặt với giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội. Các lực lượng vũ trang nhân dân phải cùng với toàn Đảng, toàn dân kiên quyết trấn áp mọi phản động nội địa, bọn cố tình gây rối, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, coi đó không chỉ là nhiệm vụ của công an nhân dân mà còn là nhiệm vụ của toàn dân, của tất cả các lực lượng vũ trang, lấy lực lượng công an nhân dân làm nòng cốt. Trước hết các lực lượng vũ trang nhân dân phải cùng với toàn Đảng, toàn dân làm thất bại chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch, làm thất bại các thủ đoạn bao vây kinh tế, phá rối thị trường, các thủ đoạn chiến tranh tâm lý và chiến tranh gián điệp... của chúng. Địch cố ý dùng chiến tranh phá hoại để chuẩn bị điều kiện, chuẩn bị địa bàn cho chiến tranh xâm lược quy mô lớn. Có kiên quyết làm thất bại thật sự chiến tranh phá hoại của địch, mới bảo vệ được sản xuất và đời sống của nhân dân ta, mới củng cố được cơ sở kinh tế chính trị, xã hội vững mạnh cho nền quốc phòng toàn dân, mới xây dựng được hậu phương an toàn vững mạnh cho chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc.

Trong điều kiện cả hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng đất nước và bảo vệ đất nước đều cấp bách thì yêu cầu có tính chất chiến lược trong giai đoạn mới của chúng ta là **phải làm cho đất nước nhanh chóng mạnh lên về mọi mặt, cả kinh tế, chính trị, quân sự, văn hóa và khoa học kỹ thuật.** Để đưa toàn dân tộc ra khỏi những khó khăn trước mắt cả về sản xuất và đời sống trong giai đoạn đầu của thời kỳ quá độ, chúng ta phải khai thác và sử dụng tốt mọi tiềm năng sẵn có của đất nước, của dân tộc, sử dụng với hiệu suất cao nhất mọi viện trợ của Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác, của các nước bạn trên thế giới, tạo ra ngày càng nhiều của cải vật chất và tinh thần cho xã hội. Nền quốc phòng của chúng ta phải dựa trên sức mạnh của toàn dân ta, của toàn bộ chế độ xã hội chủ nghĩa đang được xây dựng trên đất nước ta, với những thành tựu về chính trị, kinh tế, văn hóa và khoa học kỹ thuật của chế độ. Đó là sức mạnh tổng hợp của cả dân tộc ta trong kỷ nguyên mới, gắn liền với sức mạnh của ba dòng thác cách mạng của thời đại. Nói về sức mạnh bảo vệ Tổ quốc của toàn dân ta, ngay từ những ngày đầu kháng chiến, tháng 6-1947, Hồ Chủ tịch đã căn dặn: "Sự đồng lòng của

đồng bào ta đúc thành một bức tường đồng xung quanh Tổ quốc. Dù địch hung tàn, xảo quyệt đến mức nào, đụng đầu nhằm bức tường đó, chúng cũng phải thất bại » (3).

Muốn có những thành tựu to lớn về mọi mặt thì phải triệt để tăng cường chế độ làm chủ tập thể của nhân dân lao động về mọi mặt, vì đó vừa là mục tiêu vừa là động lực của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Chỉ có thật sự phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động trong mọi lĩnh vực xây dựng đất nước mới triệt để phát huy được quyền làm chủ của nhân dân trong lĩnh vực bảo vệ Tổ quốc.

Sự đoàn kết hợp tác toàn diện giữa ta với Liên-xô, với hai nước Lào và Cam-pu-chia anh em, đoàn kết hợp tác với các nước xã hội chủ nghĩa khác, sự ủng hộ chí tình của các lực lượng cách mạng và tiến bộ trên thế giới... là những yếu tố vô cùng quan trọng tạo nên sức mạnh to lớn đó.

Theo quan điểm chiến tranh nhân dân và quốc phòng toàn dân, **phải xây dựng lực lượng vũ trang** có quân chủ lực mạnh và quân địa phương mạnh để bảo đảm vừa có những lực lượng cơ động đánh quân địch những đòn quyết định khi có thời cơ, vừa có lực lượng tại chỗ, làm chủ vững chắc từng địa phương, liên công mạnh mẽ và rộng khắp ở bất cứ nơi nào địch đến.

Phải xây dựng cân đối và đồng bộ giữa lực lượng thường trực và lực lượng dự bị để chủ động đối phó với mọi tình huống: khi chưa có chiến tranh và khi địch bất thần phát động chiến tranh xâm lược lớn. Lực lượng dự bị cần được tổ chức, quản lý và huấn luyện thành nền nếp, sẵn sàng bổ sung cho lực lượng thường trực khi cần thiết.

Quân đội nhân dân cần được củng cố và tăng cường cả về bản chất cách mạng, về tổ chức, chỉ huy, quản lý. . không ngừng nâng cao trình độ chính quy và hiện đại, phù hợp với yêu cầu của nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới.

Các lực lượng vũ trang phải giữ gìn và sử dụng thật tốt các trang bị kỹ thuật, coi đó là tài sản chung của đất nước giao cho bộ đội để đánh giặc, giữ nước. Các lực lượng vũ trang phải luôn luôn nhìn thật rõ kẻ thù, chỉ huy và chiến sĩ phải đoàn kết chặt chẽ, sẵn sàng chiến đấu cao, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao phó, xứng đáng là công cụ tin cậy của nền chuyên chính vô sản trong sự nghiệp bảo vệ chế độ, bảo vệ thành quả cách mạng, bảo vệ lao động sáng tạo của nhân dân, hoàn thành xuất sắc nghĩa vụ quốc tế.

Những lực lượng vũ trang làm nòng cốt cho toàn dân đánh giặc phải được thường xuyên rèn luyện, nuôi dưỡng và chăm sóc tốt một cách tỉ mỉ, công phu, trong điều kiện sức lực của dân cho phép.

Chăm lo hơn nữa đời sống vật chất và tinh thần của bộ đội, thực hiện tốt các chính sách đối với gia đình liệt sĩ, thương binh và quân nhân tại ngũ, là thiết thực khuyến khích mọi người làm tốt nghĩa vụ quân sự.

Phải thường xuyên chăm lo củng cố mối quan hệ quân dân máu thịt, phát huy truyền thống « quân dân cá nước », khắc phục các hiện tượng vi phạm chính sách và kỷ luật quân chúng.

(Xem tiếp trang 24)

(3) Hồ-Chí-Minh : *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1980, tập 1, tr 419.

NGÀY HỘI LỚN CỦA CẢ LOÀI NGƯỜI TIẾN BỘ

NGÀY 30 tháng 12 năm 1982, nhân dân Liên-xô anh em và cả loài người tiến bộ long trọng kỷ niệm lần thứ 60 ngày thành lập Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô viết, một trong những thành quả vĩ đại nhất của Cách mạng Tháng Mười. Trong những ngày này, trên khắp đất nước Xô viết bao la đang dâng lên cao trào lao động yêu nước nhằm tiến tới những đỉnh cao mới trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa cộng sản, như Đại hội XXVI Đảng cộng sản Liên-xô đề ra. Hòa nhịp với nhân dân Liên-xô anh em, nhân dân Việt-nam cũng đón chào ngày hội lớn bằng những thành tích mới trong lao động xây dựng đất nước, trong chiến đấu bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Bộ chính trị Ban chấp hành trung ương Đảng ta đã ra nghị quyết về tổ chức kỷ niệm ngày hội lớn này nhằm nêu cao « ý nghĩa lịch sử to lớn của việc thành lập Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô viết, thành quả rực rỡ của chủ nghĩa Mác — Lê-nin, của chính sách dân tộc lệ nện nít của Đảng và Nhà nước xô viết, những thành tựu của nhân dân Liên-xô..., những kinh nghiệm quý báu, những gương chiến đấu và lao động quên mình của nhân dân Liên-xô; chính sách đối ngoại yêu chuộng hòa bình của Đảng và Nhà nước Liên-xô », đồng thời « kết hợp với việc quán triệt và thực hiện các nghị quyết của Đại hội lần thứ V của Đảng ... nâng cao lòng tin của nhân dân ta vào đường lối đối nội và đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta, tăng cường tình hữu nghị và hợp tác toàn diện với Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác..., tăng cường tình đoàn kết chiến đấu với các lực lượng cách mạng và tiến bộ trên thế giới... ».



Quá trình thống nhất và phát triển của các dân tộc xô viết là quá trình thực hiện chính sách dân tộc do Lê-nin đề ra. Những nguyên tắc của chính sách ấy được thực hiện trước hết ở nước Nga nhiều dân tộc (Liên bang Nga), sau đó được mở rộng và đưa đến sự ra đời của một loạt nước cộng hòa độc lập. Đến ngày 30 tháng 12 năm 1922, Đại hội I Xô viết toàn quốc gồm đại biểu của bốn nước cộng hòa liên bang — Nga, U-crai-na, Da-cá-p-ca-dơ (gồm A-giéc-bai-giăng, Ác-mê-ni-a, Gru-di-a) và Bê-lô-rút-xi-a—đã phê chuẩn Tuyên bố và Hiệp ước về thành lập Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô viết (Liên-xô). Trong diễn

vấn bề mặt Đại hội, vị đứng đầu Nhà nước là M. I. Ca-li-nin nói: « Hàng nghìn năm nay, những trí tuệ ưu tú của loài người đã luôn luôn suy nghĩ về một vấn đề lý luận là tìm ra những hình thức tạo ra cho các dân tộc khả năng sống trong tình hữu nghị và anh em mà không có những đau khổ cực kỳ lớn, không có đấu tranh lẫn nhau. Chỉ đến bây giờ, ngày hôm nay, viên đá đầu tiên theo hướng đó mới được thực tế đặt ra ».

Lần đầu tiên trong lịch sử, chính là Đảng bốn sè vích Nga và Lê-nin vĩ đại đã tìm ra hình thức liên bang xô viết và đặt viên đá đầu tiên cho tòa nhà liên bang thế giới. Trong đó các dân tộc sẽ sống hòa hợp với nhau dưới chế độ cộng sản chủ nghĩa. Ngay từ trước Cách mạng Tháng Mười, trong một học thuyết hoàn chỉnh về quy luật phát triển của các dân tộc, Lê-nin đã chứng minh toàn diện rằng việc giải quyết vấn đề dân tộc một cách thật sự phải gắn liền với cách mạng xã hội chủ nghĩa, với thắng lợi của chủ nghĩa xã hội, bằng cách kết hợp làm một cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân với phong trào giải phóng dân tộc.

Một trong những vấn đề trung tâm của lý luận của Lê-nin là chủ nghĩa quốc tế vô sản. Việc thực hiện nguyên tắc đó trong xây dựng đảng và trong chính sách cụ thể có ý nghĩa cực kỳ quan trọng đối với công cuộc giải phóng dân tộc và giải phóng xã hội. Thực hiện lời dạy của Lê-nin, Đảng công nhân xã hội – dân chủ Nga đã được thành lập không phải như một đảng của người Nga, mà là đảng của nước Nga, đại diện cho lợi ích của tất cả các dân tộc: đảng viên không phải người Nga chiếm 36%, trong đó có nhiều người U-crai-na, Lit-va, Do thái, Gru-di-a, Ba-lan, Ác-mê-nt-a..., tất cả là hơn 30 dân tộc. Và tại Đại hội X của mình năm 1921, Đảng đã ra nghị quyết là nước Cộng hòa Nga phải giúp đỡ toàn diện về tài chính, kỹ thuật – khoa học, cán bộ, chuyên gia cho các dân tộc biên khu để họ nhanh chóng phát triển đuổi kịp vùng trung tâm.

Lê-nin coi thực chất của việc giải quyết vấn đề dân tộc là sự bình đẳng hoàn toàn của các dân tộc, quyền tự quyết của các dân tộc cho đến cả quyền được tách riêng. Đây là vũ khí mạnh mẽ để giáo dục chủ nghĩa quốc tế cho công nhân và đoàn kết hết thảy nhân dân lao động, tất cả các dân tộc bị áp bức chung quanh giai cấp công nhân, làm cho họ đứng về phía chủ nghĩa Mác, chủ nghĩa bốn sè vích. Tuy nhiên, theo Lê-nin, không thể lẫn lộn quyền tự quyết cho đến cả quyền được tách riêng với vấn đề tách riêng như thế nào là thích hợp. Việc bảo vệ quyền đó để chống chính sách áp bức dân tộc của Xa hoàng hoàn toàn không trái với khả năng thống nhất thành một Nhà nước xã hội chủ nghĩa lớn nhiều dân tộc. Theo Lê-nin, « ... Lần đầu tiên những nhu cầu chính đáng và những nguyện vọng tiến bộ của quần chúng lao động thuộc mọi dân tộc được thỏa mãn trong sự đoàn kết quốc tế... » (1).

Một trong những nguyên tắc của sự thống nhất các dân tộc mà Lê-nin đề ra là nguyên tắc tự nguyện: « Nước Cộng hòa của nhân dân Nga phải lôi cuốn các dân tộc hay bộ tộc khác, không phải bằng bạo lực, mà chỉ bằng một sự thỏa thuận tự nguyện về lập một Nhà nước chung mà thôi » (2). Trong thực tế, quá trình thành lập Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô viết là một quá trình giáo dục công phu, chuẩn bị đầy đủ điều kiện, thử nghiệm trong thực tế rồi mới đi đến tự nguyện liên hiệp. Trong quá trình ấy, Lê-nin luôn luôn đấu

(1) V. I. Lê-nin: Toàn tập, Nxb Tiến-bộ, Mát-xcơ-va, 1980, tập 26, tr. 46.

(2) V. I. Lê-nin: Toàn tập, tiếng Nga, tập 32, tr. 154.

tranh chống chủ nghĩa cơ hội hữu xuýt lạc nội dung giai cấp của vấn đề dân tộc, cũng như chống chủ nghĩa hư vô dân tộc phủ nhận đặc điểm dân tộc, lịch sử, văn hóa, truyền thống của mỗi dân tộc. Lê-nin nhấn mạnh rằng ý muốn phát triển tất cả những gì là liên tiến, là ưu tú trong mỗi dân tộc — cơ sở của lòng tự hào dân tộc — không hề trái ngược với lợi ích của chủ nghĩa xã hội, của giai cấp công nhân.



Trải qua 60 năm, chính sách dân tộc lê nin nít đã đem lại những thành quả rực rỡ chẳng những trong hệ thống chính trị xã viết, mà cả trong tất cả các lĩnh vực khác của đời sống chính trị, xã hội, văn hóa.

Liên-xô ngày nay gồm 15 nước cộng hòa liên bang, 20 nước cộng hòa tự trị, 8 tỉnh tự trị và 10 khu tự trị. Số dân Liên-xô là 250 triệu; trong đó người Nga chiếm ước chừng một nửa, còn một nửa là hơn 100 dân tộc và bộ tộc khác. Có những dân tộc lớn như U-crat-na gồm hơn 50 triệu dân, nhưng cũng có những nhóm nhân chủng nhỏ đến khi chưa đầy 1000 người. Có những dân tộc gần gũi nhau về nguồn gốc và ngôn ngữ và có lịch sử thành văn từ lâu như các dân tộc Nga, U-crat-na, Bê-lô-rút-xi-a, nhưng cũng có những dân tộc chỉ mới có Nhà nước của mình dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, như Ác-mê-ni-a. Tuy khác nhau, nhưng tất cả đều đã trở thành những dân tộc xã hội chủ nghĩa bình đẳng, hữu nghị, hợp tác anh em, phát triển tương đối đồng đều về mọi mặt trong đại gia đình xã viết.

Về mặt lập pháp, Xô viết tối cao Liên-xô gồm hai viện — Viện liên bang và Viện dân tộc. Quyền hạn và số lượng đại biểu của hai viện ngang nhau. Mỗi nước cộng hòa liên bang cử vào Viện dân tộc 32 đại biểu, mỗi nước cộng hòa tự trị — 11, mỗi tỉnh tự trị — 5, mỗi khu tự trị — 1, tổng cộng là 750 đại biểu. Ví dụ, hai nước Lát-vi-a (2,5 triệu dân) và U-crat-na (50,3 triệu dân) đều có một số đại biểu ngang nhau trong Viện dân tộc. Còn việc bầu Viện liên bang thì được tiến hành theo sự phân chia khu vực với số dân ngang nhau. Như vậy, Viện liên bang tiêu biểu cho lợi ích và nhu cầu của nhân dân Liên-xô như một khối thống nhất, còn Viện dân tộc, ngoài ra, còn tiêu biểu cho lợi ích riêng của các dân tộc và bộ tộc.

Sự bình đẳng về pháp lý đi đôi với sự bình đẳng thực tế của các dân tộc. 60 năm qua, trong mọi lĩnh vực của đời sống các dân tộc đã có những biến đổi cực kỳ to lớn. Tình trạng lạc hậu về kinh tế — văn hóa của các vùng biên khu dân tộc dưới thời Xa hoàng đã lui về dĩ vãng từ lâu. Công nghiệp hiện đại và nông nghiệp lớn đã được xây dựng ở khắp mọi nơi. Một loại dân tộc đã tiến lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Thậm chí về nhiều ngành sản xuất, nhiều nước cộng hòa ngày nay đã vượt chỉ tiêu trung bình của toàn liên bang. Trong 60 năm, trong lúc sản xuất công nghiệp chung của cả nước tăng 483 lần, thì sản xuất công nghiệp của Kiéc-ghi-di-a tăng 666 lần, Ca-dắc-xtan — 896 lần, Tát-gi-ki-xtan — 822 lần, Ác-mê-ni-a — 945 lần và Môn-da-vi-a — hơn 900 lần...

Năm 1924, ở U-dơ-bếch-ki-xtan chỉ có vài xưởng làm gạch, làm dầu ăn và thủ công nghiệp. Mặc dù điều kiện thiên nhiên rất thuận lợi cho nghề trồng bông, mức thu hoạch bông chưa đầy 200 000 tấn. Ngày nay, U-dơ-bếch-ki-xtan đã trở thành một tổ hợp nông — công nghiệp lớn, chẳng những thu hoạch

được 6 triệu tấn bông hằng năm, mức cao nhất trên thế giới, mà còn có năng lượng khí đốt mạnh, có ngành luyện kim màu phát triển, có đồng, có vàng. Mức sống của nhân dân cao, toàn bộ lối sống của nhân dân thay đổi. Có được những thay đổi đó là nhờ gia nhập Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô viết.

Nền kinh tế của các nước cộng hòa xô viết đã được xã hội hóa rộng rãi, bổ sung lẫn cho nhau. Mô muối ca li phát hiện ở Bê-lô-rút-xi-a cho phép xây dựng công nghiệp hóa chất ở đây (sản xuất 1/2 phân ca li ở Liên-xô). Điều kiện chế tạo máy móc ở Bê-lô-rút-xi-a thuận lợi: nước cộng hòa sản xuất 1/5 mô tô, 1/6 máy kéo, 1/10 tủ lạnh của toàn Liên-xô. Nhưng các ngành chế tạo máy và hóa chất của Bê-lô-rút-xi-a không thể có được nếu không có dầu, than, kim loại từ Xi-bia, U-crai-na và các nước cộng hòa khác đưa đến.

Đi đôi với sự phồn vinh về kinh tế là sự phồn vinh về văn hóa của các dân tộc xô viết. Bộ mặt tinh thần của con người xô viết ngày nay cực kỳ đa dạng và phong phú. Nền văn hóa thống nhất của nhân dân Liên-xô trân trọng, thu hút tất cả những gì có giá trị, có ý nghĩa chung trong thành tựu và truyền thống văn hóa nghệ thuật của tất cả các dân tộc xã hội chủ nghĩa, đồng thời nó rộng hơn, có tính chất nhiều mặt hơn so với nền văn hóa của mỗi dân tộc nói riêng.

Cơ cấu giai cấp và dân tộc của các nước cộng hòa xô viết đã thay đổi hẳn. Tỷ lệ người của các dân tộc địa phương trong hàng ngũ giai cấp công nhân đã tăng lên rất nhiều. Đó là động lực chính làm cho các dân tộc xích gần nhau. Mỗi nước cộng hòa ngày nay cũng là một Nhà nước nhiều dân tộc. Ở bất cứ ngành kinh tế quốc dân nào, bất cứ xí nghiệp, cơ quan nào trên toàn liên bang đều có đại diện của nhiều dân tộc anh em. Như vậy là một cộng đồng lịch sử mới của con người đã hình thành — dân tộc xô viết. Nó đoàn kết tất cả các giai cấp và nhóm xã hội, tất cả các dân tộc và bộ tộc trên cơ sở chủ nghĩa quốc tế xã hội chủ nghĩa. Chính vì vậy mà Đại hội XXVI Đảng cộng sản Liên-xô đã đề ra luận điểm là ngay trong điều kiện của xã hội xã hội chủ nghĩa phát triển sẽ có khả năng xây dựng một xã hội không có giai cấp.

Rõ ràng, sự thành lập Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô viết dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Liên-xô đã có ý nghĩa cực kỳ quan trọng đối với sự phát triển của các dân tộc xô viết trong 60 năm qua. Tình hữu nghị anh em, sự hợp tác quốc tế chủ nghĩa giữa các dân tộc xô viết đã được thử thách qua cuộc chiến đấu chống bọn phản cách mạng trong nước và bọn can thiệp nước ngoài sau Cách mạng Tháng Mười, qua cuộc Chiến tranh giữ nước vĩ đại chống phát xít, qua cả quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa xã hội phát triển. Và ngày nay, sức mạnh của nó đang được biểu hiện rực rỡ trong việc cùng nhau thực hiện những chương trình kinh tế quốc dân rộng lớn toàn liên bang, « những công trình của thế kỷ », những nhiệm vụ kinh tế — xã hội phức tạp của chủ nghĩa xã hội phát triển. Tình hữu nghị và sự hợp tác ấy là nguồn gốc của một thành tựu đã đưa Liên-xô trở thành nước hùng cường bậc nhất trên thế giới. Như đồng chí Trường-Chinh đã phát biểu trong chuyến đi thăm hữu nghị chính thức Liên-xô ngày 5-10-1982 vừa qua, « Mang trong mình sức mạnh của thời đại, Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô viết ngày từ khi ra đời đã tỏ ra là vô địch và không ngừng lớn mạnh. Ngày nay, với chính sách hòa bình là nền tảng trước sau như một và những thành tựu kỳ diệu của chế độ mới, Liên-xô không những là ngọn cờ hiệu triệu, động viên, mà còn là một sức mạnh hùng hậu về kinh tế và quốc phòng, là thành trì của hòa bình thế giới.

chỗ dựa vững chắc của các dân tộc đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội».



Việc thành lập và xây dựng Cộng hòa Liên bang xã hội chủ nghĩa xô viết là một mẫu mực về cách giải quyết vấn đề dân tộc trong một nước và một tầm gương chói lọi về mối quan hệ giữa các dân tộc, các quốc gia. Liên-xô chẳng những đi đầu trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, trong việc khai phá con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản, mà còn là nước đi đầu trong việc xây dựng một kiểu quan hệ xã hội hoàn toàn mới, dựa trên chủ nghĩa quốc tế vô sản. Cả loài người đã có được những kinh nghiệm vô cùng quý báu. Như Nghị quyết của Bộ chính trị Ban chấp hành trung ương Đảng ta đã nhấn mạnh, «Việc thành lập Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô viết... là sự kiện lịch sử có ý nghĩa quốc tế to lớn trong cuộc đấu tranh của loài người vì bình đẳng và hữu nghị giữa các dân tộc». Sự phát triển và lớn mạnh chưa từng thấy của ba dòng thác cách mạng trên thế giới ngày nay, sự đoàn kết thống nhất của cộng đồng xã hội chủ nghĩa, sức mạnh đấu tranh ngăn ngừa chiến tranh, bảo vệ hòa bình thế giới đều gắn liền với sự tồn tại và phát triển của Liên-xô trong 60 năm qua.

Vận dụng sáng tạo chính sách dân tộc của Lê-nin, Đảng ta cũng đã thành công trong việc giải quyết vấn đề dân tộc ở nước ta. Năm 1919, dưới ánh sáng của Cách mạng Tháng Mười, việc đọc «Luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa» của Lê-nin đã đưa Bác Hồ đến chỗ đứng hẳn về phía Quốc tế thứ ba và trở thành người cộng sản đầu tiên ở Việt-nam. Khi ra đời năm 1930, Đảng cộng sản Đông-dương, tổ-chức tiền thân của Đảng cộng sản Việt-nam, đã ghi rõ trong Luận cương chính trị của mình: «Xứ Đông-dương hoàn toàn độc lập thừa nhận quyền dân tộc tự quyết». Các dân tộc Đông-dương kiên quyết đấu tranh để thoát khỏi ách thống trị của thực dân Pháp, giành độc lập, tự do hoàn toàn; các dân tộc Việt-nam, Lào, Cam-pu-chia tự quyết định lấy chế độ chính trị mà mình ưa thích.

Giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, trải qua mấy chục năm đấu tranh đầy hy sinh, gian khổ chống kẻ thù chung, ba dân tộc Việt-nam, Lào, Cam-pu-chia cuối cùng đã giành được độc lập, tự do và đang ngày càng tăng cường đoàn kết chiến đấu và hợp tác toàn diện để xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Bản thân nước Việt-nam cũng là một quốc gia thống nhất gồm nhiều dân tộc và bộ tộc. Bên cạnh người Việt (Kinh) là dân tộc da số, còn có 52 dân tộc thiểu số anh em. Trong lịch sử mấy nghìn năm, các dân tộc ở Việt-nam đã gần bó với nhau thành một khối và có truyền thống đoàn kết keo sơn trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước. Xuất phát từ đặc điểm đó, Đảng ta đã đề ra đường lối giải quyết vấn đề dân tộc: «Đoàn kết các dân tộc trên nguyên tắc bình đẳng và tương trợ để tranh thủ độc lập, tự do và hạnh phúc chung». Trải qua hơn 50 năm đấu tranh cách mạng, chính sách dân tộc đó đã đem lại kết quả tốt đẹp. Tất cả các dân tộc trong nước ta đã đoàn kết chặt chẽ, chiến đấu và chiến thắng trong các cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chống bọn bành trướng và bá quyền Trung-quốc. Các dân tộc thiểu số đã được hoàn toàn giải phóng khỏi ách áp bức, bóc lột, họ đã trở nên bình đẳng về mọi mặt với dân tộc da số, và với sự giúp đỡ tích cực của Nhà nước

đang ra sức phát triển kinh tế và văn hóa để xóa bỏ tình trạng lạc hậu do chế độ cũ để lại, từng bước tiến kịp trình độ chung, cùng làm chủ lập thể và đoàn kết chặt chẽ với dân tộc đa số, để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa theo nghị quyết của Đại hội thứ V Đảng cộng sản Việt-nam.

Trong quá trình chiến đấu và chiến thắng, cũng như trong xây dựng chủ nghĩa xã hội, tất cả các dân tộc ở Việt-nam đều nhận được sự ủng hộ và giúp đỡ chí linh, to lớn và có hiệu quả của Liên-xô.

Tình đoàn kết, hữu nghị và hợp tác Việt - Xô có nguồn gốc lịch sử và những truyền thống lâu đời. Nó được xây dựng trên nguyên tắc của chủ nghĩa quốc tế vô sản chân chính. Nó đã được thử thách cở trong công cuộc bảo vệ chủ nghĩa xã hội lần trong sự nghiệp lao động sáng tạo hòa bình. Hiệp ước Hữu nghị và hợp tác Việt-nam - Liên-xô ký kết năm 1978 vào lúc đoàn đại biểu Đảng và Nhà nước ta do đồng chí Lê-Duẩn dẫn đầu sang thăm Liên-xô, đã đánh dấu một giai đoạn mới trong sự phát triển của quan hệ Việt - Xô. Hiệp ước đó đã tỏ rõ sức sống mãnh liệt và hiệu lực to lớn đối với quan hệ Việt - Xô vì lợi ích của nhân dân hai nước, vì sự nghiệp hòa bình và hợp tác trên thế giới.

Ngày nay, sự hợp tác Việt - Xô bao gồm mọi lĩnh vực của đời sống chính trị và kinh tế. Những cuộc gặp gỡ và tiếp xúc thường xuyên giữa các nhà lãnh đạo cao nhất của hai Đảng và hai Nhà nước khẳng định lập trường và mục đích chung của hai nước đối với những vấn đề quốc tế cấp bách. Quan hệ kinh tế - thương mại giữa hai nước tăng lên rất nhiều trong những năm qua và thể hiện bằng nhiều hình thức mới. Chuyển đi thăm Liên-xô vừa rồi của đoàn đại biểu Đảng và Nhà nước ta do đồng chí Trường-Chinh dẫn đầu, lại góp phần tăng cường hơn nữa quan hệ Việt - Xô. Tại cuộc gặp gỡ ở điện Crem-li ngày 5 tháng 10 năm 1982, đồng chí L.I. Brê-giơ-nép đã tuyên bố rằng «củng cố sự hợp tác với Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam về mọi mặt là đường lối nguyên tắc không thay đổi của Đảng cộng sản Liên-xô. Ở Liên-xô chúng tôi sẽ trước sau như một đi theo đường lối đó». Và đồng chí Trường-Chinh đã thay mặt Đảng và Nhà nước ta nhấn mạnh rằng: tình đoàn kết và hợp tác với Liên-xô là hòn đá tảng trong chính sách đối ngoại của nước ta. Đồng chí nói: «Trung thành với Di chúc của Chủ tịch Hồ-Chí-Minh, nhân dân Việt-nam đời đời biết ơn Liên-xô và ra sức bảo vệ tình hữu nghị Việt - Xô như bảo vệ con người của mình, làm hết sức mình để không ngừng củng cố và phát triển tình hữu nghị đó như một nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng Việt-nam từ trước đến nay cũng như từ nay về sau».

Nhân dân ta quyết tâm trân trọng và ra sức củng cố, phát triển mối quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa Việt-nam và Liên-xô, coi đó là mệnh lệnh của trái tim và trí tuệ mình.

XÂY DỰNG VÀ PHÁT HUY SỨC MẠNH CỦA HẬU PHƯƠNG TRONG CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC

Đại tướng **HOÀNG-VĂN-THÁI**

TỔNG kết những nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Trung ương Đảng đã khẳng định: “Trong quá trình ấy, Đảng luôn luôn coi trọng việc củng cố và bảo vệ hậu phương lớn miền Bắc, nhân tố thường xuyên quyết định thắng lợi của chiến tranh cứu nước” (1), đồng thời “Đảng hết sức coi trọng việc xây dựng và phát triển lực lượng cách mạng ở miền Nam” (2). Từ thực tiễn xây dựng và phát huy sức mạnh của hậu phương, chúng ta đã rút ra được những bài học kinh nghiệm quý báu, chẳng những làm phong phú và hoàn chỉnh hệ thống kinh nghiệm chỉ đạo chiến tranh của Đảng mà còn rất bổ ích đối với các nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của chúng ta trong giai đoạn cách mạng hiện nay.

Xây dựng hậu phương chung của cả nước đi đôi với xây dựng hậu phương tại chỗ ở các chiến trường.

Sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Trung ương Đảng ta đã sớm xác định nhiệm vụ xây dựng miền Bắc thành căn cứ địa cách mạng của cả nước, đồng thời xây dựng các vùng căn cứ ở miền Nam nhằm thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược cách mạng trên hai miền của đất nước. Chủ trương sáng suốt, kịp thời đó chẳng những phù hợp với đặc điểm đất nước ta còn bị chia cắt mà còn thể hiện đường lối xây dựng hậu phương trong chiến tranh nhân dân, toàn dân, toàn diện của Đảng ta.

Đề huy động được sức người, sức của to lớn của nhân dân cả nước vào cuộc chiến tranh cách mạng, Đảng ta khẳng định rằng phải phát động được sức mạnh của toàn dân tộc, và động viên được tiềm lực về mọi mặt của cả nước; ra sức xây dựng miền Bắc

(1), (2) Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội IV, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1977, tr. 24.

thành hậu phương chung của cả nước, đồng thời phải tích cực xây dựng hậu phương tại chỗ ở miền Nam. Tuy nhiên, do chế độ xã hội hai miền đối lập nhau, và nhiệm vụ cách mạng hai miền không giống nhau cho nên việc xây dựng hậu phương ở hai miền được tiến hành với nội dung, quy mô và phương thức khác nhau. Miền Bắc đã được hoàn toàn giải phóng, đi vào khôi phục và phát triển kinh tế, văn hóa theo con đường xã hội chủ nghĩa, đồng thời cũng là xây dựng hậu phương lớn của sự nghiệp cách mạng cả nước, với tư thế của một Nhà nước độc lập và có chủ quyền. Miền Nam bị đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai thống trị, ở đây cuộc đấu tranh giữa ta và địch diễn ra quyết liệt, cho nên quá trình xây dựng căn cứ - hậu phương tại chỗ ở miền Nam một mặt phát triển theo quy luật tuần tự từ thấp lên cao, từ nhỏ đến lớn, mặt khác lại có những bước phát triển nhanh, mạnh khi có thời cơ thuận lợi, dựa vào sự chi viện mạnh mẽ của miền Bắc. Qua các giai đoạn phát triển của chiến tranh, Đảng ta đã chỉ đạo đúng đắn và kịp thời việc xây dựng hậu phương ở mỗi miền. Mối quan hệ giữa hậu phương lớn và hậu phương tại chỗ ngày càng gắn bó, và hậu phương của mỗi miền đã phát huy tác dụng to lớn của mình. Hậu phương lớn là nguồn cung cấp lực lượng và phương tiện vật chất kỹ thuật liên tục, vững chắc, có ý nghĩa quyết định nhất đối với thắng lợi của toàn cuộc chiến tranh. Hậu phương tại chỗ cũng là nguồn cung cấp quan trọng, kịp thời và có ý nghĩa quyết định trực tiếp đối với việc giành chủ động và đánh thắng trên tiền tuyến lớn. Trong những năm kháng chiến chống Mỹ, quá nửa lực lượng và gần 80% vũ khí, đạn dược và phương tiện kỹ thuật sử dụng trên các chiến trường là từ hậu phương lớn đưa tới, trong khi đó

thì trên 70% lương thực, thực phẩm cung cấp cho các lực lượng vũ trang lại được động viên và khai thác tại chỗ. Vai trò của hậu phương lớn càng quan trọng khi cuộc chiến tranh phát triển lên quy mô lớn, ngày càng hiện đại (*), nhưng vai trò của hậu phương tại chỗ không vì thế mà giảm thấp. Nếu hậu phương tại chỗ không được chuẩn bị và củng cố vững chắc thì không thể tiếp nhận và phát huy được nguồn chi viện từ hậu phương lớn đưa tới. Kinh nghiệm của các chiến trường chứng minh rằng, căn cứ - hậu phương chẳng những là địa bàn đứng chân vững chắc, bảo đảm dự trữ vật chất cần thiết để khi có thời cơ thuận lợi có thể tiếp nhận lực lượng lớn triển khai chiến đấu, tiến công thắng lợi, mà còn có quan hệ mật thiết đến việc hình thành thế trận lợi hại của chiến tranh nhân dân, thực hiện thắng lợi các phương thức tiến hành chiến tranh nữa. Nếu từ chiến tranh du kích phát triển lên chiến tranh chính quy và kết hợp chặt chẽ chiến tranh du kích với chiến tranh chính quy là quy luật giành thắng lợi của chiến tranh cách mạng miền Nam, thì sức mạnh vật chất - tinh thần của hậu phương - hậu phương lớn kết hợp với hậu phương tại chỗ - là một trong những cơ sở quan trọng để vận dụng quy luật đó. Bởi vì, không có căn cứ hậu phương tại chỗ vững chắc, thì không thể xây dựng, duy trì và phát triển được phong trào đánh giặc rộng khắp của lực lượng vũ trang quần chúng, và không có hậu phương chiến lược có tiềm lực dồi dào thì các đơn vị bộ đội, binh đoàn chủ lực cũng không thể tiến hành các đợt tác chiến với quy

(*) Từ năm 1965 khi đế quốc Mỹ mở rộng chiến tranh xâm lược ra cả nước ta, thì lực lượng và phương tiện vật chất kỹ thuật từ hậu phương lớn được đưa vào sử dụng cho cuộc kháng chiến ngày càng chiếm tỷ lệ cao, từ 6 trên 4 đến 8 trên 2 so với nguồn khai thác tại chỗ để tự cung cấp.

mô lớn để tiêu diệt quân địch quy mô lớn trong các cuộc tiến công chiến lược mở ra bất ngờ và cùng một lúc trên nhiều hướng hình thành thế trận rất hiểm như ở chiến trường miền Nam nước ta.

Hiện nay, khi cả nước đã giành được độc lập và thống nhất, chúng ta càng có những khả năng to lớn để xây dựng hoàn chỉnh hậu phương vững mạnh toàn diện, một hậu phương chiến lược của cả nước theo nghĩa rộng, bao gồm toàn bộ lãnh thổ từ Bắc đến Nam, đồng thời chủ động xây dựng và chuẩn bị hậu phương của từng vùng và từng địa phương, sẵn sàng động viên sức người sức của chi viện cho tiền tuyến nếu kẻ địch dám liều lĩnh gây chiến, thực hiện thắng lợi chiến lược chiến tranh bảo vệ Tổ quốc.

Xây dựng chế độ xã hội tiên tiến, nguồn gốc tạo nên sức mạnh mọi mặt của hậu phương.

Chiến tranh là một thử thách quyết liệt đối với một dân tộc, trong cuộc thử thách đó, như Lê-nin đã tổng kết: «Tinh chất của cuộc chiến tranh và thắng lợi của nó đều phụ thuộc chủ yếu vào chế độ bên trong của nước tham chiến» (3). Thấm nhuần lời dạy đó của Lê-nin, Đảng ta luôn luôn coi việc xây dựng và củng cố hậu phương là một bộ phận không tách rời toàn bộ sự nghiệp xây dựng chế độ xã hội — chế độ xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, chế độ dân chủ nhân dân trong các vùng giải phóng miền Nam — coi sức mạnh mọi mặt của chế độ ta chính là nguồn gốc tạo nên sức mạnh của hậu phương.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, miền Bắc bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và giành được những thắng lợi to lớn trong xây dựng chế độ chính trị, kinh tế và quốc phòng. Ở miền Nam, các khu căn cứ, vùng giải phóng được mở ra ngày càng rộng lớn, chính quyền cách mạng

được xây dựng đã lãnh đạo nhân dân đấu tranh bảo vệ các quyền lợi chính trị, kinh tế của mình, thực hiện các quyền tự do dân chủ, thi hành một chính sách đoàn kết rộng rãi các tầng lớp nhân dân nhằm đấu tranh chống đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai của chúng, vì độc lập, dân chủ và hòa bình trung lập. Những thành quả của việc xây dựng chế độ xã hội tiến bộ đã tạo nên sự nhất trí cao về chính trị trong nhân dân, làm cho hậu phương được củng cố, ngày càng thuần nhất, là chỗ dựa vững chắc về chính trị, tinh thần cho tiền tuyến. Trong chiến tranh ác liệt, miền Bắc vượt qua những thử thách nặng nề đã thực hiện nghĩa vụ thiêng liêng của mình, «luơng không thiếu một cán, quân không thiếu một người», «tất cả cho tiền tuyến, tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược». Còn trên các vùng căn cứ — vùng giải phóng ở miền Nam, mặc dù kẻ thù phong tỏa gặt gao, đánh phá ác liệt, mật độ số dân thấp, kinh tế bị phá hoại nhưng các phong trào lập «hũ gạo kháng chiến», «làm rẫy kháng chiến», đóng «đám phụ quốc phòng», cử «thanh niên lên xanh», v.v. đã trở thành phổ biến.

Chế độ xã hội tiến bộ đã thật sự tạo nên một «hậu phương trong lòng dân» mà không kẻ thù nào có thể phá vỡ nổi.

Cùng với việc xây dựng về chính trị, việc xây dựng tiềm lực kinh tế của hậu phương gắn liền với công cuộc xây dựng chế độ kinh tế. Thắng lợi của cuộc cách mạng về quan hệ sản xuất trên hậu phương lớn đã làm thay đổi bộ mặt của nền kinh tế quốc dân. Nền kinh tế bao gồm nhiều thành phần với sản xuất cá thể là phổ biến đã trở thành nền kinh tế xã hội chủ nghĩa với hai hình thức sở hữu (sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể), và

(3) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nxb Tiến-bộ, Mát-xcơ-va, 1979, tập 39, tr. 361.

thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa đã giữ vai trò quyết định trong nền kinh tế quốc dân. Chế độ kinh tế ưu việt của chủ nghĩa xã hội còn được củng cố và tiếp tục hoàn thiện ngay trong chiến tranh ác liệt đã cho phép Đảng và Nhà nước ta động viên được ở mức cao và liên tục sức người, sức của cho những nhu cầu không ngừng tăng lên của chiến tranh. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ hằng năm trên hậu phương lớn, hàng chục vạn lao động và hàng triệu tấn lương thực đã được động viên để bảo đảm cho nhu cầu chiến đấu và phục vụ chiến đấu; có năm Đảng và Nhà nước ta đã động viên tới 6,6% số lao động xã hội và 20 — 25% tổng sản lượng lương thực. Việc thực hiện đường lối công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa và tích cực đẩy mạnh cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật đã khắc phục được một phần tình trạng sản xuất quá lạc hậu, từng bước xây dựng được những cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, bước đầu cung cấp kỹ thuật cho nền kinh tế quốc dân, bổ sung cho công nghiệp quốc phòng và giải quyết được một phần nhu cầu của các lực lượng vũ trang. Nền kinh tế phát triển có kế hoạch còn tạo điều kiện cho việc chuyển hướng sản xuất từ thời bình sang thời chiến được nhanh chóng và vững chắc, không gây nên sự hỗn loạn và trì trệ lớn mặc dù kẻ địch đánh phá liên tục.

Trong những năm chiến tranh ác liệt, ở miền Nam hằng năm vẫn khai thác được tại chỗ hàng vạn tấn lương thực; từ chỗ chỉ dự trữ lương thực trong vài tháng tiến lên bảo đảm được 6 tháng rồi cả năm. Chỉ riêng vùng đồng bằng sông Cửu-long, mức thu các khoản cho sự nghiệp kháng chiến vào năm cao nhất đã đạt tới 6,2 triệu gia lúa (*), năm khó khăn vẫn thu được trên 1,2 triệu gia.

Ngoài ra những thành tựu xây dựng và phát triển văn hóa, giáo dục, y

tế của hậu phương cũng đã phát huy tác dụng mạnh mẽ, góp phần tích cực nâng cao tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội trong nhân dân ta, góp phần tích cực đẩy mạnh sản xuất đồng thời nâng cao ý thức quốc phòng. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, hàng triệu thanh niên xung phong đã lên đường chiến đấu với ý thức giác ngộ dân tộc và giác ngộ giai cấp sâu sắc, đã lập nên những thành tích vẻ vang trong chiến đấu và phục vụ chiến đấu.

Tóm lại, việc xây dựng hậu phương được luôn luôn coi là một bộ phận không tách rời của toàn bộ công cuộc xây dựng chế độ xã hội tiến bộ. Thành tựu xây dựng chế độ tiến bộ là nguồn gốc tạo nên sức mạnh toàn diện của hậu phương. Đồng chí Tổng bí thư Lê-Duẩn đã khái quát sức mạnh to lớn của chế độ dân chủ nhân dân, chế độ xã hội chủ nghĩa trong sự nghiệp cách mạng của Đảng như sau : « chế độ mới đã khơi dậy và nâng lên bản lĩnh của cả dân tộc và của từng người Việt-nam, động viên và tổ chức mọi tiềm lực trong nước, tranh thủ sự giúp đỡ quốc tế, tạo thành sức mạnh to lớn và vô địch của nhân dân ta trong chiến đấu và xây dựng » (4).

Động viên mọi tiềm lực của hậu phương vào sự nghiệp kháng chiến, bảo đảm đánh lâu dài, càng đánh càng mạnh, tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn.

Một quốc gia dù giàu mạnh đến đâu cũng không thể dự trữ hoàn toàn đầy đủ từ thời bình để bảo đảm cung cấp kịp thời và liên tục mọi nhu cầu cần thiết cho chiến tranh khi nó xảy ra. Vì vậy, khi có nguy cơ chiến tranh, hoặc khi chiến tranh xảy ra, việc chuẩn bị và tiến hành động viên các nguồn lực lượng tiềm tàng có tầm

(*) 1 gia lúa tương đương 20 kg thóc.

(4) Lê-Duẩn: « Dưới ngọn cờ của Đảng, đưa đất nước lớn lên, ngang tầm cao thời đại », *Tạp chí Cộng sản*, số 2-1980, tr. 18.

quan trọng đặc biệt. Sức mạnh mọi mặt của hậu phương được xây dựng và chuẩn bị từ thời bình phần lớn còn ở dạng tiềm năng. Phải thông qua việc tổ chức động viên thì chúng ta mới biến các tiềm năng đó thành lực lượng thực tế để tiến hành chiến tranh, và có như vậy hậu phương mới thật sự phát huy vai trò là nhân tố quyết định thắng lợi. Kinh nghiệm các cuộc chiến tranh trong lịch sử cho thấy, nhiều nước do chuẩn bị không đầy đủ, tổ chức động viên kém và quyết tâm động viên không cao cho nên khi bước vào chiến tranh đã gặp rất nhiều khó khăn, thậm chí còn bị thất bại trước một đối phương có khi tiềm năng còn thua kém mình. Chính vì vậy Lê-nin đã từng nói: « Một khi chiến tranh đã không thể tránh được, thì phải dốc tất cả cho chiến tranh và bất cứ sự cầu thả nào, bất cứ sự thiếu kiên quyết nào đều phải bị trừng phạt theo luật lệ thời chiến » (5).

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, công tác động viên trên hậu phương lớn miền Bắc đã được tiến hành chủ động và có kế hoạch. Còn ở miền Nam thì do các vùng giải phóng của ta phải trải qua cuộc đấu tranh quyết liệt với kẻ thù mà hình thành từng bước, từ nhỏ đến lớn, từ thế giằng co đến làm chủ vững chắc cho nên công tác động viên không thể thực hiện một cách hoàn toàn chủ động được.

Muốn động viên được tốt, nhất thiết phải có sự chuẩn bị tích cực từ trước, gắn liền quá trình xây dựng hậu phương với sự nghiệp xây dựng đất nước về mọi mặt; kết hợp chặt chẽ các lĩnh vực xây dựng và phát triển văn hóa, giáo dục, kinh tế với việc tăng cường sức mạnh quốc phòng. Phải có dự đoán khoa học về tình chất và quy mô chiến tranh có thể xảy ra để làm cơ sở tính toán những nhu cầu cần được đáp ứng ở thời kỳ đầu và trong quá trình chiến tranh.

Trên cơ sở đó mà kết hợp chuẩn bị ứng phó với chiến tranh ngay trong kế hoạch xây dựng của các ngành, quan trọng nhất là các ngành kinh tế quốc dân, nhằm từng bước thiết thực nâng cao khả năng phòng thủ đất nước, đồng thời chuẩn bị nguồn dự trữ về sức người, sức của cho chiến tranh. Để có thể chuẩn bị một cách chu đáo, phải có cơ quan chuyên trách lập kế hoạch và xúc tiến những mặt chuẩn bị cho động viên. Nó là cơ quan thường xuyên thu thập, tổng hợp và phân tích tất cả các số liệu đáng tin cậy nhất về sự biến đổi và phát triển các tiềm lực của đất nước, đánh giá đúng đắn khả năng sản xuất của các ngành, chuẩn bị kỹ các hình thức và biện pháp động viên thích hợp cho các tình huống khi có nguy cơ chiến tranh trực tiếp hoặc có chiến tranh xảy ra, phân phối và kiểm tra việc lập các dự trữ chiến lược. Hậu phương lớn miền Bắc những năm trước khi đế quốc Mỹ gây ra cuộc chiến tranh phá hoại đã được chuẩn bị theo phương hướng đó.

Mặc dù trong quá trình chuẩn bị và thực hiện còn có thiếu sót như: chưa toàn diện, chưa kết hợp chặt chẽ việc xây dựng và phát triển của các ngành với việc tăng cường khả năng quốc phòng, nhưng nhìn chung thì hậu phương đã chủ động chuẩn bị đối phó với chiến tranh xâm lược và khi chiến tranh xảy ra thì việc động viên sức người, sức của đã được tiến hành kịp thời, kết hợp tốt hậu phương lớn với hậu phương tại chỗ. Nhất là trong những đợt tác chiến có ý nghĩa chiến lược trên các chiến trường miền Nam, chúng ta đã huy động được khá nhanh một khối lượng lương thực lớn gồm hàng chục vạn tấn và một lực lượng đông hàng chục vạn dân công phục vụ tiền tuyến.

(5) V.I. Lê-nin: *Tồn tập*, NXB Tiến-bộ, Mát-xcơ-va, 1978 tập 41, tr. 175.

Hiện nay "Đất nước ta đang ở trong tình thế vừa có hòa bình vừa phải đương đầu với một kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của bọn bành trướng, bá quyền Trung-quốc cầu kết với đế quốc Mỹ; đồng thời, phải sẵn sàng đối phó với tình huống địch có thể gây chiến tranh xâm lược quy mô lớn" (6) cho nên việc xây dựng các nguồn tiềm lực và chuẩn bị cho việc động viên là rất quan trọng.

Động viên và sử dụng nguồn sức người trong chiến tranh là mặt chủ yếu trong hệ thống động viên các tiềm lực của hậu phương. Động viên và sử dụng nguồn sức người đã trở thành vấn đề khẩn trương đối với tất cả các nước trong chiến tranh, đòi hỏi phải có sự tính toán và cân đối một cách đúng đắn giữa nhu cầu của tiền tuyến và hậu phương, giữa quốc phòng và kinh tế, giữa nhiệm vụ "tất cả để đánh thắng" và nhiệm vụ chuẩn bị cho xây dựng đất nước sau chiến tranh. Kinh nghiệm cho thấy, nhu cầu về sức người sẽ tăng lên rất cao khi có chiến tranh. Chỉ riêng nhu cầu về sức người phải bổ sung cho lực lượng vũ trang hằng năm đều tăng gấp 4—5 lần so với những năm thời bình. Nhiều ngành sản xuất trực tiếp phục vụ quốc phòng (giao thông vận tải, bưu điện, cơ khí, v.v.) đều yêu cầu lao động tăng gấp 2—3 lần so với trước chiến tranh. Cuộc chiến tranh càng kéo dài thì việc động viên và phân phối nguồn lao động của đất nước, nhất là lực lượng lao động có chất lượng (trẻ, khỏe, có kiến thức, có kỹ thuật) càng phải tính toán và cân đối thật thích hợp cho các nhu cầu, nhất là giữa chiến đấu và sản xuất. Trong chiến tranh, phải ưu tiên động viên và phân phối lao động cho nhiệm vụ xây dựng và mở rộng lực lượng vũ trang, cả về số lượng và chất lượng. Đảng và Nhà nước ta đã quan tâm đúng mức và dành cho công tác động viên tuyển quân quá nửa số nhân lực động viên

được hằng năm và với chất lượng ngày càng cao (trên 75% là thanh niên trẻ khỏe từ 25 tuổi trở xuống, trong đó 60—70% có trình độ văn hóa phổ thông cấp II và cấp III). Công tác động viên tuyển quân đã được coi như một cuộc vận động và giáo dục chính trị sâu rộng trong quần chúng, nhằm bảo đảm cả về số lượng và chất lượng, cả về thời gian và không gian. Trong những năm kháng chiến, việc động viên tuyển quân đều đạt và vượt chỉ tiêu, 85% đơn vị tỉnh, thành phố đã hoàn thành vượt mức chỉ tiêu cấp trên đề ra.

Để giải quyết vấn đề sức người trong chiến tranh và để sử dụng tiết kiệm và có hiệu quả cao các nguồn lao động, chúng ta đã phải thực hiện một loạt biện pháp như hợp lý hóa tổ chức, tăng năng suất lao động, tăng cường độ lao động, sử dụng lao động quá tuổi và chưa đến tuổi, v.v. nhưng hợp lý hóa tổ chức và tăng năng suất lao động vẫn là biện pháp tốt nhất.

Cùng với sức người, nguồn sức của cần động viên cho chiến tranh cũng tăng lên không ngừng. Đã có nhận thức không đúng rằng, nguồn sức của cung ứng cho cuộc kháng chiến chống Mỹ là đơn thuần dựa vào viện trợ quốc tế. Tuy nguồn viện trợ từ bên ngoài chiếm một khối lượng rất lớn trong tổng nguồn sức của mà chúng ta đã sử dụng, nhưng nguồn động viên từ trong nước cũng rất quan trọng. Nó đáp ứng được một phần không nhỏ nhu cầu về lương thực và thực phẩm cho các lực lượng vũ trang và lực lượng phục vụ quốc phòng, nó cho phép chúng ta tạo được một dự trữ chiến lược cần thiết để chủ động trong các tình huống chiến tranh. Việc phân phối nguồn sức của phải tính toán và cân đối một cách hợp lý cho các nhu cầu về

(6) Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương tại Đại hội thứ V của Đảng. Tạp chí Cộng sản, số 4-1962, tr. 32.

kinh tế, quốc phòng, chiến đấu và đời sống, tiền tuyến và hậu phương. Cần tận dụng những khả năng của các ngành công nghiệp trong nước để giảm bớt nhập thành phẩm từ bên ngoài, vừa tận dụng, vừa thúc đẩy năng lực sản xuất của ta. Trong cuộc chiến tranh vừa qua, mới có một số ngành như cơ khí, giao thông vận tải, bưu điện, dệt và may mặc được huy động phục vụ quốc phòng cao hơn so với các ngành khác. Rồi đây khi công nghiệp của đất nước phát triển, chúng ta sẽ phải huy động rất nhiều ngành công nghiệp quan trọng phục vụ quốc phòng như luyện kim, hóa chất, cơ khí, năng lượng, điện tử, v.v.

Công tác quản lý, phân phối, sử dụng, bảo quản các vật tư chiến lược trong chiến tranh phải thật chặt chẽ và hết sức tiết kiệm. Quân đội cũng như các ngành còn sử dụng lãng phí nhiều vật tư chiến lược, kể cả những vật tư nhập khẩu dưới hình thức viện trợ của các nước xã hội chủ nghĩa anh em. Tỷ lệ hư hỏng do bảo quản, chuyên chở, sử dụng kém và dễ địch phá hủy còn cao. Khối lượng dự trữ vật tư càng tăng thì yêu cầu bảo vệ và giữ gìn càng quan trọng, nếu không thì ý nghĩa của dự trữ chiến lược và tính sẵn sàng sử dụng nó sẽ không còn nữa.

Sẽ rất sai lầm nếu đặt yêu cầu động viên cao nguồn sức người, sức của trong chiến tranh mà không coi trọng đúng mức việc chăm nom, bồi dưỡng sức dân. Hồ Chủ tịch đã dạy rằng, phải «vừa kháng chiến, vừa kiến quốc» thì «toàn bộ đội» sẽ «đầy đủ lương thực khi giới, để giết giặc ngoại xâm» (7). Vì vậy muốn động viên được đến mức cao các tiềm lực của hậu phương thì phải chú trọng bồi dưỡng sức dân, đẩy mạnh sản xuất, nhanh chóng và cố gắng bảo đảm đời sống của quần chúng, nhằm liên tục động viên tinh thần và năng lực quyết tâm kháng chiến của nhân

dân. Chế độ ưu việt của chúng ta đã động viên được các tiềm lực của đất nước để tiến hành chiến tranh không phải là dựa trên sự cường hực và bóc lột nhân dân, mà là trên cơ sở giáo dục lòng yêu nước, yêu chế độ và phát huy quyền làm chủ của nhân dân đối với nhiệm vụ giữ nước và cứu nước, đồng thời có trách nhiệm chăm lo và bồi dưỡng sức dân để có thể huy động cao và liên tục.

Vấn đề cơ bản để bồi dưỡng sức dân trong quá trình chiến tranh là phải giữ vững và đẩy mạnh sản xuất. Chỉ trên cơ sở đó mới có thể ổn định và bảo đảm đời sống của nhân dân hậu phương.

Trong những năm có chiến tranh, Đảng và Chính phủ ta đã hết sức quan tâm đến việc đẩy mạnh sản xuất, đã tập trung những cố gắng lớn vào mặt trận nông nghiệp mà trước hết là sản xuất lương thực. Nền công nghiệp đã có sự chuyển hướng tích cực nhằm phục vụ yêu cầu quốc phòng và phục vụ sản xuất nông nghiệp. Đời sống trong chiến tranh có những khó khăn không tránh khỏi, hàng hóa nhiều thứ khan hiếm, vì vậy ở hậu phương nhất thiết phải thi hành chính sách phân phối thích hợp với thời chiến nhằm bảo đảm cung cấp vững chắc cho những đối tượng phải ưu tiên như lực lượng vũ trang, cán bộ, nhân viên các ngành trực tiếp phục vụ quốc phòng, v.v. Cùng với chính sách phân phối, việc ban hành, thực hiện nghiêm chỉnh và công bằng một loạt chính sách khác: thuế, nghĩa vụ lao động, nghĩa vụ quân sự, hậu phương quân đội, v.v. đều có tác dụng tích cực đối với sản xuất và bảo đảm đời sống vật chất, tinh thần của hậu phương trong chiến tranh. Công tác quản lý kinh tế thời chiến, quản lý xã hội, chống nạn đầu

(7) Hồ-Chí-Minh: *Vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội*, NXB Sự thật, Hà-nội, 1970, tr. 81.

cơ tích trữ, trộm cắp, v.v. cũng góp phần ổn định đời sống và động viên nhân dân. Việc tổ chức và hướng dẫn nhân dân làm tốt công tác phòng tránh, sơ tán nhằm bảo vệ con người và của cải, giảm bớt đến mức thấp nhất tổn thất do địch gây ra cũng rất cần thiết.

Việc ổn định và bảo đảm đời sống của nhân dân hậu phương phải được thực hiện tích cực trong cả quá trình chiến tranh, mối quan hệ chặt chẽ giữa động viên các tiềm lực của đất nước và bồi dưỡng sức dân phải luôn luôn được nắm vững. Có như thế mới không ngừng tăng cường được sức mạnh của hậu phương trong chiến tranh cách mạng.

Chống địch phong tỏa và ngăn chặn, kiên quyết giữ vững sự chi viện từ hậu phương ra tiền tuyến.

Sẽ không thể phát huy được sức mạnh của hậu phương dù to lớn đến đâu nếu không giữ vững và thực hiện được liên tục sự chi viện từ hậu phương ra tiền tuyến. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, đế quốc Mỹ gây ra chiến tranh phá hoại ác liệt đối với miền Bắc cũng nhằm mục đích phong tỏa và ngăn chặn mọi nguồn chi viện từ hậu phương lớn cho tiền tuyến lớn. Hàng triệu tấn bom đạn của không quân và hải quân địch đã ném xuống nhằm phá hủy toàn bộ hệ thống giao thông vận tải thủy-bộ của ta, và giao thông vận tải trở thành một mặt trận chiến đấu ác liệt trong chiến tranh. Bảo đảm sự thông suốt trên mặt trận này để vận chuyển không ngừng lực lượng và phương tiện vật chất ra tiền tuyến đã trở thành nhiệm vụ trung tâm, đột xuất của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta. Để giành thắng lợi, chúng ta đã kiên quyết tập trung lực lượng và phương tiện vật chất cho mặt trận

này. Những năm có chiến tranh, Đảng và Chính phủ đã tăng cường lực lượng cho ngành giao thông vận tải, thường xuyên dành ra trên 20% tổng số vốn đầu tư cho việc duy trì và giữ vững các hoạt động của giao thông vận tải. Đảng và Chính phủ đã sớm quyết định xây dựng tuyến vận tải chiến lược Bắc-Nam và giao cho quân đội đảm nhiệm. Binh đoàn vận tải chiến lược Trường-Sơn đã biến "đường mòn" mang tên Bác Hồ kính yêu trở thành mạng giao thông vận tải cơ giới phát triển có khả năng vận chuyển hàng chục vạn tấn/năm, bảo đảm vững chắc đưa lực lượng, vật tư và kỹ thuật cho các chiến trường ở miền Nam. Trên hậu phương lớn, bên cạnh lực lượng giao thông vận tải của Nhà nước, Đảng và Chính phủ đã phát động toàn dân tham gia, xây dựng nên một đội quân giao thông vận tải đông đảo, bao gồm hàng chục vạn người tham gia, góp trên 90 triệu ngày công vào việc làm đường, sửa chữa cầu, bến vượt và vận chuyển thô sơ, v.v.

Trong cuộc chiến đấu ác liệt chống địch phong tỏa và ngăn chặn, nghệ thuật chỉ đạo bảo đảm giao thông vận tải của chúng ta đã phát triển rất sáng tạo. Chúng ta đã sử dụng tổng hợp các phương thức vận chuyển (bí mật và công khai, đi thẳng và theo cung đoạn, v.v.). đồng thời cũng sử dụng kết hợp các loại vận tải bộ, sông, biển, ống và cả đường không (khi có điều kiện). Chúng ta còn chú ý tận dụng mọi loại phương tiện, từ thô sơ đến hiện đại, nhưng luôn luôn coi trọng nâng cao sự vận chuyển lên quy mô lớn và lấy phương tiện cơ giới làm chính để đáp ứng kịp với sự phát triển của chiến tranh ngày càng hiện đại. Nhờ có các phương thức và biện pháp vừa kiên quyết, vừa sáng tạo, khối lượng chi viện cho các chiến trường qua các giai đoạn chiến tranh đã không

ngừng tăng lên (*), đó là một nhân tố vật chất hết sức quan trọng để tiến tuyến đánh thắng.

Việc xây dựng và phát triển lực lượng vận tải quân sự và việc quân sự hóa cao độ các hoạt động giao thông vận tải của đất nước trong thời gian có chiến tranh là điều kiện cấp thiết để giành thắng lợi.

Việc vận chuyển trên các vùng có chiến sự ác liệt, đặc biệt là ở khu vực tiếp giáp chiến trường được giao cho lực lượng bảo đảm giao thông và lực lượng vận tải của quân đội, việc hình thành các đơn vị bộ đội, binh đoàn vận tải quân sự là thích hợp và có hiệu suất cao. Còn trên các khu vực của hậu phương thì ngành giao thông vận tải của Nhà nước được quân sự hóa cao vẫn phát huy được sức mạnh lớn của mình.

Việc chống địch phong tỏa vùng biên có một ý nghĩa quan trọng đối với hậu phương miền Bắc, cũng như đối với đất nước ta — một nước có bờ biên dài hàng nghìn ki lô mét — để tiếp nhận nguồn viện trợ to lớn của các nước xã hội chủ nghĩa anh em. Đánh thắng thủ đoạn phong tỏa của kẻ thù có ưu thế không quân và hải quân là một cuộc đấu tranh ác liệt và rất gian khổ. Chúng ta đã phải kết hợp chặt chẽ chiến đấu bảo vệ vùng ven biển với vận chuyển trên biển; sử dụng mọi quy mô vận chuyển nhỏ, vừa, lớn trên các luồng công khai và bí mật; tổ chức rà phá bom mìn rộng rãi bằng lực lượng hoạt động thường xuyên trên biển và lực lượng ven bờ biển; tổ chức cảng biển mới để nhập hàng, và dùng cam tổ chức việc chuyển tải từ ngoài khơi... Đánh

thắng chiến tranh phong tỏa của địch là một bộ phận gắn liền với cuộc chiến đấu giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc Việt-nam độc lập, thống nhất và xã hội chủ nghĩa, việc chống địch phong tỏa và ngăn chặn cả từ trên không và trên biển vẫn là một nhiệm vụ chiến lược quan trọng, mà chúng ta cần nghiên cứu và vận dụng những kinh nghiệm vừa qua.



Kinh nghiệm của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước vừa qua rất bổ ích đối với nhiệm vụ xây dựng và chuẩn bị hậu phương hiện nay. Chúng ta tin chắc rằng, với những tiềm năng to lớn về vật chất, tinh thần của cả nước, với kinh nghiệm phong phú đã có, với đường lối đúng đắn và sự lãnh đạo sáng suốt của Trung ương Đảng, nhất định nhân dân ta sẽ xây dựng thắng lợi hậu phương vững mạnh của đất nước thống nhất cũng như hậu phương của mỗi địa phương. Đó chính là một nhân tố vững chắc bảo đảm cho thắng lợi trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa ngày nay.

(*) Số liệu tổng kết của tuyến vận tải chiến lược cho thấy, khối lượng vật chất — kỹ thuật đưa đến các chiến trường của giai đoạn đánh thắng chiến tranh «cục bộ» (1965—1968) gấp 9 lần so với khối lượng của giai đoạn đánh thắng chiến tranh «đặc biệt» (1961—1964); của giai đoạn chống «Việt-nam hóa chiến tranh» (1969—1972) lại tăng gấp 4 lần so với giai đoạn chống chiến tranh cục bộ.

TRONG CHÙM SAO CỦA TÌNH ANH EM XÔ VIẾT

G. BU-ĐAI

Tổng biên tập tạp chí

“Người cộng sản Bê-lô-rút-xi-a”

BÊ-LÔ-RÚT-XI-A — nước cộng hòa bình đẳng trong các nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô viết bình đẳng — trải dài ở phía tây đất nước Xô viết. Nhân dân yêu tự do, yêu lao động, lành mạnh về tinh thần sống ở nơi đây từ thời xa xưa. Nhưng trước Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười vĩ đại, thậm chí chữ “Bê-lô-rút-xi-a” cũng không có trên các bản đồ địa lý. Đó là một vùng rừng rú và đầm lầy, một vùng bị thiếu thốn không lối thoát.

Tháng Mười vĩ đại đã mãi mãi chấm dứt quá khứ bất hạnh của các dân tộc bị áp bức trước đây trong nước Nga Xa hoàng, trong đó có dân tộc Bê-lô-rút-xi-a. Dân tộc đó lần đầu tiên trong lịch sử đã có Nhà nước của mình, đã trở thành người làm chủ vận mệnh mình.

Nhưng con đường của các dân tộc xô viết đi tới tự do và hạnh phúc thật sự không phải là dễ dàng. Cần phải chiến thắng vô số thù trong giặc ngoài, những kẻ muốn bóp nghẹt Nhà nước xô viết trẻ tuổi. Sau khi nội chiến kết thúc, đã phải khắc phục sự tàn phá: đưa lại nhịp sống cho các

nhà máy, công xưởng bị ngừng sản xuất trong chiến tranh, khôi phục giao thông vận tải, nông nghiệp, bảo đảm an ninh chống những âm mưu mới của kẻ thù.

Chỉ với cố gắng chung của tất cả các dân tộc tập hợp thành một Nhà nước thống nhất, mới có thể làm được tất cả những việc đó. Lê-nin vĩ đại đã dạy như vậy, Đảng cộng sản đã kêu gọi làm như vậy. Và các dân tộc của Tổ quốc chúng tôi — cùng với họ, có dân tộc Bê-lô-rút-xi-a, đã không do dự đi theo con đường do I-lích chỉ ra. Tháng Chạp năm 1922, họ đã thống nhất thành Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô viết. Đó là sự thể hiện thực tế những tư tưởng của Lê-nin vĩ đại, chính sách dân tộc lê nin nít.

Liên bang anh em của các dân tộc đã được giải phóng đã giúp họ khôi phục nền kinh tế quốc dân bị những năm dài chiến tranh để quốc chủ nghĩa và nội chiến tàn phá, đã tạo khả năng đi tới bình đẳng thực tế và bình quyền hoàn toàn, triển khai một cách vững chắc công cuộc xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa.

Có thể thấy rõ điều đó ở Bê-lô-rút-xi-a xô viết. Dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản, với sự giúp đỡ anh em của các dân tộc khác, trước hết của dân tộc Nga vĩ đại, nhân dân lao động nước cộng hòa ngày càng tiến lên những đỉnh cao mới trong sự phát triển của mình. Các xí nghiệp, công xưởng, nhà máy điện đã được xây dựng, nông dân đã vững chắc bước lên con đường phát triển xã hội chủ nghĩa. Cách mạng văn hóa đã được thực hiện thắng lợi. Một mạng lưới trường học dày đặc bao phủ nước cộng hòa. Trường đại học tổng hợp quốc gia Bê-lô-rút-xi-a đã được mở, Viện hàn lâm khoa học, một loạt viện nghiên cứu bắt đầu hoạt động. Các rạp hát được xây dựng, các câu lạc bộ được mở ra. Báo chí bằng tiếng Bê-lô-rút-xi-a được xuất bản. Nhân dân Bê-lô-rút-xi-a xây dựng vững chắc cuộc sống mới trên mảnh đất tự do.

Rất dễ hình dung là vào thời đó các nước cộng hòa xô viết, trong đó có Bê-lô-rút-xi-a, đã tiến xa như thế nào trên con đường xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa cộng sản, nếu như lao động hòa bình của chúng tôi không bị sự tiến công bội tín của bọn phát xít Hít-le làm gián đoạn. Những người xô viết yêu Tổ quốc mình một cách nồng nàn, không thể nghĩ đến tương lai của mình mà không có chính quyền nhân dân, chính quyền xô viết cho nên đã vùng dậy bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ tự do của mình.

Trong những năm chiến tranh, Bê-lô-rút-xi-a bị kẻ thù chiếm đóng, đã xứng đáng với vinh dự là nước cộng hòa - du kích. Bọn xâm lược phát xít hy vọng bằng lửa và kiếm, bằng giá treo cổ, bằng những hành động tàn bạo và những vụ giết dân lành làm cho nhân dân chúng tôi hoảng sợ, biến họ thành những người nô lệ nhàn nhục. Nhưng kẻ thù đã

tính nhầm. Nhân dân Bê-lô-rút-xi-a đã không run sợ, không quỳ gối. Những thử thách gian khổ đã không làm nhụt ý chí của họ, không làm lung lay lòng tin tưởng của họ vào thắng lợi. Sôi sục căm thù bọn giặc nước ngoài dè hèn, họ đã cùng với tất cả các dân tộc trong nước chúng tôi đứng lên tiến hành cuộc chiến tranh thần thánh chống bọn chiếm đóng. Gần nửa triệu du kích và chiến sĩ bí mật đã chiến đấu chống kẻ thù trên mảnh đất Bê-lô-rút-xi-a. Hàng trăm nghìn người dân các thành thị và làng mạc đã tích cực ủng hộ họ. Phong trào du kích có tính chất quốc tế thật sự. Những con em của hơn 70 dân tộc và bộ tộc Liên-xô đã chiến đấu trong hàng ngũ du kích Bê-lô-rút-xi-a, Đảng cộng sản Bê-lô-rút-xi-a - một đội chiến đấu của Đảng cộng sản Liên-xô, là người cổ vũ và tổ chức cuộc chiến đấu toàn dân ấy trên lãnh thổ nước cộng hòa.

Trong suốt hơn 3 năm, bộ chỉ huy của Hít-le đã bắt buộc phải sử dụng hàng chục đơn vị vũ trang, kể cả quân chính quy để đấu tranh chống du kích Bê-lô-rút-xi-a. Bằng cách thu hút về mình, kim châm số quân địch đó, du kích đã giúp đỡ nhiều cho Hồng quân. Họ đã tiêu diệt gần nửa triệu quân phát xít, thu và phá hủy một số lớn vũ khí đạn dược của chúng.

Chiến thắng của Liên-xô trong Chiến tranh giữ nước vĩ đại đã chứng tỏ rõ ràng sức mạnh không gì phá nổi của Nhà nước xã hội chủ nghĩa. Nó chỉ ra rằng trên thế giới không có lực lượng nào có thể nô dịch những dân tộc đã được đảng cộng sản giáo dục và rèn luyện, trung thành với những tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, trung thành vô hạn với Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của mình. Và đáng vui mừng nhận thấy rằng cuộc đấu tranh của nước Việt-nam anh hùng cho độc lập và tự do của mình

lại một lần nữa chứng minh hùng hồn sự vô địch của hệ tư tưởng Mác - Lê-nin, sự vô địch của một đảng và một dân tộc được vũ trang bằng hệ tư tưởng ấy.

Những năm khôi phục sau chiến tranh và phát triển kinh tế hơn nữa đã là những trang chói lọi đi vào biên niên sử tình hữu nghị của các dân tộc xô viết. Việc khôi phục những vùng bị bọn chiếm đóng phát xít Đức tàn phá đòi hỏi phải dốc hết mọi lực lượng.

Bọn xâm lược phát xít đã gây cho Bê-lô-rút-xi-a những tổn thất nặng nề. Thành phố và làng mạc trở thành đồng tro tàn. Bọn chiếm đóng đã phá hủy hơn 10 000 xí nghiệp công nghiệp, cướp bóc và tàn phá tất cả các nông trường quốc doanh, nông trang tập thể, trạm máy kéo và máy móc khác, đã thiêu hủy hoặc mang về Đức vô số giá trị văn hóa. Một phần tư số dân Bê-lô-rút-xi-a bị chết trong ngọn lửa chiến tranh trên lãnh thổ nước cộng hòa. Nhiều vùng hoàn toàn vắng bóng người. Tháng Chạp năm 1944, tổng sản lượng công nghiệp của nước cộng hòa chỉ bằng 10% mức tháng Chạp năm 1910 trước chiến tranh. Chúng tôi đã phải khôi phục kinh tế, như người ta nói, từ cái cọc nhỏ trở đi.

Tưởng chừng phải mấy chục năm trời thì sự sống mới trở lại trên mảnh đất Bê-lô-rút-xi-a đầy thương tích và đầm máu. Xem chừng có thể là như vậy, nếu như Bê-lô-rút-xi-a xô viết không nằm trong gia đình anh em các dân tộc xã hội chủ nghĩa, trong thành phần Nhà nước xô viết hùng mạnh. Nhân dân Bê-lô-rút-xi-a không đơn độc trước tai nạn của mình. Dân tộc Nga vĩ đại, tất cả các dân tộc của đất nước Xô viết đã đến giúp đỡ chúng tôi. Và đã diễn ra cái mà chỉ có thể gọi là kỳ tích. Trong thời hạn lịch sử hết sức ngắn, Bê-lô-rút-xi-a chẳng những đã hàn gắn

được những vết thương chiến tranh trầm trọng, mà còn vượt xa mức phát triển trước chiến tranh.

Tượng trưng cho tình hữu nghị không gì phá vỡ nổi của các dân tộc xô viết, những trung tâm công nghiệp lớn, những công xưởng, nhà máy hùng mạnh đã mọc lên trên mảnh đất Bê-lô-rút-xi-a, những đầm lầy xưa đã biến thành ruộng đất có năng suất cao.

Những đường dây tải điện, những ống dẫn dầu khí trải dài. Những ngành kinh tế chủ đạo: năng lượng, chế tạo máy, và nhất là chế tạo dụng cụ, hóa chất và hóa dầu, phát triển với tốc độ nhanh nhất. Sản xuất hàng thường dùng ngày càng phát triển. So với năm 1922, tổng sản lượng công nghiệp ở nước cộng hòa đã tăng hơn 700 lần.

Bê-lô-rút-xi-a xô viết đang giải quyết thắng lợi những nhiệm vụ xuất phát từ sự phân công lao động toàn liên bang và sự chuyên môn hóa theo lãnh thổ. Sản phẩm của các xí nghiệp Bê-lô-rút-xi-a - máy kéo, ô tô vận tải lớn, máy tính điện tử, máy cái, muối ca li, tủ lạnh, máy thu hình, sợi và chỉ hóa học, thối, sữa và nhiều sản phẩm khác không ngừng được chở đến khắp nơi trong nước. Sản phẩm mang nhãn hiệu Bê-lô-rút-xi-a nổi tiếng cả ở nước ngoài. Máy kéo của Min-xơ được xuất khẩu đến 68 nước trên thế giới, và máy cắt kim loại - 70 nước. Máy kéo "Bê-lu-rút-xơ" đang hoạt động cả trên đồng ruộng Việt-nam, và chúng tôi vui mừng được biết rằng máy kéo ấy tỏ ra là những trợ thủ đáng tin cậy của người làm ruộng.

Nhưng muốn sản xuất được tất cả những cái ấy, Bê-lô-rút-xi-a nhận được của các nước cộng hòa liên bang khác than đá và than cốc, dầu và khí, kim loại đen và kim loại màu, dầu máy chạy bằng điện và than, len, bông và nhiều loại sản phẩm khác. Những

mối quan hệ kinh tế chặt chẽ ấy và trình độ phân công lao động cao giữa các nước cộng hòa cho phép mỗi nước cộng hòa sử dụng có hiệu quả nhất-những khả năng của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, những thành tựu của khoa học - kỹ thuật tiên tiến.

Nông thôn mới Bê-lô-rút-xi-a với những cánh đồng phì nhiêu, những tổ hợp chăn nuôi, những xí nghiệp nông nghiệp, những trạm điện và đường dây điện cao thế gắn liền hữu cơ với quang cảnh công nghiệp của Bê-lô-rút-xi-a. Sử dụng kỹ thuật tiên tiến, những người lao động nông thôn năm này sang năm khác ngày càng sản xuất thêm nhiều ngũ cốc, khoai, thịt, sữa, lanh và các sản phẩm khác. Sự tiến bộ trong sản xuất nông nghiệp diễn ra song song với việc cải tổ toàn bộ lối sống của nông dân. Lao động nông nghiệp trở thành một dạng của lao động công nghiệp, sinh hoạt của người dân nông thôn tiến gần đến sinh hoạt của người thành thị.

Trên cơ sở kinh tế phát triển, mức sống của con người xô viết được nâng cao không ngừng. Tiền lương tăng. Những phụ cấp và ưu đãi từ quỹ tiêu dùng xã hội cũng tăng. Tiền của quỹ ấy được dùng cho việc học hành không mất tiền. Nhà nước đảm nhận bốn phần năm chi phí nuôi trẻ em ở các nhà trẻ và vườn trẻ. Nhà nước chi mỗi năm trên 1000 rúp cho một sinh viên trường đại học. Nói chung chỉ riêng năm 1981, nhân dân Bê-lô-rút-xi-a nhận được 4,2 tỷ rúp tiền phụ cấp, ưu đãi và dịch vụ lấy từ quỹ tiêu dùng xã hội. Những năm sau chiến tranh, 125 triệu mét vuông nhà ở đã được xây dựng ở Bê-lô-rút-xi-a. Chỉ từ đầu kế hoạch 5 năm thứ 10, hơn hai triệu người đã được cải thiện điều kiện sinh sống.

Câu chuyện về những cải tạo ở Bê-lô-rút-xi-a, đạt được trong gia đình anh em các dân tộc xô viết, sẽ

không được đầy đủ, nếu không nói đến sự phát triển về tinh thần của nhân dân, sự phồn vinh của giáo dục nhân dân, khoa học, văn học, nghệ thuật trên mảnh đất trù phú của chủ nghĩa xã hội. Nếu, chẳng hạn, trước Cách mạng Tháng Mười, cứ 10 người Bê-lô-rút-xi-a thì 8 người mù chữ, thì hiện nay, cứ 10 người làm việc trong nền kinh tế quốc dân thì 8 người có trình độ học vấn trung cấp và cao cấp. Trong nước cộng hòa có 33 trường đại học, trong đó có 3 trường đại học tổng hợp, 136 trường trung cấp chuyên nghiệp. Ở đây có không ít nam nữ thanh niên Việt-nam học tập. Bây giờ, cứ 1 vạn dân thì có 177 sinh viên, tức là hơn Anh, Pháp. Cộng hòa liên bang Đức, Ý nhiều. Bê-lô-rút-xi-a hiện có hơn 1 triệu chuyên gia có bằng.

Một mạng lưới rộng các rạp hát, cung văn hóa, câu lạc bộ, thư viện, viện bảo tàng, hàng triệu cuốn sách, báo chí, một mạng lưới phát triển các đài vô tuyến truyền hình và truyền thanh, đang thỏa mãn nhu cầu tinh thần của nhân dân lao động thành thị và nông thôn. Trong sáu mươi năm qua, tiềm lực khoa học của Bê-lô-rút-xi-a tăng lên gấp bội. Có 5 phân viện Viện hàn lâm khoa học gồm 32 tập thể khoa học lớn. Tổng cộng trong nước cộng hòa có hơn 39 000 cán bộ khoa học làm công tác nghiên cứu.

Tất cả những thành tựu ấy của Bê-lô-rút-xi-a xô viết sở dĩ có được chỉ là vì nước cộng hòa gia nhập Liên bang xô viết hùng mạnh của các dân tộc tự do; trong Liên bang ấy, sự hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau trong tất cả các lĩnh vực sinh hoạt vật chất cũng như tinh thần giữa các dân tộc ấy không ngừng được củng cố

Liên-xô ngày nay là mẫu mực về sự phát triển tự do của các dân tộc bình quyền gắn bó với nhau bằng sợi dây hữu nghị và tình anh em không

gì phá vỡ được; các dân tộc ấy đã xây dựng xong xã hội xã hội chủ nghĩa phát triển và đang sáng tạo tương lai cộng sản chủ nghĩa tươi sáng. Tất cả mọi người xô viết đều nhiệt liệt ủng hộ chính sách dân tộc lệ nin nít của Đảng cộng sản Liên-xô; việc thực hiện chính sách ấy bảo đảm đạt được những ranh giới ngày càng mới trong sự phát triển kinh tế, văn hóa, Nhà nước xô viết, dân chủ xã hội chủ nghĩa, nâng cao mức sống của nhân dân lao động thành thị và nông thôn.

Những nghị quyết của Đại hội XXVI Đảng cộng sản Liên-xô, kế hoạch 5 năm thứ 11, chương trình lương thực phẩm do hội nghị toàn thể Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên-xô tháng 5-1982 thông qua, đã mở ra những chân trời mới cho tất cả các dân tộc của đất nước Xô viết. Những người xô viết đang phấn khởi lao động để thực hiện những nhiệm vụ to lớn mới. Nhưng họ nhận thức rõ rằng muốn thực hiện tất cả những gì đã được vạch ra, thì phải có hòa bình, vì vậy họ không tiếc sức để củng cố hơn nữa sức mạnh phòng thủ đất nước, sự hùng mạnh của Liên-xô. Nhiệt liệt

tán thành và ủng hộ đường lối đối ngoại yêu hòa bình của Đảng cộng sản Liên-xô và Nhà nước Liên-xô, nhân dân chúng tôi, cùng với nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa anh em, cùng với mọi người có thiện chí, đang kiên quyết bảo vệ sự nghiệp vĩ đại hòa bình và tiến bộ trên trái đất.

Những ngày này, nhân dân lao động Bê-lô-rút-xi-a, cũng như tất cả mọi người xô viết, long trọng kỷ niệm ngày hội lớn - 60 năm thành lập Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô viết. Với nhiệt tình sôi nổi, họ đã chuẩn bị thiết thực cho ngày hội, và đón chào ngày hội bằng những thành tựu xuất sắc mới.

Đoạn kết trong một gia đình thân ái thống nhất, những người xô viết đang bình tĩnh và tin tưởng làm việc, học tập, nuôi dạy con cái, nghỉ ngơi dưới bầu trời hòa bình trong sáng của Tổ quốc chúng tôi. Sự bình tĩnh và tin tưởng ấy là không gì lay chuyển nổi, vì cơ sở của chúng là sự tin nhiệm sâu sắc của nhân dân đối với Đảng cộng sản thân yêu đang vùng vằng dắt dẫn nhân dân đi tới mục đích tươi sáng - xây dựng thành công xã hội cộng sản chủ nghĩa.

Không ngừng củng cố quốc phòng...

(Tiếp theo trang 4)

Bảo vệ Tổ quốc vừa là vinh dự và nghĩa vụ của toàn dân, vừa là một truyền thống quý báu của toàn dân tộc. Cần giáo dục sâu rộng trong nhân dân và thanh niên vinh dự, nghĩa vụ và truyền thống đó, khắc phục khuynh hướng chỉ chạy theo đời sống riêng mà xao lãng nghĩa vụ chung.



“Các Vua Hùng đã có công dựng nước,

Bác cháu ta phải ra sức giữ nước” (4)

Lời căn dặn sâu sắc ấy của Hồ Chủ tịch hơn lúc nào hết đang nhắc chúng ta phải chăm lo củng cố nền quốc phòng toàn dân vững mạnh trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Cũng như chiến tranh nhân dân, quốc phòng toàn dân là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân, của cả nền chuyên chính vô sản. Nó cần được các cấp Đảng bộ, từ trung ương đến cơ sở, thật sự tổ chức và lãnh đạo một cách cụ thể và chặt chẽ.

(4) Hồ-Chí-Minh : *Tuyên tập*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1980, tập 1, tr. 620.

GIÁ TRỊ VĂN HÓA TINH THẦN CỦA VIỆT-NAM (*)

Nguyễn-Khánh-Toàn :

... Văn hóa của các dân tộc không phải từ một khuôn mẫu chung sẵn có đúc ra, mà mỗi một dân tộc góp phần tạo ra nền văn hóa của loài người.

Nền văn hóa cổ truyền Việt-nam có sức sống kỳ diệu, bởi vì, biểu đạt tinh thần yêu nước của nhân dân ta, nó tượng trưng cho sức sống mãnh liệt của dân tộc, với những đặc trưng sau đây :

Một là, nó dựng nên bởi lao động và trí tuệ của những con người luôn luôn đấu tranh cho chính nghĩa, để giành và bảo vệ quyền sống, quyền sung sướng, quyền tự do của bản thân. Từ trong cuộc đấu tranh ấy, rất sớm dân tộc Việt-nam được giác ngộ về chân lý: *Không có gì quý hơn độc lập, tự do.*

Hai là, những điều kiện, hoàn cảnh trong đó họ sống, lao động và chiến đấu dạy cho họ sớm có ý thức về sức mạnh và sự cần thiết của *lĩnh đoàn kết* của cộng đồng những người phấn đấu cho những quyền lợi chính đáng,

cho độc lập tự do, bình đẳng và hạnh phúc.

Đó là yếu tố rèn luyện tinh thần bền bỉ, khí phách anh hùng, chí khí quật cường, bất khuất, trong đấu tranh chống sức thiên nhiên cũng như đấu tranh xã hội.

Ba là, trong những điều kiện và hoàn cảnh lúc bấy giờ, địa bàn cư trú của người Việt còn hẹp, số dân chưa đông lại ở rải rác, thiên tai lẫn địch họa là những nguy cơ thường xuyên. Những thử thách, vì thế ngày càng gay go, ác liệt. Dựng nước đương nhiên kết hợp chặt chẽ với giữ nước. Giữ nước không tách rời dựng nước. Sự kết hợp ấy là một quy luật phát huy sức sáng tạo của văn hóa dân tộc, bảo đảm thành công trong mọi tinh hướng cho công cuộc dựng nước và giữ nước.

Bốn là, văn hóa truyền thống Việt-nam nảy sinh trong thời kỳ chế độ sở hữu thị tộc còn chiếm ưu thế, với

(*) Xem *Tạp chí Cộng sản*, từ số 11-1982.

nền dân chủ làng xóm mà gia đình là tế bào.

Về quyền lợi, nghĩa vụ, lối sống, giữa việc nước, việc làng, việc nhà, có quan hệ khăng khít với nhau.

Tinh thần dân là nền móng vững chắc của văn hóa cổ truyền Việt-nam.

Tinh dân chủ, kết tinh trong *linh đoàn kết dân tộc, đoàn kết toàn dân*, là biểu thị tinh thần nhân đạo, lòng nhân ái đậm đà — tương thân tương trợ, đùm bọc lấy nhau, sướng khổ có nhau, chị ngã em nâng, mỗi hở răng lạnh, máu chảy ruột mềm.

Văn hóa cổ truyền Việt-nam, biểu tượng của tinh thần yêu nước nồng nàn, thấm tinh ưu ái, lòng nhân đạo.

Tinh thần ấy đã trở thành động lực cho ý chí thống nhất dân tộc và thống nhất quốc gia và lãnh thổ. Qua mấy nghìn năm đấu tranh chống ngoại xâm, ý chí ấy, xuất phát từ tinh thần không có gì quý hơn độc lập, tự do, và tinh đoàn kết dân tộc, đã biến thành thực tế lịch sử danh thép đánh bại tất cả những âm mưu chia cắt của tất cả các thế lực ngoại xâm xưa cũng như nay, như Hồ Chủ tịch đã trịnh trọng tuyên bố trước toàn thế giới cách đây trên 30 năm.

« Nước Việt-nam là một.

Dân tộc Việt-nam là một.

*Sống có thể cạn, núi có thể mòn,
song chân lý ấy không bao giờ
thay đổi ».*

Có tinh thần nhân đạo soi sáng, chủ nghĩa yêu nước Việt-nam luôn đứng vững trên lập trường chính nghĩa. Chủ nghĩa yêu nước ấy, ngày nay ta gọi là chủ nghĩa yêu nước chân chính. Vì nó lấy việc bảo vệ những quyền dân tộc cơ bản — độc lập dân tộc, tự do và hạnh phúc cho nhân dân làm mục tiêu phấn đấu, lấy tinh thần nghĩa, thủy chung làm tiêu chuẩn cho những mối quan hệ giữa người với người.

Tinh nhân đạo, một giá trị văn hóa tinh thần lớn của nền văn hóa cổ truyền Việt-nam, vừa cao đẹp, tế nhị về tư tưởng, vừa cụ thể và chính đại quang minh về hành động.

Xuất phát từ lòng nhân đạo ấy, lấy chính nghĩa làm gốc, người Việt-nam không vì những thắng lợi huy hoàng giành được trong những cuộc chiến đấu vô cùng gay go gian khổ mà đắm ra tự kiêu, và điều quan trọng là không bị đầu độc bởi tư tưởng hiếu chiến, quân phiệt, bởi tham vọng bành trướng, bá quyền, hồ chính nghĩa, theo phi nghĩa.

Trái lại, trong những lúc tình thế cực kỳ nguy hiểm, giặc kéo đến biên giới, đưa tới hậu thư đòi phải để cho chúng quá cảnh để đánh nước láng giềng, cả nước ta một lòng từ chối, cùng với nước láng giềng hiệp lực đánh đuổi quân thù, chấm dứt mộng bành trướng của chúng đối với các dân tộc phương Nam.

Dức tính cao đẹp, đầy lòng nhân ái, trong bản lĩnh của dân tộc ta trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, hướng về một mục đích: *nhân dân được an cư lạc nghiệp*. Đó cũng là hoài bão của tất cả những con người lao động ở các thời đại.

Nguyên lý ấy được Nguyễn-Trãi — tư tưởng và sự nghiệp của ông là đỉnh cao của ý thức dân tộc và lòng yêu nước của nhân dân Việt-nam ở thời trung đại — nêu cao như là lời mở đầu, cũng là châm ngôn của *Bình Ngô đại cáo* — bản tuyên ngôn độc lập thứ hai trong lịch sử Việt-nam :

« Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân ».

Đó cũng là mục đích, hơn nữa là quyền chính đáng, tự nhiên của tất cả các dân tộc trên trái đất.

« Thương người như thể thương thân » lòng nhân đạo diễn đạt bằng một câu nói giản dị, tự nhiên, trở thành một tiêu chuẩn trong những

mối quan hệ giữa người và người. Có thể coi nó như là cái mầm của tư tưởng "mỗi người vì mọi người, mọi người vì mỗi người".

Hiểu theo ý nghĩa ấy, chúng ta thấy rằng *yêu chuộng hòa bình* là một tư tưởng nhất quán trong cuộc đấu tranh trường kỳ của dân tộc ta chống ngoại xâm.

Tư tưởng hòa bình biểu hiện càng đậm nét sau những chiến thắng oanh liệt:

«Non sông nghìn thuở vững âu vàng»

(Trần-Nhân-Tông)

«Chưong-dương cướp giáo giặc,
Hàm-tử bắt quân thù.

Thái bình hãy gắng sức,
Non nước ấy nghìn thu»

(Trần-Quang-Khải)

Tha chết cho mấy chục vạn quân Minh đầu hàng, cung cấp lương thực, voi ngựa, thuyền bè cho chúng về đoàn tụ với người thân, không những là một cử chỉ khoan hồng hào hiệp của bên chiến thắng, mà còn đưa lại một nền hòa bình lâu bền giữa các dân tộc:

«Đề mở nền muôn thuở thái bình»
(Nguyễn-Trãi —
Bình Ngô đại cáo)



Địa bàn cư trú của dân tộc Việt-nam từ xưa là nơi tiếp xúc và gặp gỡ giữa các luồng văn hóa khác nhau.

Vì thế, một mặt, văn hóa truyền thống Việt-nam phải lo giữ gìn tính độc lập và bản sắc riêng của nó; mặt khác, phải nhìn xa thấy rộng, phải có khả năng tiếp thụ những giá trị văn hóa và tinh thần của các dân tộc khác.

Ông cha ta đã có một thái độ đúng đắn để giải quyết hai yêu cầu trên, về bề ngoài có vẻ mâu thuẫn nhau.

Yêu cầu thứ nhất — tính độc lập, vấn đề đặt tự nó giải quyết lấy. Có nền văn hóa nào có tính độc lập hơn là một nền văn hóa gắn bó với độc lập, tự do, xây dựng trên cơ sở đấu tranh bất khuất vì độc lập, tự do của cả một dân tộc liên tiếp thắng lợi đập tan những âm mưu của quân cướp nước định đồng hóa dân tộc đó về văn hóa và tinh thần.

Điều đó chứng tỏ rằng dân tộc Việt-nam đi vào lịch sử thế giới bằng con đường tự mình lựa chọn. Như vậy là góp phần xứng đáng vào sự tiến bộ chung của loài người.

Yêu cầu thứ hai — tiếp thụ những giá trị văn hóa và tinh thần của các dân tộc khác, có quan hệ mật thiết với yêu cầu thứ nhất.

Một nền văn hóa, dù xán lạn, cao đẹp đến đâu, không thể sống riêng lẻ, tự tách mình ra khỏi luồng giao lưu văn hóa giữa các dân tộc. Dĩ nhiên, trong những giá trị văn hóa và tinh thần du nhập từ ngoài, có những cái không thích hợp với tinh thần độc lập, tự chủ, với những truyền thống cao đẹp của dân tộc. Nhiều lúc, sự tiếp xúc bị áp đặt, sự du nhập thực hiện bằng phương pháp cưỡng bách, qua chinh chiến, xâm phạm đến độc lập, chủ quyền và phẩm giá của dân tộc.

Nhưng ý thức sâu sắc về quyền độc lập, tự chủ, tinh thần quật khởi, trí sáng tạo và tinh nhân đạo, đã giúp nhân dân ta tránh được hai thái cực — đầu óc nô lệ và bệnh biệt phái, hẹp hòi, tự cao, tự mãn — để tiếp thu sáng tạo những thành tựu quý báu của nền văn hóa của các dân tộc, làm cho nền văn hóa dân tộc ngày thêm phong phú, càng nhiều hương sắc, mà vẫn giữ được bản sắc riêng của mình, không lai căng, không chấp vá.

Ngược lại, trong quá trình dựng nước và giữ nước thành công của nhân dân ta, văn hóa Việt-nam không thể không ảnh hưởng nhiều hoặc ít đến văn hóa của các dân tộc láng giềng.



Trong bốn mươi thế kỷ đấu tranh anh hùng và bền bỉ, đầy gian khổ hy sinh, nhân dân ta đã lập nên những chiến công lẫy lừng, kỳ diệu.

Đó một phần rất quan trọng là nhờ có sức mạnh tổng hợp của những giá trị văn hóa và tinh thần cao quý của dân tộc, kết tinh trong ba đức tính *nhân, trí, dũng*. Ba đức tính này lại được kết tinh ở *tinh thần yêu nước*.

Chủ nghĩa yêu nước Việt-nam có một sức mạnh vô địch, bởi vì nó tượng trưng cho chính nghĩa.

Với lá cờ yêu nước, từ xưa, nhân dân ta chiến đấu để "lấy đại nghĩa thắng hung tàn, lấy chí nhân thay cường bạo".

Chủ nghĩa yêu nước Việt-nam là chủ nghĩa yêu nước chân chính, bởi vì nó biểu trưng cho tinh thần không có gì quý hơn độc lập, tự do.

Độc lập, tự do cũng là mục tiêu phấn đấu của các dân tộc, bởi vì "dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng, quyền tự do". (Hồ-Chí-Minh: *Tuyên ngôn độc lập*).

Lòng yêu nước của người Việt-nam gắn liền với tinh thần yêu nhân dân, quý trọng nhân dân, đấu tranh vì hạnh phúc của nhân dân, nhân dân được ăn no, mặc ấm, an cư lạc nghiệp trong cảnh "thái bình muôn thuở".

Trong ý thức của dân tộc, nước với dân là một, Tổ quốc, dân tộc, nhân dân là một tổng thể. Bởi vì nhân dân lao động là người dựng nên Tổ quốc Việt-nam gấm vóc, làm nên dân tộc Việt-nam anh hùng, sáng tạo ra

những giá trị văn hóa và tinh thần dân tộc cao quý, viết ra những trang sử dân tộc vẻ vang.

Chủ nghĩa yêu nước Việt-nam là tiền đề, là cơ sở vững chắc để đi tới một cách tự nhiên, tất yếu, theo tính quy luật, *chủ nghĩa yêu nước xã hội chủ nghĩa*, dưới lá cờ vì độc lập dân tộc, vì chủ nghĩa xã hội.

Như vậy là nhân dân ta, dưới sự lãnh đạo của Đảng, đã đi theo đường lối được Hồ Chủ tịch vạch ra: từ chủ nghĩa yêu nước đi tới chủ nghĩa xã hội khoa học.

Văn hóa Việt-nam ngày nay là văn hóa xã hội chủ nghĩa có tính chất nhân dân và mang màu sắc dân tộc. Con đường phát triển, chức năng và những nhiệm vụ của nó được Báo cáo chính trị tại Đại hội thứ V của Đảng do đồng chí Lê-Duẩn trình bày đặt ra rõ ràng:

"Từ ngày có Đảng, dưới ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, truyền thống yêu nước và dân chủ của nhân dân ta được nâng lên một trình độ mới và phát huy mạnh mẽ hơn bao giờ hết. Hiện nay, nước ta xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân lao động, đó vừa là thực hiện tính quy luật của thời đại, vừa là kế thừa và nâng cao truyền thống văn hóa yêu nước và dân chủ hàng nghìn năm của dân tộc Việt-nam" (1).

Giáo dục ý thức xã hội chủ nghĩa, cộng sản chủ nghĩa, bắt đầu bằng giáo dục chủ nghĩa yêu nước xã hội chủ nghĩa.

Trên quan điểm ấy, xin nêu ra ba phương hướng cần cho công tác giáo dục có kết quả.

Một là, coi quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân lao động là nhân tố quyết định. Bởi vì

(1) Văn kiện Đại hội V của Đảng. Nxb Sự thật, Hà-nội. 1982, tập 1, tr. 94.

đó là nơi phải và có thể tiếp thụ dễ dàng những giá trị văn hóa và tinh thần của dân tộc, cũng là nơi có trách nhiệm và điều kiện thuận lợi để phát huy và nâng cao những giá trị ấy, qua công tác trong mọi lĩnh vực xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Hai là, công tác giáo dục nhằm vào ba mục tiêu: sản xuất, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu, và hạnh phúc của nhân dân. Mỗi một mục tiêu có những biện pháp cụ thể, những sáng kiến nhằm nâng cao hiệu suất lao động, nâng cao tinh thần chiến đấu, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

Ba là, biến công tác giáo dục thành những phong trào quần chúng rộng rãi, trong đó phong trào thi đua xã hội chủ nghĩa là động lực chính. Về mặt này, phải noi gương Bác Hồ, trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp. Người đã tạo ra phong trào « văn hóa hóa kháng chiến, kháng chiến hóa văn hóa ». Theo tinh thần ấy, làm cho khẩu hiệu « có văn hóa » được thực hiện trong sản xuất, trong lao động, trong chiến đấu, trong học tập, trong nếp sống, trong giao tế, trong gia đình, trong vui chơi giải trí.

Phan-Huy-Lê :

I — Vị trí của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa hiện nay trong tiến trình lịch sử dân tộc.

Sự hình thành và phát triển cũng như sự bảo tồn và đổi mới của truyền thống luôn luôn diễn ra trên nền tảng của các hình thái kinh tế — xã hội. Vì vậy, trước hết cần nhìn lại một cách tổng quát sự tiến triển của các hình thái kinh tế — xã hội trong lịch sử Việt-nam để thấy rõ vị trí của cuộc cách mạng hiện nay và những vấn đề đặt ra trong mối quan hệ giữa truyền thống và cách mạng.

Nước ta cũng như tất cả các nước trên thế giới và loài người nói chung,

trong quá khứ xa xưa đã trải qua một thời kỳ phát triển lâu dài của chế độ công xã nguyên thủy. Hình thái kinh tế — xã hội đầu tiên đó đã bị vượt qua từ lâu, nhưng những tàn dư của nó vẫn được bảo tồn cho đến ngày nay, nhất là trong xã hội của các dân tộc miền núi.

Sau đó, từ thời dựng nước đời Hùng Vương — An Dương Vương, nước ta bước vào xã hội phân hóa giai cấp sơ kỳ với một kết cấu kinh tế — xã hội đặc thù của phương Đông. Trong xã hội này, quan hệ bóc lột nô lệ xuất hiện và phát triển trong mức độ nào đó nhưng dưới dạng của chế độ nô lệ gia trưởng và không trở thành quan hệ chủ đạo của xã hội. Cơ sở bền vững và phổ biến của xã hội là công xã nông thôn — tức làng xã cổ truyền — với chế độ sở hữu hay chiếm hữu ruộng đất và quyền tự trị rộng lớn về nhiều mặt của công xã. Nông dân công xã là lực lượng sản xuất chủ yếu của xã hội. Chúng tôi tạm gọi đó là xã hội phương thức sản xuất châu Á theo thuật ngữ do C. Mác đề ra từ năm 1859 trong *Lời tựa tác phẩm Góp phần phê phán chính trị kinh tế học*, tuy đến nay ai cũng thấy thuật ngữ ấy chưa phản ánh và bao quát được những đặc điểm cơ bản của hình thái kinh tế — xã hội này.

Trên nền tảng của phương thức sản xuất châu Á, quan hệ sản xuất phong kiến dần dần nảy sinh và dẫn đến sự xác lập của chế độ phong kiến vào khoảng thế kỷ 15. Chế độ phong kiến Việt-nam không dựa trên cơ sở kinh tế lãnh địa và quan hệ lãnh chúa — nông nô như phương Tây, mà lại dựa trên sự bảo tồn và phong kiến hóa công xã nông thôn và cơ sở kinh tế địa chủ với quan hệ địa chủ — tá điền.

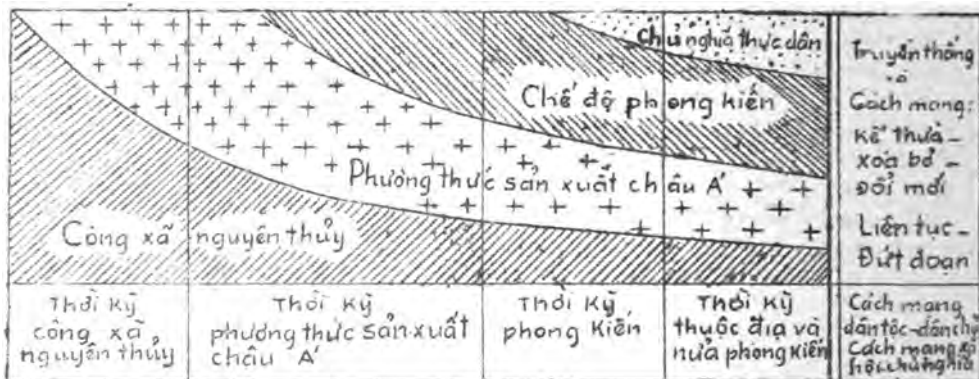
Từ giữa thế kỷ 19, với cuộc xâm lược và thông trị của thực dân Pháp, xã hội phong kiến Việt-nam chuyển

thành xã hội thuộc địa và nửa phong kiến. Trước đó, trong lòng xã hội phong kiến suy tàn, những mầm mống đầu tiên của chủ nghĩa tư bản đã ra đời nhưng rất yếu ớt. Dưới sự thống trị của chủ nghĩa thực dân, quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa có phát triển trong mức độ nào đó nhưng cũng bị kìm hãm nặng nề.

Sau thắng lợi của Cách mạng

Tháng Tám năm 1945, trên cơ sở hoàn thành cách mạng dân tộc—dân chủ trên cả nước, Việt-nam bỏ qua thời kỳ phát triển tư bản chủ nghĩa, từng bước quá độ tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội.

Toàn bộ sự tiến triển của các hình thái kinh tế—xã hội trong lịch sử Việt-nam cho đến trước cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa hiện nay, có thể tóm lược trong sơ đồ sau:



Trong sơ đồ trên, cần lưu ý mấy điểm:

1— Trong thời cổ đại, nước ta không trải qua thời kỳ thống trị của chế độ chiếm hữu nô lệ như kiểu Hy-lạp, La-mã và trong thời cận hiện đại, lại bỏ qua thời kỳ phát triển của chủ nghĩa tư bản, tuy rằng quan hệ bóc lột nô lệ cũng như quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa có phát triển trong một chừng mực và giới hạn nào đó.

2— Trước cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa hiện nay, lịch sử Việt-nam chưa trải qua một cuộc cách mạng xã hội thật sự nào, dù từ hình thái kinh tế—xã hội này sang hình thái kinh tế—xã hội khác có những chuyển biến có tính chất cách mạng.

3— Trong quá trình tiến triển của các hình thái kinh tế—xã hội, hình thái mới không xóa bỏ hình thái cũ, mà lại bảo tồn và biến đổi cho phù hợp với yêu cầu mới của xã hội. Do đó, tạo ra tình trạng chồng chất, đan

xen của nhiều hình thái xã hội khác nhau của nhiều thời kỳ lịch sử khác nhau.

4— Cuộc cách mạng xã hội hiện nay là cuộc cách mạng xã hội đầu tiên và triệt để của lịch sử Việt-nam.

Đối với những nước đã trải qua thời kỳ phát triển tư bản chủ nghĩa thì trước cách mạng vô sản, đã có cách mạng tư sản làm nhiệm vụ xóa bỏ những kết cấu kinh tế—xã hội tiền tư bản chủ nghĩa.

Ở phương Đông, có nước như Ấn-độ từ thế kỷ 19, bọn thực dân Anh đo quyền lợi thực dân chủ nghĩa, đã mở mang giao thông, phát triển công nghiệp và «sự can thiệp ấy đã phá hủy những công xã nhỏ nửa đã man nửa văn minh đó, bằng cách thủ tiêu cơ sở kinh tế của chúng, và như thế đã dẫn đến một cuộc cách mạng xã hội vĩ đại nhất và thật ra là cuộc cách mạng xã hội duy nhất mà châu Á từ

trước tới nay đã trải qua » (1). Theo C. Mác, bọn thực dân Anh đã thực hiện cuộc cách mạng ấy như « một công cụ vô ý thức của lịch sử » (2) và bọn chúng chỉ phá vỡ thế giới cũ nhưng không xây dựng một thế giới mới phù hợp với cuộc sống của nhân dân Ấn-độ. Còn đối với nước ta thì bọn thực dân Pháp, ngay một cuộc cách mạng « vô ý thức của lịch sử » như vậy, chúng cũng không thực hiện trong thời Pháp thuộc.

Như vậy, trong toàn bộ tiến trình lịch sử Việt-nam, *cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa hiện nay mà cách mạng dân tộc — dân chủ là bước chuẩn bị, thật sự đóng vai trò cuộc cách mạng xã hội đầu tiên và triệt để của lịch sử*. Nhiệm vụ lịch sử của nó là xóa bỏ và cải tạo một thế giới cũ không phải chỉ dựa trên một hình thái kinh tế — xã hội, mà lại bao gồm và chôn cất trong đó cả chủ nghĩa thực dân cũ và mới, cả chế độ phong kiến và cả những tàn dư dai dẳng của chế độ công xã nguyên thủy và phương thức sản xuất châu Á, đề trên cơ sở đó xây dựng một thế giới mới của chủ nghĩa xã hội tiến lên chủ nghĩa cộng sản.

Cái nhìn lịch đại tổng quát trên đây cho thấy rõ vị trí lớn lao, sứ mạng lịch sử vĩ đại và nhiệm vụ nặng nề, phức tạp của sự nghiệp cách mạng hiện nay của chúng ta.

II — Một di sản vô giá cần kế thừa, phát huy và nâng cao.

Lịch sử Việt-nam với quá trình đấu tranh lâu dài chinh phục thiên nhiên, xây dựng và bảo vệ đất nước của nhân dân ta, để lại một di sản vô giá bao gồm những kinh nghiệm phong phú trên nhiều mặt của cuộc sống, những giá trị văn hóa, những giá trị tinh thần, những truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Hồ Chủ tịch và Đảng ta rất trân trọng di sản đó và luôn luôn chủ trương phải kế thừa, phát huy và nâng cao những tinh hoa ấy của lịch sử dân tộc.

Những cơ sở chủ yếu đã sản sinh ra những giá trị truyền thống của dân tộc có thể quy vào mấy mặt chính say đây :

1— *Công cuộc lao động chinh phục thiên nhiên, xây dựng đất nước, phát triển kinh tế — văn hóa, tạo tác văn minh.*

Lao động là nguồn gốc của mọi giá trị văn hóa vật chất và tinh thần. Truyền thống lao động là phẩm giá cao đẹp của loài người và của nhân dân lao động mọi nước trên thế giới.

Nhân dân ta lao động sáng tạo trong điều kiện một thiên nhiên nhiệt đới gió mùa rất giàu đẹp nhưng cũng rất khắc nghiệt, trong một hoàn cảnh lịch sử phải đấu tranh gian khổ gần như thường xuyên chống thiên tai và địch họa. Chính sự « *thách thức và ứng phó* » đó rèn luyện tinh thần lao động của nhân dân ta, tạo nên một truyền thống lao động cần cù và kiên nhẫn, mưu trí và sáng tạo. Truyền thống ấy biểu thị tập trung trong lao động của những người nông dân, người thợ thủ công và những nhà văn hóa, trong những thành quả văn hóa lâu đời của dân tộc trên các lĩnh vực.

2 — *Cuộc chiến đấu chống ngoại xâm, bảo vệ độc lập, chủ quyền, phẩm giá của con người và của dân tộc.*

‘Chống ngoại xâm, bản thân nó không phải là đặc điểm riêng của một dân tộc nào vì có dân tộc nào trên thế giới, trong quá trình sinh tồn và phát triển lại không có lần phải chiến đấu bảo vệ cuộc sống và nền độc lập của mình. Đặc điểm nổi bật trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc ta là từ khi dựng nước đến nay, phải chống ngoại xâm liên tiếp, dựng nước luôn luôn phải đi đôi với giữ nước và trong giữ nước phải đương đầu với những

(1), (2) C. Mác — F. Ăng ghen — V.I. Lênin: « Sự thống trị của Anh ở Ấn-độ », trong *Bản đồ xã hội liên tư bản*. Nxb Khoa học xã hội. Hà-nội. 1975, tr. 62 và 64.

kẻ thù lớn mạnh, phải chiến đấu và chiến thắng trong những điều kiện ác liệt. Cuộc đấu tranh lâu dài chống ngoại xâm trong những đặc điểm và điều kiện đó đã ảnh hưởng sâu sắc đến mọi mặt của đời sống, làm nảy sinh và phát triển sớm chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa anh hùng dân tộc, ý chí độc lập dân tộc và tinh thần quật cường bất khuất.

3—*Cơ cấu xóm làng dựa trên nền tảng công xã nông thôn.*

Người dân Việt-nam từ ngàn xưa đã sống, lao động và chiến đấu trong một cơ cấu xóm làng cổ truyền rất bền chặt. Nguồn gốc và nền tảng của cơ cấu xóm làng đó là công xã nông thôn thuộc loại hình châu Á mà đặc trưng cơ bản của nó là chế độ sở hữu ruộng đất của công xã, sự kết hợp chặt chẽ giữa nông nghiệp với thủ công nghiệp và quyền tự trị công xã. Kết cấu kinh tế — xã hội đó tạo nên một thứ quan hệ cộng đồng dân chủ của công xã, mà ngay trong thời trung cổ châu Âu, như C. Mác đã nhận xét, công xã vẫn là «trung tâm duy nhất của tự do và sinh hoạt nhân dân» (3).

Trong lịch sử nước ta, công xã nông thôn bảo tồn lâu dài và đã từng giữ vai trò quan trọng trong công cuộc khai hoang, làm thủy lợi, chống ngoại xâm và là trung tâm của mọi sinh hoạt văn hóa dân gian. Mặt tích cực của nó là đã góp phần tạo nên và gìn giữ được nhiều quan hệ cộng đồng dân chủ, truyền thống đoàn kết, thương yêu, đùm bọc trong tinh nghĩa bà con xóm làng.

4—*Sự thống nhất quốc gia và thống nhất dân tộc.*

Do những đặc điểm của các hình thái kinh tế — xã hội tiền tư bản chủ nghĩa và do yêu cầu khách quan sớm phải tập hợp nhau lại để bảo vệ lợi ích chung, nước ta từ khi lập quốc đã phát triển theo một xu hướng chủ đạo của quá trình thống nhất quốc gia và thống nhất dân tộc. Xu hướng

phân tán và mưu đồ cát cứ nảy nở trên điều kiện kinh tế tự nhiên, không phải không có, thậm chí có lúc trở lại dậy mạnh mẽ, nhưng nhanh chóng bị đánh bại và chế ngự.

Sản phẩm truyền thống của quá trình thống nhất quốc gia và thống nhất dân tộc đó là sự cố kết dân tộc, tinh thần đoàn kết vì đại nghĩa của dân tộc và ý thức thống nhất dân tộc.

Nước ta có nhiều thành phần dân tộc, nhưng trong lịch sử, không có những thành kiến và xung đột dân tộc nặng nề. Trái lại, truyền thống «*người trong một nước phải thương nhau cùng*» và nghĩa «*đồng bào ruột thịt*» là tình cảm và ý thức chung của cả cộng đồng quốc gia, cộng đồng dân tộc gồm nhiều thành phần dân tộc.

Những giá trị truyền thống trên đây đã tạo nên phẩm giá của dân tộc Việt-nam, rèn đúc nên bản lĩnh và bản sắc của nền văn hóa Việt-nam, và là một cội nguồn quan trọng của sức sống dân tộc. Đó là những tinh hoa của lịch sử dân tộc tiêu biểu cho trí tuệ, tâm hồn và lối sống Việt-nam. Trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, những giá trị truyền thống ấy không phải chỉ được kế thừa, phát huy, mà còn phải được nâng cao lên một chất lượng mới trên lập trường cách mạng của giai cấp vô sản, hệ tư tưởng của chủ nghĩa Mác — Lê-nin và chủ nghĩa quốc tế vô sản cùng với những thành tựu của khoa học hiện đại như Nghị quyết Đại hội thứ IV và thứ V của Đảng đã vạch ra: «*Nền văn hóa mới vừa kết tinh và nâng lên một lần cao mới những gì đẹp nhất trong truyền thống bốn nghìn năm của tâm hồn Việt-nam, của văn hóa Việt-nam, vừa hấp thụ có chọn lọc những thành quả của văn minh loài người, những thành tựu văn hóa, khoa học hiện đại*».

(3) C. Mác — F. Ăng-ghe-n — V.I. Lê-nin «*Thư gửi Vê-ra Dát-xu-lit*», trong *Bản văn các xã hội tiền tư bản*. Nxb Khoa học xã hội Hà-nội. 1975. tr. 334.

III — Một gánh nặng của quá khứ cần khắc phục và trút bỏ.

Cách mạng vô sản, như C. Mác, F. Ăng-ghen đã chỉ rõ trong *Tuyên ngôn của đảng cộng sản*, là «sự đoạn tuyệt triệt để nhất với chế độ sở hữu cổ truyền: không có gì là lạ nếu trong tiến trình phát triển của nó, nó đoạn tuyệt một cách triệt để nhất với những tư tưởng cổ truyền» (4). V.I. Lê-nin coi đó là «một công việc hết sức lâu dài», trong đó «phải chiến thắng sự phản kháng (thường là tiêu cực, đặc biệt dai dẳng và đặc biệt khó khắc phục) của nhiều tàn dư của sản xuất nhỏ, phải chiến thắng sức mạnh to lớn của tập quán và thói thủ cựu gắn liền với những tàn dư đó» (5). Nói chung, cách mạng xã hội chủ nghĩa phải cải tạo và xóa bỏ chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất, chế độ áp bức bóc lột giai cấp và nền sản xuất nhỏ cùng với tất cả những tư tưởng, tàn dư và thói hư tật xấu gắn liền với chúng.

Trong sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa ngày nay, quá khứ lịch sử để lại cho chúng ta một gánh nặng rất phức tạp cần được phân tích và nhận rõ cội nguồn của nó. Ngoài những hậu quả của chiến tranh kéo dài, những mưu mô phá hoại của kẻ thù, về mặt lịch sử dân tộc, tôi muốn lưu ý những cơ sở sau đây vốn có căn nguyên trong những hình thái xã hội chồng chất của thế giới cũ đã được tóm lược trong sơ đồ về sự tiến triển của các hình thái kinh tế - xã hội.

1— Tình trạng trì trệ và lạc hậu đã kéo dài khoảng 400 năm nay.

Trong sự phát triển của lịch sử thế giới, thế kỷ 16 — 19 đánh dấu một bước ngoặt giữa phương Đông và phương Tây.

Ở phương Tây, đầu thế kỷ 16 chủ nghĩa tư bản ra đời, tiếp theo đó là sự thắng lợi của cách mạng tư sản

trong thế kỷ 16 — 18 rồi cuộc cách mạng công nghiệp thế kỷ 18 — 19. Do những chuyển biến ấy, phương Tây bước vào thời kỳ phát triển của chủ nghĩa tư bản và trở thành những nước văn minh công nghiệp tư bản chủ nghĩa.

Còn phương Đông vẫn minh trước đây thì lại lâm vào một tình trạng trì trệ kéo dài của xã hội tiền tư bản chủ nghĩa, có chăng trừ Nhật-bản có xu hướng phát triển gần với phương Tây. Và hậu quả không tránh khỏi là phương Đông lạc hậu trở thành đối tượng xâm lược và nô dịch của chủ nghĩa tư bản phương Tây. Đến lượt nó, chủ nghĩa thực dân lại làm cho phương Đông vốn đã lạc hậu, càng bị kìm hãm gay gắt hơn và trở nên lạc hậu hơn so với tốc độ tiến triển ngày càng nhanh của lịch sử.

Nước ta cùng chung số phận đó mà chế độ phong kiến suy tàn dựa trên tàn dư của phương thức sản xuất châu Á và chủ nghĩa thực dân là nguyên nhân sâu xa.

Phải đến sau Cách mạng Tháng Mười Nga, trong thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới, nhất là sau chiến tranh thế giới thứ hai, phương Đông mới thức tỉnh, phá vỡ gông cùm của chủ nghĩa thực dân, đấu tranh giành lại cuộc sống và hồi sinh đất nước, từng bước khắc phục tình trạng nghèo nàn lạc hậu để vươn lên tiến kịp trào lưu tiên hóa trên thế giới.

Trong lịch sử Việt-nam, cách mạng xã hội chủ nghĩa phải làm một nhiệm vụ trọng đại và nặng nề là đấu tranh xóa bỏ tình trạng nghèo nàn lạc hậu đã kéo dài khoảng bốn thế kỷ, và cùng với nó là cuộc đấu tranh không

(4) C. Mác, F. Ăng-ghen: *Tuyên ngôn*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1962 tập I, tr. 47.

(5) V. I. Lê-nin: «Sáng kiến vĩ đại», *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1979, tập 39, tr. 18.

kém phần phức tạp để khắc phục những chứng bệnh trì trệ kinh niên của xã hội cũ còn lưu lại trên các lĩnh vực của đời sống.

2 - Chủ nghĩa thực dân cũ và mới cùng với những nọc độc của nó.

Nước ta không trải qua thời kỳ phát triển của chủ nghĩa tư bản, nhưng dưới sự thống trị của chủ nghĩa thực dân, chủ nghĩa tư bản có phát triển trong một phạm vi và mức độ nào đó. Cùng với cuộc đấu tranh cải tạo và xóa bỏ chủ nghĩa tư bản là cuộc đấu tranh quét sạch mọi nọc độc của chủ nghĩa thực dân cũ và mới và những ảnh hưởng văn hóa phân động, đồi trụy từ bên ngoài đưa vào.

3 - Chế độ phong kiến và tàn dư.

Chế độ phong kiến nước ta, trong giai đoạn suy vong của nó, là một chế độ quân chủ chuyên chế quan liêu rất bảo thủ với hệ tư tưởng Nho giáo vay mượn của Trung-quốc. Trong cách mạng dân tộc - dân chủ, chúng ta đã thủ tiêu chế độ phong kiến già cỗi đó, nhưng những tàn dư của nó vẫn còn dai dẳng, nhất là những tàn dư về tư tưởng và tập quán của chế độ gia trưởng, chế độ đẳng cấp, chế độ độc đoán quan liêu và những ảnh hưởng của Nho giáo.

4 - Tàn dư của chế độ công xã nguyên thủy và phương thức sản xuất châu Á.

Chế độ công xã nguyên thủy và phương thức sản xuất châu Á dựa trên những quan hệ cộng đồng mang tính chất bình đẳng, dân chủ sơ khai, đã từng có mặt tích cực của nó trong việc hình thành và bảo tồn một số truyền thống tốt đẹp của nhân dân ta. Nhưng trên con đường tiến triển của lịch sử, kết cấu kinh tế - xã hội đó, từ lâu đã trở nên lỗi thời và sự bảo lưu lâu dài của nó, như C. Mác và F. Ăng-ghe-nơ đã nhiều lần nhấn mạnh, là một đặc điểm của phương Đông và cũng là một nguyên nhân

trì trệ của phương Đông. Công xã nông thôn nước ta có những nét đặc thù của nó, nhưng cũng không đứng ngoài sự vận động chung.

Tính cục bộ địa phương, sự phân chia thứ bậc mang tính chất đẳng cấp trong họ, trong làng, quan niệm coi công xã là « thực thể » và cá nhân « chỉ là những vật có tính chất ngẫu nhiên của nó hay là những bộ phận cấu thành của nó » (6), tư tưởng bình quân chủ nghĩa... vốn là những thuộc tính của công xã, để lại dấu ấn khá sâu đậm trong đời sống nông thôn. Thêm vào đó, những tàn dư của chế độ công xã nguyên thủy và phương thức sản xuất châu Á, trong một thời gian dài, lại bị chế độ phong kiến và chủ nghĩa thực dân lợi dụng và từ đấy, đưa vào sinh hoạt xóm làng nhiều tệ nạn mới như tệ cường hào, bê phái, lối sống bê tha chôn đinh trung...

5 - Nền sản xuất nhỏ.

Nền sản xuất nhỏ, khi mới ra đời đã biểu thị một bước tiến của sức sản xuất và đã từng giữ vai trò tế bào sản xuất của xã hội trong nhiều thời kỳ lịch sử. Ở phương Tây, từ thế kỷ 16 đến thế kỷ 18 - 19, nền sản xuất nhỏ đã bị thay thế dần bởi nền sản xuất lớn tư bản chủ nghĩa, nền đại công nghiệp cơ khí tư bản chủ nghĩa.

Nhưng ở nước ta, nền sản xuất nhỏ tồn tại phổ biến cho đến tận ngày nay và có thể nói, bốn nghìn năm lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc ta cũng là bốn nghìn năm ngự trị của sản xuất nhỏ.

Cải tạo nền sản xuất nhỏ, xây dựng nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa đã khó khăn, nhưng đấu tranh khắc phục những tàn dư của sản xuất nhỏ để lại

(6) C. Mác - F. Ăng-ghe-nơ - V.I. Lê-nin: « Những hình thái có trước nền sản xuất tư bản chủ nghĩa », trong *Bản và các xã hội tiền tư bản*, Nxb Khoa học xã hội, Hà-nội, 1975, tr. 75.

trong nếp tư duy, lề lối làm việc, thói quen cũ... chắc chắn còn lâu dài và phức tạp.

V.I. Lê-nin nói rằng: chúng ta « có thể (và phải) xây dựng chủ nghĩa cộng sản bằng vật liệu con người phở biến đã bị hư hỏng đi bởi hàng trăm, hàng nghìn năm dưới chế độ nô lệ, chế độ phong kiến, chế độ tư bản, chế độ kinh doanh nhỏ phân tán, bởi cuộc chiến tranh của mọi người chống lại mọi người để giành lấy một chỗ trên thị trường, để giành lấy một giá sản phẩm hoặc giá lao động cao hơn » (7). Trong công cuộc cải tạo và xóa bỏ thế giới cũ, xây dựng thế giới mới, cuộc đấu tranh giữa cái mới và cái cũ, cái hay và cái dở, cái tiến bộ và cái lạc hậu, diễn ra một cách phức tạp, kéo dài, đan xen nhau trên mọi lĩnh vực. Nghị quyết Đại hội thứ V của Đảng đã chỉ rõ: « Cuộc đấu tranh giữa hai con đường: giữa cái mới với cái cũ, tiến lên với lạc hậu, tiến bộ với phản động trên lĩnh vực văn hóa, tư tưởng, lối sống, đang diễn ra hằng ngày, rất phức tạp, mà chúng ta không thể nào xem nhẹ ». Để chỉ đạo và thúc đẩy cuộc đấu tranh đó, cần thấy rõ cái mới cùng với cơ sở hình thành của nó và cần phải thấy cả cái cũ cùng với nguồn gốc và cơ sở bảo tồn của nó.

Nguyễn-Tài-Thư :

...Cùng với lịch sử bảo vệ và xây dựng đất nước, dân tộc ta có một lịch sử văn hóa và tinh thần phong phú, gồm nhiều thể loại, với nhiều hình thái ý thức xã hội, nhiều dạng hoạt động khác nhau. Văn hóa đó đã có sắc thái riêng, phản ánh được một cách sinh động đời sống của hiện thực dân tộc. Dưới cái tên « văn hiến », ông cha ta đã từng rất tự hào về nền văn hóa của mình. Nguyễn-Trãi nói: « Xét như nước Đại-việt ta, thật là một nước văn hiến ». Lê-Quý-Đôn, Ngô-Thi-Nhậm, Nguyễn-Du, Cao-Bà-Quát và nhiều nhà văn hóa lớn khác

cũng hết lòng yêu mến và ca ngợi truyền thống văn hóa của dân tộc.

Nhưng khẳng định lịch sử văn hóa và tinh thần của dân tộc, không có nghĩa là thừa nhận tất cả những yếu tố làm nên văn hóa và tinh thần của dân tộc trong lịch sử đều đưa lại những giá trị. Như Lê-nin nói, trong một nền văn hóa của dân tộc, bao giờ cũng có hai dòng văn hóa đối lập nhau, nền văn hóa của ta trong lịch sử có văn hóa của tầng lớp chuyên chế, phi dân tộc và phi nhân dân, đồng thời cũng có văn hóa của những người tiêu biểu cho dân tộc, cho đất nước và cho xu thế phát triển của lịch sử. Xét về bản chất, chỉ có văn hóa của số người thứ hai mới có thể đem lại những giá trị.

Giá trị là một phạm trù lịch sử, xuất hiện vào những năm 60 của thế kỷ thứ 19, do các nhà lý luận tư sản của châu Âu sáng tạo ra. Ở Việt-nam cũng như ở các nước phương Đông khác trong thời kỳ phong kiến chưa có khái niệm giá trị. Tuy vậy, nội dung của khái niệm đó thì đã có. Mỗi khi đánh giá một con người, hoặc đề ra yêu cầu cho con người rèn luyện, người ta đã đề cập đến giá trị làm người. Quan niệm thì chưa thống nhất, có khi cho đó là « nhân », có khi đó là « nhân, trí, dũng », có khi lại cho là « ngũ thường » (nhân, lễ, nghĩa, trí, tín). Tóm lại những gì phù hợp với yêu cầu của đạo làm người phong kiến thì được coi là giá trị.

Dưới chế độ thực dân và nửa phong kiến và nhất là trong thời kỳ Mỹ - ngụy chiếm đóng ở miền Nam Việt-nam, một số phân tử trí thức chịu ảnh hưởng nặng nề của các quan niệm về giá trị của chủ nghĩa thực dụng, chủ nghĩa hiện sinh... với chiêu bài trở về dân tộc, đã khai

(7) V.I. Lê-nin: « Bức tranh nhỏ về soi sáng những vấn đề lớn » trong *Bản về văn hóa văn học*. Nxb Văn học. Hà-nội. 1977. tr. 372.

thác những yếu tố phong kiến, những yếu tố tiêu cực trong lịch sử và xem đó là giá trị văn hóa, tinh thần, là tinh hoa của dân tộc. Quan niệm và việc làm của họ đã gây nên nhiều tác hại cho nhân dân, cho dân tộc và có lợi cho chế độ thực dân mới của Mỹ.

Do những lý do trên, chúng tôi thấy cần phải làm rõ thế nào là giá trị trước khi đi vào tìm tòi, khám phá những giá trị văn hóa và tinh thần của dân tộc.

Nói đến giá trị là nói đến cái có ích, có lợi cho nhân dân, cho dân tộc, cho sự phát triển của xã hội, nói đến những gì có thể thỏa mãn được nhu cầu và lợi ích của con người trong lịch sử. Giá trị văn hóa và tinh thần của dân tộc là những tư tưởng, những quan niệm, những ý niệm, những thành tựu văn hóa đã có tác dụng thúc đẩy sự đi lên của lịch sử và phục vụ cho lợi ích và nhu cầu của nhân dân, đất nước.

Lấy quan niệm trên làm chuẩn đích để rọi nhìn vào lịch sử, ta thấy nền văn hóa và tinh thần của dân tộc ta quả có những giá trị, những tinh hoa, những yếu tố mà cuộc cách mạng tư tưởng và văn hóa hiện nay cần phải kế thừa và phát huy.

Có người quy giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc thành giá trị đạo đức. Thật ra giá trị đạo đức chỉ là một bộ phận của hệ thống giá trị văn hóa và tinh thần của dân tộc. Ngoài giá trị đạo đức ra, hệ thống đó còn bao gồm giá trị khoa học, giá trị nhận thức, giá trị thẩm mỹ... nghĩa là trên từng lĩnh vực hoạt động tinh thần của con người đều có những yếu tố của giá trị, đều hình thành những giá trị.

Xét trong mối tương quan với các dân tộc khác ở phương Đông, giá trị văn hóa và tinh thần của dân tộc có những nét chung với các dân tộc trong vùng, vì trong sự tồn tại và

tiến lên của mỗi một dân tộc, mỗi một đất nước đều có những vấn đề chung cần phải giải quyết, do đó có sự trùng hợp nhau về mặt nhận thức và quan niệm, vì sự giao tiếp quốc tế diễn ra thường xuyên đối với các nước ở gần nhau, đã ảnh hưởng lẫn nhau. Trong điều kiện của Việt-nam còn có sự áp đặt về văn hóa di liên sau sự áp đặt về chính trị của phong kiến phương Bắc làm cho ta trực tiếp tiếp xúc với văn hóa phương Bắc và đã thâu thái lấy những yếu tố cần thiết cho mình. Nhưng điều cần phải chú ý tới là cái riêng của dân tộc, cái đặc sắc của dân tộc mà ở dân tộc khác không có, hoặc có nhưng mà mờ nhạt.

Đối với dân tộc ta, những ý thức, những quan niệm, những hành vi có lợi cho sự bảo vệ nền độc lập, cho sự phát triển độc lập của dân tộc là giá trị văn hóa và tinh thần nổi bật. Giá trị này thể hiện trên nhiều lĩnh vực. Ở lĩnh vực nhận thức là sự hiểu địch hiểu ta, hiểu những điều kiện và phương pháp để chiến thắng địch, là những nhận thức về yếu tố làm nên dân tộc và những điều kiện để khẳng định quyền tự chủ của dân tộc. Ở lĩnh vực đạo đức là những hành vi dũng cảm dám xả thân vì nước, là thái độ kiên cường bất khuất trước kẻ thù, là tinh thần đồng cam cộng khổ trong chiến đấu. Ở lĩnh vực nghệ thuật là những khuynh hướng, những tác phẩm văn, thơ, nhạc, họa... ca ngợi tinh thần của dân tộc, ca ngợi đất nước, ca ngợi những anh hùng có công trong việc dựng nước và giữ nước, v.v.

Trên một phương diện khác, để chống được âm mưu đồng hóa trong hơn một nghìn năm của phong kiến phương Bắc, để đánh bại được các cuộc xâm lăng về sau của nó, người Việt-nam thấy phải gắn bó với nhau trong cộng đồng của mình, cho nên *những ý thức, những quan niệm, những hành vi có lợi cho tập thể.*

cho cộng đồng người Việt là những giá trị văn hóa và tinh thần đặc sắc của đất nước. Ở đây, trên lĩnh vực nhận thức là ý thức về nghĩa đồng bào, về dòng giống « con Rồng cháu Tiên », về đoàn kết là sức mạnh, là quan niệm « một cây làm chẳng nên non, ba cây chụm lại nên hòn núi cao », là sự hiểu biết: vua là thuyền, dân là nước, nước chỗ thuyền nhưng cũng lật thuyền... Trên lĩnh vực đạo đức là ý thức và hành vi vì làng, vì nước, vì sự phát triển của cộng đồng. Trên lĩnh vực nghệ thuật là những tác phẩm, những bài ca, những điệu hát ca ngợi sự sinh hoạt của xóm làng, của tình yêu và lao động nơi dân dã... Tầng lớp thống trị nào biết được quy luật này, và trên cơ sở nhận thức được quy luật, biết giảm bớt sự ngăn cách với nhân dân, biết hòa mình vào dân tộc, và biết điều chỉnh lợi ích của mình với lợi ích của toàn xã hội thì sẽ được cộng đồng ủng hộ và trở thành một sức mạnh vô địch.

Liên quan với hai vấn đề trên và là điều kiện đề nảy sinh và phát triển những khuynh hướng, những tư tưởng về dân tộc và cộng đồng là mối quan hệ ứng xử giữa người và người mang tính chất nhân đạo chủ nghĩa. Tất nhiên trong điều kiện xã hội có đối kháng giai cấp thì nổi lên là sự áp bức bóc lột và tình người ở đó bao giờ cũng mang tính giai cấp, nhưng ngoài tính chất đó ra, sự tồn tại của dân tộc với tính cách là một cộng đồng người đã phát triển, cần phải bảo vệ và duy trì sự phát triển riêng, cũng đòi hỏi và làm nảy sinh lòng thương người, sự quan tâm đến đời sống của người khác, đòi hỏi những tâm lòng vị tha. Biểu hiện của lòng thương người đó trong nhân dân là quan niệm: thương người như thể thương thân, là nhận thức: nhiều điều phải lấy gương, người trong một nước thì thương nhau cùng. Ở tầng lớp thống trị thức thời và biết gần bó

với dân, với nước thì đó là đường lối chính trị nhân nghĩa, là giảm sưu cao thuế nặng cho dân, là nhẹ hình phạt đối với những người lỗi lầm... Tinh thần nhân đạo chủ nghĩa còn mở rộng đến thái độ đối với kẻ địch, một khi nó đã đầu hàng thì không những không giết mà còn cho ăn uống và tạo điều kiện cho trở về nước.

Giá trị văn hóa và tinh thần của dân tộc ta thì có nhiều nhưng có thể nói ba điều trên là cơ bản.

Bùi-Văn-Nguyên:

Thật ra, hình tượng *quá bầu mẹ* vốn không riêng gì cho dân tộc ta, mà cho nhiều dân tộc vùng Đông Nam Á, nhưng cái *bọc trăm trứng* của bà *Âu-Cơ* thì chỉ riêng cho dân tộc ta. Đây là truyền thuyết khá cổ của ta trong hệ thống *truyện họ Hồng Bàng* được truyền miệng rất dai dẳng từ thời viễn cổ, mãi đến khoảng thời Trần mới có văn bản bằng chữ Hán. Thật ra, những truyện về bà mẹ có liên quan đến đời sống nhân dân ta còn có các dạng thần thoại cổ hơn hệ thống truyện Hồng Bàng. Ở đây không nói đến thần thoại *Mười hai bà mụ* sáng tạo ra loài người và muôn vật, có ý nghĩa như chúa trời tạo ra loài vật trong *Kinh thánh Cơ đốc*. Hãy nói đến thần thoại: *Bà tào đức mẹ*: Đức mẹ trên trời, Đức mẹ trên ngàn và Đức mẹ dưới nước... (1). Phải chăng hệ thống thần thoại *Bà tào đức mẹ* nói trên *trùng hợp* với hệ thống ba vùng đất nước của ta (vùng trời, vùng đất,

(1) Trong dân gian cũng gọi là *Tam tòa thánh mẫu* hoặc *Tam phủ thánh mẫu*: Đức mẫu thượng thiên, Đức mẫu thượng ngàn, Đức mẫu thối (ức thủy). Phủ có nghĩa là vùng cai trị, một đơn vị hành chính, lại có nghĩa là cái đình quan cai trị ở, nên cũng có nghĩa là cái miếu thờ đức mẹ. Do đó, đạo thờ *Bà tào đức mẹ* thường được gọi tắt là đạo *Tam tòa* hay *đạo Tam phủ*.

vùng biển) chỉ là do *ngẫu nhiên* ? Có thể việc trùng hợp là *ngẫu nhiên*, nhưng đạo *Tam tòa* hay *Tam phủ* của ta thì có *thật* từ thời rất xa xưa, nhưng rất tiếc là nó bị các tôn giáo ngoại lai, du nhập về sau lấn át dần làm cho lu mờ. Hơn nữa, nó lại bị trộn lẫn vào các lối đồng bồng như đạo cầu tiên, đạo phù thủy, rồi tự nó cũng biến tướng vào trong mô « *mê tín dị đoan* » đó. Rõ ràng biểu tượng của *Ba tòa đức mẹ* là biểu tượng với quan niệm duy vật thô sơ, về ba vùng của đất nước hàng triệu năm. Ở đây thể hiện *quyền làm chủ* của tập thể ba bà mẹ ở ba vùng, nhưng vẫn trong một đất nước thống nhất, đất nước của Hùng-Vương trước kia, và đất nước của Hồ-Chí-Minh ngày nay.

Thật là đặc biệt ! Từ một vùng đất mẹ cổ kính đó với ba vùng thiên nhiên hòa hợp, có cái học Âu-Cơ nở ra trăm chàng trai, và trăm chàng trai đó bú sữa mẹ, nói tiếng mẹ, nhớ lời mẹ, thấm tình mẹ, chia nhau đi dựng nước và giữ nước.

vì : *Lời mẹ là lời quê hương, lời đất nước.*

Tình mẹ là tình quê hương, tình đất nước

Quả nhiên, bốn điều quý vô ngần :

Đất mẹ — Sữa mẹ — Tiếng mẹ — Tình mẹ

là giá trị tinh thần hay cốt lõi muôn thuở của tình thương nước, yêu người của nhân dân ta. Truyện cổ dân gian về tình thương nước, yêu người của ta vốn không thiếu gì, thí dụ truyện Thánh Gióng đánh giặc Ân, truyện Hai Bà Trưng đánh Tô-Dĩnh... thì bất cứ đi đến đâu trong nước chúng ta cũng nghe nói đến, hay bất cứ mở tập truyện cổ Việt-nam nào cũng thường bắt gặp... Qua lời kể, lời ghi, chữ nghĩa văn chương, chi tiết nhân vật có thể khác biệt nhưng cốt lõi chủ đề xưa nay vẫn nhất quán, vì đó chỉ là

biểu hiện của « bốn điều quý » nói trên. Ngoài ra, có biết bao nhiêu câu tục ngữ, ca dao nói lên mối tình từ đất mẹ, sữa mẹ, tiếng mẹ đó : « Con một mẹ, hoa một chùm... » — « máu chảy ruột mềm » — « Tay đứt ruột xót » — « Chị ngã em nâng » — « Anh em như tay chân » —

và : « Khôn ngoan đối đáp người ngoài,
Gà chung một mẹ nở hoài đa
nhau... »

Từ mối tình thiêng liêng của đất mẹ, sữa mẹ và tiếng mẹ, nảy sinh từ rất sớm *tình đoàn kết* của nhân dân ta trong cộng đồng chung, trước hết từ trong *nhà*, trong *họ*, rồi mở rộng ra đến *làng*, đến *nước* và đến cả ngoài nước. Tình đoàn kết đó trong tiến trình lịch sử lại càng được thắt chặt, và tôi luyện hơn qua sự cần cù lao động trong sản xuất và chiến đấu.

Nhân dân ta chiến đấu cũng cốt để bảo vệ quê hương, đất nước. Ý niệm về Tổ quốc đối với ta hết sức thiêng liêng. Trái không biết bao nhiêu là thế kỷ, ngôi mộ tổ Hùng-Vương vẫn còn đó trên đỉnh núi Ily-sương, có nghĩa là « *ngọn đồi ánh sáng* », và hằng năm, từ xưa tới nay, bất cứ dưới chế độ nào, cũng đều có lễ dâng hương, nhân ngày giỗ tổ, do chính phủ tổ chức rất *trọng thể*. Có thể ngôi mộ tổ này chỉ có ý nghĩa tượng trưng, nhưng tính chất giáo dục truyền thống trong phạm trù giá trị tinh thần thì vô cùng lớn lao và sâu sắc. Xưa kia, tuy tổ tiên ta có nói đến mệnh đề « Anh em bốn bề một nhà », nhưng ý niệm về tình yêu quốc tế vẫn còn mơ hồ, chưa đủ điều kiện để được xác định. Riêng đối với tình yêu Tổ quốc, thì ai nấy đều có ý thức cụ thể, và ai ai, bất cứ trẻ già gái trai nào cũng vậy, đều coi tội *phản bội* Tổ quốc, tội « *rước voi về giày má tổ* » là tội tày trời, bị cả họ, cả làng, cả nước phỉ nhổ, bị cả con cháu muôn đời sau nguyên rủa. Bởi thấm nhuần sâu sắc

từ trong trứng nước ý nghĩa giáo dục truyền thống nói trên, cho nên Trần-Bình-Trọng đã gạt đi mọi lời ve vãn của giặc Nguyên-Mông mà trả lời chúng một cách danh thép: «Thà làm quỷ nước Nam, còn hơn làm vương (1) đất Bắc!». Chỉ một câu nói như thế thôi của con cháu Hùng-Vương, đủ cho phía ta thì há dợ, còn phía giặc thì sồn lòng!

Từ một quá trình tôi luyện già dặn rất lâu đời trong sản xuất và chiến đấu như vậy, nhân dân ta thấm trong xương máu của mình bốn điều quý: *Đất mẹ - Sữa mẹ - Tiếng mẹ - Tình mẹ*; và cũng nhờ thấm bốn điều quý đó, nhân dân ta có được nhiều đức tính tốt của con người, cứ kể ra không biết đến đâu là hết. Quả vậy mỗi người có thể nêu lên một số đức tính tiêu biểu theo suy nghĩ của mình, thì dụ bốn đức tính cơ bản sau đây:

Đoàn kết - Cần cù - Nhân từ - Bất khuất
--

Sở dĩ bốn đức tính này được coi như bốn đức tính cơ bản, là vì nó thể hiện được bản chất người Việt-nam từ thời viễn cổ đến nay, luôn luôn biết nhường nhịn dễ sống đoàn kết, thương yêu nhau, luôn luôn biết lao động cần cù và đấu tranh bất khuất để giữ nhà giữ nước, dựng nhà dựng nước.

Lê-Xuân-Và :

...Dân tộc Việt-nam ta vốn rất yêu quý con người, coi « người ta là hoa đất », quan tâm đến việc của người hơn là việc của trời. Trong quan hệ giữa người với trời thì « không có người không thành trời... » (Lăn-Ông) và « xưa nay nhân định thắng thiên cũng nhiều ». Trong quan hệ giữa người với người thì « người sống hơn đồng vàng », « người làm nên cửa, của không làm nên người », « một mặt người hơn mười mặt ruộng », « bầu ơi

thương lấy bí cùng, tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn », « tranh quyền cướp nước chi đây, coi nhau như bát nước đầy là hơn »..

Người Việt-nam đặc biệt trọng tình nghĩa chứ không mặn lẽ nghĩa. Người Việt-nam « tình sâu nghĩa nặng », « vị tình vị nghĩa, ai vị đĩa xôi đầy ». Người và người ràng buộc với nhau trước hết không phải bằng lẽ giáo thánh hiền răn dạy mà bằng tình người. Tình người ở Việt-nam từ xưa đã là một giá trị sáng ngời. « Bồi đau khổ nhiều nên yêu thương lắm », dân tộc Việt-nam rất giàu lòng nhân ái. Từ xưa, ở Việt-nam « thương người như thể thương thân » đã là câu cửa miệng; thấm sâu vào tiềm thức nhân dân lao động, cổ định thành một tâm lý quần chúng. Không phải chỉ là « điều gì mình không muốn thì đừng làm cho người ». Cũng không phải là chuyện hi hã xa xôi trừu tượng. Có gì bình thường hơn là tự mình thương lấy mình? Và thương người cũng như thương mình, lòng nhân ái ấy cụ thể và sâu sắc biết chừng nào! Mắc đã viết ở đâu đó rằng : chỉ khi quan hệ với con người Pôn như là với một kẻ giống mình, con người Pi-e mới bắt đầu quan hệ với bản thân mình như là con người.

Tình thương người như thương mình đáng tự hào đó của nhân dân lao động nước ta có cơ sở lịch sử và xã hội của nó: từ những công xã nông thôn, trong chế độ ruộng công, trong những làng cùng họ, trong tình lân lý thăm thiết - dấu vết của thời cộng đồng nguyên thủy xa xưa; từ hàng chục thế kỷ chung lưng đấu cật gian khổ và anh dũng chinh phục một thiên nhiên vừa phi nhiêu lại vừa khắc nghiệt, bền bỉ và anh hùng chống những thế lực xâm lược dã man, tàn bạo, dai dẳng. Từ vị trí của mình, từ kinh lịch của bản thân, nhân dân lao

(1) Tróc vương : tróc phong rất cao thời phong kiến.

động nước ta đã nói lên chân ngôn đơn giản, thiết thực, cụ thể nhưng rất sâu sắc: thương người như thể thương thân — nếu không thương yêu nhau, giúp đỡ, cứu mang nhau, đùm bọc lẫn nhau thì không sống nổi.

Hàng nghìn năm dưới ách thống trị của phong kiến, nhân dân lao động nước ta vô cùng cực khổ. Chính sách vơ vét của bọn thống trị nước ngoài, sự hung tàn của quân xâm lược, sự cướp bóc tàn nhẫn của địa chủ quý tộc, sự xa xỉ dâm bạo của vua chúa công hầu, nội chiến giữa các tập đoàn phong kiến, lụt, bão, vỡ đê, hạn hán, mất mùa, tất cả những nhân họa thiên tai ấy cộng với trật tự lễ giáo phong kiến đè nặng lên đầu lên cổ nhân dân lao động. Trước cảnh đời bất công tàn ác, họ căm cảnh cho thân phận con người của họ. Bị tước mất quyền sống, bị chà đạp về thể xác, bị vùi dập về tinh thần, họ thấy thương mình và thương những người cùng cảnh ngộ như mình, thương người như thương mình, thông cảm với nhau đến mức « một con ngựa đau cả tàu bỏ cỏ », sẵn sàng « nhường cơm sẻ áo » cho nhau, « là lành đùm lá rách », « chị ngã em nâng ». Bởi vì « mình »: luôn luôn bị ngoại xâm đe dọa, giằng co giữa tự do và nô lệ, sống và chết. *Mình*: « đôi bát mớ bới lấy bát cơm » mà cơm vẫn chạy ăn từng bữa, áo đông hè một manh. *Mình*: không chịu nổi muôn vàn dây trói buộc của phong kiến. Còn những người « như mình » thì đông không kể xiết: ngay bên hàng xóm, giữa làng, trong nước và cả nhân dân các nước láng giềng bị bọn thống trị bóc lột xưa vào nạn can qua...

Tư tưởng thương người như thương mình dăm trăm năm và chân thành ấy được nhân dân lao động nước ta giữ gìn và vận chuyển qua các thời đại, trở thành một truyền thống tốt đẹp lâu đời của cả dân tộc Việt-nam.

Rất giàu lòng nhân ái nên khi con người bị chà đạp thì nhân dân lao động nước ta từ xưa đã không chỉ hạn chế trong việc than thân trách phận mà *sẵn sàng đứng lên đấu tranh giành lại quyền sống cho mình*. Luôn luôn có nguy cơ bị xâm lược, thôn tính và đồng hóa, nhân dân ta hiểu rất rõ rằng quyền sống của mình trước hết là quyền làm dân một nước độc lập, tự do, vấn đề xã hội lớn nhất của nhân dân ta trước hết là sự mất còn của Tổ quốc và dân tộc, đạo làm người của nhân dân ta trước hết là yêu nước và xả thân vì nước. Cho nên, suốt mấy nghìn năm lịch sử, nhân dân ta trên cơ sở một lòng nhân ái rộng lớn, đã không ngừng đấu tranh bất khuất chống ngoại xâm bất cứ từ đâu đến. Con người yêu nước và con người thương người ở Việt-nam do đó hầu như gắn liền với nhau: yêu nước và cứu nước là nhân đạo, thương người: muốn nhân đạo, thương người trước hết phải yêu nước và cứu nước. Nước không có độc lập thì dân không thể có tự do, hạnh phúc. Hội nghị Diên-hồng năm 1283 vạn người cùng một tiếng hô « Đánh ! » mãi mãi vẫn là hình ảnh cao đẹp, sáng ngời của chủ nghĩa yêu nước, tinh thần dân tộc và chủ nghĩa thương người truyền thống của Việt-nam.

Lòng nhân ái vốn có của dân tộc ta chẳng những là cơ sở của lòng yêu nước nồng nàn của nhân dân ta mà còn là cơ sở của lòng thiết tha yêu chuộng hòa bình và hữu nghị giữa các dân tộc của nhân dân ta như chúng ta đã thấy qua tiếng đàn và niêu-cơm Thạch-Sanh, qua việc tha chết và cung cấp phương tiện cho cả chục vạn tù binh và hàng binh giặc về nước an toàn.

Bị cực nhục nhiều bề, nhân dân lao động nước ta từ xưa đời đời khát khao hạnh phúc, tự do và công lý. Khát vọng đó chưa bao giờ tắt, chưa bao giờ nguôi. Trái lại, chính

vì bị áp bức bóc lột nặng nề và lâu đời nên khát vọng đó càng lớn, càng mạnh. Hiện thân của khát vọng ấy có thể nói là cô Tấm: dù gặp trăm nghìn gian khổ, năm bảy kiếp bị kẻ thù dày dọa giết hại vẫn ngoan cường vùng dậy trở lại cuộc đời, giành lấy hạnh phúc của mình. Hạnh phúc của nhân dân lao động ta khát khao trước hết là một cuộc sống tự do, no đủ, yên vui. Họ ước ao «*đồng ruộng thành thoi, năm trâu thoi sáo*», một đàn gà đầy sân, một con lợn béo khoáy tròn trên mông, một em bé bụ bẫm hồng hào... như trong tranh dân gian. Họ đòi hỏi cả hạnh phúc lứa đôi trong sáng, hồn nhiên, cao đẹp như trong ca dao. Họ tin tưởng chính thắng tà, thiện thắng ác, ở hiền gặp lành, con người lao động có bị chà đạp khốn khổ cuối cùng cũng sẽ được giàu sang sung sướng như trong các truyện cổ tích.

Nhưng trong xã hội phong kiến xưa, khát vọng hạnh phúc của nhân dân lao động rất cuộc vẫn chỉ là khát vọng. Sau những cuộc đấu tranh anh dũng, bất khuất chống ngoại xâm giành và giữ độc lập tự chủ cho nước nhà, họ lại vẫn là những kiếp người bị áp bức, bị bóc lột và họ phải chống lại cái «*số phận*» bất công ấy. Họ chế giễu sự sắp xếp đẳng cấp phong kiến «*nhất sĩ nhì nông*»; họ đề cao lao động, đặt con người lao động vào trung tâm của cuộc đời. Họ chống lại thần quyền và quân quyền, phê phán, tố cáo, đã kích đạo đức, chính trị phong kiến và bản thân bọn phong kiến nữa — khi thì bằng tiếng cười nhạo báng của *Tiểu lâm*, khi thì bằng lối bóng gió của ngụ ngôn, khi thì bằng cách trực tiếp vạch mặt chỉ trán.

Cuộc đấu tranh đòi quyền sống của nhân dân lao động ta không chỉ hạn chế ở sự phản kháng, tố cáo, đã kích bằng miệng. Vũ khí phê phán đương nhiên không thể thay thế cho

sự phê phán bằng vũ khí. Ngoài việc sẵn sàng đứng lên chống ngoại xâm cứu nước cứu nhà, suốt trong lịch sử chế độ phong kiến, nhất là trong những thế kỷ khủng hoảng trầm trọng của nó, nhân dân lao động, trước hết là nông dân đã liên tiếp nổi dậy giành lại quyền làm người, nhằm thay đổi số phận của mình.

Áo vải cò đào xương nghĩa cứu dân không chỉ một Quang-Trung. Sự hạn chế của lịch sử và giai cấp chưa cho phép họ tạo được một chế độ mới tốt đẹp hơn. Các cuộc nổi dậy của họ trước sau hầu như đều thất bại, mà có thành công thì rồi cuộc lại cũng tôn một người nào đó lên làm vua, quay trở lại chế độ phong kiến. Nhưng dù sao, mỗi lần nổi dậy, ít nhiều họ cũng buộc giai cấp thống trị phải chú ý đến đời sống của họ, và điều quan trọng hơn nữa là họ đã chiến đấu vì những người bạn nghèo, vì bình đẳng và công lý xã hội. Họ không chỉ mơ ước mà đã hành động để thực hiện ước mơ. Lịch sử đã ghi nhiều cuộc nổi dậy của nông dân «*lấy của người giàu chia cấp cho người nghèo*» như kiểu khởi nghĩa của Ngô-Bệ ở Hải-dương. Điển hình nhất là phong trào Tây-sơn, «*giặc nhân đức đối với người nghèo*».

Lòng nhân ái vốn có của dân tộc ta *thấm nhuần tinh thần lạc quan, hết sức tin tưởng vào con người*.

Đức tính kiên trì, cần cù và sáng tạo của nhân dân lao động nước ta một mặt là do hoàn cảnh hết sức khó khăn, eo hẹp tạo nên, nhưng mặt khác cũng chứng tỏ tư tưởng lạc quan, hết sức tin tưởng vào con người của nhân dân lao động nước ta rất mãnh liệt. Không muốn chết đói chết rét, nhân dân ta dạn dày trong khó khăn, gian khổ, đã chống lại và thắng tất cả mưa nguồn thác lũ, hạn hán, vũ dè, mưa dầm, động đất, tàn phá của chiến tranh v.v., chẳng những với tinh thần anh dũng của Lạc-Long-Quân trong

thần thoại mà còn với đức tính kiên trì như Sơn-Tinh chống Thủy-Tinh, với sự ngoan cường như cầu cửa miệng « còn nước còn tát ».

Từ tưởng lạc quan, hết sức tin tưởng vào con người ấy càng được biểu hiện rõ trong đấu tranh xã hội. « Người có chí ắt làm nên, nhà có nền ắt là vững »... Không chịu mất nước, diệt vong, nhân dân ta bất chấp mọi hy sinh, dũng cảm và mưu trí chống giặc đến cùng. Cho nên, 30 năm quân Nguyên liên tiếp xâm lược nước ta ba lần thì nhân dân ta cũng ba lần quyết chiến quyết thắng, dù cả ba lần trước thế giặc ở ạt đều phải tạm thời rút khỏi Thăng-long. Cũng chính cái tinh thần kiên trì, lạc quan, tin tưởng vào sức mình này đã giúp cho Lê-Lợi 10 năm « đau lòng, nhức óc, nếm mật nằm gai », « khi Linh-sơn lương hết mấy tuần, khi Khôi-huyện quân không một đội » vẫn dõc lòng bền chí đem đại nghĩa thắng hung tàn, Trưng-Định bình Tây « ghe phen hoạn nạn cây thương phá lỗ chưa lia », Phan-Đình-Phùng cầm cự với giặc mười năm thế suy tinh thần vẫn không núng v.v.

Theo nhân dân lao động Việt-nam thì chính nghĩa phải thắng gian tà. Đây không chỉ là nguyện vọng, ước mơ không tưởng. Sự thật là nhân dân lao động ta, trước hết là nông dân, dưới chế độ phong kiến đã liên tiếp nổi lên chống áp bức bóc lột và đã từng thắng lợi ít nhiều. Họ là lực lượng quyết định sự hưng vong của mỗi triều đại, sự chiến thắng của từng cuộc chiến tranh chống ngoại xâm. Họ chưa có ý thức đầy đủ về vai trò ấy của mình nhưng thực tiễn đấu tranh cho phép họ tin rằng chính nghĩa tất thắng. Cho nên dù chính nghĩa có tạm thời thất bại, họ vẫn lạc quan, tin tưởng, thua keo này bày keo khác, dù thế nào mặt lòng vẫn tiếp tục đấu tranh cho kỳ tới thắng lợi. Điều đó đã phản ánh rõ

rệt vào trong các truyện cổ tích : trong cuộc đấu tranh cho một đời sống tốt đẹp, đau khổ vẫn không buông xuôi, thất bại vẫn không đầu hàng, đau xót nhưng không tuyệt vọng, giữa hiện thực đen tối vẫn bùng lên ánh sáng của niềm tin và con người vẫn phấn đấu vươn tới. Truyện cổ tích của ta đều « có hậu » là như thế. Tục ngữ ca dao ta nhắc nhở : « Còn da lông mọc, còn chồi lên cây »..

Văn-Tạo :

Giá trị văn hóa tinh thần truyền thống lớn nhất, bao trùm nhất của dân tộc ta là tinh thần đấu tranh kiên cường bất khuất cho *độc lập, tự do, hạnh phúc* của dân tộc, đấu tranh nhằm chinh phục thiên nhiên, cải tạo xã hội, xây dựng cuộc sống ấm no hạnh phúc của con người. Chỉ nói về đấu tranh xã hội, dân tộc ta vừa có *truyền thống yêu nước*, đấu tranh chống ngoại xâm, bảo vệ độc lập dân tộc, vừa có *truyền thống đấu tranh dân chủ* bảo vệ quyền lợi của nhân dân lao động, chống mọi áp bức, bóc lột.

Trong quá trình đấu tranh cách mạng vừa qua, do phải liên tục đấu tranh chống ngoại xâm chúng ta đã khai thác tốt truyền thống đấu tranh yêu nước. Truyền thống đó đến nay vẫn cần được khai thác và phát huy, không chỉ vì đó là một giá trị văn hóa truyền thống đáng tự hào của dân tộc ta mà còn là vì hiện nay chúng ta vẫn đang phải giương cao cùng một lúc cả hai ngọn cờ *độc lập dân tộc* và *chủ nghĩa xã hội*.

Nhưng vấn đề đặt ra là chúng ta đang xây dựng chủ nghĩa xã hội tức là đang đưa *cuộc đấu tranh giai cấp, đấu tranh dân chủ* phát triển lên một giai đoạn mới, cao hơn, vậy phải phát huy truyền thống như thế nào ?

Trong lịch sử, đấu tranh dân chủ có lúc thống nhất với đấu tranh dân tộc như khi đấu tranh chống phong

kiến ngoại tộc thống trị, nhưng cũng có lúc chúng không hoàn toàn thống nhất với nhau. Lịch sử Việt-nam đã từng có những vua chúa phong kiến đàn áp nông dân, giết hại công thần nhưng do có công chống ngoại xâm nên vẫn được nhân dân ca ngợi. (Như Lê-Lợi chẳng hạn). Điều đó đâu phải chỉ là chuyện quá khứ mà quan điểm về vấn đề này chúng ta vẫn còn phải bàn đến và giải quyết trong cách mạng xã hội chủ nghĩa hiện nay. Cụ thể như việc xử lý di tích của nhà yêu nước Nguyễn-Mậu-Kiến, một quan lại phong kiến (hàm Ấn sát) quê ở tỉnh Thái-bình. Thời kỳ bắt đầu xây dựng hợp tác xã, hợp tác xã đã coi Nguyễn-Mậu-Kiến là quan lại phong kiến không đáng được duy trì lăng, bia, nhà thờ và đã phá bỏ lăng bia, biến nhà thờ thành trụ sở công cộng. Nhưng con cháu Nguyễn-Mậu-Kiến đã kiện tới Quốc hội và Quốc hội đã quyết định phải khôi phục lại các di tích lịch sử về Nguyễn-Mậu-Kiến, vì đó là một nhà yêu nước chống Pháp. Tuy vậy đến nay vẫn tồn tại hai quan điểm bất đồng ở quê hương Nguyễn-Mậu-Kiến: theo quan điểm đấu tranh dân tộc thì nên đề, theo quan điểm đấu tranh dân chủ thì nên bỏ. Nó đặt ra cho chúng ta những suy nghĩ là phải kế thừa cái gì và phê phán cái gì? Nhất là ngày nay, chủ nghĩa yêu nước không chỉ là gắn với yêu chủ nghĩa xã hội mà phải coi *yêu nước xã hội chủ nghĩa* là một, như Nghị quyết Đại hội IV của Đảng đã nhấn mạnh.

Nếu trong đấu tranh dân tộc ta phải khai thác triệt để truyền thống yêu nước thì khi lên chủ nghĩa xã hội chúng ta phải *khai thác triệt để truyền thống đấu tranh dân chủ*, mà muốn vậy thì phải phê phán giai cấp phong kiến, phê phán cả các anh hùng dân tộc trong giai cấp phong kiến; phải nói đến mặt tiêu cực của họ một cách thẳng thắn, phải phê phán cả Trần-Hưng-Dạo, Nguyễn-Trãi,... về mặt

hạn chế giai cấp của họ. Điều đó nên làm hay không nên làm, cho đến nay vẫn chưa được giải quyết.

Trong việc kế thừa truyền thống lao động, chúng tôi muốn đề cập đến hai vấn đề là lao động *cần cù* và lao động *tập thể*.

Chúng ta thường ca ngợi là nhân dân ta có truyền thống lao động cần cù. Thật ra cần cù là truyền thống lao động của người tiểu sản xuất, của nông dân cá thể, của sản xuất nhỏ "lấy cần cù bù khả năng"...

Trong sản xuất nhỏ, truyền thống này có tác dụng nhất định. Nhưng lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa thì lao động một cách có khoa học, có kỹ thuật mới quyết định *năng suất cao*. Chất lượng lao động cao hiện nay tuy không đối lập với cần cù nhưng thực tế nó không phải là luôn luôn đi đôi với cần cù. Bản thân phong cách lao động cần cù có mang cái gì đó là *trì trệ, bảo thủ*; « năng nhặt thì chặt bị », chỉ là *năng nhặt* chứ không phải là *biết nhặt* thì chóng chặt bị. Vì vậy ngày nay ta phải ca ngợi, đề cao khả năng lao động *sáng tạo, có khoa học, có kỹ thuật* mà không nên nhắc nhiều đến truyền thống lao động cần cù nữa mới đúng. Nó là truyền thống của nông dân, của sản xuất nhỏ, sản xuất cây lúa nước, mà giai cấp công nhân thì không chỉ kế thừa và phát huy truyền thống đó, trái lại phải cách mạng nó đi, phải thay thế nó, phủ định nó bằng truyền thống lao động mới, *thông minh, sáng tạo, có khoa học kỹ thuật cao, v.v.*

Còn truyền thống lao động *tập thể* thì lại có cả một quá trình lịch sử:

— Có *lao động tập thể* kiểu công xã với hiệu quả lao động rất thấp, chỉ là con số cộng. Tuy vậy nó cũng có tác dụng đẩy mạnh phát triển sản xuất, tăng năng suất lao động trong một thời kỳ lịch sử nhất định.

— Có *lao động tập thể* của nông dân cá thể biểu hiện dưới hình thức tương

trợ, giúp đỡ lẫn nhau, hoặc là do kế thừa di sản của lao động công xã, như những hội sản bản ở miền núi hay tập thể đánh cá ở miền biển, v.v. Hoặc là dưới hình thức tập thể tự nguyện vì nhu cầu đấu tranh chống thiên tai như lao động trị thủy, đắp đê đập, xây dựng kè cống. Công trình trị thủy vĩ đại của dân tộc ta, với hơn 2500 km đê điều là lao động tập thể tự nguyện kế tiếp nhau, từ đời này qua đời khác, vì lợi ích chung.

Hai hình thức lao động tập thể trên đều có thể kế thừa trong chủ nghĩa xã hội. Tuy vậy việc kế thừa truyền thống lao động tập thể đó không phải với tư tưởng như của phái Dân túy trong cách mạng Nga cuối thế kỷ 19. Họ cho rằng cứ dựa vào tính tập thể của công xã Nga, người mu giich Nga cũng có thể đi lên chủ nghĩa xã hội được. Quan điểm đó là phản khoa học và thực tế là phủ nhận vị trí và vai trò tiên phong cách mạng của giai cấp công nhân. Lao động tập thể xã hội chủ nghĩa của giai cấp công nhân phải khác với các loại lao động tập thể trước kia về chất, tức là phải tập thể *cách mạng*, tập thể *khoa học*, tập thể *sáng tạo*.

Trước hết là *tập thể cách mạng* tức là phải dám nghĩ dám làm, phải bỏ cái gì là lạc hậu trì trệ của các hình thức tập thể cũ. Hai là phải *khoa học* và *sáng tạo*. Nó phải thay thế cho tập thể dốt nát, trì trệ, bảo thủ. Có khi do dốt nát mà một công trình do 100 người làm không bằng do 5, 10 người thông minh, sáng tạo làm. Ngay như ngày nay chúng ta chủ trương phát huy tác dụng của *khoa học liên ngành* thì sự liên ngành này cũng phải là liên ngành của các *chuyên gia giỏi* từ mỗi ngành mới có được sự đồng bộ và mới làm nên cái gì đó có ý nghĩa to lớn. Còn liên ngành của những nhà dốt nát, bảo thủ thì chẳng làm nên trò trống gì. Vì vậy ngày

nay không phải chúng ta cứ *hội họp* nhiều, lấy ý kiến nhiều, đó là làm việc tập thể, cũng không phải *hợp liên ngành* nhiều là có hiệu quả mà cơ bản là phải đào tạo nhiều chuyên gia ở các ngành, tôn trọng lao động của họ, và sử dụng tốt lao động của họ vào việc phát huy tác dụng liên ngành khoa học thì mới có hiệu quả. Ở đây việc thành lập Viện hàn lâm khoa học đang là một vấn đề cần thiết và cấp bách.

— Nếu trong văn hóa, kế thừa luôn luôn đi đôi với chọn lọc, cách mạng và phát triển, thì trong lĩnh vực *nghệ thuật* lại có thể có cái khác, tức là có kế thừa mà không được thay đổi, thậm chí còn phải làm sao cố gắng *phục hưng* được các giá trị văn hóa, nghệ thuật cũ. Thí dụ, việc đúc lại *trống đồng* của ông cha ta chẳng hạn. Ngày nay làm sao mà phục hưng lại được kỹ thuật luyện kim và tài năng kiến tạo hóa văn trang trí cổ truyền đó, sao cho đúng như nó đã có. Điều này ta chưa làm được, vậy mà đã đòi hỏi phải cách tân, phải đổi mới, thì có thể lại là phá hoại truyền thống. Ở lĩnh vực này có hiện tượng “Con không hơn cha” nhưng không phải là nhà “không có phúc”. Chúng ta chưa hơn được tổ tiên ta là vì trong lịch sử nghệ thuật, lao động thủ công của các nền *văn minh liên công nghiệp* có những giá trị độc đáo của nó, hơn hẳn cả văn minh công nghiệp tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa, hơn các xã hội công nghiệp hiện đại về mặt khéo léo, tinh xảo. Đó là sự khéo léo tinh xảo của bàn tay kỹ thuật thủ công của các nền văn minh tối cổ mà sau này loài người chỉ cố gắng phục hưng và nếu may mắn thì cũng chỉ đạt tới được trình độ đó chứ chưa thể vượt qua được nó. Trên thế giới những tác phẩm nghệ thuật của các thời kỳ văn hóa Hy-lạp, La-mã cổ xưa có cái nay chỉ có thể để chiêm ngưỡng và cố gắng phục chế chứ chưa có tài năng sáng tạo nào có thể vượt

qua được như bức danh họa về người phụ nữ Ý của Lê-ô-na đơ Vanh-xi (1452—1519) chẳng hạn. Nói như thế không có nghĩa là lịch sử dừng lại, là ngày nay kém xưa. Ngày nay có thể làm được những cái to tát, đẹp đẽ hơn xưa. Nhưng lại không thể làm lại được những cái mà điều kiện lịch sử đã vượt qua mà không bao giờ trở lại nữa. Vì vậy trong việc kế thừa di sản nghệ thuật này nếu chúng ta chỉ nhấn mạnh đến cách mạng, cách tân, mà không chú ý đến bảo tồn, phục hưng, phục chế cũng là sai lầm.

Cũng trong lĩnh vực này chúng ta suy nghĩ thêm về việc kế thừa các tập tục, nghi lễ, nghi thức của các nếp sống cũ, bỏ cái gì đỡ cần phải bảo tồn, phục hưng nếu nó còn có lợi, chứ không phải chỉ là đổi mới hay hủy bỏ. Cụ thể trong các tục lệ về quan, hôn, tang, tế có cái là cổ hủ, phải bỏ đi nhưng không phải tất cả đều là cổ hủ phải bỏ đi, thí dụ trong một đám ma có câu đối viếng Việc này nên đề hay nên bỏ? Có ý kiến cho rằng, thay câu đối vào chỗ các vòng hoa đất tiền hiện nay, có khi lại lợi hơn. Nó vừa có ý nghĩa về tinh thần vừa có lợi về kinh tế, vài còn dùng được chứ vòng hoa thì sẽ héo tàn, bỏ phí. Tất nhiên sau này khi chúng ta giàu có lên thì hoa tươi ngày càng được dùng nhiều trong cả việc hỷ lẫn việc hiếu. Nhưng nay ta còn thiếu thốn thì vài còn quý hơn hoa. Trong sử học, câu đối viếng có cái rất quý, như câu đối của nhà yêu nước Đặng-Thái-Thân viếng Tăng-Bạt-Hổ vẫn là một tài liệu lịch sử quý giá: «Đã đánh bằng lưỡi, đã đánh bằng óc, đã đánh bằng bút, lại hăm hăm quyết đánh bằng kiếm»...

— Chúng ta đã chú trọng nhiều về việc khai thác các truyền thống yêu

nước lâu đời, nhưng chưa làm đúng mức việc khai thác các truyền thống mới như truyền thống cách mạng và kháng chiến. Lê-nin và Đảng cộng sản Nga (h) coi trọng việc khai thác truyền thống cách mạng hơn truyền thống dân tộc. Lê-nin đề cao truyền thống đấu tranh dân chủ của dân tộc Nga, ca ngợi những nhà dân chủ cách mạng thế kỷ thứ 19 và ca ngợi truyền thống cách mạng vô sản từ cách mạng 1905—cách mạng dân chủ tư sản có vô sản tham gia, với ý nghĩa là nó tiêu biểu cho cả thời kỳ phương Đông thức tỉnh và ca ngợi truyền thống Cách mạng Tháng Mười vĩ đại

Còn ở nước ta ngày nay, ngay cả trong mấy năm gần đây chúng ta đã đề cao truyền thống đấu tranh dân tộc như kỷ niệm Nguyễn-Trãi, Nguyễn-Huệ, v.v Nhưng chưa đề cao đúng mức truyền thống cách mạng, từ Xô viết Nghệ-tĩnh đến Cách mạng Tháng Tám và nhất là truyền thống kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ

Chúng tôi vui mừng thấy rằng suy nghĩ này của chúng tôi (đề xuất từ tháng 6-1982) lại phù hợp với những suy nghĩ của các nhà lãnh đạo Đảng và Nhà nước ta. Gần đây, ngày 28-8-1982 vừa qua, nhân dịp may mắn được gặp Chủ tịch Phạm-Văn-Đồng, tôi đã được Chủ tịch chỉ dẫn cho những điều quý báu. Khi nói về kế thừa truyền thống, Chủ tịch nhắc nhở: «Sao các anh không làm lịch sử các cuộc kháng chiến. Ngay các cuộc kỷ niệm cũng vậy, về xa xưa thì nhiều, còn về các cuộc kháng chiến thì như bị quên đi. Không được, phải làm. Các anh làm ít quá về kháng chiến. Ở Liên-xô họ dạy về lịch sử cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại nhiều, ta làm chưa đủ»...

Cách đây 10 năm quân và dân ta đã đánh thắng cuộc tập kích bằng pháo đài bay B 52 của đế quốc Mỹ

THÀNH-TÍN

Nhìn lại một đỉnh cao trong cuộc đọ đầu lịc sử.

Mười hai ngày đêm rực lửa chiến đấu của quân và dân ta chống lại cuộc tập kích ô ạt bằng pháo đài bay B52 của bọn trùm hiếu chiến Mỹ đến nay vừa tròn mười năm.

Một quả núi hùng vĩ, thường phải đứng cách một khoảng vừa đủ xa mới có thể ngắm nhìn từ các phía cho hết những vẻ đẹp của nó. Mười năm là một khoảng cách thời gian vừa đủ để có thể nhận rõ hơn một đỉnh cao chiến thắng rực rỡ trong cuộc đọ đầu lịc sử giữa nhân dân ta với đế quốc Mỹ xâm lược.

Trận then chốt trực tiếp quyết định việc hoàn thành mục tiêu « đánh cho Mỹ cút ».

« Đánh cho Mỹ cút, đánh cho nguy nhào ! » Lời Chủ tịch Hồ-Chí-Minh bao giờ cũng súc tích, ngắn gọn, sâu sắc, dễ nhớ. Tám chữ ấy tóm tắt hai mục tiêu chiến lược của quân và dân ta trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước.

Hai mục tiêu ấy gắn bó rất chặt, vì đế quốc Mỹ dựa vào nguy quân và nguy quyền để hòng đặt ách thống trị của chúng ở nước ta, ngược lại bọn nguy bám lấy đế quốc Mỹ để có chỗ dựa, có nguồn cung cấp tiền của, vũ khí; chúng còn bám vào quân Mỹ, vào trang bị vũ khí và hỏa lực của chúng để hòng tránh khỏi bị tiêu diệt ở chiến trường.

Cách sắp xếp mục tiêu cũng rất đúng: đánh cho Mỹ cút đã; rồi khi Mỹ đã cút rồi thì ắt nguy sẽ phải nhào, trước những đòn tiến công về mọi mặt của quân đội và nhân dân ta.

« Đánh cho Mỹ cút » là một mục tiêu chiến lược thứ nhất, đặt ra rất đúng, lại rất khôn khéo. Đế quốc Mỹ cai trị một nước rộng, tiềm lực kinh tế và quân sự dồi dào, có hơn 200 triệu dân, hơn hai triệu quân, lúc động viên có thể có đến 12 triệu quân. Ta không dễ ra yêu cầu tiêu diệt hết quân viên chính Mỹ.

— Đánh cho Mỹ cút là tận dụng thế cách mạng của thời đại, huy động được lương tri của cả loài người trong đó có nhân dân lao động

Mỹ ủng hộ sự nghiệp chính nghĩa của nhân dân ta, phân hóa mạnh các thế lực chính trị trên đất Mỹ nhằm có lập cao độ bọn trùm hiếu chiến trong Nhà trắng, để rồi buộc chúng dù ngoan cố đến đâu cũng phải xin rút quân viễn chinh xâm lược đã bị sức mẽ nặng về nước.

Đánh giặc và đàm phán: đánh mạnh để buộc quân giặc phải ngồi vào đàm phán với ta; khi đàm phán càng đánh mạnh để tăng thêm sức nặng cho tiếng nói ngoại giao; đàm phán là để mở cho địch một lối thoát ra; chịu thua mà đỡ mất mặt; không đẩy địch vào thế bị phải làm càn; đó là con đường đúng đắn, sáng tạo dẫn đến thắng lợi.

Vào giữa năm 1972, bằng chiến đấu bền bỉ và thắng lợi liên tiếp trên chiến trường cùng với đấu tranh kiên quyết trên bàn đàm phán, ta đã buộc đế quốc Mỹ đi đến chấp nhận việc rút hết quân Mỹ về nước. Tất nhiên chúng vẫn còn cố âm mưu rất ngoan cố là «ra đi mà vẫn ở lại», quân nguy vẫn có thể đứng vững nhờ ở cái chương trình «Việt-nam hóa» viên vông của chúng. Ở Pa-ri chúng đã thỏa thuận sẽ ký văn bản Hiệp định vào cuối tháng 10-1972. Thế rồi bọn chúng trở mặt, phản lại lời hứa, đòi sửa đổi đến hơn 40 điểm trong bản dự thảo đã thỏa thuận.

Chúng nó phản bội vì chúng nó quá cay cú và lo sợ. Vì những điều khoản của Hiệp định rất bất lợi cho bọn chúng; vì chúng đã cảm thấy rõ rằng thất bại hoàn toàn của chúng ở Việt-nam và Đông-dương sẽ thúc đẩy đà suy sụp của chúng cả về thế và về lực. Một cường quốc kiêu ngạo, chưa hề biết thất bại trong bất cứ một cuộc chiến tranh nào, nay lại phải cúi đầu chịu một thất bại ế chề và nhục nhã. Thế là tổng thống Mỹ Ních-xon quấy mạnh theo kiểu làm liều để hòng thoát khỏi số phận bị đất.

Bọn trùm xâm lược Mỹ leo lên đến nấc thang chiến tranh cao nhất. Đây là nấc thang tột đỉnh của chiến tranh thông thường: vét hết pháo đài bay chiến lược B 52 trong Bộ chỉ huy không quân chiến lược Mỹ S.A.C., thực hiện những cuộc ném bom rải thảm dày đặc vào những khu dân cư tập trung ở Hà-nội, Hải-phòng. Thái-nguyên... hòng bẻ gãy ý chí của đối phương, buộc đối phương phải khuất phục, chịu nhận một phương thức hòa bình kiểu Mỹ, xoay chuyển lại tình thế tuyệt vọng của bọn chúng.

Quân và dân ta đã lập tức trả lời bước leo thang tội ác tột đỉnh của bọn trùm hiếu chiến Mỹ. Trả lời lập tức, đỉnh đạc và đích đáng. Nhân dân thủ đô anh hùng trả lời; cả miền Bắc anh hùng trả lời; cả miền Nam anh hùng lập tức phối hợp. Pháo đài bay Mỹ tan xác. Bọn kiêu binh lái B52 lủ lượt cúi đầu vào nhà giam. Không quân ta thi đua với tên lửa ta. Lưới lửa tầm thấp của anh chị em dân quân và tự vệ phối hợp chặt với lưới lửa tầm cao. Cả thế giới cất cao tiếng thét phản nộ lên án bọn đế quốc trùm sỏ tàn bạo, lật lọng. Bọn chuyên gia Lầu năm góc ngay từ ngày 26-12-1972 đã phải thú nhận tỷ lệ B52 bị ném bom bị hạ 3% là không thể nào chịu đựng nổi đối với không quân chiến lược Mỹ. Ních-xon buộc phải kết thúc cuộc tập kích bằng không quân đầy tội ác vì đã không lường được sức chống trả của đối phương quyết liệt và có hiệu quả đến thế; hẳn cũng chẳng ngờ sự phản đối tức khắc mạnh mẽ đến thế của dư luận toàn thế giới.

Kit-xinh-giơ phải vác mặt đến Pa-ri, cúi đầu ký tắt vào bản Hiệp định quy định rõ việc quân Mỹ phải cuốn xéo hết về nước. Các nhà báo có mặt lúc ấy nhận xét rằng: phòng họp im lặng, nhưng dư âm của pháo đài bay Mỹ bị bắn nổ tung trên bầu trời Hà-nội vẫn còn vang vọng đến đây.

Đúng vậy. Chiến công oanh liệt được gọi là « Điện-biên-phủ trên không » cuối tháng 12-1972 là đỉnh cao chiến công rực rỡ, là trận then chốt trực tiếp quyết định việc ký kết Hiệp định Pa-ri, quân Mỹ phải cuốn cờ rút hết về Mỹ, mở ra một thời kỳ độ sức mới. Đó là thời kỳ quân và dân ta thừa thắng xông tới, thực hiện quyết tâm chiến lược tiếp theo: *đánh cho ngụy nhào*, đưa sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước về vang đến toàn thắng. Cuộc đụng đầu lịch sử giữa nhân dân Việt-nam với đế quốc Mỹ kết thúc bằng thắng lợi hoàn toàn, trọn vẹn của nhân dân Việt-nam.

Học thuyết quân sự Hoa-kỳ phá sản nặng nề và đi vào bế tắc.

Học thuyết quân sự phân động của đế quốc Mỹ trước hết dựa vào sức mạnh của kỹ thuật nằm trong tay chúng. Do chủ nghĩa tư bản phát triển hàng mấy trăm năm, bọn chúng tận dụng được những phát minh và thành tựu khoa học kỹ thuật hiện đại nhất. Chúng tính rằng pháo đài bay B52 có tầm động cơ bay cao đến hàng chục nghìn mét, có tầm vươn xa, mang vài chục tấn bom, lại có máy bay tiêm kích đi hộ tống, có mạng lưới kim loại gây nhiễu bọc quanh sẽ là loại vũ khí quyết định gây tổn thất khủng khiếp cho đối phương, buộc đối phương phải quỳ gối khuất phục. Bọn chuyên gia sừng sỏ ở Lầu nam góc tính rằng B52 là « đòn tra tấn kinh khủng » mà người Việt-nam dù cứng rắn đến đâu cũng không thể không bị do ván. B52 là thần tượng về uy lực, lại là thần tượng bất khả xâm phạm, là chủ bài của nền quân sự Hoa-kỳ về mặt chiến tranh thông thường mang tính hủy diệt. Biểu tượng của nó được in đậm trên thân mỗi chiếc B52 là những luồng điện sét đánh; đối phương chưa kịp nhận ra điều gì là đã quay lơ rồi, y như bị đòn sét đánh vậy.

Mặt khác, nền quân sự Hoa-kỳ được thực hiện dựa trên sự đánh giá về bản chất của con người. Theo bọn chúng, bản chất con người là hưởng lạc, là thèm sống sợ chết, là hèn yếu, là cầu an bảo mạng. Con người Việt-nam bị B52—vũ khí thần tượng có tác dụng quyết định về chiến lược—tra tấn, ắt sẽ phải đầu hàng vì họ không thể có biện pháp chống trả; họ sẽ bị những thảm bom B52 hủy diệt và đe dọa hủy diệt. Họ ở một đất nước nghèo khổ, vốn liếng nghèo nàn, cơ sở vật chất ít ỏi; B52 rải thảm tàn phá tan hoang sinh mạng và tài sản của họ, ắt sẽ bẻ gãy ý chí đề kháng của họ. Đó là quy luật « hợp lô gích », cái lô gích của bọn trùm sỏ đế quốc, suy bụng ta ra bụng người.

Về mặt lý luận và thực tiễn, chiến thắng về vang của quân và dân Việt-nam giáng trả pháo đài bay Mỹ, hạ thần tượng B52 xuống tận bùn đen, đã nêu cao thêm chân lý trong lĩnh vực quân sự: con người vẫn là nhân tố quyết định nhất trong chiến tranh. Con người Việt-nam có ý chí cao, có tinh thần bất khuất, biết tìm ra sức mạnh tinh thần và vật chất có hiệu quả của mình, biết tìm ra cách đánh lợi hại, bắn tan xác B52, bắt sống giặc lái chiến lược Mỹ, hạ bệ thần tượng Mỹ, nêu cao bản chất tuyệt vời của con người mới, con người vươn lên làm chủ cuộc sống của mình, làm chủ vũ khí và trang bị của mình trong cuộc chiến đấu kiên cường chống trả các thế lực đế quốc tàn bạo nhất.

Chiến thắng oanh liệt của quân và dân ta giáng trả pháo đài bay Mỹ nêu cao thêm chân lý trong thời đại ngày nay: một dân tộc bất khuất và thông minh, quyết đánh và biết đánh, có khoa học quân sự và nghệ thuật quân sự tài giỏi, biết phối hợp khéo léo đấu tranh trên các mặt quân sự, chính trị và ngoại giao, đoàn kết với nhân loại tiến bộ, kẻ cả nhân dân

nước đối phương, thì có thể giáng trả có hiệu quả những nấc thang chiến tranh điên loạn nhất của quân thù, giành thắng lợi về vang.

Sau thất bại nặng nề của cuộc tập kích chiến lược bằng B52, đế quốc Mỹ phải hạ bút ký vào Hiệp định Pa-ri, phải nhận rút hết quân chiến đấu Mỹ về nước. Đây là thất bại quân sự và chính trị nặng nề nhất, cay đắng nhất, nhục nhã nhất của đế quốc Mỹ trong suốt gần 200 năm tồn tại của Hợp chúng quốc Hoa-kỳ.

Sau thất bại có tính chất lịch sử này, nền quân sự Mỹ dần sâu vào bế tắc. Chiến lược răn đe của chúng bị phá sản, vì trong kho vũ khí chiến lược của chúng để tiến hành chiến tranh thông thường chống các dân tộc bất khuất ở các lục địa, chúng không còn dự trữ nào khác nữa! Mà gây ra chiến tranh nguyên tử thì ưu thế về mặt này của chúng đã bị mất đứt trong thời kỳ chiến tranh Việt-nam, chúng không thể dễ dàng lao vào một cuộc tự sát nguyên tử.

Điều này giải thích vì sao suốt mười năm nay, đế quốc Mỹ đã không còn khả năng dọa nạt các dân tộc thuộc thế giới thứ ba như trước kia, không còn dám lộng hành can thiệp vũ trang trực tiếp vào Ê-ti-ô-pi-a, Ăng-gô-la hoặc Mô-dăm-bích, không dám đưa quân chiến đấu Mỹ và dùng không quân chiến thuật và không quân chiến lược Mỹ nhảy vào Ni-ca-ra-goa hay Xan-va-đo, Cam-pu-chia hoặc Ăp-ga-ni-xtan... như mười năm về trước chúng đã từng làm ở Đô-mi-ních, ở Việt-nam, Lào và Cam-pu-chia.

Sự dọa nạt của đế quốc Mỹ bằng chiến lược răn đe đã thật sự mất hẳn hiệu lực kể từ thất bại nổi bật của hàng trăm pháo đài bay B52 trên không phận miền Bắc Việt-nam vừa đúng mười năm về trước.

Sự câu kết giữa đế quốc Mỹ và bọn bành trướng Bắc-kinh đi vào ngõ cụt.

Ai nấy đều biết, cuộc leo thang tới đỉnh tội ác của con diều hâu siêu đẳng Ních-xon được tiến hành khi sự câu kết Mỹ - Trung đã trở thành hiện thực, đế quốc Mỹ yên tâm không lo gì bị Trung-quốc lên án và chống lại như trước kia nhà cầm quyền Bắc-kinh vẫn thường rêu rao. Thậm chí Oa-sinh-ton còn được Bắc-kinh mặc nhiên khuyến khích trên thực tế, với phương châm sắc mũi vị kỷ và phản trắc: "người không động đến ta, ắt ta chẳng động đến người". Và ai nấy đều biết, năm 1972 tên còn đồ hung hãn vung lưỡi tâm sét B52 vừa mới là thượng khách của Bắc-kinh, được Bắc-kinh trải thảm đỏ và bắn 21 loạt đại bác chào mừng; hẳn đã được ông bạn mới bật đèn xanh cho nấc thang tội ác tới đỉnh được dự định. Trong những "lợi ích chung" mà Oa-sinh-ton và Bắc-kinh nhấn mạnh trong bản Tuyên bố Thượng-hải có mưu đồ đánh quỵ Việt-nam của Oa-sinh-ton và đã tằm làm suy yếu Việt-nam của bọn bành trướng Bắc-kinh. Chúng gặp nhau ở một điểm tội ác tày đình chống phá cách mạng Việt-nam đến cùng; chúng còn có kẻ mặc cả buôn bán về chính trị với nhau sau lưng nhân dân Việt-nam.

Leo lên nấc thang tội đỉnh này, Ních-xon trưng ra bộ mặt man rợ nhất, hấn chuoéc ngay lấy sự lên án mạnh mẽ và sự khinh bỉ của cả loài người tiến bộ; đồng thời Bắc-kinh như mở cờ trong bụng, xoa tay đứng nhìn tội ác của tên còn đồ quốc tế, trưng ra bộ mặt phản bội vô liêm sỉ trước những người cách mạng chân chính trên toàn thế giới, tự chuoéc lấy búa rìu của dư luận công minh chính trực khắp năm châu, đặc biệt là của các nước thuộc thế giới thứ ba mà Trung-quốc luôn ve vãn.

Điều rất lý thú là từ sau đòn phủ đầu địch đáng của quân và dân ta giáng vào sự cầu kết Mỹ - Trung cuối tháng 12-1972, bằng « thành tích » của bọn đế quốc và bọn bành trướng vẫn chỉ là những thất bại nối tiếp.

Hiệp định Pa-ri buộc quân Mỹ phải rút hết về nước, kết thúc cuộc viễn chinh tốn kém nhất trong lịch sử nước Mỹ, cuộc viễn chinh thất bại hoàn toàn về mọi phương diện. Bắc-kinh cũng từng hừng hực, trong thâm tâm, họ vẫn muốn níu áo một bộ phận khá lớn quân Mỹ lại, để ngăn cản thắng lợi hoàn toàn của cách mạng Việt-nam.

Hai năm sau, quân nguy Sài-gòn lãn kệnh trước sự hải hùng và bất lực của Oa-sinh-ton thì bọn trùm bành trướng ở Bắc-kinh cũng rầu rĩ và cay cú ra mặt! Họ vẫn mong muốn nguy quân và nguy quyền còn tồn tại lâu dài để ngăn chặn sự hình thành một nước Việt-nam xã hội chủ nghĩa thống nhất, bức tường thành uy nghiêm chặn đứng giấc mộng bành trướng của họ xuống cả khu vực Đông Nam Á.

Sáu năm sau, bọn Khe-me đồ tạc ác bị những người cách mạng Cam-pu-chia chân chính đoàn kết với cách mạng Việt-nam quật đổ. Oa-sinh-ton và Bắc-kinh lại một phen rụng rời và cay đắng. Đi theo vết xe đổ của Nich-xon và được Oa-sinh-ton khuyến khích, bọn bành trướng Bắc-kinh xua 60 vạn quân sang xâm lược Việt-nam: chúng bị giáng trả địch đáng và bọn lính bại trận này phải xéo về nước. Sự cầu kết Trung - Mỹ lại được phơi bày rõ nét với những thất bại nối bật mới.

Dấn thân vào một sự cầu kết tội ác, phản bội cách mạng thế giới, phản bội chính nhân dân Trung-quốc và lý tưởng cộng sản chủ nghĩa mà họ vẫn rêu rao, bọn phản động trong giới cầm quyền Trung-quốc tự dẫn đến ngõ cụt. Họ mất hết uy tín và thế

diện trước phong trào cách mạng thế giới. Nhân dân Trung-quốc đông đảo vốn có truyền thống cách mạng dạt ra những câu hỏi lớn, đòi họ phải giải đáp cho mình bạch: Trung-quốc kết bạn với ai và coi ai là kẻ thù? Trung-quốc có còn là một nước xã hội chủ nghĩa hay đã đổi màu, không còn là nước xã hội chủ nghĩa nữa? Đảng cộng sản Trung-quốc có còn là một đảng cộng sản hay đã thành một đảng khác rồi? Đó là những câu hỏi nghiêm khắc và danh thép giáng vào sự cầu kết tội ác Trung - Mỹ nhằm chống phá cách mạng thế giới, đi ngược lại ba dòng thác cách mạng đang cuốn cuộn dâng cao trong thời đại ngày nay.

Khi tên côn đồ được suy tôn làm thầy dạy.

Tổng thống Mỹ Ri-sốt Nich-xon đã đi vào lịch sử như kẻ leo thang cao nhất và thất bại nặng nề nhất trên chiến trường Việt-nam, đồng thời cũng là kẻ phạm tội đê tiện trong vụ bê bối Oa-tơ-ghết. Cả hai vùng bùn trong linh vực đối nội và đối ngoại ấy nổi lên cái bản chất con người của Nich-xon: tàn ác, vô liêm sỉ, thiếu tri tuệ và vẩn hóa, tiêu biểu cho nền chính trị Hoa-kỳ giữa cơn tổng khủng hoảng toàn diện. Lịch sử còn ghi đậm tội ác đáng nguyên rủa của tổng thống kiêm tổng tư lệnh Hoa-kỳ 12 ngày đêm cuối tháng 12-1972 đã lên cơn điên loạn, tung hàng trăm pháo đài bay B52 đi gây tội ác giết người và phá hoại ở vùng Hà-nội, Hải-phong và những khu vực khác. Vậy mà tên côn đồ tội phạm ấy chưa phải đã nằm im trong sọt rác lịch sử của nước Mỹ. Hắn được dương kim tổng thống Mỹ Rô-nan Ri-gân ca ngợi và suy tôn lên là bậc thầy. Sau khi về vườn, Nich-xon đề thời giờ nghiên ngẫm về những thất bại cay đắng của Hoa-kỳ trong thời kỳ chiến tranh xâm lược Việt-nam và cố rút ra những bài học

cho chính giới Mỹ. Ních-xon viết cuốn sách *Cuộc chiến tranh thật sự* lên mặt dạy khôn cho các tổng thống Mỹ của thời kỳ sau Việt-nam. Bài học lớn nhất mà Ních-xon truyền lại cho Ri-gân là: phải cứng rắn hơn nữa (!), phải biết liều lĩnh hơn nữa (!), phải đi vào con đường đối đầu với Liên-xô, với các nước xã hội chủ nghĩa, đối đầu với Việt-nam, Cu-ba, với tất cả các lực lượng cách mạng của thế giới. Lời dạy nổi tiếng nhất của Ních-xon đề lại cho Ri-gân là: « Tổng thống Mỹ phải có gan làm cả những điều mà chính bản thân mình trước đó cũng không hề nghĩ đến nữa ». Đó là lời khuyên phải biết liều, liều đến điên loạn.

Ri-gân đã thực hiện đúng những điều Ních-xon dạy bảo. Nhà trắng và Lầu năm góc đưa chi phí quân sự tăng lên đến những mức kỷ lục. Hoa-kỳ thúc đẩy I-xra-en lao vào chiến tranh quy mô lớn ở Li-băng. Hoa-kỳ xúi bầy chính quyền nước Anh lao vào cuộc viễn chinh xâm lược quần đảo Man-vi-nát của Ác-hen-ti-na, chuốc lấy sự phẫn nộ của cả lục địa Nam Mỹ; Hoa-kỳ cũng đang chống phá nước Ni-ca-ra-goa cách mạng, tiếp sức cho chính quyền phản động Xan-va-đo chống lại một cách tuyệt vọng cuộc đấu tranh yêu nước của nhân dân. Ri-gân còn liều lĩnh nói đến việc chuẩn bị cho một cuộc chiến tranh nguyên tử ở châu Âu.

Điều rất đáng nói hiện nay là vừa đúng mười năm sau cuộc leo thang điên cuồng và thất bại nhục nhã ở Việt-nam, bọn trùm xâm lược Mỹ vẫn chưa mấy thức tỉnh; ngược lại bọn chúng vẫn còn muốn lao vào những bước phiêu lưu liều lĩnh hơn

nữa ở khắp các khu vực của thế giới. Hành động côn đồ của Ních-xon dùng pháo đài bay B52 làm công cụ gây tội ác đang được tổng thống Mỹ nâng lên thành chính sách bao trùm của Nhà trắng: gây căng thẳng, hung hăng đối đầu với tất cả những lực lượng cách mạng của thời đại.

Mười năm về trước, Hoa-kỳ đã thất bại cay đắng sau nấc thang tội đình tội ác bị quật gãy tan tành, hàng chục vạn quân Mỹ phải lủi thủi xuống tàu hoặc lên máy bay cút về nước. Tiếp đó là quân nguy bị quật nhào, đại sứ Mỹ, tướng tá Mỹ chen nhau bỏ chạy nháo nhác, kết thúc chương bi thảm nhất trong lịch sử Hoa-kỳ.

Đến nay, mười năm sau, Hoa-kỳ đã nền thêm hàng loạt thất bại mới ở châu Á, ở Cận Đông, ở Trung Đông, ở châu Phi, ở Trung Mỹ và Nam Mỹ...

Đi theo vết xe đổ của Ních-xon, nâng những hành động chiến tranh phiêu lưu thất bại hoàn toàn thành chính sách đối đầu ngang ngược, chắc chắn chính quyền Ri-gân chỉ chuốc lấy những thất bại đáng cay mới. Thất bại rất đậm của Đảng cộng hòa trong cuộc bầu cử nửa nhiệm kỳ vừa qua là thêm một lời cảnh cáo nghiêm khắc. Làn sóng đấu tranh chống chạy đua vũ trang của các tầng lớp nhân dân rất đông đảo đang làm rung chuyển cả nước Mỹ và Tây Âu.

Chính sách xâm lược, hiếu chiến chỉ dẫn bọn đế quốc ngoan cố đến những thất bại nặng nề mới. Bài học đích đáng cho đế quốc Hoa-kỳ đúng mười năm về trước trên vùng trời thủ đô Hà-nội và miền Bắc nước ta vẫn còn nguyên giá trị hiện thực dè dặt những cái đầu nóng bỏng đến điên loạn của bọn cuồng chiến Hoa-kỳ.

TỆ ĂN CẤP CỦA CÔNG

Về những biểu hiện tiêu cực tồn tại trong xã hội ta hiện nay, phải nói đến tệ ăn cấp của công

Có người nghĩ rằng: « Ăn cấp của công là một tội ác, bọn ăn cấp thì bắt đi cải tạo, bắt bỏ tù, cứ thế mà làm, có gì cần phải bàn nhiều! »

Thật ra đâu có đơn giản!

Trị bệnh phải trị từ gốc. Muốn xóa bỏ tệ ăn cấp phải chặn mọi nguyên nhân phát sinh và lấy lan của nó. Cho nên ngoài việc dùng biện pháp cứng rắn của chuyên chính vô sản, ngoài việc cải tiến quản lý kinh tế, cũng không thể không bàn đến mặt tư tưởng của vấn đề.

Trong tuyệt đại đa số đảng viên và nhân dân ta, không ai không căm ghét tệ ăn cấp. Song có người chưa kiên quyết chống tệ nạn đó do chưa thấy hết mức độ hiện nay của nó. Có thể là vì chưa hiểu biết sâu thực tế cuộc sống, có thể là do cách nhìn đơn giản, không hình dung nổi lòng đa đen tối và thủ đoạn nham hiểm của bọn « chuột mặt người ».

Đĩ nhiên, hiện nay dư tình liêm khiết là mặt cơ bản trong Đảng ta, trong xã hội ta. Song, phải thấy rằng tệ ăn cấp đang có chiều hướng phát triển, đang là một vấn đề xã hội cần được quan tâm. Cần quan tâm bởi vì bọn ăn cấp không phải chỉ

có những tên lưu manh chuyên nghiệp, không phải chỉ có một số người dân thường, không phải chỉ có một số nhân viên cấp dưới của Nhà nước, mà có cả những đảng viên và nhất là những cán bộ, những kẻ có chức, có quyền. Đã có những người phụ trách công ty, xí nghiệp, bến bãi, kho tàng, cửa hàng, các tuyến đường vận chuyển, v.v. chủ mưu bòn rút của công. Cần quan tâm bởi vì không phải chỉ có những vụ từng người ăn cấp, mà có những vụ gồm nhiều kẻ, ở những cơ quan, ở những địa phương khác nhau, móc nối với nhau, dùng thủ đoạn tinh vi để ăn cấp. Có lúc để ăn cấp được, chúng đã tìm cách hối lộ. Và, để che giấu tệ ăn cấp và tệ hối lộ, chúng đã ức hiếp quần chúng, trù dập hãm hại những người ngay thẳng Cần quan tâm bởi vì có những tên ăn cấp vẫn đang sống phè phỡn, chưa bị pháp luật hồi tội do chúng khéo che giấu hoặc do chúng có « cái ô » bảo hộ! Cần quan tâm bởi vì đã có những vụ ăn cấp mang tính chất chính trị, có bản tay địch nhúng vào, nhằm phá hoại nền kinh tế, làm rối trật tự xã hội của ta. Báo chí, đại phát thanh ở trung ương và địa phương đã nêu rõ nhiều vụ ăn cấp, trong đó không ít vụ khiến chúng ta phải giật mình. Nếu có ai tí mĩ làm con tinh cộng thì riêng khoản tiền, vật tư, hàng hóa, lương thực, v.v. bị mất cấp

được báo chí công bố đã là những con số đáng sợ.

Ăn cắp là một hành động trái đạo đức, vi phạm pháp luật. Trong lúc đời sống của nhân dân ta còn những thiếu thốn, khó khăn, ăn cắp của công không chỉ là tội về sinh hoạt, không chỉ là tội về kinh tế, mà trên một ý nghĩa nào đó mà nói, còn là tội về chính trị, vì nó khoét sâu thêm những khó khăn của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta. Vì vậy, một trong những yêu cầu khẩn thiết của nhân dân ta là phải chặn đứng tệ ăn cắp, xử lý nghiêm minh những vụ ăn cắp và những tên ăn cắp, không thể để cho bọn ăn cắp có chỗ đứng trong xã hội ta, càng không thể để cho chúng có chỗ đứng trong các cơ quan Đảng và Nhà nước. Chỗ đứng của chúng là trong các trại cải tạo, trong các nhà tù. Bất cứ ai, dù với bất cứ lý do gì mà bao che, dung túng cho bọn ăn cắp cũng đều phải bị xử lý thích đáng.

Có người nghĩ rằng tệ ăn cắp có chiều hướng phát triển là do trình độ quản lý kinh tế, quản lý xã hội của chúng ta còn những mặt non yếu. Chúng ta không phủ nhận nguyên nhân đó. Nếu chúng ta biết cách quản lý tốt hơn thì dĩ nhiên là có thể hạn được nhiều sơ hở, hạn chế được rất nhiều tệ ăn cắp. Kể gian khi thấy chúng ta «rào kìn mọi ngõ ngách», khi thấy muốn lấy cắp được cũng không dễ vì có bao nhiêu «cửa ải» khó qua do cơ chế quản lý và cách quản lý tốt, ắt sẽ phải run tay. Ngược lại, tiền bạc, của cải, vật tư mà cứ dễ lỏng lẻo, không ai kiểm tra, kiểm soát, không có chế độ ràng buộc rõ ràng thì chẳng những kẻ gian, mà cả đến những người chưa hẳn là xấu nhưng không kiểm chế được lòng tham của mình cũng sẽ tìm cách chiếm đoạt. Nhưng, chỉ nhấn mạnh những khuyết điểm về quản lý kinh tế, quản lý xã hội, coi đó là nguyên

nhân duy nhất hay là nguyên nhân chính để ra tệ ăn cắp của công là không đúng. Phải thấy rằng, đã là người lương thiện, chân chính, biết lẽ đúng sai, biết điều vinh, nhục thì dù trong khâu quản lý kinh tế có chỗ này hở, chỗ kia hở, dù của cải của Nhà nước, của tập thể có nhiều đến bao nhiêu, dù bất cứ hoàn cảnh nào, cũng không thể buống lỏng mình, hạ mình làm tên ăn cắp. Không phải của cải của mình mà tìm cách chiếm đoạt, đó là việc làm trái đạo lý, xưa nay những ai có lương tâm, biết trọng nhân phẩm đều xa lánh, khinh bỉ.

Lại có người nghĩ rằng tệ ăn cắp phát triển là do những khó khăn, thiếu thốn trong đời sống. Cũng không hẳn như vậy. Đúng là hiện nay chúng ta đang đứng trước những khó khăn gay gắt về kinh tế, về đời sống, nhưng đồng đảo cán bộ, đảng viên ta, đồng đảo nhân dân ta, vượt lên những khó khăn, vẫn giữ được nếp sống lành mạnh, trong sạch. Những tấm gương liêm khiết không tơ hào một đồng tiền hạt gạo của tập thể, của Nhà nước, ở ngành nào, địa phương nào cũng có. Trong thực tế, những tên ăn cắp «cỡ lớn» lại không phải là những người có khó khăn, thiếu thốn. Chẳng qua là với lòng tham không đáy, chúng muốn sống phê phỡn, làm giàu nhanh chóng bằng của cải của tập thể, của Nhà nước, bằng sự tước đoạt của những người lương thiện.

Trước tệ ăn cắp của công, điều đáng suy nghĩ là thái độ bàng quan, vô trách nhiệm. Bất cứ ở đâu, một vụ ăn cắp dù lớn hay nhỏ đều có người biết; ở đâu cũng có tổ chức Đảng, có cán bộ, đảng viên và có quần chúng tốt, những người ngay thẳng, trung thực. Đó là số đông, trong khi bọn ăn cắp chỉ là số ít. Thế mà tại sao chúng ta chưa chặn được tệ ăn cắp? Điều phải nói là

thái độ bàng quan, vô trách nhiệm. Có người nghĩ rằng của tập thể, của Nhà nước là của chung, mất mát chút ít cũng chẳng thiệt gì đến mình (trong khi mất một ít của riêng thì người ta buồn phiền đến kém ăn, kém ngủ, kêu ca hết cửa này đến cửa khác!). Từ cách suy nghĩ nói trên, thấy những vụ ăn cắp họ làm ngo, sợ phanh phui ra thì mất công, mất thì giờ, sợ đụng chạm, sợ trả thù. Thấy trong công tác quản lý có những khâu sơ hở đang bị kẻ xấu lợi dụng, họ không chú ý sửa chữa, cho rằng "bớt việc ra chỉ tổ một người, ôm rơm thêm dặm bụng...!". Có người phụ trách thiếu đi sâu đi sát, nhẹ dạ cả tin, dễ cho cán bộ, nhân viên dưới quyền "bị mất", thậm chí khi các vụ ăn cắp đã rõ như ban ngày vẫn đứng ra bao che cho những kẻ phạm pháp. Mặt khác có những vụ ăn cắp khi được tố giác, phát hiện, thì cách xử lý lại không nghiêm, không kịp thời; người phát hiện các vụ, việc đó và kiên quyết đấu tranh chống lại chúng thì lại không được bảo vệ, v.v. Tình trạng đó càng làm cho thái độ bàng quan, vô trách nhiệm có thêm điều kiện dễ nảy nở.

Cơ sở mà chúng ta xây dựng nên ngày nay, những cơ sở vật chất kỹ thuật, những của cải mà chúng ta có được ngày nay là do công sức, mồ hôi và xương máu của toàn dân, trong đó biết bao nhiêu người đã ngã xuống. Dễ cho nó bị mất mát, tiêu tán dần vào túi bọn bất lương là điều mà không ai muốn. Huống nữa trong cái chung lại có phần riêng của mỗi người. Giữ gìn của cải của tập thể, của Nhà nước được vẹn tròn là giữ cho mình, cho đồng bào, đồng chí của mình và cho con cháu mình, giữ cho hôm nay và cho mai sau. Đó là một nghĩa vụ mà mọi người có lương tri đều quyết tâm thực hiện, bất chấp gian khổ hy sinh. Những ai nhu nhược, nhút nhát, ngại đấu tranh, chắc không khỏi tự thẹn khi nhớ

đến những Đinh-Trọng-Lịch, Nguyễn-Thị-Minh, Nguyễn-Tài-Hải, Nguyễn-Thái-Bình và hàng loạt tấm gương chống tiêu cực khác. «Của đau, con xót» là lẽ thường tình, nhưng đối với người cách mạng, có một đạo lý cao hơn, đó là sự xót xa, đau đớn thật sự khi của cải chung của Nhà nước, của tập thể bị mất mát. Thiếu sự xót xa, đau đớn đó, thờ ơ trước mọi sự mất mát của cái chung thì cũng nên xem kỹ lại mình có còn đủ phẩm chất và tinh cảm của người đảng viên nữa hay không!

Trong việc chống tệ ăn cắp, không nên nghĩ rằng những vụ ăn cắp vặt là không nguy hiểm. Một nông dân lấy cắp một vài cân thóc của hợp tác xã, một công nhân lấy cắp bánh xà phòng hoặc hộp thuốc đánh răng của nhà máy, một nhân viên mậu dịch đánh xoay một ít hàng v.v., quả thật không đáng là bao. Song việc đó sẽ làm hư hỏng con người. Một lần ăn cắp trót lọt thì rất dễ phạm lại. Đã ăn cắp quả trứng thì có thể ăn cắp con gà, và rồi có thể ăn cắp cả con bò, cái lò gạch của cuộc sống là thế. Con người cứ tuột dần xuống dốc, sự sa sút về phẩm chất lan rộng, lớn thêm, ắt có ngày sẽ trở thành một nguy cơ đối với xã hội. Hơn nữa, mọi tài sản xã hội chủ nghĩa dù nhỏ bé đều là thiêng liêng, là không thể xâm phạm. Nếu cứ dung túng tệ ăn cắp vặt, dễ cho mỗi người lấy một ít, mỗi ngày lấy một ít, cộng lại thì sự hao hụt đối với nền kinh tế chung sẽ không nhỏ.

Không xóa được tệ ăn cắp thì không thể làm tốt việc phát triển kinh tế, cải thiện đời sống nhân dân, xây dựng con người mới, không thể làm cho các tổ chức Đảng, các cơ quan Nhà nước được thật sự lành mạnh. Một câu hỏi đặt ra là: liệu chúng ta có thể quét sạch được tệ ăn cắp không? Câu trả lời tưởng đã rõ

(Xem tiếp trang 61)

GIỚI THIỆU ĐƯỜNG LỐI MÁC XÍT LÊ NIN NÍT VIỆT-NAM RA NƯỚC NGOÀI

NĂM nay, Nhà xuất bản Ngoại văn vừa tròn 25 tuổi. Là một nhà xuất bản tổng hợp có nhiệm vụ giới thiệu cách mạng, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa Việt-nam về mọi mặt, Nhà xuất bản Ngoại văn đã có những cố gắng, qua một phần tư thế kỷ, phản ánh đường lối mác xít lê nin nít Việt-nam. Việc làm này được thể hiện bằng sách (tiếng Anh, Pháp, Nga, Tây-ban-nha, Hoa, Quốc tế ngữ...) và các tạp chí *Nghiên cứu Việt-nam* (tiếng Anh, Pháp), *Tin Việt-nam* (tiếng Anh, Pháp, trong những năm 1970 - 1978) và *Việt-nam tiến bước* (tiếng Anh, Pháp, Quốc tế ngữ, những năm 1956 - 1958) phát hành đi khoảng 100 nước trên thế giới.

Cách mạng Tháng Tám, chiến thắng Điện-biên-phủ và giải phóng Sài-gòn đã mang lại cho Việt-nam một vị trí đặc biệt trên thế giới, nhất là đối với thế giới thứ ba. Người ta muốn tìm hiểu tại sao một thuộc địa cũ do Đảng cộng sản lãnh đạo, lại thắng được cả thực dân cũ lẫn thực dân mới, người ta muốn biết đường lối ta xây dựng đất nước. Ông Ma-li-gay, một độc giả Xê-nê-gan, cho biết: « Chúng tôi theo dõi rất nhiều những sự việc xảy ra bên nước các ông, vì

cái đó rất có ích cho cuộc đấu tranh chống đế quốc của chúng tôi ». Đại hội toàn thể nông dân Xri Lan-ca kết luận qua xuất bản phẩm ngoại văn: « Chúng tôi cảm thấy Việt-nam là một niềm vinh dự lớn cho phe xã hội chủ nghĩa ».

Về đường lối chung và đường lối chính trị của Đảng ta, Nhà xuất bản Ngoại văn đã phổ biến tất cả những văn kiện chủ yếu của các Đại hội Đảng III, IV, V, những tác phẩm chủ yếu của các vị lãnh đạo (Hồ Chủ tịch, Lê-Duẩn, Trường-Chinh, Phạm-Văn-Đồng, Võ-Nguyên-Giáp, Văn-Tiến-Dũng...). Một nhà xuất bản Mỹ đã in lại đại bộ phận bản tiếng Anh *Tuyên tập Hồ-Chí-Minh*, Bản tiếng Pháp *Tiến lên dưới lá cờ của Đảng* (tên bản ngoại ngữ đôi là: *Cách mạng Việt-nam: dữ kiện và triển vọng*) của đồng chí Lê-Duẩn được dịch sang tiếng Ý và phổ biến đến các chi bộ cơ sở. Những tác phẩm lý luận của đồng chí Trường-Chinh, đặc biệt về cách mạng và kháng chiến, được đánh giá cao. Một số đồng chí lãnh đạo cách mạng Nica-ra-goa cho biết là đã nghiên cứu hai cuốn sách của Nhà xuất bản Ngoại văn ta trong khi đề ra đường lối cách mạng ở nước họ.

Một nhiệm vụ của Tạp chí *Nghiên cứu Việt-nam* (Études Vietnamiennes) là giải thích, trình bày những đường lối của Đảng áp dụng vào một số lĩnh vực quan trọng. Tạp chí đã ra được 18 năm, gồm 70 số, mỗi số đề cập một vấn đề. Chỉ xin nêu vài ví dụ. Đường lối cách mạng dân tộc dân chủ được chứng minh và cụ thể hóa trong gần 20 số chuyên đề như: Những trang lịch sử 1945 - 1954, Hồ sơ miền Nam Việt-nam, Những vấn đề cơ bản của Việt-nam, Đông-dương. Đối diện với lực lượng quân sự Mỹ... Báo Pháp, *Diễn đàn các dân tộc* đánh giá số chuyên đề về chống Mỹ: « Đây là một cuốn sách nhỏ vô cùng quý báu về lịch sử và chiến tranh theo quan điểm của Hà-nội và Mặt trận, trong khi thường thường những tư liệu duy nhất xuất bản ở phương Tây là những bản thông cáo Mỹ hay Sài-gòn ». Ông D. Các-đơ-nát ở Pê-ru tỏ chức đọc tạp chí trong số giáo sư tiến bộ, đặc biệt những số về chủ nghĩa thực dân mới, vì cách mạng Việt-nam là « một bài học cho các dân tộc Mỹ la tinh ». Cách mạng xã hội chủ nghĩa được đề cập đến trong mấy chục số tạp chí, về các mặt xây dựng, kinh tế, văn hóa, xã hội. Một vị Bộ trưởng Ghi-nê đọc tạp chí đề nghiên cứu nhiều vấn đề Việt-nam tương tự như ở đất nước ông. Giáo sư Tooc-bi-oc-xôn có ý kiến là ở Thụy-điển « đối với những người không thích nghe chính trị, ta giới thiệu những vấn đề giáo dục, y tế, văn hóa của Việt-nam thì kết quả, tranh thủ được thêm thái độ chính trị tốt của họ đối với Việt-nam. Riêng về giáo dục, số *Nghiên cứu Việt-nam* chuyên đề ấy được sử dụng làm tài liệu học tập ở trường đại học. Các số về y tế cũng rất bổ ích ». Một số chuyên đề về chống ma túy ở Việt-nam được một tạp chí Mê-hi-cô dịch sang tiếng Tây-ban-nha và phổ biến. Sự quan tâm ở Mê-hi-cô nhận được thư độc giả xin sang Việt-nam đề

chứa theo phương pháp của ta. Sau khi đọc những số về chuyên đề dân tộc ít người ở Việt-nam, hai độc giả Pháp Ra-un và Lô-ra Ma-kri-ông có ý kiến: « Chúng tôi hoàn toàn đồng ý với chủ trương nhân đạo của tạp chí ». Tạp chí *Triết học* của Đức đề ra 8 trang phân tích số chuyên đề về công giáo Việt-nam và kết luận: « Cuốn này nên được phổ biến rộng rãi cho người đọc (Đức) để phục vụ sự đối thoại giữa những người mắc xít và những người Thiên chúa giáo ở Cộng hòa dân chủ Đức, mặc dù hoàn cảnh hiện tại và lịch sử của Việt-nam rất khác, và để hiểu biết những vấn đề Việt-nam hôm nay và ngày mai ».

Những kinh nghiệm của Việt-nam không những giúp ích cuộc đối thoại Bắc - Nam, mà còn phục vụ đắc lực cuộc đối thoại Nam - Nam giữa các nước đang phát triển. Ông Ê-lai-đi, giáo sư đại học An-giê-ri về khoa học xã hội, tìm đọc tạp chí *Nghiên cứu Việt-nam* vì « Kinh nghiệm Việt-nam khiến tôi chú ý hết sức từ nhiều năm nay ». Tạp chí Ý *Phê bình mắc xít* theo dõi những ấn phẩm viết về « những vấn đề cách mạng thuộc địa qua kinh nghiệm phi thường của Việt-nam ». Để phổ biến kinh nghiệm Việt-nam có hệ thống, Nhà xuất bản Ngoại văn ra một tủ sách (collection) mới lấy tên là « Kinh nghiệm Việt-nam », mỗi năm 3, 4 tập, mỗi tập đề cập đến một vấn đề một cách cụ thể, gọn, có phân tích ưu điểm và khuyết điểm. Mấy tập đầu đề cập đến các chuyên đề chống nạn mù chữ, cải cách ruộng đất, mẫu giáo, văn học dân gian.

Đường lối văn học và văn hóa nói chung - kế thừa và phát triển - được thể hiện rõ nét nhất qua bộ *Tuyên luận văn học Việt-nam* tiếng Pháp và Anh (4 tập, 2200 trang). Theo nhà báo Mỹ R. Phơ-ren, « bộ sách có giá trị này... lấp một lỗ hổng thâm hại trong

(Xem tiếp trang 68)

VỀ CHIẾN LƯỢC QUÂN SỰ “ĐỐI ĐẦU TRỰC TIẾP” CỦA CHÍNH QUYỀN RI-GÂN

NHUẬN-VU

CHÍNH quyền Ri-gân đã đề ra một chiến lược quân sự mới, mang tên chiến lược «đối đầu trực tiếp». Đây là chiến lược quân sự Mỹ thứ tư trong hơn ba thập kỷ kể từ 1950 đến nay: «trả đũa ô ạt» dưới chính quyền Ai-xen-hao, «phản ứng linh hoạt» dưới các chính quyền Ken-nơ-đi và Giôn-xơn, «răn đe thực tế» dưới các chính quyền Nich-xơn, Pho và Ca-tơ.

Nội dung cơ bản của chiến lược quân sự mới «đối đầu trực tiếp» là Mỹ phải giành «ưu thế quân sự» vào cuối thế kỷ 20. Biện pháp thực hiện là tăng cường chạy đua vũ trang ô ạt, đặc biệt trên lĩnh vực vũ khí hạt nhân chiến lược; «đối đầu trực tiếp» với Liên-xô và những lực lượng cách mạng và tiến bộ trên thế giới, áp đặt sự khống chế quân sự của Mỹ tại bất cứ đâu và bất cứ lúc nào, bằng mọi loại chiến tranh, kể cả chiến tranh hạt nhân.

Mỹ chủ trương dùng «sức mạnh quân sự» để «đối đầu trực tiếp» với Liên-xô và cách mạng thế giới. Oen-bơ-giơ, bộ trưởng quốc phòng Mỹ, đã nhắc đi nhắc lại nhiều lần «chúng tôi không thể trừ một vùng nào», «lợi ích

của Mỹ có tính chất toàn cầu, nên đường lối quân sự của Mỹ cũng phải có tính chất toàn cầu».

Vào đầu thập kỷ 60, tổng thống Mỹ Ken-nơ-đi cũng đã từng tuyên bố Mỹ sẵn sàng dùng sức mạnh quân sự để «giúp đỡ các đồng minh, bần bề vào bất cứ lúc nào tại bất cứ nơi nào trên thế giới». Tuy nhiên, các chính quyền Oa-sinh-tơn từ Ai-xen-hao, Ken-nơ-đi, Giôn-xơn đến Nich-xơn, Pho, Ca-tơ đều chọn một số khu vực «trọng điểm» và gọi đó là những khu vực Mỹ có những «quyền lợi sống còn». Lúc đó Tây Âu, Trung Đông và Mỹ là tỉnh được xem là những khu vực Mỹ có «quyền lợi sống còn» thường trực. Còn Việt-nam và bán đảo Đông-dương nằm ở «vị trí đặc biệt» trong bản danh sách đó dưới thời Ken-nơ-đi, Giôn-xơn và Nich-xơn.

Ngày nay, đưa ra quan điểm «đối đầu trực tiếp» toàn cầu, chính quyền Ri-gân công khai xem toàn thế giới là «một chiến trường» của Mỹ. Oa-sinh-tơn nghiêm nhiên tự phong cho mình vai «sen đầm quốc tế», phải «bao căng» toàn thế giới, chứ không đề ra những khu vực «trọng điểm» như trước.

Trong «chỉ thị quốc phòng cho những năm tài chính 1981 — 1988», được tổng thống Mỹ Ri-gân duyệt y ngày 21 tháng 5 năm 1982, có nói rõ: «Chiến tranh chống Liên-xô chắc chắn sẽ diễn ra trên quy mô «toàn cầu». Mỹ phải có khả năng chiến đấu chống Liên-xô cùng một lúc ở nhiều chiến trường. Khi chưa biết rõ thời gian cuộc xung đột như vậy sẽ kéo dài bao lâu và tính chất vũ khí đem ra sử dụng (cả vũ khí thông thường lẫn vũ khí hạt nhân) ra sao, Mỹ phải chuẩn bị sẵn sàng để có thể chiến thắng trong một cuộc chiến tranh kéo dài thuộc bất cứ loại nào và phải được trang bị đầy đủ hơn hiện nay». (Theo bài của Mi-cha-en Kla thuộc Viện nghiên cứu chính sách của Oa-sinh-ton đăng trên báo Pháp «Thế giới ngoại giao» số tháng 9-1982).

Giới quân sự Mỹ đang ca tụng tính «linh hoạt» của «sáng kiến» chiến lược «đối đầu trực tiếp» toàn cầu của Ri-gân. Theo họ, do không quy định những khu vực «trọng điểm» cố định cho nên giới cầm quyền Oa-sinh-ton được «rộng tay» tùy theo hoàn cảnh, điều kiện cụ thể từng nơi, từng lúc tại những «điểm nóng» để quyết định khoắc cho những nơi đó danh hiệu «nơi Mỹ có những quyền lợi sống còn», lấy đây làm cớ để can thiệp dưới dạng này hoặc dạng khác như Oa-sinh-ton đã hành động khi nổ ra vụ Man-vi-nát ở Nam Mỹ hoặc Li-băng tại Trung Đông.

Theo giới quân sự Mỹ, từ quan điểm «toàn cầu» này, khi «quyền lợi sống còn» của Mỹ bị «thách thức» tại một khu vực mà Mỹ vấp phải một đối tượng «đang gờm», bất lợi cho mình, thì Mỹ có thể gán trách nhiệm cho Liên-xô và những lực lượng cách mạng trên thế giới để tiến hành hoạt động quân sự «trả đũa».

Quan điểm chiến lược cực kỳ hiếu chiến này của Ri-gân chứng tỏ rằng đế quốc Mỹ đang chuẩn bị can thiệp

và gây chiến tranh tại khắp mọi nơi. Đó là mối nguy hiểm đe dọa toàn thể loài người.

Quan điểm «đối đầu trực tiếp» hạt nhân. Điểm «mới» trong chiến lược quân sự mới là ở ý nghĩa đặc biệt của từ «trực tiếp». Theo chính quyền Ri-gân, việc ngăn chặn thể tiến công của ba dòng thác cách mạng trên thế giới dù là tại nước nào, vào thời điểm nào đều mang ý nghĩa «đối đầu trực tiếp» với Liên-xô. Chính quyền Ri-gân có trương chiêu bài «chống Liên-xô» nhằm che phủ mọi hoạt động phản cách mạng của Mỹ.

Với luận điệu «trực tiếp» này, chính quyền Ri-gân đặt lực lượng vũ trang Mỹ trong tư thế sẵn sàng tiến hành chiến tranh theo như Mỹ phân loại: chiến tranh «chống nổi dậy», chiến tranh cục bộ, chiến tranh bằng vũ khí thông thường, chiến tranh hạt nhân «chiến thuật» và chiến tranh hạt nhân «chiến lược» trong khuôn khổ «đối đầu» với Liên-xô.

Một vẽ khác của luận điệu «trực tiếp» là chia mũi nhọn chiến tranh vào chính Liên-xô, đối tượng chiến tranh chủ yếu của Mỹ. Ở đây, một sự lựa chọn được đặt ra trước Nhà trắng và Lầu năm góc: để giành được thắng lợi, khối NATO phát động chiến tranh chống khối Vác-sa-va chỉ bằng vũ khí thông thường hay là bằng cả vũ khí hạt nhân?

Giới quân sự Mỹ đưa ra lý do nói rằng trong bối cảnh đối sánh lực lượng thông thường hiện nay và cả đến cuối thế kỷ 20, khối NATO không thể giành được thắng lợi chỉ bằng vũ khí thông thường, mặc dù Mỹ luôn luôn thúc ép các nước trong khối NATO phải tăng ngân sách quân sự hằng năm trên 3%.

Như vậy, muốn «đe bẹp» khối Vác-sa-va như cuồng vọng của Ri-gân, chỉ còn lại sự lựa chọn là sử dụng vũ khí thông thường và sử dụng trước vũ khí hạt nhân. Ri-gân đã công

khai tuyên bố ngả về hướng lựa chọn này.

Đây là một «điềm» mới đặc biệt, một bước ngoặt về «chất» trong quá trình điều chỉnh chiến lược quân sự Mỹ qua các chính quyền Oa-sinh-ton từ đầu thập kỷ 50 đến nay.

Giới chiến lược Mỹ phục vụ các chính quyền Oa-sinh-ton đều thừa nhận rằng kể từ khi Mỹ mất độc quyền và ưu thế về vũ khí hạt nhân thì việc Mỹ phát động chiến tranh hạt nhân chiến lược có nghĩa là Mỹ sẽ phải hứng chịu đòn «đánh trả hạt nhân» chiến lược của đối phương. Còn việc sử dụng trước vũ khí hạt nhân chiến thuật cũng dẫn đến nguy cơ lan rộng thành chiến tranh hạt nhân chiến lược. Nhưng trên thực tế, «chính sách hạt nhân» chính thức của Mỹ từ thời To-ru-man đến Ri-gân vẫn là Mỹ chủ trương «dùng trước» vũ khí hạt nhân. Bản thân tổng thống Mỹ To-ru-man đã tạo ra tiền lệ cho chính sách này khi ra lệnh cho không quân Mỹ ném hai quả bom nguyên tử đầu tiên hủy diệt hai thành phố Nhật-bản Hi-rô-si-ma và Na-ga-sa-ki. Tuy nhiên, trước đây từ Ai-xen-hao đến Ca-tô, các tổng thống Mỹ đều lặng lẽ, giữ kín chủ trương «dùng trước» vũ khí hạt nhân các loại của Mỹ. Đến những năm đầu của thập kỷ 80 này, «sáng kiến» chiến lược của Ri-gân là đưa chính sách «dùng trước» vũ khí hạt nhân của Mỹ lên vị trí một «học thuyết quân sự», và diễn cường tăng cường lực lượng hạt nhân chiến lược nhằm tạo cho Mỹ đầy đủ khả năng thực hiện việc «dùng trước» vũ khí hạt nhân về mặt thực tiễn.

Chính trên cơ sở quan điểm chiến lược «đổi đầu trực tiếp» hạt nhân này, ngày 17 tháng 10 năm 1981, Ri-gân đã tuyên bố trước giới báo chí: «Tôi nhìn thấy trước khả năng xảy ra một cuộc xung đột bằng vũ khí hạt nhân chiến thuật trên chiến trường châu Âu mà không đưa đến

một cuộc đụng đầu giữa Liên-xô và Mỹ».

Những từ «nhìn thấy trước» mà Ri-gân dùng chẳng qua chỉ là ngôn ngữ ngoại giao thay cho những từ «sử dụng trước». Chính trên cơ sở thuyết được đưa ra công khai «dùng trước hạn chế» vũ khí hạt nhân này, chính quyền Ri-gân đang đẩy mạnh việc sản xuất loại tên lửa có cánh «Cru-đơ» và xúc tiến khẩn trương việc triển khai 572 tên lửa tầm trung bình gồm tên lửa Pôc-sinh II và tên lửa có cánh «Cru-đơ» tại một số nước Tây Âu bắt đầu từ năm 1983.

Chiến tranh hạt nhân² «hạn chế» mà Ri-gân công khai tuyên bố Mỹ sẵn sàng phát động trước, tất nhiên được đặt dưới chiếc ô «răn đe» của chiến tranh hạt nhân «tổng lực», bằng những vũ khí hạt nhân chiến lược triển khai trên lãnh thổ Mỹ cũng như ở nhiều căn cứ quân sự Mỹ ở nước ngoài, trên không gian đại dương và cả từ không gian vũ trụ.

Trước hết, cuộc chiến tranh hạt nhân «hạn chế» mà Ri-gân «nhìn thấy trước» tại châu Âu kia chỉ «hạn chế» đối với Mỹ theo ý muốn chủ quan của Oa-sinh-ton, tức là đặt lãnh thổ Mỹ ngoài vòng chiến sự hạt nhân. Nhưng nó lại mang tính chất «tổng lực» với những nước châu Âu, vì những đầu đạn hạt nhân được gọi là «chiến thuật» với lượng nổ hàng chục, hàng trăm kilôton và với số lượng lên đến trên 7000 đơn vị mà Mỹ đang tích trữ tại Tây Âu kia cũng thừa để hủy diệt hoàn toàn những nước như Hà-lan, Bỉ, Đan-mạch và những khu công nghiệp đông dân, những thành phố lớn của Anh, Cộng hòa liên bang Đức, v.v. Mặt khác, Mỹ tuyên bố công khai sẵn sàng «dùng trước» vũ khí hạt nhân chiến lược, tức là sẵn sàng phát động chiến tranh hạt nhân «tổng lực» toàn cầu. Trên thực tế, song song với việc phát triển vũ khí hạt nhân tầm trung bình các

loại, chính quyền Ri-gân đang lấy việc chế tạo các thể hệ mới vũ khí hạt nhân chiến lược từ tên lửa vượt đại châu cơ động MX, máy bay ném bom chiến lược B1 đến tàu ngầm hạt nhân mang tên lửa chiến lược To-rai-đơn II làm « trọng điểm » của cuộc chạy đua vũ trang của Mỹ hiện nay.

Cách phân chia giữa tạo chiến tranh hạt nhân ra hai loại « hạn chế » và « tổng lực », chia vũ khí hạt nhân ra hai loại « chiến thuật » và « chiến lược » mà Ri-gân đưa ra không thể đánh lạc hướng, lừa bịp, xoa dịu phong trào nhân dân Mỹ và thế giới đang đấu tranh quyết liệt chống các âm mưu và hành động của chính quyền Ri-gân xô đẩy loài người xuống vực thẳm chiến tranh hạt nhân.

Một số biện pháp chiến lược.
Nhằm đạt được mục tiêu « giành ưu thế quân sự » so với Liên-xô vào những năm cuối thế kỷ này, chính quyền Ri-gân chủ trương tăng vọt ngân sách quân sự. Trong vòng 20 năm từ 1960 đến 1980, ngân sách quân sự Mỹ không ngừng tăng hằng năm: năm 1960: 41,6 tỷ đô la; năm 1965: 50,9 tỷ đô la; năm 1970: 76,8 tỷ đô la; năm 1975: 87,9 tỷ đô la; năm 1980: 142,2 tỷ đô la.

Nhưng năm 1981, chính quyền Ri-gân đã công bố chương trình quân sự 5 năm của Mỹ 1982 - 1986 với số tiền dự chi là 1500 tỷ đô la. Riêng năm 1983 lên đến 260 tỷ đô la và cứ theo đà tăng này thì con số 312,7 tỷ đô la được dự kiến cho năm 1986 chắc chắn sẽ bị chính những người đề ra nó vượt quá.

Theo tính toán của giới chiến lược phương Tây, chi tiêu quân sự của Mỹ chiếm 5,2% giá trị tổng sản phẩm quốc gia Mỹ trong năm 1980, tăng lên 6,6% trong năm 1985 và sẽ lên đến 10% vào năm 1990. Từ 24,3% năm 1980, ngân sách quân sự Mỹ sẽ chiếm đến 36% ngân sách liên bang Mỹ năm 1985.

Biện pháp chiến lược « nhảy vọt »

về ngân sách quân sự là nền tảng để « nhảy vọt » về « sức mạnh quân sự », trước hết là nhảy vọt về lực lượng hạt nhân chiến lược. Lầu năm góc dự kiến đến năm 1990 sẽ hoàn thành việc hiện đại hóa lực quân, hải quân và không quân Mỹ bằng những vũ khí tối tân, nhằm nâng cao sức chiến đấu và khả năng cơ động của các binh chủng này.

Phần chủ yếu của ngân sách quân sự được dành cho việc đổi mới những lực lượng hạt nhân chiến lược như chế tạo 100 máy bay ném bom chiến lược kiểu B1b (tức là B1 được cải tiến) với chi phí trên 20 tỷ đô la, xây dựng hệ thống tên lửa vượt đại châu cơ động trên đường ray với chi phí dự kiến ban đầu là 34 tỷ đô la và thay thế dần dần 40 chiếc tàu ngầm hạt nhân mang tên lửa chiến lược loại Pô-la-rit và Pô-xây-đơn bằng loại mới mang tên lửa To-rai-đơn II giá khoảng 2 tỷ đô la một chiếc.

Chính quyền Ri-gân đã quyết định đẩy mạnh việc chế tạo tên lửa tầm trung binh Péc-sinh II và tên lửa có cánh « Cru-đơ » đưa tầm xa hoạt động của loại sau lên đến 2400 km. Chính quyền Ri-gân cũng quyết định tiến hành chế tạo bom nơ tơ ron.

Một biện pháp chiến lược nữa là mở rộng hệ thống các căn cứ quân sự Mỹ ở nước ngoài. Hiện nay Mỹ có trên 1500 căn cứ và công trình quân sự đặt trên 32 nước ngoài. Hơn nửa triệu lính Mỹ đóng quân thường trực tại đây. Mỹ đang ra sức xây dựng một vòng đai căn cứ quân sự mới bao quanh khu vực Trung Đông - vịnh Péc-xích, gồm 5 căn cứ không quân tại Ai-cập, 3 căn cứ không quân tại Ô-man, 1 căn cứ không quân và 1 căn cứ hải quân tại Xô-ma-li, 1 căn cứ không quân tại A-rập Xê-út, 3 sân bay quân sự và 1 quân cảng tại Kê-ni-a, 1 sân bay và 1 quân cảng tại Ba-ren.

Với những căn cứ quân sự mới này, cùng với việc thành lập hạm đội

5 ở Ấn-độ-duy và lực lượng triển khai nhanh với số quân trên 200 000 người, chính quyền Ri-gân công khai bày tỏ tham vọng « giành lại quyền bá chủ » trên mặt các đại dương và làm tên « linh chữa cháy » « tại bất cứ nơi nào, vào bất cứ lúc nào » trên thế giới.

Trong chiến lược quân sự « đối đầu trực tiếp » với Liên-xô, Oa-sinh-ton xem Trung-quốc là một yếu tố rất quan trọng. Trong báo cáo hằng năm gửi quốc hội Mỹ ngày 8-2-1982, Oen-bo-giơ, bộ trưởng quốc phòng Mỹ, nhấn mạnh sự thống nhất giữa « lợi ích và truyền thống của những cam kết của Mỹ tại khu vực này (châu Á - Thái-bình-dương) với những mối quan tâm về an ninh của Cộng hòa nhân dân Trung-hoa, một nước mà Mỹ chia sẻ quyền lợi và mục tiêu chung ».

Trong chiến lược « giành ưu thế quân sự » so với Liên-xô, nhằm mục tiêu tiến công vào lực lượng cách mạng trên thế giới, chính quyền Ri-gân tiếp tục lợi dụng triệt để bọn phản động trong giới cầm quyền Bắc-kinh như những lực lượng xung kích của chúng.

Từ nội dung chủ yếu trên đây của chiến lược quân sự Mỹ « đối đầu trực tiếp », nổi bật lên tính chất cực kỳ nguy hiểm của chính sách chạy đua vũ trang bện miệng hồ chiến tranh hạt nhân mà chính quyền Ri-gân đang theo đuổi. Hòa bình và an ninh trên thế giới đang bị đe dọa quốc Mỹ, đe dọa nghiêm trọng. Nhân dân thế giới không thể một giây lơ là cảnh giác.

Mặt khác, con đường « đối đầu trực tiếp » cũng không phải trơn tru đối với kẻ đã chọn nó. Phong trào đấu tranh của nhân dân Mỹ và thế giới chống chính sách chạy đua vũ trang hạt nhân của Ri-gân đã phát triển chưa từng thấy trong năm 1982. Ngay tại Oa-sinh-ton trên 1 triệu người Mỹ đã biểu tình chống chính sách chiến tranh hạt nhân của Mỹ. Trong khi đó, gánh nặng chi tiêu

quân sự ngày càng tác động mạnh mẽ đến nền kinh tế Mỹ đang trong tình trạng ngày càng khốn quẫn. Tính đến tháng 9-1982, số người Mỹ thất nghiệp đã lên đến con số kỷ lục là 11,3 triệu, không kể hàng chục triệu người nữa thất nghiệp. Tính đến tháng 8 năm 1982, số bội chi trong ngân sách liên bang lên đến 108,95 tỷ đô la, tức là hơn 59 tỷ đô la so với dự kiến trước đây. Nợ nhà nước của chính quyền liên bang lên đến 1110 tỷ đô la.

Mưu toan « gico gió » hạt nhân trên thế giới, chính quyền Ri-gân đang phải « gặt bão ». Con bão này đang đầy nước Mỹ lún sâu hơn nữa trong cuộc khủng hoảng toàn diện không lối thoát.

Cuối cùng điều cần đặc biệt nhấn mạnh là con đường « đối đầu trực tiếp » sẽ không đem lại điều gì tốt đẹp cho đế quốc Mỹ cả. Bởi vì hiện nay, sức mạnh quốc phòng của Liên-xô và cộng đồng xã hội chủ nghĩa đã hùng hậu hơn bao giờ hết. Những kẻ chủ trương và đang hằng hải đi theo con đường nguy hiểm ấy, cần phải biết rõ điều đó.

Tệ ăn cắp của công

(Tiếp theo trang 54)

ràng : ở bất cứ ngành nào, ở bất cứ nơi nào, nếu còn tình trạng buông lỏng quản lý kinh tế, quản lý xã hội, buông lỏng kỷ luật của Đảng, pháp luật của Nhà nước, và nếu còn thái độ bàng quan, vô trách nhiệm thì chắc chắn tệ ăn cắp còn có đất để hoành hành. Ngược lại, nếu chúng ta có đầy đủ quyết tâm và dũng khí, có biện pháp tổ chức và quản lý chống tệ nạn đó với ý thức trách nhiệm cao, lại biết tạo nên một dư luận xã hội đấu tranh kiên quyết và mạnh mẽ thì nhất định sẽ đẩy lùi được nó một cách có hiệu quả. Đó là điều đã được khẳng định ở những nơi mà cuộc đấu tranh chống tiêu cực đã được triển khai đúng hướng.

TRUNG-THÀNH

Toàn dân là lính, cả nước chung sức đánh giặc

LÊ - BÌNH - SỸ

TỜNG kết ba lần kháng chiến chống quân Nguyên xâm lược, Trần-Quốc-Tuấn nêu lên một nguyên nhân chủ yếu của thắng lợi là bấy giờ « vua tôi đồng lòng, anh em hòa mục, nước nhà góp sức, giặc tự bị bắt » (1). Sách *An-nam chí lược* cũng ghi rằng, Đời nhà Trần « toàn dân đánh giặc ». Và, nhà sử học Phan-Huy-Chú đã viết trong tác phẩm của mình: « Đời nhà Trần trăm họ đều là binh nên mới phá được giặc dữ, làm cho thể nước được mạnh » (2)... *Toàn dân là lính, cả nước chung sức đánh giặc*, đó là sự khái quát kinh nghiệm lịch sử xuất phát từ những quan điểm chiến lược có ý nghĩa lớn lao trong hệ thống tri thức quân sự không chỉ thể hiện ở thời Trần mà cả trong tiến trình lịch sử đấu tranh giữ nước của dân tộc ta.



Ở nước ta, sức mạnh giữ nước không chỉ là sức mạnh của một Nhà nước, mà là sức mạnh của cả nước. Thấm nhuần quan điểm đó, tổ tiên ta

khí tổ chức lực lượng đánh giặc, giữ nước đã không chỉ dựa vào lực lượng quân đội thường trực mà còn biết dựa vào « cả nước đánh giặc ».

Tư tưởng chiến lược « cả nước chung lòng », « toàn dân đánh giặc » cũng xuất phát từ yêu cầu khách quan của các cuộc chiến tranh chống ngoại xâm của dân tộc. Đất nước ta không rộng, người không đông, vật lực có hạn, lực lượng quân đội thường trực của ta không đông. Trái lại kẻ thù có đất rộng, người đông, có nhiều tiềm năng về quân sự và kinh tế, chúng luôn luôn cậy thế quân đông và có nhiều kinh nghiệm trong chiến tranh chinh phục. Trong điều kiện so sánh lực lượng như vậy, nếu chỉ đơn thuần dùng lực lượng quân đội thì chắc chắn chúng ta không thể đánh thắng địch được. Muốn thắng quân thù to lớn và cường bạo thì phải

(1) *Đại Việt sử ký toàn thư*, Nxb khoa học xã hội, Hà-nội, 1967, tập II, tr. 80.

(2) Phan-Huy-Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí*, Nxb Sử học, Hà-nội, 1961, tập IV, tr. 6.

dựa vào sức mạnh cả nước, huy động toàn dân đánh giặc.

Trải qua các giai đoạn lịch sử, tổ tiên ta đều nhận thức rõ vai trò của toàn dân đánh giặc, giữ nước. Quan điểm: đề « quốc phú » « binh cường » thì « gốc rễ » là ở dân, thể hiện trong nhiều triều đại. Cho nên đề động viên được sức mạnh tiềm tàng đó, tổ tiên ta đã thi hành nhiều chính sách đề « an dân ». Lý-Thường-Kiệt « coi sự đủ ăn là ước nguyện của dân »; Trần-Quốc-Tuấn chủ trương « khoan thư sức dân làm kế sâu rễ bền gốc ». Bưởi đầu đời Lê, triều đình đã ban lệnh « không được khinh động đến sức dân », và Nguyễn-Trãi cho rằng « việc nhân nghĩa cốt ở yên dân ». Đến thế kỷ XVIII, Nguyễn-Huệ đã có nhiều biện pháp nhằm làm cho « nước giàu, quân mạnh ». Ông chủ trương « làm sao cho dân được yên ổn, có ruộng cấy... », « mở mang cửa ải, thông chợ búa, khiến cho các hàng hóa không ngừng ứ đọng, làm lợi cho dân dùng ». Các triều đại phong kiến tiến bộ ở nước ta đều chú ý « bồi dưỡng và khoan thư sức dân », ra chiếu khuyến nông, chăm lo thủy lợi, hoặc có khi giảm miễn tô thuế, một phần để phát triển kinh tế, phần nữa để hòa hoãn mâu thuẫn giai cấp, tăng cường khối đoàn kết giữa các dân tộc trong nước, giữa triều đình và dân chúng.

Mặt khác do hoàn cảnh thường xuyên bị kẻ thù hung bạo đe dọa xâm lược cho nên các triều đại phong kiến đều chăm lo xây dựng tiềm lực quốc phòng của đất nước. Những người đứng đầu Nhà nước trong từng giai đoạn lịch sử đều tìm mọi cách xây dựng lực lượng quân sự lớn mạnh mà một trong những yêu cầu là làm sao khi có hòa bình thì bảo đảm cân đối nhân lực vừa xây dựng vừa bảo vệ đất nước và khi có chiến tranh thì nhanh chóng huy động được toàn dân tham gia chiến đấu

chống xâm lược. Đó là nguồn gốc tư tưởng « tận dân vi binh » được thực hiện qua các triều đại phong kiến ở nước ta.

Ở thế kỷ thứ X, Nhà nước Đinh, Lê tổ chức lực lượng quân sự theo chế độ « thập đạo quân ». Về danh nghĩa trong nước có một đạo quân đông đến một triệu người, song trên thực tế đó là chế độ tổ chức quân đội theo « ngạch biên số », tức là lúc hòa bình hầu hết binh lính ở nhà sản xuất, lúc có chiến tranh tất cả được huy động vào các đội ngũ đã định sẵn. Đó là tiền đề, là cơ sở của quốc sách « ngụ binh ư nông » thời Lý, Trần. Theo nhận xét của nhà sử học Ngô-Thị-Sĩ, « bảy giờ bình và nông chưa chia, khi có việc thì gọi ra, xong việc lại giải tán về làm ruộng » (3). Đây là biện pháp tổ chức toàn dân là lính, toàn dân tham gia luyện tập quân sự ở một trình độ nhất định. Tác dụng của chính sách này thể hiện rõ rệt trong cuộc kháng chiến chống quân Tống xâm lược lần thứ nhất (năm 981).

Sang giai đoạn Lý-Trần, yêu cầu chống xâm lược hết sức cấp bách. Bấy giờ, nước Đại-việt bị đe dọa bởi những thế lực xâm lược to lớn và tàn bạo. Để đáp ứng yêu cầu đó, nhà Lý cũng như nhà Trần đã kế thừa những truyền thống dân tộc, nhanh chóng đề ra và thực hiện những kế sách quan trọng về xây dựng và phòng vệ đất nước.

Nước Đại-việt xây dựng lực lượng vũ trang dân tộc theo phương châm toàn dân là lính mà nội dung được thể hiện qua chính sách « ngụ binh ư nông ». Trải từ đời Lý đến đời Trần chính sách này được thực hành với nội dung đầy đủ nhất, nhằm bảo đảm sự kết hợp giữa xây dựng và bảo vệ đất nước, giữa lực lượng lao động và

(3) Phan-Huy-Chú—sách đã dẫn, tr. 4.

lực lượng vũ trang, giữa tài chính và quân sự.

Nhà nước rất chú trọng việc lập sổ hộ tịch và quản lý dân đinh trong nước. Căn cứ vào sổ hộ tịch, « sổ quân » ghi tên tất cả những dân đinh trong tuổi nghĩa vụ quân sự bao gồm hai loại: *hoàng nam* (từ 18 tuổi đến 20 tuổi) và *đại hoàng nam* (từ 21 tuổi đến 60 tuổi). Đó là nguồn lính, là cơ sở để tuyển mộ và điều động quân.

Hằng năm, triều đình ban bố lệnh « tuyển dân đinh làm lính » trên phạm vi cả nước. Chế độ « dân đinh làm lính » quy định mỗi người dân đều có nghĩa vụ nhập ngũ để giữ nước — một biểu hiện cụ thể của tư tưởng « tận dân vi binh », cũng là chế độ « quân dịch » của toàn dân, dựa trên cơ sở lòng yêu nước và tình cảm « làng nước » của nhân dân. Theo định kỳ, Nhà nước « chiếu sổ chọn lấy những tráng đinh » sung vào quân ngũ, chọn những người trẻ khỏe thay người già yếu; số người có tên trong « sổ quân » còn lại thì ở nhà sản xuất, « khi có việc thì gọi ra, xong việc lại trở về làm ruộng » và canh phòng tại chỗ. Đây là nội dung của chế độ tuyển chọn binh lính trong thời bình, động viên dân binh khi có chiến tranh của Nhà nước Lý — Trần và cũng là phương pháp tốt nhất để thực hiện chế độ toàn dân là lính.

Chính sách « ngụ binh ư nông » còn quy định chế độ luân phiên trong quân đội — cho quân lính thay phiên tại ngũ hay trở về sản xuất. Nghĩa là thời bình, binh lính (trừ cấm quân ở lại canh giữ kinh đô) thay nhau, một bộ phận ở lại canh phòng và luyện tập võ nghệ, một bộ phận trở về sản xuất; khi đất nước có chiến tranh tất cả được « gọi ra cho lệ thuộc vào các tướng » để chiến đấu.

Đường lối xây dựng lực lượng vũ trang theo « ngụ binh ư nông » đáp ứng nhu cầu « kiến quốc » và « thủ quốc », bảo đảm cân đối giữa « việc

binh » và « việc nông », giữa kinh tế và quân sự. Nhà sử học Ngô-Si-Liên nhận xét « thế nước không đời nào mạnh bằng thời Lý »; còn Phan-Huy-Chú khi nghiên cứu về binh chế thời Trần đã kết luận rằng. Đời Trần « phục binh ở nơi thuận tiện », « lúc vô sự thì cho về làm ruộng, khi có động thì chiếu sổ gọi ra hết ». Cho nên « binh vẫn đủ mà không phải chi phí nhiều, càng thêm hăng hái chống thù ». « Cái chiến công dẹp quân Chiêm, phá quân Tống (thời Lý), cái oai hùng hai lần đánh bại quân Nguyên (thời Trần) cũng đủ cho biết binh lực của hai đời cường thịnh thế nào » (4).

Như vậy về quân sự mà nói « ngụ binh ư nông » ở thời Lý — Trần, cũng tức là đặt binh ở nông thôn, nguồn binh là nông dân, mỗi người dân là một « chiến sĩ, một làng xã là một pháo đài chống giặc, cả nước trở thành một thể trận làng — nước trong chiến tranh toàn dân. Nói một cách khác đó là chủ trương « tận dân vi binh », « bách tính giai binh », « toàn dân làm lính » xuất phát từ nhận thức « quốc gia hữu sự toàn dân hữu trách » là cơ sở qua việc xây dựng những đội dân binh, lực lượng quân dự bị và những đạo quân thường trực trong nước.

Lúc hòa bình « gửi binh ở nông thôn » binh cũng là nông, vừa luyện tập vừa sản xuất, lúc chiến tranh toàn dân làm lính — đó là chính sách xây dựng lực lượng quân sự dân tộc phù hợp với quy luật « dựng nước đi đôi với giữ nước », vừa xây dựng vừa chiến đấu, trong điều kiện nước ta là một nước nhỏ, có nền kinh tế nông nghiệp phân tán, luôn luôn ở trong tình trạng bị uy hiếp bởi họa xâm lăng của những thế lực phản động to lớn. có trụ rễ về quân sự. Theo hình thức tổ chức này, Nhà nước luôn luôn giữ được số lớn nhân lực sản xuất, giảm

(4) Phan-Huy-Chú: *Sách đã dẫn*, tr. 3.

được chi phí nuôi quân, hầu hết dinh tráng được thay phiên luyện tập quân sự, do đó quân dự bị có lực lượng hùng hậu, đồng thời quân thường trực luôn luôn bảo đảm số lượng vừa đủ đề canh phòng, sẵn sàng đối phó với mọi âm mưu và hành động của giặc. Lúc đất nước bình yên, có sự phân công thích hợp giữa quân và dân, giữa kinh tế và quân sự, khi có chiến tranh thì dân chúng nhanh chóng và dễ dàng kết hợp với quân đội trở thành lực lượng vũ trang mạnh mẽ, đông đảo, vô tận, tạo nên được ưu thế tuyệt đối mà kẻ thù không thể có và không thể đối phó được.

Nhờ cách tổ chức sáng tạo đó, nhà Lý đã động viên được đông đảo nhân dân đứng lên kháng chiến và lập nhiều chiến công trong sự nghiệp « phá Tống bình Chiêm », giữ vững nền độc lập dân tộc. Ngay cả những nhà sử học Trung-quốc cũng phải kinh ngạc thốt lên: (Dân chúng) kéo hết cả nhà theo và « cả nước Giao-chi, nhà có sáu người thì năm người tòng quân, còn một không đi được mới phải ở lại » (5). Sang đời Trần, nghệ thuật động viên và tổ chức toàn dân làm lính, toàn dân tham gia đánh giặc, đã đạt đến trình độ cao. Chỉ trong vòng 30 năm (1258 - 1288), quân và dân Đại-việt đã đánh thắng rất oanh liệt cả ba cuộc chiến tranh xâm lược của quân Nguyên, những đạo quân nổi tiếng là thiện chiến của một đế quốc lớn mạnh và hung hãn nhất thời bấy giờ. Lúc bình thường nhà Trần có khoảng 10 vạn quân chủ lực, nhưng khi chiến tranh gay go ác liệt nhất triều đình đã động viên được trên 30 vạn quân chiến đấu dưới sự chỉ huy thống nhất của Bộ tham mưu kháng chiến. Đó là chưa kể hơn 10 vạn quân Hoan-Diễn (Thanh-hóa - Nghệ-tĩnh) chưa điều động và hàng triệu dân binh trong các làng xã. Đây là kết quả thực tế của chủ trương « tận dân vi binh », khi có giặc thì

hầu hết dinh tráng đều nhập ngũ, « cả nước sấm sưa vũ khí » và hưởng ứng lời kêu gọi của triều đình: « Tất cả các quận huyện trong nước nếu có giặc ngoài đến phải liều chết mà đánh; nếu sức không địch nổi thì cho phép lần tránh vào rừng núi, không được đầu hàng » (6). Quân xâm lược Nguyên thiện chiến và hung hãn, dù đã từng chiến thắng ở nhiều nơi nhưng khi vào Đại-việt, đụng phải bức thành kiên cố gồm một quân đội hùng mạnh và lực lượng kháng chiến của các làng xã khắp mọi nơi, chúng đã « không thi thố được tài năng », cuối cùng phải « bó tay » cam chịu thất bại.

Đến thế kỷ XVIII, dưới ngọn cờ cứu nước của Nguyễn-Huệ, nhân dân ta vừa mới vùng lên lật đổ các tập đoàn phong kiến đang trong và đang ngoài, đã nhanh chóng gia nhập đạo quân chống xâm lược Mãn-Thanh. Sự ủng hộ và nhiệt tình của nhân dân tham gia chống giặc là động lực chủ yếu để phong trào Tây-sơn lập được những chiến công oanh liệt: đập tan các thế lực phong kiến phản động, tiêu diệt quân xâm lược Xiêm ở trong Nam và quét sạch 29 vạn quân xâm lược Mãn-Thanh ở Bắc-hà. Đó là kết quả của việc thực hiện đường lối « tận dân vi binh » của anh hùng Nguyễn-Huệ, động viên toàn dân tham gia đánh giặc, bảo vệ sự nghiệp chính nghĩa của mình. Đó cũng là thành công của biện pháp « biến hết dân làm binh » và đồng thời « đổi ấp làm đội » (7) của lãnh tụ phong trào Tây-sơn. Do dân chúng được vũ trang rộng rãi, toàn dân nhận thức được nghĩa vụ chiến đấu giữ nước, mỗi người dân là một

(5) Lý-Đào : *Tục tư trị thống giám trường biên*. Bản in của Đàm-Chung-Lân, q. 275. chữ Hán.

(6) Tống-Liêm Nguyên sử. Bản sức ấn bách nạp. *Thường vụ ấn thư quán*, q. 209. tr. 76. chữ Hán.

(7) *Đại Nam thực lục chính biên*, đệ nhất kỷ I. Nxb Sử học, Hà-nội. 1963, tập II, tr. 320

người lính, mỗi làng xã trở thành một đơn vị chiến đấu, cả nước là một thể trận liên hoàn chống giặc, cho nên khi quân Thanh xâm lược nước ta, tuy chúng tiến vào được kinh đô Thăng-long, đóng quân ở một số nơi, song chúng hoàn toàn bị cô lập, bị bao vây hốt mặt. Đó là điều kiện thuận lợi để Quang-Trung bị mất tiền quân áp sát địch, rồi bất thần từ nhiều phía tiến công đánh tan tác quân thù



Trong các cuộc chiến tranh giữ nước của dân tộc ta, hình ảnh nhân dân «toàn dân đánh giặc» là hiện tượng phổ biến và ngày càng biểu hiện đậm nét.

«Giặc đến nhà đàn bà cũng đánh», đó là câu ngạn ngữ từ ngàn xưa. Những tấm gương liệt nữ trong chiến tranh giữ nước triều đại nào cũng có. Hai Bà Trưng cùng các nữ tướng của mình đã anh dũng hy sinh trong cuộc kháng chiến chống quân Đông Hán xâm lược. Thái hậu Dương-Văn-Nga và sau đó làỶ-Lan phu nhân đã thể hiện vai trò lớn lao trong kháng chiến chống xâm lược Tống. Lính từ quốc mẫu, vợ Thái sư Trần-Thủ-Độ trong kháng chiến chống Nguyên và nữ tướng Bùi-Thị-Xuân chỉ huy đạo tượng binh Tây-sơn hồi thế kỷ XVIII là những biểu hiện cụ thể truyền thống anh hùng của phụ nữ trong sự nghiệp đấu tranh giữ nước của dân tộc.

Thánh Gióng là biểu tượng con người Việt-nam trong chiến tranh chống xâm lược: «*phú tặc dân hiền tam tuế vân*», ba tuổi đánh giặc (là muộn). Trong cuộc kháng chiến chống Nguyên, có những tướng trẻ như Trần-Quốc-Toản, lớp nạt cam vì hạn mình còn nhỏ tuổi không được dự bàn kế sách đánh giặc ở Bình-than, nhưng rất dũng cảm khi được lệnh chỉ huy một đạo quân vương hầu chặn đường tháo chạy của Thoát-Hoan và

đã anh dũng hy sinh vì nghĩa lớn; cũng có những tướng già như Trần-Thủ-Độ, 61 tuổi vẫn vững lòng tin khi trả lời vua Trần-Thái-Tông: «*đầu tôi chưa rơi xin bệ hạ đừng lo*», và năm 1258 đã làm tốt vai trò của mình trong việc giúp vua Trần chỉ huy đánh giặc. Đó là chưa kể đến hàng vạn bộ lão trong các làng bản, khe động ở các địa phương, đã cùng con cháu ngày ngày chăm lo học tập võ nghệ, rèn chắc tay gươm, luyện thạo cánh nỏ để bám làng chiến đấu diệt thù. *Trẻ già cùng đánh giặc giữ nước là một hiện tượng phổ biến trong lịch sử nước ta.*

Trong đội ngũ điệp trùng chống xâm lăng có đủ các thành phần dân chúng, các tầng lớp dân tộc từ khắp các nẻo miền đất nước. Trên chiến trường diệt xâm lược Tống, cùng với Lý-Thường-Kiệt, Hoàng-Chân, Chiêu-Vân có cả Tôn-Điền, Hoàng-Kim-Mân, Thân-Cảnh-Phúc... là những tù trưởng, tộc trưởng các dân tộc thiểu số. Trong quân đội thời Trần, bên cạnh những tướng chỉ huy xuất thân từ hàng ngũ quý tộc như Trần-Quốc-Tuấn, Trần-Khánh-Dur... còn có những người xuất thân từ tầng lớp bình dân như Phạm-Ngũ-Lão, Yết-Kiên, Dã-Tượng tham gia đánh giặc Nguyên; ngoài các đạo quân chủ lực của triều đình, của các quý tộc tôn thất nhà Trần còn có những đội quân của các tướng lĩnh thuộc các dân tộc thiểu số như Nguyễn-Lộc, Hà-Đặc, Hà-Chương, Hà-Bồng, v.v. Và, người anh hùng «áo vải cờ đào» Nguyễn-Huệ ở thế kỷ XVIII được nhiều sĩ phu yêu nước cộng sự nhiệt tình trong kháng chiến, tiêu biểu nhất là tiến sĩ Ngô-Thị-Nhậm và Nguyễn-Thiếp, những danh sĩ nổi tiếng thời bấy giờ. Mỗi khi «quốc gia hữu sự» thì quý tộc và bình dân, người cày ruộng và thợ thủ công, sĩ phu và thương nhân, các dân tộc Việt, Mường, Tày, Thái, v.v. đều cùng đứng lên đánh giặc. Nhân dân tham gia kháng chiến nhiệt tình và đông đảo.

hoặc trực tiếp cầm vũ khí giết giặc; hoặc rèn đúc vũ khí, chuẩn bị chiến thuyền, sửa chữa cầu đường, đóng góp lương thực, vận tải tiếp tế cho quân đội, cất giấu lương ăn, có khi đốt cả hoa màu, lương thực, dọn sạch ruộng vườn, làm kế « thanh dã » để thóc gạo và vật dụng khỏi lọt vào tay giặc; hoặc chạy vào rừng quyết không hợp tác với giặc và bằng nhiều hình thức đánh giặc ngay ở các làng bản, thôn ấp, rừng núi, bảo vệ quê hương xứ sở của mình.

Lòng yêu nước là tình cảm lớn và sâu sắc nhất của mọi tầng lớp nhân dân Việt-nam, của mọi người Việt-nam xưa nay, già cũng như trẻ, đàn ông cũng như đàn bà. Khi có giặc nước, tiếng gọi cứu nước có sức mạnh thiêng liêng, động viên, giục giã, khiến mọi người đứng lên, chung lòng bảo vệ Tổ quốc. « Toàn dân là lính », « cả nước chung sức đánh giặc » là nét đặc sắc, một truyền thống lâu đời của dân tộc ta.

Trong lịch sử dân tộc, nếu ở một triều đại nào, những người đứng đầu Nhà nước không nhận thức được vai trò của nhân dân, không biết động viên tổ chức « toàn dân đánh giặc » thì sự nghiệp đấu tranh giữ nước sẽ không thành công. Việc Hồ-Quý-Lý, Hồ-Hán-Thương đề mất nước là mối hận của mỗi người dân Đại-việt thời bấy giờ. Bởi lẽ, tuy Hồ-Quý-Lý là một người yêu nước, có quyết tâm chống xâm lược, tuy nhà Hồ có quân đội đông, có vũ khí tốt và thành lũy kiên cố, nhưng do sai lầm về đường lối kháng chiến, cho nên đã không huy động được sức mạnh chiến đấu của toàn dân và do không có phương lược chiến đấu thích hợp cho nên đã chịu thất bại cay đắng.

Trái lại, hồi thế kỷ XIII, như trên đã nói, dưới sự lãnh đạo của nhà Trần, quân và dân Đại-việt đã giành được thắng lợi huy hoàng trong cả ba lần kháng chiến chống giặc Nguyên.

Một ưu điểm của nhà Trần là biết động viên tổ chức nhân dân không phải chỉ trong thời kỳ đất nước có chiến tranh, mà cả trong thời bình và ngay từ khi chiến tranh vừa kết thúc thắng lợi. Sau khi thắng quân xâm lược Nguyên, vua Trần-Nhân-Tông định xây lại thành Thăng-long cho nguy nga long lẫy, Trần-Quốc-Tuấn đã can vua và nói rằng: « Việc sửa thành không cần kịp lắm. Việc cần kịp của triều đình phải làm ngay không chậm trễ được là ủy lạo nhân dân. Hơn bốn năm qua giặc sang đánh phá, từ nơi rừng núi đến ruộng đồng bị tàn phá hầu hết, vậy mà nhân dân vẫn một lòng hướng về triều đình, xuất tào xuất lộc, đi lính, đóng thuế, làm nên một lực lượng mạnh cho triều đình chống nhau với giặc. Nay nhà vua trở về yên ổn, việc phải làm trước hết là phải chú ý ngay đến những nơi nào bị tàn phá. Tùy tình hình nặng nhẹ mà cứu tế; những nơi bị tàn phá quá nặng có thể miễn thuế trong mấy năm, có như thế nhân dân mới nở lòng, càng qui hướng về triều đình hơn nữa. Người xưa nói « chúng chi thành thành », nghĩa là ý chí của quần chúng là bức thành kiên cố, đó mới là cái cần sửa chữa ngay. Xin nhà vua xét kỹ » (8). Vua Trần-Nhân-Tông cho là phải, cho nên đã đình chỉ việc xây thành Thăng-long và miễn tô thuế cho nhân dân trong ba năm. Về sau, lúc lâm chung, Trần-Quốc-Tuấn đề lại di chúc một lần nữa căn dặn vua Trần: « Khoan thư sức dân để làm kế sâu rễ bền gốc, đó là thượng sách giữ nước ».

Từ những nhận thức như vậy, các quan lại, quý tộc nhà Trần đều vững lòng tin vào sức mạnh của lực lượng kháng chiến. Lòng tin đó thể hiện

(8) Long thành đại sử, dẫn theo Phạm-Ngọc-Phụng, Tổ tiên ta đánh giặc. Nxb Quân giải phóng, Sài-gòn. 1975.

trong hành động, trong chiến đấu và ngay cả trong những lời nói khẳng khái trước mặt quân thù. Trước sự hăm dọa lão xược của vua Nguyên rằng sẽ tiếp tục tiến công đập nát thành Thăng-long, nhà sử học Đại-việt là Đào-Từ-Kỳ đã hiên ngang nói: «Thành Thăng-long kia chỉ là vật nhỏ mọn để phòng kẻ trộm cướp vặt, phá tan nó có khó gì. Còn như đề chống với kẻ địch bên ngoài đến chục ăn cướp nước chúng tôi thì chúng tôi đã có một tòa thành vững vàng như núi, không kẻ nào phá được, đó là sức mạnh của nhân dân chúng tôi» (9).



Trong điều kiện nước ta đất không rộng, người không đông, quân đội

không nhiều mà phải luôn đối phó với mưu đồ thôn tính của những nước lớn, có khi là những đế quốc cường thịnh vào bậc nhất của thời đại, và nhiều phen phải đương đầu với những đạo quân xâm lược lớn mạnh gấp bội thì sức mạnh chiến đấu và chiến thắng của dân tộc ta là sức mạnh tổng hợp của đất nước, là sức mạnh của «toàn dân đánh giặc», «Toàn dân là lính», «cả nước chung sức đánh giặc» vừa là một bí quyết thắng lợi, vừa là một kinh nghiệm truyền thống trong lịch sử đấu tranh giữ nước của dân tộc ta.

(9) *Long thành diệt sử*, dẫn theo Phạm-Ngọc-Phụng, *Tổ tiên ta đánh giặc*. Nxb Quân giải phóng. Sài-gòn, 1975.

Giới thiệu đường lối mac xít lê nin nít...

(Tiếp theo trang 56)

sự hiểu biết của chúng ta về văn học phương Đông... Tất cả những kẻ xâm lược Việt-nam — qua các thế kỷ, kể cả thế kỷ chúng ta — cuối cùng đều bị vấp cả, họ không thành công trong việc chinh phục hay đồng hóa dân tộc Việt-nam, phá hoại văn hóa Việt-nam, và thay thế nó bằng văn hóa của họ».

Đề tiết kiệm ngân sách và giới thiệu đường lối cách mạng Việt-nam ra ngoài một cách có hiệu quả. Nhà xuất bản Ngoại văn còn cộng tác với các nhà xuất bản nước ngoài ra sách

ở nước họ bằng tiếng nước họ, như: cộng tác với Liên-xô xuất bản các sách *Việt-nam, đất nước Bắc Hồ*, *Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam, Hồ-Chí-Minh và châu Phi*, cộng tác với Ấn-độ để tái bản *Lịch sử Việt-nam* (tiếng Anh), cộng tác với Cộng hòa dân chủ Đức để in sách về Việt-nam có ảnh, cộng tác với Nhật để in *Truyện trẻ em*, cộng tác với Ý, Tây Đức, Mễ-hi-cô... để ra những sách về các vấn đề thời sự (*Trung-quốc xâm lược, Cam-pu-chia...*).

DỊCH-VĂN

ĐÀI TƯỞNG NIỆM CHIẾN BẠI

Huê-kỳ có nhiều chuyện lạ. Chuyện lạ gần đây nhất là xây dựng đài tưởng niệm chiến bại.

Đài tưởng niệm những người đã bỏ mình trong chiến tranh thì nhiều nước đã từng xây. Nhưng thông thường, người ta xây đài tưởng niệm chiến thắng. Còn xây đài tưởng niệm chiến bại thì cho đến nay trên thế giới chỉ có Huê-kỳ là một.

Mười năm sau khi bị bắt buộc phải ký hiệp định Pa-ri công nhận nền độc lập và thống nhất của Việt-nam, Huê-kỳ xây dựng đài tưởng niệm những người Mỹ bị chết ở Việt-nam. « trong cuộc chiến tranh duy nhất mà Huê-kỳ thua trận », như báo chí Huê-kỳ đã nói. Trên bức tường bằng đá hoa cương đen của đài tưởng niệm này có khắc tên 57 692 người Mỹ bị chính phủ Mỹ đưa đi làm bia đỡ đạn mà phải bỏ mạng ở Việt-nam.

Nhà cầm quyền Mỹ chủ trương xây dựng đài tưởng niệm chiến bại Việt-nam để làm gì? Tổng thống Mỹ Ri-gân vừa đề ra chiến lược quân sự mới, chiến lược « đụng đầu trực tiếp » với Liên-xô và ba đồng minh cách mạng trên thế giới. Ông ta cần nhiều bia đỡ đạn để thực hiện chiến lược quân sự đó. Nhưng nhân dân Mỹ, nhất là thanh niên Mỹ chưa hết choáng váng vì thất bại ở Việt-nam, tỏ ra thờ ơ đối với chiến lược quân sự của ông Ri-gân. Ông ta bèn nghĩ ra một kế hay. Cùng với việc chi tiêu 1600

tỷ đô la sản xuất vũ khí giết người hàng loạt, ông ta bỏ ra mấy triệu đô la xây dựng « đài tưởng niệm các cựu chiến binh ở Việt-nam » để kích động tinh thần hiếu chiến trong nhân dân Mỹ, nhất là trong thanh niên Mỹ. Xây dựng đài tưởng niệm này giới cầm quyền Mỹ giả vờ tỏ lòng biết ơn đối với những người « hy sinh cho nước Mỹ ». Sự biết ơn này rõ ràng là thiếu ở nước Mỹ ngày nay vì các cựu chiến binh Mỹ từ Việt-nam trở về đều nhận thấy rằng « không có ai tỏ chức đón tiếp họ khi họ trở về » như báo Mỹ đã đưa tin. Xã hội Mỹ chẳng hề bù đắp cho những cựu chiến binh Mỹ đã mất một cánh tay hay một bàn chân trong chiến tranh Việt-nam, hoặc cơ thể bị hủy hoại do hậu quả kéo dài của chất độc màu da cam.

Xây dựng đài tưởng niệm chiến bại Việt-nam giới cầm quyền Mỹ nhằm kích động « tinh thần phục thù » chống Việt-nam hòng nhờ đó mà « hòa giải xã hội Mỹ », mà « đoàn kết nước Mỹ sau lưng tổng thống ».

Giới cầm quyền Mỹ đã đặt rất nhiều hy vọng vào tác dụng của đài tưởng niệm này. Nhưng sau khi được dựng lên và tỏ chức khánh thành, đài tưởng niệm chiến bại Việt-nam đã đem lại những hậu quả mà giới cầm quyền Mỹ không hề lường trước.

Cũng như cuộc chiến tranh Việt-nam, đài tưởng niệm chiến tranh Việt-nam đang chia rẽ nước Mỹ. Các

báo Mỹ quả quyết rằng nó « sẽ không hàn gắn được những sự chia rẽ về vấn đề Việt-nam ».

Nhân việc khánh thành đài tưởng niệm, tờ báo Mỹ *Bưu điện Oa-sinh-ton* ra ngày 9-11-1982 nhắc đến tác động cuộc chiến tranh Việt-nam đối với nước Mỹ: « Nó đã trở thành mối quan tâm bao trùm của Mỹ. Nó đã làm thay đổi quan niệm cũ của chúng ta về bản thân chúng ta và về đất nước chúng ta và đã tàn phá trung tâm của đời sống nước Mỹ năm này qua năm khác ».

Tờ *Thời báo Niu-do* ngày 11-11-1982 đăng xã luận khẳng định rằng tên những người lính Mỹ chết ở Việt-nam khắc trên đài tưởng niệm đã « gọi cho người ta nhớ đến cuộc khủng hoảng lịch sử về quyền lực mà Việt-nam đã gây ra cho xã hội Mỹ ».

Tờ *Bưu điện Oa-sinh-ton* ngày 9-11-1982 viết: « Đài tưởng niệm cũng như bất cứ điều gì gọi đến Việt-nam đều làm tăng lên cuộc tranh cãi xấu xa và gây ra một đợt mới của sự chúi rủa ».

Tờ báo Tây Đức *Thời sự Fran-phước* ra ngày 9-11-1982 viết: « Đài tưởng niệm các cựu chiến binh Mỹ ở Việt-nam đang làm sôi sục dư luận Mỹ ». Về cuộc tranh luận ở Mỹ về đài tưởng niệm đó, tờ báo này viết rằng ở Mỹ những người tán thành chiến tranh Việt-nam thì cho đó là thời kỳ của chủ nghĩa anh hùng, còn những người phản đối chiến tranh Việt-nam thì coi đó là việc lợi dụng và đánh lừa thanh niên Mỹ.

Tạp chí *Tám gương* xuất bản ở Tây Đức số ra đầu tháng 11-1982 đã viết: « Giống như cuộc chiến tranh Việt-nam trước đây, một đài tưởng niệm cuộc chiến tranh này hiện đang chia rẽ dân tộc Mỹ ».

Từ ngày đài tưởng niệm chiến bại Việt-nam được dựng lên ở Mỹ, nhiều người dân Mỹ đã đến tìm đọc tên những người thân của mình trên

bức tường của đài tưởng niệm đó. Có người tìm mãi vẫn không thấy tên người thân của họ mặc dù người thân của họ đã bỏ mình trong chiến tranh Việt-nam. Danh sách binh sĩ Mỹ tử trận trong chiến tranh Việt-nam do chính phủ Mỹ công bố và được khắc lên đài tưởng niệm rất không đầy đủ so với tổng số người Mỹ đã thực tế bỏ mạng trên chiến trường Việt-nam. Thủ đoạn lừa dối của nhà cầm quyền Mỹ nhằm giảm bớt tổn thất về nhân mạng trong chiến tranh Việt-nam do việc dựng đài tưởng niệm này mà bị lật tẩy.

Giới cầm quyền Mỹ xây dựng đài tưởng niệm nhằm kích động thanh niên Mỹ xông vào chiến tranh không điều kiện; nhưng tờ *Thời báo Niu-do* ra ngày 11-11-1982 lại viết: « Hãy đề cho đài tưởng niệm đó nói lên điều cam kết là Mỹ sẽ không gửi vô điều kiện thanh niên đi làm chiến tranh nữa ».

Ngày 11-11-1982, khi đi điều qua đài tưởng niệm này, một cựu chiến binh hải quân Mỹ, Giem Ma-hô-nây khua tấm biển có dòng chữ: « Không cần chiến tranh nữa, không cần những lời dối trá nữa, không cần những đài tưởng niệm bằng đá nữa ».

Các cựu chiến binh Mỹ gọi đài tưởng niệm này là « nấm mồ tập thể » của các cựu chiến binh Mỹ trong chiến tranh Việt-nam.

Xây dựng đài tưởng niệm các binh sĩ Mỹ bỏ mình trong chiến tranh Việt-nam, giới cầm quyền Mỹ nhằm mục tiêu tuyên mộ được nhiều thanh niên Mỹ ra làm bia đỡ đạn cho họ. Nhưng hậu quả của việc xây dựng đài tưởng niệm hoàn toàn trái ngược với mục tiêu mà họ đã đề ra.

Rõ ràng đài tưởng niệm chiến bại đề tưởng niệm một cuộc chiến tranh phi nghĩa chỉ có thể đem lại tinh thần chiến bại cho chiến tranh phi nghĩa.

PHƯƠNG-SON

«ТАПЧИ КОНГШАН» № 12 — 1982 г.

ПЕРЕДОВАЯ — Неустанно крепить оборону, надежно защитить социалистическое Отечество. ★ ★ ★ — Большой праздник всего прогрессивного человечества. **ХОАНГ ВАН ТХАЙ** — Создание и развитие мощи тыла в войне Сопротивления против империализма США, за спасение родины. **Г. БУДАЙ** — В созвездии советского сотрудничества. **ОБМЕН МНЕНИЯМИ** — Ценности духовной культуры Вьетнама (продолжение № 11). (Нгуен Кхань Тоан, Фан Гюн Ле, Нгуен Тай Тхы, Буй Ван Нгуен, Ле Суан Ву, Ван Тао). **ТХАНЬ ТИНЬ** — 10 лет назад наш народ уже успешно отражал нападения с воздуха летающих крепостей «В 52» американского империализма. **НЬУАН ВУ** — О военной стратегии «прямое противодействие» администрации Рейгана. **КОММЕНТАРИЙ** — **ФЫОНГ ШОН**. — Памятник разгрому.

REVIEW OF COMMUNISM № 12-1982

Editorial — We Must Incessantly Strengthen Our National Defence and Successfully Safeguard Our Socialist Homeland ★ ★ ★ — A Great Festival of All Progressive People. **HOÀNG-VĂN-THÁI** — Building-Up and Bringing into Full Play of the Potentialities of the Rear Areas in the Anti-U. S. Resistance for National Salvation. **G. BUDAI** — In the Constellation of the Soviet Fraternity **Exchange of Views** — Vietnam's Cultural Spiritual and Values (by Nguyễn-Khánh-Toàn, Phan-Huy-Lê, Nguyễn-Tài-Thư, Bùi-Văn-Nguyễn, Lê-Xuân-Vũ and Văn-Tạo) (Continued). **THÀNH-TÍN** — Ten Years Ago Our Armed Forces and People Defeated the Strike of B52 Flying Fortresses of U. S. Imperialists. **NHUẬN-VŨ** — On the Military Strategy of «Direct Confrontation» of the Reagan Administration. **Comment** ★ **PHƯƠNG-SƠN** — A Monument for a Dénâcle

REVUE DU COMMUNISME № 12-1982

Editorial — Sans cesse consolider la défense de notre Patrie socialiste. ★ ★ ★ — Une grande fête de l'humanité progressiste. **HOÀNG-VĂN-THÁI** — L'édification et la valorisation de la puissance de l'arrière lors de la résistance anti-américaine. **G. BOUDAI** — Dans la constellation de la fraternité soviétique. **Echange de vues** — Les valeurs de la culture spirituelle du Vietnam (suite du No 11) (Nguyễn-Khánh-Toàn, Phan-Huy-Lê, Nguyễn-Tài-Thư, Bùi-Văn-Nguyễn, Lê-Xuân-Vũ, Văn-Tạo). **THÀNH-TÍN** — Il y a dix ans, notre peuple et notre armée ont mis en échec l'offensive stratégique des B52 américains. **NHUẬN-VŨ** — Sur la stratégie militaire dite de l'«affrontement direct» de l'administration Reagan. **Commentaire** ★ **PHƯƠNG-SƠN** — Un monument à la défaite.

REVISTA DEL COMUNISMO № 12-1982

Editorial — Consolidar sin cesar la defensa nacional y defender firmemente la patria socialista. ★ ★ ★ — La gran fiesta de toda la humanidad progresista. **HOÀNG-VĂN-THÁI** — La edificación y el despliegue del potencial de la retaguardia en la resistencia a la agresión yanqui por la salvación nacional. **G. BUDAI** — La hermandad entre las Repúblicas de la Unión Soviética. **Intercambios de opiniones** — Los valores de la cultura espiritual de Viet Nam (continuación del No 11) (Nguyễn-Khánh-Toàn, Phan-Huy-Lê, Nguyễn-Tài-Thư, Bùi-Văn-Nguyễn, Lê-Xuân-Vũ, Văn-Tạo). **THÀNH-TÍN** — La hazaña de nuestro ejército y pueblo contra los raids de los aviones estratégicas B52 de Estados Unidos diez años atrás. **NHUẬN-VŨ** — Sobre la estrategia militar llamada «El afrontamiento directo» de la administración de Reagan. **Comentario** ★ **PHƯƠNG-SƠN** — Monumento a la derrota.

TẠP CHÍ CỘNG SẢN

Số 12

1982

NĂM THỨ XXVII (324)

TRỤ SỞ BỘ BIÊN TẬP:

1, Nguyễn-Thượng-Hiền, Hà-nội

Dây nói: 52061, 52062

TRỤ SỞ CƠ QUAN THƯỜNG TRÚ
TẠI MIỀN NAM:

19, Duy-Tân, T. P. Hồ-Chí-Minh

Dây nói: 25768, 22040

MỤC LỤC

Xã luận — Không ngừng củng cố quốc phòng, bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa	1
★ ★ ★ — Ngày hội lớn của cả loài người tiến bộ	5
HOÀNG-VĂN-THÁI — Xây dựng và phát huy sức mạnh của hậu phương trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước	11
G. BU-DAI — Trong chùm sao của tinh anh em xô viết	20
Trao đổi ý kiến — Giá trị văn hóa tinh thần của Việt-nam (tiếp theo số 11) (Nguyễn-Khánh-Toàn, Phan-Huy-Lê, Nguyễn-Tài-Thư, Bùi-Văn-Nguyên, Lê-Xuân-Vũ, Văn-Tạo)	25
THÀNH-TÍN — Cách đây 10 năm quân và dân ta đã đánh thắng cuộc tập kích bằng pháo đài bay B52 của đế quốc Mỹ	46
Sinh hoạt tư tưởng ★ TRUNG-THÀNH — Tệ ăn cắp của công	52
ĐÍCH-VĂN — Giới thiệu đường lối mác xít lê nin nit Việt-nam ra nước ngoài	55
NHUẬN-VŨ — Về chiến lược quân sự “đổi đầu trực tiếp” của chính quyền Ri-gan	57
LÊ-DÌNH-SỸ — Toàn dân là lính, cả nước chung sức đánh giặc	62
Bình luận ★ PHƯƠNG-SƠN — Dài tướng niệm chiến bại	69

SỬA LẠI

Trong Tạp chí Cộng sản số 11-1982:

- Trang 59, cột 1, dòng 11 — 12, xin đọc: ngày xưa và gần đây
- Trang 67, cột 1, dòng 13 từ dưới lên: Bảo-Đại khoe

KỶ NIỆM LẦN THỨ 60 NGÀY THÀNH LẬP LIÊN BANG CỘNG HÒA
XÃ HỘI CHỦ NGHĨA XÔ VIỆT (30 - 12 - 1922 — 30 - 12 - 1982)

書公司
UB. SERVI

Title
10

Tìm đọc:

LÊ - DUÂN

Đoàn kết và hợp tác toàn diện với Liên-xô là nguyên tắc, là chiến lược và tình cảm của chúng ta

★★★

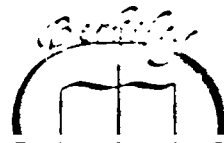
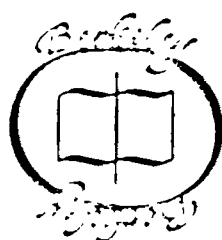
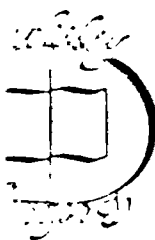
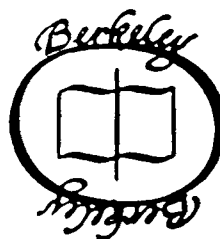
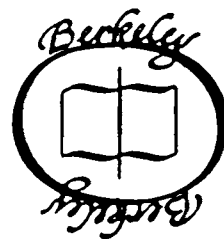
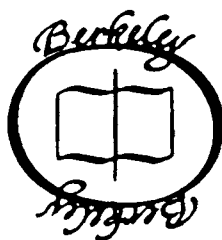
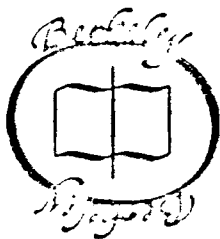
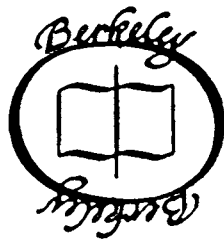
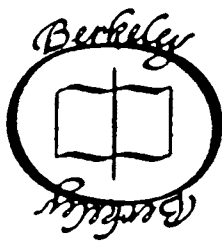
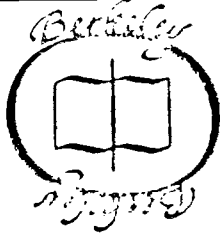
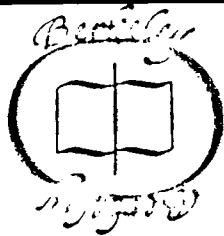
Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô viết

★

L. I. BRÊ-GIƠ-NÊP

Đoàn kết với Việt-nam là mệnh lệnh của trái tim và trí tuệ

NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT

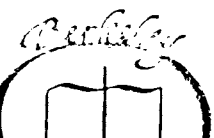
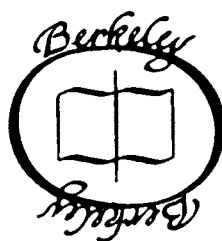
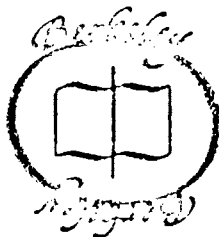
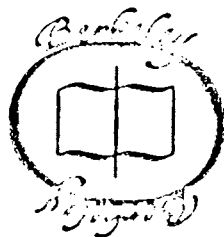
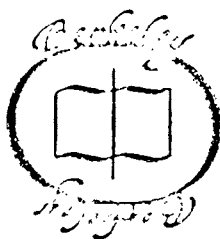


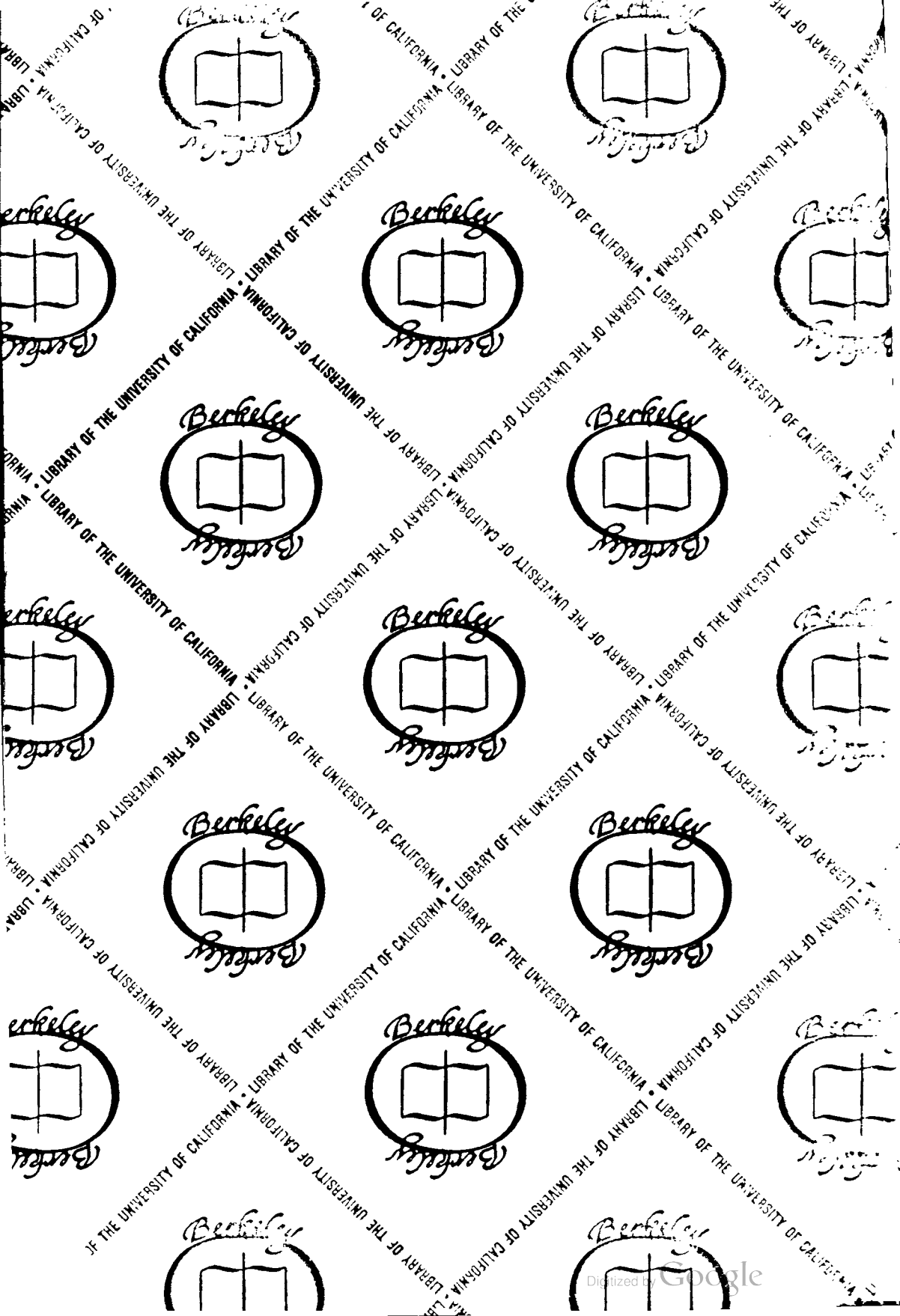


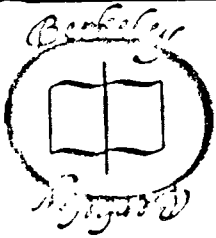
GENERAL LIBRARY - U.C. BERKELEY



8000288617







GENERAL LIBRARY - U.C. BERKELEY



8000288617

